LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 189

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

SỐ 2077
(QUYỂN 11 →36)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2077

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 11

MỤC LỤC

1. Thiền sư Tuệ Thông ở Quy tông
2. Thiền sư Tuệ Hiến ở Hưng giáo
3. Thiền sư Nhã ở Sùng phước (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Quý An ở Sùng phước
5. Hòa thượng Đại Quy (hai vị trên hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Liên ở Dục vương, có hai mươi ba vị:

1. Thiền sư Giới Bật ở Phật Nhật
2. Thiền sư Thận Huy ở Thiên cung
3. Thiền sư Duy Lâm ở Kính sơn
4. Thiền sư Tư Thắng ở Lâm bình
5. Am chủ Chánh Ngạn ở Di-đà (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Bảo Giác ở Kim sơn
7. Thiền sư Sùng Hải ở An nham
8. Thiền sư Lợi Hòa ở Quảng tuệ
9. Thiền sư Đạo Tín ở Minh tiên
10. Thiền sư Văn Hỷ ở Phụng hoàng
11. Thiền sư Đạo Vinh ở Phật Nhật
12. Thiền sư Hồng Đức ở Vạn thọ
13. Thiền sư Đồng Định ở Tinh nghiêm
14. Thiền sư Hữu Hinh ở Bảo vân
15. Thiền sư Trí Hoa ở Đông thuyền
16. Thiền sư Trí Hiền ở Đông thiền
17. Thiền sư Hưng Từ ở Cực lạc
18. Thiền sư Xử Trung ở Phổ tiên
19. Thiền sư Hy Trọng ở Thạch môn
20. Thiền sư Thụy ở Giải không
21. Thiền sư Trí Hoàn ở Ngũ lỗi
22. Thiền sư Tông Lợi ở Hiển Thánh
23. Cư sĩ Tôn giác Tân Lão (mười tám vị trên không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tri ở Linh ẩn, có hai vị:

1. Thiền sư Chánh Đồng ở Linh ẩn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thủ Siêu ở Tuyết Phong (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giản ở Thừa thiên, có hai vị:

1. Thiền sư Lợi Nguyên ở Trí giả

2. Thiền sư Tăng Ấn ở Thụy an (hai vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giám Thiều ở Cửu phong, có một vị:
1. Thiền sư Pháp Anh ở Đại mai (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông ở Xứng tâm, có một vị:
1. Thiền sư Nghiêu ở Tuệ nhật (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lan ở Báo bản, có hai vị:
1. Thiền sư Khả Tuân ở Trung tế
2. Thượng tọa Pháp Minh (2 vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Minh ở Xứng tâm, có một vị:
1. Thiền sư Quang Tịch ở Thượng lam (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông ở Thừa thiên, có chín vị:
1. Thiền sư Liễu ở Sùng phước
2. Thiền sư Thủ Minh ở Thừa thiên
3. Thiền sư Hữu Tùng ở Phụng hoàng
4. Thiền sư Đức Toàn ở Đại long
5. Thiền sư Pháp An ở Hải ấn (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Đàm Ngọc ở Côn sơn
7. Thiền sư Sư Tuấn ở Nhân thắng
8. Thiền sư Trọng tuấn ở Pháp vũ
9. Thiền sư Tùng Lợi ở Hộ quốc (bốn vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phước ở Trường lô, có sáu vị:
1. Thiền sư Hòa ở Quảng tuệ (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Chân Giới ở Bảo ninh
3. Thiền sư Pháp Hải ở Trường lô
4. Thiền sư Sơ Thiều ở Thọ ninh
5. Thiền sư Văn Nhã ở Tư phước
6. Thiền sư Tuệ Vân ở Tam tổ (năm vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hòa ở Thiên y, có hai vị:
1. Thiền sư Chí Chuyên ở Bồ-đề (hiện có ghi lục)

2. Thiền sư Quang Dụng ở Bồ-đề (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tề ở Vân cư, có năm mươi sáu vị:

1. Thiền sư Khế Hoài ở Vân cư
2. Thiền sư Văn Thắng ở Linh ẩn
3. Thiền sư Nghĩa Hải ở Thụy nham
4. Thiền sư Trí Toàn ở Quảng tuệ
5. Thiền sư Cư Hú ở Bảo phước
6. Thiền sư Duy Tú ở Nam minh
7. Thiền sư ở khê
8. Thiền sư Quảng Trí ở Vạn sam
9. Thiền sư Hư Bạch ở Kim nga
10. Thiền sư Hồng ở Thúy phong
11. Thiền sư Phổ ở Thượng lam (mười một vị hiện có ghi lục)
12. Thiền sư Ngộ Thừa ở Long hoa
13. Thiền sư Hành Tư ở Báo ân
14. Thiền sư Chiêu Viễn ở Chương giang
15. Thiền sư Hồng ở Hưng quốc
16. Thiền sư Cư Uẩn ở Dương kỳ
17. Thiền sư Tử Huyền ở Cửu phong
18. Thiền sư Linh Tân ở Nga hồ
19. Thiền sư Tử Tài ở Vân long
20. Thiền sư Nhạc ở Tam tổ
21. Thiền sư Ngộ Tân ở Vân đậu
22. Thiền sư Nghĩa Viên ở Báo bản
23. Thiền sư Trí Cảo ở Kiến sơn
24. Thiền sư Đức Hải ở Dương kỳ
25. Thiền sư Tử Trừng ở Thượng phương
26. Thiền sư Hội Bình ở Hòa thành
27. Thiền sư Trí Thông ở hóa
28. Thiền sư Đức Viên ở Tượng điền
29. Thiền sư Cư Tố ở Dục vương
30. Thiền sư Lợi Nhu ở Viên thông
31. Thiền sư Hoài Đoan ở La-hán
32. Thiền sư Tự Nham ở Hóa thành
33. Thiền sư Trăng ở Tiến phước
34. Thiền sư Tử Xướng ở hóa

35. Thiền sư Hữu Trung ở Long hoa
36. Thiền sư Cư Diệu ở Hiển Thánh
37. Thiền sư Tuệ Chấn ở Vân cư
38. Thiền sư Thiện Năng ở Hưng hóa
39. Thiền sư Giác Minh ở Bắc thiền
40. Thiền sư Đạt ở Tuệ nhật
41. Thiền sư Chân ở Cam lồ
42. Thiền sư Hiển ở Đông thiền
43. Thiền sư Vĩnh Nhu ở Nhạc sơ
44. Hòa thượng Văn Tỉnh ở Bân châu
45. Hòa thượng Trí Viễn ở Minh châu
46. Hòa thượng Thừa Nhà ở Việt châu
47. Hòa thượng Ngạn Thuyên ở Nam nhạc
48. Hòa thượng Nghĩa Thuyên ở Tây thục
49. Hòa thượng Huyền Thúy ở An đức
50. Hòa thượng Nghĩa Huân ở Huyền tịch
51. Hòa thượng Nhân Giám ở Nhiêu châu
52. Hòa thượng Bảo Lân ở Phủ châu
53. Đường chủ Tỉnh ở Nam sơn
54. Hòa thượng Huệ Hồng ở Chánh khánh
55. Sơn chủ Tuệ Chiêu ở Lộc môn
56. Hòa thượng Khánh Tư ở Tô châu (bốn mươi lăm vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Kha ở Công thần, có bốn vị:
1. Thiền sư Hạo Xiêm ở Nghiêu phong
2. Thiền sư Chí Thăng ở Thánh thọ
3. Thiền sư Thủ Như ở Công thần (ba vị có ghi lục)
4. Thiền sư Hoài Cổ ở Bảo hoa (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trừng Thục ở Thê hiền, có mười một vị:
1. Thiền sư Duy Nhất ở Hưng giáo
2. Thiền sư Thể Nhu ở Tây dư
3. Sơn chủ Duy Tố ở Định sơn
4. Thiền sư Tỉnh Hiền ở Phước nghiêm
5. Thiền sư Trí Tề ở Ngưỡng sơn (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Trí Thông ở Thê hiền

7. Thiền sư Tông ở Thạch Phật
8. Thiền sư Giác ở Đông thiền
9. Thiền sư Duy Tắc ở Tuyết đậu
10. Thiền sư Vinh ở Tây dư
11. Hòa thượng Phước Nghiêm ở Nam nhạc (sáu vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lâm ở La-hán, có mười lăm vị:

1. Thiền sư Tán ở Trường lô
2. Thiền sư Chiêu Ái ở Chi đề
3. Thiền sư Đạo Thành ở Linh phong
4. Thiền sư Trạch Hòa ở Ngưỡng sơn
5. Thiền sư Đạo Trân ở Sùng thắng
6. Thiền sư Trí Tĩnh ở Phú lạc
7. Thiền sư Thiệu Trân ở Tuệ lực
8. Thiền sư Khánh Thông ở Thái ninh (tám vị hiện có ghi lục)
9. Thiền sư Hiểu ở Hà sơn
10. Thiền sư Tuệ ở Hưng quốc
11. Thiền sư Ý Tuyên ở Vạn sam
12. Thiền sư Chiêu Đạt ở Chương giang
13. Thiền sư Tề Nhân ở La-hán
14. Thiền sư Sở Tề ở Sùng thắng
15. Thiền sư Truyền Tấn ở Báo ân (bảy vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khanh ở Phụng thê, có một vị:

1. Thiền sư Thông ở Phụng thê (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sản ở Vạn sam, có một vị:

1. Thiền sư Đức Tung ở Pháp hoa (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sở ở Vĩnh an, có một vị:

1. Thiền sư Trọng Tú ở Sơ sơn (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đôn ở Tuyết phong, có một vị:

1. Thiền sư Thiện Dự ở Tuyết phong (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tế ở Cảnh , có bốn vị:
1. Thiền sư Nhật Kiệm ở Hà sơn
2. Thiền sư Biện Sầm ở Thừa thiên
3. Thiền sư Tự Năng ở Thừa thiên
4. Thiền sư Tử Uyên ở Thúy phong (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đồng ở Càn minh, có bốn vị:
1. Thiền sư Trí Thường ở Song trì
2. Thiền sư Động ở Hợp châu
3. Thiền sư Thường Oánh ở Phổ ninh
4. Thiền sư Thiện Viên ở Nam đại (bốn vị không ghi lục).

*****

ĐỜI THỨ MƯỜI HAI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẤN Ở VÂN CƯ.

1. Thiền sư Pháp Tuyền ở Tương sơn.

Thiền sư Pháp Tuyền - Phật Tuệ ở Tương sơn tại Kim lăng, vốn con dòng họ Thời ở Tùy châu. Có vị Tăng hỏi: “Nơi người xưa nói chẳng đến, xin Sư nói Sư nói?” Sư đáp: “Phu Tử vào Thái miếu”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu?” Sư đáp: “Xuân ấm cành liễu xanh”. Lại hỏi: “Thế nào là câu cấp thiết?” Sư đáp: “Lửa đốt lông mày”. Lại hỏi: “Tổ sư Đạt-ma ngồi xoay mặt vách tường chín năm, ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Nâng trời chống đất”. Lại hỏi: “Tiến lúc nào đi thì thế nào?” Sư đáp: “Lạc bảy rơi tám”. Lại hỏi: “Nhị tổ đứng tuyết phủ ngang eo ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Ba năm gặp một tháng nhuần”. Lại hỏi: “Vì sao phó pháp truyền y?” Sư đáp: “Thêm rượu đủ người nấu bán”. Lại hỏi: “Hoa sen lúc chưa ra khỏi mặt nước thì thế nào?” Sư đáp: “Tây-cù-da-ni”. Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi mặt nước thì thế nào?” Sư đáp: “Đại Thánh ở Tứ châu”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Vị Tăng tóc dài dáng mạo xấu xí”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?’ Sư đáp: “Đóng cửa sợ trời lạnh”. Lại hỏi: “Nam Thiền Kiết Hạ, tại sao tức tại Tương sơn giải hạ?” Sư đáp: “Các dông đều về biển hết”. Lại hỏi: “Thế nào là sự việc đồng một nhà?” Sư đáp: “Trong mộng đến quê nhà”.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đến chẳng đến, đi chẳng đi, dưới cẳng chân là núi Tu-di, sau đầu óc trụ chống trời, với đại tạng

chẳng thể hoàng truyền, với Phật nhãn chẳng thể trông nhìn. Chư vị Thiền đức, dần già gặp xuân hiểu tiếc xuân, hôm qua hoa bay rơi vô số". Lại có lúc lên giảng đường, Sư họa vẽ một tướng vòng tròn, đưa tay ấn lên đó và bảo: "Các vị có thấy chăng? Tròn trặn lìa núi biển, dần dần ra đường mây. Nếu các người chưa thấy, chớ nói Trưởng lão Nam Minh bày tướng lớn tức ở trên tòa vua hoa báu nghĩ nhớ thơ trăng rằm tháng tám. Còn nếu thấy được thì đêm nay một vòng tròn đầy, sáng sạch chẳng nơi nào không". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cần đi chẳng được đi, cẩn ở chẳng được ở, đánh phá ải lớn tan, cởi liền khố nàng sinh, các nhân giả. Nếu đến ngày ba mươi tháng chạp, hãy nói dùng cái gì?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Tơ liễu theo gió từ Đông từ Tây". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa là gì, Nam thiền chẳng là gì, người xưa chẳng là gì, Nam thiền tức là gì. Đại chúng ủy tất chăng? Áo đơn Vương Bà ngắn, khăn vàng Lý Tứ dài". Lại nhân Thánh tiết, lên giảng đường, Sư nắm cây gậy gõ xuống pháp tòa một cái và bảo; "Đem công đức này hồi hướng cầu chúc Thánh thọ lâu dài". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc mọi người muốn biết đường của Nam thiền, trước cửa có cây tùng lớn, dưới cẳng chân rõ ràng chẳng nhiều dấu vết. Không làm sao hành nhân nào đi, chớ mặc đi gấp xoay đầu nhìn lại, lầu đài khói tỏa nơi chuông ngân". Nhân lúc tuyết xuống, lên giảng đường, Sư gọi đại chúng nhóm tập và bảo: "Có người nào thấy qua được sắc màu này chăng?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Văn Thù cười, Phổ Hiền sân, trong mắt không gân một đời nghèo bần, cùng gặp cuối đường nghỉ Quan đi. Dưới rừng nào từng thấy một người". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khoái người một lời, khoái ngựa một roi, nếu tròng mắt lại định động, chưa khỏi dây gai buộc trong giấy. Dưới chân là đất, trên đầu là trời, chẳng tin chỉ xem trong khoảng tháng tám tháng chín, lá vàng rơi lả tả khắp núi non".

Đến lúc tuổi già, Sư vâng phụng sắc chiếu thỉnh mời đến ở chùa Đại tướng quốc, chùa thiền Trí hải. Sư hỏi đại chúng: "Đến Trí hải, dừng ở Tương sơn đi đến nhà ai?" Đại chúng im lặng không ai trả lời. Sư đòi lấy bút viết bài kệ rằng:

Phi Phật phi tâm nhọc nghĩ bàn
Được da được tủy dối thương lường
Sắp đi, trân trọng các Thiền bạn
Ngoài cửa ngàn núi đang lắng chiều".

Viết xong, Sư an tọa mà thị tịch.

2. Thiền sư Đạm Giao ở Thiên đồng.

Thiền sư Đạm Giao ở Thiên đồng tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Các Lâm vân rộng, núi Thái bạch cao, ở đó làm sao bước đến?" Sư đáp: "Chỉ tầm nói khoảng cỏ hoang, chớ hỏi mây trắng sâu". Lại hỏi: "Chưa xét rõ câu thoại hiểu như thế nào?" Sư đáp: "Hàng Sơn gặp Thập Đắc, cả hai một lúc si". Lại hỏi: "Với sự hướng thượng Tông thừa lại phải cử xướng như thế nào?" Sư đáp: "Lời trước chẳng kịp lời sau". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cũng rất kỳ, cũng rất sai, mười đầu ngón tay có tám ngón nứt nẻ. Từ trước đến nay ít nhiều rành rẽ, chẳng dùng tán rùa đánh ngoái sỏi". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

3. Thiền sư Dư ở Sùng phạm.

Thiền sư Dư ở Sùng phạm tại Kiến châu. Có vị Tăng hỏi: "Lâm Tế hét la nên ắt gặp người tri âm, Đức Sơn đánh đập nên khó gặp được Tác gia. Còn Hòa thượng ngày nay sống thế nào?" Sư đáp: "Sơn Tăng bị nhà ngươi hỏi một câu, ngay đây được lùi ba bước, cột xương sống toát mồ hôi". Lại nói: "Tác gia Tông sư ngày nay mới gặp gỡ". Sư bảo: "Một lời thương người, ngàn lưỡi dao khua rối ruột". Vị Tăng ấy đưa tay họa vẽ một đường, tiếp nói: "Tránh sao cái ấy nào?" Sư đáp: "Giặc cỏ đại bại". Lại hỏi: "Sao lại đến người, Sư có tiếp chăng?" Sư đáp: "Núi lẽ không khách nghỉ qua đêm". Lại hỏi: "Không sao lại đến người, Sư có tiếp chăng?" Sư đáp: "Khe cao không thuyền dừng lại". Lại hỏi: "Sao và chẳng sao thì tạm đặt, còn một câu xuyên qua đầu lâu lại làm sao sống?" Sư đáp: "Rất đáng cười cũng ra đáng thương". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngay phải hướng đến đậu đen lúc chưa nẩy mầm dất lấy". Ngừng giây lát, Sư gọi đại chúng và tiếp bảo: "Kiếm đi lâu vậy".

4. Thiền sư Tu Tuệ ở Từ vân.

Thiền sư Tu Tuệ - Viên Chiếu ở viện Từ vân tại Xử châu. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mảnh trăng lặn đầm lạnh, mây mỏng đầy trời xanh. Nếu đối với người đạt đạo hay khéo cái tin tức thật. Lại có người đạt đạo chăng? Mây mỏng xuyên qua đầu lâu các ngươi, mảnh trăng xúc chạm vào lỗ mũi các ngươi. Trân trọng".

5. Thiền sư Tử Lương ở Trường nhĩ.

Thiền sư Tử Lương ở Trường nhĩ; Nam sơn tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc sáu tháng thôi nghỉ hết thì thế nào?" Sư đáp: "Ở nhà đặt làm quan". Lại hỏi: "Bỗng nhiên gặp khách đến, tiếp đãi như thế nào?" Sư đáp: "Gặm nhai gió trong mát, ăn no vầng trăng sáng". Lại hỏi: "Người học có phần ấy không?" Sư đáp: "Không nói xuống miệng". Và

Sư mới bảo: “Chim oanh hót trên cây liễu biết, chim hộc ngâm ở cành hoa, ngay khi ấy dâng được nơi đầu lâu phát sáng, lại có một đạo lý, phòng ngại mầm đổ dẫn ở an nghĩ ngợi cao nguy, là nói gì ư?”

6. Thiền sư Oánh ở Khai nguyên.

Thiền sư Oánh ở Khai nguyên tại Kiến châu, lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Có một mặt kiếng đến nơi treo cao, phàm Thánh chẳng lại, ai trên ai dưới”. Xong, Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: “Cái này là cây gậy, cái kia là kiếng”. Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Ngàn xưa đầm biếc trăng khoảng trời, ba phen nhặt lọc mới ứng biết”. Và Sư mới bảo: “Thoáng thoáng chợt chợt vọt hiện phía Đông, chìm lắng phía Tây, không hại không thương suyên da thấu cốt, ứng dụng bình đẳng phi Phật phi tâm, đè phá mặt cửa là cái vật gì? Người xưa không đầu mối gọi là chim cốt trời xa, kẻ không mắt xem lấy gắng sức miệng mong cầu ôi ối”. Xong, Sư nắm phất trần gõ vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỮU Ở ĐẠI QUY.

1. Thiền sư Tuệ Thông ở Quy tông.

Thiền sư Tuệ Thông ở Quy tông tại Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là câu hộp đậy đất trời?” Sư đáp: “Ban ngày xuất hiện phương Đông ban đêm lặng ở phương Tây”. Lại hỏi: “Thế nào là câu cắt tuyệt các dòng?” Sư đáp: “Núi sắt nằm ngang giữa đường”. Lại hỏi: “Thế nào là theo gợn đuổi sóng?” Sư đáp: “Thuyền con xuống Dương châu”. Lại hỏi: “Thế nào là Trần trần Tam-muội?” Sư đáp: “Tro bay lửa tán loạn”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Nước Hoàng hà rỉ ra mỏm Côn lôn”. Lại hỏi: “Trong mười hai thời khắc giẫm đạp như thế nào?” Sư đáp: “Trâu sắt giẫm bước cỏ xuân”. Lại hỏi: “Quảy một chiếc giày trở về Tây vức đáng vì việc gì? Sư đáp: “Vì duyên vui thích nơi sinh, chẳng là nhàm chán quê người”. Lại hỏi: “Thế nào là việc ngay trước mắt?” Sư đáp: “Dưới mắt, lỗ mũi duỗi xuống”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tâm tùy tướng khởi, thấy từ trần sinh. Rõ thấy bản tâm, biết tâm vô tướng, tức mười phương cõi nước trèn sáng trong từng khoảnh khắc, vô lượng pháp môn, tâm tâm đều có đủ. Phàm là như vậy, sao gá gốc Đông giác thành tham kiến Văn Thù, cửa lầu các mở mới thân hầu Di-lặc? Do đó nói: Tất cả các pháp môn trong vô lượng hải hội đồng nhóm tụ trong một pháp Đạo tràng”. Xong, Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: “Cái này là một pháp, cái kia là Đạo tràng, cái này là Đạo tràng, cái kia là một pháp”. Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Xem, xem, cây gậy xuyên qua đầu lâu các người, núi Tu-di đè phá lỗ mũi các người”. Rồi,

Sư đánh đài hương một cái, tiếp bảo: “Hãy hướng trong đó mà hiểu lấy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Từ không vào có dễ, từ có vào không khó, có không đều nơi hết, vả lại chớ từ mập mờ cử lại xem. Hàn Sơn Thập đắc kính lễ Phong can”.

2. Thiền sư Tuệ Hiến ở Hưng giáo.

Thiền sư Tuệ Hiến ở Hưng giáo, Đại an tại An châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ta có một cây gậy, tầm thường làm sao sánh ví, nhặt lại chẳng tại Nam sơn, cũng chẳng phải núi chắn bình phong ở phía Tây Côn lôn, nhón dậy đầy mắt tỏa sáng, buông xuống thì ngựa rồng rút cổ, đồng bạn như cũng mượn xem, trội ra trên trong mọi người”. Xong, Sư đánh đài hương một cái và xuống khỏi tòa.

3. Thiền sư Nhã ở Sùng phước.

Thiền sư Nhã ở Sùng phước tại Nhiêu châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Sùng phước?” Sư đáp: “Khánh đánh đêm trăng lạnh, hương đốt sáng mây bạc”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Tăng là Tăng, tục là tục”. Lại hỏi: “Hướng thượng lại có việc kỳ đặc không?’ Sư đáp: “Trên đảnh Tỳ-lô có mão vàng ròng”. Lại nói: “Lớp lớp được chỉ bày, ngàn xưa làm hương thơm lưu tỏa”. Sư bảo: “Cười giết người bên quán”.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LIÊN Ở DỤC VƯƠNG.

1. Thiền sư Giới Bật ở Phật Nhật.

Thiền sư Giới Bật - Tịnh Tuệ ở Phật Nhật tại Lâm an phủ. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Tỳ-lô Ấn?” Sư đáp: “Giày cỏ đạp tuyết”. Lại nói: Lại hỏi: “Người học chẳng hiểu?” Sư đáp: “Bước bước thành dấu vết”.

2. Thiền sư Thận Huy ở Thiên cung.

Thiền sư Thận Huy ở Thiên cung, tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tám vạn bốn ngàn môn Ba-la-mật, mỗi mỗi môn mở lớn. Ba ngàn đại thiên vi trần chư Phật, mỗi mỗi Phật giảng nói pháp, chẳng nói có, chẳng nói không, chẳng nói cũng có cũng không, sao là lìa tứ cú tuyệt Bách phi, cùng gặp đưa mắt chẳng người biết, đêm qua sương gió rò rỉ tin tức. Hoa mai vẫn như cũ chấp đầy cành lạnh”.

3. Thiền sư Duy Lâm ở Kính sơn.

Thiền sư Duy Lâm - Vô Úy ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người xứ Hồ châu. Mới đầu, Sư ở tại Đại minh, có vị Tăng hỏi: “Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai, Tông phong ấy ai người nối dõi?” Sư đáp: “Chẳng tại trước Phật Nhiên đăng, chẳng tại sau Phật Thích-ca”. Lại hỏi: “Tiện là

con cháu của Dục vương không?" Sư đáp: "Núi Thần nhạc cao, sông Vĩ diêm cấp". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Đại Minh?" Sư đáp: "Trên đảnh thần Loan hiên ngày ngồi, trong núi Hoàng hộc ngang đầu đi". Lại hỏi: "Chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Hiểu thì bèn hiểu, tìm ý chỉ gì". Vị Tăng ấy trân trọng bèn đi. Sư bảo: "Hãy nghe lấy một bài kệ". Và Sư nói kệ là:

"Gốc cây lửa tàn bay khói bạc
Trên thân lão Tăng trắng như tuyết
Lò đất mờ ngồi người không biết
Khỉ xanh núi Tây kêu trăng tỏ".

Xong, dừng đứng giây lâu.

4. Thiền sư Tư - Thắng Nhân ở Lâm bình.

Thiền sư Tư - Thắng Nhân ở Lâm bình tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Biết Sư từ lâu trong đãy có cất giấu vật báu, ngày nay giữa trường thử tạm mượn xem?" Sư đáp: "Vuông tròn không trong ngoài, xấu vụng mặc ông chê". Lại hỏi: "Thế nào là vầng trăng tâm riêng lẻ tròn sáng ngậm vạn tượng?" Sư đáp: "Chớ đem lá úa làm vàng thật". Lại hỏi: "Bồ-đề chẳng thể dùng tâm đắc, vậy Hòa thượng do đâu mà đắc?" Sư đáp: "Gã tài cần nhẫn". Và Sư mới bảo: "Nêu luận bàn việc này như nhật nguyệt sáng ngời giữa trời soi chiếu khắp tám hướng, kẻ mù không thấy, dưới đáy chén không biết chẳng phải nhật nguyệt không tỏ sáng, mới ngay sự chướng cách của con người. Nếu y cứ Tổ sư chánh khiến phỏng bàn nghị ngàn sai, thẳng phải đánh thấu khóa vàng ải huyền, mặc tình tung hoành diệu dụng". Xong, Sư đứng giây lâu.

5. Am chủ Chánh Ngạn ở Di-đà.

Am chủ Chánh Ngạn ở Di-đà tại Ôn châu, một ngày nọ đến lễ bái Thiền sư Lương ở Tuyết đậu. Thiền sư Lương hỏi: "Ông là chủ ở Di-đà hay không chủ ở Di-đà?" Am chủ đáp: "Có không chỉ tạm đạt để. Hòa thượng là có chủ Thiền sư hay không chủ Thiền sư". Thiền sư Lương bảo: "Tức bị Hồ lô buộc ngược dây leo". Am chủ hỏi: "Nói cái gì?" Thiền sư Lương phỏng đáp. Am chủ bèn phẩy tay áo mà đi ra, và nói: "Thấy mặt chẳng như nghe tên". Thiền sư Lương cười lớn: "Ha, ha". Đến chiều xin vào thất, mà Thiền sư Lương không chấp thuận. Am chủ mới có làm tụng rằng:

"Dao vàng cạo bỏ mớ tóc xanh
Cầu Phật cầu pháp cũng cầu chân
Mai vàng phân giao cho hành giả
Sư nay trao tay cho người nào?".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRI Ở LINH ẨN.

1. Thiền sư Chánh Đồng ở Linh ẩn.

Thiền sư Chánh Đồng - Viên Minh ở Linh ẩn tại Lâm an phủ. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đi đêm chẳng đạp trắng". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Hoàng Trương Ba, Mặc Lý Bốn".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIẢN Ở THỪA THIÊN

1. Thiền sư Lợi Nguyên ở Trí giả.

Thiền sư Lợi Nguyên ở núi Trí giả tại Vụ châu. Lúc lên giảng đường, nắm cây gậy, Sư bảo: "Đại dụng hiện tiền không còn khuôn phép. Phương Đông một chỉ đất trời tĩnh lắng, phương Tây một chỉ ngoái gạch nát tan. Phương Nam một chỉ Nam đẩu chạy trốn, phương Bắc một chỉ Bắc đẩu ẩn tàng, phương trên một chỉ đấp dính lỗ mũi đồng thời, phương dưới một chỉ xuyên qua khoảng nước Kim cang, trước mặt các người một chỉ thành được việc gì bên cạnh". Giây lâu, gõ xuống một cái và tiếp bảo: "Trên đường chỉ nai chạy, trước cửa đánh chó con".

2. Thiền sư Tăng Ẩn ở Thụy an.

Thiền sư Tăng Ẩn ở Thụy an tại Ôn châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Thể pháp thân?' Sư đáp: "Đầu lớn tai nhỏ. Lại hỏi: "Thế nào là Dụng pháp thân?" Sư đáp: "Nam Nguyên cày ruộng xong, dẫn trâu mang củi về". Lại hỏi: "Thế nào là ba thân chẳng phân?" Sư đáp: "Trùng lớn xem nước mài". Và Sư mới bảo: "Đem tâm hỏi Phật như trời xa, đem Phật cầu tâm, Đạo chuyển dài. Nếu gặp Vân Môn gặp lệnh chánh, phải dạy dưới gậy biết rắn rồng". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Người đủ mắt sáng nhìn lấy".

Đến ngày 13 tháng 09 năm Hy Ninh thứ mười (1077) thời Bắc Tống, Sư tắm gội thay y phục xong, lưu lại bài kệ rằng:

"Tựa không kiếm linh lạnh sáng nổi
Phật Tổ Ma Quân một nhận thâu
Mang trăng rống gió về hộp báu
Trâu sắt kinh tan đầu sông cong".

Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch, trà tỳ xong gom nhặt di cốt có được xá-lợi năm sắc.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIÁM THIỀU Ở CỬU PHONG.

1. Thiền sư Pháp Anh ở Đại mai.

Thiền sư Pháp Anh - Tổ Cảnh ở Đại mai tại Minh châu, vốn người dòng họ Trương ở Ngân huyện thuộc Bản châu. Mới đầu Sư ở Bạch mã tại Tương dương, ngày khai đường giảng pháp, sau khi hỏi đáp xong, Sư mới bảo: "Chí đạo không còn, đâu không còn vậy, chí ngôn không cùng, đâu có cùng vậy? Được đó thì sáng ngời như trước mắt, mất đó thì mảy may cách biệt. Cho nên tuy là một đại tạng giáo pháp nhưng chẳng là nhiều lời, một điểm Tỳ-da há cho là không ngôn ngữ , nên biết Phật Tổ trời người khác chẳng là vốn có, xấu tốt ngắn dài cũng chẳng là vốn không. Ngay đó để cử được vẫn còn tại giữa đường, cái việc ấy phải gặp người sáng mắt làm chứng cứ. Ngày nay bần đạo chẳng phí lãng công phu thi thiết, đem cử dương này dâng lên cầu chúc Phật pháp huy hoàng, hữu tình vô tình đồng chứng đắc vô sinh pháp nhẫn".

Tiếp sau đó, Sư đến ở Đại mai, Phán Tông Lưu Hậu Trọng chỉ một lần thấy gặp mà khế hợp tâm đạo, bèn tấu trình phong tặng đạo hiệu Sư. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ sư không hiểu thiền, Phật không hiểu đạo, học đạo và học thiền, các phương ồn náo mênh mông, hoặc lấy ngọc làm bụi trần, hoặc lấy đá làm vật báu, tham được một da bụng, đặc đất sinh phiền não. Chẳng phiền não giải hiểu, thế nào vào cỏ hoang? Gởi lời cùng các Đạo nhân học thiền. Bên đầu bạc trắng năm năm mới, thế nào lại cùng lão Đại Mai, cùng mở rộng ruộng vườn ăn cơm, một đời việc tham học hoàn tất. Trân trọng". Sư lại bảo: "Trước hết của ba mươi sáu tuần, đầu tiên của bảy mươi hai thời hầu, câu cuối cùng thì tạm đặt để, chỉ như đương đầu một câu làm sao sống? Nói". Xong, Sư nắm cây gậy lên, tiếp bảo: "Đầu năm nắm bút viết vạn sự đại cát, gấp gấp như luật lệnh". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Ghi nhớ được thôn Đông mặc Lý bốn, mỗi năm gồm viết tại trước cửa". Xong Sư chống cây gậy và xuống khỏi tòa. Có lúc Sư lại bảo:

"Duẫn quyết xuân sơn chánh mông nhung
Khéo nắm Hoàng Lương suốt Hiểu Thông
Chớ bảo Tây lai không ý ấy
Tổ sư vẻn vẹn trong bình bát. Tham".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG Ở XỨNG TÂM.

1. Thiền sư Nghiêu ở Tuệ nhật.

Thiền sư Nghiêu ở Tuệ nhật tại Bành châu, có vị Tăng hỏi: "Người xưa nói: Ta có một câu đợi người không lưỡi tức nói đến ngươi, nhưng chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Dưới cây không ảnh khéo thương lượng". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Ngoái vỗ băng tan".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LAN Ở BÁO BẢN.

1. Thiền sư Khả Tuân ở Trung tế.

Thiền sư Khả Tuân ở Trung tế tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư gọi: "Ôi, ôi, ôi! Tiếng kêu ty tỷ trong đáy giếng là vật gì? Ngay nhiều ba ngàn đại thiên cũng chỉ là cái hang quỷ. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Canh tư đêm qua thức dậy cười lớn ha ha không dứt, may khéo tỉnh một giấc ngủ, chuông sương khua làm hai dùi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hòa sơn Phổ Hóa gấp điên cuồng, đánh trống lắt linh đùa một trường, kiếp lửa đốt cháy nên nấu trà, gió chướng lớn làm khéo nương mát. Bốn rắn đồng tráp nhìn kia múa, hai chuột cắn dây chẳng tự lường. Biển xanh trăng tỏ nơi nào đi, khắp lạnh điện vàng, giường bạc trắng! Ôi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tám vạn bốn ngàn pháp môn sâu, mỗi mỗi có đường vượt đất trời, cớ sao cái cái đạp chẳng dính, chỉ vì con rết quá nhiều chân, chẳng chỉ nhiều chân cũng lắm miệng, mỏm đinh lưỡi sắt nhọc thêm xấu, nắm dùi dựng phất bùn rửa bùn, nhướng mày nhảy mắt gà trong lồng. Phải biết Phật Tổ nơi chẳng đến, cửa đóng hoa rơi chim xuân kêu".

2. Thượng tọa Pháp Minh ở Khai nguyên.

Thượng tọa Pháp Minh ở Khai nguyên tại Hình châu. Sư đến nương tựa Thiền sư Lan ở Bảo bản không bao lâu mà sâu vào được pháp nhẫn. Sau, trở về lại làng quê chuyên việc Lạc phách, ham thích uống rượu gọi là, Thường những lúc say mèm xướng ngậm vài bài Liễu Từ, là chuyện thường mỗi ngày. Dân chúng làng quê rất xem thường Sư. Như có người mời chứng trai thì Sư từ chối chống ghét, còn mời uống thì Sư liền theo, trải suốt hơn mười năm như thế, nên mọi người đều chỉ vào Sư mà bảo là "Hòa thượng say". Một ngày nọ, Sư bảo Tăng chúng trong chùa rằng: "Sáng sớm mai Tôi sẽ đi, cái vị không ai có thể cùng sang". Đại chúng trộm cười đó. Qua sáng hôm sau, Sư vén y đến tòa, gọi lớn: "Tôi sắp đi đây, hãy nghe tôi nói một bài kệ". Đại chúng nghe tiếng Sư gọi, vội trông nhìn. Sư mới bảo:

"Bình thường nghiêng ngửa trong say
Trong say tức có phần riêng
Sáng nay tỉnh rượu
Nơi nào là bờ Dương liễu
Gió sớm trăng tàn".

Nói xong, Sư bèn thị tịch, đến lay động nhưng Sư đã vắng bặt.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MINH Ở XỨNG TÂM.

. Thiền sư Quang Tịch ở Thượng lam.

Thiền sư Quang Tịch ở viện Thượng lam tại Hồng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư đặt ngang cây gậy và gọi đại chúng mà bảo: "Có ai biết Lão hán Thượng Lam chăng? Mắt tợ ông cây, miệng như vác dẹp, không hỏi thô tinh, chẳng biết mặn lạt, cùng gì trú trì trăm ngàn quá phạm. Chư thiền đức có vì Sơn Tăng sám hối chăng?" Ngừng giây lát, Sư lại bảo: "Hỏi khí gấp giết người". Xong, Sư chống cây gậy mà xuống khỏi tòa.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG Ở THỪA THIÊN.

1. Thiền sư Liễu ở Sùng phước.

Thiền sư Liễu ở Sùng phước tại Nhiêu châu. Lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Đại chúng đã nhóm tập, xin Sư giảng nói pháp". Sư đáp: "Hoa sen xanh chẳng tiếc thân gần phân giao, hiếm gặp tri âm hiểu phá nhan". Lại nói: "Một câu vô tư, tâm chúng được nhờ". Sư bảo: "Trong đó yếu chỉ đích xác, vô số cõi nước đều lưu thông". Lại hỏi: "Nếu chẳng vào biển xanh, sao biết sóng cả rộng?" Sư đáp: "Một giọt nước Tào khê, mọi người bị đất chìm". Và Sư mới bảo: "Đợi ngày gió hòa, da liễu nứt nẻ, hoa đào đầy no, đang lúc muôn vật phát sinh, là thời của Bát-nhã lưu vận, cỏ cây phảng phất hương thơm, vườn rừng xin đẹp. Hãy nói cây con vô ảnh nẩy cành chưa?" xong, Sư bèn nắm cây gậy, tiếp bảo: "Xem xem, đắp dính Lỗ mũi Phạm vương, đè phá tròng mắt Đế Thích, khắp đại địa toàn là Sơn Tăng, các người không phần. Nếu dâng tiến được thì khắp đại địa toàn là các người. Sơn Tăng không phần. Như chưa được vậy thì đánh trống thỉnh mời tất cả cùng xem". Và Sư lại bảo: "Mây nhóm đỉnh núi Kỳ, mây đây hang hóc lớn, thuyền con nhỏ đến bờ xưa, câu trăng bạc ở sóng tâm, đuôi Hồng vảy gấm việc cuối nhà nông, ngọc ly phác hình chưa đủ làm quý, ngay nhiều toát sĩ là vàng, sao tợ chuyển phàm thành Thánh? Đại chúng, Hiền ngu phàm Thánh xưa nay sắp đều, hãy nói làm sao sống chuyển?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Bát lưu ly mọi người đều có, không đáng phải thời chỉ vì thô". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Thủ Minh ở Thừa thiên.

Thiền sư Thủ Minh ở Thừa thiên tại Hàng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vòng kiếm bay ở khéo định cương tông, đá lửa loé sáng trong mắt dính mạc. Do đó, Tào Khê nắm phất trần đã trải qua vết sẹo, Tuyết lãnh trục cầu gấp phải dính mắt, như là Thượng sĩ hành khất, bản phận thiền lưu, phỏng giáo hét tan mây trắng xung mở Bích

lạc. Thọ dụng như vậy lại thuộc trong môn kiến hóa, nếu cũng chánh lệnh đề cương, mặc tình ba đầu sáu tay chỉ ra lại cũng phải ngã lùi ba ngàn dặm tham".

3. Thiền sư Hữu Tùng ở Phụng hoàng.

Thiền sư Hữu Tùng ở Hộ quốc nhân vương; núi Phụng hoàng tại Hồ châu. Có vị Tăng hỏi: "Hoa đàm đã hiện, người trời kính ngưỡng, nguyện mở kim khẩu cứu giúp quần cơ". Sư bảo: "Mây trắng rủ bích lạc, không nơi chẳng lâm râm". Lại hỏi: "Tiện lúc nào hiểu thì thế nào?" Sư đáp: "Xé dời lỗ mũi". Lại nói: "Chẳng nhân thỉnh hỏi, tranh biện có thầy ta". Sư bảo: "Dụng chẳng nhầm". Lại nói: "Tên bén cùng cắm cười giết nạp Tăng, nếm mổ đồng thời, ngàn sông muôn núi, chẳng trải đồ tình, xin Sư chóng lui về". Sư bảo: "Một hai ba bốn năm". Lại hỏi: "Tiện là nơi Hòa thượng vì người không?" Sư đáp: "Rơi bờ lạc hố". Lại nói: "Tác gia Tông sư". Sư bảo: "Buông tha cho ông ba mươi gậy". Và Sư mới bảo: "Tông thừa một lúc nêu cử, biểu biện khó thuyên, Tổ lệnh đang thực hành cốt yếu không đường nẻo. Chân như phàm Thánh đều là nói mộng, Phật và Niết-bàn cũng chỉ thêm lời. Căn cứ thành thật đây, có thể nêu cử không? Đã lên tòa đây không thể nhọc vậy. Trong cửa phương tiện, buông một đường chỉ cho các người thương lượng. Hãy nói torng mười hai thời khắc, thú hướng như thế nào? Nếu hướng trong ấy dâng được, đi đứng nằm ngồi mặc tình thi vi, thấy nghe hay biết tùy duyên ứng dụng, mỗi mỗi trần đều Di-lặc, mỗi mỗi cõi thảy Thiện Tài. Núi sông đất liền tự đã là gia phong. Diệu dụng chân tâm chẳng thêm chẳng bớt. Nếu có khả năng như vậy, mới xứng là đại Trượng phu". Xong, Sư dừng đứng giây lâu.

4. Thiền sư Đức Toàn ở Đại long.

Thiền sư Đức Toàn ở núi Đại long tại Đảnh châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là pháp thân?" Sư đáp: "Tiếng trước tát chẳng tan". Lại hỏi: "Người học tiện lúc nào thì thế nào?" Sư đáp: "Câu sau tìm không dấu vết".

5. Thiền sư Pháp An ở Hải ấn.

Thiền sư Pháp An ở Huệ nghiêm Pháp ấn tại Côn sơn, Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Liễu rủ Bồ-đề, hoa nở giữa rừng, thế nào hiển bày đạo?" Sư đáp: "Hai sắc thái, một báo đáp". Lại nói: "Từ sau một lần thấy hoa đào nở, mãi đến ngày nay trọn chẳng nghi". Sư hỏi: "Ngươi đến nơi nào thấy Linh vân?" Vị Tăng ấy đáp: "Hoa nở đầy cây, hoa rơi cành trống". Sư bảo: "Buông tha cho ông ba mươi gậy".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ PHƯỚC Ở TRƯỜNG LÔ.

1. Thiền sư Hòa ở Quảng tuệ.

Thiền sư Hòa ở lương Quảng tuệ tại Kim lăng. Lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ sư Đạt-ma vô cớ đem một gáo nước dơ tạt trên đầu các bậc Lão túc trong thiên hạ, ngay được Hòa thượng trong thiên hạ nói thiền nói đạo Nam Bắc lẫn lộn, tiếp tục tỏa sáng hương thơm, phô nay bày xưa. Ngày nay Sơn Tăng thân gần gặp một gáo nước đánh tạt không cửa thoát, dương cao Huyền phong ngàn xưa, chấn phát khuôn phép của một thời". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Xem xem Sơn Tăng đem một gáo nước dơ tạt vào trên đầu các người, có nhận biết vậy không? Nếu như không biết, lại nên xem một gáo. Gia phong Phật Tổ ai cho biết, tin tức Tây lại như thế nào, ân cần vì báo khách chưa về, tháng đầy ngày thu lúc sương lạnh. Tham". Sư lại bảo: "Một ngày lại một ngày, ngày ngày giục người già, lạnh thì tạm hơ lò, khó mới hòa áo ngược, kính báo người qua lại, trong nhà vốn có báu, trong nhà chẳng từng tìm, chống gậy hỏi ngoài cửa, mặc khiến xét quá nửa, khốn khổ sinh phiền não, chẳng như về đi lại, đi lại cỏ trước cửa". Sư lại bảo: "Chư vị thiền đức, khắp mười phương thế giới là cỏ làm sao sống? Đi về nhà uống trà". Sư lại bảo: "Đã nhiều ngày trời tạnh, sáng nay đổ mưa, núi sông đất liền, không đâu chẳng cùng, ba thời đánh chuông, hai thời đánh trống, nơi nơi rõ ràng, đầu đầu dâng lấy". Sư lại nắm cây gậy và bảo: "Chư vị Thiền đức, có hiểu chăng? Chư Phật ba đời đều tại trong đó". Xong, Sư gõ vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HÒA Ở THIÊN Y.

1. Thiền sư Chí Chuyên ở Bồ-đề.

Thiền sư Chí Chuyên ở Hộ quốc Bồ-đề Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Xa lìa gia hòa thắng cảnh, đã đến Hải xương Đạo tràng, thế nào là Bất động tên?" Sư đáp: "Từ đây cách gia Hòa không xa". Lại hỏi: "Gì thì qua lại không khoảng cách?" Sư đáp: "Nạp Tăng linh lợi". Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Trên gậy chẳng thành rồng". Và Sư mới bảo: "Nói tức trời đất cách biệt, không nói tức tàng thân trong lông my mắt, nhảy vọt trên lông mày. Nói cùng không nói nắm buông một bên". Và Sư nâng cây gậy lên tiếp bảo: "Hãy nói cái này là gì?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Ngày trăng lạnh sáng hiện, đất trội tính mới thành". Xong, Sư gõ xuống một cái và xuống khỏi tòa.

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỀ Ở VÂN CƯ.

1. Thiền sư Khế Hoài ở Vân cư.

Thiền sư Khế Hoài ở Vân cư tại Nam khương, có vị Tăng hỏi: "Đi giữa đường gặp rắn chết chẳng đánh giết, không đến Lam Tử Thạnh trở về, chưa xét rõ Sư có nhận không?" Sư bảo: "Ông từ xứ nào được đến". Lại nói: "Gì thì cũng chẳng dối bày vậy". Sư bảo: "Tức hãy dẫn lấy đi". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Tán thán chẳng cùng". Lại nói: "Chẳng chỉ tiện cái ấy là gì?" Sư bảo: "Chớ khiến người tán thán".

2. Thiền sư Văn Thắng ở Linh ẩn.

Thiền sư Văn Thắng - Từ Tế ở Linh ẩn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Lưu ở Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: "Giương xưa lúc chưa lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Gương xưa". Lại hỏi: "Sau khi đã lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Gương xưa". Lại hỏi: "Chưa xét rõ là có phần hay không phần?" Sư bảo: "Lại chiếu xem". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?". Sư đáp: "Chớ ngờ hoang sơ". Lại hỏi: "Chợt gặp khách lại, làm sao sống?" Sư đáp: "Uống trà đi".

3. Thiền sư Nghĩa Hải ở Thụy nham.

Thiền sư Nghĩa Hải ở Thụy nham tại Minh châu, vốn người dòng họ Hồ ở sông Tráp. Sư đến dự tham nói pháp tịch Thiền sư Tề ở vân cư. Thiền sư Tề hỏi: "Vật gì tại sao lại?" Ngay lời nói ấy, Sư bèn đại ngộ, liền làm bài tụng là:

"Vân cư với vật gì
Hỏi ngay đầu hoảng gấp
Liền đó bèn lãnh nhận
Như là sống vùi lấp".

Sư ra hoằng pháp, ở tại Báo bản. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư bảo: "Nếu đến các phương chỉ nói Báo bản không giải đáp câu thoại". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Không kỵ húy". Lại hỏi: "Bỗng gặp kẻ xúc nghịch lại phải như thế nào?" Sư đáp: "Chớ giải làm khách nhọc phiền người chủ". Lại hỏi: "Đức Thích-ca đóng bít thất tại Ma-kiệt, Cư sĩ Tịnh Danh ngậm miệng ở Tỳ-da, chưa xét rõ chỉ bày đại chúng như thế nào?" Sư đáp: "Ngươi không muốn ta khai mở đàm nói". Lại hỏi: "Chưa hiểu rõ cơ của Sư?" Sư bảo: "Hãy lui". Lại hỏi: "Thế nào là chân nhân vô vị?" Sư đáp: "Trong ấy không nơi an bài vậy".

4. Thiền sư Chí Toàn ở Quảng tuệ.

Thiền sư Chí Toàn ở Quảng tuệ tại Minh châu vốn người dòng họ Vệ ở Hàng châu. Lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là việc bản phận của nạp Tăng?" Sư đáp: "Ông chớ ngu độn đặt để ta". Vị Tăng

ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Tức là đại chúng ngu độn đặt để Xà-lê". Xong Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có người hỏi: "Lúc giặc chẳng đánh trẻ nhỏ nhà nghèo thì như thế nào?" Sư đáp: "Nói đến người cũng chẳng tin". Lại hỏi: "Thế nào là lễ bái rồi lui ra?" Sư bảo: "Được cái gì?"

5. Thiền sư Cư Hú ở Bảo phước.

Thiền sư Cư Hú ở Đại mai - Bảo phước tại Minh châu vốn người dòng họ Chu ở Ôn châu. Có vị Tăng hỏi: "Người xưa xoay mặt vào vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư bảo: "Chỉ hiểu cái gì?" Lại hỏi: "Chưa xét rõ lãnh hội như thế nào?" Sư bảo: "Lễ bái đi".

6. Thiền sư Duy Tú ở Nam minh.

Thiền sư Duy Tú ở Nam minh tại Xứ châu. Có vị Tăng hỏi: "Pháp pháp chẳng ẩn tàng, xưa nay thường hiển lộ. Vậy thế nào là pháp Hiển lộ?" Sư đáp: "Hiện bày đại chúng". Lại hỏi: "Thế nào thì người học kính cẩn thối lui?" Sư đáp: "Biết lỗi qua tức cải đổi".

7. Thiền sư ở khê.

Thiền sư ở khê tại Kinh châu quân. Có vị Tăng hỏi: "Đường xưa thản nhiên, giẫm bước thế nào?" Sư đáp: "Ông là vị Tăng hành khất".

8. Thiền sư Quảng Trí ở Vạn sam.

Thiền sư Quảng Trí ở Vạn sam tại Lô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Sơn gia chỉ như vậy". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý đích thực của Tổ sư từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đại chúng thảy đều nghe". Lại hỏi: "Lúc lấy sự Tịch mặc làm Tông thì thế nào?" Sư đáp: "Nói lừa dối". Lại hỏi: "Thế nào là cắt thẳng một đường?" Sư đáp: "Xa xôi ít nhiều". Lại hỏi: "Thế nào là câu trước tiên?" Sư đáp: "Hơi này ở sau". Lại hỏi: "Đức Thế Tôn nắm hoa, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ông lại tiến cử được ư?" Lại hỏi: "Người học không hiểu?" Sư đáp: "Ít nhiều rõ ràng". Lại hỏi: "Tam-muội của Đức Thế Tôn, Tôn giả Ca-diếp không biết. Thế nào là Tam-muội của Đức Thế Tôn?" Sư đáp: "Từ đâu được tin tức ấy?" Lại hỏi: "Tuyết đẹp đầy sân, từ đâu giáng lại?" Sư đáp: "Chớ tiết lậu có thật". Lại hỏi: "Thế nào là vật báu vô giá?" Sư bảo: "Xứ nào được lại?" Lại hỏi: " Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Hết lời mang một chiếc dép trở về Tây vức". Lại hỏi: "Người xưa cuốn chiếu, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư bảo: "Sao không lễ bái về phòng nhà?" Lại hỏi: "Thế nào là cửa Văn Thù?" Sư đáp: "Ngàn Thánh đều theo cửa đó mà vào". Lại hỏi: "Sau khi vào rồi thì thế nào?" Sư đáp: "Tưởng ông không biết". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Đốt lửa". Và Sư mới bảo: "Đức Thế Tôn lâu sau, Tôn giả Ca-diếp đứng dậy đánh bạch chùy. Mã sư vừa mới

lên pháp tòa, Bách Trượng bèn ra cuốn chiếu. Có nghĩa là lệnh Ma-kiệt-đà đã thực hành, không thể lạy dạy Sơn Tăng lại cước chủ ở dưới. Tuy là như vậy, nhưng lâu dự tham ở các bậc cao sĩ chớ khắp ngăn cản hàng hậu học. Thượng tọa cũng phải dính chút tinh thái. Nếu lại lắm từ, sợ e chẳng kịp. Trân trọng".

9. Thiền sư Hư Bạch ở Kim nga.

Thiền sư Hư Bạch ở Kim nga tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cắt ngang một đường?" Sư đáp: "Đường chim ruột dê". Lại hỏi: "Thế nào là một thể?" Sư đáp: "Lạc đà, lừa, heo, chó". Lại hỏi: "Thế nào là tứ sinh lục đạo?" Sư đáp: "Câm".

10. Thiền sư Hồng ở Thúy phong.

Thiền sư Hồng ở núi Thúy phong tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Thúy phong?" Sư đáp: "Chỉ nghe chim oanh hót, chẳng thấy báo xuân về". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đáng thán phục vị Tăng đứng trong tuyết".

11. Thiền sư Phổ ở Thượng lam.

Thiền sư Phổ ở Thượng lam tại Hồng châu. Có Tướng quốc Hạ Tủng hỏi: "Trăm hài cốt đều tan hết, cái nào chủ nhân của Trưởng lão?" Sư đáp: "Ngày hai mươi tháng trước lìa cửa ải Kỳ dương".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHA Ở CÔNG THẦN.

1. Thiền sư Hạo Xiêm ở Nghiêu phong.

Thiền sư Hạo Xiêm ở Nghiêu phong tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Người học chợt vào chốn Tùng lâm, xin Sư một lần tiếp". Sư bảo: "Đi". Lại hỏi: "Trong giáo điển có nói là pháp Bình đẳng không có cao thấp. Thế nào là pháp Bình đẳng?" Sư đáp: "Nghiêu phong cao, Bảo hoa thấp". Lại hỏi: "Sao thì tức thành cao xuống đi?" Sư bảo: "Tình biết ngươi làm sao hiểu nghe tiếng sấm". Sư chỉ dạy đại chúng: "Có nghe tiếng sấm chăng? Có biết nơi phát khởi chăng? Nếu biết nơi phát khởi bèn biết nơi thân mạng rơi lạc. Còn như là không biết, do đó người xưa nói kẻ không biết trời đất cương đạo có càn khôn, chẳng như uống trà đi". Lại hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Tôi chết cũng cam vậy". Lại hỏi: "Thế nào là Kim cang lực sĩ?" Sư đáp: "Trong ấy dùng chẳng nhằm". Lại hỏi: "Vị Tăng thị tịch thác hóa đến xứ nào?" Sư đáp: "Trời xanh, trời xanh". Và Sư mới bảo: "Chỉ như cuối cùng vị Tăng hỏi vị Tăng thị tịch thác hóa đến xứ nào? Sơn Tăng nói với Tăng ấy là trời xanh, trời xanh. Hãy nói ý rơi lạc đến xứ nào? Chẳng là buồn thương qua đời, đau tiếc Đạo nhân chăng? Nếu mới bình luận gì, thật có nghĩa là không biết

nói đi. Cần phải biết nơi đi chăng? Lại chẳng dùng đứng lâu hết đi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đông qua xuân lại cửa lầu các mở, nếu vào được chẳng dùng bồi hồi. Chư vị Thượng tọa, lại nhắm trong đó vào được chưa? Nếu vào được, do đó người xưa nói phải nói là Di-lặc, không cửa không Thiện Tài. Còn nếu chưa vào được, thì tự các Thượng tọa chạy cuồng, lại chẳng đau đáu, đứng lâu trân trọng".

2. Thiền sư Chí Thăng ở Thánh thọ.

Thiền sư Chí Thăng ở Thánh thọ - Giang ngô tại Tô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu luận bàn về Phật pháp lại có việc gì? Do đó nói núi sông xưa nay, nhật nguyệt xưa nay, nhân luân xưa nay, thành quách xưa nay, kêu làm pháp môn Bình đẳng tuyệt hẳn ngằn mé trước sau. Các người có tin được kịp chăng? Nếu tin được kịp, ý cứ đó mà hành trì". Đứng giây lâu, Sư bảo: "Trân trọng!"

3. Thiền sư Thủ Như ở Công thần.

Thiền sư Thủ Như - Khai hóa ở Công thần tại Hàng châu. Có lúc lên giảng đường, gọi đại chúng lại và bảo: "Có biết đạo Thánh Tăng đồng các người đến trong ấy chăng? Đã nhọc Tên hàng sao dám xét giữ?" Đứng giây lâu, Sư bảo: "Trân trọng!"

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÙNG THỤC Ở THÊ HIỀN.

1. Thiền sư Duy Nhất ở Hưng giáo.

Thiền sư Duy Nhất ở Hưng giáo tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc Đức Phật chưa xuất hiện nơi đời thì thế nào?" Sư đáp: "Vài lớp mây trắng". Lại hỏi: "Sau khi đã xuất hiện thì như thế nào?" Sư đáp: "Một đóa núi xanh". Lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đâm đầu vào cỏ hoang". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Chuồng phẩn khô". Lại hỏi: "Đại nhĩ Tam Tạng độ thứ ba tại sao không thấy Quốc sư?" Sư đáp: "Trông xem dưới cẳng chân". Lại hỏi: "Làm sao thấy được?" Sư đáp: "Giày cỏ gót chân đứt".

2. Thiền sư Thể Nhu ở Tây dư.

Thiền sư Thể Nhu ở Tây dư tại An cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một người nắm lửa tự đốt thân mình, một người ôm băng dàn ngang thây chết nơi đường. Tiến tới thì gặp đường thành ứ trệ, lùi sau tức hỏi nghẹn đầy ngực, thẳng lên trời thì không đường, xuống đất thì không lối. Đến nay đã chẳng biết làm sao?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Đợi mây tan đi tự nhiên xuân lại đến".

3. Sơn chủ Duy Tố ở Định sơn.

Sơn chủ Duy Tố ở Định sơn tại Chân châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế

nào là nghĩa không dời đổi?” Sư đáp: “Nắng đi mưa đến”. Lại hỏi: “Làm sao thì dời đổi đi?” Sư đáp: “Không bị đổ máu không nói dùng”. Lại hỏi: “Tâm ấn Tổ sư Đạt-ma sư đã hiểu. Vậy thử nêu gia phong đối với đại chúng xem?” Sư đáp: “Trước cửa có cây tùng lớn tốt, nửa đêm Tử Quy lại leo lên kêu”. Lại hỏi: “Sư suốt biết yếu chỉ khắp cùng các phương, gặp cơ chẳng đáp thiền thời xưa. Vậy thế nào là mới lạ?” Sư đáp: “Nếu đến các phướng, chẳng được nêu bày”. Lại hỏi: “Người học ân cần ngồi bên hữu của tòa, không gì chỉ thế là mới lạ?” Sư đáp: “Cắt cỏ lường trời”. Lại hỏi: “Thế nào là cảnh Định sơn?” Sư đáp: “Gió trong mát đầy viện”. Lại hỏi: “Bỗng nhiên gặp khách đến, tiếp đãi như thế nào?” Sư đáp: “Chớ hiềm chán lãnh đạm”. Và Sư mới bảo: “Nếu luận bàn về gia phong và cảnh chẳng dễ đối đáp, phần nhiều thấy nơi. Chỉ định dạy bày, ngoài ra chẳng được tự tại. Từng có vị Tăng hỏi Hòa thượng Đại Tùy: “Thế nào là gia phong của Hòa thượng?” Đại Tùy đáp: “Đất đỏ họa cái nia”. Lại nói: “Trên bụng chẳng dán bảng”. Thử hỏi cùng các người làm sao sống hiểu? Lại có Giáp Sơn, Vân Môn, Lâm Tế, Phong Huyệt đều có câu thoại như thế truyền bá đến các phương, mỗi mỗi thi thiết chẳng đồng, lại làm sao sống hiểu? Pháp không vết lạ, khác đường đồng về, nếu cần lường biết sức dễ hiểu, chỉ biết lấy tang tử của nhà mình, bèn có thể tiếp nối được gia nghiệp, tùy nơi giải thoát, ứng dụng hiện tiền, trời đất đồng căn, muôn vật đồng thể, gọi làm tròng mắt của nạp Tăng lâu dài chẳng rỉ lọt mảy may, giả sử hoặc ở tại đây mà chẳng rõ, nhọc tự lao lung bất chính khó khổ!” Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Ngậm răng đội tóc”. Lại hỏi: “Thế nào là người người đều đủ?” Sư đáp: “Xa lại càng xa”. Lại hỏi: “Lúc Ngưu Đầu chưa thấy gặp Tứ Tổ thì như thế nào?” Sư đáp: “Thành nhà lập nghiệp”. Lại hỏi: “Sau khi đã thấy gặp thì thế nào?” Sư đáp: “Lập nghiệp thành nhà”. Lại hỏi: “Thế nào là Đường Định Sơn?” Sư đáp: “Cao vót”. Lại hỏi: “Người giẫm đạp lên đó thì thế nào?” Sư đáp: “Nguy hiểm”. Lại hỏi: “Vô thượng Pháp vương có Đại Đà-la-ni tên là Viên giác lưu xuất hết thảy Bồ-đề Niết-bàn chân như tịnh. Chưa xet rõ Viên giác ấy lưu xuất từ nơi nào?” Sư đáp: “Đầu Sơn Tăng mang đội có phần”. Lại hỏi: “Thế nào thì tin vâng thực hành?” Sư đáp: “Y Hy tợ khúc khỉu mới kham nghe”. Lại nói: “Trong mười hai thời khắc được cùng Đạo tương ưng”. Sư bảo: “Hoàng thiên không thân gần, chỉ đức là giúp đỡ”. Lại hỏi: “Thế nào thì chẳng nương gá tu chứng?” Sư đáp: “Ba đời sáu mươi kiếp”.

4. Thiền sư Tỉnh Hiền ở Phước nghiêm.

Thiền sư Tỉnh Hiền ở Phước nghiêm tại Nam nhạc. Có vị Tăng

hỏi: "Thế nào cảnh cảnh Phước nghiêm?" Sư đáp: "Họa cũng họa chẳng kịp". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Tạm tử tế". Lại hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai, Tông phong ấy ai người nối dõi?" Sư đáp: "Chẳng nhân ông hỏi, Ta cũng chẳng nói". Lại hỏi: "Thế nào là Bảo giác phân chi?" Sư bảo: "Chớ nói loạn".

5. Thiền sư Trí Tề ở Ngưỡng sơn.

Thiền sư Trí Tề ở Ngưỡng sơn tại Viên châu mới đầu Sư đến tham yết Thiền sư Trừng Thục ở Thê hiền, Thiền sư Trừng Thục hỏi: "Ông là người xứ nào?" Sư đáp: "Người xứ An châu". Lại hỏi: "Vì gì mà nay ông không được an?" Sư đáp: "Ngày nay chuyển thấy nguồn bệnh". Thiền sư Trừng Thục bảo: "Hãy nói gắng tỉnh táo". Sư bèn lễ bái. Làm bài kệ tụng rằng:

"Có miệng chẳng thể nói
Không lưỡi hay giải lời
Tỉnh táo còn là mộng
Xứ nào có Phật Tổ".

- ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HẠNH LÂM - TỔ ẤN TẠI LA-HÁN.

1. Thiền sư Tán ở Trường lô.

Thiền sư Tán ở Trường lô tại Chân châu. Có vị Tăng hỏi: "Với các sự nắm dùi nâng phất trần tức chẳng hỏi, còn thế nào là ý khí hét tan mây trắng?" Sư đáp: "Ăn gậy". Lại hỏi: "Tránh sao được đại chúng trời người ư?" Sư đáp: "Tội quá trọng khoa". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Lão Tăng vâng phụng Thánh chỉ khai giảng pháp đường". Lại hỏi: "Thế nào thì trời người các loại quần sinh đều được thấm nhuần ân lực này?" Sư đáp: "Biết ân mới hiểu báo". Lại hỏi: "Lúc một gậy đánh phá giữa hư không thì thế nào?" Sư đáp: "Phí lực". Lại hỏi: "Thế nào là trăm thứ vỡ vụn!" Sư đáp: "Chỉ là trọn ngày khư khư". Và Sư mới bảo: "Đại chúng khởi động, nếu đối với trong Phật pháp không thể phanh bày được. Các người đều là đã lâu tham yết các bậc Tiên đức thấu đạt tri kiến của Phật, không thể lại dạy ở trong đó Đàm thiền nói đạo, thật là động chân cất bước chẳng lìa khỏi Đạo tràng, cho đến ở trong núi rừng an tọa kinh hành không gì chẳng là Phật sự". Ngừng giây lát, Sư lại bảo: "Tham".

2. Thiền sư Chiêu Ái ở Chi đề.

Thiền sư Chiêu Ái ở Chi đề, tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Trâu nghé không biết hổ". Lại hỏi: "Thế nào là

gia phong của Hòa thượng?” Sư đáp: “Cánh tay dài mà tay áo ngắn”. Lại hỏi: “Bỗng gặp khách đến thì thế nào?” Sư đáp: “Rồng trong lửa, đầy trong nước”.

3. Thiền sư Đạo Thành ở Linh phong.

Thiền sư Đạo Thành ở Linh phong tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: “Tổ Tổ tương truyền truyền Tổ Ấn. Vậy ngày nay Sư đắc pháp nối dõi từ người nào?” Sư bảo: “Trong ấy người xưa nói gì?” Lại nói: “Chỉ như Đạo Ngô có chánh pháp nhãn tạng phó chúc cho Tôn giả Ca-diếp, lại làm sao sống?” Sư đáp: “Chẳng phòng ngại người đủ mắt sáng”. Lại nói: “Ngàn Thánh chẳng truyền mới là đích thực, một lời hợp đạo chưa hẳn là chân”. Sư bảo: “Sớm là chẳng hợp vậy”.

4. Thiền sư Trạch Hòa ở Ngưỡng sơn.

Thiền sư Trạch Hòa ở Ngưỡng sơn tại Viên châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Quân tử chẳng đi rong”. Lại hỏi: “Trong Như Lai Tạng lấy gì làm Phật sự?” Sư đáp: “Gió thơm thổi hoa héo”. Lại nói: “Đều nhân ngày nay vậy”. Sư đáp: “Càng mưa mới đẹp xinh”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Sách thật chữ Phạm”. Sư dạy bảo đại chúng rằng: “Pháp vốn chẳng sinh, nay thì không diệt, không diệt không sinh mạc vàng trong mắt, gia phong Phật xưa trời xanh trăng tỏ”.

5. Thiền sư Đạo Trân ở Sùng thắng.

Thiền sư Đạo Trân ở Sùng thắng tại Viên châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư bảo: “Lại hướng đến xứ nào tìm?” Lại hỏi: “Chẳng chỉ là vậy?” Sư bảo: “Chớ giao thiệp”.

6. Thiền sư Trí Tĩnh ở Phú lạc.

Thiền sư Trí Tĩnh ở Phú lạc tại Miên châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Sáu lỗ tai chẳng đồng mưu tính”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Gặp người chỉ cứ mặc tình”.

7. Thiền sư Thiệu Trân ở Tuệ lực.

Thiền sư Thiệu Trân ở viên Tuệ lực tại Lâm châu. Có vị Tăng hỏi: “Gà vàng lúc chưa gáy thì thế nào?” Sư đáp: “Là thời tiết gì?” Lại hỏi: “Sau khi đã gáy thì thế nào?” Sư đáp: “Là thời tiết gì?” Lại hỏi: “Sau khi đã gáy thì thế nào?” Sư đáp: “Tức chẳng biết thời”. Lại hỏi: “Sư tử lúc chưa ra khỏi hang thì thế nào?” Sư đáp: “Tại trong ấy”. Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi hang thì thế nào?” Sư đáp: “Hãy chạy”.

8. Thiền sư Khánh Thông ở Đại ninh.

Thiền sư Khánh Thông ở viện Đại ninh tại Hồng châu. Có vị Tăng

hỏi: “Lúc Đạo Thái chẳng truyền lệnh Thiên tử mọi người đều xướng hát khúc ca thái bình, chưa xét rõ ý chỉ của Sư ngày nay như thế nào?” Sư đáp: “Sơn Tăng tội quá”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Núi Tu-di”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Sinh tử Niết-bàn còn như giấc mộng đêm qua, hãy nói ba đời chư Phật, Thích-ca, Lão Tử có xứ nào sinh trưởng? Tuy là như thế, nhưng chớ phô bày tốt lành”. Xong, Sư vỗ tay một cái và xuống khỏi tòa. Có vị Tăng hỏi: “Núi Đông non Tây xanh chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Núi Đông non Tây xanh, mưa xuống tức trời tạnh, lại hỏi ý trong ấy, Bột cưu sinh Dao ưng”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC -
Quyển 11
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 12

MỤC LỤC

Đời thứ mười ba sau đời Thiền sư Đại Giám.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tú ở Pháp vân, có năm mươi chín vị:

25. Thiền sư Nghĩa Đoan ở Trừng tuệ
26. Thiền sư Vương Ích ở Bắc thiên
27. Thiền sư Trí Nhu ở Thê hiền
28. Thiền sư Vĩnh - Tuệ Nghiêm ở Thiên hy (hai mươi tám vị trên hiện có ghi lục)
29. Thiền sư Pháp Tốn ở Minh thủy
30. Thiền sư Diệu Trạm ở Đức sơn
31. Thiền sư Như Chiếu ở Đại ngu
32. Thiền sư Cư Hối ở Thạch sương
33. Thiền sư Đương ở Hưng hóa
34. Thiền sư Tịnh Chân ở Hưng hóa
35. Thiền sư Kế Minh ở Khâm sơn
36. Thiền sư ở Tam giác
37. Thiền sư ở Thời ung
38. Thiền sư Đạo Thường ở Đại biệt
39. Thiền sư Tông Lượng ở Ba tiêu
40. Thiền sư Pháp Tín ở An phong
41. Thiền sư Hựu Nguyệt ở Vân phong
42. Thiền sư Duy Giản ở Vĩnh khánh
43. Thiền sư Toại ở Giác lâm
44. Thiền sư Tuệ Nguyệt ở Bảo trì
45. Thiền sư Nghĩa An ở Thiên vương
46. Thiền sư Tiên ở Sùng đức
47. Thiền sư Tế ở Hưng giáo
48. Thiền sư Thuần ở Hộ quốc
49. Thiền sư Tề ở La phù
50. Thiền sư Vĩnh Kiên ở Tiến phước
51. Thiền sư Hữu Bằng ở Phổ chiếu
52. Thiền sư Tuệ Minh ở Linh thứu
53. Thiền sư Pháp Ngung ở Khai hòa
54. Thiền sư Phật Ấn ở Thiên phong
55. Thiền sư Tông Đăng ở Nguyên phong
56. Thiền sư Đạo Phương ở Thần quang
57. Thiền sư Pháp Khâm ở Phước tuệ
58. Thiền sư Cảnh Thường ở Đâu suất
59. Cư sĩ Dĩnh Thúc Tương Chi Kỳ (ba mươi mốt vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tài ở Phật Nhật, có chín vị:

1. Thiền sư Tự Linh ở Giáp sơn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Duẫn Lương ở Thiên khoảnh
3. Thiền sư Hữu Toàn ở Quảng giáo
4. Thiền sư Linh ở Bảo nham
5. Thiền sư Đạo tường ở Tuệ nhật
6. Thiền sư Tỉnh Tư ở Thiên khoảnh
7. Thiền sư Trọng Nhân ở Quy phong
8. Thiền sư San ở Thiền quyền
9. Thiền sư Như Thúy ở Long hưng (tám vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ứng Phu ở Trường lô, có hai mươi lăm vị:

1. Thiền sư Tông Di ở Hồng tế
2. Thiền sư Tông Sơ ở Lang da
3. Thiền sư Đạo Thành ở Long bàn
4. Thiền sư Minh ở Phổ mãn
5. Thiền sư Phổ ở Bao thiền
6. Thiền sư Đạo Huy ở Bảo lâm
7. Thiền sư Chí Nguyện ở Vân nham
8. Thiền sư Pháp Tư ở Đẳng giác
9. Thiền sư Pháp Ngạn ở Thọ xuân
10. Thiền sư Văn Ngạn ở Định sơn
11. Thiền sư Thiệu Thông ở Hộ quốc
12. Thiền sư Đức Nhất ở Pháp bảo
13. Thiền sư Bảo Tuệ ở Càn minh
14. Thiền sư Giác ở Khai Thánh
15. Thiền sư Đạo Vinh ở Tuyết đậu
16. Thiền sư Trí Giác ở Tuệ nhật (mười sáu vị hiện có ghi lục)
17. Thiền sư Trí Nhân ở Kiến long
18. Thiền sư Hiến Chiêu ở Phổ quang
19. Thiền sư Trí Cao ở Bảo lâm
20. Thiền sư Thúc Tắc ở Ung hy
21. Thiền sư Trọng Hồng ở Thọ Thánh
22. Thiền sư Pháp Hải ở Phổ mãn
23. Thiền sư Phổ Lương ở Ngũ phong
24. Thiền sư Hỷ ở Đại ngu
25. Hòa thượng Bảo Lâm ở Trừ châu (chín vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiên ở Thê hiền, có năm vị:
1. Thiền sư Đăng ở Vương ốc
2. Thiền sư Duy Trấn ở Pháp vũ
3. Thiền sư Tuệ Thiên ở Đông minh (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Bảo Tuyền ở Chương giang
5. Hòa thượng Văn Tố ở Chương pháp (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trí Đàm ở Khai nguyên, có hai vị:
1. Thiền sư Tông Hựu ở Khai nguyên (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Đạo Thành ở Nam thiền (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Am chủ Diễn ở Thiện quả, có một vị:
1. Thiền sư Xung Nghiễm ở Ngọc trì (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giai ở Thiên ninh, có hai mươi sáu vị:
1. Thiền sư Pháp Thành ở Hương sơn
2. Thiền sư Tề Liên ở Đại trí
3. Thiền sư Thuần ở Đan hà
4. Thiền sư Giác ở Tịnh nhân
5. Thiền sư Nam ở Tư Thánh
6. Thiền sư Tu Dĩ ở Bạch thủy
7. Thiền sư Nguyên Dị ở Thạch môn
8. Thiền sư Đạo Vi ở Động sơn
9. Thiền sư Bô ở Thiều châu
10. Thiền sư Pháp Đăng ở Lộc môn
11. Thiền sư Duy Chiếu ở Bảo phong
12. Thiền sư Thiện Tú ở Phổ hiền
13. Cư sĩ Thái phó Cao Thế Tắc (mười ba vị trên hiện có ghi lục)
14. Thiền sư Nam ở Long môn
15. Thiền sư Bảo ở Chiêu đề
16. Thiền sư Cung ở Đại hồng
17. Thiền sư Đại Trí
18. Thiền sư Ứng ở Linh nham
19. Thiền sư Giám ở Hợp châu
20. Thiền sư Giang ở Thiếu lâm
21. Thiền sư Cư ở Cảnh sơn

22. Thiền sư Nam ở Tuệ nhật
23. Cư sĩ Triều Thỉnh Thôi Công
24. Thiền sư Thiện Ứng ở Tề châu
25. Ni sư Đạo Thâm ở Tây kinh
26. Cư sĩ Đề Hình Dương (mười ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Báo Ân ở núi Đại hồng, có năm vị:
1. Thiền sư Thủ Toại ở núi Đại hồng (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Trí ở núi Đại hồng
3. Thiền sư Tấn ở Thiện quang
4. Thiền sư Đán ở Đại gương
5. Thiền sư Viễn ở Tây thiền (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thông ở Quy tông, có năm vị:
1. Thiền sư Tố Nguyệt ở Tư phước
2. Thiền sư Khánh Thông ở Đồng an (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Biện ở Tử lăng
4. Thiền sư Pháp Y ở La-hán
5. Hòa thượng Đạo Chương ở Khai Thánh (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tín ở Phước xướng, có ba vị:
1. Thiền sư Kỳ ở Pháp hưng (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Sơ Thăng ở Thiện khánh
3. Thiền sư Hạo ở Quân khánh (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khách Đang ở Từ vân, có hai vị:
1. Thiền sư Đạo Truyền ở Quảng từ
2. Hòa thượng Từ Vân ở Kiền châu (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nghiêu ở Tuệ nhật, có một vị:
1. Thiền sư Đạo Khai ở Đại tùy (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuyền ở Phật tuệ, có năm vị:
1. Cư sĩ Hiến Triệu Biến (hiện có ghi lục)

2. Thiền sư Hựu ở U cốc
3. Thiền sư Pháp Vân ở Hưng quốc
4. Thiền sư Thù phủ ở Cửu phong
5. Thiền sư Trung Thật ở Tiến phước (bốn vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÚ Ở PHÁP VÂN.

1. Thiền sư Duy Bạch ở Pháp vân.

Thiền sư Duy Bạch - Phật Quốc ở Pháp vân tại Đông kinh vốn người xứ Tỉnh giang. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ly Lâu có ý sóng bạc nhọc tràn ngập trời, võng tượng không tâm ngọc sáng bỗng nhiên tại lòng bàn tay". Xong, Sư đưa ta đánh một vòng tròn và gọi đại chúng, bảo: "Có thấy chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Xem tức có phần". Lại có lúc lên giảng đường, nắm cây gậy và Sư dạy bảo đại chúng rằng: "Sơn Tăng trú trì hơn bảy mươi năm, chưa từng nắm động cái này, mà nay chẳng khỏi hiện chút ít thần thông để cúng dường các người". Bèn gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Quá khứ đã qua rồi, vị lai hãy chớ tính toán, ngay ở việc hiện tại; sáng nay rằm tháng giêng trăng tỏ sáng tròn đầy, gióng trống thỉnh mời tất cả cùng xem. Đại chúng xem tức chẳng không rốt cùng gọi cái gi làm trăng? Nghỉ kiếm trên trời, chớ hướng tìm trong nước".

Sư có bộ "Tạc Đăng Lục" ba mươi quyển được đưa vào đại tụng. Về sau, Sư đến ở Thiên đồng tại Minh châu v.v...

2. Thiền sư Tử Anh ở Bảo ninh.

Thiền sư Tử Anh ở Bảo ninh tại phủ Kiến khương vốn người xứ Tiền Đường. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: "Nhật nguyệt chẳng thể đồng thời tỏ sáng, sóng biển chẳng thể cùng tranh sâu, núi Tu-di chẳng thể đồng cao, đất trời chẳng thể đồng bền chắc, trí tuệ phàm Thánh chẳng thể kịp. Hãy nói cái này có nơi nào sinh trưởng?" Ngưng giây lâu, Sư bảo: "Tiết mục rành rẽ, sinh lại cành thớ thẳng ngay, băng tuyết đánh phá mảnh mảnh phân, mây trắng diểm phá nương sức ấy". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

3. Thiền sư Cảnh Thuần ở Tiên nham.

Thiền sư Cảnh Thuần ở Tiên nham tại Ôn châu. Có vị Tăng hỏi: "Đức Sơn thì dùng gậy đánh, Lâm Tế thì quát hét, còn Hòa thượng thì sử dụng như thế nào?" Sư đáp: "Ngày nay Lão Tăng khốn khó". Vị

Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: “Tức là ông rõ ràng vậy”.

4. Thiền sư Thủ Nột ở Quảng giáo.

Thiền sư Thủ Nột (thời Viên Chiếu thượng tróc tôn xưng là Nột Thúc) ở Quảng giáo tại phủ Ninh quốc. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là câu xưa nay thường còn?” Sư đáp: “Trâu sắt ngang qua bờ biển”. Lại hỏi: “Thế nào là Chánh nhãn của nạp Tăng?’ Sư đáp: “Châm móc chẳng vào”.

5. Thiền sư Thông ở Từ tế.

Thiền sư Thông ở Từ tế tại phủ Hưng nguyên. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đạo?” Sư đáp: “Từ đây cách Trường an ba mươi bảy đồ trình”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong đạo?” Sư đáp: “Khua đầu trán soang soảng”. Lại hỏi: “Chẳng là gió động hay là phướng động? Chưa xét rõ là nơi nào động?” Sư bảo: “Nói nhỏ, nói nhỏ”. Lại hỏi: “Thế nào là theo sắc ngọc ma-ni?” Sư đáp: “Xanh xanh trúc biếc, tốt um hoa vàng”. Lại hỏi: “Thế nào là chánh sắc?” Sư bảo: “Lui sau, lui sau”. Lại hỏi: “Đức Thích-ca đã diệt độ, Đức Di-lặc chưa ra đời. Chưa xét rõ ai là người dẫn đầu?” Sư đáp: “Trâu sắt cũng toát mồ hôi ra”. Lại hỏi: “Chẳng tiện là nơi vì người chăng?” Sư đáp: “Nhìn kỹ câu thoại trước”. Lại hỏi: “Thế nào là đàm nói: Vượt Phật quá Thánh?” Sư đáp: “Trâu sắt ở Thiểm phủ”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tam thừa giáo điển chẳng là chân thuyên, chỉ thẳng bản tâm chưa là khuôn phép cùng cực. Nếu là bậc thượng sĩ thông tâm thoát ra ngoài dòng cao rưới rải mới lại cùng thấy”. Sư trông nhìn khắp đại chúng và bảo: “Thôi nghỉ”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trọn ngày chăm chăm cùng làm, vừa là dẫn trâu lên vách tường. Đại chúng cớ sao như vậy? Tham sống đuổi theo từng ngày khư khư đi. Gọi chẳng ngoáy đầu lại tránh làm sao”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một tức một, hai tức hai, nắm định cốt yếu nơi nào toát ra hơi”. Xong, nắm cây gậy, Sư tiếp bảo: “Kia tự thông vết sẹo chớ làm thương tổn nó vậy!” Rồi, Sư gõ xuống một cái và xuống khỏi tòa.

6. Thiền sư Khuê ở Bạch triệu.

Thiền sư Khuê - Thông Tuệ ở Bạch triệu tại An châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “May gặp hội tốt lành, phải gặt hái điều mới lạ. Đã gặp được núi báu, chớ để tay không trở về, chẳng thể đợi lúc khác ngày sau, cánh cửa vách tường sau đầu góc tự nói câu thoại lớn, khắp cùng trời đất phô bày xưa nay, thì là đáng một cái tự tánh của người. Giữa khoảng ấy lại không vật gì khác. Mỗi ngày các người lúc đi dừng đi, lúc nằm dừng nằm, lúc ngồi dừng ngồi, chỉ lúc đối đáp nói năng đầy

miếng nói dính, cho đến nhướng mày nháy mắt, sân mừng thương ghét im lặng vui đùa chưa lúc gián . Nhân gì chẳng chịu nhận lấy nhà của chính mình hết đi? Bởi vì từ vô lượng kiếp lại, tình ái dục nặng đường sinh tử dài, trái với tánh giác hợp cùng cảnh trần tự sinh nghi hoặc. Thí như chim bay giữa không trung chẳng biết không trung là quê nhà, cá lội dưới nước chẳng biết sông nước là mạng sống. Sao được tự đè nén mà hỏi người bên cạnh, rất giống bưng cơm mà kêu đói, vào sông nước mà kêu khát. Các người cần được nghỉ chăng? Mỗi xin nên lập địa cắm định tinh thần, một niệm xoay lại tỏa sáng thì bỗng nhiên tự soi chiếu. Nào khác gì mặt nhật giữa không trung riêng xoay chuyển vô tư, ngọc bau trong mâm chẳng đánh mà tự chuyển. Tuy là như vậy, chỉ vì hàng sơ cơ hướng đến thượng cơ bế tắt chưa từng đạp dính. Hãy nói thế nào sống là hướng đến thượng cơ?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Ngã mặt nhìn trời chẳng thấy trời".

7. Thiền sư Pháp Nhân ở Tịnh danh.

Thiền sư Pháp Nhân ở Tịnh danh tại Trường an, Lô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng trên trời tròn đầy, trăng ở nhân gian khuyết nửa. Bảy tám là số việc tức khó tính toán, ẩn hiển chẳng biện rành tức tạm đặt, đen trắng chưa phân, một câu làm sao sống? Nói". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Cùng gặp trong sắc thu cùng trò chuyện trong trăng sáng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Diệu quyết của Tổ sư riêng không thể nói, ngay nhiều nẻo đinh lưỡi sắt, chưa khỏi khéo múa thành vụng. Tịnh danh đã nắm cơ trời tiết lậu".

8. Thiền sư Thủ Sơ ở Phước nghiêm.

Thiền sư Thủ Sơ ở Phước nghiêm tại núi Phù tra. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Thọ dùng Tam-muội?" Sư đáp: "Nắm thìa buông đũa". Lại hỏi: "Thế nào là một đường ngay thẳng?" Sư đáp: "Đạp chẳng dính". Lại hỏi: "Sau khi đạp dính thì thế nào?" Sư đáp: "Bốn phương tám mặt". Và Sư mới bảo: Nếu luận bàn về việc này, buông đi thì trên đường Tào khê trăng gió trong mát nắm định thì trước núi thiếu thất mây cuộn móc tan. Nói năng luận bàn như thế đã có lắm đường, chỉ do một niệm tương ứng mới tin chẳng từ người khác được. Đại chúng hãy nói từ xứ nào được?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Dòng nước vốn tại biển, trăng rơi chẳng lìa trời". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tức tướng của tánh một phô bày không trung trong tạnh, tức tánh của tướng ngàn sóng đua tranh dấy khởi. Nếu thấu triệt nguồn gốc xưa lại dòng trong không trở ngại. Do đó, nêu một niệm mà có vô lượng pháp môn chóng hiển, nắm một mảy mà có vô biên cõi nước rõ ràng. Hãy nói Văn Thù

Phổ Hiền ở tại xứ nào? Xuống sườn núi chẳng chạy khoái tiện khó gặp". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

9. Thiền sư Nhân Hội ở Đức sơn.

Thiền sư Nhân Hội ở Đức sơn tại Đảnh châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Bất động tôn?" Sư đáp: "Đến ngàn đi muôn". Lại hỏi: "Thế nào là thì cẳng chân chẳng dính đất?" Sư đáp: "Tức là ngươi hiểu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chí đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa, chỉ chớ thương ghét thông suốt rõ ràng. Sơn Tăng tức chẳng vậy. Chí Đạo rất khó phải là chọn lựa, nếu không thương ghét sao thấy được rõ ràng".

10. Thiền sư Bảo Lâm ở Quang tuệ.

Thiền sư Bảo Lâm ở Quang tuệ - Đạo lâm tại Đàm châu, vốn người xứ Tô châu. Từ thuở thiếu thời, Sư đã tập học kinh luận khéo thông tinh nghĩa, thưa hỏi Thiền sư Viên Thông mà được phát sáng ý Tổ. Thừa tướng Vương Kinh Công rất mực quý trọng. Sau, ra hoằng dương giáo hóa, sư từng ở Hưng giáo - Quảng đức, tiếp chuyển dời đến Cảnh đức - Trì dương, Vạn sam - Lô sơn. Các hàng học giả quy tụ kính ngưỡng.

Có vị Tăng hỏi: "Đức sơn đánh gậy. Lâm Tế thì quát hét, chưa xét rõ Hòa thượng là người như thế nào?' Sư bảo: "Gã tài điếc này". Vị Tăng ấy im lặng không nói gì, Sư tiếp bảo: "Không chỉ cảm mắc bệnh điếc mà còn có cả bệnh câm". Lại hỏi: "Nghe cạn hiểu sâu, nghe sâu chẳng ngộ, vân môn đạo rõ, Hòa thượng làm sao sống?" Sư đáp: "Đầu đội trời chân đạp đất". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu?' Sư bảo: "Có miệng mà chẳng thể tập quen". Lại nói: "Nếu vậy thì đói lại ăn cơm mệt lại ngủ". Sư bảo: "Chẳng phòng ngại hiểu được tốt lành". Và Sư mới bảo: "Nhướng mắt nhày mày chưa đáng là Tông thừa, nêu cổ dẫn kim cơm thừa canh cặn, một gậy một hét chưa xứng với nạp Tăng, ngồi xổm nghĩ lường, kẻ bàng quan xấu bẩn. Hãy nói làm sao sống là việc bản phận của nạp Tăng? Thường nhớ tại Giang nam trong tháng ba, nơi chim chá cô kêu thoảng hương thơm của trăm hoa". Và Sư lại bảo: "Mây cuộn mặt núi, vầng nhật trên Phù tang, vùn vụt gió lạnh, lẫn lộn lá rơi, trong sông Tiêu tương, sóng bạc ngập trời, trước cửa Quảng tuệ đất bằng như lòng bàn tay, nếu có biết đến nạp Tăng ngồi yên Thái bình. Nếu chưa phải vậy thì chẳng khỏi mò trời sờ đất". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gần đây gió xuân lạnh, xa xa đất trời rộng, núi sông không ngăn ngại, thế giới trong lòng bàn tay, không miệng Lô hành giả, lắm lời thấy phong can, một ngày chẳng cùng thấy, chớ hỏi

thơ thời xưa". Xong, Sư nắm lấy cây gậy và tiếp bảo: "Hiểu không? Đầu gậy có mắt sáng như mặt nhật, cần biết vàng thật, xem trong lửa". Có lúc Sư lại bảo: "Sáng nay mồng 05 tháng 05, trăm hoa mầm linh ai chẳng thấy, Thiện Tài hái thuốc cùng Văn Thù, giết sống gặp cơ cùng làm chủ, nhà thiền lưu truyền chớ lỗ mãn, lông mày nháy mắt khéo trông lấy. Thư tay đem lại biết không biết, ngọt thì ngọt chừ, đắng đắng thôi!".

11. Thiền sư Quy Tài ở Hoắc khâu.

Thiền sư Quy Tài ở Hoắc khâu tại Thọ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là ý chỉ kín mầu của Tổ sư?" Sư đáp: "Mắt Phật không thấy". Lại hỏi: "Vì sao nhìn không thấy?" Sư đáp: "Ý chỉ kín mầu". Lại hỏi: "Lúc một lời cùng khế hợp thì thế nào?" Sư đáp: "Mang nước kèo bùn". Lại hỏi: "Lúc phải bụi thấy Phật thì thế nào?" Sư đáp: "Lông mày dài ba thước". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Nếu tại trong đó mà tỏ ngộ thì vụt nhiên căn trần chẳng bó buộc văn tự tiện mới ngồi dứt đầu Báo Hóa Phật. Sư tử lông vàng lên đỉnh núi Tu-di gầm rống một tiếng, gan mật các ma xé nát". Xong, Sư sờ nắm lấy cây gậy và bảo: "Thôi đến trong núi lương chôn vùi căn, tạm tại dưới thành Hoắc Khâu nhón lấy ra. Có hiểu chăng? Nếu dùng kiến để thấy đó là thường kiến, dùng không kiến để thấy đó là kiến. Từ xưa trở lại, dây sắn một thời vạch dứt, thấy tức không thấy, lại có thấy chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Thôn trước trong tuyết sâu, đêm qua một cành nở".

12. Thiền sư Tự Phương ở An quốc.

Thiền sư Tự Phương ở An quốc tại Nhiêu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn khắp đại chúng rồi bảo: "Có hiểu chăng? Hết thảy kiến thành, chẳng dùng mảy may tâm lực, chỉ dứt hết phàm tâm riêng không Thánh giải. Do đó nói Quán thân thật tướng, Quán Phật cũng vậy, khoảng trước chẳng lại, khoảng sau chẳng đi, nay thì không dừng ở. Gốc của không dừng ở lưu xuất muôn đầu mối, vạn tượng sum la đồng một lúc nghiệm lấy".

13. Thiền sư Dụng Bân ở Hương tích.

Thiền sư Dụng Bân ở Hương tích - Thánh thọ tại Lễ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngựa gỗ xung mở đường ngàn cưỡi, trâu sắt thấu qua ải muôn trùng. Ngựa gỗ trâu sắt ngày nay tại xứ nào?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Kinh dậy trời chiều Nhạn trên cát, cửa biển liệu đi vài ba hàng".

14. Thiền sư Tử Lai ở Thụy tướng.

Thiền sư Tử Lai ở Thụy tướng tại Thụy châu. Có lúc lên giảng

đường, Sư trông nhìn khắp đại chúng rồi bảo: "Phàm là Tông tượng phải tùy xứ dẫn cương, ứng cơ hỏi đáp, giết sống đến thời, tâm mắt tinh sáng nào dung yêu quái. Nếu tại đầu gậy mà chứng lấy, dưới tiếng hét mà nhận được, chôn vùi Tông phong, xấu hổ với người khác làm trước, chuyển thân một đường thẳng tại đợi nghi, một hơi không lại tức đồng kẻ c- hết - Đại chúng thẳng nhiều đến ruộng đất ấy, còn là câu nói chôn vùi, chưa có một đường thoát qua. Dám hỏi cùng các người làm sao sống là một đường thoát qua? Lại có người nào nói được chăng? Nếu không, Sơn Tăng chẳng khỏi cùng các người nói phá". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Ngọc lìa kinh tụ sáng lạnh động, kiếm ra phong thành khí tía giăng".

15. Thiền sư Tùng Nhất ở Chân không.

Thiền sư Tùng Nhất ở Chân không tại Lô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm kiếng sáng soi vô ngại. Chẳng kêu làm gậy cũng là ngại. Lìa ngoài đây ra rốt cùng thì thế nào? Cần hiểu chăng? Ngại và không ngại ai vì giải đáp, núi sông đất liền vụt nhiên vỡ vụn".

16. Thiền sư Quảng ở Càn minh.

Thiền sư Quảng ở Càn minh núi Phụng hoàng tại Tương châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mặt nhật xuất hiện bờ Đông, mặt nguyệt ẩn lặng bờ Tây, đi lại nhanh như thoa, thúc giục người thành cốt trắng. Sơn Tăng có một pháp có thể làm thuật bảo trì thọ mạng, sinh tử chẳng cùng liên can, đánh phá hang tinh hồn. Ôi, ôi, ôi! Là vật gì? Chẳng là chúng sinh chẳng là Phật. Tham".

17. Thiền sư Trí Tuân ở Khai tiên.

Thiền sư Trí Tuân - Tâm Ấn ở Khai tiên tại Lô sơn vốn người xứ Nhiêu sơn, nhân khảo xét kinh pháp mà được độ xuất gia. Chí ý Sư rất kính mộ Tông phong. Đến dự tham ở Thiền sư Viên Thông mà phát ngộ tâm yếu, đại chúng suy tôn là bậc thượng thủ. Sư bèn ở Diên xướng tại Hợp phì, sau dời đến Khai tiên. Thiền sư Phật Quốc lại tấu trình ban tặng pháp y phương bào sắc tía, Đô úy Trương Công tấu trình ban tặng Sư hiệu là Tâm Ấn. Có vị Tăng hỏi: "Hòa thượng xuất hiện nơi đời lấy gì làm người?" Sư đáp: "Núi hình cây gậy chống". Lại nói: "Điêu đao tương tợ ngư lỗ sâm sai". Sư bảo: "Sáng ba ngàn, chiều tám trăm". Lại hỏi: "Triệu Châu ba lần tiếp người, chưa xét rõ hóa thân mấy lần tiếp người?" Sư đáp: "Tùy nhà giàu nghèo" Lại hỏi: "Căn cơ hướng thượng tuy đã hiểu, còn căn cơ trung hạ như thế nào?" Sư đáp: "Lãnh lấy ý đầu cần câu, chớ nhận sao Định bàn". Lại hỏi: "Tu Bồ-đề xướng Vô Thuyết mà hiển bày đạo, còn Hòa thượng lấy gì để hiển bày

đạo?” Sư đáp: “Sơn Tăng chỉ tợ sắt”. Và Sư mới bảo: “Hết tầm mắt nhìn trời xanh không mảnh mây, muôn tượng sum-la toàn thể bày. Nếu cũng phỏng bàn và thương lượng, trọn vút trở thành cái lộ bày”. Ngừng giây lát rồi Sư trở về nhà uống trà. Có lúc, Sư bảo: “Sáng sớm giờ Dần mặt nhật xuất hiện trên Phù tang soi chiếu người nào? Trong đó chưa hiểu rong ruổi Nam Bắc, ai biết khắp đại địa một mảy trần? Tuy là như vậy, hiểu được thì rất kỳ đặc, không hiểu được cũng rất thân gần”. Sư lại bảo: “Từ trước đánh trống đến nay, đại chúng đồng nghe thấy, pháp pháp hiển bày chẳng nhọc rèn luyện. Chư vị Thiền đức, vì sao như vậy? Những người kia là Đại trượng phu vì các ông thông một đường chỉ”. Sư lại bảo: “Động tĩnh chẳng thiền, đến đi thường định, muôn mạch đồng nguồn, mây biển tự khác. Có thể gọi là tâm cảnh nhất như, có gì chẳng thể. Tuy là như vậy, nhưng hãy nói nạp Tăng phân trên có được không? Ngừng giây lát, Sư bảo: “Thiên thai cây lang tiêu, Nam nhạc dây vạn tuế”. Sư lại bảo: “Năm núi Tu-di trong lòng bàn tay, xem cùng mười phương ngay trước mắt. Hãy nói là người nào phận việc trên? Do đó, Đại sư Vân Môn nói: “Tam Tạng Thánh giáo tại trên đầu lưỡi ông, chư Phật như mảy trần tại dưới cẳng chân ông. Chẳng như tỏ ngộ thì tốt lành, bỗng nhiên nếu đắp dính đặt để, Đông Tây chẳng rành Nam Bắc chẳng phân, lại làm sao sống?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Còn được trăng sáng tại Ngũ hồ, chẳng buồn không chốn xuống cần câu”. Sư lại bảo: “ Một pháp không thông, muôn duyên mới thấu, núi sông không cách ngại, Linh quang tỏa sáng khắp nơi. Hãy nói vì sao mắt không thấy lông mày? Chỉ vì nơi ở rất gần chưa khỏi nạp Tăng lấy cười. Đã chẳng là gì lại làm sao sống?” Bình bát không đáy là việc tầm thường, mặt không lỗ mũi cười giết người”.

18. Thiền sư Đức Ngung ở Cam lồ.

Thiền sư Đức Ngung ở Cam lồ tại Thư châu. Có vị Tăng hỏi: “Biết Sư đã chứng đắc yếu chỉ từ Viên Thông, nhưng chưa xét rõ chỉ bày người như thế nào?” Sư đáp: “Ban ngày trông mặt nhật”. Lại hỏi: “Người học chẳng hiểu?” Sư đáp: “Ban đêm nhìn muôn sao”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Ca hát phải lắc đầu, khóc than phải nhăn mày”. Lại hỏi: “Thế nào là một câu đầu tiên?” Sư đáp: “Lương Vương không biết”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Riêng tự thương lượng”. Có lúc Sư chỉ bày đại chúng rằng: “Trong rừng chiên đàn không gây gỗ gì khác, đếu là rễ mọc đất sinh trưởng xuất hiện nơi đời, hoa quả cành nhánh đều tươi tốt, hoa Ưu-bát-la một thời xuất hiện, ngay được Thánh phàm nhóm tụ, xa gần đồng quán sát

thì chẳng không. Hãy nói nhân tiếp thừa ai mà che râm?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Phía Nam núi nổi mây, phía Bắc núi đổ mưa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sáng sớm đánh trống nhọc động các người, Phật kia tùng lâm phụng thờ chẳng được rồi. Ngay nhiều Đức Sơn một gậy tợ kiếm dài tựa trời. Lâm Tế một câu như đất nắng hạn táo sấm. Tất cả đều là cậy thế khinh người, không gió nổi sóng. Ngày nay Sơn Tăng xúc phạm quá trời, lưu lại cho các phương điểm kiểm".

19. Thiền sư Lương Sách ở Tương sơn.

Thiền sư Lương Sách - Tuệ Cự ở Tương sơn tại phủ Giang ninh, vốn người xứ Phước châu. Nhân khảo xét kinh pháp mà được độ xuất gia, Sư tham phương phỏng Đạo, dự tham Thiền sư Tư ở Lục hợp hơi có chút phát minh, đến dưới pháp tịch của Thiền sư Viên Thông chóng được giải thích nghi trệ. Ra hoằng dương giáo hóa, Sư ở tại Hoa tạng rồi chuyển dời đến Chung sơn. Có vị Tăng hỏi: "Chư Phật xuất hiện nơi đời khắp về quần sinh, còn Hòa thượng xuất hiện nơi đời lại như thế nào?" Sư đáp: "Cây gậy chưa từng nắm đến". Lại hỏi: " Cho gì thì trời người đều được lợi?" Sư đáp: Khéo lẽnh hội câu thoại trước". Lại nói: "Kính vâng". Sư bảo: "Cái ấy nạp Tăng còn rõ rệt chút nào". Và Sư bảo rằng: "Gió thu yên lặng, cảnh thu tiêu điều, nhạn bay qua trời, yến lìa Đại hạ. Thiền khách du phương chọn nơi an cư, eo Đông đãy nhẹ, tay cầm gậy ngắn, bên sông mé tùng, đi ở không bó buộc. Tuy là như vậy, bỗng nhiên có người hỏi làm sao sống là việc hành khất cuối cùng? Người sáng mắt trước đối đáp như thế nào? Nếu là người có sở đắc thì muôn một không nghi, hàng hậu học sơ tâm còn phải tử tế. Có hiểu chăng? Muốn biết đường trên sông, phải hỏi người từng qua". Sư lại bảo: "Tuyết sắp tàn phần ngoài lạnh, đến lửa dễ dàng, qua đường khó khăn, khéo là đắp y yên ngủ mặc tình ngày khác lên lan can, Tổ sư chẳng cần chặt cánh tay, học trò tôi chẳng làm nhàn rỗi, dầm dề thời gian, việc người lắm mối. Bên ấy nước biếc, bên nào trời xanh, khó khó trăm năm vạn sáu ngàn ngày nhìn nhìn bèn thấy lông sâu bồm xồm. Sơn Tăng cùng gì nói năng kéo bùn mang nước? Tuy là như vậy, nhưng nuôicon mới biết công khó của phụ tử".

20. Thiền sư Nột ở Cát tường.

Thiền sư Nột ở Cát tường tại huyện phủ Hồ, Thái bình châu. Có vị Tăng hỏi: "Ngày xưa nơi bờ đài phụng hoàng đã được cơ yếu của Viên Thông, ngày nay ngồi dứt cốt lõi, mong xướng hát khúc nhạc Tây lai". Sư bảo: "Mặt nhật xuất hiện lúc giờ mão, chỗ dùng chẳng phải sinh khéo léo". Lại hỏi: "Ngày nay người học được nghe điều chưa

từng nghe". Sư bảo: "Tâm chẳng phụ người, mặt không vẻ thẹn". Lại nói: "Có thể gọi là tiếng trong thông Bích hán, khúc nhạc xưa thảy đều nghe". Sư bảo: "Gặp người chỉ mặt tình lưu thông". Và Sư mới bảo: "Chư Phật chẳng ra đời cũng không có Niết-bàn, Tổ sư chẳng từ Tây vức lại, cũng không điều trao truyền. Nếu một hướng mặc tình đi. Thích-ca Lão Tử uống khí nuốt lời, buông một luồng chỉ qua bên ấy lại, bèn thấy có Phật có Tổ có Sư có sự tiếp nối truyền thừa. Sơn Tăng đến trong ấy, tiến tới trước không được, thụt lùi sau chẳng có lối, không khỏi lộ bày cái tin tức, cũng cần mọi người biết đến và ủy thác, lại ủy thác chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Một tiếng sấm sét đánh vũ trụ, mấy người còn tại trong mộng hồn". Sư đến ẩn tỉnh, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong ảnh Ngũ phong, trong tiếng hai khe, cỏ cây thông xanh, mây khói im lìm, phong quang tràn mắt khắp chốn khả quan. Tuy là như vậy chỉ tợ khua dính bên cạnh đường một câu làm sao sống? Nói. Lại có biết nơi rơi lạc chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Linh lông tám mặt tự xoay hợp, cao vợi một phương ai dám nhìn". Sư lại bảo: "Thổi trăng ngâm gió nước đá hỏi, quên cơ bể lớn được tâm nhàn rỗi. Không đầu mối đánh phá trống rỗng nghênh ngang. Thẹn đối mây trắng về núi cũ".

21. Thiền sư Xung Vân ở Quảng tuệ.

Thiền sư Xung Vân ở Quảng tuệ tại Lô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Quảng tuệ?" Sư đáp: "Bách xưa ngậm khói biếc, tùng cao vướng mây lạnh". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Một bình nước sạch một lồng đèn, Đồng tử tụng kinh, Tăng tọa thiền". Và Sư mới bảo: "Biển tánh pháp giới chẳng phải Tam giới khả quan, pháp môn giải thoát, hết sạch mảy trần có thể thấy. Bởi vì tánh linh chẳng ngang bằng, căn khí có sai khác. Chư Phật xuất hiện giáo hóa nơi đời,tùy duyên thiết giáo, hoặc nơi phường trà quán rượu, theo khí gieo cơ, hoặc hẻm liễu đường hoa thong dong tự tại, các thứ thi vi đều vào biển Tát-bà-nhã, nghĩ gì nói năng xấu hổ với Tiên Thánh. Chẳng thấy người xưa nói: Trên vách tường một cục thịt đỏ đứng cao ngàn nhận, đầu sào trăm thước làm sao bước tới". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Buông tay về nhà người không biết, lại không một vật dâng hiến Tôn đường. Trân trọng!".

22. Thiền sư Nguyệt ở Tư phước.

Thiền sư Nguyệt ở Tư phước tại Thừa thiên, Lô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Lô châu?" Sư đáp: "Ngàn dặm phong oai túc, lắm thành giác vận ". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp:

"Ca liêm tuy nổi áo quần vịnh, mược mũ khó để lại trụ thạch tài". Và Sư mới bảo: "Tin biết việc này, Tây trúc thủ truyền Ca-diếp, trong khu vức Tổ lệnh cương hành tại Trung Hoa sau giao phó cho Lô Công. Phong hóa chân thật của ngoại giáo chẳng rơi lạc, phân đèn chia phái, theo khí gieo cơ, từ xưa đến nay Thánh hiền xuất hiện,đâu có thể là hàng tiểu căn tiểu trí mà có thểtiếp nối được Tổ tông, phát bày mưu thật xưng dương việc ấy. Tuy là như vậy nhưng sự việc không một hướng. Há chẳng thấy các bậc tiên đức nói: "Người nói pháp đầu tiên chẳng biết có câu cuối cùng, người nói pháp cuối cùng chẳng biết có câu đầu tiên. Câu đầu tiên tức tạmđặt vậy, còn làm sao sống là câu cuối cùng? Có nói được chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Trân trọng!".

23. Thiền sư Sư Tử Thắng ở An phước.

Thiền sư Sư Tử Thắng ở An phước tại Ninh lăng - Nam kinh. Có vị Tăng hỏi: "Nếu lập một mảy trần thì nước nhà hưng thạnh, còn lúc chẳng lập một mảy trần thì thế nào?" Sư đáp: "Động kẻ có mắt không tai, tháng sáu ngồi bên lửa". Vị Tăng ấy bèn trở về trong chúng. Sư bảo: "Trong ba mươi sáu kế, bỏ chạy là trên hết, theo sau bèn đánh". Và Sư mới bảo: "Hỏi nơi gió vút điện cuốn, đáp nơi biển nhận các dòng là sao? Vả lại đại đạo rỗng thoáng ai dùng lời tuyên. Pháp không đi lại vốn chẳng ẩn hiện, từ nay và xưa nào từng có khác, Linh quang chẳng mờ thể bày chân thường, tâm vốn vắng lặng cảnh tự chẳng sinh. Cảnh đã chẳng sinh tánh vốn thường trú. Có thể gọi là tất cả các pháp thảy đều viên thành. Cho nên với bậc Tiên giác có nói: "Pháp vốn pháp không pháp, pháp không pháp cũng pháp. Nay lúc trao pháp không, pháp pháp nào từng pháp". Các vị nhân giả, kia không nghĩ gì bảo báo các người, sao chẳng ngay đó nhận lấy? Nếu cũng nhận lấy được thì có thể ở trong trí sáng Bát-nhã vân du khắp thế giới Hoa tạng, ngang dọc tự tại, diệu dụng vô biên, phỏng nghĩ suy lường vụt thành bày biện, mảy may tình niệm, sự tướng chẳng quên đi lại xoay vần nào có dừng nghỉ, rất chẳng biết phàm đến cùng với Thánh, đều là hư danh, dị tướng hình kém xưa nay huyễn sắc. Nếu hay tự tin đã nhiều kiếp khổ nhọc, băng tan ngoái vỡ. Như vậy thì mười phương thế giới một ngày nuốt hết, nơi nào lại có một mảy may làm chướng làm ngại? Tuy là như vậy, dám hỏi cùng các người: Chỉ như Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại chín năm ngồi lạnh cái gì?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Chẳng cần nghi ngờ chấp trước". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Muôn cây tươi tốt, các núi Thố lạc, Tùng nghiêm Bách cổ bốn mùa lớn xanh, dưới rừng cùng gặp lại nói gì? Nếu cũng nhướng mày nháy mắt, cũng là quỷ lộng tinh hồn. Lại hoặc nhón

nắm phất trần đánh gõ sàn tòa rất tợ gảy ngứa ngoài giày, đắp dính dập dính, đầu súng mặt đỏ, đến trong đó làm sao để vừa tốt?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Mượn các ông một mảnh ruộng đất hoang trống, riêng đồi núi cao làm cử dương. Tham".

24. Thiền sư Đạo ở Chánh giác.

Thiền sư Đạo ở Chánh giác tại Kim lăng. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Bày kho cơm gạo đạm bạc dưa muối vàng". Lại hỏi: "Thế nào là nơi cấp thiết?" Sư đáp: "Nửa nhà kho thành nền chân phương trượng'.

25. Thiền sư Nghĩa Đoan ở Trừng tuệ.

Thiền sư Nghĩa Đoan ở Trừng tuệ tại Lô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Nắn bùn thếp vàng". Lại hỏi: "Thế nào là pháp". Sư đáp: "Cửa biển khó tuyên bày". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Cạo đầu nhuộm bát". Lại hỏi: "Hướng thượng lại có việc gì không?" Sư đáp: "Chẳng phòng ngại rõ ràng". Và Sư mới bảo: "Núi xuân sắc xuân xanh nước biếc, theo gợn đuổi sóng Thánh rỗng ném, nếu hay trở lại tìm nguồn gốc, muốn phái phân dòng tiếng rẽ rành. Hỏi cùng các người biết hay không biết? Nếu như biết thì khỏi xét điểm đang năm mặt vách trống".

26. Thiền sư Vương Sùng - Thắng Ích ở Bắc thiên.

Thiền sư Vương Sùng - Thắng Ích ở Bắc thiên tại Lô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Linh nguyên vắng lặng động tĩnh nhất như, muôn pháp vốn không tùy duyên mà chiếu, vuông tròn tùy vật ứng dụng không riêng, bày cổ bày kim rõ ràng tự tại. Do đó, tại trời xoay lại đó chẳng động, tại sông rót xuống đó chẳng chảy, vắng lặng mà chẳng ngưng, động mà chẳng loạn, vận dụng muôn thuyền ẩn không trệ ngại. Tuy là như vậy, tránh sao Tổ tông môn hạ tất cả đều dùng chẳng nhằm. Dám hỏi cùng các người Nạp Tăng có nơi nào kỳ đặc?" Xong, Sư nắm cây gậy đặt ngang trên đầu gối và tiếp bảo: "Hiểu chăng? Ánh sáng thất tinh sáng rỡ cử động ngời soi đất trời". Rồi, sư chống xuống một cái, lại bảo: "Tông phong Tổ lệnh nhọc tự ngậm lời, ngồi dứt diệu cao một miệng nuốt hết, Hoàng hà đổ ngược Côn lôn, trâu sắt chạy ngang vũ trụ. Đến trong ấy tức phải có một đường xuất thân. Ngừng giây lát, Sư bảo: "Ngựa ngọc lúc hý đấu vàng chuyển, gà vàng nói gáy mặt nhật bày. Tham".

27. Thiền sư Trí Nhu ở Thê hiền.

Thiền sư Trí Nhu ở Thê hiền tại Lô sơn, đến dự tham nơi Thiền sư Viên Thông mà có tỉnh ngộ, mới dâng hiến gieo cơ với bài tụng rằng:

"Hai mươi năm lại hành cước
Chạy khắp Đông kinh Tây lạc
Như nay tức đến Thê hiền
Một bước chẳng từng đời trước".

28. Thiền sư Vĩnh - Tuệ Nghiêm ở Thiên hy.

Thiền sư Vĩnh - Tuệ Nghiêm ở Thiên hy tại Kim lăng. Có vị Tăng hỏi: "Tổ sư chín năm xoay mặt vách tường mưu tính cái gì?" Sư đáp: "Trời che đất chở". Lại nói: "Ngày xưa Đạt-ma, ngày nay Thiên hy". Sư bảo: "Lắm năm nhiều ngày". Lại hỏi: "Chánh ngay lúc nào, Phật pháp tại xứ nào?" Sư đáp: "Trong lỗ mũi ông". Lại hỏi: "Thế nào thì hơi thở gấp giết người?" Sư đáp: "Cũng có chút ấy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÍ TÀI Ở NÚI PHẬT NHẬT TẠI HÀNG CHÂU.

1. Thiền sư Tự Linh ở Giáp sơn.

Thiền sư Tự Linh ở Giáp sơn tại Lễ châu, vôn dòng họ Chu, người xứ Nghi hưng. Sư xuất gia thọ học tại chùa Phước Thánh ở Bản châu. Năm mười tám tuổi, Sự thọ giới Cụ túc, vân du các chốn Tùng lâm, đến dưới pháp tịch Thiền sư Trí Tài ở Phật Nhật mà được tỏ ngộ tâm yếu, bèn ở hầu hạ qua nhiều năm. Đến lúc Thiền sư Trí Tài thị tịch, Sư lại vân du khắp các phương, cùng với Thiền sư Lâm ở Thạch sương đồng đi. Nhẫn đến trong pháp hội của Thiền sư Nam ở Hoàng long. Thiền sư Lâm không hiểu Tông chỉ của Hoàng Long mà đầu thành nhập thất, Sư tức giện đánh Thiền sư Lâm rồi tuyệt giao mà bỏ đi. Sư đến dưới pháp hội của Thiền sư Như Triết ở Đại quy và làm Thủ tòa, bèn khai pháp hoằng hóa. Có vị Tăng hỏi: "Lúc hỗn độn chưa phân thì thế nào?" Sư đáp: "Gió xuân phẩy phẩy". Lại hỏi: "Sau khi đã phân thì thế nào?" Sư đáp: "Ngày xuân chầm chậm". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Một năm ba trăm sáu mươi ngày". Có lúc lên giảng đứng giâh lát, trông nhìn khắp đại chúng rồi Sư bảo: "Quạ đen chạy trong mặt nguyệt, ai bảo một vật không. Triệu châu trên vách tường phía Đông treo cái hồ lô lớn. Tham". Lại có lúc lên giảng đường đứng giây lát, Sư đánh một vòng tròn và bảo: "Đại chúng! Hơn năm ngàn quyển thuyên giải chẳng hết, chư Phật ba đời tán thán chẳng cùng. Khiến người liền nhớ ông bán dầu, lang mang chạy dưới giường chỏng. Tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiện mới quên có giữ im lặng, đã bị mè vàng chiếm trước, phỏng muốn trình bày ngôn từ bén nhọn, rơi lạc ở sau Cù-đàm. Lìa hai đường đó làm sao sống là một

đường nạp Tăng thoát qua?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Khéo cười Nam tuyền nơi dẫn khởi, cắt cỏ liềm con thế cong cong. Tham”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ỨNG PHU - QUẢNG CHIẾU Ở TRƯỜNG LÔ.

1. Thiền sư Tông Di ở Hồng tế.

Thiền sư Tông Di ở Hồng tế tại phủ Chân định, vốn dòng họ Tôn, người xứ Chiểu châu. Thuở thiếu thời sư tập học Nho nghiệp, thông giỏi hơn hẳn mọi người. Thiền sư Mãn ở Nguyên phong thấy thế, bèn khuyên Sư kính tin phụng Phật. Sư bèn đến nơi Thiền sư Viên Thông xuất gia và thọ giới Cụ túc. Đến dự tham nơi pháp tịch của Thiền sư Quảng Chiếu và thường mở hỏi tông du mà chưa được mở phát, một ngày nọ Sư vừa bước chân đến thềm cấp, bỗng nhiên tỉnh ngộ, bèn thuật bài tụng gieo cơ rằng: “Dất chân trên thềm gạch, rõ rành cái pháp ấy. Cây bờ Hoàng dương cười ha ha, muôm dặm trời xanh một vầng nguyệt”. Và Sư bèn trình sở ngộ của mình và được Thiền sư Quảng Chiếu hứa khả cho đó. Đợi đến lúc Chế Dương công úy thỉnh mời Sư ra đời giảng pháp hoằng hóa. Có vị Tăng hỏi: “Đài tinh đến tòa báu, ý Tổ nguyện tuyên dương”. Sư đáp: “Muôn dặm chẳng treo mảnh mây”. Lại nói: “Ân sâu chuyển không lời”. Sư bảo: “Chỉ có gió tốt lành đến trên sàn tòa, lại không rảnh nói lạc người đời”. Lại nói: “Thuần phong ngàn xưa đặt đất trong lành”. Sư bảo: “Thật sư tử con khéo rống tiếng sư tử” Lại hỏi: “Bốn chung đến pháp diên, xin sư giảng nói pháp”. Sư bảo: “núi Tu-di, nước biển lớn”. Lại nói: “Tôi nghe một lời xướng, ba nghi thảy dứt trừ, sen xanh mở mắt nhìn Đầu đà”. Sư bảo: “trong hang Tất -bát nói hiểu thế nào?” Lại nói: “Mặt nhật giữa không trung, gió trong lành khắp tiòa”. Sư bảo: “Chỉ nói được một nửa”. Lại hỏi: “Tổ sư Đạt-ma ngồi xoay mặt vách tường, nghĩa lý ấy như thế nào?” Sư ngừng giây lát, vị Tăng ấy lễ bái, Sư bảo: “Ngày nay bị vị Tăng này hỏi một câu câm miệng”. Và Sư mới bảo: “Đông đi lạnh ăn, một trăm lẻ năm người sống, trên đường người chết vô số, đầu đâm rừng gai góc, rồi mới gọi là chúng sinh khổ, việc lạy quét thế nào? Trên đống cốt thêm đất, chỉ có người xuất gia chẳng đạp đường vô sinh. Đại chúng hãy nói hướng đường nào đi? Có hiểu chăng? Nam Thiên thai, Bắc Ngũ đài. Tham”. Sư lại bảo: “Trấn châu đầu La-bặc, tiếng tăm truyền khắp thiên hạ, tuy là những bậc lão túc ở các phương hết sức dẫn dắt, nhưng mà lắm miệng nạp Tăng cấn gặm chẳng phá. Trước ở Thiền sư buông xuống lại phân giao Sơn Tăng, như nay bửa chẻ tương lai cúng dường cùng khắp”.

Ngừng giây lát, Sư bảo: "Chớ hiềm lạnh nhạt không béo bổ, Liển biểu nhà thiền một mảnh tâm". Sư lại bảo: "Gió vàng lặng lẽ, cảnh vật tiêu điều, lá rơi sân hẩm, mây bay trên non, chẳng trốn lánh nắng mà nắng tự lùi, không ý mong mát mà mát tự đến, chánh ngay lúc nào, nếu cho là cảnh giới duy tâm, chánh là trên đầu lại găn thêm đầu, nếu nói tất cả bình thường thì rất giống chém đầu mà tìm sự sống". Sư lại bảo: "Tân La riêng không Diệu quyết, ngay lời chẳng lánh cắt lưỡi, chỉ hay tâm miệng tương ưng, một đời thọ dụng chẳng suốt. Hãy nói thế nào là câu tâm miệng tương ưng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Gạch cháy đánh dính liền đáy đông lạnh".

2. Thiền sư Tông Sơ ở Lang da.

Thiền sư Tông Sơ ở núi Lang da tại Trừ châu. Có vị Tăng hỏi: "Triều Tề thỉnh Sư ngồi bệ báu, dùng phương tiện thế nào để chỉ bày ý Tây lai?" Sư đáp: "Ít nhiều rõ ràng". Lại hỏi: "Thế nào là mưa pháp cao thấm rõ rõ nhà?" Sư đáp: "Nghèo không Đạt sĩ đem vàng giúp, bệnh có người rỗi nói phương thuốc". Lại nói: "Mây tan mới biết sông trăng tỏ, ngôi không mới thấy có Lão lô". Sư bảo: "Riêng ở việc người". Lại hỏi: "Thế nào là cảng Lang da?" Sư đáp: "Mặt trời hồng chiếu thành cảnh sắc vàng ròng, khói thu nhuộm ra ngọc lưu ly". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Lay đầu núi muôn đá, tựa tay một cây gậy". Và Sư mới bảo: "Nếu y cứ môn hạ Tổ sư nhướng mắt thì ngàn núi muôn sông, cúi đầu mới mười vạn tám ngàn. Lại như phô bày lời sắc bén , tìm lời nghiên cứu huyền diệu cũng thí như đánh băng tìm kiếm lửa, leo cây bắt cá, nhọc phí tinh thần, xa đó lại càng xa vậy. Nói năng như thế, còn giẫm trải qua hóa môn. Tạm hỏi cùng các người một câu chẳngrơi lạc hóa môn làm sao sống? Nói". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Một câu không riêng tư ứng đó cả muôn dặm".

3. Thiền sư Đạo Thành ở Long bàn.

Thiền sư Đạo Thành ở núi Long bàn tại Trừ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Long bàn?" Sư đáp: "Mây tan ngàn núi biếc, khói sâu cách mưa chuông". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Một cành Lang tiêu, ba kiện áp nạp". Lại hỏi: "Hướng thượng còn có việc gì không?" Sư đáp: "Kẻ tài ngủ gật". Lại hỏi: "Nghe Sư đã đắc yếu chỉ của Hoàng mai, vậy một pháp thế nào để chỉ bày mọi người?" Sư đáp: "Hoa nở một đóa xinh, gió động một sông lạnh". Lại nói: "Trúc gầy có tiết cao, mây tản không định vết". Sư bảo: "Một khúc sở ca buồn giết người". Lại hỏi: "Nắng xuân đã phát thấy cây mới tốt tươi, tòa báu đã lên, xin Sư vì giảng pháp". Sư bảo: "Bờ liễu đón gió múa". Lại hỏi:

"Người học chưa hiểu?" Sư đáp: "Hoa khe hướng mặt nhật nở". Và Sư mới bảo: "Thư tay mang lại, không gì chẳng là diệu dụng. Linh tri tự tánh, nhiều kiếp thường như. Động tĩnh tùy duyên như hang đáp hưởng, phân thân trăm ức do quần sinh, rưới Cam lồ rót tiêu nha, trải mây lành, đàm thật tướng đều kết quy chí đạo xưa nay trạm nhiên. Lại phải đánh bày tinh thần rõ ràng nhìn lấy. Các nhân giả có thấy chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Nước thu tràn cùng thấy tận đáy, khe tùng ngàn thước chẳng đâm cành".

4. Thiền sư Minh ở Phổ mãn.

Thiền sư Minh ở Phổ mãn tại Hấp châu. Có vị Tăng hỏi: "Mỗi Đức Phật xuất hiện nơi đời đều ngồi một hoa. Ngày nay Sư xuất hiện nơi đời vì gì mà lên ngồi tòa đây?" Sư đáp: "Một mảnh mây hồng nổi, ngàn núi đất trải vàng". Vì Tăng ấy nắm tọa cụ lên và hỏi: "Hãy nói có này là gì?" Sư đáp: "Chẳng dùng tơ đen chỉ gai". Lại hỏi: "Thăm mặt cùng gặp tức chẳng hỏi, còn Thần quang sau đầu lược mượn xem?" Sư đáp: "Chẳng vay mượn". Lại hỏi: " Vì sao chẳng vay mượn?" Sư đáp: "Giặc là tiểu nhân". Lại hỏi: "Xa vượt núi sông tức chẳng hỏi, còn ý Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại, việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Ma-la trở về Tây vức giả từ Chấn đán đến nay còn tự cười cháu con". Lại hỏi: "Thế nào là các Thánh vào đất ly rất không lợi tế?" Sư đáp: "Mặt xoay vách tường chín năm không phí sức, đượcda được tủy rất không đầu mối". Và Sư mới bảo: "Gia phong Tổ ta đâu giẫm trải qua đường, mất tông tùy chiếu dụng tâm thô, một lời vì báo người tri âm, gần đây Nam Năng chẳng họ Lô". Lại có lúc lên giảng đường, Trông nhìn cả đại chúng xong, Sư bảo: "Ngà móng một nắm cốt, lỗ tai hai mảnh da, từ đầu mãi đến nay, Thiền nhân còn chưa biết. Các nhân giả, chỉ gì hiểu được? Bên là xuất trần La-hán Anh linh trượng phu, nếu chưa như vậy thì Giang bắc Giang nam hỏi Vương Lão, một Hồ nghi trọn hồ nghi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn đại chúng và bảo: "Một tay Phật, hai cẳng lừa, duyên sinh mỗi mỗi tự châm chước, ban ngày xuất hiện phương Đông ban đêm rơi lặng phương Tây, đầu gạch rất dày, ngoáy mỏng manh, bày bày trước ba ba cùng sau cũng ba ba, chớ nói Văn Thù Vô Trước".

5. Thiền sư Phổ ở Bao thiền.

Thiền sư Phổ ở Bao thiền tại Hòa châu. Có vị Tăng hỏi: "Sáng nay may gặp lên Tổ vị, Sư dùng pháp gì chỉ dạy kẻ mê tình?" Sư đáp: "Độc diệu không riêng, đối dương có chuẩn". Lại nói: "Hoa đàm mới đầy khắp nơi tỏa hương". Sư bảo: "Phần trên ông làm sao sống?" Lại nói: "Cự Linh lắc tay không lắm con, phân phá hoa sơn ngàn muôn

lớp". Sư bảo: "Hãy yên lặng". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Mẫu đơn phải là ba xuân nẩy". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu?" Sư đáp: "Cúc vàng lại nở ngày mồng 09 tháng 09 năm khác". Lại hỏi: "Thế nào tức tiện là nơi Hòa thượng vì người". Sư đáp: "Sai nhầm". Và Sư mới bảo: "Hồng cơ mới cắt, Đại thí môn khai, phát sáng tuệ nhật ở trước núi, mở ngọc ly ở câu sau, toàn mở kho báu, đặt quyết các nghi ngờ, cắt thẳng muôn đường, tâm theo vạn hóa, hiện sực tự tại, tỏa lớn oai quang, khiến một ánh đèn phân chiếu khắp mười phương, mảnh trăng tỏa sáng cả muôn sông. Làm căn bản của Thánh phàm, làm nguyên do của mê ngộ. Diễn xướng một tiếng chóng trừ lưới nghi, bao hàm vạn hữu, kín trao các cơ. Tâm mắt đã mở, tròn sáng tự hiển bày, trí cùng sâu tối soi xét ứng dụng ngàn sai. Buông cuộn hiện tiền không gì chẳng là diệu dụng. Các nhân giả, hướng đến trong đó tiến cử được, gầm rống âm của sư tử, phấn phát thế của tượng vương. Vén dị kiến sai biệt, rõ khác đường buộc mở, làm bến bờ nơi biển khổ, nắm ấn báu của Pháp vương. Quyền hành trong tay, kiếng sáng trên đài, có thể dùng để dẹp tà giáp Thánh, có thể dùng để dứt ngụy còn chân, hiện một đường mà trong suốt, mở các tà mà thể diệu, tròn sáng chẳng phải ngoài, hiển bày một Linh, mở rộng nguồn vạn hóa, thẳng bày Lý chân không. Các nhân giả có hiểu chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Ngời sáng đất trời không riêng chiếu, một đường tỏa sáng nơi nơi thông. Trân trọng".

6. Thiền sư Đạo Huy ở Bảo lâm.

Thiền sư Đạo Huy ở Bảo lâm tại Trừ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đại mai nói đến". Lại hỏi: "Vì gì mà đèn đèn tương tục tiếp nối?" Sư đáp: "Đổi tướng độn đặt". Lại hỏi: "Nước lưu xuất từ cao nguyên làm sao rõ hiểu?" Sư đáp: "Xưa nay chảy chẳng cạn". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu?" Sư đáp: "Ranh giới phá núi xanh". Lại nói: "Đáy biển bụi hồng nổi, đầu non sóng bạc trào". Sư bảo: "Bít giết ngươi". Lại hỏi: "Nghe cạn hiểu sâu là việc tầm thường, còn Đạt-ma mê gặp ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Đầu đội trời, chân đạp đất". Lại hỏi: "Bỗng gặp ba nhà, người trong thôn chỉ đối đáp như thế nào?" Sư đáp: "Buồn thì cùng lo, vui thì đồng mừng". Lại hỏi: "Nếu chẳng từ trước lại, sao biết như vậy?" Sư đáp: "Chẳng được thô suất". Lại hỏi: "Lúc ngưu đầu chưa thấy gặp Tứ tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "Bình nước nóng". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy gặp thì thế nào?" Sư đáp: "Bình nước". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu?" Sư đáp: "Tình đời xem ấm lạnh, việc người theo cao thấp". Lại

hỏi: "Lúc Hòa thượng chưa thấy gặp Trường lô thì thế nào?" Sư đáp: "Mây mọc mơi núi xưa". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy gặp thì thế nào?" Sư đáp: "Nước lưu xuất từ gò cao". Lại hỏi: "Thấy và chưa thấy cùng cách nhau ít nhiều?" Sư đáp: "Nước chảy cuối cùng đến biển, mây nổi hẳn mưa râm". Lại hỏi: "Trên núi đao rừng kiếm lúc thành Chánh giác như thế nào?" Sư đáp: "Mổ ruột moi tim". Lại hỏi: "Hòa thượng làm sao được như vậy?" Sư đáp: "Tâm chẳng phụ người". Và Sư mới bảo: "Bước bước lên cao, ý khí của nạp Tăng, tâm tâm buông xuống, Đạt sĩ quên lòng, ý khí chẳng ở ngôi vị của Phật Tổ, quên lòng thường rảo cửa Trí bi. Có niệm đầu thành công, không biết mới lợi lớn". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Cỏ điềm lành mọc vận tốt, rừng mai buông xuân sớm. Tham". Sư lại bảo: "Nước trí ánh trong, ngọc tâm riêng sáng, muôn tượng rực rỡ, mười phương sáng ngời. Mắt thấy hạt cây vô ảnh, tai nghe điệu đàn không dây. Nếu là bản phận nạp Tăng, bất chợt cúi đầu cười nhạt, hãy nói cười cái gì? Không dùi lỗ sắt".

7. Thiền sư Chí Nguyện ở Linh nham.

Thiền sư Chí Nguyện ở Linh nham tại Chân châu. Có vị Tăng hỏi: "Giữa núi dưới rừng rất xứng gia phong của Đạo nhân, nước biếc bên đình lại rõ việc Nạp tử. Đó còn là không gió nổi sóng, chẳng lội qua sóng trào, xin Sư đáp câu thoại?" Sư đáp: "Mây bủa núi xa, mưa giọt sườn cao". Lại nói: "Vài iếng khánh trong là chẳng ngoài, một cái người rỗi giữa đất trời". Sư bảo: "Thạch nhân vỗ tay, Mộc nữ cười ha ha". Lại nói: "Nằm cao nhà trống không một việc, mặc tình ngày nay cùng sáng sớm". Sư bảo: "Bốn biển lắng trong Vương đạo tấu, nào phải lại dùng khổ đau đáu". Lại hỏi: "Sáu lần sáu là ba mươi sáu, gió xuân động trúc dài, mới chẻ đàn không dậy, xin Sư khẩy một khúc ?" Sư đáp: "Chẳng rơi lạc cung thương chủng giác vũ". Lại nói: "Một tiếng xướng rõ ràng, mười ngón nổi gió trong". Sư bảo: "Chẳng là trung lang soi xét lại đồng củi nhà quê". Lại hỏi: "Thế nào là chẳng nghe, nghe đến việc đại chúng đều nghe?" Sư đáp: "Người biết âm ít". Và Sư mới bảo: "Xem xem mây núi, lớp lớp đồng muôn cỏ xanh ùm tươi tốt. Khói bãi y y thuyền đơn vắng vẻ, lầu đài cao vợi điện tháp ánh ngời, pháp pháp không riêng, xưa nay ngầm suốt, chánh là lúc nào lại cùng giao phó ư?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Chẳng tại cúi đầu nghĩ lường khó được". Sư lại bảo: "Kế sống của Sơn gia không lắm việc, ngay đó rành rẽ chẳng dùng thường, bày tòa nào dung biết và thấy, mặc tình quạ thỏ đi rồi lại. Các người có giao phó ư? Nếu giao phó được thì tâm vượn bỏ nhảy nhót, biển tánh ngừng sáng. Mây trắng núi xanh mặc tình tự nhiên, bờ tía bụi

hồng, tùy duyên thỏa sướng. Nếu như là chưa hiểu rõ cội nguồn, rất kỵ tìm huyền xét diệu ngay nhiêu xét được thích thơm rõ ràng, dám bảo người ấy chưa thấu triệt". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Mặc giáo biển xanh biến, ứng chẳng đáp ông thông". Sư lại bảo: "Móc cuộn mây tan, mặt nhật lên mặt nguyệt lặng, giữa rừng sâu chim ngâm nỉ non, trên đỉnh núi tiều phu. Hát ca bày biện. Đông Nam Tây Bắc người xưa lại". Sư hét một tiếng rồi bảo: "Chớ hướng bên ngoài sinh bói độ".

8. Thiền sư Pháp Tư ở Đẳng giác.

Thiền sư Pháp Tư ở Đẳng giác tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Pháp vương thịnh Phật bởi vì quần sinh an ủi, thỉnh Sư sẽ làm việc gì?" Sư đáp: "Trắng ánh ngàn sông bạc, mây tan muôn cốc rõ". Lại hỏi: "Thế nào là một câu không riêng tư?" Sư đáp: "Xưa nay không khác lối, Đạt giả cùng chung đường". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Lồng đèn treo đầu trụ". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu?" Sư đáp: "Điện Phật đối xứng Tam môn". Lại hỏi: "Hướng thượng còn có việc gì chăng?" Sư đáp: "Nếu biển lớn biết đủ, trăm sông chảy ngược dòng". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Nếu cũng ngay đây dâng cử được, trên không vin ngửa, dưới dứt chính mình, Linh quang hiện tiền sáng ngời kim cổ, gặp được tri âm mà tùy duyên Phật sự, ở núi đồng mà riêng chọn quy. Cũng có thể cành cây theo thân, gặp trường đùa bởn. Tuy là như vậy, nhưng hãy nói câu đầu tiên làm sao sống? Nói". Sư trông nhìn khắp đại chúng rồi tiếp bảo: "Rất kỵ đương đầu".

9. Thiền sư Pháp Ngạn ở Thọ xuân.

Thiền sư Pháp Ngạn ở Thọ xuân tại Thọ châu. Có vị Tăng hỏi: "Vì nước nhà ngày nay khai mở giảng đường, Sư dùng pháp gì để báo đáp ân vua?" Sư đáp: "Khói hương ngùn ngụt khí lành lan tỏa". Lại hỏi: "Thế nào là hoa lá thời xưa của Đạt-ma mà nay thư tay đem lại?" Sư đáp: "Hàn Sơn vỗ tay, Thập Đắc cười ha ha". Lại nói: "Ngày nay người học ra nhỏ gặp lớn". Sư bảo: "Kẻ hành khất được chút lợi". Và Sư mới bảo: "Nếu luận bàn về pháp thể vốn tuyệt hẳn nói bày, ứng dụng không thiếu oai quang rực rỡ, Anh linh Thượng sĩ chung cùng chứng minh. Hàng hậu học sơ cơ khổ nhọc đợi nghĩ lường, tuy là như vậy nhưng việc không hai hướng. Ngày nay Sơn Tăng chẳng tiếc lông mày cho các người nói phá". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Người từ Trần châu lại, chẳng được tin Hứa châu".

10. Thiền sư Văn Ngạn ở Định sơn.

Thiền sư Văn Ngạn - Châu như ở Định sơn tại Chân châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bồ-đề Liễu biếc ngầm diễn chân không.

Trên non vượn ngâm, rõ đám pháp yếu. Nếu hướng trong đó đề cử được thì đầu đầu Viên giác bước bước Đạo tràng. Nếu là chưa như vậy, hãy đợi thời gian khác rõ ràng nói phá. Trân trọng!"

11. Thiền sư Thiệu Thông ở Hộ quốc.

Thiền sư Thiệu Thông ở Hộ quốc tại phủ Kinh nam. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Một bình một bát". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có viêc gì không?" Sư đáp: "Có". Lại hỏi: "Thế nào là phải?" Sư đáp: "Cây gậy chống". Lại hỏi: "Nếu chẳng từ trước lại tranh sao biết như vậy?" Sư bèn đánh. Vị Tăng ấy nói: "Sai nhầm". Sư bảo: "Miệng còn tự lầm rầm".

12. Thiền sư Đức Nhất ở Pháp bảo.

Thiền sư Đức Nhất ở Pháp bảo tại Nam kinh. Có vị Tăng hỏi: "Đại chúng nhóm tụ, xin Sư giảng nói pháp". Sư bảo: "Lắng nghe, lắng nghe". Lại nói: "Một hồi nghe được một hồi mới". Sư bảo: "Ông làm sao sinh hiểu?" Vị Tăng ấy nói: "Lắng nghe, lắng nghe". Sư bảo: "Cũng là cơm thừa canh cặn". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Tuy dương?" Sư đáp: "Trên nhà không bụi dính". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Lúc mời khách Tam đảo, tiếp dài Tăng Ngũ hồ. Trân trọng".

13. Thiền sư Bảo Tuệ ở Càn minh.

Thiền sư Bảo Tuệ ở thiền viện Càn minh tại Trì châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm góc áo ca sa mà chỉ dạy đại chúng rằng: "Đây là Phật Phật trao tay, Tổ Tổ tương truyền, ngày nay lại không che giấu, khắp chỉ cho các người, có hiểu chăng?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Nếu cũng chưa như vậy, tạm đợi thời gian khác lại nói phá".

14. Thiền sư Giác ở Khai Thánh.

Thiền sư Giác ở Khai Thánh tại Hòa châu, qua thời gian lâu dài dự tham tại Trường lô nên có sở đắc. Sư vân du khắp các Tùng lâm đến trong pháp hội của Thiền sư Diễn ở Ngũ Tổ. Thiền sư Diễn hỏi: "Thích-ca và Di-lặc còn là đứa ở kia. Kia ấy là ai?" Sư đáp: "Hồ Trương ba Mặc lý bốn". Thiền sư Diễn rất hoan hỷ đó, đem nói cùng Thủ tòa ngộ. Thủ tòa ngộ nói: "Sợ chưa thật, lại phải sưu xét xem". Thiền sư Diễn sau đó lại hỏi Sư: "Thích-ca Di-lặc còn là Đức ở kia. Kia ấy là ai?" Sư đáp: "Hồ Trương ba, Mặc Lý bốn". Thiền sư Diễn bảo: "Chẳng phải, chẳng phải?" Sư hỏi: "Hôm qua là phải, nhân gì ngày nay chẳng phải?" Thiền sư Diễn bảo: "Hôm qua là phải, ngày nay chẳng phải". Nhân đó, Sư mới Đại ngộ. Sau ra hoằng hóa, Sư ở khai Thánh, nối dõi dòng pháp Thiền sư Ứng Phu. Sư đến nơi Lò hương, bỗng nhiên như có vật gì đâm

vào nơi ngực nhân đó thành vết sẹo, không bao lâu sau, Sư thị tịch.

15. Thiền sư Đạo Vinh ở Tuyết đậu.

Thiền sư Đạo Vinh - Giác Ấn ở Tuyết đậu tại Minh châu, vốn người dòng họ Trần. Có vị Tăng hỏi: “Lúc Hàn Sơn gặp Thập Đắc thì như thế nào?” Sư đáp: “Nhường mày bay lánh ánh chớp”. Lại hỏi: “Còn có việc gì chăng?”. Sư đáp: “Mở miệng phóng hào quang”. Lại hỏi: “Thế nào là một đường hướng thượng?” Sư đáp: “Bảy sáu tám”.

16. Thiền sư Trí Giác ở Tuệ nhật.

Thiền sư Trí Giác - Quảng Đăng ở Tuệ nhật tại phủ Bình giang, vốn người dòng họ Mai tại Bản quận. Có lúc lên giảng đường, ngừng đứng giây lát, Sư mới bảo: “Thôi, thôi, thôi nhọc lo lắng, cần câu dài tại tay, cá lạnh chẳng đớp mời”. Rồi Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THIÊN Ở THÊ HIỀN.

1. Thiền sư Đăng ở Vương ốc.

Thiền sư Đăng - Sùng Phước ở núi Vương ốc tại Thư châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trời không thể che, đất không thể chở, một nhà không riêng, nơi nào chẳng ở. Đại chúng ngay nhiều làm sao hiểu đi? Cũng là Quỷ múa tinh hồn, Nghĩ sống nói cái thường tại nơi Đạo lý”. Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: “Hôm qua gió vàng nổi, khắp đất đều hoa vàng”.

2. Thiền sư Duy Trấn ở Pháp vũ.

Thiền sư Duy Trấn ở Pháp vũ tại Nam sơn, Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh pháp vũ?” Sư đáp: “Chùa cửa tre cùng đều, núi Hồ đường tiếp liền”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Cỏ thơm trồng lẫn hoa, rễ tre mang mưa dời”. Và Sư bèn ngoảy nhìn đại chúng, tiếp bảo: “Có biết chăng? Trên đảnh Nam sơn mây trắng chầm chậm, trên bờ Tây hồ Liễu biếc y y, một lúc nghiệm lấy chẳng dùng dùi châm”. Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa”.

3. Thiền sư Tuệ Thiên ở Đông minh.

Thiền sư Tuệ Thiên ở Đông minh tại Đàm châu. Mới đầu, Sư ở tại Nam nguyên, có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Nam nguyên?” Sư đáp: “Năm đỉnh núi cao vút trời xanh, ba gốc cây vượt ngoài khói biếc”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Đốt hương mở quyển mây mọc xếp, cuốn rèm ngầm tâm trăng tại hồ”. Và Sư mới bảo: “Không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức để hay. Đại chúng hãy nói hay cái gì?” ngừng giây lát, Sư bảo: “Lộ trụ là đầu cây gỗ làm cân”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÍ ĐÀM Ở KHAI NGUYÊN.

1. Thiền sư Tông Hựu ở Khai nguyên.

Thiền sư Tông Hựu ở Khai nguyên tại Đinh châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: thuyền con xung mây sóng”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Một bè vượt Kim lăng”. Và Sư mới bảo: “Môn hạ Tổ sư nước rỉ chẳng thông, trong cửa Phật sự gió thổi cỏ rạp. Ngay đó thấy được khoái sướng bình sinh, phỏng bàn nghĩ ngợi ngàn núi muôn sông”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI AM CHỦ DIỄN Ở THIỆN QUẢ.

1. Thiền sư Xung Nghiễm ở Ngọc trì.

Thiền sư Xung Nghiễm ở chùa Quang giáo - Ngọc trì tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: “Dùng tâm truyền tâm, vô thuyết có thể thuyết tức chẳng hỏi. Thế nào là có thể thuyết?” Sư đáp: “Thạch cú gặp thời lớn”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Hoa quỳ hướng mặt nhật nở”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý đích thực của tổ sư?” Sư đáp: “Trâu đất chẳng ăn cỏ bên lan can”. Lại hỏi: “Hòa thượng an thân lập mạng tại xứ nào?’ Sư đáp: “Lên thẳng đỉnh núi ngủ”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠO GIAI Ở THIÊN NINH.

1. Thiền sư Pháp Thành ở Hương sơn.

Thiền sư Pháp Thành ở Hương sơn tại Nhữ châu. Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Biết có Phật Tổ, người hướng thượng mới có phần nói năng. Các vị Thiền đức hãy nói cái nào là việc hướng thượng của Phật Tổ. Có con cái nhà người nào, sáu căn chẳng đủ, bảy thức chẳng toàn là đại xiển đề không chủng tánh Phật, gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ. Thiên đường không thâu nhận được, địa ngục không cửa nhiếp nạp, đại chúng có biết người ấy chăng?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Đối mặt chẳng Tiên đà, ngủ nhiều lắm nói mớ”. Sư lại bảo: “Chỉ cái ấy phụ nhiều giết người, nhận làm chính mình ở thời kiếp không, rõ ràng trên đầu lại gắn thêm đầu, lại nói rơi lạc ở thời nay, nào khác thêm sương trên tuyết. Ngay được thuần phong tuyệt điểm còn có giọt rót chân thường, giả sử đổi vị xoay cơ rất tợ trốn lánh bóng giữa ngày. Hai do từ một có, một cũng chẳng giữ, Nhất tâm không sinh khởi, muôn pháp chẳng chuyển dời”. Rồi, Sư hét một tiếng và tiếp bảo: “Là chén rất chín kêu tiếng há chẳng kiến đạo? Văn Thù đứng dậy Phật thấy Pháp thấy, gạt bỏ đến hai bờ núi Thiết vi. Nạp Tăng đứng dậy Phật thấy Pháp thấy xếp đặt tại dưới ba hen rui”. Xong, Sư dựng cây phất trần dậy và

bảo: “Ban đêm cây phất trần dựng dậy Phật thấy pháp thấy. Hãy nói sáng nay phê phán thế nào?” Sư đánh vào thẳng sàn một cái, rồi bảo: “Phân giao cho Đức Sơn, Lâm Tế”. Sư lại bảo: “Linh cơ riêng sáng ngời, kiếng trí trong suốt, nhướng mày nháy mắt đã bày vết sẹo. Nắm cây dùi dựng đứng phất trần há thoát khỏi thềm thang. Người tỏ ngộ đó thì tâm vượt số lượng nói nín đều Như bên Tả buông, bên Hữu gom đều không nhờ cậy. Kẻ mê đó mỗi mỗi làm mở lấy bỏ có tâm. Giả sử nhiều hết được bên ấy, chưa khỏi bên ấy ngăn ngại. Do đó nói nhà Nạp Tăng nói cái giải kết bỏ trói buộc nhổ cọc rút đinh đã là xúc chạm bén nhọn tổn thương tay. Lại nói Thể ấy cùng với dụng, chánh đó cùng với thiên, vừa tợ ba nhà trong thôn dạy thư lang, chưa nghĩ nhớ được một bản thái công gia giáo, bèn nói Văn chương so sánh quá Lý bạch, Đổ phủ. Các vị Thiền đức, nhà ấy tự có đồng phong. Chẳng cần mở bày quyển sách khác”.

Có lúc Sư hỏi một vị Tăng: “Người ở xứ nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Tây xuyên”. Sư hỏi: “Xa quê hương lúc nào?” Lại đáp: “Tháng hai năm trước”. Sư hỏi: “Một câu chưa rời nước gốc làm sao sống? Nói”. Lại đáp: “Thông thân là miệng khó vì chỉ đáp”. Sư bảo: “Còn là câu lìa khỏi nhà thất nghiệp”. Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư đánh bằng một cây phất trần và tiếp bảo: “Uổng phí mang đạp giày cỏ”.

Mới đầu, Sư cùng chiếu xiển đề đồng nối dõi Phù Dung mà chẳng biết nhau. Nhân có bằng thượng nhân nêu cử bài tán thán chân tượng Phù Dung của chiếu xiển đề là “Mưa rửa mỏng Đào hồng mầm non, gió lay cạn liễu biếc tơ nhẹ, mây trắng trong ảnh quái thạch lộ, nước biếc trong sáng cây khô trong. Ôi đây là người gì?” Sư mới bảo: “Ngày nay mới biết kia (chiếu xiển đề) thân gần diện kiến tiên sư”. Bằng thượng nhân bèn thỉnh hỏi điều lợi ích. Sư bảo: “Há chẳng thấy pháp nhãn nhơn nắm câu thoại của Giáp Sơn, nói Ta ba mươi năm chỉ làm cảnh câu thoại hiểu”. Bằng thượng nhân liền cò chút tỉnh ngộ. Về sau, Sư có sắc chiều thỉnh mời đến ở chùa Tịnh nhân tại Đông kinh.

2. Thiền sư Tề Liên ở Đại trí.

Thiền sư Tề Liên ở Đại trí tại Thành đô, vốn người dòng họ Mâu ở Trung giang; Đồng châu. Từ thuở thiếu thời Sư đã có chí muốn thoát khỏi cảnh trần vẩn đục. Năm mười ba tuổi, Sư xuống tóc xuất gia nương ở Hộ Thánh thọ giới Cụ túc. Qua thời gian sau, sư đến thành đô nương tựa các giảng tịch Pháp Hoa, Bách Pháp. Lại thông rành Duy thức, đến đây thì vô lậu giới bất tư nghì thiện thường an lạc giải thoát đại mâu ni danh pháp. Sư liếc nhìn đó như có tỉnh ngộ. Vị Pháp sư ở đó chẳng thể

khuất phục. Ở đó thời gian, Sư bùi ngùi thở dài mà bảo: "Ta bỏ nhà vì Đại sự, câu nói trên giấy đây chỉ thí như họa vẽ mắt nhật mặt nguyệt đâu có ánh sáng ư?" Sư bèn bỏ đó theo hướng Nam vân du phỏng đạo, đến thỉnh hỏi Đạo giả Tý ở khê. Tý rất mến trọng Sư, Sư lại đến bái yết các Thiền sư Diễn Chơn Như Triết ở Ngũ tổ, Túc Hối - Đường Tâm ở Bách trượng. Ngày đêm tham khấu nhưng chưa có sự tỉnh phát. Có ngày đang ở tại Hối đường, có người từ đại chúng đến, nêu cử lời chỉ dạy đại chúng của Phù Dung. Nghe đó, Sư sinh lòng vui thích kính phục, bèn sang nương theo. Mới lần đầu tiên gặp gỡ mà như đã quen biết từ xưa trước. Một ngày nọ vào lúc sáng sớm, nghe tiếng Bảng, bỗng nhiên Sư đại ngộ, liền vội trình bày cùng Phù Dung, Phù Dung hứa khả đó, và bảo Sư trông coi kinh tạng, phân tòa giảng pháp, đãy dùi chóng thoát, mọi người ở các Tùng lâm quy hướng kính trọng, tiếng tăm Sư vang vọng. Sau đó không bao lâu, Sư trở về thăm thân thích. Nghe Phù Dung đến ở Tịnh Nhân, Sư lại sang nương tựa bèn dẫn đầu đại chúng, xuống Phù Dung đã ở tại dưới Liễu cốc, mà Phù Dung lấy Long tượng để ở vậy. Người đến hỏi pháp có đến muôn chỉ mà Sư mang giày cỏ ở ngoài cửa cũng như thế. Phù Dung từng nói với mọi người là: "Thủ tòa Liên là trâu đi hổ nhìn tài cơ sắc bén bung ngang, ngày sau sẽ hoằng dương Đạo quyết của Tôi vậy".

Bấy giờ trong thiên hạ đang phát triển ở chùa Sùng hưng, tinh chọn người truyền pháp, Vĩnh hưng kinh lược sứ vương công tường tự, Đô chuyển vận sử tiết công Thiệu Bành cho là Sư rất hợp nghi ở đó nên lễ kính thỉnh đặt. Sư mới chấp thuận sự cầu thỉnh ấy. Ở đó năm năm mà tiếng tăm Sư vang khắp, mọi người xa gần đều kính mộ. Xong, Sư chuyển dời ở Phổ ninh tại Tương dương. Đầu niên hiệu Chính Hòa (1111) thời Bắc Tống, Sư theo hường Tây trở về quê cũ, xây dựng am Diệu phong Tướng lão. Thế rồi Thiên Bành thỉnh mời Sư đến ở Năng nhân. Lại cải đổi gọi là Đài Tùy, Vô Vi ở Quảng hán, Siêu Ngộ ở Thành đô. Sau cùng đến ở Đại trí. Ngày ở tại Đại tùy, trong đồ chúng có người vọng tố cáo Sư lên Châu, Sư vẫn tự nhiên đến chờ đợi Hữu ty tra xét việc ấy, lúc sắp gia hình đánh đập, khi ấy bỗng nhiên đất trời tối mịt, chim nhóm từng đàn kêu réo trên cành cây, có con tự ném mình xuống đất. Châu tướng vô cùng kinh dị sợ hãi, Sư bèn được thoát khỏi nạn. Siêu ngộ ở tại hiên vũ chùa Đại từ xếp bày như khu cửa hàng, thường đóng cửa ngồi yên, mọi chỉ động đều tuân theo giới luật, mọi người đều kính trọng. Nhưng Đạo giá vốn đã quý trọng, các hàng tăng tục mong cầu biết mặt đều xoay lưng cùng trông nhìn. Khi ấy tuổi tác

Sư đã lớn già và rất nhàm chán khổ nên bèn vất bỏ đó, đại chúng dốc sức níu kéo nhưng không thể lưu giữ được. Sư đó Đại trí ở tại Tây giao Lâm Việt sầm uất có thể lấy làm nơi ẩn dật tuổi già, mới sắp bày tấu trình quan phủ. Khi ấy chế đặt sứ tịch công luôn dùng lễ khách tiếp đón Sư, Sư hoan hỷ chấp thuận đó. Qua tám năm, bạn thiền theo bóng đông nhiều thành Bảo xã. Nhưng từ đó, Sư ứng tiếp lại giản đơn vậy.

Bỗng nhiên, Sư hiện tướng bệnh, có người đến thăm hỏi, Sư liền nói là "Tôi không khổ". Rồi bỗng nhiên, Sư bảo cùng vị Tăng chủ sự rằng: "Hãy vì tôi mà thiết đặt chiếc kiệu lam, Tôi sắp đi đây". Đến sáng ngày, Sư dậy ngồi kiết già, nắm bút viết kệ, xong rồi lặng lẽ thị tịch. Lúc đó là ngày mồng 04 tháng 11 năm Thiệu Hưng thứ mười lăm (1145) thời Nam Tống, qua sau sáu ngày trà tỳ, thâu nhặt được hơn trăm viên xá-lợi đều có đủ năm sắc. Sư hưởng thọ bảy mươi ba tuổi, sáu mươi hạ lạp.

3. Thiền sư Tử Thuần ở Đan hà.

Thiền sư Tử Thuần ở Đan hà tại Đặng châu, vốn người dòng họ Giả ở Kiếm châu. Đến tuổi hai mươi, Sư xuất gia làm Tăng, thấu suốt chứng đắc yếu chỉ của Phù Dung. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong đất trời, giữa vũ trụ, trong đó có một vật báu giấu kín tại Hình sơn. Pháp sư Triệu nói gì, chỉ mở bày dấu vết chỉ thoại, vả lại, chẳng thể nắm ra chỉ bày cho mọi người. Ngày nay Đan Hà bổ mở vũ trụ, đánh phá Hình sơn, vì các người rút lấy ra. Người có đủ mắt sáng hãy biện rõ lấy". Xong, Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái, tiếp bảo: "Có thấy chăng? Chim lộ chim loan đứng trên tuyết chẳng đồng sắc màu, trăng sáng ở Lô hoa chẳng tợ các nơi khác". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Đức Sơn chỉ dạy đại chúng rằng: "Tông ta không câu nói, thật không một pháp cho người. Vậy Đức Sơn nói năng cái gì? Có thể gọi là chỉ biết vào cỏ tìm người, chẳng biết thông thân trong bùn nước, kỹ càng trông xét lại chỉ đầy đủ một mắt sáng. Còn với Đan Hà thì không như vậy, mà Tông ta có câu nói, dao vàng chẳng ra, sâu xa yếu chỉ huyền diệu, Ngọc nữ ban đêm hoài thai". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Dừng dừng giữa giờ ngọ còn khuyết nữa, lặng vắng cách ba còn chưa tròn. Sáu cửa chưa từng biết ý ấm, qua lại thường tại trước trăng soi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng báu tỏa ngời đầm lắng dàn ảnh. Nước không ý chấm trăng, trăng không tâm phân chiếu, trăng nước cả hai đều quên mới có thể xứng đoán. Do đó nói viện lên trời ngay phải vút đi, việc mười thành ngay phải bỏ tiền, tiếng vàng ném đất chẳng phải đoái hoài, nếu có khả năng như vậy mới hiểu

đi đến trong dị loại. Các người đến trong ấy có cùng giao phó chăng?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Thường đi chẳng dất bước nhân gian, mang lông đội sừng lấm đất bùn". Có vị Tăng hỏi: "Lúc Ngưu đầu chưa gặp thấy Tứ Tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "Cúc vàng chợt nở ong đua hái". Lại hỏi: "Sau khi đã gặp thấy thì thế nào?" Sư đáp: "Mầm khô hoa rụng trọn không nương".

Đến mùa xuân năm Kỷ Hợi (1119) thuộc trong niên hiệu Tuyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, Sư thị tịch, dựng tháp an táng toàn thân tại phía Nam Hồng sơn.

4. Thiền sư Tự Giác ở Tịnh nhân.

Thiền sư Tự Giác ở Tịnh nhân tại Đông kinh, vốn người dòng họ Vương ở châu. Thuở bé thơ, Sư chuyên tập học Nho nghiệp, thấy biết vang vọng đến Tư Mã Ôn Công, nhưng Sư chuyên việc cao thượng chẳng để ý đến công danh. Một sáng sớm nọ xuống tóc xuất gia, Sư nương theo Phù dung vân du, giẫm trải tinh mất, khế ngộ siêu tuyệt. Ra đời hoằng dương giáo hóa, Sư ở tại Đại thừa. Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống, Vua Hy Tông ban sắc chiếu mời Sư đến ở chùa Tịnh nhân tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ Sư từ Tây vức lại đặc biệt đề xướng việc này. Từ đó mọi người chẳng chịu giao phó, hướng ngoại rong ruổi tìm cầu, ném và nước đỏ đục tìm châu đến núi gai (Kinh sơn) mà kiếm ngọc, rất chẳng biết từ cửa trở vào chẳng là quý báu của nhà, nhận ảnh mê đầu, há chẳng là sai nhầm lớn, ngay như được Tông môn đề xướng thể tĩnh lặng không nương theo, tâm niệm khác chẳng sinh xưa nay không gián, sum-la vạn tượng tiếp mất gia phong, đường chim ẩn giữa hư không chẳng phòng ngại dất bước, gà vàng báo sáng, phụng đỏ liệng bay. Cây ngọc nở hoa cành khô kết hạt. Chỉ có môn hạ Thái dương ngày ngày ba thu, trăng sáng trước nhà thời thời chín hạ, cần hiểu chăng? Cây không ảnh trăng rủ khe lạnh, sóng biển Đông rót Đông dời Tây".

5. Thiền sư Nam ở Tư Thánh.

Thiền sư Nam ở Tư Thánh tại Kiến xương quân. Nhân Thánh tiết, lên giảng đường, Sư ngoảy nhìn hai bên rồi bảo: "Các người có biết chăng? Đêm sáng ngoài rèm chúa muôn hóa chẳng đổi, trên điện lưu ly tồn Tứ thần chẳng mờ, khoanh tay mà trị, chẳng bảo mà làm, thọ quá trăm ức Tu-di, hóa đượm đại thiên sa giới. Hãy nói chánh lúc nào làm sao đi lại? Lão nhà quê chẳng biết Hoàng ốc quý, đường thông sáu ngã nghe lắng tiếng roi".

6. Thiền sư Tu Dĩ ở Bạch thủy.

Thiền sư Tu Dĩ ở Bạch thủy, tại Mai sơn, phủ Đồng xuyên. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là việc bên cạnh pháp thân?’ Sư đáp: “Cây khô hoa hạt chẳng phạm xuân”. Lại hỏi: “Thế nào là việc pháp thân hướng thượng?” Sư đáp: “Thạch nữ chẳng tô điểm my này”.

7. Thiền sư Nguyên Dị ở Thạch môn.

Thiền sư Nguyên Dị ở Thạch môn tại Tương châu, vốn người dòng họ Thuế ở Đồng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mười phương đồng tụ hội, mỗi mỗi học vô vi. Đây là trường chọn Phật, tâm không đỗ đạt về. Đại chúng chỉ như nghe thấy hay biết chưa từng có gián, làm sao sống nói cái Đạo lý Tâm không? Chẳng là thấy mà chẳng thấy, nghe mà chẳng nghe, cho đó là tâm không ư? Sai nhầm. Chẳng là quên có nghĩ ngợi, muôn pháp đều dứt, tiêu sạch năng sở để vào Huyền tông, sạch cả tánh tướng mà quy về pháp giới. Cho đó là tâm không ư? Sai nhầm. Gì cũng chẳng được, không gì cũng chẳng được, gì và không gì đều là chẳng được, chưa xét rõ rốt cùng làm sao sống. Có hiểu chăng?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Nếu thật vô vi mà không gì chẳng làm, Thiên đường địa ngục lớn cùng theo, cây gậy ba thước quẩy Hoàng Hà, Na-tra tám tay lạnh mắt nhìn, không hạn cá rồng đều bỏ chạy, bắt được theo sông rùa ba cẳng, lột lấy cái dùi bọc vỏ sắt. Tốt xấu đưa điềm bèn phân tỏ, gá hỏi thôn Đông Lão bạc đầu, tốt xấu chưa điềm làm thế nào? Thôi, thôi, thôi, xưa đi nay lại, xuân đến thu. Bạch nhật vọt cao theo phần quá, lại hiềm xứ nào không gió thoảng. Ôi!” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trăng bạc giữa không, đầm lắng chẳng ảnh, Thúy vi đổi chỗ tịnh dương sáng ngời, sắc phụng lúc về trời muốn sáng, trời biếc ngoài mây, thạch câu giăng ngang không, trong gợn nước xanh trâu đất cưỡi sóng, mang thai thỏ ngọc hiểu qua Tây sầm ôm con gà vàng đêm ngủ Đông lãnh. Từ đó rõ được mới biết, đêm sáng ngoài rèm riêng là gia phong, trong điện không vương, Thánh phàm dứt vết. Hãy nói làm sao sống là việc đêm sáng ngoài rèm? Có giao phó chăng? Chánh gặp gió thu lại vào cửa, một tiếng gõ chày lạc nhà ai”. Có vị Tăng hỏi: “Kiến xưa lúc chưa lau chùi thì thế nào?” Sư đáp: “Tinh linh nhăng mày”. Lại hỏi: “Sau khi đã lau chùi thì thế nào?” Sư đáp: “Người khéo việc chẳng ra ngoài cửa”. Đến ngày 25 tháng 07 năm Đinh Sửu (1157) thuộc niên hiệu Thiện Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư an tọa mà thị tịch, sau khi trà tỳ, thâu nhặt xá-lợi, dựng tháp an táng tại núi Học xạ.

8. Thiền sư Đạo Vi ở Động sơn.

Thiền sư Đạo Vi ở Động sơn tại Thụy châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trời ấm gió hòa mắt liễu xanh, băng tan cá nhảy sóng

hoa sinh. Đang bén khéo được ấn không vương, nửa đêm mang tuyết đến Côn lôn”. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là việc lẳng lặng tương ứng?” Sư đáp: “Kẻ câm ăn khổ qua”.

9. Thiền sư Hy Bô ở Thiều châu.

Thiền sư Hy Bô ở Thiên minh tại Tây kinh, Thiều châu, vốn người dòng họ Tống ở Thái châu. Mới đầu, Sư ở tại Thiều sơn, sau chuyển dời đến Thiên ninh, Đan hà. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Gần đây Thiều sơn bít lấp lỗ mũi, trong mắt nghe tiếng, lỗ mũi nếm mùi vị, có lúc cảm giác đến Thiên minh, chẳng tại trên dàn chẳng rơi dưới đất, đại chúng hãy nói ở tại nơi nào? Ngay đó các người nói được một lời, chẳng chỉ cứu được Thiều sơn mà cũng chẳng cô phụ hành cước. Nếu như chưa được vậy, thì ba cấp sóng cao cá hóa rồng, người ngu còn kéo nước đêm đường”. Có người hỏi: “Thế nào là vua?” Sư đáp: “Vũ trụ không hai mặt nhật, đất trời chỉ một người”. Lại hỏi: “Thế nào là Tôi?” Sư đáp: “Đức rành rẽ, chủ chỉ dạy khế hợp cơ tình các vật”. Lại hỏi: “Thế nào là Tôi đến với vua?” Sư đáp: “Lòng son về ngày Thuấn dốc tiết đáp thời Nghiêu”. Lại hỏi: “Thế nào là vua trông nhìn tôi?” Sư đáp: “Mắt huyền ngưng chẳng máy, diệu thể soi bên cạnh lại”. Lại hỏi: “Thế nào là vua tôi hợp đạo?” Sư đáp: “Trướng phù quý giặc cách, tin dạt qua lại thông”.

Đến ngày mồng 04 tháng 09 năm Chánh Hòa thứ năm (1115) thời Bắc Tống, bỗng nhiên Sư gọi vị Tăng chủ sự bảo đem phân túi đãy vì chư Tăng bốn chúng thường trú, cúng dường mỗi người một phần. Thế rồi, Sư lại bảo: “Đan Hà có cái Công án từ trước thôi thúc đến nâng dậy, sáng nay khắp chỉ bày cùng mọi người, tạm nói là cái rất rốt cùng”. Xong, Sư ngoáy nhìn hai bên và tiếp bảo: “Có hiểu chăng?” Chư Tăng đáp: “Không hiểu”. Sư bảo: “Lớn thay đại Trượng phu chẳng hiểu câu cuối cùng”. Xong, Sư bèn đến giường, nằm nghiêng phía hữu mà thị tịch.

10. Thiền sư Pháp Đăng ở Lộc môn.

Thiền sư Pháp Đăng ở Lộc môn tại Tương châu, vốn người dòng họ Lưu ở Thành đô. Sư nương theo Bảo Phạm chùa Đại từ mà xuất gia làm Tăng, nhờ nghe giảng kinh Hoa Nghiêm mà chứng đắc yếu chỉ. Sư bèn bỏ đó mà đến bái yết Phù Dung. Phù Dung hỏi: “Thế nào là chính mình ở thời kiếp không trở về trước?” Ngay lời hỏi ấy mà vết tâm Sư sạch hết và thong dong bước tới đáp: “Một câu linh nhiên vượt các tượng chóng ra ngoài ba thừa chẳng gá tu”. Phù Dung vỗ về mà ấn chứng đó. Sư ra hoằng pháp tại Lộc môn. Có vị Tăng hỏi: “Lúc Hư huyền chẳng phạm,

kiếng báu sáng lạnh thì thế nào?” Sư đáp: “Khắp thân cháy đỏ chẳng thể đỡ nâng”.

11. Thiền sư Duy Chiếu ở Bảo phong.

Thiền sư Duy Chiếu - Xiển đề ở Bảo phong tại Hồng châu, vốn người dòng họ Lý ở Giảng châu. Từ thuở thơ bé, Sư đã nổi trội mà chán nhàm thế tục, một ngày nọ trao sách cho đọc đến câu “Tánh cùng gần mà dần tập thành xa”, Sư bèn nói: “Phàm Thánh vốn một thể chỉ cho tập quen nên dần sai biệt. Ta biết được đó vậy”. Và Sư liền đến đô thành nương tựa Thiền sư Thái ở Lộc uyển cầu xin xuất gia thọ giới Cụ túc lúc mười chín tuổi. Thiền sư Thái bảo Sư đến nghe giảng luận khởi tín ở Đại từ, Sư bỏ về phòng nằm, Thiền sư Thái hỏi về nguyên do. Sư đáp: “Đã xưng là Chánh tín Đại thừa thì đâu thể nói năng rõ được”. Rồi Sư mới rỗng tâm đến bái yết Phù Dung ở Đại hồng, hằng đêm thường ngồi nơi đường lên xuống các, vừa lúc phong tuyết chấn động, nghe có tiếng cảnh tỉnh kẻ trộm truyền hô qua đó, theo sự đạt được, Sư bèn bỏ đi.

Đến trong khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1111) thời Bắc Tống, Phù Dung bị mắc nạn, Sư từ Tam ngô muốn rảo bước đến Nghi thủy, kẻ tớ lạc mê đường, Sư nắm cây gậy đánh vào đó, bỗng nhiên đại ngộ, mới than rằng: “Đây chẳng là Niết Sơn ư?” Sư theo hướng Bắc đến Nghi thủy, Phù Dung trông thấy mà vui mừng bảo rằng: “Tiếp nối Tông phong của Ta hẳn là con và vài bạn nữa vậy”. Nhân đó lưu lại tự thân ở trên bờ hồ qua nhiều năm, trí chứng thành tựu, Sư mới ra nhận lãnh Chiêu đề, dời đổi Cam lồ, Tam tổ.

Đến năm Nhâm dần (1122) thuộc niên hiệu Tuyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc chiếu giao bổ Sư đảm nhận Viên Thông. Nhưng Sư vất bỏ đến ở Lặc Đàm. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Phật xưa kia nói, mới đầu ta thành Đạo Chánh giác đích thân thấy tất cả chúng sinh khắp đại địa đều thành Chánh giác. Đến sau cùng lại nói sâu chắc xa tối không người nào có thể đến được, chẳng có thể thấy biết tài giỏi đầu rồng đuôi rắn”. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chư Phật ở thời quá khứ đã nhập Niết-bàn rồi, các người chẳng nên truy niệm. Chư Phật ở thời vị lai chưa xuất hiện nơi đời, các người chẳng cần phải vọng tưởng, Chánh ngay ngày nay là người nào? Tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Bá Di hẹp hòi, Liễu Hạ Huệ không cung kính. Quân tử chẳng do vậy. Lúc hai bên chẳng lập, ngay trung đạo chẳng an làm sao sống?” Sư nhóm nắm cây gậy và tiếp bảo: “Uyên ương thêu ra từ

ông thấy, chẳng nắm kim vàng trao cho người". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Môn hạ Thái dương khéo xướng càng cao, trăng sáng trước nhà biết tiếng hiếm ít, chẳng khơi thuyền rong ngang bến bãi mái chèo vẫy sóng trong, xướng vui mừng năm nghiêu, hòa vui nhạc bình, báo cáo như vậy, xin khắp nhận lấy, khoảnh khắc nghĩ bàn mây trắng muôn dặm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vốn tự chẳng sinh nay cũng không diệt, là chết chẳng được, ngay chỗ phát sinh theo đó diệt hết, là mẫu mực của Hàm sinh nhận thọ. Bậc đại Trượng phu tài giỏi phải ngay nơi sinh tử, yên nằm rừng gai góc, cúi ngưỡng co duỗi, tùy cơ thi vi. Nếu hay như vậy thì vô lượng phương tiện trang nghiêm Tam-muội đại giải thoát môn chóng mở. Còn như chưa vậy thì vô lượng phiền não, hết thảy địa ngục trần lao dựng đứng trước mặt bít lấp đường xưa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa nói: Rơi đọa chi thể, gạt bỏ thông minh, lìa hình bỏ trí đồng với Đại đạo, chánh ngay lúc nào, hãy nói? Là người nào sau Thi thơ định Lễ nhạc? Lại có giao phó chăng? Lễ nói lễ nói. Ngọc gấm nói gì thay, Nhạc nói nhạc nói chuông trống nói gì thay!" Có vị Tăng hỏi: "Tiếp theo Sư có nói nơi mây đen sẫm riêng đỉnh núi xinh nổi trội, trong trăng lờ mờ, nước Lặc Đàm phát sáng, há chẳng là cảnh núi báu ư?" Sư bảo: "Nếu là cảnh núi báu là nhờ ông kỹ càng xem". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Xem lấy lệnh lúc đi". Lại hỏi: "Chỉ như tiếp nhận lời phải hiểu Tông chớ tự lập khuôn phép. Vậy thế nào là Tông chỉ của Hòa thượng?" Sư đáp: "Phải biết mây ngoài trên ngàn núi, riêng có tùng linh mang móc lạnh". Đang lúc tuyết xuống, có vị Tăng hỏi: "Với Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại thì không hỏi, còn thời tiết nhân duyên, việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Một mảnh hai mảnh ba bốn mảnh rơi tại trong mắt còn chẳng tiến cử được".

Đến ngày mồng bảy tháng giêng năm Kiến viêm thứ hai (1128) thời NamTống, Sư thị tịch, trà tỳ có được xá-lợi như ngọc bội, chiếc lưỡi và răng không rã hoại, dựng tháp tôn thờ tại ngọn núi phía Tây của chùa.

12. Thiền sư Thiện Tú ở Phổ hiền.

Thiền sư Thiện Tú ở Phổ hiền tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Thiên trong Chánh?" Sư đáp: "Đầu đêm rồng ngâm sau hổ hú trước canh năm". Lại hỏi: "Thế nào là Chánh trong thiên?" Sư đáp: "Lồng khói nhẹ trăng bạc mốc mỏng tỏa hang lạnh". Lại hỏi: "Thế nào là lại trong Chánh?" Sư đáp: "Tùng gầy nào từng già, hoa nở tràn chưa nẩy". Lại hỏi: "Thế nào là Đến trong Liêm?" Sư đáp: "Tiếng vượn hú

khó phân, lời Hạc ngâm khó rõ”. Lại hỏi: “Thế nào là Đến trong Liêm?” Sư đáp: “Đánh mở đường ngoài mây, thoát đi trước trăng sáng”.

13. Cư sĩ Thái phó Cao Thế Tắc.

Cư sĩ Thái phó Cao Thế Tắc, tự là Trọng Di, hiệu là Vô Công, mới đầu đến dự tham ở Phù Dung cầu chỉ tâm yếu. Phù Dung bảo bỏ điều đang trọng gõ đó mà tham, một ngày nọ bỗng đến Vi mật, Cư sĩ bèn trình bài kệ tùng rằng:

“Vực thẳm buông tay mặc tung hoành
Hư không đất liền tự thản nhiên
Chiếu hang soi hóc chẳng nhờ trăng
Đầu am riêng có một rèm sáng”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BÁO ÂN Ở NÚI ĐẠI HỒNG.

1. Thiền sư Thủ Toại ở núi Đại hồng.

Thiền sư Thủ Toại ở núi Đại hồng tại Tùy châu, vốn người dòng họ Chương ở Toại ninh. Có lúc lên giảng đường, Sư gọi đại chúng đến bảo: “Một tay đấm đấm ngã Hoàng hạc lâu, một chân đạp đạp bay oanh Võ châu. Quen đến lầu cao rong ngựa ngọc, từng ở cấp thủy đánh cầu vàng, tuy là như vậy nhưng tranh làm sao có. Dây thao năm sắc buộc chân Tăng, khóa vàng ba du khóa cổ họng, ngay nhiều dùi đánh nát khóa vàng cắt đứt dây thao, phải biết còn có một lớp ngăn ngại ông ở. Hãy nói thế nào là một lớp ấy? Có hiểu chăng? Thiện Cát, Duy-ma đàm nói chẳng đến, Mục Liên, Thu Tử xem như mù. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử về Lý thứ sử hỏi Dược Sơn: “Người dòng họ gì?” Dược Sơn đáp: “Chánh là Thời”. Lý thứ sử chẳng thể lường biết, mới hỏi viện chủ: “Tôi vừa lại xin hỏi Trưởng lão dòng họ gì?” Viện chủ đáp: “Đạo Chánh là Thời”. Lại hỏi: “Đích đáng là dòng họ gì?” Viện chủ đáp: “Chỉ là dòng họ”. Hàn Sơn nghe thế bảo: “Nếu lúc tháng sáu mà trả lời với kẻ ấy thì tiện nói là dòng họ Nhiệt”. Lại nữa, Nham Đầu hỏi giảng Tăng: “Đại đức hiện nói là Hội giáo phải chăng?” Giảng Tăng (Hội giáo) đáp: “Không dám”. Nham Đầu bèn đưa tay hỏi: “Là cái gì?” Hội giáo đáp: “Là Quyền giáo”. Nham Đầu bảo: “Khổ thay nếu ta đưa cẳng chân để hỏi ông thì không thể nói là cẳng chân giáo”. Sư bảo: “Quái lạ thay hai bậc Lão Túc, có dao giết người có kiếm sống người. Một câu nói như trồng hoa trên đá, một câu nói tợ treo kiếm giữa hư không. Ngay lúc nếu không có lời nói sau, một Tông Đạt-ma quét đất mà - hết - Các ông cần thấy hai lão túc ấy chăng? Thà có thể cắt lưỡi chứ chẳng phạm Quốc húy”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÔNG Ở QUY TÔNG.

1. Thiền sư Tố Nguyệt ở Tư phước.

Thiền sư Tố Nguyệt - Quảng chiếu ở Tư phước tại Tương châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là tâm Phật xưa trước?” Sư đáp: “Chẳng đấm trung gian tức dứt hai đầu”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi đích xác Hòa thượng vì người?” Sư đáp: “Trương Công uống rượu, Lý Công say”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Sau đỉnh đầu không tướng vòng tròn”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Hòa phong phát mầm non”. Lại hỏi: “Thế nào là Đạo chân thường?” Sư đáp: “Mặc áo ăn cơm”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu?” Sư đáp: “Đạo chân thường”. Lại nói: “Chớ lừa dối người học”. Sư bảo: “Tưởng ông chẳng thấy thể quan chầu, chỉ biết giày da chẳng biết hài”.

2. Thiền sư Khánh Thông ở Đồng an.

Thiền sư Khánh Thông ở Đồng an tại Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: “Sư xướng hát khúc nhạ nhà ai, Tông phong ấy ai người nối dõi?” Sư đáp: “Yến con chẳng lìa hang ổ cũ”. Lại hỏi: “ Lúc đức Thế Tôn chưa thành Phật thì thế nào?” Sư đáp: “Phật”, lại hỏi: “Sau khi đã thành Phật thì thế nào?” Sư đáp: “Phật”. Lại hỏi: “Rốt cùng thì thế nào?” Sư đáp: “Phật”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THI TÍN Ở PHƯỚC XƯỚNG

1. Thiền sư Kỳ ở Pháp hưng.

Thiền sư Kỳ ở Pháp hưng tại An châu. Có vị Tăng hỏi: “Người học không hỏi, xin Sư chẳng đáp”. Sư bảo: “Ý cá kình nuốt thuyền vọt sóng lớn, người không tin tức qua bể khơi”. Lại hỏi: “Thế nào là rơi hai lạc ba”. Sư đáp: “Nhiều ông hiểu đến ngàn lớp hỏi, không tự lắm lời nói chuyển tặng”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUYÊN Ở TƯƠNG SƠN (PHẬT TUỆ)

1. Cư sĩ Hiến Triệu Biến.

Cư sĩ Hiến Triệu Biến, tự là Duyệt Đạo. Năm ngoái 40 tuổi, cư sĩ vất bỏ sắc, buộc tâm với Tông giáo, gặp Phật Tuệ đến ở Nam thiền gần đường thông. Hằng ngày cư sĩ đến thân gần, nhưng Phật Tuệ (Thiền sư Tuyền) chưa từng dung chỉ cho một từ. Về sau, đến trông coi châu, ngoài chánh sự, phần nhiều Cư sĩ thường ngồi yên, bỗng có tiếng sấm lớn chấn động, Cư sĩ bèn khế ngộ, làm bài kệ tụng rằng:

“Lặng ngồi công đường ghế rỗng ẩn.

Nguồn tâm chẳng động lắng nước trong.
Một tiếng sấm vang đầu cửa mở.
Kêu dậy từ trước tại cuối nhà.

Phật Tuệ nghe vậy, cười bảo: “Triệu vui đạo khua rửa tai”. Có Phú Trịnh Công mới đầu ở Tông môn chưa chỗ thú hưởng, Trịnh Công cố gắng đó mà viết rằng: “Cúi đầu chấp sự, giàu sang như vậy là cùng, đạo đức như vậy là lớn, phước thọ phương sinh như vậy là đủ, lui nghỉ nhàn ẩn như vậy là cao. Còn chỗ rất chưa lưu ý là một đại sự nhân duyên của Như Lai mà thôi. Nếu có khả năng chuyên chú thành cầu chứng ngộ thì ngày sau sẽ là tốt lành của môn hạ”.

Năm 72 tuổi, Cư sĩ vì Thái tử thiếu phó đặt quan mà về thân gần dân chúng làng quê xưa gặp gỡ vẫn như cũ. Cư sĩ thiết trai hội cao đệ tự thích ý, đề bài kệ nói về ý nghĩ mình rằng:

“Em mang vàng ròng đã lui bỏ.
Tin tức trong đó cũng tầm thường.
Người đời muốn biết trai cao lão.
Chỉ là thân kha Triệu Tử Lang”.

Cư sĩ lại bảo: “Rất kỵ làm nhận”. Đến lúc sắp qua đời, cư sĩ ghi thư gởi đến Phật Tuệ rằng: “Nếu chẳng nhờ Sư bình lắng cảnh răn, đến nay hẳn chẳng đắc lực vậy”. Phật Tuệ làm bài kệ viếng điếu rằng:

“Phận quan nước nhà.
Thôi về đời làm trình.
Vàng lật nhân gian bỏ.
Lầu ngọc trên trời thành.
Kiến tuệ không màn khuyết.
Hồ băng suốt đáy trong.
Gió xuân đường cốt thủy.
Trăng lẽ sáng chiếu mây.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC - quyển thứ mười hai - hết -

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC -
Quyển 12
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 13

MỤC LỤC

Đời thứ mười ba, dưới đời Thiền sư Đại giám.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phương Hội ở Dương kỳ, có mười hai vị:

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khả Châu ở Thúy nham, có năm vị:

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo Khoan ở Đại ninh, có 02 vị:

2. Thiền sư Tu Quảng ở Dương Kỳ (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tán Nguyên ở Tương Sơn, có chín vị:

1. Thiền sư Pháp nhã ở Tuyết đậu
2. Thiền sư Ứng Duyệ ở Thừa hy
3. Thiền sư Nhã ở Thạch môn
4. Thiền sư Tử Quỳnh ở Quy phong (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Phá Chánh ở Tương sơn
6. Thiền sư Tông Bí ở Cam lồ
7. Thiền sư Đức Nghiêm ở Cam lồ
8. Thiền sư Đạo Ngạn ở Phổ môn
9. Cư sĩ Hoàng An Lễ (năm vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tỉnh Hồi ở Song phong, có 04 vị:

1. Thiền sư Văn Tán ở Quang Quốc
2. Thiền sư Ngạn Văn ở Linh Sơn (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Trọng Tường ở Thắng nghiệp
4. Thiền sư Tuệ Nhiên ở Vân dương (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư chánh ở Võ tuyền, có 01 vị.

1. Thiền sư Tông Chấn ở Khánh Thiện (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cảnh Thiền ở Lạc phổ, có ba vị:

1. Thiền sư Đạo Xiêm ở Giáp sơn
2. Thiền sư Mật Tuân ở Lạc phổ
3. Thiền sư Đạo Viên ở Nhân vương (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng Thiền sư Quang Dụng ở Bồ đề, có một vị:

1. Thiền sư Thiện Tư ở Tịnh độ (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Toại ở Thiên đồng, có bốn vị:

1. Thiền sư Lập Chí ở Đại trung
2. Thiền sư Viên ở Càn nguyên
3. Thiền sư Ứng Thành ở Vạn thọ (ba vị hiện có ghi lục)

4. Thiền sư Tuệ Trung ở Linh Ẩn (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn Duyệt ở Vân phong, có bảy vị:

1. Thiền sư Tề Hiểu ở Thọ ninh
2. Thiền sư Hàm Hư ở Trừng tuệ (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Kế Thức ở Tinh nghiêm
4. Thiền sư Thủ Chân ở Đại Long
5. Thiền sư Lâm ở Quách Sơn
6. Thiền sư Hữu Huệ ở Ung hy
7. Thiền sư Như Thủy ở Long nha (năm vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Nghĩa ở Khai phước, có một vị:

1. Thiền sư Duy Bính ở Trừng tuệ (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiểu Nguyệt ở Lặc đàm, có năm vị:

1. Thiền sư Cư Tấn ở Thượng Lam
2. Thiền sư Đạo Luật ở Lặc đàm
3. Thiền sư Tu Ngọc ở Vĩnh an
4. Thiền sư Từ Giác ở Khai tiền
5. Thiền sư Tông Hải ở Tiến phước (năm vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Siêu Tín ở Định Huệ, có sáu vị:

1. Thiền sư Trí Viên ở Lủng nhung (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Ngộ Quả ở Minh Nhân.
3. Thiền sư Xử Minh ở Khải ninh.
4. Thiền sư Như Giám ở Tuệ nhật.
5. Thiền sư Khế Phù ở Lộc uyển.
6. Thiền sư Pháp Trừng ở Phổ minh (05 vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thân ở Hưng giáo, có một vị:

1. Thiền sư Thiệu Trình ở Minh giáo (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngộ Không ở Ngọc Tuyền, có một vị:

1. Thiền sư Tề Nguyệt ở Hộ quốc (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bẩm Trân ở Thường thục, có một vị:

1. Thiền sư Huệ Mãn ở Kim sơn (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bảo Tông ở Phước nghiêm, có hai vị:

1. Thiền sư Nghĩa Nhiên ở Hoa Dược
2. Thiền sư Trí Dục ở Thừa thiên (hai vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đồng Quảng ở Thái từ, có một vị:

1. Thiền sư Chiếu ở Long môn (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo Trăn ở Tịnh nhân, có sáu vị:

1. Thiền sư Tuệ Xiêm ở Trường khánh
2. Thiền sư Kế Siêu ở Thê Thắng
3. Thiền sư Động Phư ở Hương nghiêm (ba vị có ghi lục)
4. Thiền sư Nguyên Huấn ở Thiếu lâm
5. Thiền sư Thiệu Tuyên ở Bắc thiền.
6. Thiền sư Tông Hải ở Bạch lộc (ba vị không có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhân Nhạc ở Thiên vương, có bốn vị:

1. Thiền sư Thiệu ở Hưng hóa
2. Thiền sư Cảnh Phượng ở Định lâm
3. Thiền sư Xử Khuê ở Thủ Sơn (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Hy Nguyên ở Thượng phương (không ghi lục).

- Đệ từ nối dõi dòng pháp Thiền sư Vị Phương ở Ngọc truyền, có bốn vị:

1. Thiền sư Thiệu Đăng ở Thánh tuyền
2. Thiền sư Thiện Châu ở Tuệ lực
3. Thiền sư Trọng Biện ở Nam hoa
4. Thiền sư Trí Hưng ở Diên phước (bốn vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hoài Hiền ở Kim sơn, có một vị:

1. Thiền sư Tri Cẩn ở Viên thông (hiện không có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Xiêm ở Ô nhai, có một vị:

1. Thiền sư Hy Dụng ở Tây thiên (hiện không có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp thiền sư Thế Trân ở Thừa thiên, có hai vị:

1. Thiền sư Trung Bạch ở Bạch thủy
2. Thiền sư Trí Hải ở Cửu đảnh (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lâm ở Kính sơn, có một vị:

1. Thiền sư Trạch Ngô ở Đâu suất (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dự ở Tuyết phong, có ba vị:

1. Thiền sư Trọng Đạo ở Thứu phong
2. Thiền sư Trọng Ngạn ở Viên minh
3. Thiền sư Phụng Sâm ở Bảo lâm (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tiệp ở Tư thọ, có hai vị:

1. Thiền sư Văn Hữu ở Đại trí
2. Thiền sư Tư Vĩnh ở Tư thọ (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp thiền sư Chân ở Thượng Phương, có hai vị:

1. Thiền sư Tề Giác ở Vân phong
2. Thiền sư Thiệu Tốn ở Nam nhạc (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạt ở Chương Đồng, có một vị:

1. Thiền sư Pháp Ấn ở Vạn thọ (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn Thắng ở Linh ấn, có hai mươi lăm vị:

1. Thiền sư Viên San ở Linh ẩn
2. Thiền sư Cư Tắc ở Tiến phước
3. Thiền sư Uẩn Thông ở Linh ẩn

4. Thiền sư ở Nam viện
5. Thiền sư Tông ở Bảo ninh
6. Thiền sư Hữu Bang ở Thạch Phật
7. Thiền sư Cử Nội ở lương (bảy vị hiện có ghi lục)
8. Thiền sư Tử Thăng ở Phật Nhật
9. Thiền sư Bảo Oai ở Hưng giáo
10. Thiền sư Chiếu ở An lạc
11. Thiền sư Long ở Quảng quả
12. Thiền sư Tích ở Vĩnh an
13. Thiền sư Sùng ở Hộ quốc
14. Thiền sư Chiếu ở Linh ẩn
15. Thiền sư Thiện ở Vĩnh an
16. Thiền sư Hồng ở Diệu nghiêm
17. Thiền sư Từ Hóa ở lương
18. Thiền sư Tuệ Trung ở Hà sơn
19. Thiền sư Quy Mục ở Quảng pháp
20. Thiền sư Tu Khánh ở Viên tịch
21. Thiền sư Trí Vinh ở Cảnh
22. Thiền sư Sưởng ở Hộ quốc
23. Thiền sư Chuyết ở Báo bản
24. Thiền sư Phổ ở Thụy nham
25. Thiền sư Nhạc ở Hải hội (mười tám vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cư Hủ ở Bảo phước, có một vị:

1. Thiền sư Tự Như ở Trí giả (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngộ Thừa ở Long hoa, có ba vị:

1. Thiền sư Tuyên Mật ở Linh nham (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tuệ Đoan ở Linh phụng
3. Thiền sư Nhàn ở Càn minh (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nghĩa Hải ở Thụy Nghiêm, có hai vị:

1. Thiền sư Văn Tuệ ở Đại mai
2. Thiền sư Tự Nguyên ở Thúy Nham (hai vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chiêu Viễn ở Bành giang, có một vị:

1. Thiền sư Thủ Kiên ở Vạn thọ (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chu ở Hưng Dương, có một vị:

1. Thiền sư Tuệ Thái ở Trí môn (hiện không có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đoan ở Bạch lộc, có một vị:

1. Thiền sư Giới gia ở Pháp hải (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư An ở Quy tông, có hai vị:

1. Thiền sư Hữu Quy ở Từ Vân
2. Thiền sư Tông Nhất ở Đồng an (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Uyên ở Lương phong, có một vị:

1. Thiền sư Pháp Xán ở Ẩn sơn (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Tòa Ngôn, có một vị:

1. Thiền sư Duy Trạm ở Chiêu Đề (hiện có ghi lục)

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỘI Ở DƯƠNG KỲ

1. Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch vân.

Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch vân tại Thư châu vốn người dòng họ Cát ở Hành dương. Thuở bé thơ, Sư chuyên việc bút mực, đến tuổi 20 Sư nương theo Sơn Chủ Úc ở Trà lăng mà xuất gia, sang dự tham nơi Thiền sư Hội ở Dương kỳ. Một ngày nọ bỗng nhiên Thiền sư Hội hỏi: “người thầy của ông thọ học là ai?” Sư đáp: “Hoà thượng Úc ở Trà lăng”. Thiền sư Hội bảo: “Ta nghe Hòa thượng ấy qua cầu gặp phải té ngã mà có sự tỉnh ngộ, làm kệ rất kỳ đặc, vậy ông có nhớ chăng?” Sư bèn tụng rằng: “Ta có một hạt châu sáng, bấy lâu bùi mờ khuất lấp, sáng nay bụi sạch tỏa ngời, chiếu khắp sơn hà muôn đóa”. Thiền sư cười mà vội đứng dậy. Sư ngạc nhiên trọn đêm chẳng ngủ vừa tờ mờ sáng vào thưa hỏi đó. Mãi đến cuối năm, Thiền sư Hội bảo: “Ông thấy làm ngày đánh nhau cầu mát chăng?” Sư đáp: “Thấy”. Thiền sư Hội bảo: “Một

bọn ông chẳng kịp bằng cừ". Sư lại kinh ngạc, hỏi: "Ý còn ông lại sợ người cười". Sư bèn đại ngộ, theo hầu khăn áo qua thời gian lâu rồi giả từ đến Lô phụ. Thiền sư Một ở Viên thông được đề cử ở Thừa Thiên, tiếng tăm vang vọng rất lắm, Sư lại lánh ẩn Viên thông, tiếp chuyển đời đến ở Pháp hoa, Long môn, Hưng hóa, Hải hội. Những nơi Sư đến, đại chúng đều nhóm tụ như mây.

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Vạc sôi không nơi lạnh". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Đáy nước đặt hồ lô". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Quạ bay thỏ chạy". Lại hỏi: "Chẳng cầu các Thánh, chẳng động tánh linh của chính mình là việc phần trên của Nạp Tăng. Vậy thế nào việc phần trên của Nạp Tăng?" Sư đáp: "Chết nước chẳng cất giấu nơi cung rồng". Lại hỏi: "Tiệu lúc nào đi thì thế nào?" Sư đáp: "Lừa dối giết ông". Đến thê hiền, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thừa thiên tự mở nhà sau bên an bài chút dây leo, đến Sơn nam, Đông cát, Tây cát tức bị Quy tông, Khai tiên, vạn sam đánh chết lớp xong vậy. Ngày nay đến trong hội Tam hạp, rất tợ đến vẫy thầy thuốc trị bệnh, cuối cùng buộc tay chân chẳng rành. Trong mong đại chúng chớ lấy làm quái lạ, cúi mong, trân trọng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chim có hai cánh, bay chẳng kể xa gần, đường ra một ngăn cách đi không trước sau. các nhà Nạp Tăng thông thường nắm thìa vất đủa, cùng đường biết có, kịp đến lúc lên tới trên non vì sao liền thở ấp chẳng thấy đạo nhân không tinh lường xa hẳn có lo buồn gần". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Phật đất bùn không thể độ nước, Phật gỗ không thể độ lửa, Phật vàng không thể độ lò, Phật thật ngồi ở bên trong đại chúng. Triệu Châu Lão Tử có 12 tể, cốt đầu có tám vạn bốn ngàn lỗ chân lông, một lúc rút đến trong lòng các người đã xong, ngày nay trên đường Viên thông thấy bất bình vì người xưa buông hợi thở". Xong, Sư vỗ xuống thiền sàn một cái và tiếp bảo: "Phải nên biết núi biển đều thuộc về minh chúa, chưa tin đất trời vùi lấp người tốt lành". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: "Thân Phật sung đầy khắp pháp giới, hiện khắp tất cả trước quần sinh, tùy duyên cảm hiện cùng khắp cả, mà thường ở tòa Bồ đề này đại chúng, làm sao sống nói cái đạo lý tùy duyên cảm hiện, chỉ ở trong khoảng khảy móng tay mà đối với căn cơ các quần sinh khắp đại địa đức đồng một lúc được cảm ứng khắp cùng, mà chưa từng động đến một đầu mãy lông, bèn tạm gọi là tùy duyên cảm hiện mà thường ở nơi tòa đây. Cỉ như sơn Tăng đây nhận sự thỉnh mời của Pháp hoa, lần lượt cùng giả biệt với đại chúng, bỏ khai đườngrong huyện tư mới

về viện đi, hãy nói có lìa khỏi toà đây không? Nếu nói lìa thì thế đế lưu bố, nếu nói chẳng thì làm sao thấy được cái việc chẳng lìa? Chẳng là vô biên cảnh giới cõi nước tự nó chẳng cách nơi đầu mãy lông, xưa nay 10 đời trước sau chẳng lìa nơi đương niệm ư? Lại chẳng là lúc tất cả đều vô tâm tự khắp cùng ư? Nếu nghĩ gì chánh là nâng gậy đánh mặt nguyệt, đến trong đó phải tỏ ngộ mới được, sau khi ngộ lại phải gặp người mới được, các ông nói đã ngộ rồi bèn nghỉ, lại sao hẳn phải gặp người? Nếu ngộ rồi gặp người, đúng là lúc buông tay phương tiện, mỗi mỗi đều có đường xuất thân, chẳng chỉ mù lòa tức mắt người học. Nếu chỉ ngộ được đầu đáy càn la bặc, chẳng chỉ mù lòa tức mắt người học, mà gần tự mình động trước tự xúc phạm bén nhọn thì tổn hại tay. Các ông xem Tiên sư Dương Kỳ Ta (Thiền sư Hội) hỏi đạo ở Sư Ông Từ Minh là: "Nơi u tối chim ngâm nỉ non, lúc giả từ mây vào trong lắm ngọn núi thì thế nào?" Từ Minh đáp: "Ta đi trong cỏ hoang, ông lại vào thôn sâu". Lại hỏi: "Quan chẳng dùng kim châm lạ gá một câu hỏi". Sư ông bèn hét. Lại nói: "Khéo giỏi hét". Sư ông lại hét, Tiên sư cũng hét, Sư ông mới hét liền 02 tiếng, Tiên sư bèn lễ bái. Đại chúng phải nên biết, ngộ rồi gặp người tức đến đầu ngã tư đường cùng người gặp gỡ, tức nắm tay tại trên đảnh Thiên phong, đến trên đảnh Thiên phong cùng gặp tức tại đầu ngã tư đường nắm tay. Do đó sơn Tăng từng có bài tụng rằng: "Nơi người khác ở ta không ở, nơi người khác đi ta chẳng đi, chẳng là vì người khó cùng nhóm, đại để Tăng tục phải rẽ rành. Sơn Tăng đây mở toan đầu đãy vãi, một lúc ném buông tại trước mắt các người xong vậy. Người có mắt sáng chớ lấy làm quái lạ tốt lành, trân trọng!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa để lại một lời nửa câu, lúc chưa thấu thì tương tợ khua dính vách sắt. Bỗng nhiên một ngày sau khi đã trông nhìn được thấu mới biết dự mình tiện là vách đá. Như nay làm sao sống thấu?" Sư lại bảo: "Vách đá, vách đá". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu đích thực được một hồi đổ mồ hôi ra, bèn hướng đến trên một cành cỏ hiện lầu quỳnh điện ngọc. Nếu chưa đích thực được một hồi đổ mồ hôi ra, giả sử như có lầu quỳnh điện ngọc tức bị một cành có che lấp. Làm sao sống được đổ mồ hôi ra? Tự có một cặp cùng nắm tay, chẳng từng dễ dàng múa ba đài". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đứng đầu của an cư gọi tên là cấm túc. Ý của cẩm túc ý tại tiếu đạo mà hộ sinh. Nhà Nạp Tăng lại có gì sống (sinh) mà có thể hộ, có đạo gì mà có thể tiến? Khạc nhổ một cái, khạc nhổ phá cửa mặt của Thích Ca và Lão Tử, đạp một bước đạp đứt cột xương sống vai lưng của Thích Ca và Lão Tử, còn là theo đàn đuổi tội tài giỏi, chưa là bản phận Nạp

Tăng". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Không hạn phong lưu biếng bán lộng, khỏi dạy người chỉ khéo lạng quân".

Đến năm Hy Ninh thứ 05 (1072) thời Bắc Tống, Sư thị tịch hưởng thọ 48 tuổi.

2. Thiền sư Nhân Dõng ở Bảo ninh.

Thiền sư Nhân Dõng ở Bảo ninh tại Kim lăng, vốn người Giêng họ Trúc ở Tứ minh, Sư dung nghi cử chỉ sâu vời tuấn tú, từ tuổi bé thơ mà lại thông rành giáo nghĩa Tông thiên thai. Sư lại đến nương tựa bái yết Thiền sư Minh Giác ở Tuyết đậu. Thiền sư Minh Giác trong ý cảm thấy Sư có thể kham nhận đại pháp, mới nói mát thử Sư là: "Tòa Chủ Ương Tường". Sư tức giận xuống núi, trông nhìn về Tuyết đậu bái biệt thề rằng: "Đời này tôi hành khất, đạo chẳng vượt quá Tuyết đậu thì thề chẳng trở về quê hương". Rồi bèn sang Lặc đàm, vượt gỡ nghi tình chưa tan vỡ. Nghe Thiền sư Hội ở Dương Kỳ chuyển dời Vân cái hay lắc khóa các người học, Sư bèn đi thẳng đến đó, chỉ một lời chưa kịp bèn chóng rõ tâm ấn. Sau khi Thiền sư Hội thị tịch, Sư theo bạn đồng tham là Thiền sư Đoan ở Bạch Vân rão bước nghiên tầm huyền yếu, sau ra hoằng hóa, hai lần ở tại Bảo ninh rồi Sư thị tịch.

Có vị hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Gần lửa cháy trước". Lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Trong đất bùn có gai nhọn". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Rất kỵ đạp nhằm". Lại hỏi: "Các bậc tiên đức nói: gió lạnh điêu tàn lá còn vui mừng người cũ trở về. Chưa xét rõ ai là người cũ?" Sư đáp: "Hòa thượng Dương Kỳ thị tịch đã từ lâu". Lại hỏi: "Chánh ngay lúc nào lại có người nào vì biết tiếng?" Sư đáp: "Ông thôn không đủ mắt sáng mờ tối chấm đầu". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Bảo ninh?" Sư đáp: "Đầu chủ núi ngã đổ". Lại hỏi: "thế nào là người tự tại trong cõi trần?" Sư đáp: "Nhân đi chẳng ngại múa tay". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Vạc sôi không nơi lạnh". Lại hỏi: "Tại Linh sơn chỉ mặt nguyệt, ở Tào khê nói câu thoại về vầng nguyệt, còn chưa xét rõ tại môn hạ Bảo Ninh thì thế nào?" Sư đáp: "Khản tiếng". Lại nói: "Có hoa dán ngay mặt". Sư bèn hét, lại hỏi: "Nhặt lá tìm cành tức chẳng hỏi, còn thế nào là dứt tuyệt cội nguồn?" Sư đáp: "Con muỗi trên trâu sắt". Lại hỏi: "Dứt tuyệt cội nguồn người đã hiểu, còn đối với hàng trung hạ thì chỉ dạy như thế nào?" Sư đáp: "Vai lưng người đá đổ mồ hôi".

Có lúc lên giảng đường, sư bảo: "Hơn 20 năm sơn Tăng gánh đãy mang bát, đi khắp hoàn vũ tham phỏng các thiện tri thức có hơn 10 vị. Tự mình đều không cái chỗ thấy, có như đá lỳ tương tợ tham phỏng đến

các tôn túc cũng không chỗ mở đến người, may tự có thể thương đời mình bỗng nhiên bị gió nghiệp thổi đến phủ Giang ninh. Không đích thực bị người trên đưa đẩy đến đầu ngã tư đường ở cái viện hư phá làm người chủ lo cháo cơm tiếp đãi mọi người khắp nam bắc, việc chẳng được thôi, tùy phần có muối có giấm, cháo đủ cơm đủ, vã lại nghĩ qua thời gian như là Phật pháp chẳng từng mộng thấy". Lại có lúc lên giảng đường vị thị giả đốt hương vừa xong, Sư chỉ vào thị giả và bảo: "Thị giả đã vì các người nói pháp xong vậy". Lại có lúc lên giảng đường. Sư bảo: "Xem xem sơn Tăng vào địa ngục bạt thiệt (kéo lưỡi) đây này". Rồi Sư đưa tay kép lưỡi ra và bảo: A da, a da! Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "gió thu thổi mát, từng âm vận vút dài, khách chưa trở về nghĩ nhớ quê cũ. Hãy nói ai là người khách chưa trở về? Và nơi nào là quê cũ?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nằm dài trên giường có cháo có cơm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Phụng hót cành mưa xé hồn, súng lại trên gối tiếng oanh tan vỡ, ễnh ương, giun dế một lúc ngâm, Văn thù, tu Bồ đề đều chẳng hiểu, ba cái thành đàn, bốn cái làm đội, sâu xa phất phới, đến nam bắc đông tây bẻ được hoa lê hoa lý một vòng hai vòng.

3- Cư sĩ Tỷ Bộ Tôn.

Cư sĩ Tỷ Bộ Tôn, nhân Thiền sư Hội ở Dương Kỳ đến bái yết thấy ngay đoán quyết. Sư sĩ hỏi: "Tôi làm việc của vua những sự mong đòi do đâu được khỏi?" Thiền sư Hội chỉ bảo: "Giao phó được gì?" Cư sĩ nói: Mong sư chấm phá". Thiền sư Hội bảo: "Đây là Tỷ Bộ hoằng nguyện rộng sâu, lợi ích quần sinh". Cư sĩ nói: "Chưa xét rõ như thế nào?" Thiền sư hội bèn nói kệ tụng là: "ứng hiện thân tể quan, mở lớn bi nguyện , vì người lại chỉ chỗ, dưới gậy máu vung rơi". Khi ấy Cư sĩ bèn có sự tỉnh ngộ.

4. Thiền sư Thủ Tôn ở Thạch sương.

Thiền sư Thủ Tôn ở Thạch sương tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "sinh cũng chẳng nói, tử cũng chẳng nói, về gì mà chẳng nói?" Sư đáp: "Một lời đã tuôn ra". Lại hỏi: "Từ đông qua tây lại làm sao sống?" Sư đáp: "xe 04 ngựa khó đuổi theo kịp". Lại hỏi: "người học tất cả chẳng cùng ư?" Sư bảo: "Dễ mở miệng đuôi đầu, khó giữ tâm năm lạnh".

5- Sơn Chủ Đông Lâm Úc.

Sơn Chủ Đông Lâm Úc ở huyện Trà lăng tại Hành châu, vốn người xứ Bản châu, xuất gia từ thuở thiếu thời, chỉ chuyên việc ứng cúng, viện ở các Thiền sát, qua lại nơi đường, mỗi lúc có hoá chủ đến, Sư thảy đều cúng dường đó. Một ngày nọ, nhân Thiền sư Hội - Hoá chủ Dương Kỳ đến, Sư bèn hỏi về yếu chỉ Thiền tông, Hoá chủ vì nêu cử:

Hòa thượng từng hỏi Nạp tử có vị Tăng hỏi Pháp Đăng: “Đầu sào trăm thước làm sao tiến bước?” Pháp Đăng đáp: “Câm”. Từ đó, Sư tham cứu chưa từng lìa niệm, bỗng nhiên một ngày nọ nhận sự thỉnh mời của ngoại duyên, cuỡi con lừa kiểng chân đi qua cầu khe suối, lừa đạp cầu thủng lủng chân, Sư rơi khỏi lưng lừa, bất chợt trong miệng phát tiếng “câm”, và ngay đó mà khế ngộ, Sư có bài kệ tụng là:

“Ta có một viên thần châu
Bị trần lao phủ từ lâu.
Nay đây bụi sạch sáng tỏ.
Soi thấy núi xanh muôn đoá”.

Sư liền chạy đến bái yết nêu trình Thiền sư Hội. Thiền sư Hội bèn vì ấn chứng đó. Sư là vị thầy xuống tóc xuất gia của Thiền sư Thủ Đoan ở Bạch Vân. Nhân duyên Thiền sư Thủ Đoan ngộ đạo đã nói đầy đủ ở truyện Thiền sư Thủ Đoan. Sau khi ra hoằng hóa, Thiền sư Thủ Đoan đến ở Thừa Viên Cửu giang, có làm kệ tụng tán thán chân tượng của Sư rằng:

“Dùng trăng nước để dụ chừ xưa nay đã có lắm.
Ta nay chẳng vậy chừ trình bày ấy sao?
Đầu sào trăm bước từng tiến bước.
Cầu khe một đạp vùi núi sông.
Ngoãy nhìn chẳng vân du chừ nào có vân du.
Bước cao Bảo thọ chừ, Sư ấy cùng chợt gặp.
Phía Đông Ứng phong chừ cửa của sông Mễ.
Ba mươi ba năm chừ sư tử lớn rống.
Buông chờ cuốn chừ đã rồi vậy.
Nương trước giữa không rót nước sông mễ.
Cửu giang cùng cách xa mấy ngàn dặm.
Cha có ngà quý, con không răng.
Dối nhọc kép tai một lò hươgn.
Khói bụi đuổi xoay gió tùng nổi.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHÂN Ở THÚY NHAM

1. Thiền sư Mộ Triết ở Đại quy.

Thiền sư Mộ Triết - Chân Như ở Đại quy, tại Đàm châu, vốn người dòng họ văn ở Lâm xuyên - Phủ châu. Có vị Tăng hỏi: “với cây bách trước sân của Triệu châu, ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Đêm về sắc gió rít, khánh lẽ đã lạnh trước”. Lại hỏi: “Tiên sư không nói lời ấy lại làm sao sống?” Sư đáp: “Hành nhân mới biết khổ”. Lại nói: “Mười

năm chạy bụi trần, sáng nay riêng một mình". Sư bảo: "Trên tuyết thêm sương". Lại hỏi: "Thế nào là Phật trong thành?" Sư đáp: "muôn người trong rừng chẳng cắm nêu". Lại hỏi: "Thế nào là Phật trong thôn?" Sư đáp: "Hết người qua lại". Lại hỏi: "Thế nào là một câu truyền riêng ngoài giáo điển?" Sư đáp: "Phiên dịch chẳng ra". Lại hỏi lúc ngưu đầu chưa thấy gặp tứ tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "lạnh, lông dựng đứng". Lại hỏi: "Sau khi đã gặp thấy thì thế nào?" Sư đáp: "đầu trán đổ mồ hôi". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng sinh một đất trời mờ mịt ai chịu khuất, trăng sinh hai đông tây nam bắc vùi lấp lỗ mũi, trăng sinh ba thiên tài, đặt đất đến phương nam dự tham. Do đó nói phóng đi thì đát tát duỗi sáng, nắm ở thì bùn cát trên sao ngời, hãy nói phóng đi là phải hay nắm ở là phải?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tròn ấy 03 giọt nước muôn vật tự vút mới". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Xưa trước Đức Phật nói xưa ở Ba-la-nại vận chuyển đại pháp luân, giảng pháp Tứ đế, rơi hầm, rớt hố nay lại chuyển vận tối diệu vô thượng đại pháp luân trên đất thêm bùn. Như nay lại chẳng giẫm trải thềm thang riêng vượt ngoài vật chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Lòi đầu ngoài trời xem ai là người ấy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "A thích, thích là gì, vụt nghĩ năm này phá bếp rơi, cây gậy bỗng đánh nhan, mới biết có phụ ta". Xong Sư nắm lấy cây gậy đánh vào đài hương một cái và bảo: "rơi, rơi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vỗ giữa khoảng không tìm tiếng vọng khổ nhọc tinh thần các ông, mộng tỉnh tỉnh chẳng phải lại có việc gì. Đức Sơn lão nhân tại trên lông mày các người. Các người có nhận thấy chăng? Nếu nhận thấy được thì mộng tỉnh tỉnh chẳng phải, còn nếu chưa nhận thấy thì vỗ giữa khoảng không tìm tiếng vọng trọn không lúc xong. Ngay nhiều đến trong đó thích thảm rành rẽ còn là thềm thang núi vào cổng, lại có người riêng vượt ngoài vật chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tạm chớ dối lừa người sáng đầu". Có người hỏi: "Đức Phật đại thông trí thắng suốt 10 kiếp ngồi nơi đạo tràng, về gì mà chẳng được thành Phật đạo?" Sư đáp: "Khổ giết người". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "mây trắng lặng lẽ, nước đổ biển xanh, muôn pháp vốn nhàn nào có việc gì? Do đó nói cũng có quyền, cũng có thật, cũng có chiếu cũng có dụng các người đến trong ấy làm sao giẫm đạp?" Ngưng giây lát Sư bảo: "Chỉ có con đường có thể lên nhưng lại thuộc cao nhân đi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sơn Tăng vốn không tích chứa, chỉ tạm được đủ cháo đủ cơm mệt nhọc bên liền nằm ngủ, mặc tình bói đông đoán tây". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một Thích Ca, hai Nguyên Hoà, ba Phật Đà. Ngoài ra thì bát gì thoát

khâu? Tuệ Quang đây tức chẳng vậy, một Thích Ca, hai Nguyên Hoà, ba Phật Đà tất cả đều là bát thoát khâu. Các người lại có biết nơi Tuệ Quang rơi lạc chăng? Nếu biết được thì hứa cho các ông có đủ nung đúc tròng mắt bằng đồng, còn nếu chẳng biết thì chớ cho là trải qua bao nhiêu sóng gió hiểm nguy, thuyền con từng đến bơi lội tại Ngũ hồ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư cầm nắm cây gậy mà bảo: "Một mấy trần mới nổi khắp đại địa gồm thâu". Xong, gõ cây gậy xuống một cái và Sư tiếp bảo: "Thế giới Diệu Kỷ trăm thứ nát vỡ, hãy nói Đức Bất Động Như Lai nay hiện ở nơi nào? Nếu người nào biết được thì có thể gọi là chẳng động bước chân mà lên Diệu giác, còn chưa nhận biết được thì hướng đến trong lông mày các ông mà nhập Niết bàn". Sư lại gõ cây gậy xuống một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng dùng tư duy mà biết, chẳng dùng nghĩ lường mà hiểu, gạo Lô-lăng giá cao, La-phục ở trấn châu lớn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy lên và bảo: "Cây gậy biển trí hoặc làm kiếm báu kim cang vương, hoặc làm sư tử ngồi xổm nơi đất, hoặc làm cán cây thăm dò ảnh cỏ, hoặc làm tác dụng gậy chống, các người có giao phó chăng? Nếu giao phó thì như rồng được nước tợ hổ tựa núi, ra vào buông cuộn, ngang dọc ứng dụng. Còn như chưa cùng giao phó thì rất tợ giữa ngày trốn ảnh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mười phương đồng nhóm tụ, mỗi mỗi học vô vi, đây là trường chọn Phật, tâm không đổ đạt về. Môn hạ Tuệ Quang nhổ thẳng vượt lên chẳng trải qua khoa mục. Các người đã đến trong đó, gió mây trải đất, ngà móng đã thành, chỉ thiếu tiếng sấm đốt đuôi, như nay vì các người chấn động nhanh tiếng sấm đi". Xong Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái và xuống khỏi tòa.

Đến ngày mồng 08 tháng 10 năm Thiệu Thánh thứ 02 (1095) thời Bắc Tống, tự nhiên không tật bệnh mà Sư nói kệ rằng: "Đêm qua canh ba gió sấm chợt nổi, mây tan trời trống ánh trăng rơi lọt trước khe". Ngưng giây lát, Sư giả biệt đại chúng, xong bèn thị tịch, Trà tỳ có hơn một đấu xá lợi lớn như hạt đậu, các thứ tròng mắt, răng, móng tay, móng chân chẳng tiêu hoại, đệ tử phân chia dựng tháp tôn thờ ở Kinh Đàm.

2. Thiền sư Sùng Áo ở Tây Lâm.

Thiền sư Sùng Áo ở Tây Lâm tại Nam Nhạc, có vị Tăng hỏi: "Một câu hỏi một lời đáp, khách chủ đã phân rành, còn chẳng hỏi chẳng đáp thì làm sao phân rành?" Sư đáp: "Ngồi thôi ngồi, đứng thôi đứng". Lại hỏi: "Tiện lúc nào gặp gỡ thì thế nào?" Sư đáp: "Lưỡi cắm trên răng nếu". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Không được kỵ húy tức".

3. Thiền sư Động Châu ở Thạch cổ.

Thiền sư Động Châu ở Thạch cổ tại Kỳ châu, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hỏi đáp chuyển nhiều, đi đường chuyển xa, cớ sao đường chẳng thuộc biết, biết mà vọng biết, đường mà chẳng thuộc thấy, thấy là tròng mắt. Trông mắt chẳng sáng thuộc việc cao vời, xoay vần chẳng dứt là gốc sinh tử. Nếu hay thẳng đến ngoài thái hư, tự nhiên tình niệm chóng mất, chân tâm hiện bày, nói năng như vậy cúi là hạ căn, đạo bạn cùng cùng gặp, không thể chẳng thể. Ngồi thì mười phương đều ẩn, đi thì sáu thú tùy duyên. Nói thì mở miệng thành lời, nín thì tam tai chẳng nhiểu. Tùy là như vậy, phải biết có một đường chuyển thân. Trong chúng chớ có người chuyển được thân ư? Ra lại làm chứng cứ. Nếu không ngày nay sơn Tăng mất lợi.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYÊN Ở TƯƠNG SƠN

1. Thiền sư Pháp Nhã ở Tuyết đậu.

Thiền sư Pháp Nhã ở Tuyết đậu tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Người học chẳng hỏi đại ý của Tổ sư từ Tây vức lại, chỉ xin Sư bày phương tiện chỉ rõ mê tình?" Sư đáp: "Sấm sét nổ vang qua đầu còn ngủ gậy". Lại nói: "Xin tạ ân sư đáp câu thoại". Sư bảo: "Vài ba phen mở miệng hỏi người nào?" Lại nói: "Tránh làm sao người học chưa lễ bái nào". Sư bảo: "Thôi dốt đặc".

2. Thiền sư Ứng Duyệt ở Thừa hy.

Thiền sư Ứng Duyệt ở Thừa hy tại Thiệu châu, vốn người dòng họ Đới ở Nghi hoàng - Phủ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tông chỉ của ta không ngữ cú, nhọc nhằn tìm đường trải, hiện thành công án đã lắm mối, nào kham lại giẫm trải qua cửa nhà người khác, xem mặt thẳng có dẫn ngay đây, nào dùng ba tra chịu khổ nhọc. Ôi!"

3. Thiền sư Nhã ở Thạch môn.

Thiền sư Nhã ở Thạch môn tại Cù châu, có vị Tăng hỏi: "Tiếng sấm một khi chấn động thì voi rồng đều đến, người học từ trước đến đây cầu xin Sư cử xướng". Sư bảo: "Mắt sen lúc máy động ngàn cõi tĩnh lắng, dung nhan vàng mỉm cười một hoa mới". Lại nói: "Người trời đều vào cảnh La Phong, ngày nay thân gần nghe lời đích thực". Sư bảo: "Trăm muôn mờ mệt người chẳng biết. Lại hỏi: "Lúc Phật chưa xuất hiện nơi đời thì thế nào?" Sư đáp: "Đông cung điện ngọc không lưu ảnh". Lại hỏi: "Sau khi đã xuất hiện nơi đời thì thế nào?" Sư đáp: "Bờ vườn Tỳ-lam mưa hoa trời". Lại hỏi: "Vì sao vượt thành xuân trong đêm mồng 08, ở núi Tuyết suốt 06 năm?" Sư bảo: "Trước thời Oai âm vương làm sao sống?" Lại nói: "Tạm đợi lúc giả biệt". Sư bèn đánh. Lại hỏi:

"Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Tháp Hùng Nhĩ mở thấy vắng vẻ, chỉ để lại một chiếc giày dính bụi mỏng". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Một gậy tre mắt, ba việc áo vá che". Lại hỏi: "Khách đến lấy gì để tiếp đãi?" Sư đáp: "Rót rượu đặc, chấm trà Tổ sư".

Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Phù du mới đẹp sánh cùng hương thơm hoa cúc, sướng giết nhà Đào suy ngả lạng. Bọn ta nổi trôi tuy hết phần, rèm đông đùa bởn cũng chẳng ngại. Đại chúng nhàn rỗi đùa bởn tức chẳng không, kẻ chưa mờ tối chạy loạn trong vàng hồng. A! ha, ha. Ngày nay vốn là ngày mồng 09 tháng 09". Xong Sư hét một tiếng.

4. Thiền sư Tử Quỳnh ở Quy phong.

Thiền sư Tử Quỳnh - Thụy Tướng ở Quy phong tại Tín châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Bác Sơn?" Sư đáp: "Khe chảy nước biếc, đường ra cửa tùng". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Thân mặc áo lụa hồng trong bụng đen như sơn". Lại hỏi: "Hướng thượng tông thừa, việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Đầu sát can chỉ trời". Lại hỏi: "Xuân sinh đã qua, cảnh hạ nắng ấm dần, việc thời tiết nhân duyên thế nào xin Sư vì nói bày?" Sư đáp: "Ngày 25 tháng chạp chưa là lúc đón năm mới". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu, xin Sư chỉ bày lại?" Sư đáp: "Trên thân người đá chẳng mọc lông".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỈNH HỒI Ở SONG PHONG TỰ NAM NHẠC

1. Thiền sư Văn Tán ở Quang quốc.

Thiền sư Văn Tán ở Quang quốc tại Lãng châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Họa chẳng đến đơn lẽ". Lại hỏi: "Tướng các pháp vắng lặng, không thể dùng ngôn ngữ tuyên bày. Nghe tòa đã lên, Sư giảng nói như thế nào?" Sư đáp: "Nhân gió thổi, lửa dùng sức chẳng nhiều". Lại hỏi: "Thế nào là Phật Phật đạo đồng?" Sư đáp: "Mèo con mang khăn giấy". Lại hỏi: "Pháp không hai xin Sư chóng giảng nói". Sư đáp: "Lãnh". Lại hỏi: "Thế nào là người người có phần?" Sư đáp: "Xong". Lại nói: "Cẩm Bình thiên hạ thiếu, Quang quốc ở đời hiếm". Sư bảo: "lùi".

2. Thiền sư Ngạn Văn ở Linh sơn.

Thiền sư Ngạn Văn ở Linh sơn tại Kim châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Vị Tăng người Hồ sún răng cười chẳng nói". Lại hỏi: "Người học không hiểu". Sư đáp:

"Mang một chiếc giày trở về lại Tây vức". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Hỏi được rất gần". Và Sư mới bảo: "Núi xanh xanh, nước biếc biếc, gió thổi mây nam lãnh, giọt sương cúc nhậu đông, lại thêm tùng trúc năm lạnh lòng, đều là khúc nhạc trên đàn không dây. Hồ Tăng mắt biếc vỗ chẳng đủ, vỗ chẳng đủ, một hai ba bốn năm sáu. Ôi!" Xong, Sư vỗ một cái và xuống khỏi bàn.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ QUANG DỤNG Ở BỒ ĐỀ

1. Thiền sư Thiện Tư ở Tịnh độ.

Thiền sư Thiện Tư ở Tịnh độ tại Lâm an - Hàng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ôi! Ôi! Ôi! Lâm Tế, Đức Sơn đều kinh sợ quét sạch, đầu gậy nêu cử được chẳng làm nhà. Dưới tiếng hét nhận lấy chưa là kỳ tuyệt. Tông chỉ sơn Tăng chẳng nghĩ gì. Xem mặt cùng bày biện hiền triết, một câu trước tiếng sớm đợi nghi, mang lại sau lời đến thời tiết khuyên các thiền nhân thôi nghĩ lắm lời. Rồng thần còn tự chẳng biết nguồn, há nói rùa núi đánh cùng ba ba què, chẳng xem thần quang truyền tổ vị, mới thấy lão Hồ bèn hết chân diệu quyết, nhà nhà tự mình có thể thương sự sống, ngay đó nhận lấy vầng trăng thứ hai. Đại trượng phu phải chặn dứt, hiện thành công án sớm lắm mối, chớ học người si bị bôi thoa. Thương ôi mạt pháp có lắm đường, bọn tà thành đàn sao ngăn cấm, sơ cơ vào cửa không mắt đạo, tay Phật sinh duyên nhọc vẽ bày, dòng thiền học được đi tham khắp, hỏi nhầm trước lại đánh chẳng đổi, người xưa mở miệng bèn biết lời, còn nói khéo đùa vụt thành vụng. Nào kham xem câu thoại được tâm thông, chánh là rỗng không chuồng đinh sắt, tự thẹn đạo mỏng sửa giềng mối suy đồi, uống khí nuốt lời cùng ai nói, đặt đem câu vụng đáp đồng phong. Bản phận thiền nhân hay biện biệt, núi sông đất liền đều phóng quang, Nam mô Quan Thế-âm Bồ-tát.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TOẠI Ở NÚI THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Lập chí ở Đại trung.

Thiền sư Lập chí ở Đại trung tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Cầm nắm ly châu trên lòng bàn tay soi khắp 10 phương ngay trước mắt, người học từ trước đến nay xin Sư một lần soi xét". Sư đáp: "Giặc cỏ đại bại". Lại nói: "Người học ngày nay mất lợi". Sư bảo: "Sư biết so sánh một nửa". Vị Tăng ấy bèn hét, Sư bảo: "Gắng tỏ ngộ". Lại hỏi: "Từ xa đến trượng thất ngưỡng mộ Tông phong, người học từ trước lại, xin Sư một lần tiếp?" Sư bảo: "Treo đãy bát cao". Lại hỏi: "Tiện là nơi

vì người không?” Sư đáp: “Người mù sờ mò đất”. Lại nói: “Chớ nhàm chán tốt lành là hèn”. Sư bảo: “Kẻ tiều phu ngấn ngủi lũi bại nhọc khoe thư kiếm”. Lại hỏi: “Mã Tổ lên giảng đường. Bách tượng cuốn chiếu, chưa xét rõ ý chỉ người xưa như thế nào?” Sư đáp: “Quan ngựa cùng nhau đạp”. Lại nói: “Ngày nay người học ra nhỏ gặp lớn”. Sư bảo: “Cây gậy chưa từng nắm nhầm”.

Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Hổ gầm bờ Đảo Sơn, các thú đều ẩn núp, mây nổi giữa Loa Chữ, các ngọn núi mất sắc kiếm báu Thái A, trăng sao tranh sáng, tiều phu bổ củi, thầy thuốc ra giá, lại có người chẳng đoái hoài khách chủ chăng? Ra đây nói xem”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Nước đóng băng cá khó nhảy, trời lạnh cỏ phát chậm”. Xong, Sư nắm cây gậy gõ xuống đài Hương một cái. Sư lại bảo: “Pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng hành pháp, pháp chẳng biết pháp, đại chúng cái ấy là lò hương, thế nào là chẳng thấy chẳng hành chẳng biết, trăm ức hằng sa thế giới chư Phật đều ở tại tiên lò hương tỏa phóng ánh sáng chuyển động trái đất, nói pháp độ người. Các người có thấy chăng? Ngay nhiều thấy được cũng giẫm bước lửng thửng”. Xong, Sư hét một tiếng.

Đến ngày 11 tháng 03 năm Thiệu Thánh thứ nhất (1094) thời Bắc Tống, Sư nhóm tập đại chúng, tắm rửa cạo tóc, rồi nói kệ rằng:

“Kỳ lân chế dứt khóa vàng ròng.
Thỏ ngọc xung mở cửa ngọc thắng.
Khéo là nửa cuối đêm không mây.
Một vầng trăng tỏ sáng chung sơn”.

Nói bài kệ Sư ngồi kiết già mà thị tịch, Trà tỳ thâu nhặt xá lợi, dựng tháp tôn thờ tại Bản sơn.

2. Thiền sư Viên - Liễu Giác ở Càn nguyên.

Thiền sư Viên - Liễu Giác ở Càn nguyên tại Phước châu. Ngày khai mở giảng đường, vị Thượng thư đánh bạch chùy xong, ngưng giây lát, Sư bảo: “Ngay như Thiên nhãn A-na-luật mà chưa hiểu Đế Quán, bèn là đại bi ngàn tay sao có thể nhặc lấy. Trong chúng chớ có người chẳng cam ư? Ra lại bẻ đổ thiền sàn hét tan đại chúng. Tuy là như vậy chưa làm tác gia, hãy ở trong cửa thứ hai cùng Nạp Tăng ra hơi”. Có vị Tăng hỏi: “Thiếu Lâm 09 năm buông một lời, thẳng đến ngày nay lừa dối Sư nêu cử. Muốn được chẳng lừa dối, xin Sư nêu cử?” Sư đáp: “Án”. Lại hỏi: “Ma-đạt-lý-già-ma-đạt-trí lại làm sao ấy?” Sư đáp: “Tha cho ông 30 gậy”. Lại hỏi: “Tôn giả chứng quả chẳng vượt qua dòng Thánh, chẳng giẫm trải huân tu, xin Sư chóng nói?” Sư đáp: “Đóa hoa rơi ngoài thềm, ngọn liễu xanh trước hiên”. Lại nói: “Một trận mưa

khắp cùng cõi nước, tâm quần sinh trọn đêm sống". Sư bảo: "Một câu nước chẳng rửa nước làm sao sống? Nói". Lại nói: "Nên biết tiết tháo của tùng bách chẳng thay đổi tâm năm lạnh". Sư bảo: "Tạm tin một nửa". Lại hỏi: "Chưa lìa Đâu suất đã giáng hiệu nơi vương cung, chưa xét rõ đó là người nào?" Sư đáp: "Đầu trâu ra, đầu ngựa trở lại". Lại hỏi: "Chưa xét rõ thế nào là pháp thân báo thân?" Sư đáp: "Kéo bày mang bừa". Sư mới trông nhìn khắp đại chúng và bảo: "lại có cùng giao phó chăng? Nếu chẳng cùng giao phó thì sơn Tăng ngày nay chỉ nai làm ngựa, xướng 09 làm 10, các người mù mắt đi vậy, chánh lệnh ma kiệt nước rỉ chẳng trông khuôn phép thật của thiếu thất gió thổi chẳng vào, Thánh phàm hết tình thể bày chân thường, chóng tuyệt thấy biết, sáng vượt xưa nay. Bởi vì, tình còn Thánh lượng rơi tại thấy biết, do đó nghe chẳng vượt ngoài tiếng thấy chẳng khỏi ngoài sắc, giả sử diệt tất cả thấy nghe hay biết, bên trong giữ sự u nhân, còn là pháp trần phân biệt ảnh sự, tạo các thứ nghiệp luân hồi trong các thú, đi mà chẳng lại, thật đáng buồn thương. Nếu có khả năng tỏa sáng soi chiếu trở lại thì có Phật đạo nào có thể thành, có chúng sinh nào có thể độ? Bèn có thể vào trong lửa mà tàng thân, vọt hiện phía đông, ẩn mất phía tây, vọt hiện phía nam ẩn mất phía bắc, ngựa chạy trên một mãy trần, ngồi đạo tràng lớn, nếu hướng vào đó thì thấy được suốt tham được thấu, rất kỵ nhận cầu yên lừa làm dưới cằm A-da.

3. Thiền sư Ứng Thành ở Vạn thọ.

Thiền sư Ứng Thành ở Vạn thọ - Ứng thiên tại Nam nhạc. Mới đầu, Sư đến dự tham ở Thiền sư Toại, Thiền sư Toại hỏi: "Thượng nhân từ nơi nào đến đây?" Sư đáp: "Từ Tỳ lăng đến". Thiền sư Toại bảo: "Ta nghe ở Tỳ lăng sản sinh loại quạt trùng cỏ rất đẹp, mang đến đây được chăng?" Sư bèn làm hình tướng vòng tròn và nói: "Đại thiện tri thức lại cần làm cái ấy ư?" Thiền sư Toại bảo: "Chỉ cái ấy nơi đây cũng cần được". Ngay lời nói đó, Sư bèn đại ngộ, sau ra hoằng hóa, ở Vạn thọ – Ứng thiên, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Hoa núi lang tạ cô phụ không sinh, cỏ núi lìa bày, nhơn dẫn thất lợi, kinh được thần núi cúi đầu, thổ địa cung kính, trâu sắt Thiểm phủ không nơi thả, tượng đá Gia châu bày toàn thân, nói năng như vậy lầm hiểu lắm nhiều, dám hỏi cùng các người một câu chẳng giẫm trải xuân thu làm sao sống? Nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "chẳng được gió xuân hoa chẳng nở, hoa nở lại bị gió thổi rơi". Xong, Sư hét một tiếng.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VĂN DUYỆT Ở VÂN PHONG TẠI NAM NHẠC

1. Thiền sư Tề Hiểu ở Thọ ninh.

Thiền sư Tề Hiểu ở Thọ ninh tại Quế châu. Có vị Tăng hỏi: Đại chúng nhóm tụ cùng đàm nói việc gì?" Sư đáp: "Ba Tư vào chợ ồn náo". Lại hỏi: "Thế nào là cỏ rạp theo gió đi?" Sư đáp: "Muôn dặm trông nhìn lại cửa làng". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Mặc áo ăn cơm". Lại nói: "Tréo tay ngang ngực lùi sau ba bước". Sư bảo: "Sau khi tỉnh say lại thêm chén". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chạm mất chẳng hiểu đạo, còn sánh chút nhỏ, dất chân sao biết đường, liệt bày danh ngôn. Các nhân giả, ngày nay sơn Tăng từ sai nhầm đến sai nhầm, các người thấy nhờ có mắt nghe nhờ có tai, người nhờ có mũi, nếm nhờ có lưỡi. Nhân gì tức chẳng hiểu?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Võ Đế cầu tiên chẳng được tiên, Vương Kiều ngồi yên bèn lên trời". Xong, Sư hét một tiếng.

2. Thiền sư Hàm Hủ ở Trừng tuệ.

Thiền sư Hàm Hủ ở Trừng tuệ tại Lô châu, có vị Tăng hỏi: "Với Đức Sơn có người vào cửa bèn đánh là tông phong từ muôn xưa, với Lâm Tế có người vào cửa bèn quát hét là bảng hiệu xưa nay. Dứt bỏ hai đường ấy đi, xin Sư chọn lọc lấy?" Sư đáp: "Tất cả chẳng là gì?" Lại nói: "Mở miệng một lời bèn lù cửa nhà". Sư bảo: "Nhờ gặp lúc cây gậy chẳng ở trong tay". Lại hỏi: "Có hỏi có đáp khéo léo phân bày, còn hướng thượng tông thừa xin Sư riêng nói?" Sư đáp: "Xà lê hỏi được rất gần". Lại nói: "Người học hiểu vậy". Sư bảo: "hiểu cái gì?" Vị Tăng ấy đưa các toạ cụ lên. Sư bảo: "Rốt cùng làm sao sống?" vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "tác gia". Vị Tăng ấy lễ bái, Sư bèn hét. Sư mới bảo rằng: "Mật chỉ của Như Lâu đâu trải qua từ bén nhọn, Tâm Ấu của Tổ Sư nhọc nhằn khoét đục, nếu nêu cử một chữ tông thừa, nước biển chảy ngược dòng, núi Tu Di ngã đổ. Nếu nói Phật nói Tổ, ba cõi hằng lắng ẩn trầm, bốn loài nào có, nếu hướng xuống mà thương lượng thì cây khô nở hoa, tro lạnh bốc cháy, tuy là như vậy, hướng đến môn hạ Nạp Tăng mây trắng ngàn dặm muôn dặm. Hãy nói nạp Tăng có nơi nào sinh trưởng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Lại có một số kham nhận nói thừa, nằm dài trên giường nang dao ngủ.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÍN Ở ĐỊNH TUỆ

1. Thiền sư Trí Viên ở Lũng khung.

Thiền sư Trí Viên ở Lũng khung tại Tô châu, có lúc lên giảng

đường, Sư bảo: "Phước đến chẳng nói thiền, ngày không việc ngủ cao, có hỏi ý tổ sư, liền đâm vài ba đấm đại chúng hãy nói vì sao như vậy, không hợp não loạn sơn Tăng ngủ.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGỘ KHÔNG Ở NGỌC TUYỀN

1. Thiền sư Tề Nguyệt ở Hộ quốc.

Thiền sư Tề Nguyệt ở Hộ quốc tại Giang lăng, có vị Tăng hỏi: "Vách tường cao ngàn dặm nước rỉ chẳng thông, có hứa cho người học thỉnh hỏi điều lợi ích không?" Sư bảo: "Ông đợi hỏi gì?" Lại hỏi: "việc hướng thượng". Sư bảo: "Duy Na chẳng ở đây". Lại nói: "Xúc não Hoà thượng". Sư bảo: "chánh lệnh đã thực hành". Và Sư mới bảo: "Nghiên cùng ngoài vô phương, tầm cứu trong chẳng trong, ứng dụng muôn loại không thể sánh nghĩ, rõ ràng hướng đến các người nói, Phật tánh tinh hồn đều chẳng phải.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BẢO TÔNG Ở PHƯỚC NGHIÊM

1. Thiền sư Nghĩa Nhiên ở Hoa dược.

Thiền sư Nghĩa Nhiên - Sùng Thắng ở núi Hoa dược tại Hành châu, có vị Tăng hỏi: "Huyết mạch của Lâm Tế như thế nào xin Sư nói thẳng?" Sư đáp: "Trong hư không nhướng mày, trong chấm đất gật đầu". Lại hỏi: "Chẳng chỉ ấy là phải?" Sư đáp: "Phải tức phải, làm sao sinh sống hợp". Vị Tăng liền gật đầu. Sư bảo: "Giặc này khéo ăn gậy". Vị Tăng ấy liền tiếng nói: "Giặc, giặc". Và trở về chúng. Sư bảo: "Ba mươi gậy, một gậy sánh chẳng được". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Tâm, tâm, tâm, núi xanh nước biếc sâu, nếu người biết được núi nước ấy, cùng đối sự pháp thảy đều bình lắng, là các người đều biết được, vì gì 72 ngọn núi nghiễm nhiên như cũ? Thử vì nói xem nếu nói không ra, rất tợ chẳng từng hành cước, tham.

2. Thiền sư Trí Dục ở Thừa thiên.

Thiền sư Trí Dục ở Thừa thiên tại Nam nhạc, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Vị Tăng tóc dài, dáng mạo xấu". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Chấp tay sau cửa não". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Núi Thạch lẫm cao". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Người đi hiếm kẻ tới nơi". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: Màu giấy thiền sàn". Lại hỏi: "Khách đến tiếp đãi như thế nào?" Sư đáp: "Thạch nhĩ trong núi".

Đến trong tháng 04 năm Nguyên Phong thứ 08 (1085) thời Bắc Tống, Sư tắm gội cạo đầu xong, ngồi kiết già mà thị tịch, trà tỳ, răng, lưỡi, tròng mắt chẳng tiêu hại.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐỒNG QUẢNG Ở VIỆN THÁI TỬ

1. Thiền sư Chiếu ở Long môn.

Thiền sư Chiếu ở núi Long môn tại Tây kinh, có vị Tăng hỏi: "Biến phàm làm Thánh tức chẳng hỏi, cài giọt sắt thành vàng, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ngay đó không chỗ riêng, giáp mắt đều tỏa sáng". Lại nói: "Ánh sáng trong sạch phát sinh trên lòng bàn tay, hơi khí vui mừng tỏa ra từ chặn mày". Sư bảo: "Đã có khả năng nhận biết hãy tự xử lý sao phải dùng khổ đau đáu". Lại hỏi: "Trời cao đất dày, muôn vật đều nương theo, chưa xét rõ Hòa thượng nương theo cùng hay không?" Sư đáp: "Xuân đến hoa nở rực". Lại nói: "Gà vàng xoay lại bích lạc, thỏ ngọc vọt giữa không trung". Sư bảo: "đạo đồng mới biết". Lại nói: "Ngày nay người học đội ân". Sư bảo: "Hãy chớ lầm nhận.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠO TRĂN Ở TỊNH NHÂN

1. Thiền sư Tuệ Xiêm ở Trường khánh.

Thiền sư Tuệ Xiêm - Văn Tuệ ở Trường khánh tại Phước châu, có vị Tăng hỏi: "Lìa Bảo sát của thượng sinh, lên đạo tràng của biên Thánh thế nào là bất động tôn?" Sư đáp: "Thuyền lẽ chở trăng sáng". Lại hỏi: "Bỗng gặp mái chèo đều dừng lại làm sao sống?" Sư đáp: "Ngư ông riêng thích nghỉ đêm tại Lô hoa". Lại hỏi: "Trường kỳ tiến đại, ở trời tây lấy người sáp làm ứng nghiệm, chưa xét rõ tại xứ này lấy gì làm ứng nghiệm?" Sư đáp: "Nung đúc đàn tử". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Lớn đến lớn, nhỏ đến nhỏ".

2. Thiền sư Kế Siêu ở Thê thắng.

Thiền sư Kế Siêu ở Thê thắng tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường cầm nắm cây gậy, ngưng đứng giây lát, Sư mới bảo: "Chư Phật ba đời đều nhảy vọt trong đây, đại chúng có hiểu chăng? Chư Phật thời quá khứ nói xong, chư Phật thời vị lai chưa nói, chư Phật thời hiện tại nay nói. Dám hỏi cùng các người làm sao sống là việc nói đến?" Xong, Sư gõ cây gậy xuống một cái và tiếp bảo: "tô lô, tô lô".

3. Thiền sư Động Phu ở Hương nghiêm.

Thiền sư Động Phu - Tuệ Chiếu ở Hương nghiêm tại Đặng châu. Vốn người dòng họ Phạm ở Phước châu, từ thuở bé thơ mà khí vận Sư

trong sáng thông mẫn. Đến lúc trưởng thành, Sư kính mộ Không Tông, nương tựa theo Đại Sư Viên Minh ở chùa Cảnh đức - Đông tông mà xuất gia, khảo xét kinh điển mà được độ thọ giới cụ túc. Sư vân du dự tham khắp các pháp tịch tùng lâm ở xứ Giang hoài, cuối cùng đến ra mắt Thiền sư Đạo Trăn ở Tịnh nhân, qua một lời chóng khế hợp như mũi tên nhọn cùng găm, thêm vì học vấn sâu rộng nên tự nhiên dung hợp, tiếng tăm vang vọng khắp chốn kinh đô. Nhận lấy sắc chỉ ra hoằng hóa, Sư ở tại Hương nghiêm thuộc Đặng châu suốt 10 năm, sau đó trở về quê cũ, Sư ở ba chùa Quy sơn, Thọ sơn, và Thần quang. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ở Tây vức 28 vị Tổ đạo dứt tuyệt nói năng, tại Trung Hoa 05 vị Tổ pháp không văn tự, chỉ truyền một ấn chỉ thẳng tâm người, tâm rõ thì đất trời đều gồm, ấn định thì mảy may chẳng lọt, mỗi mỗi mảy trần dứt tuyệt đối đãi, mỗi một pháp đều dung thông rỗng rang, mới khế hợp cội nguồn hiền Thánh, mới gọi là nhật phật tri kiến, nếu cử được vậy, rơi hai lạc ba. Bản sắc Nạp Tăng làm sao nói hợp. Lại nói được chăng? Tin tức trong ấy nếu vì truyền, cửa phụng lầu rồng cao vút tựa trời, cầu hiểu việc ở khoảng phía đông Giác thành, xa xăm ngàn xưa vẫn còn y nhiên! Lúc Sư ở chùa Quy sơn, có vị Tăng hỏi: "Xa lìa trượng thất Hương Nghiêm, gần vào đạo tràng Quy Sơn, thế nào là bất động tô?" Sư đáp: "Đức đại bi ngàn tay dất chẳng nỗi". Lại hỏi: "Thế nào là động tôn?" Sư đáp: "Điện ngọc từng rão bước, cửa vàng thường qua lại". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Quy sơn?" Sư đáp: "Ngàn núi lại có đường, tám cực sạch không mảy trần". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Có lúc mở mắt có lúc nhắm". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý đích thực của Phật pháp?" Sư đáp: "Núi lạnh bày cốt, nước cạn thấy cát" và Sư mới bảo: "cùng kinh cùng luận chánh như vào biển tính cát, tìm pháp tìm tâm rất tợ vỗ giữa khoảng không mong vọng hưởng. Nên Đức Thích Tôn xuất hiện nói đời chỉ vì một nhân duyên lớn, chư tổ trao truyền pháp y cũng là phương tiện rộng mở. Phát huy chánh páhp ngoài giáo điển, chỉ bày diệu tâm của Niết bàn, làm bè độ người, ứng bệnh cho thuốc. Nên người khéo giỏi nói pháp, nói không điều nói, người khéo truyền tâm truyền không điều truyền, tung nhiều một gậy một lằn vế, một tát tai một tay máu. Đâu thể chấm ngoái thành vàng. Đại chúng chỉ như ngày nay vì nước nhà khai mở giảng đường, lại có việc kỳ đặc không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Lớp lớp núi xanh cùng dòng nước, nhan sắc thời xưa, tiếng nói thời xưa". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Xuân không ba ngày tạnh, mưa gió luôn luôn bày dưới núi thấy bàn đào, tự nở lại tự rơi, vụt nhớ Linh Vân được thân gần, mãi đến

việc ngày nay nào tiêu sách, chẳng phải tiêu sách, non nước xuân bốn phương xa rộng, nói chim chá cô kêu thoảng hương trăm hoa, khéo đề cử trước tiếng ấy một nhầm". Xong, Sư hét một tiếng. Lại bảo: "Gió lửa khắp đất sợ mặt nhật tỏa chiếu giữa khoảng không, mây kỳ đặc ngay cửa mặc tình buông dài, sen trắng thoảng hương đến chẳng ngớt, giữa rừng đạt sĩ trọn không biến đổi bởi lạnh nắng, trong cảnh trần người đi chỉ thấy thời gian qua nhanh chóng, ngày được lồng đèn chấp tay trụ bày khoét mày, một năm lại gần một nửa, mấy cái là biết tiếng, biết không biết, người đi trên đường miệng tợ bia.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHÂN NHẠC Ở THIÊN VƯƠNG

1. Thiền sư Thiêu ở Hưng hóa.

Thiền sư Thiêu ở Hưng hóa tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Chẳng xúc chạm sóng cả, làm sao tiến tới?" Sư đáp: "Được tiện nghi phải dất mái chèo, chờ đợi gió đánh đầu". Lại hỏi: "Còn là gợn sóng của nước lắng nếu bỗng gặp mây giất móc bắt, lại tạm như thế nào?" Sư đáp: "Đạo an thái chẳng truyền lệnh thiên tử". Và Sư mới bảo: "Hỏi lại đáp đi chỉ thêm lắm từ, còn đối với đạo đã xa lại càng xa, tổ lệnh đã thực hành cốt yếu ngồi dứt, chư Phật ở mười phương chỉ như ngoái vỡ băng tan, ba tạng giáo điển cũng tợ quét đất mà hết, đến trong đó ai dám thăng mắt trong nhìn. Do đó, Đức Thích Ca có then chốt kiệt xuất nơi đời mà còn bít thất ở Ma Kiệt, cư sĩ Tịnh Danh có sức từ biện sánh cùng trời còn ngậm miệng ở Tỳ da. Há huống gì hàng tiểu căn tiểu trí. Sao vậy? Nơi voi rồng giẫm bước thì lừa chẳng thể kham.

2. Thiền sư Cảnh phương ở Định lâm.

Thiền sư Cảnh Phương ở Định lâm núi Trí độ tại Đàm châu, có vị Tăng hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai? Tông phong ấy ai người nối dõi?" Sư đáp: "Lô hồng kim đàn tử". Lại hỏi: "Lại có hứa tiếp người học không?" Sư đáp: "Sứu phá xà lô nung đúc da mặt". Lại hỏi: "Với 72 ngọn núi tức chẳng hỏi, còn thế nào là cảnh Pháp luân". Sư đáp: "Núi Cú lũ vót nhọn có bia thần võ". Lại hỏi: "Có hứa cho người học biết không ?" Sư đáp: "Đá xanh chữ đỏ, hình mô kỳ lạ". Lại hỏi: "Ngày nay đợi gặp dịp đi vậy". Sư đáp: "Lại bộ đúng thời còn chẳng dám nhìn lén". Lại hỏi: "Đích thực tại nơi nào?" Sư đáp: "Sao được ngươi chẳng hồ nghi".

3. Thiền sư Xử Khuê ở Thủ sơn.

Thiền sư Xử Khuê ở Thủ sơn tại Nhữ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế

nào là cảnh Thủ sơn?" Sư đáp: "Mây trắng từng mảnh thường qua lại, nước khe róc rách chảy về đông". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh". Sư đáp: "Đàn sơn gặp Thập đắc, vổ tay cười ha, ha". Lại hỏi: "Hướng thượng tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Hư không ẩn tàng dấu vết chim bay, gió qua đầu cây ríu rít". Lại hỏi: "Tiện là nơi vì người chẳng?" Sư đáp: "Nước Tào khê chảy gấp".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VỊ PHƯƠNG Ở NGỌC TUYỀN

1. Thiền sư Thiệu Đăng ở Thánh tuyền.

Thiền sư Thiệu Đăng ở chùa Thánh tuyền tại Phước châu, vốn người dòng họ Trần ở Lâm Thủy huyện Cổ điền thuộc Bản quận. Lúc Sư ra đời có mùi hương thơm khác lạ thoảng toả khắp phòng, có màn sắc tía mỏng che trùm đầu. Từ thuở bé thơ, Sư đã chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng. Năm 07 tuổi, Sư tự nhàm chán bụi trần, đọc xem các kinh luận như nghe sách cũ. Năm 10 tuổi, Sư giả từ thân thích mà xuất gia. Đến lễ bái cầu thỉnh trưởng lão Tấn ở chùa Khai phước tại Đàm châu làm thầy, Sư chăm học tinh thông kinh pháp hoa, khảo xét kinh pháp mà được độ. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư mang tích trượng và Bình bát mà vân du. Đến nơi pháp tịch của Thiền sư Vị Phương ở Ngọc tuyền, chỉ một lần đầu thấy gặp Châm ngôi cùng gieo nôm lưới chóng mất. Sư bèn trở về lại quê hương sâu tự ẩn dật. Quận Thư Đinh Công nghe Đạo hướng của Sư nên thỉnh mời đến ở Tháp Viện Đà lãnh. Các hàng Tăng tục thảy đều quy hướng. Một ngày nọ Sư đòi tắm rửa thay y phục, giống trống lên toà. Các hàng đàn tín ở khắp 04 phương tìm đến đông như chợ, Sư mới nói bài tụng là:

"Tôi tuổi năm mươi ba (53)
Đi ở vốn không tham
Việc sắp đi thế nào
Chẳng dùng miệng lầm rầm".

Xong, Sư nghiễm nhiên thị tịch, nhắm mắt trảii qua 02 đêm ngày, chợt nghe tiếng chuông, bỗng nhiên Sư tỉnh lại, tứ đại khinh an. Từ đó về sau, tự thân Sư từng lưu xuất xá lợi.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, tại Bản quận gặp phải nắng hạn, Thái thú Tôn Công ảnh hưởng Đạo Phong của Sư nên thỉnh mời Sư cầu mưa, đến ngày thứ hai mưa nhuần khắp cùng, Tôn Công càng khâm phục kính ngưỡng. Rồi Sư dời đến ở viện Văn thù tại quận ấp trước sau gặp phải nhiều lần nắng hạn, phủ Chúa Hứa Công, Sát Viện Vương Công, Tả Ty Diệp Công nhiều

lần thỉnh mời Sư cầu mưa, không lần nào chẳng ứng sự mong cầu. Rồi Sư lại tiếp chuyển dời đến ở chùa Thánh Tuyền. Cả thảy Sư ở nơi ba Đạo Tràng, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Thánh Tuyền?". Sư đáp: "Trước mắt không có lạ". Lại hỏi: "Thế nào là người trong Cảnh". Sư đáp: "Qua lại không quái ngại". Lại hỏi: "Người và Cảnh đã được Sư chỉ bày. Còn hướng thượng Tông thừa việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Việc Lừa chưa qua, việc ngựa lại đến". Và Sư mới bảo: "Trong môn bát nhã giả sử có nói trăm ngàn Diệu nghĩa chẳng thêm một mấy may, ngay nhiều buộc lưỡi mất bến nhọn đâu bớt giảm chút phần. Nếu luận trong Huyền lại càng Huyền trọn chẳng phải là Diệu môn. Đường chim bay vết cá lội sớm thương tổn đường liền. Tại sao? Bởi vì ra đây vào kia, người đi chẳng đến phương ấy, người lại chẳng tới chỗ ấy. Nêu một rõ ra, chẳng cùng nối sâu tới. Lại chẳng tiếp tục dùng chim kêu cắt biệt chim Hạc, gọt ngang bằng núi lấp đầy hang hóc, Đất trời cùng trông, cách đường càng xa. Chánh ngay cùng lúc nào môn hạ Nạp Tăng làm sao sống thương lượng?" Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: "Đêm qua canh ba trăng lồng vào cửa sổ".

2. Thiền sư Thiện Châu ở Tự lực.

Thiền sư Thiện Châu ở Tuệ lực tại Lâm giang quân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chim cất trời xa mây muôn dặm. Chỉ một hang huyệt là làm sao?" Xong, Sư hét một tiếng. Đến ngày 15 tháng 12 năm Nguyên Hựu thứ nhất (1086) thời Bắc Tống, Sư tắm rửa cạo tóc xong, nói bài kệ rằng.

"Sơn Tăng ở Thuỵ Quân
Chưa từng hình ngôn cú
Bảy mươi ba lại
Bảy mươi ba năm đi".

Nói xong, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Qua 03 ngày sau râu tóc vẫn mọc như thường.

3. Thiền sư Trọng Biện ở Nam hoa.

Thiền sư Trọng Biện ở Nam hoa tại Thiền châu. Có vị Tăng hỏi: "Với Đại ý của Tổ sư từ Tây vực lại tức chẳng hỏi. Còn một câu đầu tiên như thế nào, xin Sư tuyên bày?" Sư đáp: "Rồng ngự vật báu đen lìa biển cả, Hạc nghiêng cánh sương xuống thềm ngọc". Lại hỏi: "Một vầng trăng sáng chiếu soi bốn biển rành rẽ". Sư bảo: "Nửa đêm bẻ mơ tháp vô phùng, trời sáng trí tích ôm đầu trở về". Và Sư mới bảo: "Hiểu chăng? Năm Đại chưa tỏ rỏ, hai nghi không dấu vết, Oai âm vương trông nhìn chẳng thấy, tay Đại bi sờ mó không vết tích. Hãy nói làm

lại thần thông diệu dụng, làm lại pháp nhĩ như vậy. Ngay đó mà sáng tỏ được bèn mới bước cao lên trên đảnh Tỳ Lô, ngồi đầu báo hoá thân Phật, ngay đó mà chưa sáng tỏ được, chỉ biết sự việc đuổi qua trước mắt, chẳng nhận biết già suy đến trên đầu. Ôi!".

4. Thiền sư Trí Hưng ở Diên phước.

Thiền sư Trí Hưng ở Diên phước tại An châu, vốn người xứ Tây xuyên. Sau khi xuất gia thọ giới Cụ túc, Sư bèn đến nơi pháp tịch của Thiền sư Vị Phương ở Ngọc Tuyền mà phát minh được tâm địa. Ra hoằng hoá mới đầu, Sư ở tại Tiệm Nguyên, tiếp chuyển dời đến Hoàng Mai - Lung Hoa, và sau cùng Sư đến ở Viên phước. Sư nói năng chẳng đàm huyền, hạnh nghi chẳng tu khiết, thân chẳng bẩm nhận oai nghi, mọi người chẳng thích nhìn thấy, nhưng sau khi Sư thị tịch, có lắm điều linh dị khó lường, báo ứng như vọng hưởng, các hàng Tăng tục đều kính ngưỡng nghĩ nhớ, đắp họa dung nghi, cầu đảo rất lắm nhiều.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VĂN THẮNG Ở LINH ẨN

1. Thiền sư Diên San ở Linh Ẩn.

Thiền sư Diên San - Tuệ Minh ở Linh ẩn tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đạo xa vậy thay". Lại hỏi: "Thế nào là một đường chân chánh?" Sư đáp: "Tơ tóc chẳng thông". Lại hỏi: "Thế nào là nương theo mà thực hành đó?" Sư đáp: "chớ chạy loạn". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cho thượng tọa một luồng chỉ, tạm làm sao sống trì luận Phật pháp? Nếu cũng như nước rỉ chẳng thông, tiện dạy thượng tọa không nơi an tâm lập mạng. Ngay thời khắc này Phật Tổ xuất hiện lại nơi đời cũng có phần 20 gậy. Nói gì? Sơn Tăng có qua không? Chẳng thấy Đức Thế Tôn sinh hạ đi khắp 07 nước, đưa mắt trông nhìn 04 phía, một tay chỉ lên trời một tay chỉ xuống đất, bảo là: "Trên trời dưới đất chỉ riêng mình tôi làtôn quý". Vân môn nói là "mới đầu nếu tôi thấy một gậy đánh giết thì cho chó ăn liền". Cớ sao như vậy? Quý mưu toan thiên hạ thái bình. Hãy nói Vân môn nói tâu thoại gì? Có đạo lý Phật pháp không? Tuy là như vậy, Vân môn chỉ đủ một mất sáng". Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: "trân trọng".

2. Thiền sư Cư Tắc ở Tiến Phước.

Thiền sư Cư (Quy?) Tắc ở viện Tiến Phước tại Thường châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Vành tai đánh tiếng chuông".

3. Thiền sư Uẩn Thông ở Linh ẩn.

Thiền sư Uẩn Thông ở Linh ẩn tại Hàng châu, có vị Tăng hỏi:

"Thế nào là gia phong của Hòa thượng". Sư đáp: "Đòi kêu liền có". Lại hỏi: "Chưa xét rõ có cái gì?" Sư đáp: "Lang lật thiên thai". Lại hỏi: "Đường xưa lúc sửa lại thì như thế nào?" Sư đáp: "Sang bằng cao đến thấp.

4. Thiền sư ở Nam viện.

Thiền sư ở Nam viện tại Hàng châu, có vị Tăng hỏi: "Tổ sư từ Tây vức truyền lại, xin Sư nói thông tin?" Sư bảo: "Ông nói truyền cái gì lại?" Lại hỏi: "Thế nào là chẳng thông tin?" Sư đáp: "Chẳng phòng ngại lanh lợi".

5. Thiền sư Tông ở Bắc Ninh.

Thiền sư Tông ở Bắc Ninh tại Kim lăng, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư bảo: "Lại hỏi cái gì?" Lại hỏi: "Chẳng thể tin bên là không?" Sư bảo: "Hãy chớ rỗng đầu".

6. Thiền sư Hữu Bang ở Thạch Phật.

Thiền sư Hữu Bang ở Thạch Phật tại Việt châu. Mới đầu, Sư ở tại Nam minh, có vị Tăng hỏi: "Tổ tổ tương truyền truyền ý tổ, ngày nay Hòa thượng đắc pháp nối dõi người nào?" Sư đáp: "Trải tóc che bên mọi người đều giao phó hết". Lại hỏi: "Thế nào là Linh ẩn một cánh, Nam minh riêng đẹp?" Sư đáp: "Tiêu bấc nghe tiếng rỗng".

7. Thiền sư Cử Nội - Từ Hóa ở lương.

Thiền sư Cử Nội - Từ Hóa ở lương tại Kim lăng, có vị Tăng hỏi: "Một pháp vốn không, muôn pháp sao có. Chưa xét rõ hòa thượng nói cái gì?" Sư bảo: "Ông nhớ được rành rẽ". Lại hỏi: "Thế nào thì hết thảy chẳng còn?" Sư đáp: "Cũng chẳng tin ông".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI CƯ HỦ Ở BẢO PHƯỚC - ĐẠI MAI

1. Thiền sư Tự Như ở Trí giả.

Thiền sư Tự Như ở Trí giả tại Vụ châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Lường tài năng mà bổ nhậm chức". Lại hỏi: "Sau khi lường tài năng mà bổ nhậm chức thì như thế nào?" Sư đáp: "Cây gậy thiên thai". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Ngàn núi muôn núi tuyết".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGỘ THỪA Ở LONG HOA

1. Thiền sư Tuyên Mật ở Linh nham.

Thiền sư Tuyên Mật ở Linh nham tại Ôn châu, có vị Tăng hỏi: "Hoa Ưu đàm bẻ gãy mọi người đều úa héo, lệnh tổ đã thân hành, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Người biết pháp kinh sợ". Lại nói: "Thì hành

có chứng cớ đi". Sư bảo: "Kẻ tiểu nhân lớn mật".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGHĨA HẢI Ở THỤY NGHIÊM

1. Thiền sư Văn Tuệ ở Đại mai.

Thiền sư Văn Tuệ ở Đại mai tại Minh châu, có vị Tăng hỏi: "Tổ tổ tương truyền truyền Tổ ấn, ngày nay Hòa thượng đắc pháp nối dõi người nào?" Sư đáp: "Tiểu nhận định sẽ được". Lại nói: "Đích tử của báo bản". Sư bảo vừa lại đến ông nói cái gì?" Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Đại mai?" Sư đáp: "Xem". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư bảo: "Uống trà đi".

2. Thiền sư Tự Nguyện ở Thúy nham.

Thiền sư Tự Nguyện ở Thúy nham tại Minh châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Thấy tiền mua bán chẳng từng trả dần". Lại hỏi: "Hướng thượng lại có việc gì không?" Sư đáp: "Khéo chẳng tin người ngay thẳng".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHIÊU DIỄN Ở BÀNH (CHƯƠNG?) GIANG

1. Thiền sư Thủ Kiên ở Vạn thọ.

Thiền sư Thủ Kiên - Pháp Ấn ở Vạn thọ tại Tô châu, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư bảo: "Ai không giẫm đạp?" Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Đến ngàn đi muôn".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THỦ TÒA NGÔN Ở TỊNH CHÚNG

1. Thiền sư Duy Trạm ở Chiêu đề.

Thiền sư Duy Trạm - Quảng Đăng ở Chiêu đề tại Tây kinh, vốn người xứ Gia hòa. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Gia Phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Gió thu lá vàng bay tán loạn, núi xa mây trắng về". Lại nói: "chuyên vì lưu thông vậy". Sư bảo: "Tức nay làm sao sống? Nêu". Vị Tăng ấy bèn hét, Sư bèn đánh có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thiên chẳng thiên chánh đẳng chánh, việc nào từ trước lại khó sánh đều, đầy trời gió mưa lạnh cốt tay, nào phải lại vào Na già định". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sáu trần chẳng dơ lại đồng chánh giác, nhà ai trên ngựa mặt trắng lang, xâu hoa bẻ liễu rũ khăn sừng, đêm về say ngủ lầu trăng tỏ. Ô! Lô thâu tức vườn nhà Hoàng kim, chim săn chó chạy về chẳng về, nga mi răng trắng giận không sức, tâm này hay có mấy người biết, đầu

vàng mắt biếc chẳng cùng quen, la, la, lý!" Xong, Sư vỗ xuống một cái và xuống khỏi tòa.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC -
Quyển 13
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 14

MỤC LỤC

Đời thứ mười ba, dưới thời Thiền sư Đại Giám.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản ở Túc lâm, có hai trăm vị:

25. Thiền sư Đạo Phương ở Tư phước
26. Thiền sư Trứ ở Cửu tông
27. Thiền sư Pháp Trú ở Hương sơn
28. Thiền sư Tải Nghi ở Lạng sơn
29. Thiền sư Tuân Thức ở Định tuệ
30. Thiền sư Pháp Quang ở Quảng pháp
31. Thiền sư Vĩnh Giác ở Thụy nham
32. Thiền sư Thế Trường ở Pháp hải
33. Thiền sư Tuệ Đăng ở Thái bình
34. Thiền sư Sùng Tiên ở Mể sơn
35. Thiền sư Nguyện ở Bảo hoa
36. Thiền sư Nguyên Hưởng ở Nhạc lâm
37. Thiền sư Thiện Kha ở Trường tuệ
38. Thiền sư Khánh - Ngộ Bản ở Bảo hoa
39. Thiền sư Tuệ Mân ở Tịnh độ
40. Thiền sư Sư Miện ở Trừng tuệ
41. Thiền sư Năng ở Thạch sương
42. Thiền sư Thông ở Tiêu dao
43. Thiền sư Phổ Thông ở Đầu tử
44. Thiền sư Xử Huy ở Phổ chiếu
45. Thiền sư Ninh ở Nam thiền
46. Thiền sư Tuệ Ấn ở Đạo tràng
47. Thiền sư Tường ở Bao thân (bốn mươi bảy vị trên hiện có ghi lục)
48. Thiền sư Pháp Tuệ ở Kim sơn
49. Thiền sư Tuệ Giác ở Càn minh
50. Thiền sư Hữu Cư ở Thụy nham
51. Thiền sư Am Chủ Sùng Tân ở Mã tổ
52. Thiền sư Bản Tung ở Linh ứng
53. Thiền sư Phạm Nhân ở Thọ ninh
54. Thiền sư Trọng Phu ở Phước nghiêm
55. Thiền sư Tông Nhất ở Linh tuyền
56. Thiền sư Vĩnh Lương ở Bảo Thánh
57. Thiền sư Tuệ ở Thạch tháp
58. Thiền sư Hữu Lâm ở Vạn thọ
59. Thiền sư Sở Thành ở Quang hoá
60. Thiền sư Tuệ ở Nam thiền
61. Thiền sư Linh Hựu ở Hộ quốc

62. Thiền sư Tự Giám ở Đồng khánh
63. Thiền sư Từ Vân ở Linh nham
64. Thiền sư Chân Tịch ở Phổ chiếu
65. Thiền sư Tông Linh ở Công thần
66. Thiền sư Lương Diễn ở Đạo tràng
67. Thiền sư Pháp Bình ở Vô tích
68. Thiền sư Thánh Vụ ở Thọ ninh
69. Thiền sư Pháp Hải ở Nhân trắng
70. Thiền sư Pháp Vinh ở Lễ khẩu
71. Thiền sư Dụng Thành ở La-hán
72. Thiền sư Đạo Hanh ở Quảng tuệ
73. Thiền sư Hiển Thường ở Nghi hương
74. Thiền sư Cơ ở Tư phước
75. Thiền sư Liễu Chứng ở Quảng giáo
76. Thiền sư An Đức ở Nhân vương
77. Thiền sư Nghĩa Mông ở Bảo lâm
78. Thiền sư Linh Khoáng ở Tương sơn
79. Thiền sư Trí Duyệt ở Phước nghiêm
80. Thiền sư Tử Vinh ở Đại trung
81. Thiền sư Tuệ Đoan ở Cảm từ
82. Thiền sư Hy Thạnh ở Hoa tạng
83. Thiền sư Khả Cửu ở Càn minh
84. Thiền sư Ngôn Huệ ở Hương thành
85. Thiền sư Nhân Tốn ở Quang hóa
86. Thiền sư Hỷ Tổ ở Bạch long
87. Thiền sư Trí Hải ở Sùng thọ
88. Thiền sư Tổ Ấn ở Ngũ phong
89. Thiền sư Khả Tung ở Thượng phương
90. Thiền sư Đạo ở Vân nham
91. Thiền sư Thủ Nghiêm ở Chiêu khánh
92. Thiền sư Duy Hy ở Tứ diệu
93. Thiền sư Duy Tổ ở Hoa nghiêm
94. Thiền sư Pháp Hải ở Pháp vương
95. Thiền sư Nghĩa Cáo ở Vạn thọ
96. Thiền sư Chân Ý ở Tú phong
97. Thiền sư Trí Thông ở Bạch tuyền
98. Thiền sư Trọng Châu ở Báo ân
99. Thiền sư Tông Mãn ở Chiêu khánh

100. Thiền sư Pháp Anh ở Khổ tịnh
101. Thiền sư Nghĩa Thâm ở Tiêu sơn
102. Thiền sư Hồng Chiêm ở Chiêu đề
103. Thiền sư Tổ Ấn ở Hộ quốc
104. Thiền sư Vĩnh Tùng ở Linh phong
105. Thiền sư Trí Tịnh ở Nam gian
106. Thiền sư Nghĩa Cao ở Hồ tâm
107. Thiền sư Thủ Nhân ở Trừng chiếu
108. Thiền sư Chí Viên ở Vô tích
109. Thiền sư Ngộ ở Luyện đường
110. Thiền sư Đức ở Diên khánh
111. Thiền sư Đạo Uyên ở Vĩnh minh
112. Thiền sư Pháp Hải ở Quảng giáo
113. Thiền sư Duy Hiền ở Sùng phước
114. Thiền sư bảo Nguyệt ở Bảo hoa
115. Thiền sư Đức ở Địa tạng
116- Thượng Tọa Tỉnh Dư ở Sùng đức
117. Thiền sư Pháp Mãn ở Đại biệt
118. Thiền sư Sùng Thiện ở Tịnh từ
119. Thiền sư Viên ở Vạn thọ
120. Thiền sư Tỉnh Thông ở Thánh thọ
121. Thiền sư Đàm ở Thứu phong
122. Thiền sư Ngạn Kha ở Phạm thiên
123. Thiền sư Văn Trạm ở Lục an
124. Thiền sư Hy ở Tiến phước
125. Thiền sư Pháp Trung ở Quảng giác
126. Thiền sư Minh ở Pháp hải
127. Thiền sư Quán ở Nhân thắng
128. Thiền sư Như Ứng ở Long hưng
129. Thiền sư Thâm ở Quảng tế
130. Thiền sư Phương ở Văn thù
131. Thiền sư Đạo Tư ở An lạc
132. Thiền sư Chân Giác ở Quang hóa
133. Thiền sư Thủ Thuần ở Thí thủy
134. Thiền sư Tông Giới ở Tây viện
135. Thiền sư Trung Giản ở Nam tường
136. Thiền sư Tắc Kha ở Thần giang
137. Thiền sư Hy Tổ ở Côn sơn

138. Thiền sư Đức Minh ở Nam hoa
139. Thiền sư Phổ Huy ở Thọ ninh
140. Thiền sư Hạo Chiêm ở Trần viên
141. Thiền sư Tuệ Chân ở Thọ ninh
142. Thiền sư Viên Minh ở Nhân thắng
143. Thiền sư Tu Thái ở Bảo phước
144. Thiền sư Vĩnh Lợi ở Thụy nham
145. Thiền sư Duy Thiện ở Sùng phước
146. Thiền sư Viên Chiếu ở Long khê
147. Thiền sư Tự Anh ở Thọ Thánh
148. Thiền sư Tông Nhất ở Thọ ninh
149. Thiền sư Đạo Quảng ở Thiên vương
150. Thiền sư Thụy Trân ở Tư phước
151. Thiền sư Cảnh Nhân ở Linh tuyền
152. Thiền sư Hạp Thiều ở Thần quang
153. Thiền sư Trí Nhân ở Linh tuyền
154. Thiền sư Pháp Quảng ở Thượng phương
155. Thiền sư Thượng Nguyệt ở Văn thù
156. Thiền sư Vĩ Tốn ở Tư thắng
157. Thiền sư Dũ Liêm ở Bạch liên
158. Thiền sư Dụng Tiên ở Pháp tướng
159. Thiền sư Tuệ Chân ở Thái bình
160. Thiền sư An Đức ở Tây dư
161. Thiền sư Tây Cảo ở Bảo nghiêm
162. Thiền sư Tử Thăng ở Pháp hội
163. Thiền sư Hạnh Khánh ở Long hoa
164. Thiền sư khả Lơ ở Tho ninh
165. Thiền sư Tuệ Nhật ở Thiền duyệt
166. Thiền sư Tử Chí ở An quốc
167. Thiền sư Hữu Tiệp ở An quốc
168. Thiền sư Huệ Mãn ở Luyện đường
169. Thiền sư Khế Đạt ở Ngưỡng thiên
170. Thiền sư Thuần Khiết ở Chân ẩn
171. Thiền sư Đức Tuệ ở Tuệ nhật
172. Thiền sư Pháp Không ở Tịnh quang
173. Thiền sư Tự Đoan ở Long hưng
174. Thiền sư Đạo Tường ở Tuệ nhật
175. Thiền sư Pháp Tuệ ở Tịnh độ

176. Thiền sư Trọng Ninh ở Hưng quốc
177. Thiền sư Tử Vịnh ở An quốc
178. Thiền sư Giản Ngọc ở Vĩnh an
179. Thiền sư Liễu Tông ở Thừa thiên
180. Thiền sư Lập Sinh ở Cam tuyền
181. Thiền sư Tỉnh Phương ở tu
182. Thiền sư Dụng Phương ở Linh nam
183. Thiền sư Tâm Ấn ở Biến phước
184. Thiền sư Phổ Thuận ở Long môn
185. Thiền sư Tông Ứng ở Thiên khoảnh
186. Thiền sư Hữu Trừng ở Vĩnh thái
187. Cư sĩ Dương Trực Giảng
188. Hòa thượng Đạo Tề
189. Hoà thượng Viên minh
190. Hòa thượng Thiện Đức
191. Hòa thượng Pháp Hải
192. Thiền sư Chí Minh ở Báo ân
193. Thiền sư Vĩnh Hiền ở Đại ninh
194. Thiền sư Tuệ Chu ở Công thần
195. Thiền sư Phụng Kiên ở Đại lô
196. Thiền sư Tự Hòa ở Linh phong
197. Thiền sư Thái Tổ ở Đa phước
198. Thiền sư Dụng Càn ở Quảng tế
199. Hòa thượng Bảo Sâm
200. Thủ Tòa Chỉ ở Kê phong (một trăm năm mươi ba vị trên hiện không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG BẢN - VIÊN CHIẾU Ở TUỆ LÂM TẠI ĐÔNG KINH

1. Thiền sư Thiện Bản ở Pháp vân.

Thiền sư Thiện Bản - Đại Thông ở Pháp vân tại Đông kinh, vốn người dòng họ Đổng. Tiên tổ ở Thôn Trọng Thư tại Thái Khương. Tổ phụ và thân phụ của Sư đều làm quan tại Dĩnh bèn thành người xứ Dĩnh xuyên. Mới đầu, thân mẫu Sư không có con nên đến cầu khấn trước tôn vượng Phật, phát thệ nguyện là “nếu có được con hẳn sẽ đem phụng sự Phật pháp”. Kịp đến lúc sinh Sư cốt tướng đẹp xinh khác lạ. Mới vừa

đầy một năm tuổi mà Sư mồ côi, đến lúc trưởng thành Sư chăm học thông rành, tiết tháo giẫm trải tu, nhưng không có ý ra làm quan, bên tịch cốc học đạo, vì nhà nghèo nên ẩn cư sống nghề viết chữ, chí khí cứng rắn chẳng khuất nhục, trọn ngày trầm lắng.

Đến năm Gia Hựu thứ 08 (1063) thời Bắc Tống, Sư đến Kinh đô xin ghi danh nương tựa ở viện Địa Tạng tại Hiển Thánh, qua đợi khảo xét khả năng đã tập học bèn được xuất gia làm đại Tăng. Thầy của Sư là luật Sư Viên Thành ban cho mái chèo, mà nói với mọi người là: "Thiện Bản ngày sau sẽ là vang danh khắp nước nhà ". Nhân bảo Sư tập học nghe giảng luật tạng, tùy hỷ học kinh Pháp Hoa. Ban đêm Sư mộng thấy một đồng tử tướng mạo như các tranh hình họa vẽ ở thế gian về thiện tài đồng tử chấp tay nói mà đi về hướng nam. Sau khi đã tỉnh giấc Sư tự bảo là "các Thánh đến hộ giúp ta vậy. và họ muốn ta về hướng nam phỏng hỏi các đạo bạn ư?" Bấy giờ Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản đang hoằng pháp hưng thạnh tại Ngô Trung, Sư bèn đến Cô Tàng mà bái yết, ngay điểm thụy quang mà khế hợp tông chỉ, Sư bèn chuyên cần lao phục suốt 05 năm, thành đạt được hết cốt lõi, chỉnh đốn giềng mối dẫn dắt, nghiên tâm chuyên luyện trí sai biệt, tung hoành buông cuộn độ vượt khuôn phép trước, một thời đồng bạn không ai vượt trên sư. Thiền sư Viên Chiếu cũng cậy vào đó mà mở lớn gia phong.

Đến mùa xuân năm Nguyên Phong thứ 07 (1084) thời Bắc Tống, Sư giả tuyệt Cửu Giang, vân du đến Hoài Sơn đảnh lễ khắp các ngôi tháp tổ. Nhìn lại hang núi Phù Sơn cảnh trí ưu thắng, Sư bèn có chí muốn trọn đời ở đó, nên đến ở tại hang núi Đại Tịch. Lâu sau, ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Song Lâm tại Vụ Châu, các hàng Tăng tục ở Chế Đông truy tìm sùng kính mà đến, mọi người đều cho Sư là phó đại sĩ tái sinh. Rồi, Sư chuyển dời đến ở Phù Từ thuộc xứ Tiền Đường, nối dõi dòng pháp của Thiền sư Viên Chiếu – Tông Bản, tại trai đường thường có hơn ngàn người ăn, mọi sự đều do Đàn Việt kính ngưỡng mà cung cấp. Vì chữ sau trong pháp danh của Sư đồng với Thiền sư Viên Chiếu, nên người thời bấy giờ xưng gọi Thiền sư Viên Chiếu là "Đại Bản" còn xưng gọi là "Tiểu Bản" vậy.

Vua Thần Tông (Triệu Húc 1068-1086) nghe danh sư, nên ban sắc chiếu mời Sư đến ở chùa Pháp Vân tại Kinh đô, phong tặng Sư hiệu là "Đại Thông Thiền sư , Sư lại nối dõi dòng pháp Thiền sư Tú ở Viễn Thông. Sư như ngọc đứng riêng lẽ cao vợi nghiễm nhiên đến với đại chúng tịnh, như muôn núi xoay quanh trụ trời nhường sự cao lạnh. Trong chúng tuy có đủ sự tinh thô chung sống, nhưng Sư chẳng từng

dùng ngôn từ chó vật tỏ vẻ gá người. Các hàng vương công quý nhân xả thì cúng dường ngày một nhiều đầy cửa, nhà sâu muôn nền tảng thếp vàng khảm ngọc, như đất vọt lên phường báu. Suốt 08 năm Sư được thỉnh mời vào chấn cung triều, Sư mong xin già yếu được trở về trên Tây hồ, vua bèn ban chiếu hứa thuận đó, Sư bèn theo hướng đông trở về lại Am ở Sùng đức - Long môn. Như vậy, Sư đã từng trải ở nơi 03 ngôi chùa lớn, đạo phong cảm hóa trần tục, các hàng Tăng tục kính mộ đông nhiều như kiến.

Sư từng chỉ dạy đại chúng rằng: "Hàng Thượng sĩ dùng thần để nghe pháp, hàng trung sĩ dùng tâm để nghe pháp, còn hàng hạ sĩ dùng tai để nghe pháp, hãy nói lại có một người đến lấy gì để nghe?" Xong Sư nắm cây gậy gõ xuống thiền sàn một cái và tiếp bảo: "Cao cũng nhầm thấp cũng nhầm, rơi rơi viên âm khắp xa thoáng, mười phương trong ngoài không gì khác, chẳng dùng không dây mà tự buộc". Sư lại bảo: "Án Sơn nói pháp Chúa Sơn nghe, Chúa Sơn nói pháp Án Sơn nghe, Án Sơn và Chúa Sơn đồng một lúc nói, hãy nói lấy gì nghe? Các người nếu cũng khéo nghe thì tất cả diệu pháp của chư Phật ba đời thảy đều hiện tiền. Lại có chăng? Dùi sắt không lỗ như nhàn sư, cười giết tỳ da lão dùi xưa". Sư lại bảo: "Nói thấy của Nạp Tăng thuận nghịch khó gần, thốt nhiên riêng sang ứng vật rồi trở lại, hoặc gá cao ở ngoài đời, hoặc chống vết bụi trần, nắm định thì băng nổi mặt nước, không đi thì hoa nở trên gấm, Lô Lão chẳng biết đi xứ nào, mây trắng trong ảnh cười ôi ối!" Xong, Sư hét một tiếng rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc Sư bảo: "Hoa tâm chưa hé, mắt liễu mới nở, nhạn xoay về kêu nghẹn tiếng, nước rót đổ vang vọng róc rách, sum la cử xướng pháp nhĩ, khuôn phép thường lại nói buộc mở đồng nguồn, rất tợ đầu rồng đuôi rắn". Lại lên giảng đường, dừng đứng giây lâu, Sư bảo: "Hiểu chăng? Diệu chỉ của Phật Tổ chỉ tại trước mắt, trước núi Tuệ Nhật mây mọc dưới chân, hồ lắng sóng tan chóng tiếp trời xa, chiều xuống thuyền ngủ, đêm bồng bềnh ánh trăng cỏ kiêm cỏ gia, vui vẻ đi họa vẽ thuyền có lúc nghe tiếng tơ trúc, lại nói nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc rõ tâm, rất tợ rút bỏ cây đào ngon ngọt, tìm núi hái lấy lê chua". Xong, Sư xuống khỏi tòa.

Sư ở tại Am đóng cửa, quét sạch quên bẵng sự thế có đến 10 năm, riêng cùng Nạp tử Tư Tuệ, các hàng cư sĩ đại phu tướng Sư đạo phong cao vời, muốn thấy gặp mà chẳng thể được. Đến ngày giáp tý tháng 12 năm Đại Quán thứ 03 (1109) thời Bắc Tống, Sư lo cụp 03 ngón tay, nói với mọi người hai bên là: "chỉ còn có 03 ngày". Thế rồi quả nhiên Sư thị tịch. Có loài chim khác lạ bay liệng kêu réo trước sân rồi đi. Tạo dựng

tháp an táng toàn thân tại Thượng phương.

Thủa bình sinh oai nghi cử chỉ của Sư nhìn thẳng chẳng máy liếc, đến với đại chúng suốt 30 năm mà chưa từng nở một nụ cười. Đến lúc Sư chấp tay cười nói, có người hỏi về nguyên do, Sư bảo: "Nếu chẳng trang nghiêm cung kính thì chẳng lấy gì đến cùng với chúng, xưa trước vì ở chốn tùng lâm nên tôi gắng gượng mà làm vậy, chẳng phải tánh thật như vậy". Phàm những nơi Sư đến thấy các tôn trượng Phật và Bồ-tát đắp vẽ với dung tướng đi đứng thì Sư chẳng dám ngồi. Đến nơi bờ ải có người đem dâng hiến các thứ cá thịt, Sư đều chẳng ăn. Sư chân thành cung kính mọi sự, phòng giữ tâm, lìa lỗi quá đại loại đều như vậy. Đến lúc lên giảng đường diễn xướng, với hai bên Sư trông nhìn như voi chúa xoay quanh, các hàng học giả phần nhiều nhân đó mà ngộ nhập. Đến đêm Sư sắp thị tịch, có vài vị Tăng đất Việt mộng thấy Sư về trời Đâu Suất.

2. Thiền sư Tu Ngung ở Đầu tử.

Thiền sư Tu Ngung chứng ngộ ở Đầu tử tại Thủ châu, vốn người dòng họ Lương ở Triệu Thành - Tấn Châu. Thuở bé thơ, Sư chẳng kính bái đền miếu thờ thần, chẳng thọ học thư huấn, Sư từng nói: "Sẽ làm thầy trời người, sao kính mộ đây ư?" Sư bèn vân du các phương, đến nơi pháp tịch của Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản ở Thụy Quang tại Tô Châu, tham khấu tông chỉ. Nhân nêu cử Tôn giả Vô Trước hỏi tôn giả Thiên Thân "Bồ-tát Di Lặc nói pháp gì?" Tôn giả Thiên Thân nói cái pháp ấy". Sư bỗng nhiên như có sự tỉnh ngộ, suốt đêm ngày tham khấu. Một ngày nọ, nhân lên chuồng sí, đà ngã đánh phá bình nước mà có tỉnh ngộ, bèn làm bài tụng rằng: "Một giao ấy, một giao ấy, muôn lượng vàng ròng cũng hợp tiêu, nón trên đầu, bao dưới eo, gió trong trăng sáng đầy gây khêu". Từ đó, tiếng tăm Sư vang vọng, bèn ra đời hoằng hóa giảng pháp, mới đầu Sư ở Tư Phước tại Thọ Châu, trải qua đổi dời vài ngôi chùa lớn. Sư ở thiếu lâm tại Tây Kinh rồi dời đổi đến Chiêu Đề, rồi Sư lại dời đổi đến ở Đầu Tử tại Thư Châu. Đạo phong tiếng tăm Sư càng vang tỏa, khắp chốn tùng lâm đồng xưng gọi Sư là Ngung Hoa Nghiêm.

Có lúc lên giảng đường, có vị Tăng mới bước ra, Sư bảo: "Sai nhầm", bèn hỏi: "Xứ nào là sai nhầm". Sư đáp: "Không tin đạo". Lại hỏi: "Là pháp bình đẳng không có cao thấp, vì gì Triệu Châu 03 lần đợi tiếp đãi người?" Sư đáp: "Vào nước thấy hình người dài". Lại hỏi: "Tránh làm sao người học chưa hiểu". Sư bảo: "Gọi chẳng xoay đầu tránh làm sao?" Lại hỏi: "Thế nào là tâm của tổ tổ tương truyền?" Sư

đáp: "03 ngôi sao nhiểu quanh cung trăng". Lại hỏi: "Tiện lúc nào đi thì thế nào?" Sư đáp: "Bách nhạc tạm duỗi roi, ngựa hèn sánh ngựa giỏi". Lại hỏi: "Thế nào là đệ nhất nghĩa?" Sư đáp: "Trăm thứ tạp toái" và Sư mới bảo: "Đảnh núi Lăng Già, ai có thể đặt chân, trước hang thiếu thất nước rỉ chẳng thông, chánh ngay lúc nào Lão Tử đầu vàng há được miệng, hồ tặng mắt biếc mở được mắt. Tuy là như vậy mà mọi sự không một hướng, tiên Thánh may có đệ nhị nghĩa môn đủ có thể cùng các người nói đông nói tây. Do đó nói mùa xuân xanh mọc, mùa hạ phát triển, mùa thu rơi rụng, mùa đông khô tàn. Bốn mùa thay đổi, xoay chuyển đường dài. Kẻ ngu tâm sinh đây kia, người thấu đạt một vị không khác". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Trâu sắt Thiểm Phủ nuốt tượng lớn. Phật Gia Châu hướng đến ẩn tàng trong ngó sen". Sư lại bảo: "Gió xuân réo rít cây xưa, móc sáng sớm phủ sóng lạnh. Mỗi mỗi đều hiển bày, hiển bày cũng là lẫn lộn lừa dối. Xem xem ngay đó là gì? Làm sao gã tài mắt sáng vùi lấp lỗ cối, nhả không được, gặm nhấm không bể". Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa. Lại có lúc Sư bảo: "Cao vời thiếu thất trọn trấn các núi, có lúc bưng ra trong mây, có lúc lưới móc không vết, có lúc hang huyệt tại trước mắt, có miệng nói không được, bị người gọi là làm Hồ Tăng trông nhìn tường vách. Các nhân giả, làm sao sống khỏi được lỗi quá này? Thôi, thôi, chẳng như tạm giữ khóa". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Một nguyên hóa, hai Di Đà, ba Thích Ca, ngoài ra là gì bát thoát gò. Tham". Sư lại bảo: "Móc giọt sân cát, gió rít cây cối xưa, trăng bạch giọt mãi, ngàn núi sắc lạnh, hoài tuôn chảy muôn khoảnh sóng đào. Ở đây nêu cử được, cho các người cắt đứt các nguồn, nếu chưa như vậy, chưa khỏi theo gợn đuổi sóng. Thí như nước trong sông chảy xiết đua chạy mất, mỗi mỗi chẳng cùng biết, các pháp cũng như vậy". Sư bèn nắm cây gậy và tiếp bảo: "Cây gậy đây là các pháp là cùng biết hay chẳng cùng biết. Nếu cùng biết thì sớm bị cái biết trói buộc, nếu chẳng cùng biết thì lấy gì chỉ chú". Xong, Sư gõ xuống một cái và tiếp bảo: "Một chữ biết đó là cửa của các huyền diệu". Sư lại bảo: "Sai nhầm", và xuống khỏi tòa.

Phú Trịnh Công vốn kính mộ Tông phong, mới đầu ở Thiếu Lâm, trông thấy Sư đi thẳng lên tòa, đưa mắt phải trái trông nhìn khắp đại chúng Trịnh Công nhân đó mà có sự tỉnh ngộ. Đến lúc năm sau nhân chấp chính nên ở Lạc Đô, kính trọng đạo phong của Sư khát ngưỡng tư duy muốn thưa hỏi, bèn thỉnh mời Sư đến ở Chiêu Đề, dò xét chờ đợi lúc Sư đến đó mà đích thân ra đón rước. Sắp lên xe thì Tư Mã Ôn Công cũng vừa đến, hỏi: "Tướng công đi đâu vậy?" Trịnh Công đáp:

"Tiếp rước Thiền sư tu ngung mới đến ở Chiêu Đề". Ôn Công nói: "Tôi cũng đồng đi", khi ấy liền mạnh ra ngoài thành dừng đợi nói nhà trạm bên đồng, qua thời gian lâu thấy có vài mươi người mang vác, bèn hỏi thăm dò, các người mang vác ấy đáp: "Đây là hành lý của hoà thượng Chiêu Đề". Ôn Công bèn đòi ngựa trở về trước. Trịnh Công bảo: "Cần được thấy Hoa Nghiêm, cớ sao lại về trước?" Ôn Công nói: "Đã thấy kia xong", bèn về trước, riêng mình Trịnh Công ở lại chờ đợi, thế rồi càng thêm sự kính trọng đối với sư. Nhân đó nghinh đưa Sư về ở nơi Hậu Uyển, sớm tối tham vấn. Mỗi lần Phú Trịnh Công đàm luận, Sư liền cho là quấy, mà Trịnh Công nói lý không thôi. Một ngày nọ, Sư bảo Phú Trịnh Công rằng: "Đợi được sơn Tăng đứng gật đầu tức là phải vậy". Từ đó, Phú Trịnh Công có nói gì, Sư cũng liền lắc đầu chưa từng mở miệng đáp. Bỗng một ngày nọ, đang lúc nửa đêm, Phú Trịnh Công tỉnh ngộ thấu triệt, vội đến gõ cửa, Sư đã đóng cửa mà ngủ, nghe tiếng Phú Trịnh Công, Sư liền gọi bảo: "Tướng công tạm vui mừng việc lớn đã xong vậy". Đêm khuya lại chẳng mở cửa, đợi sáng sớm mai sẽ cùng gặp nhau". Đến sáng sớm, Phú Trịnh Công vào diện kiến, từ xa thấy Phú Trịnh Công đi đến, chưa một lời xả giao đàm nói, Sư đã gật đầu vậy. Phú Trịnh Công vui mừng rất lắm. Bấy giờ, Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản vừa mới vâng phụng sắc chiếu mời đến ở Tuệ Lâm, Phú Trịnh Công bèn gởi thư đến cảm tạ rằng: "Nhân thấy Sư Ngung ngộ vào sâu, tiến lên truyền được tâm Lão sư, đông nam nói lãng núi sông xa, đôi mắt linh quang cùng diệu âm.

3. Thiền sư Thiện Ninh ở Kim sơn.

Thiền sư Thiện Ninh - Pháp Ấn ở Kim sơn tại Nhuận châu, Vốn người xứ Giang Châu. Sư thọ học tại chùa Cam lồ, rồi đến nơi pháp tịch của Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản dự tham, thầy trò cảm cơ duyên như khế hợp từ xưa trước, chung sức giúp đỡ để xiển dương pháp hóa. Khi ra đời hoằng hóa, Sư ở Vạn thọ, khuôn phép rất nghiêm túc, đích thân Sư nổ lực thực hành, mọi người đều nép phục, có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thiên Hoàng cũng nói gì, Long Đàm cũng nói gì, chưa xét rõ hòa thượng làm sao sống, nói?" Sư đáp: "Tay nắm roi bạch ngọc, ly châu đánh vỡ vụn". Lại nói: "Lùi thân có phần". Sư bảo: "Biết sai nhầm ắt sửa đổi". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đuôi cân không chấn sao". Lại hỏi: "Chưa xét rõ ý chí ấy như thế nào?" Sư đáp: "Đấu phương có đáy". Lại nói: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Lông mày như trăng đầu tháng, ánh mắt tợ sao tỏ". Lại hỏi: "Thế nào là pháp?" Sư đáp: "Nghĩa bày lưới xen, sao

phân đồng rộng". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Dáng xưa cao lướt, ý khí trượng phu". Lại hỏi: "Cán cây theo thân gặp trường làm đùa giỡn, ngày nay trường chọn người làm Phật mở bày, xin Sư chỉ phương tiện?" Sư bảo: "Văn chẳng thân chấm". Lại hỏi: "Có thể gọi là xưa nay hiếm nghe". Sư bảo: "Hãy nói là đề mục gì?" Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn đánh. Xong, Sư mới trông nhìn chung quanh mới tiếp bảo: "Người xưa nói: "Tại mắt gọi là thấy, tại tai gọi là nghe, tại lỗ mũi ngửi mùi, tại đầu lưỡi thì đàm luận, tại thân thì nhận biết xúc chạm, tại ý thì phan duyên. Tuy là như vậy, nhưng chỉ thấy lợi đầu cái dùi, không thấy phương hướng đầu cái đục. Nếu là Vạn thọ tức chẳng như vậy, có mắt trông nhìn chẳng thấy, có tai lắng chẳng nghe, có mũi chẳng biết mùi, có lưỡi không đàm luận, có thân chẳng cảm giác xúc chạm, có ý chẳng phan duyên. Một niệm tương ưng thì sáu căn giải thoát. Dám hỏi cùng các thiền đức hãy nói cho từ trước lại là đồng hay là khác, chẳng có đầy đủ mắt sáng Nạp Tăng ra lại thông cái tin tức. Nếu không lại vì các người lớp lớp chú phá. Phóng mở thì riêng thông xe ngựa, nắm ở thì cao thấp chẳng còn. Nếu là tác gia quen đánh, một mặt phải quấy đè bóc cả". Sư lại bảo: "Dúm huyền cơ ở trên lòng bàn tay, treo kiếng xưa tại trước đài, có gì yêu nghiệt, ai dám đáng ngự. Có thể gọi là rỡ rỡ pháp giới tự tha mà cảnh trí toàn châu, rành rành nguồn chấn đây kia mà Thánh phàm đều lắng. Lấy đó mà suy, điện Phật nhà Tăng đối hiện sắc thân, kho bếp tam môn cùng dương việc ấy, chỉ xin bẻ gãy cây gậy đến trước mắt tham lấy". Sư lại bảo: "Nếu cũng đàm thiền nói đạo, bèn thấy có sinh có diệt, lại mới nêu cử xưa nay, rất tợ chẳng quán xét thời tiết, đêm qua gió táp mưa sa, sáng nay chóng dứt nóng bức, đến đây khéo hay tham rõ. Đạt Ma mê là chẳng khác biệt". Sư lại bảo: "Cùng khắp đại địa chưa từng có một người chân chánh cử xướng xiển dương Tông giáo. Nếu có một người cử xướng xiển dương Tông giáo, thì khắp vùng đại địa mọi người đều phải đầu mũi nhọn buộc lưỡi, chẳng là dạy các người dứt tuyệt thấy nghe, khế hợp với đạo ấy không? Kiến giải như vậy, thì như lửa đom đóm thiêu đốt núi Tu Di, trải qua số kiếp hằng sa trọn chẳng thể nhằm, rất chẳng biết Thánh xưa duỗi lòng chỉ bày chỉ cần người sau mắt chánh. Các bậc đạt giả mắt chánh thật có thể gọi là xưa nay hiếm nghe. Sáng tỏa trước, suốt cùng sau, buông đi lời lời thấy đế, câu câu rõ tông, thâu lại thì mắt mắt theo phương rành rành đứng bên cạnh, hướng đến xứ nào thấy người xưa". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Phải biết núi biển đều kết quy về minh chúa, chưa tin càn khôn riêng có trời".

4. Thiền sư Hy Tổ ở Quảng linh.

Thiền sư Hy Tổ - Phật Ấn ở Quảng linh tại Mục châu, vốn người dòng họ Chu ở Xử Châu, có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Linh Quang soi suốt ta vật gồm thâu, chiếu thể riêng còn, trước sau đều tuyệt. Do đó, vô vi biến hóa ứng lượng có ngàn sai, gá chất riêng phần, lẫn đồng một tánh. nên tối mới đầu rõ thay, đùi vế mập tốt thay. Pháp do thời gặp, đại tại trung hưng, dựng lập pháp tràng lớn, làm việt Phật lớn, đủ có thể xưng vương. Do đó, chánh quán dứt vết, danh tướng cùng phân, lắng nghe chẳng phải nghe, viên âm ứng khắp, chuông sương trống móc, chư bạn cùng tham, điện báu lầu quỳnh, nói nghe đều hiểu, sáu đường ba chợ khắp xứ trang nghiêm, bờ liễu đường hoa sớm tối Phật sự, Thánh phàm cùng hội, sĩ thứ trong boong, lưới trời dung thông rỗng sáng cùng chiếu, sao phải phương nam riêng xa khắp gõ cửa giẫm trải khó khổ, phải quấy chưa quyết, mà nay lớp lớp hoa tạng vô lượng pháp môn, giáp mắt thấy thành nào phải nghĩ bàn. Tuy là như vậy, dốt đặc tổ phong". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chín năm thiếu thất ai biết đã, một câu lưu thông muôn xưa truyền". Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Bờ đài nghiêm lăng bảy dặm đầu khe, thẳng phải câu ba ba câu cá kình, đâu chỉ mò tôm bắt hến, tùy dòng buông rộng, mặt tánh nổi chìm, dừng thuyền trăng trên sóng tâm, dất mái chèo bọt nổi mặt nước. Dám hỏi cùng đại chúng một câu chẳng xúc chạm sóng cả làm sao sống hiểu?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Người thời nay chỉ nhìn trên ty luân, chẳng thấy lô hoa đối mặt sông xa.

05. Thiền sư Trừ Nham ở Tư thọ.

Thiền sư Trừ Nham - Viên Trừng ở Tư thọ tại Thọ châu, có vị Tăng hỏi: "Trong Đại tạng giáo có việc gì kỳ đặc không?" Sư đáp: "Chỉ sợ ngươi không tin". Lại hỏi: "Thế nào tức là phải?" Sư đáp: "Đáy đen là mực, đáy vàng là giấy". Lại nói: "Cảm tạ Sư đáp câu thoại". Sư bảo: "lãnh lấy ý đầu dất dẫn, chớ nhận định bàn tính" và Sư mới bảo: "mây mọc cửa hang, trăng đầy sông dài, tiều phu chẻ phá vườn sâu, ngư ông câu nơi đảo cát. Đến trong đó tiện là Ngô đạo tử Trương Tăng Dao, cũng không phải nơi ngươi xuống tay". Ngưng giây lát, sư bảo: "Về nhà hỏi lấy Thánh Tăng đi". Xong Sư xuống khỏi tòa, có lúc Sư bảo: "Đất trời tĩnh lắng, biển lặng sông trong, gió chẳng thổi cành, mưa không pháp phối, mùa xuân sinh mọc, mùa hạ phát triển, mùa thu gom lấy mùa đông cất giấu. Cái ấy là pháp thế gian. Còn làm sao sống là Phật pháp?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Muốn được chẳng rước nghiệp vô gián, chớ nên phỉ báng chánh pháp luân của Đức Như Lai. Trân trọng".

Lại có lúc lên giảng đường, ngưng đứng giây lát, sư bảo: "Diệu quyết tông thừa tức nay vì nói, núi cao sông sâu gió lạnh cắt xé, Tổ sư từ Tây vức lại nói cái nghỉ - hết - Dám hỏi cùng các người làm sao sống là nơi nghỉ hết? Có hiểu chăng? Lạnh thì ngồi quanh lò, lúc rảnh mặc tình ngủ nghỉ.

6. Thiền sư Thủ Nghiểm ở Ẩn tỉnh.

Thiền sư Thủ Nghiểm ở Ẩn tỉnh tại Thái bình châu, có vị Tăng hỏi: "Tôn giả Ma Đằng vào đất Hán, Tạng giáo phân minh, còn Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại có ý chỉ gì?" Sư đáp: "Pháp ta diệu khó nghĩ, trời rồng đều quy hướng". Lại hỏi: "Chưa xét rõ ý tổ và ý giáo là đồng hay khác?" Sư đáp: "Hai sắc thái một đáp đền". Lại nói: "Một lời về có đạo, muôn tượng tự không tâm". Sư bảo: "Còn so sánh chút ít". Lại hỏi: "Đại sĩ Đạt Ma cùng gặp, nói năng như thế nào?" Sư đáp: "Hiếm ít gặp tác gia". Lại hỏi: "Nếu chẳng phải Triều tể biết âm, hòa thượng sao chịu gõ ra?" Sư đáp: "Dùi vàng ảnh động, kiếm báu sáng lạnh" và Sư lại bảo: "Mây xuân mưa xuân muôn vật bày tốt tươi, ngày ấm gió hòa, núi hoa đua xinh đẹp. Núi xanh lớp lớp, khe nước lắng yên, Đạt Ma lầm gặp rất kỵ nó phá". Sư lại bảo: "Nếu người chấm rút ra được thì câu thoại của sơn Tăng ngày nay rơi lạc". Xong, Sư nắm cây gậy nắm vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Có lúc sư lại bảo: "Một pháp chẳng thông, muôn duyên mới thấu, nếu ngay đó mà sáng rõ được, thì trông mắt xuyên qua núi Thiết vi. Một miệng hớp hết nước biển lớn" và sư hét một tiếng, tiếp bảo: "Biển lớn nước đã hớp hết vậy, cá rồng hướng đến nơi nào mà an thân lập mạng. Trong chúng chẳng có người nào dấy khởi lòng thương chăng? Hãy ra cứu lấy vua rồng. Nếu không có khả năng tức hơi thở gấp rút giết người. Tuy là như vậy nhưng sự việc không hai hướng, sơn Tăng chẳng khỏi vì các người nói đạo lý. Há chẳng thấy các bậc tiên Thánh nói cứu cánh Niết bàn tưởng thường vắng lặng trọn kết quy về không, một màn che tại mắt thì hoa đốm giữa hư không khắp cùng, màn che nếu chẳng tiêu, chẳng ra cửa mà biết việc trong thiên hạ, màn che nếu tiêu hết mới biết được người ở trong am chẳng thấy mọi sự ngoài am, nếu hay như vậy mới mở ẩn toà, trong 12 thời khắc mặc tình thọ dụng, còn như chưa được vậy..." Ngưng giây lát, sư bảo: "Trân trọng".

7. Thiền sư Thủ Nhất ở Bản giác.

Thiền sư Thủ Nhất - Pháp Chân ở Bản giác tại Tú châu, vốn người dòng họ Thẩm ở Giang âm. Từ thuở bé thơ, sư đã kính mộ Không Tông. Lúc Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản ở tại Thụy Quang thì sư đến nương

tựa cầu xin xuất gia, trọn chẳng vân du các nơi khác, sớm tối tham khấu chóng tỏ ngộ tông chỉ. Đến lúc ra đời hoằng hóa giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Chọn Phật chọn quan nên ở, còn Tổ tịch ta đăng khoa, việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Chim đại bàng nhấp cánh đường trời xa, ba ba lớn trở mình nước biển chật". Lại nói: "Tiếng tăm nhà phu tử để lại nghiệp nghề xưa cũ, nền tảng nối tiếp của pháp vương được trung hưng". Sư bảo: "Năm ngày sau xem". Lại hỏi: "Hãy nói thời xưa và ngày nay là đồng hay là khác?" sư đáp: "một lời đã tuông ra". Lại hỏi: "Hơi xuân đã theo mùa đông tan, gió ùn mới lường râm biếc lạnh, người học nhờ ỏi ý của Tổ sư Đạt Ma từ Tây vức lại, xin Sư dùng phương tiện vì nói bày?" Sư đáp: "Rành rẽ nếu cử tợ đại chúng". Lại nói: "Có thể gọi là một câu cắt dứt dây, muôn có chóng ". Sư bảo: "Đắp nhằm xây nhằm làm sao sống? Nói". Lại nói: "Rành rẽ quy xưa nay đồng, cùng gặp hiểu có biết âm nêu". Sư bảo: "Chẳng phòng ngại lanh lợi". Lại hỏi: "Sư tử lìa đàn ngồi xổn giữa đất hiện toàn oai, chẳng bày nanh vuốt, xin nghe tiếng gầm gừ?" Sư đáp: "Mọi người dốc sức". Lại nói: "Đang năm Lô Lão từng lấm lời, ngày nay thân gần được nghe có thứ nhất". Sư bảo: "Việc dưới cẳng chân làm sao sống?" Lại nói: "Gậy báu đánh mở mắt ngàn Thánh, ngay trường đây biện lấy sen trong lửa". Sư bảo: "Quả nhiên tác gia". Và Sư mới bảo: "Một pháp ấn đây chẳng phải có chỗ truyền, trải qua nhiều đời kiếp mang giữ chẳng do từ người khác mà được, gồm sáu hư mà không ngoài, lẫn mười đời vì đồng thời, toàn dẫn thì dấu vết Phật tổ lắng, buông xuống thì Thánh phàm xen nhau nổi, rành rành nhật dụng thì sum la chóng hiện nơi Linh quang, mênh mông trước mắt đây kia không phân ở thật tế. Tuy rỗng rang hết vết, lưu thông nơi vô lượng nghĩa môn. Đồ sộ không nương tựa chóng vượt quả vị nhất thiết trí, chẳng phải tướng văn tự duyên thấy nghe. Các thừa do đó mà chẳng thể thuyên, chư tổ từ đó mà dất chẳng dậy. Ngày nay người trời đã nhóm tập chẳng thể nhọc không vậy, lược đến trong của kiến hóa khắp chỉ bày cùng các người. Mỗi vị xin nên giữ tâm đoan trang nhìn ngay thẳng". Xong, Sư mới trông nhìn hai bên rồi tiếp bảo: "Có thấy chăng? Nếu cái gì tiếp thừa sẽ được bèn mới có hành tại nắm giữ đồng kết quy quyền biến ngoài then chốt, biển cả lắng sóng cùng giúp phong hóa trang nước nhà. Trân trọng". Lại có lúc sư bảo: "Các người biết lo có đạo chẳng đắc, sơn Tăng đạo đắc chẳng biết có. Hãy nói hai lời ấy là một lý là hai nghĩa, nếu người định sẽ được ra thì hứa cho người có được mắt chánh tại cửa đảnh. Tham". Có lúc sư lại bảo: "Bản phận tướng kiến chẳng tại thì thế nào? Khơi dậy bèn đi, còn là dốt giỏi như

cũng phân khách phân chủ, đều là niệm câu thoại bít nhà, lại mới nói diệu nói huyền, chẳng đáng là cháu con của Tông môn, sơn Tăng nói gì đã là trên tuyết thêm sương, các người lại phảng tìm cái gì?" Xong, Sư lấy nắm tay gậy và đồng thời rão bước xuống.

8. Thiền sư Trọng Tuyên ở Cam lồ.

Thiền sư Trọng Tuyên - Truyền Tổ ở Cam lồ tại Nhuận Châu, có lúc lên giảng đường, sư bảo: "Kiến lập tông thừa, các ma đều lánh vế, truyền bá đại sự, Tam Tạng quên lời, huống là Tôn giả A-dật-đa chưa rời khỏi Đâu Suất, lão mặt vàng đã ẩn diệt câu thi. Trong nước Đại Đường không có Thiền sư, Nạp Tăng trong thiên hạ nếm mùi bả rượu, trong chúng chẳng có anh linh nạp tử biến báo tác gia ra đây xốc ngủ thiền sàn, hét tan đại chúng, há chẳng khoái ư?" Ngưng giây lát, Sư lại tiếp bảo: "Thú quý che giấu đầu sừng, chim tốt tiếc lông cánh", có lúc Sư lại bảo: "Mưa qua núi xanh, mây giăng xanh biếc, trên hang núi Bảo đà cỏ quý sắp trải, trong thành Vương xá hoa màu muốn nở. Không sinh ngồi yên, Đế Thích rong chạy. Đây kia một thời, xưa nay gì khác". Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: "Muôn ban thi thiết chẳng như thường". Có lúc Sư lại bảo: "Dừng, dừng, trăm ngàn diệu môn đồng kết quy về một đường. Núi xanh thường có tri thức khó gặp, tránh như biết lấy chủ nhân ông". Xong, Sư lớn tiếng kêu rằng: "Chủ nhân ông?" Rồi, Sư lại bảo: "Ngày nay tự mua tự bán". Lại có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn khắp cả rồi bảo: "Lòng sông Dương tử không gió nổi sóng, bờ núi Thạch công đất bằng đống cốt, hiểu được hai bên gặp đồng bằng tránh tợ lẳng lặng chẳng động". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Kham cười Hám Sơn quên tức về, mười năm chẳng biết đạo đến thời.

9. Thiền sư Thủ Ân ở Đại (Thái?) bình.

Thiền sư Thủ Ân ở Đại (Thái?) bình tại Phước Châu, vốn người dòng họ Khâu ở Phước , Bản Châu. Sư đắc pháp từ Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản, mới đầu ra đời hoằng hóa, Sư ở tại địa tạng rồi đổi dời đến ở Thái bình, có lúc lên giảng đường, Sư dựng đứng nắm tay lại mở xoè rồi bảo: "Có lúc là nắm tay có lúc là bàn tay, nếu gặp Nạp Tăng, người có lòng sẽ thưởng". Xong, Sư bèn buông xuống và tiếp bảo: "Ngay là đất rỗng thoáng người thưa hiếm nên cùng gặp ít". Lại có lúc Sư bảo: "Sau cơn mưa chim cưu kêu réo, trước núi lúa chín, nơi nào trẻ mục đồng cưỡi trâu cười đùa cùng đuổi, lại nắm ống sáo ngắn giàng ngang trước gó một vài khúc nhạc. Tham". Lại có lúc Sư bảo: "Vân nham đùa sư tử, phổ hóa đánh cây đấu. Tùng lâm sắp vì lên thượng quan, chưa khỏi cười phá Nạp Tăng, miệng thôi thôi bít lấp nguyên do, tức là cốt

tượng dùi xưa hay đánh cầu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy đánh xuống thiền sàn một cái và bảo: "Người có trí nếu nghe thì hay tin hiểu. Kẻ không trí nghi hối thì là mất hẳn, ba mươi năm sau không được nói ngày nay sơn Tăng lên giảng đường chỉ niệm tụng kinh Pháp Hoa". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là tâm Phật xưa?" Sư đáp: "Oanh hót nơi nơi đồng". Lại hỏi: "Người học chẳng hiểu?" Sư đáp: "Trâu dê tự tựa núi". Lại hỏi: "Thế nào là hạnh của Sa-môn?" Sư đáp: "Nhiều hư ít thật". Lại hỏi: "Hoà thượng sao được khi dối người?" Sư đáp: "Thật không chỗ kiên cử". Lại hỏi: "Người trong am vì gì chẳng biết việc ngoài am?" Sư đáp: "Tức Hứa Xà-lê có đủ mắt sáng". Lại nói: "Nhờ lâu ảnh hưởng Hoà thượng". Sư bảo: "Trong tối dây cân ai biện rành cong thẳng". Lại hỏi: "Thế nào là đàm nói vượt Phật quá Tổ?" Sư đáp: "Ba ngày có một cơn gió, năm ngày có một trận mưa". Lại hỏi: "Hướng thượng lại có việc gì không?" Sư đáp: "Trăng sáng ba đảo lắng, tiều phu ca khúc nhạc thái bình". Lại hỏi: "Thế nào là người tử trước lại?" Sư đáp: "Da khô cốt gầy". Lại hỏi: "Hàng căn cơ trung hạ làm sao hiểu xong?" Sư đáp: "Nằm ngược ngủ ngang". Lại nói: "Phật xưa Phật nay lại không lý khác". Sư bảo: "Lại mộng thấy gì?" và Sư mới bảo: "Nói các người biết, sơn Tăng biết - hết - Nơi sơn Tăng biết, các người chẳng biết. Ngày nay chẳng khỏi bố thí cho các người". Ngưng giây lát sư bảo: "Trên đầu là trời, dưới chân là đất. Tham".

10. Thiền sư Biện Lương ở Linh diệu.

Thiền sư Biện Lương - Phật tử ở Linh diệu tại Cù châu, vốn người dòng họ Ngô ở Nhiêu châu. Hiếu Triệu Công bảo Sư khai giảng pháp ở Phước quả tại Việt châu, ở Siêu hóa, Hải hội và Linh diệu tại Cù châu; cả thảy bốn chùa. Có vị Tăng hỏi: "Ba biến rừng thiền, bốn hồi ra đời, ngay trên phần Hoà thượng thành được biên sự gì?" Sư đáp: "Miệng bình bát hướng lên trời". Lại nói: "Ba mươi năm lại Quan lệ tử, mà nay lưu lại truyện Ngũ hồ". Sư bảo: "Cái nào là Quan lệ tử của Nạp Tăng?" Lại nói: "Một lời vượt ảnh tượng, chẳng rơi phong hóa của người xưa". Sư bảo: "Tiếc giữ lấy lông mày". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng biết thời phần ngắn dài, không biết nhật nguyệt lớn nhỏ, đầu tro mặt đất, tạm cùng gì qua sơn Tăng mỗi lúc một trường cười đủ, tuy là như vậy, nhân gió tung bụi, gá nước chấm hoa, có cái dây leo bày trải chó các người cùng mở nhón xem". Bỗng nhiên Sư nắm lấy cây gậy đánh vào Đài hương, và tiếp bảo: "Tham đường đi".

11. Thiền sư Sùng Tín ở Trường lô.

Thiền sư Sùng Tín - Tịnh Chiếu ở Trường lô tại Chân châu, vốn

người danh hiệu Cao ở Lô châu. Năm mười ba tuổi, Sư đến nương tựa Sa-môn Dụng Thành ở Thừa thiên tại Bản châu mà tôn xưng làm thầy. Năm hai mươi tuổi, Sư thọ giới Cụ túc, đến phương Nam, nơi pháp tịch của Thiền sư Viên chiếu - Tông Bản đang ở Tịnh từ tại Hàng châu gieo cơ mà được ấn chứng. Xong, mới đầu Sư đến ở Tư Thánh tại Tú châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Nhà nhà trước cửa thông Trường an". Lại hỏi: "Thế nào là người trong Đạo?" Sư bảo: "Thượng tọa từ đâu lại?" Lại hỏi: "Chớ chỉ cái ấy bèn là không?" Sư đáp: "Hồ Tăng mắt biết cười gật đầu". Lại hỏi: "Rốt cùng như thế nào?" Sư đáp: "Lễ bái xong rồi lui ra". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lạnh mát đồng rộng, cảnh vật tiêu điều, móc giọt cành khô, khói lồng hang ra. Trời cao cùng mắt bày muôn tượng mà rõ rành, sương trăng tỏ sáng, ngời muôn sông mà hiện khắp. Cử xướng như vậy cạnh Phật Tổ, buông qua một nước, riêng có quy". Xong Sư hét một tiếng.

12. Thiền sư Thủ Tông ở Thụy quang.

Thiền sư Thủ Tông - Chân Giác ở Thụy quang tại Tô châu, vốn người dòng họ Cố ở Bản châu. Sư đến nương tựa Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản mà xuống tóc xuất gia. Lại tham khấu Tông thừa mới được ấn chứng. Xong, Sư bèn ra đời, xiển dương giáo hóa. Có vị Tăng hỏi: "Tư duy như vậy, chư Phật mười phương hiện, nay tư duy đã xong, Phật ở nơi nào?" Sư bảo: "Một câu đáng phong khởi từ đâu lại". Lại hỏi: "Cái gì là đầu đầu khua nhằm Di-lặc, bước bước đạp nhằm Thích-ca?" Sư đáp: "Ở Tây vức và đây chẳng đồng". Và Sư mới bảo: "Diệu Quyết Tông phong đầu tại nói nhiều, một lời bao gồm bèn phải chóng - hết - Nạp Tăng sáng mắt chỉ tự biết, Đầu đà sắc vàng khéo phân biệt, Đông đi xuân lại, Hạ nóng bức, nếu khi gặp Hàn Sơn thập đắc truyền nói phong can chớ lắm lời".

13. Thiền sư Sơn Kha ở Thủy tây.

Thiền sư Sơn Kha ở Thủy tây tại Tuyên châu. Có vị Tăng hỏi: "Tay ta tay Phật là đồng hay là khác?" Sư đáp: "Mỗi người có phần". Lại nói: "Mặc có ngàn bau khéo, trọn không hai dạng phong". Sư bảo: "Hãy chớ làm nhận". Lại hỏi: "Vàng thật phải nhờ luyện trong lò lửa một dùi bèn thành, lúc ấy thì thế nào?" Sư bảo: "Rất kỵ nói nhầm". Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Cái thùng sơn này!" Và Sư mới bảo: "Nhớ được câu cuối cùng trên hội Linh sơn, ngày nay nêu cử tợ các người". Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Hiểu chăng? Mặc cho Ca-diếp xuất hiện ra, ngày nay cũng không nói bày. Tham". Lại có lúc Sư bảo: "Tiếng sấm chấn động xa, giăng trải mây từ, Cam lồ mới mở khắp trời sắc

xuân, liễu mở mắt biếc, hoa nhã đáng xinh, chim hót rừng sâu, cá bơi mặt nước, lại nói lầm gặp Đạt-ma, rất tợ xẻ thịt làm thành vết sẹo. Nếu nói pháp vốn như vậy, chánh là thiên nhiên ngoại đạo, nói năng gì, bên cạnh như không người, còn Nạp Tăng sáng mắt một điểm chấm gom".

14. Thiền sư Tuệ Chương ở Khải hà.

Thiền sư Tuệ Chương - Sùng Phạm ở núi Khải hà tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Ông hỏi ta". Lại hỏi: "Thế nào là pháp?" Sư đáp: "Quyển vàng trục đó". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Áo vuông cổ tròn". Lại hỏi: "Thế nào là việc hướng thượng?" Sư bảo: "Hãy đợi lúc khác". Lại nói: "Tức nay tiện xin". Sư bảo: "Sai nhầm quá vậy".

15. Thiền sư Hiểu Thông ở Thạch Phật.

Thiền sư Hiểu Thông - Mật Ấn ở Thạch Phật tại Việt châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Thạch Phật?" Sư đáp: "Đầu đội trời, chân đạp đất". Lại hỏi: "Hướng thượng lại có việc gì không?" Sư đáp: "Mặc trải sương cùng tuyết chẳng đổi dung mạo thời xưa cũ". Và Sư mới bảo: "Chí Đạo xung hư muôn vật nào Tể, chân không tuyệt vết, pháp giới như như. Nếu hay đối cảnh vô tâm, giáp mắt không gì chẳng là đạo". Ngừng giây lát, Sư lại tiếp bảo: "Ngày đêm buông tỏa ánh sáng soi chiếu có không, người si kêu làm Ba-la-mật. Tham".

16. Thiền sư Thiện Thông ở Nam minh.

Thiền sư Thiện Thông - Nhân Thọ ở Nam minh tại Xử châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Nam minh?" Sư đáp: "Suối bay một giải tuyết, núi bày nửatrời mây". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Xếp tre nhìn hạc múa, ngồi đá thấy mây về". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Lên núi trăng ngàn dặm, qua biển gió một buồm". Lại hỏi: "Chưa xét rõ ý chí ấy như thế nào?" Sư đáp: "Lời trước có đường, câu sau không riêng". Lại hỏi: "Lúc rồng chưa ra khỏi động thì như thế nào?" Sư đáp: "Phật nhãn nhìn không thấy". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi động rồi thì như thế nào?" Sư đáp: "Dấy mây phun móc".

17. Thiền sư Văn Nghĩa ở Tây hồ.

Thiền sư Văn Nghĩa - Diệu Tuệ ở Tây hồ tại Hàn châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tùy cơ bày giáo, xiển dương Tông phong, cắt dứt các dòng, chẳng lưu lại điểm vết. Vào khuôn vức Nhất thừa, giẫm ải huyền hướng thượng, cửa phương tiện mở, rõ ràng nhìn lấy". Xong, Sư hét một tiếng, lại bảo: "Hiểu chăng? Đã bị nóng bức lừa dối rồi vậy, nay sớm dậy, lại không pháp đáng nói, xuống giường mang giày, đến

sau giá rửa mặt. Trong nhà bày bát ăn cháo, sau khi ăn cháo lại ngủ, tương tợ có gì quá? Tuy là như vậy, lại có một ban khiến ta cười, Kim cang ngã nơi đất một đống bùn sình". Xong, Sư vỗ xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

18. Thiền sư Cảo ở Thiều sơn.

Thiền sư Cảo ở Thiều sơn tại Tây kinh. Có vị Tăng hỏi: "Ý Tổ từ Tây vực lại, chưa xét rõ trao truyền cái gì?" Sư nắm cây gậy dậy. Vị Tăng ấy lại tiếp hỏi: "Thế nào là ngoài tâm có pháp?" Sư bảo: "Trong tâm ngoài tâm tạm đặt, con người gọi gì làm pháp?" Lại nói: "Lang lật Thiên thai". Sư bảo: "Cũng là vầng trăng thứ hai". Và Sư mới bảo: "Tháng bảy đầu thu còn nóng, thời tiết xưa đi nay lại. Nếu tại Phật pháp mà thương lượng thì chánh là khéo múa thành vụng. Nếu làm vô Sư nói hiểu thì lại nào khác gì với ngoại đạo? Ngay nhiều tất cả chẳng như vậy. Dám bảo là Lão huynh chưa thấu triệt. Như Lai nói, Tổ sư phán quyết, không lỗ dùi sắt nặng dưới ngạch cửa, tự tâm địa mỗi người rối loạn như gai, tức nắm đầu ngón tay gọi đó là vầng trăng, chớ nghĩ lường thôi giải thoát, ngàn năm cốt khô thôi gặm nhấm, theo kia thỏ chạy cùng quạ bay, đối lại ăn cơm, mệt lại nghỉ".

19. Thiền sư Duy Nhạc ở Tịnh nhân.

Thiền sư Duy Nhạc - Phật Nhật ở Tịnh nhân tại Đông kinh, vốn người dòng họ Trần ở Trường khê tại Phước châu. Năm bảy tuổi, Sư đến nơi Thượng Nhân Triệt ở viện Tây Lâm mà cầu xin xuất gia, rồi phòng tầm khắp các Thiện tri thức, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Viên Chiếu Tông Bản. Nhân đứng hầu lần lượt nghe cử xương nhân duyên kiếp lửa thiêu đốt, mà bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ. Sư bèn theo hầu qua thời gian lâu. Đến khi ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Thừa thiên tại Thường châu, tiếp đổi dời đến Hoa Nghiêm tại đông kinh, rồi lại chuyển dời đến ở Tịnh nhân.

Ngày khai mở giảng đường thuyết pháp, vua Triết Tông (Triệu Húc 1086-1101) thời Bắc Tống sai Trung sứ ban tặng hương, Sư lên giảng tòa, sau khi hỏi đáp đã xong, Sư mới bảo: "Pháp môn này chẳng tại nôm lưới, đâu liên can đến hỏi đáp. Ngay nhiều như các cõi nước khắp mười phương đều nghiền nát làm bụi trần, mỗi mỗi mảy trần đều là Nạp Tăng, mỗi mỗi như Mãn Từ, Thu Tử cùng trời huyền biện, hết đời then chốt đến trong đó một điểm dùng chẳng nhằm. Cớ sao? Chúng sinh và Phật đều viên dung, tự hay bình đẳng, lỗ mũi mỗi người đều xa trời, mỗi mỗi vách tường dựng đứng cao ngàn nhận, bởi không biết chân theo vọng chuyển pháp theo duyên đổi dời, tự mê mờ Linh Quang,

uổng lao vào dị thú. Do đó, phá hữu pháp vương vận vô duyên từ, cưỡi thuyền Tam thừa, dất mái chèo vượt qua năm dòng họ, sóng cả vụt luyến tiếc, đầm lắng bóng trăng, tiếng chuông đêm yên, nên khiến trâu ở Hoài châu ăn lúa, gạo ở Lô lăng lên giá. Lại chẳng khỏi khó nhọc Sơ tổ Đạt-ma tạm lưu khí lại ở Chi-na, hoa ấu ngoài giáo chẳng lau chùi gương gạch, châu ly trong áo, chẳng tính các vật trân quý khác, chưa treo buồm xưa thấy thành công án. Do đó, tỏ ngộ lấy không ngộ đến cùng mặt mắt, mê là chẳng mê đến cùng hướng quan, ba thời không riêng tư, mười phương đồng thỏa sướng, đất ruộng tự mỗi nhà, cây khô đâm cành, lò hương miếu xưa tro lạnh lại phát cháy, không gì chẳng gồm hết thảy ngữ ngôn văn tự, của cải vốn liếng thật tướng chẳng cùng trái ngược. Nếu vậy thì dưới cây không ảnh đồng thuyền ngư ông cổ vũ, bên trong có vàng ròng đầy một đất nước, Lão già miền quê ngâm ca đồng vui thăng bình đồng bước đến thọ vức, tự nhiên là trời cao đất dày biển lắng sông yên. Hãy nói một câu cùng vui Thăng bình làm sao sống? Nói". Ngừng giây lát, Sư bảo: "La phù đánh trống, Thiều châu múa vũ". Lại ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Trân trọng!"

Đến năm Kiến Trung Tỉnh Quốc thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Hoàng thái hậu qua đời, Sư cùng sáu vị Trưởng lão Thiền sư khác đồng có được chiếu chỉ thỉnh mời đến điện Văn Đức. Lên tòa, Sư bưng lò hương mà nói: "Đất của khắp nước nhà không đâu chẳng là đất vua. Hãy nói một biện hương đây sản sinh đất quê nào? Nếu nói được thì đá trắng sẽ có ngày tiêu, khói xông trọn năm không ngớt, khắp hư không, cùng pháp giới là mây là lọng ứng hiện chẳng cùng, tên dâng vân du cảnh tiên thẳng sinh về cõi nước Phật, mới trải bày tòa". (Phần hỏi đáp ở đây không ghi lục). Và Sư mới bảo: "Người nói pháp đầu tiên chẳng biết câu cuối cùng, người nói pháp sau cùng chẳng biết câu đầu tiên. Câu đầu tiên vừa lại Thiền sư Tuệ Lâm đã vì các người nói rồi. Nói thì nói xong rồi. Còn câu cuối cùng tạm nói như thế nào? Nếu ước về ba thừa, mười hai phần giáo, một lời Thiên viên, Đốn tiệm, mãn phần, bán phần chẳng khỏi chấp đầu ngón tay là vầng trăng, vào biển tỉnh đếm cát. Ngay tợ như bóng trăng đầm lắng, tiếng chuông cuối đêm theo đánh gõ mà phát tiếng, đuổi gợn sóng mà chẳng tan, còn là việc đầu bờ sinh tử. Nên Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma quán tượng thần châu có khí phách Đại thừa, do đó nỗi bát muôn khoảnh sóng, trèo vượt vạn lớp núi, đầu tiên đến đất Nam lương. Vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) đem việc nhân quả là pháp hữu vi mà thưa hỏi, Tổ sư lại đem Thánh đế Đệ nhất nghĩa để giải đáp. Do đó, nhà vua không khế hội, Tổ sư bèn đến

Thiếu lâm Tung sơn, suốt chín năm ngồi xoay mặt vách đá, chẳng lập văn tự, chóng vượt ngoài Tam thừa, chỉ ngay tâm người thấy tánh thành Phật. Bấy giờ, Nhị tổ Thần Quang đứng giữa mây tuyết, chặt cánh tay, thấu đạt cốt tủy minh tâm, một hoa năm cánh kết quả tự thành, sáu đời truyền y, người sau đắc đạo. Từ đó, tại Trung hoa mới tin có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm, hàng trung hạ theo căn cơ mê ngộ cùng phần nửa. Tin biết việc này, nếu chẳng phải hàng đại căn đại khí thì không thể lãnh hội. Tại sao? Thấy nghe hiểu biết là pháp. Pháp lìa thấy nghe hiểu biết, bèn mới nhóm lửa ngay núi Kỳ thiết tại đường, tự nhiên trước núi Thiếu thất vách tường dựng đứng cao ngàn nhận, trên đường Tào Khê nước rỉ chẳng thông. Ngay trong khoảng ấy tông phong Tổ ấn không gì chẳng lấn vượt, giềng mối suy đồi cũng dần đổ ngã nơi đất. Tuy là như vậy, nhưng pháp không tướng cố định, Đạo nương thời mà tỏa sáng, dựng pháp tràng lớn, diễn bày nghĩa pháp lớn, dấy khởi một đại sự nhân duyên này, làm lợi lạc hữu tình chẳng tại thời gian khác, phải lúc ngàn Đức Phật trước sau cùng biết đó. Ngày nay may gặp bậc Đại Thánh nhân xuất hiện nói đời, rộng vì lưu bố mở thoáng khắp cùng sa giới, thật là ngàn năm chỉ một lần gặp, đến như Nghiêu, Thuấn, Võ, Thang khoanh tay rủ áo, không làm gì mà tự cảm hóa, không làm gì mà không gì chẳng thành đạt, như mới mở cửa phương tiện, chỉ bày tướng chân thật, mười phương mừng gặp, bốn tụ đồng tiếp nạp. Mở thoáng gia phong của Phật xưa cổ, phát huy Đại bản của hàm sinh, chưa thể cùng ngày nay đồng thời mà nói. Cớ sao vậy? Thích Đề Hoàn Nhơn cùng Thiện hiện phát minh Bát-nhã chỉ là chân không. Vua Ba-tư-nặc vì Khánh Hỷ đặc biệt chỉ chẳng đổi dời còn tại Tục đế, chỉ một hướng thượng riêng truyền ngoài giáo điển đây rõ bày ngay nay, há chẳng là duyên hiếm có ứng tại Chấn Đán (Trung Hoa) ư? Nhưng, khe núi mỗi tự khác, mây trăng là đồng, đồng cùng ứng, đồng khí cùng cầu, mới biết việc nay không xưa chẳng nay, không đây chẳng kia, cao mà không gì trên, rộng mà không gì cùng, sân mà chẳng gì dưới, thẩm mà chẳng thể lường, một đầu mảy lông nuốt cả biển lớn, một hạt cải nhận nạp núi Tu-di, ở trời đồng với trời, ở người đồng với người. Tại trời thì làm mặt nhật mặt nguyệt vì soi vì chiếu. Tại người thì làm vua làm tôi làm trung làm hiếu. Lấy đó mà suy, thì trăm ức mặt nhật mặt nguyệt, trăm ức núi Tu-di, trăm ức bốn biển lớn, can thân khí giới, tình lẫn vô tình đồng một thể tánh, không gì chẳng là người nhân thấy đó gọi đó là nhân, người trí thấy đó gọi đó là trí, mọi người sử dụng thường ngày mà chẳng biết. Nếu hay hiểu được muôn vật ở nơi chính mình, đó chỉ

là Thánh nhân. Do đó, mỗi mỗi đèn tương tục chiếu sáng, mỗi mỗi đời cùng tiếp thừa, trăm ngàn đời trăng điểm tuệ đăng tỏa sáng dung thông ba cõi, mười vạn dặm ánh sao bày Tổ cán che râm mát bốn loài. Vậy đủ biết xe chánh pháp lại chuyển vận ở Chi-na (Trung Hoa), Đế nhật lại tỏa ngời nơi Chấn Đán. Trước sau, pháp không đại tiểu, vật chẳng vừa chớ, đều trùm bởi ánh sáng ấy, đều đượm bởi ân trạch đó. Cho đến cỏ cây chim cá không nơi xa nào chẳng kịp. Chỉ như vua nước Xá-vệ muôn đến Linh sơn diện kiến Đức Phật sắc ban các Quan liêu, núi sông đất liền, cây cỏ Tùng lâm thảy đều phải đồng đi thấy. Nếu một cây một cỏ chẳng đi, tôi thì không được thấy Phật. Đại chúng ngày nay chỉ trong đất trời, tất cả núi sông đất liền cây cỏ Tùng lâm trong khoảng vũ trụ, đi cũng chẳng đi, lại cũng chẳng lại, lặng lặng không riêng, cao vời chẳng động, là văn là võ là Thiền là Luật, đồng tại chín lớp trên trời điện Từ Đức đồng thời thấy Phật. Các nhân giả! Thấy thì chẳng không, vả lại, làm sao sống thấy?" Ngừng giây lát, Sư tiếp bảo: "Tròng ngươi nhật nguyệt sáng không cùng, núi sông Long Chuẩn đẹp có thừa". Vua (Hy Tông - Triệu Cát 1101-1126) rất vui đẹp tâm tình, phong tặng Sư hiệu là Phật nhật Thiền sư.

Mới đầu, vua Thần Tông (Triệu Húc 1068-1086) mở mang chùa Đại tướng quốc làm Lục thiền, Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản thủ ứng chiếu chỉ, đến thời Sư lại, tòng lâm càng thêm tỏa sáng vậy.

20. Thiền sư Khả Tề ở Thiên đồng.

Thiền sư Khả Tề ở Thiên đồng tại Minh châu, vốn người dòng họ Ứng ở Đài châu. Mới đầu, Sư nương tựa Sa-môn Đạo Tài ở chùa Quốc tại Thiên thai mà xuất gia thọ giới Cụ túc. Xong, vân du đến các giảng tịch, sau cùng đến nơi pháp tịch của Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản đang ở Tuệ Quang mà được khai ngộ. Đại chúng thỉnh mời Sư đến ở núi An lạc, về sau, Sư chuyển dời đến ở Thiền đồng. Có vị Tăng hỏi: "Bảo hoa vương tòa, ngày nay Sư lên, ý Tổ sư từ Tây vức lại chỉ dạy như thế nào?" Sư đáp: "Hoa nở bờ hang ngăn cảnh đẹp". Lại hỏi: "Tiện là nơi Hòa thượng vì người không?" Sư đáp: "Nước giọt trước rèm một dạng trong". Lại nói: "Không sinh chẳng hiểu ngồi trước hang, rước được hoa trời động đất lại". Sư bảo: "Cười phá miệng người khác?" Lại nói: "Đến sau lúc mây tan chẳng thấy riêng núi cao". Sư bảo: "Hồng, hồng". Lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đạp chẳng nhằm". Lại hỏi: "Sau khi đạp nhằm thì thế nào?" Sư đáp: "Bảy xuyên tám huyệt". Và Sư mới bảo: "Một hỏi, một đáp, tùy cơ bày biện, phóng đoạt đến thời, phóng đó thì câu câu gom hoa nhóm gấm, chốn chốn là Đạo tràng của

Đức Thích-ca, đoạt đó thì một pháp chẳng lưu lại, ngàn Thánh đều dứt vết. Tuy là như vậy, nhưng phải biết có một lỗ hổng hướng thượng. Có hiểu chăng?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Chớ cho là xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua trước núi một cành nở”.

21. Thiền sư Phổ Cần ở Vạn thọ.

Thiền sư Phổ Cần ở Vạn thọ tại Tô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngoài vật không kham già bèn nghỉ, càn thành mộng chất vài đau đáu. Thế nào là việc huyễn lại cùng bức bách, tức khiến thân nhàn chẳng tự do. Nhưng mà kẻ sĩ xuất gia lấy việc lợi vật làm đầu, bẩm nhận Hồng quy của Tiên Tổ, tiếp nối đuốc tuệ từ ngàn xưa, Nhất tâm Diệu pháp gọi là Tổng trì môn. Người chứng đắc đó thì chẳng lập thềm cấp chóng ngang bằng các Thánh, kẻ mất đó thì trải qua kiếp như bụi trần chẳng lại tự nhọc hình. Hoặc đắc hoặc mất cả hai đều quên. Thánh phàm tính hết, thì chánh ngay lúc nào chẳng là tâm chẳng là Phật chẳng là vật. Dám hỏi cùng các Thiền đức rốt cùng là gì? Nếu hướng đến trong đó thích thản rõ ràng, bèn có thể riêng bước phương lớn, ngang thân giữa ba cõi, nắm kiếm báu Kim cang phá quân ma sinh tử”. Ngừng giây lát, Sư bảo: “Tâu đi”.

22. Thiền sư Diên Vịnh ở Hương sơn.

Thiền sư Diên Vịnh - Chánh giác ở Hương sơn tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: “Với đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại tức chẳng hỏi. Còn gia phong của Hòa thượng, việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Mắt sâu lỗ mũi lớn”. Lại hỏi: “Người học tiện lúc nào giẫm bước thì thế nào?” Sư đáp: “Cánh tay dài, tay áo ngắn”. Và sư mới bảo: “Tâm tùy cảnh hiện, cảnh theo tâm sinh, tâm cảnh cả hai đều quên là cái gì?” Sư bèn nắm cây gậy dậy và tiếp bảo: “Cái này từ xứ nào được lại? Nếu nói là cây gậy mùa lòa tức mắt các ông, còn nói chẳng là cây gậy mùa lòa thì tại xứ nào, là cùng chẳng là một lúc nắm lấy, hãy cưỡi cây gậy ra Tam môn đi”.

23. Thiền sư Thủ Trác ở Tuyết đậu.

Thiền sư Thủ Trác - Pháp Tạng ở Tuyết đậu tại Minh châu. Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Tốt lành thay đại chúng! Đức Phật Long Chủng Thượng Tôn Vương vì các người mà hiện bày thế giới sắc bạc. Rừng vàng nhà ngọc ngôi ngôi đang xem ánh sáng, điện báu thành bạc ánh ngời cùng tỏa. Lại sắc tức là không, không tức là sắc. Sắc không không sắc thôi nghĩ bàn, không sắc sắc không thành trí tuệ. Tai nghe mắt thấy khắp hà sa, tất cả đều là chân thật địa, chẳng được đã hướng các người nói sinh là khổ, thọ là nghiệp, diệt có thể chứng đạo có

thể tu. Dùng Tứ Đế, Thập nhị nhân duyên, biết khổ tập, chứng diệt tu đạo". Sư lại bảo: "Có sinh có thể biết, có nghiệp có thể , có diệt có thể chứng, có đạo có thể tu đều là phỉ báng Phật. Phỉ báng Phật tức là đồng với Ma thuyết. Chánh ngay lúc nào, hãy nói làm sao sống hiểu? Tuyết đậu đây chẳng khỏi cho các người nói phá, ngàn ngọn núi chứa tuyết lạnh, muôn đường tuyệt dấu vết người, áo nạp rách nát ôm chiếc bè khô, là nói nói thế nào?" Xong, Sư hét một tiếng lại bảo: "Dương Hồi mấy lấn đến Tân đông, áo rách lò lạnh cũng chẳng cùng. Chim trắng lắng vút ảnh ngoài trời, hồng nhan lén qua gió bên tai. Phải quấy chưa dấy danh ở đâu. Ngã vật đều quên cảnh tự không. Nhớ được lời trên núi Vân nham, chớ bảo cô phụ chủ nhân ông". Xong Sư hét một tiếng. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là chủ trong khách?" Sư đáp: "Tiến tới trước không đường đi". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư đáp: "Thụt lui sau không chỗ dung thân". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Đối mặt là người nào?" Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Có lý không khổ nói". Lại hỏi: "Khách chủ đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ngả mặt tham nhìn chim, xoay đầu nhầm ứng người".

24. Thiền sư Thường Lợi tại Báo bản.

Thiền sư Thường Lợi tại Báo bản ở Hồ châu. Có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là tướng Đại nhân?" Sư đáp: "Mang lông đội sừng". Lại hỏi: "Người học không hiểu?" Sư đáp: "Dung mạo sắc vàng tía". Lại hỏi: "Thế nào được làm Phật pháp?" Sư đáp: "Trong phiền não để cửa được lấy". Lại hỏi: "Thế nào là được lìa phiền não?" Sư đáp: "Đối mặt Bồ-đề". Lại hỏi: "Thế nào là Phật hữu tướng?" Sư đáp: "Thể tuyệt mảy may". Lại hỏi: "Rốt cùng là có hay không?" Sư đáp: "Thường nhớ ngay năm tìm khách biển, một tiếng Khương tiêu quá Sơn tây". Lại nói: "Hòa thượng chẳng gần Đạo lý". Sư bảo: "Từ trước lại chỉ cho gì?" Lại hỏi: "Gương xưa lúc chưa lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Chiếu". Lại hỏi: "Sau khi đã lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Đen tối". Lại hỏi: "Đà là sau khi đã lau chùi vì sao lại đen tối?" Sư đáp: "Vì ông cần lau chùi". Lại hỏi: "Thế nào là vô vi?" Sư đáp: "Có làm". Lại hỏi: "Thế nào là có làm?" Sư đáp: "Vô vi". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị. Sư bảo: "Trong thùng sơn ấy chẳng là vô vi". Và Sư mới bảo: "Hôm nay ngày rằm, đánh cái bánh Hồ cúng dường đại chúng". Xong, sư nắm cây gậy họa vẽ vòng tròn và tiếp bảo: "Có biết cái bánh Hồ này chăng? Chẳng chỉ cúng dường một người, mà cả ngàn muôn ức người chỉ là một cái nhỏ ăn no ngon lành chẳng được cắn phá. Tuy là như vậy

nhưng rất kỵ bột sống. Tham”. Lại có lúc Sư bảo: “Đại chúng, có một người không hình không tướng không học không danh, chẳng động tình người mà hay vì biến hóa, bao gồm muôn tượng, suốt nhiếp đại thiên, cắt dứt nguồn sinh tử, ngồi nơi bờ Niết-bàn. Hoặc các vị Bồ-tát cho đến hàng phi nhân hiện nay ngồi tại Tỳ-lô, thẳng đến Nhất sinh bổ xứ lại có biết người này chăng? Nếu biết được đó cùng làm khuôn phép lớn, nếu chẳng biết đó thường làm oán đối, khoái biết lấy tốt lành”.

25. Thiền sư Đạo Phương ở Tư phước.

Thiền sư Đạo Phương ở Tư phước tại Mục châu. Có vị Tăng hỏi: “Với Đức Sơn Lâm Tế thì dùng gậy và tiếng quát hét để tiếp người, còn Hòa thượng ra đời lấy gì để chỉ dạy?” Sư đáp: “Sơn Tăng không có ghi lục”. Lại hỏi: “Hòa thượng há không có phương tiện?” Sư đáp: “Đại chúng cười ông”. Có vị Tăng bước ra lễ bái rồi đứng dậy thưa: “Xin Hòa thượng đáp câu thoại”, Sư bảo: “Sai lầm quá rồi vậy”. Lại hỏi: “Nơi nào là sai lầm quá?” Sư đáp: “Năm dặm lại năm dặm”. Và Sư mới bảo: “Gió thu trong lành, nước thu xanh biếc, sương trắng đứng cát lạnh, ve thu kêu hang sâu. Gió vàng thổi tầng trắng, móc ngọc đượm cúc vàng, nước chảy tấu đàn Bá Nha, mát thổi động tre Tử Du. Nghe cũng nghe chẳng cùng, quán xét thì quán xét chẳng đủ. Hãy nói làm sao sống hiểu cái nghĩa Phật tánh?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Giải không chẳng hiểu lìa sắc, thích nghe vượn lẽ lui trên non”.

26. Thiền sư Trứ ở Cửu tông.

Thiền sư Trứ - Viên minh ở núi Cửu tông tại An châu. Có vị Tăng hỏi: “Trong Đại tạng giáo điển lại có việc kỳ đặc hay không?” Sư đáp: “Có”. Lại hỏi: “Thế nào là phải?” Sư đáp: “Xoay trục sáng ngàn cõi, mở tráp muôn nước xinh”. Lại hỏi: “Tác gia chẳng nếm mổ, nếm mổ chẳng tác gia, người học từ trước lại xin Sư tác gia cùng thấy”. Sư bảo: “Trong tay áo rắn xanh gầm”. Lại hỏi: “Người học chẳng hiểu?” Sư đáp: “Sau đầu mão lạnh sáng sang”. Lại nói: “Sai nhầm”. Sư bảo: “Biết rất đau nhói”. Và Sư mới bảo: “Khói ngưng mưa bò lá vàng vụt bay giữa không, yến đi nhạn lại thời tiết xưa nay. Nói sinh nơi diệt chùa là đám nói khuôn phép cùng cực, để lại có bài không há là nói ngoài quy cách, Hoàng Mai nửa đêm, Thiếu Thất chín năm, thẳng bày có thật lại không lý khác. Do đó nói cắt ngay cội nguồn Phật ấn chứng, nhặt lá tìm cành ta chẳng hay. Dám hỏi cùng các người làm sao sống hiểu cái đạo lý bày ngau có thật ấy?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Tham”.

27. Thiền sư Pháp Trú ở Hương sơn.

Thiền sư Pháp Trú - Từ Thọ ở Hương sơn, Tuệ lâm tại Đông kinh,

vốn người dòng họ Từ ở Hàng châu. Sư xuất gia, thọ giới Cụ túc, nghe giảng tập học kinh luận. Sau, Sư đến nơi Pháp tịch của Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản đang ở tại Thụy quang gieo cơ mà được khai ngộ. Ra hoằng hóa, mới đầu, Sư ở Thiên bát tại Bắc kinh, tiếp chuyển dời đến ở Hương sơn. Sau cùng, có chiếu chỉ mời đến ở Tuệ lâm đại Đông kinh. Có vị Tăng hỏi: "Nước hang Sơn nham hết là gia phong ngày xưa, cây gậy bình sạch nhóm lên là kế sống mới lại. Điện xưa lại mở, xin được nghe nêu cử cốt yếu". Sư đáp: "Gióng trống pháp lớn, diễn bày pháp lớn". Lại hỏi: "Thế nào là "Cửa Di-lặc mở cửa tâm hiểu". Núi Đức vân vút đạo giấu gì?" Sư bảo: "Ông hướng đến xứ nào thấy Di-lặc?" Lại nói: "Mây tan trời cao muôn sao hiện, trăng tỏ muôn nơi vật khó ẩn". Sư bảo: "Thôi cần uổng phí sức". Và Sư mới trông nhìn đại chúng, tiếp bảo: Tại Hoàng Đô rừng thiền bén lợi, Đạo tràng Tuệ Lâm ngày nay tạm nhờ sơn Tăng giẫm leo lên, thật thẹn không tài năng đối trước người đủ mắt sáng nêu dẫn giềng mối Phật tổ sáng lòa thấy nghe. Ngay nhiều nói được trời mưa bốn thứ hoa, đất lay sáu thứ chấn động, một điểm dùng chẳng nhầm. Bởi vì mỗi mỗi oai quang động đất, người người chẳng khiếm khuyết mảy may. Tuy là như vậy, nhưng lại có một lỗ hướng thượng, chư Phật trong ba đời chẳng thể tuyên bày, sáu đời Tổ sư nhóm nâng chẳng dậy. Hạy nói là vật gì được kỳ quái gì? Có nêu cử được gì?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Đường Tào Khê bằng phẳng, chớ cương mọc gai góc". Xong, Sư ngưng đứng giây lâu.

28. Thiền sư Tải Nghi ở Lang sơn.

Thiền sư Tải Nghi - Pháp Ấn ở Lang sơn tại Thông châu. Có vị Tăng hỏi: "Nơi mây lành mọc hiện ngàn núi cao xinh đẹp, lúc lông cánh vẫy cách lửa nóng chín tuần, chánh ngay lúc nào thế nào là một cầu đến địa cầu?" Sư đáp: "Một trần mưa đượm nhuần khắp cả". Lại hỏi: "Chưa xét rõ giẫm đạp như thế nào?" Sư đáp: "Bắn hổ phải đáng cơ". Lại nói: "Khoái bèn khó gặp". Sư bảo: "Cần ăn gậy ư?" Lại hỏi: "Biết Sư từ lâu cất giấu vật báu trong đãy, nay Pháp tịch đây lược mượn xem?" Sư bảo: "Chớ là chủ thuyền Nam phiên thật?" Lại nói: "Chẳng riêng người học có đội nhờ, mà cả đại chúng cũng được đượm ân". Sư bảo: "Từ trước lại chỉ là Đổ Ba Tư". Và Sư trông nhìn cả đại chúng rồi tiếp bảo: "Khéo, khéo đáng có thể gọi là u hiển rõ ràng, vật lý rỗng thông, là ẩn báu của sum-la, làm chân tông của muôn tượng, nếu động thì là hình còn lắng thì mờ tối, vốn sạch chẳng ánh ngời, pháp nhĩ viên thành. Do đó nói thế nào là vật báu vô giá ẩn tại đó nhập? Đại chúng! Ngày nay sơn Tăng dám đối trước chúng đặc đất nhón lấy ra". Và Sư

họa vẽ tướng vòng tròn rồi đánh vào đó chỉ bảo đại chúng: "Trong này đã phóng buông ngu si đi, cũng cần, mọi người soi xét tinh vi. Chớ cho rằng giá của Liên thành có thể đều ngời sáng, vòng tròn kinh thốn có thể đồng đẹp xinh ấy, giả sử khiến kim luân riêng bước, người lập công huân tạm thưởng lại. Hãy nói là vật báu gì được khác lạ gì?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Thần biển biết quý không biết giả, để lại cho nhân gian chiếu sáng đêm".

29. Thiền sư Tuân Thức ở Định tuệ.

Thiền sư Tuân Thức - Viên Nghĩa ở Định tuệ tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Nam Tuyền chém giết con mèo, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư bèn đánh. Vị Tăng ấy lại nói: "Còn là nơi người học nghi ngờ". Sư bảo: "Mười vạn tám ngàn". Lại hỏi: "Lúc bỗng nhiên gặp Triệu Châu thì như thế nào?" Sư đáp: "Bán vàng lại có người mua vàng". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Muôn sông ngàn núi". Lại hỏi: " "Tiện lúc cho gì đi thế nào?" Sư đáp: "Ngàn núi muôn sông". Lại nói: "Chuyên vì lưu thông" Sư bảo: "Hành nhân phương Nam miệng tợ bia và Sư mới bảo: "Núi xanh rờn rờn nước mênh mông, muôn sóng ngàn gợn tiếp Hải Đào, dẫn được ty luân sóng sánh thuyền, đầu mác cần câu cá kình với ba ba". Xong, Sư nắm lấy cây gậy tiếp bảo: "Kẻ phụ mạng lên câu lại. Tham". Sư lại bảo: "Ngủ đến nhắm mắt, cơm đến ăn, Phật Tổ từng dạy nói dễ khó. Nếu hỏi an tâm có pháp gì. Thái Hồ lấn dài núi Động đình. Nhà Nạp Tăng người người hết nói. Ta tám mặt bốn phương dọc ngang không trở ngại. Long Tế vì gì nói, cuộn rèm trừ ngay chướng, bít cửa được cản ngăn. Nếu người biện rành được, hứa cho người ấy đến ngồi ẩn dưới bình bát". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một vầng trăng mới tròn trăm sông lắng ảnh, một ánh đèn tỏa phát muôn ngọn đuốc rạng ngời, ánh trăng không tâm lưu lại ảnh, ngọn đuốc chẳng ý để lại ánh ngời. Nếu đạt được như vậy, thì có thể ở nơi ồn náo vào chốn tục trần, vận ánh sáng đại bi khắp sa giới, mở ánh mắt Phổ môn với muôn sinh đâu chỉ Đại sĩ Quán Thế Âm với ba mươi hai Diệu ứng vô phương, hãy bó buộc phàm phu mỗi mỗi đều có thể mở mắt chánh pháp. Tuy là như vậy, nhưng cũng phải kẻ tài giỏi chặt đinh cắt sắt mới được. Còn chưa được như vậy, tĩnh lắng Tát-bà-ha".

30. Thiền sư Pháp Quang ở Quảng pháp.

Thiền sư Pháp Quang ở Quảng pháp, Nam sơn tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Tuyết Phong ba lần lên Đầu Tử, chín lần đến Động Sơn vì gì trở mác mặc áo giáp?" Sư đáp: "Lý trưởng tức phải đến". Lại hỏi:

"Chưa xét rõ Tuyết Phong được cái gì?" Sư bảo: "Một gậy một lằn vết". Lại hỏi: "Tháng chạp, lửa đốt núi, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Nếu không được chảy, nước lại nên qua núi khác". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu". Sư đáp: "Xuân sang cỏ lại sinh mọc". Và Sư mới bảo: "Khách chủ hỏi đáp chưa đang hợp với Tông thừa, trong cửa kiến hóa một thời bày biện, khiến mỗi mỗi lời cùng xứng, mỗi mỗi câu gieo cơ, đối với phần trên của Nạp Tăng xa đó lại càng xa, như nay mặt nhật tỏa sáng mây tan núi cao nước sâu. Tạm làm sao sống hiểu nêu cử đạo lý. Có hiểu chăng? Sơn Tăng đây chẳng khỏi trên đất lại thêm bùn, lại vì bày cái tin tức, cao thấp núi non hiện lớp lớp, lấu các cửa mở nơi nơi thông, cần hiểu ý đích xác ở trong đó, oai quang sáng rỡ khắp không trung, trân trọng".

31. Thiền sư Vĩnh Giác ở Thụy nham.

Thiền sư Vĩnh Giác ở Thụy nham tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Từ lâu đã được yếu chỉ của Thiều Vương, trong cửa thử vì mở thông?" Sư đáp: "Tiếng trước như mũi nhọn vụt bay, câu sau như sao băng". Lại nói: "Điện chưa chợt mở ánh sáng tỏa ngời, trong cung thủy tinh tung chân châu". Sư bảo: "Chấm". Và Sư mới bảo: "Nếu căn cứ trên phần Nạp Tăng thì bốn mùa chẳng riêng khác tám tiết sao biết. Gá cao trên đỉnh núi vào ra cuộn duỗi, một mặt ruộng sâu biển biến, từ kia thỏ chạy chim bay, chăn vải ấm nằm mới biết xuân, lá vàng bay thềm úa sắc thu, cảnh giới như thế mới xứng Đạo Hoài, nếu căn cứ đàm luận thuận theo thế tục, phải là cái tin tức ấy". Sư mới ngoảy nhìn đại chúng và tiếp bảo: "Hãy nói nay đây là thời tiết gì? Có biết chăng? Ngọc rỉ tiếng va chạm, bóng mặt nhật dần dài, khoảnh khắc trong sắc xuân, lại thấy hương trăm hoa". Xong, Sư ngưng đứng giây lâu.

32. Thiền sư Tuệ Đăng ở Thái bình.

Thiền sư Tuệ Đăng ở Thái bình tại Thư châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh thái bình?" Sư đáp: "Tháp ba cấp nhiều năm, muôn gốc tùng chưa già". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Chẳng từng một lần thiết trai". Và Sư mới bảo: "Thái bình thấy biết có trong thóc, khe bếp bún miếng đối nhà Tăng, Tam môn đối diện Phật". Xong, Sư hét một tiếng.

33. Thiền sư Thế Trường ở Pháp hải.

Thiền sư Thế Trường ở Pháp hải tại Xử châu. Có vị Tăng hỏi: "Ba thứ pháp thân hai thứ bệnh, ánh sáng làm sao thấu được?" Sư đáp: "Họa vẽ nơi đất làm ngục tù". Lại hỏi: "Hòa thượng thấu được không?" Sư đáp: "Không lường lùi thân". Lại nói: "Tự đứng dậy tự ngã xuống".

Sư đáp: "Đầu dính đất". Lại hỏi: "Thế nào là thật tướng các pháp?" Sư đáp: "Lại khắp một biến". Lại nói: "Chư Phật ba đời nhả chẳng ra, sáu đời Tổ Sư nuốt không xuống". Sư bảo: "Lời nói còn ở nơi lỗ tai". Và Sư mới bảo: "Phố chợ ồn náo, trong không tĩnh lắng. Tuy là như vậy, động tĩnh nhất như. Đây kia không hai, bốn mùa xoay chuyển, vật lý lắng trong. Hạ chẳng đi mà Đông tự lại, gió chẳng rét mà băng tự lạnh, nay vậy xưa vậy chẳng gá mảy may, ai ít ai nhiều, thân không hai dụng. Các Thiền đức! Đã là thân không hai dụng. Vì sao Long nữ hiện mười tám thứ biến hóa ông chẳng thấy. Đùa giỡn phải là người đùa giỡn". Xong, Sư chống cây gậy mà xuống khỏi tòa.

34. Thiền sư Sùng Tiên ở Mễ sơn.

Thiền sư Sùng Tiên ở Mễ sơn tại Quân châu. Có lúc lên giảng đường, Sư ngoảy nhìn cả đại chúng rồi bảo: "Núi sông đại địa bị sơn Tăng gom lại, giả tơ làm bột, nung mật làm viên, dùng nước gừng ấm dạt nuốt xuống xong vậy, nơi nào lại có một mảy may. Nếu nói là có tức là phỉ báng pháp. Các người đến trong đó hợp làm sao sống nói câu thoại hiểu?" Ngừng giây lát, Sư bảo: "Tham".

35. Thiền sư Nguyện ở Bảo hoa.

Thiền sư Nguyện - Diệu giác ở Bảo hoa tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Vòng máy chưa từng chuyển, nơi chuyển thật hay sâu tối. Thế nào là nơi chuyển thật hay tối?" Sư đáp: "Mây trắng vây bủa giữa không, hang cốc gió trong lành thổi phẩy Thái hư". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Kiếp lửa thiêu đốt mảy may hết, núi xanh như cũ trong mây trắng". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Gió sương lạnh lá rơi". Lại hỏi: "Ýchỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Gặp xuân lại liền sinh mọc". Lại hỏi: "Lúc mưa lâu không tạnh thì thế nào?" Sư đáp: "Rùa lông sắc biếc ra khỏi nước". Lại hỏi: "Sau khi mưa tạnh thì thế nào?" Sư đáp: "Lúc được rút đầu tạm rút đầu". Và Sư ngoảy nhìn cả đại chúng, tiếp bảo: "Thời gian như tên bắn thoa lao nguồn linh từ xưa lại vốn sáng sạch, sao phải đặc đất lau chùi? Như nay cần được không việc gì khác, học lấy Hắc lão Bà ở phía Đông thành. Tham".

36. Thiền sư Nguyên Hưởng ở Nhạc lâm.

Thiền sư Nguyên Hưởng ở Nhạc lâm tại Minh châu. Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Mây nương nương, mặt nhật thư thả, liễu mọc bờ sông hoa nở cành cao, ngày nay lây linh hương đến nơi nào an thân lập mạng". Bỗng nhiên Sư nắm lấy cây gậy, tiếp bảo: "Xem xem chớ mập mờ, lâu tham cao sĩ đấy mắt biết về, các hàng tới sau trong nước Tân

La”. Xong, Sư dừng giây lát.

37. Thiền sư Thiện Kha ở Trừng tuệ.

Thiền sư Thiện Kha ở Trừng tuệ tại Lô châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Trừng tuệ?” Sư đáp: “Gió trong lành ngàn dặm về ngoài đồng trống một vầng trăng tỏ trên sóng tâm”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Ngang mày lang lật, mắt nhìn trời xanh”. Lại hỏi: “Thế nào là việc hướng thượng?” Sư bảo: “Dây leo được hay chưa?” Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Nếu luận bàn về việc này, cao vượt ba cõi riêng bước Đại thiên, cắt dứt dòng sinh tử, ngồi trên bờ Niết-bàn, diễn nói pháp Vô thượng, khiến mầm linh cỏ lạ nơi nơi lan tràn, loa phụng kỳ lân tiếng tiếng tương ứng. Có thể gọi là đem thâm tâm này phụng sự khắp trần sát, ấy mới gọi là báo đáp ân sâu của chư Phật. Chư vị Cao đức! Cử xướng như vậy, chưa khỏi ngăn cùng khắp, nếu là Đạo lưu vượt ngoài quy cách tạm nơi lúc khác cùng thấy gặp. Tham”.

38. Thiền sư Khánh - Ngộ Bản ở Bảo hoa.

Thiền sư Khánh - Ngộ Bản ở Bảo hoa tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: “Với lâu ở núi hang tức chẳng hỏi, còn lúc vào quán chợ duỗi tay, việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Đùa hoa hương đầy tay, xuyên trúc phấn đầy áo”. Lại hỏi: “Tiện là nơi vì người không?” Sư đáp: “Hai ánh mắt đã tùy sắc xanh, ngăn lại hai mày như đeo hoa đồng nội đẹp xinh”. Có vị Tăng ra giữa đại chúng dất tọa cụ lên. Sư bèn hét, vị Tăng ấy cũng hét, Sư lại hét, vị Tăng ấy bèn lễ bái, Sư liền đánh. Có vị Tăng hỏi: “Thôi đi nghĩ đi, lò hương miếu xưa đi, ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Có trâu tai sắt xuyên qua nửa đêm, ngựa đá không dây rảo chạy gió xuân”. Lại hỏi: “Chẳng tiện là nơi vì người hay không?” Sư đáp: “Gió đánh sóng cao cá tự ẩn, vảy vàng thấu vào trong sóng biếc”. Xong, Sư ngoáy nhìn đại chúng và tiếp bảo: “Nhìn nhìn hoa đào rơi tán loạn như mưa hồng, gió lay hoa lê hương tuyết trắng, oanh hót đàn ngọc nhuyến, liễu rủ chì vàng dài, ở gia phong Phật xưa, mỗi mỗi bày hiển dương. Nói câu thoại gì là việc tùy vật chuyển, pháp theo thời đổi thay? Nếu là bậc Thượng căn vượt ngoài khuôn phép, chẳng liên can đến văn tự bút mực, thấy ngay tự tâm, đại dụng dấy nhiều, không gì chẳng là Phật sự”. Ngừng giây lát, Sư bảo: “Tham”.

39. Thiền sư Tuệ Mân ở Tịnh độ.

Thiền sư Tuệ Mân ở Tịnh độ, Mật nham tại Nhiêu châu. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Đạo không động tĩnh, pháp vốn tùy duyên, lập xử đều chân, tùy phương làm chủ, tại đất trời thì chở che, ở nhật nguyệt

thì tỏa chiếu, tại vua tôi thì dời phong đổi tục, tại dòng họ Thích thì dấy khởi từ bi. Hãy nói phân trên của Nạp Tăng lại làm sao sống?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Muốn nói nói chẳng kịp, dưới rừng khéo thương lượng. Tham”.

40. Thiền sư Sư Miện ở Trừng tuệ.

Thiền sư Sư Miện ở Trừng tuệ ở Lô châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Trừng tuệ?” Sư đáp: “Trước gần thành kim..., sau gối bến Tàng chư”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Lợi danh hết chốn núi sông hẹp, sắc quên lại đất trời rộng”. Và Sư mới bảo: “Muôn pháp tự nhiên, sao phải tự mờ tối. Đại chúng có thấy chăng? Gió cao rét lạnh chánh nghiêm ngưng, khí lành sáng đẹp đầy sân chùa. Lệnh Tổ đã hành cao dính mắt, sáng lạnh rực rỡ bấn văn tinh”. Xong, Sư đứng giây lâu.

41. Thiền sư Năng ở Thạch sương.

Thiền sư Năng ở Thạch sương tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: “Biết Sư từ lâu đã cất chứa vật báu trong đãy, ngày nay tại trước lược xin mượn xem?” Sư đáp: “Hai tay phân thôn”. Lại nói: “Nhỏ ra lớn gặp”. Sư bảo: “Xoay tròng mắt nhìn kỹ càng”. Và Sư mới bảo: “Một ấn của Đức Thích-ca chẳng khỏi tâm, cơ thật của Tổ sư Đạt-ma há lìa đương thể. Ngay đó thấy được sướng khoái bình sinh. Nếu lại phân vân, tự chôn lấp mình. Tuy là như vậy, nhưng một câu bảy xuyên tám huyệt lại làm sao sống? Trên đường đi gặp rắn chết chớ đánh giết, vô cùng Lam Tử lớn sắp về”.

42. Thiền sư Thông ở Tiêu dao.

Thiền sư Thông ở Tiêu dao tại Quân châu, vốn người dòng họ Vương ở Diêm tuyền tại Miên châu. Thuở bé thơ, Sư đến nương tựa Thiền sư Hải Lượng ở Từ vân, kiếm môn mà cầu xin xuất gia, năm hai mươi ba nhân tụng kinh mà được độ. Xong, Sư bèn vân du các giảng tịch ở Thành đô, rồi theo hướng Nam đến tham yết khắp các vị tôn túc. Sư đến Ngô Việt, gặp Thiền sư Viên Chiếu - Tông Bản đang ở tại Tịnh từ, Sư nương tựa qua thời gian lâu mà không tỏ ngộ. Thiền sư Tông Bản bảo: “Ta trước kia mộng thấy ngươi rất kỳ lạ, nếu ngươi không cố gắng ắt sẽ chết”. Sư mờ mịt không biết thế nào, chỉ chuyên nhớ nghĩ lời nói: “Miệng nuốt chư Phật ba đời”. Của Hòa thượng Tuệ Tư ở Nam nhạc, chẳng lìa khỏi nơi tâm. Một ngày nọ vì Tăng già mà tác lễ, bỗng nhiên mà tỏ ngộ, liền lên phương trượng gặp Thiền sư Tông Bản trình bày sở đắc của mình. Thiền sư Tông Bản bảo: “Ông đã đạt vậy. Trước kia tôi mộng thấy ông nuốt một thế giới một con dao cạo tóc, nay điều ngộ của

ông thật đồng như vậy. Biết ông từ nay mời thật là xuất gia". Và liền lên tòa bảo khắp đại chúng cùng biết.

Sư chuyên cần hầu phục lâu sau rồi vân du đến Giang tây, mọi người ở Cao an rất kính mến Sư, thỉnh mời Sư ở ba chùa chân như, khai thiện và Thánh thọ. Tánh tình Sư tĩnh lắng, chẳng trái nghịch mọi vật, chỗ ở chẳng hỏi có hay không, an định nơi giới luật chẳng biết riêng khác của trì phạm. Về sau Sư lui ở Thánh thọ an cư 110 năm, mặc áo thô tệ ăn cơm gạo xấu cùng lúc ở núi một ngày không khác. Anh em Tố Thiện, Đông Pha, Tô Công, trong khoảng niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, Hoàng Môn Công khiển trách đày đến Cao an, trên đường đi cùng Sư đồng gặp. Đến trong niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, lại bị khiển trách đây đến Cao an, Sư ra thấy gặp đó, bèn bảo là: "Lão Tăng đây mộng thấy cùng ông vân du trong núi, nên biết ông sẽ trở lại. Đi và lại, ấy là duyên xưa trước không có gì lấy làm lạ". Bấy giờ mọi người của Cao an đều đến bái yết Sư mà nói là: "Có như Thiền sư Thông mà chẳng ngồi Đạo tràng ư?" Sư bảo: "Tôi chưa từng chẳng ngồi Đạo tràng. Nhưng vì Tô Công một lần đến, ngoài ra không mong cầu gì vậy".

Tại núi, xưa trước có chùa Tiêu dao, tổ Khai sơn tên là Hy, vốn là Thiếu tử của vua Túc Tông (Lý Hanh 756-763) thời Tiền Đường, xuất gia phụng thờ Quốc sư trung nhờ được ký biệt ở chùa Tiêu dao, ban cấp đất ruộng rất rộng, trải qua năm đời loạn lạc, dân chúng lấn cướp đất ruộng dần hết, về sau có Thiền sư Văn ở Chân tịnh tố cáo lên huyện, nên trong mười phần chỉ lấy lại được một hai có thể để Tăng chúng ở. Từ đó. Tăng chúng thỉnh mời Sư đến ở, Sư bèn hứa thuận. Tháng mười hai năm Ất hợi (1095) thuộc trong niên hiệu Thiệu Thánh (1094-1098) thời Bắc Tống, Sư chuẩn bị trượng sách vào núi. Về núi hoang phế đã lâu không được sửa sang nên chư Tăng chẳng đến, Sư mới sửa sang các thứ hư khuyết đổ nát để lôi keo Tăng chúng. Qua mùa hạ năm sau (1096), Sư thị tịch, đến tháng chín, nhập diệt (?), Sư hưởng thọ năm mươi lăm tuổi, dựng tháp an táng tại núi ấy.

43. Thiền sư Phổ Thông ở Đầu tử.

Thiền sư Phổ Thông ở Đầu tử tại Thư châu. Nhân ngày Trung thu, lên giảng đường, Sư bảo: "Lắng ở đỉnh núi, lá rơi về cội, trăng sáng trước nhà, gió vàng móc ngọc. Hãy nói một câu Thu sâu làm sao sống? Nói". Ngừng giây lát, Sư bảo: "Xưa đi chẳng biết đến nơi nào, cuối đêm như trước trăng vào cửa song". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Đến lúc tuổi già, đạo phong của Sư càng vang vọng càng cao xa. Các hàng Tăng

tục không ai chẳng kính ngưỡng. Lúc Sư đến ở Đầu tử thì tuổi đã ngoài tám mươi. Có vị Tăng giám tự một đêm nọ kẻ cướp giết chết, vị Tăng phó giám tự vào thưa cùng Sư. Sư bảo: "Ta đã biết người ấy vậy". Vị Tăng Phó giám tự tấu trình lên Quan, kẻ lại đến hỏi, sư cũng đáp như trước. Kẻ lại cật vấn. Sư bảo: "Giết Giám tự là Lão Tăng vậy". Kẻ lại bèn bắt Sư giam vào ngục, Sư vẫn không nói lời gì khác. Bỗng nhiên Dương Thứ Công làm Hiến án bộ đến nơi châu ấy, đêm ngủ mộng thấy Thần nhân bảo là: "Tại châu này có Bồ-tát nhục thân đang bị bó buộc oan uổng". Thứ Công bèn phỏng hỏi. Kẻ lại bèn đem sự việc của Sư mà tỏ bày, Thứ Công bèn phóng thích Sư khỏi ngục tù. Sau đó mười năm có một hành giả mắc bệnh Ca-ma-la mà tự đến cúi đầu thưa cùng Sư: "Ngày trước, kẻ giết vị Tăng Giám tư chính là tôi vậy". Hoàng Lỗ Trực Thái sứ công rát kính trọng Sư, từng hứng Hồ thiếu mang thư đến nói là: "Công, Đạo học rất đắc lực ư? Phương thức trị bệnh đáng sâu cầu thuyền duyệt, chiếu phá cội gốc sinh tử thì lo sợ dâm nộ không nơi đặt chân. Bệnh đã không cội rễ thì cành lá không thể bị hại. Hòa thượng Thông ở Đầu tử và Hòa thượng Diễn ở Hải hội đều là những bậc Tông sư xuất thế, Đạo hạnh cao trọng, chẳng thẹn với người xưa, đều có thể thân gần. Vả lại hơn hẳn kẻ sĩ theo văn chương học vọng ngôn ỷ ngữ, thêm lớn hạt giống vô minh. Hòa thượng Thông về già càng vui mừng đón tiếp các kẻ sĩ cao minh đại phu, mở lòng bàn luận bèn xuyên xỏ được lỗ mũi các nhà Nho, như đối với nghĩa lý thấu được Tông thú tức quán xét cảnh giới các sách đã xem đọc xưa trước, rỗng rang sáu thông bốn mở, rất xét về tâm lực vậy. Nhưng những kẻ sĩ có Đạo phải chí thành khẩn trắc quy hướng. Do đó, người xưa nói: "Hạng người bậc hạ chẳng tinh nên chẳng đạt chân thật ấy". Đó thật chẳng phải lời nói hư dối vậy". Sư là bậc danh công được mọi người thưởng thức như thế, tưởng có thể thấy được Đạo phong cao cả của Sư vậy. Về sau, Sư thị tịch tại núi ấy.

44. Thiền sư Xử Huy (Hư?) ở Phổ chiếu.

Thiền sư Xử Huy (Hư?) Chân Tịch ở Phổ chiếu tại Tứ châu, vốn người dòng họ Triệu ở Trừ châu, ngày khai mở giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời, từ đất sen vàng vọt hiện, còn Hòa thượng xuất hiện nơi đời có điềm tốt lành gì?" Sư đáp: "Quét sạch tuyết trước cửa".

45. Thiền sư Ninh ở Nam thiền.

Thiền sư Ninh ở Nam thiền tại Thường châu. Có vị Tăng hỏi: "Ở Lô lăng gạo lên giá, làm sao sống đáp trả?" Sư đáp: "Thành thật ra cửa

tù”.

46. Thiền sư Tuệ Ấn ở Đạo tràng.

Thiền sư Tuệ Ấn ở Đạo tràng tại An cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thiều thạch qua đầu thuyền nằm ngang nước đồng trống. Phần dương trong sóng quẩy mái chèo đánh khoi đơn, mây trăng không riêng lẻ, khe núi đâu khác lạ. Một lời hợp vết, ngàn dặm đồng phong, dám hỏi các người câu làm sao sống là đồng phong?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Con em Bát can nay ở đâu, muôn dặm núi sông thuộc nhà vua”.

47. Thiền sư Tường ở Bao thân.

Thiền sư Tường - Từ Tế ở Bao thân tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hoa mai chớm nở, mắt liễu vừa hé bày, mây tan trời rỗng gió lắng sóng yên. Biển tánh Văn Thù, cửa hạnh Phổ Hiền ngay ấy rõ ràng lại không việc gì khác”. Ngừng giây lát, Sư lại bảo: “Chớ lầm nhận”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 14
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 15

MỤC LỤC

Đời thứ mười ba, sau đời Thiền sư Đại Giám.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long, có hai mươi bốn vị.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ NAM Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Tổ Tâm ở Hoàng long.

Thiền sư Tổ Tâm - Bảo Giác ở Hối đường - Hoàng long tại Hồng châu, vốn người dòng họ Ổ ở Thỉ hưng - Nam hùng. Thuở thiếu thời, Sư là một thư sinh rất có tiếng tăm. Đến năm mười chín tuổi, mắt bị mù lòa, song thân hứa cho Sư xuất gia, bỗng nhiên liền sáng trở lại thấy được mọi vật. Sư mới sang nương tựa Sa-môn Huệ Toàn ở chùa Long sơn, qua năm sau, khảo xét kinh học, mà Sư riêng hiến dâng bài thơ bèn được xuống tóc, tiếp tục nương ở thọ học, nhưng tại viện chẳng phụng trì giới luật, một ngày nọ Sư bèn bỏ nơi đó vào Tùng lâm bái yết Thiền sư Duyệt ở Vân phong, dừng ở suốt ba năm, nếm trải mọi thứ cực nhọc, Sư bèn cái từ Thiền sư Duyệt mà ra đi. Thiền sư Duyệt bảo: "Ông hẳn đến nương tựa Nam Công (Thiền sư Tuệ Nam) ở Hoàng nghiệt". Sư bèn đến Hoàng nghiệt , lại trải qua bốn năm biết có mà cơ chẳng phát. Sư lại giả từ mà lên Vân phong, gặp lúc Thiền sư Duyệt đã viên tịch. Nhân đó, Sư dừng lại ở Thạch sương mà không chỗ dự tham phỏng quyết, Sư thử đọc xem "Truyền Đằng" đến có vị Tăng hỏi Thiền sư Đa Phước: "Thế nào là một rừng trúc Đa phước?" Đa Phước đáp: "Một cành hai cành liệu". Lại hỏi: "Chẳng hiểu". Đa Phước đáp: "Ba cánh bốn cành cong". Khi ấy bất chợt Sư thân gần thấy hai thầy. Xong, chẳng trở về Hoàng nghiệt, vừa mới trải bày tọa cụ. Thiền sư Tuệ Nam cười bảo: "Con đã vào nhà Ta vậy". Sư cũng nhảy nhót tự mừng liền ứng tiếng đáp là: "Việc lớn từ trước lại như vậy. Sao Hòa thượng dùng dạy người xem lời dưới câu thoại trăm kế sưu tầm?" Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Nếu chẳng khiến ông nghiên cứu tìm cầu đến nơi không dụng tâm tự thấy tự chịu như thế tức là ta chôn lấp ông vậy". Sư thong dong rảo bước bơi lội trên đất dưới nước trong chúng, luôn luôn đến tham quyết ngữ cú của Vân môn. Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Biết là việc bên cạnh nên thôi nghỉ, ông dùng nhiều công phu làm gì?" Sư đáp: "Chẳng như vậy. Chỉ có mảy may nghi ngờ, chẳng đạt đến vô hoc, sao có thể bảy dọc tám ngang trời xoay đất chuyển ư?" Thiền sư Tuệ Nam bèn chấp nhận đo. Thế rồi, Sư lại đến bái yết Thiền sư Chân ở Thúy nham, Thiền sư Chân cũng nói điều rất kỳ đặc. Sư lại nương tựa hai năm thì Thiền sư Chân thị tịch, Sư mới trở về lại Hoàng nghiệt. Thiền sư Tuệ Nam bèn phân tòa để sư tiếp nhận hàng hậu lai. Đến lúc Thiền sư Tuệ Nam thị tịch, Sư bèn ở tại Hoàng long. Sư đến bái yết Thiền sư Nguyệt ở Lặc đàm. Thiền sư Nguyệt dùng tinh nghĩa kinh luận mà nhập thần, nghe những bậc đồng hàng ở các phương cười đó, mới cho là: "Chính chẳng tự thôi đi vậy,

mới xuống cầm gỗ vào cốc sâu ư?" Sư bảo: "Kia lấy sở đắc của hữu đắc mà đón trước rào sau, còn ta dùng cái học của vô học chầu Tông trăm sông". Đến trung niên, vì cảm mắc chút bệnh, Sư bèn ngụ ở chữa trị tại Chương giang.

Bấy giờ, Chuyển vận phán quan Hạ Ỷ Công Lập có nhã ý học thiền, gặp Dương Kiệt Thứ Công mà than rằng: "Tôi đến Giang tây mà hận chẳng biết Nam Công!" Thứ Công bảo là: "Có Thượng tọa Tổ Tâm hiện ở tại Chương giang, ông có thể tự chấp nhận, chẳng đợi phải thấy gặp Thiền sư Tuệ Nam vậy". Lập Công bèn đến gặp thấy Sư, đàm nói kịch liệt, tâm thần ý tứ thoáng mở. Đến lúc luận bàn về Triệu luận hiểu muôn vật là tự mình là tình lẫn vô tình cùng đồng một thể. Khi ấy có con chó đang nằm dưới án hương, Sư bèn lấy thước đè đánh con chó và đánh vào án hương đồng thời bảo: "Chó có tình thức thì liền đi, còn án hương không có tình thức nên tự đứng. Vậy tình và vô tình sao được đồng một thể?" Công Lập bèn không đối đáp được gì. Sư bảo: "Mới vào tư duy bèn thành pháp thừa, nào từng hiểu muôn vật là tự chính mình ư?" Sư lại từng cùng chư Tăng đàm luận về Duy-ma với ba vạn hai ngàn tòa báu sư tử họa vào trong thất nhỏ tại thành Tỳ-da-ly, cớ sao không ngăn ngại? Có phải bởi vì Duy-ma hiện sức thần ư? Hay là riêng gá về Dị thuật ư? Phàm các pháp khó tin nên hiện những điềm lành như vậy. Những người có khả năng tin hiểu mới biết các vật vốn có từ xưa lại, cớ sao lại khiến càng tin? Sư bảo: "Nếu người không tin, vào nhỏ ắc phòng ngại lớn. Tuy là đã có tin, pháp từ đâu mà khởi ư?" Sư lại có bài kệ tụng là: "Trước cửa lầu các mới kiểm niệm, chẳng phải khảy móng tay đã mở cục, Thiện Tài một lần đi không tin tức, ngoài cửa xuân đến có tự xanh". Sư chỉ dạy các pháp thân gần thiết thực, phương tiện kim mầu đại hoại như vậy!

Từ khi Thiền sư Tuệ Nam thị tịch, Sư nối tiếp trú trì suốt mười hai năm, nhưng tâm tánh Sư chân suất, chẳng vui theo việc nghiệp vụ, qua năm lượt mong cầu thoát đi mới được tạ từ để nhàn cư, mà các hàng Học giả lại càng thân gần đông nhiều. Có Tạ Cảnh Ôn Sư Trực đến trấn thú tại Đàm châu, thấy Đại quy hoang trống mới thỉnh mời Sư đến ở, như ba lần Sư đều từ chối chẳng đến. Lại nữa, Chúc giang tây chuyển vận. Pháp quan Bành Nhữ Lệ Khí Tư hỏi Sư bởi ý gì mà chẳng đến Trường sa? Sư đáp: Mong được thấy gặp Tạ Công chớ chẳng mong nhận lãnh lấy Đại quy. Từ Mã Tổ Bách Trượng trở về trước không việc trú trì, các Đạo nhân lần lượt tìm đến nơi không nhân tịch chẳng đến bến bờ mà thôi. Về sau tuy có trú trì, nhưng các bậc vương quan tôn trọng kính lễ là

thầy của trời người. Nay thì không như vậy. Treo danh nơi phủ quan như dân có Hộ tịch, thẳng khiến Ngũ bách truy tìm đó vậy. Đây đâu có thể lại làm vậy?" Sư Trực nghe thế không dám đem việc nơi viện để khuất phục Sư, chỉ mong một lần được thấy gặp Sư. Sư bèn đến Trường sa, Sư Trực mong thọ học pháp yếu, Sư bèn nêu cử giềng mối, đại khái là: "Ba thừa mười hai phần giáo lại đồng như nói ăn để chỉ bày cho người biết mùi vị thức ăn. Đã nhân người khác nói về thức ăn ấy, thì cốt yếu ở chính tự mình đích thân thử nếm. Đã tự chính mình đích thân tử nếm, bèn có thể mùi vị thức ăn ấy là ngọt là đắng, là mặn là dạt v.v... Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật cũng là như vậy. Chân tánh đã nhân nơi văn tự mà hiển bày, cốt yếu phải tự chính mình thân gần thấy được. Nếu hay thân gần thấy được bèn có thể rõ biết trước mắt mình là chân là vọng là sinh là tử, đã hay rõ biết chân vọng sinh tử, phải quán chiếu trở lại tất cả ngữ ngôn văn tự đều là nói bày biểu hiện đều là nghĩa không thật. Như nay không rõ bệnh ở nơi nào? Bệnh tại thấy nghe hay biết, là biết không như thật cho đến ngằn mé chân thật. Nhận sự thấy nghe hay biết đây là chỗ thấy của tự chính mình, rất là khác biệt. Thấy nghe hay biết đây đều nhân tiền trần mà có phân biệt. Nếu không có cảnh giới tiền trần, tức thấy nghe hay biết đây là đồng với lông rùa sừng thỏ, đều không chỗ kết quy". Sư Trực được nghe điều chưa từng nghe. Sư lại giải đáp cho Hàng thị lang Tông xưa trước hỏi, là: "Nhân dẫn dụ của thời cưa, khai ngộ rỗng rang không nghi ngại, chỉ bởi từ vô thủy đến nay, tập khí chưa thể dứt trừ - hết - Nhưng ngoài tâm không có pháp thừa, không biết tập khí phiền não là vật gì mà muốn hết đó. Nếu khởi tâm ấy, tức vụt nhiên nhận giặc làm con vậy. Từ trước đến đây chỉ có ngôn, cho đến tùy bệnh mà bày thuốc, giả sử như có tập khí phiền não, cũng chỉ lấy Tri kiến của Như Lai mà chữa trị đó, đều là phương tiện khéo léo nói năng mà dẫn dụ. Nếu là khẳng định có tập khí có thể chữa trị, tức là ngoài tâm có pháp mà có thể hết đó vậy. Thí như rùa linh kéo đuôi nơi đường, phẩy vết vết sinh. Có thể gọi là đem tâm dụng tâm chuyển bệnh thấy càng sâu nặng. Giả sử hay thấu rõ được tâm, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. Tâm và pháp đã là không, lại muốn chỉ dạy ai hết đó ư?"

Có lúc Sư vân du đến Kinh đô, Phò mã Đô úy Vương Công Tiên rất mực kính lễ nghinh đón Sư đến ở am tại ngoài Quốc môn. Lâu sau, theo hướng Nam, Sư lại đến Lô sơn. Có Bành Khí Tư đang trấn thú tại Cửu giang, cùng gặp gỡ, Khí Tư thong dong hỏi Sư: "Lúc mạng người sắp chung có chỉ quyết gì chăng?" Sư đáp: "Có". Khí Tư lại nói: "Mong

được nghe noi điều đó!" Sư bảo: "Đợi đến lúc Khí Tư chết tức sẽ nói". Khí Tư vụt đứng dậy, càng thêm cung kính nói: "Việc này phải là Hòa thượng mới được. Bởi nơi bốn phương các hàng công khanh hợp tức ngàn dặm ứng đó, chẳng hợp thì thước tấc không đến". Sư từng có làm bài kệ rằng:

"Chẳng ở chùa Triều Đường
Nhàn làm Tăng đời Tống
Bờ sống ba sự nạp
Xưa cũ một cành leo
Khất thực tùy duyên đi
Gặp núi mặc ý lên
Cùng gặp chớ cùng cười
Chẳng là Năng Lãnh nam".

Có thể tưởng thấy được nhân vật phẩm cách con người của Sư vậy. Đến lúc tuổi tác đã cao, Sư lại dời am sâu vào trong cầu treo, bặt tuyệt các học giả lại hơn hai mươi năm. Thường đến ngày húy kỵ Nam Công thị tịch, Sư làm kệ tụng rằng:

"Người xưa lúc đi là ngày nay
Ngày nay y nhiên người chẳng lại
Nay đã chẳng lại, xưa chẳng đi
Mây trắng dòng sông không bồi hồi
Ai bảo trong thước cân bằng thẳng lại có cong?
Ai bảo vật lý đồng chủng gai lại được thóc?
Đáng thương người rong đuổi trong thiên hạ
Sáu lần sáu xưa nay là ba mươi sáu".

Tùng lâm truyền đó để khắc giống Nam Công theo người điên đảo lời Nam đẩu bảy, Bắc đẩu tám.

Đến nửa đêm 16 tháng 11 năm Nguyên Phù thứ ba (1110) thời Bắc Tống, Sư thị tịch, hưởng thọ bảy mươi sáu tuổi, năm mươi lăm Hạ lạp. Phong sắc Sư hiệu là "Bảo giác". An táng tại phía Đông của tháp Nam Công. Gọi là "Song tháp".

2. Thiền sư Khắc Văn ở Lặc đàm.

Thiền sư Khắc Văn - Chân tịnh ở Lặc đàm tại Hồng châu, Sư xuất phát từ dòng họ Trịnh ở Văn Hương tại Thiểm phủ. Dòng họ Trịnh phần nhiều là những bậc công khanh danh tiếng. Sư vừa mới chào đời mà tuấn kiệt khác thường. Từ thuở bé thơ Sư đã mồ côi, chăm hầu mẹ sau rất mực hiếu thuận mà mất sự mến thương. Người mẹ ấy đã từng làm khốn khổ tủi nhục đối với Sư. Thân phụ buồn thương bèn bảo Sư vân du cầu

học ở bốn phương. Sư đến Bắc tháp tại Phục châu, nghe Lão túc Quảng Công giảng nói pháp mà cảm khóc, xé rách nách mà phụng thờ đó, nên Bắc tháp lấy chữ “khắc văn” và đặt gọi tên cho Sư. Năm hai mươi lăm tuổi, xét khảo quá trình tập học mà Sư được xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc, Sư học kinh luận không gì chẳng thấu đạt huyền diệu. Sư lại vân du đến các giảng tịch ở Kinh lạc, nhân kinh hành nơi hành lan điện Long môn thấy tôn tượng vị Tỳ-kheo được đắp họa nhắm mắt như an định, vụt nhiên tự biết mất, Sư bảo người bạn”. Ta trái nợ như người vật của Ngô Đạo Tử đắp họa, tuy rất mực kỳ diệu nhưng chẳng phải là người sống”. Do đó, Sư bèn giả từ nơi đấy mà bảo: “Ta sắp theo hướng Nam du phương quán Đạo vậy”.

Năm Trị Bình thứ hai (1065) thời Bắc Tống, Sư an cư kiết hạ tại Đại quy, ban đêm nghe có vị Tăng đọc tụng văn ngữ của Vân Môn là: Có vị Tăng hỏi: “Phật pháp như ánh trăng trong nước có phải vậy không?” Vân Môn đáp: “Sóng trong không thấu đường”. Bỗng nhiên Sư có sự tỉnh ngộ. Bấy giờ Thiền sư Tuệ Nam đang ở tại Hoàng Nghiệt, Sư bèn tìm đến đó. Vừa gặp lúc Thiền sư Chân giác. Duy Thắng làm thủ tòa, một ngày nọ Thiền sư Tuệ Nam nên cử câu thoại về Cổ đức niệm tụng xưng tán trên lầu chuông, trồng rau dưới cẳng chân giường, và bảo dưới chúng nói. Thiền sư Duy Thắng nói: “Hổ dữ đang ngồi giữa đường”. Thiền sư Tuệ Nam vui mừng đó, bên lui nơi viện mà bảo ở, mà ở nơi am Tích Thúy, Sư đã ba lần đến nơi am nói nhưng chẳng khế hợp, mới bảo: “Lão này chỉ là một vị Tăng tu hành, chẳng hiểu ta nói năng gì”. Sư bèn bỏ đó mà đến bái yết Thiền sư Thuận ở Thúy nham. Thiền sư Thuận là bậc có sự thấy biết rất cao và nói năng khéo léo như dây leo. Mọi người ở các phương đều xưng gọi là Thuận Bà Bà ấy vậy. Thiền sư Thuận hỏi: Ông vừa lìa bỏ xứ nào?” Sư đáp: “Hoàng Nghiệt”. Lại hỏi: “Lão Tử ở đầu am có an lạc chẳng?” Sư đáp: “An lạc”. Lại hỏi: “Ông là người xứ nào?” Sư đáp: “Quan Tây”. Lại hỏi: “Nói năng sao chẳng giống người Quan tây?” Sư đáp: “Từ thơ bé đã từng đi học”. Lại hỏi: “Xuất gia làm Tăng tại xứ nào?” Sư đáp: “Theo Hòa thượng Bắc pháp mà xuống tóc, rồng cùng tài tú đồng tham song tuyền úc”. Thiền sư Thuận cười bảo: “Khuynh và Mật Tổ Ấn dự tham ở hai Đại lão này, chẳng hiểu ngữ thoại của Cừ, kịp đến ta như nay tham được chút ít thiền cần thấy kia tức là dời đổi phong hóa vậy”. Lại hỏi: “Tông Hoàng Nghiệt ở được như thế nào?” Sư đáp: “Rất tốt lành”. Thiền sư Thuận bảo: “Cử chỉ xuống được một chuyển ngữ tốt lành, bèn ở Hoàng Nghiệt, Thiền tức chưa mộng thấy vậy”. Nhân đó mà Sư đại ngộ Tông chỉ của

Lâm Tế, chóng thấy được điểm sử dụng của Thiền sư Tuệ Nam, bèn làm vài bài tụng mà gởi đến. Thiền sư Tuệ Nam rất tán thưởng. Nhân đó, Sư trở về lại tham lễ. Thiền sư Tuệ Nam hỏi: "Ông từ xứ nào đến đây?" Sư đáp: "Thúy nhạc". Lại hỏi: "Vừa gặp Lão Tăng sao chẳng ở?" Sư tiến tới đáp: "Chưa xét rõ đi hướng nào?" Lại bảo: "Thiên thai thỉnh mời khắp, Nam nhạc đồng nhóm đến". Sư nói: "Nếu thế thì người học cũng được đi tự do vậy". Lại hỏi: "Giày dưới cẳng chân có được từ xứ nào lại?" Sư đáp: "Tiền bảy Bác Lô sơn xướng được". Lại hỏi: "Nào từng tự do?" Sư chỉ đó là nói: "Nào từng chẳng tự do ư?" Thiền sư Tuệ Nam ngờ lạ khác thường về Sư vậy.

Bấy giờ, thủ tòa Hồng Anh là người mang danh với Sư. Hồng Anh vốn người xứ Thiệu võ, nên trong đại chúng xưng gọi là "Anh Thiệu Võ, Văn Quan Tây". Lâu sau, Sư giả từ mà lại đến ngụ ở nơi hội tòa của Thiền sư Thuận tại Thúy nham. Thiền sư Thuận bảo: "Chủng tánh ông xa đi mà khế ngộ rộng lớn. Lâm Tế sắp ngả đổ, năng lực của ông có thể chống đỡ sâu dày hãy nên tự mừng đó". Đến lúc Thiền sư Tuệ Nam sang Hoàng Long, Sư lại đến đó. Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Vừa khiến thị giả vén rèm hỏi Cừ, lúc cuộn rèm dậy thì thế nào? Đáp là soi chiếu thấy thiên hạ. Lúc buông rèm xuống thì thế nào? Đáp: Là nước rỉ chẳng thông. Vậy lúc chẳng cuộn chẳng buông thì như thế nào? Thị giả im lặng không trả lời. Ông lại làm sao sống?" Sư đáp: "Hòa thượng đày thị giả xuống dưới nhà Niết-bàn mời được". Thiền sư Tuệ Nam gằng tiếng bảo: "Người Quan Tây quả thật không đầu não". Và mới ngoảy nhìn vị Tăng bên cạnh. Sư chỉ vị Tăng ấy mà nói: "Chỉ như vị Tăng này cũng chưa mộng thấy". Thiền sư Tuệ Nam cười lớn. Từ đó, trong môn hạ xưng gọi Sư là người kỳ vĩ lạ thường. Tuy những vị bác học đa văn nhưng trông thấy Sư vẫn không khỏi bối rối sợ hãi. Sau khi Thiền sư Tuệ Nam thị tịch, Sư rảo bước đến Hành nhạc, lại làm thủ chúng ở Ngưỡng Sơn. Năm Hy Ninh thứ năm (?) thời Bắc Tống , Sư đến Cao an, Thái thú Tiền Công rảo đánh trước đợi gặp thấy Sư. Sư lại đến ra mắt, có con chó ngao vượt ra ngăn chặn, Sư mới đi vòng quanh nghinh lánh chút ít, Tiền Công giễu cợt bảo: "Thiền giả hẳn có khả năng dạy răn, hổ, mà lại sợ chó ư?" Sư nói: "Dễ nhiếp phục hổ hang núi, khó điều khiển rồng giữ vườn nhà". Tiền Công mới tán thán rằng: "Thật, danh chẳng dối được". Bèn mời Sư đến Động Sơn, tiếp theo lại đến ở Thánh thọ. Mới đầu ở Động Sơn, ngày khai mở giảng đường, Sư chỉ dạy đại chúng: "Hỏi đáp hãy tạm dừng. Chỉ biết hỏi Phật hỏi Pháp, rất không biết nơi Phật pháp lại. Hãy nói từ nơi nào lại?" Và, Sư mới duỗi một chân xuống, tiếp bảo:

"Ngày xưa Hoàng Long thân hành lệnh này, chư Phật mười phương không dám trái lại, Tổ sư các đời, tất cả Hiền Thánh không ai dám vượt qua. Vô lượng pháp môn hết thảy Diệu nghĩa, các câu thoại đầu của các Lão Hòa thượng trong thiên hạ, đầu cuối một pháp Ấn không dám đổi khác. Không khác tức tạm dừng. Ấn tại xứ nào? Có thấy chăng? Nếu thấy chẳng phải Tăng chẳng phải tục, không thiên không đảng mỗi mỗi phân giao, nếu chẳng thấy tức ta tự thâu lấy. Sư bèn rút chân lại và hét một tiếng, tiếp bảo: "Binh lính tùy Ấn chuyển, Quan tướng theo phù hành, tay Phật chân lừa sinh duyên. Lão khéo đau cho ba mươi gậy, mà nay trong hội chẳng có người không cam nhận chăng? Nếu có thì chẳng phòng ngại kỳ đặc. Nếu không thì Tân Trưởng lão lừa dối các người vậy. Nên đức Đại giác Thế Tôn của chúng ta ngày xưa ở nơi nước Ma-kiệt-đà lúc sao mai vừa ló dạng sáng ngày mồng 08 tháng 12 bỗng nhiên ngộ Đạo, khắp đại địa các loài hữu tình thảy đều thành thật. Ngày nay có Sa-môn Thích Tử Khắc Văn ở trong thành Quân Dương dưới thời Đại (Bắc) Tống, tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) vào lúc mặt nhật vừa lóe sáng ngày 13 tháng 06, lại ngộ cái gì?" Xong, Sư nắm cây phất trần họa vẽ một đường và tiếp bảo: "Ta không dám xem thường các người, các người đều sẽ làm Phật". Rồi Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng: "Môn hạ Động Sơn có lúc hòa bùn hợp nước, có lúc tường vách dựng đứng ngàn nhận. Các người phỏng hướng đến nơi hòa bùn hợp nước thấy Động Sơn. Động Sơn chẳng ở nơi hòa bùn hợp nước, phỏng hướng đến nơi tường vách dựng đứng ngàn nhận thấy Động Sơn, Động Sơn chẳng ở nơi tường vách dựng đứng ngàn nhận. Phỏng hướng đến tất cả các nơi thấy Động Sơn, Động Sơn chẳng ở tại tất cả các nơi. Các người chẳng cần thấy lỗ mũi Động Sơn hết, ở trong tay Động Sơn phỏng ngủ gật, cũng nắm lỗ mũi kéo hết một lược, chỉ thấy lỗ con mắt định động lại chẳng cùng biết. Cũng chẳng cần các ngươi biết Động Sơn. Tạm biết được chính mình là được". Sư lại bảo: "Môn hạ Động Sơn cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, trong bình bát phẩn giải ốm bệnh, trong bình bát đàm khạc dơ dáy, chấp pháp tu hành như trâu kéo mài". Sư lại bảo: "Đá Đầu đà bị bọc trong rêu, núi Trịch bút gặp bệ lệ buộc, viện La-hán mỗi năm độ 3 hành giả, trong chùa Quy tông dự tham xong lui uống trà". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư cười lớn ha, ha. Lại hỏi: "Sao có mỉm cười?" Sư đáp: "Ta cười ông theo lời nói mà sinh phát nhận hiểu". Lại nói: "Bỗng nhiên mất lợi". Sư lớn tiếng bảo: "Không được lễ bái". Vị Tăng ấy bèn trở về trong chúng. Sư lại cười bảo: "Theo lời nói mà phát sinh nhận hiểu, quả nhiên đúng vậy". Và

Sư mới bảo: "Môn hạ Động Sơn tám lõm chín lồi, giao giao, gia gia, cúi cúi, cong cong, gập gập, ghềnh ghềnh, chót vót trọc lóc, mây nước bít ánh ngời, hơi khói nhiều lớp, một đường thẳng lối, kẻ tham quan, kẻ vân du có cả thảy mười tám - mười chín người, dất bước sớm là mê ngay tại đầu đường. Trong đó chớ có người không mê chăng?" Sư bỗng hét một tiếng, tiếp bảo: "Hãy nói đầu đường tại xứ nào?" Sư lại bảo: "Hai chữ Phật pháp chẳng dùng nói nhầm. Nói nhầm thì đầu mọc sừng. Người xưa chỉ hiểu biết giết người chết không biết người sống, sao chẳng nói hai chữ Phật pháp mỗi một hiện thành? Các vị nhân giả, muốn biết Phật gì chỉ các người là phải, muốn biết pháp gì chỉ các người sử dụng thường ngày là phải. Phải và chẳng phải tức cũng rất kỳ đặc. Chẳng phải cũng rất kỳ đặc, giết và sống một nơi chẳng thông, hai nơi mất công, chạm đường thành ứ trệ".

Lại một ngày nọ, sau khi hỏi đáp đã xong, Sư mới bảo: "Có hỏi câu thoại gì nữa chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ba mươi năm đùa cưỡi ngựa tức bị lừa đánh". Và Sư liền vỗ đùi vế, tiếp bảo: "Thẳng lên được núi Tu-di cao vợi, nước biển vọt sóng, ba mươi lăm tầng trời lúc lùi ngôi vị, mười tám địa ngục lớn đều ngưng khổ khốc, thấy chăng? Nếu trong đó thấy được thì Đức Thích-ca khoanh tay, Đức Di-lặc nhăn mày, Văn Thù, Phổ Hiền cùng đó làm thị giả. Nếu như không thấy thì xem Ta bảy dọc tám ngang cùng đó làm thị giả, tạm hướng đến trong dây leo nêu cử lấy. A, ha, ha. Chư vị cao đức hãy nói Ta cười cái ý gì? Ta cười ngày xưa Vân Môn, Lâm Tế, Đức Sơn, kham đầu dùng ánh sáng của đom đóm, sự hiểu biết của ve muỗi, một người nói Ta chê Phật mắng Tổ, một người nói Ta thành đạt câu cuối cùng, một người nói Phật pháp ở Hoàng nghiệt không lắm nhiều con, một người nói Đức Thế Tôn Đại Giác lúc mới hạ sinh một tây chỉ trời một tay chỉ đất miệng nói "trên trời dưới trời chỉ riêng mình tôi là tôn quý hơn cả". Bấy giờ nếu Ta thấy thì một gậy đánh giết cho chó ăn, tợ như một đội ấy đánh kháng tài giỏi rỗng không, chỉ là một thời kỳ cùng đó sinh xét qua, ngoài ra bọn phóng buông qua tức không thể, há chẳng nghe. Có vị Tăng hỏi Càn Phong rằng: "Các Bạc-già-phạm ở khắp mười phương đồng một đường đến cửa Niết-bàn, chưa xét rõ đầu đường ấy tại nơi nào?" Càn Phong nắm cây gậy họa vẽ một đường và bảo: "Tại trong ấy". Chỉ như Càn Phong nghĩ gì từng mộng thấy chưa? Nếu là lão Tăng tức không như vậy. Các Bạc-già-phạm ở khắp mười phương đồng một đường đến cửa Niết-bàn, chưa xét rõ đầu đường ấy tại xứ nào? Đợi phỏng mở miệng nóng quát đuổi ra. Lại có Vân Môn bẻ cẳng chân vị Tỳ-kheo già, chẳng phân đen

trắng, chẳng biện rõ chánh tà. Xong, Sư nắm cái quạt tiếp bảo: "Nhảy vọt lên tầng trời ba mươi ba đấp nhằm lỗ mũi trời Đế-thích, cá kình biển Đông đánh một gậy mưa tợ như bát nghiêng đổ, tợ như ban ấy hòa bùn hợp nước tài giỏi, phẩn quét trong đống chôn lấp mười cái, năm cái, lại có rất quá. A, ha, ha, vui chẳng vui, đủ chẳng đủ, mà nay may đối mặt cùng núi xanh nước biếc, năm sau là việc một lúc thôi nghỉ, tin mặc thân tâm biếng lười bó buộc, đại chúng thôi khéo ngủ gật".

Lại nhân ngày giải chế mãn hạ, Sư chỉ dạy đại chúng: "Có người nào hỏi câu thoại chăng?" Và, Sư nắm cây phất trần đánh vào thiền sàn, tiếp bảo: "Trời đất tạo hóa có âm có dương, có sinh có giết, nhật nguyệt soi chiếu có tỏ có mờ, có ẩn có hiện; sông nước chảy đổ có cao có thấp, có đọng có thông; minh chúa trị vì cảm hóa có vua có tôi, có lễ có nhạc, có thưởng có phạt; Phật pháp ở thế gian có đốn có tiệm, có quyền có thật, có kết (buộc) có giải (mở). Kết tức từ ngày 15 tháng 04, khắp cả phương thế giới là Thành là phàm là cỏ là cây". Sư nắm cái phất trần đánh xuống bên tả một cái tiếp bảo: "Tất cả đều tại trên đầu cây phất trần, có thấy chăng?" Và Sư mới hét một tiếng, lại bảo: "Giải tức là ngày 15 tháng 07, khắp cùng pháp giới hoặc cỏ hoặc cây là Thánh là phàm". Sư lại nắm cây phất trần đánh xuống bên hữu một cái tiếp bảo: "Từ trong ấy một nơi giải". Xong, Sư dựng đứng cây phất trần lên, và bảo: "Tất cả đều bị trên đầu cây phất trần, có thấy chăng?" Sư một tiếng, bảo: "Chỉ như từ ngày 15 tháng 04 trở về trước, ngày 15 tháng 07 trở về sau, hãy nói là giải hay là kết?" Sư nâng cây phất trần lên và bảo: "Tất cả đều tại trên đầu cây phất trần, có thấy chăng?" Sư lại hét một tiếng, tiếp bảo: "Các vị cao đức, trong ba tiếng hét ấy, có một tiếng hét là gươm báu kim cang vương, có một tiếng hét là sư tử ngồi xổm nơi đất, và có một tiếng hét là mò cán ảnh cỏ, nếu các người mỗi mỗi biện rành được, mới thấy Đại sư Lâm tế nói ra chuyện thường tình, Hoàng Nghiệt trùm bàn tay, Đại Ngu gặp xây đấp, tuy cùng các nhau vài ba trăm năm, mà các ngươi thân gần làm đích tử, sau đó mở lớn cửa huyền diệu không hai, quyền hành các Tổ, dẹp tà ủng hộ chánh, phù trì tông lập giáo, chỉnh đốn giềng mối suy đồi, phóng tung thấy biết lớn, tỏa sang mắt pháp lớn, chẳng động Bản Tế mà quyết thắng quân ma". Sư mới hét một tiếng, tiếp bảo: "Lại phải biết một tiếng hét chẳng làm, một tiếng hét cần dùng. Đến trong đó phải là mắt kiên cố hướng đến chưa đi ỉa trở về trước bất chợt dẫn được đi. Các vị cao đức! Hãy nói là dẫn được cái gì?" Ngưng giây lát, Sư lại hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

Sư trú trì suốt mười hai năm, nhàm chán sự buộc ràng, nên cứng rắn từ tạ mọi sự, rồi theo hướng đông đi đến Tam ngộ. Lúc Sư đến Kim lăng, Vương Kinh Công mới lui sống nhàn tại Định Lâm, nghe Sư đến, bèn ra nghinh đón. Thế rồi, mừng vui rất lắm, đàm nói trọn ngày. Kinh Công hỏi: “Trong các kinh đầu tiên nêu bày thời xứ (thời gian và nơi chốn), sao kinh Viên Giác riêng chẳng như vậy?” Sư đáp: “Kinh Pháp đốn thừa giảng nói là chỉ ngay cho chúng sinh, nhật dụng hiện tiền chẳng thuộc xưa nay. Chỉ như ngày nay lão Tăng và tướng công đều vào Đại quang minh tạng, du hý Tam-muội, cùng làm khách làm chủ cho nhau không liên can đến thời và xứ”. Lại hỏi: “Trong kinh nói: “Hết thảy chúng sinh đều chứng Viên giác”. Mà Khuê Phong lấy chứng làm đủ. Vậy người phiên dịch sai nhầm như thế nào?” Sư đáp: “Kiên giác như có thể cải, Duy-ma cũng có thể đổi. Duy-ma há nói là “cùng chẳng diệt Thọ uẩn mà thủ chứng”. Phàm “chẳng diệt Thọ uẩn mà thủ chứng” cùng với “đều chứng Viên giác” ý ấy đồng nhau. Bởi vì chúng sinh hiện hành Vô minh, tức là đại trí căn bản của Đức Như Lai. Lời của Khuê Phong chẳng là phải”. Kinh Công rất vui mừng, ngợi khen tưởng thưởng qua nhiều ngày, và cúng thí nhà cửa của mình làm thành Phường báu, mời Sư làm Tổ khai sơn thứ nhất. Có lúc lên giảng tòa, Sư bảo: “Ngày nay đại chúng đồng một hội cần biết chăng? Là đại chúng thành Phật thời tiếc sạch duyên, mới ngay nay đây gặp được Đại thừa tướng Kinh Quốc Công và Phán phủ tả thừa cúng thí nhà cửa vườn rừng làm thành chẳng hùa Phật, thỉnh mời sơn Tăng xiển dương ý Tổ, các người có hiểu chăng? Chỉ thẳng cùng đại chúng tức tâm thấy tánh thành Phật, đại chúng tin được kịp chăng? Nếu tự tin được kịp, tức biết tự tánh xưa nay thành Phật. Giả sử có chưa itn cũng sẽ thành Phật, chỉ vì từ khi mê mờ trở lại trải qua lâu ngày, chợt nghe nói vậy thật khó tin lấy. Vả lại, xưa nay trong thiên hạ các Thiện tri thức, tất cả Thiền đạo, tất cả ngữ ngôn đều là Thiện tri thức từ trong Phật tánh lưu xuất mà kiến lập. Mà lưu xuất là ngọn, Phật tánh là gốc. Phật pháp ở đời gần đây thật rất đáng thương, phần nhiều bỏ gốc theo ngọn, phản chánh theo tà, chỉ nhận ngôn cú câu người xưa lấy làm thiền làm đạo có lắm can thiệp. Ngay như Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại cũng không thiền có thể nói. Chỉ cốt yếu đại chúng tự chứng tự ngộ, tự thành Phật, tự kiếp lập hết thảy Thiền đạo. Huống gì là thần thông biến hóa, tất cả chúng sinh tự có đủ chẳng gá tìm cầu bên ngoài. Như nay phần nhiều là mọi người mong cầu bên ngoài, bởi căn bản tự không chỗ ngộ, một hướng khách làm vài trân báu khác, đều là hư vọng, chẳng khỏi lưu chuyển sinh tử. Đại chúng! Ngày

nay hai tướng công đặc biệt tạo lập đạo tràng lớn này để làm Phật sự lớn. Vượt ra ngoài cái khổ lưu chuyển sinh tử của tất cả chúng sinh khắp đại địa hiển bày diệu tăng vắng lặng rộng lớn vốn xưa nay, mở bày thần thông Đại quang minh tạng vốn có xưa nay. Chỉ bởi vì mê mờ nên mãi ở trong phàm hạ, tỏ ngộ tức Hiền Thánh nay đây. Đại chúng! Nói nhiều tức cách đạo càng xa, cười các đạo nhân sáng mắt kia, vậy trong chúng chẳng có người sáng mắt ư? Ngày nay Phật pháp lẫn lộn xen tạp, cần nên phân rành tà chánh, để khiến các người chẳng rơi lạc vào tà kiến mà làm mất chánh của trời người. Có chăng? Có chăng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Ta trọn không dám khinh thường các người, các người đều sẽ làm Phật". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Kinh Công rất vui mừng, đem đạo hạnh của Sư mà tấu trình, Sư được chiếu ban phong tặng hiệu là "Chân Tịnh Thiền sư".

Sau đó không bao lâu, Sư lại nhàm chán sự ràng buộc ồn náo bèn trở về am Cao an ở dưới núi Cửu phong, đền tên là "Đầu Lão". Học giả từ các phương xa lại tìm đến. Qua sau sáu năm, Sư lại ra ở Quy tông. Lại thêm hai năm nữa, Trương Thiên Giác do từ tả ty khiển sách Kim lăng tửu quan dấy soái Nam xương, bèn qua Lô sơn gặp thấy Sư, mạnh khỏe rất mực kính lễ, thỉnh mời Sư đến ở Lặc đàm, bỗng chốc Sư lại lui ở Vân am.

Đến sáng sớm ngày mồng 04 thắng 10 năm Sùng Ninh thứ nhất (1102) thời Bắc Tống, Sư hiện tướng bệnh, qua ngày 15, bệnh càng rất lắm, Sư mới bảo đem tất cả mọi vật của riêng mình phân phát cho môn nhân đệ tử. Đến nửa đêm 16 tháng 10, sau khi tắm rửa xong, Sư ngồi kiết-già, đại chúng thỉnh cầu Sư giảng pháp, Sư mỉm cười bảo:

"Năm nay bảy mươi tám (78)
Bốn đại sắp chia lìa
Gió lửa đã lìa tan
Sắp đi thôi lại nói".

Nói xong, Sư bèn thị tịch. Qua bảy ngày sau trà tỳ, trong lửa dữ năm sắc có ánh sáng trắng vọt cao, các nơi khói tỏa đến đều biến thành Xá-lợi. Các hàng đạo tục có hơn ngàn người đều có được, phân chia dựng lập tháp phía dưới núi Bảo liên ở Lặc đàm tại phía bắc Động lưu vân của Động sơn.

3. Thiền sư Hồng Anh ở Lặc đàm.

Thiền sư Hồng Anh tại Hồng châu, vốn người dòng họ Trần ở Thiệu võ quan. Từ thủa bé thơ, sư rất thông mẫn, đọc sách cứ năm dòng xuống một lượt, song thân rất mến thương, khiến là thư sinh tập học

Tiến sĩ. Sư bỏ ăn tự thệ nguyện khẩn cầu xuất gia. Đến lúc thành đại Tăng tức liền đi phỏng đạo, theo hướng đông, Sư vân du đến Tào sơn nương tựa Nhã Công lão túc. Lâu sau, Sư giã từ đi lên Vân cư, trông nhìn núi hang thắng tuyệt, bèn nghĩ tính muốn trọn đời ở đó, đọc xem kinh Hoa Nghiêm, luận Thập Minh, đến câu: "Trí tuệ chân thật vốn không thể tánh, chẳng thể tự biết không thể tánh nên làm tánh của Vô tánh, chẳng thể tự biết Vô tánh nên gọi là Vô minh". Trong Đệ lục địa của kinh Hoa Nghiêm nói: "Chẳng rõ Đệ nhất nghĩa nên gọi là Vô minh, lấy biết trí tuệ chân thật vốn không tánh nên chẳng thể tự rõ. Nếu gặp duyên rõ biết mà rõ thì Vô minh diệt vậy". Đó có nghĩa là cửa cốt yếu để thành Phật. Thế rồi nói: "Có Lão Tử ở Tích nham". Ngay ngày đó, Sư đến báu yết Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng nghiệt, đàm nói thâu đêm đến sáng, Thiền sư Tuệ Nam chỉ thêm sự kính mến Sư mà chưa hứa cho vào thất. Sư thường luôn trình bày ngữ cú, mà Thiền sư Tuệ Nam chỉ lặng im. Một ngày nọ nhân lấy hộp kinh, bất chợt sẩy tay rơi rớt đánh mạnh một tiếng, Sư bèn đến ngộ, liền đi thẳng đến Phương trượng trình bày kiến giải của mình. Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Ông mới là người đầy đủ mắt chánh anh hùng của nhà ta, khó nên tự gìn giữ". Bấy giờ dưới chúng hội, các bậc lang tượng lẫn lộn, mà Sư đàm luận nghĩa lý tinh anh tỏa phát, từng nghiêng đổ bốn tòa, tiếng tăm vang vọng rất lắm.

Sư mới vân du Tây sơn, gặp Cư sĩ Phan ở Nam xương đồng dừng nghỉ qua đêm tại Song lãnh. Cư sĩ Phan nói: "Long Đàm thấy Thiên Hoàng, thời tiết mờ tối hợp Khổng Tử". Sư kinh lạ hỏi: "Lấy gì làm chứng nghiệm". Cư sĩ Phan nêu cử Khổng Tử nói: "Hai ba ông cho là ta ẩn ư? Ta không ẩn ấy vậy. Ta không đi mà chẳng cùng hai ba ông là khâu vậy". Thiên Hoàng nói: "Ngươi mang trà lại, ta cùng ngươi tiếp, ngươi mang thức ăn lại, ta ngươi nhận, ngươi hỏi thăm, ta đưa tay, nào từng chẳng vì ngươi?" Sư lấy làm như thế nào?" Sư cười, bảo: "Người Sở lấy gà rừng cho đó là chim phụng, ở đời lưu truyền lấy đó làm trò cười. Chẳng hay lời nói ấy của Cư sĩ cùng loại tương tợ đó. Cớ sao ngươi mang trà lại, ta vì ngươi tiếp, ngươi mang thức ăn lại, ta vì ngươi nhận, ngươi hỏi thăm, ta đưa tay, nếu nói là nói, nói cái gì? Nếu nói chẳng nói, Long Đàm vì sao bèn ngộ vậy? Do đó, nói là không pháp có thể nói mới gọi là nói pháp. Lấy biện tài của Đức Thế Tôn cũng không thể thêm hai câu ấy vậy. Người học chỉ cầu mở hiểu, thí như đồn họa năm sắc giữa hư không. Ổ chim cũng không Phật pháp có thể truyền trao, chẳng thể ngồi im lặng, chỉ nhón lấy lông vải thổi đó, thị giả bèn tỏ ngộ. Người học mới nói: "Nhón lông vải lên toàn thể lộ bày", tợ như thấy biết đây

chưa vượt khỏi thừa giáo. Như vậy mà có thể xưng là khách của môn hạ Tổ sư ư? Cửu Phong bị người ta hỏi: "Trong núi sâu có Phật pháp không?" Bất đắc dĩ mà nói: "Có". Kịp đến lúc bị cật vấn tới cùng không thể có, mới nói: "Thạch đầu lớn là lớn nhỏ là nhỏ". Người học mới bói lường nói là: "Giết nói chúng sinh nói ba đời cháy dữ". Xét giáo thừa như thế tự đủ, sao lại phải hỏi ý chỉ của Tổ sư ư? Cần được thoát thể rõ ràng đi. Thí như người bị bệnh mắt tìm cầu thầy thuốc chữa trị, thầy thuốc mới hay dứt trừ màng mạc ngăn che mắt đi, chẳng từng đem ánh sáng cho người đó". Cư sĩ Phan bèn đẩy sàn giường đứng dậy nói: "Tôi lo buồn đạo pháp Tích thúy chưa có người nối tiếp, nay biết hết ở nơi tự thân mình ông vậy".

Thiền sư Thuận ở Song lãnh hỏi: "Lão Sư trong am khéo hỏi người học. Chấn ngay cổ họng, môi mép nói lấy một câu. Thủ tòa từng nói được gì?" Sư lấy đó mỉm cười thôi, mà có làm kệ tụng rằng:

"A gia từng giấm mổ ba thước
Vợ mới rửa mặt sờ nhằm mũi
Đạo ngô đáp thoại được quần eo
Huyền sa mở sách là giấy trắng".

Khi ấy, Thiền sư Thuận thán phục cho là dưới danh không hư sĩ. có bạn đồng tham ở Thạch môn phân tòa tiếp nạp, Sư làm kệ tụng mà gởi đến đó là:

"Trong lò muôn nung sắt tật lê
Ngay phải cao giá chớ nhiều đó
Ngang lại dọc đi cười ha ha
Mặc người bên cạnh nói thị phi".

Đến năm Hy Ninh thứ nhất (1068) thời Bắc Tống, Sư làm thủ chúng ở chùa Viên thông tại Lô sơn. Học giả quy hướng nương tựa như ở Nam công. Qua mùa xuân năm sau, Thiền sư Tuệ Nam viên tịch. Đến tháng 10, Sư theo sự thỉnh mời của bốn chúng, bèn khai mở giảng pháp tại Thạch môn. Có vị Tăng hỏi: "Lúc lập trường làm vui đùa thì như thế nào?" Sư đáp: "Lò hồng lửa dữ, ra quạ rùa sắt". Lại hỏi: "Ngay cán bày trống tự Sư đánh, đầu sào trăm thước việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Sơn Tăng chẳng tin kế sống ấy". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bảo: "Chớ tài tên rỉ". Vị Tăng ấy lễ bái xong đứng dậy, bèn duỗi góc ca-sa xuống và hỏi: "Lúc cởi áo mang giáp thì thế nào?" Sư đáp: "Vui được Lang yên dứt, cung tên treo trên vách". Vị tăng ấy lại vén kéo góc áo ca-sa lên và hỏi: "Lúc sửa chỉnh áo giáp lại thì như thế nào?" Sư đáp: "Chẳng đến bờ Ô giang, biết ồn chưa chịu ngừng". Vị Tăng ấy bèn

hét. Sư bảo: “Kinh ngạc ta ư?” Vị Tăng vỗ một cái, Sư bảo: “Cũng là được sống trong chết”. Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: “Sắp có nghĩa là tài của thâu Yên pháp Triệu. Xưa nay chỉ là giặc muối bại riêng”. Vị Tăng ấy lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Lông mày rẽ chữ bát, ánh mắt tợ sao băng”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Một gậy, một vết sẹo”. Lại nói: “Đại chúng chứng minh, người học lễ tạ”. Sư cười lớn ha, ha. Vị Tăng ấy lễ bái xong đứng dậy, đưa tay trái họa vẽ một tướng vòng tròn, Sư nắm cây phất trần xỏ xuyên qua bên hữu. Vị Tăng ấy đưa tay phải họa vẽ một tướng vòng tròn. Sư nắm cây phất trần xỏ xuyên qua bên tả. Vị Tăng ấy đưa hai tay họa vẽ tướng vòng tròn gá bày. Sư đưa cây phất trần họa vẽ một đường và bảo: “Ba mươi năm trở lại đây chưa từng gặp con cháu của Quy ngưỡng, ngày nay tức gặp nhằm gã tài đạp ngói mộc. Lại có người hỏi câu thoại nữa chăng?” Ngưng giây lát, không có người hỏi, Sư mới bảo: “Hỏi cũng không cùng, đáp cũng không cùng. Hỏi đáp qua lại đối với đạo dầu xa. Cớ sao huống là việc này, ngay nhiều đầu gây nêu cử được chẳng là trượng phu, dưới tiếng hét nhận ngay chưa là đạt sĩ. Nào kham hướng lấy trong lời, thì rong tìm cầu trong câu. Đường ngôn từ nhọn vút mới mẻ, cơ phong bén nhạy. Thấy biết như vậy đều là chôn vùi Tông chỉ, vấy dơ tiên hiền. Nên Tổ ta nói nào từng mộng thấy. Chỉ như Đức Phật Như Lai của chúng ta đến lúc sắp nhập Niết-bàn mới bảo: “Ta có chánh pháp nhãn tạng Niết-bàn diệu tâm, nay giao phó cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Ma-ha Ca-diếp bèn giao phó Tôn giả A-nan, Tôn giả A-nan lại gao phó Tôn giả Thương-na-hòa-tu, rồi Đại sĩ Ưu-ba-cúc-đa các Tổ nối tiếp nhau. Mãi đến Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, chẳng lập văn tự ngữ ngôn. Há chẳng là đạo phương tiện của các tiên Thánh ư?” Từ đó ngay người chẳng tin tức tự mê đầu nhận ảnh, rong đuổi đường cuồng, đến nỗi khiến thui thủi nổi trôi sinh tử. Các Thiền đức! Nếu hay một niệm xoay trở lại tỏa lại, hướng đến dưới cẳng chân mình chăn màn xé rách rốt cùng tương lai. Có thể gọi là cửa động mở suốt, lầu các lớp lớp, mười phương hiện khắp, hải hội đều sáng rõ, bèn mới là phàm Thánh hiền ngu núi sông đất liền dùng một ấn “Hải ấn Tam-muội” mà ấn định, lại không mảy may thấu lọt, sơn Tăng cử xướng như thế. Nếu là trong chúng có bản sắc nạp Tăng nghe đó thật là bịt tai mà về, cười phá miệng người khác. Đại chúng hãy nói bản sắc nạp Tăng môn hạ, một câu ấy làm sao sống? Nói”. Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: “Khoảng trời tuyết vùi đá ngàn thước, cửa động lạnh bẻ vài gốc tùng”. Lại một ngày nọ, lên

giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Hoàng Long một khúc nhạc, đích thân Sư xướng hát, tay Phật cẳng lừa lược mượn xem?" Sư đáp: "Lão Tăng đánh lùi trống". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Đầu rồng đuôi rắn". Lại hỏi: "Với Lâm Tế trồng tùng tức chẳng hỏi, còn Bách Trượng mở ruộng nương việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Sâu nhầm đầu bừa". Lại nói: "Người xưa còn sống". Sư bảo: "Lại thêm đầu cày". Vị Tăng ấy bèn lễ bái, Sư đánh xuống thiền sàn một cái, trông nhìn cả đại chúng và tiếp bảo: "Núi xanh trùng điệp điệp, nước biếc vọng róc rách". Sư bèn nhón lấy cây gậy tiếp bảo: "Chưa đến nơi vực sâu, lắc đầu nhìn kỹ càng". Sư chống cây gậy mà đứng dậy, tiếp bảo: "Núi báu cao vút người ít đến, trước hang tuyết lấp tùng khô ngã, ngọn trước ngọn sau vượn hoang hú, một dãy đường xưa gió trong quét. Các Thiền đức! Tuy là như vậy, hãy nói cây gậy sơn Tăng nắm chống dài được ít nhiều?" Sư lại bèn nhón dậy và bảo: "Dài theo dài sử dụng, ngắn theo ngắn sử dụng". Rồi Sư gõ xuống một cái. Lại có lúc lên giảng đường, giây lâu, sư trông nhìn đại chúng mà bảo: "Thạch môn cao vút ải sắt lao, nhướng mắt lớp lớp muôn nhận cao, trâu sắt không sừng xung phá được, trong biển Tỳ-lô nổi sóng đào. Hãy nói một câu chẳng giẫm qua sóng đào làm sao sống? Nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Một câu chẳng vội không nhầm hỏi, đến nay còn làm Tăng Dã bàn". Xong, Sư xuống tòa.

Sư ở chưa tròn thời kỳ một năm, mới chỉ sáu tháng, tri sự phân tranh, ngăn cản không thể được, Sư mới nói cùng đại chúng rằng: "Lãnh chúng không nghiêm túc, chánh bởi không có đức, tôi có thẹn với Long môn". Và bèn gọi Duy-na đánh chuông đại chúng nhóm tập lần lượt hành khất, trước sau Sư dặn bảo: "Sau khi tôi tịch diệt dùng lửa thiêu hóa, lấy cốt đá cất tàng nơi tháp chỗ thông để rõ sống chết chẳng lìa chúng tịnh". Nói xong, Sư bèn thị tịch, hưởng thọ năm mươi chín tuổi, bốn mươi ba hạ lạp. Môn nhân đệ tử vâng theo lời Sư dạy răn, trà tỳ, đem linh cốt nhập tháp, riêng thâu gom Xá-lợi để cúng dường.

4. Thiền sư Hạnh Vĩ ở Ngưỡng sơn.

Thiền sư Hạnh Vĩ ở Ngưỡng sơn tại Viên châu, vốn người xứ Hà sóc. Sư thọ giới Cụ túc ở chùa Đại Phật tại Đông kinh. Nghe giảng tập học kinh Viên Giác, hơi có chút nghi, bèn mang đãy du phương, chuyên khấu hỏi ý Tổ. Sư đến nơi pháp tịch của Thiền sư Tuệ Nam, sáu lần đổi dời tinh tự, một ngày nọ gõ hỏi thỉnh tìm, bị quát mắng đuổi ra, chân sắp đạp xuống ngạch cửa, chóng tỉnh ngộ Huyền chỉ. Sau đó, Sư ra hoằng hóa ở Ngưỡng sơn, đạo phong rất vang vọng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại chúng đã nhóm tập chăng? Việc xưa nay bít lấp chẳng

được, việc sử dụng thường ngày hiện tiền. Dám hỏi các người hiện tiền làm sao sống? Tham". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại chúng thấy chăng? Mở mắt thì quán khắp mười phương, nhắm mắt thì bao gồm cả vạn hữu. Chẳng mở chẳng nhắm tới mô dạng gì? Lại thấy mô dạng chăng? Lâu dự tham các bậc cao đức ở khắp nơi bèn thấy, hàng hậu tấn sơ cơ biết lấy mô dạng, chẳng chỉ quản tham ngủ. Lúc ngủ mắt thấy cái gì? Nếu nói chẳng thấy thì cùng người chết nào khác. Ngay như đỏ xanh xử sĩ trên đầu bút họa vẽ ra, núi xanh nước biếc, trúc giáp hoa đào chỉ là mô dạng tương tợ. Giả sử đầu dùi thợ đá đục ra đàn dê thú chạy, cũng chỉ là cái mô dạng tương tợ, nếu là mô dạng thật mặc tình là thợ đá xử sĩ cũng không nơi các ông xuống tay. Các người cần muốn thấy phải là đính mắt mới được? Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Rộng một đường chỉ, hẹp thì một tấc rưỡi. Nắm phất trần đánh vào thiền sàn, tiếng trống mới gióng động, đại chúng đồng nhóm tập, các người lên quán xét, sơn Tăng xuống trông nhìn. Lên quán xét quán cái gì? Xuống trông nhìn trông nhìn cái gì?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Đối mặt chẳng cùng biết". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đạo chẳng tại sắc mà chẳng lìa sắc. Phàm một nói một nín một động một tĩnh, ẩn hiện không gì chẳng là Phật sự, nhật dụng hiện tiền, xưa nay tự nhiên, lý nào sai lẫn?" Sư tự ghi vào hình tượng của mình rằng: "Dung mạo tôi thật khó lang lang lỗ lỗ muốn an bài". Đặt bút xuống, Sư bèn thị tịch. Sau khi trà tỳ có được Xá-lợi năm sắc. Then cốt đá móc câu liền, dựng tháp tại phía đông chùa.

5. Thiền sư Khánh Nhàn ở Long khánh

Thiền sư Khánh Nhàn ở Long khánh - Nhân sơn tại Cát châu, vốn người dòng họ Trác ở Phước châu. Thân mẫu Sư mộng thấy có vị Hồ Tăng trao cho minh châu, bèn nuốt lấy mà mang thai, đến lúc sinh Sư có ánh sáng sắc trắng tỏa chiếu khắp phòng nhà. Từ thủa bé thơ mà Sư đã chẳng gần các thứ rượu thịt. Năm mười một tuổi, Sư bỏ cuộc đời thế tục, năm mười bảy tuổi được độ xuất gia. Năm hai mươi tuổi vân du khắp nơi dự tham. Sau đó, Sư đến bái yết Thiền sư Tuệ Nam (Hoàng Long) ở Hoàng nghiệt. Thiền sư Tuệ Nam hỏi: "Ông từ xứ nào lại?" Sư đáp: "Từ Bạch trượng". Lại hỏi: "Xa lìa nơi đó từ bao giờ?" Sư đáp: "Ngày mười ba tháng giêng". Lại bảo: "Dưới cẳng chân khéo nhận đau cho ba mươi gậy". Sư nói: "Chẳng chỉ ba mươi gậy". Thiền sư Tuệ Nam bèn hét, bảo: "Có bao nhiêu thời gian hành khất không điểm tin tức?" Sư đáp: "Trăm ngàn chư Phật vẫn là như vậy". Lại hỏi: "Ông cũng gì lại từng có mảy may đến cảnh giới chư Phật?" Sư đáp: "Chư Phật cuối

cùng hẳn đến cảnh giới Khánh Nhàn”. Lại hỏi: “Thế nào là nơi ông sinh duyên?” Sư đáp: “Sáng sớm ăn cháo trắng, đến nay lại cảm thấy đói”. Lại nói: “Tay ta nào tợ tay Phật”. Sư đáp: Dưới trăng đùa đàn cầm. Lại hỏi: “Chân ta sao tợ cẳng lừa?” Sư đáp: “Cò đứng trên tuyết chẳng đồng sắc”. Thiền sư Tuệ Nam ngợi khen dò dẫm trông nhìn mà hỏi: “Ông cắt bỏ râu tóc để sẽ làm việc gì?” Sư đáp: “Chỉ mong cầu không việc gì?” Lại hỏi: “Cùng thì vài tiếng trong sạch hết phải quấy ngoài, một cái người nhàn giữa khoảng trời đất?” Sư đáp: “Là nói gì ư?” Lại bảo: “Nạp tử lanh lợi”. Sư nói: “Cũng chẳng tin được”. Thiền sư Tuệ Nam lại bảo: “Ở đây có Thượng tọa Biện, ông bám lấy tinh thái”. Sư nói: “Kia có nơi rất lớn”. Lại hỏi: “Kia vỗ vào lưng ông một cái lại như thế nào?” Sư nói: “Làm gì?” Lại bảo: “Kia bày hai tay”. Sư nói: “Nơi nào học cái đầu rỗng lại”. Thiền sư Tuệ Nam cười lớn, Sư liền bày hai tay. Thiền sư Tuệ Nam hét một tiếng rồi lại hỏi: “Lung lung tung tung hai người cùng một bát, làm sao sống hiểu?” Sư đáp: “Trăm thứ tạp đoái”. Lại hỏi: “Khắp đại địa là cái núi Tu-di, nhúm lại trong lòng bàn tay ông lại làm sao sống hiểu?” Sư đáp: Hai lớp công án”. Lại bảo: “Trong đó theo ông lời Hồ tiếng Hán, nếu đến Đồng an làm sao qua được?” Gặp lúc bấy giờ Thiền sư Hồng Anh vốn người xứ Thiệu võ đang ở tại Đồng an làm thủ tòa, sư muốn ra mắt đó, Sư bèn đáp: “Cừ cũng phải đến trong đất ruộng ấy mới được”. Lại hỏi: “Bỗng bị cừ chỉ lò lửa mà bảo: “Cái ấy là lò lửa sơn đen, cái kia là án hương”. Vậy nơi nào là nói chẳng đến?” Sư đáp: “Khánh Nhàn mà đến trước, cả lại theo nghĩ gì nói năng. Nếu là người khác cười Hòa thượng đi”. Thiền sư Tuệ Nam bèn tát Sư một cái, Sư liền hét. Qua ngày sau, đồng đi xem nhìn tăng đường, Thiền sư Tuệ Nam bảo: “Tăng đường xinh đẹp”. Sư nói: “Rất khéo công phu”. Lại hỏi: “Khéo ở nơi nào?” Sư đáp: “Một xà chống một trụ”. Lại bảo: “Đó chưa là nơi khéo đẹp”. Sư hỏi: “Hòa thượng lại làm gì sinh?” Thiền sư Tuệ Nam đưa tay chỉ và bảo: “Trụ ấy được cùng gì tròn, bảng kia được cùng gì dẹp”. Sư nói: “Đại Thiện tri thức của trời người phải là Hòa thượng mới được”. Và liền rảo bước đi, qua ngày sau, Sư đứng hầu Thiền sư Tuệ Nam hỏi: “Được ngồi đắp y ngày sau thi thiết thế nào?” Sư đáp: “Gặp vuông tức vuông, gặp tròn tức tròn”. Lại hỏi: “Ông cùng gì nói năng còn nói năng còn dính nơi môi răng?” Sư đáp: “Khánh nhàn tức cùng gì, Hòa thượng làm sao sống?” Lại bảo: “Gồm từ trước lại, cho ông nói”. Sư bèn vỗ tay nói: “Sư bèn vỗ tay nói: “Ba mươi năm dùng đến cùng, ngày nay gặp phải bại”. Thiền sư Thiền sư Tuệ Nam cười lớn bảo: “Một đồng là tinh linh”. Sư bèn rủ áo mà đi. Từ đó các học giả đua

nhau quy hướng.

Lô lăng thái thú Trương Cônrằng giám thỉnh mời Sư đến ở Long khánh. Có vị Tăng hỏi: “Bày tòa mời mở, chẳng thể thông qua. Sư đáp: “Ghi nhớ lấy câu thoại đầu”. Lại hỏi: “Xin Sư cao dán mắt”. Sư bảo: “Sai nhầm quá lắm vậy”. Trong thất duỗi hỏi: “Tâm ấn Tổ sư, Triệu làm bằng văn gì? Cội nguồn chư Phật sâu đến ít nhiều?” Lại có lúc Sư bảo: “Trong mười hai thời khắc trên đến dưới đi, mở đón bày bát. Đây là thân Năm uẩn bại hoại. Vậy cái nào là pháp thân tịnh?” Sư lại bảo: “Chẳng dùng chỉ đông vẽ tây, ngay trên thật địa nói lấy một câu lại?” Sư lại bảo: “Trong mười hai thời khắc, mặc áo ăn cơm, nương nhờ ân sức của người nào?” Sư lại bảo: “Cá lội nước đục, chim bay rụng lông, tòa thủ Lượng một lần vào Tây sơn vì gì mịt mờ không tin tức?”

Sư ở tại Long khánh chưa đầu một năm, Chung lăng thái thú Vương Công Thiều thỉnh mời Sư đến ở Long tuyền. Lại chưa qua một năm, vì cớ bệnh, Sư mong cầu đi. Các hàng đạo tục ở Lô lăng dùng thuyền chở đưa Sư về. Sư ở nhà đông tại Long khánh, mọi người chăm sóc hầu hạ rất mực chí thiết. Đến ngày mồng 07 tháng 03 năm Nguyên Phong thứ tư (1081) thời Bắc Tống, lúc sắp thị tịch, Sư lưu lại bài kệ rằng:

“Chất bày nỗi đời
Chất ngầm nổi diệt
Năm mươi ba (53) năm
Sáu bảy tám tháng
Năm nhạc Thiên thai
Gió tùng tuyết nhẹ
Trân trọng biết âm
Lò hồng ưu bát”.

Xong rồi, Sư ngồi điềm nhiên mà thị tịch. Bảo thợ họa vẽ đến tả vẽ hình tượng, bỗng nhiên Sư ngẩng lên, qua hôm sau mới nhìn xuống lại ngang bằng. Ngày trà tỳ, có mây nổi, gió thổi bay ngoái bẻ gãy cây gỗ. Hỏi khói đến khắp bốn hướng Đông Tây Nam Bắc rộng cả 40 dặm, phàm giữa khoảng các nơi cây cỏ cát sỏi, đều có được Xá-lợi sắc màu như vàng ròng. Tính số lượm nhặt được có đến vài hộc. Sư hưởng thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi sáu hạ lạp. Mới đầu, Tô Tử Do muốn làm bài ký mà còn nghi ngờ về việc ấy, mới mắc bệnh sốt rét, mộng thấy có người quở trách là: “Sự việc của Thiền sư Khánh Nhàn sao lại nghi ngờ ư? Nghi ngờ tức là bệnh vậy”. Trong cơn mộng, Tử Do có làm cả vài trăm bài. Nơi bài Minh lược ghi là:

“Cúi đầu ba cõi xúy

Sư Nhàn chẳng chỉ vậy
Vì thương đời hẹp yếu
Nên hiện bày nhỏ nhiệm
Tử Do biết nói gì thay!"

6. Thiền sư Thủ Trí ở Vân cái.

Thiền sư Thủ Trí ở Vân cái tại Đàm châu, vốn người dòng họ Trần ở Kiếm châu. Sư du phương đến Đại ninh ở Dự chương. Bấy giờ Thiền sư Hội ở pháp xướng đang ngầm ẩn tại Tây sơn. Sư nghe đó no đủ bèn liền đến dự tham. Thiền sư Hội hỏi: "Ông từ nơi nào lại?" Sư đáp: "Từ Đại ninh". Lại hỏi: "Đêm qua Tam môn ngã đổ ông có biết chăng?" Sư kinh ngạc, đáp: "Không biết". Lại bảo: "Phật đá trong Ngô lớn có người chẳng từng được thấy". Sư mịt mờ mà kính lễ. Thiền sư Hội bảo Sư đến bái yết Thiền sư Chân ở Thúy nham. Đến ở đó tuy trải qua thời gian lâu dài, mà Sư chẳng có được tỉnh ngộ, lại chẳng hợp với tấc bóng. Sư bèn đến bái yết Thiền sư Hoàng Long (Tuệ Nam) đang ở tại Tích thúy mới dứt sạch hết điều nghi. Sau, Sư ra làm thủ chứng ở Thạch sương, bèn khai đường giảng pháp, Sư bảo: "Tôi dời đến ở Vân cái". Có vị Tăng hỏi: "Có một cây đàn không dây, chẳng là cây ở đời, sáng mang lại trước, xin Sư khảy bản nhạc?" Sư vỗ xuống đầu gối một cái. Vị Tăng ấy lại nói: "Gió vàng vùn vụt hòa vận trong, xin Sư phương tiện lại duỗi lời". Sư bảo: "Thiểm phủ trâu sắt ra". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Dây bao lìa giày nước, đạp phá trăng hồ tương, tay nắm sắt tật lê, đánh nát hang rồng hổ, vụt thân ngã trên cây, mới thấy không sinh diệt. Kiếp cười lão Cù-đàm, khoảnh khắc vượt Di-lặc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đêm qua núi cao nhìn câu cá, đi bộ cưỡi ngựa mất ngay lừa, có người nhặt được lạc đà đi, thưởng lớn ngàn vàng một cũng không. Nếu hướng đến trong đó nêu cử được chẳng nhằm hoàn toàn trả tiền giày cỏ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Triệu Châu hỏi vị Tăng: "Hướng đến xứ nào đi?" Vị Tăng ấy đáp: "Hái trà". Triệu Châu bảo: "Nhàn". Sư bảo: "Nói nhằm không nhằm phỏng mò nơi nào? Sau lưng vảy rồng, trước mặt cẳng lừa, phiên thân cân đấu, hạc đồng mây lẽ. A,ha, ha". Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chẳng lìa ngay đây thường trong lắng, tìm tức biết ông chẳng thể thấy, tuy là tiên đức nghĩ gì nói, tạm làm cái khuôn nhỏ vừa ngay, nếu là ra chẳng được, chỉ ôm được người xưa đến cùng. Còn nếu ra được mới có phần ít tương ưng. Với Vân cái thề không như vậy, cưỡi ngựa giỏi nhiễu quanh núi Tu-di, qua núi tìm dấu vết kiến trùng, hay có được mấy người biết? Sư ở tại nhà đông của viện, năm Tân mão (1111) thuộc niên hiệu Chỉnh Hòa,

thời Bắc Tống, Thiền sư Tử Tâm từ tạ phụng thờ Hoàng Long, do từ Hồ nam vào núi hầu thăm ngày đã vào đêm vậy, nhờ vị Tăng vào báo để bái yết, Sư kéo lê giày vừa đi vừa bảo: "Đem đèn lại xem mặt mũi người ấy, sao tợ như sống mà đặt tên ồn náo cả vũ trụ". Thiền sư Tử Tâm cũng dứt nghỉ kêu, nằm gần lại trước bảo: "Ta muốn soi chiếu để thấy là Sư chú thật hay Sư chú giả". Sư liền ngay ngực đấm một đấm. Thiền sư Tử Tâm nói: "Tức là chân thật", bèn liền đảnh lễ. Chủ khách cùng được mừng vui rất lắm. Đến lúc Thiền sư Tử Tâm trở lại nhận lãnh Hoàng Long đến năm giáp ngọ (1114) thuộc trong niên hiệu Chính Hòa thời Bắc Tống thì thị tịch. Bấy giờ, Sư đang ở tại Khai phước được tin báo có tang, bèn lên giảng đường, Sư bảo: "Pháp môn chẳng may, pháp tràng đổ ngã, trong núi Ngũ uẩn hóa làm tro, đêm qua trâu bùn thông một tuyến, hoàng môn từ đây vào luân hồi!"

7. Thiền sư Hợp Văn ở Huyền sa.

Thiền sư Hợp Văn - Minh Tuệ ở Huyền sa tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Riêng thông xe ngựa". Vị Tăng ấy tiến tới một bước. Sư bảo: "Quan chẳng dung châm kim".

8. Thiền sư Duy Thắng ở Hoàng nghiệt.

Thiền sư Duy Thắng - Chân Giác ở Hoàng nghiệt tại Thụy châu, vốn người dòng họ La ở Đồng xuyên. Lúc ở nơi giảng tụ, chợt nắm cây quạt khắc đánh vào song cửa phát tiếng, Sư bỗng nhớ trong kinh giáo có nói: "Mười phương đều đánh trống, mười nơi một lúc nghe". Nhân đó Sư đại ngộ thưa bạch cùng bản giảng. Bản giảng bảo Sư đến tham vấn, Sư bèn thẳng đến đến Hoàng Long. Về sau, Thụy Châu thái thú giao phó Hoàng Long (Thiền sư Tuệ Nam) chọn người làm chủ Hoàng nghiệt. Thiền sư Tuệ Nam mới nhóm tập chúng Tăng mà bảo là: "Trên lầu chuông niệm tụng tán thán dưới chân sàn giường trồng sau. Nếu người nào nói được, mới sang đó trú trì". Sư bèn ra đáp rằng: "Hổ dữ ngồi ngay được". Thiền sư Tuệ Nam rất vui mừng, bèn bảo Sư đến Hoàng nghiệt. Từ đó, mọi người ở các phương đều quy hướng kính ngưỡng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lâm Tế quát hét, Đức Sơn đánh gậy, lưu lại cho các thiền nhân làm mô phạm, Quy tông đẩy chùi, Tuyết phong trục cầu, cái sân cửa ấy để tiếp hàng thượng lưu. Nếu là Hoàng nghiệt đây tức không vậy cũng không quát hét, cũng không đánh gậy, cũng không đẩy chùi, cũng không trục cầu, trước mặt là an núi, sau lưng là chủ núi, lấp bít tức tròng mắt các ngươi đè phá cửa mặt các ngươi. Ở đó thấy được đắc không chuyển lùi, suốt cùng tương lai chẳng hương nói khác mong cầu. Nếu thấy không được đề hồ thượng vị vụt nhiên biến thành thuốc

độc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lắng chừ xa chừ con cóc sáng sạch xuống thong dong, rỗng chừ thoáng chừ sắc trời sáng đẹp tỏa bốn biển, trên đường Tào Khê cắt tuyệt người đi, trước tháp Đa tử xếp đầy như chợ. Ngay như trong đó nêu cử được lỗi lạc phân minh, chưa là kế sống nạp Tăng, đại trượng phu tài giỏi phải là hướng đến trong ngục tối đánh gông phá cùm, đến trong hội quỷ đói phóng lửa cướp tương, đẩy ngã lầu các của Từ Thị, bẻ gãy điện Không Vương, mầm linh cỏ quý hòa rễ lường, đầy đất theo giáo gai gốc sinh".

9. Thiền sư Nguyên Túc ở Bạch trượng.

Thiền sư Nguyên Túc ở Bạch trượng tại Hồng châu. Có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Ý Tổ từ Tây vức lại, ai là đích từ nối dõi?" Sư đáp: "Xoay mặt phương Nam nhìm Bắc đẩu". Lại nói: "Mật ấn Hoàng long thân truyền được, sáng nay Bách trượng một mạch chảy". Sư bảo: "Nghe việc chẳng thật, kêu chuông làm vó". Lại nói: "Người trời có đội nhờ". Sư bảo: "Bảy xuyên tám huyệt". Lại hỏi: "Ý Tổ từ Tây vức lại như thế nào nguyện xin chỉ bày?" Sư đáp: "Trâu đất nuốt sóng lớn". Lại hỏi: "Với hàng căn cơ trung hạ hiểu rõ rốt ráo như thế nào?" Sư đáp: Ngựa gỗ đạp bụi hồng". Lại hỏi: "Thế nào là xe pháp xoay chuyển lại, Tổ đạo sáng ngời thêm?" Sư đáp: "Trên đất thêm bùn". Và Sư mới bảo: "Văn Thù ở trên long mi các ông tỏa phóng ánh sáng, Phổ Hiền tại dưới cẳng chân các ông chạy qua. Hãy nói Đại sĩ Quán Thế Âm đi giày tại xứ nào? Đêm nghe gió nước vọng, ngày nghe vượn núi kêu". Sư lại bảo cùng đại chúng: "Xuân đi thu lại đầu đến cuối, hoa nở hoa tàn lúc nào cùng, chỉ dư dưới rừng người mò Huyền, rõ được Vô thường tánh tự thông". Sư lại bảo: "Bày xưa xa vời, nay bao trời gồm đất, nào chỗ dẫn của đến đi, nào hay đổi dời của mới cũ, lãnh mai phát rỉ bờ liễu ngậm khói, kinh suy rút lẫn trước sau giao tham. Các vị Thiền đức có hiểu chăng? Pháp nhĩ chẳng phải vậy, chẳng phải vậy mà vậy". Sư lại bảo: "Động thì ứng dụng không cùng, tĩnh thì rỗng sáng xa thoáng, động tĩnh không hai, vật ngã như như. Người xuất gia đến trong đó, ai kẻ không phần. Tuy là như vậy, bầu đắng đắng liền rễ, dưa ngọt ngọt suốt lá".

10. Thiền sư Hoài Tú ở Đại quy.

Thiền sư Hoài Tú ở Đại quy tại Đàm châu, vốn người dòng họ ứng ở Tín châu. Có vị Tăng hỏi: "Ngày xưa Đại quy nước Bò đực, từ khi buông đi tuyệt vết lại. Sáng nay may gặp Sư lên tòa. Chưa xét lúc người cầu xứ nào?" Sư đáp: "Không được xâm phạm lúc mạ của người". Lại hỏi: "Thế nào là đầu sừng đã rõ ràng?" Sư đáp: "Giữa khoảng không

nắm sơn đồng tặng roi sắt".

11. Thiền sư Từ Cảm ở Phước nghiêm:

Thiền sư Từ Cảm ở Phước nghiêm tại Nam nhạc, vốn người dòng họ Đỗ ở Đồng xuyên. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm Phật xưa chỉ như nay. Nếu chẳng hiểu, như trầm ngâm, mưa thu nhỏ nhỏ, gió thu vùn vụt, chợt đây chợt kia như là đối đáp, bờ cát hoa lau xanh vàng xen tạp, thiền giả nương đâu?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Cắt".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 15
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 16

MỤC LỤC

Đời thứ mười ba, sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long, có năm mươi chín vị:

25. Thiền sư Nguyên Hựu ở vân cư
26. Thiền sư Tuệ Nguyên ở Báo bản
27. Thiền sư Chiêu Khánh ở Kiến long
28. Thiền sư Nguyên ở ẩn
29. Thiền sư Đức Phổ ở Hòa sơn
30. Thiền sư Đức Tốn ở Tuệ lâm
31. Thiền sư Pháp Cư ở Hựu Thánh
32. Thiền sư Tuệ Trạch ở Tam giác
33. Thiền sư Văn Dục ở Pháp luân
34. Am chủ Chí Chi ở Quy tông (ba mươi vị trên hiện có ghi lục)
35. Thiền sư Lợi Nghiễm ở Long khánh
36. Thiền sư Tự Khánh ở Hoàng long
37. Thiền sư Ứng tê ở Đại quang
38. Thiền sư Trí Bí ở Thủy nam
39. Thiền sư Thiệu Nam ở Thăng sơn
40. Thiền sư Quế ở Nam hoa
41. Thiền sư Nhân Kha ở Ba tiêu
42. Thiền sư Sùng Nhã ở tuyền
43. Thiền sư Giác Tín ở Chương pháp
44. Thiền sư Phú ở Tuệ nhật
45. Thiền sư Tấn ở Quy tông
46. Thiền sư Dĩ ở Dõng tuyền
47. Thiền sư Động Châu ở Thạch cổ
48. Thiền sư Tuệ Anh ở Kim lật
49. Thiền sư Trừng Phủ ở Bảo thắng
50. Thiền sư Phổ Giác ở Tuệ nhật
51. Thiền sư Chánh Tín ở Tây phong
52. Thiền sư Tuệ Nhân ở Phổ ninh
53. Thiền sư Bảo Vân ở Thúy nham
54. Thiền sư Sùng Kiên ở Nga hồ
55. Thiền sư Hy Yến ở Vân môn
56. Thiền sư Hữu Trăn ở Cát tường
57. Thiền sư Siêu Oánh ở Càn minh
58. Thiền sư Bản Long ở Cảnh đức
59. Thiền sư Thái ở Vân đảnh (hai mươi lăm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhã Xung ở Tuệ lâm, có tám vị
1. Thiền sư Trí Minh ở Hoa nghiêm

2. Thiền sư Trí Hàng ở Vĩnh thái
3. Thiền sư Tử Bang ở Thọ Thánh
4. Thiền sư Đàm Chương ở Quảng phước
5. Thiền sư Giới ở Thạch tháp (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Nghĩa Đoan ở Phước xướng
7. Thiền sư Nguyên Thái ở Cảnh đức
8. Thiền sư Trọng Dự ở Bạch lộc (ba bị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tử Hồng ở Thụy nham, có sáu vị:

1. Thiền sư Khả Anh ở Phật quật
2. Thiền sư Đàm Chấn ở Nhạc lâm (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Thiền Tuệ ở Trung trúc
4. Thiền sư Tung ở Cảnh đức
5. Thiền sư Bản ở Tư Thánh
6. Thiền sư Văn Lượng ở Thánh thọ (bốn vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trọng Nguyên ở Thiên bát, có sáu vị:

1. Thiền sư Thiện Phi ở Tổ ấn
2. Thiền sư Mãn ở Nguyên phong
3. Thiền sư Chân Ngộ ở Thiện thắng
4. Thiền sư Pháp Bản ở Định tuệ (bốn vị trên hiện có ghi lục)
5. Thiền sư tiên ở Động sơn
6. Thiền sư tuệ Thâm ở Nghĩa an (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Xung Hội ở Tam tổ, có hai vị:

1. Thiền sư Cư Nhuận ở Lâm an (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Minh Quảng ở Cam lộ (hiện không ghi lục)

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ NAM Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Lâm ở Thạch sương.

Thiền sư Lâm ở Thạch sương tại Đàm châu. Mới đầu, lúc hành cước, Sư cùng Thiền sư Linh ở giáp sơn đồng đi, trải qua thời gian lâu dài nương tựa nơi Thiền sư Tài ở Phật nhật. Sau khi nghỉ dự tham, nhân

cùng Thiền sư Linh đồng đến Hoàng nghiệt, thấy tiểu tham của Thiền sư Tuệ Nam, tuy chẳng hiểu ý chỉ mà Sư bèn mong cầu nhập thất, Thiền sư Linh tức giận đánh Sư một đấm mà bỏ đi. Riêng mình Sư ở lại, sau đó không bao lâu, Sư bèn đạo ngộ Tông chỉ của Hoàng Long (Thiền sư Tuệ Nam), cơ phong trội vượt, tiếng tăm vang động khắp chốn tùng lâm. Dưới tòa của Nam công, Sư cùng Thiền sư Khắc Văn ở Quan tây, Thiền sư Hồng Anh ở Thiệu võ, v.v... ngang danh. sư bèn khai đường giảng pháp tại Thạch sương. Có lúc lên giảng đường, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Hoa sương một cảnh, cùng ngân mắt tiêu nhiên, cây khô trước nhà, gió thổi cỏ rạp, nước biếc mênh mông vô tận, mây trắng nhóm mà lại bày, thiền khách qua lại no đủ, tham quan dưới rừng cùng gặp, cười lớn ha, ha. Hãy nói cười cái gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Khói trong thôn tháng ba tháng tư, riêng là xuân một nhà”. Xong, Sư xuống khỏi tòa. Có lúc Sư lại bảo: “Hoặc nói huyền hoặc nói diệu, Đức Sơn, Lâm Tế vỗ tay cười. Lại nói không nói là Bồ-đề, nhiều năm trên xà mọc cỏ chi. Ôi!” Có vị Tăng hỏi: “Nắm dùi, nâng cây phất trần, nắm buông một bên, xin Sư đáp câu thoại”. Sư bảo: “Dán mắt cao”. Lại nói: “Tác gia Tông sư”. Sư bảo: “Dưới chân sai nhầm quá”. Vị Tăng ấy đưa tọa cụ họa vẽ một đường. Sư bảo: “Tự lãnh ra đi”. Lại hỏi: “Đấng Pháp vương xuất hiện nơi đời, xin thi hành hiệu lệnh”. Sư bảo: “Một hai ba bốn năm”. Lại nói: Pháp lệnh thì hành”. Sư bảo: “Thuyền con tiêu tương”. Lại hỏi: “Từ vân đầy dẫy, Tuệ nhật tỏa ngời, đại chúng mừng vui xin Sư một lần tiếp”. Sư bảo: “Tốt”. Lại hỏi: “Chẳng nói ngậm hữu tượng, nơi nào rơi vô tư?” Sư đáp: “Thạch nữ bên khe cười gật đầu”. Lại hỏi: “Lúc cây khô ở Thạch sương sống lại thì thế nào?” Sư đáp: “Đáy biển rùa vàng chạy, bên trời thỏ ngọc tỏ”. Lại hỏi: “Thế nào là hoa giác nở có nơi, quả chín tự tỏa hướng?” Sư đáp: “Trên đỉnh núi Tu-di xoay mặt hướng nam đi”. Sư giảng nói pháp rất tương tợ Thiền sư Chân Tịnh, nhưng đối với Thiền sư Chân tịnh chẳng cùng biết mà tâm rất kính trọng. Lúc Sư ở Thạch sương thì Thiền sư Chân Tịnh ở Động sơn. Sư có viết bài tụng đưa tiễn vị Tăng, có nói là: “Bông lông bốn biển cầu thiền giả, chẳng đến Tân phong cũng là si”.

Đến ngày mồng 08 tháng 03 năm Nguyên Phong thứ bảy (1084) thời Bắc Tống, Sư cạo tóc tắm rửa, vào nửa đêm, lúc tiểu tham, Sư bảo: “Bình sinh hành cước mới bắt đầu thấy người. Bình sinh tham thiền trước sau đắc lực, thành Phật làm Tổ chẳng lìa tấc vuông, vạc sôi lò đỏ chỉ tại như nay. Cái tin tức ấy như người uống nước nóng lạnh tự biết. Nên nghe tôi nói một bài tụng”. Sư bèn đọc bài tụng là:

"Một đại huyễn
Quang minh xán lạn
Nhọc não chúng sinh
Sớm chiều phân tán".

Xong, vào nửa đêm, Sư ngồi thẳng mà thị tịch, trà tỳ có được Xá-lợi, bèn an táng tại núi đó.

2. Thiền sư Tử Kha ở Khai nguyên.

Thiền sư Tử Kha ở Khai nguyên tại Kỳ châu, vốn người dòng họ Hứa ở Tuyền châu. Sư mới đầu nương tựa Thiền sư Trí Nột ở Khai nguyên, khảo xét kinh điển mà được độ, Sư học tinh thông các kinh Lăng Nghiêm, Viên Giác. Xong, Sư giã từ đó đến bái yết Thiền sư Chân ở Thúy nham. Sư hỏi về đại ý của Phật pháp. Thiền sư Chân khạc nhổ nơi đất, bảo: "Cái giọt ấy rơi ở nơi nào?" Sư vỗ vào ngực nói: "Ngày nay người học đau lá lách". Thiền sư Chân mở đổi sắc mặt. Sư giã từ đó, đến dự tham nơi Thiền sư Tuệ Nam ở Tích thúy, trải qua hơn một năm mà thấu đạt ý đạo, nhân thời gian hầu cận Thiền sư Tuệ Nam, thương lường xác thực xưa nay. Vừa gặp lúc có tuyết lớn, Thiền sư Tuệ Nam chỉ vào tuyết mà hỏi: "Ở đó có thể cầm một cây bông chổi chăng?" Sư đáp: "Không thể vậy thì trời tạnh mặt nhật hiện bày, mây vật tan nhóm há lại có ư? Biết có đến cùng người đối với một lời câu như phá tre, tuy trăm mắt nhưng đón nhận mũi nhọn mà mở tan há dung thứ lời tiếng ở phỏng lường bàn nghị ư?" Một ngày nọ, Thiền sư Tuệ Nam sai một vị Tăng hỏi ngược là: "Lão Hòa thượng Tam Quan hỏi thế nào?" Sư gằng tiếng bảo: "Lý ấy hiểu lâu xa thời sự làm gì?" Thiền sư Tuệ Nam nghe vậy càng lấy làm kỳ lạ. Từ đó tiếng tăng Sư vang khắp các pháp tịch tùng lâm. Đến khi Thiền sư Tuệ Nam thị tịch, Thiền sư Diễn ở Tứ tổ bảo phân tòa. Ở trong thất duỗi chỉ dạy lời rằng: "Một người có miệng không được họ tên là ai?" Về sau lưu truyền đến Đông lâm, Thiền sư Tổng khen ngợi là: "Thủ tòa Kha như núi sắt cao muôn nhận rốt cùng khó lưu lại ngữ mạch khác". Sau đó không bao lâu, lấy Khai nguyên làm thành thiền lâm, thỉnh mời Sư làm Tổ đời thứ nhất. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hư không không trong ngoài, sự lý có ngắn dài, thuận thì thành Bồ-đề, nghịch thì thành phiền não. Đèn lồng thường ngủ gật, trụ bày cũng ảo não, đại đạo tại trước mắt, lại tìm đến nơi nào?" Xong, Sư nắm cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bốn mặt cũng không cửa, mười phương chẳng vách rơi, đầu rối bù, tai chỏng ngược, mỗi mỗi bày tướng nam nhi đại trượng phu, sao được không dây mà tự buộc. Hãy nói một

câu thấu thoát làm sao sống? Nói”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Đạp phá giày cỏ chân tỏ chạy”. Có vị Tăng hỏi: “Với núi Tu-di đặt để trong hạt cải tức chẳng hỏi, còn lúc trong mảy trần chuyển Đại pháp luân việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Một bước tiến một bước”. Lại hỏi: “Thế nào thì buổi sáng đến Tây vức, chiều tối về đất đường?” Sư đáp: “Làm khách chẳng như về nhà”. Lại hỏi: “Từ lâu đã vọng hưởng đạo phong, xin Sư cùng thấy?” Sư đáp: “Mây trăng lá đồng, khe núi mỗi khác”.

3. Thiền sư Thuận ở Thượng lam.

Thiền sư Thuận ở Thượng lam tại Hồng châu, vốn người xứ Tây thục. Sư là người có sự nhận biết sâu xa, cần cừ thuần chí, các hàng hậu tấn ở chốn tùng lâm thảy đều kính trọng mến quý Sư. Mới đầu, lúc ra đất Thục, Sư cùng Thiền sư Nột ở Viên thông đồng đi, thế rồi lại cùng Thiền sư Liên ở Đại giác vân du rất lâu. Sư lại khéo kết bạn lành với lão Tô Công. Nên về sau, Hoàng Môn tán thán chân tượng Sư nói là: “Cùng Nột đồng đi, cùng Liên đồng ở”. Sư đắc pháp từ Thiền sư Tuệ Nam, làm trưởng tử của Thiền sư Tuệ Nam, nhưng duyên bạc, các nơi Sư ở đều là chùa nhỏ nơi phương xa. Sư lại đến ở Cảnh phước, Hương thành và Song phong. Các học giả qua nơi cửa nhà Sư chẳng chịu ở lại. Sư cũng an nhiên tự tại. Nhìn cảnh đời như bụi bay qua mắt. Sư hưởng thọ hơn tám mươi tuổi, ngồi mà thị tịch tại núi hương thành, dung mạo vẫn như lúc bình sinh. Lúc sống Sư kết bạn lành với Phan Diên, đến lúc sắp thị tịch, Sư sai mời Phan Diên tới để cùng giã biệt, nhưng khi Phan Diên đến nơi thì Sư đã thị tịch. Sư chỉ dạy đại chúng phần nhiều dùng bằng kệ tụng mà đều là những lời đức hạnh. Có bài kệ nói là:

“Ngày hạ người người nắm quạt lay
Đông đến dùng than đầy lò đốt
Nếu hay như vậy toàn hiểu biết
Trần kiếp Vô minh hẳn tiêu ngay”.

Sư lại làm bài kệ tụng về Triệu Châu Khám Bà Tử rằng:

“Triệu Châu hỏi đường Bà Tử
Đáp là thẳng nghĩ gì đi
Đều nói khám pháp lão bà
Bà Tử không nơi tuyết ấy”.

Sư lại làm về bài tụng Tam Quan ở Hoàng long rằng:

“Sông dài tuyết tan nước mênh mông
Bỗng nhiên gió dữ cuộn sóng cao
Chẳng biết ngư ông ý huyền diệu
Nghiêng ở trong sáng nhìn gió đào”.

Lại có bài tụng rằng:

"Nam hải, Ba tư vào đại Đường
Có người riêng báu bèn thương lường
Hoặc lúc gặp tiện lúc gặp quỷ
Ngày đến Tây phong bóng dần dài".

Lại có bài tụng rằng:

"Hoàng long lão Hòa thượng
Có cái nói duyên sinh
Sơn Tăng nối dõi ấy
Ngày nay vì ông bày
Vì ông nêu bày
Mô con riêng hiểu bắt chuột già".

Rất được các chốn tùng lâm xưng tán những bài tụng ấy v.v...

4. Thiền sư Pháp Tông ở Tam tổ

Thiền sư Pháp Tông ở Tam tổ tại Thư châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Uống muối thêm bị khát". Lại hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Mười dặm hai cái bia, năm dặm một cái ụ". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Nhỏ lánh lớn, hèn lánh sang". Lại hỏi: "Thế nào là tâm sở vi của Thiện tri thức?" Sư đáp: "Đầu ngả tư đường?" Sư đáp: "Không biết". Lại hỏi: "Thế nào là một mảnh ngoái đầu ngả tư đường?" Sư đáp: "Không biết". Lại hỏi: "Đã là không biết tức nói gì?" Sư đáp: "Không người đạp nhằm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Năm lần năm là hai mươi lăm, mọi người thời nào đều biết số, nắm ngược thể thứ hai, người mịt mờ không y cứ. Vì gì không y cứ? Mến một lũ kia tức mất một mối". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sáng lắc lư, sống lao nhao, mười phương thế giới một mảy trần, kéo đến trước mặt biết không biết, chẳng hướng ý căn trên nhóm xâu". Xong, Sư vỗ một cái. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Giá thang có thể vin cao, tuy lên mà chẳng thấu được Phong luân. Khí vật ấy uổng công, mưu tính ấy càng vọng, chẳng bằng về nhà ngồi, khỏi khiến chạy bụi trần. Đại chúng! Cái nào là bụi trần? Tổ Phật thiền đạo".

5. Thiền sư Pháp Diễn ở Tứ tổ.

Thiền sư Pháp Diễn ở núi Tứ tổ tại Kỳ châu, vốn người ở Quế châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là tâm tướng?" Sư đáp: "Núi sông đất liền". Lại hỏi: "Thế nào là tâm thể?" Sư bảo: "Ông kêu gì làm núi sông đất liền?" Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lá lìa cành thu đã về muộn người tham huyền phải cảnh ngộ, chớ cho rằng năm sau lại có ngày xuân, rảnh rang rảo bước đường trước núi. Hãy nói làm sao sống là đường trước núi?"

Ngưng giây lát, Sư bảo: “Hiểm nguy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chủ sơn nuốt chửng án sơn, tầm thường bàn luận cây gậy chống, khắp cùng sát trần chưa đủ lấy làm lạ, quang cảnh cả hai đều mất lại là vật gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Gặp kiếp lửa đốt cháy, mảy may đều hết, núi xanh như cũ trong mây trắng”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đạo của Phật tổ như vách dựng đứng ngàn nhận, phỏng nghĩ rong tìm lại đồng chấm trán, thức chẳng thể biết, trí chẳng thể hay. Các Thánh xưa đến trong ấy, duỗi một lời nửa câu, cần cùng các ngươi có nơi nào vào. Do đó nói cúi đầu chẳng thấy đất, ngửa mặt chẳng thấy trời, muốn biết nơi trâu trắng, chỉ nhìn trước đầu lâu. Như nay, trên đầu là nóc nhà, dưới chân là đất, trước mặt là điện Phật. Hãy nói trâu trắng tại xứ nào?” Và Sư mới gọi đại chúng, cả chúng ngẩng đầu lên, Sư bèn quát mắng.

6. Thiền sư Hiểu Thường ở Ngũ tổ

Thiền sư Hiểu Thường ở Ngũ tổ tại Kỳ châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là việc trong tông thừa?” Sư bảo: “Động môi mép được gì?” Lại hỏi: “Thế nào là chánh pháp nhãn?” Sư bảo: “Chọn lựa được gì?” Lại hỏi: “Thế nào là pháp thân?” Sư bảo: “Nói ngươi chẳng hiểu được gì”. Lại hỏi: “Lúc hoa sen chưa trồi khỏi mặt nước thì thế nào?” Sư đáp: “Nhìn không thấy”. Lại hỏi: “Sau khi đã trồi khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Hương thơm trong sạch tỏa đầy đường”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một niệm tín tâm một niệm Phật, niệm niệm lại là chẳng vật khác, sáu cửa ra vào đâu thần thông, một luồng tỏa sáng không khuôn phép, đi cũng đi, ngồi cũng ngồi, hoặc nói hoặc cười không hai cái, dưới mắt nếu là nhận được cừ, núi xanh muôn dặm cỏ một tất”.

7. Thiền sư Tuyên Minh - Phật Ấn ở Cao đài.

Thiền sư Tuyên Minh - Phật Ấn ở chùa Cao đài tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: “Chánh pháp nhãn tạng, Niết-bàn diệu tâm, tiện xin nhón ra?” Sư ngước mắt nhìn thẳng lên. Vị Tăng ấy lại hỏi: “Thế nào là trời người có nương nhờ?” Sư đáp: “Mạc vàng tuy quý”.

8. Thiền sư Trọng Xác ở Linh nham.

Thiền sư Trọng Xác ở Linh nham tại Tề châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tâm ấn Tổ sư tướng trạng tợ cơ của trâu sắt, kim khêu chẳng ra, thìa khêu chẳng nỗi, qua ở nơi ai, duyên tuy ngàn thứ cỏ, mùi thơm chỉ một gốc lan”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Không vuông không tròn, chẳng trên chẳng dưới, lừa kêu chó sủa mười phương vô giá”. Xong, Sư vỗ vào thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa.

9. Thiền sư Dĩnh Thuyên ở Đại quy.

Thiền sư Dĩnh Thuyên ở Đại quy tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "gương xưa lúc chưa lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Đen tối đầy đất". Lại hỏi: "Sau khi đã lau chùi thì thế nào?" Sư đáp: "Sáng rực cửa đảnh". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Từ Quảng châu lên thuyền". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Thiếu lâm ngồi xoay mặt vách tường". Lại hỏi: "Người học không hiểu?" Sư đáp: "Trở về Tây vức". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Núi cao nước lạnh, người đi hiếm đến, chăm trâu dưới sườn, thiền khách ngang dọc, ra ra vào vào chẳng đạy rơi cỏ. Nghĩ gì nói năng lại có đạo lý Phật pháp hay không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ức kiếp Ngưỡng sơn từng có nói, một hồi vào cỏ, một hồi khiên hồng".

10. Thiền sư Pháp Minh ở Cửu tông.

Thiền sư Pháp Minh ở Cửu tông tại An châu. Có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Tòa báu đã đến ở ngày nay, xin Sư một câu bày mới nhọn?" Sư đáp: "Trong lời nói có vọng hưởng". Lại nói: "Hạc liệng liền trời kêu, quạ vàng quanh cây bày". Sư bảo: "Nhận biết lấy câu thoại đầu". Lại hỏi: "Lúc đến trong núi báu tay không mà trở về là như thế nào?" Sư đáp: "Người dùng sức mất". Lại nói: "Trong đường dùng hết ý, ma-la tức trở về". Sư bảo: "Rất kỵ nói nhầm". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng là: "Tâm vốn tuyệt trần chúng sinh tự mờ tối, thí như biển lớn lắng trong sóng nổi gió sinh, cũng như Thái hư sóng sạch mây ùn mưa sa. Các Nhân giả! Gió chưa dấy mây chưa nổi. Hàn Sơn, Thập Đắc được vui thái bình, đỉnh núi Cửu tông tùng cao biếc, trước chùa dòng nước xưa nay trong, nạp Tăng mắt sáng phải kỹ càng." Xong, Sư mới cười bảo: "Đứng lâu, trân trọng".

11. Thiền sư Đàm Tú ở Liêm tuyền.

Thiền sư Đàm Tú ở Liêm tuyền. Có vị Tăng hỏi: "Lúc đầy miệng nói không được thì thế nào?" Sư đáp: "Câu thoại rơi rớt". Lại hỏi: "Lúc chẳng cùng muôn pháp làm bạn thì như thế nào?" Sư đáp: "Tự da bụng mình tự đắp họa". Lại hỏi: "Thế nào là nơi người học chuyển thân?" Sư đáp: "Quét đất tưới hoa". Lại hỏi: "Thế nào là nơi người học thân thiết?" Sư đáp: "Gối cao kê đầu". Lại hỏi: "Lúc tất cả chẳng là gì thì thế nào?" Sư đáp: "Oanh hót trên non, hoa nở trước núi". Lại hỏi: "Thế nào là cửa miệng của nạp Tăng?" Sư đáp: "Giết người chẳng dùng dao".

12. Thiền sư Tuệ Giác ở Linh thứu.

Thiền sư Tuệ Giác ở Linh thứu tại Tín châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại chúng! Trăm ngàn Tam-muội, vô lượng diệu nghĩa

đều tại dưới gót chân các người, xin các người mỗi tự xoay lại cùng lấy. Hiểu chăng? Xoay lại cùng chẳng xoay lại cùng, nhận lấy đường về nhà, trí tuệ làm cầu bến, nhu hòa làm tựa nương, ở an thì lo lắng nguy ách tại vui, chỉ phải như ông chẳng thấy Cư sĩ dòng họ Bàng, vàng ròng rút kéo tức như phẩn đất. Cha con vây tròn nhụm đầu cùng nói lời vô sinh, lời vô sinh bên nhớ ghi lấy. Chín hạ hoa tuyết bay, ba đông mồ hôi đổ như mưa.

13. Thiền sư Pháp Trừng ở Hưng hóa.

Thiền sư Pháp Trừng ở Hưng hóa tại Hồng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mây lồng núi ngọc mưa giữa trời, trăm hoa đua xanh ngàn núi tranh biếc. Cảnh giới Giá-na, cửa Hoa tạng mở, nơi nơi Thiện Tài lớp lớp Di-lặc, chủ bạn cùng tham lại đồng tuyên bày. Đại bi vô cùng độ sinh chẳng nhọc mệt. Đại chúng có thấy Di-lặc chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nhớ dài Giang nam trong tháng ba, nơi chá cô kêu hương trăm hoa".

14. Thiền sư Nguyên Cung ở Hoa dược.

Thiền sư Nguyên Cung ở Hoa dược tại Hành châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Thông thân không chướng ngại". Lại hỏi: "Thế nào là người trong Đạo?" Sư đáp: "Qua lại mặc dọc ngang". Lại hỏi: "Lúc hoa sen chưa ra khỏi nước thì thế nào?" Sư đáp: "Cành lá rất rõ ràng". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?" Sư đáp: "Mặc tình mọi người trông xem". Lại hỏi: "Trời đất nếu dạy ra, đường ao nào dám giấu". Sư bảo: "Chớ vọng tưởng". Lại hỏi: "Lúc Thiệu tượng chưa sinh thì thế nào?" Sư đáp: "Ba tư đọc phạm thư". Lại hỏi: "Sau khi đã sinh thì thế nào?" Sư đáp: "Hồ Tăng cười gật đầu". Lại hỏi: "Lúc muốn sinh mà chưa sinh thì thế nào?" Sư đáp: "Rửa chân lên thuyền đánh cá". Lại nói: "Toàn nhân ngày nay vậy". Sư bảo: "Chải đầu không rửa mặt".

15. Thiền sư Khế Nhã ở Hưng quốc.

Thiền sư Khế Nhã ở Hưng quốc tại An châu. Có vị Tăng hỏi: "Xin Sư chẳng ở trong nói nín mà đáp câu thoại?" Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái. Lại nói: "Hòa thượng chớ thô suất vội vàng". Sư bảo: "Trời tây chém đầu chặt tay". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Đọa, đọa". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm như trăng tỏ liền trời tĩnh lắng". Sư liền đánh một vòng tròn rồi tiếp bảo: "Hàn Sơn Tử... tánh tợ đầm lạnh trong sạch thấu triệt đáy, là cảnh giới gì?" Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: "Dạ quang vô giá người chẳng biết. Biết được lại kham làm gì? Cửu Thiên rỗng qua mấy ngàn xuân". Và Sư mới cười lớn ha, ha, tiếp bảo: "Tranh

như riêng ngồi dưới cửa sổ sang, hoa rơi hoa nở tự có thời". Xong, Sư xuống khỏi tòa.

16. Thiền sư Tử Cần ở Bảo cái.

Thiền sư Tử Cần ở núi Bảo cái tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Sư nay đã xướng khúc nhạc nhà Hồ, lại đem pháp gì chỉ dạy đồ chúng?" Sư đáp: "Chữ "Nhất" hai đầu duỗi". Lại hỏi: "Oai quang ra đêm nay chiếu dụng ra cửa nào?" Sư đáp: "Trên đầu ánh sáng rực rỡ, dưới chân sơn đen mập mờ". Lại nói: "Vào nước thấy thân mình dài". Sư bảo: "Kẻ bàng quan xấu xí". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khe núi tuy khác, trăng mây là đồng, thuận ứng vuông tròn, mặc tự đông tây. Đại chúng, pháp chẳng lìa, vang chẳng lìa tiếng, đến trong đó rành rành sắc, hiển bày thế nào thấu được. Lại có thấu được chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chuông vang trống vọng cùng giao ứng, núi xanh chẳng ngại mây trắng bay".

17. Thiền sư Đạo Viên ở Vân phong.

Thiền sư Đạo Viên ở Vân phong núi Đại canh, vốn người xứ Nam hùng. Sư tánh tình thuần chí, du phương từ thủa thiếu thời, tuy no đủ dự tham mà chưa thấu triệt. Nghe Thiền sư Tuệ Nam ở am Tích thúy tại Hoàng nghiệt, Sư bèn đến đó nương tựa. Một ngày nọ, ngồi yên dưới bảng, nghe hai vị Tăng cử xướng về nhân duyên Dã hồ của Bách Trượng. Một vị Tăng nói: "Chỉ như chẳng mê mờ nhân quả, cũng chưa khỏ bị làm thân Dã hồ". Vị Tăng kia ứng tiếng bảo là: "Bèn là chẳng rơi lạc nhân quả, cũng nào từng đọa lạc bị làm thân Dã hồ ư?" Sư nghe lời nói ấy, bèn đứng sững lấy làm lạ đó, chẳng tự biết thân mình khởi lên ý hành đi lên đầu am, vừa qua khe bỗng nhiên đại ngộ, gặp thấy Thiền sư Tuệ Nam thuật bày lại việc ấy, chưa trọn câu chuyện mà lệ trào cùng gò má. Thiền sư Tuệ Nam bảo đến giường thị giả ngủ ấm, bỗng nhiên đứng dậy Sư làm bài kệ rằng:

"Nhân quả chẳng lạc chẳng mê
Tăng tục vốn không húy kỵ
Trượng phu khí vũ như vua
Tranh nhận đãy giấu chăn che
Một cành lan lật mặc dọc ngang
Dã hồ nhảy vào đội lông vàng".

Thiền sư Tuệ Nam thấy thế cười lớn giây lâu. Sư lại làm bài kệ tụng về gió và phướng rằng:

"Chẳng là gió chừ chẳng là phan
Mây trắng như cũ che núi xanh

Năm sau già lớn lẫn không sức
Trận được chút nhàn trong rộn ràng".

Thiền sư Chân Tịnh - Khắc Văn rất xưng tán tưởng thưởng đó, cho là cơ phong chẳng kém gì Thiền sư Hồng Anh ở Thiệu võ, thường tự tay viết hai bài kệ ấy. Đến lúc tuổi già, Sư ở chùa Vân phong tại núi Đại canh.

18. Thiền sư Hồng Chuẩn ở Diên khánh.

Thiền sư Hồng Chuẩn ở Diên khánh tại Phước châu, vốn người xứ Quế lâm. Sư có thời gian lâu dài theo Thiền sư Tuệ Nam vân du, tánh tình Sư thuần thành cẩn mật chẳng từng trái ngược mọi vật. Nghe điều thiện của người như phát sinh ở chính mình, hơi khí vui mừng dồi dào tỏa phát nơi chặn lông mày, nghe điều xấu của người, hẳn chấp tay khấu khẩn giữa không trung như tự truy hối. người thấy đó không ai chẳng cười, mà Sư chân thành trước sau nhất như. Lúc ra hoằng hóa, Sư ở tại Diên khánh, đến khi tuổi già, Sư giã từ mọi việc của viện mà ẩn vết nơi chùa Hàn khê. Đến lúc tuổi đã ngoài tám mươi, mà suốt đêm ngày Sư không làm việc gì khác, ngoài việc ăn ngủ chỉ ngâm nga Phạm âm tán tụng Quán Thế Âm mà thôi. Lúc Sư sắp thị tịch, môn nhân đệ tử đều đến, các đàn-việt cúng dường, chỉ có một người hầu ở lại, Sư nắm khánh ngồi trước đền thờ thổ địa, tụng một biến kinh Khổng tước, xong rồi cáo biệt mà về, Sư ngồi yên nhắm mắt mà tịch, ba ngày sau vẫn không nghiêng ngả. Mọi người trong làm xóm đến trông xem như thành đổ, bỗng nhiên Sư mở mắt mỉm cười và bảo ngồi nơi đất. Có Khoảnh Môn đệ tử trở về, sư bèn gọi đến bên hữu, nắm thần sắc không biến đổi, hai má ửng hồng như lúc bình sinh, các hàng đạo tục đắp họa hình tượng Sư nói khám thờ.

19. Thiền sư Duy Hưởng ở Thắng nghiệp.

Thiền sư Duy Hưởng ở Thắng nghiệp tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Người học chợt vào chốn tùng lâm, xin Sư chỉ dạy?" Sư bảo: "Muôn đi ngàn dặm phải bắt đầu từ bước trước tiên". Lại hỏi: "Trong mười hai thời khắc, giẫm đạp như thế nào?" Sư đáp: Mây trăng vô tâm, trời xanh có mặt nhật". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Có lợi không lợi chớ lìa đi chợ, Vương lão sư bán thân tức chẳng hỏi. Hãy nói gạo Lô lăng có người trả giá chăng? Nếu không có người nào thì lão Tăng tự bán tự mua". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đi hướng đông chẳng thấy đi hướng tây lợi". Xong, sư nắm cây gậy gõ xuống một cái.

20. Thiền sư Siêu Cập ở Đăng vân.

Thiền sư Siêu Cập (Nãi?) ở núi Đăng vân tại Quế châu. Có vị

Tăng hỏi: "Chưa xét rõ mây lên như thế nào (Đăng vân)?" Sư đáp: "Lan lật vác ngang chẳng trông thấy người". Lại hỏi: "Núi cao nguy hiểm làm sao lên?" Sư đáp: "Thẳng đến ngàn núi muôn núi đi". Lại hỏi: "Tiện là nơi vì người không?" Sư đáp: "Nhìn dưới cẳng chân". Lại nói: "Cảm tạ Sư đã chỉ bày". Sư bảo: "Hiểm nguy". Sư lại bảo: "Núi Đăng vân rất hiểm nguy cao vợi". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ngày nay sơn Tăng từ đất bằng phẳng lên ăn uống giao xan". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

21. Am chủ Vĩnh ở Tích thúy.

Am chủ Vĩnh ở Tích thúy tại Hoàng nghiệt. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Sơn Tăng ở am này từ trước lại không thiền có thể nói, không pháp có thể truyền, cũng không sai khác trân báu, chỉ thâu được một cái đầu củi lửa tiếp tục lưu lại cho người sau, khiến khói lửa ấu không dứt tuyệt, ánh lửa mãi sáng ngời". Xong, Sư bèn nắm cây phất trần ném xuống một cái. Khi ấy có vị Tăng cúi xuống đất nhặt lấy đưa lên miệng thổi một cái. Sư bèn hét, bảo: "Ai biết củi lửa tiếp tục, đầu từ bên gã kia, khói tiêu lửa tắt đi". Xong, Sư bèn rủ áo trở về am. Vị Tăng ấy oái nhả lè lưỡi. Sư lại từng hỏi Sa-môn Thẩm Kỳ: "Từ lâu ông chẳng thấy làm điều gì?" Thẩm Kỳ đáp: "Thấy tạng chủ Vĩ có cái nơi an lạc". Sư bảo: "Thử nêu cử tương tợ ta". Nhân đó, Thẩm Kỳ thuật sở đắc của mình. Sư bảo: "Ngươi phải, Vĩ chưa phải". Thẩm Kỳ chẳng lường biết là gì, trở về nói cùng Vĩ. Vĩ cười lớn, bảo: "Ngươi quấy, Vĩnh chẳng quấy vậy". Kỳ bèn chạy đến Tích thúy cật vấn với Nam Công. Thiền sư Tuệ Nam cũng cười lớn, Sư nghe thế bèn làm kệ tụng rằng:

"Sáng tối cùng tham cơ sống chết
Cảnh giới đại nhân Phổ Hiền biết
Đồng đường sinh chẳng đồng đường chết
Cười ngã trong am lão dùi xưa".

22. Thiền sư Đức Tư ở Linh ẩn.

Thiền sư (Sơn chủ) Đức Tư ở Linh ẩn tại huyện Tú tùng, Thư châu, vốn người đất Thục, Sư ở tại viện suốt hai mươi năm. Mỗi ngày riêng tự lên giảng đường bảo: "Mỗi sáng tương tợ mỗi ngày một ban, chỉ ấy bèn phải lại chớ cầu riêng". Đến ngày mồng 04 tháng 10 năm Nguyên Phong thứ sáu (...............) thời Bắc Tống, Sư lên giảng đường, nhóm tập đại chúng, đứng giây lát, Sư bảo: "Hiểu không?" Đại chúng im lặng không nói gì, Sư nghiễm nhiên mà thị tịch.

23. Thiền sư Thường Tổng ở Đông lâm.

Thiền sư Thường Tổng ở chùa Đông lâm - Hưng long tại Giang

châu, vốn người dòng họ Thi ở Diên bình. Sư nương tựa tại Hoàng long lâu dài. Được Thiền sư Tuệ Nam trao truyền cho Đại pháp quyết chỉ. Đến lúc ra hoằng hóa, mới đầu, Sư ở tại Lặc đàm, tiếp dời đến Đông lâm, đều hợp sấm ký. Có vị Tăng hỏi: "Trong càn khôn, giữa khoảng vũ trụ có một vật báu cất giấu bí ẩn tại hình sơn. Vậy thế nào là vật báu?" Sư đáp: "Trăng sáng hiện, trăng tối ẩn". Lại nói: "Chẳng chỉ nghe tên, ngày nay thân gần thấy gặp'. Sư bảo: "Hãy nói vật báu tại nơi nào?' Lại nói: "điện xưa cửa mở sáng rựjc rỡ, sen trắng bờ ao người trong xã". Sư bảo: "Riêng vật báu hoàn lại hồ mắt biếc kia". Lại có vị Tăng ra giữa chúng dất tọa cụ dậy thưa: "Xin Sư đáp câu thoại?" Sư đáp: "Buông xuống nhầm". Vị Tăng ấy bèn bày thế. Sư bảo: "Thâu gom". Lại nói: "Năm xưa tìm kiếm khách, sáng nay gặp tác gia". Sư bảo: "Trong ấy là chỗ nào?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Hét lão Tăng ư?" Vị Tăng ấy lại hét. Sư bảo: "Thả qua lại tranh được tiện đánh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Càn khôn đại địa thường diễn viên âm, nhật nguyệt muôn sao hằng đàm thật tướng. Vụt nhớ xưa trước Hoàng long nói mưa thu lâm râm thâu đêm đến sáng, chấm châm không rộng chẳng rơi nơi khác". Sư lại bảo: "Giọt xuyên tròng mắt ngươi, lấn đốt lỗ mũi ngươi, Đông lâm đây thì không như vậy, chung cùng kết quy về biển cả làm thành sóng đào". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lão Lô chẳng biết chữ chóng tỏ rõ Phật ý, bởi Phật ý lìa văn mực. Bạch Triệu không biết sách tròn ngộ tông thừa, bởi tông thừa chẳng phải ngôn thuyên. Như lão bà tâm đây rành rẽ vào nước bùn. Người thời nay nếu còn nắm lấy trụ cầu tắm gội, nắm dây buông thuyền". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tranh quái được lão Tăng".

24. Thiền sư Viên Cơ ở Bảo ninh.

Thiền sư Viên Cơ ở chùa Bảo ninh tại Kim lăng, vốn người dòng họ Lâm tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Sống chết đến nơi làm sao lánh trốn?" Sư đáp: "Ngủ gật trong nhà, rút mở trong liêu". Lại hỏi: "Tiện lúc nghĩ gì thì thế nào?" Sư đáp: "Phải biết có một đường chuyển thân". Lại hỏi: "Thế nào là một đường chuyển thân?" Sư đáp: "Nghiêng tủy não ngươi ra, kéo khỏi lỗ mũi ngươi". Lại nói: "Tiện từ ngày nay không nghi vậy". Sư bảo: "Làm sao sống hiểu?" Lại nói: "Chỉ biết làm việc tốt, chẳng hỏi lộ trình trước". Sư bảo: "Phải là gì?" Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nguồn đạo chẳng xa, biển tánh chẳng xa, chỉ hướng ngay chính mình mà tìm cầu chớ tìm cầu nơi khác. Người xưa nghĩ gì nói năng, rất tợ như dẫn đứa tớ làm con, chỉ nai làm ngựa. Nếu là Thúy nham tức chẳng

vậy. Chẳng hướng ngay chính mình tìm cầu, cũng chẳng theo nơi khác tìm cầu. Cớ sao hai vầng lòng may xưa nay tự giăng ngang, lỗ mũi xưa nay tự thẳng. Ngay như nói được hoa trời rơi loạn xạ, ngoan thạch gật đầu, tính lại lắm hư chẳng như ít thật. Hãy nói thế nào là việc ít thật?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đông qua (bí đao) ngay thẳng mực, trái bầu cong như cung". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mưa xuân nho nhỏ muôn sự đều thích nghi, mầm lúa nẩy tươi rau lá được thời. Nếu A-nan chấp tay, Ca-diếp cũng nhăn mày. Ngay như trên hội Linh sơn nắm hoa mỉm cười, tính lại còn giẫm trải lìa nhỏ nhiệm, tranh tợ ba nhà trong thôn lão ông cày sâu trồng cạn, mỗi tự biết thời vụ. Có việc ngay trước mặt bèn nói, ai quản máy mắt nhướng mày. Lại có một số việc kỳ đặc. Sau cùng một trứ lại phải biết". Sư bèn đánh cây phất trần một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rộng tìm văn nghĩa, cầu hình trong gương, nghĩ niệm quán không, vốc trăng trong nước, riêng truyền tâm ấn đặc đất lắm mối. Đức Sơn, Lâm Tế uổng dùng công phu, Thạch Củng, Tử Hồ vụt thành đặc đất. Nếu là Bảo ninh đây thì tất cả chẳng là gì, chỉ tự tùy duyên ăn uống, hết thảy tầm thường trốn sâu mây trắng, cam chịu làm kẻ vô học. Dám hỏi cùng các người, cuối cùng Bảo Ninh tìm gì để báo đáp bốn ân ba cõi?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Người buồn chẳng đến người buồn nói, nói đến người buồn buồn giết người".

Đến lúc Sư thị tịch, trà tỳ có rốt cùng chẳng rã hoại, nhặt được hai viên Xá-lợi năm sắc, dựng tháp tôn thờ tại phía hữu đài Vũ hoa.

25. Thiền sư Nguyên Hựu ở Vân cư.

Thiền sư Nguyên Hựu ở Vân cư tại Nam khương quân, vốn người dòng họ Vương ở Thượng nhiêu, Tín châu. Năm mười ba tuổi, Sư phụng thờ Sa-môn Tề Thịnh ở Thừa thiên tại Bác sơn. Nămâhi mươi bốn tuổi, sư được độ, thọ giới Cụ túc. Bấy giờ Thiền sư Tuệ Nam đang ở tại Hoàng nghiệt, Sư bèn sang nương tựa suốt hơn mười năm. Đến sau khi Thiền sư Tuệ Nam thị tịch, Sư vân du tới Tương trung, dựng am ở nơi nền móng xưa cũ của Mã Tổ tại Hành nhạc. Các hàng Nạp tử đuổi tìm theo Sư, tiếng tăm vang vọng khắp kinh sở. Có Toại Soái Trực đang trấn thủ tại Đàm châu, muốn lập Thiền pháp tại Đạo lâm, rất mực kính lễ thỉnh mời Sư làm đời thứ nhất, Sư vui vẻ nhận chịu đến. Phòng ốc ở núi Đạo lâm, giữa khoảng hang kiến trùng thấy núi quanh co từng lớp hiện bày, tôn tượng thiết lập lắm nhiều suốt đến tận Tương tây. Sư mở mang trống rỗng, lấy nhà trống làm thiền thất để nhóm tụ tất cả học giả ở khắp bốn phương, các người lao dịch chẳng dám phá hoại tôn tượng, Sư bèn tự

cày bới vất bỏ ra sông và bảo: "Ngày xưa vốn chẳng thành, ngày nay sao được hoại? Pháp ta còn không phàm tình huống hồ lưu lại Thánh giải ư". Qua sáu năm mà điện các tạo lập hoàn thành. Xong, Sư giã từ nơi đó vân du đến Lô sơn. Nam khương thái thú Lục Công Chỉ thỉnh mời Sư đến ở chùa Ngọc giản. Từ Vương nghe tiếng tăm Sư nên tấu trình tặng áo phương bào sắc tía. Sư làm bài kệ chói từ đó rằng:

"Làm Tăng sáu mươi (60) tóc điểm hoa
Vô bổ không môn thẹn xuất gia
Nguyện xin phong lại lễ bộ điệp
Khỏi tội am lão áo ca-sa".

Có người hỏi về nguyên do, Sư đáp: "Ân của người chủ mà ban thí của Vương Công, chẳng dám từ để gần danh vậy, chỉ vì pháp vốn bình đẳng. Xưa kia Huệ Mãn chẳng nhận Tú thỉnh mời rằng: "Nếu trong thiên hạ không có chư Tăng mới nhận sự cúng dường của ông". Huệ Mãn là người gì ư?"

Vương An Thượng là em của Kinh Công đến hỏi pháp nơi Sư. Lấy chốn Vân cư thỉnh mời Sư đến ở, Sư vui vẻ nhận lời mà nói là: "Nên đem cốt này về an táng trên đỉnh núi vậy". Xong, Sư bèn lên kiệu mà đi. Mới đầu, ngày khai mở giảng đường, sau khi hỏi đáp đã xong, Sư mới bảo: "Pháp diên mới mở, trời người đều nhóm tập, may gặp hiếm gặp chánh tại ngay đây. Lại có nhân thời vừa biến đến nạp Tăng ư? Ra lại cùng các người làm chứng cứ". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chẳng lòi đầu là khéo tay. Tuy là như vậy, nhưng ngày nay Đạo Lâm đã đến trên đất bằng ăn uống giao xan rồi. Nhờ gặp Đại sĩ Kim Lật có hai pháp môn phóng một đường chỉ, Đạo Lâm mới cởi mở đầu đãy vải, đủ để có thể bày trải gia phong, hướng đến nơi không có Phật mà xưng tôn. Bèn mới chỉ điểm ba cõi, mắt nhìn bốn phía, nép ngưỡng trời Nghiêu cao ca ngày Thuấn, cử điệu âm vương, xướng man Bồ-tát, tấu ẩn huyền cầm, ngậm ý thái cổ. Chánh là lúc Văn Thù thôi buồn bã, Phổ Hiền dối trầm ngâm. Mặc tình là ngàn Thánh xuất hiện đến khác miệng đồng lời, cũng chẳng tiêu hết một trái. Ngưng đứng lâu, trân trọng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sắc nguyệt hòa mây trắng, tiếng tùng mang móc lạnh, khéo cái tin tức thật, nhờ ông xem kỹ càng. Tiên sư Hoàng Long hòa thân buông ngả, lại có người nâng đỡ dậy được chăng? Ông bà chẳng rõ ương lụy đến cháu con". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Tất cả các tiếng là tiếng Phật". Rồi, Sư nắm cây phất trần đánh vào thiền sàn một cái, tiếp bảo: "Phạm âm sâu xa khiến người vui thích nghe". Sư lại

bảo: "Hết thảy màu sắc là Phật sắc". Sư mới nắm cây phất trần dậy mà bảo: "Nay Phật phóng ánh Quang minh trợ giúp phát nghĩa thật tướng. Người đã đến, nên đảnh đội vâng thực hành. Người chưa đến, nên biết như vậy, tin như vậy". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

Đến giờ tý, nửa đêm mồng 07 tháng 07 năm Nhâm thân (??), Sư ngồi kiết-già nơi Phương trượng, bảo cùng đại chúng rằng: "Ba nơi trú trì, chẳng truyền một pháp, gió lửa tụ tán, vật lý thường tình. Sau khi tôi thị tịch, không được theo thế tục thiết bày lễ tang khóc lóc, nên vâng theo như Đức Phật chúng ta theo pháp của Tây vức mà thiêu đốt rồi đưa về tháp". Và Sư bèn nói bài kệ rằng:

"Năm nay, sáu mươi sáu (66)
Ba nơi nhân duyên đủ
Nửa đêm lửa đốt núi
Nhảy vào trong lửa tắm".

Nói xong, Sư bèn thị tịch. Trà tỳ có được Xá-lợi năm sắc, dựng tháp tại núi Vân cư. Thưa bình sinh, Sư người bạch gầy ốm tóc bạc trắng không cạo, phong độ anh kiệt đặc kỳ, nói pháp khéo hay quở trách các phương, cao nhã tự xưng là Vương Hựu Thượng tọa v.v...

26. Thiền sư Tuệ Nguyên ở Báo bản.

Thiền sư Tuệ Nguyên ở Báo bản, vốn người dòng họ Nghê ở Triều châu. Từ thủa để chỏm Sư đã lẫm nhiên như người lão thành, mỗi lúc các trẻ nhỏ vui đùa trước mặt, Sư chỉ duỗi tay ngồi ngồi kiết-già mà thôi. Song thân thấy vậy, bảo rằng: "Con trẻ tài khéo như thế đâu thể để kham nhận việc đời, nên khiến phụng trì Phật pháp chư Tăng mới đáng vậy". Sư nghe thế rồi vụt nhiên đứng lễ bái, liền đến nương tựa nơi tinh xá ở Nam thành, trì tụng kinh Pháp Hoa. Đến năm mười chín tuổi, Sư chính thức xuống tóc thọ giới Cụ túc. Rồi Sư vân du đến Kinh đô, ngụ ở tại Hoa nghiêm. Có Pháp sư Viên Minh trông thấy Sư mà lấy làm lạ, bảo là: "Thượng nhân tuổi còn trẻ nhỏ từ đâu đến đây để mong cầu gì?" Sư đáp: "Tuệ Nguyên từ Nam hải đến đây, không mong cầu gì khác, chỉ cầu Phật pháp". Pháp sư Viên Minh cười bảo: "Chốn Vương thành đây tiếng tăm mưu lợi lắm nhiều ngay cả tửu sắc giăng ngang mắt tranh đoạt mỗi ngày có cả muôn mối, làm sao có Phật pháp ư? Phật pháp hẳn ở tận phương Nam". Sư mới từ Lạc thành vân du đến Tương hán, giẫm trải khắp các danh sơn, phàm những nơi đến, Sư đều thân gần các Thiện tri thức, nhưng đều không có được giải ngộ.

Mùa xuân năm Trị Bình thứ hai (1065) thời Bắc Tống, Sư đến

Hoàng long. Bấy giờ Thiền sư Tuệ Nam vừa từ am Tích thúy đến, các bậc long trượng khắp bốn phương nhóm tập. Sư thường ngồi dưới bảng, thường tự kéo tay lật úp ngửa trông nhìn đó bảo là: "Sao có đạo lý mà nói là tợ tay Phật? biết nhà ta ở Triều dương mà mới hỏi sinh duyên xứ nào ư?" Một ngày nọ bỗng nhiên đến ngộ, dứt sạch điều nghi, Sư bèn cất bước ra đi. Năm Hy Ninh thứ nhất (1068) thời Bắc Tống, Sư vào đất Ngô, khai đường giảng pháp ở chùa Thọ Thánh tại Ngô giang. Sai vị Tăng đến Hoàng long trình bày thư nối tiếp dòng pháp. Thiền sư Tuệ Nam trông thấy tên Sư bèn bảo với chuyên sứ là: "Tôi chợt quên mất vị Tăng này, thư chưa muốn mở xem, có thể khiến đến đây cùng thấy mặt lão Tăng". Chuyên sứ trở về báo lại, ngay ngày ấy Sư liền chuẩn bị hành trang đến Dự chương, mà Thiền sư Tuệ Nam đã viên tịch, nhân lưu lại tin tức ngợi khen. Vừa lúc lão nhân Hối Đường ra thành cùng gặp, cùng Sư nói điều rất kỳ đặc ấy. Sư rất hận lão sư chẳng kịp mặt, bèn ở lại hơn một tháng, sau đó Sư trở lại đất Ngô. Các hàng đạo tục rất mến quý Sư, thỉnh mời đến ở viện Tuệ nghiêm tại Côn sơn hơn mười năm. từng có thuyền về từ Tráp xuyên, gặp phải thuyền giặc cướp, mũi nhận sóng nhọn phô bày, mọi người trên thuyền đều kinh sợ, chẳng biết ra hướng nào, Sư vẫn ngồi yên từ từ bảo: "Tiền của đều thí cho các ngươi, còn mạng sống thì không thể hại". Bọn cướp đi rồi, đến sáng mọi người tới trông xem thuyền đều cho là Sư đã chết, nhưng dung mạo Sư vẫn an hòa, thần sắc ngưng nhiên bình thường. Sư đối đầu với sống chết họa phước mà hay thoát khỏi an nhiên không lụy đến như vậy.

Đến năm Nguyên Hựu thứ tư (1089) thời Bắc Tống, Sư lại chuyển dời đến ở chùa Vạn thọ tại thừa thiên, đại chúng càng nhóm tụ đông nhiều. Đích thân Sư mang bát đến Hồ châu khất thực. Dân chúng Hồ châu nói: "Nơi Sư đến là nhà, sao khổ riêng mến Cô tô", cố lưu giữ Sư lại không cho trở về. Mọi người ở Tô châu nghe thế bèn mang gậy trượng giáo mác vào Hồ châu bảo: "Cớ sao cướp đoạt Thiện tri thức của Bang ta? Chánh phải hoàn trả lại, nếu không thì chỉ có chết mà thôi". Sư tự nhiên chẳng lận tiếc đi ở bảo rằng: "Ta mặc duyên vậy". Cùng tranh giữ hơn cả tháng, mọi người Tô châu ăn hết lương thực bèn bỏ đi, cuối cùng mọi người Hò châu có được Sư. Sư bèn đến ở Thiền viện Báo bản. Đến ngày 16 tháng 11 năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091) thời Bắc Tống, Sư lên tòa, nói kệ tụng rằng:

"Năm mươi lăm (55) năm thân huyễn mộng
Đông Tây Nam Bắc ai là thân
Mây trắng tan hết ngoài núi xanh

Muôn dặm trời thu mảnh trăng mới".

Nói xong, Sư bèn thị tịch. Hữu ty gián Trần Công Oánh Trung đang ở tại Hồ châu đích thân thấy việc ấy, bảo rằng: "Sư là người cứng rắn, phong độ rất cao, oai nghi đoan chánh, ngồi yên trọn ngày. Môn nhân đệ tử của Thiền sư Tuệ Nam, người có khả năng nối vết hành tàng chỉ một mình Sư thôi vậy". Và Sư đã bảo an táng tại phía Nam của núi Hiện, đệ tử Sư là Sa-môn Nguyên Chánh hỏi: "Sao riêng nghĩ đến núi Hiện vậy?" Sư đáp: "Ngày sau nơi đó có thể dựng lập chùa". Quả nhiên, ba mươi năm sau, thái sư Sở Quốc Công Vương Phủ nghĩ tưởng đạo phong của Sư, nên cầu thỉnh triều đình phong tặng Sư thụy hiệu là "Chương Ngộ Thiền sư". Tháp hiệu là "Định Ứng". Và triều đình có chiếu chỉ dựng lập chùa Hiển hóa, thường năm độ Tăng xuất gia để phụng thờ hương hỏa.

27. Thiền sư Chiêu Khánh ở Kiến long.

Thiền sư Chiêu Khánh ở Kiến long tại Dương châu, vốn người dòng họ Lâm ở Tân giang, Tuyền châu. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Mới thấy năm mới, vụt nhiên sớm đã là mồng một tháng hai, khí trời dung hòa, phỏng nêu cử cái thời tiết nhân duyên cùng các người thương lượng, tức bị Phạm vương, Đế-thích ló đầu trong mắt liễu tại ngoài cửa, trước nói kệ rằng: "Xoáy xoay bông nhẹ bay, tạm theo gió đi lại, lần theo chạy cầu gầm, thôi nói năng bông ta, đang lúc khua nhằm A-tu-la". Nắm lấy cây trụ bảo: "Mặc bông ấy bỗng gặp gió tây thổi, sóng Vị thủy lá rơi đầy Trường an, một câu làm sao sống nói? Khi ấy Đế-thích quấn đầu vào trong mắt liễu". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tham".

28. Thiền sư Nguyên ở ẩn.

Thiền sư Nguyên ở ẩn trầm am tại Nam khương quân, vốn người dòng họ Đặng ở Dự chương. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió lạnh đánh nước thành băng, mặt nhật chiếu băng thành nước, băng nước vốn tự vô tình, mỗi mỗi ứng thời mà đến. Thế gian muôn vật đều vậy, chẳng dùng gượng sống phỏng bán". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiên sư mới đầu phụng thờ Tổ sư Đề ở Thê hiền và Tổ sư Trường ở Lặc đàm, trải qua hai mươi năm, tông phong kỳ áo, kinh luận huyền yếu không gì chẳng xuyên suốt. Lại nhân Vân phong chỉ thấy Từ Minh thì một chữ không dùng, bèn thiết bày ngữ cú Tam quan để xét nghiệm người học, mà người học như Diệp Công họa vẽ rồng, rồng hiện liền sợ".

29. Thiền sư Đức Phổ ở Hòa sơn.

Thiền sư Đức Phổ ở Hòa sơn tại Cát châu, vốn người dòng họ Bồ

ở Huyện châu. Thủa thiếu thời Sư chuộng khí tiết, có sức nhận biết trác tuyệt, thấy gặp Thiền sư Tĩnh ở núi Phú lạc, bèn liền chấp tay đảnh lễ nói: "Đây là thầy tôi vậy". Thiền sư Tĩnh bèn cùng nói Sư kỳ đặc, dẫn Sư về trong núi ngầm xét xem, thấy cử chỉ động niệm của Sư tợ như lão Tăng tu hạnh đầu đà. Thiền sư Tĩnh bảo: "Ông này bẩm tánh hào phóng chẳng nhận chịu sự khống chế, mà hay chỉ tiết cối chày đun nấu để phụng sự đại chúng làm việc chuyên, thật là hiếm có". Đến năm mười tám tuổi, Sư được độ, thọ giới Cụ túc, ưu tú kiệt xuất nơi giảng tịch. Sư giải Duy thức luận và Khởi tín luận. Lưỡng xuyên không một ai dám cật nạn, xưng gọi Sư là "Nghĩa Hổ". Sư bắt tội Khuê Phong làm sớ nghĩa phần nhiều là ức đoán tự nói, chỉ trích các điểm lỗi quấy, răn dạy người học không nên tin đó. Các bậc lão túc đều từng cùng nói với Sư rằng: "Khuê Phong là người được Quốc sư Lương ấn chứng. Chỉ mình ông lấy sức gà mái kiến càng mà lay cây ấy vậy". Sư than rằng: "Người học vì danh vị làm mê hoặc đã lâu dài rồi vậy. Lương và Khuê Phong chẳng có bốn mắt tám tay, cớ sao cam tự khuất phục thối lùi ư?" Sư mới ra đất Thục đến Kim loan, Kinh châu, ban đêm cùng nghỉ với một vị Tăng - chợt quên tên vị đó hiện nay làm am chủ Tình tại Liễu sơn. Nghe vị ấy đã no đủ mọi dự tham, Sư bèn hỏi: "Kinh luận có trái phụ gì đối với Thiền tông mà Trưởng lão phần nhiều quở trách vậy ư?" Vị nạp Tăng ấy đáp: "Vì đó là thức tình nghĩa lý tư tưởng biên lường, chẳng hay phát Thánh đắc đạo. Giả sử như có người phát Thánh đắc đạo đều nương đó để làm duyên vậy. Nếu như chẳng có nhân tự ngộ, chỉ có kinh luận là nương cậy thì hay đọc hay biết hay thấy hay hiểu đều chứng Thánh thành đạo đi vậy, sao lại còn cùng bọn tôi tớ cúi ngưỡng ư? Bởi vì chỉ lấy câu chết mà làm sở tri chứng vậy, nên Tổ sư từ Tây vức lại, như kinh nói: "Hết thảy chúng sinh xưa nay vốn thành Phật". Ông có tin vậy chăng?" Sư đáp: "Lời của Đức Thế Tôn nói đâu dám không tin". Vị nạp Tăng ấy tiếp bảo: "Đã tin vậy thì sao còn khư khư xa dần đến đây vậy?" Sư đáp: "Nghe Thiền tông có pháp truyền riêng nên lại đây vậy". Vị nạp Tăng ấy cười bảo: "Phải là chưa tin chẳng thể tin vậy". Sư hỏi: "Bệnh ấy ở đâu?" Vị nạp Tăng ấy bảo: "Thiền sư Tuệ Nam ở am Tích thúy xuất hiện nơi đời đã lâu. Ông nên đến thấy đó, chẳng nên đến sau. Nếu được thấy thì sẽ khiến cho bệnh ông chóng lành vậy". Ngay ngày ấy, Sư bèn cất bước ra đi. Năm Hy Ninh thứ nhất (1068) thời Bắc Tống thì Sư đến Hoàng long, Sư hỏi: "A-nan hỏi Ca-diếp" Đức Thế Tôn trao truyền cho Kim Lan, ngoài ra còn truyền pháp gì chăng?" Tôn giả Ca-diếp gọi: "A-nan!" Tôn giả A-nan: "Dạ". Tôn giả Ca-diếp bảo:

"Ngược tức cán giết trước cửa nhằm". Ý chỉ ấy như thế nào?" Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Thượng nhân ra đất Thục đã từng đến Ngọc tuyền chăng?" Sư đáp: "Đã từng đến". Lại hỏi: "Đã từng treo bát chăng?" Sư đáp: "Chỉ một đêm bèn đi". Lại bảo: "Đạo tràng trí giả là quan ải tướng quân đánh cúng, cùng kết duyên thời nào sao phòng ngại?" Sư im lặng giây lát, mới nhận hiểu câu hỏi trước. Thiền sư Tuệ Nam cúi đầu, Sư rảo bước đi ra, bỗng nhiên mà có sự tỉnh ngộ, rất kinh ngạc bảo là: "Nghĩa Hổ của Lưỡng xuyên mà chẳng tiêu một khạc nhổ của lão đây!"

Mùa thu năm Hy Ninh thứ tám (1075) thời Bắc Tống, Sư vân du đến Loa xuyên, Đãi chế Lưu Công thỉnh mời Sư đến ở Thiền viện Tuệ vân, được bảy năm, Sư chuyển dời đến ở Hòa sơn được mười hai năm. Đến ngày 15 tháng 12 năm Nguyên Hựu thứ năm (1090) thời Bắc Tống, Sư bảo mọi người chung quanh rằng: "Những bậc tôn túc ở các phương tịch tại tùng lâm hẳn cúng tế, tôi cho đó là nhọc thiết bày dối trá. Nếu tôi chết, các người nên cúng tế trước". Và Sư mới bảo: "Từ nay nên bày biện để cúng tế". Đồ chúng cho là Sư đã già mà khéo nói đùa, hỏi rằng: "Bao giờ Hòa thượng thị tịch?" Sư đáp: "Các ông cúng tế xong thì đi". Từ đó, Sư ngồi trong nhà nghỉ, đồ chúng thiết đặt mọi thứ cúng tế, đọc văn, quỳ, lạy, dâng thức ăn, Sư thọ thực tự nhiên. Từ môn nhân đệ tử trở xuống các hàng khỏe mạnh mỗi ngày lần lượt cứ như thế. Đến ngày mồng một tháng giêng năm sau (1091), sau khi cúng tế hoàn tất, Sư bảo: "Ngày mai tuyết lạnh ta mới đi". Đến sáng sớm bỗng nhiên tuyết tan hết, Sư ngồi đốt hương mà thị tịch, hưởng thọ sáu mươi bảy tuổi, bốn mươi chín hạ lạp. Dựng tháp an táng toàn thân tại bên tả của chùa.

30. Thiền sư Đức Tốn ở Tuệ lâm.

Thiền sư Đức Tốn - Phật Đà ở Tuệ lâm tại Đông kinh, vốn người dòng họ Dương ở Hầu quan, Phước châu. Thủa thiếu thời, Sư tập học Nho giáo, thông minh quảng bác, tiếng tăng vang vọng, bỗng nhiên nhàm chán trần tục rối ren, phát chí cầu đạo, bèn đến nương tựa Thượng nhân Tuệ Chiếu ở chùa Thiên ninh tại Đông kinh mà xuất gia. Sau khi khảo xét kinh pháp mà được độ, Sư bèn đến dự tham phỏng hỏi khắp các vị Thiện tri thức, đến nơi pháp tịch của Thiền sư Tuệ Nam, gieo cơ khai ngộ, qua thời gian dài lâu làm thị giả, Sư lại vân du đến các pháp tịch. Rồi, mới đầu ra hoằng hóa Sư đến ở Tịnh độ tại Phần dương, tiếp dời đến ở Bạch vân tại Thái nguyên. Sư thường ngồi chẳng nằm, các hàng Tăng tục rất mực kính phục, mãi đến lúc tuổi tác càng cao, đạo phong Sư càng bền chắc. Sư bèn vâng phụng sắc chiếu đến ở Tuệ lâm.

Ngày khai đường giảng pháp, vua Triết Tông (Triệu Húc 1068-

1101) thời Bắc Tống, sai Trung sứ ban tặng Sư hương. Lên pháp tòa, sau khi hỏi đáp xong, Sư mới bảo: "Truyền trì việc này đâu thể khua môi múa lưỡi, rong ruỗi ngôn từ bén nhọn mà có thể bàn nghị. Nhưng ở trong cửa phương tiện, việc không hai hướng. Cho nên Bồ-tát Văn Thù lấy vô trú làm gốc, Tổ sư Tào Khê lấy vô niệm làm tông. Tông của vô niệm là tông của muôn pháp, gốc của vô trú là gốc của muôn pháp. Chúng sinh bỏ gốc thoe ngọn trái giác hợp trần. Một khi mất nguồn ấy, mê mà chẳng lại, nên Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại , chẳng lập văn tự đặc biệt đề xướng tông thừa, chỉ dạy các người thấy rõ tự tánh cùng Phật đồng thọ, thôi hết thì Bồ-đề chẳng từ người khác mà đắc. Đức Phật dạy: "Ta ở nơi Đức Phật Nhiên Đăng không một pháp khả đắc, Đức Phật Nhiên Đăng mới vì thọ ký cho ta. Nếu có một pháp khả đắc, thì Phật Nhiên Đăng chẳng vì thọ ký cho ta vậy". Cứ xướng như vậy còn là Hóa môn. Hãy nói một câu chẳng rơi lạc Hóa môn làm sao sống? Nói. Đông không tháng chạp lạnh xuống xem". Sư lại bảo: "Các Nhân giả đạo không ẩn hiển, gặp duyên tức tông, pháp không đến đi, nhân thời mà hội. Nếu duyên thời mà chưa hội, tuy có Phật tổ cũng chẳng làm được gì. Hãy khôi phục bày trải chiếu tổ, tạo lập tùng lâm đâu thể chỉ mình chư Tăng mà có đủ khả năng? Hẳn phải nhờ sự hộ trợ của Quốc vương, đàn-việt, Phật nhật mới có thể dâng cao tỏa sáng. Từ xưa tại kinh thành chưa nghe là đạo, tiên đế mới dựng lập pháp tràng, thỉnh mời những bậc thuộc hàng cao lưu ở khắp nơi đồng làm việc lớn cùng một lúc, nên ngày nay đạo Phật mới hưng thạnh như vậy. Hoàng đế bệ hạ từ thiếu thời giẫm đạp cơ đồ lớn, sớm nghe diệu pháp, chẳng quên lời Đức Phật căn dặn đinh ninh tiếp nối rạng ngời hương thơm xưa trước, bèn khiến mọi người ở chốn sơn dã được dự phần mạng của triều đình, tức đem mọi thiện lợi của sự khai đường giảng pháp này dâng lên cầu chúc Thánh thọ vô cương, cúi nguyện Thuấn nhật và Phật nhật đồng tỏa sáng, Nghiêu phong và Tổ phong đồng thổi mát, muôn nước không việc gì, thời cơ đang năm hưng thịnh, bốn biển yên lặng, mọi người hưởng vui phong hóa thái bình!" Ngừng đứng giây lát, Sư bảo: "Trân trọng!" Đến lúc vua Triết Tông băng hà (1101), trong trăm ngày, Sư được triều đình phong tặng hiệu là "Phật Đà Thiền sư". Sau đó không bao lâu, Thái hậu cũng qua đời, Sư lại bị nhận sắc chiếu thỉnh mời vào nội cung, lên pháp tòa xiển dương Bát-nhã, triều đình ban tặng rất nồng hậu. Pháp đạo được nối dõi từ Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long đến đây mới bắt đầu hưng thạnh tại chốn kinh đô.

Sư thị tịch trong khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1111) thời Bắc

Tống.

31. Thiền sư Pháp Cư ở Hựu Thánh.

Thiền sư Pháp Cư ở Hựu Thánh tại phủ Long hưng, vốn người dòng họ Trịnh ở Thiều dương. Về già Sư mới gặp được Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long, rất được ấn chứng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Việc này như thầy thuốc ứng nghiệm phương cách trị bệnh. Vả lại, chất độc xen tạp đã đầy bụng, chưa dễ chữa trị, hẳn cho thuốc uống mù lòa mắt mà sau lành. Lại khiến tùy ý ném nó xuống chân, cuồng hoặc càng thêm cố tật. Tìm kiếm bệnh ấy nơi chính mình cũng chẳng chứng nghiệm ư? Trước pháp đường cỏ sâu dày, ở nơi tâm không thẹn".

32. Thiền sư Tuệ Trạch ở Tam giác.

Thiền sư Tuệ Trạch ở núi Tam giác tại Kỳ châu. Có vị Tăng hỏi: "Sư lên tòa báu, đại chúng xin lắng nghe?" Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái. Lại hỏi: "Đáp tức tiện đáp, lại gõ cái gì?" Sư bảo: "Trăm thứ tạp toái".

33. Thiền sư Văn Dục ở Pháp luân.

Thiền sư Văn Dục ở Pháp luân tại Nam nhạc. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy gõ một cái, và hét một tiếng, tiếp bảo: "Trên tuyết thêm sương, trong mắt thêm mạc, nếu cũng chẳng hiểu Bắc-uất-đơn-việt".

34. Am chủ Chí Chi ở Quy tông.

Am chủ Chí Chi ở Quy tông tại Lô sơn, vốn người xứ Lâm giang. Thủa tráng niên, Sư làm Bí-sô (Tỳ-kheo) nương theo Thiền sư Tuệ Nam ở Hoàng long, đến Quy tông bèn lãnh hội yếu chỉ sâu mầu, nên có làm kệ tụng là:

"Chưa đến nên phải đến
Đến rồi khiến người cười
Lông mày vốn vô dụng
Không cừ đáy sóng xinh".

Sau đó không bao lâu, Thiền sư Tuệ Nam lại dẫn lui, Sư ẩn dật trong chúng. Một ngày nọ thỉnh khắp đã xong, Sư viết bài kệ rằng:

"Mầm chè lộc sắc mới lìa hang
Măng sừng lang man lại nhả bùn
Nhà núi một năm việc xuân rõ
Được nhàn ai quản đầu bảng thấp".

Từ đó, các hàng Nạp tử đua nhau đến thân gần, Sư chẳng vui thích, bèn lên dựng am ở trên tuyệt đảnh. Có làm bài kệ rằng:

"Ngàn non trên đảnh một gian nhà

Lão Tăng nửa gian, mây nửa gian
Đêm qua mây theo gió mưa đi
Đến đầu chẳng tợ lão Tăng nhàn”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ XUNG Ở TUỆ LÂM

1. Thiền sư Trí Minh ở Hoa nghiêm.

Thiền sư Trí Minh - Phật Tuệ ở chùa Hoa nghiêm - Vĩnh hưng tại Đông kinh, vốn người dòng họ Sử ở Thường châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nếu luận bàn về việc này thì tại trời là sắp hàng muôn tượng mà đều hiện, tại đất thì chuyển vận bốn mùa mà phát sinh, tại người thì vào ra co duỗi sáu căn lẫn dùng. Hãy nói tại trên đầu cây gậy của sơn Tăng lại làm sao sống?” Ngưng giây lát, Sư gõ một cái, tiếp bảo: “Cao cũng nhầm, thấp cũng nhầm”.

2. Thiền sư Trí Hàng ở Vĩnh thái.

Thiền sư Trí Hàng ở Vĩnh thái tại Trấn châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tan làm hơi là bạc bẽo của đạo, vừa ở biến là tệ hại của pháp, linh cơ chẳng mờ tối phô xưa bày nay, đại dụng hiện tiền nào được nào mất. Tuy là như vậy, bỗng gặp dùi sắt không lỗ làm sao sống nói câu thoại hợp”. Và Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: “Xuyên qua xong vậy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Rồng bay vọt Bích Hán biến hóa vô phương, phụng liệng trời xanh, ai biết dấu vết. Đáng thực hành thì thực hành, chẳng ra ngoài trăm ngàn môn Tam-muội. Đáng dừng thì dừng, sao quên vạn tượng sum-la. Do đó nói lấy không được bỏ không được, trong không thể được chỉ gì được? Hãy nói được cái gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Chớ vọng tưởng”.

3. Thiền sư Tử Bang ở Thánh thọ.

Thiền sư Tử Bang - Viên Giác ở Thánh thọ tại Giang âm quân. Có vị Tăng hỏi: “Ý Tổ và ý giáo tạm rút bỏ một bên, còn thế nào là được chóng thành Phật?” Sư đáp: “Có thành, trọn chẳng phải, là Phật cũng chẳng thật”. Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư quát mắng: “Thoại đầu nói gì?”.

4. Thiền sư Đàm Chương ở Quảng phước.

Thiền sư Đàm Chương - Pháp Chiếu ở Quảng phước tại Thường châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Xuân đến hoa tự nở”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu?” Sư đáp: “Thu đến, lá điêu tàn trước”. Lại hỏi: “Thế nào là trâu trắng lộ bày nơi đất?” Sư đáp: “Đầu sừng rõ ràng”. Lại hỏi: “Thế nào là một câu Hòa thượng vì người?” Sư đáp: “Một hai ba bốn năm sáu bảy”. Lại hỏi:

"Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Muôn vật đều từ trong đó ra".

5. Thiền sư Giới ở Thạch tháp.

Thiền sư Giới ở Thạch tháp, tại Dương châu. Sau khi chứng đắc yếu chỉ từ Thiền sư Xung ở Tuệ lâm, Sư ra ở một ngôi chùa tại Tây hồ thuộc Hàng châu, rồi chuyển dời đến ở Thạch tháp tại Dương châu. Bỗng nhiên lùi pháp tịch, Sư vượt qua sông, Tô Đông Pha lại biết Dương châu thỉnh mời Sư trú trì. Sớ có làm lời của Tô Đông Pha mà ít lưu lại. Triều Vô Cửu học sĩ vì đó mà tuyên cáo. Do đó tiếng tăm Sư vang động một thời, Tô Đông Pha lại có làm bài Minh về "Giới y" rằng:

"Thạch tháp đắc Tam-muội
Mới từ Định tuệ vào
Cho nên thường quý giữ
Đăng đàn thọ giới y
Tôi nghe được đạo nhân
Một vật chẳng thể lưu
Thế nào pháp y đây
Chằm vá thành bá nạp
Các pháp niệm niệm đi
Y nay chẳng y xưa
Pháp này không sinh diệt
Y cũng không hư hoại
Bày y không bụi này
Tắm người không dơ này
Hoại thì theo kia đi
Cho nên trọn chẳng hoại".

Sư là người mà Tô Đông Pha có biết đến, nên có thể thấy Sư là người như thế nào.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỬ HỒNG Ở THỤY NHAM

1. Thiền sư Khả Anh ở Phật quật.

Thiền sư Khả Anh - Xướng Quốc ở Phật quật tại Đài châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Một vòng xoay mới ra biển muôn nước đều đượm ân". Lại hỏi: "Người học chẳng hiểu?" Sư đáp: "Chỉ bởi rành rẽ hết, vụt khiến sở đắc chậm". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Phật quật?" Sư đáp: "Xuân về một đường đẹp trước hang, tuyết hết vài núi lạnh ngoài mây". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Cây gậy đêm đánh sương trăng cao, bình đồng sáng súc khói đầm biếc". Và Sư mới bảo: "Gió xuân thoảng mỏng,

muôn vật đều xinh tươi, giữa khoảng rừng lão nhà qua ngâm khúc âu ca, trên sông ngư ông thả câu. Hoa núi bày đẹp, liễu bờ rủ nhim, oanh ngâm rừng kiều, thú kêu côc sâu, mây trắng nhóm trên núi lớp lớp lớn cao, muôn phái triều tông xa mờ sóng cả trăng nơm, lớp lớp lưới trời trăm ức rủ hình, Hải ấn phát sáng lớn tỏa khắp cùng. Nói năng như vậy không gì chẳng biết hết. Hãy nói một câu mê thân làm sao sống?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Trên trời bỗng nhiên sấm nổ kinh vũ trụ, đáy giếng ểnh ương chẳng ngẩng đầu".

2. Thiền sư Đàm Chấn ở Nhạc lâm.

Thiền sư Đàm Chấn ở Nhạc lâm tại Minh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư duỗi lời bảo: "Ngày nay mở đầu đãy vải, lại có người nào mua bán gì chăng?" Có vị Tăng ra thưa: "Có". Sư bảo: "Chẳng làm sang chẳng làm hèn, lại làm sao sống trả giá?" Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư bảo: "Ngày nay sơn Tăng mất lợi". Lại hỏi: "Ngày nay tòa báu đã lên, tin tức trong đó xin tuyên bày?" Sư đáp: "Vèo vèo cùng gió, nhẹ nhàn mưa nhỏ". Lại nói: "Lời trước có đường vượt, câu sau quá Tỳ-lô". Sư bảo: "Cũng chẳng tiêu được". Lại hỏi: "Biết Sư mở tiếp cây không rễ, khéo tay hay đào đèn đáy biển. Người học từ trước đến đây xin Sư một lần tiếp". Sư đáp: "Bờ liễu chợt nở mắt vàng nhỏ, non mai mới chớm bạc hương ngọc". Lại nói: "Viên âm mới bổ, đại chúng đồng đượm ân". Sư bảo: "Người lanh lợi khó được". Và Sư mới bảo: "Nếu luận bàn về việc này chẳng tại nơi Tăng đó cùng với nơi tục, chẳng phải nơi sang cùng nơi hèn, thảy đều đầy đủk từng khuyết thiếu. Chỉ bởi vì căn có lợi độn, thấy có sai khác, hướng đến trong sắc mà chuyển đi. Cứ sao biết thế? Há chẳng thấy đạo, danh ngôn ứ trệ nơi tâm đầu, thường vì trường duyên lự, thực tế ở nơi trước mắt, vụt thành cảnh danh tướng. Hãy làm sao sống là việc trước mắt. Lại có biết chăng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Trong mắt không gân, một đời nghèo bần".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRONG - VĂN TUỆ Ở THIÊN BÁT

1. Thiền sư Thiện Phi ở Tổ ấn.

Thiền sư Thiện Phi ở Tổ ấn tại Ân châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Thông trên suốt dưới". Lại hỏi: "Thế nào là Pháp?" Sư đáp: "Suốt dưới thông trên". Và Sư mới bảo: "Thông trên suốt dưới, suốt dưới thông trên, mê có muôn sai, ngộ không hai dạng". Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngàn cửa nhà, muôn cửa nhà, nghèo cùng nghèo, giàu thì giàu. Như chưa liếc

nhìn đất, tam đồ chưa là khổ". Sư đánh cây phất trần một cái, lại bảo: "Người người riêng tỏa sáng, mỗi mỗi suốt cùng khuôn phép Tổ ấn. Nói năng như vậy chẳng thường có mất có lợi". Xong, Sư vỗ tay xuống một cái, tiếp bảo: "Ôi! Lại dẫn người vào trong gai góc". Sư hét một tiếng, rồi lại bảo: "Trong đầm trăng sáng, mây trắng trên non. Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại chẳng nói như vậy". Sư lại nắm cây gậy bảo: "Cũng rất kỳ lạ cây gậy mở nói chẳng nghĩ bàn". Xong, Sư đánh vào đài hương một cái và xuống khỏi tòa. Sư lại bảo: "Người có thể kham làm cầu thì làm cầu, người kham làm trụ thì làm trụ, nạp Tăng lanh lợi lại biết nơi rơi lạc". Bỗng nhiên Sư nắm lấy cây gậy bảo: "Lại có biết kham làm cái gì không?" Sư lại đánh xuống đài hương một cái, tiếp bảo: "Chớ nói không nơi dùng". Sư lại đánh xuống một cái nữa, tiếp bảo: "Xem xem trong nhà Mộc Sư Bá bị Thánh tăng đánh một tát, chạy đi đến Duy-na, bị Duy-na đánh hai tát, Lộ Trụ cười ha, ha. Đánh nhằm Sư Bá ấy, Tổ ấn bày thấy". Bèn nắm cây gậy, Sư bảo: "Lại, lại, tuy phải, Thánh tăng cũng phải ăn gậy". Xong, Sư đánh vào đài hương một cái, và xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Mãn ở Nguyên phong

Thiền sư Mãn ở viện Nguyên phong tại Vệ châu, vốn người dòng họ Điền ở Diêm sơn, Thương châu. Từ thủa bé thơ, Sư đã ham thích lắng nghe. Sau khi thân mẫu qua đời, Sư xuống tóc xuất gia thọ giới. Sư đến nơi pháp tịch của Thiền sư Nguyên ở châu, vào thất phỏng hỏi dự tham. Một ngày nọ đi núi, dùng lá để tẩy sạch tay, bỗng nhiên khế ngộ. Sư bèn gieo cơ, làm bài tụng rằng: "Kỳ thay lạ thay, động lại mê. Lại hỏi thế nào, máy mần bèn đánh". Sư ở núi tu hành khổ hạnh, tuyệt bỏ ăn dùng suốt bảy năm. Thái thú Tiền Công thỉnh mời Sư ra hoằng hóa. Có vị Tăng hỏi: "Ải thiền vừa mở, Tổ đạo dấy lại, linh cơ ngàn Thánh, xin Sư cử xướng?" Sư đáp: "Mùa thu quán sát lá vàng rơi". Lại hỏi: "Linh cơ ngàn Thánh đã được cử xướng , còn chốt ải của sư ta, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Mùa đông thấy muôn cây khô". Lại hỏi: "Thế nào là lúc ngựa gỗ hý hoa đầy đất, nơi trâu đất đi mây biển ngưng?" Sư đáp: "cũng phải hiểu mới được". Lại hỏi: "Thế nào là Ấn tổ sư?" Sư đáp: "Đất lặng trời yên". Lại hỏi: "Thế nào là Tâm ấn?" Sư vỗ xuống đầu gối một cái. Lại hỏi: "Tâm ấn Phật tổ cùng cách nhau bao nhiêu?" Sư đáp: "Lời cạn lý sâu". Lại hỏi: "Thế nào là nơi nạp Tăng đắc lực?" Sư đáp: "Trăng trên trời xanh". Lại hỏi: "Chưa xét rõ có bằng cứ chứng nghiệm gì?" Sư bảo: "Chớ ngủ gật". Sư mới đè ngang cây phất trần mà bảo: "Muốn gõ đến cửa huyền phải là người có tiết tháo mạnh mẽ chặt

đinh cắt sắt, tài giỏi bổ mổ mới được. Nếu là hạng hèn hạ sợ dao lánh tên trông nhìn tức có phần". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn cả đại chúng và bảo: "Không tư duy gì khác, lắng nghe lắng nghe, hôm qua nóng bức, ngày nay mát lạnh, tinh thần phấn chấn dốc sức nhìn, nhìn lại nhìn đi chuyển mập mờ, muốn được không mập mờ, nhìn, nhìn".

3. Thiền sư Chân Ngộ ở Thiện thắng.

Thiền sư Chân Ngộ ở Thiện thắng tại Tây kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khua lớn tiếng mà áp cản dừng vang, chẳng biết tiếng là căn của vang, múa ảnh mà muốn trốn hình, chẳng biết hình là gốc của ảnh. Dùng pháp hỏi pháp, không biết pháp vốn chẳng phải pháp. Đem tâm mà truyền tâm, chẳng biết tâm vốn không tâm. Tâm vón không tâm, biết tâm như huyễn, rõ pháp chẳng phải pháp biết pháp như mộng, tâm pháp không thật, chớ dối tìm cầu. Mộng huyễn không hoa nào nhọc nắm bắt. Đến trong đó một đại tạng giáo điển của chư Phật ba đời. Lời câu của Tổ sư, lão Hòa thượng trong thiên hạ đường trải dây leo đều khiến chẳng nhầm. Cớ sao? Thái bình vốn là tướng quân đặt, chẳng hẹn tướng quân thấy thái bình".

4. Thiền sư Pháp Bản ở Định tuệ.

Thiền sư Pháp Bản ở viện Định tuệ tại châu. Có vị Tăng hỏi: "Người xưa đến trong đó vì gì vòng tay quy hàng?" Sư đáp: "Lý hợp như vậy". Lại hỏi: "Rốt cùng như thế nào?" Sư đáp: "Đêm ngủ ngày chạy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ XUNG HỘI Ở TAM TỔ

1. Thiền sư Cư Nhuận ở Lâm an.

Thiền sư Cư Nhuận ở Lâm an tại Hàng châu. có vị Tăng hỏi: "Vì nước nhà, ngày nay khai mở giảng đường. Sư dùng pháp gì để làm lợi ích trời người?" Sư đáp: "Sắp gọi là Nạp tử lanh lợi". Lại nói: "Đốt một lò hương thơm chúc Thánh ân". Sư bảo: "Việc ngày nay làm sao sống?" Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư bảo: "Hơi gấp giết người". Lại hỏi: " tịnh bản nhiên khắp cùng pháp giới. Vì sao người trong am không biết việc ngoài am?" Sư bảo: "Hợp gì?" Lại nói: "Đặc biệt tỏ bày thỉnh hỏi điều lợi ích?" Sư bảo: "Có lắm tướng khiếm khuyết". Và Sư mới bảo: "Đại chúng chỉ nên nhìn. Từ trên các Thánh xưa gánh đãy mang bát ra một tùng lâm vào một Bảo xã. Nếu chẳng được cái nơi vào, đêm ngày chẳng bỏ tham hỏi Thiện tri thức, đấp nhầm va nhầm, bỗng nhiên liếc đất, mới biết dao là sắt làm một lúc buông xuống, bèn mới là Thiên

thai thỉnh mời khắp, Nam nhạc vân du núi, bên tả đến, bên hữu đến, chẳng ở nơi lầm hoặc. Các Nhân giả? Người xưa đã nhóm hội gì? Ngày nay khuyết thiếu cái gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Hư dối nhiều, chẳng bằng chút ít thật”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 16
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 17

MỤC LỤC

vị:

1. Thiền sư Đức Chỉ ở Viên thông
2. Thiền sư Đạo Hội ở Chân như
3. Thiền sư Cảnh Thâm ở Trí thông
4. Thiền sư Trí Bằng ở Hoa dược (bốn vị có ghi lục)
5. Thiền sư Như Ý ở Ô cự
6. Thiền sư Quý ở Ngưỡng sơn
7. Thiền sư Thông ở Báo ân
8. Thiền sư Trăn ở Tiến phước
9. Tạng chủ Thông ở Thiên vương (năm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dị ở Thạch môn, có năm vị:
1. Thiền sư Tề ở nguyên
2. Thiền sư Thông ở Thiên y
3. Thiền sư Ni Phật Thông ở Hương sơn (ba vị có ghi lục)
4. Thiền sư Từ Phổ ở Cửu đảnh
5. Thiền sư Nghĩa Tung ở Vô vi (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bô ở Thiên ninh, có một vị:
1. Thiền sư Từ ở Hùng nhĩ (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Triết ở Đại quy, có ba mươi vị:

1. Thiền sư Đạo Bình ở Trí hải
2. Thiền sư Cảnh Tường ở Lặc đàm
3. Thiền sư Tuệ Lan ở Quang hiếu
4. Thiền sư Nhân Tiên ở Đông minh
5. Thiền sư Hiểu Khâm ở Phổ chiếu
6. Thiền sư Tự Tuân ở Đông lâm
7. Thiền sư Trí ở Phước nghiêm
8. Thiền sư Thiên ở Đông minh
9. Thiền sư Nhữ Năng ở Đạo ngô
10. Thiền sư Tuệ Thuần ở Hưng giáo
11. Thiền sư Hy ở La phù
12. Thiền sư Hiền ở Hưng dương
13. Thiền sư Diệu Hỷ ở Vĩnh an (mười ba vị hiện có ghi lục)
14. Thiền sư Tuệ Hiểu ở Hòa sơn
15. Thiền sư Trí Nguyên ở Trung phong

16. Thiền sư Đạo Kiên ở Linh tuyền
17. Thiền sư Văn Triết ở cư
18. Thiền sư Tử Thăng ở Vạn thọ
19. Thiền sư Chánh ở Sùng nhân
20 Thiền sư Biện ở Gia hữu
21. Thiền sư Hải ở Nhạc lộc
22. Thủ tòa Vân Ái ở Quy sơn
23. Thủ tòa Tề Vinh
24. Am chủ Vĩnh ở Quy sơn
25. Thiền sư Tuệ Văn ở Tịnh phước
26. Thiền sư Đạo Tông ở Thụy phong
27. Thiền sư Sư Phạm ở Chiêu giác
28. Thiền sư Đạo Tông ở Vạn thọ
29. Thiền sư Ngộ ở Vân phong
30. Thiền sư Tử Chân ở Tượng nhĩ (mười bảy vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhã ở Tuyết đậu, có bốn vị:
1. Thiền sư Phổ Ấn ở Quang hiếu (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Vận ở Long du
3. Thiền sư Vĩnh Hy ở Thạch môn
4. Thiền sư Vĩnh Giác ở Thiền lâm (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông Chấn ở Khánh thiện, có một vị:
1. Thiền sư Phổ Năng ở Khánh thiện (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tư ở Tịnh độ, có hai vị:
1. Thiền sư Pháp Thuyên ở Vạn thọ
2. Thiền sư Thủ Long ở Khánh thiện (hai vị có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyệt ở Hộ quốc, có một vị:
1. Thiền sư Tuệ Bản ở Hộ quốc (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hựu ở Hộ quốc, có một vị:
1. Thiền sư Tắc Viên ở Tư Thánh (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ ở Nam thiền, có hai vị:
1. Thiền sư Pháp Thuyên ở Tiêu sơn
2. Thiền sư Đạo Phương ở Bảo lâm (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viên ở Vạn thọ, có ba vị:
1. Thiền sư Chiếu ở Quốc
2. Thiền sư Giác ở Tuệ nghiêm
3. Thiền sư Vinh ở Vĩnh hoài (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đoan ở Phước xướng, có một vị:
1. Thiền sư Tư ở Vương ốc (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Vĩnh ở Thiên hy, có một vị:
1. Thượng tọa Thiêm (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đăng ở Lộc môn, có một vị:
1. Thiền sư Hy ở Bạch mã (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ni Đạo Thâm ở Tây kinh, có hai vị:
1. Thiền sư Thiệu Tài ở Phụng Thánh
2. Thiền sư Trí An ở Diệu tuệ (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Toại ở Đại hồng (hiện có ghi lục)
1. Thiền sư Khánh Hiển ở Đại hồng (hiện có ghi lục)
2. Công An Mẫn ở Kinh châu (một vị không ghi lục)

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẦN Ở ĐAN HÀ

1. Thiền sư Chánh Giác ở Thiên đồng.

Thiền sư Chánh Giác - Hoằng Trí ở Thiên đồng tại Minh châu, vốn người dòng họ Lý ở Thấp châu. Thân mẫu Sư mộng thấy có vị Tăng ở Ngũ đài cởi vòng chuỗi mà đeo cho vào cánh tay phải của mình, mới mang thai Sư và khiết trì trai giới. Đến lúc sinh Sư, bên cánh tay phải có tướng trạng đặc biệt như vòng chuỗi. Năm bảy tuổi, mỗi ngày Sư đọc thông rành cả vài ngàn lời. Tổ phụ và thân phụ Sư sùng đạo từ lâu từng dự tham nơi Thiền sư Tốn - Phật Đà. Thiền sư Tốn từng chỉ Sư mà nói với thân phụ Sư rằng: "Đứa trẻ này đạo vận ưu thắng, rất chẳng phải người trong trần tục. Nếu xuất gia hẳn sẽ là pháp khí". Năm mười một tuổi, Sư được độ, đến ở Bản tông - Tịnh minh. Năm mười bốn tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Năm mười tám tuổi, Sư du phương tham học. Sư khẳng khái phán quyết cùng tổ phụ là: "Nếu chẳng tỏ rõ đại sự, thề chẳng trở về". Kịp đến lúc Sư đến Hương sơn ở Nhữ châu, thành cây khô, người trông thấy rất mực kính trọng. Một ngày nọ nghe vị Tăng tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa đến "mắt của cha mẹ sinh ra hẳn thấy ba ngàn cõi". Bỗng nhiên Sư có sự tỉnh ngộ, liền đến nơi trượng thất tỏ bày sở ngộ. Hương Sơn chỉ ẩn hương trên đài mà bảo: "Mặt trong là vật gì?" Sư nói: "Là tâm hạnh gì?" Hương Sơn hỏi: "Nơi ông ngộ lại làm sao sống?" Sư đưa tay họa vẽ một tướng vòng tròn mà trình bày đó, lại kéo rút lui sau. Hương Sơn bảo: "Gã tài quậy bùn nhóm tụ có hạng gì?" Sư nói: "Sai nhầm". Hương Sơn bảo: "Riêng phải thấy người mới được". Sư liền ứng tiếng đáp: "Kính vâng". Và Sư liền đến nơi Thiền sư Thuần ở Đan hà. Thiền sư Thuần hỏi: "Thế nào tự chính mình ở không kiếp trở về trước?" Sư đáp: "Đáy giếng Ễnh ương nuốt vầng nguyệt, canh ba chẳng mượn rèm sáng đêm". Lại bảo: "Chưa ở lại nói". Sư phỏng bàn nghị, Thiền sư Thuần bèn đánh một cây phất tử và bảo: "Lại nói chẳng mượn". Ngay lời nói ấy Sư được mở toan, bèn đảnh lễ. Thiền sư Thuần lại bảo: "Sao chẳng nói lấy một câu?" Sư nói: "Ngày nay tôi mất tiền lại gặp tội". Lại bảo: "Chưa rảnh đánh được, người tạm đi". Thiền sư Thuần ra nhận lãnh Đại hồng, Sư nắm giữ mốc ghi. Sau lại được bảo làm thủ chúng. Đắc pháp đã có được vài người. Bốn năm sau, Sư đến Viên thông. Bấy giờ Thiền sư Chân Hiết mới đến ở Trường lô, sai vị Tăng thỉnh mời Sư đến, đại chúng ra nghinh đón. Thấy Sư vận mặc y phục rách xấu mới lấy làm lạ đó. Thiền sư Chân Hiết bảo thị giả đổi giày mới cho Sư, Sư liền bảo: "Tôi vì giày mà đến đây ư?" Đại chúng nghe thế, tâm sinh kính phục, khẩn cầu Sư giảng pháp. Sư ở tòa thứ nhất

suốt sáu năm.

Đến lúc ra hoằng hóa, Sư đến ở Phổ chiếu tại Tứ châu. Tiếp lại bổ nhậm ở Viên thông - Năng nhân tại Thái bình. Và ở Thiên đồng tại Trường lô nhà cửa phòng ốc chật hẹp, Sư bèn đến mở mang làm mới tất cả. Đại chúng cùng nhau nhóm tụ. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cửa vàng rèm rủ ai truyền tin thư nhà, màn tía trướng rủ mờ tối tung chân chân. Chánh lúc nào thấy nghe có nơi chẳng đến, nói bày có chỗ chẳng kịp. Thế nào thông được cái tin tức đi. Mộng hồi đêm sắc nương hiếm hiểu, cười chỉ gia phong cháy rực xuân". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm chẳng thể duyên, miệng chẳng thể bàn, ngay như lùi bước mang vác, rất kỵ đương đầu phạm húy. Gió trăng trong lạnh xưa qua đầu, thuyền đêm đánh chuyển đất lưu ly". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ở kiếp không có Chân tông, trước tiếng hỏi tự thân, lột trần mới kế sống, trong trắng gia phong xưa, đích thực ngoài ba thừa, xa xa trong một ấn, tức lại hành khác loại, muôn phái tự rạng đông". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nay chính là ngày giáng đản của Đức Thích-ca và Lão Tử. Trường lô đấy chẳng giải nói thiền, cùng các người họa vẽ cái dạng con. Chỉ như lức tại trong bào thai Ma-gia làm sao sống?" Sư nắm cây phất trần họa vẽ tướng một chấm trong vòng tròn ⦿ rồi bảo: "Chỉ như dùng nước tịnh tắm gội thân vàng ròng, lúc ấy lại làm sao sống?" Sư lại họa vẽ tướng nước trong vòng tròn (??) rồi bảo: "Chỉ như đi khắp các hướng bảy bước, mắt nhìn về bốn phương, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, rồi thành đạo, giảng pháp, thần thông biến hóa, trí tuệ biện tài, trong suốt bốn mươi chín năm gồm hơn ba trăm hội, nói xanh nói vàng chỉ đông họa tây, đến lúc nhập Niết-bàn lại làm sao sống?" Sư lại họa vẽ hình chữ thập trong vòng tròn sắc rồi bảo: "Nếu là nạp Tăng có đủ mắt sáng, hẳn cũng làm hẹn, còn chưa như vậy thì mỗi mỗi phải trải qua mới được".

Lại có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là người hướng đi?" Sư đáp: "Mây trắng vào hang hết, núi xanh dựa trời cao". Lại hỏi: "Thế nào tức người lại?" Sư đáp: "Đầy đầu tóc bạc lìa hang cốc, nửa đếm xuyên mây vào phố chợ". Lại hỏi: "Thế nào là người chẳng đi chẳng lại?" Sư đáp: "Thạch nữ kêu hồi ba cõi mộng. Người gỗ ngồi chốt sáu cửa". Và Sư mới bảo: "Trong câu rõ tông thì dễ, trong tông biện đích là khó". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Có hiểu chăng? Gà lạnh chưa báo nhà rừng sáng, ẩn ẩn người đi qua núi tuyết". Có vị Tăng hỏi: "Lúc một sợi tơ chẳng nhằm thì thế nào?" Sư đáp: "Khoái dao khoái búa chẻ chẳng vào". Lại hỏi: "Lúc mở đầu đãy vải thì thế nào?" Sư

đáp: "Mặc tình lấp ngòi bít hang". Lại hỏi: "Lý hư rốt cùng lúc không thân thì thế nào?" Sư đáp: "Văn vẻ mới đầu chưa thành sẹo, tin tức khó truyền khắp". Lại hỏi: "Một bước kín dời đường huyền chuyển, thông thân buông xúong cướp hồ không". Sư bảo: "Lúc Đản sinh đến cha, hợp lễ không để chiếu". Lại hỏi: "Lý tức như vậy, sự làm sao sống?" Sư đáp: "Rành rành mới xoay việc phân hóa, mười phương cơ ứng lại ngại gì?" Lại hỏi: "Thế nào là trần trần đều hiện thân xưa nay?" Sư đáp: "Thấu hết thảy sắc vượt hết thảy tâm". Lại hỏi: "Như lý như sự làm sao sống?" Sư đáp: "Đi đường gặp rắn chết chớ đánh giết, xách con không đáy đầy đem về". Lại nói: "Vào chợ hay huýt dài, về nhà mặc áo sam cụt". Sư bảo: "Trên non người gỗ ca, bên khe Thạch nữ vũ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư vị Thiền đức! Người nuốt hết chư Phật ba đời, vì sao mở miệng không được? Người chiếu phá cả bốn thiên hạ, vì sao nhằm mắt không được? Có rất nhiều bệnh đau hẹn cùng độm lúc rút bỏ đi. Hãy làm sao sống được mười thành thông sảng khoái? Có hiểu chăng? Ngón tay cái mở hoa nhạc liền sắc trời, buông ra tiếng Hoàng hà đến biển". Từ lúc Sư đến trú trì trở lại nhận thọ không tham mà cúng thí không chán. Gặp năm khó khổ thức ăn hết cả, chính tự mình có và trông nhìn đến đại chúng mọi sự dư thừa, có thể nương nhờ làm kế sống cả vài muôn. Mỗi ngày quá ngọ, Sư hẳn không ăn.

Đến tháng chín năm Đinh sửu (1157) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư đi thăm viếng các vị quận liêu và đàn-việt, tiếp đến thăm viếng Việt soái Triệu Công Lệnh ngận và cùng đó nói lời giã biệt. Đến ngày mồng 07 tháng 10, Sư trở về lại núi. Hôm sau vào khoảng giờ thìn giờ tỵ, Sư tắm gội thay y phục xong, ngồi kiết-già bảo gọi đại chúng, đòi thị giả lấy bút mực viết thư gởi Thiền sư Đại Tuệ ở Dục vương, thỉnh mời chủ trì việc hậu sự. Và Sư bèn viết kệ rằng:

"Hoa đốm huyễn mộng
Sáu mươi bảy (67) năm
Chim trắng khói tan
Nước thu liền trời".

Xong, Sư bèn ném bút, thị tịch. Nhập pháp lưu lại bảy ngày mà dung mạo nhan sắc Sư vẫn như lúc sinh tiền, nghinh thỉnh toàn thân an táng dựng tháp tại Đông cốc. Truy phong Sư thụy hiệu là "Hoằng Trí", tháp hiệu là "Diệu Quang".

2. Thiền sư Liễu ở Trường lô.

Thiền sư Liễu - Chân Hiết ở Trường lô tại Chân châu, vốn người dòng họ Ung ở Tả miên. Từ ngày còn lót tả, đưa Sư vào chùa thấy Phật,

tự nhiên Sư vui mừng máy động chân mày, mọi người đều lấy làm lạ. Đến lúc mười tám tuổi, khảo xét kinh Pháp Hoa mà Sư được độ, Sư sang ở Đại từ tại Kinh đô, tập học kinh luận lãnh hội được đại ý. Sư bèn ra đất Thục đến Cái hán, gõ thất Thiền sư Thuần ở Đan hà, Thiền sư Thuần hỏi: “Thế nào là chính mình ở kiếp không trở về trước?” Sư phỏng trả lời, Thiền sư Thuần bảo: “Ngươi ồn náo nơi đây, tạm đi đi”. Một ngày nọ, Sư lên núi Bát vu, bỗng nhiên khế ngộ, bèn đi thẳng về Đan hà đứng hầu, Thiền sư Thuần vỗ tay bảo: “Sắp gọi là ông biết có”. Sư vui mừng mà kính bái đó. Ngày hôm sau lên giảng đường, Thiền sư Thuần bảo: “Mặt nhật soi chiếu Cô phong xanh biếc, trăng soi khe nước lạnh, quyết ấn huyền diệu của Tổ sư chẳng hướng tấc lòng an”. Xong, bèn xuống khỏi tòa. Sư đến ngay trước mặt thưa: “Ngày nay lên tòa lại không làm mù lòa tôi được”. Thiền sư Thuần bảo: “Ông thử nêu cử ngày nay ta lên tòa xem?” Sư chần chừ giây lát. Thiền sư Thuần bảo: “Sắp gọi là ông liếc đất vậy”. Sư bèn đi ra.

Sau đó, Sư vân du Ngũ đài, tới kinh đô, Phù biện, thẳng đến Trường lô bái yết Tỏ chiếu, một lời khế hợp cùng gieo, bèn bảo làm thị giả, một năm sau phân tòa, sau đó không bao lâu lấy cớ bệnh cáo lui, bảo Sư kế thừa pháp tịch ấy, học giả đến nương tựa như trở về.

Khoảng cuối niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống, Sư vân du đến Tây minh. Làm chủ Thiên phong ở Bồ-đà-đài, Vân phong ở đất Mân. Có chiếu ban mời đến ở Dục vương, rồi chuyển dời đến Long tường ở Ôn châu, Kinh sơn - Từ ninh ở Hàng châu. Hoàng thái hậu ban lệnh khai sơn Sùng tiên ở Cao minh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trước kia ở nơi tiên sư dưới một tiếng vỗ tay mà mọi kỹ lưỡng của tôi đều hết, tìm cái nơi mở miệng không thể được. Như nay lại có cái gì khoái sống gã tài giỏi nào chẳng thấu triệt ư? Nếu không thì ngậm sắt mang yên mỗi tự nhầm tiện”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đã lâu im lặng, cốt yếu ấy chẳng phải nhanh nói. Thích-ca, Lão Tử đợi yếu thực khúc nhạc bán đùa vui. Tranh làm sao lúc chưa ra khỏi thai đã bị người khác trông nhìn quấy phá. Hãy nói trông nhìn quấy phá cái gì? Mù lòa Tuyết phong không thể được”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Lên đỉnh Cô phong, qua cầu Độc mộc, chợt thẳng đi đâu? Còn là nơi chân cao thấp của người đương thời. Nếu thấy được thấu suốt thì thân chẳng ra khỏi cửa mà khắp cùng mười phương, chưa vào cửa mà thường ở trong thất. Nếu là chưa được như vậy rảo mát đánh lấy một lần chuyển củi”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nói được câu thứ nhất chẳng bị cây gậy làm mù lòa, biết được cây gậy còn là việc trong

đường đi. Làm sao sống là một câu đến đầu đất?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nơi nơi tìm không được, chỉ có một nơi chẳng tìm kiếm mà tự được. Hãy nói là nơi nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Giặc thân đã lộ bày". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bên khóc miệng nổi meo trắng, mới biết vào cửa. Khắp thân cháy đỏ mới biết việc trong cửa. Lại phải biết có chẳng ra cửa đến cùng". Sư mới bảo: "Kêu cái gì làm cửa?"

Có vị Tăng hỏi: "Chư Phật ba đời hướng vào trong lửa dữ chuyển Đại pháp luân, có đích thực như vậy không?" Sư cười lớn bảo: "Ta tức nghi nhầm". Lại hỏi: "Hòa thượng làm gì tức nghi nhầm?" Sư đáp: "Hoa hương đồng nội đầy đường, chim ở rừng sâu chẳng biết quân". Lại hỏi: "Chẳng rơi lạc phong thái lại hứa chuyển thân không?" Sư đáp: "Nơi người đá đi chẳng đồng công". Lại hỏi: "Việc hướng thượng làm sao sống?" Sư đáp: "Khéo tại trước một bọt nước, nào dung mắt ngàn Thánh". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Chỉ sợ chẳng nghĩ gì".

Một ngày nọ, Sư vào nhà trù, thấy nấu bún, bỗng nhiên thùng bún lũng đáy, đại chúng đều thất kêu: "Thật đáng tiếc!" Sư bảo: "Đáy thùng lủng thoát, đáng nên vui mừng, cớ gì mà sinh phiền não?" Một vị Tăng thưa: "Hòa thượng tức đắc". Sư bảo: "Đốt nấu đáng tiếc một thùng bún". Xong, Sư hỏi một vị Tăng: "Sau khi ông chết thiêu đốt thành tro bụi tung rải đi rồi, hướng đến nơi nào đi?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Khéo một tiếng hét chỉ là chẳng được lật lại thành thực". Vị Tăng ấy lại hét. Sư bảo: "Công án chưa tròn lại hét mới được". vị Tăng ấy không nói năng gì. Sư bèn đánh và bảo: "Gã chết này". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rêu bít đường xưa chẳng rơi hư ngưng, móc chấm rừng lạnh chịu bày phong yếu, móc kim ẩn kín, ai bảo ngu phụ nương náu hang ổ, chỉ gì nhận lấy, tự là khoái sống bình thường, lại có đủ mắt sáng qua thấu quan ải chăng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Ngay như nghe sớm tiện về đi, tranh tợ từ trước lại chẳng ra cửa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chợt mưa chợt tạnh chợt lạnh chợt nóng. Sơn Tăng chỉ cái sơn Tăng tự biết, các người chỉ cái các người tự nói. Hãy nói miệng Tuyết Phong trừ ăn cơm ra cần làm cái gì?" Sư bèn hỏi một vị Tăng: "Trên điện Lưu ly, Ngọc Nữ ném thoa, rõ bên việc gì?" Vị Tăng ấy đáp: "Xoay cùng chẳng đáng có". Sư hỏi: "Lại có dứt hay tiếp tục gì không?" Vị Tăng ấy đáp: "Xưa nay chẳng từng nghe". Sư hỏi: "Chánh ngay lúc chẳng từng nghe ấy như thế nào?" Vị Tăng ấy thưa: "Trân trọng", bèn lui ra. Lại có lúc lên giảng đường, Sư lay lắc cây gậy mà bảo: "Xem xem ba ngàn Đại thiên thế giới đồng một lúc lay động. Đại

sư Vân Môn tức được, còn Tuyết Phong đây không như vậy". Sư bèn gõ cây gậy một cái tiếp bảo: "Ba ngàn Đại thiên thế giới hướng nơi nào đi. Có hiểu không? Chẳng được mưa trùng mai, mầm mạ tranh thấy xanh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thân không, huyễn hóa tức pháp thân". Và Sư bèn làm thế múa vũ và tiếp bảo: "Thấy gì? Thấy gì? Thấy được qua cầu thôn rượu đẹp". Sư lại làm thế múa vũ mà tiếp bảo: "Thấy gì? Thấy gì? Gì chẳng thấy cách bờ hương hoa đồng nội". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lại có chẳng bị huyền diệu làm ô nhiễm chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Một điểm ấy nghiêng nước bốn biển, đã là tẩy rửa khỏi chẳng xuống". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là chính tự mình ở kiếp không trở về trước?" Sư đáp: "Ngựa trắng vào hoa lau". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cùng mảy trần chôn mất gốc, diệu thể mất tông, một câu cắt dứt dòng, cao sâu hết cả, là vì kim vàng nơi kín chẳng bày sáng nhọn, chỉ ngọc thông thời, ngầm buông khác thể. Tuy là như vậy, nhưng còn là hỗ tương cả hai tỏ rõ. Hãy nói khéo vụng chẳng đến làm sao sống cùng ủy thác?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Vân la nơi đẹp xanh râm hợp, cây hang cao thấp biếc tỏa sâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chuyển công đến vị là hướng người đi, ngọc giấu kinh sơn quý. Chuyển vị đến công tức người lại, lò hồng mãnh tuyết xuân. Công vị đều chuyển, thông thân chẳng ứ trệ, buông tay mất nơi nương tựa, Thạch nữ đêm lên cơ, thất kín không người quét, chánh lúc nào một câu dứt hơi thở làm sao sống cùng ủy thác?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Về cội gió theo lá, soi khắp trăng đầm không".

Sư thị tịch tại Sùng tiên - Cao ninh, dựng tháp tại gò Hoa đồng ở phía Tây của chùa, truy phong thụy hiệu là "Ngộ Không Thiền sư".

3. Thiền sư Khánh Dự ở Đại hồng.

Thiền sư Khánh Dự - Tuệ Chiếu ở Đại hồng tại Tùy châu, vốn người dòng họ Hồ ở Dĩnh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiến một bước đạp cỏ nước vua nước khác, lùi một bước đạp ruộng vườn cha ông kẻ khác. Chẳng tiến chẳng lùi chánh ở trong nước chết. Lại có đường thoát thân ra không? tiêu tao tiếng muộn trâm tùng ngắn, bơi lội gió xuân chỉ liễu dài". Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Thuyền Tử căn dặn Giáp Sơn rằng: "Ngay phải nơi ẩn tàng thân không dấu vết, nơi không dấu vết chớ ẩn tàng thân. Tôi ở tại Dược sơn ba mươi năm chỉ rõ được việc ấy. Người thời nay vì gì vội vàng, núi son không hình phụng, điện báu chẳng lưu lại quan niệm, có lúc ngu có lúc si, chẳng phải trong đường ta tranh được biết".

4. Thiền sư Ngẫu ở Trị bình.

Thiền sư Ngẫu ở Trị bình tại Xử châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ưu du thật tế khéo rõ nhà, chuyển bước dời thân chỉ ráng rơi, không hạn mây trắng còn chẳng thấy, đêm nhân trăng tỏ ra hoa lau".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÀNH Ở TỊNH NHÂN

1. Thiền sư Tử Quy ở Thiên phong.

Thiền sư Tử Quy ở Thiên phong tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, sư nắm cây gậy gõ xuống một cái, gọi đại chúng và bảo: "Tám vạn bốn ngàn pháp môn. Tám chữ đánh mở xong vậy, thấy được chăng? Phụng vàng đêm đậu cây vô ảnh, núi cuộn mời bày mây biển ngăn".

2. Thiền sư Pháp Tuyên ở Cát tường.

Thiền sư Pháp Tuyên ở Cát tường tại Thái bình châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Nắng hạn lâu, không được cơn mưa nào, trong ruộng lúa đơm bông khô". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Năm nay gạo giá mắc, đổi chác chớ hiềm thô xấu".

3. Thiền sư Thủ Xướng ở Hộ quốc.

Thiền sư Thủ Xướng ở Hộ quốc tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy gõ một cái bảo: "Mở đầu của ba mươi sáu tuần, khởi nguyên của bảy mươi hai thời hầu, muôn nước nghinh đón thời tiết khí hòa. Đông Đế ban hành lệnh sinh thành, ngay được trời rủ sắc thái tốt lành, đất un đúc điềm tốt. Nho nhỏ mưa mịn tẩy trời lạnh, mong mỏng sáng xuân lồng sắc quê. Có thể gọi là ứng thời nạp vận tốt lành, không gì chẳng thích nghi. Khắp đất liền mọi người đều thêm một tuổi. Dám hỏi cùng các người, hãy nói một người nào tuổi ít nhiều?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ngàn năm lão nhi nhan sắc tợ ngọc ấy, muôn năm Đồng tử tóc mai như tơ".

4. Thiền sư Phổ Nguyệt ở Đan hà.

Thiền sư Phổ Nguyệt ở Đan hà tại Đặng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Từ thời Đức Phật oai âm trở về trước, ai đáng biện tích, từ thời Đức Phật Nhiên Đăng trở về sau, ai là tri âm? Ngay như bờ ấy nhận lấy, chưa khỏi đánh làm hai cọc. Giả sử hướng đến bên ấy đi lại, cũng nên chưa được vẹn mười. Bởi vì ngậm miệng Tỳ-da. Đã là cơ trời rò rỉ, mặc khiến thất ma-kiệt. Rốt cùng phải vá nức rẽ lìa, thôi bảo thể bày chân thường, ngay là thuần tuyệt chấm, nói rất da dẻ thoát rơi, tự nhiên riêng vận sáng lẽ, tuy nhiên tợ mới đẹp thế, chưa xứng ý khí nạp Tăng, phải được năm mắt đều mở, ba sáng đồng tỏa, từ đó đầu sào tơ chỉ tự nhiên chẳng phạm sóng cả, phải rõ chuyển vị đồng cơ, mới hiểu

vào chợ thõng tay. Do đó nói mặc khiến bảng xỉ mọc lông, chớ dạy mắt mắt trông nhìn nhầm. Nhận dính nhầm thì hoa đốm hư không nhiễu loạn, nói đó thì lời bày sâm sai. Đã là như vậy, dám hỏi cùng các người một câu chẳng phạm bén nhọn làm sao sống? Nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nửa đêm quạ rùa mắt bỗng mở, muôn tượng sáng lại đồng một màu".

5. Thiền sư Ni Tuệ Quang ở Diệu tuệ.

Thiền sư Ni Tuệ Quang - Tịnh Trí ở Diệu tuệ tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại Triệu Châu Khám Bà. Và Sư mới bảo: "Đầu lưỡi Triệu Châu liền trời, lông mày sáng của lão bà phủ đất, rõ ràng khánh phá về lại, không hạn người thường ngủ gật".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHIẾU Ở BẢO PHONG

1. Thiền sư Đức Chỉ ở Viên thông.

Thiền sư Đức Chỉ ở Viên thông tại Giang châu. Sư vốn là con út của Kim Tử Từ Hoành Trung, gia đình nhiều đời ở tại Lịch dương. Sư có hai tròng mắt sắc màu xanh biếc thần quang bắn tóc người. Đến mười tuổi, Sư con chưa biết chữ, phần nhiều thời gian chỉ ham thích ngủ. Thân phụ Sư trông thấy vậy rất mực xót thương. Kịp đến lúc thành đồng mạnh giỏi ghi nhớ hơn người, học văn có lắm lời kỳ đặc. Đến tuổi hai mươi, Sư mộng thấy có vị dị Tăng trao cho bốn câu kệ, và có đem hình tượng Nam An kham chủ trao cho Sư, tức bên cạnh ghi viết kệ thông minh, từ đó Sư ghi nhớ không quên. Sau đó năm năm, Sư theo Kim Tử đi đường sông nước đến Tây lạc. Một đêm nọ bỗng đạo ngộ liền làm vài bài kệ, trong đó có bài viết rằng:

"Chẳng nhân câu lời chẳng nhân người
Chẳng nhân vật sắc chẳng nhân tiếng
Nửa đêm gọi đèn vừa đến gối
Bỗng nhiên trong đó đã sáng trời".

Và Sư thường ngâm ca tự nhiên, mọi người chẳng lường biết ra làm sao. Và Sư mới dốc lòng mong cầu xuất gia. Thân phụ chẳng hứa thuận, muốn đem quan nghiệp trao truyền cho Sư. Sư thưa: "Con mới sắp thoát lưới đời, chẳng đắm trước ba cõi, há lại găm đầu vào trong danh lợi ư? Xin cha đời trao cho anh Giác". Thế rồi, Sư bèn xuất gia, thọ giới Cụ túc. Sau đó không bao lâu, tiếngtăm vang vọng khắp chốn kinh đô. Mùa xuân năm Tuyên Hòa thứ ba (1121) thời Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát) ban sắc phong tặng Sư hiệu là "Chân Tế". Và giúp đỡ mời Sư đến ở Viên thông.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hai mươi năm trước, hai con mắt của sơn Tăng trọn mù lòa không trông thấy gì, chỉ được nghe mọi người nói năng, trên trời xanh có vầng nhật luôn lớn soi chiếu cả ba ngàn Đại thiên thế giới, không nơi nào chẳng cùng khắp, trú thê muôn mối trọn chẳng thể thấy. Hai mươi năm sau mắt sáng dần mở, lại gặp sắc trời liền râm, mây nồng loạn giăng, quán sát bốn phương, suy cùng trên dưới. Lúc thấy mây đi bèn từ nơi đi mà lường tính. Khi thấy mây dừng, bèn tại nơi dừng lập cái hang hóc. Chánh như là ở giữa đời bỗng gặp gã tài giỏi biết nhiều. Hỏi. Nói: “Chẳng là muốn thấy Nhật luân ư? Sao chẳng hướng đỉnh núi cao mà lên đi?” Sơn Tăng liền trưng bày hỏi kia là: “Nơi nào là trên đỉnh núi cao?” Kia bảo: “Nơi bụi hồng chẳng đến”. Các Nhân giả hãy khéo giữ cái tin tức đích xác, có hiểu chăng? Nằm dài trông sàn giường Phật-đà-da”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đêm qua, lão Cù-đàm mặt vàng đem ba ngàn Đại thiên thế giới lại trong một miếng nuốt hết, như người uống nước nóng ấm, dấu vết chẳng lưu lại, ứng thời tiêu tan. Ngay lúc ấy chư vị Đại Bồ-tát, văn, La-hán và hết thảy chúng sinh thảy đều chẳng hay chẳng biết, chỉ có Văn Thù và Phổ Hiền liếc mắt nhìn thấy, tuy nhiên, được thấy xa xa dạt mờ chỉ tợ hướng vào trong biển lớn trồi đầu sụp đầu. Các người hãy nói là cái tin tức gì? Nếu kiểm điểm được phá ra thì hứa cho các người trên cửa đảnh mỗi mỗi đều có đủ một mắt sáng”.

Đến lúc Sư thị tịch, trà tỳ, hơi khói bay đến đâu thảy đều thành Xá-lợi. Dựng tháp tại núi Tư không, phần táng sấp đá gò.

2. Thiền sư Đạo Hội ở Chân như.

Thiền sư Đạo Hội ở Chân như tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Việc trong kiếp không tự chịu nhận lấy, thường ngày sử dụng rõ rành có gì tiết rỉ. Chánh nên khéo về nhà ngồi yên, mặc kia tuyết phủ núi xanh, chẳng lưu lại một chữ “Nguyên” treo lòng. Ai ngoảy nhìn sóng vụt trên mặt nước, hãy nói: chánh chẳng lập huyền, riêng không phụ vật, một câu làm sao cử tợ việc cơ tơ chẳng treo đầu con thoa, văn thể dọc mang ý tự khác”.

3. Thiền sư Cảnh Thâm ở Trí thông.

Thiền sư Cảnh Thâm - Đại Tử Công ở Trí thông tại Hưng quốc công, vốn người dòng họ Vương ở Đài châu. Từ nhỏ, Sư đã khác đàn trẻ con. Đến năm mười tám tuổi, Sư tới nương tựa Sa-môn Đức Chi ở viện Quảng độ mà xuống tóc xuất gia. Bắt đầu, Sư đến bái yết Thiền sư Tượng ở Tịnh từ. Một ngày nọ nghe Thiền sư Tượng nói: “Nghĩ mà biết, lắng suy mà hiểu, đều là kế sống nhà quỷ dấy động chẳng tự ngăn

cấm". Sư bèn đến nơi Thiền sư Chiếu ở Bảo phong mà cầu xin nhập thất. Thiền sư Chiếu bảo: "Ngay phải dứt niệm khởi diệt, hướng đến kiếp không trở về trước, quét sạch đường huyền, chẳng giẫm trải qua chánh và thiên hết ngay lúc này, toàn thân buông xuống, buông hết lại buông mới có phần tự do". Sư nghe thế, chóng lãnh hội quyết chỉ. Thiền sư Chiếu gióng trống, báo cùng đại chúng rằng: "Rất được Đạo Xiển Đề Đại Tử, các hàng hau học nên nương tựa theo đó. Nhân đó, xưng hiệu Sư là Đại Tử Công.

Đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Sư khai đường giảng pháp tại Trí thông. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lại chẳng vào cửa, đi chẳng ra cửa. Lại đi không dấu vết làm sao để xướng. Ngay được đường xưa rêu phủ, linh dương tuyệt dấu, ngô xanh trăng tỏa, phụng son chẳng đậu. Do đó nói: Nơi ẩn tàng thân không dấu vết, nơi không dấu vết chớ ẩn tàng thân. Nếu hay như vậy, đi ở không nương tựa, trọn không hướng bối, lại có ủy thác chăng? Mà nay phân tán như mây hạc, các người và ta cùng quên xúc phạm nơi huyền". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Chánh, Trung và Thiên?" Sư đáp: "Lão bà mặt đen mặc lụa trắng". Lại hỏi: "Thế nào là Thiên, Trung và Chánh?" Sư đáp: "Ông con bạc đầu mặc áo sam đen". Lại hỏi: "Thế nào là Chánh, Trung lại?" Sư đáp: "Trong phẩn vụt gân đấu". Lại hỏi: "Thế nào là kiêm Trung đến?" Sư đáp: "Côn lôn trong đêm đi". Lại hỏi: "Hướng thượng còn có việc gì không?" Sư đáp: "Vào núi gặp hổ nằm, ra cốc quỷ lại kéo". Lại hỏi: "Sao được can qua cùng tiếp đợi?" Sư đáp: "Vài ba đường chỉ một mảnh gai". Đến đầu niên hiệu Thiệu Hưng (1131) thời Nam Tống, Sư trở về ở hang Bảo tạng, vì việc dân chúng ấy kính phục.

Tháng hai năm Nhâm thân (1152), Sư hiện tướng chút bệnh, mới bảo là: "Nhân duyên ở đời đã hết vậy". Qua ngày 13 tháng 03, vì chúng tiểu tham, Sư bèn nói bài kệ tụng rằng:

"Chẳng cần cạo đầu
Sao phải tắm gội
Một đống lửa hồng
Ngàn đủ muôn đủ".

Tuy là như vậy nhưng hướng thượng, lại còn có việc gì không?" Xong, Sư bèn nhắm mắt mà thị tịch.

4. Thiền sư Trí Bằng ở Hoa dược.

Thiền sư Trí Bằng ở Hoa dược tại Hàng châu, vốn người dòng họ Hoàng ở Tứ minh. Sư nương tựa Thiền sư Chiếu ở Bảo phong có mấy năm mà không tỉnh ngộ. Nhân vì đại chúng trì bát, Thiền sư Chiếu tự đề

ghi nơi hình tượng mình rằng: "Mưa tẩy dạt đào hồng hé nở, gió lay cạn liễu biếc cành mềm, mây trắng trong ảnh quái đá bày, trong ánh nước biếc cây xưa sạch. Ôi! Ấy là người nào?" Sư đến tiêu sương, Thiền sư Thành - Khô Mộc trông thấy Sư mới tán thán rằng: "Ngày nay mới biết lão này thân thấy tiên sư đến". Sư bèn thỉnh hỏi điều lợi ích về bài tán ấy. Thiền sư Thành bảo: "Há chẳng thấy pháp nhãn nắm câu thoại cảnh Giáp Sơn mà bảo: "Suốt hai mươi năm ta chỉ làm cảnh hiểu". Sư bèn liền khế ngộ. Theo Quán Hồ Lục: "Thiền sư Thành chỉ đó mà hỏi Sư rằng: "Ông hiểu chăng?" Sư đáp: "Không hiểu". Thiền sư Thành bảo: "Ông nhớ được Pháp Đăng phỏng theo Hàn Sơn chăng?" Sư bèn tụng, đến : "Ai, người biết ý này, khiến ta nhớ Nam tuyền". Sư vừa đọc đến nơi chữ "Nhớ" (ức), Thiền sư Thành bèn đưa tay bít miệng Sư và bảo: "Dừng, dừng". Bỗng nhiên Sư tỉnh ngộ, mới nói: "Xưa nay nghĩ Địa gì?" Thiền sư Thành bảo: "Ông làm sao sinh hiểu?" Sư nói: "Mùa xuân sinh mọc, mùa hạ lớn tốt, mùa thu gom thâu, mùa đông cất giấu". Thiền sư Thành bảo: "Ngay phải gìn giữ". Sư ứng tiếp đáp: "Kính vâng".

Đến đầu niên hiệu Thiệu Hưng (1131) thời Nam Tống, Sư ra ở Hoa dược, tiếp đến Thiên ninh ở Vụ châu, sau lại chuyển dời đến ở lương. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió biển thổi mộng, vượn núi kêu trăng. Dám hỏi cùng các người là thời tiết nào?" Nghĩ gì hiểu được dưới cây vô ảnh mặc tình ngao du. Nếu thưa được vậy thì dưới ba cây rui thẳng phải đánh suốt". Về sau, Sư lui về Cư minh rồi đến Thụy nham. Kiến Khương lại đem lương mà níu kéo Sư lại. Minh Thủ cũng cố gắng làm theo đó, Sư chẳng hứa thuận, bèn viết kệ đưa tiễn sứ giả rằng: "Cùng phiền chuyên sứ vào khói mây, tro lạnh không nước ấm chẳng điểm trà, gởi lời Dõng Đông Hiền thái thú, khó nói cây khô lại nở hoa". Sau đó không lâum Sư thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DỊ Ở HẠCH MÔN

1. Thiền sư Tề ở nguyên.

Thiền sư Tề ở nguyên tại Cát châu, vốn người dòng họ Trần ở Phước châu. Năm hai mươi tám tuổi, Sư giã từ thân phụ và anh trai theo Thiền sư Trí ở Vân cái mà xuất gia, lo việc hầu hạ thủ tòa. Một ngày nọ thủ tòa lo việc phất trần đã bãi, Sư bèn hỏi: "Điều thủ tòa nói tôi nghe được nhưng chẳng hiểu nghĩa ấy thế nào? Cúi mong rủ lòng từ bi mà chỉ bảo". Thủ tòa bèn đinh ninh dẫn dụ, khiến rốt cùng không nhầm nói cái pháp ấy. Qua hai ngày sau, Sư có sự tỉnh ngộ, bèn làm kệ tấu bày rằng: "Nói pháp chẳng như thân gần đó, mười phương cõi nước một mảy trần,

nếu hay ở đó rõ chân lý, đại địa nào từng thấy một người”. Thủ tòa kinh ngạc, nhân nói cùng Thiền sư Trí mà Sư được độ. Sư lại vân du tham vấn khắp các phương. Sau, đến nơi Thạch môn, rất được Thiền sư Dị mến quý mà ấn chứng cho. Lúc ra hoằng hóa, Sư ở tại nguyên chỉ được một năm. Đến ngày thị tịch, Sư nói kệ tụng lưu lại cho đại chúng rằng:

“Đêm qua canh ba qua khe gấp,
Đầu khe mưa móc đen mịt mờ,
Chỉ một cây gậy làm tri kỷ,
Đánh nát ngàn ải cùng muôn ải”.

2. Thiền sư Pháp Thông ở Thiên y.

Thiền sư Pháp Thông ở Thiên y tại Việt châu, vốn người xứ Cao bưu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thất sâu đèn lạnh chẳng mượn khêu, hư không trăng tỏ suốt mây xanh, cần biết thường ngày dùng không nghỉ, trong ánh lửa dữ phát mầm lạ”. Nhân chỉnh trang tôn tượng Đại sĩ Phổ Hiền, đến lúc khai điểm quang minh, Sư bước lên thềm cấp nắm bút, ngoảy trông nhìn đại chúng mà bảo: “Nói được tức vì hạ bút”. Đại chúng im lặng, không ai đối đáp gì. Sư bèn gọi thị giả và bảo: “Cho lão Tăng cái nhà tù nâng đỡ thang”. Xong, Sư bèn điểm quang.

3. Thiền sư Ni Phật Thông ở Hương sơn.

Thiền sư Ni Phật Thông ở Hương sơn tại phủ Toại ninh. Nhân trì tụng kinh Diệu Pháp Liên Hoa mà có sự tỉnh ngộ, bèn đến nơi Thiền sư Dị ở Thạch môn và Sư nói rằng: “Thành đô ăn chẳng được, Toại ninh ăn chẳng được”. Thiền sư Dị nắm cây gậy đánh và đuổi Sư ra, bỗng nhiên Sư đại ngộ, nói rằng: “Tốt tươi tự tốt tươi, rơi rụng tự rơi rụng, sương thu gió xuân khéo chẳng dính tiện”. Thiền sư Dị rủ tay áo trở về phương trượng, Sư cũng chẳng đoái hoài, bỏ đi ra. Từ đó các hàng đạo tục rất hâm mộ theo sự đắc pháp ấy lắm nhiều.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BÔ Ở THIÊN NINH

1. Thiền sư Từ ở Hùng nhĩ.

Thiền sư Từ ở Hùng nhĩ tại Tây kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Bát-nhã vô tri, ứng duyên mà chiếu, ngày nay sơn Tăng buông phẩn xả giải, bên nào phóng bền nào ỉa, đông tây non núi cười ha ha, may thay một mảnh đất mát sạch, cứng khắp Hùng phong dơ bẩn kia. Dơ bẩn kia chớ tỉ tê, trâu đất ngựa gỗ quát mắng hết, quá phạm Di thiên tạm chớ bàn. Lại được minh lại ngày nào. Có hiểu chăng? Năm sau lại có nơi cành mới, não loạn gió xuân rất chưa thôi”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRIẾT Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Đạo Bình ở Trí hải.

Thiền sư Đạo Bình - Phổ Dung ở Trí hải tại Đông kinh, vốn người ở Xử châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sơn Tăng chẳng hiểu Phật pháp. Vì người tất cả mất nguyên do, hoặc có lúc nửa khai nửa hợp, hoặc có lúc toàn buông toàn gom. Lại như muôn người ở trong rừng, đất lạnh gõ cái đầu đá, bỗng nhiên đánh nhằm một cái, mới biết nơi xúc chạm khắp cùng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Triệu Châu có bốn cửa, mỗi cửa thông đường lớn. Ngọc Tuyền có bốn đường, mỗi đường thấu Trường an, mỗi cửa thông đường lớn rốt cùng ai đích thân đến? Mỗi đường thấu Trường an, rõ ràng tiến bước xem". Sư vỗ xuống đầu gối một cái, tiếp bảo: "Cuối năm khách chưa về, gió tây ngoài cửa lạnh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử về Bàn Sơn chỉ dạy đại chúng rằng: "Tợ đất chống núi chẳng biết núi cao vút, như đá ngậm ngọc, chẳng biết ngọc không vết. Người xưa nghĩ gì nói năng rất tợ ôm của đút lót kêu khuất phục? Dưới cửa Trí hải, người người khẳng khái, sinh bắt hổ hủy, sống bắt rồng dữ, trong mắt dính được núi Tu-di, trong tai dính được nước biển lớn". Sư bèn nắm cây gậy và bảo: "Chẳng là hướng đến các người khoe kỹ lưỡng, trượng phu nêuđặt hợp như đây". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Cảnh Tường ở Lặc đàm.

Thiền sư Cảnh Tường ở Lặc đàm tại Hồng châu, vốn người dòng họ Phó ở Nam thành, Kiến xương. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Mười đầu ngón tay tám ngón xong". Lại hỏi: "Tay ta nào tợ tay Phật?" Sư đáp: "Vàng thau khó biện rành". Lại hỏi: "Chân ta nào tợ cẳng lừa?" Sư đáp: "Đường Hoàng long nguy hiểm". Lại hỏi: "Mỗi người có cái duyên sinh. Thế nào là duyên sinh của Hòa thượng?" Sư đáp: "Nắm dừng cốt yếu chẳng thông Thánh phàm". Nhân tiết Trung thu, lên giảng đường, Sư bảo: "Câu thoại nơi Linh sơn, chỉ điểm của Tào Khê, phóng qua sơ sinh chẻ trán cùng, chưa hỏi rồng ngủ dùi lão xưa, đêm qua canh ba lại chuyển về hướng Tây, chánh ngay lúc nào? Có người hỏi: "Thế nào là trăng hướng đến nơi sáng tối chưa phân? Nói được một câu tiện cùng người xưa đưa ra một cánh tay. Nếu chưa được vậy thì Bảo phong cũng chưa khỏi nương mẫu vẽ dạng ứng cái thời tiết". Xong, Sư mới đánh tướng một đường tròn tiếp bảo: "Sáng sạch muôn xưa lại ngàn xưa, đâu chỉ nhân gian một đêm xem". Có lúc ở trong thất, sư hỏi một vị Tăng rằng: "Đạt-ma trở về Tây vức tay mang theo một chiếc giày. Lúc ấy tại sao hai chiếc

đều chẳng đem đi?" Vị Tăng ấy đáp: "Phương này cũng cần lưu lại cái tin tức". Sư bảo: "Một chiếc giày ở trời tây, một chiếc giày ở đất đông, nhằm nguyên do gì?" Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư lại hỏi vị Tăng ấy là: "Chỉ một thân kín chắc, hiện trong hết thảy trần. Vậy thế nào là thân hiện trong hết thảy bụi trần?" Vị Tăng ấy chỉ vào lò hương, nói: "Cái ấy là lò hương". Sư bảo: "Mang lụy chư Phật ba đời, đọa sinh vào địa ngục". Vị Tăng ấy mờ mịt. Sư bèn đánh. Sư chưa an, tiếp có vị Tăng hỏi: "Ngày gần đây Tôn hầu Hòa thượng như thế nào?" Sư đáp: "Trước thổ địa đốt hai trăm giấy". Sư thường bắt tréo tay ngồi như đối diện khách lớn. Mới đầu ngồi, tay cùng mười chân tiếp liền nhau, đến trống canh năm gióng vang, thì tay đã lên ngang ngực. Nhân đó, xưng gọi Sư là: "Tường Xoa Thủ" (Bắt tréo tay) vậy.

3. Thiền sư Tuệ Lan ở Quang hiếu.

Thiền sư Tuệ Lan ở Quang hiếu tại Hòa châu. Không rõ Sư là người xứ nào. Tự xưng hiệu là "Bích Lạc đạo nhân". Sư thường viết danh hiệu bảy Đức Phật nói áo mặc. Khắp chốn tùng lâm đều xưng gọi Sư là "Lan Bố Cổn". Sư phỏng làm một thiên "Thảo am ca" lưu hành nơi đời, có ghi chép đầy đủ trong Phổ Đăng. Khoảng cuối niên hiệu Kiến Viêm (1131) thời Nam Tống, nghịch từ xâm phạm đến đất Hoài, bắt Sư đến gặp vị tù trưởng. Tù trưởng hỏi: "Có nghe biết tên ta chăng?" Sư đáp: "Ta chỉ nghe tên thiên tử ở thời Đại Tống thôi". Tù trưởng tức giận bảo mọi người chung quanh nắm dùi đánh Sư. Dùi vừa đánh đến liền nát gãy, tù trưởng rất kinh lạ, kéo cờ hiệu xuống, tôn kính phụng thờ Sư. Trải qua được mười ngày, Sư đòi lấy củi để tự thiêu đốt. Không người nào dám cung cấp. Sư bèn tự đi gom nhặt củi chất thành khám, rồi an nhiên vào ngồi bên trong, đến lúc khói lửa bốc cháy tỏa phát bốn đường sáng, tù nghịch đều quỳ rạp, bị đốt cháy da dẻ lắm nhiều. Sau khi lửa tắt, gom nhặt được Xá-lợi năm sắc và di cốt của Sư, mang đưa về phương Bắc, các Tăng Ni bị bắt giữ thẩy đều được thả tự do cùng mọi người đến nay ca vịnh đó.

4. Thiền sư Nhân Tiên ở Đông minh.

Thiền sư Nhân Tiên ở Đông minh tại Đàm châu. Ngày khai mở giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời, Phạm Thiên dẫn trước, Đế-thích theo sau, còn Hòa thượng xuất hiện nơi đời có điềm lành gì?" Sư đáp: "Mặc tình cả trăm ngàn Đức Phật một lúc chạy theo, đến trong lan can trâu nước". Lại hỏi: "Có điềm lành gì đâu?" Sư đáp: "Sơn Tăng chẳng từng hoa mắt".

5. Thiền sư Hiểu Khâm ở Phổ chiếu.

Thiền sư Hiểu Khâm - Minh Ngộ ở Phổ chiếu tại Tứ châu. Có vị Tăng hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai? Tông Phong ấy là người nối dõi?" Sư đáp: "Bên đông lại gần bên đông". Lại nói: "Đích tử của Quy sơn là thân tôn của Trí Hải vậy". Sư bảo: "Tức cười bên cạnh nắm cần câu". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đưa tay nhúm lấy khoảng không triển chuyển chẳng cùng. Vụt thân buông ảnh, nhọc tự khổ hình. Thẳng mặt nắm lại tức thành sai quá, rốt cùng như thế nào?" Sư vỗ thiền sàn một cái và bảo: "Cha hợp bày thương lượng".

6. Thiền sư Tự Tuân ở Đông lâm.

Thiền sư Tự Tuân - Chánh Giác ở Đông lâm tại Lô sơn. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mười lăm ngày trở về trước phóng qua một trứ, mười lăm ngày trở sau chưa thể thương lượng. Chánh ngay trong mười lăm ngày thử nói một câu xem?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Sắc núi xanh biếc đậm, mưa xuân hết, cây bách giữa sân tỏa hương thơm ngát, mộc lan nở".

7. Thiền sư Trí ở Phước nghiêm.

Thiền sư Trí ở Phước nghiêm tại Đàm châu, vốn người xứ Đông xuyên. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mây trên núi Phước nghiêm, buông cuộn mặc sớm chiều, bỗng nhiên rơi đất bằng, khách đến khó xét đường".

8. Thiền sư Thiên ở Đông minh.

Thiền sư Thiên ở Đông minh tại Đàm châu. Sư sớm đến nương hầu Chân Như, sau già đến ở am Chân Như tại Quy sơn. Trung Đạo Cao quý đạo phong Sư nên thường đến khấu hỏi. Mỗi ngày đọc xem kinh Thủ Lăng Nghiêm một lần. Trung Đạo hỏi: "Như tôi án chỉ Hải ấn phát sáng, ý Phật như thế nào?" Sư bảo: "Thích-ca, Lão Tử khéo cho hai mươi gậy". Lại hỏi: "Vì sao như vậy?" Sư bảo: "Dùng án chỉ làm gì?" Lại hỏi: "Ông tạm nêu cử tâm trần lao nổi trước, lại làm sao sống?" Sư đáp: "Cũng là Hải ấn phát sáng".

9. Thiền sư Nhữ Năng ở Đạo ngô.

Thiền sư Nhữ Năng ở Đạo ngô tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Hủy nhục chẳng sân". Lại hỏi: "Thế nào là Pháp?" Sư đáp: "Ngợi khen chẳng mừng". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Cạo bỏ râu tóc". Và Sư mới bảo: "Ba lần Chuyển pháp luân ở nơi Đại thiên. Pháp luân ấy xưa nay vốn thường tịnh. Đức Phật Tỳ-bà-thi đã sớm lưu tâm, ngay đến như nay chưa thấu đạt diệu. Vì sao như vậy? Vì Nhất thiết trí, trí tịnh. Có hiểu chăng? Đối trước lừa khảy đàn cầm, chẳng vào tai trâu". Bỗng nhiên Sư chuyển dời đến ở

núi Đại quy. Sau đó chưa đầu hai tháng, Sư cạo tóc tắm gội xong, ngồi kiết-già mà thị tịch.

10. Thiền sư Tuệ Thuân ở Hưng giáo.

Thiền sư Tuệ Thuân ở Hưng giáo, núi Đại an tại An châu. Ngày khai đường giảng pháp, vị thủ tòa bạch chùy xong, Sư mới bảo: "Từ khi chưa bạch chùy trở về trước gọi làm gì? Từ khi bạch chùy trở về sau gọi là Đệ nhất nghĩa đế. Chẳng có người chẳng cam gì ra cùng thấy ư?" Có vị Tăng hỏi: "Trước lúc bạch chùy là thế nào? Xin Sư nói?" Sư đáp: Ở trong phương trượng". Lại hỏi: "Sau khi bạch chùy lại như thế nào?" Sư đáp: "Lên trên pháp tòa". Lại nói: "Cảm ân sư đã chỉ bày". Sư bảo: "Chớ giao thiệp. Lại hỏi: "Thế nào là câu thứ nhất?" Sư đáp: "Dưới chân". Lại hỏi: "Thế nào là câu thứ hai?" Sư đáp: "Trong miệng". Lại hỏi: "Thế nào là câu thứ ba?" Sư đáp: "Trên đầu não". Và Sư mới bảo: "Trên hội Linh sơn, Tôn giả Ca-diếp thân gần được nghe. Trước nhà Ngũ tổ, lão Lô đắc ý chỉ, đến nay ương lụy cháu con, huyết mạch chẳng ngưng dứt. Há học nhiều biết nhiều, phụ năng phụ thắng, chẳng lấy phần nói người khác, bèn có thể ra sinh vào tử, mới có thể báo đáp ân đức của Phật. Cử xướng như thế, cười người bàng quan. Lại có gã nào đồng chết đồng sống chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nếu không, ngày nay sơn Tăng mất lợi".

11. Thiền sư Hy ở La phù.

Thiền sư Hy ở La phù tại Trung phong, Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Vì nước nhà, ngày nay khai đường giảng pháp. Sư lấy pháp gì để báo đáp ân vua?" Sư đáp: "Trước sân tuyết đẹp rơi lộn xộn". Lại hỏi: "Ân vua như vậy, báo Tổ, ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Tạm lãnh câu thoại trước". Lại hỏi: "Thế nào là bảng vàng mãi đẹp, lá ngọc thơm lâu?" Sư đáp: "Mặc tình mọi người trông xem". Và Sư mới bảo: "Mây mọc giữa đồng rộng sương tỏa trong không gian, ba cỏ hai cây đều về sư tử rống. Giọt sương, cát sân đều xứng vô biên diệu tướng. Vượn hú chim hót đều đàm viên âm không hai." Sư mới nắm lấy cây gậy, tiếp bảo: "Vô biên diệu nghĩa đều tại trên đầu cây gậy sơn Tăng. Nếu như hiểu được, có thể gọi là ứng thời ứng tiết. Còn nếu chẳng hiểu thì là tùng vạn năm ở núi Chúc dung". Xong, Sư gõ xuống một cái.

Đến ngày mồng 08 tháng 02, tự nhiên không bệnh, Sư ngồi an nhiên mà thị tịch. Trà tỳ, các căn không rã hoại, mọi người cầu Xá-lợi, có thể chọn lọc.

12. Thiền sư Hiền ở Hưng dương.

Thiền sư Hiền ở Hưng dương tại Dĩnh châu, vốn người xứ Giang

châu. khắp chốn tùng lâm mọi người đều xưng gọi Sư là “Hiền Bồng đấu” vậy. Sư ở trong Pháp hội của Thiền sư Chân Như - Triết được xưng gọi là “Giác lập”. Sư kiến địa rành rẽ, cơ phong bén nhạy, có những việc làm vượt qua thầy, mà hạnh nghiệp chẳng cẩn mật, cả đại chúng đều lấy làm lạ đó. Thiền sư Triết kết am sau phương trượng, bảo Sư ở một mình, chỉ có một con đường nhỏ thẳng qua trước phương trượng, không cho chúng Tăng qua lại. qua sau hai năm, bèn đề cử Sư lập Tăng nắm coi phất trần, luận nghị vượt đến. Cả chúng mới đượm phục lớn. Sư đến ở Hưng dương chỉ vài năm mà pháp đạo rất hiển trước. Đến lúc Sư thị tịch, nhục thân không rã hoại. Thiền sư Cần - Viên Ngộ ở Quy sơn tận mắt thấy việc ấy. Thiền sư Quả - Diệu Hỷ lúc vân du đến Hưng dương còn kịp thấy nhục thân của Sư.

13. Thiền sư Diệu Hỷ ở Vĩnh an.

Thiền sư Diệu Hỷ ở Vĩnh an tại Đảnh châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Quốc sư ba lần gọi thị giả?” Sư liền gọi: “Đại Đức!” Vị Tăng ấy ứng tiếp đáp: “Dạ!” Sư bảo: “Gã độn căn”. Lại hỏi: “Hướng thượng lại còn có việc gì chăng?” Sư bảo: “Ông xem hư không từng có mở miệng chăng?” Vị Tăng ấy khế ngộ bèn lễ bái cảm tạ, Sư ban cho một bài kệ tụng:

“Hư không mở miệng gọi Tu-di
Tiếng ẩn gió xuân, sâu trùng biết
Nếu chẳng tiên đà không phỏng nghị
Phụ tôi phụ ngươi tự gió dời”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHÃ Ở TUYẾT ĐẬU

1. Thiền sư Phổ Ấn ở Quang hiếu.

Thiền sư Phổ Ấn - Từ Giác ở Quang hiếu tại Cù châu, vốn người dòng họ Hứa ở Tuyền châu. Có lúc trong thất, Sư hỏi một vị Tăng rằng: “Trước lúc cha mẹ chưa sinh, đi lại ở nơi nào?” Vị Tăng ấy phỏng đáp. Sư liền đánh và đuổi ra. Sư lại bảo vị Tăng khác: “Tổ sư Đạt-ma tại dưới cẳng chân ông”. Vị Tăng ấy phỏng trông nhìn, Sư cũng đánh và đuổi ra. Lại bảo một vị Tăng khác: “Nói! Nói”. Vị Tăng ấy phỏng mở miệng, sư cũng lại đánh và đuổi ra.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG CHÂN (THẦN?) Ở KHÁNH THIỆN

1. Thiền sư Phổ Năng ở Khánh thiện.

Thiền sư Phổ Năng ở Khánh thiện tại Hàng châu, vốn người dòng

họ Lã ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Việc chẳng được thôi, đã cùng các người men leo. Hết thảy chúng sinh chỉ tâm trần chưa thoát, tình lượng chẳng trừ, thấy sắc nghe âm , tùy gợn theo sóng, lưu chuyển trong ba cõi, nổi chìm giữa bốn loài. Đến nỗi khiến chánh kiến chẳng rõ ràng, chạm đường thành ngưng trệ. Nếu là phải quấy đều hết, thiện ác đều quên, ngồi dứt đầu báo hóa Phật, cắt ngay được Thánh phàm, đến trong ấy mới có chút ít tương ưng. Ngay như phần trên của nạp Tăng như vậy, chưa là kỳ đặc. Vì sao vậy? Bởi mới có phải quấy rối ren, bèn mất tâm. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Chưa vào trong tay sơn Tăng, muôn pháp vẫn uyển nhiên. Đã vào trong tay của sơn Tăng, lại có việc gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Lúc có ý khí thêm ý khí, nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu". Xong, Sư gõ cây gậy xuống một cái.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TƯ Ở TỊNH ĐỘ

1. Thiền sư Pháp Thuyên ở Vạn thọ.

Thiền sư Pháp Thuyên ở Vạn thọ núi Linh phụng tại Hàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Ôm cọc đánh vỗ nỗi". Lại hỏi: "Thế nào là Pháp?" Sư đáp: "Cây cung đất vàng". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Cạo bỏ râu tóc". Lại hỏi: Ngoài Tam bảo, lại còn có nơi vì người không?" Sư đưa lên một ngón tay. Vị Tăng ấy lại nói: "Không hiểu". Sư bảo: "Nương ngón tay chỉ để trông nhìn Tăng, gió lại chẳng động phướng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đức Sơn đánh gậy, Lâm Tế quát hét, đều là không gió sóng vây quanh, đèn lồng nhảy vọt qua trời xanh, trụ bày hồn kinh, đầu loạn xé. Tuy là như vậy, rất tợ ăn muối thêm bị khát". Xong, Sư hét một tiếng.

2. Thiền sư Thủ Long ở Thiện khánh.

Thiền sư Thủ Long ở Thiện khánh, tại Hàng châu. Ngày khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Biết Sư từ lâu cất giấu vật báu trong đãy, nay tại pháp diên lược xin mượn xem?" Sư bảo: "Nhiều ít rõ ràng". Lại hỏi: "Lúc sư tử rống toàn thân hiện, Văn Thù tựa kiếm lại như thế nào?" Sư đáp: "Kinh hãi giết lão Tăng". Lại hỏi: "Ngàn Đức Phật xuất hiện nơi đời mỗi mỗi đều có điềm lành kỳ đặc, ngày nay Hòa thượng lấy gì làm chứng nghiệm?" Sư đáp: "Người gỗ nắm bảng gỗ trong mây". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Thạch nữ cầm sênh thổi đáy nước". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoa tụm, tụm gấm, tụm tụm muối tương, nhón lại mọi sự đủ, lưu lại được cái nồi Nam tuyền đánh phá, phân giao cho Sa-di nấu cháo sáng sớm, cháo sáng

sớm mặc tình các người ăn. Một câu rửa bát làm sao sống hiểu? Ít nhiều người nghi nhầm".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYỆT Ở HỘ QUỐC

1. Thiền sư Tuệ Bản ở Hộ quốc.

Thiền sư Tuệ Bản ở Hộ quốc tại phủ Giang lăng. Có vị Tăng hỏi: "Có vật trước trời đất, không hình vốn lắng xa. Chưa xét rõ đó là vật gì?" Sư đáp: "Một chóe mực". Lại hỏi: "Thế nào là sáng xưa chiếu nay đi?" Sư bảo: "Làm gì sống là sáng xưa chiếu nay đến cùng?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư liền đánh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khéo cái thời tiết, ai chịu kham nhận. Giả sử hoặc không có người chẳng như tiếc lấy". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đánh chim sẻ đêm ngọc sáng".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THỦ TOẠI Ở ĐẠI HỒNG

1. Thiền sư Khánh Hiển ở Đại hồng.

Thiền sư Khánh Hiển ở Đại hồng tại Tùy châu, vốn người dòng họ Dương ở Quảng an. Có vị Tăng hỏi: "Tôn giả Tu-bồ-đề an tọa trong hang núi, trờ Đế-thích rải mưa hoa. Hòa thượng mới đến ở Đại hồng có điềm lành gì?: Sư đáp: "Trâu sắt cày phá nước Phù Tang, chạy ra Kim ô chiếu cửa biển". Lại hỏi: "Chưa xét rõ là Tông chỉ gì?" Sư đáp: "Hâm thuốc nấu trà soang chẳng đồng".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 17
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 18

MỤC LỤC

có mười hai vị:

1. Thiền sư Giản ở Ngưỡng sơn
2. Thiền sư Duy Tổ ở Bách trượng
3. Thiền sư Thần giám ở Nguyệt châu (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Pháp Mãn ở Thùy củng
5. Thiền sư Tín Thuyên ở Vĩnh thọ
6. Thiền sư Quán Thông ở Lạc phố
7. Thiền sư Đạo Long ở tuyền
8. Thiền sư Nguyên Bậc ở Tây phong
9. Thiền sư Ngưng ở Pháp giáo
10. Thiền sư Phụ ở Cửu tiên
11. Thiền sư Nghiệp ở Lộc uyển
12. Thiền sư Hữu Toại ở Phụng hoàng (chín vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Duy Thắng ở Hoàng nghiệt, có mười sáu vị:

1. Thiền sư Thuần Bạch ở Chiêu giác (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tề ở Thái bình
3. Thiền sư Duẩn Chân ở Thạch sương
4. Thiền sư Cư Ước ở Bạch thủy
5. Thiền sư Văn Dị ở Quảng lợi
6. Thiền sư Biểu Kỳ ở Vân đảnh
7. Thiền sư Liễu Như ở Phổ thông
8. Thiền sư Cư Ngạn ở Thiên vương
9. Thiền sư Xử U ở Thừa thiên
10. Thiền sư Đăng ở Tây thiền
11. Thiền sư Ngộ Thiên ở Linh tuyền
12. Thiền sư Hy Tắc ở Ninh quốc
13. Thiền sư Duy Quảng ở Mã khê
14. Thiền sư Tuân Cổ ở núi Vọng xuyên
15. Thiền sư Hoài Nghiễm ở Mã tổ
16. Thừa tướng Lã Vi Trọng (mười lăm vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khánh Nhàn ở Long khánh, có ba vị:

1. Thiền sư Văn Nhất ở An hóa (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thông ở Long tu
3. Thiền sư Phổ Tư ở Tư phước (hai vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Trí ở Vân cái, có chín vị:

1. Thiền sư Tối Lạc ở Bảo thọ
2. Thiền sư Pháp Như ở Đạo tràng
3. Thiền sư Tuệ Minh ở Thạch phật (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Ky ở Đại thừa
5. Thiền sư Văn Ngọc ở Khai phước
6. Thiền sư Kỷ ở Đại ninh
7. Thiền sư Phổ ở Ngưỡng sơn
8. Thiền sư Hy Thiếu ở Đài lâm
9. Thiền sư Hữu Cơ ở Báo ân (ba vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thuận ở Thượng lam, có bốn vị:

1. Tham chánh Tô Triệt (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Kế Thông ở Phương quảng
3. Thiền sư Vân Trí ở Hữu Thánh
4. Thiền sư Dật ở Kim nhan (ba vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lợi Nghiễm ở Long khánh, có một vị:

1. Thiền sư tiên ở Hương nghiêm (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Nghiêm ở Ẩn tích, có hai vị:

1. Thiền sư Tông Hiền ở Quảng tuệ
2. Thiền sư Pháp Thuận ở Cát tường (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ Nhất ở Bản giác, có mười vị:

1. Thiền sư Túy Khuê ở Việt phong
2. Thiền sư Bản Minh ở Thọ sơn
3. Am chủ Như ở Thiên thai
4. Thiền sư Ni Pháp Hải ở Tây trúc (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Phụng Hoa ở Phước quả
6. Thiền sư Duy Biện ở Tây phong
7. Thiền sư Nguyên Thức ở Pháp tế
8. Thiền sư Dục tiên ở Ngưu đầu

9. Thiền sư Trí Chương ở Huyền sa
10. Thiền sư Khâm ở Bản giác (sáu vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác Tuệ ở Càn minh, có hai vị:
1. Thiền sư Ứng viên ở Trường khánh (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Cập ở Bảo tích (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sùng Tín ở Trường lô, có mười lăm vị:
1. Thiền sư Trí nột - Diệu Không ở Kinh sơn
2. Thiền sư Hoài Thâm ở Tuệ lâm
3. Thiền sư Pháp Thuyên ở Trí giả
4. Thiền sư Như Khôi ở Quang hiếu
5. Thiền sư Như Triết ở Thiên y (năm vị hiện không ghi lục)
6. Thiền sư Thuyên ở Thạch tháp
7. Thiền sư Minh ở Vạn thọ
8. Thiền sư Hoài Ngộ ở Tư Thánh
9. Thiền sư Trí Xiêm ở Thiên y
10. Thiền sư Phạm Khâm ở Tư phước
11. Thiền sư Tịnh Chân ở Quang hiếu
12. Thiền sư Hiển Ngung ở Linh nham
13. Thiền sư Trí Chiếu ở Khánh thiện
14. Thiền sư Đạo Xiêm ở Tây thiền
15. Am chủ Pháp tú ở Long môn (mười vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuân ở Khai tiên, có hai vị:
1. Thiền sư Hy Vịnh ở Diên xướng
2. Thiền sư Tông ở Khai tiên (hai vị hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Anh ở Bảo ninh, có mười một vị:
1. Thiền sư Duy Thượng ở Quảng phước
2. Thiền sư Pháp Ninh ở Tuyết đậu
3. Thiền sư Cần ở La-hán
4. Thiền sư Thiện Tu ở La-hán
5. Thiền sư Tề Quả ở Cắt tường (bốn vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Trí Toàn ở Vô vi
7. Thiền sư Thông ở Hổ khâu

8. Thiền sư Thường ở Hương sơn
9. Thiền sư NGhi ở Hoa tạng
10. Thiền sư Thủ Uyên ở Quảng giáo
11. Thiền sư Nguyên Chiếu ở Quảng giáo (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tự Linh ở Giáp sơn, có ba vị:
1. Thiền sư Pháp Thông ở Tây phong
2. Thiền sư Duy Hiển ở Đâu suất
3. Thiền sư San ở Tằng sơn (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Mãn ở Nguyên phong, có ba vị:
1. Thiền sư Tông Phác ở Trường Hưng
2. Thiền sư Tông Diễn ở Tuyết phong
3. Vương Đại Phu ở Vệ châu (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tiên ở Tiên động, có một vị:
1. Thiền sư Đạo ở Minh giáo (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác ở Tịnh nhân, có hai vị:
1. Thiền sư Huệ Lan ở Hoa nghiêm (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thánh ở Á tùng (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trí ở Đại hồng, có một vị:
1. Thiền sư Xu ở Thiên chương (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuyên ở Cam lồ, có một vị:
1. Thiền sư Ni Văn Chiếu ở Diệu trạm (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cư ở Thụy nham, có hai vị:
1. Thiền sư Xử U ở Vạn niên (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Nguyên Thụy ở Hộ quốc (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhạc ở Tịnh nhân, có một vị:
1. Thiền sư Thể Thuần ở Cổ sơn (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ ở Kim sơn, có một vị:
01. Thiền sư Giác Nhiên ở Báo ân (hiện có ghi lục)

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỒNG ANH Ở LẶC ĐÀM

1. Thiền sư Tề Thiêm ở Pháp luân.

Thiền sư Tề Thiêm ở Pháp luân tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Người học từ trước đến, xin Sư chỉ bày?" Sư bảo: "Ông vừa lại đây, đã nghe tiếng trống chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Đã nghe". Sư bảo: "Trả lại ta câu thoại đầu". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư cười bảo: "Khiến người nghi ngờ nhầm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư hét một tiếng, bảo: "Sư tử gầm gừ". Sư lại hét một tiếng bảo: "Tượng vương nhăn mày". Sư lại hét một tiếng bảo: "Chó cuồng đuổi khối lù lù". Sư lại hét một tiếng bảo: "Tôm nhảy không ra khỏi đấu". Sư mới bảo: "Trong bốn tiếng hét ấy có một tiếng hét có thể cùng Phật tổ làm thầy. Nạp Tăng có đủ mắt sáng thử xin chọn xem? Nếu chọn không ra tức rất giống giữa ban ngày mê lạc đường". Lại có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư mới bảo: "Tánh tĩnh lặng, tình phóng quá". Sư mới hét một tiếng, bảo: "Tâm động thần nhọc mệt". Sư bèn trông nhìn hai bên rồi lại bảo: "Giữ chân thật, chí tròn đầy". Sư lại nắm cây gậy lên và lại bảo: "Đuổi theo vật, ý đổi dời". Bỗng nhiên Sư gọi bảo đại chúng rằng: "Thấy quái lạ chẳng quái lạ, quái lạ ấy tự hủy hoại".

2. Thiền sư Vân ở Tuệ minh.

Thiền sư Vân ở Tuệ minh tại Tuyền châu. Có vị Tăng hỏi: "Trong biển Bát-nhã, làm sao vì người?" Sư đáp: "Mây tan, ngân hán xa". Lại hỏi: "Rốt cùng lại như thế nào?" Sư đáp: "Đầu gậy thấy máu". Lại hỏi: "Đức Phật Tỳ-bà-thi sớm lưu tâm, thẳng đến ngày nay chẳng đắc diệu, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Xấu vụng chẳng kham đương đầu". Lại hỏi: "Bỗng nhiên đương đầu lại làm sao sống?" Sư đáp: "Nửa tiền cũng chẳng thẳng". Lại hỏi: "Thế nào tức là phải?" Sư đáp: "Triệu Châu phía Nam, Thạch Kiều phía Bắc". Vị Tăng ấy bèn đảnh lễ. Sư gõ xuống thiền sàn ba cái. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Di phong của Thiếu thất, yếu chỉ của Tào Khê, Hoàng Nghiệt gom thâu lại, Lâm Tế nâng đỡ dậy, ba ải binh giáp đua phân điều, bốn chọn mở ngăn nào dừng đây, định tông thừa, lập cương kỷ, đương cơ nghiệm lấy gạo Lô lăng, lại theo lên hợp định cao thấp, tranh tợ bị sư phong thư giấy trắng, cốt tượng (voi) dẫn tâm mời tối vui mừng, đồng phong xưa nay lan tỏa tùng lâm, rất kỵ gõ ngà kinh nhầm răng". Sư lại bảo: "Tuyết phong lỗ mũi ba ba, Quy sơn trâu nước, Lâm Tế ba ải, Vân Môn một phổ, khuyên các ông mỗi mỗi thấu tương lai, bắt lấy hổ dưới núi Đại hùng".

3. Thiền sư Hữu ân ở Ngưỡng sơn.

Thiền sư Hữu ân ở Ngưỡng sơn tại Viên châu. Có lúc lên giảng

đường, nắm cây gậy đánh xuống tha một cái, Sư bảo: "Lệnh Phật lệnh Tổ như ngoái vỡ băng tiêu, nửa chữ đầu chữ ngàn núi muôn sông, mây hạ nạp Tăng cỏ rạp gió thổi. Tuy là như vậy, quan vẫn chẳng dung tha kim châm riêng thông xe ngựa. Cỏ một thì nhân duyên kỳ đặc khắp tợ đại chúng". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Tổ sư Đạt-ma rỗng không chín năm xoay mặt vách tường, trở về Tây vức xấu hổ thấy người Lạc dương". Sư lại bảo: "Nơi khó mây tan, nhật nguyệt đồng tỏa sáng, bóng rơi ngàn sông, sóng trùm muôn trượng, mỗi mỗi hiện bày khói không gì chẳng là gia phong tự chính mình, vật vật toàn rõ ràng đều là kế sống của Tổ sư, ở đó rõ được thì gật đầu nuốt nhổ, ở đó mà chưa rõ được thì đong đưa tay lắc đầu. Nghĩ gì nói năng rất tợ bên cạnh như không có người, nếu có người một cái ra lại hoàn toàn khạc một tiếng, sơn Tăng lùi thêm ba bước".

4. Thiền sư Tê Tuân ở Đại quy.

Thiền sư Tê Tuân ở Đại quy tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Thỏ ngọc chẳng mang thai, trâu nghé làm sao đẻ con?" Sư bảo: "Đóng máng chuồng đi". Lại nói: "Kẻ chăn trâu dưới bờ". Sư bảo: "Chớ khiến cỏ rơi". Lại nói: "Bước bước đạp nhầm". Sư bảo: "Tài giỏi trong cỏ". Và Sư mới bảo: "Lúc đầu sừng chưa mọc nêu cử được, sớm phạm vào mạ của sơn Tăng rồi. Lại đợi chóng đầu đội sừng trong loài khác lại sinh con nuôi dưỡng nghé, ấy làm sao kham? Há chẳng thấy Ngưỡng Sơn nói: "Một hồi vào cỏ đi, một hồi nắm mũi kéo". Tuy là như vậy, nhưng chưa khỏi phạm phá lúa mạ của người. Hãy nói: "Thế nào là được chẳng phạm?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Trâu sắt chẳng ăn cỏ bèn lan can, thẳng lên trên đỉnh núi Tu-di nằm ngủ". Sư lại bảo: "Núi xanh lớp lớp nước mênh mông, vượn mến trước hang mùi trái chín, ai biết riêng có khéo nghĩ lường".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HẠNH VĨ Ở NGƯỠNG SƠN

1. Thiền sư Tĩnh Hiển ở Cốc ẩn.

Thiền sư Tĩnh Hiển ở Cốc ẩn tại Tương châu. Có vị Tăng hỏi: "Xem mặt cùng lộ bày, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Gió trong lành lại chẳng hết" Lại nói: "Thông trên suốt dưới mảy tơ chẳng dung nạp vậy". Sư bảo: "Trăng sáng tỏa chiếu không riêng tư". Lại hỏi: "Văn thể đã rõ bày, xin nguyện được nghe cử xướng?" Sư đáp: "Dạ-xoa đi tuần biển, đầu đội sừng". Lại nói: "Kỳ viên nơi năm cành hoa nở, chẳng riêng đông cung mới là xuân". Sư bảo: "Đường núi ải trùng điệp". Lại hỏi: "Với một mũi nhọn phá ba ải tức chẳng hỏi, còn lúc đạo nhân cùng

thấy gặp nhau thì thế nào?" "Giặc thân đã lộ bày". Và Sư mới bảo: "Ba ngày một cơn gió, năm ngày một trận mưa, thời bình đạo an thái, ca dao ngâm hát đầy đường. Thích-ca bít tất lừa dối thương lượng, Tịnh Danh ngậm miệng thôi cử xướng, cần muốn biết cùng cực thì nguồn căn bản, biết lấy Lý Hồ Tử ở Nam trang. Dám hỏi các người chỉ như Lý Hồ Tử có cái nơi rất lớn, hiểu không? Năm nay hẳn định có năm sau, chẳng như giăng lúa thừa trồng năm sau". Sư lại bảo: "Mặt nhật chuyển vận đẩy dời ngày dài một đường. Hãy nói Phật pháp dài ít nhiều?" Sư lại bảo: "Chín lần chín là tám mươi mốt. Các người có hiểu chăng? Nếu không có người hiểu, sơn Tăng vì trân trọng giảng nói". Và Sư mới nói kệ rằng:

"Chín lần chín tám mốt
Ngày nam dài đến ngày
Bóng lường đã đẩy dời
Mọi người cùng ủy thác.

Chẳng là Thế Đế lưu bố, tạm nên ứng thời nạp vận tốt. Tham". Có lúc, Sư lại bảo: "Sáng nay mồng năm tháng giêng, đại chúng rõ nhìn lấy, trên lửa lại thêm nóng, trong khổ lại thêm khổ, kham cười Cốc ẩn rất không đầu mối, rỗng không trước hang cốc lưu tỏa lời xàm". Sư hét một tiếng, lại bảo: "Nói nín liếc nhìn đều là nói, thấy nghe biết đều là nghe. Thế giới Hương tích ăn cơm thơm ngộ pháp Vô sinh, trong nước Cực lạc nghe Phong Khrằng ngộ Bát-nhã". Sư bèn nắm cây gậy, bảo: "Nếu dùng tai nghe trọn khó hiểu, nơi mắt nghe tiếng mới được hay". Xong, Sư gõ xuống một cái.

2. Thiền sư Vĩnh Thái ở Hoàng nghiệt.

Thiền sư Vĩnh Thái - Kỳ Viên ở núi Hoàng nghiệt tại Thụy châu, vốn người xứ Tùy châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Sắt đúc thành". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bảo: "Hiểu chăng?" Vị Tăng ấy lại lễ bái, Sư bảo: "Sao chẳng sớm như vậy".

3. Thiền sư Thiện Tùy ở Long vương.

Thiền sư Thiện Tùy ở núi Long vương tại Đàm châu. có vị Tăng hỏi: "thế nào là cảnh Long vương?" Sư đáp: "Cung điện Thủy tinh". Lại hỏi: "Thế nào là châu báu như ý của Long vương?" Sư đáp: "Trong búi tóc trên đỉnh đầu". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Chớ nói chẳng như ý tốt đẹp".

4. Thiền sư Minh ở Tuệ nhật.

Thiền sư Minh ở Tuệ nhật tại Lô sơn. Có lúc lên giảng đường, Sư

bảo: "Chẳng dùng tâm cầu chỉ cần nghĩ thấy. Đại sư Tam Tổ tuy là xoay lánh móc câu vàng, rất chẳng biết đã nuốt cuộn chỉ hồng. Tuệ Nhật lại chẳng như vậy, chẳng dùng cầu chân và nghỉ dừng thấy, cưỡi ngược trâu chừ vào điện Phật, một tiếng sáo kẻ chăn trời đất rỗng thoáng, cúi đầu trước Cù-đàm thật là mặt vàng".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYÊN TÚC Ở BÁCH TRƯỢNG

1. Thiền sư Giản ở Ngưỡng sơn.

Thiền sư Giản ở Ngưỡng sơn tại Viên châu. Có vị Tăng hỏi: "Ngày nay hoa ưu-bát-đàm hiện, xin đem nhụy hoa tiếp mê tình?" Sư đáp: "Chỉ được tuyết tiêu đi, tự nhiên xuân sẽ đến". Lại nói: "Một nghe ngàn ngộ, lập chứng viên thông vậy". Sư bảo: "Tâm chẳng phụ người, mặt không vẻ thẹn". Lại hỏi: "Hai mươi năm lại làm khách phương ngoài, sáng nay ra đời sự việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Mây theo rồng, gió theo hổ". Lại nói: "Bách trượng mây trắng giấu không được, một vầng sáng tỏ trời xanh". Sư bảo: "Đi đến nơi cùng nước, ngồi xem lúc mây nổi". Lại hỏi: "Nhóm tập dưới núi việc rõ ràng, xin Sư phân giao bốn cành leo?" Sư đáp: "Triệu Châu tám mươi mới hành khất". Lại hỏi: "Mắc gì chẳng biết thời tiết?" Sư đáp: "Đi đến Nam tuyền tức bèn nghỉ". Và Sư mới bảo: "Chợt đến Thắng tích thật an ủy Linh khâm, ngày xưa nghe nói ngàn mối, chẳng như một ngày được đến. Tăng sĩ về nhà núi, mọi người trở lại quận thành, Sự có đổi dời, Lý không biến đổi. Cớ sao? Sông Tương thẳng liền sông Tú, ra núi lại vào một núi. Động tĩnh đến đi đâu phòng ngại trong lắng, Quận phong sắp cao thường bày gia phong chính mình. Tùng xanh cặp đường thẳng đến đường lớn Trường an, khói giăng ngang đồng rộng, điện cát vút hiện giữa khoảng không, chẳng dời khoảng nửa bước chân, chóng vào thế giới Hoa tạng. Vào thì chẳng không, lại có thấy Thiện Tài chăng?" Sư bèn duỗi một chân xuống và bảo: "Lâu Tham Thượng sĩ đã tự biết về, chợt đến Thiền nhân chẳng phòng ngại một thời đứng đất kéo lấy". Sư lại bảo: "Tân luật mới phân ráng sáng báo sớm, sắc trời muốn ấm lại lạnh, khí hậu tợ đông bỗng như xuân, bởi cảnh tương hồng mông mới lên, mới lạnh nghiêm ngưng chưa lùi, thời phải khoảnh khắc đã thuộc đông quân, chớ ở đây lấy làm nhọc xưng được tuổi, cứng rắn có một người chẳng tại hạn này, trời đất không do đâu che chở, nóng lạnh há được đổi dời, nhật nguyệt chẳng hài hòa soi chiếu, âm dương rốt cùng khó biến đổi, nếu dạy bảo người này nhận tuổi mới, trọn là chẳng cam thời tiết đến lại tranh húy được.

Hãy nói người nhận tuổi mới và người không nhận tuổi mới, cả hai cùng gặp thấy nhau làm sao vui chúc?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Lạnh theo một đêm đi, xuân theo năm canh đến”.

2. Thiền sư Duy Cổ ở Bách trượng.

Thiền sư Duy Cổ ở Bách trượng tại Thụy châu. Có lúc lên giảng đường, đại chúng đồng nhóm tập yên định, Sư nắm cây gậy và chỉ đại chúng rằng: “Lắm hư chẳng như ít thật”. Xong, Sư gõ xuống một cái và đứng dậy.

3. Thiền sư Thần Giám ở Nguyệt châu.

Thiền sư Thần Giám ở Nguyệt châu tại phủ Gia định. Có vị Tăng thỉnh cầu biên ghi ngữ yếu. Sư bảo: “Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại riêng truyền tâm ấn, Lục tổ Huệ Năng ở Tào khê không biết một chữ. Ngày nay chư vị ở các phương ra đời hoằng hóa ngữ cú như núi lại thêm dây buộc”. Sư mới vỗ vào thiền sàn một cái và tiếp bảo: “Ngay đây cử tiến được, còn là độn căn, nếu chưa như vậy thì mây trắng nơi sâu theo ông nằm, rất kỵ trong đêm lạnh khỉ kêu”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DUY THẮNG Ở HOÀNG NGHIỆT

1. Thiền sư Thuần Bạch ở Chiêu giác.

Thiền sư Thuần Bạch ở Chiêu giác tại phủ Thành đô, vốn người dòng họ Chi ở Phi ô, Tử Châu. Thân phụ Sư thỏa thuê nghe pháp ở Tùng sơn Đạo giả, lấy chuyện tử sinh làm trò đùa, chỉ giữ bạch y nhưng tu hành phạm hạnh, các hàng Tăng tục không ai vượt trên. Từng nói: “Các căn tôi ám độn, chẳng được vào viên đốn, mong nguyện có người con nối tiếp tuệ mạng chư Phật là đủ vậy”. Sư từ thủa thiếu thời nghe thân phụ dạy răn. Lắng lòng nghe trầm tư, như có sẵn tập học xưa trước. Một ngày nọ nhảy qua khe suối bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ, bất chợt cười thất . Thân phụ đưa Sư đến nương tựa chùa Hoa nghiêm ở núi Nga mi xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc. Cha con cùng nhau vân du tham vấn khắp các giảng tịch ở Thành đô. Sư thông rành các kinh luận tánh tướng các tông. Xong, giã từ đó, theo hướng Nam, Sư đến bái yết Thiền sư Tuấn ở Thái bình tại Lễ châu. Thiền sư Tuấn rất lấy làm kỳ lạ, bảo là “Thật đáng là pháp tử của ta!” Và trao cho Sư pháp y mười ba điều. Sư lánh trốn đó đi, sau, đến núi Hoàng nghiệt lễ bái Thiền sư Chân Giác - Duy Thắng, thân cận được hơn năm dài. Thiền sư Duy Thắng quả từng đoái hoái đến Sư. Sư lại phụng sự rất mực chuyên cần. Một ngày nọ, Thiền sư Duy Thắng bỗng ngước tròng mắt lên trông nhìn Sư. Sư kêu: “Ôi! Lão già này giữ chẳng định làm gì?” Thiền sư Duy Thắng cười lớn mới

vì ấn chứng tâm địa cho Sư.

Khoảng cuối niên hiệu Nguyên Phong (1086) thời Bắc Tống, Tông thất Nam Khương quận vương từ Hoàng nghiệt thỉnh mời Thiền sư Duy Thắng đến dưới kiệu, Sư bèn đi theo hầu. Sau đó không bao lâu gặp phải Thái Học Sinh thượng thư tố tụng bác sĩ, lời tiếng liên lụy đến Thiền sư Duy Thắng, bỗng có sắc chỉ phóng đưa đến đất Thục, môn nhân tan rã như sao băng, chỉ mình Sư mang khăn bát cùng theo. Lại gặp lúc Thành đô phủ soái cải đổi Chiếu giác thành Thập phương, hỏi Thiền sư Chân Giác - Duy Thắng ai là người có thể trú trì tại đó, Thiền sư Chân Giác - Duy Thắng bèn đưa Sư ra ứng đáp sự thỉnh mời. Sư đã đến lãnh nhận viện ấy, tuân y quy phạm ở Nam phương, một mực đổi thay luật ở. Có lúc lên giảng đường, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chẳng vượt biển tánh là lý sự buộc, chẳng thấu luân, là ngữ ngôn buộc. Từ đó, chúng bạn phạm hạnh ở đất Thục tự nhiên quy hướng phong hóa, kinh tứ giảng tịch vì đó mọi nơi một thời trống không. Triều tán lang Phùng Cảm, Phụng nghị lang Đoàn Khởi, Tống Phóng ẩn giả tại núi Thiên thai, Đường An văn sĩ tướng Lý Dục thảy đều vén áo giữ lễ làm đệ tử.

Đến cuối niên hiệu Nguyên Hựu (1094) thời Bắc Tống, Tăng chánh ở Bạch thủy tại Nga mi bị khuyết thiếu, Thừa tướng Thái Kinh khi ấy đang thống soái ở Thành đô thỉnh mời Sư đến ở, Sư chẳng vui thích bèn lánh ẩn tại Chiêu giác mà chối từ đó. Tế Kinh lại rất mực chí thành thỉnh mời Sư về ở lại chùa cũ. Sư lại càng tạo dựng cương tông, riêng nghiêm chỉnh cao vợi, rất bị các động bạn hiền trách phỉ báng đầy đường, Sư chẳng băn khoăn lo nghĩ đó, lâu sau mà tự yên định.

Đến lúc sắp thị tịch, Sư đem kệ tụng trao cho đệ tử là Sa-môn Tông Hiển rằng:

"Gió can trăng lạnh
Nước xa rồi rộng
Ra cửa không ảnh
Bốn mặt tám phương".

Xong, Sư an nhiên mà thị tịch, hưởng thọ năm chín tuổi, ba mươi bốn hạ lạp. Các đệ tử xuất gia đắc pháp của Sư gồm có Sa-môn Tông Hiển, Tông Hóa, đệ tử nối dõi dòng pháp có Thường Chiếu ở Nguyên Phong tại Kiếm châu, Tử Tung ở Thiết tượng tại Ngang châu. Sư là vị Tổ đời thứ nhất ở Chiêu giác. Bảo tháp Sư đến nay vẫn hiện còn.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHÁNH NHÀN Ở LONG KHÁNH

1. Thiền sư Văn Nhất ở An hóa.

Thiền sư Văn Nhất ở An hóa tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Nơi ý chỉ chẳng đến, đặc đất khéo thương lượng, chưa xét rõ là cảnh giới người nào?" Sư đáp: "Trương Ba, Lý Bốn". Lại nói: "Người gỗ cầm bảng vỗ trong mây, Thạch nữ ngậm sênh thổi đáy nước". Sư bảo: "Chạy loạn làm gì?" Lại nói: "Cũng cần Hòa thượng biết được". Sư bảo: "Trời tây đất đông". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nắm hoa mỉm cười nhọc phí sức, đứng tuyết ngang lưng uổng dụng công. Tranh tợ lão Lô nơi không dùng, tức truyền y bát chân phong, đại chúng hãy nói cái nào là y bát của lão Lô truyền? Chẳng là đầu đỉnh núi Đại canh dẫn chẳng nỗi ư? Vả lại, chớ lầm nhận định bàn tinh". Xong, Sư nắm phất trần đánh xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THỦ TRÍ Ở VÂN CÁI

1. Thiền sư Tối Lạc ở Bảo thọ.

Thiền sư Tối Lạc ở Bảo thọ tại Phước châu, vốn người xứ Cổ điền. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Phật chẳng chân thật nói pháp độ quần sinh, Bồ-tát có trí tuệ thấy tánh không rõ ràng, mây trắng không tâm ý rưới làm mưa thế gian. Đất liền không ngậm tình hay lớn các cỏ cây. Nếu hiểu biết được, vẫn còn ở tri giải, nếu chẳng hiểu được thì rơi lạc vào vô ký. Bỏ hai đường đó, làm sao tức là phải? Biển rộng chẳng giấu trăng, núi sâu lạnh phần ngoài".

2. Thiền sư Pháp Như ở Đạo tràng.

Thiền sư Pháp Như ở Đạo tràng tại An cát châu, vốn người dòng họ Từ ở Cù châu. Sư đến dự tham nơi Thiền sư Thủ Trí ở Vân cái tỏ ngộ được câu thoại "mười trí đồng chân" của Phần dương, tầm thường Sư hay nói mười trí đồng chân, nên khắp chốn tùng lâm đều xưng gọi Sư là "Như Thập Đồng". Viên Cực ở Thủy am thảy đều nương tựa đó, Viên Cực từng ngợi ca Sư rằng: "Sống mặt sắt da khó mỏng mảnh. Đẳng nhàn cất bước động đất trời. Cười nắm câu mười trí đồng chân. Chẳng phụ Hoàng Long cốt đích tôn". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lấy tri kiến dựng lập nhận biết tức gốc của vô minh. Tri kiến chẳng thấy, ấy là Niết-bàn, vô lậu chân tịnh. Thế nào là bên trong lại dung các vật khác. Thích-ca, Lão Tử hòa thân buông ngả. Đời sau con cháu làm sao tiếp tục. Cần hiểu chăng? Thông huyền chẳng là đời nhân gian, đầy mắt núi xanh xứ nào tìm".

3. Thiền sư Tuệ Minh ở Thạch phật.

Thiền sư Tuệ Minh - Giác Không ở Thạch phật tại phủ Thiệu

hưng. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh bảo tướng?" Sư đáp: "Ba đời đục tạc thành". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Một Đức Phật, hai vị Bồ-tát".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẬN Ở THƯỢNG LAM

1. Tham chánh Tô Triệt.

Tham chánh Cư sĩ Tô Triệt tự là Tử Do. Năm Nguyên Phong thứ ba (1080) thời Bắc Tống, vì theo việc Tuy dương, giúp chuyển dời trấn nhậm của Tồi Quản ở Thụy châu. Bấy giờ Thiền sư Thuận ở Thượng lam tại Hồng châu cùng thân phụ của Cư sĩ là Văn An tiên sinh có sự khế hợp. Cư sư phân sang thăm hỏi rất được hỷ hoan. Cư sĩ bèn đem tâm pháp mà phỏng hỏi. Thiền sư Thuận bèn đem nhân duyên rút lỗ mũi mà chỉ bày cho, thế rồi có sự tỉnh ngộ, Cư sĩ bèn làm kệ tụng tấu trình rằng:

"Trung niên nghe đạo biết xưa quấy
Tình cờ gặp gỡ lão Thuận sư
Rút mũi thẳng tham mặt mắt thật
Lắc đầu chẳng nhân riêng kềm dùi
Cây khô phá nạp việc gì ông
Rượu trắng muối xanh ta là ai?
Xấu hổ hiên đông tàn trên nguyệt
Một chén cam lồ trơn tợ đường".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THỦ NHẤT Ở BÁO BẢN

1. Thiền sư Túy Khuê ở Việt phong.

Thiền sư Túy Khuê - Diệu Giác ở Việt phong tại Phước châu, vốn người dòng họ Lâm ở Bản quận. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Ruộng xấu tổn mất giống". Lại hỏi: "Chưa xét rõ làm sao lãnh hội?" Sư đáp: "Liềm cắt lúa cong như móc câu". Lại hỏi: "Lúc cơ quan chẳng đến thì thế nào?" Sư đáp: "Ôm bình nước tưới vườn". Lại hỏi: "Đó còn là việc bên cơ quan ư?" Sư đáp: "Phải cần mưa thấm đầu".

2. Thiền sư Bản Minh ở Thọ sơn.

Thiền sư Bản Minh ở Thọ sơn tại Phước châu. Ngày khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Lý Tưởng dáng tuổi tham Dược Kiệu, mây tại trời xanh nước tại bình, phủ soái mời Sư giúp thượng tịch, chưa biết ý Tổ làm sao rõ?" Sư đáp: "Xưa nay ứng không lạc, rõ ràng tại trước mắt". Lại hỏi: "Lấy gì gọi là Thọ sơn không thấu đường, xưa nay phương

ngoài có tri âm?” Sư bảo: “Nay đó, xưa đó, một câu làm sao sống nói được?” Lại nói: “Ba Nha và Tử Kỳ chẳng như nhàn cùng biết?” Sư bảo: “Lại bị gió thổi khác trong điệu”. Lại hỏi: “Thế nào là cảnh Thọ sơn?’ Sư đáp: “Ba núi dài tại mắt, một đường là tùng sam”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Nhàn giữ vây lan lật, cười hỏi người qua lại”. Lại hỏi: “Hướng thượng tông thừa, việc ấy thế nào?” Sư đáp: “Rồng ngâm móc nổi, hổ gầm gió sinh”. Lại hỏi: “Biết Sư từ lâu cất giữ kiếm thổi lông, làm sao sống là kiếm thổi lông?” Sư đáp: “Gió trong lành tám mặt”. Lại hỏi: “Hàng căn cơ trung hạ giải hiểu thế nào?” Sư đáp: “Rất kỵ đương đầu bén nhọn”. Lại hỏi: “Thế nào là ngày nay dùng đi?” Sư đáp: “Khoái tiện khó gặp”. Và Sư mới bảo: “Chư Phật quá khứ đã qua đi, chư Phật tương lai còn chưa lại, chánh ngay khoảng không tức Phật pháp ủy thác cho người nào? Nếu như trong một niệm hồi quang phản chiếu, thì mười đời xưa nay chẳng lìa khỏi đương niệm, đâu còn có khoảng trước sau đi lại. ngay như các Thánh xuất hiện hưng hóa nơi đời nhiều như số cát sông Hằng, chưa có một cái nửa cái chỉ ra. Là vì Thích-ca và Lão Tử suốt bốn mươi chín năm nói chẳng hết. Ba thừa mười hai phần giáo lại là lá vàng ngưng ngâm đến nói. Kịp đến lúc trên hội Linh sơn, chẳng đặng đừng mà nắm hoa chỉ bày đại chúng. Tôn giả Ca-diếp đổi sắc mặt mỉm cười, bèn nói: “Ta có chánh pháp nhãn tạng phân giao cho Ma-ha Đại Ca-diếp”. Từ đó về sau vụt thành đường vết, Tây vức và xứ này vội cùng truyền trao, như dùng tâm ấn để ấn, tâm dùng ấn để ấn định, thật là không một pháp cho người, chỉ ngay phần trên người ấy, có thật tuyệt điềm bao cả ngàn xưa mà không cùng, đại trí xung hư bày mười phương mà chẳng hết. Pháp giới đâu từ kia khác được, viên quang chẳng lìa trước mắt, dất chân dặt chân không gì chẳng là đạo tràng chân thật, một cuộn một duỗi đâu lìa nhiều dấy đại dụng. Cỏ cây tùng lâm đều hiện sắc thân Tam-muội, núi sông đất liền đều Chuyển pháp luân căn bản. Nếu hay như thế, mới hiểu báo đáp ân sâu của Phật. Trên giúp cho cơ đồ Hoàng đế vĩnh viễn kiên cố. Trân trọng!” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Bốn mặt núi xanh sắp họa lắng, ai biết thân thế với mây bình, gió tùng trăng nước dạt tương đối, riêng chiếm trong hồ một mảnh trong”. Do đó, mây trắng trong ảnh Phật xưa trước hang, tùng xanh bách biếc đều rõ bày gia phong của Phật xưa, các kiệt lầu hùng nào khác thế giới cung trời. Đã đến trong đó, chẳng dùng không móng tay, cửa lầu các mở, nói nào Thiên thai cùng Nam nhạc vì gì như vậy? Núi thọ nổi giữa trời, bụi hồng chẳng đến ải”.

3. Am chủ Như ở thiên thai.

Am chủ Như ở Thiên thai tại Đài châu. Lâu ở nương tựa nơi Thiền pháp Chân - Thủ Nhất, nhân đọc xem "Đông sơn thủy thượng hành ngữ" của Vân Môn, mà phát minh sự nhận biết của mình. Xong, Sư trở về ẩn nơi núi cũ, nai vượn đến chung ở đông thành đàn. Quận thú nghe đạo phong của Sư bèn sai sứ đến thỉnh mời cưỡng bức khiến Sư nên trú trì. Sư bèn làm bài kệ rằng:

"Ba mươi năm lại ở núi đây
Quận hợp việc gì đến rừng này
Tốt đem việc đời gông cùm lại
Kéo ta một đời nhàn lại nhàn".

Xong, Sư bèn đất am đang ở, cuối cùng không biết Sư đến ở đâu.

4. Thiền sư Ni Pháp Hải ở Tây trúc.

Thiền sư Ni Pháp Hải ở chùa Tây trúc tại phủ Bình giang, là cô của Bảo Văn Lã Gia. Mới đầu đến dự tham nơi Thiền sư Tú ở Pháp Vân, về sau lại nhận lãnh yếu chỉ dưới pháp tòa của Thiền sư Pháp Chân - Thủ Nhất. Các bậc danh Nho từng lôi kéo ra ứng thế, nhưng Ni sư chẳng chịu vâng theo. Đến lúc thị tịch, nói bài kệ rằng:

"Sương trời mây móc kết
Trăng núi lạnh nơm sáng
Tối nhận thư quê cũ
Sáng người đi không hay".

Kịp đến sáng ngày thì Ni sư ngồi mà thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIÁC TUỆ Ở CÀN MINH

1. Thiền sư Ứng Viên ở Trường khánh.

Thiền sư Ứng Viên ở Trường khánh tại Bình giang, Nhạc châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hơi lạnh sắp tàn ngày xuân đến, không đòi trâu đất đều nhảy vọt, đắp nhằm Côn sơn đầu lỗ mũi, húc ngã Tu-di thành phẩn quét, mục đồng chăn dắt roi đã vất, lười thổi sáo không lỗ, vỗ tay cười ha ha. Về đi lại chừ về đi lại, ráng khỏi nơi sâu hòa áo đổ". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Rất kỵ ngủ gật".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ SÙNG TÍN Ở TRƯỜNG LÔ

1. Thiền sư Trí Nột - Diệu Không ở Kinh sơn.

Thiền sư Trí Nột - Diệu Không ở Kinh sơn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Hạ ở Tú châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc Ngưu Đầu chưa gặp thấy Tứ Tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "Ngồi lâu thành nhọc mệt". Lại hỏi: "Sau khi đã gặp thấy thì thế nào?" Sư đáp: "Chẳng phòng ngại ta

đi đông đi tây".

2. Thiền sư Hoài Thâm ở Tuệ lâm.

Thiền sư Hoài Thâm - Từ Thọ ở Tuệ lâm tại Đông kinh, vốn người dòng họ Hạ ở phủ Thọ xuân. Lúc sinh Sư mà có ánh sáng tốt lành hiện trong phòng nhà. Thiền sư Kiên ở Văn thù xa thấy nghi là lửa, đến cật hỏi mới biết là Sư vừa ra đời. Vào phòng hỏi, Sư trông thấy Thiền sư Kiên, bèn mỉm cười. Thân mẫu hứa sẽ cho xuất gia. Năm mười bốn tuổi, giã từ thân thích. Năm hai mươi tuổi Sư được xuống tóc. Sau bốn năm phỏng đạo ở phương ngoài. Sư đến nương tựa Thiền sư Tịnh Chiếu ở Tư Thánh tại Gia hòa. Thiền sư Chiếu nêu cử nhân duyên của Lương Toại gặp thấy ma cốc mà hỏi: "Thế nào là nơi Lương Toại biết?" Sư liền thấu rõ. Sau ra hoằng hóa ở Tư phước, đồ chúng đông đầy ngoài cửa. Thiền sư Cần - Phật Giám ở Tương sơn hành hóa đến đó, khi trà lùi bãi, Sư dẫn tuần liêu đến nơi Nhai phường ngàn người. Thiền sư Phật Giám hỏi: "Đã là Nhai phường ngàn người, vì gì chỉ có một người?" Sư đáp: "Nhiều hư chẳng như ít thật". Phật Giám hỏi: "Nghĩ gì nào?" Sư thẹn đỏ mặt". Chợt gặp lúc triều đình lấy tư phước làm cung thần tiên, nhân thế, Sư bỏ đến ở am phía Tây Tương sơn, nêu bày thỉnh hỏi điều lợi ích. Thiền sư Phật Giám bảo: "Tư phước biết là ban sư bèn tốt". Sư thưa: "Tôi thật chưa an ổn, mong Hòa thượng chẳng ra ngoài". Phật Giám bèn nếu cử câu thoại: "Thiếu nữ ly hồn". Sư trở ngược tận cùng đó, bỗng nhiên hết sạch nghi ngại, bèn trình bài kệ rằng: "Chỉ là thời xưa nơi đi lại, đẳng nhàn nêu nhầm bên lừa dối, đêm lại một trận gió cuồng nổi, thổi rơi hoa đào biết bao nhiêu". Phật Giám vỗ vào ghế, bảo: "Ấy chẳng là sống với ý Tổ sư".

Sau đó không bao lâu, Sư có chiếu chỉ đến ở Tiêu sơn. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Mặt vàng chưa là vàng thật dán". Lại hỏi: "Thế nào là việc Phật hướng thượng?" Sư đáp: "Một mũi tên, một hoa sen". Vị Tăng ấy bèn đảnh lễ, Sư khảy móng tay ba cái. Lại hỏi: 'Lúc biết có nói chẳng được thì ny nào?" Sư đáp: "Kẻ cùm ăn mật". Lại hỏi: "Lúc nói được chẳng biết có thì như thế nào?" Sư đáp: "Chim oanh vũ kêu người". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư quát mắng rằng: "Chỉ được tài truyền lời". Lại hỏi: "Người nào chẳng bị vô thường nuốt?" Sư đáp: "Chỉ sợ kia không nơi xuống miệng". Lại hỏi: "Thế nào là một niệm mũi tên thông huyền, ba thây quỷ mất gian?" Sư đáp: "Ngươi có một niệm định bị kia nuốt rồi". Lại hỏi: "Lúc không niệm thì như thế nào?" Sư đáp: "Bắt nhầm xà lê". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa nói: "Nhẫn, nhẫn, ba đời Như Lai từ đó hết. Nhiêu, nhiêu, muôn họa

ngàn ương từ đây tiêu. Im, im, Bồ-đề vô thượng từ đấy đắc". Sư lại bảo: "Hiểu được ba chủng ngữ ấy rồi, khéo cái chẳng khoái tài sống. Sơn Tăng chỉ là được người một trâu hoàn lại người một ngựa. Đánh nước cùng thóa nhổ, lấm mỏm mắng chửi". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Bằng ra, bằng ra". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mây từ núi nổi, gió từ khe sinh, khéo cái nơi đầu vào, đường quan ít người đi'. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải cảnh, cũng chẳng phải tâm. Lúc kêu làm Phật cũng đất chìm. Trong ấy vốn tự không thềm cấp, rất kỵ tìm nơi không cấp thềm. Tất cả chẳng tìm qua còn sâu, đánh phá Vân Môn đãy đựng cơm, mới biết đất đỏ là vàng ròng. Ôi!".

3. Thiền sư Pháp Thuyên ở Trí giả.

Thiền sư Pháp Thuyên ở Trí giả tại Vụ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Muốn gõ cửa huyền phải là có tiết tháo, rất khẳng khái chặt được đinh cắt được sắt, cứng rắn bóc gọt đất Hán mới được, còn nếu hàng nhút nhát sợ dao lánh tên xem tức có phần". Xong, Sư nắm phất trần đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

4. Thiền sư Như Khôi ở Quang hiếu. (Vạn thọ)

Thiền sư Như Khôi - Chứng Ngộ ở Quang hiếu - Vạn thọ, tại phủ Bình giang, vốn người dòng họ Nguy ở Kiến ninh. Ngày khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Tô đài?" Sư đáp: "Núi giăng sư tử đẹp, nước liền Thái hồ trong". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Áo mão triều Tống sau, lễ nhạc Đại Chu trước". Sư phàm thấy vị Tăng nào ác hỏi: "Ngày gần đây như thế nào?" Vị Tăng ấy phỏng đáp, Sư liền vỗ vai bảo: "Không thể nghĩ bàn". Đến lúc sắp thị tịch, đại chúng đã nhóm tập, Sư lại bảo: "Không thể nghĩ bàn". Xong rồi mới chấp tay mà tịch.

5. Thiền sư Như Triết ở Thiên y.

Thiền sư Như Triết ở Thiên y tại Việt châu, dòng họ và quê quán Sư chưa được rõ ở đâu. Từ khi thôi lui giảng tịch sư đến ngụ ở Vạn thọ tại Bình giang. Sư ăn uống không phân chọn, mọi người phần nhiều xem thường Sư. Có người đem câu thoại của Chủ nhân ông - Hoán ở Thụy nham để hỏi, sư bèn dùng kệ tụng mà đáp là:

"Trưởng Thúy nham - Chủ nhân ông Hoán
Hang trồi Tu-di núi cao nhất
Đất liền nhất vụt không nơi tìm
Sênh ca một khúc họa trong lầu".

Một ngày nọ, Sư bảo: "Tôi đi đây vậy". Và bảo lau chùi chiếc kiệu tre Sư cưỡi, Sư mới viết bài kệ báo cùng đại chúng rằng:

"Đạo tại nơi dùng,
Dùng tại nơi chết
Người đời chỉ quản tham vui thích
Chẳng chịu học vô vi.
Từ đầu bình sinh đến tham hỏi
Chỉ khuyên đại chúng tấn tu thôi".

Bỗng nhiên Sư dựng đứng nắm tay và bảo: "Các người hãy nói cái nay rơi lạc ở nơi nào?" Đại chúng im lặng không ai đối đáp. Sư rung động bàn án xuống một cái, tiếp bảo: "Một ngang phân giao cùng gió thu". Xong, Sư vào kiệu ngồi đoan nhiên mà thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUÂN Ở KHAI TIÊN

1. Thiền sư Hy vịnh ở diên xướng.

Thiền sư Hy vịnh ở diên xướng tại Lô châu. Có vị Tăng hỏi: "Thiếu lâm xoay mặt vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Thẹn sợ giết người".

2. Thiền sư Tông ở Khai tiên.

Thiền sư Tông ở Khai tiên tại Lô châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một chẳng làm, hai chẳng nghỉ, bẻ chuyển lỗ mũi, đèn xuống đầu mây, Hòa Sơn mơ đánh trống diêm quan. Tăng dao chẳng ghi đội trâu tung, gạo Lô lăng, dầu đầu tử, Tuyết phong y cũ trục song cầu, đêm lại gió đưa tin Hành dương, nhạn lạnh một tiếng sương trăng mờ.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ANH Ở BẢO NINH

1. Thiền sư Duy Thượng ở Quảng phước.

Thiền sư Duy Thượng ở Quảng phước ở viện Quảng phước tại phủ Lâm an. Mới đầu đến dự tham nơi Thiền sư Giác Ấn - Anh, Sư hỏi: "Nam tuyền chém con mèo, ý chỉ ấy như thế nào? Thiền sư Giác Ấn đáp: "Phải là Nam tuyền mới được". Và Thiền sư Giác Ấn cũng lấy câu ấy hỏi lại Sư. Sư chẳng thể trả lời. Vừa đến nơi Tăng đường, bỗng nhiên đại ngộ, Sư nói rằng: "Người xưa nói từ nay trở đi không còn nghi ngờ nữa về câu thoại đầu của lão Hòa thượng trong thiên hạ, tin có thật vậy". Và bèn thuật kệ tụng trình bày cùng Thiền sư Giác Ấn rằng: "Phải là Nam tuyền cơ thứ nhất, chẳng biết chẳng hay bỗng đầu dài, xem mặt như không mất xanh trắng, lại như... giữ ao không". Sư nêu cử chưa dứt, Thiền sư Giác Ấn đưa nắm tay lên hỏi: "Chánh ngay lúc nghĩ gì làm sao sống?" Sư đẩy ngã thiền sàn. Thiền sư Giác Ấn hét một tiếng, Sư nói: "Sau khi giặc qua mới trương cung". Xong, Sư bèn ra ở

Quảng phước. Một ngày nọ trong thất Sư hỏi vị Tăng rằng: “Nâng dậy lại làm sao sống hiểu?” Sư lại bảo: “Hãy nói là cái gì muốn cần người nâng dậy?”.

2. Thiền sư Pháp Ninh ở Tuyết đậu.

Thiền sư Pháp Ninh ở Tuyết đậu tại Minh châu, vốn người dòng họ Đỗ ở Cù châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trăm sông khác dòng lấy biển là cùng tột, sum-la vạn tượng lấy khoảng không là tột cùng. Bốn Thánh sáu phàm lấy Phật là tột bực. Nạp tử đủ mắt sáng lấy cây gậy làm tột cùng. Hãy nói cây gậy lấy gì làm tột cùng? Có người nào nói được, sơn Tăng sẽ phân giao cả hai tay. Thản như chưa được vậy, nhàn tựa bờ thiền sàn, lưu lại cho con cháu chỉ đầu đường”.

3. Thiền sư Cần ở La-hán.

Thiền sư Cần ở La-hán tại Lô sơn. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “La-hán có một câu, phỏng bàn nghị thành trải bày. Ngay đó tiện nhận lấy, về nhà uống trà đi”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trăng sinh một, ba đời chư Phật nhảy không ra, trăng sinh hai, ngay đó rõ ràng thôi phỏng bàn, trăng sinh ba, rét buốt gió sương lạnh thấu cốt”. Sư bèn nắm cây gậy, tiếp bảo: “Cây gậy của sơn Tăng quá khứ không thể được, hiện tại không thể được. Các người làm sao sống hiểu? Hướng đến trong đó biện rành được, lưới vân chữ thập mặc tình giăng đi. Như chưa được vậy, rất kỵ chạy loạn”. Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

4. Thiền sư Thiện Tu là La-hán.

Thiền sư Thiện Tu là La-hán tại Lô sơn. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một hơi chẳng lời các hương thơm đua nhau nhả. Khói mịt mịt chừ nước biếc núi xanh, ngày chầm chậm chừ loan ngâm yến hót, hoa đào như cũ cười gió xuân, mây linh xếp sau hết biết ít nhiều”. Bỗng nhiên Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: “Thấy chăng?” Ngưng giây lát, Sư lại bảo: “Lỗ mũi tròng mắt một lúc xuyên ngay”. Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MÃN Ở NGUYÊN PHONG

1. Thiền sư Tông Phác ở Trường hưng.

Thiền sư Tông Phác ở Trường hưng, tại Tương châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ta có một bí quyết gặp người tiện nói, mưa xuống trời mát, trời cháy khắp nơi nóng. Đại chúng có hiểu chăng? Nếu các người hiểu được thì trong tròng mắt dính thêm mạc. Nếu các người chẳng hiểu thì sáng nay bại quyết. Há chẳng thấy nói riêng riêng Thiều

Dương lão nhân bị một cọc”. Sư lại bảo: “Tháng chạp đang lúc rét lạnh, cỏ cây thảy đều khô khan, có bao nhiêu khách danh lợi, thấy nơi đen tối mênh mang”. Xong, Sư hét một tiếng.

2. Thiền sư Tông Diễn ở Tuyết phong.

Thiền sư Tông Diễn - Viên Giác ở Tuyết phong tại Phước châu, vốn người xứ Ân châu. Có vị Tăng hỏi: “Lúc chẳng kính mộ các Thánh, chẳng trân trọng tánh linh của chính mình thì như thế nào?” Sư đáp: “Thực ra khỏi cửa tù”. Lại hỏi: “Tiện lúc nào hiểu thì thế nào?” Sư đáp: “Kéo tay đánh ngực”. Lại hỏi: “Thế nào là tâm của đại Thiện tri thức?” Sư đáp: “Đầu ngả tư đường một mảnh ngoái. Ngày giã từ đại chúng, có vị Tăng hỏi: “Thế nào là một câu sắp lên núi?” Sư đáp: “Có ngựa thì cưỡi, không ngựa thì đi bộ”. Lại hỏi: “Gặp việc giữa đường lại làm sao sống?” Sư đáp: “Nghèo hèn lánh sang quý”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đuổi bỏ mê, tìm cầu ngộ, chẳng biết mê là kềm dùi của ngộ. Mến Thánh ghét phàm, chẳng biết phàm là rèn giũa của Thánh. Chỉ như phàm Thánh hết cả hai, mê ngộ đều quên, một câu làm sao sống? Nói. Nửa đêm sắc ráng lòng tượng ngọc, trời sáng đỉnh núi năm mây ngăn”.

3. Vương Đại Phu ở Vệ châu.

Vương Đại Phu ở Vệ châu, vị quên sót mất tên. Vì mắc phải tang mà chợt nhàm chán tướng đời, bèn đến dự tham nơi Thiền sư Mãn ở nguyên phong, ngay dưới lời giảng mà biết trở về. Một ngày nọ Thiền sư Mãn bảo rằng: “Ông này là đất bày vậy”. Vương Đại Phu bèn bít lỗ tai. Thế rồi xoay đàn sơn về phía Nam, làm am tranh tự ở suốt ba năm, chợt ngâm ca rằng: “Trong đàn sơn ngày nào dài, non tùng xanh, làng mây trắng, chim ngâm vượn hú làm Đạo tràng, xả tóc hái rau ca lại cười, theo bảo người nói Dã phu cuồng”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIÁC Ở TỊNH NHÂN

1. Thiền sư Huệ Lan ở Hoa nghiêm.

Thiền sư Huệ Lan - Chân Ý ở Hoa nghiêm tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đại sư Đạt-ma chín năm xoay mặt vách tường, từ khi chưa mở miệng trở về trước chẳng phòng ngại khiến người nghi nhầm, tức bị tòa chủ Thần Quang một lần trông thấy, tay chân bận rộn, bèn nói: “Tôi vốn đến xứ này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở năm cánh, kết quả tự nhiên thành”. Lúc bấy giờ nếu có gã tài giỏi nào sau đầu có tròng mắt soi chiếu xưa nay, trong tay có kềm dùi cắt đứt hư không, mới thấy nói gì, bèn cùng bỗng nhiên trở ngược tay dừng

hỏi kia nói một hoa năm cành hãy tạm nắm bỏ một bên, còn làm sao sống là ngươi truyền pháp? Đợi kia mở miệng, bèn đẩy ngã thiền sàn, thì ngay như toàn cơ của Đạt-ma cũng ngã lùi ba ngàn dặm, khỏi thấy dưới của ngàn xưa phụ lụy đến cháu con. Hoa nghierõ ràng ngày nay đâu có thể nhọc vậy, chẳng chỉ chỉnh đốn giềng mối suy đồi, lại cần cùng các người rửa thối khuất". Sư bèn nắm cây gậy đè ngang, và kêu đại chúng mà bảo: "Đại sư Đạt-ma hướng đến nơi nào đi?" Rồi Sư ném cây gậy và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: "Trên hội Linh sơn kêu làm niêm hoa, trước núi Thiếu thất gọi là được phân tủy. Từ trên, các bậc Cổ đức chỉ có thể bàng quan, Tông sư trong cuối đời thảy đều khoanh tay. Ngày nay Hoa nghiêm thì không thể đuổi sóng theo gợn, phỏng hướng trước núi cao muôn nhận chấm ra sắc xuân khắp trời. Có hiểu chăng? Đầu lâu không mừng biết cây khô có rồng ngâm".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÍ Ở ĐẠI HỒNG

1. Thiền sư Xu ở Thiên chương.

Thiền sư Xu ở Thiên chương tại Việt châu. Có lúc lên giảng đường, Sư kêu đại chúng và bảo: "Ngày xuân sắp đến năm cũ đã tàn, nghĩ lường xưa đi nay lại, chỉ là cái ban điều độ. Ngưng tròng mắt gia phong ngày xưa, đặt chân đường nguy hiểm thời cũ, khuyên ông thôi chớ lỗ mãng, lông mày trên nháy mắt phải dâng cử lấy, thôn Đông vương lão cười ha ha, đạo này người nay bỏ như đất".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUYÊN Ở CAM LỒ

1. Thiền sư Ni Văn Chiếu ở Diệu trạm.

Thiền sư Ni Văn Chiếu ở chùa Diệu trạm tại phủ Bình giang, vốn người xứ Ôn lăng. Có lúc lên giảng đường, Ni Sư bảo: "Nguồn linh chẳng động, diệu thể sao nương, rành rành sáng lẽ là sắc thái của ai? Nếu nói thực tế chân như, rất tợ thịt đẹp mổ thành vết sẹo, lại nói là ý Tổ thương lượng, chánh là lầm mê đầu nhận ảnh. Lão Hồ suốt bốn mươi chín năm nói mộng tức tạm dừng, trong nhà Tăng, Thượng tọa Kiều Trần Như vì các người khắp biết đến. Lại có ghi nhớ được chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tiếc lấy lông mày đẹp".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CƯ Ở THỤY NHAM

1. Thiền sư Xử U ở Vạn niên.

Thiền sư Xử U ở Vạn niên tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường,

Sư bảo: “Nơi các tiên Thánh đi chưa đến, hàng phàm lưu vừa đến. Nơi hàng phàm lưu đã đến, các tiên Thánh chẳng biết đến cùng chẳng đến. Biết cùng không biết đều đặt để một vách tường, chỉ như có vị Tăng hỏi Càn Minh: “Các Bạt-già-phạm ở mười phương một đường đồng đến cửa Niết-bàn, chưa xét rõ đầu đường tại xứ nào?” Càn Phong nắm cây gậy họa vẽ một đường và bảo: “Tại trong ấy”. Hãy nói lão đây cùng tiên Thánh và phàm lưu kia cách nhau bao nhiêu? Nam sơn hổ gặm dê đá con, phải hướng trong đó biết sống chết”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHẠC Ở TỊNH NHÂN

1. Thiền sư Thể Thuần ở Cổ sơn.

Thiền sư Thể Thuần - Thiền Giám ở Cổ sơn tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Do nền tảng cung tên chẳng bắn ếch ruộng mặc lưới tơ họ cần ném vào bể biển, phát ra thì xuyên dương phá đích, cần dài đâu câu nước cạn, mà nay chẳng có nuốt câu cắn móc chăng? Nếu không, sơn Tăng cuộn lấy lưới tơ, kéo bẻ cung tên đi vậy”. Xong, Sư ném cây gậy và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ Ở KIM SƠN

1. Thiền sư Giác Nhiên ở Báo ân.

Thiền sư Giác Nhiên - Bảo Nguyệt ở Báo ân tại Thường châu, vốn người dòng họ Trịnh ở Việt châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người học vô sự không lời phải cầu diệu ngộ, bỏ diệu ngộ mà phụng sự không lời, ấy còn là đuổi theo mùi vậy. Tuy là như vậy, nhưng ít gặp khách xỏ lỗ mũi, mà phần nhiều gặp người khắc dấu nơi mạn thuyền”. Một ngày nọ bỗng nhiên Sư bảo đại chúng rằng: “Duyên trần dễ nhiễm, đại nghiệp khó thành. Các người hãy nên cố gắng đó”. Nói xong, Sư bèn thị tịch.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 18
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 19

MỤC LỤC

Đời thứ mười bốn, sau đời Thiền sư Đại giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiện Bản ở Phán vân, có sáu mươi chín vị:

63. Hòa thượng Uẩn Cơ
64. Hòa thượng Đàm Tuệ
65. Thiền sư Khiêm ở Diêm quan
66. Thiền sư Giám ở Thọ Thánh
67. Thiền sư Tùng ở Tiêu sơn
68. Thiền sư Thuần ở Sùng đức
69. Thiền sư Giao ở La-hán (bốn mươi chín không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiện Ninh ở Kim sơn, có mười ba vị:
1. Thiền sư Tri Tướng ở Thiền duyệt
2. Thiền sư Đạo Tề ở Lộc uyển
3. Thiền sư Tử Thuần ở Phổ tế
4. Thiền sư Dụng An ở Hòa sơn (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Hữu Lân ở Tiên cư
6. Thiền sư Thủ Đàm ở Siêu hóa
7. Thiền sư Phật Nhật ở Kim sơn
8. Thiền sư Tuệ Sơ ở Tiên nghiễm
9. Thiền sư Đạo Tư ở Tây dư
10. Thiền sư Đạo Bản ở Quảng giáo
11. Thiền sư Giản Tài ở Thái bình
12. Thiền sư Đạo Cương ở Thắng giáp
13. Thiền sư Đạo Tài ở Hồng phước (chín vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hy Tổ ở quảng linh, có ba vị:
1. Thiền sư Quảng Viên ở Ô long
2. Thiền sư Hoài Nghĩa ở Tiên nham
3. Thiền sư Trí Thành ở khê (ba vị có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nham - Viên Trừng ở Tư thọ, có hai vị:
1. Thiền sư Tung ở Bành pháp (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Công Viễn ở Bảo sơn (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tu Ngung ở Đầu tử, có sáu vị:
1. Thiền sư Quán ở Tư thọ
2. Thiền sư Giang ở Bạch mã

3. Thiền sư Trí Nguyệt ở Hương nghiêm
4. Thừa tướng Phú Ngạn Quốc (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Pháp Thông ở Văn thù
6. Thiền sư Minh Đàm ở Tư thọ (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bạch ở Phật quốc, có mười bốn vị:

1. Thiền sư Duy Trọng ở Kim sơn
2. Thiền sư Vĩnh Nhân ở Càn minh
3. Thiền sư Thiệu Tiên ở Trí giả
4. Thiền sư Sùng Khải ở Thắng nhân
5. Thiền sư Trọng Dị ở Phước Thánh
6. Thiền sư Tuệ Hải ở Tuệ lâm
7. Thiền sư Nguyên ở Kiến long (bảy vị có ghi lục)
8. Thiền sư Pháp Tối ở Phổ chiếu
9. Thiền sư Tu ở Thiên ninh
10. Thiền sư Phổ Kiền ở Tuệ tế
11. Thiền sư Toàn Quả ở Nhị tổ
12. Thiền sư Ngộ ở La-hán
13. Thiền sư Sách ở Tam tổ
14. Thiền sư Nghiêu ở Quảng giáo (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông Dị ở Trường lô, có chín vị:

1. Thiền sư Quỳnh ở Hồng tế
2. Thiền sư Chiếu ở Bắc kinh
3. Thiền sư Trí Chương ở Huyền sa
4. Thiền sư Duy Nhất ở Tịnh từ
5. Thiền sư Thiện Khâm ở Tương sơn
6. Thiền sư Đạo Như ở Bản giác
7. Thiền sư Tử Thâm ở thiên ninh
8. Thiền sư Diên ở Thụy phong
9. Hòa thượng Tăng Nhẫn (chín vị không ghi lục)

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THIỆN BẢN Ở PHÁP VÂN

1. Thiền sư Sở Minh ở Tịnh từ.

Thiền sư Sở Minh - Bảo ấn ở Tịnh từ tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Trương ở Bách ngạc. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm ấn của Tổ sư chẳng dài chẳng ngắn, chẳng vuông chẳng tròn, chẳng trong chẳng ngoài, cũng chẳng phải trung gian. tạm hỏi cùng đại chúng quyết định hình dung tướng mạo ấy như thế nào?" Sư nắm lấy cây gậy tiếp bảo: "Có thấy chăng? Triện xưa chẳng thành văn, lụa bay khó đồng thể. Từ gốc tự rõ ràng, sao phải lại đặt đất". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ra cửa thấy núi nước, vào cửa thấy điện Phật, linh quang thông khắp cùng. Các người sao chẳng tiến? Nếu chẳng tiến, ngày nay Tịnh từ chẳng trước tiện". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ sư nói: "Tôi vốn đến xứ này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở nằm cành, kết quả tự nhiên thành. Tịnh từ bấy giờ nếu thấy nói gì, hẳn dùng cây gậy sơn đen đánh một gậy giết chết, đem chôn vùi nơi đất không âm dương, khiến kia ra hơi không được. Cớ sao nhẫn chịu kia lừa dối người nước Đường chúng ta vậy? Trong chúng chớ có vì Tổ sư mà ra hơi chăng? Ra thì sẽ cùng ấy đồng một lúc chôn vùi đi vậy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu luận bàn việc này như rải bày tiền báu đổ đống vàng ngọc, kẻ mê mờ chính mình tự cam chịu khốn cùng, người có mắt sáng đưa thư tay lại nắm lấy. Do đó nói: "Cõi Diêm-phù vật báu lớn thấy ít được lại hiếm, như người đem dâng hiến ta một bữa ăn lúc thành Phật". Sư mới nắm cây gậy, tiếp bảo: "Như nay một lúc trìnhtwj, mời khắp cả đại chúng dán cao mắt". Xong, Sư bèn ném cây gậy và xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Đạo Hòa ở Trường lô.

Thiền sư Đạo Hòa ở Trường lô, vốn người dòng họ Phan ở hưng hóa. Có vị Tăng hỏi: "Thánh hội Vô-già lại có người chẳng đến chăng?" Sư đáp: "Có". Lại hỏi: "Ai là người chẳng đến?" Sư đáp: "Sắt Côn lôn dưới chân Kim cang". Lại hỏi: "Chẳng hứa đi đêm, sáng ngày phải đến, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Xe con đầu dê đẩy trăng sáng". Lại hỏi: "tiện lúc nào đi thì như thế nào?" Sư đáp: "Thiết môn đường nguy hiểm". Lại hỏi: "Lúc một dùi hai bên phải nhận lấy thì thế nào?" Sư đáp: "Đạp ngó sen được cá về". Lại hỏi: "Riêng truyền ngoài giáo điển, chưa xét rõ là truyền cái gì?" Sư đáp: "Đạn sắt". Lại hỏi: "Lúc trăm thành đi bãi thì thế nào?" Sư đáp: "Trước đầu lại có ải Triệu Châu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một hai ba bốn năm sáu, Hồ Tăng mắt biếc số chẳng đủ, trâu đất vào biển qua Tân-la, ngựa gỗ đuổi gió

đến Thiên trúc. Thiên trúc mênh mông tìm xứ nào. Trên núi Bổ-đà hỏi Quán Âm, Phổ Hiền vỗ tay cười ha ha. Về đi lại chừ nước thu sâu".

3. Thiền sư Tư Tuệ ở Tuyết phong.

Thiền sư Tư Tuệ - Diệu Trạm ở Tuyết phong ở Phước châu, vốn người dòng họ Du ở Tiền đường. Có vị Tăng hỏi: "Lúc nơi điện xưa không có đèn thì thế nào?" Sư đáp: "Vách tường đông đánh vách tường tây". Lại hỏi: "Thế nào khua nhằm Lộ trụ?" Sư đáp: "Chưa dám hứa cùng". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một pháp nếu thông, muôn duyên mới thấu". Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: "Trong ấy mà ngộ được, nâng dây cây gậy đi ngang trên biển. Nếu đến đầu núi Vân cư cùng ta truyền lời Hòa thượng Vân Phong. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bủa giềng lưới Đại giáo vớt bắt cá trời người, hộ Thánh chẳng tợ lão Hồ, kéo đất mang nước, chỉ là thấy thỏ thả chim săn, gặp chương bắn mũi tên". Và Sư mới lớn tiếng gọi đại chúng: "Trúng!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày xưa Dược Sơn sớm chiều chẳng tham trải qua cả tháng. Một ngày nọ đại chúng mới nhóm tập, Dược Sơn bèn trở về phương trượng. Chư Thiền đức! Lúc ấy Phật pháp đã tự mỏng đạt, luận lại còn sánh chút ít, đến nay mỗi ngày gióng trống lên giảng đường, lo lắng xót xa, người hỏi miệng tợ như se tơ đánh sợi, người đáp lưỡi tợ như sấm sét. Tất cả tợ như ngày nay tuệ mạng Linh sơn gần như treo sợi tơ, gia phong Thiếu thất nguy như xâu trứng. Lại an được cái bùi ngùi nạp Tăng có chí dựng Tông thừa, ra lại hét tan đại chúng. Chẳng chỉ bên tai lắng rõ, hẳn khiến chánh pháp cửu trụ, há chẳng lớn thay! Nếu như trên đầu gậy chẳng thành rồng, sơn Tăng thực hành ngược lệnh ấy". Xong, Sư nắm cây gậy đồng một lúc đuổi tan. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lông mi giăng ngang bày mười phương, lông mày trên thấu trời xanh dưới suốt suối vàng. Hãy nói lỗ mũi ở nơi nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đỉnh núi diệu cao, mây biển mênh mông, trước hang Thiếu thất tuyết sương rét lạnh, ngang eo đứng đợi, nhọc tự khổ mình, giày lẽ về tây, xa lại càng xa". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại đạo chỉ tại trước mắt, cốt lõi trước mắt khó thấy, muốn biết chân thể Đại đạo, sáng nay mười lăm (15) tháng ba. Chẳng nhọc đứng lâu". Ngày đổi niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, lên giảng đường, Sư bảo: "Đức lớn của đất trời gọi là sinh, báu lớn của Thánh nhân gọi là vị. Nay Hoàng đế mới lên ngôi báu, muôn nước đều quay về lòng nhân, cỏ cây đều được đượm nhuần đức ấy, đây còn là việc bên cạnh, Thánh chúa ứng thế. Một câu nơi Vương cung

giáng đản trở về trước, người trong thiên hạ phỏng đòi chẳng nhầm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tất cả pháp không sai, bánh hồ Vân Môn, trà Triệu Châu, trong lầu Hoàng Hạc thổi sáo ngọc, Giang thành tháng năm (05) hoa mai rơi, hổ thẹn Thái nguyên Thượng tọa Phu. Canh năm nghe trống giác, trời sáng đùa Tỳ-bà". Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nam tuân cácbạn đạp phá giày cỏ, học hết vô vi ngồi tiêu nhật nguyệt, phàm tình dễ thoát, Thánh giải khó quên, chỉ có mảy may đều thành rò rỉ, trong ấy có thể làm đạo tợ đất chống núi. Ứng vật hiện hình như lừa trông nhìn đáy giếng, giả sử không lường tính đường vết đã thành, nếu luận về tương ứng chuyển đấm giao thiệp. Khuyên cùng các Nhân giả, chớ sai lầm dụng tâm, mỗi tự về nhà, lại tìm cầu việc gì?".

4. Thiền sư Quả Xướng ở Bảo lâm.

Thiền sư Quả Xướng ở Bảo lâm tại Vụ châu, vốn người dòng họ Thời ở An châu. Sư cùng Đề hình Dương Công Thứ vào núi, đồng đi núi lần lượt, Dương nêu lên Đại sĩ ăm cơm đá mà hỏi: "Đã là cơm đá, vì sao cắn chẳng mẻ?" Sư đáp: "Chỉ vì quá cứng". Lại nói: "Còn can thiệp phồn từ". Sư bảo: "Chưa xét rõ Đề hình làm sao sống?" Dương nói: "Cứng". Sư bảo: "cũng lá vầng trăng thứ hai". Dương vì ghi tả bảy Đức Phật trên ngạch điện, mới hỏi: "Lúc bảy Đức Phật xuất hiện lại nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Một hồi cùng gặp, một hồi mới". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một tức một, hai tức hai, gọi nhầm ngay là không mùi hương". Bỗng nhiên Sư nắm cây gậy gõ một cái, tiếp bảo: "Biết được sơn Tăng cành lan lật, chớ hướng Nam sơn tìm lỗ mũi ba ba".

5. Thiền sư Chí Tuyền ở Tuyết phong.

Thiền sư Chí Tuyền - Tổ Đăng ở Vân phong tại Đàm châu, vốn người dòng họ Trần ở Nam việt. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thôi đi, nghỉ đi, một niệm muôn năm đi, tro lạnh cây khô đi, miếu cổ là hương đi, một điều lụa nỏn đi. Đại chúng, nơi người xưa thấy, như mặt nhật phát sáng giữa không trung, chẳng dính hai bên đâu lạc vào âm giới, đáng thương con cháu đời sau, phần nhiều làm một màu sắc bên cạnh hợp. Sơn Tăng tức không như vậy, chẳng thôi đi chẳng nghỉ đi, nghiệp thức một mờ đi, bảy điên tám đảo đi. Đầu đường ngả tư ồn náo mênh mông, trong sắc nằm ngồi đi, ba nhà trong thôn đầy bít đường cái, trong đường gai góc vui đùa đi, núi dao cây kiếm mổ ruột moi tim, vạc sôi lò than da xuyên cốt nát đi, cử xướng như vậy rất tợ trẻ con ba tuổi trục cầu lụa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hết thảy âm là âm Phật, bôi thoa trống độc vào thấu trong lỗ tai, hết thảy hình sắc

là hình sắc Phật, sắt tật lê xuyên qua trong tròng mắt. Khéo việc chẳng như không". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khắp càn khôn đại địa là cái vòng sắt nóng. Các người hướng đến nơi nào xuống miệng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nuốt chẳng tiến tới, nhả chẳng ra". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trúc gầy tùng cao giọt hương biếc, dòng gió trăng thông qua mát nóng, chẳng biết ai ở chùa Nguyên tây, mỗi ngày khua chuông đưa chiều tà". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trên đầu sắc ngủ say, trong đàn hổ lang tọa thiền, giữa rừng gai góc vụt thân, trong rừng tuyết nhận đùa vui, ảnh trúc quét lay bụi chẳng đông, trăng xuyên đáy đầm nước không sẹo". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải gió động, chẳng phải phướng động, nạp Tăng mất đi lỗ mũi. Là gió đông, là phướng động, rõ ràng là cái thùng sơn, hai chẳng đồng, mắt mò tai điếc, nước khe tợ ngọc lam, hoa núi tợ lửa hồng". Lại có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đắp nhằm đầu trán, mẻ nhằm lỗ mũi". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Lừa, lạc đà, ngựa chở". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Sáng đến trời tây, chiều về đất đường". Lại nói: "Cảm tạ Sư đã giải đáp câu thoại". Sư bảo: "Đại thừa nghiền nát chán đời". Vị Tăng ấy đi lui, Sư mới bảo: "Có vị Tăng hỏi đại ý từ Tây vức lại, đắp nhằm đầu trán, nghiền nhằm lỗ mũi, ý chỉ lại như thế nào? Lừa, lạc đà và ngựa chở, sáng đến trời tây, chiều về đường, Đại thừa vừa tợ nghiền nát chán đời. Cớ sao chẳng lường đại nhân đầy đủ lời trong mạch chuyển nguy?" Xong, Sư bèn vỗ tay, cười lớn và xuống khỏi tòa. Có vị Tăng hỏi: "Đan hà thiêu đốt Phật gỗ, viện chủ vì gì mày râu đến rơi rụng?" Sư đáp: "Một người truyền hư muôn người truyền thật". Lại hỏi: "Thế nào thì chẳng rơi lạc?" Sư đáp: "Hai lớp công án". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu, đặt bày thỉnh hỏi điều lợi ích?" Sư đáp: "Quân viên kiền cát trên đầu cắm bút". Lại hỏi: Đức Sơn hễ ai vào cửa liền đánh, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Bỏ gậy sửa trị dân". Lại hỏi: "Lâm Tế hễ ai vào cửa liền quát hét, lại làm sao sống?" Sư đáp: "Chẳng nói mà cảm hóa". Lại hỏi: "Chưa xét rõ Hòa thượng làm sao vì người?" Sư đáp: "Một dao hai ". Lại hỏi: "Thạch môn không vá, xin Sư một lần mở?" Sư bảo: "Tiến tới trước ba bước". Lại hỏi: "Hướng thượng không cửa xin Sư một lần đóng?" Sư bảo: "Lùi sau một tầm". Lại hỏi: "Chẳng mở chẳng đóng lại làm sao sống?" Sư đáp: "Hồng, hồng". Và bèn đánh.

6. Thiền sư Thường Ngộ ở Tuệ lâm.

Thiền sư Thường Ngộ ở Tuệ lâm tại Đông kinh. Có vị Tăng hỏi:

"Nếu chẳng truyền pháp độ chúng sinh, khắp thế gian không do đâu báo ân. Chưa xét rõ truyền cái pháp gì?" Sư đáp: ""Mở Tông minh nghĩa" chương thứ nhất". Lại hỏi: "Lúc Tổ sư Đạt-ma chưa đến thì như thế nào?" Sư đáp: "Xét biết được tiền giày cỏ". Lại hỏi: "Sau khi đã đến thì như thế nào?" Sư đáp: "Lắm lớp ải đường núi".

7. Thiền sư Hữu Quy ở Đạo tràng.

Thiền sư Hữu Quy ở Đạo tràng tại An cát châu, vốn người dòng họ Khương ở Vụ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy vàbảo: "Có thấy chăng? Cùng các huyền biện, nếu một mảy lông đặt để giữa Thái hư, then chốt hết đời, tợ như một giọt nước rơi vào hác lớn. Đức Sơn lão nhân tuy có thiêu đốt sớ sao ấy, cũng là sau khi giặc qua mới trương cung tên. Hãy nói từ khi văn thể chưa rõ bày trở về trước lại làm sao sinh lý luận. ba ngàn kiếm khách ngày nay ở tại đâu? Riêng hứa trang đồng đến thái bình lên giảng đường, trồng ruộng bác phạn, gia phong địa tạng, khách lại uống trà Triệu Châu lễ độ. Hãy nói môn hạ hộ Thánh riêng có nơi sinh trưởng chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tâm thường chẳng phóng núi suối ra, đát nhà ao trong ngâm chiếu người". Hóa Sĩ hỏi: "Thúc giục chỉnh trang đã xong, xin Sư một lời chỉ bảo?" Sư bảo: "Khéo xem việc trước đường, chớ sánh lúc ở nhà". Lại hỏi: "Thế nào là ba nhà trong thôn, đầu ngả tư đường cái ngang bằng mỗi người đi?" Sư đáp: "Soi chiếu lại đánh mất đãy vải".

8. Thiền sư Khả Phục ở Diên khánh.

Thiền sư Khả Phục ở Diên khánh tại Triệu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hồ lại Hồ hiện, Hán lại Hán hiện. Bỗng nhiên lúc Hồ Hán đồng lại, làm sao cầu chuẩn?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ráng rơi cùng phóng lẽ ngang gió, nước thu cùng khoảng trời một sắc. Tham". Lại có lúc lên giảng đường, bỗng nhiên Sư nắm cây gậy đè ngang trên đầu gối và bảo: "Khổ đau lắm! Khổ đau lắm! Đầm biếc muôn ngàn trượng, cái nào là tri âm?" Xong, Sư đánh xuống một cái và xuống khỏi tòa.

9. Thiền sư Tuệ Nhan ở Đạo tràng.

Thiền sư Tuệ Nhan ở Đạo tràng tại An cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đức Thế Tôn đè ngón tay, Hải ấn phát sáng". Xong, Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: "Chớ vọng tưởng". Rời xuống khỏi tòa.

10. Thiền sư Tông Đạt ở Song phong.

Thiền sư Tông Đạt - Phổ Tịch - Phật Hải ở Song phong tại Ôn châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Vĩnh gia?" Sư đáp: "Núi Hoa cái". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Một đêm ngủ

tỉnh giấc”. Có lúc lên giảng đường, đại chúng đã nhóm tập ổn định, Sư hét một tiếng rồi bảo: “Oan có đầu, trái có chủ. Trân trọng”.

11. Thiền sư Tử Kỳ ở Ngũ phong.

Thiền sư Tử Kỳ ở Ngũ phong tại Việt châu. Có vị Tăng hỏi: “Người học từ trước đến đây, xin Sư rủ lòng chỉ bày?” Sư đáp: “Hoa nở ngàn đóa đẹp”. Lại hỏi: “Người học không hiểu?” Sư đáp: “Sau cơn mưa muôn núi xanh”. Lại nói: “Cảm ân Sư chỉ dạy”. Sư bảo: “Ông làm sao sống hiểu?” Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: “Chưa nhằm”. Vị Tăng ấy lại hét. Sư bảo: “Một tiếng hét, hai tiếng hét, sau làm sao sống?” Vị Tăng ấy đáp: “Cũng biết Hòa thượng có cơ yếu ấy”. Sư hỏi: “Vừa rồi nói cái gì?” Vị Tăng ấy im lặng không đối đáp, Sư bèn hét.

12. Thiền sư Đạo Tín ở Vân môn.

Thiền sư Đạo Tín ở Vân môn - Thiều sơn tại Tây kinh. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Ngàn năm mộ cổ, ngày nay rắn mọc sừng”. Lại hỏi: “Chẳng tiện là gia phong của Hòa thượng không?” Sư đáp: “Bởi lường thì tan thân mất mạng”. Lại hỏi: “Thế nào là chính mình của người học?” Sư đáp: “Không người biết đó”. Lại hỏi: “Thế nào là được thoát mới đi?” Sư đáp: “Ông hỏi ta đáp”.

13. Giảng sư Tùng Giáng ở Thiên trúc.

Giảng sư Tùng Giáng - Từ Biện ở Thiên trúc trên phủ Lâm an, vốn người xứ Tùng dương - Xử chi. Là bậc có đủ sự thấy biết lớn, tiếng tăm vang khắp các giarng tịch. Với luận chỉ quán rất được khế ngộ, thường cùng các thiên nạp vân du. Sư từng đem đạo lực đến gõ hỏi Đại thông, một ngày nọ, Đại Thông gởi đến một phong thư, Sư mở xem thấy hai vòng tướng đen trắng mới tỏ ngộ, bèn làm kệ đáp rằng:

“Tướng đen tướng trắng mang gông qua trạng,
Rõ chẳng rõ chừ không gió nổi sóng.
Nếu hỏi biệc rốt cùng như thế nào,
Thì núi Động đình tại trên Thái hồ”.

14. Thiền sư Tư Tu ở Thừa thiên.

Thiền sư Tư Tu ở Thừa thiên tại Việt châu, vốn người dòng họ Hoàng ở Đơn châu. Sư thọ học ở chùa Thường hưng tại Đông kinh, rất thông suốt ba tạng kinh luật luận, hành trì rất tinh nghiêm. Sư đến dự tham dưới lời chỉ dạy của Thiền sư Trí Thông mà khế ngộ, bèn đến ở Thừa thiên. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Nếu luận bàn việc này, hiểu đó thì là thần kính đó thì linh, quán xét đó thì mất tợ lông mày, nghe đó thì trâu đất gầm hét, nói đó thì đó lụa buộc đầu lưỡi, người đó

thì bít lấp lỗ mũi, xúc chạm đó thì một gậy thành vết sẹo, nghĩ ngợi đó thì châm mổ chẳng vào. Ngay nơi khoảng ấy thì gọi đó là nơi trí chẳng đến, nơi đường tâm dứt tuyệt, cũng gọi đó là nơi an lạc của người vô sự. Ngay như ngàn Thánh xuất hiện hưng hóa, như Tổ đương đầu nói cũng chẳng nhằm. Ngày xưa, Cư sĩ Tịnh Danh đối trước chư vị Bồ-tát từng bày cái tin tức ấy, tiếp đến có Đại sư Đạt-ma ở nơi trước núi Thiếu thất vì chúng giảng nói pháp chín năm, chỉ có Nhị tổ thân gần được nghe, từ đó trở về sau dòng pháp lưu truyền các cõi. Ngày nay Thừa thiên hướng đến biết trước có người cũng có cái nơi nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Thấy chăng? Ngàn mùi vị giao la rõ ý Tổ, dưới một lời báo đáp ân sâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: "Thấy chăng? Sáng rõ như gương, ngang bằng như cân, ba mươi ba vị Tổ đích thân thực hành lệnh này, người có mắt sáng hãy biện lấy". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái.

15. Thiền sư Pháp Yến ở Ngô giang.

Thiền sư Pháp Yến ở Thánh thọ - Ngô giang tại Tô châu. Có vị Tăng hỏi: "Với ý Tổ sư từ Tây vức lại tức chẳng hỏi, còn việc ngày nay khai đường giảng pháp thì thế nào?" Sư đáp: "Mây mọc nơi núi biếc". Lại hỏi: "Người học chẳng hiểu?" Sư bảo: "Trăng rơi đầm lạnh". Và Sư mới bảo: "Đầu núi sóng nổi, đáy nước bụi bay, kết quả hoa đốm hư không sinh con Thạch nữ. Đến nay tức chẳng là gì. Ba năm một lần nhuần, tháng chín tiết trùng dương, mùa dông ngày ngắn, mùa xuân dần dài, lạnh tức hướng đến lửa, nóng tức tìm lấy mát". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Hãy nói Phật pháp tại nơi nào? Chẳng lìa đương xứ thường trong lắng, tìm tức biết ông chẳng thể thấy". Xong, Sư bèn hét một tiếng.

16. Thiền sư Bảo Nguyệt ở Tư phước.

Thiền sư Bảo Nguyệt - Pháp Minh ở Tư phước tại Trịnh châu. Nhân lúc tắm Phật thăng tòa, có vị Tăng hỏi: "Pháp thân tịnh, diệu ứng vô phương, vì gì dùng nước hương thơm ấm nóng tắm Phật?" Sư đáp: "Ngày nay tức là mồng tám tháng tư". Lại hỏi: "Đã là Vô cấu thì tắm cái gì?" Sư bảo: "Chẳng nhân vào nước, sao thấy người dài". Lại hỏi: "Bỗng nhiên nếu khua nhằm Vân Môn, Lão Tử lại làm sao sống?" Sư đáp: "Khoái bèn khó gặp". Và Sư liền đánh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tư phước riêng không chỗ bổ ích, năm ngày một lần tham đánh trống, nào từng nói diệu đàm huyền chỉ là lời thô nói thẳng. Cam thảo tự lại ngọt, hoàng liên như cũ đắng, bỗng như lỗ mũi da trời, gặp người rất kỵ nhầm nêu cử". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió cây trăng bãi đều có thể truyền tâm, khói đảo mây rừng đều dẫn lên

diệu chỉ, hiện thành công án chẳng thể nghĩ lường. Lại nói mắt biếc từ Tây vức lại riêng truyền trực chỉ, rất tợ đất bằng nổi sóng, mà nay lại có cùng ủy thác gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Thạch đầu lớn nhỏ liền mây biếc, cối ngắn tùng dài mang móc xanh". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Sư lại bảo: "Nếu cũng được rễ đâu tại ngàn cành chặt khắp, nếu cũng được huyệt, chẳng gá sáu phân toàn đốt". Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái và bảo: "Cái ấy là rễ, cái nào là huyệt?" Sư lại hét một tiếng và bảo: "Là nói gì ư?".

17. Thiền sư Tuệ Thông ở Thiên y.

Thiền sư Tuệ Thông ở chùa Thiên y tại Việt châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc sư tử chưa ra khỏi hang thì như thế nào?" Sư đáp: "Giấu nanh che vuốt". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi hang thì như thế nào?" Sư đáp: "Đàn cáo lẩng vết". Lại hỏi: "Thế nào là trong hang cát xanh oai phong bày, trước núi tầng vọng nẩy mầm dưa?" Sư bảo: "Ông thử gầm gừ xem?" Lại nói: "Buông qua một trứ". Sư bảo: "Nhả chẳng ra". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: Tùng xanh ngả ảnh rủ đường sâu". Lại hỏi: "Người học chẳng hiểu?" Sư đáp: "trúc biếc tiếng lạnh cặp loạn dòng". Lại nói: "Người học từ nay không còn nghi". Sư bảo: "Hãy thư thả". Và Sư mới bảo: "Đãy dùi đã bày, chẳng khỏi mang dnkéo đất". Sư lại ngoảy nhìn đại chúng, tiếp bảo: "Có gì? Nhưng tâm ấn Tổ sư ngay đó viên thành. Nghĩ gì hiểu được phần ít tương ưng. Nếu dùng lời giải để chứng lấy thì nhọc tự mệt mỏi. Vội rong ngôn từ bén nhọn muốn tiếp nối Tông thừa, ắt là không có. Chỉ như một câu Đạt-ma chưa đến, làm sao sống? Nói. Lại có người nói được chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đêm qua canh ba trâu sắt chạy, Thạch nữ bên khe hét bèn về". Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Tiếng chuông một lần khua vang động Cao phong, đuốc ngọc phát sáng chiếu khắp Đại thiên, Bồ-tát Quán Thế Âm đến trong ấy không nơi ẩn giấu thân". Sư lại hỏi: "Vì sao như thế? Bờ núi Thiết vi lại quá ba ngàn".

18. Thiền sư Tề Nguyệt ở Thiên Thánh.

Thiền sư Tề Nguyệt ở Thiên Thánh tại Hồ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Đất Hồ mùa đông tre măng mọc". Lại hỏi: "Xin Sư chỉ dạy lại". Sư bảo: "Đại ý từ Tây vức lại làm sao sống?" Vị Tăng ấy vỗ tay một cái. Sư bảo: "Sớm làm loạn thống". Vị Tăng ấy lễ bái, Sư bè nđánh. Lại hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai? Tông phong ấy, ai người nối dõi?" Sư đáp: "Cá lội nước đục". Lại hỏi: "Thế nào là một mũi tên Tịnh từ bắn thẳng đến Thúy phong?' Sư đáp: "Quả là Thiên môn tỉnh lại năm điềm". Lại nói:

"Nghiệm người nói đích xác, mở lời bèn tri âm". Sư bảo: "Mặc tình phỏng đời". Và Sư mới bảo: "tâm ấn Tổ sư chóng thoát căn trần, diệu thể chẳng hình, không vậy lường đạt. Nếu là tâm còn hiểu biết, thức trệ bởi thấy nghe. Huy Du của Tổ sư làm sao đạt đến. Ngày nay ngay phải một niệm tình hết, trong ngoài thấy mất, đại trí tròn sóng mới có thể suốt hiểu, bèn mới tùy cơ ứng dụng, tốt xấu đồng xét xem. Xúc chạm đều cừ, lại không lý khác. Núi sông cử xướng, ai là tri âm? Nước chim đàm chân, ai người khéo nghe? Tuy là như vậy, nhưng người biết mới biết. Lại như mắt tâm chưa mở, rất kỵ nương hư tiếp hưởng". Xong, sư nắm cây gậy đánh xuống một cái.

19. Thiền sư Hy Cổ ở Viên minh.

Thiền sư Hy Cổ ở Viên minh tại Nghi chương, Liễu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trời đất không bốn vách tường, nhật nguyệt không có bốn mùa, nắng đi lạnh lại, gió yên sóng lắng, trời đất xưa nay, núi sông xưa nay, tình lẫn vô tình đều nương nhờ ân lực, chẳng dùng Nam hỏi Tổ, Bắc thấy Văn Thù, Phật xưa trước miếu, lúc này tham xong. Thấy cái gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Cũng là mê mờ gặp Đạt-ma".

20. Thiền sư Văn Tuệ ở Lang sơn.

Thiền sư Văn Tuệ ở Lang sơn tại Thông châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc Hòa thượng chưa thấy gặp Tịnh từ thì như thế nào?" Sư đáp: "Trâu sắt mọc sừng". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy gặp thì như thế nào?" Sư đáp: "Ngựa đá mang thai". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Mây biển mọc nơi đỉnh núi". Lại hỏi: "Người học chẳng hiểu?" Sư đáp: "Nước sông Dương tử dâng phía đông".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THIỆN NINH Ở KIM SƠN

1. Thiền sư Tri Tướng ở Thiền duyệt.

Thiền sư Tri Tướng ở Thiền duyệt tại Tú châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoặc ở Thành hoàng hoặc ở núi, tùy duyên vô sư có liên quan. Có lúc lặng ngồi khiến người cười, đạo là lúc nhàn lại chẳng nhàn. Tạm hỏi cùng các người vì gì thành tức chẳng nhàn? Đại chúng có hiểu chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Hôm qua thu lệnh hết. Sáng nay ngày đầu đông".

2. Thiền sư Đạo Tề ở Lộc uyển.

Thiền sư Đạo Tề ở Lộc uyển tại Tú châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu bàn luận về việc này ngay đây không riêng vụt sáng

xưa nay, chẳng lìa đương xứ ứng hiện không khuyết thiếu. Lại thỏa thích ngôn từ bén nhọn nhọc phải nghiêng tai, sân cửa đánh nghiền ngàn sai muôn khác. Đến trong đó, lão tài Duy-ma cũng chỉ bàng quan, Đạt-ma chín năm trông nhìn tức hẳn có phần". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tham".

3. Thiền sư Tử Thuần ở Phổ tế.

Thiền sư Tử Thuần - Viên Tế ở Phổ tế tại Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: "Châu ngọc ma-ni người chẳng biết, trong Như Lai Tạng thân nhặt được. Vậy thế nào là châu?" Sư đáp: "Chẳng đánh tự chuyển". Lại hỏi: "Thế nào là Tạng?" Sư đáp: "Một cái đánh bèn chuyển". Lại hỏi: "Sau khi chuyển thì như thế nào?" Sư đáp: "Nắm chẳng dừng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mưa qua núi xanh, mây tan trăng tỏ, dải tuyết tùng lạnh gió lay bách sân. Sơn Tăng nói câu thoại gì, lại có ý của Tổ sư chăng? Nếu như chưa vạy". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Xem, xem".

4. Thiền sư Dụng An ở Hòa sơn.

Thiền sư Dụng An ở Hòa sơn tại Cát châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc hoa sen chưa ló khỏi mặt nước thì như thế nào?" Sư đáp: "Cá chen lấn ba ba núp tựa". Lại hỏi: "Sau khi đã ló khỏi mặt nước thì như thế nào?" Sư đáp: "Thủy tiên đội trên đầu, khéo tay dứt leo vin". Lại hỏi: "Lúc đã ló ra và chưa ló ra thì như thế nào?" Sư đáp: "Nên là đất trời tiếc chẳng dạy dễ dàng xem".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HY TỔ Ở QUẢNG LINH

1. Thiền sư Quảng Kiên ở Ô long.

Thiền sư Quảng Kiên ở núi Ô long tại Mục châu. Có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư mới bảo: "Minh châu tại lòng bàn tay người khác lại là hiếm, gương báu ngay đài người nào ủy thác, bén nhọn trước một đường cắt dứt các dòng, mở lời ngàn sai theo gợn đuổi sóng. Do đó nói: "Đầu gậy chứng lấy, dưới tiếng hét nhận lấy, khoảnh khắc phỏng bàn trong nước Tân-la, cử xướng như vậy khúc nhạc còn sơ cơ, nếu là hàng cao lưu mắt sáng thì chẳng ở khoét rùa đánh ngoái, trân trọng".

2. Thiền sư Hoài Nghĩa ở Tiên nham.

Thiền sư Hoài Nghĩa ở Tiên nham - Tấn vân tại Xử châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư bảo: "Tự khuất làm gì?" Lại hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Ngươi nói rồi". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì chăng?" Sư đáp: "Không". Lại hỏi: "Thế nào là nhỏ ra lớn gặp?" Sư đáp: "Chỉ sợ chẳng là gì?" Lại nói: "Phải". Sư bảo: "Tức nghĩ gì đi vậy".

3. Thiền sư Trí Thành ở khê.

Thiền sư Trí Thành ở Tây thiền - khê tại Mục châu. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Sân lạnh một lá ngô đồng rơi, khắp trời sắc thu, mây qua nhạn vài hàng, khắp đất tiếng lạnh, bỗng nhiên nêu được gió tây cửa trong mát nước đồng quê, mỗi mỗi bày móc vật vật toàn sáng hiện. Người có mắt sáng thấy tất cả, có tai nghe tất cả. Hãy nói Phật pháp tại xứ nào?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Ít nhiều đã rành rẽ”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHAM - VIÊN TRÙNG Ở TƯ THỌ

1. Thiền sư Tung ở Bành pháp.

Thiền sư Tung ở Bành pháp - Võ lăng tại Đảnh châu. Có vị Tăng cởi giày đội trên đầu đi ra. Sư bảo: “Triệu Châu hiện còn”. Vị Tăng ấy nắm giày bỏ xuống ra trình lại. Sư bảo: “Quả nhiên”. Vị Tăng ấy lại nâng giày trở về chúng. Sư bảo: “Còn so sánh chút ít”. Sư bèn nắm cây gậy lên và bảo: “Đi ngồi thường giữ gậy sừng thỏ, ứng dụng toàn bày tướng rồng hổ. Nhũ phong riêng hứa lão Thiều ném, đời sau thương lượng mấy bậc dạng. Có vuông tròn, có cứu giúp. Đánh nhằm trâu sắt theo gậy dậy, phải dạy chớ sợ dây muôn năm, họa đứt hai đầu thôi phỏng bàn, cũng chẳng lớn cũng chẳng nhỏ, chống đất nâng trời thường rực rỡ, nắm lại gõ hướng trước mọi người. Muôn trượng đất trời đồng một chiếu”. Xong, Sư gõ xuống một cái.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TU NGUNG - CHỨNG NGỘ Ở ĐẦU TỬ

1. Thiền sư Quán ở Tư thọ.

Thiền sư Quán ở Tư thọ tại Thọ châu. Có vị Tăng hỏi: “Triều tề đến pháp diên, xin Sư cử xướng?” Sư đáp: “Trúc biếc gió lay tùng lạnh tiêu trăng”. Lại hỏi: “Chỉ như từ Đức Phật oai âm vương trở về trước, lại làm sao sống?” Sư đáp: “Trâu sắt không sừng ngủ Thiếu thất, sinh con Thạch nữ lão Hoang Mai”. Lại nói: “Ba mươi năm sau, lời này hẳn thạnh lưu hành vậy”. Sư bảo: “Rất kỵ nhầm nêu cử”. Lại có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư bảo: “Tiện gì tan đi đã là dây leo, lại nâng lẩm nhẩm có ích gì?’ Xong, Sư nắm cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Giang ở Bạch mã.

Thiền sư Giang ở Bạch mã tại Tây kinh. Có vị Tăng hỏi: “Biết Sư từ lâu có cất chứa vật báu trong đãy, nay khai đường giảng pháp lược

mượn xem?” Sư đáp: “Chẳng tiếc, tiếc”. Lại hỏi: “Thế nào là chẳng tiếc?” Sư đáp: “Bán vàng phải là người mua vàng”. Và Sư mới bảo: “Nếu nói Phật nói Tổ, chưa dứt cội nguồn sinh tử. Ngay như chẳng lập mảy trần, cũng là tâm thường phụ vật. Dám hỏi cùng các người làm sao sống vừa hợp tốt lành đi?” Sư bèn nắm cây gậy lên và tiếp bảo: “Nhìn, nhìn cây gậy nuốt ngay hư không, hư không nào từng hay biết”.

3. Thiền sư Tri Nguyệt ở Hương nghiêm.

Thiền sư Tri Nguyệt ở Hương nghiêm tại Đặng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn đại chúng rồi bảo: “Khéo thay các Thiền đức, sương cuộn giữa trời, mây tan đồng trống, dưới đài Nữ lang nào khác trước núi Kê tức đầu bờ bốn hồ chẳng khác trên đường Tào Khê, ngư ông ca trên thuyền ngắn, chim oanh hót rừng kiều. Có đồng ngậm khói, hoa bãi khóc sương. Đại chúng lại lại có cùng ủy thác chăng?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Đầu đầu nơi duỗi bày, nhỏ nhiệm trông khéo sinh”. lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nhà tôi chứa của báu chẳng xem tiếc, xem mặt cùng bày người ít biết. Ngời xưa sáng nay lúc thể tròn, soi đất chiếu trời sáng rỡ rỡ. Ngọc đẹp hình sơn nào là quý, minh châu hợp phố sánh chẳng cùng. Nhờ hỏi ai người dám trả giá. Ba Tư lỗ mũi dài ba thước”. Xong, Sư hét một tiếng.

4. Thừa tướng Phú Ngạn Quốc.

Thừa tướng Cư sĩ Phú Bật tự là Ngạn Quốc là con cháu của Hiến Công Cảnh Lệ, chẳng bỏ đêm ngày dốc sức tấn đạo. Nghe Thiền sư Tu Ngung đang là tòa chủ pháp tịch đầu tử tiếng tăm vang khắp đất Hoài, Cư sĩ bèn đến cật hỏi điều nghi ngờ. Gặp lúc Thiền sư Tu Ngung đang vì chúng lên giảng tòa, thấy dung mạo trông nhìn như tượng vương xoay chuyển, Cư sĩ hơi có chút tâm đắc, bèn giữ lễ làm đệ tử, đi thẳng đến phương trượng bảo thị giả xin muốn được vào thất. Thiền sư Tu Ngung thấy vậy liền bảo: “Thừa tướng đã vào đến, Phú Bật còn ở ngoài”. Cư sĩ nghe thế toát mồ hôi ướt đẫm lưng mà liền đại ngộ. Sau đó viết kệ tụng gởi Thiền sư Bản - Viên Chiếu rằng: “Chỉ thấy Ngung Công ngộ vào sâu, đút lót truyền được tâm lão sư. Đông nam dối nói núi sông xa, đối mắt linh quang cùng diệu âm”. Về sau tấu trình phong đặt hiệu tặng Thiền sư Tu Ngung. Thiền sư Tu Ngung lên giảng đường, trong lời cảm tạ có nói rằng: “Kia một lần đến nhận lầm, ta cũng đem lầm nhận mà đến lầm nhận”. Cư sĩ bèn làm bài kệ tụng tán thán là: “Muôn núi ngàn hoa muốn tốt tươi, rồng nằm còn chưa ra bể cả, mây đỏ, móc sắt bày điềm tốt, như cũ Nam sơn một màu xanh”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DUY BẠCH Ở PHẬT QUỐC

1. Thiền sư Duy Trọng ở Kim sơn.

Thiền sư Duy Trọng - Phật Giám ở Kim sơn tại Nhuận châu, vốn là người xứ Đinh châu. Sư sớm viên thành giới phẩm, vân du đến Lô sơn, Hoài chế tham vấn các Tông sư. Lúc đến Quy sơn thì Thiền sư Duy Bạch đang ở tại đó. Sư vào thất, nghe nêu cử câu thoại nhân duyên cây bách trước sân, ngay lời nói ấy mà được khế ngộ. Lúc ra hoằng hóa, Sư đến ở Huệ quả tại Tư châu. Sau đó không lâu, Thiền sư Duy Bạch vâng phụng sắc chiếu mời đến ở Pháp vân tại kinh đô, Sư cùng đồng đi, bèn sung vào làm thủ tòa.

Mùa xuân năm Nguyên Phù thứ ba (1101) thời Bắc Tống, vua Triết Tông (Triệu Húc) băng hà. Qua năm - bảy lần vào nội điện, Tướng quốc Tằng Công Bố nghe đạo phong của Sư, bèn nêu tên Sư tấu trình. Đứng đầu của Chế tào Trình Công. Nhuận châu thú đại giám Phó Công Tiếp thỉnh mời Sư đến ở Kim sơn. Ngày 11 tháng 04 năm Kiến Trung Tỉnh Quốc thứ nhất (1101) thời Bắc Tống, Sư nhập tự. Hoàng hậu sai Trung sứ ban tặng hương, vì Hoàng đế mà chúc cầu Thánh thọ. Sau khi thượng thủ bạch chùy xong, Sư trông nhìn hai bên rồi bảo: “Có hiểu chăng? Sư tử phấn tấn, tượng vương xoay chuyển. Ngay đó mà rõ được chẳng phòng ngại soi xét sức lực. nếu chưa như vậy, có điều gì nghi xin cứ hỏi?” Có vị Tăng hỏi: “Trường chọn người làm Phật khai mở ngày nay, Sư lấy pháp gì để báo đáp ân vua?” Sư đáp: “Tùng muôn năm ở núi Chúc dung”. Lại hỏi: “Nếu như vậy chợt như Đại Giám đến pháp diên thì làm sao báo bổ?” Sư đáp: “Ngư ông tiều phu xa ngàn dặm cùng vui Thăng bình”. Lại nói: “Thổi lại mới mưa sương, tẩy ra lầu đài cũ”. Sư bảo: “Nói đạo lý”. Lại hỏi: “Chỉ như một câu nổi thuyền lớn xung sóng tuyết lại làm sao sống?” Sư đáp: “Chấp tay đầu Tam môn, đốt hương trong điện Phật”. Và Sư mới bảo: “Pháp vốn không nói, tùy việc ứng cơ, tâm vốn chẳng hình, gặp duyên bèn hiện. Xưa nay như vậy, phàm Thánh đồng đường, bởi chúng sinh mê vọng chẳng biết bèn thành lưu chuyển. Nên Đấng Năng nhân chóng quên tình thấy suốt đến cội nguồn, chẳng theo ngoài mong cầu, cũng chẳng được ở trong. Do đó Phật Phật dự ghi Tổ Tổ tương truyền. Đạo suốt một thừa, Tông phân năm phái. Lâm Tế thì khách chủ đổi thay nhau. Thiều Dương mới ngoảy soi gương cùng vượt, Quy sơn thì cha con cùng gieo ném, Tào Khê mới là vua tôi cùng mừng gặp. Nguyên pháp nhãn chỉ thẳng Duy Tâm, tạo lập môn phong, mỗi tự phô bày, bao hàm muôn tượng, suốt gần Đại thiên. Mờ mờ chẳng lẫn lộn với sắc, mênh mông nào phòng ngại nói nín. Nắm định thì mười

phương bị dứt, hổ ngồi rồng cuộn, buông đi thì ngàn Thánh xuất hiện hưng hóa, gió thổi cỏ rạp. Giúp Nghiêu nhân chỉnh hóa, Chúc Duệ toán Diên Hồng. Nhiếp phục các ma, khắp lợi quần sinh. Nhưng tuy nghĩ gì vẫn còn giẫm trải đồ trình. Hãy nói chánh lệnh đang ban hành lý luận như thế nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Một hơi không lời ngậm muôn tượng, vạn linh nơi nào tạ không riêng".

Hoàng hậu ban giáo chỉ sai Trung sứ ban tặng giáng hương, nhân ngày đầy năm Hoàng tử Hàng Quốc Công, thỉnh mời Sư lên pháp tòa. Có vị Tăng hỏi: "Hương trời xa ban mừng ngày Hoàng tử chào đời. Trung Sư đến pháp diên xin nghe pháp yếu". Sư bảo: "Gió lành lại chẳng ngớt, mặt nhật soi không bờ". Lại hỏi: "Một câu chóng vượt ngoài xưa nay, tùng la chẳng cùng vầng trăng ngang". Sư bảo: "Ngay đó nếu hiểu rồi, chẳng ở riêng tìm cầu". Lại nói: "Việc kỳ đặc trong ấy, lò đốt ngự hương". Sư bảo: "Người gỗ thổi sáo ngọc, tiến vào cung tử vi". Và Sư mới bảo: "Bờ đài diệu cao, rồng voi chen chật, trước các hóa thành, Thánh hiền tụ hội. Chính là đất gieo trồng phước của Hoàng đế chúng ta, mới vì thiền lưu làm trường tuyển chọn Phật. Mở thông cửa pháp, rộng bày đường cốt yếu. Người tỏ ngộ đó thì mỗi mỗi bày đạo, vật vật thảy minh tâm, đạp cao phương lớn, viên dung chí lý, kẻ mê mờ đó thì lớp lớp mờ tánh, câu câu trái tông. Chẳng tự tinh cần, trọn không liễu đạt. Giả sử nếu hay ở đó nhất trí họa dứt hai bên, chẳng lìa người ấy, bèn đồng chánh giác. Thật có thể xưng gọi là xa vàng ngự khắp, đuốc ngọc tỏa xa, muôn nước nương theo, tám phương yên lắng, rồng rắn ra khỏi hang, phụng son đến ngô đồng, lão nhà quê ngâm hát âu ca, người đi đường nhường lối, Nghiêu phong cùng Tổ phong đồng thổi, Thuấn nhật và Phật nhật đều tỏa sáng. Những du tử bôn ba thẳng đường về nhà. Là nơi cao nhân đến nước Phật. Tuy là như vậy, hãy nói câu rồng sinh rồng con lại làm sao sống?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chẳng chỉ trời thần đến ngầm hỗ trợ, lại vốn xa tính giúp đỡ Hoàng đế chúng ta".

Mới đầu Sư khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Lớn tiếng hỏi nhầm". Lại hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Dưới chân nâng lấy". Lại hỏi: "Thế nào là Thiền?" Sư đáp: "Lưỡi chống Phạm thiên". Lại nói: "Người học ngày nay nhỏ ra lớn gặp đi vậy". Sư hỏi: "Ông gặp được cái gì?" Vị Tăng ấy đáp: "Chẳng thể nói lại lời kệ". Sư bảo: "Khám phá xong rồi vậy". Và Sư mới bảo: "Pháp như vậy phô xưa bày nay, hết thảy hiện trước, chẳng nhọc tâm lực. trên đến chư Phật, dưới tới loài bàng sinh. Chân như diệu trạm nào thường có khác. Chỉ bởi các hữu tình bỏ gốc theo ngọn, triển chuyển luân hồi,

chưa có xả bỏ vọng quay về chân, sao được chóng vượt đến bờ kia. Do đó, Tổ sư Bồ-đề Đạt-ma xa đến phương này, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật. Nơi Thiếu thất suốt chín năm ngồi lạnh chẳng chỉ một lời, chỉ có tọa chủ Thần quang bỗng nhiên liếc đất, bèn mới cầu yếu an tâm nhưng trọn chẳng thể tìm, tức ở ngay lời ấy mà nhận lấy. Từ đó nối tiếp làm sáng ngời ngôi vị Tổ. Cuối cùng sân cửa, mở mang chi phái phân xa. Người đá nhảy múa ra cửa huyền, ngọc nữ thổi thành khúc nhạc kỳ diệu. Cử xướng như vậy đã theo cơ duyên. Hàng hậu học sơ tâm ngay phải nâng lấy, lâu dự tham ở các bậc cao đức, cong nhủ vì chứng minh. Hãy nói câu cắt đứt hai đầu lại làm sao sống?" Ngưng giây lát, Sư mới vỗ vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hôm nay là ngày 15 tháng 02, Huệ Quả lên giảng đường khua trống, chiêu tập các Thiền nhân ở khắp bốn phương. Mọi người thương lượng Phật tổ, Hàn Sơn nghe nói cười ha ha, Thập Đắc dậy lại múa vũ. Ngay như Hồ Tăng mắt biếc cũng phải gật đầu cùng hứa. Lại cùng ủy thác chăng? Về nhà uống trà đi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư trông nhìn cả đại chúng rồi bảo: "Sáng xuân dần nữa sắc xuân mới hòa, hao đào trên bờ phun nhả hơi thơm, dương liễu bên đường rủ mềm mại. Dưới núi đại y tiếng nước thâu đêm vang róc rách, trước cửa Huệ Quả bóng mây trời chiều bày lãng mạn. Oanh ngậm trên đảnh, bướm liệng trước hoa. Pháp pháp hiện thành chẳng nhọc tâm lực". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Các vị trong đại chúng đều là cao sĩ vượt ngoài mây rảo khắp các phương, gõ hỏi Tông sư, cầu sự giải ngộ. Lại biết mỗi người tự có một Quang minh, trong mười hai thời khắc tại nơi cửa mặt các người vào ra, chưa từng khuyết thiếu mảy may. Người chưa nghiên cứu thấu đạt, rất cần phải nghiên cứu lấy. Từ trước lại đây hành khất mưu tính cái gì? Nếu ở đây thấy được rõ ràng phân minh, còn là việc ở đầu bờ sinh tử, phải biết có một trứ hướng thượng của nạp Tăng vượt Phật quá Tổ. Dám hỏi cùng các người làm sao sống là một thứ trứ hướng thượng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Trăng tỏa sau đêm sâu, vượn hú loạn trước núi". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Vĩnh Nhân ở Càn minh.

Thiền sư Vĩnh Nhân ở Càn minh - Lương sơn trong phủ Hưng nguyên, vốn người ở Bản phủ. Mới đầu, Sư ở Pháp tế, có vị Tăng hỏi: "Đổi luật làm thiền, há không lý do, người học từ trước lại xin Sư chỉ nói". Sư đáp: "Một câu rõ ràng, tác giả còn mê". Lại nói: "Nước sông Hán chỉ ứng dòng đến biển, vầng trăng thẳng lên núi tối cao". Sư bảo:

"Tạm được lãnh hiểu câu thoại". Lại hỏi: "Đức Thế Tôn xuất hiện nơi đời, sen vàng từ đất vọt, còn Hòa thượng xuất hiện nơi đời có điềm lành gì?" Sư đáp: "Hôm qua trời mưa, ngày nay tạnh". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Có". Lại hỏi: "Thế nào là việc hướng thượng?" Sư đáp: "Đông tây nam bắc trên dưới bốn góc". Và Sư mới bảo: "Tin thay việc ấy ai chẳng thừa ân, rất tợ như mặt nhật ở giữa không trung, nếu hay soi chiếu lại tức tự tròn đầy sáng tỏ, chẳng gá nghe nhiều, xưa nay vốn đủ đường đường ứng dụng rành rành hiện trước, rỗng toan tình trần khắp cùng pháp giới. Hư không trên dưới chẳng ở nghĩ lường, núi sông đất liền có gì gián cách". Sư mới nắm cây phất trần và tiếp bảo: "Phật trước đã diệt độ, Phật sau chưa ra đời, chánh ngay lúc này các người sao chẳng tỉnh ngộ, bèn mới chẳng trừ phiền não tức chứng Bồ-đề, chẳng lìa sinh tử tiện thành chánh giác. Giả sử ngay như Hồ Tăng mắt biếc cũng thêm bớt mảy may không được. Tuy là như vậy, dám hỏi cùng các người làm sao sống là việc thêm bớt không được?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chặt lầu các Phật nhà trời mới, luật tức thiền sống sao ngẫu nhiên, đến việc chẳng từng thêm bớt được, mặc tùy thiên hạ cùng người truyền".

3. Thiền sư Thiệu Tiên ở Trí giả.

Thiền sư Thiệu Tiên ở Trí giả tại Vụ châu, vốn người xứ Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Căn trần đồng nguồn, buộc mở không hai, chẳng động mảy may, mười phương du hý, Tử Hồ thái tử tuy hung dữ, sao tợ Nam sơn lỗ mũi ba ba?" Và Sư lớn tiếng bảo: "Đại chúng nhìn dưới chân". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đoàn chẳng tụ, đánh chẳng tan, mắt nhất hong phơi chẳng khô, nước ngâm chẳng nát. Đẳng nhàn treo tại trong Thái hư, mặc người bên cạnh lạnh mắt nhìn".

4. Thiền sư Sùng Khải ở Thắng nhân.

Thiền sư Sùng Khải ở Thắng nhân tại Sở châu. Có vị Tăng hỏi: "Hàng Bồ-tát thấy tánh như ban ngày thấy mặt nhật, hàng văn thấy tánh như ban đêm thấy mặt nguyệt. Chưa xét rõ Hòa thượng thấy tánh như thế nào?" Sư đáp: "Muôn dặm không mây, ngàn núi vách đứng". Lại nói: "Cảm tạ ân sư đã chỉ dạy". Sư bảo: "Sai nhầm". Lại hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai? Tông phong ấy ai người nối dõi?" Sư đáp: "Mây buông ái Bắc, trăng in bể Nam". Lại hỏi: "Thế nào là đích tử của cõi nước Phật?" Sư đáp: "Vất bỏ cổ tranh năm triệu". Và Sư mới bảo: "Chánh lệnh của Tổ sư xưa nay toàn bày, hộp đậy đất trời nắm định thế giới. Ngay như bị xe trời chuyển bên tả, trục đất xoay bên hữu, ben

đêm trăng tỏ sáng, sớm ngày mặt nhật soi hình, bốn phương rực rỡ, tám hướng khôi phục bày, chẳng ẩn mảy may không sót vảy hạt cải, núi xanh nước biếc hộc trắng quạ đen, sương nối nguồn giao, rồng ngâm khoảng thành, gió thổi ngoài hiên, hổ gầm trước sân, mộc đồng khua ra ải tối, thạch nữ mở lớn khóa vàng, xung binh giáp tam huyền, đánh tan cọc cờ ngũ vị, cung tên Thạch Củng kín giấu ma, tréo ngay phải buông xuống, Đức Sơn đánh gậy, Lâm Tế quát hét, chẳng dùng trình bày, nào phải trống chở bùn, chẳng dùng trục cầu kéo đá, trong đó, đạo lý đều hết, ba tỷ toàn không, kiểm điểm tương lai, ngay là chưa đến, đã là như vậy, các ông hãy nói việc vượt tông vượt cách làm sao sống?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đại địa chở chẳng nổi, càn khôn che cũng khó".

5. Thiền sư Trọng Dị ở Phước Thánh.

Thiền sư Trọng Dị ở viện Phước Thánh tại núi Mã yên, Nghi châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một hai ba bốn năm, lên đường đánh trống pháp, xúm xít cùng tụ hội, mỗi mỗi mặt cùng thấy, sắc thu đầy sân trống, gió thu động hoàn vũ. Lại hỏi Thiền Tổ sư, Tuyết phong đến Đầu tử. Ôi!"

6. Thiền sư Tuệ Hải ở Tuệ lâm.

Thiền sư Tuệ Hải - Nguyệt Ấn ở Tuệ lâm tại Đông kinh. Có vị Tăng hỏi: "Sư xướng hát khúc nhạc nhà ai? Tông phong ấy, ai người nối dõi?" Sư đáp: "Lầu đài ngọc trên đất vàng ròng". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Vào tháng ba tại Lạc dương mọi người đội hoa". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trên đất vàng ròng, người đủ mắt sáng chưa chịu an cư, trong rừng gai góc, bản phận đến lưu ở đó chẳng được. chỉ như vất bỏ cả hai đường ấy làm sao sống là nơi giẫm bước của nạp Tăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ngẩng đầu trong khói un, y ước thấy nhà núi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư ngoảy nhìn đại chúng, vỗ xuống thiền sàn một cái, liêu biểu chẳng không. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

7. Thiền sư Nguyên ở Kiến long.

Thiền sư Nguyên ở Kiến long tại Dương châu, vốn người dòng họ Hạ ở Cô tô. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Mua khăn trùm đầu, y mô hoa dạng, theo lão nhà quê kia tự nhăn mày. Chỉ công chẳng là Hòa thượng nhàn rỗi". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống tòa.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 19
(Hết)

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 20

MỤC LỤC

25. Thiền sư Cảnh Thâm ở Lộc uyển
26. Thiền sư Thành Tắc ở Thọ ninh
27. Thiền sư Hoài Bảo ở Tư phước
28. Thiền sư Dĩ Bật ở Hưng hóa
29. Thiền sư Trí Viên ở Vạn thọ
30. Thiền sư Duy Khiết ở Cảnh phước
31. Thiền sư Chí thâm ở Long khánh
32. Thiền sư Trí Tiên ở Tường phù
33. Thiền sư Tử Uyên ở Phổ môn
34. Thiền sư Hữu ở Thắng quang
35. Thiền sư Trí Thành ở Nhân vương
36. Thiền sư Khánh Thường ở An quốc
37. Thiền sư Nham Lượng ở Từ mỗ
38. Thiền sư Sươn Cẩm ở Trường tùng
39. Thiền sư Đạo Cực ở Đông thiền
40. Thiền sư Hy Triệu ở Thượng lam
41. Thiền sư Nhân Mỹ ở Linh tuyền
42. Thiền sư Đổng Vi ở Phân ninh
43. Thiền sư Hữu Thông ở Thắng nghiệp
44. Thiền sư Minh Xướng ở Báo ân
45. Thiền sư Pháp Hỷ ở Diệu quả
46. Thiền sư Viên Minh ở Nhạc lâm
47. Thiền sư Khương ở Hộ quốc
48. Thiền sư Tử Vịnh ở Từ mẫu
49. Thiền sư Dũ Tiên ở Hưng hóa
50. Thiền sư Tải Xướng ở Càn minh
51. Thiền sư Giác Năng ở Mộ sơn
52. Thiền sư Thiện Tư ở Hành sơn
53. Thiền sư Nguyên thụy ở Pháp vũ
54. Thiền sư Vĩnh Bang ở Động sơn
55. Thiền sư Sùng ở Lô nham
56. Thiền sư Khánh ở Đẩu phương
57. Thiền sư Đạo Tài ở Đại ninh
58. Thiền sư Phổ ở Thái bình
59. Thiền sư Truyền ở thành
60. Thiền sư Tĩnh Tông ở Song phong
61. Thiền sư Tùng Liên ở hóa
62. Thiền sư Tĩnh Hiền ở La-hán (bốn mươi lăm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cư ở Hữu Thánh, có ba vị:
1. Thiền sư Nhất ở Trí độ
2. Thiền sư Liễu Nhất ở đạo lâm
3. Thiền sư Trí ở Thụy nham (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Vịnh ở Tuyết đậu, có một vị:
1. Thiền sư Đại Trí ở Tuyết phong (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tự Như ở Trí giả, có bốn vị:
1. Thiền sư Trừng Nguyệt ở Thừa thiên
2. Thiền sư Hư Ngoại ở Hoa tạng
3. Thiền sư Khả Tung ở Tịnh độ (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Văn Tuệ ở Bảo liêm (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đoan ở Bạch vân, có mười hai vị:
1. Thiền sư Pháp Diễn ở Ngũ tổ
2. Thiền sư Trí Bản ở Vân cái
3. Thiền sư Vĩnh Khởi ở Long du
4. Thiền sư Thù ở Bảo phước
5. Thiền sư Kỳ ở Sùng thắng
6. Cư sĩ Đề hình Quách Tường Chánh (sáu vị có ghi lục)
7. Thiền sư Xử Ngưng ở Thiên trụ
8. Thiền sư Xử ở Thái bình
9. Thiền sư Hồng Liên ở Phù sơn
10. Thiền sư Quảng Nhuận ở Cốc sơn
11. Thiền sư Tuệ Thường ở Hương sơn
12. Thiền sư Quy Thiện ở Cam lồ (???)

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHIẾU GIÁC - THƯỜNG TỔNG Ở ĐÔNG LÂM

1. Thiền sư Ứng Càn ở Lặc đàm.

Thiền sư Ứng Càn - Bảo Phong ở Lặc đàm tại Hồng châu, vốn người dòng họ Bành ở Bình hương, Viên châu. Sư vân du khắp các phương, sau cùng đến nơi pháp tịch ở Lặc đàm của Thiền sư Chiếu Giác - Thường Tổng, nương tựa qua thời gian lâu mà chưa được ấn chứng,

Thiền sư Chiếu Giác nêu cử nhân duyên Ô Sào thổi lông vải, mà sư chẳng giải hiểu. Một ngày nọ, bỗng nhiên tỏ ngộ yếu chỉ, Sư mới làm thành bài tụng rằng:

"Vất vả quên cơ là Ô Sào
Trên Hồ tây hồ khống khói tỏa
Lông vải lấy ra không lắm kẻ
Mắt sắt tròng đồng chẳng làm sao".

Trình bày, và được Thiền sư Chiếu Giác ấn chứng. Từ đó, suy cử làm Thượng thủ. Thiền sư Chiếu Giác nhận mạng đến Đông lâm, bèn lấy Sư kế thừa pháp tịch ấy (tại Lặc đàm).

Có vị Tăng hỏi: "Các Bạc-già-phạm ở khắp mười phương đồng một đường đến cửa Niết-bàn. Chưa xét rõ đầi đường ấy tại xứ nào?" Sư đáp: "Đạp nhằm đầu đá cứng tợ sắt". Lại hỏi: "Có hứa cho người học tiến bước không?" Sư đáp: "Chấm giọt như trước rơi hai ba" Lại hỏi: "Thấu đạt ý chỉ quên lời, về nhà ngồi yên ổn. Chưa xét rõ một câu đến nhà làm sao sống đạo?" Sư đáp: "Nhàn xem xem trắng mọc nơi Bích lạc. Lắng nghe nước chảy qua núi xanh". Lại nói: "Lúc ngọc thấy lửa sáng càng nhuộm, hoa sen tại nước lá dài khô". Sư bảo: "Lại phải dán mắt cao". Lại hỏi: "Cô phụ một vật đỏ rực đều không còn biết cừ ư?" Sư đáp: "Chẳng biết". Lại hỏi: "Mỗi ngày trên đến dưới đi vì gì chẳng biết?" Sư đáp: "Cừ không mặt mắt". Lại nói: "cùng Hòa thượng đồng tham đi vậy". Sư bảo: "Đồng tham việc gì sinh?" Vị Tăng ấy đáp: "Người học đến trong ấy tức chẳng hiểu?" Sư bảo: "Ngay phải cùng gì?".

Nhân lúc tắm Phật, có vị Tăng hỏi: "Thân Phật vô vi, chẳng rơi các số, cái nào là Phật thật?" Sư đáp: "Giết khéo một câu hỏi". Lại hỏi: Tượng đồng sắt tạm đặt một bên, còn ngày nay tắm cái Phật nào?" Sư đáp: "Nung đốt chẳng nát". Lại hỏi: "Lông vàng ngồi nơi đất, trăm thú đều ẩn vết, người học từ trước lại xin Sư vì chỉ bày?" Sư bảo: "Đầu não xé nát". Lại hỏi: "Người học không hiểu?" Sư bảo: "Còn tự chẳng biết thôi". Lại nói: "Cảm tạ Sư đã chỉ dạy". Sư bảo: "Đại chúng cười ông đó". Lại hỏi: "Gió xuân phất phất chim xuân giam nhốt. Hương nghiêm trúc mới, Linh vân hoa chưa tàn. Chánh ngay lúc ấy thì như thế nào?" Sư đáp: "Ngàn núi đua xinh đẹp, muôn hóc tranh đổi dòng". Lại hỏi: "Thời tiết đã bày rõ, ý Tổ ý giáo thế nào hiển bày khác lạ?" Sư đáp: "Lỗ mũi Pháp sư Cơ". Lại nói: "Ngựa hèn đạp giết người trong thiên hạ, Cư sĩ hớp hết nước sông Tây". Sư bảo: "Phải là người có đủ mắt sáng". Và Sư mới bảo: "Trên trời trăng tròn dưới đất trăng nửa, nuốt

chừ nhả chừ, biết ông lầm tính, đêm qua gió mát Thái hư, châu ky đem rưới bờ mặt biển xanh. Hạt tuyết bay loạn cuối cùng như là Thiếu thất từ đây gió sương thành khuôn phép”. Xong, Sư hét một tiếng. Có lúc Sư lại bảo: “Gió vàng thoảng đồng hoang, Phật xưa đạo tuyệt mầu, sương ngọc rủ châu báu, kế sống của đạo nhân. Bên khe ngư phụ ngâm ca khúc nhạc vô sinh, trên non người đá đang lúc đánh trống vải, rất chẳng biết trong ánh trăng kỳ lân trông nhìn Bắc đẩu, bờ thành Sở vương nước xuôi dòng về đông. Dừng, dừng, là cái gì, hai ba bốn, bảy tám chín, nắm ff lỗ mũi mất ngay miệng”. Đến năm Canh tý (1) tức năm Thiệu Thánh thứ ba thời Bắc Tống, Sư hiện tướng bệnh. Sau khi cạo tóc tắm gội xong, Sư nói bài kệ rằng:

“Mũi nhọn chấm giọt thôi cùng hứa
Mắt bệnh hoa đốm nhọc chỉ dừng
Sáu mươi ba (63) năm đời trôi nổi
Đạp vút núi biển lại về đi!”

Nói xong, Sư bèn thị tịch.

2. Thiền sư Hạnh Anh ở Khai tiên.

Thiền sư Hạnh Anh - Quảng Giám ở Khai tiên tại Lô sơn, vốn người dòng họ Mao ở huyện Vĩnh phước, Quế châu. Sư đến thọ học tại chùa Bồ-đề ở Bản châu. Mới đầu đến bái yết Thiền sư Khánh Nhàn, Sư có cút tỏ ngộ huyền chỉ. Tiếp theo, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Chiếu Giác mà được chóng dứt điều nghi. Lúc ra hoằng hóa, Sư ở Khai tiên. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Sư đáp: “Quân sơn chấm phá tâm Động đình”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Sóng trắng nhiễu bốn bờ, bụi hồng đến nơi nào”. Lại hỏi: “Thiếu lâm xoay mặt vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Nhập định”. Lại nói: “Cô phụ người xưa”. Sư bảo: “Ít gặp kẻ tri âm”. Lại hỏi: “Pháp luân công đã hoàn tất, đẩy chuyển ý thế nào?” Sư đáp: “Sống lao nhao đất”. Lại nói: “Pháp không riêng nỗi, nương cảnh mới sinh”. Sư bảo: “Lúc có ý khí thêm ý khí, nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu”. Vị Tăng ấy bèn họa vẽ một tướng vòng tròn. Sư bảo: “Tranh làm sao qua mắt các Thánh ư?” Lại hỏi: “Có người hỏi ta hiểu tông gì, nắm cây phất trần bổ miệng đánh, ý chỉ ấy như thế nào?” Hồ tôn (con khỉ) vào đãy vải, gân sắt đánh qụa rùa”. Lại hỏi: “Chẳng thấy nhạn trong mây, sao biết bờ cát lạnh?” Sư đáp: “Ngàn mắt đại bi quán chẳng được, Đồng tử không lời mờ hà hơi”. Lại hỏi: “Vì gì như vậy?” Sư đáp: “Chỉ vì như vậy”. Và Sư mới bảo: “Đàm huyền nói diệu, thí như vẽ bánh sung vào bụng đói. Vào Thánh vượt phàm, chỉ tợ nga bay

vào lửa, một hướng vô sự thối hạt lụi mầm, lại rong tìm ngoài, mò trăng trong nước”. Sư mới nắm cây phất trần phẩy một cái và tiếp bảo: “Từ trước lại có bao nhiêu hiểu biết đã phủi hết rồi. Làm sao sống là một câu các người thấu thoát?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Trâu sắt chẳng ăn cỏ bên hành lan, thẳng lên đỉnh núi Tu-di nằm ngủ”. Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Có lúc Sư lại bảo: “Gió hòa tập tập, ngày xuân chậm rãi, núi hoa rực cháy, khe cỏ rẽ lìa. Yến tía bay đôi đồng trống, oanh vàng cùng hót cành cao. Nạp Tăng đến đó như ngưng trệ, vô hạng ánh xuân trao cùng ai!” Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc Sư bảo: “Cung chặt Laon thạch giá tên Hưng hóa, vận sức định Na-la-diên, sáng rực mắt ca-la, chẳng bắn hổ Đại hùng, chẳng bắn nai Dược sơn, chẳng bắn sư tử Vân nham, chẳng bắn khỉ Tượng cốt. Hãy nói bắn cái gì?” Ngừng giây lát, Sư bảo: “Phóng qua một trứ”. Có lúc Sư bảo: “Nước chẳng rửa nước, vàng chẳng lấy vàng. Riêng bày một tâm đánh mở muôn tượng. Một Đại tạng giáo điển bao nhiêu trang lau chùi giấy cũ bất tịnh. Từ trên, chư Phật xưa một đội phần nhiều biết hiểu A sư. Từ đó, cắt đứt các dòng, lại chẳng trăm thành du lịch. Lại có cho gì nạp Tăng nào?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Chấm tức chẳng đến”. Lại có lúc Sư bảo: “Có một người nói được một trượng một tấc cũng thực hành không được. Có một người thực hành được một trượng một tấc cũng nói không được. Có một người thực hành được nói được. Có một người thực hành không được nói không được. Trong bốn người đó, Hoa Tạng muốn tìm một người làm thầy. Nạp Tăng có đủ mắt sáng thử xin chọn xem?” Sư lại bảo: “Lên núi phải lên tới đỉnh, vào biển phải tới đáy. Học đạo phải đến nơi Phật tổ nói không được, nếu chẳng như vậy, thì đều là tinh linh gá cỏ nương cây, quỷ tử ăn nuốt đàm dãi của dã hồ. Hoa Tạng nghĩ gì nói? Thí như linh dược tuy là đắng miệng, vả lại rất cần để trị bệnh. A! Da, da!” Lại có lúc lên giảng đường, Sư hét một tiếng rồi bảo: “Tháng ba, xuân xanh quá nửa, khe núi mưa tan mây bay, sân hoa tự nở tự rơi, yến xà đôi đi đôi về”. Sư lại bảo: “Trong cây có lửa, chẳng đánh chẳng ra, trong cát có vàng, không đãi không được, trong tâm có đạo không học không ngộ. Du phương hành cước, gọi là Đạo nhân, lại đã tằng ngộ đạo chăng?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Ngày tháng chớ luống không, xuân xanh không trở lại!”

Sư có tài khí quảng đại, thành quả như sự tạo lập, mặc tình người mang vật đến như chuyển đá nơi khe cao ngàn nhận, không gì chẳng như ý. Có di phong của Thiền sư Chiếu Giác - Thường Tổng, sư ở tại Khai tiên suốt hai mươi năm. Mới đầu cảm mắc bệnh khổ đàm khối,

từng mong cầu dứt đi mà chẳng được, nằm nơi phường bệnh suốt ba năm. Một sáng mai dậy bắt đầu xây dựng phạm sát mà khỏe mạnh lại như mới, trải suốt chín năm mới hoàn thành, rất cùng cực tráng lệ, mọi người trông thấy đều kinh ngạc ngợi khen. Tổ thiện hoàng Thái sử Tô Trực. Tô Trực đùa cho rằng: "Sư là thuyết khách của trong Như Lai Tạng, là du hiệp của trong trường Bồ-đề".

3. Thiền sư Thiệu Từ ở Vạn sam.

Thiền sư Thiệu Từ ở Vạn sam tại Lô sơn, vốn người dòng họ Triệu ở Quế châu. Năm mười tám tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Năm mười chín tuổi, Sư du phương phỏng học, qua thời gian lâu dài dự tham nơi pháp tịch của Thiền sư Thường Tổng - Chiếu Giác. Một ngày nọ đang đứng hầu, Sư hỏi: "Đức Thế Tôn ngoài sự trao truyền kim lan lại còn có truyền vật gì chăng?" Thiền sư Thường Tổng nâng cây phất trần lên. Sư lại hỏi: "Rốt cùng lại làm sao sống?" Thiền sư Thường Tổng nắm cây phất trần bỗng nhiên đánh vào miệng Sư. Sư phỏng định mở miệng. Thiền sư Thường Tổng lại đánh. Bỗng nhiên Sư tỉnh ngộ, bèn đoạt lấy cây phất trần rồi lễ bái. Thiền sư Thường Tổng hỏi: "Ông thấy cái đạo lý gì?" Sư đáp: "Cây phất trần thuộc của tôi rồi". Thiền sư Thường Tổng bảo: "Lão tướng ba mươi năm, ngày nay bị kẻ tiểu tốt đánh ngã". Từ đó tiếng tăm Sư vang tỏa khắp cùng, và Sư được suy cử làm Thượng thủ ở Đông lâm.

Sau đó ra hoằng hóa, Sư bèn đến ở Vạn sam. Có vị Tăng hỏi: "Giải tiếp cây không rễ, hay khêu đèn đáy biển, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Đặt đất tỏa sáng". Lại nói: "Sừng thỏ chấm mở mắt ngàn Thánh, lông rùa phủi sạch bụi chín đường". Sư bảo: "Hàn Sơn vỗ tay". Lại nói: "Khéo tay trong tay bày tay khéo, lòng son trong bấn lòng son". Sư bảo: "Xà lê có tiếp được chưa?" Lại nói: "Lão sư Liên Xả thân gần đắc yếu chỉ, nhân gian và trên trời đều đượm ân". Sư bảo: "Sai lạc câu thoại đầu". Lại hỏi: "Ngàn Thánh cùng truyền bát không đáy, trên đường Tào Khê mấy ai đồng? Vậy thế nào là bát không đáy?" Sư đáp: "Ngàn người nhảy chẳng ra". Lại nói: "Muôn dặm đi biển cả, mừng gặp sóng ngả núi". Sư bảo: "Chẳng là người lộng trào". Lại hỏi: "Tâm ấn Tổ sư tướng trạng tợ cơ trâu sắt, ngay lúc ấy ấn in tức là phải hay chẳng ấn in tức là phải?" Sư đáp: "Xem lấy đạn sắt trong lò". Lại hỏi: "Bỗng nhiên đánh phá lại làm sao sống?" Sư đáp: "Phải biết đau ngứa". Lại nói: "Ngày nay được gặp Hòa thượng". Sư bảo: "Trong mạch ngữ chuyển ngay". Và Sư mới bảo: "Dương điểu hót xuân, cửa Quán Âm mở, suối trong trăng chiếu, cảnh Tỳ-lô hiện, hạc kêu đầu non tiếng

tiếng chẳng khác, châu tung trên sân viên viên tròn thành, chợt ẩn chợt hiện chẳng đánh tự chuyển. Lại có người thâu nhặt được chăng? Thử bày tương tợ xem". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đáng cười khỉ vượn mò trăng bạc, chẳng biết thật có cái con cóc". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc Sư bảo: "Châu ngọc nước đỏ, ánh trăng sông trong, khỉ vượn đua mò, chuyển dời lầm vết. Võng tượng vô tâm siêu nhiên tự được, chỗ gọi là trông nhìn đó có ánh sáng thừa, quẩy vốc đó chẳng đầy tay, ra vào không cùng đi lại không ngằn mé. Tuy là như vậy, dưới bờ chẳng chạy, khoái bèn khó gặp". Xong, Sư mới hét một tiếng, vỗ một cái, tiếp bảo: "Châu ngọc nước đỏ, ánh trăng sông trong, ngoái vỡ băng tan, trong chúng lại có anh linh nào biến thành con báo chăng? Ra cùng cứu lấy một nửa?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đáng thương ý này không người hiểu, tức khiến Đào Tiềm mờ lông mày". Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Ngọc Khê chẳng hiểu thiền, chỉ biết bệnh các phương, chợt xuống sấm sét tan, chuyển giết cũng chẳng định".

Tả Thừa Thái Biện tán thán Sư chân thật rằng:

"Linh quang mỗi mỗi hiển hiện,
Khỉ vượn cũng trái một mặt,
Nếu người muốn biết Sư thật,
Đánh phá gương lại cùng thấy".

4. Thiền sư Hữu Thụy ở Bao thân.

Thiền sư Hữu Thụy - Phật Hải ở Bao thân tại Đông kinh, vốn người dòng họ Trần ở huyện Tiêu du, Hưng hóa quân. Từ thủa bé thơ, Sư đã có tướng khác tục, im lặng ngồi trọn ngày. Song thân lấy lạ bèn cho Sư xuất gia. Đến nương tựa ở chùa Cảnh đức tại Đông kinh, thượng nhân Trọng Toàn vì Sư mà xuống tóc. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đến dự tham nơi pháp tịch của Thiền sư Tuệ Nam ở Hoang long. Thiền sư Tuệ Nam hỏi: "Ông vì nhân sự mà đến đây hay vì Phật pháp mà đến đây?" Sư đáp: "Vì Phật pháp mà đến". Thiền sư Tuệ Nam bảo: "Nếu đã vì Phật pháp mà đến, tức nay bèn phân giao". Và bèn đánh Sư bằng một cây phất trần. Sư thưa: "Hòa thượng cũng không được não loạn người". Thiền sư Tuệ Nam rất mến quý Sư, nhưng Sư trọn chưa thấu triệt. Sau đó, Sư kịp đến nương tựa Thiền sư Thường Tổng - Chiếu Giác ở Lặc đàm mới được khế ngộ huyền áo. Theo hầu qua thời gian lâu, đại chúng suy tôn làm Thượng thủ.

Lúc ra hoằng hóa, Sư đến ở Tinh đức - Thái bình tại An châu, lại có sắc chiếu mời đến ở Bao thân tại Đông kinh. Qua năm - bảy lần vào nội, vua Triết Tông (Triệu Húc 1086-1101) thời Bắc Tống ban tặng

Sư tên là “Đại Giác”. Trong vòng trăm ngày lại phong tặng Sư hiệu là “Phật Hải Thiền sư”. Ngày khai đường giảng pháp, sau khi hỏi đáp xong, Sư mới bảo: “hỏi được cũng tốt, không hỏi cũng mạnh. Một câu hỏi nếu chẳng đạt, vụt thành pháp Hý luận. hỏi nếu có yếu chỉ, đáp cũng tùy duyên, vì gì Tông thừa nói nhằm thì ngàn Thánh lùi bước? Gậy báu lúc đánh thì ba thừa mất dấu vết? Bởi vì việc này kiếng tần nơi đài, ngàn dặm tâm tà tự sợ, như mô da trong tay áo trăm ức quân ma đều nát mật. ngay như được nói điều Đại Thánh chẳng nói, nghe điều Tôn giả Ca-diếp chẳng nghe. Đại khái chỉ cần các người xoay chiếu trở lại gốc, kiểm niệm thâm tâm, thiện ác chẳng nghĩ lường, tự nhiên được vào tâm thể trong lắng, diệu dụng khắp cả hằng sa, vật và ta lẫn đồng. Có người ngay đó đón nhận được, còn thuộc như ôm cột cầu tắm rửa kịp chăng? Xả bỏ đó tợ như muôn dặm xa trông về cửa làng quê, chấp đó thì đọa vào cảnh giới quỷ vương, kêu làm lúc mê người đuổi theo pháp, sau khi ngộ, pháp lại tùy theo người. Bởi pháp yêu không riêng tư từ ngàn xưa đồng khuôn phép. Một câu đồng cơ, chỉ người tự soi xét. Đến trong đó nếu hiểu được, bèn thấy thủy chung nhất như xưa nay ngang đồng. Đến như cây bách giữa sân của Triệu Châu gió trong lành phát triển. Còn nếu chẳng hiểu được, bèn thấy cái ghế Vân Môn trời đất khác biệt. Từ đó mới chẳng đặng đừng trên điện Lưu ly giữa lúc ba ntrưa đánh trống canh, giữa rừng Vô cảnh mùa thu thực hành xuân lệnh. Cớ sao vậy? Bởi diệu thể tuy là không khác mà diệu dụng lại có lắm môn. Cho nên Thích Chủ Năng Nhân ứng hiện nơi thành Ca-tỳ-la-vệ, dẫn trải từ bi khắp sa giới, thần thông diệu lực chẳng thể nghĩ bàn. Bởi vì quần sinh thường ngày sử dụng Tam-muội mà chẳng tự biết, nghiệp thức mịt mờ mà chẳng quay trở lại, bèn khiến tiền cảnh phân nhiễu rối loạn, cội nguồn nhầm lẫn xen tạp. Do đó, vân tiên lâu chấm nơi pháp yếu ấy, ở trong cảnh giớik hai làm Phật sự lớn. Nhập tịch tại cõi này mà kinh luân cùng ba cõi, đạo đượm Đại thiên, hóa đều trăm ức, lời mãn đầy pháp giới, mò ướt quần sinh, phu viễn huyền tịch để hiểu nhân quả, rủ thiên chân để dưỡng nuôi tánh tình. Không cơ nào có Đại tiểu thừa, phân Đốn tiệm, nên khiến làm Tư lương có thể để suy vi đạt nhằm, tầm mối thấy giềng. Sau đó vì người tán loạn mà dùng định tuệ để răn dạy đó, kẻ đắm trước các dục lạc thì dùng pháp Vô thường để chỉ dạy đó, hạng thích quan nhỏ thì dùng phương lớn mà dẫn dắt đó. Hàng chấp trước kiến giải thì dùng mà Vô động mà dẫn dụ đó, hàng đắm chìm nơi danh tướng thì dùng pháp môn Không hai để khai mở đó. Đó há chẳng nhân ngôn ngữ mà vào đạo, mượn giáo điển mà rõ chân ư? Nhất tâm sáng ngời muôn

đức đồng hiển trước, tốt lành làm từ đó, đến sau cùng tức bảo "như ngón tay chỉ mặt nguyệt, quyền không dụ thật". Ôi! Hưng từ như thế rất tợ như có quá không công. Chưa như sắt vàng đầu đà kế sống tùy thân bình bát lưu ly truyền đến không cùng của chúng ta. Mặc cho Đại sĩ có ngàn mắt cũng chẳng lén nhìn tướng trạng ấy. Tổ sư Đạt-ma nơi có bờ sống, đầu non Đại canh ném xuống. Giả sử có sức dõng kiện của vạn phu nâng nhấc đó không lay động. Sau lại, việc gió phướng nổi, cuốn chiếu nghĩa chương, tay Phật khó giấu, chân lừa tự bày, do đó việc con cháu chẳng dừng. Cong thuận tình người, buông đi một đường chỉ, tiện có nối tiếp môn phongười, sáng liền đuốc Tổ, đeo ấn Vô ngã, mở cửa Không hai, cuối cùng được lên kim kê ngậm một hạt gạo cứu giúp khắp mười phương. Thật như ngựa tốt khỏe trong chuồng ra đạp giết quân ma. Do đó mọi người đều nói: "Lệnh nghiêm ở Ma-kiệt-đà hiếm người đảm nhận, huyền hưởng tại China (Trung Hoa) ít người ứng nối". Đại chúng nếu căn cứ kiến giải như thế, mỗi một sao ít ư? Chỉ như biết mùi vị, hiểu đau ốm, thấu đạt âm hưởng quyết rành hơn kém, sao không một cái nửa cái. Hãy nói người đó có khả năng như thế là người nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Cửa thiền đã được Bùi Công đạt, ý Tổ không sao Tạ Thủ Bình?" Xong, sư bèn xuống khỏi tòa. Có lúc Sư lại bảo: "Có thế giới Phật dùng một mảy trần một sợi lông để làm Phật sự, khiến người thấy một pháp mà đầy đủ tất cả các pháp, nên quyền xảo làm giá các. Có Phật hóa cảm bên trong để quên ngôn từ, lặng im làm Phật sự, khiến người học lìa hết thảy tướng, tức gọi chư Phật khéo cho ba sao xuống lửa. Có Phật ở trong cõi nước dùng hoa vàng trúc biếc mà làm Phật sự, khiến người thấy tướng thấy sắc tức không, tạm giao phó cho Di-lặc. Có Phật ở trong chùa báu dùng pháp không để làm tòa mà chỉ bày Phật sự, khiến người học chẳng chấp trước Phật mà mong cầu, khám phá xong móc xuống. Có Phật nơi đạo tràng dùng tứ sjự cúng dường mà thành Phật sự, khiến người tri túc dứt niệm khác, có thể cho xuống chuyển tải. Có Phật ở nơi diệu vức không hết thảy ngữ ngôn Tam-muội để làm Phật sự, khiến người tùy cơ vào, chẳng xả bỏ động tĩnh, làm cừ trong chuyển tải. Đại chúng hãy nói trong đó lại có hơn kém không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Người đến phải biết là tác gia".

5. Thiền sư Khả Tiên ở Viên thông.

Thiền sư Khả Tiên ở Viên thông tại Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Cưỡi trâu đi tìm trâu". Lại nói: "Tránh sao người học chẳng hiểu?" Sư đáp: "Tham lấy chẳng hiểu ấy". Có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư bảo: "Cái gì tan đi sớm là chẳng nhằm tiện,

nào kham tiếng của trưởng lão, hai mảnh da lay ba tấc lưỡi, nói đông nói tây chỉ nam chỉ bắc, chuyển đấm giao thiệp. Cớ sao như vậy?” Nói thì càn khôn đại địa bao gồm vi trần, thâu lại thì màng mạc hạt cải không sai, mảy may chẳng bày. Giả sử riêng vượt ngoài tượng, lượng đồng Thái hư, bèn mới trọn ngày nói sự mà chẳng bị sự làm trở ngại. Xưa nay ba đời nghiễm nhiên trước mắt, cong thẳng tự nhiên, phải quấy đành rành, hay hòa quang đồng trần, tùy tà theo ác, nghĩ gì nói năng cũng rất không đầu mối. Bỗng nhiên có bậc kiệt xuất ở chốn tùng lâm, sáng rực trong các Thiền giả, vì chúng dốc sức ra lại đẩy ngã thiền sàn, hét tan đại chúng, đem trưởng lão đẩy xuống thềm cấp dưới, cũng hứa cho bậc ấy có chút tin tức. Có gì đã không? lão Tăng thực hành ngược lệnh này”. Xong, Sư bèn đánh cây gậy vào thiền sàn một cái.

6. Thiền sư Khả Xướng ở Tuệ lực.

Thiền sư Khả Xướng ở Tuệ lực tại Lâm giang quân. Có vị Tăng hỏi: “Với Phật lực pháp lực tức chẳng hỏi, còn thế nào là tuệ lực?” Sư đáp: “đạp ngã núi nhân ngã, nâng dậy cây Bồ-đề”. Lại hỏi: “Bồ-đề vốn không cây, hướng đến xứ nào mà xuống tay?” Sư đáp: “Không nói xuống tay, chánh nên dốc sức”. Lại nói: “Ngày nay được nghe điều chưa từng nghe”. Sư bảo: “Chớ nắm vàng thật mà gọi là than đá”. Lại hỏi: “Một niệm muôn năm, mười phương dứt hết. Người học đặc biệt tỏ bày thỉnh hỏi điều lợi ích”. Sư đáp: “Trước giao Đức Sơn, sau cho Lâm Tế”. Lại nói: “Thật tiếc tỏ bày một câu hỏi!” Sư bèn đánh. Lại hỏi: “Đại ý của Tổ sư từ Tây vức lại, xin Sư cử xướng”. Sư đáp: “Thời ấy Tổ sư Đạt-ma không có việc đó”. Lại nói: “Hòa thượng chớ dạy câu thoại rơi đọa”. Sư bảo: “Tức bị thượng nhân khám phá”. Lại nói: “Tránh làm sao văn thái đã rõ bày”. Sư bảo: “Hướng đến người nói”. Lại hỏi: “Ý Tổ ý giáo là đồng hay là khác?” Sư đáp: “Một giọt nước mực hai nơi thành rồng”. Lại hỏi: “Thế nào là đầm lạnh sóng lắng biển rồng ngủ, lá ngọc Bà-la lầu Thái phụng?” Sư đáp: “Trước nhớ ma-đằng, sau nghĩ Lô lão”. Lại hỏi: “Chánh lệnh của Ma-kiệt-đà ngày nay toàn nâng cử. Vậy thế nào là chánh lệnh của Ma-kiệt-đà?” Sư đáp: “Hét tan mây trắng, đánh phá hư không”. Lại hỏi: “Thế nào là xung mở cửa Pháp vương, đánh phá ải Tổ sư?” Sư đáp: “Lại phải nỗ lực”. Lại hỏi: “Nếu vậy thì nhường lão mã khỏe mạnh mới ra chuồng, còn tên Thánh sư chợt lìa dây?” Sư đáp: “Cũng chẳng tiêu được”. Lại nói: “Lửa nung đốt nước rưới chẳng nhằm”. Sư bảo: “Ai chịu tiện xoay đầu”. Và Sư mới bảo: “Nơi Pháp vương đi, cỏ cây tươi tốt, biển lớn vọt sóng Tu-di cao vợi. Cơ huyền chưa phát chỉ sợ mây ngủ chẳng sâu, đại dụng mới bày, bèn ra trong Ba-

ch liên xã. Do đó, tùy phương làm chủ, sao đồng loại giữ gốc, nắm dừng buông đi tự do tự tại. Giả sử như có thác nước liền trời, chẳng lại bờ tai sinh ồn náo. Mặc tình song kiếm kia núi cao, khỏi hướng đến trước mắt làm ngại. Lúc đáng đi thì đi, lúc đáng dừng thì dừng. Động tĩnh chẳng mất thời ấy, đạo ấy tỏa sáng. Đại chúng hãy nói: "Cái nào là việc của tỏa sáng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Hòa Sơn đánh trống, tiếng hiện còn, từ đó Lô lăng gạo xuống giá". Xong, Sư nắm phất trần đánh vào thiền sàn một cái. Có lúc Sư bảo: "Bồ-đề không tướng; tướng trùm Đại thiên, pháp tánh không lời; lời vang cùng sa giới. Do đó: "Bồ-tát Quán Âm từ nghe mà đắc đạo, Bồ-tát Di-lặc nhân thấy mà tỏ ngộ tâm. Môn hạ của Tổ sư có cảnh giới gì bèn được động tĩnh không ngại?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Quốc sư không thấy khách, Thị giả ra cửa núi".

7. Thiền sư Đức Tung ở Bách tử.

Thiền sư Đức Tung ở núi Bách tử tại Hoàng châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là hiển bày?" Sư đáp: "Dán mắt cao". Lại nói: "Pháp không cô khởi". Sư bảo: "Trên lộ trụ nâng cử lấy". Lại nói: "Nếu chẳng được dòng nước, lại nên qua núi khác". Sư bảo: "Biết tâm có mấy người". Và Sư mới bảo: "Trời đất một chỉ, dứt tâm đua tranh, muôn vật một ngựa, không luận phải quấy. Từ đó, ma-la ngầm vết, Phật tổ ứng hiện, Hàn Sơn vỗ tay mừng rỡ, Thập Đắc cười lớn ha ha. Đại chúng! Hai bậc cổ Thánh cười cái gì?" Ngưng giây lát, Sư cười lớn ha ha rồi tiếp bảo: "Một đóa hoa đàm lại gặp xuân".

8. Thiền sư Chí Truyền ở Hòa sơn.

Thiền sư Chí Truyền - Cam Lồ ở Hòa sơn tại Lô lăng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu trâu chìm ẩn, đầu ngựa xoay về, nơi xe kiếm bay tuyệt sạch mảy bụi. Nam bắc đông tây không đường khác, thôi nói Nam nhạc với Thiên thai, tự giữ trong am tùy duyên qua ngày, bèn nói trong thành ngồi Niết-bàn ngồi đến Thái bình, trong hang giải thoát chưa thể an thân lập mạng. Kịp đến nơi Hòa Sơn cũng thấy trên núi Lăng tiêu mây trắng cuộn duỗi, trước động La-hán tiếng khe róc rách xa. Ba cửa điện Phật chẳng khác các phương, kho bếp nhà Tăng đều theo khuôn vết, tiện khéo rứt bẻ cây gậy, treo cao đãy bát, cùng các Thiền đức đạp trâu trắng bày đất, rảo bước đất trời trong hồ, núi sông ngoài vật, xướng nhạc thôn quê đồng ruộng. Vả lại, nghĩ gì qua thời gian. Giả sử khiến chư Phật xuất hiện hưng hóa nơi đời. Đất lay sáu thứ chấn động, trời mưa bốn thứ hoa, trọn chẳng thể bao quản được. Cũng chẳng nghi nhầm cừ. Hãy nói sơn Tăng có nơi sinh trưởng, tiện nghĩ gì, nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Mây trắng chợt có thể lại núi biếc. Trăng

sáng nào bảo xuống trời xanh”.

9. Thiền sư Chí Thiêm ở Khai nguyên.

Thiền sư Chí Thiêm - Chân giác ở Khai nguyên tại Tuyền châu, vốn người dòng họ Trần ở Bản châu. Nhân vân du đến bái yết Thiền sư Thường Tổng - Giác Chiếu ở Đông lâm. Một ngày nọ trong thất nêu cử chỉ dạy nhân duyên thổi lông vải, Sư ngay lời ấy mà được khai ngộ, mới trình bài kệ tụng rằng: “Lão sư từng nằm lông vải thổi, khắp xứ rành rành cơ thứ nhất, muốn biết trong đó nơi đích xác, đầu non xa chỉ mây trắng bay”.

Khoảng đầu niên hiệu Nguyên Hựu (1086) thời Bắc Tống, Sư vân du đến kinh đô, Từ Quốc đại vương nghe đạo phong của Sư. Một ngày nọ sai sứ thỉnh mời Sư vào cung. Nhân lúc tiểu tham, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Thật tánh Tỳ-lô-giá-na cùng bản tánh của các người vốn không sai khác. từ vô lượng đời kiếp trở lại nay lưu chuyển khắp pháp giới, ở trong đó thọ sinh không gốc không ngọn, không đi không lại, không tánh không tướng, không xưa không nay, mảy trần chẳng lập, tơ tóc khó còn. Không chánh pháp có thể phân, huống gì có thời gian tượng pháp mạt pháp. Nên biết pháp giới chúng sinh không thành không hoại, tự tánh bản nguyên là Phật. tuy là như vậy, nhưng y cứ theo môn hạ của nạp Tăng thì trời đất khác biệt, đã có sinh và có diệt, lại có đi có lại. Chánh pháp tượng pháp mạt pháp không sai, tánh tướng rành rành có thể quán xét. Trong khoảng giữa ấy không có thành Phật, không có chẳng thành Phật. Với Niết-bàn tạng không nơi gián cách. Ngay như chư Phật ba đời, sáu đời Tổ sư, các lão Hòa thượng trong thiên hạ thần thông quá hơn Tôn giả Thu Tử, biện tài trí tuệ thắng vượt Tôn giả Mãn Từ, đến trong đó cũng phải cứng lưỡi, mất sư bén nhọn”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Lệnh nước nhà đã ban truyền lắng trong vũ trụ, người người mỗi tự mừng vui năm thái bình”. Vua (Triết Tông - Triệu Húc) lại hỏi: “Thế nào là việc của Phật pháp”. Sư đáp: “Thấy tánh tức là phải”. Lại hỏi: “Làm sao được thấy tánh?” Sư đáp: “Chẳng lìa trong mười hai thời khắc đi đứng nằm ngồi, đều là Đạo tràng của chư Phật xưa trước”. Vua bèn lãnh hội, kín khế hợp tông phong, liền ban lệnh thỉnh mời bốn Thiền sư vào cung lên tòa giảng pháp, lại cầu sự ấn chương, thiết trai phạm cúng dường ngàn vị Tăng, đọc xem Đại tạng kinh lấy làm vui mừng tán thán. Kịp đến lúctấu trình lên Hoàng thái hậu Tuyên Nhân ban tặng Sư hiệu là “Chân Giác Thiền sư”, Sư cố chối từ không nhận, lại ban tặng Sư áo ca-sa-ma-nạp có ngự bút đề nơi vòng vàng giải móc là: “Tặng Chân giác đạo giả, trong tương lai đồng thành Phật quả”. Các

cung tầng tặgn cúng các y phục sắc tía có hơn bốn mươi bộ, Sư tấu trình cúng dường lại chư vị Luật sư, Thiền sư ở các phương. Đến lúc vua Triết Tông băng hà (1101), Sư lại vào điện Phước ninh thăng tòa giảng pháp, lại được phong xưng hiệu là "Chân Giác Đại sư".

10. Thiền sư Phạm Khanh ở Tương điền.

Thiền sư Phạm Khanh ở Tương điền tại phủ Thiệu hưng, vốn người dòng họ Tiền ở Gia hưng. Có vị Tăng hỏi: "Đức Bồ-tát Đại bi dùng lắm nhiều tay mắt để làm gì?" Sư đáp: "Giàu có hiềm ghét ngàn miệng thiếu". Lại hỏi: "Rốt cùng như thế nào là mắt Thánh?" Sư đáp: "Từ trước lại tuy cùng sống chung mà chẳng biết tên". Lại hỏi: "Gió lạnh chợt nổi, nạp tử mở lò, bỗng nhớ Đan Hà đốt Phật gỗ, nhân gì việc chủ rụng mày râu?" Sư đáp: "Trương Công uống rượu Lý Công say". Lại hỏi: "Vì gì lại là gặp mạnh tức yếu, vì gì là diệu dụng thần thông?" Sư đáp: "Thánh Tăng trong nha tức rành quen vịec này". Lại hỏi: "Tượng điền có kiếm giết rồng, lúc muốn mượn một lầm xem thì thế nào?" Sư đè ngang cây gậy, vị Tăng ấy bèn hét, Sư ném cây gậy xuống, vị Tăng ấy im lặng. Sư bảo: "Con ểnh ương chết này". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Xuân đã muộn màng hoa rơi lẫn lộn dưới mưa hồng, Nam bắc người đi về chẳng về, ngàn rừng muôn rừng đỗ vũ ngâm, ta không nhà chừ về nơi nào? Mười phương cõi nước sao cùng nương, lão trời có cái tin tức thật, đêm qua canh ba trăng tại hồ. Trên đây Phật pháp đến đây mạng như chỉ mành tơ treo. Khác mắt vượt tông cùng khó tiếp thừa làm rạng rỡ!" Sư bèn dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: "Nhờ có cái kham làm lưu thông. Ngay đây trông xem được bèn thấy chư Phật ba đời hướng đến trong lộ trụ lồng đèn chuyển Đại pháp luân. Chúng sinh trong sáu thú ở núi Thiết vi được nghe pháp. Cần âm chẳng phải âm , thấy sắc chẳng phải sắc, tùy khác bốn thứ mỗi được giải thoát. Cứ xướng như vậy chẳng chỉ chôn vùi tông phong, cũng là chìm đắm chính mình. hãy nói thế nào là được chẳng phạm đi". Xong, Sư vỗ vào thiền sàn một cái, và xuống khỏi tòa.

11. Thiền sư Đạo Biện ở Hành nhạc.

Thiền sư Đạo Biện ở chùa Hành nhạc tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Nhón nắm dùi, nhấc phất trần tức tạm đặt một bên, còn Hòa thượng làm gì vì người?" Sư đáp: "Khách lại, phải tiếp". Lại hỏi: "Tiện là nơi vì người chăng?" Sư đáp: "Trà thô cơm dạt". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Phải biết mùi vị mới được".

12. Thiền sư Khương Nguyên ở Hưng phước.

Thiền sư Khương Nguyên ở Hưng phước tại phước châu. Có lúc

lên giảng đường, Sư bảo: "Sơn Tăng có một bí quyết, bình thường chẳng tiết lậu. Ngay nay chẳng cất giấu trong đãy, rành rẽ vì các người nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Lúc lạnh thì lạnh, lúc nóng thì nóng".

13. Thiền sư Tông Dụ ở Bao thân.

Thiền sư Tông Dụ ở chùa Tình đức - Bao thân tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tân-la đánh trống, Đại Tống lên giảng đường, cây bách trước sân của câu thoại, lồng đèn lộ trụ nhằm bận rộn, đài hương cây gậy mỗi múa vũ. Duy-ma lấy cớ bệnh còn nằm tại giường. Lão tài giỏi ấy ta cũng biết được. Bệnh ấy thôi lừa dối Lang Đang. Ôi!"

14. Thiền sư Quỳ ở Long tuyền.

Thiền sư Quỳ ở Long tuyền tại Tây sơn, phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, đại chúng đã nhóm tập, Sư mới bảo: "Chỉ nghĩ gì bèn tan đi chẳng phòng ngại yếu diệu. Tuy là như vậy, nhưng lớn là không gió nổi sóng, cọc đinh giữa không trung, huống gì kéo cành dẫn nhánh tràn lan nói diệu đàm huyền, chánh là mạc vàng che trong mắt, bụi trên áo châu pháp. Hãy nói phủi bụi ra mạc người ấy là ai?" Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

15. Thiền sư Chí Ân ở Đâu suất.

Thiền sư Chí Ân ở Đâu suất tại Nam khương quân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lạc lạc phách phách ở thôn ở quách, lỗ lỗ mãng mãng nào nay nào xưa, chẳng trọng tánh linh của chính mình thì thôi đàm nói Phật tổ, phẩy định lỗ mũi Thích-ca, giơ cao vành tai Quán Âm, mặc kia non tuyết trục cầu, thôi quản Hòa Sơn đánh trống. Nếu là bản sắc nạp Tăng, trọn chẳng ôm giữ gốc cây đợi thỏ. Tham".

16. Thượng tọa Tuệ Viên.

Thượng tọa Tuệ Viên vốn người dòng họ Can ở Toan tảo tại Khai phong. Gia đình nhiều đời làm nghề nông. Thủa thiếu thời Sư đến nương tựa Sa-môn Đức Quang ở chùa Kiến phước thuộc trong ấp tôn xưng làm thầy. Tánh Sư tiêu lỗ nhưng cần mẫn cừ động Tổ đạo, kiên trì thường ngồi chẳng nằm, ở qua vào năm mớ được độ. Sau đó ra vân du đến Lô sơn tới Đông lâm, thường đem việc của chính mình mà thưa hỏi. Các đồng bạn trông thây Sư dung mạo thô xấu cử chỉ trái vọng nên đều đùa bỡn xem thường Sư. Một ngày nọ đến trong sân điện, bỗng nhiên trái chân vấp té, tự nhiên Sư khai ngộ, làm bài kệ tụng nhờ một Hành giả ghi viết trên vách tường rằng: "Một giao ấy, một giao ấy, muôn lượng vàng ròng cũng hợp tiêu. Trên đầu nón, dưới co bao. Gió trong trăng tỏ đầu gậy khêu". Ngay ngày đó, Sư bèn lìa Đông lâm, đại chúng lan

truyền đến tai Thiền sư Chiếu Giác - Thường Tổng. Thiền sư Chiếu Giác - Thường Tổng rất hoan hỷ bảo: "Nạp tử tham cứu tốt khéo như vậy, không gì cân phải thêm". Và bèn sai người tìm theo đường vết Sư đi nhưng trọn không thể được.

17. Cư sĩ Nội hàng Tô Thức.

Cư sĩ Nội hàng Đông Pha - Tô Thức tư là Tử Chiêm. Nhân đến nghỉ lại qua đêm tại Đông lâm, cùng Thiền sư Chiếu Giác - Thường Tổng đàm luận câu thoại vô tình mà có sự tỉnh ngộ. Sáng sớm hôm sau bèn dâng bài kệ tụng rằng: "Tiếng khe bèn là lưỡi rộng dài, sắc núi há chẳng thân tịnh, đêm lại tám vạn bốn ngàn kệ, ngày khác làm sao cử tợ người". Sau đó không bao lâu, đến Nam kinh, nghe Thiền sư Hạo ở Ngọc tuyền là bậc cơ phong không ai có thể xúc phạm, Cư sĩ phỏng ngưỡng mộ, tức phục sơ dài mong cầu thấy gặp. Thiền sư Hạo bảo: "Tôn quan dòng họ cao quý". Cư sĩ nói: "Dòng họ xứng mới cân thiên hạ, trưởng lão thấp cân". Thiền sư Hạo liền hét một tiếng và bảo: "Hãy nói tiếng hét ấy nặng bao nhiêu?" Cư sĩ không trả lời được, từ đó tôn trọng kính lễ. Sau qua Kim sơn có thợ đắp tả chân dung Thiền sư Chiếu, Cư sĩ đùa ghi rằng: "Tâm tợ gỗ thành than, thân như thuyền chẳng buộc, hỏi ngươi nghề nghiệp lúc sống, Hoàng châu, Huệ châu, Quỳnh châu".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VINH Ở TUYẾT ĐẬU

1. Thiền sư Đại Trí ở Tuyết phong.

Thiền sư Đại Trí ở Tuyết phong tại Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư ngậm cán cây phất trần mà chỉ bày đó. Lại hỏi: "Đó là tận cùng của Hướng nghiêm còn Hòa thượng làm sao sao sống?" Sư bèn hét. Vị Tăng ấy cười lớn. Sư quát bảo: "Dã hồ tinh này".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHƯ Ở TRÍ GIẢ

1. Thiền sư Trừng Nguyệt ở thừa thiên.

Thiền sư Trừng Nguyệt ở thừa thiên tại Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Ngày tàn nhớ cỏ u". Lại hỏi: "Thế nào là đại ý của Phật pháp?" Sư đáp: "Năm nay gạo củi quý mắc". Đến lúc sắp thị tịch, Sư có lưu lại bài tụng rằng:

"Đi vậy đi đâu
Ở chừ nơi nào?
Đi ở nào theo
Vượt hẳn dứt bạn.

Sắp lên núi một câu,
hướng đến ai nêu cử
Ngân hán đêm trắng, cóc lẽ nhả".

Nói xong, Sư ngồi kiết-già mà thị tịch.

2. Thiền sư Hư Ngoại ở Hoa tạng.

Thiền sư Hư Ngoại ở Hoa tạng tại Vụ châu. có vị Tăng hỏi: "biết Sư từ lâu cất giấu vật báu trong đãy, ngày nay tại pháp diên muốn được mượn xem?" Sư đáp: "Gỡ dậy lông mày". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy thì như thế nào?" Sư đáp: "Ít nhiều rõ ràng". Lúc sắp thị tịch, Sư có lưu lại kệ tụng rằng:

"Thiếu niên Thạch nữ nắm vòng vàng
Chạm sừng tê ngưu vào Hoa sơn
Ba tuần vỗ tay cười ha hả
Trẻ hồ mắt biếc qua ải sắt".

Nói xong, Sư ngồi kiết-già mà thị tịch.

3. Thiền sư Khả Tung ở Tịnh độ.

Thiền sư Khả Tung ở Tịnh độ tại Vụ châu. Lúc sắp thị tịch, Sư có lưu lại bài kệ tụng rằng:

"Gỗ linh không rễ
Bắc đẩu có chuôi
Biển lớn sóng cả
Là thọ mạng ta
Tám thước trượng sáu
Ai phàm ai Thánh
Nếu hỏi nơi đi
Xuân hành thu lệnh
Trân trọng chư hiền
Hình ngay bày thẳng!"

Nói xong, Sư ngồi kiết-già mà thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐOAN Ở BẠCH VÂN

1. Thiền sư Pháp Diễn ở Ngũ tổ.

Thiền sư Pháp Diễn ở Ngũ tổ tại Kỳ châu, vốn người dòng họ Đặng ở Miên châu. Năm ba mươi lăm tuổi, sư mới xả tục xuất gia. Thọ giới Cụ túc xong, Sư đến Thành đô tập học các luận Duy thức, Bách pháp. Nhân nghe Bồ-tát lúc vào kiến đạo, trí và lý đều mịt mờ, cảnh và thần khế hội. Chẳng phân rõ năng chứng sở chứng. Ở Tây vức có ngoại đạo từng cật nạn các Tỳ-kheo là "Đã chẳng phân năng chứng và

sở chứng, tức lấy gì làm chứng?" không ai đối đáp được. Ngoại đạo bèn nhèm chê đó, khiến không được gióng đánh chuông trống và đắp mặc pháp phục ca-sa. Đến Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang đến xứ đó, giải cứu nghĩa ấy, bảo là: "Như người uống nước nóng lạnh tự hay". Mới thông được nạn ấy. Sư tự bảo: "Lạnh nóng thì có thể biết vậy, còn làm sao sống là việc tự biết?" Bèn đem cật hỏi Bản chủ giảng: "Lý chẳng biết tự biết, như thế nào?" Chủ giảng chẳng hiểu câu hỏi ấy, chỉ dẫn dụ Sư là: "Ông muốn rõ suốt điều này, nên đến phương Nam gõ hỏi những vị truyền Phật tâm tông". Sư liền mang tráp ra đi, phàm thấy gặp những bậc tôn túc nào, Sư cũng đem điều ấy thưa hỏi để quyết trạch, nhưng điều nghi của Sư trọn chẳng thể phá. Kịp đến lúc Sư tới bái yết Thiền sư Bản - Viên Chiếu. Với mọi nhân duyên xưa nay đều hiểu hết, chỉ chẳng hiểu có vị Tăng hỏi Hưng Hóa rằng: "Lúc bốn phương tám hướng lại thì như thế nào?" Sư Hưng Hóa đáp: "Đánh ngay khoảng giữa". Vị Tăng ấy đảnh lễ. Hưng Hóa bảo: "Hôm qua ta đến trong thôn thọ trai giữa trưa, trên đường gặp phải một trận gió táp mưa bảo, ta liền đến trong miếu cũ ẩn lánh mà được qua khỏi". Sư đem điều ấy thưa hỏi Thiền sư Bản - Viên Chiếu. Thiền sư Bản - Viên Chiếu bảo: "Đây là nhân duyên đưa xuống của Lâm Tế, phải đến hỏi con cháu nhà ấy mới được". Sư bèn đến bái yết Thiền sư Viễn ở Phù sơn, thưa hỏi câu thoại trước. Thiền sư Viễn bảo: "Ta có một cái thí dụ nói tợ như thế. Cái tương tợ thứ nhất là ba nhà trong thôn bán củi Hán tử, nắm cái gánh dẹp đến đầu ngả tư đường đứng nơi đất hỏi người: "Trong thư đường ngày nay thương lượng việc gì?" Sư im lặng nghĩ tính rồi nói: "Nếu lớn như vậy hẳn chưa nhằm". Một ngày nọ Thiền sư Viễ bảo Sư là: "Tôi nay già yếu, sợ trống rỗng luống qua tấc bóng của con. Con có thể sang nương tựa Thiền sư Đoan ở Bạch vân. lão ấy tuy là hậu sinh, ta chưa biết mặt, chỉ thấy lão ta có kệ tụng về câu thoại cây gậy Tam đốn của Lâm Tế, thật có chỗ hơn người, hẳn có thể rõ rành việc lớn của con!" Sư lẳng lặng lễ bái mà giã từ Thiền sư Viễn.

Đến Bạch vân, Sư bèn nêu cử câu thoại, có vị Tăng hỏi Nam tuyền về ngọc ma-ni để thưa hỏi, Thiền sư Đoan quát mắng Sư, Sư liền lãnh hội im lặng rồi gieo cơ với bài kệ tụng rằng: "Trước núi một mảnh đất ruộng hoang, tréo tay định ninh hỏi tổ ông, bao giờ sẽ bán để tự mua, vì thương tùng trúc dẫn gió lành". Thiền sư Đoan đặc biệt ấn chứng cho Sư và khiến trông coi việc lau chùi. Một ngày nọ Thiền sư Đoan đến nói cùng Sư rằng: "Có vài thiền khách từ Lô sơn lại, đều có nơi ngộ nhận, dạy họ nói cũng nói được cũng có nguyên do, nêu cử nhân duyên hỏi

họ cũng rõ được, bảo họ mở lời cũng mở lời được, chỉ là chưa nhằm". Khi ấy Sư phát nghi lớn, riêng tự nghĩ tính rằng: "đã ngộ rồi, nói cũng nói được, rõ cũng rõ được, cớ sao lại chẳng nhằm?" Sư bèn tham cứu trải qua nhiều ngày, bỗng nhiên tỉnh ngộ, mọi quý tiếc từ trước đồng một lúc buông xuống, liền chạy tới trước Thiền sư Đoan. Thiền sư Đoan đưa tay múa máy, chân nhảy nhót, Sư cũng chỉ cười mà thôi. Sau đó, Sư nói: "Tôi nhân đó mà thân mình đổ mồ hôi trắng, mới rõ được dưới chuyên chở gió lành". Một ngày nọ Thiền sư Đoan chỉ dạy đại chúng rằng: "Người xưa nói như gương đúc tượng, sau khi tượng thành, gương-tại xứ nào?" Trong chúng mở lời không khế hợp, bèn nêu cử hỏi Sư. Sư đến gần trước mặt hỏi thăm rằng: "Cũng chẳng so sánh nhiều". Thiền sư Đoan cười bảo: "Phải là đạo giả mới được". Và mới bảo Sư phân tòa khai mở chỉ dạy mọi người ở các phương lại.

Mới đầu ra hoằng hóa, Sư đến ở Tứ diện rồi chuyển dời về Bạch vân, sau cùng, Sư đến ở Đông sơn. Có vị Tăng hỏi: "Nắm gậy lãnh chúng, lệnh Tổ đang thực hành, dứt hẳn cốt lõi, ý Sư như thế nào?" Sư đáp: "Gió thu thổi Vị thủy, lá rơi đầy Trường an". Lại hỏi: "Bốn mặt không cửa núi non đẹp, sáng nay lại được chủ nhân về". Sư bảo: "Ông nói đầu đường tại nơi nào?" Lại hỏi: "Vì sao đối mặt chẳng cùng biết?" Sư đáp: "Tạm mừng đến lại". Lại hỏi: "Ý Tổ ý giáo là đồng hay là khác?" Sư đáp: "Người nghèo khổ trí cạn cợt". Lại hỏi: "Thế nào là nơi Bạch Vân vì người thân thiết?" Sư đáp: "Nắm lay lỗ mũi". Lại hỏi: "Tiện nghĩ gì lúc ấy thế nào?" Sư đáp: "Chẳng biết gã ốm đau". Lại hỏi: "Tổ sư Đạt-ma ngồi xoay mặt vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Tính lường chưa thành". Lại hỏi: "Lúc Nhị tổ (Thần Quang) đứng giữa tuyết thì như thế nào?" Sư đáp: "Đem sai lầm đến sai lầm". Lại hỏi: "Chỉ như chặt tay an tâm lại làm sao sống?" Sư đáp: "Vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy) mở sông Biện". Lại hỏi: "Đầu sào trăm thước làm sao tiến bước?" Sư đáp: Khoái chạy mới được". Lại hỏi: "Thế nào là việc dưới của Lâm Tế?" Sư đáp: "Tội ngũ nghịch nghe tiếng sấm". Lại hỏi: "Thế nào là việc dưới của Vân Môn?" Sư đáp: "Cờ hồng sáng rực". Lại hỏi: "Thế nào là việc dưới của Tào động?" Sư đáp: "Thư chậm chẳng tới nhà". Lại hỏi: "Thế nào là việc dưới của Quy ngưỡng?" Sư đáp: "Chặt bia ngang đường xưa". Vị Tăng ấy lễ bái. Sư bảo: "Sao chẳng hỏi việc dưới của Pháp nhãn?" Vị Tăng ấy thưa: "Lưu lại cho Hòa thượng". Sư bảo: "Người tuần tra phạm đi đêm". Lại hỏi: "Thế nào là là một giọt nước của Bạch vân?" Sư đáp: "Đánh xay đánh cối". Lại hỏi: "Người uống như thế nào?"

Sư đáp: "Bảo ngươi không nơi dán mặt" Lại hỏi: "Đầu lưỡi của người trong thiên hạ đều bị Bạch Vân cắt đứt, còn đầu lưỡi Bạch Vân người nào cắt đứt?" Sư đáp: "Vương Đại Ông ở thôn Đông". Và Sư mới bảo: "Vừa lại nghĩ lường được một tấc nhân duyên, mà nay sớm quên mất rồi vậy, tức là cây gậy ghi nhớ được". Sư mới nắm cây gậy lên và tiếp bảo: "Cây gậy cũng quên rồi". Sư lại gõ xuống một cái, bảo: "Đồng hầm hồ, không khác đất. Ôi!"

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "May là không một việc, hành cước cần tham thiền, tức bị thiền não loạn, chẳng thấu cửa Tổ sư. Vậy thế nào là cửa của Tổ sư? Nắm lửa vào chuồng trâu!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nghĩ gì? Nghĩ gì tôm nhảy không ra khỏi đấu? Chẳng nghĩ gì; chẳng nghĩ gì, khéo múa thành vụng. Mềm mại tợ sắt, cứng như đất bùn. Tròng mắt kim cang mười hai lượng, đầu cân trong tay nạp Tăng thấp, có giá số không thương lượng, không lõ mũi lấy gì nghe mùi hương?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khó khó bao nhiêu ban, dễ dễ lấp lỗ mũi. Khéo khéo thúc người già, im im theo đây được. qua bốn lớp cửa ấy, người Tứ châu thấy đại Thánh. Tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu muốn bảy tung tám hoành thấy lão Hòa thượng, đánh trống lên giảng đường bảy mươi ba, tám mươi bốn. Đem cây gậy bỗng nhiên tiện đắp. Tuy là như vậy, nhón lấy tức đài xuống ngựa trước cửa, cắt tức dây tơ năm sắc, mới bắt đầu được an lạc". Có vị Tăng hỏi: "Nhân sư có lời: "Trước núi một mảnh ruộng đất hoang". Chỉ như từ thời Đức Phật oai âm vương trở về trước, chưa xét rõ người nào làm chủ?" Sư đáp: "Hỏi lấy người biên ghi bằng khoán". Lại hỏi: "Hòa thượng vì gì mượn người lại đáp?" Sư đáp: "Bởi vì ông bảo người khác hỏi". Lại nói: "Cùng Hòa thượng ngang bằng ra vậy". Sư bảo: "Nơi rất xa". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Miệng là cửa họa". Và Sư lại bảo: "Béo tốt từ miệng vào". Lại hỏi: "Một đời thuyết giáo là cái cắt cẳng chân, chưa rõ cắt chữ nào?" Sư đáp: "Bát-la-nương". Lại hỏi: "Người học chỉ hỏi một chữ, vì gì lại đáp nhiều lắm?" Sư đáp: "Bảy chữ tám chữ". Lại hỏi: ""Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Cờ sắt, trống sắt". Lại hỏi: "Chỉ có cái ấy hay lại có cái khác?" Sư đáp: "Dò thăm đá vượt qua đầu xem". Lại hỏi: "Bỗng gặp khách đến làm sao tiếp đãi?" Sư đáp: "Gan rồng tủy phụng tạm đợi lúc khác". Lại nói: "Khách là chủ nhân cùng Sư". Sư bảo: "Cảm tạ sự cúng dường". Lại hỏi: "Thế nào là trước chiếu sau dụng?" Sư đáp: "Lời vua nói như tơ". Lại hỏi: "Thế nào là trước dụng sau chiếu?" Sư đáp: "Lời ấy ban ra như luân". Lại hỏi: "Thế nào là chiếu dụng đồng

thời?" Sư đáp: "Nhấc dậy Kiếng Hiên Viên, Si Vưu chóng mất oai". Lại hỏi: "Thế nào là chiếu dụng chẳng đồng thời?" Sư đáp: "Vàng đem vào lửa thử". Lại hỏi: "Lúc Phật chưa xuất hiện nơi đời thì như thế?" Sư đáp: "Ngu si lớn chẳng bằng ngu si nhỏ". Lại hỏi: "Sau khi đã xuất hiện nơi đời thì thế nào?" Sư đáp: "Ngu si nhỏ chẳng bằng ngu si lớn". Lại hỏi: "Lúc Ngưu đầu chưa thấy gặp Tứ tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "Trên đầu đội dây xâu duỗi rủ". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy gặp lại như thế nào?" Sư đáp: "Vải xanh ngăn chắn trước". Lại hỏi: "Lúc chưa thấy vì gì trăm chim ngậm hoa dâng cúng?" Sư đáp: "Giàu và quý là điều ham muốn của con người". Lại hỏi: "Sau khi vì gì chẳng ngậm hoa dâng cúng?" Sư đáp: "Nghèo và hèn là điều con người chán ghét". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Ngực bày mười chân". Lại hỏi: "Thế nào là Pháp?" Sư đáp: "Đại xa chẳng phóng thả". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Câu cá trên thuyền cảm tạ Tam Lang". Lại hỏi: "Bốn mặt không cửa núi đẹp xinh, trong ấy thời tiết phân thế nào?" Sư đáp: "Đông Quân biết tử tế, khắp đất hạt mầm nẩy". Lại nói: "Xuân đi thu lại sự việc uyển nhiên vậy". Sư bảo: "Vừa mới xoa viên đạn, bèn muốn nắn kim cang". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa nói nếu ta hướng đến nói với các người tức là cùn ngay chiếc lưỡi của ta, nếu chẳng hướng đến nói với các người tức câm ngay miệng của ta. Hãy nói lại có nơi vì người không? Bốn mặt đồng một lúc phỏng vì các người nuốt ngay, chỉ vị chiếc răng ở ngay cửa cản ngại, phỏng vì các người nhả ra, lại vì cổ họng nhỏ hẹp. Hãy nói lại có nơi vì người không?" Và Sư mới bảo: "Bốn mặt tự lại liễu hạ huệ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Kết hạ không thể cúng dường làm một nhà yến quản trông nhìn lại các người". Sư bèn lắc tay bảo: "La la vẫy, la la lay, la la đưa tiễn, chớ quái lại rỗng không, cúi mong. Trân trọng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mây trắng chẳng hiểu nói thiền", ba cửa mở hướng hai bên. Có người động nhằm then chốt, hai mảnh cánh đông cánh tây". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một hướng nghĩ gì đường đi dứt tuyệt hiếm người, một hướng nghĩ gì đi cô phụ tiên Thánh, cắt bỏ hai đường ấy, Phật tổ chẳng thể gần. Giả sử cùng Bạch Vân đồng sống đồng chết, cũng chưa xứng bình sinh. sao vậy? Phụng hoàng chẳng phải vật phàm gian, chẳng được ngộ đồng thề không gá đậu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngàn núi xếp bày xanh biếc bờ liễu lay vàng, tiều phu ngâm khúc âu ca, ngư nhân cổ vũ, sênh hoàng om sòm, chim hót nỉ non, người đẹp bụi hồng, công tử phong lưu, mỗi mỗi vì các người mở phát. Trên trên máy mở mắt chánh pháp, nếu hướng đến trong đó cử

tiến được, sắc vàng đầu đà không nơi dung thân. Nếu cũng chẳng hợp ăn cháo ăn cơm, hứa cho các người bảy xuyên tám đột". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cái vật này trên chống trời dưới chống đất, hoãn miệng làm mắt, hoãn núi làmmũi, thái bình lùi thân ba bước, buông cho các người ra hơi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Con chó lại có tánh Phật hay không, cũng hơn con mèo gấp bội mười lần". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thái bình tài khuất tuần, mọi sự đều trải khắp, như vậy ba mươi năm, cũng có người tán thán cái đạo, tán thán là gì? Khéo cái tài khuất tuần". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Các người thấy lão Hòa thượng cổ động môi mép, dựng đứng cây phất trần, tiện làm thắng giải. Đến cả chim muôn nơi núi rừng tụ tập, trâu quẩy động đuôi, tức đem làm Đẳng nhàn, rất không biết tiếng rèm chẳng dứt mưa tuần trước, bóng chớp lại liền sấm đêm sau. Cảm tạ giám thâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tánh mạng của con người việc thứ nhất là O muốn được thành O đây, trước phải phòng ngại ở O, nếu là thật O người O O". lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Có nơi Phật chẳng được ở, kéo ngay tim gan ngũ tạng ngươi. Không nơi Phật gấp chạy qua. Nhạn bay qua lưu lại tiếng. Ngoài ba mươi dặm gặp người chẳng được thố cử, ra cửa bèn sai lầm, nghĩ gì thì chẳng đi vậy, gieo thóc tức mọc đậu, hái hoa dương, hái hoa dương. Bất chợt ngày lại đêm, tranh dạy người tuổi trẻ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngộ rồi đồng chưa ngộ, về nhà tìm đường cũ, một chữ là một chữ, một câu là một câu, tự nhỏ chẳng thoát không, hai năm học dời bước, nước lắng hoa sen mọc, mỗi năm mọc một lần".

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đoạt người chẳng đoạt cảnh?" Sư đáp: "Gió thu thổi Vị thủy, lá rơi đầy Trường an". Lại hỏi: "Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt người?" Sư đáp: "Trên đường gặp người nữa là Tăng". Lại hỏi: "Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt?" Sư đáp: "Giữa trời có trăng soi ngàn nhà, đường lớn không người, riêng mình đi". Lại hỏi: "Thế nào là người và cảnh cả hai đều chẳng đoạt?" Sư đáp: "Thiếu phụ chèo thuyền đơn, tiếng ca theo dòng nước". Nhân lúc tiểu tham, Sư nêu cử Đức Sơn nói là: "Đêm nay chẳng đáp câu thoại, người hỏi câu thoại ăn ba mươi gậy". Trong chúng đây người nêu cử có nhiều, người nhận hiểu chẳng thiếu, hãy nói hướng đến nơi nào thấy Đức Sơn? Co người chẳng đoái hoài tánh mạng, thử ra nói xem? Nếu không, sơn Tăng sẽ cùng Đức Sơn gặp thấy nhau đi vậy. Đợi Đức Sơn nói đêm nay chẳng đáp câu thoại, người hỏi câu thoại ăn ba mươi gậy", chỉ hướng vào đó nói. Câu thoại của tôi cũng chẳng hỏi, gậy cũng chẳng ăn. Các người

nói có khế hợp với lão nhân Đức Sơn kia chăng? Đến trong đó phải là cái tài giỏi mới được. Huống gì tôi hơn mười năm lênh đênh trên biển tham tìm, thấy vài vị Tôn túc tự cho là rõ suốt chánh đáng. Kịp khi đến trong pháp hội ở Phù sơn, ngay là mở miệng không được. Sau đến dưới cửa Bạch vân, cắn bể cái bánh đậu sắt chua, liền được trăm thứ mùi vị đầy đủ. Hãy nói một câu hạt đậu làm sao sống? Nói". Và Sư mới bảo: "Hoa nở mồng gà đẹp sớm thu, ai người hay nhuộm đầu tóc tía, có lúc gió động luôn cùng tựa, tự hướng trước thềm đấu chẳng thôi". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hôm qua vào trong thành, sơn Tăng thấy một bức tượng gỗ, chẳng khỏi đến gần phía trước xem, hoặc thấy đoan nghiêm kỳ đặc, hoặc thấy xấu xí chẳng kham, chuyển động đi ngồi, xanh vàng đỏ trắng, mỗi mỗi đều thấy rõ, lúc nhìn kỹ vốn là trong màn vải xanh có người. Sơn Tăng Nhẫn Tài giỏi chẳng cấm, mới hỏi Trưởng Lại dòng họ Cao. Kia bảo: "Lão Hòa thượng nhìn xem", tiện rõ hỏi dòng họ gì. Đại chúng! Sơn Tăng kia bị hỏi một cái liền bị không lời có thể đáp, không lý có thể bày giải. Lại có người nào vì sơn Tăng nói được chăng? Hôm qua nơi nào mất rơi, ngày nay nơi nào nhổ gốc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nói Phật nói pháp, nắm dùi dựng đứng phủi mây trắng ngàn dặm. Sau đó, nghĩ gì cũng chẳng được, chẳng nghĩ gì cũng chẳng được, nghĩ gì chẳng nghĩ gì tất cả chẳng được vậy, thì mây trắng ngàn dặm bỗng có gã tài giỏi ra nói trưởng lão ấy nghĩ gì nói vậy cũng là mây trắng ngàn dặm, nói năng trong đó gọi làm kẻ hèn kém nhìn đùa theo người lên xuống, ba mươi năm sau một trường khéo cười. Hãy nói cười cái gì? Cười mây trăng ngàn dặm".

Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Tổ sư nói: "Tôi đến xứ này, truyền pháp cứu mê tình, một hoa nở năm cành, kết quả tự nhiên thành". Tổ sư Đạt-ma tin cẳng chân lại tin miệng nói, con cháu đời sau phần nhiều trở thành lường tính, cần hiểu hoa nở; quả thành nơi nào? Trịnh châu có lê, châu có táo. Muôn vật không qua ra nơi tốt đẹp". Có lúc Sư lại chỉ dạy đại chúng rằng: "Chân như, Thánh phàm đều là mộng nói, Phật và chúng sinh đều là thêm lời. Hoặc có người ra lại nói lão Bàn Sơn ấy chỉ hướng kia nói, chẳng nhân bờ tía hoa nở sớm, tranh được oanh vàng xuống cành liễu. Nếu lại hỏi đạo, lão Ngũ tổ ấy tự bảo: "Vâng, tĩnh lắng nhầm". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chư Phật mười phương, sáu đời Tổ sư, các Thiện tri thức trong thiên hạ đều đồng cái đầu lưỡi ấy, nếu biết được cái đầu lưỡi ấy, mới hiểu đại thoát không, tiện nói núi sông đất liền là Phật, cỏ cây tùng lâm là Phật. Nếu cũng chưa biết được cái đầu lưỡi ấy chỉ thành tiểu giải không tự lừa dối

đi. Sang mai ngày sau rất có việc nhầm, Ngũ tổ nghĩ gì nói năng lại có nơi đầu thật không? Tự nói có. Thế nào là nơi đầu thật. Về nhà uống trà đi". Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng: "Mỗi ngày dậy chống ngay cây gậy Lâm Tế. Thổi khúc nhạc Vân môn, ứng tiếng vố của Triệu Châu, vác cái thuổng của Ngưỡng sơn, xua đuổi trâu Quy sơn, cày ruộng Bạch vân, bảy tám năm lại tạm thành kế sống của gia đình. Lại báo cùng các ông: mỗi người đưa ra một cánh tay chung cùng nâng giúp xướng nhạc thôn điền, canh thô cơm dạt, tạm nghĩ gì qua. Vì sao? Chỉ mong nguyện năm nay tầm lúa chín, La-hầu-la trẻ con cho một văn". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng nêu cử Đức Sơn Hòa thượng nhân có vị Tăng hỏi: "Từ trước các Thánh dùng pháp gì chỉ dạy người?" Đức Sơn đáp: "Tông ta không cú ngữ cũng không một pháp cho người". Tuyết Phong từ đó mà có sự tỉnh ngộ. Về sau có vị Tăng hỏi Tuyết Phong rằng: "Hòa thượng thấy Đức Sơn được cái gì bèn thôi đi?" Tuyết Phong đáp: "Bấy giờ ta đi tay không, về tay không". Ngày nay Bạch Vân nói thấu đạt người chưa qua. Có người từ Đông kinh lại, bèn hỏi người ấy: "Từ xứ nào lại?" Người ấy đáp: "Từ Tô châu lại". Lại hỏi: "Việc ở Tô châu như thế nào?" Người ấy đáp: "Tất cả đều tầm thường". Tuy là như vậy, nhưng lừa dối không qua Bạch Vân. Cớ sao? Bởi vì ngữ âm mỗi nơi mỗi khác. Rốt cùng như thế nào? Tô châu Quỳ Thiệu Bách Ngẫu". Có lúc Sư lại chỉ dạy đại chúng: "Phật tổ sinh sau gia, ngộ đại nhuốm bùn đất, vô vi người vô sự, sắc như mù điếc. Hãy nói thế nào tức là phải? Nghĩ gì cũng chẳng được, không nghĩ gì cũng chẳng được. Nghĩ gì, không nghĩ gì tất cả đều chẳng được. Bỗng có người ra nói: "Nghĩ gì cũng được, không nghĩ gì cũng được, nghĩ gì và không nghĩ gì tất cả đều được". Chỉ hướng kẻ ấy nói: "Ta cũng biết ngươi hướng đến trong hang quỷ làm kế sống". Lại có lúc nhân tiểu tham, Sư nêu cử đại phu Lục Hoàn hỏi Nam Tuyền rằng: "Trong nhà đệ tử có một phiến đá, cũng từng nằm đó cũng từng ngồi đó, vậy phỏng khắc làm Phật được chăng?" Nam Tuyền đáp: "Được". Lục Hoàn lại hỏi: "Chớ là chẳng được chăng?" Nam Tuyền đáp: "Chẳng được". Vậy đại chúng, phàm là Thiện tri thức phải sáng tỏ quyết chọn, vì gì người kia nói được cũng đáp được, người kia nói chẳng được cũng đáp chẳng được? Lại có biết nơi lạc của Nam Tuyền chăng? Bạch Vân chẳng tiếc lông mày cho các người chấm phá. Được lại là ai nói lại, không được lại là ai nói lại? Các người nếu chẳng hiểu thì đêm nay lão Tăng sẽ vì các người làm cái mô dạng". Sư mới đưa tay lên, bảo: "Đem ba cõi hai mươi tám tầng trời làm đầu Phật, lấy ngang mực nước Kim luân làm chân Phật, bốn Đại châu làm thân Phật. tuy

làm như vậy, Phật trẻ con đã xong, các người lại an thân lập mạng nơi nào? Đại chúng có hiểu chưa? Lão Tăng tiếp làm mô dạng thứ hai vậy. Đem Đông-phất-vu-đãi làm một Phật, Nam-thiệm-bộ-châu làm một Phật, Tây-cù-da-ni làm một Phật và Bắc-uất-đơn-việt làm một Phật. Cỏ cây tùng lâm là Phật, hàm linh xuẩn động là Phật. Đã nghĩ gì lại kêu gì làm chúng sinh. lại có hiểu chưa? Chẳng như Đông-phất-vu-đãi trở lại Đông-phất-vu-đãi kia. Nam-thiệm-bộ-châu trở lại Nam-thiệm-bộ-châu kia. Tây-cù-da-ni trở lại Tây-cù-da-ni kia. Bắc-uất-đơn-việt trở lại Bắc-uất-đơn-việt kia. Cỏ cây tùng lâm trở lại cỏ cây tùng lâm kia. Hàm linh xuẩn động trở lại hàm linh xuẩn động kia. Do đó nói: "Pháp ấy trụ ngôi pháp, tướng thế gian thường trụ". Đã nghĩ gì các người lại gọi gì làm Phật. Lại có hiểu chăng? Bỗng có gã tài giỏi ra nói: "Bạch Vân thôi ngủ mớ". Đại chúng ghi nhớ lấy một chuyển ấy, ba Đức Phật hầu thầy trên sân đình một đêm cùng đàm trò chuyện. Kịp đến lúc trở về thì đèn vừa tắt. Thầy ở trong mờ tối bảo: "Các người nói ra một lời". Khi ấy, Phật giám nói: "Sắc thái phụng hoàng bay múa đan tiêu". Phật nhãn nói: "Rắn sắt nằm ngang đường xưa". Phật quả nói: "Nhìn dưới chân". Sư bảo: "Kẻ phá diệt tông ta mới là khắc cần vậy!".

Đến ngày 25 tháng 06 năm Sùng Ninh thứ ba (1104) thời Bắc Tống, Sư lên giảng đường, giã biệt đại chúng rằng: "Hòa thượng Triệu Châu có câu sau cùng. Các người làm sao sống hiểu, thử ra nói xem? Nếu hiểu được thì chẳng phòng ngại tự tại vui sống, như chưa được vậy thì khéo việc lại làm sao nói?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nói tức nói rồi, chỉ là các người không biết, muốn hiểu chăng? Giàu có hiềm ghét ngàn miệng thiếu, khổ nghèo tự hận một thân nhiều. Trân trọng!" Khi ấy trong có sĩ mộc đến lao dịch đích thân tới đốc suất. Sư lại bảo: "Các người cố gắng dốc sức, tôi chẳng trở lại đây vậy". Về lại phương trượng, Sư cạo tóc, tắm gội, đợi đến sáng sớm hôm sau, Sư an tọa cát tường mà thị tịch. Đêm đó núi lở đá lăn, trong khoảng bốn mươi dặm hang cốc chấn động gầm rống. Đến lúc trà tỳ có Xá-lợi như mưa. Dựng tháp tại phía Nam của Đông sơn.

2. Thiền sư Trí Bản ở Vân cái.

Thiền sư Trí Bản ở Vân cái tại Đàm châu, vốn người dòng họ Quách ở Thụy châu. Nhân ngày khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Chư Phật xuất hiện nơi đời, trời mưa bốn thứ hoa. Hòa thượng xuất hiện nơi đời, có điềm lành gì?" Sư đáp: "Ngàn nghe không bằng một thấy". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy thì là như thế nào?" Sư đáp: "Mù lòa". Lại hỏi: ""Thế nào là pháp thân tịnh?" Sư đáp: "Nhà không kẻ sứ nhỏ,

chẳng thành quân tử". Lại hỏi: "Đem tâm tìm tâm làm sao tìm được?" Sư đáp: "Người Ba-tư học Hán ngữ". Lại hỏi: "Thế nào là nơi người học xuất thân?" Sư đáp: "Tuyết Phong vốn là người Lãnh nam". Lại hỏi: "Lúc mặt trắng cùng lộ bày thì như thế nào?" Sư đáp: "Một trường xấu xa vụng về". Lại hỏi: "Mỗi người đều có mặt gương xưa, vậy thế nào là gương xưa của người học?" Sư đáp: "Đánh phá lại hướng đến ngươi nói". Lại nói: "Đánh phá rồi vậy". Sư bảo: "Đất Hồ mùa đông măng tre mọc". Lại hỏi: "Người Hồ nói: "Nói lấy, thực hành chẳng được, thực hành lấy, nói chẳng được. Chưa xét rõ thực hành chẳng được làm sao sống nói?" Sư đáp: "Miệng ở dưới chân". Lại hỏi: "Nói chẳng được, làm sao sống thực hành?" Sư đáp: "Đạp nhằm đầu lưỡi". Lại hỏi: "Biết Sư từ lâu có cất giữ vật báu trong đãy, nay tại đạo tràng, lược xin mượn xem?" Sư đáp: "Vừa lại đã bị người khác mượn đi".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người đi lỗ mũi cách xa trời, người lại đạp trên đất thật. Hãy nói ý Tổ sư hướng đến dính nơi nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Hận hoài xuân về không chốn tìm. Chẳng biết chảy vào trong đây lại". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lỗ mũi đài cao, mở miệng bèn phải. Nếu cũng bèn phải là có lắm lỗ mũi. Trăng lạnh gió cao, nước trong núi biếc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Dùng cái nêm ra ngạch cửa, có rất nhiều thôi nghỉ, muốn được thôi nghỉ, dùng cái nêm ra ngạch". Sư bèn hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư lớn tiếng gọi thị giả. Thị giả liền dạ vâng. Sư bảo: "Đại chúng đã nhóm tập chưa?" Thị giả đáp: "Đại chúng đã nhóm tập". Sư bảo: "Một cái nào vì gì chẳng lại dự tham?" Thị giả im lặng không trả lời. Sư bảo: "Đến tức chẳng chấm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầy miệng nói chẳng ra, câu câu rất rành rẽ, đầy mắt nhìn chẳng thấy, núi chập chùng loạn xanh. Gióng trống còn chẳng nhóm, huống gì là khua chuông". Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ ông siêu việt, con cháu bần cáu, có nơi giấu đầu không noi lòi sừng, nhờ hỏi nạp Tăng làm sao mò dây?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư đè ngang cây gậy và bảo: "Răng như đao kiếm, mặt như mặt sắt, phóng chớp sáng; sáng chẳng hết dứt. Tay nắm tật lê nặng vạn cân, Đẳng nhàn đánh rơi trăng bên trời". Sư gõ xuống một cái. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là sư tử cắn người?" Sư đáp: "Trước núi Ngũ lão". Lại hỏi: "Cái ấy đâu biết cắn người?". Sư đáp: "Ngày nay nhặt được tánh mạng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu đội núi Tu-di, chân đạp bốn biển lớn, hít thở nổi sấm gió, động dùng sinh năm sắc. Nếu hay biết được hắn, mặc tình năm tháng đổi. Hãy nói người nào biết được

hắn?" Sư hét một tiếng, tiếp bảo: "Kẻ tớ giữ ruộng khó".

3. Thiền sư Vĩnh Khởi ở Lang da.

Thiền sư Vĩnh Khởi ở Lang da tại Trừ châu, vốn người xứ Tương dương. Có vị Tăng hỏi: "Người trong am vì gì chẳng thấy việc ngoài am?" Sư đáp: "Nhà đông châm lửa, nhà tây ngồi tối". Lại hỏi: "Thế nào là việc trong am?" Sư bảo: "Mắt để ở nơi đâu?" Lại nói: "Đầu Tam môn chấp tay". Sư bảo: "Có lắm giao thiệp". Và Sư mới bảo: "Canh năm trăng tàn rơi, trời sáng mây trắng bay, rành rẽ việc trước mắt, chẳng là cơ trước mắt. Đã là việc trước vì chẳng là cơ trước mắt?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đường đây cách Tây thiên vời xa hơn mười vạn". Lại có lúc lên giảng đường, Ngưng giây lát, Sư vỗ tay xuống một cái, bảo: "A, ha, ha! A, ha, ha! Có hiểu chăng? Pháp pháp, pháp xưa nay". Bèn nắm cây gậy, tiếp bảo: "Cái này là cây gậy của sơn Tăng, còn cái nào là pháp xưa nay? Lại có xác định được chăng?" Xong, Sư gõ xuống một cái.

4. Thiền sư Thù ở Bảo phước.

Thiền sư Thù ở Bảo phước tại Anh châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc chưa Phật chưa xuất hiện nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Núi sông đất liền". Lại hỏi: "Sau khi đã xuất hiện nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Đất liền núi sông". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì một ban vậy?" Sư đáp: "Đánh gạch đập ngói". Lại hỏi: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Sư đáp: "Chén lớn chén nhỏ". Lại hỏi: "Khách đến lấy gì tiếp đãi?" Sư đáp: "Một thìa hai thìa". Lại hỏi: "Người chưa no làm sao sống?" Sư đáp: "Thiếu ăn, thiếu ăn!" Lại hỏi: "Thế nào là Đại đạo?" Sư đáp: "Trong chợ ồn náo". Lại hỏi: "Thế nào là Thiền?" Sư đáp: "Gió thu gần đến vượt qua xưa, mặt nhật rơi chẳng kham nghe". Lại nói: "Chẳng hỏi cái thiền ấy". Sư bảo: "Ông hỏi cái thiền nào?" Lại nói: "Tổ sư thiền". Sư đáp: "Ngoài tháp Nam hoa, trong tùng râm uống sương ngậm gió lại càng nhiều". Lại hỏi: "Thế nào là đường chân chánh?" Sư đáp: "Ra cửa nhìn gò đống". Và Sư mới bảo: "Đức Thích-ca nào từng diệt độ tại Câu-thi, Di-lặc đâu có ở Đâu-suất. Về hướng tây tìm Phổ Hiền khéo hổ thẹn, đến phía Bắc xét Văn Thù sinh nhận chịu. Ngồi nhàm Tỳ-lô trán đổ mồ hôi, đi đấp Quán Âm mũi ra máu. Xoay đầu mò nhầm cái gánh dẹp, tức nói cái hốt gỗ ngã khéo". Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

5. Thiền sư Kỳ ở Sùng thắng.

Thiền sư Kỳ ở Sùng thắng tại Viên châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử công án Thạch Củng trương cung giá tên tiếp cơ, và làm bài

tụng rằng:

"Ba mươi năm lại nắm tên cung
Ba bình mới đến bật mở ngực
Nửa cái Thánh nhân trọn chẳng được
Ngoài Đàn Đại Điên bao giờ gặp".

6. Cư sĩ Đề hình Quách Tường Chánh.

Cư sĩ Đề hình Quách Tường Chánh tự là Công Phủ hiệu là Tịnh Không. chí khí mến thích suối đá, chẳng ham phấn hoa. Nhân đến Bạch vân bái yết. Thiền sư Đoan lên giảng đường, bảo: "Đêm vừa rồi trên gối làm được bài tụng nói về "Núi". Cảm tạ Công Phủ đại nho tại Lô sơn hai mươi năm xưa cũ, ngày nay xa đến ân cần phỏng hỏi Bạch Vân. Đáng phải cho đại chúng thỉnh đã, sau rành rẽ cử tợ các phương, bài tụng này đâu chỉ cảm tạ Công Phủ đại nho, ngay muốn cho nạp Tăng có lỗ mũi trong thiên hạ thoát tức dính thịt đổ mồ hôi ướt áo sam, chớ bảo là chẳng nói: "Trên gò Đại nhân ruột đã hóa ba ngàn bảy mươi, Thổ Nhĩ nhỏ sinh tám chín con đẹp xinh làm nhân đáng biết lễ". Cư sĩ rất sinh nghi. Sau nhân nghe một đứa trẻ đọc tụng bài ấy bèn có tỉnh ngộ, viết thư báo cùng Thiền sư Đoan. Thiền sư Đoan lại dùng kệ tụng trả lời rằng: "Ẩn thân chẳng dùng co rụt đầu, kiểm vết nào cần phải thâu chân, quạ vàng nửa đêm xa trời, thỏ ngọc đuổi theo kia chẳng dính".

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Hựu (1086-1094) thời Bắc Tống, dang đường cái đến Nam Thiền bái yết, Tuyền Vạn Quyển mời lên tòa. Cư sĩ bước đến trước nắm cây hương, nói: "Cây khô bên mé biển vào trong tay thành hương, đốt vào trong là xuyên ngang Hương tích. Lỗ mũi Đức Như Lai làm việc lớn này, phải là đối trước đại chúng bạch qua mới được". Lão nhân Vân Cư có cái áo sam vải không vá phân giao cho Nam Thiền. Thiền sư mặc được chẳng ngắn chẳng dài, tiến tới trước thì chư Phật nhường ngôi vị, lùi bước thì nước biển lắng sóng. Ngày nay nhăn nhó bày sáu thứ chấn động", bèn mới vời lại bảo: "Đại chúng có ủy thác chăng? Lúc có ý khí thêm ý khí, nơi không phong lưu cũng phong lưu". Tuyền nói: "Vội cùng dốt đặc". Cư sĩ nói: "Nhân ai đạt được?" Lại đến đầu niên hiệu Sùng Ninh (1102) thời Bắc Tống, Cư sĩ đến Ngũ tổ, bảo Tổ phân tòa, Cư sĩ bước đến trước nắm hương nói: "Với hương kính mộ này đốt trong lò, cúng dường Thiền sư Pháp Huynh đường đầu của tôi. Cúi mong trên tòa cao rộng mở lớn cửa mặt phóng ra hình tướng trên Sư cùng phỏng vẽ dung mạo các người khác. Vì sao như vậy? Nửa hang mây trắng xưa cùng gặp, hôm qua ngày nay việc chẳng đồng, đêm lắng nước lạnh cá chẳng ăn, một lò hương tan núi sen trắng".

Tổ bèn bảo: “Nẵng mồ tát đát đa bát la dã. Nghĩ gì, ghĩ gì mấy độ mây trắng trên khe trông, hoa mai vàng hướng trong tuyết nở, chẳng nghĩ gì, chẳng nghĩ gì dáng liễu rủ chỉ vàng, tạm muốn ứng thời lại. há chẳng thấy Cư sĩ họ Bàng hỏi Đại sư Mã rằng: Người chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?” Đại sư đáp: “Đợi ngươi hớp hết nước Tây giang tức sẽ nói cùng ngươi”. Đại chúng, một miệng hớp hết nước Tây giang, muôn trượng đầm sâu cùng đến đáy, cướp cầu chẳng là cầu Triệu Châu, trắng sáng gió lành sao thể sánh”. Sau, Cư sĩ đến Bảo ninh, cũng thỉnh mời thăng tòa, Cư sĩ bèn nắm hương nói: “Trống pháp đã gióng, hương báu mới đốt, đỉnh Dương kỳ cửa cao vợi, thỉnh Sư lại đóng then nêm”. Bảo Ninh bèn gõ cây gậy xuống một cái, bảo: “Đóng nêm đã xong, đại chúng chứng minh”. Lại gõ cây gậy xuống một cái và bèn xuống khỏi tòa. Cư sĩ lại đến Vân cư thỉnh mời Phật Ấn lên tòa. Cư sĩ nắm hương, nói: “Giác địa cùng gặp một sao sớm, cốt xú áo vải nay cởi rồi, muốn biết Vân cư một câu huyền, trân trọng sau vườn lừa ăn cỏ”. Rồi với đại chúng và tiếp nói: “Với hương thành kính này xông trời đốt đất vậy”. Phật Ấn bảo: “Ngày nay chẳng đặt tiện bị gã này ngay mặt bôi hồ”. Bèn đánh và tiếp bảo: “Cảm tạ Cư sĩ xa ngàn dặm lại cùng phỏng hỏi, cùng nói câu thoại Đông sơn đường trúc sâu, mượn cho một con rồng cưỡi ra động, nếu gặp trời nắng hạn tiện vì làm mưa râm”. Xong, bèn ném cây gậy và xuống khỏi tòa, Cư sĩ lễ bái rồi đứng dậy. Phật Ấn bảo: “Nhận được rồng chưa?” Cư sĩ đáp: “Đã ở trong đó”. Phật Ấn hỏi: “Làm sao sống mà cưỡi?” Cư sĩ lắc tay làm điệu múa và bèn đi, Phật Ấn vỗ tay và bảo: “Chỉ có gã này còn so sánh chút ít”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 20
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 21

MỤC LỤC

Đời thứ mười bốn, sau đời Thiền sư Đại giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhân Dõng ở Bải ninh, có mười hai vị:

1. Thiền sư Nhật Ích ở Thượng phương
2. Thiền sư Nhật Dư ở cảnh phước
3. Thiền sư Tri Uyên ở Nguyệt chưởng
4. Thiền sư Tông Ánh ở Linh Thứu
5. Thiền sư Sở Văn ở Thọ Thánh (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Đạo Luân ở Bảo nghiêm
7. Thiền sư Văn Anh ở Động sơn
8. Thiền sư Duẫn Hàm ở Linh thứu
9. Sơn chủ Thiết Sách Trung
10. Thiền sư Tông Tập ở Sùng nhân
11. Thiền sư Thật ở Hoa tạng
12. Thủ tòa Hiển ở Tây đường (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cư Tấn ở Thượng làm, có một vị:

1. Thiền sư Như Khuê ở Song khê (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiệu ở Hưng hóa, có một vị:

1. Thiền sư Đức Cơ ở Cao đài (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trung Bạch ở Bạch thủy, có hai vị:

1. Thiền sư Diễn ở Thiên ninh

2. Thiền sư Đãng ở Đại thừa (hai vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyên Hựu ở Vân cư, có hai mươi bảy vị:

1. Thiền sư Trí ở Trí hải
2. Thiền sư Thủ Tung ở Hải hội
3. Thiền sư Hệ Nam ở La-hán
4. Thiền sư Vĩnh Trình ở Nam phong
5. Thiền sư Nguyên ở Bảo tướng
6. Am chủ Tuệ Nhật ở Vĩnh phong
7. Thiền sư Nghiễm ở Bạch tảo
8. Thiền sư Ngạn Long ở Từ vân
9. Thiền sư Tự Du ở Tử lăng
10. Thiền sư tỉnh Duyệt ở Cảnh phước (mười vị có ghi lục)
11. Thiền sư Đắc Hiền ở Trường hưng
12. Thiền sư Tu Hiến ở Diên phước
13. Thiền sư Hữu Thông ở Tường phù
14. Thiền sư Đạo Nguyên ở Tử hồ
15. Thiền sư Giới Minh ở Thạch củng
16. Thiền sư Gia Tùng ở Thái bình
17. Thiền sư Sùng Giáo ở Tuệ lực
18. Thiền sư Hạnh Tân ở Bắc đài
19. Thiền sư Sơn Hòa ở Mã khê
20. Thiền sư Mộ Bình ở La-hán
21. Thiền sư Giáo ở Thiên trường
22. Thiền sư Tử Chương ở Quy tông
23. Thiền sư Đôn Nhã ở Linh phong
24. Thiền sư Đức Bảo ở Trường hưng
25. Thiền sư Tử Xướng ở Nga hồ
26. Thiền sư Mẫn ở Thừa hy
27. Thiền sư Giác Trí ở Hoàng nghiệt (mười bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ Nguyên ở Báo bản, có tám vị:

1. Thiền sư Nguyên Chánh ở Vĩnh an (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Đức Hanh ở Phụng hoàng
3. Thiền sư Chính ở Tuệ lâm

4. Thiền sư Đức Lượng ở Phụng hoàng
5. Thiền sư Viên Tu ở Cao phong
6. Thiền sư Chứng ở viện Cảnh đức
7. Thiền sư Tông Trừng ở Báo bản
8. Thiền sư Văn Tung ở Cao phong (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngung ở Cam lồ, có một vị:
1. Thiền sư Nguyên ở Quang hiếu (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chấn ở Dục vương, có một vị:
1. Thiền sư Chân ở Nhạc lâm (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trạm ở Chiêu đề, có hai vị:
1. Hòa thượng Quán Âm ở Hoa đình (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thủ Thông ở Nam tháp (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn ở Huyền sa, có một vị:
1. Thiền sư Đạt Cảo ở Quảng tuệ (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ky ở Bảo ninh, có bảy vị:
1. Thiền sư Tịnh Đàm ở Dục vương
2. Thiền sư Giới Hương ở Chân như (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Thế Xiêm ở Khai phước
4. Thiền sư Văn Thụy ở Tương sơn
5. Thiền sư Văn Tông ở Nam thiền
6. Thiền sư Tải ở Viên minh
7. Cư sĩ Ngạn Trung ở Hứa khải (năm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cung ở Hoa quang, có một vị:
1. Thiền sư Niệm ở Vạn thọ (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hoài Tú ở Đại quy, có bảy vị:
1. Thiền sư Tổ Xuân ở Đại quy
2. Thiền sư Hữu Đạt ở Phương quảng
3. Thiền sư Duẫn Cung ở Nam đài

4. Thiền sư Văn Diễn ở Phước nghiêm (bốn vị có ghi lục)
5. Thiền sư Thường Hiền ở Tây tài
6. Thiền sư Hữu Thường ở Thượng sinh
7. Thiền sư Hoài Tố ở Vân môn (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Từ Cảm ở Phước nghiêm, có tám vị:

1. Thiền sư Pháp Đạt ở Dục vương (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Quang Tảo ở Nam thiền
3. Thiền sư Tử Tư ở Vân cái
4. Thiền sư Tu Cử ở Định sơn
5. Thiền sư Khế Tuyên ở Vọng sơn
6. Thiền sư Ngạn ở Thố đầu
7. Thiền sư Thiện Tùng ở Thiền lâm
8. Thiền sư Văn Phổ ở Định sơn (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Kha ở Khai nguyên, có sáu vị:

1. Thiền sư Đạo Anh ở Tiến phước
2. Thiền sư Duẫn Quang ở Song khê
3. Thiền sư Hữu Bằng ở Tôn thắng (ba vị có ghi lục)
4. Thiền sư Hy Bảo ở Thừa thiên
5. Thiền sư Như Tuyền ở Tam giác
6. Thiền sư Tiên ở Song khê (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thường Hiểu ở Ngũ tổ, có ba vị:

1. Thiền sư Đạo Luân ở Nguyệt đảnh
2. Thiền sư Sở ở Ô nhai (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Hy Thiệu ở Chiêu hóa (không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chiêu Khánh ở Kiến long, có năm vị:

1. Thiền sư Thiên Siêu ở Ngọc tuyền
2. Thiền sư Dụng Nguyên ở Tứ châu (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Đức Sầm ở Tiến phước
4. Học sĩ Tần Thiếu Du
5. Thiền sư Xử An ở Lễ tuyền (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuyên Minh ở Phật ấn, có sáu vị:

1. Thiền sư Sư Định ở Long hưng (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tố ở Quảng hóa
3. Thiền sư Bích ở Nguyệt châu
4. Thiền sư Đức Chương ở Phú lạc
5. Thiền sư Phùng Nguyên ở Thừa thiên
6. Thiền sư Văn Dụng ở Thập địa (năm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Am chủ Vĩnh ở Tích thúy, có một vị:

1. Thiền sư Sở Kim ở bình (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Pháp Tông ở núi Tam tổ, có bốn vị:

1. Thiền sư Duy Sảng ở Quang hiếu (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Uyên ở Động sơn
3. Thiền sư Lợi Quán ở Tây hiền
4. Thiền sư Hải Lương ở Mai sơn (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Pháp Diễn ở Tứ tổ, có hai vị:

1. Hòa thượng Hải Hội
2. Thiền sư Sướng ở Nam thiền (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lập Chí ở Đại trung, có một vị:

1. Thiền sư Văn Trạm ở Hổ khâu (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác ở Linh thứu, có một vị:

1. Thiền sư Hữu Kha ở Linh thứu (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tốn ở Tuệ lâm, có một vị:

1. Thiền sư Trử ở Thiên ninh (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lâm ở Thạch sương, có ba vị:

1. Am chủ Tông Thập ở Đức sơn 0 Đảnh châu (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tư Thuận ở Ngọa long - Quỳ châu
3. Thiền sư Hoài Tủng ở Khánh hòa - Đảnh châu (hai vị không ghi lục)

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHÂN DŨNG Ở BẢO NINH

1. Thiền sư Nhật Ích ở Thượng phương.

Thiền sư Nhật Ích ở Thượng phương tại An cát châu. Ngày khai đường giảng pháp, thượng thủ bạch chùy xong, Sư mới bảo: "Trước bạch chùy, quán một lại chẳng thành, sau bạch chùy quán hai lại chẳng phải. Đến trong đó mặc cho là mắt sắt tròng đồng, cũng phải trăm thứ tạp toái, chẳng có nạp Tăng chẳng lánh nguy mất, thử ra xem?" Khi ấy có hai vị Tăng đồng ra, Sư bảo: "Một mũi tên bắn rơi hai con chim điêu". Có vị Tăng thưa: "Câu thoại tôi còn chưa hỏi sao bị dính nhằm bộn rộn?" Sư bảo: "Chẳng là Tăng ở Tân-la ư?" Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị. Sư bảo: "Được tài khua lộ trụ", và bèn đánh. Bèn hỏi: "Thế nào là việc bên cạnh lúc chưa xuất hiện nơi đời?" Sư đáp: "Đáy giếng ểnh ương nuốt vầng nguyệt". Lại hỏi: "Thế nào là việc bên cạnh khi đã xuất hiện nơi đời?" Sư đáp: "Chim Cư sĩ đạp gãy cành lau khô". Lại hỏi: "Bỏ cả hai đường ấy, thế nào là nơi Hòa thượng vì người?" Sư đáp: "Thập toàn khéo cái dùi kim cang, bày đến đầu đường bán cho ai". Lại hỏi: "Thế nào là trâu bò nước nhiều tuổi?" Sư đáp: "Răng thưa, mắt mờ". Lại hỏi: "Nơi chợ ồn náo cùng gặp, việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Đi hướng đông mua tiện, đi hướng tây mua quý". Lại hỏi: "Bỗng như chẳng làm quý chẳng làm tiện, lại làm sao sống?" Sư đáp: "La-bặc ở Trấn châu". Lại hỏi: "Hết thảy hàm linh đều có đủ Phật tánh. Đã có Phật tánh, vì gì khua dẫn vào thai lừa bụng ngựa?" Sư đáp: "Biết mà cố phạm". Lại hỏi: "Chưa xét rõ hướng đến nơi nào để sám hối?' Sư bèn đánh và bảo: "Tạm làm thuốc chết ngựa". Lại hỏi: "Lúc thăm nhìn mặt cùng lộ bày thì thế nào?" Sư đáp: "Mắt trái nửa cân mắt phải tám lạng". Vị Tăng ấy nâng tọa cụ lên và hỏi: "Cái gì đây?" Sư đáp: "Chớ nhọc nắm ra". Sư mới trông nhìn hai bên mới bảo: "Lão mặt vàng đi khắp bảy bước, lưới cẳng chân chánh khéo một dùi. Hồ mắt biếc cao ngồi chín năm, trên đảnh cửa đáng tiếc một tráp. Lúc bấy giờ nếu có nạp Tăng vì chúng mà dốc hết sức, hạ được tay độc ấy, cũng khỏi bị năm hoa mỉm cười, không cải đổi mặt mày, đứng trong tuyết ngang eo vụt thành dấu vết. Từ đó đem sai lầm đén sai lầm, kén chọn sọt đánh sọt bèn có năm cành phản phát hương thơm, ngàn đèn tiếp tục nối sáng. Đến trên cây khúc lục xướng hai làm ba, ở đầu cành lan lật chỉ nam làm bấc. Ngay được tiến tới trước lùi lui sau có học trò hỏi pháp hỏi tâm, tựa cửa tựa tường có những gã tài giỏi tìm Phật tìm Tổ. Chỉ cây bách trước sân, bèn kêu làm ý Tổ sư từ Tây vức lại, giữa ngày trông nhìn núi lại lầm nhận chính mình của người học. Rất không biết một việc lớn này vốn lại tự minh

linh, suốt cùng ngằn mé trong tương lai chưa từng gián . Chẳng nương gá tu chứng, há lại ở nơi tư duy. Tuy Thu Tử có chỗ chẳng biết, mà cũng chẳng phải chỗ Mãn Từ có thể biện rõ. Há không thấy một tiếng hét của Mã Tổ mà Bách Trượng suốt ba ngày điếc tai, lệnh của Bảo Thọ ban hành ở Trấn châu, cả một thành mù mất. Đại cơ đại dụng như sấm vụt chẳng thể dừng, một xướng một nâng tợ dứt bờ chẳng thể giẫm bước. Chánh lúc ấy, chư Phật ba đời cũng chỉ bàng quan, sáu đời Tổ sư chứng minh có phần. Đại chúng hãy nói ngày nay lại có chứng minh chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tấu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thập Đắc bổ củi, Hàn Sơn đốt lửa, chỉ có Phong Can ngồi lạnh trong hang. Hãy nói Phong Can có nơi lớn mạnh chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nhà không kẻ sứ nhỏ, chẳng thành quân tử".

2. Thiền sư Nhật Dư ở Cảnh phước.

Thiền sư Nhật Dư ở Cảnh phước tại phủ Long hưng. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Trời cùng mây trắng sáng, nước cùng trăng tỏ chảy". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Trước đi thẳng đến, sau cùng quá xa". Lại có vị Tăng ra giữa chúng họa vẽ tướng vòng tròn, Sư đưa tay họa vẽ một đường. Vị Tăng ấy làm điệu múa vũ rồi trở về lại chúng. Sư bảo: "Nhà có đồ họa của Bạch trạch hẳn không như yêu quái". Và, Sư mới nắm cây gậy, bảo: "Vô lượng chư Phật hướng đến đây chuyển Đại pháp luân, xưa nay các Tổ sư hướng đến đây diễn nói nghĩa pháp lớn. Nếu tin được kịp thì mỗi pháp vốn tự viên thành, mỗi niệm thảy đều đầy đủ. Nếu tin không kịp, ngày nay sơn Tăng nhân hạnh chẳng phòng ngại lắc tay". Sư lại vì nói bài kệ tụng, xong, gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

3. Thiền sư Trí Uyên ở Nguyệt chưởng.

Thiền sư Trí Uyên ở Thọ Thánh núi Nguyệt chưởng tại Dĩnh châu. Có vị Tăng hỏi: "Với đại ý của Tổ sư từ Tây vức lại tức chẳng hỏi, còn thế nào là một sắc?" Sư đáp: "Trước mắt không xà lê, nơi đây không lão Tăng". Lại hỏi: "Đã chẳng như vậy làm sao hiểu hội?" Sư đáp: "Lãnh lấy ý đầu móc câu, chớ nhận định bàn tinh". Và Sư mới bảo: "Phàm có hỏi đáp, một tợ đánh đá lửa bắn loạn xạ, vô lượng pháp tài, ba cỏ hai cây đều đượm nhuận đó, phóng đi như mây mọc cửa hang cốc, sương đậy giữa trời. Nắm định thì hổ Tăng mắt biếc cũng mờ mịt. Thánh thọ cử xướng như vậy còn là Hóa môn, cần muốn tạm chưa có lỗ mũi nạp Tăng. Dám hỏi các người làm sao sống là lỗ mũi nạp Tăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Vải châm mở hai mắt, ông hướng đầu nào xem".

4. Thiền sư Tông Ánh ở Linh thứu.

Thiền sư Tông Ánh ở Bảo tích núi Linh thứu tại Tín châu. Ngày khai đường giảng pháp, Sư mới đè ngang cây gậy, bảo: “Đại chúng đến trong đó không thân không sơ tự nhiên chẳng đơn lẻ, không trong không ngoài tung hoành tự tại. Tự tại không đơn lẻ tịnh Tỳ-lô, Thích-ca cử bảo Di-lặc phân dơ, xét căn hợp giáo lại cùng hỗ trợ nhau, xem lấy cây gậy của Bảo tích sơn đen sáng tỏ hai đầu cùng xứng. A, ha, ha, là lời nói gì ư?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Việc đời chỉ tướng công nói dứt, tâm người khó cùng vầng nguyệt đồng”. Xong, Sư gõ cây gậy xuống một cái và xuống khỏi tòa.

5. Thiền sư Sở Văn ở Thọ Thánh.

Thiền sư Sở Văn ở viện Thọ Thánh tại Ô trấn, An cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy bảo: “Hoa tạng cây lan lật, Đẳng nhàn loạn nắm ra, chẳng phải chẳng tiếc tay, nhà núi không cố hẳn, chấm núi, núi lay động, quẩy nước, nước sóng tràn. Bỗng nhiên lúc nắm định, mọi sự chấp pháp luật, muốn ngang chẳng thể ngang, muốn cụp chẳng thể cụp”. Bỗng nhiên, Sư gọi đại chúng và tiếp bảo: “Chớ cho rằng đầu cây gậy có mắt, rõ như ban ngày trên mặt tỏa sáng đều là chăm chú theo tiếng đánh xuống một cái”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một bắt réo, một bổ ra dính cốt liền da, một bắt một khiêng dính tay liền chân, chớp sáng đá lửa đầu rủ đuôi rủ, bổ tên theo gió nửa sống nửa chết, khua dính đặt dính xét khám lông mày, rõ đầu mờ đầu là mặt mắt gì. Tất cả đều chẳng nghĩ gì chánh tại nửa đường, giả sử toàn cơ chưa đến sườn bờ, ngay như sạch làu làu đỏ tự nhiên chẳng thể nắm, còn có màn rèm. Sơn Tăng nghĩ gì, nói! Hãy nói miệng khéo làm gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Ôi! Lưu lại lấy ăn cơm”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYỆN HỰU Ở NÚI VÂN CƯ

1. Thiền sư Trí ở Trí hải.

Thiền sư Trí - Phật Ấn ở Trí hải ở Đông kinh, vốn người dòng họ Diệp ở Đồng an tại Tuyền châu. Thủa thiếu thời là Nho sinh, Sư tánh thức minh mẫn học rộng điển nhã. Chưa đến tuổi hai mươi, bỗng mến mộ Không tông, bèn đến nương tựa thượng nhân Huê Nhu ở chùa Lộc uyển mà xuất gia. Vân du tham học khắp các Thiện tri thức. Khi đến nơi pháp tịch của Thiền sư Nguyên Hựu, Sư mới tỏ sáng tâm địa.

Mới đầu ra hoằng hóa, Sư đến ở Ngũ tổ, đạo phong vang vọng lan tỏa, bèn vâng phụng sắc chiếu đến ở Trí hải. Ngày khai đường giảng pháp, vua Triết Tông (Triệu húc 1086-1101) thời Bắc Tống, sau Trung sứ ban tặng giáng hương, Sư lên giảng tòa, sau khi hỏi đáp xong,

mới nắm hỏi đáp xong, mới nắm cây phất trần, vời gọi đại chúng và bảo: “Có thấy chăng? Cây phất trần trong tay lớp lớp vì các người tỏa phóng trăm thứ ánh sáng báu”. Sư lại đánh vào thiền sàn một cái, tiếp bảo: “Có nghe chăng? Ngồi dưới nghê đài, câu câu vì các người diễn nói pháp nhất thừa liễu nghĩa. các người nếu hướng đến trong đó ngộ được thì từ vô lượng kiếp lại các thứ nghiệp thức ngã nhân ngay đương thể đều khói tan tro bay. Thân thế căn cảnh lao trần hiện tại triệt để đều băng dung tuyết tan, tiện thấy Chánh pháp nhãn tạng tại Hội Linh sơn rực rỡ tràn mắt hiện rõ, diệu tâm Niết-bàn nơi Thiếu thất ngời sáng thông thân riêng bày. Thí như diễn tả nếu ngộ được mặt mắt trong gương soi xưa nay chỉ là đầu chính mình. Cũng như lực sĩ có được viên châu trên trán, đến rồi chẳng theo từ người khác được. như vậy thì vô lượng thần thông Tam-muội, mỗi mảy trần vốn viên thành vậy. Pháp môn của hằng sa chư Phật trong mỗi mỗi niệm đồng một lúc đầy đủ. Các Nhân giả! Nếu hay nghĩ gì gây dựng, bèn có thể gọi là lập chứng vô sinh chẳng đợi tăng-kỳ kiếp nào mà thành chánh giác. Như nay, có muốn thấy vô sinh chăng?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Hai hơi không lời ngậm hữu tượng, Vạn linh nơi nào tạ vô tư?

Năm Nguyên Phù thứ ba (1101) thời Bắc Tống, vua Triết Tông băng hà, trong trăm ngày tuyên mời Sư vào nội điện, ban tặng Sư hiệu là “Phật Ấn Thiền sư”. Tháng hai năm sau (1102), Hoàng thái hậu cũng qua đời. Năm bảy lần Sư có chiếu chỉ thỉnh mời giảng pháp tại điện Từ Đức. Lên pháp tòa, sau khi hỏi đáp xong, Sư mới bảo: “Vừa rồi Thiền sư Tịnh Nhân nói ngày nay là tuyên mời sáu trưởng lão Thiền sư lên pháp tòa”. Tịnh Nhân là Thiền sư Duy Nhạc - Phật Nhật nêu xuất câu thoại Vân môn nói: “Người nói pháp đầu tiên không biết câu cuối cùng, người nói pháp cuối cùng chẳng biết câu đầu tiên”. Thần Tăng ngày nay đáng là nói pháp cuối cùng tức vâng phụng đại hạnh Thái hậu diễn nói câu đầu tiên. Có biết chăng? Nguồn linh lắng trong, ngã vật đều như, Phật tánh tình chân, Thánh phàm đồng thể. Di luân ngàn xưa, rỗng suốt mười hư, vốn tuyệt đến đi, nào từng sinh diệt. Ngày nay, người trời giao tiếp, tối sáng khắp đến, Hoàng phong tập tập mà hòa xuân, Đế nhật thư thả mà dưỡng vật. Muôn thừa lên thẳng nơi Thuấn điện, sáu thiền đồng kính ngưỡng ở ngày Nghiêu, kính vì đại hạnh Thái hậu tạo dựng pháp diên này, chỉ tâm Phật xưa, mở mắt chánh pháp. Ở đây thấy được lầu son điện ngọc lớp lớp hiện bày pháp thân tịnh. Cửa vàng ao ngọc nơi nơi lộ bày mặt mắt xưa nay. Chỉ có Phật cùng với Phật đồng chứng đồng biết, cúi mong. Trân trọng”.

2. Thiền sư Thủ Tung ở Hải hội.

Thiền sư Thủ Tung ở Hải hội - Bạch vân tại Thư châu. Có vị Tăng hỏi: "Một câu của Dược Sơn mọi người đều ủy thác, ngày nay Bạch vân sự việc như thế nào?" Sư đáp: "Cách bờ ải hư không". Lại hỏi: "Ai biết trong ngày nay trăng sáng tỏa thư thành?" Sư đáp: "Cổ ngạch trông nhìn phù tang". Lại hỏi: "Một giọt của Tào Khê khắp đượm cả Đại thiên, mây trắng ra núi làm sao lợi vật?" Sư đáp: "Mây giăng ngang cửa động, chim về mê lạc ổ". Lại hỏi: "Một đường chỉ nam lại như thế nào?" Sư đáp: "Rắn sắt ngang được lớn khắp thân đen như khói". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chit gọi hiệu bốn Thánh, ban lệnh cả sáu phàm, gồm cả ba cõi làm Đại già-lam. Lấu mười hư làm cánh cửa giải thoát. Núi sông đất liền là nguồn tâm của Phật xưa. Lò than vạc sôi là giác địa của chúng sinh, ngay trên mỗi mảy trần hiện toàn thân chư Phật như số cát sông Hằng, ở trong tâm một Phật hiện vô biên biên thế giới của chúng sinh. Nếu hay như vậy tức tâm không biết. Toàn tâm tức Phật, toàn Phật tức nhân (người). Phật Nhân không hai mới là đạo vậy. Tuy là như vậy, mà chẳng rơi lạc một câu hóa môn làm sao sống? Nói?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chín năm ăn cháo rau, việc ấy ít người hay".

3. Thiền sư Hệ Nam ở La-hán.

Thiền sư Hệ Nam ở viện La-hán tại Lô sơn, vốn người dòng họ Trương ở Đinh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thiền chẳng thiền, đạo chẳng đạo, đầu lưỡi ba tấc Hồ quét loạn. Hôm qua vầng nhật bay hoa quế, sáng nay hang nguyệt mọc cỏ thơm. A, ha ha! Muôn lượng vàng ròng không nói xét, một câu dứt tuyệt tư lương các pháp chẳng cùng đến". Đến lúc sắp tịch, Sư lên pháp tòa bảo đại chúng rằng: "Ngày nay La-hán đến cưỡi ngựa sắt đi ngược lên núi Tu-di, đạp phá hư không chẳng lưu lại dấu vết". Xong, Sư trở về phương trượng, ngồi kiết già mà thị tịch.

4. Thiền sư Vĩnh Trình ở Nam phong.

Thiền sư Vĩnh Trình ở Nam phong tại Tuyền châu. Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Mới đầu nối đuốc từ kê phong, thiếu thất lưu tỏa hương thơm, dàn trải mây từ, mở tỏa tuệ nhật, giáo phân ba tạng, chỉ thẳng một tâm. Hoặc toàn nâng dắt mà đánh gậy; quát hét đều ban thí, hoặc phóng đoạt mà khách chủ cùng thi thiết. Hoặc kim cương đè kiếm, hoặc sư tử phiên thân, hoặc chiếu dụng vụt sấm, hoặc cơ phong điện chớp, không gì chẳng cắt dứt tà vọng, mở thoáng huyền vi, ngay đó rõ Tông đến chân thật địa. Các Nhân giả! Đến đây mới hứa cho một đường chủ để các người thành lập. Nếu chưa được vậy, tất cả nương Thầy để

hiểu, thì điều ấy không thể có".

5. Thiền sư Nguyên ở Bảo tướng.

Thiền sư Nguyên ở Bảo tướng tại Đài châu. Có vị Tăng hỏi: "Hết thảy chư Phật và chư Phật A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề đều từ kinh đây lưu xuất. Vậy thế nào là kinh đây?" Sư đáp: "Lâu tụng chẳng ngưng nghỉ, chẳng nghĩa cũng chẳng tiếng". Lại hỏi: " Thế nào là thọ trì?" Sư đáp: "Nếu người muốn thọ trì, nên phải dùng mắt nghe".

6. Am chủ Tuệ Nhật ở Vĩnh phong.

Am chủ Tuệ Nhật ở Vĩnh phong tại Tín châu, vốn người dòng họ khâu ở Bản quận. Sư xuất gia từ bé thơ, nương tựa chùa Minh tâm mà được độ. Từ khi cơ duyên khế ngộ dòng pháp Thiền sư Nguyên ở Vân cư, Sư vân du khắp Tương hán, mãi đến lúc trở về Vĩnh phong, có lúc Sư ở nơi hang cốc, có lúc ở nơi phố chợ, dân chúng trong làng xóm xưng gọi Sư là "Khâu Bá Sư". Phàm ai hỏi gì, Sư đều lấy điều chẳng hiểu mà đáp đó. Bỗng ngày nọ, Sư bảo mọi người trong ấp là: "Sáng mai tôi sẽ hành cước, các người nên đến cùng tiễn đưa". Khi ấy, mọi người mang các vật đến tặng đi đường nhóm tụ đông nhiều, Sư chỉ cười mà thôi. Mọi người hỏi nguyên do, Sư bèn viết bài kệ rằng:

"Khâu Sư Bá chẳng hiểu
Lẳng lặng sáng ngời ngời
Giữa trưa đánh canh ba
Ai người đánh được rồi".

Xong, Sư ném bút mà thị tịch.

7. Thiền sư Nghiễm ở Bạch tảo.

Thiền sư Nghiễm ở Bạch tảo tại Hào châu, vốn người xứ Tín châu. Có vị Tăng hỏi: "Dương Quảng mất lạc đà, rong tìm đến nơi không người thấy. Chưa xét rõ người nào được thấy?" Sư đưa cây phất trần cản ước mà bảo: "Lui sau lui sau phòng ngại điều hỏi người khác". Lại hỏi: "Rốt cùng lạc nơi nào?" Sư đáp: "Đáng giết không biết tốt xấu". Và Sư bèn đánh.

8. Thiền sư Ngạn Long ở Từ vân.

Thiền sư Ngạn Long ở Từ vân tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Huyền Sa chỉ dạy đại chúng là: "Khắp đại địa đều là một viên minh châu". Khi ấy có vị Tăng hỏi: "Đã là một viên minh châu, người học vì gì không biết?" Huyền Sa đáp: "Toàn thể là châu, lại bảo ai biết?" Vị Tăng lại hỏi: "Tuy toàn thể là châu, tranh làm sao người học không biết?" Huyền Sa đáp: "Hỏi lấy con mắt ông". Xong, Sư mới bảo: "Chư vị thiền đức". Cái công án ấy kêu là nhai cơm trém

cho trẻ con, nắm tay lại cho gậy. Có hiểu chăng? Nếu chưa hiểu, nên phải hỏi ở chính mình mà tham, ngay cần chân thật chẳng được tin miệng cướp không, nhọc tự sống rỗng chết trôi”.

9. Thiền sư Tự Du ở Tử lăng.

Thiền sư Tự Du ở núi Tử lang tại dĩnh châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là tâm Phật xưa?” Sư đáp: “Cẳng chân đỏ đạp bùn lạnh tợ băng”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Thôi cần kéo đất mang nước”. Lại hỏi: “Đại Thánh ở Tứ châu vì gì xuất hiện ở dương châu?” Sư đáp: “Nghiệp ở trong đó”. Lại hỏi: “Ý chỉ như thế nào?” Sư đáp: “Hạ cao xuống thấp”. Lại nói: “Cảm tạ Sư đã giải đáp câu thoại”. Sư bảo: “Giặc là tiểu nhân, Trí quả quân tử”.

10. Thiền sư Tỉnh Duyệt ở Cảnh phước.

Thiền sư Tỉnh Duyệt ở Cảnh phước - Đông sơn tại phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trong mười hai thời khắc khấp chân dất dẫn, tạm cho gì qua, đại chúng lanh lợi ở nơi nào?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Nghe các phương đoán xem”. Xong Sư đánh vài thiền sàn một cái và xuống tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ NGUYÊN Ở BÁO BẢN

1. Thiền sư Nguyên Chánh ở Vĩnh an.

Thiền sư Nguyên Chánh - Truyền Đăng ở Vĩnh an tại Thừa thiên, Tô châu, vốn người dòng họ Trịnh ở huyện Bình âm, vận châu. Sư thọ học tại chùa Thái bình Hưng quốc ở Bản châu, đảnh lễ Sa-môn Trí Tạng làm thầy. Tham phỏng các phương, sau cùng đến chùa Vạn thọ ở Tô châu. Bấy giờ Thiền sư Tuệ Nguyên đang ở đó. Nhân bảo Sư xem nhân duyên cây bách trước sân, mà được tỏ rõ tâm địa, Sư bèn làm bài kệ tụng rằng:

“Cây bách của Triệu Châu
Bỏ nói chẳng người biết
Vất ngay cây đào ngọc
Tìm núi hát Lê chua”.

Thiền sư Tuệ Nguyên ấn chứng cho Sư, bảo Sư trú trì chùa đó. Có vị Tăng hỏi: “Nhân Sư lại nhóm tập, trời người đều tụ hội, xin nêu bày từ Tây vức lại chế cơ điện?” Sư đáp: “Khỏi mây sương tỏa”. Lại hỏi: “Vậy có ý từ Tây vức lại không?” Sư đáp: “Không sinh áo não”. Lại nói: “Tông phong Lâm Tế một thời hưng thạnh”. Sư bảo: “Không thể có hai cái”. Lại nói: “Nơi ấy là Từ thị, Vô môn, không Thiện tài”. Sư bảo: “Trước lại bảy tám năm, đi khắp hơn trăm Thánh”. Lại hỏi: “Hoa đào,

dương liễu cùng Đàm chân vậy thế nào là cùng Đàm chân?" Sư đáp: "Trên non hoa mai trắng, bên khe mắt liễu xanh". Lại hỏi: "Chưa xét rõ thế nào là cảnh giới người?" Sư đáp: "Chẳng phải cảnh giới ông". Lại hỏi: "Thật tế lý địa chẳng nhận mảy trần, trong cửa Phật sự chẳng bỏ một pháp. Thế nào là một pháp?" Sư nắm cây gậy đánh một cái. Lại nói: "Một áo nạp giăng ngang đắp trên tòa cao, lò hương nổi giữa Thái hư rõ ràng". Sư bảo: "Chẳng phải một pháp ấy". Lại nói: "Bán vàng phải gặp người mua vàng". Sư bảo: "Cái ấy là thau đá". Và Sư mới bảo: "Trời người quần sinh các loại đều nhờ ân lực đây. Đại chúng! Có một người nói: "Ta chẳng nhờ ân lực của Phật, chẳng ở ba cõi, chẳng thuộc năm hành. Tổ sư chẳng dám dặt để cố định, chư Phật trước không dám đặt tên". Các ông hãy nói đó là người nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tựa trước hang đá đất bát sắt, đến trên cành tùng treo bình đồng". Lại có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Cờ hiệu An phủ được được đến, xin Sư làm trống chớ đàn cầm". Sư đáp: "La, la, lý". Lại nói: "Cách điệu ban ấy phải gặp biết âm". Sư bảo: "Cuối khúc người chẳng thấy, trên sông vài núi xanh". Lại nói: "Nước trăng lúc chiếu bóng đàn hiện, gió tùng nơi thổi tiếng vang trong". Sư bảo: "Một đêm tuyết khe lạnh đến sáng, hoa mai rò rỉ tin tức xuân". Lại nói: "Người gỗ nghe vũ múa, thạch nữ nghe ca cao". Sư bảo: "Hãy nói là khúc điệu gì?" vị Tăng ấy đáp: "Bá Nha nếu còn sống xấu thẹn thấy Vĩnh An". Sư bảo: "Được gặp tri âm". Lại hỏi: "Chỉ như khắp đại địa là một mặt đàn, Hòa thượng làm sao xuống tay?" Sư đáp: "Vỗ, vỗ là lệnh". Lại hỏi: "Mà nay đài cờ quan lâm, lại hứa bày cái tin tức không?" Sư đáp: "Hứa". Lại nói: "Chớ nói chỉ có cây bách trước sân, lại được cam đường tráng Tổ Tông". Sư bảo: "Ngàn dặm đồng phong". Và Sư mới bảo: "Nếu ở dưới cây gậy luận bàn về được mất. Đức Sơn là tội nhân của Minh giáo. Lại bỏ trong tiếng hét phân rành về khách chủ, Lâm Tế là ma chúa của pháp môn. Vĩnh An nghĩ gì nói năng? Nếu người không mắt sáng làm chứng cứ thì khắp đại địa đều rơi hầm lạc hố. Đại chúng hãy nói cái nào là người sáng mắt? Đi như thăng đấu, ngồi như rồng cuộn. Thi (thơ) chánh có Chu Nam, Tiêu Nam, Luận Đạo mới Trang Tử, Lão Tử, nghĩ gì nói năng cũng chưa là người sáng mắt. Lại biết người sáng mắt chăng? Vĩ An sẽ cùng các người chỉ ra". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Ba ba lớn chẳng mang ba núi đi, lưu lại lấy trên đảnh bồng lai để ngủ".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUNG Ở CAM LỒ

1. Thiền sư Nguyên ở Quang hiếu.

Thiền sư Nguyên ở Quang hiếu tại dương châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là gia phong của Hòa thượng?” Sư đáp: “Bảy điên tám đảo”. Lại hỏi: “Bỗng gặp khách đến làm sao tiếp đãi?” Sư đáp: “Sinh sắt tật lê cắt vành miệng”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHẤN Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Chân ở Nhạc lâm.

Thiền sư Chân ở Nhạc lâm tại Minh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người xưa nói đầu thu cuối hạ hợp có trách tình ba mươi gậy. Với Nhạc lâm thì không như thế. Trên hội Linh sơn, Đức Thế Tôn nắm cành hoa. Tôn giả Ca-diếp mỉm cười, chánh ngay lúc ấy khéo cho ba mươi gậy. Cớ sao như vậy? Thời tiết Thái Bình mạnh nổi binh đao, dạy người thổi pháp loa lớn, đánh trống pháp lớn, cất bước thì sen vàng nâng gót, đứng yên thì tòa báu nguy nga, Phạm thiên dẫn đi trước, hương hoa tung rải, Đế-thích tùy theo sau, rồng voi tấp nập. Đến nỗi khiến con cháu đời sau vội cùng ngạo nghễ, ba ba hai hai đều nói ra cách phong tiêu, đời đời kiếp kiếp chưa chịu về nhà ngồi ẩn, khua môi lay lưỡi, dẽo như chuông khánh sênh can, khua tay chỉ ngực, chẳng những thác mè tre lá, lại vội du sơn ngoạn thủy, đánh cỏ nhìn gió, người trước nói được đá gật đầu, trên trời bay lại hoa đánh đất, cũng khéo cho ba mươi gậy. Hãy nói tọa hạ thế thường làm sao đáp giúp?” ngưng giây lát, Sư bảo: “Muôn báu công thành nào dày mỏng, ngàn quân giá nặng tự thấp ngang”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRẠM Ở CHIÊU ĐỀ

1. Hòa thượng Quán Âm ở Hoa đình.

Hòa thượng Quán Âm ở Hoa đình tại Tú châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Nửa đêm quạ rùa đi trong lửa”. Lại hỏi: “Ý làm sao sống?” Sư đáp: “Hư không chẳng mặt trái”. Vị Tăng ấy đảnh lễ, Sư bèn đánh.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VĂN Ở HUYỀN SA

1. Thiền sư Đạt Cảo ở Quảng Tuệ.

Thiền sư Đạt Cảo ở Quảng Tuệ tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Phật vì không tâm ngộ, tâm nhân có Phật mê. Nơi tâm Phật tịnh, ngoài mây vượn đồng kêu”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KY Ở BẢO NINH

1. Thiền sư Tịnh Đàm ở Dục vương.

Thiền sư Tịnh Đàm - Vô Kiệt ở Dục vương tại phủ Khánh nguyên, vốn người xứ Gia hòa. Về sau, Sư đến Pháp Tuệ ở Tiền đường. Một ngày nọ lên giảng đường, Sư bảo: "Vốn tự núi sâu mây trắng nằm, bỗng nhiên lại đây gá thân nhàn, chớ lại hỏi ta Thiền và Đạo. Ta là người ăn cơm ỉa phẩn". Mùa hạ năm Bính Dần (1146) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư giã từ các hàng Triều quý, trở về phân giao mọi việc ở viện. Bốn chúng xúm xít trông xem. Sư phẩy quạt giây lâu rồi viết bài kệ rằng:

"Gã này trước lại vùi ung vá
Năm mươi sáu 956) năm thành thoại bá
Sáng nay chết đi thấy Diêm vương
Cây kiếm núi dao được người sợ".

Sư lại đánh một đường tròn rồi kêu "nghẹt hơi, mặc tình các phương đánh rùa đập ngói". Rồi rút chân mà thị tịch. Sau khi trà tỳ có được xá-lợi như tuyết. Môn nhân đệ tử thỉnh di cốt về núi A-dục vương tạo dựng tháp phụng thờ.

2. Thiền sư Giới Hương ở Chân như.

Thiền sư Giới Hương ở Chân như tại Đài châu, vốn người dòng họ Lâm ở Hưng hóa. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tháng mười đổi sáng sớm trời lạnh, lá rơi về cội bày núi xa. Chẳng là thấy nghe pháp sinh diệt, ngang đầu chẳng làm thấy nghe xem".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CUNG Ở HOA QUANG

1. Thiền sư Niệm ở Vạn thọ.

Thiền sư Niệm ở Vạn thọ tại Lâm châu. Có vị Tăng hỏi: "Thắng hội Long hoa điềm mở sáng nay, chưa xét biết Thế Tôn Di-lặc xuất hiện nơi nào?" Sư đáp: "Thịt heo đè đầu". Lại hỏi: "Đã là Thế Tôn Di-lặc vì gì ở tại ruột heo đè đầu?" Sư bảo: "Chẳng phải người lộng trào thôi đừng vào trong sóng lớn". Lại hỏi: "Rốt cùng việc ấy lại như thế nào?" Sư đáp: "Người Phiên chẳng buộc eo". Nhân đầu năm lên giảng đường, Sư bảo: "Đi lại không ngằn mé, động tỉnh chỉ một nguồn. Hợp hữu đức mà trở lại không, vượt vô tư mà chóng thoát ra, mặt nhật ngày xưa mặt nhật ngày nay soi chiếu không hai ánh sáng, gió ngày xưa và gió ngày nay lay không hai động, mưa ngày xưa và mưa ngày nay đẫm không hai nhuận. Ở trong đó tìm tướng đi lại mà không thể được, cớ sao tự tha tâm khởi? Nơi khởi không dấu vết, tự tha tâm quên, quên không dấu diệt. Đại chúng nếu hướng vào trong đó hiểu được, cùng với đất trời

mà đồng căn, chung muôn vật là một thể. Nếu cũng rõ được, sơn Tăng sẽ vì các người lớp lớp tụng ra

Nguyên chánh 01:

"Gia phong Phật xưa từ đây ra
Chẳng nhọc hướng thượng dùng công phu
Nhiều kiếp nào từng khác ngày nay".

Nguyên chánh 02:

"Lắng xa lạnh dạt không mùi vị
Triệu Châu cùng gọi uống trà
Xé nỗi lông mày phải liếc đất".

Nguyên chánh 03:

"Trước lại cúi đầu mỗi cung kính
Nếu hỏi việc trong núi Hương sơn
Một phái nguồn linh biếc như lam".

Xong, Sư bèn hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HOÀI TÚ Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Tổ Xuân ở Đại quy.

Thiền sư Tổ Xuân ở Đại quy tại Đàm châu, vốn người dòng họ Ngô ở Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là gia phong của Đại quy?" Sư đáp: "Trúc có mắt trên dưới, tùng không xanh xưa nay". Lại hỏi: "Chưa xét rõ trong đó ăn uống vật gì?" Sư đáp: "Đói ăn hạt cơm ngọc của Tướng Công, khát chấm trà trước bể thầm vận". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đạo không định loạn, pháp lìa thấy biết, ngôn cú cùng gieo đều không định nghĩa. Từ xưa tại Long môn không khách ở lại qua đêm, đến nay đường chim bay tuyệt dấu vết đi. Muốn hiểu trong đó ý đích xác, trong lửa bọ ngựa nuốt trùng lớn. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo:

"Mưa xuống đầu thềm ướt
Tạnh ráo nước chẳng chảy
Ổ chim đáy biển xanh
Cá nhảy đầu núi đá."

Trong chúng rất có thương lượng, hai câu trước là lời bình thật, hai câu sau là đàm cách ngoại. Nếu hiểu như vậy, chỉ thấy đá lỗi lỗi, chẳng thấy ngọc lạc lạc. Nếu thấy ngọc lạc lạc, mới biết Đạo rỗng rang. Ôi!"

2. Thiền sư Hữu Đạt ở Phương quảng.

Thiền sư Hữu Đạt ở Phương quảng tại Hậu động - Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Người học từ trước lại tiện xin cùng thấy gặp?" Sư đáp:

"Dùi vàng trong tay áo, xem sau đầu não". Lại hỏi: "Phá hai làm ba lại làm sao sống?" Sư đáp: "Tiếc lấy lông mày". Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Phóng qua tức chẳng thể". Vị Tăng ấy nói: "Mù lòa". Sư bèn đánh. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Các thiền đức! Bày tay vô ngại hòa mây chẻ lấy giải tuyết đem lại đối trước chúng nắm ra, trông nhìn đó chẳng đủ, thưởng ngoạn đó có thừa". Sư lại họa vẽ một đường, tiếp bảo: "Sớm chiếu tan làm mưa râm, cỏ cây đượm dưới trời. Lại bảo lìa tứ cú, tuyệt bách phi tiện gì? Dứt cuồng cơ, chẳng nghĩ gì. Chuyển hồ nghi, lìa đây nương tựa ý chỉ gì? Triệu Châu đông, viện Tây, lại ủy thác chăng? Đầu đội trời, chân đạp đất, trong động dụng luận không hai. Một chữ diệu môn dán mắt nhìn. La Bặc trấn châu biết mùi vị". Xong, Sứ hét một tiếng.

3. Thiền sư Duẫn Cung ở Nam đài.

Thiền sư Duẫn Cung ở Nam đài tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Tròng mắt đột xuất". Lại hỏi: "Ý Tổ ý giáo là đồng hay là khác?" Sư đáp: "A-nan chấp tay, Ca-diếp chống nắm tay". Và Sư mới bảo: "Hiếm gặp khó gặp chánh tại lúc này. Cớ sao gọi vậy? Đức Thích-ca đã diệt độ, Đức Di-lặc chưa ra đời". Sư nâng cây phất trần lên, tiếp bảo: "Cánh ngay ngày nay, Phật pháp đều ở trên cái phất trần này, buông đi nắm dừng, hết thảy đều đến thời, buông đi thì gió thổi cỏ rạp, ngói sọi tỏa phóng ánh sáng. Thập đắc Hàn Sơn gật đầu vỗ tay. Nắm dừng thì nước rỉ chẳng thông, vàng ròng mất sắc. Đức Sơn, Lâm Tế uống khí một tiếng. Chánh tại lúc này buông đi tức là phải, nắm dừng tức là phải". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Sau năm ngày xem".

4. Thiền sư Vân Diễn ở Phước nghiêm.

Thiền sư Vân Diễn ở Phước nghiêm tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư chẳng mặt khạc nhổ một cái, bảo: "Thẳng mặt khạc nhổ một cái, rất kỵ sai quá, vượn hú cốc sâu, kim kêu rừng già. Chờ ồn náo động chụm đầu mua khăn, ban ngày đồng về chẳng biết mấy cái?" Có lúc Sư lại bảo: "Phật Nhật Diện, Phật Nguyệt Diện, mã Sư một lần phân biệt trải qua cả năm. Ai biện rành đầu đồng trán sắt, Bách Trượng tai điếc chưa vì chôn lấp, Lâm Tế ăn gậy chẳng nói chịu khuất, Tam Thánh mù lòa lừa mới khéo trước khéo sau. Hưng Hóa trong mân vất bỏ tương lai, chẳng là vật báu dưới cằm Ly long. Hàng thượng căn chẳng động can qua, tự nhiên gió trong lành phẩy phẩy, hàng trung hạ vừa vừa dụng tâm rơi ở hang ổ vô sinh". Sư lại bảo: " Hoa đồng nội vụt bay cùng cội rễ thành xưa, dần dần ve kêu qua tương thủy, lả tả hoa mai mưa rưới trời cao, quanh đất ùn gió đầy sân cửa. Ba mươi ba dài già

xưa, voi đi rồng cuộn từng hiện bày, mới hiện bày thành chấm dơ, kính bạch cùng các vị tham huyền, chớ để thời khắc luống qua không”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỪ CẢM Ở PHƯỚC NGHIÊM

1. Thiền sư Pháp Đạt ở Dục vương.

Thiền sư Pháp Đạt - Bảo Giám ở Dục vương tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: “Việc này chỉ chính mình tự biết, cớ sao chúng sinh tùy loại được hiểu?” Sư đáp: “Mắt thấy tai nghe”. Lại nói: “Binh lính theo ấn chuyển”. Sư đáp: “Đức Sơn, Lâm Tế”. Lại hỏi: “Câu cuối cùng, ngày nay xin muốn được nghe?” Sư đáp: “Hôm qua có người hỏi ta, bèn liền cứng miệng. Lại hỏi: “Vì sao như vậy?” Sư đáp: “Chẳng ở Tương thủy gieo trăng sáng. Lại đến Thiên đồng nhìn mây trắng”. Lại hỏi: “Hạt cây không rễ có hiểu sinh mầm chăng?” Sư đáp: “Phỏng đợi đáp câu thoại lại sợ cô phụ Xà-lê”. Lại hỏi: “Lúc tác giả cùng gặp thì như thế nào?” Sư đáp: “Ngang bằng ra”. Lại nói: “Người học có phỏng nhầm”. Sư bèn đánh. Lại hỏi: “Chẳng bày ba lạy sao được chu toàn?” Sư đáp: “Nơi khác tức được”. Và Sư mới bảo: “Một pháp tuy rõ bày muôn thiện không. Đến nơi nào phải dùng công phu, ngã tư trước mắt ngang dọc vậy, tự người khi ấy lạc nửa đường. Đại chúng làm sao sống là câu rốt ráo? Giả sử lắng thần giữ trí, còn là ngủ am tranh, ngay như dứt Niệm quán không cũng thành ôm gốc cây đợi thỏ. Sống rỗng chết trôi chỉ vì chỉ nhớ vật báu mê quên nước nhà, ứ trệ vỏ xác mê mờ phong bao. Bởi vì tham trình rất xa, ngay như được tuyệt đường ngôn ngữ diệt mất tâm hành ở phần trên nạp Tăng đấm nguyên do gì, giả sử tâm pháp đều mất, hai đầu cắt dứt cũng là đè đầu trâu ăn cỏ, tranh tợ tai nghe mắt thấy miệng nói tân nghĩ suy, ngàn núi muôn sông phân trước mắt, Nam Bắc Đông Tây tại đầu đường. Mất đó với yếu chỉ là ngư lỗ đao điếu, được đó ở nơi tâm lẫn vâng phác ngọc. Lưu xuất Tam giáo đều chỉ nhất tâm, hai bên gặp đầu muôn vật đều đủ. Đến trong đó, nghĩ gì nhân nghĩa lễ trí nguyên hạnh lợi trinh, nói gì Bồ-đề Niết-bàn, thường lạc ngã tịnh, ngay phải nắm bỏ một bên. Hãy nhìn sơn Tăng nắm kiếm báu Kim cang cầm định giềng mối. Lấy Văn Thù làm tiên phong, lấy Phổ Hiền làm điện hậu, Quán Âm; Thế Chí bít tai trộm linh, Di-lặc Thích-ca nuốt tiếng uống hơi. May được Hoàng phong mênh mông, thuấn nhật rạng rỡ. Nạp Tăng trong thiên hạ ai dám đến trong hang quỷ làm kế sống? Lại có tin được kịp chăng?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Đạo thái chẳng truyền lệnh Thiên tử, thời thôi xướng xa bình”. Sư lại bảo: “Nửa tiếp Thành Hoàng, nửa dựa thôn, một khe nước chảy nửa núi mây, lắng xa mùi vị

có ai được, muôn đời xe vàng con cháu vua. Do đó, thấy nghe hay biết nghĩ lường phân biệt, một khi thấy bèn thấy, không vầng nguyệt thứ hai. Trời Nghiêu ngày Thuấn, ai hay đêm nổi thuyền đơn. Mây trắng gió trong nào hẳn đông hành xuân lệnh, cửa thẳng nhà ngay, cùng mắt không hạn núi xanh, chim kêu vượn hú rảo bước theo kia sai đường. Lật bồng nuốt xong, lại không một vật ngăn ngại người, gương xưa lau chùi lại chẳng lìa thời cũ sáng trong. Ngày ngày cùng hư không nắm tay, giờ giờ cùng Phật xưa đối đàm, khan thán ít nhiều người đói, tức bỏ đói giết trong Phạm-la, Dục vương nghĩ gì nói rõ có ba mươi gậy vốn hợp tự chánh đáng. Nhờ gặp mọi người chẳng biết, tạm bảo cây gậy nuốt tiếng uống hơi". Sư lại bảo: "Ở núi ít ngày xuống núi nhiều, kính được nghe tên ai làm sao, tranh tợ mây trắng ở nơi sâu, vượn hoang chim núi mặc cao ca. Đại chúng! Nắm hoa chỉ dạy, không tự chỉ ngực, mỉm cười đổi sắc mặt rơi lạc vầng trăng thứ hai. Thiếu thất xoay mặt vách tường, bên cạnh như không người, nửa đêm vượt qua sông tham trình rất xa. Lại mới nói Phật nói Tổ, trên đầu cắm thêm cái đầu, diễn điệu đàm chân trong bùn tẩy rửa đất, lắc hoa sọt gấm, miệng là cửa họa, lắng vậy không lời, giữ gốc cây đợi thỏ. Tất cả chẳng như là dùi sắt không lỗ. Người hạnh đạo làm sao tức là phải? Có hiểu chăng? Mây trắng tuy là vật vô tâm, đến nơi lại là mến núi xanh.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHA Ở KHAI NGUYÊN

1. Thiền sư Đạo Anh ở Tiến phước.

Thiền sư Đạo Anh ở Tiến phước tại Thiều châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc Phật chưa xuất hiện nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Bình lưu ly cắm hoa". Lại hỏi: "Sau khi Phật đã xuất hiện nói đời thì thế nào?" Sư đáp: "Bát mã não chưng quả". Lại hỏi: "Chưa xét rõ là đồng hay là khác?" Sư đáp: "Nhảy đổ bình, kéo chuyển bát". Và Sư mới bảo: "Căn cứ đạo mà luận thì nói cũng không được, nín cũng không được. Ngay như nói nín quên cả hai, cũng chẳng giao thiệp. Cớ sao trong câu không đường ý ở trong câu, không ý không gì chẳng phải chỗ sánh lường kịp. Nếu là bổ đầu chấm một chấm, trên đảnh bỗng nhiên mắt mở, ngay đó tức có phần nhanh chóng. Nếu cúi đầu hướng xuống dưới ý căn tìm tư duy rốt cùng mò dây chẳng nhầm, là biết muôn pháp không cội rễ, kẻ muốn thấu cùng là sai lầm, một nguồn dứt tuyệt vết, kẻ muốn trở lại tức mê mờ, nhìn ánh sáng Phật xưa, phong thái các tiên đức mỗi mỗi đều từ không dục không trung xuất hiện. Hoặc có lúc riêng cao vợi, nhổ lên trọn chẳng thể bám víu, hoặc có lúc ngậm dung lẫn lộn trọn không

chỗ thấy, trọn không cắm định một nơi, cũng chẳng trói buộc hai đầu. Không phải, không chẳng phải, không quấy không chẳng quấy, được cũng không chỗ được, mất cũng chẳng chỗ mất. Chẳng từng cách vượt mảy may, chẳng từng đổi dời tơ tóc. Rõ ràng đường xưa chẳng thuộc huyền vi, thấy mặt chống lại tự nhiên bên quá. Chẳng ở chánh vị há rơi lạc đường tà, chẳng đạp phương lớn nào rảo đường nhỏ, vụt vụt ngây ngây nào dừng nào làm, xoay đầu chẳng gặp, chạm mắt chẳng đối, một niệm Quán khắp rỗng rang tĩnh lặng. Tông yếu như vậy, ngàn Thánh chẳng truyền, ngay đó rõ biết, ngay đó siêu vượt, là biết nơi sạch làu làu, nghĩ gì tức khác, nơi rõ rành rành, nghĩ gì trở lại khó. Chẳng dùng đượm dáng chấm nhiễm, ngay phải mổ thoát lắng trừ. Nếu là bản phận tay chân, buông đi không gom chẳng lại, mỗi mỗi phóng quang hiện điềm, mỗi mỗi cắt dấu dứt vết, cơ trên rõ chẳng dừng, trong lời không thể bày, tận đáy khuấy chẳng đục, khắp thân đánh chẳng vỡ. Hãy nói rốt cùng là linh thông gì? Được nghĩ gì kỳ đặc, được nghĩ gì cứng chắc. Các nhân giả! Thôi cần biết mắt mũi hắn, chẳng cần đặt tên gọi hắn, cũng chẳng tìm nơi hắn ở. Vì sao hắn không nói ở, không tên gọi, không mắt mũi, mới dấy một niệm tìm cầu như cả vi trần, bèn cách mười đời năm đời, lại phỏng theo bao quản mang theo tư duy, càng thấy lẫn lộn gian tạp, chẳng như suốt thời gian lâu dài buông bảo tự do tự tại. Cần phát bèn bát, cần dừng bèn dừng, tức thiên nhiên chẳng phải thiên nhiên, tức như như chẳng phải như như, tức lắng trong chẳng phải lắng trong, tức bại hoại chẳng phải bại hoại, sống không mến, chết không sợ, không Phật để cầu, không ma để nhiếp, chẳng cùng Bồ-đề tụ hội, chẳng cùng phiền não buộc ràng. Chẳng thọ một pháp, chẳng ghét một pháp, không ở không chẳng ở, chẳng lìa không chẳng lìa. Nếu hay như thế, thấy được Thích-ca tức Thích-ca, Đạt-ma tự Đạt-ma, liên can gì đến chén bát ta, nghĩ gì nói năng môn hạ nạp Tăng, suy khám tương lai, trải trùm mang lết, chẳng khỏi khêu lấy chút ít bùn nước kia, huống gì các người đến mọi nơi lại nói, cái ấy là lời bình thật, cái ấy là sân cửa sai biệt, cái ấy là nêm chốt lỗ mũi, cái ấy là căn trần đạo nhãn, vội cùng chỉ dạy tập học, như bảy nhà người trong thôn truyền khẩu lệnh tương tợ, có gì giao thiệp, vô sự, trân trọng”.

2. Thiền sư Duẫn Quang ở Song khê.

Thiền sư Duẫn Quang - Bảo Nghiêm ở Song khê tại Lô sơn, có lúc lên giảng đường, Sư cười “A, ha, ha!” rồi bảo: “Cũng rất lạ lùng, chẳng cuộn rèm chừ trông nhìn thiên hạ. Thần Quang được phần tủy là ai, nói Đạt-ma chưa từng đến Đông hạ, Tây giang một miệng hớp dễ khô, vật

báu Trung nguyên khó trả giá. Cũng rất lạ lùng, khiến người chuyển nhớ lão Hưng Hóa. Xong, Sư hét một tiếng”.

3. Thiền sư Hữu Bằng ở Tôn thắng.

Thiền sư Hữu Bằng ở Tôn thắng tại Tuyền châu, vốn người dòng họ Tương ở Bản quận. Vừa tuổi để chỏm Sư bèn thử xét kinh giáo, trúng tuyển được xuống tóc xuất gia, giẫm trải khắp các giáo tịch. Sư từng sớ giải các kinh Lăng Nghiêm, Duy-ma v.v... các học giả rất mực tôn kính. Sư từng nghi đạo của Tổ sư chỉ thẳng, nên phần nhiều hay cùng các thiền nạp vân du. Một ngày nọ đến bái yết Thiền sư Kha ở Khai nguyên, chân chưa đặt lên ngạch cửa mà tâm bỗng nhiên lãnh ngộ. Thiền sư Kha bước ra bèn hỏi: “Tòa chủ lại đây làm gì?” Sư đáp: “Chẳng dám quý lỗ tai mà xem thường con mắt”. Lại hỏi: “Lão lão đại đại cớ sao như vậy?” Sư đáp: “Người tự phải thì chẳng lớn”. Lại nói: “Sáng xem hiện nay, tối đọc Bát-nhã thì chẳng hỏi, còn thế nào là một câu ở ngay đây?” Sư đáp: “Mặt nhật đứng ngay giữa trưa”. Lại nói: “Rãnh ngôn ngữ càng nói lại”. Sư đáp: “Bình sinh nhờ trung tín, ngày nay mặc tình sóng gió, tuy là như vậy, chỉ như Hòa thượng nghĩ gì nói có lắm giao thiệp, phải cần mới răn dạy mang giày cỏ!” Thiền sư Kha bảo: “Trong ấy tạm tha cho ông qua, nếu bỗng nhiên gặp Đạt-ma hỏi, ông làm sao sống? Nói”. Sư bèn hét. Thiền sư Kha bảo: “Tòa chủ này ngày nay thấy Lão Tăng mà khí xung ngưu đấu”. Sư nói: “Tái phạm chẳng dung tha”. Thiền sư Kha vỗ tay cười lớn.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THƯỜNG HIỂU Ở NGŨ TỔ

1. Thiền sư Đạo Luân ở Nguyệt đảnh.

Thiền sư Đạo Luân - Diên phước ở núi Nguyệt đảnh tại Kỳ châu. Có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư bảo: “Trước tháo xá-lợi hoa nở nhả sắc, bờ Tỳ-lô-tạng, rùa đìa trong ao, sương cuộn núi nhà, mây phủ các Phật, nấm xanh che mờ mắt, hạc già cuộn giữa trời. Đủ để có thể cùng các người trong hỗ trợ cơ ấy, ngoài xiển dương đạo ấy. Lại nào hẳn sơn Tăng ra lại chỉ điểm. Tuy là như vậy cũng phải đích đáng mới được. Hãy nói việc đích đáng làm sao sống? Cảm ân nhiều vầng nguyệt trên hang núi Bảo đà tỏa sáng thường được đến cửa tùng”. Sư lại bảo: “Tiết tùng dương vật gì giúp đỡ nhà Tăng, cúc nhậu cành cành nở hoa, chẳng học thời xưa chung bạn uống, vì ông bày ra trà Triệu Châu. Chỉ một bát đây tỉnh đại mộng, am đồng bảy chén dối khoe khoan”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Tiện mời chống gậy xuống một cái”. Sư lại bảo: “Lúc mưa luôn qua khiến phòng mát, đồng quê anh cả thảy đồng quang.

Nhà thiền nằm cao không việc khác, thừa được nhiều ít vận khánh dài, chánh ngay lúc ấy ai là người tri âm?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tử Kỳ mất rồi trống ngàn năm, trăng rơi trên sườn dòng nước lạnh".

2. Thiền sư Sở ở Ô nhai.

Thiền sư Sở ở Vạn thọ - Ô nhai tại phía Nam Kỳ châu. Có vị Tăng hỏi: "Chư Tăng thị tịch đổi hóa hướng xứ nào đi?" Sư đáp: "Linh phong nước chảy gấp". Lại hỏi: "Thế nào là chẳng sinh?" Sư đáp: "Trời xanh, trời xanh".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHIÊU KHÁNH Ở KIẾN LONG

1. Thiền sư Thiện Siêu ở Ngọc Tuyền.

Thiền sư Thiện Siêu ở Ngọc Tuyền tại kinh Môn quân. Có vị Tăng hỏi: "Bỏ ngay cây gậy nói nín động tỉnh, chưa xét rõ thế nào vì người?" Sư họa vẽ một tướng đường tròn. Lại nói: "Đó còn là dây leo". Sư bảo: "Xong". Ngưng giây lát, Sư mới bảo cùng đại chúng rằng: "Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng, giả sử vô lượng chư Phật không sướng thích bảy biện, không vì đàm nói đến đó, các bậc Tông sư xưa nay đầy đủ năm mắt không vì lén nhìn tướng đó. Tâm như ngói sỏi tường vách, mới có phần ít tương ưng. Các nhân giả! Nếu hay hồi quang phản chiếu. Chiếu vốn nguồn linh, thường sáng hiện tiền, trần lao chóng hết. Hết tức Bồ-đề, thắng tịnh minh tâm vốn khắp sa giới, chẳng theo từ người khác được. Dám hỏi cùng các người, hãy nói theo từ nơi nào được?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Thường năm liễu mịn thường năm biếc, tháng hai hoa đào tháng hai hồng".

2. Thiền sư Dụng Nguyên ở Tứ châu.

Thiền sư Dụng Nguyên ở Tứ châu tại phủ Bình giang. Một ngày nọ, sư hỏi Thiền sư Chiêu Khánh ở Kiến long rằng: "Lâm Tế ở Hoàng Nghiệt, ba hồi hỏi đại ý của Phật pháp, ba hồi bị đánh, ý chỉ ấy như thế nào?" Nói còn chưa rõ bị đánh môt cây phất trần, Sư chóng lãnh ngộ Tông chỉ. Đến lúc Sư khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Bốn chúng đã nhóm tập, xin Sư giảng nói pháp?" Sư đáp: "Có mắt không vành tai, tháng sáu ngồi bên lửa". Lại nói: "Một câu cắt đứt muôn dòng, muôn có chóng dứt". Sư bảo: "Nghe việc chẳng thật kêu chuông làm vò". Lại hỏi: "Sáng tham tối thỉnh thành được việc gì bên cạnh?" Sư đáp: "Chỉ cần ngươi hết đi". Lại nói: "Sớm biết đèn là lửa, cơm chín đã lâu rồi". Sư bảo: "Lỗ mũi ông nhân vì gì dính cây gậy xuyên ngay?" lại nói: "Xéo cong làm thẳng lại tranh được?" Sư đáp: "Tạm bảo ra hơi".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một hai ba bốn năm, trong lửa bọ ngựa nuốt ngay hổ, sáu bảy tám chín mười, trâu đất đáy nước đứng trên sóng. Một ngày một đêm mưa lâm râm. Dùi sắt không lỗ rưới chẳng vào, rưới chẳng vào dán đáy gấp, trăm sông vọt sóng ngập Tu-di. Na-tra tám tay khêu ra lại, củi đầu xưng tán nói chẳng kịp. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư đè ngang cây gậy và trông nhìn đại chúng mà bảo: "Ngày nay trên đất bằng ăn nuốt giao". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUYỀN MINH Ở PHẬT ẤN

1. Thiền sư Sư Định ở Long hưng.

Thiền sư Sư Định ở Long hưng tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Tiêu Tương?" Sư đáp: "Vượn đến đêm sâu hú sườn núi". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Cùng gặp chẳng xuống ngựa, mỗi tự có đường trước". Lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đường hoa hẻm liễu". Lại hỏi: "Thế nào là người trong đạo?" Sư đáp: "Nói cười ha ha". Và Sư mới bảo: "Gió thu vài đêm dần lạnh, nạp Tăng sớm cảm thấy lạnh mình, thâu đêm chẳng ngủ nghĩ lường, nhẫn chịu Tổ sư chạy loạn, chẳng biết niệm niệm Thích-ca xuất hiện nơi đời, bước bước Di-lặc gạ sinh, bỗng nhiên khua nhằm đều là thần quang của chính mình, chợt sinh nói được thần quang của chính mình". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Một vầng trăng tỏ chiếu Tiêu tương". Sư bèn hét một tiếng. Sư lại bảo: "Mây trắng đánh núi năm xưa thường đến, sáng tham chiều thỉnh nương thầy mà rõ đạo, bụi hồng chợ náo đốt giết chẳng thiếu, lại tự bận rộn tham sống đến già. Ôi! Đãy da ngăn dơ bẩn dễ hủy hoại, tham dục tham lạc chẳng biết chán nhàm, học Phật học Tổ tất cả đều chẳng hiểu. Hổ thẹn lão Hàn Sơn, mây ngủ gối hòn đá, nghĩ lường Thập Đắc Ca, mến ở trong hang sâu, áo tơi làm chăn đắp, nón lá làm mũ lọng. Chỉ như sơn Tăng nghĩ gì cử xướng, lại có Phật pháp không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Người vô vi vô sự, nhảy ra ngoài bụi hồng". Xong, Sư hét một tiếng".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI AM CHỦ VĨNH Ở TÍCH THÚY

1. Thiền sư Sở Kim ở bình.

Thiền sư Sở Kim ở bình tại Lô lăng. Có vị Tăng hỏi: "Tổ Tổ tương truyền, chưa xét rõ Hòa thượng truyền cái gì?" Sư đáp: "Hai tay nâng chẳng nỗi". Lại hỏi: "Hay có mấy người biết?" Sư đáp: "Biết đến việc lại làm sao sống?" Lại nói: "Phóng qua một trứ". Sư bảo: "Xa xôi hơn mười vạn". Lại hỏi: "Cho gì chẳng cho gì, người học từ trước lại xin Sư

cho gì?” Sư đáp: “Trâu sắt Thiểm phủ”. Lại nói: “Hòa thượng cho gì, người học tức chẳng ấy vậy”. Sư bảo: “Chẳng tiêu nắm ra”. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái, bảo: “Chỉ vậy là bày việc không một hướng, người xuất gia phải làm việc gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Tự biết so sánh một nửa”. Và Sư mới ca rằng: “Người lẳng lặng, trống thùng thùng, đặt đất lên tòa nói Tổ phong. Ngàn ban nói vạn ban dụ, đặt đất phiên chân tức thành ngụy, phân biệt Tăng tục với sắc không, nâng lê mò vách cùng ai thông, thôi tìm Nam Bắc lẫn Đông Tây. Cây gậy sơn Tăng rất không thẳng, nuốt hết mười phương các cõi nước, các cõi nước kín nhiệm suy cùng, ba mươi năm sau có bao nhiêu ông bạc đầu”. Sư tựa vào cây gậy rồi tiếp bảo: “Trân trọng”. Sư lại bảo: “Ý Tổ đều tỏ sáng, cơ thật tự lập, trăng sáng mình cóc đây kia không sai, sáng hồng ra biển, tâm từ tha thiết. Cảnh giới như vậy, ngộ thì mỗi mỗi nêu bày, chẳng ông lấy bỏ, mê thì vật vật trần lao, khó rõ diệu lý. Lại như, tức sắc rõ không, chánh là đập gạch đánh ngói, nói có nói không, lại là trong mộng nói mộng, chưa khỏi tỉnh lại một trường ma-la”. Sư lại bảo: “Người sáng mắt nếu luận bàn việc ấy, như muối ở trong nước chỉ dối lừa được lỗ mũi, nếu giọt lên đầu lưỡi một giọt thì dối lừa không thể được, cớ sao chư Phật ba đời từ trước, đến chư vị Tổ sư xuất hiện nơi đời chỉ là Ly nô bạch cổ một cái cước chú. Nắm dùi, nâng phất trần, hét một tiếng, đanh vào thiền sàn, đều là lộ trụ cước chú”. Sư mới nắm cây gậy gõ xuống một cái, tiếp bảo: “Sơn Tăng cùng Lộ trụ cước chú, trong đó nhìn được ra, chẳng chỉ hứa cho các người cứu được con cháu, mà cũng hứa cho các người thấy được Lý nô bạch cổ. Sau đó có thể để ra sinh vào tử. Nếu nhìn không ra, cứu không xong, cớ sao công phu chẳng đến chẳng vuông tròn, nói năng chẳng thông chẳng quyến thuộc”. Xong, Sư hét một tiếng.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ PHÁP TÔNG Ở TAM TỔ

1. Thiền sư Duy Sảng ở Quang hiếu.

Thiền sư Duy Sảng ở Quang hiếu tại phủ Ninh quốc. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hôm nay là mồng một tháng sáu, một năm đã qua một nửa, kính báo người tham huyền, biết lấy mặt mẹ sinh, mặt mẹ sinh nêu cử hay chẳng nêu cử, chim cò bay vào trong sóng biếc, phấn phát một đoàn lụa bạc thêu”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LÂM Ở THẠCH SƯƠNG

1. Am chủ Tông Thập ở Đức Sơn.

Am chủ Tông Thập ở am Tỉnh chiếu tại Đảnh châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là chủ trong am?” Sư đáp: “Từ trước đến nay chưa từng hứa”. Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị tiếp, Sư bảo: “Hiểu tức bèn hiểu, xưa nay chưa được an đặt tên gọi”. Vị Tăng ấy lại phỏng muốn mở miệng nói, Sư bèn đánh và đuổi ra. Ở trong thất, Sư thường nắm cây gậy phất trần mà chỉ dạy đại chúng: “Gọi là cây phất trần, y như trước là phải, chẳng gọi là cây phất trần, đặt đất không người biết, các ông gọi là gì?” Nhân có vị Tăng thỉnh hỏi điều lợi ích, Sư bèn dùng bài kệ tụng mà đáp đó rằng:

“Ta có một cán phất trần
Sử dụng riêng không điều độ
Có lúc treo trên cành tùng
Mặc nó đầu rũ sừng bày”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 21
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 22

MỤC LỤC

Đời thứ mười bốn, sau đời Thiền sư Đại giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hối Đường Tâm ở Hoàng long, có bốn mươi bảy vị:

25. Thiền sư Tu Tỉnh ở Thiên trụ
26. Thiền sư Cư Trí ở Thắng duyên
27. Thiền sư Sư Triệu ở Vân cái
28. Thiền sư Pháp Hải ở Hưng hóa
29. Thiền sư Tư Tề ở Lộ uyển
30. Thiền sư Duy Ích ở Đại quy
31. Thiền sư Thế Hòa ở Đại long
32. Thiền sư Như Dĩnh ở Song phong
33. Thiền sư Giác Cần ở Quán Âm
34. Thiền sư Như Giám ở Hiển thân
35. Thiền sư Pháp An ở Nam đăng
36. Thiền sư Duy Khánh ở Kiến long
37. Thiền sư Duy Tông ở Vô vi
38. Thiền sư Tố ở Tây phong
39. Thiền sư Hy Quảng ở Thiền lâm
40. Thiền sư Pháp Tông ở Pháp hải
41. Thiền sư Đức Chiêm ở Từ hy
42. Cư sĩ Công Lập Hạ Ỷ
43. Thượng tọa Ý Thiền
44. Cư sĩ Bành Nhữ Lệ
45. Cư sĩ Vương Chánh Ngôn
46. Đại phu Ngô Trung Lập
47. Thị Lang Hàn Tông Cổ (hai mươi chín vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn ở Bảo phong, có ba mươi tám vị:

1. Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu suất
2. Thiền sư Cảo ở Pháp vân
3. Thiền sư Văn Chuẩn ở Lặc đàm
4. Thiền sư Văn Nhã ở Tuệ nhật
5. Thiền sư Phạm Ngôn ở Động Sơn
6. Thiền sư Tuyên Năng ở Văn Thù
7. Thiền sư Thiện Tư ở Thọ ninh
8. Thiền sư Tuệ Hòa ở Thượng phong
9. Thiền sư Bản ở Ngũ phong
10. Thiền sư An ở Thái bình
11. Thiền sư Tấn Anh ở Báo từ
12. Thiền sư Chí Càn ở Động Sơn

13. Thiền sư Phổ Giám ở Bảo hoa
14. Thiền sư Hy Quảng ở Cửu phong
15. Thiền sư Đạo Toàn ở Hoàng Nghiệt
16. Thiền sư Đức Hồng ở lương
17. Thiền sư Tỉnh ở Siêu hóa
18. Am chủ Hoài Chí ở Thạch đầu
19. Thượng tọa Ấn ở Song khê
20. Thiền sư Tuệ Uyên ở Tuệ an (hai mươi vị hiện có ghi lục)
21. Thiền sư Phước Thâm ở Lặc đàm
22. Thiền sư Anh ở Hoa dược
23. Thiền sư Duẫn Bình ở Quy sơn
24. Thiền sư Đạo Dụng ở Gia hựu
25. Thiền sư Duy Cổ ở Tượng nhĩ
26. Thiền sư Duy Hiếu ở Bắc thiền
27. Thiền sư Vân ở Gia hựu
28. Thiền sư Tuệ Ngôn ở Tào sơn
29. Thiền sư Đạo Quang ở Ung hy
30. Thiền sư Hồng ở Nam đài
31. Thiền sư Hy ở Cốc sơn
32. Thiền sư Tuệ Mãn ở Quang hiếu
33. Thiền sư Tuệ Chiêu ở Bắc thiền
34. Thiền sư Thiệu Kha ở Thạch sương
35. Thiền sư Đôn Nhã ở Từ vân
36. Thiền sư Thiền ở Thang tuyền
37. Thượng tọa Sở Nguyên ở Bảo phong
38. An Thạch Vương Kinh Công (mười tám vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỐI ĐƯỜNG TÂM Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Ngộ Tân ở Hoàng long.

Thiền sư Ngộ Tân ở Hoàng long, vốn người dòng họ Vương ở Khúc giang, Thiều châu. Dáng dấp Sư khôi ngô, mặt đen tướng trạng như Phạm Tăng. Sư nương tựa viện Phật-đà mà xuống tóc xuất gia, Sư với tiết tháo bao trùm đại chúng, khéo mặt chiết phục người, mới đầu đến bái yết Thiền sư Tú ở Thê hiền, Sư tỏ vẻ mặt sắt. Thiền sư Tú hỏi: “Thượng tọa người ở đâu?” Sư đáp: “Ở Quảng nam, Thiều châu”. Lại

hỏi: “Đã từng đến Vân môn chưa?” Sư đáp: “Đã có đến”. Lại hỏi: “Đã từng đến Linh Thọ chưa?” Sư đáp: “Đã từng đến”. Lại hỏi: “Thế nào là cành nhánh của Linh thọ?” Sư đáp: “Dài đến cùng tự dài, ngắn đến cùng tự ngắn”. Thiền sư Tú bảo: “Gióng Man ở Quảng nam chớ nói loạn”. Sư nói: “Đến Bắc lừa chỉ nghĩ gì?” Xong, Sư phẩy tay áo mà đi ra. Thiền sư Tú rất mến quý, mà Sư chẳng hề lưu tâm để ý, mới đến Hoàng long, bái yết Thiền sư Bảo Giác, đàm nói biện luận không đạt đến khai ngộ, Thiền sư Bảo Giác bảo: “Nếu nghề ấy dừng ở đây ư? Là cố nói ăn vậy. Hắn là người hay ăn no ư?” Sư quẩn bách không còn gì để tiến tới, mới thong dong thưa: “Ngộ Tân tôi đến đây cung bẻ tên hết. Xin Hòa thượng từ bi chỉ cái nơi An lạc!” Thiền sư Bảo Giác bảo: “Một mảy trần bay che cả bầu trời, một hạt cải rơi mà phủ cả trái đất, nơi an lạc rất kỵ Thượng tọa quá lăm nhiều tạp nhạp láo nháo, ngay phải dứt chết toàn tâm từ vô lượng kiếp lại mới có thể được vậy”. Sư vâng lời, bèn đi ra. Một ngày nọ ngồi im lặng dượi bảng, gặp lúc vị Tri sự đánh các Hành giả, Sư nghe tiếng cây gậy, bỗng nhiên đại ngộ, phấn khởi quên cả mang giày chạy đến phương trượng tìm gặp Thiền sư Bảo Giác, tự vui mừng nói là: “Người trong thiên hạ đều là học được đến cùng. Còn tôi là người được ngộ đến cùng”. Thiền sư Bảo Giác cười bảo: “Tuyển người làm Phật được đỗ đầu khoa, sao có thể đáng vậy”. Từ đó Sư mang hiệu là “Tử Tâm Tẩu (ông già trái tim đã chết)”, Tấm bản đề nơi Sư ở là “Tử Tâm Thất”. Bởi sự thức ngộ của Sư vậy.

Lâu sau, Sư giã từ nơi đó, vân du đến Tương tây. Bấy giờ Thiền sư Triết đang thống lãnh tại Nhạc lộc, Sư bèn sang đến đó. Thiền sư Triết hỏi: “Là phàm hay Thánh?” Sư đáp: “Chẳng phải phàm, chẳng phải Thánh”. Lại hỏi: “Vậy là gì?” Sư đáp: “Dán cao mắt”. Lại hỏi: “Thế nào là Nam sơn mây nổi, Bắc sơn mưa đổ?” Sư đáp: “Tạm nói là phàm là Thánh”. Lại bảo: “Tránh sao trên đầu rộng dài, dưới chân rộng dài”. Sư ngửa mặt lên mái nhà hét thở một hơi dài. Thiền sư Triết bảo: “Hơi thở gấp giết chết người”. Sư đáp: “Vừa phải”. Rồi bèn rủ áo đi ra. Sư lại đến bái yết Thiền sư Ngộ ở pháp đường. Thiền sư Ngộ hỏi: “Gần đây vừa xa lìa nơi nào?” Sư đáp: “Tôi từ Hoàng long đến”. Lại hỏi: “Vậy có thấy Thiền sư Tâm chăng?” Sư đáp: “Có thấy”. Lại hỏi: “Thấy nơi nào?” Sư đáp: Thấy nơi ăn cháo ăn cơm”. Thiền sư Ngộ liền rút gân lửa trong lò ra hỏi: “Cái này lại làm sao sống?” Sư kéo thoát gân lửa bèn đi.

Mới đầu, Sư ở Vân nham, thế rồi chuyển dời đến ở Thúy nham. Tại Thúy nham xưa trước có Dâm từ, mọi người trong làng quê đến cầu

đảo, cúng tế rượu thịt ô uế không ngày nào ngưng nghỉ. Sư bảo vị Tăng tri sự pha hủy, vị tăng Tri sự từ chối cho là không dám rước họa. Sư tức giận bảo: "Nếu như có khả năng gây họa thì tôi đây sẽ gánh chịu". Xong tự thân Sư phá hủy. Bỗng chốc có con trăn lớn cuộn nằm bên trong ngẩng đầu tỏ vẻ tướng dáng ăn nuốt. Sư quát mắng, nó bèn ẩn trốn đi, Sư ngủ yên không gì xảy ra cả. Sau đó, Sư lại nhận lãnh Vân nham tạo lập kinh tạng, Thái sư Hoàng Công Đình vì làm bài ký, có đem mộ chí của người thân ông ta khắc ghi vào sau lưng bia, Sư tức giận mắng rằng: "Lấn lướt xem thường chẳng lánh họa như vậy ư?" Sư nói chưa dứt lời, bỗng có ánh sáng chớp vụt xuyên qua thất, sấm đánh từ cửa vào bể xóa phần giữa sau lưng bia, các dòng mộ chí thấy đó đã trở thành tro bụi, mà tạng ký vẫn an nhiên, không tổn hại gì. Về sau, Sư chuyển dời đến ở Hoàng long, Học giả nhóm tập đông nhiều. Sư lấy cớ bệnh mà lùi ẩn, ban đêm tiểu tham hối đường dựng đứng cây phất trần mà bảo: "Nhìn, nhìn, cây phất trần bệnh, Tử Tâm bệnh, cây phất trần an, Tử Tâm an, cây phất trần xuyên ngay Tử Tâm, Tử Tâm xuyên ngay cây phất trần, chánh ngay lúc ấy gọi cây phất trần chánh là Tử Tâm, gọi làm Tử Tâm lại là cây phất trần. Rốt cùng gọi làm gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Cố nắm phải quấy đến biện ta, sống nổi xuyên tạc chẳng liên can cùng". Có người xin hỏi câu cuối cùng. Sư bèn cho bài kệ rằng:

"Một câu nói cuối cùng
Ngay phải dứt đường tâm
Cửa sáu căn đã không
Muôn pháp chẳng sinh diệt.
Ngay đó thấu suốt nguồn
Chẳng phải cầu giải thoát
Bình sinh mến người mắn
Chỉ bởi ham sống hoài".

Đến chiều 13 tháng 12 năm Chánh Hòa thứ năm (1115) thời Bắc Tống, nhân lúc tiểu tham, Sư có nói bài kệ tụng. Qua ngày mười lăm, Sư an nhiên ngồi mà thị tịch, tin báo loan khắp, các hàng nạp Tử ở khắp mọi nơi vì đó nghẹn khóc tuông lệ. Sau khi trà tỳ có được xá-lợi năm sắc. Sư hưởng thọ bảy mươi hai tuổi, bốn mươi lăm hạ lạp. Dựng tháp tôn thờ ở phía sau Hối đường.

2. Thiền sư Duy ở Hoàng long.

Thiền sư Duy - Linh Nguyên ở Hoàng long tại phủ Long hưng, vốn người dòng họ Trần ở bản châu. Sư đắc tâm ấn từ Hối đường. Sư từng bảo mọi người rằng: "Người học ngày nay chưa thoát khỏ sinh tử. Bệnh

ấy tại nơi nào? Bệnh ở tâm trộm cướp chưa chết vậy. Nhưng chẳng phải tội ấy, mà tội bởi người làm thầy vậy. Như vua Cao Đế thời nhà Hán (?) lừa dối Hàn Tín mà giết chết. Hàn Tín tuy chết, nhưng tâm quả thật chết ư? Người học ngày xưa mở miệng nói thoát sinh tử. Nhưng xét ở nơi nào? Tại nơi tâm trộm cướp đã chết. Nhưng chẳng phải người học tự có khả năng như vậy, thật là bậc làm thầy kềm dùi kín nhiệm vậy. Như vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương ngồi nơi đại điện, thấy hầu cảnh chẳng máy động hơi tiếng, mà tâm hầu cảnh đã khô kiệt không còn thừa. Điều nói của mọi người ở các phương không gì chẳng là mỹ lệ. Cốt yếu là phải như Triệu Xướng vẽ hoa, hoa tuy cách biệt thật mà thật hoa vậy".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiếng trống vừa động, đại chúng đều nhóm tập, vô hạng thiên cơ đồng một lúc tiết lậu, chẳng cô phụ mắt chánh, tiện hợp nên về nhà. Lại đợi lắm ngôn từ chôn lấp Tông chỉ. Giả sử nói là Đức Thích-ca chẳng xuất hiện nơi đời, bốn mươi chín năm giảng pháp. Tổ sư Đạt-ma luôn luôn từ Tây vức lại, thiếu thất có diệu quyết, chúa tu núi cũng tợ Cao Lý trông ngóng về Hương quan. Lại nói nếu người biết Phật tổ, ngay đó bèn siêu việt, ngay đó nghĩ gì ngộ nhập thân thiết đi. Lại có một đường chuyển thân, khám qua rồi đánh". Và Sư bèn nắm cây phất trần đánh vào thiền sàn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng sông chiếu, gió tùng thổi, trọn đêm vắng lại là ai. Sương móc mây ráng ngăn chẳng được, trong đó còn nói chẳng như về. Lại về đâu? Lá sen tròn tròn, tròn tợ kiếng, góc quỳ nhọn nhọn, nhọn như dùi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Phật ba đời chẳng biết cơ, ân không báo đáp. Ly nô bạch cổ tức biết có, công chẳng thí lãng. Rõ đại dụng, hiểu toàn cơ, tuyệt dấu vết chẳng nghĩ lường, về đi khéo không người biết, xung mở bích lạc tùng ngàn thước, cắt dứt một khe nước bụi hồng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chí đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa, chỉ chỗ thân ái, rỗng suốt rõ ràng, Tổ sư nghĩ gì nói năng, lừa dối mắt người trong thiên hạ. Nạp Tăng biết phải quấy, khác trắng đen, đến trong ấy làm sao biện rành? Chưa thể đi đến nơi tận cùng của nước, khó bảo ngồi nhìn lúc mây bay".

3. Thiền sư Thiện ở Lặc đàm.

Thiền sư Thiện ở Thảo đường - Lặc đàm tại phủ Long khánh. Vốn người dòng họ Hà ở Nam hùng châu. Mới đầu, Sư đến tham yết Thiền sư Triết ở Đại quy nhưng không chứng đắc. Sau, Sư đến bái yết Hoàng Long. Thiền sư Hối Đường Tâm nêu câu thoại gió và phướng để chỉ dạy, qua thời gian dài lâu mà Sư chẳng khế ngộ. Một ngày nọ,

Thiền sư Hối Đường Tâm hỏi: "Câu thoại về gió và phướng, ông làm sao sống hiểu?" Sư đáp: "Quýnh không nơi vào, xin Sư chỉ bày phương tiện". Thiền sư Hối Đường Tâm bảo: "Ông có thấy con mèo bắt chuột ư? Tròng mắt chẳng máy động, bốn chân ngồi xổm nơi đất, các căn thuận hướng, đầu đuôi thẳng một đường, phỏng chụp không gì chẳng trúng. Nếu ông thật có khả năng như vậy, tâm không duyên khác, sáu căn tự lắng, lẳng lặng mà rốt cùng chẳng mất một trong muôn ngàn". Từ đó, Sư lắng yên dứt bặt mọi duyên, qua hơn một năm bỗng nhiên khế ngộ, bèn làm kệ tụng trình Thiền sư Hối Đường Tâm rằng: "Tùy tùy tùy xưa xưa xưa, tùy tùy tùy sau không người biết, đêm về trăng tỏ trên núi cao, xưa nay chỉ là cái giặc ấy". Thiền sư Hối Đường Tâm gật đầu hứa khả. Sau đó lại bảo Sư rằng: "Đắc đạo chẳng khó, hoằng đạo mới là khó, hoằng đạo còn ở chính mình, nói pháp vì người mới khó. Đã rõ đượcđó, sau mới dốc sức thực hành. Phàm, các bậc Tông sư giảng nói pháp, trong một câu đầy đủ ba huyền, trong một huyền đầy đủ ba yếu. Nơi ông vào chân thật, được ngồi đấp y, xoay lui sau tự nhìn, tự nhiên bảy thông tám đạt vậy". Sau đó, Sư nương ở tại đó bảy năm mới giả từ vân du tham phỏng khắp tùng lâm. Về sau, ra hoằng hóa, mới đầu Sư ở Hoàng long, cuối cùng chuyển dời đến Lặc đàm.

Có vị Tăng hỏi: "Lúc Ngưu Đầu chưa gặp thấy Tứ Tổ thì như thế nào?" Sư đáp: "Kinh ba biện bốn". Lại hỏi: "Sau khi đã gặp thấy lại như thế nào?" Sư đáp: "Đầu tro mặt đất". Lại hỏi: "Rốt cùng như thế nào?" Sư đáp: "Một trường Ma-la". Ngày khai đường giảng pháp, Sư lên giảng đường nêu cử Hòa thượng Viễn ở Phù sơn bảo rằng: "Muốn được Anh Kiệt chăng? Nhưng có bốn sự phải đầy đủ hoàn bị, mới hiển bày được đường tắt giẫm bước của Tông sư. Đó là những gì? - Một là lỗ mũi Tổ sư. - Hai là đầy đủ tròng mắt Kim cang. - Ba là đủ nanh vuốt của sư tử. - Bốn là được kế chết sống của nạp Tăng. Cây gậy có được bốn sự như thế. Mới có thể tung hoành thay đổi hình thái, nhậm vận cuộn chuông. Vút cao người trời, vách đứng ngàn dặm. Thân như chẳng được như thế thì người giữ chết với Thiện Đạo, bại quân nơi đất. Cớ sao gậy đánh người đá, quý bàn luận sự thật. Do đó đến trong đó chẳng được. Tu giang sáng rỡ, đồng trống mây ngưng, trúc lạc ngậm khói, núi xanh tỏa biếc. Gió mây đồng đến, trăng nước hòa soi. Một câu gồm thông đã tỏ rõ khô tàn". Sư bảo: "Ngày nay, Hoàng Long xuất hiện nơi đời, gặp thời đến lúc cùng cuối, Phật pháp suy tàn, chẳng dùng lỗ mũi Tổ sư, chẳng dùng tròng mắt kim cương, chẳng dùng nanh vuốt sư tử, chẳng dùng cây gậy chết sống, chỉ có một cây phất trần lấy làm đường tắt giẫm bước,

cũng có thể tung hoành biến đổi sắc thái, nhậm vận cuộn buông, cũng có thể vút cao trời người, vách đứng ngàn nhận. Có lúc gặp mạnh tức yếu, có lúc gặp quý tức tiện, nắm dậy thì quần ma ngầm vết, chư Phật Tổ mất dấu, buông đi thì hợp nước hòa bùn, Thánh phàm đồng vết. Hãy nói nắm dậy khéo buông đi khéo, đầu sao tơ chỉ theo ông mua, chẳng phạm sóng trong ý tự khác". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sắc tâm không khác, đây kia không sai". Sư lại dựng đứng cây phất trần tiếp bảo: "Nên gọi là phất trần thì vào địa ngục nhanh như tên bắn. Nếu chẳng gọi là phất trần thì có mắt cũng như mù, ngay đó thoát khỏi cả hai đầu cũng là trâu đen nằm chết nước".

4. Thiền sư Duy Tín ở nguyên.

Thiền sư Duy Tín ở nguyên tại Cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba mươi năm trở về trước, Lão Tăng lúc chưa tham thiền, thấy núi là núi thấy nước là nước, kịp đến sau đó thân gần thấy gặp các Thiện tri thức có được cái chỗ vào, thì thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước, mà nay được cái nơi thôi hết, y nhiên thấy núi chỉ là núi, thấy nước chỉ là nước. Đại chúng! Với ba kiến giải ấy là đồng hay khác? Có người nào hoặc Tăng hoặc tục ra được thì hứa cho các ngươi thân gần thấy được Lão Tăng".

5. Thiền sư Hiểu Thuần ở Giáp sơn.

Thiền sư Hiểu Thuần ở viện Linh tuyền - Giáp sơn tại Lễ châu. Sư từng lấy gỗ khắc làm hình con thú đầu sư tử, chân trâu thân mình ngựa, mỗi lúc lên giảng đường, Sư thường mang ra chỉ dạy đại chúng rằng: "Gọi làm sư tử lại là thân mình ngựa, gọi làm thân ngựa lại là chân trâu. Hãy nói rốt cùng gọi làm cái gì?" Sư bảo chư Tăng mở lời, nhưng chẳng có ai khế hợp. Sư mới chỉ dạy bằng kệ tụng rằng:

"Hiên ngang đầu sư tử
Chân trâu thân ngựa tài
Ba đường nếu vào được
Cửa huyền lớp lớp mở".

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Có gã tài giỏi nào từ vô lượng kiếp lại, không trú cũng không nương, trên không mảnh ngói che đầu, dưới không tấc đất đặt chân. Hãy nói trong mười hai thời khắc an thân lập mạng tại nơi nào? Nếu cùng biết được thì sáng sớm đến Tây trúc, chiều tối về Đông độ".

6. Thiền sư Kế Xương ở Tam Thánh.

Thiền sư Kế Xương ở Tam Thánh tại Hán châu. Vốn người dòng họ Lê ở Bành châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Phật gỗ không

thể độ lửa, trước đài Cam lồ gặp Đạt-ma, buồn bã người Lạc Dương chưa đến. Xoay mặt vách tường chín năm ngồi trống lạnh. Phật vàng chẳng thể độ lò, ngồi than nhọc sống chạy cùng đường, chẳng đến trên đồ hoa sơn nhìn, đâu biết Phan Lang ngã cưỡi ngựa, Phật đất chẳng thể độ nước, một đường linh quang chiếu đất trời, kham tham dùi xưa lão Huyền sa, chẳng cần Nam sơn, cần lỗ mũi ba ba". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Triệu Châu phỏng hỏi hai vị am chủ. Rồi, Sư bảo: "Công tử Ngũ Lăng tranh khoe giàu, cao Tăng bá nạp chẳng chán nghèo, gần đây người đời lắm đảo điên, chỉ trọng áo sam chẳng trọng người".

7. Thiền sư Hóa ở Song lãnh.

Thiền sư Hóa ở Song lãnh tại phủ Long khánh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trúc biết hoa vàng chẳng cảnh ngoài, mây trắng trăng trong lộ toàn chân, mỗi mỗi đều là vật nhà ta, thư tay nắm lại chẳng là trần". Sư bèn đưa cây phất trần, tiếp bảo: "hiểu chăng? Nhận đắp y trước lại chẳng phải". Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

8. Thiền sư Hiểu Tân ở Quy sơn.

Thiền sư Hiểu Tân ở viện Thủy lục - Quy sơn tại Tứ châu, vốn người xứ Phước châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Sào phụ ẩm ngưu". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong khách". Sư đáp: "Hứa Do rửa tai". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư bèn hét. Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Lễ bái rồi lui ra". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đất ruộng dấu kín phạm quá trời, nung đốt nâng chân chẳng nỗi. Thần thông du hỷ, không vết sẹo tự đau thương, đặt đất xuống chân không được. Hãy nói quá ở nơi nào? Người đủ mắt sáng tham học ra cùng lý luận, cần muốn thấy Bản phận nhà núi, chẳng cành đường cao hiểm, chẳng chỉ bao quản tự nhà gật đầu sai quá năm tháng. Lúc nào ngày khác trên đảnh một dùi, chớ bảo là không nói".

9. Thiền sư Bản Quyền ở Bảo phước.

Thiền sư Bản Quyền ở Bảo phước tại Chương châu, vốn người Lâm chương, tánh tình ngay thẳng mà dõng mạnh sống đạo. Ở nơi Hối Đường nâng nắm Tăng mà chứng ngộ thấu triệt căn nguyên, cơ biện nhanh chóng tỏa xuất. Mới đầu Hoàng Sơn Cốc có chỗ ngộ nhập, hỏi Hối Đường rằng: "Trong đây ai có thể cùng đối ngữ?" Hối Đường bảo: "Có Sư Bản Quyền ở Chương châu vừa mới đốc suất đi phá vỡ ruộng đất". Hoàng Sơn Cốc bèn cùng Hối Đường đi đến nơi Sư mà hỏi là:

"Năm nay lại có biết Lộ trụ sinh con chăng?" Sư hỏi: "Con trai hay con gái". Hoàng Sơn Cốc phỏng muốn bàn nghị Sư xua tan Hối Đường bảo không được vô lễ". Sư nói: "Cái đầu gỗ ấy không đánh thì đợi lúc nào?" Hoàng Sơn Cốc cười lớn.

Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử kệ tụng của Hàn Sơn rằng:

"Tâm tôi tợ trăng thu
Đầm biếc trong sáng sạch
Không vật gì sánh thường
Dạy ta nói như vậy.
Lão Tăng tức chẳng thế
Tâm tôi tở đèn lồng
Châm lửa trong ngoài hồng
Có vật kham sánh ví
Sáng sớm trời ló đông
Người truyền lấy làm cười".

Hòa thượng Tử Tâm trông thấy vậy ngợi khen rằng: "Huynh Quyền đề xướng như vậy thật chẳng phụ tiên sư phó chúc vậy".

10. Thiền sư Cảnh Tề ở Song phong.

Thiền sư Cảnh Tề ở Song phong tại Nam nhạc, Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy mà bảo: "Nắm ngang dùng ngược, các phương Hổ bước rồng đi, đánh chó chống cửa, song phong gõ nơi trong đầu giáp vô sự, nhân gió thổi lửa riêng là một nhà". Sư lại đưa cây gậy tựa nơi vai, trông nhìn khắp cả đại chúng rồi bảo: "Gọi làm vô sự được chăng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Dao thước treo cao dán mắt nhìn, Chí Công chẳng là Hòa thượng nhàn". Xong, Sư gõ cây gậy xuống một cái.

11. Thiền sư Cảnh Tân ở Hộ quốc.

Thiền sư Cảnh Tân ở Ký đương - Hộ quốc tại Đàm châu, vốn người dòng họ Trần ở quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba cõi không pháp, tìm tâm nơi nào? Muốn biết Hộ quốc phải dương cú. Hãy nhìn trước cửa một rừng trúc".

12. Thiền sư Trí Minh ở Hoàng long.

Thiền sư Trí Minh ở Hoàng long tại Ngạc châu, vốn người xứ Nhiêu châu. Một ngày nọ lên giảng đường, đại chúng vừa nhóm tập, Sư mới bảo: "Không thể lại mở mắt nói mộng đi vậy". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nam Bắc một bí quyết chặt đinh cắt sắt, rất kỵ nghĩ lường, vụt thành đường vết". Sư cùng Hồ Tuần Kiểm đến Công án Hai Thánh Hồ nói: "Tổ sư Đạt-ma đối mặt

vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương mà bảo là "Rỗng rang không Thánh". Công án đây vì gì mà nói có hai Thánh?" Sư bảo: "Một chấm mực nước, hai nơi thành rồng".

13. Thiền sư Trọng Viên ở Đạo ngô.

Thiền sư Trọng Viên ở Đạo ngô tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật. Người xưa nghĩ gì nói. Thí như lén nhìn con báo qua ống trúc chỉ thấy một lan lỗ. Nếu như hoặc vào trong rừng chẳng động cỏ, vào nước chẳng động sóng, cũng như cưỡi ngựa đi trên băng lăng, như là tay bắn chim điêu, sao chẳng hước trên đầu rắn lay gảy ngứa? Người đủ mắt chánh thử biện xem?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Uyên ương thêu ra từ kim châm".

14. Thiền sư Đạo ở Từ vân.

Thiền sư Đạo ở Từ vân tại Hàng châu. Sư thường rủ lòng chỉ dạy rằng: "Mũi tên bén nhọn cùng chống đến cùng, tùy cơ mới mảy tơ không sai, người bên cạnh nói chẳng cùng mờ tối. Làm sao biện được kín nhiệm kia?" Sư lại bảo: "Cách ngoại rõ có đến cùng. Hỏi Nam thì Bắc để đáp. Người đói khổ cùng bách vừa đến, chưa xét rõ lấy gì để cấp giúp?" Sư lại bảo: "Diệu dụng tung hoành đến cùng, gặp cơ biện như huyền hà, thành Tỳ-da; thượng nhân ấy lại chưa xét làm sao đối đáp". Sư bảo: "Tro lạnh cây khô đến cùng. Đến trong đó không lời, người sai khiến trong nhà, sử dụng thường ngày, chỉ trao thế nào". Lại nữa, có người đến tham khấu nêu bày vài câu hỏi, nhưng hỏi phần nhiều không khế hợp.

15. Cư sĩ Thái Sử Hoàng Đình Kiên.

Cư sĩ Thái Sử Sơn Cốc Hoàng Đình Kiên tự là Lỗ Trực, đem tinh thần Bát-nhã đã tập học xưa trước, tuy đầy đủ làm Quan nhưng vẫn sống điềm đạm, ra vào không Tông nhưng chưa có nói hước tới, khéo giỏi trước thuật Diễm Từ. Từng đến bái yết Thiền sư Tú ở Viên Thông. Thiền sư quở trách Cư sĩ rằng: "Đại trượng phu bút mực tài giỏi mà cam làm việc ấy ư?" Và mới đem việc họa vẽ ngựa thời Lý Bạch mà răn dạy. Cư sĩ cười mát mà nói: "Không sao lại đem tôi đặt vào trong bụng ngựa vậy ư?" Thiền sư Tú bảo: "Ông dùng Diễm ngữ động lòng dâm của người trong thiên hạ như vậy, chẳng chỉ vào trong bụng ngựa mà còn sợ bị sinh vào địa ngục Nê-lê nữa vậy". Cư sĩ kính sợ rồi sám tạ đó. Từ đó dứt tuyệt việc bút mực, chỉ chăm chăm nơi Đạo, trước thuật bài văn phát nguyện, thống thiết răn ngừa tửu sắc, chỉ sáng sớm ăn cháo, trưa ăn cơm mà thôi. Về sau, Cư sĩ đến nương tựa Thiền sư Hối Đường

Tâm, mong cầu chỉ nói thẳng tắc nhanh chóng. Hối Đường bảo: "Chỉ như Trọng Ni nói hai ba ông cho là ta giấu ẩn ư? Ta không giấu ẩn các người vậy. Thái sư sống thường lý luận thế nào?" Cư sĩ phỏng đối đáp. Hối Đường bảo: "Chẳng phải, chẳng phải". Cư sĩ bèn mê mờ chẳng thôi. Một ngày nọ theo hầu Hối Đường đi núi, khi ấy khắp hang núi hoa quế đua nở nhiều, Hối Đường bảo: "Ông có nghe mùi thơm hoa mộc tê chăng?" Cư sĩ đáp: "Có nghe". Hối Đường bảo: "Tôi không giấu ẩn ông vậy". Ngay lời nói ấy Cư sĩ bèn giải ngộ, liền lễ bái mà thưa rằng: "Hòa thượng được nghĩ gì tâm từ tha thiết?" Hối Đường cười bảo: "Chỉ cần ông đến nhà vậy". Lâu sau, Cư sĩ lại đến bái yết Thiền sư Ngộ Tân - Tử Tâm ở Vân nham. Theo chúng vào thất, Thiền sư Tử Tâm trông thấy Cư sĩ bèn trương mắt hỏi rằng: "Tôn Trưởng Lão (Tôi) chết, học sĩ chết đốt làm hai đống tro, hướng đến nơi nào cùng thấy?" Cư sĩ im lặng không trả lời. Tử Tâm ước ra bảo: "Hối Đường khiến tham được đến cùng, khiến chưa nhằm về sau, Cư sĩ làm Tả quan ở Kiềm nam, Đạo lực càng ưu thắng, ngay trong không tư niệm, bèn tỏ rõ được điều hỏi của Thiền sư Tử Tâm, nên mới viết thư báo rằng: "Năm trước thường nhờ khổ khổ dẫn dắt lâu dài như mộng say y hy ở trong Quang ảnh, bởi tình thực chẳng hết, mạng căn chẳng , trông nhìn sườn bờ mà thối lùi vậy. Nhân bị khiển trách đến Kiềm nam, giữa đường ban ngày nằm nghỉ, tỏ rõ lại bỗng như tầm tư, bị Lão Hòa thượng ở trong thiên hạ lừa dối ít nhiều, chỉ có Đạo nhân Tử Tâm chẳng chịu, mới là thứ nhất cũng vì vậy, chẳng hơn nỗi muôn vàn may mắn!". Về sau, Cư sĩ có làm bài minh nơi tháp Thiền sư Hối Đường rằng: "Tôi xưa trước vâng thừa dự ghi kham nhậm Đại pháp, nhưng Đạo nhãn chưa tròn mà lại chiêm ngưỡng Tốt-đổ, thật rất tán thán Tông ngưỡng, mới khắc ghi vào đá cứng, kính trọng tán thán Di Mỹ". Cư sĩ lại thiết cúng Tần Phần và dùng văn mà cúng tế đó, dụng kệ mà kính điếu rằng:

"Gió biển thôi rơi núi Lăng già,
Thiền đồ bốn biển dán mắt nhìn,
Một nắm tơ liễu gom không được,
Hòa khói nhặt tại lan can ngọc".

16. Thiền sư Như Hiểu ở Hoàng long.

Thiền sư Như Hiểu ở Hoàng long tại Hồng châu. Có vị Tăng hỏi: "Có khách từ xa lại chỉ bày ta viên ngọc bích đường kính một tấc. Vậy thế nào là viên ngọc đường kính một tấc?" Sư đáp: "Ngàn núi bày sắc biếc". Lại hỏi: "Tiện nghĩ gì lúc ấy thì thế nào?" Sư đáp: "Muôn cỏ dài oai lăng". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Hoàng Loang?" Sư đáp: "Núi liền

Mạc phụ, nước rót động đình". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Hình dung tuy xấu xí, mở lời bèn thành chương". Lại hỏi: "Nói nín can thiệp ly vi, thế nào là thông chẳng phạm?" Sư đáp: "Hoa núi nở tợ gấm, nước khe trong như lam". Lại nói: "Cảm tạ Sư đã đáp câu thoại". Sư bảo: "Hướng đạo chẳng đi đường dưới núi, rõ ràng chỉ sinh ở bên đường". Và Sư mới bảo: "Nơi khói mây nhóm, lầu điện chống trời, trăng nước tùng la, giao quang cùng ánh, người cùng cảnh chiếu mắt liễu chợt xanh, Phật pháp việc người không khuyết không thiếu. Tuy là như vậy, một câu chẳng lạc thời cơ làm sao sống? Nói". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Thiếu lâm tuy xoay mặt vách tường, tuổi già cũng tâm cô đơn". Sư lại bảo: "Mây trắng gió quấn, vũ trụ rỗng trong, trăng ấn giữa trời hình phân các dòng nước, nếu nghĩ gì tan đi, bèn nói sơn Tăng không bẻ hợp. Lại hoặc ca gió nịnh trăng, lại thành nổi sóng sinh gió, cháng ngay lúc ấy làm sao tức là phải?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chim rừng chẳng hiềm thế núi thoáng, cá rồng tranh ẩn đầm biếc sâu".

17. Cư sĩ Quán Văn Vương Thiều.

Cư sĩ Quán Văn Vương Thiều tự là Tử Thuần, ra làm Thứ sử ở Hồng châu, mới thỉnh mời Thiền sư Hối Đường mà hỏi đạo. Cư sĩ im lặng mà khế ngộ, nhân đó thuật bài tụng gieo cơ rằng: Ngày từng quên ăn đêm quên ngủ, bưng được ly châu muốn lên trời, tức hướng tự thân đều buông xuống, Tử Lăng giường đất vừa đoàn viên". Đem trình Thiền sư Hối Đường, Thiền sư Hối Đường rất chấp thuận đó.

18. Cư sĩ Bí Thư Ngô Tuân.

Cư sĩ Bí Thư Ngô Tuân tự là Đức Phu, đến nương tựa ở Thiền sư Hối Đường. Nhân vào thất, Thiền sư Hối Đường bảo: "Với bình sinh học hiểu ghi nhớ đa văn tức chẳng hỏi, còn thế nào là chính mình trước lúc cha mẹ chưa sinh trở về trước, nói lại một câu xem?" Cư sĩ phỏng bàn nghị, Thiền sư Hối Đường nắm cây phất trần mà đánh đó, Cư sĩ bèn lãnh hội ý chỉ sâu mầu, liền trình ba bài kệ tụng, bài sau cũng là: "Ôi! Ấy lắm biết tục hán, cắn hết công án xưa nay, bỗng nói đầu đống lộn xộn, nhặt được viên phẩn Khương Lang. Rõ ràng chẳng thẳng phân văn, vạn lượng vàng ròng chẳng đổi Đẳng nhàn nắm ra chỉ người, chỉ vì chạy quanh khó thấy. Ôi!" Hối Đường bảo: "Trong nước được lửa đời thật hiếm, nhìn đến khiến người đặt đất nghi, từ xưa chẳng còn thầy trò nữa, đến nay tức hứa Lão hồ hay".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VĂN Ở BẢO PHONG

1. Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu suất.

Thiền sư Tùng Duyệt ở Đâu suất ở phủ Long hưng, vốn người dòng họ Hùng ở Cám châu. Mới đầu, Sư thủ chúng ở Đạo ngô, dẫn vài nạp Tăng đến bái yết Thiền sư Trí ở Vân cái. Thiền sư Trí cùng Sư nói chưa được vài câu mà biết hết sự tích chứa nơi Sư, mới cười bảo: "Xem thủ tòa khí chất chẳng là phàm, cớ sao mở lời nhả hơi, như người say vậy?" Sư đỏ bừng mặt, toát mồ hôi, thưa rằng: "Xin Hòa thượng chẳng lận tiếc từ bi". Thiền sư Trí lại cùng nói như dùi nhọn đánh bổ. Sư mịt mờ, bèn cầu vào thất. Thiền sư Trí bảo: "Ông từng thấy gặp Hòa thượng Ngộ ở Pháp Xướng chưa?" Sư đáp: "Đã từng đọc xem ngữ lục của kia mà tự có thể rõ, cũng chẳng mong thấy gặp đó". Thiền sư Trí lại hỏi: "Ông đã từng gặp thấy Hòa thượng Văn ở Động Sơn chưa?" Sư nói: "Quan Tây Tử ngập đầu, sau ót mang một dãi quần vải đầy nước tiểu hôi hám, nơi ấy có gì đáng lớn?" Thiền sư Trí bảo: "Ông chỉ hướng đến nơi mùi nước tiểu hôi hám ấy mà tham lấy". Sư vâng theo sự chỉ dạy đó, bèn đến bái yết Động Sơn (Thiền sư Văn - ở Bảo Phong), ngộ lãnh được áo chỉ sâu mầu rồi trở lại bái yết Thiền sư Trí. Thiền sư Trí hỏi: "Sau khi đến thấy gặp quan Tây Tử rồi, việc lớn như thế nào?" Sư đáp: "Nếu chẳng được Hòa thượng chỉ bày, hẳn sẽ luống qua một đời vô ích". Bèn đảnh lễ kính tạ. Sư lại đến bái yết chân tịnh.

Sau ra hoằng hóa, Sư đến ở Lộc uyển, có Tố là người đã từng dự tham lâu dài nói Từ Minh ngụ ở trong một thất, từ trước chưa từng cùng người gia thiệp. Sư nhân ăn đường một lệ chi, chợt thấy Tố đi ngang qua cửa. Sư liền gọi rằng: "Lão nhân này người quê hương quả thật cũng có thể đồng ăn đây". Tố nói: "Từ sau khi Tiên sư thị tịch, chẳng được ăn thứ này đã lâu lắm vậy". Sư hỏi: Tiên sư là ai?" Tố đáp: "Hòa thượng Tử Minh vậy. Tôi rất xấu thẹn đã theo hầu suốt mười ba năm vậy". Sư mới nghi ngờ kinh hãi bảo: "Suốt mười ba năm kham nhẫn làm thị giả mà chẳng được đạo ấy là sao?" Bèn đưa tặng số trái quả còn lại cho Tố, dần dần thân gần. Tố hỏi: "Sư thấy được từ ai?" Sư đáp: "Hòa thượng Văn ở Động Sơn". Lại hỏi: "Hòa thượng Văn thấy được từ ai?" Sư đáp: "Hòa thượng Tuệ Nam ở Hoàng long". Tố nói: "Tuệ Nam dẹp đầu thấy được Tiên sư không bao lâu mà pháp đạo phát triển rất lắm vậy ư?" Sư lại càng kinh ngờ nghi hãi, bèn nắm: "Hương đến lễ bái Tố. Tố đứng dậy lánh né bảo: "Tôi vì phước mỏng, Tiên sư dự ghi không hứa vì người". Sư lại càng cung kính Tố tiếp bảo: "Nay xót thương sự chí thành của ông tức là trái với dự ghi của Tiên sư vậy. Bình sinh ông đã thành đạt gì thử nói Tôi xem?" Sư bèn trình bày tất cả sở chứng. Tố bảo: "Có thể vào Phật, mà không thể vào ma". Sư hỏi: "Cớ sao nói như

vậy?" Tố bảo: "Há chẳng thấy người xưa nói câu cuối cùng mới đến được lao quan". Trải qua nhiều tháng, Tố mới hứa khả ấn chứng cho Sư, mà răn bảo là: "Hòa thượng Văn chỉ dạy ông đều là chánh tri chánh kiến, nhưng vì ông xa lìa Hòa thượng văn quá sớm nên không thấu đạt rộng rãi huyền diệu đó. Nay tôi sẽ vì ông mà chấm phá, khiến ông thọ dụng được đại tự tại. Ngày sau rất kỵ ông không được nối dõi từ tôi".

Về sau, Sư nối dõi dòng pháp từ Chân tịnh, có vị Tăng hỏi: "Dẫn binh điều tướng phải nhờ phù Hổ của Đế chúa, lãnh chúng giúp học trò phải kín mang tâm ấn của Tổ sư. Vậy thế nào là tâm ấn của Tổ sư?" Sư đáp: "Đầy miệng nói chẳng được". Lại hỏi: "Chỉ cái ấy, riêng có gì chăng?" Sư đáp: "Chớ đem Hạc Chi Tuần kêu làm ngỗng thạch quân". Lại hỏi: "Thế nào là cảnh Đâu suất?" Sư đáp: "Một dòng nước nắn sắc lam, ngàn ngọn núi vót ngọc xanh". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Bảy lỏm tám lồi không người thấy, ngày tay ngàn đầu chỉ tự biết". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tai mắt làm sao trong ngồi yên trong cốc sâu, gió thu vào tùng cổ, trăng thu sinh sông lạnh. Nạp Tăng ở đây lại cầu chân, hai con hồ tôn (khỉ) duỗi bốn đuôi". Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đâu suất đều không biện biệt, tức gọi quạ rùa làm ba ba, chẳng thể nói diệu nói chân, chỉ hiểu lay môi múa lưỡi, bèn khiến nạp Tăng trong thiên hạ nhìn thấy giọt máu trong mắt. Chớ có kẻ lấy tức giận làm vui vẻ cười ngạo ráng khỏi ư?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Trong ông sáo một khúc nhạc bình, tính được bình sinh chưa giải sầu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mới thấy đầu xuân, lại gặp đầu hạ, bốn mùa như tên bắn, nhật nguyệt như thao lao, bất chợt má hồng vụt thành đầu bạc, ngay phải nỗ lực, dốc chí tinh thần cày lấy ruộng vườn của chính mình, chớ phạm vào lúa mạ người khác. Đã là mang bừa kéo cày như vậy, phải là trâu trắng núi tuyết mới được. Hãy nói lỗ mùi tại nơi nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Quát mắng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thường ở ngoài vật sống thời yên, trên trâu nắm ngan sáo trúc thổi, một khúc tự sâu núi biếc, tình này chẳng cùng mây trắng hay. Mừng khoái các thiền đức, vụt nghĩ Trần Lễ lừa dối nổi sóng biển, nhân nghĩ Trần Đoàn mất rống Thái Hoa. Nào từng mộng thấy sóng được cao danh, thật chưa thần rảo nhìn bạc vết đồng hoang. Đã là như vậy, nạp Tăng đủ mắt sáng chớ nói long an chẳng chính mình kia khéo". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Không pháp cũng không tâm, không tâm sao xả gì, cần chân đều thuộc chân muốn giả toàn về giả, trên đất bằng đi thuyền, trên hư không chạy ngựa, chín năm người ngồi xoay mặt vách tường, có miệng

lại như câm. Tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đêm đêm ôm mắt Phật, sáng sớm lại cùng dậy, dậy ngồi trầm cùng theo nói nín chung ở nghĩ. Muốn biết nói Phật đi, chỉ tiếng nói ấy phải. Chư thiền đức! Lớn nhỏ phó đại sĩ, chỉ hiểu nắm trụ cầu, tắm rửa nắm neo thuyền, trên bảng ấn đánh đem lại, trong mô tử thoát đem đi. Đâu biết nói bản sắc nạp Tăng bít lấp hang Phật tổ, đánh phá cửa huyền diệu, đạp ra dứt hố thường, chẳng nương cõi tịnh, đều không một vật riêng phân phát hai nắm tay, trên biển giăng ngang dựng nhà lập nước. Có một gã tài giỏi cũng muốn hướng lên đầu sào trăm thước vững chải ngồi yên, kịp đến lúc vụt thân xả mạng chẳng được. Há chẳng thấy Đại sư Vân Môn nói biết là ban sự nắm bỏ một bên, ngay phải lay động tinh thần đặt chút gân cốt, hướng đến hỗn độn chưa bổ trở về trước dâng cử được, còn là gã ám độn nào kham lại đến trên đầu lưỡi người khác giấm giáp mùi vị trọn không hết ngày. Các thiền khách, cần hiểu chăng? Mổ nổi lông mày có rất khó, rành rẽ không thấy một mảy may, gió thổi bích lạc mây nổi hết, trăng lên núi biếc ngọc một đoàn". Xong, Sư hét một tiếng rồi xuống khỏi tòa.

Một ngày nọ, Tào Sứ Cư sĩ Vô Tận Phương Công Trương anh, Án bộ qua phân minh, thỉnh mời các vị Trưởng lão ở năm viện đến Vân nham giảng pháp. Sư là người lên pháp tòa sau cùng. Nắm ngang cây gậy, Sư bảo: "Các Thiện tri thức vừa lại, ngang nắm dọc buông, ngay đó liệu vất, đổi bước dời thân ẩn đầu bày sừng. Đã ở trước mặt học sĩ, mỗi tự nhận lấy bại quyết, chưa khỏi thực ăn gậy đau trong tay Đâu suất. Đến trong đó chẳng do cam chịu và không cam chịu. Cớ sao thấy việc bất bình mà nhẫn được? Chánh lệnh của nạp Tăng tự phải thực hành". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

Ở trong thất, Sư có đặt ba ngữ cú để kiểm nghiệm người học: "Một là đánh cỏ trông nhìn gió, chỉ tranh đồ thấy tánh, tức nay tánh của Thượng tọa tại nơi nào? Hai là biết được tự tánh mới thoát sinh tử. Lúc nhãn quan rơi nơi đất làm sao sống thoát? Ba là thoát được sinh tử, bèn biết nơi đi. Lúc bốn đại phân ly, hướng xứ nào đi?"

Đến mùa Đông năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091) thời Bắc Tống, Sư tắm gội xong, nhóm tập đại chúng, nói kệ tụng rằng:

"Bốn mươi tám (48) năm
Thánh phàm giết hết
Chẳng là anh hùng
Long an đường trơn".

Xong, Sư an nhiên thị tịch. Đồ chúng đệ tử tuân theo di chúc của

Sư muốn hỏa táng, vật bỏ di cốt xuống sông. Đệ tử đắc pháp của Sư là Cư sĩ Vô Tận Trương Công sai sứ gìn giữ cúng tế, và nói là: "Lão sư dưới cửa Tổ Tông là người rất có đạo lực, không thể khiến mọi người đến sau không nơi kính lễ?" Bèn dựng tháp tôn thờ tại Nhũ phong của Long an, truy phong Sư thụy hiệu là "Chân Tịch Thiền sư".

2. Thiền sư Cảo ở Pháp vân.

Thiền sư Cảo - Phật Chiếu ở Pháp vân tại Đông kinh. Từ thuở niên thiếu, Sư đã vân du, đến bái yết Thiền sư Ky ở Viên thông. Lần vào thất, Thiền sư Ky nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Đầu Tử rằng: "Lúc người đại tử tức sinh là thế nào?" Đầu Tử đáp: "Chẳng hứa đi đêm, tới sáng phải đến nơi". Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ân lớn khó đền đáp". Thiền sư Ky rất vui lòng bèn bảo Sư làm Thủ chúng. Đến chiều, vì chúng, Sư nắm phất trần. Thiền sư Ky chậm rãi mà nói, đại chúng cười Sư, Sư tỏ vẻ thẹn đỏ mặt. Ngày hôm sau ở trong nhà Tăng rót trà, nhân va chạm bầu trà rơi xuống đất. Thấy bầu trà lăn nhảy, Sư bèn chứng đắc "Ứng cơ Tam-muội". Sau đó, Sư lại đến nương tựa Thiền sư Chân Tịnh, nhân đọc kệ tụng của Tổ rằng:

"Tâm đồng cõi hư không
Dạy pháp bằng hư không
Lúc chứng đắc hư không
Không pháp phải pháp quấy".

Bỗng nhiên Sư đại ngộ, Sư từng nói với mọi người rằng: "Ngày 21 tháng 11 năm Thiệu Thánh thứ ba (1096) thời Bắc Tống, ngộ được tấc vuông thiền".

Đến lúc ra hoằng hóa, Sư ở Quy tông, rồi tiếp có chiếu chỉ mời đến Tịnh cư. Nhân có vị Tăng hỏi: "Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại truyền cái gì?" Sư đáp: "Chu, Tần, Hán, Ngụy". Lại hỏi: "Ngày xưa có vị Tăng hỏi Vân Môn thế nào là thấu đạt pháp thân? Vân Môn đáp Tàng thân trong Bắc đẩu, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Một tấm lòng son". Lại nói: "Người học tức chẳng vậy". Sư bảo: "Ông lại làm sao sống?" Lại nói: "Đêm qua ngẩng đầu nhìn Bắc đẩu, y hy tức tợ chấm bánh đường". Sư bảo: "Chỉ nhớ nước cỏ, ngoài ra không biết gì". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ý Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại truyền riêng ngoài giáo điển, chẳng phải hàng đại căn đại khí thì chẳng thể chứng nhập". Người chứng nhập chẳng bị văn tự ngữ ngôn xoay chuyển, sắc phải quấy làm mê, cũng không khác Vân Môn, Lâm Tế, chẳng lạ Triệu Châu, Đức Sơn. Do đó, xướng đạo phải rõ vô ngữ trong hữu ngữ, hữu ngữ trong vô ngữ. Nếu hướng trong đó dâng cử được thì có thể gọi là trọn ngày mặc

áo mà chưa từng treo một sợi chỉ, trọn ngày ăn cơm mà chưa từng cắn một hạt gạo. Ngay như mắng Phật trách Tổ có lỗi quá gì. Tuy là như vậy, nhưng muốn được chẳng chiêu vời nghiệp vô gián chớ phỉ báng chánh pháp luân của Đức Như Lai". Xong, Sư hét một tiếng, và xuống khỏi tòa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Quy Tông hiểu chém rắn, Hòa Sơn biết đánh trống, muôn tượng cùng Sum-la, đều từ trong đó đi". Sư ném cây gậy xuống, tiếp bảo: "Về nhà uống trà". Sư dùng sức tham vào rất sâu, nói năng chẳng vào thời cơ. Mỗi lúc chỉ dạy đại chúng, Sư thường nêu cử: "Năm Hy Ninh thứ tám (1075) thời Bắc Tống, Lão Tăng căng trương màn văn tại phủ phụng tường cung thâm, năm đổ ngã xong Hoa Sơn bốn mươi dặm đè lấp nhà người trong bốn mươi thôn. Các ngươi sinh sau chỉ như trái cà trái bầu, bao giờ mới biết được". Hoặc có người hỏi: "Trên Bảo hoa vương tòa, nhân gì một hướng về thế đế?" Sư đáp: "Người ngu si Phật tánh, đâu có hai thứ ư?"

3. Thiền sư Văn Chuẩn ở Lặc đàm.

Thiền sư Văn Chuẩn ở Lặc đàm, vốn người dòng họ Lương ở Đường cổ, phủ Hưng nguyên. Từ thuở mới chào đời, thơ bé nhưng mỗi lúc thấy tôn tượng Phật thì Sư liền cười vui. Đến tuổi nhi đồng, Sư lại không thích nghe mùi rượu thịt. Có Sa-môn Hư Phổ ở chùa Kim tiên đi khất thực đến nơi nhà, Sư ra ngang cửa nói năng đối đáp như bậc Lão thành. Khi ấy vừa támtuổi, Sư giã từ song thân, nguyện theo Sa-môn hư Phổ dẫn về chùa, trao cho bộ kinh Pháp Hoa và bảo Sư "đây là thượng khẩu của Tôi vậy".

Đến trong niên hiệu Nguyên Phong (1078-1086) thời Bắc Tống, chư Tăng kiểm xét các đồng tử đã tập học kinh điển để lập thành sổ ghi tên trước sau lần lượt độ cho xuất gia. Sư tuy nghệ tinh nhưng tuổi còn quá nhỏ nên không được ghi tên tấu trình. Thiểm Tây Kinh Lược Phạm Công qua nơi am của Sa-môn Hư Phổ. Sa-môn Hư Phổ tuổi cao tác lớn nói năng ứng đối lãnh lược. Sư đứng hầu bên cạnh tỏ bày biện luận rành mạch, tấn chỉ rất đáng mừng khen. Phạm Công muốn dẫn dắt Sư cùng về Thiểm tây. Sư chối từ mà nói là: "Lên núi tìm ngọc, vào biển tìm châu, mỗi người tự có ý chí riêng khác. Bản hạnh học đạo đời khéo chẳng lòng trong trắng". Phạm Công ngầm lấy làm kỳ lạ lời nói ấy. Bèn hứa độ Sư xuống tóc làm Tăng. Thế rồi sư đến nương tựa Thiền sư Thừa ở Lương sơn. Thiền sư Thừa quở trách Sư: "Đuổi quạ (Sa-di) chưa thọ giới dám học Phật thừa ư?" Sư búng tay nói: "Đàn tràng là giới ư? Ba yết ma, phạm hạnh là A-xà-lê là giới ư?" Thiền sư Thừa rất kinh lạ, Sư cười nói: "Tuy là như vậy, dám chẳng thọ giáo". Rồi, Sư bèn thọ giới

Cụ túc ở Luật sư Đường An. Xong, vân du khắp các giảng tứ ở Thành đô, xướng nêu cương mục các bộ. Sư bèn giã từ đó mà đi, nói rằng: "Tôi chẳng mong cầu hiểu biết nhiều". Có Pháp sư Đàm Diễn lấy làm đẹp lòng với sự tinh anh nơi sư mới đặc biệt vỗ về bảo: "Ông xứng là pháp thuyền vậy! Ở phương Nam có các bậc Đại khai sĩ như Thiền sư Chân Như ở Quy sơn, Thiền sư Chân Tịnh ở Cửu Phong. Ông nên đến các bậc ấy ma mong cầu". Sư bèn kính lễ vâng lời, cùng Sa-môn Chí Cung là bạn đồng học, đến Đại quy, nương tựa qua thời gian lâu mà không khế ngộ, Sư mới đến bái yết Cửu Phong, Thiền sư Chân Tịnh hỏi: "Ông từ nơi nào đến?" Sư đáp: "Từ phủ Hưng hóa". Lại hỏi: "Gần đây ông xa lìa nơi nào?" Sư đáp: "Đại Ngưỡng". Lại hỏi: "Kiết hạ ở xứ nào?" Sư đáp: "Tại Quy sơn". Thiền sư Chân Tịnh mới nâng bàn tay và bảo: "Tay ta nào tợ gì tay Phật?" Sư mờ mịt. Thiền sư Chân Tịnh quở trách rằng: "Vừa lại vài câu không mảy may sai nhầm Linh Minh Thiên Chân, mới nói cái tay Phật bèn liền cách ngăn cản ngại. Vậy, bệnh tại nơi nào?" Sư đáp: "Không hiểu". Thiền sư Chân Tịnh bảo: "Hết thảy hiện thành lại dạy ai hiểu?" Sư bèn ứng phục vâng nương theo làm đệ tử. Qua hơn mười năm, Thiền sư Chân Tịnh đến đâu, Sư hẳn tùy theo đó. Đến năm Thiệu Thánh thứ ba (1096) thời Bắc Tống, Thiền sư Chân Tịnh chuyển dời đến ở Thạch môn, các hàng nạp Tử càng đông thêm nhiều. Phàm những lúc vào thất tham hỏi hẳn mờ mắt, ngồi cao không chỗ chỉ bày. Thấy người lại hẳn dậy theo vân đóng bít thái suất lấy làm thường. Sư từng nói với Sa-môn Chí Cung rằng: "Lão hán không chú ý nơi pháp đạo ư, chẳng thể lường được vậy!" Một ngày nọ, Sư mang gậy ra khơi ngồi nước, vung vẫy ướt áo, nhân đó đại ngộ, chạy về thuật lại việc ấy, Thiền sư Chân Tịnh mắng bảo: "Trong đây mới dám lấy đất làm bùn chưa chín ấy ư?" Từ đó, vết tích Sư càng mờ tịch mà tiếng tăm càng vang vọng.

Đãi Chế Lý Cảnh Chân trấn thú tại Dự chương kính ngưỡng đạo phong của Sư nên thỉnh mời đến khai đường giảng pháp tại Vân nham. Sau đó không bao lâu Điện trung giám mang công, Sư từ Nam xương chuyển dời đến ở Lặc đàm. Sư biện luận ngôn từ như nước rót tên bắn, tiến có như sấm quét. Các hàng nạp Tử vừa nể sợ mà cùng kính mộ Sư, dưới dùi phất thường luôn có đến vài ngàn tay. Sư tự lấy hiệu là "Trạm Đường". Sư từng bảo: "Tôi chỉ cất giữ một cây gậy, Phật đến thì đánh, Tổ đến cũng đánh. Chẳng đem nguyên chữ cước uyên các ngươi tự khô ruột. Như vậy, một tông Lâm Tế không đế nỗi linh lạc".

Một ngày nọ, mới đến cùng nhìn vừa bày trải tọa cụ. Sư hỏi:

"Chưa thấu đạt việc người, Thượng tọa gần đây lìa xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Vừa lìa Quy tông ở Lô sơn". Sư hỏi: "Tông kết quy về xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Nghẹn hơi thở". Sư bảo: "Ễnh ương trong hang làm kế sống". Vị Tăng ấy hỏi: "Hòa thượng sao không lãnh câu thoại?" Sư bảo: "Vậy há ông chẳng phải từ Quy tông đến ư?" Vị Tăng ấy đáp: "Phải". Sư bảo: "Đồ trước lừa sau ngựa". Sư lại hỏi sang Thượng tọa thứ hai: "Gần đây xa lìa nơi nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Vừa xa lìa viên châu". Sư hỏi: "Nhập hạ ở nơi nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Tại Ngưỡng Sơn". Sư hỏi: "Lại có thấy Tiểu Thích-ca chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Thấy". Sư hỏi: "Lỗ mũi dài bao nhiêu? Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị. Sư bảo: "Câu thoại rơi lạc A Sư". Sư lại hỏi vị Tăng: "Ông lại làm gì?" Vị Tăng ấy đáp: "Đặc biệt đến thăm hỏi Hòa thượng". Sư bảo: "Mây ở đầu non nhàn chẳng suốt, dòng nước dưới khe rất bận sinh". Vị Tăng ấy thưa: "Hòa thượng chớ khéo lừa dối người". Sư bảo: "Đại sư Mã vì gì từ dưới gót chân Xà-lê chạy qua?" Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư bảo: "Tức là Xà-lê lừa dối Lão Tăng". Vị Tăng ấy hỏi: "Lúc có miệng mà nói không được thì như thế nào?" Sư đáp: "Trong hồ Động đình chống ngược thuyền". Có Tiên Trì ở Vân cư đến, Sư hỏi: "Chưa lìa âu phụ văn thể đã rõ. Đã đến Bảo Phong làm sao nhả bày". Tiên Trì đáp: "Trước mắt có đường đi." Sư đưa thư lên bảo: "Đã là Vân cư, vì gì lại ở trong tay Bảo Phong?" Tiên Trì đáp: "Binh lính tùy theo ấn chuyển, tướng tá theo phù mã thực hành". Sư bảo: "Tưởng là rong trước (Tiên Trì) mà chỉ có xông trước, lại không có điện sau".

Một ngày nọ trên giảng đường, gặp Thủ tòa, Sư hỏi: "Hướng nơi nào đi?" Thủ tòa đáp: "Phỏng cùng Hòa thượng thương lượng một việc". Sư bảo: "Tiện nói". Thủ tòa hỏi: "Nhà Đông cán thìa dài, nhà Tây cán thìa ngắn". Sư bảo: "Vì gì nắm dậy bình trà Huyện củng, tức là chén sứ Nhiêu châu". Thủ tòa nói: "Gần bờ nhìn vành mắt, đặc đất một trường sầu". Sư kêu: "Khuất". Thủ tòa nhả thè lưỡi mà lui ra.

Sư ở tại Phần ninh, gặp Hòa thượng Tử Tâm hỏi: "Ông ở đây có trở lại trong núi chăng?" Sư đáp: "Phải đi lễ bái Sư huynh". Tử Tâm bảo: "Lúc ông lại, khéo nhìn phương tiện". Sư hỏi: "Cớ sao?" Tử Tâm bảo: "Đường Hoàng long rất trơn". Sư hỏi: "Từng trợt ngã bao nhiêu người lại?" Tử Tâm bảo: "Ông chưa đến Hoàng long, sơm rít cẳng chân vậy". Sư hỏi: "Hòa thượng sao được đóng cửa cùng tiếp đãi?" Tử Tâm hỏi lại: "Chuẩn lão, ông có được bao nhiêu Tăng chúng, chỉ là chụm đầu đánh nhau. Xong rồi nốc cơm. Rốt cùng ông lấy gì vì người?" Sư đáp: "Nhân gió thổi lửa". Tử Tâm hỏi: "Loạn tất cả làm sao?" Sư đáp:

"Từ trước lại có chút ít, và Sư lại hỏi: "Hòa thượng ở trong núi an được bao nhiêu chúng Tăng?" Tử Tâm đáp: "Bốn vị đều là nạp tử tinh tấn trội vượt". Sư bảo: "Sư tử trong hang chẳng khác các loài thú". Tử Tâm bảo: "Lúc ông lại cũng phải nên chiếu cố". Sư nói: "Cũng đợi lúc đến". Tử Tâm hỏi: "Lúc đến làm sao sinh?" Sư đáp: "Gọi lại rửa chân". Tử Tâm bảo: "Nhà Tăng Nhĩ xuyên mở hứa lớn miệng". Sư nói: "Thượng tọa Chuẩn từ trước đến nay như vậy". Tử Tâm bảo: "Ba mươi năm đùa bởn cưỡi ngựa".

Sư hỏi một vị Tăng: "Làng quê ông xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Quê ở châu". Sư hỏi: "Gần đây xa lìa xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Xa lìa Vân cư". Sư bảo: "Dưới cây an lạc nói đem lại một câu xem?" Vị Tăng ấy im lặng không trả lời. Sư lại hỏi vị Tăng khác bên cạnh: "Ông nói được chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Tôi nói không được, xin Hòa thượng nói". Sư bảo: "Hướng Bắc, lừa tợ ngựa lớn". Vị Tăng ấy hỏi: "Cũng gì nào?" Sư bảo: "Lỗ mũi ông vì gì ở trong tay Bảo phong?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Lửa phát trong nước". Thấy một vị Tăng đang đọc xem kinh, Sư hỏi: "Ông xem kinh gì vậy?" Vị Tăng ấy đáp: "Kinh Kim cang". Sư hỏi: trong kinh nói pháp là bình đẳng, không có cao thấp, có phải vậy không?" Vị Tăng ấy đáp: "Phải". Sư hỏi: "Vì sao núi Vân cư cao núi Bảo phong thấp?" Vị Tăng ấy đáp: "Pháp là bình đẳng, không có cao thấp". Sư bảo: "Ông tức làm được cái tọa chủ sai sử xuống". Vị Tăng ấy hỏi: "Hòa thượng lại làm sao sống?" Sư bảo: "Hãy cho lỗ mũi ông ra hơi". Một ngày khác thấy vị Tăng dưới hiên, Sư lại hỏi: "Ông đã hiểu chưa?" Vị Tăng ấy đáp: "Chẳng hiểu". Sư bảo: "Bên tả rồng xanh, bên hữu hổ trắng". Vị Tăng ấy nói: "Từ lâu vọng hưởng Bảo phong, thì ra xưa nay chỉ là cái quan bám bói trốn lánh". Sư mới chấm ngón tay bảo: "Ngày nay Thượng tọa không được tốt lành". Vị Tăng ấy nói: "Lão Hán bại quyết vậy". Sư bảo: "Giữa đường gặp kiếm khách, phải trình kiếm". Sư lại hỏi vị Tăng: "An lạc chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Vô sự". Sư bảo: "Ông rất có việc ấy". Vị Tăng ấy hỏi: "Chưa xét rõ tôi có việc gì?" Sư bảo: "Gần đây Kim cang Thượng Lam cùng thổ địa Thiên ninh đánh nhau". Vị Tăng ấy im lặng không nói gì. Sư bảo: "Xưa nay vô sự". Sư lại hỏi vị Tăng: "Thế nào là nơi Thượng tọa đắc lực?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Khéo, khéo cùng nhờ hỏi, sao được phát xấu ác?" Vị Tăng ấy lại hét. Sư bảo: "Xưa nay là tác gia". Vị Tăng ấy nắm tọa cụ tiện đánh, Sư cúi đầu gầm gừ một tiếng. Vị Tăng ấy nói: "Tha qua cho một trứ". Sư bảo: "Trong ấy chẳng thể tha qua, theo sau bèn đánh". Sư nói khắp, đại chúng muốn giải tán. Bỗng nhiên

Sư hỏi vị Tăng: "Sáng lại sáng đánh, tối lại tối đánh, ông làm sao sống hiểu?" Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Điểm tức chẳng đến". Vị Tăng ấy lại hét. Sư bảo: "Đến tức không điểm". Vị Tăng ấy lại hỏi: "Bỗng gặp lúc không tối không sóng lại làm sao sống?" Sư bảo: "Ngày nay trời lạnh, tạm về nhà hướng theo sau lửa". Xong, Sư hét một tiếng và đứng dậy". Một ngày nọ lên giảng đường. Sư bảo: "Bảo phong một đêm ngủ chẳng đặt để tính lường, ngày nay trên giảng đường sờ bụng tìm ngực, tất cả tư lương chẳng đến. Mà nay bức tiết đến lúc, sự việc ra gấp cửa nhà". Sư bèn nắm cây gậy lên, tiếp bảo: "Thượng tọa Chuẩn mấy ngày gần đây làm được một cái cán phất trần, nay tạm đem phương tiện đem cúng dường đại chúng". Xong, Sư ném xuống và tiếp bảo: "Rễ tre lá cọ dây gai buộc, dạng độ thiên nhiên riêng một nhà".

Đến tháng sáu năm Chánh Hòa thứ năm (1115) thời Bắc Tống, Sư nằm trên giường bệnh, Thủ tòa đến thăm, hỏi: "Mấy ngày gần đây, Tôn vị Hòa thượng như thế nào?" Sư đáp: "Lừa què leo lên tường vách". Thủ tòa thưa: "Hòa thượng cũng khéo uống một thang thuốc". Sư bảo: "Cây khô đắp cầu". Thủ tòa thưa: "Cũng biết Hòa thượng chẳng hiểu kỵ miệng". Sư hỏi: "Ông làm sao sống?" Thủ tòa bỏng bước đến nói. Sư bảo: "Ông cũng khéo nên uống một thang thuốc". Qua ngày 22 tháng 07 năm đó, Sư thay đổi y phục xong, nói bài kệ tụng mà thị tịch, hưởng thọ năm mươi lăm tuổi, ba mươi lăm hạ lạp. Dựng tháp tôn thờ linh cốt tại Nam Nguyên của Thạch mộn. Thừa tướng Trương Vô Tận soạn thuật văn bia, gián nghị hồng cú phụ ghi tựa ngữ lục. Danh sĩ Lý Thương lão soạn tập dật sự. Đồng môn đệ tử Đức Hồng, Giác Phạm biên ghi Hành thật của Sư. Đạo cao đức lớn của Sư nghĩ tưởng cũng có thể biết vậy. Tú Công Xứng, Hòa thượng Chân Mục vân cư nói với mọi người rằng: "Ra ải chạy sông Hoài Duyệt ba mươi năm, dự tham mười tám vị Thiện tri thức, không qua khỏi năm Đại sĩ Phật Quả, Phật Nhãn, Tử Tâm, Linh Nguyên, Trạm Đường mà thôi". Thành thực thay lời nói đó, bởi bị Tông Sư chân chánh, xét về toàn tài như vậy thật rất khó. Như Phật Quả, Phật Nhãn, Linh Nguyên, Tử Tâm có được đệ tử nối dõi dòng pháp đã là sáng ngời giữa đời. Riêng Sư khai đường giảng đường không mấy ngày nên chưa có người nối tiếp vết cao. Nhưng đọc xem di biên thì tưởng cùng biết được nỗi lòng của Sư, tin các vị khác chưa ai có thể ngón kịp. Sa-môn Giác Phạm nói: "Thiền sư Văn Chuẩn dưới cửa Chân Tịnh, người đáng gọi là danh gia biện tài, khí chí vượt quá mọi người". Ước cũng biết lời thay.

4. Thiền sư Văn Nhã ở Tuệ nhật.

Thiền sư Văn Nhã ở Tuệ nhật tại Lô sơn, nhân ngày nhận sự thỉnh mời, có vị Tăng hỏi: "Hướng thượng Tông thừa, xin Sư chớ lẫn tiếc". Sư đáp: "Treo gậy chánh khai phong". Lại nói: "Nhỏ ra lớn gặp". Sư bảo: "Tha qua tức không thể được". Xong, Sư bèn đánh.

5. Thiền sư Phạm Ngôn ở Động Sơn.

Thiền sư Phạm Ngôn ở Động Sơn tại Thụy châu. Vốn người xứ Thái bình châu. Có lúc lên giảng đường, có hai vị Tăng đồng đi xa, một vị Tăng lễ bái, một vị Tăng bèn hỏi: "Lúc được dùng bèn dùng thì thế nào?" Sư đáp: "Y lan làm cây chiên đàn". Lại nói: "Lúc có ý khí thêm ý khí, nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu". Sư bảo: "Cam lồ mới là vườn tật lê". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm tôi như trăng thu, đầm biếc trong sách sạch, không vật nào sánh bằng. Dạy tôi nói thế nào? Hàn sơn tử nhọc mà không công, lại có cái đạo thập đắc, chẳng biết cái ý ấy. Học trò tu hành khó khổ, nghĩ gì nói năng tự cứu chẳng xong, bình thường nắm sọt phẩn, cầm chổi quét chế gió chế sân còn so sánh chút ít. Ngay như Văn Thù Phổ Hiền xuất hiện lại nơi đời, nếu đến dưới cửa Động Sơn một lúc phân giao cho công việc trực tuế, đốt lửa đến đốt lửa, quét đất đến quét đất. Trước hiên sau giá, rất kỵ lẫn lộn đũa muỗng, lão nhân phong can lại chẳng nhiều lời, tham xong lúc uống trà". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một sinh hai, hai sinh ba, cấm ngăn chẳng dừng, lan khắp sa giới. Đức Vân thẳng lên Diệu Phong, Thiện Tài tức vào lầu các, tân phụ cưỡi lừa A-gia dắt, núi xanh nước biếc đào hồng lý trắng, một mảy trần một cõi Phật, một cành lá một Thích-ca". Sư mới chấp tay tiếp bảo: "Chẳng xét các Phật tử, sáng nay chuyển đổi đầu tháng ba rất nắng ấm, dậy ở nơi nhẹ nhàng An lạc, có đi chăng? Thời gian ngắn chuyên đến trên liêu thăm hỏi. Chẳng nhọc đứng lâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày hai mươi tháng chạp, một năm sắp muốn hết, người muôn dặm chưa về. Đại chúng đây toàn là khách tha hương, vậy có ai trở về cội nguồn chăng?" Sư đánh cây phất trần một cái, tiếp bảo: "Trước cửa Tuyết thừa nắng soi tan, trong nhà bụi hồng để ai quét?"

6. Thiền sư Tuyên Năng ở Văn Thù.

Thiền sư Tuyên Năng ở Văn Thù tại phủ Đức An. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đèn Tổ sư?" Sư đáp: "Với bốn loài chúng sinh, không gì chẳng soi chiếu, một chấm mặc ông nhìn". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mũi tên Thạch Củng kín giấu Ma-xoa, ngay đó hiểu được hoa đốm trong mắt, đáng thương đáng cười khách Thiếu lâm, mờ tối mang một chiếc giày vượt Lưu sa".

7. Thiền sư Thiện Tư ở Thọ ninh.

Thiền sư Thiện Tư ở Thọ ninh tại Quế châu, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu bàn luận việc này như chim chá mổ trâu sắt. Không nơi mở miệng, không nơi dụng tâm, lại hướng đến trong đó hỏi tìm dưới câu tầm tư. Ngay như bói lường tương lai vụt thành việc bên cạnh hý luận, rất chẳng biết, xưa nay vốn đầy đủ, ngay đó rõ ràng, Phật và chúng sinh một mảy may chẳng lập. Bình thường hướng đến các người nói phàm phu đầy đủ pháp của Thánh nhân mà phàm phu chẳng biết. Thánh nhân đầy đủ pháp của phàm phu mà Thánh nhân chẳng hiểu. Thánh nhân nếu hiểu tức đồng phàm phu, phàm phu nếu biết tức là Thánh nhân. Nhưng mà phàm Thánh nhất như, danh tướng cùng bày, chẳng biết cội nguồn, lầm mê chân giác. Do đó, theo cảnh sinh tâm, nương tình gá vật. Giả sử nếu hay một niệm tình quên, tự nhiên thể chân thường lộ bày". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tiện xin dâng cử lấy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ở các phương cứ năm ngày một lần, còn tại Thọ Ninh mỗi ngày đều lên tòa, chớ lấy làm quái lạ". Và Sư nói lại bài kệ rằng: "Qua ở Đạt-ma tây lai, Thượng sĩ nơi nơi gặp hắn, hậu học thường lúc đạp qua. Hãy nói: Đạp qua một trứ rơi lạc nơi nào?" Xong, Sư đưa cây phất trần lên, tiếp bảo: "Một mảnh trăng mọc biển, người mấy nhà lên lầu?"

8. Thiền sư Tuệ Hòa ở Thượng phong.

Thiền sư Tuệ Hòa ở Thượng phong - Chúc dung tại Nam nhạc. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Từ khi chưa lên tòa này trở về trước, khắp đại địa mọi người đều đã thành Phật xong. Lại còn có pháp nào đáng nói? Lại có chúng sinh nào đáng phải làm lợi ích? Huống gì Bồ-đề Niết-bàn vốn tự tịch nhiên, sinh tử Niết-bàn còn như giấc mộng đêm qua, cửa nhà bày biện lừa dối trẻ con, cửa phương tiện mở, lưới văn buộc góc, ở trước mặt nạp Tăng đều thành huyễn hoặc. Hãy nói nạp Tăng có nơi nào trưởng dưỡng?" Sư bèn nắm cây gậy lên, tiếp bảo: "Rễ lẽ tự có chế chống trời, chẳng sánh tầm thường cành khúc lục". Xong Sư gõ cây gậy xuống một cái và xuống khỏi tòa.

9. Thiền sư Bản ở Ngũ phong.

Thiền sư Bản - Tịnh Giác ở Ngũ phong tại Thụy châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc đồng tương ứng thì như thế nào?" Sư đáp: "Chim bột cưu kêu trên cây". Lại hỏi: "Lúc đồng khí tương cầu thì như thế nào?" Sư đáp: "Hổ dữ gầm trước hang". Lại hỏi: "Lúc một tiếng một lùi thì như thế nào?" Sư đáp: "Cẳng chân tại dưới bụng". Lại hỏi: "Thế nào là Bất động tôn?" Sư đáp: "Đi đứng ngồi nằm". Có lúc lên giảng đường,

có vị Tăng hỏi: "Tòa báu đã lên, nguyện xin nghe cử xướng". Sư đáp: "Hoa mai trong tuyết nở trong lửa". Lại hỏi: "Chẳng tiện là nơi vì người không?" Sư đáp: "Bụi hồng ở đáy giếng đã trân đầy trời". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nghĩ gì cũng chẳng được, không nghĩ gì cũng chẳng được. Các người làm sao sống hiểu? Ngay đó nếu hiểu được thì chẳng phòng ngại kỳ đặc, lại hoặc là kim châm trời tây và đất này". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gia phong của Ngũ phong Nam Bắc Tây Đông cần dùng bèn dùng lấy cọc đinh không. Ôi!".

10. Thiền sư An ở Thái bình.

Thiền sư An ở Thái bình tại Vĩnh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Có lợi không lợi chớ lìa đi chợ, La-nặc của Trấn châu rất quý, gạo của Lô Lăng giá rất rẽ, tranh tợ thái bình trong ấy, có lúc được mùa đạo thái thương giá đầy chật. Gạo trắng bốn văn một thăng, La-bặc một văn một bó. Chẳng dùng đầu Bắc mua rẽ đầu Tây mua mắc. Tự nhiên vặt cập cả Tứ sinh, tự nhiên lời vốn vương hóa. Lại thế nào sống nói cái đạo lý Phật pháp?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Khuyên ông chớ dùng đá khắc đùa, trên đường người đi miệng tợ bia".

11. Thiền sư Tấn Anh ở Báo từ.

Thiền sư Tấn Anh ở Báo từ tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Với giẫm trải đường dài tức chẳng hỏi. Còn một câu đến nhà, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Tuyết đầy không gian". Lại hỏi: "Đó còn là lúc người biết, có một đường chuyển thân lại làm sao sống?" Sư bèn hét. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Báo từ có một công án, các phương chưa từng kết đoán. May gặp đổi mới sáng sớm nắm ra, xin mỗi vị tự dán mắt cao xem. Sư bèn móc hất xuống một chiếc giày tiếp bảo: "Có biết cái tin tức ấy không? Tổ sư Đạt-ma lúc trở về Tây vức mang theo một chiếc bên mình". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cho gì trên lại hổ dữ ra mừng? Cho gì dưới đi rắn sợ vào cỏ. Chẳng trên chẳng dưới mặt nhật rạng rỡ". Sư hét một tiếng rồi tiếp bảo: "Sông Tiêu tương nước biếc mênh mông, ra cửa bèn là đường Trường an". Lại có lúc lên giảng đường, Sư ném cây gậy xuống và gọi đại chúng, bảo: "Cây gậy nuốt ngay Tổ sư xong vậy. Dạy gì người nói thiền, có người cứu được không?" Sư hét một tiếng". Lại có lúc lên giảng đường, bỗng nhiên nắm cây gậy, Sư bảo: "Hết thảy chư Phật ba đời đồng vào hang ở ấy nạp Tăng gọi làm chim cốt trời xa". Sư bèn gõ cây gậy một cái.

12. Thiền sư Chí Càn ở Động Sơn.

Thiền sư Chí Càn ở Động Sơn tại Thụy châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Động Sơn chẳng hiểu Đàm thiền chẳng hiểu nói đạo,

chỉ là đói lại ăn cơm, mệt bèn ngủ. Các người hẳn nhiên riêng có nơi lớn mạnh. Thử ra đây dốc hết sức nói một câu xem". Có gì? Có gì? Ngưng giây lát, Sư bảo: "Lục châu đường đến cùng".

13. Thiền sư Phổ Giám ở Bảo hoa.

Thiền sư Phổ Giám - Phật Từ ở Bảo hoa tại phủ Bình giang. Vốn người dòng họ Chu ở Bản quận. Từ thuở bé thơ, Sư đã chẳng ăn dùng các thứ tanh nồng, đến nương tựa Sa-môn Trí ở chùa Cảnh đức mà xuống tóc xuất gia. Năm mười bảy tuổi, bắt đầu du phương, Sư đến bái yết Thiền sư Anh- Giác Ấn mà chẳng khế ngộ, bèn đến gõ thất của Chân Tịnh. Thiền sư Chân Tịnh nêu cử câu thoại của Thị giả Kiền ở Thạch sương mà hỏi Sư, bỗng nhiên Sư khế ngộ được, bèn làm kệ tụng rằng: "Cây khô không hoa đã mấy thu, mây riêng treo đầu cây vút, từ khi đánh bẻ sừng trâu đất, thẳng đến nay đây nước ngược dòng". Thiền sư Chân Tịnh hứa chịu đó, bảo Sư làm Thị giả theo hầu khăn bát. Về sau, Sư tuân theo chúng, khai giảng pháp tại Bảo hoa, tiếp chuyển dời đến Cao phong.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tham thiền riêng không kỳ đặc, chỉ cần ngay mạng căn người dứt si tình thoát, ngàn mắt chóng mở, như một trục xe từ đáy biển xanh, một vầng mặt nhật lên giữa cửa trời soi sáng khắp bốn thiên hạ, muôn sai ngàn khác đồng một lúc rõ hết, bèn có thể nắm kiếm báu Kim cang vương bảy tung tám hoành thọ dụng tự tại, há chẳng khoái ư? Nếu như Kiến Đế chẳng phải chân thật, ảnh tượng phảng phất, tìm lời theo câu, nhân sự chỉ gọi của người, lừa già được khoái sống đi. Chẳng như gạn lắng duyên trần, dựng đứng xà cột cốt cách dính chút tinh thể, nghiên cứu giáo thừa bảy xuyên tám duyệt trăm xong ngàn đáng, hướng đến bên dòng nước dưới bờ rừng nuôi lớn Thánh thai cũng chẳng uổng nhận sự cúng dường của trời người, tuy là như vậy, nhưng nằm dưới Vân môn có cái hạn Thiết môn, lại phải dốc mạnh khí lực nhảy qua mới được. Ngay khoảng phỏng nghĩ rơi hầm lạc hố". Sư bèn nắm cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng tròn, cúi mong chư Phật ba đời, ly nô bạch cổ, mỗi mỗi dậy ở Vạn phước, giữa ngày đạm bạc không thể cùng mời, rất mong khoan dung bao quát, Lão thủy cổ ngưu những ngày gần đây cũng lắm bệnh lắm não, chẳng cam cơm nước gặp nhàm về chiều hòa gió ngay đó, hòa thân bèn ngã, bảo nó kéo cày mang bừa, ngay là lay đầu lắc óc, thật đáng thương tiếc muôn khoảnh ruộng tốt, đồng một lúc biến thành cỏ hoang".

14. Thiền sư Hy Quảng ở Cửu phong.

Thiền sư Hy Quảng ở Cửu phong tại Triệu Châu. Sư du phương đến bái yết Hòa thượng Trí ở Vân cái mới hỏi là: "Hưng hóa đánh khắc khách, ý chỉ ấy như thế nào?" Hòa thượng Trí bước xuống thiền sàn xòe hai tay nhả le lưỡi mà chỉ bày đó. Sư bèn đánh một tọa cụ, Hòa thượng Trí bảo: "Đây là sức gió lay chuyển vậy". Sư lại đến hỏi Thiền sư Lâm ở Thạch sương, Thiền sư Lâm bảo: "Ý ông làm sao sống?" Sư cũng đánh một tọa cụ. Thiền sư Lâm bảo: "Khéo một tọa cụ chẳng biết nơi rơi". Sư lại đến hỏi Thiền sư Chân Tịnh. Thiền sư Chân Tịnh bảo: "Ý ông làm sao sống?" Sư lại cũng đánh một tọa cụ. Thiền sư Chân Tịnh bảo: "Kia đánh, ta cũng đánh". Ngay đó, Sư bèn tỏ ngộ. Nhân đó Thiền sư Chân Tịnh có làm bài kệ tụng rằng: "Trượng phu phải dứt chẳng tự dứt, Hưng hóa là gã vì người tột cùng, kế sau theo giáo mắt tự mở, đánh xong phạt tiền ra khỏi viện". Về sau, sư đến ở Cửu phong, các hàng nạp Tử rất kính ngưỡng.

15. Thiền sư Đạo Toàn ở Hoàng Nghiệt.

Thiền sư Đạo Toàn ở Hoàng Nghiệt tại Thụy châu. Có lúc lên giảng đường, nắm cây phất trần Sư đánh vào thiền sàn một cái và bảo: "Một dùi đánh thấu vô tận tạng, hết thảy vật báu ta đều có, nắm lại giúp cùng người nghèo khổ, khỏi khiến ba tra chạy bên đường". Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Ai là người nghèo khổ'.

16. Thiền sư Đức Hồng ở lương.

Thiền sư Đức Hồng tự là Giác Phạm ở lương tại Quân châu, vốn người dòng họ Dụ ở Tân xương, quận Chi. Năm mười bốn tuổi, song thân Sư đồng qua đời trong vòng một tháng, Sư bèn đến nương tựa Thiền sư Tịnh ở Tam phong làm Đồng tử. Năm mười chín tuổi, Sư đến xét khảo kinh pháp tại kinh đô, mượn tên Tuệ Hồng trong sổ bộ cũ ở chùa Thiên vương, nương Luật sư Tuyên Bí mà thọ giới Cụ túc; làm đại Tăng. Sư thọ học luận Duy thức, thấu đạt uyên áo, rộng đọc xem cùng Tử sử rất có tài khác lạ, làm thơ gọi là kinh Hoa Tấn Thân một thời gian, qua sau, Sư mới theo hướng Nam, trở về nương tựa Thiền sư Chân Tịnh ở Quy tông mà nghiên cứu tâm pháp, nương theo chuyển dời đến Lặc đàm, qua bảy năm, Sư chứng đắc đạo yếu Chân Tịnh. Sư giã từ đó, vân du giẫm trải về hướng Đông đến Nguyên tương. Một ngày nọ đọc xem Ngữ lục của Phần dương, lại có phát thuốc, từ đó đầu óc tẩy sách biện bác vô ngại.

Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống, Hiển - Mô Chu Thế Anh thỉnh mời Sư ra hoằng hóa đến ở Bắc thiền tại Lâm xuyên. Nguyên chùa ấy xưa trước có họa vẽ tôn tượng mười sáu vị

A-la-hán, qua thời gian lâu, bị lạc mất một tượng, Sư đến đó dùng thơ mà giễu cợt, bảo là: “Chưa đến lúc ngầm mà Ứng Chân (A-la-hán) hiện mộng ẩn lánh đến nhà. Sau khi khất thực về lại trong chùa bèn có được tôn tượng bị mất ấy, vì thế người đời cho là “Tôn giả còn sợ Sư giễu cợt mà trở về”. Qua năm sau, Sư lấy cớ có việc mà lui ở Kim lăng. Tào sư Ngô Chánh Trọng, lại thỉnh mời Sư đến lương, chưa đầy một tháng, có vị cuồng Tăng vu cáo độ điệp của Sư là giả danh mạo phạm, nên Sư liên lụy trách phạt vào trong ngục cấm rèn luyện thời gian lâu bởi tội mạo danh. Sư mặc áo vá nách chạy đến kinh đô gặp Thừa tướng, Cư sĩ Trương Vô Tận đặc ân tấu trình, Sư được độ cải đổi tên như hiện nay. Thái úy Quách Thiên Dân tấu trình ban cho châm phục, hiệu là “Bảo Giác Viên Minh”, Sư tự xưng là “Tịch Âm Tôn giả”. Sau đó không bao lâu lại gặp phải Trương Khuých Hậu thiện bày bải chính sự đương thời. Tả ty Trần Sánh Trung soạn thuật Tôn Nghiêu Lục dâng tấu trình. Người nắm quyền chánh ganh ghét đó cho rằng Sư rất giúp sức vào việc sửa chữa văn tự ấy, nên trong tháng mười năm Chánh Hòa thứ nhất (1111) thời Bắc Tống, Sư bị lột tước pháp y Tăng-già-lê và đày đuổi ra khỏi đất nước, mãi đến mùa xuân năm Chính Hòa thứ ba (1113) thời Bắc Tống, Sư mới được ân xá, trở về lại ở Giang tây. Mùa đông năm đó, Sư lại bị bắt giam vào tù ngục tại Tinh châu. Năm sau (1114), Sư lại được trở về, qua lại nơi Cửu phong, Động Sơn vận mặc như người nhà quê tiêu tán, sư chỉ lấy văn chương tự làm vui, đem từ Tây an vào Hành nhạc, nương pháp thuộc hướng đến tuổi già. Lại bị các Đạo sĩ điên cuồng cho là Sư cùng bạn đảng với Trương Hòa Tố, nên bị bắt giam vào ngục tại Nam xương trải qua hơn trăm ngàn trị tội phải quấy. Sau khi được tha khỏi, Sư trở về lại ở Nam đài tại phía Tây sông Tương. Nhưng nơi ở trị tội, Sư đề bảng là “Minh Bạch Am” và tự làm bài minh khắc v.v... Từ đó, Sư mở rộng tư duy kinh luận, trước thuật nghĩa sớ, phát huy Bí áo của Thánh hiền, và giải nghĩa Chu Dịch. Sư trước thuật “Tăng Bảo Truyện” hoàn tất, mang đưa vào kinh đô. Vừa đến Tương dương, lại gặp Uyên Thánh lên ngôi, rất theo việc dùng của Tuyên Hòa (Huy Tông Triệu Cát), ban chiếu sắc tặng Thừa tướng Thương Anh Tư Đồ, sắc ban Sư xuống tóc trở lại và dấy lại tên Sư xưa cũ. Sau đó không bao lâu, nước nhà phải giẫm trải khó khăn, nên sư lùi ở tại Lô phụ. Đến tháng năm năm Kiến Viêm thứ hai (1128) thời Nam Tống, Sư thị tịch tại Đồng an, hưởng thọ năm mươi tám tuổi, môn nhân tạo dựng tháp phụng thờ tại núi Phụng thê.

Sư có tài văn chương vốn thiên bẩm. Từ bé thơ đọc xem sách vở

qua mắt một lần thì trọn đời không quên, đặt bút thì viết cả muôn từ trọn không dừng suy nghĩ, Sư đặt để đầu bút dùng ý rất quy mô. Đến nỗi Tô Đông Pha mà tiếc nhuận Sơn Cốc, đến như vào ra Thiền giáo, luận nghị tinh rành thông bác, tài năng đó thật cao. Thiền sư Viên Ngộ lấy làm đầu bút đủ đại biện tài chẳng thể kịp vậy, cùng các bậc sĩ Đại phu rảo bước luận nghị lũ lược, tuy điều người ngồi rộng tòa, mà đến ắc đoạt hẳn chỗ ngồi vậy. Mới đầu Sư ở tại Tương tây thấy gặp Sơn Cốc cùng nhau trò chuyện trọn ngày chẳng để cho đi. Nhân đó mà có thơ tặng Sư, đại lược là: "Chẳng chịu cúi đầu nhặt khanh tướng, lại hay rơi bút nhả khói mây". Về sau, Sơn Cốc đến Nghi xuân, thấy thơ Trúc Tôn giả của Sư mà dò hỏi tưởng thưởng, cho là khéo vào thành vức tác gia, rất hận Tô Đông Pha chẳng kịp thấy đó.

Sư trước thuật: - "Lâm Gian lục" hai quyển, - "Tăng Bảo truyện" ba mươi quyển, - "Cao Tăng truyện" mười hai quyển, - "Trí Chứng truyện" mười quyển, - "Chí Lâm" mười quyển, - "Lãnh Trai Dạ Thoại" mười quyển, - "Thiên Trù Cấm Luyến" một quyển, - "Thạch Môn Văn Tự Thiền" ba mươi quyển, - "Ngữ Lục kệ tụng" một thiên, - "Pháp Hoa hợp luận" bảy quyển, - "Lăng Nghiêm Tôn Đảnh Nghĩa" mười quyển, - "Viên Giác Giai Chứng Nghĩa" hai quyển, - "Kim Cang Pháp Nguyên luận" một quyển, - "Khởi Tín Luận Giải nghĩa" hai quyển, đều lưu hành truyền bá nơi đời, Thừa tướng Trương Vô Tận tôn xưng Sư hiệu là "Giác Phạm", bởi vì Sư là bậc anh vật trong thiên hạ, dị nhân trong Thánh tống. Nhưng các bậc Cao Tăng thời xưa do tài học mà vang danh nơi đời, nhưng đến thời Sư (Giác Phạm) đều xua bỏ lắm nhiều, hẳn vì nêu trong sạch, khuôn phép tốt ành cùng giúp mà về sau ngợi ca vậy. Từ thuở thiếu thời đã quy hướng dòng họ Thích, đến lúc trưởng thành lại rộng thông mọi sử sách, xét xem sự phát huy của Sư trong kinh luận, thật sáng giá Tùng lâm, luôn đau đáu vậy, tay chẳng dừng viết mà lời tuông đầy tràn thiên hạ, kịp đến lúc mắc cạn, thân mặc áo vá chằm, vượt ra cả chín phần chết chỉ một phần sống, lại phải trải qua hai mươi năm sau mới xuống tóc lại, nhưng Sư không một ngôn từ phản Phật, cải đổi mưu ý. Đó thật là bậc Hiền giả vậy! Nhưng vì Sư quá quở trách người xưa mà lại vụng sử dụng nơi chính mình, không thể toàn thân xa rời tai hại, giới tiết trong sáng mà lấy làm tự cao, vài lần bị tội vùi lấp nhưng kỳ thật là vô tội. Ước đó thấy rõ Sư cậy tài bạo phát thái quá mà tự chuốc lấy đó vậy. Đáng tự có nghĩa là Thức chẳng biết mảy may nhỏ nhiệm, đạo chẳng hơn hành tập vậy, chẳng riêng làm thực lục nói Sư, mà cũng có thể thấy được Sư chẳng tự khinh vậy. Thật đáng tiếc thay!

17. Thiền sư Tỉnh ở Siêu hóa.

Thiền sư Tỉnh ở Siêu hóa tại Cù châu, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiếng trước nhận được đã trải qua màn rèm, câu sau nhận lấy còn ở gã ám độn, chớp sấm lửa đá còn ở chậm nghi, chấm nhằm chẳng lại thây chết giăng ngang muôn dặm". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Có nơi dùng chăng? Ôi!"

18. Am chủ Hoài Chí ở Thạch đầu.

Am chủ Hoài Chí ở Thạch đầu tại Nam nhạc, vốn người dòng họ Ngô ở Vụ châu. Năm mười bốn tuổi Sư đến nương tựa Sa-môn Bảo Xứng ở viện Trí tuệ. Năm hai mươi hai tuổi, khảo xét kinh pháp đã tập học, mà được xuống tóc. Sư vân du dự tham khắp các giảng tịch suốt mười hai năm. Các bậc tham học xưa trước đều rất kính mộ, Sư từng muốn hội thông tất cả các tông, chỉnh sửa một đời thuyết giáo của Đức Thế Tôn. Có một Thiền giả hỏi Sư rằng: "Đỗ Thuận là Tổ sư tông Hiền thủ vậy, mà đàm nói về pháp thân thì nói là: "Trâu Hoài châu ăn lúa, ngựa Ích châu no bụng". Kệ ấy có thể dung hợp kết quy về nghĩa nào trong Thiên thai ư?" Sư không một lời đối đáp, liền cất bước du phương, về sau đến Động Sơn bái yết Thiền sư Chân Tịnh, hỏi: "Người xưa hét một tiếng chẳng làm một tiếng hét, dụng ý ấy như thế nào?" Thiền sư Chân Tịnh bèn quát mắng Sư. Sư liền bỏ đi ra. Thiền sư Chân Tịnh cười và gọi Sư, bảo: "Gã Chiết Tử! Sau khi thọ trai đi chơi núi Tốt lãm". Ngay lời nói ấy, Sư bèn lãnh ngộ. Lâu sau, Sư giã từ, Thiền sư Chân Tịnh bảo: "Chỗ ông đến tuy vượt cách, nhưng tiếc duyên chẳng ưu thắng vậy!" Nhận biết được ý ấy, các phương dốc sức khuyên mời Sư ra hoằng hóa, nhưng Sư từ chối tất cả, lập am tự sống suốt hai mươi năm chẳng cùng giao tiếp thế sự, các hàng sĩ phu nối gót đến cửa mà Sư vẫn chẳng đoái hoài. Sư có làm kệ tụng rằng: "Muôn duyên thôi nghỉ giao ngu si, dấu vết lúc cho nai đồng tham, chẳng cởi áo gai cuộn làm gối, mấy đời mộng ở am Duyên la". Hoặc có người hỏi: "Ở núi lâu năm, có chỉ thú gì?" Sư đáp: "Ở trong núi một mình đóng cửa củi không thú gì khác. Ba cái đầu củi chữ phẩm nướng, chẳng dùng vin mảy văn thể bày".

Đến mùa đông năm Sùng Ninh thứ nmhất (1102) thời Bắc Tống, Sư chống gậy đến Long an. Mọi người không ai chẳng lưu giữ. Qua ngày 30 tháng 06 năm sau (1103), Sư hỏi vị Tăng làm thị giả: "Trời đang buổi sáng hay đã chiều?" Thị giả đáp: "Trời đã tối vậy". Sư cười bảo: "Cảnh mộng tương phùng, ta ngủ đã tỉnh. Ông chỉ chớ phụ tùng lâm, tức là báo ân Đức Phật". Nói xong, Sư bèn thị tịch tại Tối lạc đường, sau khi trà tỳ gom thâu di cốt, dựng tháp phụng thờ tại... của Nhũ phong.

19. Thượng tọa Ấn ở Song khê.

Thượng tọa Ấn ở Song khê tại Vụ châu, từ sau khi gặp Thiền sư Chân Tịnh chứng đắc triệt ngộ Tông da, Sư về ẩn dật tại Song khê. Một ngày nọ, chợt nhiên Sư viết kệ tụng rằng: “Bẻ chân chỏ dối tự nấu nướng, cơm thừa lớn phải ngồi đắp đống, một khi gần ngày sinh bờ vụng, trăm chim ngậm hoa bay chẳng về”. Sư lại đem mảnh áo nát vụn, làm bài kệ rằng: “Chẳng treo tấc tơ mới khỏi lạnh, sao phải đặt đất xoáy cán dài, mà nay lạc lạc linh linh vậy, tên của bảy Phật đặt nơi nào?”

20. Thiền sư Tuệ Uyên ở Tuệ an.

Thiền sư Tuệ Uyên ở Tuệ an tại huyện Phụng tân, Hồng châu. Sư người đất Bắc, tánh tình cứng rắn tự lập, qua thời gian lâu dự tham ở Thiền sư Hối Đường đã có vị khế chứng. Sau đến dự tham ở Thiền sư Chân Tịnh lại thấu đạt sâu mầu. Sư sống bình lắng trong chúng không người nào biết. Bấy giờ thiền viện Tuệ an gần bên tả đường đi, phàm các nạp tử qua lại Lặc đàm, Hoàng long, Động sơn, Hoàng nghiệt, thảy đều do đường đó mà đi, bởi pháp tịch trống phế đã lâu ngày, khi ấy Thiền sư Chân Tịnh đang ở tại Bảo phong, Thái thú gởi thư xin chọn người đến ở đó, các bậc nạp tử Lão túc trong chúng đều sợ đến đó, qua thời gian lâu mà chưa chọn ai được, bỗng nhiên Sư bạch cùng Thiền sư Chân Tịnh rằng: “Pháp Uyên tôi đến đó được chăng?” Thiền sư Chân Tịnh mừng bảo: “Ông có thể đến đó được vậy”. Bèn viết thư nêu cử Sư. Bấy giờ Thiền sư Trạm Đường đang làm Thủ tòa hỏi Sư rằng: “Ông đi đến đó làm sao trú trì?” Sư đáp: “Tuệ Uyên tôi vô phước, sẽ vì tất cả mọi người kết duyên, tự vai mình mang một cái giỏ đánh giữa đường cúng dường đại chúng”. Trạm Đường nói: “Phải là Lão huynh mới được”. Bèn làm kệ tụng đưa tiễn Sư rằng: “Sư vào Tân ngô dụ dắt quần sinh, tạm thâu chân lừa trước bày tay Phật, chỉ điểm phải quấy mở bày tốt xấu, nắm kiếm sống chết, làm sư tử rống, ứng cơ quần sinh mở miệng đãy vải, tung đến khắp Nam Bắc Đông Tây, dạy thẳng châu xoay ngọc chạy. Hàm linh là loài đã mê muội chóng ra khỏi hang ổ vô minh. A, ha, ha! Thấy ba (03) xuống, ba ba ba (03, 03, 03) như chín (09), Tổ Tổ tương truyền, Phật Phật thọ ký”. Lúc Sư đã đến nơi, cứ suốt ngày đánh phá cải hóa, gặp tạm đến tức mời về trong viện dừng nghỉ qua đêm. Sư lại nói: “Dung thứ cho tôi về phụng tu cúng dường”. Cứ như thế suốt ba mươi năm, gió mưa chẳng đổi ý, trên đảnh mới tạo dựng điện Phật, Luân tạng, La-hán đường, phàm mọi thứ thích nghi của chốn tùng lâm thảy đều hoàn bị. Lúc về già, Thiền sư Tử Tâm (Ngộ Tân) ở Hoàng

long phỏng tìm đến thăm, Sư nói: "Trưởng lão Ngộ Tân! Ông thường mên thích khiến lấp vùi, một trứ ý trí bôi xóa tất cả mọi người, đêm nay tạm ở lại đây, đợi cùng ông lý luận pháp môn đại tiểu". Thiền sư Tử Tâm sợ Sư, bảo cùng Thị giả rằng: "Gã này thật là cái lỳ hội đến cùng, chẳng thể cùng ngà đuôi ấy mà bổ răng được, chẳng bằng đi thôi". Nên chưa đến tối bèn ra đi.

Về sau, Sư thị tịch tại Tuệ an, trà tỳ trong sáu căn có ba căn không rã hoại, gom thâu được rất nhiều xá-lợi. Có mùi hương thán khác lạ tỏa khắp phòng nhà trải qua nhiều tháng chẳng tan hết. Tại Phụng tân về sau gặp phải nạn binh lửa phá hoại không sót một vật gì, chỉ riêng các điện đài ở Tuệ an vẫn nghiễm nhiên tồn tại, đó bởi do nguyện lực thành tựu được thần vật hộ trì nên vậy.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 22
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 23

MỤC LỤC

4. Thiền sư Tổ Tú ở Thượng phong
5. Am chủ Diệu Phổ ở Tánh không
6. Thiền sư Đạo Long ở Chung sơn
7. Thủ tòa Tề Mật ở Dương châu
8. Đạo nhân Trí Thông ở Không thất (tám vị có ghi lục)
9. Thiền sư Đạo Châu ở Trúc viên
10. Thiền sư Tuệ Phó ở Thiên ninh
11. Thiền sư Đàm ở Tây hiền
12. Thiền sư Tuệ Liên ở Tiến phước
13. Thiền sư Thủ Tiết ở La-hán
14. Thiền sư Tông Duệ ở Khúc xích
15. Thiền sư Đạo Tông ở Ninh quốc
16. Thủ tòa Tuệ Tuyên (tám vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư ở Thảo đường, có tám vị:
1. Thiền sư Tuệ Không ở Tuyết phong
2. Thiền sư Phổ Sùng ở Dục vương
3. Thiền sư Pháp Nhất ở Vạn niên
4. Thiền sư Đạo Chấn ở Hoàng long (bốn vị có ghi lục)
5. Thiền sư Nhất ở Kim sơn
6. Thiền sư Nhân ở Vân nham
7. Thiền sư Long ở Từ vân
8. Thiền sư Liễu Như ở Sơ sơn (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Duy Tín ở nguyên, có năm vị:

1. Thiền sư Hy Ninh ở Chánh pháp
2. Thiền sư Hoàn ở Lương sơn
3. Am chủ Tổ ở Nhạc sơn (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Quang Tuyển ở Phù sơn
5. Thiền sư Phù ở Chiêu giác (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thuần ở Giáp sơn, có ba vị:
1. Thiền sư Phổ Sơ ở Khâm sơn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Duy Phưởng ở Lạc phố
3. Thủ tòa Kỳ tổ (hai vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sơn Tung ở Bách tử, có một

vị:

1. Thiền sư Duy Tư ở Đông thiền (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phụng ở Phước nghiêm, có ba vị:

1. Thiền sư An Hữu ở Hộ quốc
2. Thiền sư Pháp dung ở Bắc nham
3. Thiền sư Dĩ Định ở Long kỷ (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Từ ở Vạn sam, có hai vị:
1. Thiền sư Nguyên ở Bạch mã
2. Thiền sư Sở Đương ở núi Đức chương (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Triệu ở Thượng lam, có một vị:

1. Thiền sư Văn Quảng ở Đại ninh (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hữu Thụy ở Bao thân, có hai vị:

1. Thiền sư Đạo Hoàn ở Thọ ninh (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Xướng ở Hưng quốc (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư ở Trí hải, có ba vị:
1. Thiền sư Viên Tuệ ở Càn phong
2. Thiền sư Trọng Tuyên ở Tứ Tổ (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Nhữ Hồng ở Bạch mã (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nam ở La-hán, có ba vị:
1. Thiền sư Tuệ Xướng ở Vân phong
2. Thiền sư Đức Tuyên ở Phù sơn (hai vị có ghi lục)
3. Cư sĩ Trương Giới (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Minh ở Thạch củng, có một vị:

1. Thiền sư Muội ở Tam tổ (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khởi ở Lang da, có một vị:
1. Du Đạo Bà ở Kim lăng (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lan ở Quang hiếu, có một vị:
1. Thiền sư Pháp Chân ở Lô sơn (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khanh ở Tượng điền, có bảy vị:
1. Thiền sư Trì ở Tuyết đậu
2. Thiền sư Ích Thạch Phật (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Tịnh Nguyên ở Quang hiếu
4. Thiền sư Trọng Văn ở Cửu nham
5. Thiền sư Trân ở Tượng điền
6. Thiền sư Tông ích ở Quang hiếu
7. Hòa thượng Hoa Nghiêm (năm vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhã ở Tuệ nhật, có hai vị:
1. Thiền sư Pháp ở Cửu tiên
2. Am chủ Pháp Nhân ở Giác hải (hai vị có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngôn ở Động Sơn, có một vị:
1. Thiền sư Trạch Ngôn ở Động Sơn (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhất ở Đạo lâm, có một vị:
1. Thiền sư Trí ở Đại quy (hiện có ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Thủ Trác ở Trường linh.

Thiền sư Thủ Trác ở Trường linh - Thiên ninh tại Đông kinh, vốn người dòng họ Trang ở Tuyền châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba ngàn kiếm khách riêng hứa Trang Chu. Vì gì nhảy chẳng ra? Nơi cửa thầy thuốc giỏi có lắm bệnh nhân, nhân gì chẳng tiêu một tráp? Người đã thấu cửa ải, lại xin mời biện rõ xem?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thí như nhãn căn chẳng tự thấy mắt, tánh tự bình đẳng, như ai không bình đẳng, tiện nghĩ gì đi, dùi sắt không lỗ liền tạm an đặt. Ngay như đạt được vào rừng không động cỏ, vào nước chẳng động sóng, cũng là một kỳ phương tiện. Nếu cũng trúc trong hàng rào kéo măng ngoài hàng rào, hoa khe Đông nở, khe Tây hiện sắc hồng, lại đợi khám qua mới đánh". Có vị Tăng hỏi: " Đơn Hà đốt Phật gỗ, Viện chủ

vì gì rụng mày râu?" Sư đáp: "Mèo con biết leo cây". Lại hỏi: "Sớm biết như vậy nhưng sau cùng không như vậy?" Sư đáp: "Tiếc lấy lông mày". Lại hỏi: "Thế nào là việc dưới áo nạp?" Sư đáp: "Trời nắng hạn làm dân chúng buồn". Lại hỏi: "Lúc Phật chưa xuất hiện nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Không một mảy may". Lại hỏi: "Sau khi Đức Phật đã xuất hiện nơi đời thì như thế nào?" Sư đáp: "Đầy ngòi bít hang". Lại hỏi: "Lúc xuất hiện và chưa xuất hiện cùng cách nhau bao nhiêu?" Sư đáp: "Người bình lắng không nói, nước bình lắng không chảy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bằng cao đến thấp, móc giặc phá nhà, cắt sắt chặt đinh, hồ ly mến nhớ hang. Tất cả chẳng nghĩ gì hợp làm sao sống? Do đó nói, đầu sườn cao trăm nhân thân gần tự buông tay phải là người ấy. Chỉ như trong nước Hương tích một câu mang bát, làm sao sống, nói?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Rất kỵ gió thổi riêng trong điều". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thích-ca đóng bít thất, quá phạm Di thiên, Da ly cụt từ tự cứu chẳng xong. Vì sao? Vì sao? Cửa miệng quá nhỏ".

Đến ngày hai mươi bảy tháng mười hai năm Tuyên Hòa thứ năm (1123) thời Bắc Tống, Sư an nhiên thị tịch. Ngày trà tỳ, vua Hy Tông (Triệu Cát) sai Trung sứ mang hương đến tặng, bưng mâm vàng đến mong cầu xá-lợi, hương đốt vừa tàn, trong mâm bỗng có tiếng leng keng, trông nhìn đó có vài viên lớn như hạt đậu đủ cả năm sắc, kẻ Sứ thỉnh đưa về tấu trình, vua trông thấy rất vui mừng.

2. Thiền sư Bản Tài ở Thượng phong.

Thiền sư Bản Tài - Phật Tâm ở Thượng phong tại Đàm châu, vốn người dòng họ Diêu ở Phước châu. Sư được độ xuất gia từ thuở bé nhỏ, đến sau khi thọ giới Cụ túc, Sư bèn du phương. Đến Đại Trung, Sư nương tựa Thiền sư Long - Hải Ấn. Thấy bậc Lão túc đạt đạo đọc xem kinh. Sư dò theo đến : "Trên đầu sợi lông sư tử có trăm ức đầu sợi lông đồng hiện một lúc". Sư chỉ vào đó mà hỏi: "Làm sao trên đầu một sợi lông sư tử mà sinh được trăm ức đầu sợi lông đồng một lúc hiện?" Bậc đạt đạo ấy bảo: "Ông vừa mới vào tùng lâm đâu có thể bèn hiểu được việc này". Nhân đó, Sư rất nghi ngờ, bèn phát tâm nhận chức Tịnh đầu. Một đêm nọ rưới nước quét tước dẫn ấn vừa đến lúc Dạ tham, thì gặp kết tòa, ném cây gậy bảo: "Nếu rõ được tức đầu sợi lông nuốt cả biển lớn, mới biết được đại địa trên một mảy trần". Bỗng nhiên Sư có sự tỉnh ngộ, kịp đến lúc ra đất mân đến núi Hoàng long ở Dự chương, cùng gặp Thiền sư Tử Tâm nhưng có không khế hợp. Sư mới đến dự tham nơi Thiền sư Nguyên, phàm mỗi lúc vào thất ra, Sư đều gạt lệ đọc bài tụng

rằng: "Việc này ta thấy được rất rõ ràng, chỉ là đốn cơ nhả chẳng ra. Như vậy làm sao?" Thiền sư Nguyên biết Sư rất dốc chí chuyên cần, nên bảo Sư phải là Đại triệt mới được tự tại. Sau đó không bao lâu, Sư lén xem trên bàn vị Tăng bên cạnh đọc "Tào Động Quảng Lục", đến : "Thiền sư Dược Sơn đi hái củi về, có vị Tăng hỏi: "Từ đâu lại đây?" Dược Sơn đáp: "Vừa hái củi lại". Vị Tăng ấy chỉ con dao dưới eo Dược Sơn mà hỏi: "Gọi bổ bổ là cái gì?" Dược Sơn bèn rút con dao và làm thế chém chặt". Ngay đó, bỗng nhiên Sư hân hoan, đấm một đấm trên bàn vị Tăng bên cạnh, xong vén rèm chạy thẳng ra giữa đường cái, miệng nói kệ tụng rằng: "Suốt suốt biển cả, khô rụi hư không xé loạn, bốn phương tám mặt tuyệt không cản ngăn, vạn tượng sum-la thảy đều rò rỉ".

Về sau phân tòa, Sư đến ở Chân thừa. Lại ứng mạng thỉnh mời của Thượng phong, Sư lại chuyển dời đến ở chùa Danh tiếng. Ngày ở Càn Nguyên, lúc khai đường, giảng pháp, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Trăm ngàn môn Tam-muội, vô lượng Tạng phước đức, buông đi cũng như mở kho võ bày rơi lóe sáng, nắm dừng cũng tợ tuyết phủ hoa lau, thông thân chẳng biện rành, khiến người thấy đó khêu dậy bèn đi, người nghe đó, dao đơn vào thẳng, mỗi mỗi đầy đủ mắt chánh trên đảnh, người người đều treo linh phù sau lưng khuỷu tay, làm ương loạn chốn tùng tâm. Nhớ được ngày Bảo thọ khai đường giảng pháp. Ba vị Thánh đưa đẩy ra một vị Tăng, Bảo thọ bèn đánh. Ba vị Thánh hỏi: "Vì gì làm người lừa dối ngay mắt người cả một thành Trấn châu?" Vả lại, đến ngày nay Càn nguyên khai đường giảng pháp, nếu có vị Tăng nào ra đây, sơn Tăng cũng đánh, chẳng chỉ câu thoại đây rất được hưng hành, mà lại cần mở mắt ngay cho người cả một thành ở Phước châu. Sao vậy? Kiếm vì bất bình nên lìa khỏi hộp báu. Thuốc nhân cứu bệnh người mà ra khỏi bình vàng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Từ khi Tổ sư Đạt-ma chưa đến Đông độ trở về trước, người người đều mang châu mỵ thủy, mỗi mỗi đều ôm ngọc hình sơn, có thể gọi là vách tường dựng đứng ngàn nhận, kịp đến lúc Nhị Tổ (Thần Quang) đảnh lễ ba lạy trở về sau, mỗi mỗi đến phương Nam phỏng hỏi các bạn, ra phương Bắc lễ bái Văn Thù, khéo chẳng Trượng phu, hoặc có một cái nửa cái. Chẳng cầu các Thánh, chẳng trọng tánh linh ở chính mình, sắp ngựa súng đơn, ném trống không đặt mũ nhận, chẳng phòng ngại mừng khoái bình sinh. Đến nay có vậy ư? Từ đó, chẳng về, về bèn được, khói cảnh Ngũ Hồ có ai tranh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tông thừa đề xướng, khéo tuyệt danh ngôn, một câu gần thông đất trói hộp đậy, ngay như tợ chánh

nhãn Thủ la dựng đứng kề cửa mặt. Lại như ba chấm tròn (ॐ) ngang cùng pháp giới". Sư mới gõ cây gậy một cái và bảo: "Hướng đến dưới một chấm ấy rõ được thì xuất thân còn có thể dễ, nhưng thoát thể nói nên khó". Sư lại gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Hướng đến dưới chấm thứ hai rõ được thì tung hoành ngoài ba cõi, thân ẩn hiện khắp mười phương". Sư lại gõ cây gậy một cái và tiếp bảo: "Hướng đến dưới chấm thứ ba rõ được thì cá rồng khóa cửa, Phật tổ đều ngầm vết. Chẳng vậy thì phòng qua một trứ, tùy phần đều có sắc xuân, một cành ba bốn hoa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một pháp hữu tình gần động thực, trăm sông tràn ngôi tranh triều Tông, rõ đàn không trống mây trời dạt, tửng tượng ông già bệnh ở Tỳ-da. Duy-ma bệnh thì thượng phong bệnh, thượng phong bệnh thì cây gậy bệnh, cây gậy bệnh thì sum-la vạn tượng bệnh, sum-la vạn tượng bệnh thì từ phàm đến Thánh đều bệnh. Các người có biết bệnh ấy khởi từ đâu ư? Nếu rõ biết được thì hữu tình lẫn vô tình đồng chung một thể, nơi nơi đều đồng chân pháp giới. Còn chưa được vậy thì dưa ngọt ngọt cả cành lá, bầu đắng đắng tận gốc rễ".

3. Thiền sư Ứng Đoan ở Pháp luân.

Thiền sư Ứng Đoan ở Pháp luân tại Đàm châu, vốn người dòng họ Trừ ở Nam xương. Thuở thiếu thời, Sư nương tựa Thiền sư Thiện Nguyệt - Viên Lô ở Hóa độ mà thọ giới Cụ túc. Sư đến bái yết Thiền sư Văn - Chân Tịnh gieo cơ mà chẳng khế hợp. Sư lại đến Vân cư, gặp Thiền sư Nguyên phân tòa làm chúng phấn phát. Sư gõ đạt ý chỉ ấy, nhưng vì khéo vào các kinh nên tự phụ, Thiền sư Nguyên từng thống thiết bổ xẻ đó, Sư mới viện dẫn cơ ngữ của Mã Tổ, Bách Trượng cho đến Tông chỉ của Hoa Nghiêm làm tiêu biểu, Thiền sư Nguyên cười bảo: "Mã Tổ, Bách Trượng hẳn sai nhầm vậy, và Tông chỉ Hoa Nghiêm cùng cái việc mừng bít lấp giao thiệp". Sư rất tức giận, muốn đi đến nơi khác, nhân đó xui giã từ, vừa mới vén rèm bỗng nhiên đại ngộ, toát đổ mồ hôi ướt đẫm cả lưng. Thiền sư Nguyên thấy vậy mới gọi bảo: "Thật là ông biết được cái tốt và xấu vậy! Mã Tổ Bách Trượng, Văn Thù, Phổ Hiền mấy bị ngươi mang lụy". Từ đó, tiếng tăm Sư vang vọng khắp nơi. Các bậc danh sĩ tranh đua thỉnh mời Sư ra hoằng hóa, nhưng Sư đều không đến. Đến cuối niên hiệu Chánh Hòa (1118) thời Bắc Tống, Thái sử Trương Công Ty Thành lấy Bách Trượng kiên cố thỉnh mời khai đường giảng pháp, chẳng đặng đừng, Sư mới thuận theo. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại kiếp lửa thiêu đốt rỗng suốt ở thời Đại Tùy, rồi bảo: "Lục hợp nghiêng vụt bổ mặt lại, tạm mặc sơi gai lấm bụi trần, nhàn gió thổi lửa vấy nhàn sự, dẫn được người đi chẳng chịu về. Hoại chẳng

hoại tùy chẳng tùy, nhọc đem thấy biết gượng châm dùi, Thái Hồ ba vạn sáu ngàn khoảnh, trăng tại sóng lòng nói cùng ai". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Giày cỏ gậy trúc chạy bụi hồng". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong khách?" Sư đáp: "Đầu đường ngã tư gặp thượng tổ". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư đáp: "Cưỡi ngựa roi vàng lẫn lộn trong bốn hạng người". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Cửa vàng ai dám ngước mắt nhìn". Lại hỏi: "Khách chủ đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa lại như thế nào?" Sư đáp: "Đâu qua sương gió cắt đất lạnh, vượn già trên đảnh lúc trăng tàn".

4. Thiền sư Dĩ Thê ở Bách Trượng.

Thiền sư Dĩ Thê ở Bách Trượng tại phủ Long hưng, vốn người xứ Hưng hóa. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tôn giả Ca-diếp Ma-đằng vào Trung Hoa thời Hậu Hán. Tổ sư Đạt-ma đến Trung Hoa thời Nam Lương, dấu vết đưa tiễn đã thành, con cháu đời sau mở mắt mê lầm đường, nếu như mỗi mỗi tĩnh rõ đến cùng thì trọn chẳng hướng vào hư không hái hoa, mò trăng trong sóng nước, lừa dối tự nhọc tâm lực, rốt cùng làm gì? Ngày nay sơn Tăng đã là đất bằng nổi đống cốt, ai người lúc đi mỗi nên tự nắm giữ tinh thái. Xem".

5. Thiền sư Tử Kinh ở Bắc sơn.

Thiền sư Tử Kinh - Vô Ẩn ở Bắc sơn tại Tín châu, nhân ngày đầu năm, lên giảng đường, Sư bảo: "Khí hòa sinh cây khô trụi, mây lạnh tan nơi giao xa, người gỗ đoán điềm lành, nửa đêm bày Quy hào. Các thiền đức, Quy hào nơi bày Văn thái đã rõ, tiện thấy mỗi năm mười hai tháng mỗi tháng đều tự nhiên. Mỗi ngày có mười hai thời khắc, mỗi thời khắc đều tương tơ. Đến trong đó ngay như sắc vàng của vàng ròng, sắc trắng của ngọc trắng, từ vô lượng đời kiếp đến nay chưa từng đổi khác màu. Có thấy chăng? Nếu chưa được vậy, tạm theo Trương Tam Thông tiết tường tự, theo giáo Lý Tứ tóc mai sóng xanh".

6. Thiền sư Đức Phùng ở Hoàng long.

Thiền sư Đức Phùng - Thông Chiếu ở Hoàng long tại phủ Long hưng. Vốn người dòng họ Hồ ở An tỉnh, quận Chi. Vừa mới sinh mà lông mày đường vằn. Năm mười bảy tuổi, Sư nương theo Thiền sư Phổ ở Thượng Lam mà xuống tóc xuất gia. Xong đến nương tựa Thiền sư Linh Nguyên mà thấu rõ yếu chỉ sâu mầu. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại cảnh Giáp sơn. Xong, Sư bảo: "Học trò pháp nhãn có câu thoại này rất không biết Lão hán Giáp Sơn bị vị Tăng ấy khinh thường tra khảo, ngay như được chân trước chân sau, giả sử chẳng làm hiểu câu

thoại về cảnh, cũng chưa khỏi còn ở nửa đường".

7. Thiền sư Đàm ở Quang hiếu.

Thiền sư Đàm ở Quang hiếu tại Thiệu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Giết cha giết mẹ, sám hối trước Phật, giết Phật giết Tổ, sám hối chẳng tiêu. Vì gì sám hối chẳng tiêu? Tạm được giải thoát oan gia".

8. Thiền sư Đức Chu ở Quang hiếu.

Thiền sư Đức Chu ở Quang hiếu tại Ôn châu, vốn người dòng họ Cừ ở Tín châu. Sư đến nương tựa tại viện Tôn thắng ở Cảnh Đức mà xuống tóc xuất gia, tham học đạo được mấy năm. Sau đến Hoàng Long, nghe nêu cử Thiếu lâm ngồi xoay mặt vách tường, bèn đến ngộ, liền làm hai bài kệ tụng trình bày Hoàng Long. Hoàng Long chấp thuận đó. Từ đó tiếng tăm vang tỏa khắp Giang chiết. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khắp thể bày rành rành, mười phương không quái ngại, ngàn Thánh chẳng thể truyền, vạn linh đều đảnh đội, phỏng muốn cùng thương lượng, mở miệng trăm tạp toái. Chỉ như chưa mở miệng trở về trước, làm sao sống? Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cùng giúp chẳng cùng giúp, trông nhìn chẳng thể thấy, thấu ra cửa Tổ sư, đạp dứt đường trời người. Ha, ha, ha, ngộ chẳng ngộ, hoa rơi nước chảy biết nơi nào?"

9. Cư sĩ Đới Đạo Thuần ở Tự thừa.

Cư sĩ Đới Đạo Thuần ở Tự thừa, tự là Phù trung, đến tham hỏi ở Linh nguyên, một ngày nọ có sự tỉnh ngộ, mới trình kệ tụng rằng: "Mờ mịt đáy nguồn nơi toàn cơ, một mảnh lòng hoa rơi Vân ấn, biết là mấy đời Tăng cúng dường, luôn luôn mỉm cười động mây hương".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỬ TÂM - NGỘ TÂN Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Tuệ Phương ở Hòa sơn.

Thiền sư Tuệ Phương ở Hòa sơn tại Cát châu, vốn người dòng họ Cung ở Lâm giang. Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Trước dụng sau chiếu, cần nghiệm tác gia, trước chiếu sau dụng chẳng còn vết ảnh, chiếu dụng đồng thời vách dựng ngàn nhận, chiếu dụng chẳng đồng thời, căn trần có thể soi xét. Người xưa lấy bốn chuyển ngữ này mà kiểm nghiệm các nạp Tăng trong thiên hạ. Nếu chẳng phải người đầy đủ mắt chánh thân thiết tỏ ngộ thì khó vì thấu bạc. Ngày nay rõ ràng vì các người nắm ra rồi. Lại còn có ủy thác chăng? Nếu ủy thác thì có thể gọi là chẳng động mảy may, chóng vượt đến Giác địa. Nếu chưa được

vậy thì rất phải tử tế”. Sư lại nâng cây phất trần lên tiếp bảo: “Nhìn nhìn chỉ cái này, tại Lâm Tế thì chiếu dụng đều hành, tại Vân Môn thì sự lý đều hoàn bị, tại Tào Động thì Thiên chánh hợp thông, tại Quy ngưỡng thì có tối tròn hợp, tại pháp nhãn thì nào chỉ duy tâm, nhưng vân cửa cả Ngũ gia tông phái thiết bày thì chẳng không, ngay như biện rành được thản phân minh, còn là việc bên cạnh bóng sóng. Nếu cần chống đánh sống chết thì tiêu hoại có cách biệt. Hãy nói siêu vượt sống chết một câu ấy lại làm sao sống? Nói”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Kịp hội bày xuống chú cước”.

2. Thiền sư Pháp Không ở Nam đãng.

Thiền sư Pháp Không ở Nam đãng tại Hàng châu, vốn người ở Giang tây, Sư là người cứng cổ, qua thời gian làn theo hầu Thiền sư Tử Tâm mà đạt thông yếu chỉ. Về sau, Sư muốn giã từ. Thiền sư Tử Tâm dự ghi rằng: “Ông phước mỏng bạt, nên lấy đạo mà tự dưỡng”. Sư bèn giã từ ra đi. Thiền sư - Thảo Đường cũng có bài tụng tiễn đưa Sư rằng:

“Mười năm nhụm đầu chùa Long phong
Một ngộ không Tông muôn cảnh nhàn
Nay đi tùy duyên tạm ẩn lánh
Chớ vì danh tự lạc nhân gian”.

Sau, ra hoằng hóa, Sư đến Nam Đãng tại Hàng châu. Chưa đầy một tháng, mà viện hỏa hoạn cháy chẳng sót một vật gì, Sư mới than rằng: “Tôi trái lời tiên Sư nên bị nạn ở ngày nay. Có người giàu có riêng muốn thỉnh mời Sư cúng dường trai lễ mà xả tạo Tam-môn. Sư bảo: “Ông muốn cúng thí của cải để tạo phước, chẳng phải Trưởng lão nhận sự thưởng ban, nếu bảo tôi xoay lưng với chúng mà ăn thì đó chẳng phải mong muốn vậy”. Thế rồi Sư ẩn chìm nơi cây gỗ, không còn hành đạo. Thảo đường cúng thường sai chư Tăng mang y pháp áo lót đến phỏng tìm Sư. Các nạp tử nghe bèn đến nương tựa, mà Sư cũng đã già lão vậy. Sau, Sư thị tịch tại núi.

3. Thiền sư Tuệ Tuyền ở Cửu đảnh

Thiền sư Tuệ Tuyền - Tịch Tinh ở Cửu đảnh tại phủ Gia định, vốn người dòng họ Trương ở Thành đô. Có vị Tăng hỏi: “Tâm mê thì Pháp Hoa chuyển, tâm ngộ thì chuyển Pháp Hoa. Chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Gió ấm tiếng chim kêu nát, mặt nhật lên cao ánh hoa lắm nhiều”, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngày xưa, Vân Môn có ba câu, nghĩa là câu hộp đấy đất trời, câu cắt dứt các dòng, câu tùy gợn theo sóng. Ngày nay, cửu đảnh cũng có ba câu, đó là câu đói thì ăn cơm, câu lạnh thì hong lửa, câu nhọc thì nằm ngủ. Nếu đem Phật pháp

mà luận bàn đó thì Vân Môn trông Cửu đảnh đứng thẳng hạ phong, hai ngữ cú trái ngược nhau. Hãy nói: Thế nào là nơi Cửu đảnh vì người”.

4. Thiền sư Tổ Tú ở Thượng phong.

Thiền sư Tổ Tú ở Thượng phong tại Đàm châu, vốn người dòng họ Hà ở phủ Thường đức, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Cây khô trước hang ban đêm phóng hoa, trâu sắt vẫn như cũ nằm khói cát, bóng roi nhà nông lại rút ra”. Sư đánh cây phất trần một cái, tiếp bảo: “Một niệm hồi tâm bèn đến nhà”. Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

5. Thiền sư Diệu Phổ ở Tánh không.

Thiền sư Diệu Phổ ở Tánh không - Hoa đình tại phủ Gia hưng, vốn người Hán châu. Sư đến nương tựa Thiền sư Tử Tâm mà chứng đạt, mới đến tú thủy tìm thuyền con vân du, kết lập am tranh ở đồng trống tại long, thổi ống sáo sắt để tự nhàn vui, Sư trước thuật lắm nhiều Phú vịnh. Những người có được đó thảy tôn quý cất giữ. Trong tập “Sơn cư” Sư có viết: “Tâm pháp đều quên còn cách vọng. Sắc trần chẳng hai vẫn thừa trần, chim đá chẳng đến xuân lại qua, chẳng biết ai là người ở am”. Sư lại thường răn dạy đại chúng rằng: “Học đạo giống như giữ cấm thành, ngày phòng sáu giặc đêm tỉnh rõ. Chủ tướng trong quân hay hành lệnh, chẳng động đao binh trị thái bình”. Sư lại bảo: “Chẳng cày mà ăn chẳng dệt mà mặc, ngoài vật nhàn lúc đến Thánh, chưa đến chốt cửa của Tổ sư cũng chẳng giữ ý mặc tiện nghi”. Sư lại bảo: “Trong mười hai thời khắc chẳng khéo dừng, cùng lại cùng đi đến chẳng cùng, ngay phải suốt thấu đáy không cùng, đạp ngủ Tu-di ngọn thứ nhất”.

Đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Từ Minh phản nghịch trên đường đến Ô Trấn, chém giết nghênh ngang, dân chúng phần nhiều đều lánh chết, một mình Sư mang sách đi ngang qua đó, giặc thấy tướng dáng Sư to lớn kỳ lạ, nghi hẳn là dối phục, mới hỏi Sư từ đâu lại. Sư đáp: “Tôi là Thiền giả muốn đến chùa Mật ấn”. Giặc tức giận muốn chém. Sư bảo: “Đại trượng phu cần chiếc đầu tôi thì cứ nhặt lấy, cớ sao tức giận làm gì. Tôi chết hẳn được vậy, nhưng xin được một bữa cơm để lấy làm đưa tiễn chung cùng”. Giặc đưa cơm thịt đến cho Sư, Sư vẫn như thường lệ thọ trai, xuất sinh xong, Sư mới bảo: “Ai sẽ vì tôi làm văn cúng tế?” Giặc chỉ cười không đối đáp. Sư mới đòi lấy bút lớn viết rằng: “Than ôi Duy linh! Nhọc ta vì sống quá khối lớn, sai ta vì thọ thì mất âm dương, thiếu ta vì nghèo thì ngũ hành chẳng chánh, khổ ta vì mạng thì ngày giờ chẳng tốt. Than ôi! Lớn thay! Nhờ có đạo xuất trần, tỏ ngộ tánh của ta cùng diệu tâm đó, thì diệu tâm đó ai cùng vì gần? Trên đồng với chân hóa của chư Phật, dưới hợp với vô minh

của phàm phu, mảy trần chẳng động, vốn tự viên thành. Diệu vậy thay! Diệu vậy thay! Nhật nguyệt chưa đủ để lấy làm sáng, đất trời chưa đủ lấy làm lớn, lỗi lỗi lạc lạc, không quái không ngại, hơn sáu mươi năm hòa quang lẫn tục, bốn mươi hai hạ lạp tiêu dao tự tại, gặp người thì mừng thấy Phật chẳng lạy. Cười vậy ư? Cười vậy ư? Đáng tiếc chàng trai thiếu niên, phong lưu rất quang thái, thản nhiên về đi mặc gió xuân, thể tợ hư không trọn chẳng hoại. Thượng thực!" Xong, Sư bèn nắm đũa mà ăn. Ăn xong Sư lại bảo: "Kiếp số đã gặp ly loạn, ta là kẻ thích sống rất lắm, nhưng đến nay khéo nương theo thời, tiện xin một lát dao hai !" Sư mới lớn tiếng bảo: "Chém, chém". Giặc mới kinh sợ rất lắm cúi đầu sám tạ lỗi quá, bảo người gìn giữ đưa Sư đi ra, am nhà ở trấn khỏi bị đốt hại. Thật là do ân huệ của Sư vậy. Các hàng đạo tục nghe thế càng thêm kính trọng. Có vị Tăng thấy Sư thấy Phật mà không kính lễ, mới ca hỏi nghịch rằng: "Đã thấy Phật, vì sao không lễ bái?" Sư bèn chấp tay mà hỏi đó rằng: "Hiểu chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Không hiểu". Sư lại chấp tay bảo: "Nhà không hai chủ".

Đến mùa đông năm Canh Thân (1140) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống. Sư làm một cái bồn lớn bít lỗ đáy, viết thư gởi Thiền sư Trì ở Tuyết đậu rằng: "Tôi sắp thủy tán vậy". Đến năm Nhân Tuất (1142), Thiền sư Trì đến nơi, thấy Sư vẫn hiện còn, mới làm bài kệ giễu cợt Sư rằng: "Ôi thay, Lão tánh không, cần muốn tặng cá rùa. Đi chẳng dẫn tánh đi, chỉ quản nói cùng người". Sư đọc xem kệ rồi, cười bảo: "Vì đợi huynh lại chứng minh vậy". Mới bảo báo khắp bốn chúng. Đại chúng đã nhóm tập, Sư vì giảng pháp yếu, xong nói kệ rằng: "Ngồi đứng xả thân chẳng như thủy táng, một biết củi cháy, hai biết mở trống. Buông tay bèn đi chẳng ngại khoái sướng, ai là tri âm Hòa thượng thuyền con? Cao phong khó tiếp muôn ngàn năm, một khúc ngư ca ít người xướng". Xong Sư bèn ngồi tròn trong bồn thuận theo nước dâng mà xuống, đại chúng đều đi theo đến bờ biển, trông nhìn Sư muốn dứt mắt. Sư lấy gàu bít nước mà xoay, mọi người bưng bít trông xem nước không chỗ vào, Sư lại cưỡi theo dòng mà đi, và xướng rằng: "Đang nằm thuyền con về quê cũ, chẳng nơi dấu vết khéo khó lường, chân phong khắp gởi người tri âm, sáo sắt thổi ngang làm tán trường". Tiếng sáo Sư thổi lên nghe nghẹn cả cổ, giữa biển cả mênh mông thấy Sư ném ông sáo lên giữa khoảng không, rồi mới ẩn chìm, mọi người khóc gào kính mộ. Đồ họa tôn tượng Sư mà phụng thờ. Sau ba ngày đến trên bãi cát, thấy nhục thân Sư ngồi kiết già như lúc đang sống, các hàng đạo tục tranh nhau đến nghinh thỉnh về, lưu lại năm ngày, trà tỳ

có được xá-lợi lớn như hạt đậu nhiều vô số kể, có hai con nhạn bồi hồi bay giữa khoảng không, đến lúc lửa tắt hết mới bay đi. Mọi người bèn nghinh đưa xá-lợi di cốt sư về long dựng tháp cúng dường.

6. Thiền sư Đạo Long ở Chung sơn.

Thiền sư Đạo Long ở Chung sơn tại Nghiêm châu, vốn người dòng họ Đổng ở Đồng lô. Sư đến chùa Chung sơn mà được độ, từ khi du phương đến những nơi các bậc kỳ nạp thảy đều suy trọng. Về sau, đến Hoàng Long, Thiền sư Tử Tâm mời cử Sư làm Thủ tòa. Đến khi Thiền sư Tử Tâm thị tịch, Sư bèn trở về ẩn dật tại Chung sơn, Sư kính mộ đạo phong của Trần Tôn Túc cao đời, đóng bít cửa chẳng làm một việc gì, hằng ngày chỉ dùng cháo vài thìa tự đủ. Mọi người không ai biết. Tay Sư thường đeo bít tất, phàm có Thiền giả nào đến, Sư nâng lên chỉ đó mà bảo là: "Lão Tăng mang bít tất này đã ba mươi năm rồi vậy". Có vị Tăng trong chùa đùa hỏi: "Thế nào là Vô Tránh Tam-muội?" Sư chấp tay.

7. Thủ tòa Tề Mật ở Dương châu.

Thủ tòa Tề Mật ở Dương châu, vốn người bản quận. Thiền sư Tử Tâm xưng gọi Sư là Bảo tham. Các Nho sĩ thường lấy danh sơn mà đến đó không thể được. Sau, Sư hoằng hóa tại cốc ở đầm, nơi núi có vết tích khác lạ lắm nhiều, môn nhân từng thêu họa tôn tượng Sư, xin tán thán Sư bèn vì viết rằng: "Cái gã đầu tro mặt đất, tầm thường chẳng muốn lộ bày, mà nay tả ra trước người, rất tợ hư không dính mũi tên, oan oan đáng tiếc ba tấc lụa của nhân gian".

8. Đạo nhân Trí Thông ở Không thất.

Đạo nhân Trí Thông ở Không thất, vốn là con gái của Long Đồ Phạm Tuân. Thuở bé thơ rất thông minh mẫn tuệ, đến lớn trở về là cháu kính thuận của Thừa tướng Tô Tụng. Sau đó không bao lâu nhàm chán sự đời trở về nhà xin được xuống tóc xuất gia, thân phụ lấy làm khó đó, bèn tự tịnh tu hành. Nhân đọc xem "pháp giới quan" mà chóng có tỉnh ngộ, liền làm hai bài kệ thấy ý rằng: "Mênh mông trong trần thể nhất như, tung hoành lẫn lộn ấn Tỳ-lô, toàn sóng là nước song phi nước, toàn nước thành sóng nước tự khác". Và: "Vật, ta vốn không khác, sum-la cách tượng đồng, rành rành vượt chủ bạn. Suốt suốt tận chân không, một thể gồm nhiều pháp, giao tham trong lưới trời, lớp lớp không nơi cùng, động tỉnh thảy viên thông". Về sau, song thân đều đã qua đời, người anh là Quyên Lãnh Phần Ninh Úy, Trí Thông cùng được đi. Nghe tiếng tăm Thiền sư Tử Tâm, bèn đến bái yết. Thiền sư Tử Tâm thấy biết sở đắc của Trí Thông bèn hỏi: "Bồ-tát Thường Đề bán ngay tâm

can, dạy ai học Bát-nhã?" Trí Thông đáp: "Ông nếu không tâm, ta cũng nghỉ". Lại hỏi: "Một cơn mưa đượm nhuần rễ mầm có khác, không âm dương trên đất sinh cái gì?" Trí Thông đáp: "Một hoa năm cành". Lại hỏi: "Trong mười hai thời khắc hướng đến nơi nào an thân lập mạng?" Trí Thông đáp: "Hòa thượng tiếc lấy lông mày đẹp". Thiền sư Tử Tâm bèn đánh và bảo: "Con gái này loạn làm thứ lớp". Trí Thông bèn lễ bái. Thiền sư Tử Tâm mặc nhiên đó. Từ đó tiếng tăm vang vọng rất lắm.

Trong khoảng niên hiệu Chánh hòa (1111-1118) thời Bắc Tống, Trí Thông đến ở Kim lăng, từng tạo phòng tắm ở Bảo ninh, bảng treo ở cửa đề rằng: "Một vật cũng không, tẩy rửa cái mảy trần nào, nếu có khởi thì từ đâu lại, nói lấy một câu Tử Huyền, mới có thể mọi người vào tắm. Xưa Linh kỳ mở sau lưng, khai sĩ nào từng minh tâm, lúc muốn chứng quả vị ly cấu địa, phải là khắp thân toát đổ mồ hôi ra. Tận Đạo, nước có thể tẩy rửa dơ bẩn, sao biết nước cũng là trần, ngay như nước dơ chóng trừ, đến đây cũng phải tẩy rửa ngay". Về sau, Trí Thông là bậc Ni danh duy nhất lâu dài, treo tích ở Tây trúc tại Tô châu, các hàng đạo tục ngày đêm đến phỏng hỏi, chứng đắc đạo từ Trí Thông có lắm nhiều người. Bỗng nhiên đến lúc sắp tịch, viết để lại bài kệ, ngồi kiết già mà tịch. Trí Thông có trước thuật tập "Minh Tâm Lục" lưu hành ở đời.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ Ở THẢO ĐƯỜNG

1. Thiền sư Tuệ Không ở Tuyết phong.

Thiền sư Tuệ Không ở Tuyết phong - Động sơn tại Phước châu, vốn người dòng họ Trần ở Bản quận. Năm mười bốn tuổi, Sư xuất gia, sau khi thọ giới Cụ túc, bèn liền du phương tham phỏng bái yết khắp các bậc Lão túc. Về sau, Sư khế ngộ pháp yếu ở Thiền sư tại Thảo đường.

Đến năm Quý dậu (1153) thuộc niên hiệu Thiệu hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư khai đường giảng pháp tại Tuyết phong. Ngày nhận sự thỉnh mời lên giảng đường. Sư bảo: "Người tài giỏi đụng đến bèn đi, kẻ si ám đẩy kéo chẳng động. Bèn đi thì người người hoan hỷ, chẳng động thì mỗi mỗi ghét hiềm. Sơn Tăng đến nay chuyển đổi si ám này lầm tài giỏi đi vậy". Sư khảy móng tay một cái tiếp bảo: "Từ trước đẩy kéo chẳng ra mà nay ra, từ trước có kiện chẳng ở mà nay ở, từ trước hiềm ghét Phật chẳng làm mà nay làm, từ trước hiềm ghét pháp chẳng nói mà nay nói, ra và chẳng ra, ở và chẳng ở dám đặt để đó. Dám hỏi cùng các người, làm đến cùng là làm Phật gì? Phật không vương ư? Phật Nhiên Đăng ư? Phật Thích-ca ư? Phật Di-lặc ư? Nói đến cùng lại là pháp gì? Pháp căn bản ư? Pháp vô sinh ư? Pháp thế gian ư? Pháp xuất

thế gian ư?" Trong chúng chẳng có nói được gì. Nếu nói được, việc sơn Tăng xuất hiện nơi đời đã xong, còn chưa được vậy thì gặp người không được nhầm cử". Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử "Vân Môn chỉ dạy đại chúng rằng: "Chỉ cái ấy mang lụy giết người". Sư bảo: "Bình thường, Vân Môn khí vũ như xưa, làm sao nói câu thoại rất tợ bần khổ hận một thân đã lắm nhiều. Sơn Tăng đày tức không như vậy, chỉ cái khoái sống chết người ấy, cớ sao mưa lớn mới về ngồi trong nhà, nghiệp gió thổi lại đi núi xa. Tuy là như vậy cũng là kẻ ăn xin thấy lợi nhỏ. Vả lại, nghĩa một câu chẳng thương hại vật lại làm sao sống? Nói". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đấm một đấm ngã lầu hạc vàng, nhảy một cái vượt châu oanh võ, lúc có ý chí thêm ý khí, nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu. Tài giỏi thay! Tài giỏi thay! Khoái nói, khoái nói, một tợ Trạng nguyên mười bảy - mười tám tuổi, tương tợ ai quản trời ấy, ai quản đất ấy, tâm vương chẳng vọng động, sáu nước đồng một lúc thông, bãi nắm kiếm ba thước, thôi múa một trương cung. Tự tại, khoái nói, khoái nói. Vừa tợ Lão nhân bảy mươi - tám mươi tuổi làm tể tướng tương tợ, gió tùy thời, mưa thuận thời, năm thứ lúa mạ gieo trồng, muôn dân an ổn". Xong, Sư dựng đứng cây gậy, tiếp bảo: "Đại chúng, hai cáo bảo ấy đều là cây gậy của sơn Tăng, cùng làm được một áo hạt, sơn Tăng đến dưới cửa Tuyết Phong, chỉ biết tùy sắp hàng ăn bánh nướng, cũng được ba văn tiền bán giày cỏ". Xong Sư hét một tiếng, gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Có vị Tăng hỏi: "Lúc Hòa thượng thưa thấy gặp Thảo Đường (Thiền sư) thì như thế nào?" Sư đáp: "Giang nam có". Lại hỏi: "Sau khi đã thấy gặp thì như thế nào?" Sư đáp: "Giang bắc không".

2. Thiền sư Phổ Sùng ở Dục vương.

Thiền sư Phổ Sùng - Dã Đồng ở Dục vương tại phủ Khánh nguyên, vốn người ở Bản quận. Nhân lúc chỉ dạy đại chúng, sư nêu cử "Hòa thượng ở Ba Lăng nói "chẳng phải gió động, chẳng phải phước động, chẳng phải gió và phướng lại hướng nơi nào nhằm?" Có người vì Tổ sư ra hơi ra cùng thấy mặt với Ba Lăng. Còn Hòa thượng Tuyết Đậu nói: "Gió động, phướng động, đã là gió phướng, lại hướng nơi nào nhằm? Có người vì Ba Lăng ra cùng thấy mặt với Tuyết Đậu". Sư bảo: "Chẳng phải gió chẳng phải phướng, không nói nhằm. Phải là gió, phải là phướng, không nhằm nơi, xa trời tuấn cốt thảy lạc mê đường, lông vàng ngồi xổm nơi đất lại mất bỏ. Ha, ha, ha, ngộ và chẳng ngộ, khiến người chuyển nhớ ba chàng tạ, một sợi tơ riêng câu mưa sông lạnh".

3. Thiền sư Pháp Nhất ở Vạn niên.

Thiền sư Pháp Nhất - Tuyết Sào ở Vạn niên tại Đài châu, Sư là Huyền Tôn của Thái Sư Tương Dương Quận Vương Lý Công Tôn Miễn, gia đình nhiều đời ở huyện Khai phong tường phù. Thân mẫu mộng thấy một Lão Tăng đến nơi nhà mà bèn sinh Sư. Năm mười bảy tuổi cứ đỗ đạt ở trường, bèn theo Tổ phụ ra làm quan ở Hoài nam. Muốn làm quan mà chẳng đến, Sư sắp bỏ nhà, tôn thờ Thiền sư Di - Từ Giác ở Trường lô, mà ông nội chú không chấp thuận, thân mẫu Sư bèn thưa: "Đứa con này nghiệp đời trước làm Sa-môn, xin chớ đoạt dứt chí ý đó". Sau đó không bao lâu, Thiền sư Từ Giác thị tịch. Đến đầu niên hiệu Đại Quán (1107) thời Bắc Tống, Sư đến đảnh lễ Thiền sư Nguyện - Thông Chiếu ở Linh nham cầu xin xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc. Sư nương tựa Thiền sư Nguyện suốt mười năm, nhưng vẫn mịt mờ chẳng thể vào, Sư bèn đến bái yết Thiền sư Viên Ngộ ở Tương sơn. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Đây là pháp khí vậy!" Đến lúc Thiền sư Viên Ngộ vâng phụng sắc chiếu mời đến ở chùa Thiên ninh tại kinh đô, Sư hầu theo. Đến cuối niên hiệu Tỉnh Khương (1127) thời Bắc Tống, Sư đến bái yết Thiền sư Thảo Đường () đang ở tại Sơ sơn. Chỉ qua một lần nói, Sư bèn tỏ rõ đại pháp.

Đến năm Thiệu Hưng thứ bảy (1137) thời Nam Tống, Tuyền Thú Bảo Văn Lưu Công Ngạn Tu thỉnh mời Sư đến ở Diên phước, sau qua bốn lược dời đổi ở chùa lớn. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Cây gậy có lúc làm ra nước giao long, muôn dặm mây khói chẳng dứt, có lúc làm ra sư tử ngồi xổm nơi đất, trăm năm yêu quái lắng vết, có lúc tâm pháp đều quên, thể chiếu riêng lập, có lúc tụng đồng thời, chủ khách dùng lẫn nhau". Sư lại đưa cây gậy họa vẽ một đường, tiếp bảo: "Dưới cửa Diên Phước dùng cái gì?" Sư gõ cây gậy một cái, hét một tiếng rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngửa mặt chẳng thấy trời, cúi đầu chẳng thấy đất, kiếm xưa trước đầu lâu, biển lớn sóng tuôn trào". Sư trở lui ở Trường lô, về ở viện Quán Âm, tại Vạn Niên - Thiên thai. Bỗng nhiên hiện tướng cảm chút bệnh, Sư viết bài kệ rằng:

"Năm nay bảy mươi lăm (75)
Về làm chủ trong am
Trân trọng Quán Thế Âm
Rắn đất nuốt hổ đá".

Xong, Sư vào khám ngồi kiết già mà thị tịch.

4. Thiền sư Đạo Chấn ở Hoàng long.

Thiền sư Đạo Chấn - Sơn Đường ở Hoàng long tại phủ Long hưng,

vốn người dòng họ Triệu ở Kim lăng. Thuở thiếu thời, Sư đến nương tựa Thiền sư Anh - Giác Ấn làm Đồng tử. Đến lúc Thiền sư Anh dời đến ở Phổ Chiếu tại Tứ châu, vừa lúc Thục phi chọn độ Đồng tử cùng đi, Sư được thọ giới Cụ túc qua thời gian lâu sau, bèn giả từ đến bái yết Thiền sư Thuần ở Đơn Hà, một ngày nọ nêu cử Tông chỉ Động thượng, Sư trình bài kệ tụng rằng: "Mây trắng phủ sâu hang xưa lạnh, cỏ lạ hoa linh sắc phụng ngậm, nửa đêm trời sáng tợ giữa trưa, cưỡi ngựa trái mặt mang áo giày". Thiền sư Thuần rất mến quý Sư. Sư tự lấy làm ngại, bèn giả từ mà đến nương tựa Thảo Đường (Thiền sư), chỉ một lần gặp bèn khế hợp. Thường ngày Sư lấy tạng kinh đọc xem, một đêm nọ nghe tiếng trống vãn tham, bước ra kính đường, Sư ngẩng đầu trông thấy vầng trăng bèn đại ngộ, vội chạy thẳng đến phương trượng, Thiền sư trông thấy, bèn vì ấn chứng cho Sư, lúc ra hoằng hóa, mới đầu Sư ở Tào Sơn, tiếp chuyển đến ở Quảng Thọ, Hoàng Long. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nêu cử cái nhân duyên người xưa để hỏi Xà-lê, Xà-lê không được làm hiểu xưa. Nếu làm hiểu xưa tức mất ngay mặt mắt hiện giờ. Nêu cử cái nhân duyên ngày nay hỏi Xà-lê, Xà-lê không được làm hiểu ngày nay, nếu làm hiểu ngày nay thì chướng ngại ngay mắt Xà-lê xưa nay. Giả sử ngay như chẳng mất chẳng chướng ngại, chẳng phải xưa, chẳng phải nay, còn là nói của thuốc bệnh cùng chữa trị ngưng khóc. Chỉ như một câu thấu thoát, Xà-lê lại nói được không? Nếu nói không được thì phải đợi đến núi La-hán sâu đàm thật tướng sẽ hướng vì ông nói". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thiếu thất ngồi lạnh, môn nhân mỗi tự khác điềm, rất tợ các người mù sờ voi, Thần Quang đảnh lễ ba lạy rồi, y như cũ mà đứng. Tổ sư Đạt-ma bảo: "Ông được phần tủy của ta". Gã Bà-la-môn mặt đen nám ấy mu chân cũng chưa từng chấm xuống đất". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người đá hỏi thông khô, bao giờ ngươi nở hoa. Thông khô giận người đá, sao được miệng lép bép? Người đá cười ha ha. Thông khô nhả tinh ba, ráng hồng sáng ngọc tượng, bạch ngọc tráng cát vàng. Nhờ hỏi bậc Thông Huyền, người nào chẳng đến nhà?"

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DUY TÍN Ở NGUYÊN

1. Thiền sư Hy Ninh ở Chánh pháp.

Thiền sư Hy Ninh ở Chánh pháp tại phủ Thành đô, vốn người ở Hán châu. Nhân ngày giải chế mãn hạ, lên giảng đường, Sư bảo: "Lá rừng rơi lẫn lộn, đất trời báo thu sớm, rõ ràng ý Tổ từ Tây vức, nào dụng lại vội cầu. Nếu nghĩ gì hiểu được, mới tin đạo của Phật tổ vốn tự bình

thường. Cửa đại giải thoát nguyên không lá khỏa. Di luân vũ trụ cách bít hư không, lượng chẳng thể cùng, trí không thể suốt. Nếu cũng chưa rõ yếu chỉ này, chẳng thấu đạt nguồn cội ấy. Mặc là ngàn kiếp huân công, trăm đời huyện hạnh, nhọc tự khốn khổ, trọn không liên quan. Nếu rõ sâu yếu chỉ này, thấu đạt nguồn cội ấy, mới biết động tỉnh thi vi, đứng đi nằm ngồi, mỗi mỗi hợp đạo, niệm niệm Triều Tông. Tổ chẳng dạy vậy ư? Mê sinh lắng loạn, ngộ không tốt xấu, được mất phải quấy một lúc đồng buông đi. Như Vậy thì ai mê, ai ngộ, ai phải, ai quấy? Từ đó, các người riêng sinh dị kiến, quán đại quán tiểu, chấp có chấp không. Tánh linh mình riêng ngời sáng chẳng chịu nhận lấy. Tâm nguyệt mình riêng tròn đầy tự sinh trái ngược. Nào khác bỏ cha trong nhà, quên ngọc trong áo. Đến nỗi khiến trên đường Bồ-đề gai góc thành rừng, trong không giải thoát mây mê che mặt nhật. Ngày nay sơn Tăng may gặp chúng Tăng tự tứ, hóa chủ trở về núi, chứ thượng thiện nhân, được được quang phỏng, không được ngậm im, tùy phần dây leo, khúc vì thời nay ít mở phương tiện, cũng phải là các người dán mắt mỗi tự xem xét kỹ. Nếu lại phỏng bàn tầm tư, mây trắng bủa giăng muôn dặm". Sư bèn nắm cây gậy tiếp bảo: "Ở đây mà rõ được, một hội tại Linh sơn nghiễm nhiên trước mắt. Còn nếu chưa được vậy, lại đợi ngày sau phân giao".

2. Thiền sư Hoài Lương sơn.

Thiền sư Hoài Lương sơn tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Đại chúng đã nhóm tụ, xin Sư chỉ dạy?" Sư đáp: "Trời lắng chẳng biết nơi mây đi, đất lạnh lưu giữ tuyết được thời gian lâu dài". Lại hỏi: "Người học chưa hiểu lời huyền, xin Sư lại duỗi bày phương tiện?" Sư đáp: "Sau một lớp núi một lớp người".

3. Am chủ Tổ ở Nhạc sơn.

Am chủ Tổ ở Nhạc sơn, từ sau khi gặp thấy Nguyên (Thiền sư Duy Tín), Sư đóng thất ở Hành nhạc, suốt hơn ba mươi năm, không người hay biết. Chợt hứng Sư làm bài kệ tụng rằng:

"Nồi nhỏ nấu trà lại nấu cơm,
Trà chín cơm thơm ngay người đói,
Một giúp đói rồi không việc khác,
Sáng ngày theo dạng vẽ mèo con".

Từ đó các hàng nạp Tử đua nhau đến gõ hỏi. Cư sĩ Trương Vô Tận dốc sức mời thỉnh Sư khai đường giảng pháp, nhưng Sư trọn không chấp thuận. Về sau, Sư tịch tại núi ấy.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẦN Ở GIÁP SƠN

1. Thiền sư Phổ Sơ ở Khâm sơn.

Thiền sư Phổ Sơ ở Càn minh - Khâm sơn tại Lễ châu. Có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư bảo: "Nêu cử Tông chỉ dâng lên cầu chúc Thánh cơ, cúi đầu cầu nguyện mây lành cùng cảnh tinh đều hiện, rượu cốt với Cam lồ đồng bày. Vua mới là vua của Nghiêu Thuấn, tục mới tục của Thành Khương. Khiến gã miền quê dưới rừng bất chợt thành khúc nhạc thái bình. Hãy nói làm sao sống là khúc nhạc thái bình? Không làm mà làm, thần mà hóa đó. Rưới mưa đức mà rào rạt, thổi gió nhân mà ùn sóng, dân như nai đồng, vua tợ cành nêu, mười tám ông biết mà chẳng biết, lý lý, la la, la lý". Xong, Sư vỗ một cái và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUNG Ở NÚI BÁCH TỬ

1. Thiền sư Duy Tư ở Đông thiền.

Thiền sư Duy Tư ở Đông thiền tại Hoàng châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thư tay nắm lại không gì chẳng là Phật sự. Cớ sao mỗi mỗi hiển bày Lý, Sự sự đều là Tông, niệm niệm Thích-ca xuất hiện nơi đời, bước bước Di-lặc hạ sinh. Nếu tin được và nắm được dừng, tiện mời ngồi dứt Đầu báo hóa thân Phật, cao bước trên đỉnh Tỳ-lô". Sư nắm cây gậy và tiếp bảo: "Hãy nói cây gậy có nơi nào sinh trưởng?" Ngưng giây lát, Sư họa vẽ một đường rồi bảo: "Năng giết năng sống, hay buông hay dứt, lại có một ban nơi kham thán. Nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu". Xong, Sư gõ xuống một cái.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỮU THỤY Ở BAO THÂN

1. Thiền sư Đạo Hoàn ở Thọ ninh.

Thiền sư Đạo Hoàn ở Thọ ninh - Ứng thành tại An châu. Có vị Tăng hỏi: "Mây theo rồng, gió theo hổ, chưa xét biết Hòa thượng theo cái gì?" Sư đáp: "Một chữ họa viết giữa không trung". Lại hỏi: "Có được gì kỳ đặc?" Sư đáp: "Đại bi ngàn tay nâng chẳng nỗi". Lại hỏi: "Trong cõi nước mười phương chỉ có pháp Nhất thừa. "Thế nào là pháp Nhất thừa?" Sư đáp: "Đong lường chẳng hết". Lại hỏi: "Nghĩ gì đổi sắc mặt dương đường xưa chẳng rơi cơ lặng yên?" Sư bảo: "Làm sao sống là cơ lặng yên?" vị Tăng ấy ngẩng đầu lên nhìn. Sư nâng cây phất trần lên, vị Tăng ấy hét một tiếng. Sư bảo: "Rất khéo lặng yên". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa thấy vầng nguyệt đây người nay thấy vầng nguyệt đây, nguyệt đây trấn giữa trời, người xưa nay chẳng khác. Nếu tâm người tợ nguyệt, đầm biếc ngời sáng sạch. Quyết định

là nguồn tâm, nói đây lại không nói. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Thiền đức, ba đông sắp tận, tháng chạp gần đến đêm ba mươi, làm sao sống chỉ chuẩn?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Áo mặc cốt gầy bày nhà rách nhìn trăng ngủ".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ Ở TRÍ HẢI

1. Thiền sư Viên tuệ ở Càn phong.

Thiền sư Viên tuệ ở Càn phong tại Tuyền châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chánh tông của Tổ sư Đạt-ma, lỗ mũi của nạp Tăng, kham thán người mê thành đàn mở mắt ngủ gật. Trên đầu là trời, dưới chân là đất, vành tai nghe tiếng, lỗ mũi ra hơi. Dám hỏi các người học trò của Vân đường trong lúc ấy an đặt nơi nào? Có thấy chăng? Thật đáng thương, Song lâm phó Đại sĩ, ngay lời chỉ tiếng nói ấy phải. Ôi!".

2. Thiền sư Trọng Tuyên ở Tứ độ

Thiền sư Trọng Tuyên ở Tứ độ tại Kỳ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Phật xuất hiện nơi đời vì một đại sự nhân duyên, Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại chỉ thẳng tâm người. Là Phật, phàm, Thánh xưa nay không hai, mê ngộ há có khác đường, chẳng phải Niết-bàn đáng vui thích, chẳng phải sinh tử đáng nhàm chán. Chỉ hay một lời liễu ngộ, chẳng dậy ngồi mà liền chứng Vô sinh, một niệm xoay chiếu lại không cất bước mà khắp cùng sa giới. Đường tắt cốt yếu như thế có thể gọi là Tông môn. Sơn Tăng đã đến trong đó, không thể không vậy". Sư mới nắm cây phất trần lên, tiếp bảo: "Nhìn, nhìn, núi sông đại địa, nhật nguyệt muôn sao, hoặc phàm hoặc Thánh người người là vật tất cả đều ở trên đầu cây gậy, trong đầu sợi lông vào ra vui chơi. Các người có thấy chăng? Giả sử hoặc tiện hướng đến trong đó thấy được thản rõ ràng, lại phải biết có một đường hướng thượng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tháng sáu giữa trời giáng tuyết lớn, ba đông trên non lửa mây bay".

ĐỆ TỬ THIỀN SƯ Ở CHÙA LA-HÁN TẠI LÔ SƠN

1. Thiền sư Tuệ Xướng ở Vân phong.

Thiền sư Tuệ Xướng ở Cảnh đức - Vân phong tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Với nâng cao ấn Tổ tức chẳng hỏi, còn nhìn mặt cùng bày việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Chẳng nhọc nắm ra". Lại hỏi: "Chẳng nhân ngư phụ dẫn, sao được thấy sóng cả?" Sư đáp: "Đo đắn vậy". Lại hỏi: "Lời trước nói phá không phòng ngại, ngoài vật toàn năng có tượng bày". Sư bảo: "Riêng chứa xà lê". Lại hỏi: "Ngang thân ngoài ba cõi, ai là người lòi đầu?" Sư đáp: "Tranh giành chẳng đủ, nhịn nhường có

thừa”. Lại hỏi: “Người học đông tây chẳng rành, nam bắc chẳng rõ?” Sư đáp: “Tự sinh lùi khuất”. Và Sư mới bảo: “Khe vỏ nước chảy như lam nhiễm, mây ngầm quanh núi họa chẳng thành. Sắc núi tiếng nước toàn là thể, chẳng biết ai hiểu ngộ Vô sinh. Ngộ Vô sinh đây kia dứt vọng tình, lại phỏng cầu kỳ diệu, cười giết Huệ Năng - người Lãnh nam”. Sư lại bảo: “Quấy chẳng quấy, phải chẳng phải, Đạt-ma từ Tây vức lại hiển bày quái lạ dối hoặc chúng. Vua Võ Đế (tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương khám phá vượt sống vào đất Ngụy, chín năm ngồi xoay mặt vách tường hướng về Tung sơn, tiếp được Thần quang chuyển mất lợi. Đại chúng muốn chẳng mất lợi ư? Màn rèm mưa mai che ngàn nhà, thầm rưới gió un thổi vạn loại, nếu làm Phật pháp thương lường, chỉ rơi trong đàn Dã hồ’. Sư lại bảo: “Chí đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa, chỉ chớ ghét thương thì suốt trong rành rẽ. Tuyết phong có trục câu, Triệu châu có cây bách giữa sân, chẳng rơi lạc thấy nghe cũng chẳng phải sắc. Phỏng hỏi làm sao ngăn má đánh một cái?” Sư lại bảo: “Phật tổ truyền tâm cả từ Tây vức đến xứ này (Trung Hoa), người chứng đạt đó như mặt nhật mặt nguyệt soi chiếu cả đất trời, kẻ mất đó tợ mù tợ điếc chẳng biện rành đông tây. Tuyết Phong ở trong đó, được mất phải quấy đồng một lúc buông ngay. Không thiền có thể tham, không đạo có thể học, càn rỡ ngông cuồng đạp cùng phương lớn. Hãy nói Phật tổ truyền tâm là truyền cái gì?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Cửa mở mây sương hiện trên áo, rèm cuộn núi suối vào trong gương”.

2. Thiền sư Đức Tuyên ở Phù sơn.

Thiền sư Đức Tuyên ở Phù sơn tại Thư châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Trời rộng đất sâu”. Lại hỏi: “Người học chưa hiểu?” Sư đáp: “Tuổi già sinh bệnh”. Lại hỏi: “Đồng sống đồng chết lại làm sao sinh?” Sư đáp: “Gọi A-xà-lê làm Phật được chăng?” Và Sư mới bảo: “Núi Song tĩnh cốc dệt gấm, nam bắc đông tây khó vẽ ghi. Giả sử Tăng dao đầu bút khéo, sao như một đến đủ trong tâm?” Sư nắm cây phất trần lên tiếp bảo: “Có thấy chăng?” Ngưng giây lát, Sư tiếp bảo: “Vân cư La-hán”. Xong, Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đức Phật không xuất hiện nơi đời bốn mươi chín năm giảng nói pháp, Tổ sư chẳng từ Tây vức lại, Thiếu thất có diệu quyết. Nếu người biết Phật tổ, ngay đó bèn siêu vượt”. Sư bèn nắm cây phất trần và bảo: “cái ấy là phất trần nổi trôi, hãy nói Phật tổ tại nơi nào?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Tuy tạo nhân thiện mà chiêu nhận quả xấu ác”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHỞI Ở LANG DA

1. Du Đạo Bà ở Kim lăng.

Du Đạo Bà người xứ Kim lăng, chuyên sống nghề buôn bán dầu ăn nơi chợ, thường theo mọi người vào tham học ở Thiền sư Khởi tại Lang da. Thiền sư Khởi đem câu thoại "Lâm tế vô vi chân nhân" mà chỉ dạy đó. Một ngày nọ, nghe người hành khất xướng khúc nhạc Liên hoa rằng: "Chẳng nhân sức liễu truyền tin thư, duyên nào được đến hồ Động đình". Bỗng nhiên đại ngộ, bèn ném mâm dầu ăn xuống nơi đất. Người bên cạnh liếc nhìn thấy, bảo: "Ông điên rồi ư?" Du Đạo Bà đáp: "Chẳng phải cảnh giới của ông có thể biết được". Du Đạo Bà thẳng đến gặp Thiền sư Khởi. Thiền sư Khởi trông thấy, biết là Du Đạo Bà đến, bèn hỏi: "Cái nào là vô vị chân nhân?" Du Đạo Bà ứng tiếng đáp: "Có một người vô vị, sáu tay ba đầu gắng sức sân, một xé Hoa sơn phân hai đường, muôn năm nước chảy chẳng biết xuân". Từ đó tiếng tăm vang vọng khắp cùng. Phàm có vị Tăng nào đến, Du Đạo Bà bảo: "Con! Con!" Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, thì bèn liền đóng cửa. Thiền sư Tuân - Phật Đăng đến xét xem. Du Đạo Bà trông thấy, cũng bảo như trước. Thiền sư Tuân hỏi: "Cha ở tại nơi nào?" Du Đạo Bà xoay mình lễ bái Lộ Trụ, Thiền sư Tuân liền đạp ngã và bảo: "Lấy gì gọi là có ít nhiều kỳ đặc?" Du Đạo Bà lại đưa chân đạp dậy, nói: "Con! Con! Lại tiếc cái phép tắc của ngươi". Thiền sư Tuân trọn chẳng nhìn lại. Có thủ tòa An đến, Du Đạo Bà hỏi: "Ông từ xứ nào lại?" Du Đạo Bà đáp: "Từ Đức sơn lại". Du Đạo Bà bảo: "Đức Sơn - Thái là con cái của lão bà đây". Thủ tòa An hỏi: "Lão bà là con cái của người nào?" Du Đạo Bà đáp: "Bị một câu hỏi của Thượng tọa, ngay đó được đứng nơi đất mà tiểu giải". Du Đạo Bà từng làm bài tụng Nhân duyên chẳng an của Mã Tổ rằng: "Mặt nhật mặt nguyệt giữa trời lánh chấp, tuy là cắt đứt đầu lưỡi Nhất thiết trí trong thiên hạ, rõ ràng chỉ nói được một nửa".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LAN Ở QUANG HIẾU

1. Thiền sư Pháp Chân ở Lô sơn.

Thiền sư Pháp Chân - Vô Tướng ở Lô sơn tại Minh châu, vốn là con cháu nối dõi của Lý Chủ ở Giang nam. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Muốn rõ việc hướng thượng, phải đủ mắt cửa đảnh, nếu đủ mắt cửa đảnh, mới hợp tâm xuất gia. Đã hợp tâm xuất gia, thường đủ mắt cửa đảnh. Cần hiểu mắt cửa đảnh chăng? Người khắp bốn kinh mặc áo ăn cơm, người ở lương chiết no ấm tự nhiên, đỉnh núi Thông huyền gió hương trong lành, hoa nở trái ba bốn gốc".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHANH Ở TƯỢNG ĐIỀN

1. Thiền sư Trí ở Tuyết đậu.

Thiền sư Trí ở Tuyết đậu tại phủ Khánh nguyên. Vốn người dòng họ Lô ở Quận chi. Có vị Tăng hỏi: ‘Nhân lúc Trung thu mà chẳng thấy trăng thì như thế nào?” Sư đáp: “Lại đợi đêm khuya xem”. Lại hỏi: “Bỗng nhiên mây đen chưa ta thì lại như thế nào?” Sư đáp: “Sao quái lạ được lão Tăng”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngộ tâm dễ dàng, dứt tâm khó dứt. Được nguồn tâm đến xứ nhân. Muôn sao chuyển dời trời sắp sáng, mây trắng như cũ che núi xanh”.

2. Thiền sư Ích ở Thạch phật.

Thiền sư Ích ở Thạch phật tại phủ Thiệu hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một lá rơi đất trời thu, một bụi nổi đại địa thâu, một pháp thấu muôn pháp cùng. Hãy nói thấu một pháp nào?” Sư bèn hét một tiếng, rồi bảo: “Rất kỵ lầm nhận cầu yêu lừa làm dưới cằm A-da”. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHÃ Ở TUỆ NHẬT

1. Thiền sư Pháp ở Cửu tiên.

Thiền sư Pháp - Tổ Giám ở Cửu tiên tại phủ Long hưng. Vốn người xứ Nghiêm Lăng. Sư thường đến Thiên ninh ở Trì châu dùng y Tăng-già-lê che trên đỉnh đầu mà ngồi. Thị lang Tăng Công Khai hỏi rằng: “Quê của Thượng tọa ở xứ nào?” Sư đáp: “Ở nghiêm châu”. Lại hỏi: “Cùng nơi đây là đồng hay là khác?” Sư kéo y Tăng-già-lê xuống đất chấp tay vái hỏi: “Quan nhân từng đến Nghiêm châu chăng?” Tăng Công Khai mịt mờ chẳng biết nói sao. Sư bảo: “Đợi quan nhân đến Nghiêm châu thì sẽ vì nói”. Sư ở đó qua thời gian lâu sau, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Muôn liễu ngàn hoa nắng ấm nở, mối hoa hiện có một Như Lai, khéo đùm không hai hư không tạng, động nhằm vi ngôn khắp chín trần”. Xong, Sư cười ôi, ối, và bảo: “Hãy nói cười cái gì? Cười gót chân giác uyển chẳng chạm đất”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: “Mục Châu chỉ dạy đại chúng: “Các ngươi chưa được cái nơi vào đầu, phải được cái nơi vào đầu. Đã được cái nơi vào đầu, chẳng được quên ngay lão Tăng rõ ràng nói cùng các người, còn tự chẳng hiểu, huống gì che đậy tương lai”. Sư bảo: “Mục Châu nghĩ gì nói? Ý tại nơi nào? Nếu là chưa hiểu vậy, thì hãy nghe cái cước chú dưới của giác uyển là: Trương Tăng thấy Vương Bạn, Vương Bạn gọi Trương Tăng. Đêm qua nơi thả trâu, trên non và trước thôn, nước khe tây chẳng uống, cỏ khe đông chẳng ăn, giáo giác uyển như thế nào, có hiểu chăng? Chẳng khỏi

cùng gì đi”. Sư bèn đưa hai tay đè giữa khoảng không rồi xuống khỏi tòa. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đoạt người mà không đoạt cảnh?” Sư đáp: “Tĩnh tĩnh lắng lắng”. Lại hỏi: “Thế nào là đoạt cảnh mà không đoạt người?” Sư đáp: ‘Lắng lắng tĩnh tĩnh”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt?” Sư đáp: “Tĩnh tĩnh, tĩnh tĩnh”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều chẳng đoạt?” Sư đáp: “Lắng lắng, lắng lắng”. Lại nói: “Người học ngày nay mua sắt mà được vàng vậy”. Sư bảo: “Nơi nào được cái đầu câu thoại lại”.

2. Am chủ Giác Nhân ở Pháp hải.

Am chủ Giác Nhân ở Pháp hải tại phủ Bình giang, vốn người dòng họ Chu ở Ngu sơn - Quận chi. Năm hai mươi bốn tuổi sư xuất gia thọ giới Cụ túc, du phương tham phỏng đến Đông lâm bái yết Thiền sư Tuệ Nhật (Thiền sư Nhã). Thiền sư Nhã nêu cử Cơ ngữ Linh Vân ngộ đạo mà hỏi Sư, Sư phỏng đối đáp. Thiền sư Nhã liền bảo: “Chẳng phải chẳng phải”. Bỗng nhiên Sư có được khế ngộ, làm bài kệ rằng:

“Trên non hoa đào nở,
Hoa từ nơi nào lại,
Linh Vân vừa mới thấy,
Xoay đầu múa ba đài”.

Thiền sư Nhã bảo: “Chỗ thấy của ông tuy đã có vào phần nhỏ, nhưng lại phải mang giày, phải là sáng tỏ đại pháp”. Sư vâng theo sự chỉ dạy ấy, ở tại Lô sơn suốt ba mươi năm chẳng cùng giao tiếp người đời, mọi người khắp chốn tùng lâm thảy đều tôn quý Sư.

Trong khoảng niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống, trộm cướp nổi đầy Giang tả, Sư thuận dòng trở về hướng đông. Mọi người trong thôn ấp dựng lập am thỉnh mời Sư ở, các hàng đạo tục theo nhau đến hỏi đạo, Sư thường bảo mọi người rằng: “Các người hay no giữ sức định, chớ lo lửa sáng sớm mà việc liên can mong cầu vậy”. Về sau, Sư thong dong tự tại, xưng là “Ngũ Tùng Tán Nhân”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGÔN Ở LONG NHA - ĐỘNG SƠN

1. Thiền sư Trạch Ngôn ở Động sơn.

Thiền sư Trạch Ngôn ở Động sơn tại Thụy châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Thập thân điều ngự, Đầu Tử xuống đứng dưới thiền sàn, chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Dưới cổng chân bảy xuyên tám huyệt”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHẤT Ở ĐẠO LÂM

1. Thiền sư Trí - Đại Viên ở Đại quy.

Thiền sư Trí - Đại Viên ở Đại quy tại Đàm châu. Vốn người xứ Tứ minh. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Nam Tuyền nói là chư Phật ba chẳng biết có, Ly nô bạch cổ tức biết có". Sư lại bảo: "Chư Phật ba đời đã không biết có, Ly nô bạch cổ nào từng mông thấy lửa đốt? Phải biết hướng thượng có người biết có đến cùng mới được. Hãy nói làm sao sống là người biết có đến cùng? Quan uống rượu quan té giữa đường, ngay chỗ chết làm chỗ chôn. Bãi cát có vô lượng anh linh tài giỏi, đống núi chất hay bày hài cốt".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 23
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 24

MỤC LỤC

bốn vị:

1. Thiền sư Đạo Xướng ở Tịnh từ
2. Thiền sư Liễu Nhất ở Kính sơn
3. Thiền sư Liễu Tâm ở Kim sơn (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Pháp Viên ở Đại cát
5. Thiền sư Đạt ở Nam an
6. Thiền sư Thăng ở Tịnh từ
7. Thiền sư Tổ Thiên ở Thạch tùng
8. Thiền sư Ngộ Cập ở Khánh thành
9. Thiền sư Bảo Cơ ở Hưng vương
10. Thiền sư Thủ Ninh ở Bảo thắng
11. Thiền sư Pháp Tạng ở Kiến thiện
12. Thiền sư Vụ Huy ở Tịnh từ
13. Thiền sư Giới Thông ở Nam minh
14. Thiền sư Ninh ở Trung phong (mười một vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyệt ở Hương nghiêm, có hai vị:

1. Thiền sư Như Bích ở Hương nghiêm (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Như Lâm ở Hương nghiêm (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thâm ở Tuệ lâm, có bảy vị:

1. Thiền sư Tuệ Quang ở Linh ẩn
2. Thiền sư Diệu Ấn ở Quốc
3. Thiền sư Phổ Thiệu ở Quốc
4. Thiền sư Tuệ Thúy ở Cửu tòa (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Đàm ở Viên giác
6. Thiền sư Pháp Như ở Tịnh tuệ
7. Thiền sư Thắng ở Viên giác (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhiên ở Báo ân, có một vị:

1. Thiền sư Nguyên ở Tư Thánh (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hải ở Tuệ lâm, có hai vị:

1. Thiền sư Thọ Kiên ở Vạn sam (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thọ Long ở Vạn sam (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông ở Khai tiên, có hai vị:

1. Thiền sư Duy Sơ ở Hoàng nghiệt
2. Thiền sư Hải ở Nhạc lộc (hai vị hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Diễn ở Tuyết Phong, có bốn vị:

1. Thiền sư Tuệ Thuấn ở Tây thiền (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Đạo Chiểu ở Phụng sơn
3. Thiền sư Đắc Năng ở Năng nhân
4. Thiền sư Du ở Ngọa long (ba vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Liễu ở Trường lô, có mười ba vị:

1. Thiền sư Tông Giác ở Thiên đồng
2. Thiền sư Diệu Giác ở Trường lô
3. Thiền sư Nghĩa Sơ ở Quy sơn
4. Thiền sư Hưng Dự ở Bảo ninh
5. Thiền sư Pháp Thông ở Bắc sơn (năm vị có ghi lục)
6. Thiền sư Đức Sơ ở Thọ sơn
7. Thiền sư Đạo Huy ở Long tường
8. Thiền sư Tổ Khanh ở Thượng lam
9. Thiền sư Sùng Thọ ở Năng nhân
10. Thiền sư Tử Vịnh ở U nham
11. Thiền sư Tuệ Ngộ ở Trường lô
12. Thiền sư Đạo Tân ở Thần quang
13. Thiền sư Giám ở Tuyết đậu (tám vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác ở Thiên đồng, có mười bốn vị:

1. Thiền sư Tự Tông ở Tuyết đậu
2. Thiền sư Pháp Trí ở Thiện quyền
3. Thiền sư Tuệ Huy ở Tịnh từ
4. Thiền sư Pháp Cung ở Thụy nham
5. Thiền sư Pháp Chân ở Thạch môn
6. Thiền sư Tư Triệt ở Quang hiếu
7. Thiền sư Pháp Vi ở Đại hồng
8. Thiền sư Lâm ở Trường lô (tám vị hiện có ghi lục)
9. Thiền sư Pháp thông ở Quảng tuệ
10. Thiền sư Thế Dao ở Phụng hoàng

11. Thiền sư Quang ở Ô cự
12. Thiền sư Ngộ ở Bảo phước
13. Thiền sư Lý ở Năng nhân
14. Thiền sư Toại ở Tuyết đậu (sáu vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dự ở Đại hồng, có năm vị:
1. Thiền sư Ngộ ở Tuệ lực
2. Thủ tòa Tuệ Thâm ở Tuyết phong (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Nhã ở Trí môn
4. Thiền sư Sung ở Phổ chiếu
5. Thiền sư Diễn ở Tiến phước (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quy ở Thiên phong, có một vị:
1. Thiền sư Thông Lý ở Đông lâm (hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thông ở Thiên y, có sáu vị:
1. Thiền sư Pháp An ở Tuệ nhật
2. Thiền sư Khâm ở Hộ quốc
3. Thiền sư Nguyên Thật ở Cát tường
4. Thiền sư Đạo Tuyên ở Đầu tử (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Phổ Hy ở Năng nhân
6. Thiền sư Tông Vĩ ở Thạch Phật (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuyên ở Các tường, có một vị:
1. Thiền sư Minh ở Nam hoa (hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiển ở Đại hồng, có chín vị:
1. Thiền sư Tổ ở Tử lăng
2. Thiền sư Đạo hòa ở Thắng quả
3. Thiền sư Thế Năng ở Long an
4. Thiền sư Tông Giác ở Bắc thiền
5. Thiền sư Tổ Ngộ ở Phổ ninh
6. Thiền sư Sơn Chiêu ở Trung cân
7. Thiền sư Thủ Kha ở Thọ Ninh
8. Thiền sư Nguyên Kinh ở Hoành sơn
9. Thiền sư Pháp Thông ở Bắc triệu (chín vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngộ ở La-hán, có một vị:
1. Thiền sư Nguyệt ở Tào sơn (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngộ ở Kính sơn, có hai vị:
1. Hòa thượng Tuệ Chiếu
2. Hòa thượng Liễu Nhiên ở Bảo đà (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Xướng ở Bảo lâm, có hai vị:
1. Thiền sư Diệu Cơ ở Hộ quốc
2. Thiền sư Đức Quán ở Hưng hóa (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ ở Bảo lâm, có hai vị:
1. Thiền sư Lương Độ ở Tường phù
2. Thiền sư Đức Tế ở Tuyên hóa (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyệt ở Thừa thiên, có hai vị:
1. Thiền sư Trọng Nhan ở Thừa thiên (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Giới Phong ở Hộ quốc (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ấn ở Quang hiếu, có một vị:
1. Thiền sư Bản Nhiên ở Đông lâm (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khâm ở Phổ chiếu, có một vị:
1. Thiền sư Khả Văn ở Vĩnh an (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn ở Tịnh phước, có hai vị:
1. Thiền sư Tạng ở Tịnh quang
2. Hòa thượng Thạch Tháp ở Dương châu (hai vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MINH Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Tượng ở Tịnh từ.

Thiền sư Tượng ở Tịnh từ tại phủ Lâm an, vốn người xứ Sơn âm, Việt châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một mạc che ở mắt, hoa đốm không trung rơi loạn xạ". Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: "Tịnh Từ nắm

dậy cây gậy há chẳng phải một mạc che ở mắt. Trăm ngàn chư Phật tất cả đều ở trên đầu cây gậy, hiện thân sắc màu vàng tía cao trượng sáu, há chẳng là hoa đốm giữa không trung rơi loạn xạ. Tức nay chớ có hướng đến lúc cây gậy chưa nắm trở về trước trước dứt được chăng? Ra lại cùng Tịnh Từ thấy xem? Nếu không rất kỵ hướng đến nơi không trung vốn không hoa đốm, mắt vốn không mạc che đặt nhầm đến". Và Sư bèn ném cây gậy một cái rồi xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Long ở Tuyết phong.

Thiền sư Long ở Tuyết phong ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một chẳng thành hai, chẳng phải miệng ăn cơm, mũi ra hơi, thôi bảo Bắc đẩu tàng thân, nói nhầm lỗ mũi Ba Ba ở Nam sơn, của cải chuyển ra mặc giao ngoài cửa, khuyên ông chớ tranh lợi đầu dùi".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HÒA Ở TRƯỜNG LÔ

1. Thiền sư Đạt Châu ở Cam lồ.

Thiền sư Đạt Châu ở Cam lồ tại phủ Trấn gian, vốn người ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thánh hiền chẳng phân xưa nay chỉ một. Có thể chỉ lửa đến bếp, nước đến ướt, đục giếng mà uống, cày ruộng mà ăn. Đại chúng! Vương Lão ở Đông lâm đi chẳng về, rối rắm lá vàng giữa trời rơi lộn xộn".

2. Thiền sư Tuệ Thuần ở Linh ẩn.

Thiền sư Tuệ Thuần - Viên Chiếu ở Linh ẩn tại phủ Lâm an. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm tôi tợ trăng thu, đầm biếc trong sáng sạch". Sư mới hét một tiếng, tiếp bảo: "Câu thoại Hàn Sơn tử rơi rồi vậy. Các Thiền đức! Sáng sạch không mảy trần, há trăng trung thu có thể sánh. Rỗng sáng tuyệt đối đãi, chẳng thể chân ngọc soi chiếu có thể thường, chạm bày càn khôn sáng suốt vạn tượng, khắp trời cùng đất, sáng xưa vượt nay, hãy nói là cái gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đêm nay một vầng trăng tròn đầy trong sáng nơi nào không".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ Ở TUYẾT PHONG

1. Thiền sư Đạo Xướng ở Tịnh từ.

Thiền sư Đạo Xướng - Nguyệt Đường ở Tịnh từ tại Hàng châu, vốn người dòng họ Ngô ở Hồ châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc đại dụng hiện tiền chẳng còn khuôn phép thì như thế nào?" Sư đáp: "Anh em nhà họ Trương rất không tốt". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì tất cả các nơi đều phải đi?" Sư đáp: "Chớ đường đột người tốt". Lại hỏi: "Tâm sinh thì pháp sinh, tâm diệt thì pháp diệt, chỉ như lúc tâm pháp đều quên, sinh diệt tại nơi

nào?" Sư đáp: "Tay trái được lại, tay phải dùng". Lại hỏi: "Thế nào là việc từ trong cửa Thượng tông?" Sư đáp: "Một mẫu đất". Lại hỏi: "Tiện lúc nghỉ hợp thì thế nào?" Sư đáp: "Chôn lấp chẳng ít". Lại hỏi: "Thế nào là bản nguyên của chư Phật?" Sư đáp: "Ở đầu nhà hỏi đường đi". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Ném gạch dưới trăng". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chưa thấu cửa Tổ sư, ngàn khó cùng muôn khó, đã thấu cửa Tổ sư, ngàn khó cùng muôn khó. Lúc chưa thấu, khó tức tạm đặt để đó, còn lúc đã thấu rồi, nhân gì khó không buông xuống? Vợt tre tuy được giá, nhưng động cán thìa khác cũng không đầu mối". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cho ta tương tợ cùng ngươi vô duyên, đánh ngay ấm thuốc nghiêng ra lò khói, trả lại một viên đạn rõ ràng, lưu lạc trong nhân gian đã mấy năm? Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nhạn bay ngang trời bóng chìm sông lạnh, nhạn không có gì lưu vết, sông không lưu tâm giữ ảnh. Nếu hay như thế, chánh là khéo bán giày cỏ đi chân không. Do đó nói: "Động thì ảnh hiện, giác thì băng sinh. Chẳng động chẳng giác chánh là chết tại trong nước. Lão nhân tiến phước là đầu chẳng được, tức tạm đặt để đó. Còn ngày nay Dục vương lại làm sao sống? Ra ngỏ chớ đi đường dưới núi, ít nghe vượn hú tiếng đứt lòng!" Nhân đầu năm, lên giảng đường, Sư nắm cây phất trần và bảo: "Đầu năm nắm bút, muôn sự đều tốt, bỗng có gã tài giỏi ra nói Hòa thượng: Cái ấy là ba nhà trong thôn Bảo chánh ghi, nơi cửa làm gì tương lai, trên tòa hoa vương sẽ làm Tông thừa, chỉ hướng kẻ khác nói trâu dâng ngàn con, ngựa vào trăm xấp".

2. Thiền sư Liễu Nhất ở Kính sơn.

Thiền sư Liễu Nhất - Chiếu Đường ở Kính sơn tại phủ Lâm an, vốn người ở Ninh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bậc sĩ tham Huyền xúc cảnh gặp duyên, chẳng thể ngay đó thấu thoát, bởi vì nghiệp thức sâu nặng, vọng tình bền chặt. Sáu cửa chưa dứt một nơi chẳng thông, dứt điểm thuần trang, hàm sinh khó đến. Ngay phải vào rừng không động cỏ, vào nước không động sóng, mới có thể thuận dòng sinh tử, vào trong nhân gian. Các người cần hiểu không?" Sư nắm cây gậy họa một đường, tiếp bảo: "Chỉ hướng trong đó dâng tiến lấy".

3. Thiền sư Liễu Tâm ở Kim sơn.

Thiền sư Liễu Tâm ở Kim sơn tại phủ Trấn giang. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một chữ Phật ai nói là không, ngựa gỗ trâu đất đầy khắp đường, tựa khắp lan can sắc xuân muộn, gió biển thổi dứt san hô biếc. Lại có người đồng tương ứng đồng khí tương cầu chăng? Trăm chim không lại lầu các đóng, chỉ nghe mưa đêm giọt tàu chuối".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYỆT Ở HƯƠNG NGHIÊM

1. Thiền sư Như Bích ở Hương nghiêm.

Thiền sư Như Bích - Ỷ Trùng ở Hương nghiêm tại Đặng châu. Vốn người dòng họ Nhiêu ở phủ Châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Biến hóa kín dời nào rất gấp, sát-na niệm niệm một hơi thở, tám vạn bốn ngàn môn Phương tiện. Hãy nói môn nào chẳng thể vào? Vào chẳng vào sáng đến mưa đánh ướt lá chuối. Ân cần lại hỏi có người nào ngoài cửa rõ ràng cùng đứng đối mặt nghe tiếng chim mổ gỗ". Sư lại nói bài kệ rằng:

"Cốc, cốc, cốc mặt trong có trùng mặt ngoài mổ
Ít nhiều người mênh mông ngủ gật
Sau đánh một dùi còn chưa tỉnh
Nếu không tỉnh, lại nghe sơn Tăng cốc, cốc, cốc".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÂM Ở TUỆ LÂM

1. Thiền sư Tuệ Quang ở Linh ẩn.

Thiền sư Tuệ Quang - Tịch Thất ở Linh ẩn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Hạ Hầu ở Tiền Đường. Có vị Tăng hỏi: "Bay lại sắc núi hiện bày pháp thân tịnh, hợp tiếng khe suối phô diễn tướng lưỡi rộng dài, chánh ngay lúc ấy thế nào là một khúc nhạc của Vân Môn?" Sư đáp: "Mưa canh ba trên ngọn lá chuối". Lại nói: "Một câu toàn nêu vượt Phật tổ, đầy tòa đỏ tía đều tri âm". Sư bảo: "Gặp người không được cử thố". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng dùng cầu chân, nào phải dứt thấy, cưỡi ngựa trâu chừ vào điện Phật, một tiếng sáo khương trời đất trống, chẳng biết ai hay mặt Cù-đàm".

2. Thiền sư Diệu Ấn ở Quốc.

Thiền sư Diệu Ấn - Ngu Cốc ở Quốc tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầy miệng nói được đến cùng, vì gì chẳng biết có? Mười phương biết có đến cùng, vì gì đầy miệng nói chẳng được? Hãy nói dối trá ở nơi nào? Nếu cũng biết được, thì hứa cho ngươi chiếu dụng đồng thời, sáng tối đều rõ. Còn như chưa được vậy, nói được và nói chẳng được, biết có và chẳng biết có. Trùng lớn ở Nam sơn thạch hiểu biết làm sư tử rống".

3. Thiền sư Phổ Thiệu ở Quốc.

Thiền sư Phổ Thiệu Thùy Từ ở Quốc rại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Linh vận ngộ hoa đào, Huyền sa bên cạnh chẳng chịu, ít nhiều Hòa thượng ngu, vác tuyết lấp bít giếng xuân nay hoa lại nở. Ý này ai hay hiểu? Đích thực ít người biết, hoa rơi gió xuân lắng".

4. Thiền sư Tuệ Thúy ở Cửu tòa.

Thiền sư Tuệ Thúy ở Cửu tòa tại Tuyền châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày nay cửu tòa hướng lên tột đỉnh Cô phong. Cưỡi một chiếc thuyền sắt, cắt đứt cốt yếu của mọi người trong thiên hạ. Dạy cho kẻ khác chống sào quẩy mái chèo. Chẳng được có cái nêu gấm con. Hãy nói nơi nào trong tay người?" Sư bèn nắm cây gậy, tiếp bảo: "Nhìn nhìn hướng đạo là Long cương, chẳng tin. Đẳng nhàn đoạt lấy được mới dâng tiến người".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHIÊN Ở BÁO ÂN

1. Thiền sư Nguyên ở Tư Thánh

Thiền sư Nguyên ở Tư Thánh tại Tứ châu. Có vị Tăng hỏi: "Sen vàng tía nâng chân Thiên luân, ánh bạch ngọc tỏa thân muôn đức. Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Kéo súng mang giáp". Lại hỏi: "Xâu hoa ngàn kệ tuy khác phẩm. Nêu Nguyệt lại về Lý nhất như. Thế nào là pháp?" Sư đáp: "Nguyên phong điều lệnh Thiệu Hưng". Lại hỏi: "Dưới rừng Nhã làm khách phương ngoài, giữa đời làm được khách trong lò. Thế nào là Tăng?" Sư đáp: "Đắp chiếu nắm bát".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HẢI Ở TUỆ LÂM

1. Thiền sư Thọ Kiên ở Vạn sam.

Thiền sư Thọ Kiên ở Vạn sam tại Lô sơn, vốn người ở Tướng châu. Nhân đầu năm lên giảng đường, Sư bảo: "Có một người chẳng đưa năm cũ chẳng đón năm mới. Lạnh nóng chẳng hay xâm lấn thể ấy. Phàm Thánh chẳng thể lẫn lộn vết ấy. Từ xưa trước lại lỗ mũi xa trời, ai quản nhiều năm lắm ngày, đại chúng hãy nói người ấy hiện nay ở nơi nào?" Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Ôi! Ôi! Ôi! Lấp chìm nơi đi!"

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG Ở KHAI TIÊN

1. Thiền sư Duy Sơ ở Hoàng nghiệt.

Thiền sư Duy Sơ ở Hoàng nghiệt tại Thụy châu, vốn người dòng họ Thái ở Thường châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại ca Tông (Thiền sư Tông), lúc bình sinh cảo điểm ngồi cao, chỗ gọi là hình hài cây khô chưa từng ầm ỷ khóc miệng đem lời của Phật tổ chỉ dạy cho học trò. Chỉ cần mọi người hết được mười thành, tự nhiên chẳng hướng trên vỏ ấy rò rỉ dính đến". Có vị Tăng hỏi: "Đã chẳng hướng trên vỏ ấy rò rỉ dính đến, chưa xét rõ làm sao bảo nhậm?" Sư đáp: "Không có nơi cho ông dụng tâm". Lại hỏi: "Há Hòa thượng không chỉ phương tiện?"

Sư đáp: "Sấy bánh đã không nước, ép cát nào có dầu".

2. Thiền sư Hải ở Nhạc lộc.

Thiền sư Hải ở Nhạc lộc tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Lúc tiến tới trước ba bước thì như thế nào?" Sư đáp: "Lắc đầu gật trán". Lại hỏi: "Lúc thối lùi ba bước thì như thế nào?" Sư đáp: "Rơi hầm rớt hố". Lại hỏi: "Lúc chẳng tiến tới chẳng thối lui thì như thế nào?" Sư đáp: "Là thứ đứng nơi đất mà chết".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DIỄN Ở TUYẾT PHONG

1. Thiền sư Tuệ Thuấn ở Tây thiền.

Thiền sư Tuệ Thuấn ở Tây thiền tại Phước châu, vốn người ở ở phủ Chân định. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Năm ngày một lần tham, ba tám nói khắp cùng, ngàn nói muôn nói ngang nói dọc nói, bỗng có gã tài giỏi ra nói, nói tức chẳng không, tránh làm sao hai cái đầu ba cửa chẳng chịu. Sơn Tăng tức hướng kẻ ấy nói đồ gã mù, nếu chẳng được hai cái kia, Tây thiền rất tợ chẳng gặp được tri âm".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LIỄU Ở TRƯỜNG LÔ

1. Thiền sư Tông Giác ở Thiên đồng.

Thiền sư Tông Giác ở Thiên đồng tại Minh châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Đầu đường ngã tư thôi gọt trán". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Kiếp trước vận bước dàn ngang thân ngoài đời, khéo hợp không thể để ý đến, thật chứng không thể dùng lời truyền, ngay được kiểm hơi rỗng lắng, mây trắng hướng đến hang lạnh mà dứt. Linh quang phá mờ tối, trăng sáng theo thuyền đêm mà lại, chánh lúc ấy làm sao sống giẫm bước? Thiền chánh chẳng từng lìa bản vị, tung hoành nào can thiệp nơi nhân duyên".

2. Thiền sư Diệu Giác ở Trường lô.

Thiền sư Diệu Giác - Tuệ Ngộ ở Trường lô tại Chân châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khắp đại địa là cái giải thoát môn, nắm tay kéo chẳng chịu vào. Lão Hán Tuyết Phong đè ép người làm gì? Đã đến trong ấy, vì gì lỗ mũi nằm trong tay người khác?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tham nhìn trăng trên trời mất ngay cây cong trong tay". Có vị Tăng hỏi: "Nhạn bay giữa trời ảnh trầm sông lạnh, nhạn không có ý lưu vết, sông không có tâm lưu ảnh. Lại có đích xác vậy không?" Sư đáp: "Hoa lau hai bờ tuyết, sông nước một trời thu". Lại hỏi: "Lúc tiện nghĩ gì đi thì thế nào?" Sư đáp: "Nhạn bay vút giữa trời". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị. Sư bảo: "Nạp Tử linh lợi".

3. Thiền sư Nghĩa Sơ ở Quy sơn.

Thiền sư Nghĩa Sơ ở Quy sơn tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lâu im lặng cốt yếu ấy chẳng chuyên nhanh nói. Thích-ca Lão Tử ngủ nói mớ làm gì? Nay ta vì các ngươi bảo nhậm việc ấy thật không hư dối, rất tợ nhầm chán tốt làm xấu. Đã chẳng nghĩ gì, rốt cũng như thế nào?" Mây trắng trùm đỉnh núi, sắc tía chuyển cao vời.

4. Thiền sư Hưng Dự ở Bảo ninh.

Thiền sư Hưng Dự ở Bảo ninh - Kiện khương. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bước vào Đạo tràng ảnh động Tông giám, rực rỡ muôn sao đêm tạnh, tươi mươi hoa nhả thời xuân, người gỗ ngầm chuyển vận, hóa cơ mảy may không choáng váng. Thạch nữ toàn nâng, giữa không in đường vân rất rõ. Hãy nói chẳng một chẳng khác, không đi không lại, hợp làm gì sống thể hết thảy, đích xác tung hoành đều diệu dụng, Ta đây vốn cung kính trong lại".

5. Thiền sư Pháp Thông ở Bắc sơn.

Thiền sư Pháp Thông ở Bắc sơn tại Chân châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nuốt hết ba đời đến tận cùng, vì gì mở miệng không được? Chiếu soi khắp bốn thiên hạ đến cùng, vì gì mở mắt không được. Làm sao sống được mười thành thông sướng đi, kim châm hai khóa đầy hợp, ẩn hiển toàn gồm". Có vị Tăng hỏi: "Dứt ngôn ngữ, tuyệt nơi tư duy, xin Sư chỉ dạy?" Sư đáp: "Nước giọt không vào đá".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIÁC Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Tự Tông ở Tuyết đậu.

Thiền sư Tự Tông ở Tuyết đậu tại minh châu, vốn người dòng họ Trần ở Huy châu. Từ thủa nhỏ sư tập học kinh điển, đến sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đến nương tựa Thiền sư Tuệ. Diệu Trạm tham hỏi, quyết trạch bèn được khế ngộ, Thiền sư Tuệ trao cho cây phất trần. Về sau, Sư lại đến bái yết Thiền sư Hoằng Trí và được ấn chứng, đạo phong càng được tôn quý. Đến lúc ra hoằng hóa, Sư ở Phổ chiếu, Thiện quyền, Thúy nham, Tuyết đậu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mỗi người có cái lỗ mũi, chỉ riêng Thiện Quyền không có lỗ mũi, vì gì không? Bởi năm trước bị người kéo rơi rồi. Mỗi người có hai tròng mắt, riêng Thiện Quyền không có cái tròng mắt. Vì gì không? Bởi bị người Mộc Hoạn đổi thay rồi. Mỗi người có cái đầu lâu, chỉ riêng Thiện Quyền không có đầu lâu, vì gì không? Bởi nhờ người làm gáo đựng nước tiểu rồi". Xong, Sư bèn gọi đại chúng và bảo: "Lỗ mũi lại không, tròng mắt lại không, đầu lâu lại không. Vật các người có biệt Thiện Quyền chăng? Nếu cũng

không biết, là các người chôn vùi Thiện Quyền. Nếu chưa như vậy, thì nên nghe một bài tụng:

"Đáy khe trâu đất vàng thếp mặt,
Thạch nữ trên núi mặc màu hồng,
Trên cọc buộc lừa mọc cỏ thơm,
Chẳng phải mây ùn ngọn Hương lô".

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thúy nham không phải không nói, chỉ vì không cái thời tiết, sáng nay khoái tiện khó gặp, một câu vì ông bổ quyết. Lộ trụ vốn là đầu gỗ, dùi cân chỉ từ sắt sinh. Các người nếu đến mọi phương chớ nói sơn Tăng nhiều lời". Có vị Tăng hỏi: "Lúc hoa sen chưa ra khỏi nước thì như thế nào?" Sư đáp: "Vùi lấp ngay lỗ mũi ông". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?" Sư đáp: "Xuyên nhầm tròng mắt ông". Lại hỏi: "Thế nào là Chánh pháp nhãn?" Sư đáp: "Đậu đen". Lại hỏi: "Thế nào là vua?" Sư đáp: "Cối mài kiếm ba thước, đợi chém người bình sinh". Lại hỏi: "Thế nào là Tôi?" Sư đáp: "Mây trắng nhàn chẳng suốt, đèn nước rất bận sinh". Lại hỏi: "Thế nào là vua tôi đạo hợp?" Sư đáp: "Mây đi mưa đổ trăng ngời sao sáng". Lại hỏi: "Thế nào là Thiên trong chánh?" Sư đáp: "Hoa quỳ chưa chiếu trước". Lại hỏi: "Thế nào là chánh trong thiên?" Sư đáp: "Đoàn loan không thiếu thừa". Lại hỏi: "Thế nào là lại trong chánh?" Sư đáp: "Khắp nơi tuyệt bụi trần". Lại hỏi: "Thế nào là đến trong liêm?" Sư đáp: "Công cấn nhọn trước đùa". Lại hỏi: " Thế nào là đến trong liêm?" Sư đáp: "Mười đường tin tức chẳng thông". Lại hỏi: "Thế nào là chuyển công đến vị?" Sư đáp: "Buông tay không nương tựa toàn thể hiện. Thuyền con ngư phụ ngủ hoa lau". Lại hỏi: "Thế nào là chuyển vị đến công?" Sư đáp: "Nửa đêm đầu nhọn gió trăng lắng, một tiếng vượn già lui cây cao". Lại hỏi: "Thế nào là công vị đều rõ ràng?" Sư đáp: "Ra cửa chẳng đạp đường lúc lại, đầy mắt bụi bay tuyệt chấm trần". Lại hỏi: "Thế nào là công vị đều ẩn?" Sư đáp: "Ngựa đá móc yến chẳng chuyển đầu". Sư thị tịch tại Bản sơn, dựng tháp an táng toàn thân tại góc Tây nam của chùa.

2. Thiền sư Pháp Trí ở Thiện quyền.

Thiền sư Pháp Trí ở Thiện quyền tại Thường châu, vốn người dòng họ Bá ở Thiểm phủ. Vừa tuổi tráng niên, Sư đến nương tựa chùa Thánh quả ở Tây kinh, xuất gia, tập học kinh Hoa Nghiêm. Sau giã từ đó, Sư đến bái yết Thiền sư Cẩn ở Nam dương, tiếp lại đến bái yết Thiền sư Trí ở Đại hồng, qua hơn mười năm mà không sở chứng. Sau nhân dưới lời chỉ dạy của Thiền sư Hoằng Trí (Thiền sư Giác) mà Sư rõ

suốt. Đến lúc ra hoằng hóa, Sư ở Thiện quyền, rồi chuyển dời đến Kim Lật. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăng sáng treo cao chưa chiếu trước, mày tuyết người tựa lan can ngọc. Đêm sâu mưa qua gió sấm dứt, khách tan mây lầu rưới chén khô". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba cõi không pháp, cầu tâm nơi nào? Rắn sợ vào cỏ, chim bay ra rừng, mưa qua núi nhà đêm thu lắng, tiếng chợ ồn chẳng đến núi cao".

3. Thiền sư Tuệ Huy ở Tịnh từ.

Thiền sư Tuệ Huy - Tự Đắc ở Tịnh từ tại Hàng châu. Vốn người dòng họ Trương ở Cối kê. Thủa nhỏ, Sư đến nương tựa Thiền sư Đạo Ngưng - Trừng Chiếu, xuất gia, thọ giới Cụ túc. Năm hai mươi Sư đến tham hỏi Thiền sư Chân Hiết ở Trường lô, hơi có chút sở chứng, Sư trở về lại quê, bái yết Thiền sư Hoằng Trí (Thiền sư Giác). Thiền sư Giác nêu cử: "Đang trong sáng có tối chẳng vì tối cùng gặp. Đang trong tối có sáng, chẳng vì sáng cùng thấy" hỏi Sư. Sư đáp không khế hợp, vừa mới đầu đêm, Sư định trở về đốt hương trước Thánh tăng, mà Thiền sư Giác cũng vừa đến đó, Sư trông thấy bèn rõ suốt câu thoại trước. Ngày hôm sau vào thất, Thiền sư Giác nêu cử: "Kham thán ngày đi dáng như ngọc, kham thán lúc về tóc tợ sương" hỏi Sư. Sư đáp: "Kia vào lìa, kia ra nhỏ". Từ đó, hỏi đáp không ngưng trệ. Thiền sư Giác hứa thuận Sư là Chân tử trong thất.

Năm Đinh Tỵ (1137) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư ra hoằng hóa, khai đường giảng pháp tại Bổ-đà, rồi đổi dời đến Vạn thọ, Cát tường, Tuyết đậu. Đến năm Thuần Hy thứ ba (1176) thời Nam Tống, Sư có được sắc chiếu bổ nhậm ở Tịnh Từ. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió Bắc rét run quét rừng lạnh, lá rơi về cội bày lòng son, muôn phái Triều Tông thuyền đến bờ, sáu cửa rỗng sáng giới đầu châm, vốn thành hiện chớ tìm nơi khác, tánh địa rỗng rang sáng xưa nay. Ngoài cửa lạnh tiêu động sắc xuân, bốn núi lẫn làm rồng gỗ ngâm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thích-ca Lão Tử cùng Lý hết tánh, từ kim khẩu tuyên bày giáo phát, suốt một đời, chân xoay ngọc chuyển, bị người gọi là giấy cũ lau chùi bất tịnh. Tổ sư Đạt-ma, đem giáo pháp Nhất thừa, chỉ thẳng riêng truyền, suốt chín năm ngồi xoay mặt vách tường, chẳng lập văn tự, bị người gọi là Bà-la-môn quán nhìn tường vách. Hãy nói làm sao sống giẫm trải mà khỏi bị người bên cạnh chỉ nêu chú bày, nạp choàng trùm đầu, muôn sự thôi nghỉ. Khi ấy sơn Tăng đếu chẳng biết". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ổ biết gió, hang biết mưa. Ngọt thì ngọt chừ, đắng thì đắng, chẳng cần tính

sánh lại suy lường, năm lần năm xưa nay là hai mươi lăm (5.5 = 25). Muôn ban thi thiết đến bình thường. Đây là tùng lâm no đủ câu tham. Các người có ủy thác chăng? Lão già miền quê không biết sức Nghiêu Thuấn, tung tung trống đánh tế thần sông". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thấn của cốc, yếu của xu, trong ấy hẹn tựa tham xoay đường đắc diệu, mây tuy động mà thường nhàn, trăng tuy mờ mà càng chiếu. Khách chủ giao tham, chánh thiên liêm đáo. Mười châu xuân mãn hoa điêu tàn, cây rừng san hô mặt nhật tỏ sáng".

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là thiên trong chánh?" Sư đáp: "Mây trùm đỉnh núi trọn chẳng vày cao vợi". Lại hỏi: "Thế nào là lại trong chánh?" Sư đáp: "Chớ cho là cá côn các kình không lông cánh, ngày nay theo đường chim bay lại". Lại hỏi: "Thế nào là đến trong liêm?" Sư đáp: "Ứng không dấu, dụng không vết". Lại hỏi: "Thế nào là đến trong liêm?" Sư đáp: "Người đá mặc áo sam phá đại địa vùi chôn người mặc áo vá". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Da dẻ mở rơi dứt tuyệt các phương góc, rõ ràng thân tâm một vật không, khéo vào trong Đạo nơi sâu lắng, người ngọc ngồi ngay cưỡi xe trâu trắng, khéo rành đất ruộng bậc Đạt giả trở về hiếm ít. Biết tình chẳng đến, chỉ chứng mới hay. Vầng mây trắng linh tinh tự chiếu, gò núi xanh vời vợi thường còn. Cơ phân sau đảnh sáng, trí hợp mắt kiếp trước. Do đó mà nói đường Tân phong chừ cao vợi mà sạch, động Tân phong chừ lắng trong trút rót. Người lên lên chừ không lay động, người đi đi chừ chẳng vội nhanh. Sân nhà tuy có mà hiếm người đến, rừng suối chẳng nuôi lớn cây tầm thường. Chư vị Thiền đức! Hướng thượng một trứ, tôn quý khó rõ, trên điện lưu ly chẳng xưng tôn, trước rèm phỉ thúy lại hợp bạn. Chánh cùng lúc nào kim chỉ xỏ thông, chân tông chẳng rơi lạc. Hợp làm sao sống mà thi thiết. Đầy đầu tóc bạc lìa hang cốc, nửa đêm xuyên mây vào chợ ồn náo". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử bài tụng pháp thân của Phó đại sĩ, bảo là:

"Tay không nắm cái bừa,
Bước bộ cưỡi trâu nước,
Người theo trên cầu qua,
Cầu chạy nước chẳng chảy".

Đại sư Vân Môn nói: "Các người từ Đông lại Tây lại Nam lại Bắc lại, mỗi mỗi đều cưỡi một con trâu nước lại. Tuy là như vậy, nhưng ngàn đầu muôn đầu, chỉ cần biết lấy một cái đầu ấy". Và Sư bảo: "Vân Môn bình thường khô cháy đất táo, dùi bổ chẳng vào, đến trong ấy cũng kéo đất mang nước. Các người ngày nay chỉ cần muốn thấy một cái đầu ấy

chăng? Sắc trời hơi lạnh mỗi tự về nhà". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại về gió và Phan, Sư bảo: "Nơi gió phan động nhằm bị cái mắt tức là Thượng tọa. Nơi gió phan động mất ngay. Cái mắt tức là gió và phan. Nếu chưa như vậy, chẳng phải là gió và phan chẳng phải là tâm. Nạp Tăng nhọc tự gắng dùi châm, hang phòng mưa qua khói tối sạch, nhằm nghe gió mát sinh rừng trúc.

Mùa Thu năm Thuần Hy thứ bảy (1080) thời Nam Tống, Sư lui trở về ở Tuyết đậu. Đến nửa đêm 29 tháng 11 năm Thuần Hy thứ mười (1183) thời Nam Tống, sau khi tắm rửa, Sư an nhiên thị tịch, an táng toàn thân tại phía hữu tháp Thiền sư Giác Minh.

4. Thiền sư Pháp Cung ở Thụy nham.

Thiền sư Pháp Cung - Thạch Song ở Thụy nham tại Minh châu, vốn người dòng họ Lâm ở quận Chi, Sư xuất gia, thọ giới Cụ túc tại viện Thê chân. Đến dưới pháp tịch Diên Khánh, một đêm nọ trì tụng kinh Pháp Hoa đến câu "Mắt cha mẹ sinh ra, thấy khắp ba ngàn cõi". Khi ấy nghe tiếng gió xé cắt lá cây tông lư, bỗng nhiên Sư có sự tỉnh ngộ. Giã từ đó, Sư đến nương tựa Thiền sư Giác ở Thiên đồng mới tỏ rõ đại chỉ. Phàm những vị hoằng pháp ở đương thời đều đến đó tham phỏng quyết trạch. Đến lúc ra hoằng hóa, Sư ở các nơi Năng nhân, Quang hiếu, Thụy nham. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió xuân mày dương liễu, chim xuân múa trăm lời, một mảnh tâm Tổ sư, hai nơi đều rò rỉ, chẳng động bước về nhà, tập lậu chóng tiêu diệt. Tối ném chỉ ngọc xa, sáng xâu hang kim vàng. Sâu hẳn thật xa tối, không người ai rành riêng, hổ thẹn đáng thương sống, mỗi mỗi đều ngậm vết, chẳng niệm A-di-đà, Nam Mô chuồng phẩn khô. Trước người ngu vô trí, thứ nhất chẳng được nói". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thấy được dấu vết lúc dùng thân thiết, đồng gặp đều là trong mỗi người, nhìn trời mưa báu thôi khoe giàu, không đắc đặt dùi chưa phải nghèo. Đạp nhằm dùi cân cứng tợ sắt. Tám lạng xưa nay là nửa cân. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Công án về Đức Thế Tôn lúc đản sinh một tay chỉ lên trời một tay chỉ xuống đất, mà nói bài tụng rằng:

"Một mũi tên cỏ khô Tây vức,
Quẩy động trăm muôn lính Chi-na,
Chẳng được Vân môn hành lệnh chánh.
Bao giờ lầm nhận định bàn Tinh".

5. Thiền sư Pháp Chân ở Thạch môn.

Thiền sư Pháp Chân - Lương ở Thạch môn tại Tương châu. Vốn người xứ Kiếm môn. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sắc liễu ngậm

khói vẽ xuân chóng đẹp, một núi cao vợi muôn cỏ tranh thơm, mây trắng dạt bùn đã vô tâm, tràn mắt núi xanh vốn chẳng động, ngư ông buông duỗi cần câu một khe lạnh tuyết chưa từng tiêu. Qua đồng trống không người, muôn xưa đầm biếc trong tợ kiếng. Trong khách có chủ, treo gậy giăng ngang khêu vầng nhật nguyệt. Trong chủ có khách đạp phá giày cỏ chạy chân không, ngay được khách chủ cùng lộ bày, sống chết tự do, Lý sự dung thông, chánh thiên không trệ. Vào ruộng hoang không chọn lựa, thư tay nắm lại thảo. Hãy nói úy thác như thế nào, trong mảy trần tuy có thuật ẩn thân, sao tợ toàn thân vào đất vua".

6. Thiền sư Tư Triệt ở Quang hiếu.

Thiền sư Tư Triệt - Liễu Đường ở Quang hiếu tại minh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Xe con đầu dê đẩy nhật nguyệt, thuyền con chìm đáy chở gió sớm mai. Một câu chóng vượt tình ngoài lượng, đạo không Nam Bắc lẫn Đông Tây. Bởi vì tin tức kiếp trước chẳng phải do tai miệng tuyên truyền, khuôn phép cách ngoại há nghĩ lường có thể hiểu. Phải nên biết Phật Phật tổ Tổ không một pháp vì người, con con cháu cháu ngay đó toàn thân mang đội. Đã là muôn cơ dứt hết, tự nhiên một mảy vỏ chẳng còn. Sóng lắng lặng nước biếc lạnh ngâm sắc thu, sáng linh linh trời tạnh tẩy sạch băng luân, uyển chuyển bàng tham hợp thông gần dãi mộng, tay đẩy mở cửa ngọc, vụt thân đánh động cơ luân, chánh lệnh mới thực hành, lại thấy một vầng dương máy động, hóa công ngầm vận, vụt chốc kinh động ba đời biến đổi. Tuy là nín im vậy; không lời, vì sao Nhiên Đăng thường nói không đổi dời không biến chuyển, sáng nay nắm đặt một bên, có cũ có mới, hãy nói thế nào câu thoại hiểu? Các người có ủy thác chăng? Các âm tiêu dứt hết, hôm sau là mây ngày".

7. Thiền sư Pháp Vi ở Đại hồng.

Thiền sư Pháp Vi ở Đại hồng tại Tùy châu, vốn người dòng họ Bảo ở Thiên thai. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Pháp thân vô tướng, không thể dùng âm mà tìm cầu. Diệu Đạo vong ngôn, không thể dùng văn tự để hội hiểu. Giả sử vượt Phật vượt Tổ còn rơi lạc thềm cấp, ngay như nói Diệu đàm huyền trọn treo môi mép. Phải là công huân chẳng phạm, ảnh vết chẳng còn, cây khô hang lạnh lại không còn tươi nhuần. Người huyễn ngựa gỗ, tình thức đều không mới có thể duỗi tay vào chợ, chuyển thân đến khác loài. Há chẳng thấy nói trong nước vô lậu lưu giữ chẳng ở, tức lại ngoài ổ khoái nằm cát lạnh".

8. Thiền sư Lâm ở Trường lô.

Thiền sư Lâm ở Trường lô tại Chân châu. Có lúc lên giảng đường,

Sư nắm cây gậy, bảo: "Tông ấy cũng lìa tâm ý thức, chỉ ấy cũng vượt xưa lại nay. Lìa tâm ý thức nên phẩm muôn loại chẳng thấy sai biệt, vượt xưa lại nay nên khắp mười phương lại không rò rỉ, đương đầu chẳng phạm, suốt đáy không nương. Ngộ hướng điềm hiện chưa sinh trở về trước, dụng ở công huân nơi chẳng phạm, kế sống bình thường chẳng dùng do dự, ngay khoảng phỏng nghị tức đắm chìm giao thiệp".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DỰ Ở ĐẠI HỒNG

1. Thiền sư Ngộ ở Tuệ lực.

Thiền sư Ngộ ở Tuệ lực tại Lâm giang quân. Lỗi lầm Sư bảo: "Hết thảy âm là Phật , ngoài rèm giọt mưa thấm lạnh lạnh, hết thảy hình sắc là Phật sắc, trông mặt cùng bày không kỵ chẳng được, tiện nghĩ gì nếu làm sáng tỏ, trời biếc ngoài mây trăng hoa đẹp.

2. Thủ tòa Tuệ Thâm ở Tuyết phong.

Thủ tòa Tuệ Thâm ở Tuyết phong tại Phước châu, có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chưa được vào đầu nên tha thiết, vào đầu đã được phại dạy suốt. Tuy là được vào vốn không không, chớ giữ không không không gian hết". Thiền sư Dự nghe thế, bảo: "Muốn phục huynh nói Thiền như thế, tiếc rằng phước duyên không được ưu thắng!" Một ngày nọ, Sư dạy bảo chúng hoàn tất, viết bài kệ giã từ đại chúng, xong, ném bút, vỗ một cái, rồi Sư thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ QUY Ở THIÊN PHONG

1. Thiền sư Thông Lý ở Đông lâm.

Thiền sư Thông Lý ở Đông lâm tại Giang châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu non cưỡi thuyền sắt, canh ba mặt nhật lên, tâm nhàn chẳng tự rõ, lá rơi biết ai quét. Đẳng nhàn hái trái lê của Trịnh châu, buông tay nguyên là táo của châu".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÔNG Ở THIÊN Y

1. Thiền sư Pháp An ở Tuệ nhật.

Thiền sư Pháp An ở Tuệ nhật tại Tô châu, vốn người ở Bản quận. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là một câu Hòa thượng vì người?" Sư đáp: "Chớ chạy miệng phấn chấn". Lại hỏi: "Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Vượn sầu đầu vén lấy".

2. Thiền sư Khâm ở Hộ quốc.

Thiền sư Khâm ở Hộ quốc tại Ôn châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Câu có câu không, sáng lại tối đi, sống bắt sinh vây, nhanh

ghi lộ bày, như dây leo tựa cây, mọi vật theo loại tụ. Người tham ngoài nước, trong đất Thục bện gá, cây ngã dây leo khô, rất kỵ danh mô, câu quy về xứ nào? Tô lo tô lô". Sư cười ha ha, rồi tiếp bảo: "Kiếng hư phá chẳng soi chiếu, khắp đại địa mênh mông, mặc tình nhảy vọt".

3. Thiền sư Nguyên Thật ở Cát tường.

Thiền sư Nguyên Thật ở Cát tường tại Vô vi quân, vốn người xứ Cao Bưu. Từ lúc đến nương tựa Thiền sư Thông ở Thiên y, sớm tối Sư tinh cần, lưng chẳng đặt dính chiếu. Một ngày nọ, chợt nhiên Sư lớn tiếng cười nói ồn ào giữa chúng, Thiền sư Thông bèn ruồng đuổi. Nửa đêm, Sư dừng nghỉ trong ruộng làng, ngửa mặt trông thấy trăng sao rực sáng mà có sự tỉnh ngộ. Đến sáng sớm trở về, Sư thẳng vào phương trượng. Thiền sư Thông trông thấy mới hỏi Sư: "Trong năm ngôi vị vua tôi của Động Sơn, thế nào là câu thoại hợp?" Sư đáp: "Ở trong đó, một ngôi vị tôi cũng không". Thiền sư Thông bảo vào tham đường, và nói với vị Tăng thị giả rằng: "Gã ấy tức đã có cái chỗ thấy, cớ sao không biết tông chỉ như thế nào?" Lần vào thất tiếp sau, Thiền sư Thông dự sắp năm hành giả theo thứ tự mà đứng. Sư vừa mới đến cả thảy đều gọi Sư là "Thượng tọa Thật". Khi ấy Sư ngầm khế hợp với yếu chỉ sâu mầu, mới thuật bài kệ tụng rằng:

"Một vị mới rõ, năm vị phân
Vua tôi nơi hợp mây tía nhóm
Đêm sáng rèm cuộn không riêng chiếu
Điện vàng lớp lớp hiện Chí tôn".

Thiền sư Thông ngợi khen khéo giỏi. Về sau, Sư đến ở Cát tường.

4. Thiền sư Đạo Tuyên ở Đầu tử.

Thiền sư Đạo Tuyên ở Đầu tử tại Thủ châu. Qua thời gian lâu dài theo hầu Thiền sư Thông ở Thiên y mà không được khế ngộ bị Thiền sư Thông quát mắng, Sư quên ăn bỏ ngủ, trải qua hơn một tháng. Một đêm nọ nghe tiếng linh tuần canh, bỗng nhiên Sư phấn chấn tỉnh ngộ, bảo: "Dừng, dừng, một tiếng thẳng thấu đường trời xanh. Đầm lạnh trăng ngời có ai biết, trâu đất húc gãy cây san hô". Thiền sư Thông nghe thế, bảo Sư giữ chức Tạng ty. Về sau, phàm có ai hỏi gì, Sư đều nắm cây phất trần làm thế lắc linh.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÙNG NGUYỆT Ở THỪA THIÊN

1. Thiền sư Trọng Nhan ở Thừa thiên.

Thiền sư Trọng Nhan ở Thừa thiên tại Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: “Các Phạm thiên thỉnh Phật, bởi vì quần sinh. Còn nay Sứ quân thỉnh Sư sẽ vì việc gì?” Sư đáp: “Đại chúng biết có ân”. Lại hỏi: “Nghĩ gì thì người trời giao tiếp đi?” Sư đáp: “Chẳng phòng ngại người đầy đủ mắt sáng”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 24
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 25

MỤC LỤC

Đời thứ mười lăm, sau đời Thiền sư Đại giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Diễn ở Ngũ tổ, có hai mươi hai vị:

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bình ở Trí hải, có mười ba

vị:

1. Thiền sư Kế Thành ở Tịnh nhân
2. Thiền sư Ngạn Tư ở Pháp luân
3. Thiền sư Tông Triết ở Khai phước (ba vị có ghi lục)
4. Thiền sư Tùng Nguyên ở Quảng giáo
5. Thiền sư Quảng Ngộ ở Vân dương
6. Thiền sư Hiểu ở Kim sơn
7. Thiền sư Cung ở Ẩn tỉnh
8. Thiền sư Mẫn Tùng ở Hoàng nghiệt
9. Thiền sư Tu Biện ở Vân nhâm
10. Thiền sư Tuệ Sùng ở Bách tử
11. Thiền sư Trí Kinh ở Phương quảng
12. Thiền sư Pháp San ở Đông thiền
13. Thiền sư Tùng Ứng ở Tịnh tuệ (mười vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiểu ở Hòa sơn, có một vị:

1. Thiền sư Đạo Toàn ở Hưng hóa (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tường ở Bảo phong, có mười bốn vị:

1. Thiền sư Thăng ở Hồng phước
2. Thiền sư Tố ở Vạn thọ
3. Thiền sư Đạo Uyên ở Hương sơn
4. Thiền sư Đạo Quất ở Khai thiện
5. Thiền sư Cảnh Thuần ở Bảo phong
6. Thiền sư Dụng Tuyên ở Hoài ngọc (sáu vị hiện có ghi lục)
7. Thiền sư Ngạn Tông ở Thiên ninh
8. Thiền sư Đạo Oai ở Đa bảo
9. Thiền sư Đức Hoằng ở Khải hà
10. Thiền sư Duy Túc ở Lặc đàm
11. Thiền sư Kế Minh ở Trung tế
12. Thiền sư Sư Mẫn ở Phụng hoàng
13. Thiền sư Lân ở Phụng sơn
14. Thiền sư Tử Ngôn ở Mật nghiêm (tám vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bản ở Linh cái, có bốn vị:

1. Thiền sư Tuệ Liên ở Thừa thiên
2. Thiền sư Tự Hiền ở Thừa thiên

3. Thiền sư Duy Đức ở Hương sơn
4. Thiền sư Nham Khánh ở Thảo y (bốn vị có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bản ở Hộ quốc, có một vị:
1. Thiền sư Phổ Tịnh ở Quân sơn (hiện có ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DIỄN Ở NGŨ TỔ

1. Thiền sư Khắc Cần ở Chiêu giác.

Thiền sư Khắc Cần - Phật Quả ở chùa Chiêu giác tại phủ Thành đô. Vốn người dòng họ Lạc ở Bành châu, gia đình Sư nhiều đời kính sùng Nho giáo. Từ thủa thơ bé, mỗi ngày Sư đọc nhớ cả ngàn lời, chợt đến tham quan chùa Diệu tịch, thấy kinh sách Phật, ba lần trở về Sư buồn bã như được vật xưa cũ, tự bảo là: "Tôi ngờ trong quá khứ từng làm Sa-môn vậy". Sư bèn bỏ gia đình nương theo tự tỉnh mà xuống tóc xuất gia, Sư lại nương theo Sa-môn Văn Chiếu mà thông rành giảng thuyết, lại theo Sa-môn Mẫn Hạnh mà được truyền trao cho kinh Lăng Nghiêm. Bỗng chốc Sư cảm mắc bệnh đến nỗi sắp chết, mới tự than rằng: "Đường chánh Niết-bàn của chư Phật chẳng ở trong văn cú. Tôi vì muốn dùng tiếng để cầu, dùng sắc để thấy, nên đó không lấy làm chết vậy". Sư bèn giã từ đó, đến nương tựa nơi pháp tịch của Thiền sư Thắng ở Chân giác, Thiền sư Thắng chích cánh tay ra máu mà chỉ cho Sư và bảo: "Đây là một giọt của Tào Khê vậy". Sư kinh sợ, ngưng giây lát mới nói: "Đạo hẳn như vậy ư?" Và liền dời bước ra đất Thục đến bái yết Thiền sư Hạo ở Ngọc tuyền, tiếp đến nương tựa Thiền sư Tín ở Kim loan, Thiền sư Triết ở Đại quy, Thiền sư Tâm ở Hoàng long, Thiền sư Độ ở Đông lâm. Các vị ấy đều chỉ Sư và bảo là Pháp khí và Thiền sư Hối đường xưng gọi Sư là "Ngày sau một phái Lâm Tế riêng tại nơi con vậy". Cuối cùng, Sư đến bái yết Thiền sư Diễn ở Ngũ tổ, dốc hết cơ dụng mà Thiền sư Diễn vẫn không chấp thuận, Sư mới nói Thiền sư Diễn là gượng đổi thay người". Thiền sư Diễn vẫn không theo lời, Sư bèn tức giận mà bỏ đi. Thiền sư Diễn bảo: "Đợi ông dính một chút bệnh nóng, lúc đánh mới nghĩ lường đến ta". Sư đến Kim lăng hái củi, cảm mắc bệnh thương hàn rất lắm, lấy điều thấy của ngày bình thường mà thử đó nhưng không đắc lực, mới nghĩ gỡ lời của Thiền sư Diễn, bèn tự phát lời thề rằng: "Bệnh tôi được thuyên giảm chút ít tức sẽ trở về Ngũ tổ". Khi bệnh có phần giảm bớt, Sư tìm trở về. Thiền sư

Diễn trông thấy Sư, vui mừng mà bảo Sư vào tham đường. Sư bèn vào theo hầu trong Liêu mới được nửa tháng gặp bộ Sứ giả mở ấn trở về đất Thục, đến ngũ Tổ hỏi Đạo. Thiền sư Diễn bảo: "Thủa thiếu niên Đề Hình từng đọc thơ Tiểu Diễm chăng? Trong đó có hai câu rất gần nhau là "Tầng gọi Tiểu Ngọc vốn vô sự, chỉ cần Đàn Lang nhận được tiếng". Đề Hình liền ứng tiếng thưa: "Kính vâng". Thiền sư Diễn bảo: "Hãy nên tử tế". Sư vừa về đứng hầu lần sau đó mới hỏi là: "Nghe Hòa thượng nêu cử thơ Tiểu Diễm, Đề Hình có hiểu được chăng?" Thiền sư Diễn bảo: "Kia đã nhận được tiếng". Sư thưa: "Chỉ cần Đàng Lang nhận được tiếng, mà kia đã nhận được tiếng, lại vì gì tức chẳng phải?" Thiền sư Diễn hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại? Hình dáng cây bách trước sân?" bỗng nhiên Sư có chút tỉnh ngộ. Vội đi ra, thấy gà bay trên lan can cổ vũ mà kêu, lại tự cho là: "Đây há chẳng phải là tiếng?" Bèn tụ hương vào thất, thông rành điều chứng đạt, mới trình kệ tụng rằng: "Hương kim giáp tiêu màn gấm lụa, sênh ca trong rừng say đổ về, tuổi trẻ một việc phong lưu, chỉ hẹn người đẹp riêng tự biết". Thiền sư Diễn bảo: "Việc lớn của Phật tổ thì hàng tiểu căn lực kém không thể đến được. Ta giúp cho ông được tốt lành vậy". Và Thiền sư Diễn nói cùng khắp các bậc kỳ cựu trong núi là: "Thị giả của ta tham đã đắc Thiền vậy". Từ đó, phàm đến đâu, mọi người đều suy xưng Sư là Thượng thủ.

Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống, Sư trở về quê nhà, bốn chúng đều đua nhau ra kính bái. Thành đô soái Hàng lâm Quách Công Tri Chương thỉnh mời sư khai đường giảng pháp ở Lục tổ, lại ở Chiêu giác. Đến trong khoảng niên hiệu Chánh Hòa (1111-1118) thời Bắc Tống, Sư từ tạ mọi sự ở đó, ra đường núi theo hướng Nam vân du. Bấy giờ, Trương Vô Tận đang ngụ ở kinh Nam, dùng đạo học tự sống, ít thấy suy hứa. Sư men thuyền con đến đó ra mắt, cùng nhau kịch liệt đàm nói về yếu chỉ của kinh Hoa Nghiêm rằng: "Với Hoa Nghiêm, cảnh giới hiện lượng, lý sự toàn chân, mới đầu không một mảy may gá pháp. Do đó tực một mà gồm cả muôn, rõ muôn mà một, một lại một, muôn lại muôn, rõ ràng chẳng cùng, tâm, Phật, chúng sinh cả ba vốn không sai biệt, co duỗi tự tại, vô ngại viên dung. Đó tuy là khuôn phép rốt cùng, nhưng trọn là không gió mà sóng dập nổi quanh". Khi ấy Trương Vô Tận bất chợt xúc chạm vào giường, Sư bèn hỏi là: "Đến đây cùng với ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại là đồng hay khác?" Trương Vô Tận đáp: "Đồng vậy". Sư bảo: "Tạm bị chìm dắm giao thiệp". Trương Vô Tận tỏ vẻ lấy làm giận. Sư bảo: "Há

chẳng thấy Vân Môn nói: "Núi sông đại địa không mảy may, quá hoạn còn là chuyển câu. Ngay như được chẳng thấy một sắc mới là một nửa nâng dắt. Lại phải biết có hướng thượng nâng dắt toàn bộ thời tiết. Kia, như Đức Sơn, Lâm Tế há chẳng nâng dắt toàn bộ ư?" Trương Vô Tận mới gật đầu vâng chịu. Qua ngày sau, lại nêu cử về Sự pháp giới và Lý pháp giới cho đến Lý Sự vô ngại pháp giới, Sư mới hỏi: "Đây có thể nói Thiền ư?" Trương Vô Tận đáp: "Chánh khéo nói Thiền vậy". Sư cười bảo: "Chẳng vậy, chánh phải ở trong lượng pháp giới, bởi lượng pháp giới chưa diệt. Nếu đến sự sự vô ngại pháp giới thì lượng pháp giới diệt, mới khéo nói Thiền. Thế nào là Phật tức chuồng phẩn khô, thế nào là Phật tức ba cân gai? Cho nên chân tịnh có lời kệ rằng: "Sự sự vô ngại, Như ý tự tại, tay nắm đầu heo miệng tụng Tịnh giới, rảo ra phòng dâm chưa vào quán rượu, đầu đường ngã tư mở bày đãy vải". Trương Vô Tận nói: "Luận tốt lành thay! Đâu để được nghe ư?" Từ đó, chuyên lấy lễ tôn xưng Sư làm thầy, lưu giữ mời Sư dừng ở tại Bích nham.

Sau đó, Sư lại chuyển dời đến ở Đạo lâm, xu mật Đặng Công Tử thường tấu trình ban tặng pháp phục sắc tía cho Sư và phong tặng Sư hiệu. Lại có chiếu ban thỉnh mời Sư đến ở Tương sơn - Kim lăng, các học giả đua nhau kéo đến không đất dung thân. Lại có sắc ban bổ nhậm Thiên ninh, Vạn thọ. Nhà vua thỉnh mời rất mến quý đượm nhuần. Đến đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Sư lại chuyển dời đến ở Kim sơn. Vừa xa giá đến Duy dương, vào phong sắc Thiền sư Viên Ngộ cải đổi Vân cư. Lâu sau, Sư lại nhận lãnh Chiêu giác. Có vị Tăng hỏi: "Vân Môn nói về núi Tu-di, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Suy chẳng hướng tới trước, ước chẳng thối lui sau". Lại hỏi: "Chưa xét rõ lại có qua không?" Sư đáp: "Ngồi ngay đầu lưỡi". Lại hỏi: "Pháp không có khởi, gá cảnh mới sinh". Và đưa tọa cụ lên, bảo: "Cái này là cảnh, cái nào là pháp?" Sư đáp: "Tức bị xà-lê đoạt ngay cái chỏ". Lại hỏi: "Người xưa nói: "Lang lật vát ngang chẳng nhìn người, thẳng vào ngàn núi muôn núi đi. Chưa xét rõ trong nào là nơi trú xứ của kia?" Sư đáp: "Rắn mình dây buộc chân đường trải nhiễu quanh thân". Lại nói: "Sáng nhìn mây từng mảnh, chiều nghe nước róc rách". Sư bảo: "Tức phải cắt đứt mới được". Lại nói: "Hồi nãy chẳng phải mộng, thật cái đến Lô Sơn". Sư bảo: "Dáng mắt cao". Lại hỏi: "Vượn ôm con về sau núi xanh, chim ngậm hoa rơi trước hang biếc, đó là nơi thời xưa Thái tử an thân lập mạng. Vậy thế nào là cảnh Đạo lâm?" Sư đáp: "Cửa chùa mở cao Động đình trống rỗng, chân điện kéo vào hồ cát đỏ". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Tăng bảo mỗi người là châu

ngọc biển xanh". Lại hỏi: "Đó là Đổ công bộ đến cùng, làm gì sống là Hòa thượng đến cùng?" Sư đáp: "Hãy chớ nói loạn". Lại hỏi: "Thế nào là đoạt người, không đoạt cảnh?" Sư đáp: "Sơn Tăng có mắt chẳng từng thấy". Lại hỏi: "Thế nào là đoạt cảnh, không đoạt người?" Sư đáp: "Xà-lê hỏi được tự nhiên gần". Lại hỏi: "Thế nào là người và cảnh đều đoạt?" Sư đáp: "Thâu gom". Lại hỏi: "Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt?" Sư đáp: "Buông thả". Lại hỏi: "Câu có câu không, như dây deo tựa cây, thế nào là được thấu thoát?" Sư đáp: "Cậy kiếm thiên trường bức người lạnh". Lại hỏi: "Chỉ như cây ngã dây leo khô, Quy sơn vì gì cười lớn ha ha?" Sư đáp: "Mến kia đến cùng, dính kia đến cùng". Lại hỏi: "Bỗng nhiên bị người học xốc ngã thiền sàn, bẻ gãy cây gậy chống, lại làm cái gì kỹ lưỡng?" Sư đáp: "Cũng là sau khi giặc chạy qua mới trương cung tên". Lại hỏi: "Sáng rõ ràng, bày rành rành, vì gì càn khôn gom chẳng được?" Sư đáp: "Kim cang trong tay tám lăng gậy". Lại hỏi: "Bỗng nhiên một tiếng gọi bèn xoay trở lại ngay được sống không?" Sư đáp: "Thu Tử, Mục Liên còn không biết làm sao?" Lại hỏi: "Chẳng rơi lạc chiếu, chẳng rơi lạc dụng, thương lượng như thế nào?" Sư đáp: "Buông xuống đầu mây". Lại hỏi: "Bỗng lúc gặp người trong đó lại như thế nào?" Sư đáp: "Cưỡi điện Phật ra cửa núi". Lại hỏi: "Muôn tượng chẳng lại, hắn riêng nói, dạy ai vẫy tay lên núi cao?" Sư đáp: "Đặt xuống danh ngôn".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thông thân là mắt thấy chẳng kịp, thông thân là tai nghe chẳng suốt, thông thân là miệng nói chẳng nhằm, thông thân là tâm soi chẳng ra. Ngay như hết cả đại địa rõ được không mảy may thấu lọt, còn ở nửa đường, cứ khiến nâng dứt toàn bộ. Hãy nói thế nào là Triển diễn? Nhật nguyệt trong vức treo ngang dọc, một khoảng trời tạnh xuân muôn xưa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu núi vẫy sóng, đáy giếng tung bụi, mắt nghe tợ sấm sét chấn động, tai nhìn như dàn trải gấm lụa, ba trăm sáu mươi cốt tiết, mỗi mỗi hiện vô biên diệu thân, tám vạn bốn ngàn mảy lông mỗi buổi rõ bày bảo vương sát hải. Chẳng là thần thông diệu dụng, cũng chẳng là pháp nhĩ như thị, nếu hay ngàn mắt chóng mở, thật là mười phương tuyệt dứt. Vả lại, một câu siêu nhiên riêng thoát làm sao sống? Nói, thử ngọc phải qua lửa, tìm châu chẳng tìm bùn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Xưa nay không hình , nào lại có môi mép, đặt đất rộng xưng dương, khen kia nói đạo lý. Hãy nói kia là ai?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trước mười lăm ngày cả ngàn con trâu kéo chẳng lui, sau mười lăm ngày, chim cốt tài giỏi đuổi chẳng kịp. Chánh ngay trong mười lăm

ngày, trời bình đất yên, đồng sáng đồng tối, Đại thiên sa giới chẳng lìa khỏi đương xứ. Có thể ngậm nhả mười hư, tiến tới một bước siêu việt chẳng thể nói nước biển thơm, lùi một bước dứt ngay ngàn trùng muôn dặm mây trắng, chẳng tiến chẳng lùi chẳng nói Xà-lê, Lão Tăng cũng không nơi mở miệng". Sư nâng cây phất trần lên, tiếp bảo: "Chánh ngay lúc này thì thế nào? Có lúc nắm tại trên ngàn ngọn núi, đoạt dứt mây thu chẳng phóng cao". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mười phương đồng tụ hội, xưa nay thân chẳng mê, mỗi mỗi học vô vi, trên đỉnh dùng kềm dùi. Đây là trường tuyện chọn Phật, sâu rộng chớ thể lường, Tâm không đỗ đạt về, kiếm bén chẳng như dùi, lưỡi cư sĩ Bàng chống, miệng trời Phạm Thiên ngậm bốn biển. Có lúc đem một cành cỏ làm thân vàng ròng trượng sau, có lúc đem thân vàng ròng trượng sáu làm một cành cỏ. Rất là kỳ đặc. Tuy là như vậy, cốt yếu lại phải chớ động nhầm cửa hướng thượng. Vả lại, thế nào là cửa hướng thượng? Đúc ấn đắp đàn cao". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Câu có câu không vượt tông vượt cách, như dây leo tựa cây núi bạc vách sắt, cho đến lúc cây ngã, dây leo khô, ít nhiều người mất ngay lỗ mũi. Ngay như gom nhặt được lại đã là ngàn dặm muôn dặm, chỉ như lúc chưa có nghĩ tin tức gì. Thế nào? Có thấu được chăng? Gió ấm chim kêu vỡ vụn, mặt nhật lên cao hoa cạnh đậm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Câu thứ nhất cử tiến được Tổ sư xin mạng, câu thứ hai cử tiến được người trời trông nhìn rơi, câu thứ ba cử tiến được miệng hổ cắn ngang thân. Chẳng là theo đường giữ vết, cũng chẳng phải đổi vết dời đường. Thấu được thì sáu tay ba đầu, Chưa thấu cũng là nơi nhân gian và trên trời. Vả lại, ngoài ba câu ấy, một câu làm sao sống? Nói. Bờ sống chỉ ở trên ty luân, trăng sáng thuyền con trôi ngũ hổ".

Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Một lời chấm dứt, ngàn Thánh mất tiếng, một kiếm đương đầu, phanh thây muôn dặm. Do dó nói, có lúc câu đến, ý chẳng đến, có lúc ý đến câu chẳng đến. Câu hay cắt ý, ý hay cắt câu, ý câu giao nhau, lỗ mũi Nạp Tăng. Nếu hay nghĩ gì chuyển đi thì trời xanh cũng phải ăn gậy. Hãy nói nhờ cái gì có thể xót thương vô hạng với người đùa sóng? Rốt cùng lại rơi lạc chết trong sóng". Có lúc Sư lại chỉ dạy đại chúng: "Đầu vực ngàn nhận buông tay, cần phải người đó, cung nỏ ngàn cân phát có đâu ví đàn chuột, Vân Môn mục châu ngay mặt ngã qua, Đức Sơn Lâm Tế cuồng dối xóm làng. Ngoài ra, lập cảnh lập cơ làm ổ làm hang, nên phải diệt chủng tộc người Hồ. Vả lại, một câu riêng thoát làm sao sống? Nói. Muôn duyên biến đổi lẫn lộn nhàn sự. Phòng núi tháng năm lạnh tợ băng".

Đến tháng tám năm Thiệu Hưng thứ năm (1135) thời Nam Tống, Sư hiện tướng cảm mắc chút bệnh, ngồi kiết già viết kệ tụng lưu lại cho đại chúng xong, ném bút mà thị tịch. Sau khi trà tỳ, chiếc lưỡi và răng không hoại rã, có vô số xá-lợi năm sắc, dựng tháp an táng bên cạnh chùa Chiêu giác, truy phong Sư thụy hiệu là "Chân giác Thiền sư".

2. Thiền sư Tuệ Cần ở Thái bình.

Thiền sư Tuệ Cần - Phật Giám ở Thái bình tại Thư châu, vốn người dòng họ Uông ở Bản quận. Vừa mới độ tuổi búi tóc, Sư đã rộng học kinh giáo viên thâm, qua khảo xét khả năng tập học mà được độ. Từng do duy chỉ một việc đây thật. Ngoài ra, hai chẳng phải vị Phật, mà cósự tỉnh ngộ. Sư mới vân du tham phỏng khắp các bậc danh túc, qua lại nơi cửa Ngũ tổ có mấy năm, tức giận Thiền sư Diễn chẳng vì ấn chứng. Sư cùng Thiền sư Viên Ngộ cùng bàn tính tiếp nối bỏ đi. Đến lúc Thiền sư Viên Ngộ trở về lại Ngũ tổ, mới chứng ngộ thấu triệt, mà Sư bỗng có chí ý muốn đi nơi xa. Thiền sư Viên Ngộ gắng khuyên Sư dừng lại, nên nói là: "Tôi cách biệt huynh mới hơn tháng nay, so với thời trước thấy như thế nào?" Sư đáp: "Điều tôi nghi là đây cũng toại tham đường". Một ngày nọ, nghe Thiền sư Diễn nêu cử có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Triệu Châu đáp: "Lão Tăng lỗ tai bị điếc, nên hỏi lại nghe". Vị Tăng ấy lại hỏi, Triệu Châu đáp: "Ông hỏi gia phong của Ta, tức Ta biết gia phong của ông rồi vậy". Khi ấy, Sư rỗng toan điều nghi, mới nói: "Xin Hòa thượng chỉ dạy khuôn phép cùng cực". Thiền sư Diễn bảo: "Sum-la và muôn tượng là điểm ẩn của một pháp". Sư bày lễ bái. Thiền sư bảo Sư làm chủ bút mực. Về sau, sư cùng Thiền sư Viên Ngộ đàm nói câu thoại, tiếp theo nêu cử Đông tự hỏi Ngưỡng Sơn về nhân duyên Trấn hải minh châu. Đến nơi không còn lý có thể trình bày, Thiền sư Viên Ngộ trưng bảo: "Đã gọi là gom không được đợi dây xâu châu này, lại nói không lời có thể đáp, không lý có thể tỏ bày". Sư bèn không thể đáp thêm điều gì nữa. Qua sáng hôm sau, Sư nói cùng Thiền sư Viên Ngộ: "Đông tự chỉ đòi một hạt châu, mà Ngưỡng Sơn nghiêng đổ ra từng giỏ". Thiền sư Viên Ngộ rất chấp thuận đó, mới bảo Sư rằng: "Lão huynh lại nên thân gần lão Hòa thượng đi". Một ngày nọ, Sư đến phương trượng, chưa kịp mở miệng nói, bị Thiền sư Diễn quát mắng, Ma-la mà rút lui, về liêu đóng cửa ngủ, Sư hận Thiền sư Diễn không thôi. Thiền sư Viên Ngộ đã kín biết việc ấy, đi đến gõ cửa. Sư hỏi: "Ai đó?" Thiền sư Viên Ngộ đáp: "Tôi!" Sư liền mở cửa. Thiền sư Viên Ngộ hỏi: "Ông thấy Lão Hòa thượng như thế nào?" Sư đáp: "Tôi vốn chẳng muốn đi, bị ông thôi

thúc phiền lụy, nên tôi đến gặp bị Lão tài giỏi ấy mắng nhục". Thiền sư Viên Ngộ cười lớn ha ha rồi bảo: "Ông nhớ được lời nói cuối cùng ngày trước không?" Sư nói: "Là nói cái gì?" Thiền sư Viên Ngộ nói: "Ông lại nói Đông tự chỉ đòi một hạt châu, mà Ngưỡng Sơn nghiêng đổ ra từng giỏ". Ngay lời nói ấy, sư tỏ ngộ, Thiền sư Viên Ngộ bèn dẫn Sư đồng đến phương trượng. Thiền sư Diễn vừa mới trông thấy, vội bảo: "Huynh cần hãy vui mừng việc lớn đã hoàn tất rồi vậy". Qua năm sau, bảo Sư làm đệ nhất tòa, gặp lúc Thiền sư Linh Nguyên ở Thái bình đi đến Hoàng long nên pháp tịch đó trống vắng, Thiền sư Linh Nguyên mới đề đạt Sư với Thư thú Tôn Đảnh Thần, Sư bèn có mạng lệnh bổ nhậm Thái bình, Thiền sư Diễn đem pháp y trao truyền cho Sư, Sư nhận bưng lấy mà nói với đại chúng: "Ngày xưa Đức Phật Thích-ca Văn đem pháp y ca sa dệt bằng vàng cao trượng sáu đắp cho thân Phật Di-lặc cao ngàn thước, thân Phật chẳng cao mà pháp y ca sa chẳng ngắn. Có hiểu chăng? Tức cùng dạng đây không khác vậy, từ đó Đạo pháp truyền bá khắp rộng ra".

Đến đầu niên hiệu Chánh Hòa (1111) thời Bắc Tống, Sư có được sắc ban thỉnh mời đến ở Trí hải tại Đông đô. Đến năm Chánh Hòa thứ năm (1115) thời Bắc Tống, Sư xin trở về, lại được sắc chiếu mời đến ở Tương sơn. Xu mật Đặng Công Tử từng tấu trình truy tặng Sư huy hiệu. Thầm Phục Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Ăn chua biết chua, ăn mặn biết mặn". Lại hỏi: "Lúc cung gãy tên hết thì như thế nào?" Sư đáp: "Một trường ma-la". Lại hỏi: "Người chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?" Sư đáp: "Kéo phá lộ trụ". Lại hỏi: "Lúc về quê hương mà không lối đi thì thế nào?" Sư đáp: "Vương Trình hữu hạn". Lại hỏi: "Trước ba ba sau cũng ba ba làm sao sống?" Sư đáp: "Sáu lần sáu là ba mươi sáu". Lại nói: "Nhân nghe Hòa thượng thân gần thấy gặp Ngũ tổ, có phải vậy chăng?" Sư đáp: "Trâu sắt cắn nát có vàng ròng". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì thân gần thấy Ngũ tổ vậy". Sư đáp: "Ta cùng ngươi có lắm oán thù". Lại hỏi: "Chỉ như Tổ sư Đạt-ma thấy vua Võ Đế (Tiêu diễn 502-550) thời Nam Lương, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Tiếng Hồ dễ rành, tiếng Hán khó rõ". Lại nói: "Vì rất giá lạnh mờ tối qua sông". Sư bảo: "Nhân gió gá tiện". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư đáp: "Tiến tới trước, lùi lui sau buồn chết người". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong khách?" Sư đáp: "Lời chân thật biến thành lừa dối". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Phu tử du hành ách tại trần". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Trọn ngày đồng đi nhưng không phải bè bạn". Lại

hỏi: "Hướng thượng Tông thừa đã được Sư chỉ dạy, còn hướng thượng Tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Búa lớn bổ xong, tay bôi xoa". Lại hỏi: "Với tức tâm tức Phật tức chẳng hỏi, còn phi tâm phi vật việc ấy thế nào?" Sư đáp: "Hôm qua đã có vị Tăng hỏi mà Lão Tăng chẳng đáp". Lại hỏi: "Chưa xét rõ cùng tức tâm tức Phật cách nhau bao nhiêu?" Sư đáp: "Gần thì ngàn dặm muôn dặm, xa thì chẳng cách mảy may". Lại hỏi: "Bỗng bị người học cắt dứt hai đầu, về nhà ẩn dật, lại làm sao sống?" Sư bảo: "Nhà ông ở nơi nào?" Lại nói: "Trong Đại thiên sa giới, một cái thân tự do". Sư bảo: "Chưa đến nhà ở lại nói". Lại nói: "Người học về đến trong ấy ngay bị Đông Tây chẳng rành, Nam Bắc chẳng phân đi vậy". Sư bảo: "Chưa là ngoài bản phận".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chí đạo không khó, chỉ hiềm lựa chọn, hoa đào sắc hồng, hoa lý sắc trắng, ai nói dung thông chỉ một màu? Chim yến hót, chim oanh ca, ai bảo liên quan chỉ một tiếng? Chẳng thấu then cửa Tổ sư, không nhận núi sông làm mắt trong". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thường ngày mặt nhật trầm lắng phương Tây, thường ngày mặt nhật xuất hiện phương Đông. Nếu muốn học Bồ-đề", Sư ném cây gậy xuống một cái, tiếp bảo: "Chỉ nhìn mô dạng đây, Ngũ tổ Chu Tường lên giảng đường, năm xưa thời ngay nay, lò hồng mảnh tuyết bay, ngày nay thời năm trước, Tào nga đọc bia đêm, một câu nhỏ cuối cùng, Phật nhãn chẳng thể nhìn. Sen trắng mọc trên đỉnh núi, mặt nhật nhiễu quanh Tu-di, chim mổ cây san hô, cá kình nuốt tê lìa nước, thái bình gia nghiệp hiện tại tại người tiếp nối dương kỳ". Có lúc lên giảng đường, Sư giăng ngang cây gậy mà bảo: "Trước chiếu sau dụng". Sư dựng đứng cây gậy rồi bảo: "Trước dụng sau chiếu". Sư chuyển ngược cây gậy lại và bào: "Chiếu dụng đồng thời". Sư gõ cây gậy xuống một cái, bảo: "Chiếu dụng chẳng đồng thời. Các người bị miệng một cây gậy nuốt hết rồi vậy, trí đó các người không biết, nếu đến trong đó nói được một câu chuyển thân thì khỏi thấy một trường buồn bã. Còn như chưa được vậy thì ngày nay Lão Tăng mất lợi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mặt nhật gấp, vầng nguyệt nhanh, gấp gấp tỏa sáng mồng 10 tháng 07, không cùng Du tử chẳng về nhà, giả sử về chỉ đứng ở trước cửa. Nắm tay dẫn nó chẳng chịu vào, muôn dặm nhìn nhìn tấc cỏ không, hoa tàn rơi đất không người nhặt, một hồi mưa qua một hồi thấm ướt". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đức Thế Tôn có mật ngữ, Tôn giả Ca-diếp chẳng che giấu. Và Sư mới bảo: "Bình thường các người nói vàng nói đen, bình phẩm xưa nay, há chẳng phải là mật ngữ. Bình thường các người chẻ xoay cúi ngưỡng, nắm thìa

nắm đủa chỉ vái muôn phước, là che giấu hay chẳng che giấu? Bỗng nhiên liếc đất đi cũng không thể biết. Cần muốn hiểu chăng? Đức Thế Tôn có mật ngữ mùa Đông đến lạnh ăn một trăm lẻ năm (105), Tôn giả Ca-diếp chẳng che giấu. Nước rỉ chẳng thông đã bày tang vật. Nạp Tăng lanh lợi như hiểu được, trên một lớp tuyết một lớp sương". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Việc mười lăm ngày trước trên gấm bày hoa, việc mười lăm ngày sau như biển nổi bọt bóng, còn ngay ngày mười lăm, tợ như kiếng một thước soi chiếu ảnh tượng cả ngàn dặm. Tuy là chân không tuyệt vết, kia làm sa Hải ấn phát sáng, mặc tình lộ trụ ấy nở hoa, nói gì mặt Phật đá xấu, cớ sao đến đầu sương đêm, trăng mặc tình rơi lạc trước khe". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Thế nào là nghĩa chẳng đổi dời?" Triệu Châu đưa tay làm thế dòng nước chảy, vị Tăng ấy bèn có sự tỉnh ngộ. Lại có vị Tăng hỏi Pháp nhãn: "Chẳng chấp lấy nơi tướng Như như bất động. Thế nào là chẳng chấp lấy tướng, thấy nơi Như như bất động?" Pháp nhãn đáp: "Ban ngày xuất hiện phương Đông, ban đêm rơi lại phương Tây". Vị Tăng ấy cũng có sự tỉnh ngộ. Nếu cũng ở nơi đây thấy được, mới biết đạo xoay phong khí nép, núi xưa nay vẫn thường lắng, sông suối đua nhau rót đổ nguyên tự chẳng chảy đổ. Nếu như chưa được vậy, chẳng khỏi lại vì lắm lời. Trời xoay bên tả đất chuyển bên hữu, xưa đi nay lại trải qua biết bao nhiêu biến. Quạ vàng bay thỏ ngọc chạy, vừa mới ra cửa. Biển lại rơi lạc sau núi xanh, sông suối sóng xa tít, Hoài Tế gợn dần dặt, thẳng vào biển xanh ngày đêm chảy". Sư bèn cao tiếng bảo: "Chư Thiền Đức! Có thấy như như bất động chăng?" Ở trong thất, Sư dùng gỗ làm con xúc xắc sáu mặt, mỗi mặt đều họa viết chữ công. Có vị Tăng nào mới vào, Sư bèn ném đó và hỏi: "Hiểu chăng?" Vị Tăng ấy có phỏng nghĩ hay không phỏng nghĩ, Sư cũng đều liền đánh mà đuổi ra.

Đến ngày mồng 08 tháng 09 năm Chánh Hòa thứ 07 (1117) thời Bắc Tống, lên giảng đường, Sư bảo: "Tâm Ấn Tổ sư tượng trạng tợ cơ trâu sắt. Đi tức in dừng, dừng tức in phá. Ngay như chẳng đi chẳng dừng, cũng chưa là nơi giẫm trải của nạp Tăng. Hãy làm gì sống là nơi giẫm trải của nạp Tăng? Đợi đến trước sau tháng mười sẽ vì các người chú phá". Qua ngày mồng 08 tháng 10, Sư tắm gội thay đổi y phục xong, ngồi kiết già viết vài bức thư tay giã biệt những người thân quen xưa trước. Xong, dừng bút, Sư bèn thị tịch. Trà tỳ rồi gom nhặt linh cốt, dựng tháp an táng tại bản sơn.

3. Thiền sư Viễn ở Lông môn.

Thiền sư Viễn - Phật Nhãn ở Lông môn tại Thư châu, vốn người dòng họ Lý ở Lâm ngang. Sư rất nghiêm chánh, ít nói. Năm mười bốn tuổi, Sư thọ giới Cụ túc, y cứ Luật tạng nghiên cứu thuyết ấy. Nhân đọc kinh Pháp Hoa, đến "Pháp ấy chẳng thể nghĩ lường phân biệt mà biết được". Sư cố giữ đem hỏi Giảng sư, Giảng sư đáp không được. Sư mới than rằng: "Nghĩa học danh tướng chẳng phải chỗ rõ việc lớn sinh tử". Xong bèn cuộn áo theo hướng Nam vân du, đến nơi pháp tịch của Thiền sư Diễn đang ở Thái bình tại Thư châu. Nhân xin đến Lô sơn, chợt nhiên hai chân quỵ tế nơi đất, trong lúc đang muộn phiền, nghe hai người mắng rủa nhau. Có người can ngăn là: "Ngươi còn tự ở nơi phiền não". Ngay lời nói ấy, Sư có chút tỉnh ngộ. Đến lúc trở về, phàm có hỏi gì, Thiền sư Diễn đều liền bảo: "Ta chẳng như ông. Ông tự hiểu được tốt lành". Hoặc bảo: "Ta chẳng hiểu ông, chẳng như ông". Sư càng nghi ngờ, nên đến phỏng hỏi Thủ tòa Nguyên Lễ, Nguyên Lễ mới đưa tay kéo lỗ tai Sư dẫn đi quanh lò lửa vài vòng, vừa đi vừa nói: "Ông tự hiểu được tốt lành". Sư nói: "Thật là mong nhờ chỉ ra mà ông cùng đùa ư?" Nguyên Lễ bảo: "Ngày sau ông tỏ ngộ mới biết lỗ tai bẻ cong ở ngày nay". Thiền sư Diễn sắp dời từ Thái bình đến Hải hội, Sư bùi ngùi nói: "Tôi trì bát vừa mới về lại tham, theo đến nơi một viện hoang sao có thể nghiên cứu quyết trạch việc đã rồi ư?" Sư bèn viết bài kệ cáo từ rồi đến kết hạ an cư tại Tương Sơn. Tình cờ gặp Thiền sư Linh Nguyên, ngày một càng thân thiện, trong lúc đang thong dong đàm nói; Sư nói: "Nhờ thấy dưới thành đô có ngữ cú của một tôn túc tợ như có duyên". Thiền sư Linh Nguyên bảo: "Diễn Công là Tôn sư nhất đẳng trong thiên hạ, cớ sao xa lìa đó mà đến tôn thờ ai nơi phương xa? Chỗ gọi là Người có duyên bởi thầy nhận biết, cùng sơ tâm của ông tương khế vậy". Sư theo lời khuyên răn ấy, bèn đến thẳng Hải hội. Về sau, Thiền sư Diễn bảo Sư trông coi việc bái yết. Vừa lúc đêm lạnh riêng ngồi một mình, Sư đánh khêu lò thấy đóm lửa bằng hạt đậu, bỗng nhiên tự vui mừng bảo là: "Sâu xa đánh có chút xíu, việc bình sinh chỉ như vậy". Xong, Sư vội đứng dậy, đọc xem "Truyền Đăng Lục" để trên án, đến : "Nhân duyên đánh phá bếp táo rơi rớt", Sư bỗng đại ngộ, làm bài kệ rằng:

"Rừng dao dao chim hót
Mặc áo ngồi trọn đêm
Đánh lửa rõ bình sinh
Cùng thần về phá rơi
Việc rõ người tự mê
Khúc dạt ai hay biết

Nghĩ đó trọn chẳng quên
Cửa mở ít người qua".

Nhân đến nơi Liêu Sư ở, Thiền sư Viên Ngộ nêu cử câu thoại rừng xanh ban thổ để kiểm nghiệm Sư, nên hỏi: "Xưa nay không người ra được, ông hiểu như thế nào?" Sư đáp: "Cũng có rất khó". Viên Ngộ bảo: "Cũng như kia nói xe sắt Thiên Tử, chiếu chỉ trong nước, ý làm sao sống?" Sư đáp: "Tôi nói sách buông tha trong cung Đế-thích". Thiền sư Viên Ngộ trở lui nói với mọi người: "Hãy vui mừng Huynh Viễn tiện có câu người sống". Từ đó, Sư ẩn dật nơi am Đại trung tại Tứ diện, gặp lúc thiên hạ đua nhau tạo dựng mới chùa Vạn thọ - Sùng ninh. Thư Thú Vương Công tan vỡ bảo Sư khai đường giảng pháp. Tiếp theo bổ Sư đến nhậm Long môn, tiếng tăm Đạo hạnh Sư vang vọng xa. Về sau Thiên Hóa đến Bao thiền, xu mật Đặng Công Tuân Võ tấu trình ban tặng Sư hiệu và pháp y sắc tía.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trên đường Đài sơn khách qua toàn hiếm, trước nhà phá tảo cảm ân không đất, tuyết vùi cây bách giữa sân băng phủ lấp khe, tuy ở phương Nam đều lò lửa, bèn vào nhà khác trong vò dưa muối. Nhìn nhìn ngày ba mươi tháng chạp, bèn là mạnh xuân còn lạnh. Các người mỗi phải tự nỗ lực hướng tới trước, rất kỵ tự sinh lùi khuất". Lại có lúc lên giảng đường, Sư chống cây gậy, bảo: "Tròn sáng rõ biết chẳng do tâm nghĩ, đánh chết cần nói rơi hầm rớt hố. Rốt cùng như thế nào?" Xong, Sư mới tựa cây gậy mà xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bào huyễn đồng vô ngại, vì sao chẳng liễu ngộ, người trong tròng mắt thổi gọi con đạt pháp tại trong đó, chẳng phải nay cũng chẳng phải xưa, xúc xắc sáu con đầy chén hồng. Đại chúng! Người lúc ấy vì gì ngồi đất nhìn bình bát Dương châu đặt treo dạng tân phiên, trên trâu cưỡi trâu cười giết người". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Triệu Châu chẳng thấy Nam Tuyền, sơn Tăng không biết Ngũ tổ. Dưa ngọt thì ngọt suốt cành lá, bầu đắng đắng cả gốc rễ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một chiếc lá rơi dưới trời xuân, không đường tầm tư giết người. Dưới là trời trên là đất. Lời này lúc chẳng vào lưu ý, Nam làm Bắc, Đông làm Tây, động mà ngưng, vui mà buồn, đầu rắn đuôi bò cạp một lần thử đó, trong miệng hổ dữ chim tước sống, vậy sao nói về nhà đi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngàn thuyết muôn thuyết chẳng như tận mặt một lần thấy, giả sử chẳng nói cũng tự rành rẽ. Thí dụ dao báu của Vương Tử, thí dụ những người mù sờ voi, việc cách sông vẫy tay trong thiền học, việc cùng thấy ở đình Vọng châu, việc nơi chóng tuyệt không người, việc

nơi núi sâu vực thẳm, đó đều là tận mặt mà thấy, chẳng tại ngôn thuyết vậy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tô Võ chăn dê nhục chẳng khuất, Lý Lăng nhìn Hán vui quên về. Đó là tại trong nước hay ngoài nước? Trong đệ tử chư Phật có vị hai chân vượt hầm, có người nhận rõ tiếng sáo đứng dậy múa, có người thân chôn vùi đất phẩn tốt, có người trách mắng thần sông. Đó là tập khí hay là diệu dụng? Đến như chống tréo đánh đất, dựng phất trần, gõ thiền sàn, Mục Châu một hướng đóng cửa, Lỗ Tổ trọn năm xoay mặt vách tường. Đó là vì người hay chẳng vì người? Tin biết hết thảy phàm phu chôn vùi kho báu, rất chẳng là Trượng phu. Các người sao chẳng thể mở bánh lái căng buồm vất bỏ sông qua bờ nghỉ? Lại đinh thông vẫy thuyền, ngày nào về đến nhà? Đã làm người Tào Khê lại là Hán trong nhà, vậy có thấy việc trong nhà chăng?" Có vị Tăng hỏi: "Kiếp lửa thiêu đốt rụi, đại thiên sa giới đều rã hoại, chưa xét rõ cái ấy rã hoại hay không rã hoại?" Sư đáp: "Trong thùng sơn đen sắc vàng ròng". Lại hỏi: "Đạo xa vậy thay, xúc sự mà thật, sao là Đạo?" Sư đáp: "Trên đảnh tám thước năm". Lại hỏi: "Lý ấy như thế nào?" Sư đáp: "Vuông tròn bảy tám tấc". Lại hỏi: "Kiếp lửa từ thời Oai Âm trở về trước, riêng là một Hồ thiên, săn bắn trước ngự lầu, chẳng là liềm cắt cỏ ruộng, dất dậy ngồi đều nói, cái ấy gọi là cái gì?" Sư đáp: "Chánh là cái liền cắt cỏ ruộng". Vị Tăng ấy bèn hét, Sư bảo: "Còn ở làm chủ". Và Sư hỏi vị Tăng ấy: "Lúc ngọn đèn riêng lẻ soi chiếu thì thế nào?" vị Tăng ấy im lặng, Sư thay lời bảo: "Lộ trụ chứng minh". Sư nghe tiếng bảng khai tỉnh, mới bảo: "Cứ thật kết án". Sư từng ghi đề nơi vách tường Diên thọ Long môn rằng: "Phật hứa với người có bệnh sẽ vì chữa trị.dung có chỗ tương tức vậy. Rừng thiền phàm có vài tên, hoặc gọi là Niết-bàn thấy pháp thân thường trú rõ pháp bất sinh vậy, hoặc gọi là tỉnh hành, biết đây trái duyên đều theo hành khổ vậy. Hoặc gọi là Diên Thọ muốn được tuệ mạng phò trì sắc thân vậy. Kỳ thật khiến người rõ được nơi sinh tử. Thấy nhiều mà tỏ ngộ ít, cảm mắc chút bệnh bèn vào nhà này. Chẳng mạnh chi tiết tiện có bổ ích, kịp đến lúc lâu nghĩ làng quê chẳng tốt lành, lùi nghĩ diệt trừ gốc khổ. Các bậc Tiên Thánh nói bệnh tật là thuốc tốt của chúng sinh, nếu khéo ăn uống, không gì chẳng lành".

Đến đầu niên hiệu Tuyên Hòa (1119) thời Bắc Tống, Sư lấy cớ bệnh, giã từ trở về lại Đông đường ở Tương sơn. Qua năm sau (1120), viết mây một ngày trước. Thọ trai xong, ngồi kiết già, Sư bảo cùng đồ chúng rằng: "Những bậc Lão túc ở các phương đến lúc lâm chung thảy đều lưu lại kệ tụng giã từ cõi đời. Cõi đời có thể giã từ ư? Tạm lấy an

ổn đi". Xong, Sư mới chấp tay an nhiên thị tịch, môn nhân đệ tử dùng hộp tôn trí di cốt thỉnh về Long môn, dựng tháp tôn thờ bên cạnh đài Linh quang.

4. Thiền sư Đạo Ninh ở Khai phước.

Thiền sư Đạo Ninh ở Khai phước tại Đàm châu, vốn người dòng họ Uông ở Hấp khê. Thưa tráng niên, Sư làm Đạo nhân lo việc tắm rửa ở chùa Sùng quả, một ngày nọ sắp rửa chân, chợt nhiên tụng kinh Kim Cang đến : "Đối với chương cú đây mà hay sinh lòng tin, lấy đó làm thật", bèn quên moi sự nhận biết, bỗng nhiên duỗi chân vào trong bồn nước nóng, phát minh chính mình. Sau đó, Sư xuống tóc xuất gia tại Tương sơn, lại đến nương tựa Thiền sư Lão Lương ở Tuyết đậu. Trải qua hai năm, vân du khắp chốn tùng lâm, tham phỏng các bậc danh túc, về sau đến Bạch Liên, nhân lúc tiểu tham nghe Ngũ tổ (Thiền sư Diễn) nêu cử câu thoại bình sạch xưa cũ của Đức Phật của Quốc sư Trung và con chó không có Phật tánh của Triệu châu, Sư bèn thông suốt nguồn pháp.

Trong khoảng niên hiệu Đại Quán (1107-1111) thời Bắc Tống, Đàm Soái Tịch Công Chấn thỉnh mời Sư đến ở Khai phước, các hàng nạp tử đua nhau đến nương tựa. Nhân ngày tắm Phật, lên giảng đường, Sư bảo: "Chưa lìa khỏi Đâu suất đã giáng hiện nơi Vương công, chưa ra khỏi thai mẹ mà độ người đã hoàn tất. Chư vị Thiền đức! Thường ngày mặt nhật từ bờ phía Đông xuất hiện, mỗi sớm mai canh năm gà gáy. Tuy chẳng phải động Đào hoa, xuân đến hoa đào cùng đầy khe". Sư lại bảo: " Trong vườn Tỳ lam từ hông phải đản sinh, bảy bước đi quanh mắt nhìn bốn phía, trên trời dưới trời chỉ mình ta riêng tôn quý. Rất tợ như tham trông nhìn vầng nguyệt trên trời bỏ mất châu ngọc trong tay. Lại có biết nơi rơi lạc chăng? Nếu biết được nơi rơi lạc mới là con hiếu cháu thuận. Còn như chưa được vậy, thì chẳng khỏi lại phải cước chú ở dưới". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Bẩm tánh kỹ lưỡng hay kỳ quái, chưa lên luân kia đùa một trường". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Ngày thu sáng rực trời, sông thu lạnh trời biếc, thương thay người ngoài cửa, nơi nơi tìm Di-lặc, chợt đường bỗng lắc đầu, cùng gặp chẳng cùng biết. Chư vị Thiền đức! Đã là cùng gặp vì gì liền chẳng cùng biết? Cắt hết trúc trước sương, vào khe chẳng hóa rồng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khắp cõi chẳng từng ẩn giấu, thông thân không ảnh tượng, cùng gặp chớ ngờ rất ngu si, nhiều kiếp đến nay không kỹ lưỡng, không kỹ lưỡng ít người biết. Đại để kẻ kia da cốt đẹp nào phải soi kiếng vẽ lông mày". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chánh lệnh Ma-kiệt chưa

khỏi gập ghềnh, thiết thất duỗi tâm từ sớm thương phong cốt, mang đãy cầm tích cô phụ bình sinh, luyện hạnh lạnh lòng vội cùng dốt đặc, sao tợ mùa xuân mua tạnh núi xuân xanh, mây trắng ba mảnh bốn mảnh, chim vàng một tiếng vài tiếng, ngàn mắt đại bi nhìn chẳng đủ. Vương Duy tuy khéo vẽ khó thành, ngay như tiện nghĩ gì, còn tự giẫm trải đồ trình, tạm một câu chẳng giẫm trải đồ trình làm sao sống? Nói. Người từ Biện Châu lại chẳng được tin Đông kinh". Có vị Tăng hỏi: "Lúc hoa sen chưa ra khỏi nước thì thế nào?" Sư đáp: "Người trời đều chấp tay". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?" Sư đáp: "Chẳng ngại qua lại trông nhìn". Lại hỏi: "Thế nào là câu đến mà ý không đến?" Sư đáp: "Cỏ lành vốn không rễ, thư tay nắm lại dùng". Lại hỏi: "Thế nào là ý đến mà câu chẳng đến?" Sư đáp: "Lãnh lấy ý đầu móc câu, chớ nhận định bàn tinh". Lại hỏi: "Thế nào là ý và câu đều đến?" Sư đáp: "Đại bi chẳng bày tay, thông thân là tròng mắt". Lại hỏi: "Thế nào là ý và câu đều chẳng đến?" Sư đáp: "Bạn đến Tiêu tương, Tôi đến Tần".

Đến ngày mồng 04 tháng 11 năm Chánh Hòa thứ ba (1113) thời Bắc Tống, Sư cạo tóc tắm gội, qua hôm sau, nhân lúc tiễn tham sau khi thọ trai xong, Sư khuyên răn đại chúng hành đạo, ngôn từ rất mực chân thành tha thiết. Đến lúc mặt nhật xế bóng về Tây ngày mồng bảy, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Sau khi trà tỳ thâu nhặt được xá-lợi năm sắc, thỉnh đưa về tôn trí trong tháp mà phụng thờ.

5. Thiền sư Nguyên Tỉnh ở Đại tùy.

Thiền sư Nguyên Tỉnh - Nam Đường ở Đại tùy tại Bành châu, về sau đổi tên là Đạo Hưng, là con của Đại Nho triệu Công Ước Trọng ở Ngọc Sơn - Lãng Chi. Năm mười tuổi, Sư cảm mắc bệnh rất nặng. Thân mẫu Sư tâm thành cầu đảo, cảm mộng khác thường, bèn khuyên Sư xuất gia, Sư đến nương tựa nối dõi ở viện Bảo sinh, Đại từ tại Thành đô.

Năm Nguyên Hựu thứ ba (1088) thời Bắc Tống, Sư thông rành kinh điển, được độ, lưu ở lại nơi giảng tụ có hơn năm trời rồi xuống phương Nam. Mới đầu, Sư đến tham yết Thiền sư Ân ở Vĩnh an, ngay câu thoại ba gậy nhanh chóng của Lâm Tế mà Sư phát sáng, tiếp theo Sư đến nương tựa các bậc danh túc và thảy đều xứng hợp ý. Nghe Ngũ tổ (Thiền sư Diễn) cơ biện cao trội, Sư muốn đến ức nén đó, bèn đến bái yết. Thiền sư Diễn mới bảo: "Ta ở đây chẳng sánh cùng các phương, phàm ở trong thất chẳng cần ông tiến tới thối lui, chỉ chỏ chống nắm, nhiễu quanh thiền sàn làm người nữ lễ bái dất dậy tọa cụ ngàn ban kỹ lưỡng. Chỉ cần ông ngay nơi một lợi nghe chín chắn, bèn là chỗ thấy của ông". Sư bèn mịt mờ mà rút lui. Sư quyết tham suốt ba năm, một ngày

nọ Nhập thất bải. Thiền sư Diễn bảo Sư rằng: "Ông mở lời đã được mười phần, thử lại cùng Ta nói xem?" Sư bèn phanh vạch trình bày. Thiền sư Diễn bảo: "Nói cũng nói được mười phần, lại cùng ta đoán xem". Sư bèn tùy điều hỏi mà hán đoán". Thiền sư Diễn lại bảo: "Khéo tức đã khéo, nhưng chưa từng được nơi nói năng của Lão Tăng. Sau khi thọ trai có thể đến nơi tháp Tổ sư, Ta sẽ vì ông mỗi mỗi xét qua mới được". Khi đến nơi tháp, Thiền sư Diễn bèn đem các câu ngữ thoại tức tâm tức Phật, gã vác bảng ở Mục Châu, Nam Tuyền chém mèo cho nên, con chó có Phật tánh và không có Phật tánh của Triệu Châu dẫn hỏi, Sư đối đáp không ngưng trệ. Đến câu thoại con chó của Tử Hồ, Thiền sư Diễn bèn đổi sắc mặt bảo: "Chẳng phải". Sư hỏi: "Nếu chẳng phải tức thế nào?" Thiền sư Diễn bảo: "Ấy chẳng phải thì cùng mặt trước đều chẳng phải". Sư nói: "Xin Hòa thượng từ bi chỉ dạy". Thiền sư Diễn bảo: "Xem kia nói, Tử Hồ có một con chó, trên lấy đầu người, giữa lấy eo người, dưới lấy cẳng chân người. Có người vào khéo trông xem. Mới thấy có vị Tăng vào cửa bèn bảo nhìn xem con chó, xoay đến Tử Hồ nói nơi nhìn xem con chó, mở bày một chuyển ngữ bảo Tử Hồ cứng lưỡi. Miệng Linh của Lão Tăng bèn là nơi ông rõ xác đáng vậy". Ngày hôm sau vào thất, Sư im lặng mở hỏi thuyết ấy. Thiền sư Diễn cười bảo: "Không nói ông chẳng phải ngàn rõ trăm xác đáng đến người. Lời này chỉ là lời Tiên sư mở nói". Sư hỏi: "Tôi là người gì được tợ đầu mối Hòa thượng?" Thiền sư Diễn bảo: "Không phải vậy, Lão Tăng tuy nương thừa tiếp nối kia, nghĩa là kia nói vụng về, bởi chữ dùng thủ của Viễn Lục Công tiếp người nên vậy. Nếu Lão Tăng cùng Viễn Lục Công, bèn cùng Bách Trượng, Hoàng Nghiệt, Nam Tuyền, Triệu Châu cùng đồng bạn nắm tay đồng đi, mới thấy lời nói vụng về tức chẳng kham". Sư cho rằng không phải vậy, mới kéo gậy vượt qua sông, vừa gặp lúc nước lớn dâng tràn mới lưu lại, Tứ Tổ mới cùng đồng bạn lôi kéo trở về. Lại trải qua hai năm, Thiền sư Diễn mới hứa khả ấn chứng cho Sư, Sư từng thương lược cổ kim lần lượt. Thiền sư Diễn nắm tay Sư mà bảo: "Được ông nói phải là Tôi nêu cử, được ông nêu cử phải là Tôi nói, mà nay trở về sau bí yếu của Phật tổ các phương quan niệm không trốn lánh tay ông nắm bắt vậy".

Sư bèn dựng lập Nam Đường mà dừng ở, từ đó tiếng tăm vang vọng khắp nơi, Thành đô soái tịch công đán thỉnh mời Sư khai đường giảng pháp tại gia Hựu. Sau đó không bao lâu, Sư chuyển đổi đến ở Chiêu giác rồi dời đến ở Năng nhân, và Đại tùy. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Quân vương rành rẽ, tướng soái rõ ràng, một hồi được thắng,

sáu nước bình an”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử ngữ thoại của Lâm Tế đến tham vấn Hoàng Nghiệt, Hòa thượng Đoan ở Bạch vân có bài tụng rằng: “Một đấm đấm ngã lầu Hoàng Hạc, một nhảy nhảy qua châu anh vũ. Lúc có ý khí thêm ý khi, nơi chẳng phong lưu cũng phong lưu”, rồi Sư bảo: “Với Đại tùy tức chẳng như vậy, năm bảy mươi tuổi già suy bước không vững, mắt nhìn sáng rỡ ta chẳng điếc, bỗng nhiên có người khi phụ ta, một đấm đánh ngã qua cửa Đông!” Lại có lúc lên giảng đường, hỏi đáp đã xong, Sư mới bảo: “Từ lúc có Tổ trở lại người lầm hiểu, chỉ lấy ngôn cú làm Thiền đạo, rất chẳng biết Đạo vốn không thể, nhân thể mà đặt tên, Đạo vốn không tên, nhân tên mà đặt hiệu, chỉ như vừa lại lên tòa mới nghĩ gì ra lại tiện nghĩ gì về chúng. Hãy nói đầy đủ mắt sáng hay chẳng đầy đủ mắt sáng? Nếu nói đầy đủ mắt sáng mới nghĩ gì ra lại, mắt tại nơi nào? Nếu nói chẳng đầy đủ mắt sáng sao hợp tiện nghĩ gì đi? Chư vị nhân giả? Ngay đây thấy được thích thản rành rẽ thì biết Nhị tổ (Thần Quang) lễ bái xong y như chỗ cũ mà đứng, thật được cốt tủy của Tổ sư Đạt-ma, chỉ chút ấy là mạng căn của chư Phật ba đời, là mạng mạch của sáu đời Tổ sư, là nơi an thân lập mạng của các Lão Hòa thượng trong thiên hạ. Tuy là như vậy nhưng phải thân gần đến mới được”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Vườn ruộng của chính mình mặc tình canh cây, có nghiệp của Tổ tông dốc sức phải tranh nài, ngộ được ngồi bên đầu ngàn Thánh, dùng đến dưới Tam đồ cùng đi”. Có vị Tăng hỏi: “Tâm ấn Tổ sư, xin Sư chỉ thẳng?” Sư bảo: “Ông nghe nóng đốt chăng?” Vị Tăng ấy đáp: “Nghe”. Sư bảo: “Vả lại chẳng nghe lạnh”. Vì Tăng ấy lại hỏi: “Hòa thượng có nghe nóng đốt chăng?” Sư đáp: “Không nghe”. Lại hỏi: “Vì gì không nghe?” Sư lắc vẫy cái quạt, bảo: “Vì ta có cái này”. Lại hỏi: “Thế nào là đoạt người chẳng đoạt cảnh?” Sư đáp: “Bắt sống Ma vương xuyên lỗ mũi”. Lại hỏi: “Thế nào là đoạt cảnh chẳng đoạt người?” Sư đáp: “Hạt cây trong tâm thuộc bọn ta”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt?” Sư đáp: “Một lưỡi câu ba núi liền sáu con ba ba”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt?” Sư đáp: “Giữa ban ngày cưỡi trâu xuyên qua chợ”. Lại hỏi: “Lúc hoa sen chưa ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Xinh đẹp”. Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Xinh đẹp”. Lại hỏi: “Thế nào là hoa sen?” Sư đáp: “Xinh đẹp”. Vì Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: “Cùng với ba cái đẹp kia, muôn sự đồng một lúc thôi nghĩ. Lại nói: “Với che giấu thiên hạ nơi thiên hạ tức chẳng hỏi. Vị Tăng ấy mới đưa nắm tay mà hỏi: Chỉ như cái này làm sao sống che giấu?” Sư đáp: “Trong tay áo”. Lại hỏi: “Chưa xét rõ thế nào là người kỷ cương

Phật pháp?" Sư đáp: "Chẳng thể là Quỷ". Lại hỏi: "Bỗng gặp kẻ giết Phật giết Tổ đến lại làm sao sống chi khiển?" Sư đáp: "Lão Tăng có mắt chưa từng thấy". Lại hỏi: "Người học chợt vào tùng lâm, xin Sư chỉ bảo?" Sư đáp: "Ăn cháo ăn cơm chớ bảo phóng tại sau não". Lại nói: "Trọn ngày lúc ăn chưa từng ăn". Sư bảo: "Phụ lòng nạp Tử không biết tốt xấu". Lại hỏi: "Lúc kiếp lửa thiêu đốt khắp đại thiên đều tiêu hoại, chưa xét rõ cái ấy tiêu hoại không?" Sư bảo: "Ai bảo ông nghĩ gì?" Sư lại hỏi vị Tăng ấy: "Đến trước cúi mình?" Vị Tăng ấy đáp: "Chưa xét rõ". Sư hỏi: "Là tiêu hoại hay chẳng tiêu hoại?" Vị Tăng ấy im lặng không đáp. Lại hỏi: "Thế nào là Thiền trong núi?" Sư đáp: "Trúc non trước sân trước mọc măng, tùng khô dưới khe cành già lớn". Lại hỏi: "Thế nào là Thiền trong chợ?" Sư đáp: "Chuông trống giữa đường thông sáu ngã âm vận tung tung, tức nơi trải vàng trong thế giới". Lại hỏi: "Thế nào là Thiền trong thôn?" Sư đáp: "Giặc cướp tiêu mất, tằm cuốn lúa chín, ngâm ca cổ vũ nhạc bình". Lại hỏi: "Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?" Sư đáp: "Hỏi được rất xác đáng". Lại hỏi: "Lúc tiện nghĩ gì đi thì thế nào?" Sư đáp: "Đáp được lại kỳ đặc". Lại hỏi: "Nhân núi thấy nước, thấy nước quên núi, núi nước đều quên, lý ấy kết quy về nơi nào?" Sư đáp: "Sơn Tăng ngồi ngay đầu lưỡi, đất trời tối mịt". Có một Lão Túc duỗi lời bảo rằng: "Đầu đường ngã tư dựng một chòi tranh, chỉ là chẳng hứa cho người ỉa". Vị Tăng ấy nêu cử hỏi Sư. Sư đáp: "Là ông trước ỉa rồi, lại bảo người nào ỉa?" vị Lão Túc ấy nghe vậy bèn đốt hương xa trông về Đại Tùy kính bái cầu tạ Sư.

Đến trong tháng bảy năm Ất mão (1135) thuộc niên hiệu Thiệu hưng (1131-1163) thời Nam Tống, mưa tuyết lớn, trong núi có voi khác lạ xuất hiện, Sư bảo: "Thời kỳ của tôi đã đến vậy". Ngày 17 tháng 07, Sư giả biệt quận thú, sau đó ba ngày, Sư hiện tướng cảm mắc chút bệnh ở Thiên bành. Đến đêm 24 tháng 07, Sư hỏi vị Tăng Thị giả rằng: "Lúc trời sáng sớm không trăng thì thế nào?" Vị Tăng ấy im lặng không đáp. Sư bảo: "Ngược lại bảo ta cùng ông xuống lửa mới được". Ngày hôm sau Sư trở lại nơi bờ đê viện khẩu giải, lưu lại lời dạy răn rồi an nhiên thị tịch. Môn nhân đệ tử nghinh thỉnh toàn thân Sư trở về, sương khói phủ khắp bốn phía, chim vượn kêu réo buồn thảm. Lúc trà tỳ có mùi hương thơm khác lạ tỏa khắp đồng trống, chiếc lưỡi vẫn y nguyên như cũ, xá-lợi năm sắc nhiều không thể tính kể, bèn an táng tại phía Tây tháp Định quang. Về sau, Trụ thiên đồng thiên mục văn lễ đắp họa tôn tượng Sư và tán thán, có thể khuyết bày hạnh thật của Sư vậy, nhân đều ghi lục đó. Bài tán ấy là: "Động Sơn người một hội, chỉ kia chẳng

loảng xoảng, riêng ở nơi nhàn phòng, tùng lâm khó giảng cứu, rắn đầm phương thủy ra kinh hãi người, nồi sắt dụt gà gáy giữa ngày, tạp kịch đánh lại, toàn lửa chỉ hầu, về già buông phóng sơ dong, tức cùng thế tục hòa đồng, cần ba từ khiến người khám nghiệm, ném hương giúp thêm tiện bày gia phong. Định quang không Phật uống phí lưới lồng, sắp đi lắc linh giữa hư không, nào biết tan hết tông mây trắng".

6. Thiền sư Tông Thái ở Vô vi.

Thiền sư Tông Thái ở Vô vi tại Hán châu, vốn người xứ Bồ thành. Từ khi ra cửa ải, Sư vân du khắp các tùng xã, đến nơi Ngũ tổ (Thiền sư Diễn). Ngày cáo Hương, Thiền sư Diễn nêu cử câu thoại Triệu Châu tẩy rửa bình bát khiến Sư tham. Đến lúc vào thất, lại nêu cử câu thoại ấy hỏi Sư: "Triệu Châu hướng đến đó nói gì, vị Tăng ấy bèn tỏ ngộ ngay?" Sư đáp: "ngươi rửa bình bát đi". Thiền sư Diễn bảo: "Ông chỉ biết việc trên đường, chẳng biết mùi vị đượm trên đường". Sư nói: "Đã biết việc trên đường, trên đường có lắm mùi vị". Thiền sư Diễn hỏi: "Ông chẳng biết ư?" Lại hỏi: "Ông từng đếc Chiếc giang chưa?" Sư đáp: "Chưa đến". Lại bảo: "Ông chưa tỏ ngộ". Từ đó, trải suốt năm năm, Sư chẳng thể đối đáp. Một ngày nọ, Thiền sư Diễn lên giảng đường trông nhìn khắp đại chúng rồi bảo: "Tám mươi công công trục cầu lụa". Xong, bèn xuống khỏi tòa, Sư hân hoan ra giữa chúng hỏi: "Hòa thượng thử trục một trục xem?" Thiền sư Diễn liền đưa tay làm thế đanh trống nhạc, kéo giữ ngữ âm thục xướng Ba Miên Châu ca rằng: "Núi đậu tử đánh trống ngoái gạch, núi Dương Bình buông rải mưa trắng, mưa trắng xuống lấy Long nữ dệt được hai trượng năm lụa quyên, một nửa thuộc La giang, một nửa thuộc Huyền võ". Nghe thế, Sư đại ngộ, bèn bưng miệng Thiền sư Diễn mà bảo rằng: "Chỉ tiêu xướng đến trong đó". Thiền sư Diễn cười lớn mà trở về. Về sau, Sư trở lại đất Thục, bến chúng thỉnh mời Sư khai đường giảng pháp tại vô vi, chuyển dời chánh pháp. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một đại sự nhân duyên này, từ khi Đức Thế Tôn nắm cành hoa, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười, Đức Thế Tôn bảo: "Ta có chánh pháp nhãn tạng phân giao cho Ma-ha Đại Ca-diếp". Từ đó trở về sau, từng đèn đèn tiếp nối, Tổ Tổ tương truyền, mãi đến nay đây lâu dài chẳng rơi lạc. Ngay như được khắp đất mọc hoa, nên gọi là Niết-bàn diệu tâm, cũng gọi là bản tâm, cũng gọi là bản tánh, cũng gọi là mặt mắt xưa nay, cũng gọi là Đệ nhất nghĩa đế, cũng gọi là mắt kiên cố, cũng gọi là Ma-ha đại Bát-nhã. Ở kẻ nam gọi là nam, nơi kẻ nữ gọi là nữ. Các người chỉ tự ngộ đi ban ấy đều là ngôn ngữ nhà rỗi". Sư bèn nắm cây phất trần, tiếp bảo: "Hiểu rồi gọi là Thiền, chưa ngộ qua nhiên

khó và rất khó, trước mắt ngăn cách cái núi Tu-di, tỏ ngộ rồi dễ và rất dễ, tin miệng nói lại không gì chẳng phải". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư bảo: "Ai bảo ông nghĩ gì mà hỏi". Vị Tăng ấy bèn phỏng nghĩ. Sư bảo: "Xong".

7. Thiền sư Biểu Tự ở Ngũ tổ.

Thiền sư Biểu Tự ở Ngũ tổ tại Kỳ châu, vốn người xứ Hoài an, mới đầu, Sư đến nương tựa Ngũ tổ (Thiền sư Diễn), trải qua thời gian rất lâu mà chưa có sự tỉnh ngộ. Bấy giờ Thiền sư Viên Ngộ làm thủ tòa, Sư bèn đến thưa hỏi điều lợi ích. Viên Ngộ bảo: "Huynh có điều nghi gì thử nói cùng ta?" Sư bèn nêu cử Đức Sơn tiểu tham chẳng đáp câu thoại, người hỏi câu thoại ăn ba mươi gậy. Viên Ngộ bảo: "Lễ bái làm được vậy, ngươi bắt chước nêu cử câu thoại còn chẳng hiểu". Sư lễ bái xong, Viên Ngộ bảo lại nêu cử câu thoại trước. Sư nói: "Đức Sơn tiểu tham chẳng đáp câu thoại". Viên Ngộ liền bưng miệng Sư mà hỏi: "Chỉ nghĩ gì xem?" Sư gắng gượng mở tiếng kêu: "Ôi! Ôi! Đâu có Công Án, chỉ bảo người xem đạo lý một câu". Có vị Tăng nói cùng Sư rằng: " Huynh không thể nói như thế, Thủ tòa phải có phương tiện". Nhân tỉnh tọa thể cứu suốt cả tuần, Sư chóng hiểu rõ điều nghi, bèn đến lễ tạ Viên Ngộ. Viên Ngộ bảo: "Huynh mới biết tôi chẳng khi phụ người". Sư lại thẳng đến nơi phương trượng. Thiền sư Diễn nghinh đón, cười vui. Từ đó, ngày một Sư vào sâu huyền áo. Đến lúc sắp thị tịch, Thiền sư Diễn để lại lời cùng Quận thú bảo Sư nối tiếp pháp tịch đó. Bốn chúng nạp Tử đua nhau tìm đến đông nhiều. Sư ghi nói Bảng Thị giả rằng: "Đông Sơn có ba câu, nếu người nói được tức treo giường". Các nạp tử đều vạch bày chẳng được. Một ngày nọ có vị Tăng nâng tọa cụ đến nơi trượng thất thưa cùng Sư: "Tôi nói chẳng được, chỉ muốn treo giường" Sư rất hoan hỷ, gọi Duy-na an bài dưới cửa sổ sáng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc Đức Thế Tôn nắm cành hoa, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười, mọi người chỉ biết nắm cành hoa và mỉm cười, cốt yếu lại chẳng biết Đức Thế Tôn". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Trẻ con mới sinh ném chén vàng".

8. Thiền sư Đạo Sơ ở Long hoa.

Thiền sư Đạo Sơ ở Long hoa, vốn người dòng họ Mã ở Tử chi, Sư làm thị giả cho Thiền sư Diễn suốt mấy năm. Sau đến Long hoa, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gà thấy nhau bèn chọi, chó thấy nhau bèn cắn. Chim si trên điện hớp trọn ngày tương đối, vì gì tức chẳng sân?" Xong. Sư bèn xuống khỏi tòa. Cơ biện của Sư cao vợi nhạy bén, các hàng môn nhân chẳng biết đến đâu. Một ngày nọ, Sư bảo đại chúng

rằng: "Hôm qua lìa chợ thành, mây trắng không đi lại, gió tùng sạch tai mắt, đích thực hơn nhân gian". Sư bèn gọi chúng và bảo: "Đó là câu cuối cùng của Tiên sư". Sau đó khoảnh khắc Sư bèn an nhiên thị tịch.

9. Thiền sư Tố ở Cửu đảnh.

Thiền sư Tố ở Cửu đảnh tại gIa châu, vốn người dòng họ Quách ở Bản quận. Sư xuống tóc xuất gia tại chùa Càn minh, vân du tham khấu các thiền cục, về sau đến bái yết Ngũ tổ (Thiền sư Diễn), nghe nêu cử lời của Thủ tòa đáp đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại, chợt nhiên Sư khế ngộ, bèn thuật lời kệ tụng rằng:

"Điên đảo điên điên đảo điên,
Tân phụ cưỡi lừa nhà ai kéo,
Tiện nghĩ gì không đích thực,
Nhìn lại bất chợt áo vải xuyên".

Thiền sư Diễn thấy vậy mới hỏi: "Câu thoại Dã Hồ của Bách Trượng lại làm sao sống?" Sư đáp: "Người đến nói phải quấy bèn là người phải quấy". Thiền sư Diễn rất vui lòng. Lâu sau giã từ, Sư trở về ở khê, tiếp chuyển dời đến ở Cửu đảnh. Thái thú Lã Công đến trông xem cửa Đại tượng, bảo: "Đã là Đại tượng, nhân gì vai mang cái cột?" Sư đáp: "Trên thuyền không đến Tán Công, dưới các nhìn tượng Quán Thế Âm". Lại hỏi: "Di-lặc hóa cảnh, Quán Âm sao đến?" Sư đáp: "Nhà giàu ít con đẹp". Thái thú mới lễ bái cung kính. Có Lão Túc Cần đến, Sư hỏi: "Đang lúc mua kiếm nghẹn thì thế nào?" Đáp: "Cúi mong dâng cúng". Sư bèn quát mắng: "Lão giặc chết đi. Ông hãy hỏi Ta". Lão Túc cần sửa lời trước mà hỏi. Sư tréo tay vái cháo, bảo: "Kéo phá".

Đến ngày 24 tháng 04 năm Ất mão (1135) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư cảm mắc chút bệnh, viết kệ tụng lưu lại cho đại chúng rằng:

"Người gỗ bị thuyền,
Người sắt bị ngựa,
Đồng tử lửa ẩn ẩn lên,
Hét tan mây trắng về đi vậy".

Xong, Sư bèn thị tịch.

10. Thủ tòa Nguyên Lễ.

Thủ tòa Nguyên Lễ, vốn người đất Mân, mới đầu Sư đến tham kiến Hòa thượng Diễn ở Bạch vân. Phàm mỗi lần vào thất đều bảo: "Nhà nạp Tăng rõ lấy, trắng đen tốt lành". Sư nghi ngờ đó không thôi. Một ngày nọ Thiền sư Diễn lên giảng đường, nêu cử câu "Tân Phụ cưỡi lừa nhà ai kéo của Thủ Sơn" rồi mới bảo: "Các người cần hiểu chăng?

Chớ hiểu Tân Phụ nhà ai, khỏi phiền sóng quát trên đường, gặp cơm tức ăn cơm, gặp trà tức uống trà, đồng cửa ra oan gia đời trước. Ngay lời nói ấy, bỗng nhiên Sư tỏ suốt, trở lại nói: “Ngày nay trắng đen rõ ràng vậy”. Hai năm sau, Thiền sư Diễn chuyển dời pháp tịch Tổ sơn, bảo phân tòa, mà Sư chẳng đến. Khi Thiền sư Diễn thị tịch, tức Sư đến ở nơi khác.

Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống, Sư lại đến Ngũ tổ. Có vị Tăng hỏi: “Lúc Ngũ tổ thị tịch hướng đi về xứ nào?” Sư đáp: “Có mắt không vành tai, tháng sáu ngồi bên lửa”. Lại hỏi: “Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Nhà nghèo còn tự có thể, đường nghèo buồn giết người”. Hoặc có người hỏi: “Trong kinh Kim Cang nói hết thảy Thiện pháp. Thế nào là Pháp?” Sư đáp: “Trên là trời, dưới là đất, khoảng giữa ngồi đến cùng ngồi, đứng đến cùng đứng, gọi gì là Thiện pháp?” vị Tăng ấy im lặng không đáp, Sư bèn đánh. Về sau, Sư thị tịch tại Thúy nham ở Tứ minh.

11. Tạng chủ Phổ Dung.

Tạng chủ Phổ Dung, vốn người ở Phước châu, Sư đến Ngũ tổ (Thiền sư Diễn) lần lượt nhập thất, Thiền sư Diễn nêu cử câu thoại “Thiếu nữ lìa hồn” hỏi Sư, Sư có được khế ngộ, bèn trình bài kệ tụng rằng: “Hai người nữ hợp làm một nàng dâu, mấy vòng cắt dứt khó xoay đỡ. Trước nay đi lại dứt dấu vết, người đi chẳng hỏi đường lúc đến”. Phàm có vị Tăng nào ở miền quê đến bái yết, thì Sư phát âm đất Mân đọc tụng nói lời quê kệch rằng: “Đầu thư dạy nàng khuyên làm nghỉ, cuối thư bảo nàng chớ ngủ gật. Hãy nói khoảng giữa nói cái gì?” Vị Tăng ấy phỏng nghĩ đối đáp, Sư liền đẩy ra.

12. Thượng tọa Pháp Sơ.

Thượng tọa Pháp Sơ, qua thời gian lâu dài nương tựa Ngũ tổ (Thiền sư Diễn) nhưng chưa có chỗ nào. Một ngày nọ đến nơi thất, Thiền sư Diễn hỏi: Kẻ chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người nào?” Sư đáp: “Pháp sơ tôi tức không như thế”. Thiền sư Diễn đưa tay chỉ và bảo: “Dừng dừng, pháp sơ tức không như thế làm sao sống?” Ngay lúc ấy Sư bèn tỏ ngộ. Về sau, Sư đến dưới pháp tịch của Thiền sư Độ - Tuyên Mật ở Đông lâm, thấy đó có được ý chỉ bình thật. Một ngày nọ Sư nắm cành Hoa nhiễu quanh sàn tòa Thiền sư Độ một vòng rồi trái tay cắm vào trong lò Hương và nói: “Hòa thượng hãy nói ý làm sao sống?” Thiền sư Độ từng mở lời nhưng đều chẳng khế hợp. Trải qua hơn hai tháng bèn hỏi Sư khiến thử nói đó. Sư nói: “Tôi chỉ đem hoa cắm vào trong lò Hương, Hòa thượng tự nghi ngờ có việc gì lại”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BÌNH Ở TRÍ HẢI

1. Thiền sư Kế Thành ở Tịnh nhân.

Thiền sư Kế Thành ở Bàn am - Tịnh nhân tại Đông kinh, vốn người dòng họ Lưu ở Nghi xuân - Viên chi. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: " tịnh bản nhiên vì sao bỗng sinh núi sông Đại địa? Nhìn nhìn Phú-lâu-na xuyên qua lỗ mũi của Thích-ca, Lão Tử. Thích-ca, Lão Tử đục phá da dẻ của hư không. Hãy nói núi sông Đại địa tại nơi nào?" Sư ném cây gậy xuống, rồi gọi đại chúng tiếp bảo: "Hư không vụt gắng cân đấu hướng đến trong nước Tân La đi vậy. Là thế, các người rất kỵ nhận lá dừng khóc, khắc thuyền tìm kiếm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mênh mông đều là gã tìm Phật, khắp đời khó kiếm Đạo nhan nhân, gậy hét giao nhau thành thuốc kỵ, xong quên thuộc kỵ chưa trời thật". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đứa ở Côn lôn mặc khố sắt, đánh một gậy đi một bước, sao tợ câu ba ba trong lửa, giữa ban ngày che giấu băng, âm ảnh hỏi phiên vọng lượng, hư không buộc giết giường chỏng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cặp đường gặp gỡ tạm chớ nghi, sấm chớp đá lửa đã chậm rì, nếu bảo thẳng xuống ba tâm suốt, chỉ tại như nay một lúc ăn. Đến trong đó thẳng khiếu hỏi lại đáp đi, lửa chạy sao bay cùng nhau kéo khách chủ, chiếu dụng được mất, sóng vụt núi đứng, ngọc chuyển châu xoay, trước mặt nạp Tăng rõ không giao thiệp. Há chẳng thấy nắm cành hoa lên đỉnh Linh thứu riêng hứa cùng Ẩm Quang (Ca-diếp). Thăm bệnh ở thành Tỳ-da ai đáng hạt vàng, nào biết mỉm cười đã thành đường vết. Giả sử lặng thinh chưa khỏi sóng gió, cần phải cách ngoại cùng gặp, mới hiểu diễn quyết bên trong, lại có hiểu chăng? Một khúc nhạc xa xăm động xưa nay, Lạc dương ba mươi sáu ngọn núi về phía Tây". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nêu cử chẳng đoái hoài tức sai, giúp phỏng nghĩ lường kiếp nào ngộ. Đại chúng, cây dâu khô biết gió trời, là đoái hoài hay chẳng đoái hoài? Nước biển biết trời lạnh là nghĩ ngợi hay chẳng nghĩ ngợi. Hãy gọi gì làm đạo lý tỏ ngộ, sừng thỏ đầu gậy khêu pháp giới, phất trần lông rùa múa ba đài". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Âm trong lỗ mũi, mùi thơm trong lỗ tai, mặn dạt trong tròng mắt, đen vàng nơi đầu lưỡi, ý hay nhận biết xúc chạm thân phân biệt, nhà băng đến xuân, chín hạ mát, thấy được như thế mới biết trong thân nam tử lúc nhập định, trong thân người nữ từ định ra. Hoa quỳ theo mặt nhật xoay chuyển, Vân Tê đùa trăng lên, Hương Phong hóa người già, sâu trùng thành gái xinh, nếu cũng không biết, khổ thay Phật-đa-la! Hứa cho ngươi đầy đủ một mắt". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một niệm tâm tịnh, Phật ở

điện Ma vương, một niệm tâm ác sinh, Ma vương ở điện Phật. Thiền sư Hoài Bảo chỉ nghĩ gì tin đi, gọi làm chân đạp đất báu mà đi, trọn không pháp khác, cũng không đạo lý khác. Lão Tăng nghĩ gì nêu cử xong, chỉ sợ các người thấy thỏ liền thả chim săn, khắc thuyền tìm kiếm, cớ sao trời công đức nữ hắc ám, chủ nhân có trí cả hai đều chẳng nhận?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Phần Dương nắm cây gậy chỉ dạy đại chúng là chư Phật ba đời tại trong đó, vì các người không lỗ huyệt, bèn chạy hướng đến trong cây gậy của sơn Tăng đi gượng sinh tiết mục. Sư bảo: "Phần Dương lấy gì chỉ dạy đồ chúng, rất tợ như vác tuyết lấp giếng bên cạnh như không người, ngày nay sơn Tăng vì các người ra hỏi". Sư nắm cây gậy dậy, tiếp bảo: "Chư Phật ba đời chẳng dám gượng sinh tiết mục, tức từ trong cây gậy của sơn Tăng chạy ra, hướng đến các người nói Tôi không dám khinh các người, các người đều sẽ thành Phật, nói lời ấy rồi, vụt gân đầu hướng đến trong thành Câu-thi-la đi vậy". Sư ném cây gậy xuống, tiếp bảo: "Nếu đến các phương rành rẽ nêu tương tợ". Sư cùng Thiền sư Viên Ngộ, Pháp Chân, Từ Thọ v.v... cả thảy mười vị Đại Pháp sư thiền giảng có cả ngàn vị Tăng. Phó thái úy Trần Công Lương Bật thiết trai cúng dường tại phủ.

Bấy giờ Hoàng đế Huy Tông (Triệu Cát 1101-1126) thời Bắc Tống, riêng mong được trông xem thấy Sư, Thái sư Lỗ Quốc Công cũng cùng dự tham vậy. Có Thiện Hoa Nghiêm là bậc nghĩa hổ trọng Tông Hiền thủ, đối trước đại chúng hỏi các Thiền giả rằng: "Đức Phật chúng ta thiết giáo từ Tiểu thừa đến viên đốn, quét sạch không hữu, riêng chứng chân thường, sau đó đầy đủ muôn sức trang nghiêm mới gọi là Phật. Từng nghe ở Thiền tông chỉ một tiếng hét hay chuyển Phàm thành Thánh thì cùng các kinh luận tợ như có sư chống trái. Nay một tiếng hét nếu hay vào trong tâm tôi, ngũ giáo phải là chánh thuyết. Còn nếu chẳng thể vào tức là tà thuyết. Các bậc Thiền giả trông nhìn Sư. Sư bảo: "Như điều hỏi của Pháp sư chưa đủ để ba Thiền sư lớn đối đáp. Tiểu Trưởng lão Tịnh nhân đây có thể khiến Pháp sư không lầm hoặc vậy". Sư bèn gọi: "Thiện Hoa Nghiêm!" Thiện Hoa Nghiêm liền ứng tiếng "kính vâng". Sư bảo: "Chỗ Pháp sư cho là Tiểu thừa giáo mới hữu nghĩa vậy, Đại thừa Thỉ giáo mới không nghĩa, Đại thừa Chung giáo mới chẳng hữu chẳng không nghĩa, Đại thừa Đốn giáo mới tức hữu tức không nghĩa, Nhất thừa Viên giáo mới chẳng hữu mà hữu chẳng không mà không, hoặc làm không mà chẳng hữu hữu mà chẳng không nghĩa vậy, với một tiếng hét ta đây chẳng chỉ bày vào Ngũ giáo mà đối với các thứ kỹ nghệ công xảo, bách gia chư tử thảy đều hay vào". Sư bèn gằng

hơi hét một tiếng rồi hỏi Thiện Hoa Nghiêm: “Có nghe chăng?” Thiện Hoa Nghiêm đáp: “Nghe”. Sư bảo: “Ông đã nghe một tiếng hét đây tức hay vào Tiểu thừa giáo”. Ngưng khoảnh khắc, Sư lại hỏi Thiện Hoa Nghiêm: “Có nghe chăng?” Thiện Hoa Nghiêm đáp: “Chẳng nghe”. Sư bảo: “Ông đã chẳng nghe một tiếng hét vừa ại là không, hay vào Thỉ giáo”. Sư bèn ngó ngoái lại Thiện Hoa Nghiêm rồi bảo: “Mới đầu một tiếng vừa mới hét của Tôi, ông đã nói hữu, hét qua lâu tiêu mất tiếng, ông lại nói không. Nói không tức mới đầu thật hữu, nói hữu mà nay lại thật không, chẳng hữu chẳng không, hay vào Chung giáo. Lúc tôi có một tiếng hét, hữu chẳng phải hữu, nhân không mà hữu, lúc không một tiếng hét, không chẳng phải không, nhân hữu nên không. Tức hữu tức không hay vào Đốn giáo, phải nên biết một tiếng hét của Tôi đây chẳng làm dụng của tiếng hét. Hữu và không đều chẳng kịp, tình giải đều mất. Lúc nói hữu thì một mảy trần chẳng lập, lúc nói không thì ngang cùng hư không, tức một tiếng hét đây vào trăm ngàn muôn ức tiếng hét, trăm ngàn muôn ức tiếng hét vào một tiếng hét đây, cho nên hay vào Viên giáo”. Thiện Hoa Nghiêm mới đứng dậy kính bái. Sư lại bảo: “Chẳng chỉ một tiếng hét là vậy, mà đến cả một nói một nín một động mội tĩnh, từ xưa đến nay, mười phương hư không muôn tượng sum-la, sáu đường bốn loài chúng sinh chư Phật ba đời, hết thảy Thánh hiền, tám vạn bốn ngàn pháp môn, trăm ngàn Tam-muội, vô lượng Diệu nghĩa, khế kinh khế cơ, cùng với đất trời muôn vật đồng một thể, gọi đó là pháp thân. Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức. Bốn mùa tám tiết âm dương đồng nhất, gọi đó là pháp tánh. Cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói “Pháp tánh khắp ở tất cả mọi người, hữu tướng vô tướng, một âm một hình sắc toàn ngậm trong một mảy trần. Bốn nghĩa sự lý vô biên khắp cùng chẳng dư. Tham mà chẳng tạp, lộn mà chẳng một, ở trong một tiếng hét đây thảy đều đầy đủ, còn là biến hóa tạo lập sân cửa, phương tiện tùy cơ, gọi đó là Trường tiểu hiết, chưa đến cơ sở quý báu. Rất chẳng biết môn hạ Thiền sư Tôi dùng tâm truyền tâm, dùng pháp ấn pháp. Chẳng lập văn tự, kiến tánh thành Phật. Có ngàn Thánh chẳng truyền ở một đường hướng thượng”. Thiện Hoa Nghiêm lại hỏi: “Thế nào là một đường hướng thượng?” Sư đáp: “Ông hãy tạm hướng hạ hiểu lấy”. Lại hỏi: “Thế nào là cơ sở quý báu?” Sư đáp: “Chẳng phải cảnh giới của ông”. Lại nói: “Cúi mong Thiền sư duỗi tâm từ bi”. Sư bảo: “Mặc tình theo biển cả biến đổi, trọn chẳng vì ông thông”. Thiện Hoa Nghiêm cứng miệng mà rút lui. Mọi người được nghe đó thảy đều thán phục kính ngưỡng. Hoàng đế Huy Tông nhìn lại, bảo với cận thần rằng: “Thiền

tông huyền diệu sâu sắc như thế!" Cận thần tâu vua: "Đây là tiếp nối dư thừa của Tông sư vậy".

2. Thiền sư Ngạn Tư ở Pháp luân.

Thiền sư Ngạn Tư ở Pháp luân tại Nam nhạc, vốn người dòng họ Trần ở Long tuyền - Xử chi. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu là thực đáng tài giỏi, thông thân không cách ngại. Cử thố tuyệt mảy may, vỗ tay ra bụi hồng, đánh mở huyệt hướng thượng, đương đầu tấu định chẳng phạm bén nhọn lấn lướt, chuyển kéo tương lai ứng dụng vừa khéo mảy may chẳng lọt, che đậy tương ứng. Mặc là chư Phật chư Tổ trông nhầm lông lạnh dựng cao, hiểu chăng? Uống trà đi?" Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là câu chẳng can thiệp khói sóng?" Sư đáp: "Sáng rực trăng tùng lạnh, vùn vụt gió cửa cốc. Lại nói: "Muôn sai đều quét sạch, một câu cắt nguồn cơ". Sư bảo: "Điểm". Lại nói: "Đến". Sư bảo: "Mượn mặt người đủ múa ba đài". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Con trùng lớn nơi trán trắng". Lại hỏi: "Chỉ như Động Sơn nói ba cân gai lại làm sao sống?" Sư đáp: "Rắn độc quấn lộ trụ". Lại nói: "Người học không hiểu". Sư bảo: "Đạp nhầm mới kinh sợ".

3. Thiền sư Tông Triết ở Khai phước.

Thiền sư Tông (Sùng?) Triết ở Khai phước tại Hành châu, vốn người dòng họ Lưu ở Triệu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Diệu thể rành rành xúc xứ hiện bày, khoái phải xoay đầu bèn nhận lấy. Sáng nay đối trước đại chúng phân giao cả, chớ nói nhà nông có che giấu". Có vị Tăng hỏi: "Một giọt nước nuốt cả khoảng không xa, ba ngọn núi cao vút vách nguy hiểm, Nghê Đài lại lau chùi, cùng mừng người chủ trở về. Chưa xét biết đến nhà thi thiết như thế nào?" Sư đáp: "Tay không nắm hai nắm". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Đột xuất khó biện rành". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sơn Tăng có ba ấn, lại không thêm bớt thừa, xem mặt bèn cùng bày, hay chuyển Phàm thành Thánh. Các người lại có biết chăng? Nếu cũng chẳng biết thì chẳng khỏi lớp lớp chú phá. Một ấn in giữa không trung, Nhật nguyệt muôn sao xếp bày dưới gió, một ấn in trên bùn đất, mọi vật đều hiện bày có thật. Một ấn in trên nước, nắm chuyển đầu cá rồng làm đuôi. Ba ấn rõ ràng đồng một thể, xem lại chẳng đỏ cũng chẳng hồng, cùng đổi cao thấp như chẳng cử dâng, núi xanh như cũ trong mây trắng".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TƯỜNG Ở BẢO PHONG - LẶC ĐÀM

1. Thiền sư Đức Thăng ở Hồng phước.

Thiền sư Đức Thăng ở Hồng phước tại Đài châu, vốn người ở Hành dương. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Các người nghĩ gì từ trước lại lạc rơi trong thấy nghe hay biết? Nghĩ gì dưới đi rơi lạc ở động tĩnh thi vi? Nếu cũng chẳng đi chẳng lại, chánh là kế sống của hang quỷ, làm sao nói được câu xuất thân? Nếu cũng nói được thì phân giao cho cây gậy, còn nói không được thì nên y theo đó mà thực hành”. Xong, Sư chống cây gậy mà xuống khỏi tòa.

2. Thiền sư Tuệ Tố ở Vạn thọ.

Thiền sư Tố ở Vạn thọ tại phủ Kiến khương. Có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: “Lúc kiếp lửa thiêu đốt, đại thiên đều tiêu hoại. Chưa xét biết cái ất có tiêu hoại không? Đại tùy bảo là tiêu hoại, chủ Tu Sơn bảo là chẳng tiêu hoại. Chưa xét biết ai phải ai quấy?” Sư đáp: “Một người nói tiêu hoại, một người nói không tiêu hoại, cười giết Quán tự tại. Sư tử chợt cắn người, chó cuồng hết đuổi đống gò”. Sư lại hỏi: “Hiểu không?” Vị Tăng ấy đáp: “Không hiểu”. Sư bảo: “Thùng sơn chẳng khoái”, bèn xuống khỏi tòa. Một ngày nọ có vị Tăng đến lễ bái, Sư hỏi: “Ông từ xứ nào lại?” vị Tăng ấy nói: “Hòa thượng hợp nên biết nơi Tôi lại”. Sư bảo: “Gốc Hồ nam gánh phẩn, khác Giang tây gặt lúa”. Lại nói: “Hòa thượng thật là người có mắt trời, Tôi ở Đại quy sung đầu vương, Đông lâm làm Tạng chủ”. Sư bèn đánh ba gậy và quát mắng đuổi ra. Đến ngày 15 tháng 06 năm Thiệu Hưng thứ hai mươi ba (1153) thời Nam Tống, Sư tắm rửa xong, ngồi kiết già, viết bài kệ tụng rằng: “Đêm qua sấm gió bỗng nổi dậy, lộ trụ sinh mọc hai ngón tay, trời sáng cười đến đèn lồng, cây gậy y như trước nâng dậy, phất trần nhảy vọt qua lưu sa, đoạt đổi một chiếc dép của Hồ Tăng”. Xong, Sư nghiễm nhiên thị tịch.

3. Thiền sư Đạo Uyên ở Hương sơn.

Thiền sư Đạo Uyên ở Hương sơn tại Minh châu, vốn người ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Rượu chợ cá đi, mỗi mỗi Bảo sở, chá kêu, tước hót, đều là diệu âm”. Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: “Hãy nói cái ấy là cái Phật sự gì lẫn lộn chẳng thiếu?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hương sơn có cái câu thoại đầu, đầy khắp cả bốn đại thần châu. Nếu đem Phật pháp để bình phán thì lại như nhận ngựa làm trâu. Các người đã chẳng làm Phật pháp bình phán, rốt cùng là Đạo lý gì?” Sư đánh cây phất trần một cái, tiếp bảo: “Không vòng khóa sắt chẳng nhàm động lay, nửa đêm đầu cần phải mò nhầm”. Xong, Sư xuống khỏi tòa.

4. Thiền sư Đạo Quất ở Khai thiện.

Thiền sư - Thủ tòa Đạo Quất ở am gỗ Khai thiện tại phủ Kiến ninh, vốn người ở Thượng nhiêu - Tín chi. Khắp chốn tùng lâm đều lấy kỳ đức mà tôn xưng Sư. Thiền sư Tường cũng bảo Sư là người no đủ tham. Ngày phân tòa, thường nêu cử ngữ cú một chiếc giày trở về trời Tây, Sư bảo đại chúng rằng: "Ngồi mà thị tịch, đứng mà qua đời, lộn ngược hiện hóa tức chẳng không, cốt yếu lại chưa có qua đời mà lại xuất hiện để lại một chiếc giày. Vì lại con cháu đời sau chẳng kịp Tổ sư, vì lại Tổ sư thừa có một trứ ấy". Sư mới cười lớn, tiếp bảo: "Lão Dã hồ".

Mùa Đông năm Canh thân (1140) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Tín Thú lấy cơ sở Siêu Hóa đổi luật làm thiền, thỉnh mời Sư làm Đệ nhất tổ. Sư bảo cùng chuyên sứ: "Mới đầu ta không có ý vào nhân gian, muốn làm sơn tử chánh vì Tông phái vậy. Nhưng sợ phần nhiều chẳng thể đến nhận thỉnh mời, đã lấy hai chữ vẽ tượng và am gỗ ở Lặc đàm", Sư bèn viết kệ giao gởi cho Hanh Lão Tuyền, gởi cho đệ tử đắc pháp của Sư là Sa-môn Tuệ Sơn rằng: "Miệng mỏ chẳng trúng Lão Tử tường, mến hướng tùng lâm khuấy phải quấy, phân giao Tuyết Phong Thủ tòa Sơn, vì ta đau mắng chớ lắm đó". Sư trông nhìn lại chuyên sứ và bảo: "Nên vì ta mà chuyển lời đến cùng thị lang, tính đi bức bách rất lắm chẳng kịp sửa đáp". Nói vừa dứt tiếng, Sư bèn thị tịch.

5. Thiền sư Cảnh Thuần ở Bảo phong.

Thiền sư Tri Tạng Cảnh Thuần ở Bảo phong, vốn người đất Mai châu, Sư được độ xuất gia tại chùa Hóa độ, đến nương tựa Thiền sư Tường ở Lặc đàm. Lần lượt vào thất, Thiền sư Tường hỏi: "Trâu sắt Thiểm phủ lại ít nhiều?" Sư tréo tay đến gần phía trước đáp: "Hãy nói lại ít nhiều". Thiền sư Tường bảo: "Đuôi ở phía Bắc Hoàng hà, đầu gối phía nam Hoàng hà, Thiện Tài không lỗ mũi, y như cũ hướng đến Nam tham". Sư phỏng bàn nghị, Thiền sư Tường bèn đánh, vụt nhiên Sư chóng thấu suốt. Sư theo hầu qua thời gian có mấy năm, về sau Sư ẩn dật nơi hang rừng. Sư từng làm kệ tụng rằng: "Sợ lạnh biếng lười cạo râu tóc, thích ấm từng thêm củi gốc cây, phá áo già-lê vơ loạn nhặt, ai hay nhọc sức gượng an bài".

6. Thiền sư Dụng Tuyên ở Hoài ngọc.

Thiền sư Dụng Tuyên ở Hoài ngọc tại Tín châu, vốn người dòng họ Bành ở Tứ minh. Sư xuất gia làm Tăng từ thủa bé thơ, thẳng đến ở tùng tịch, nương hầu Thiền sư Tường (Lặc đàm) lúc ở Hoàng Nghiệt. Một ngày nọ từ Lâm xuyên, Sư mang bát trở về, gặp Thiền sư Tường đang vãn tham, có bảo là: "Một lá vụt không bèn biết thu, pháp thân

phải thấu ồn ty tỷ. Nghe thế, Sư liền lãnh hiểu ý chỉ. Thiền sư Tường chứng nhận cho. Sau, Sư đến nương tựa Đại Tuệ, Đại Tuệ cũng cho Sư là đồng như mình, từ đó các bậc công khanh tiếng tăm, những ngôi chùa lớn từng thiết lễ thỉnh mời, mà Sư chẳng từng đến. Sư có làm bài kệ tụng về đại ngu đáp câu thoại về Phật là: "Cưa mở dùi cân ra thơ Lão Đổ. Anh vũ mổ hết hạt lúa hồng, phụng hoàng già đậu cành ngô đồng biếc.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BẢN Ở LINH (VÂN?) CÁI TẠI ĐÀM CHÂU

1. Thiền sư Tuệ Liên ở Thừa thiên.

Thiền sư Tuệ Liên ở Thừa thiên - Nam nhạc tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Thừa thiên?" Sư nắm cây phất trần lên. Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đánh xuống thiền sàn một cái. Lại hỏi: "Người và cảnh đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư treo cây phất trần lên chỗ cũ. Và, Sư mới bảo: "Ngày gần đây, Hồ Nam hơi khác biệt, tuyết nhỏ theo thời kịp tiết, chỉ quản tịch nhạc đồi núi, chớ luận xuân lạnh thu nóng. Ha, ha, ha, thật đáng mừng vui. Dưới sân hương cam vàng chẳng triệt". Có lúc lên giảng đường, Sư nâng cây quạt lên và bảo: "Cây quạt tê ngưu xưa nay phẩy, trước bảy mươi núi chín hạ đài, trong mười hai thời khắc như đáng dùng. Phân rõ đầu sừng khéo thương lượng. Thử hỏi chư Thiền đức thương lượng cái gì?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Mặc cho ngàn ban khéo, trọn không hai dạng phong". Xong, Sư mới buông cây quạt xuống. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Trong các pháp cúng dường, cúng dường tối thắng, đó là cúng dường pháp. Núi cúng dường nước, nước cúng dường núi, Tăng đường cúng dường điện Phật, diện Phật cúng dường Tăng đường. Các người cúng dường Lão Tăng, Lão Tăng cúng dường các người". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Cúng dường đã xong, xưng niệm chân ngôn Phổ cúng dường, Lão Tăng quên mất, tạm bảo cây gậy xưng niệm cùng các người". Sư gõ xuống một cái và bảo: "tĩnh xứ Tát-bà-ha". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong chợ ồn náo biết lấy Phật xưa, trên đầu trăm hoa dâng lấy Lão Tăng. Phật xưa trong chợ ồn náo tạm đặt yên, còn Lão Tăng trên đầu trăm hoa làm sao sống dâng lấy?" Và Sư mới bảo: "Chẳng phải gặp người khoe tay khéo, đại khái phẩm cách hợp phong lưu". Rồi Sư hét một tiếng.

2. Thiền sư Tự Hiền ở Thừa thiên.

Thiền sư Tự Hiền ở Thừa thiên tại Nam nhạc, Đàm châu. Có vị

Tăng hỏi: "Đại chúng đã nhóm tụ mong nghe tiếng sấm, nghê tòa đã lên xin Sư vạch bày". Sư đáp: "Trên đầu sát can vụt cân đấu". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì trước núi Nhạc Lộc sương lành nỗi, dưới núi Chúc dung mây xinh mọc?" Sư đáp: "Trong màn lưới tía tung Chân châu". Sư mới nắm cây gậy lên và bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật". Sư đánh xuống thiền sàn một cái, tiếp bảo: "Cùng ông đánh phá hang Tinh linh, rây đất vấy bụi không nơi tìm, ngàn núi muôn núi không đột ngột". Sư lại đánh xuống thiền sàn một cái, tiếp bảo: "Về nhà tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một thân cao ẩn chỉ Nam nhạc, tự cười mây lẻ chưa phải nhàn. Dưới tùng bên nước ngồi ngay ngắn, cũng nên tùy bày nói ở núi. Ôi!" Sư lại bảo: "Canh năm tàn trăng rơi, trời nóng mây trắng bay, rõ ràng việc trước mắt, chẳng phải có trước mắt. Đã là việc trước mắt, vì gì chẳng phải có trước mắt?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Muốn nói nói chẳng kịp, dưới rừng khéo thương lượng". Sư lại bảo: "Phật tổ chẳng thể chánh quán, đất trời chẳng thể chở che. Hãy nói vì gì như vậy?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Mỗi người có cái đãy da".

3. Thiền sư Duy Đức ở Hương sơn.

Thiền sư Duy Đức ở Hương sơn tại Lô lăng. Có vị Tăng hỏi: "Lên tòa Sư tử làm sư tử rống". Sư bảo: "Lui sau ba bước". Lại hỏi: "Bỗng gặp Văn Thù ngồi trong am cỏ, không sinh thẳng chưa giao, trời rồng rất không biết, mưa hoa từ đâu rơi, Ma-kiệt nhọc đóng thất, Tỳ-da không bưng miệng, ngủ dậy một chén trà, riêng là cái mùi vị". Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khó khó mảy may còn cách muôn lớp núi, dễ dễ sát-na bèn đến đất vô sinh, kham dáng Văn Thù với Duy-ma hai cái lẫn lộn, nói không hai. Với sơn Tăng tức không như vậy". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Khó khó chọn lựa rõ ràng ông tự xem". Xong, Sư hét một tiếng.

4. Thiền sư Nham Khánh ở Thảo y.

Thiền sư Nham Khánh (Nham trị Bình khánh) ở Thảo y tại Nam nhạc. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là cảnh Trị bình?" Sư đáp: "Thất đá đêm khuya sương trăng trắng, Thảo y lâu năm bại bờ lạnh". Lại hỏi: "Thế nào là người trong cảnh?" Sư đáp: "Kéo gậy tìm nước xa, rửa bát đến triều trai". Lại hỏi: "Người và cảnh đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ngựa gỗ hý gió, trâu đất qua biển". Và Sư mới bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, buông ra chim cốt trời xa. Lại có thấy chăng? Gió trong dưới trăng người giữ gốc, thỏ mát dần xa cỏ xuân biếc". Xong Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trọn ngày mênh mông

việc thuyền chẳng phòng ngại. Hãy nói: “Thế nào là việc thuyền?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Lá rơi biết nước chảy, mây về biết núi xưa”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BẢN Ở HỘ QUỐC

1. Thiền sư Phổ Tịnh ở Quân sơn.

Thiền sư Phổ Tịnh - Sùng Thắng ở Quân sơn tại Nhạc châu. Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là cảnh Quân sơn?” Sư đáp: “Chùa ở trên đảo khói, bốn phía đều sóng cả”. Lại hỏi: “Thế nào là người trong cảnh?” Sư đáp: “Trông Nam nhìn Bắc đẩu”. Lại hỏi: “Người và cảnh đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa việc ấy như thế nào?” Sư đáp: “Ngoài hiên gió trong nổi, trong hồ sóng trắng xao”. Lại nói: “Cảm tạ Sư đã đáp câu thoại”. Sư bảo: “Lão Tăng tội quá”. Sư mới nắm cây gậy lên, tiếp bảo: “Nhìn, nhìn cây gậy, cây gậy, sinh tại trên đá vực cao, như nay nắm đến trước người, một mặc sinh gió nổi sóng”. Xong, Sư mới ném xuống. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ma-kiệt bít thất, Tịnh danh cứng miệng, Ẩm quang mỉm cười, Đạt-ma quán vách, Tuyết lão trục cầu, Hòa sơn đánh trống, Mật nham chống nạng, bình kéo đá. Một đội tài giỏi ấy, mỗi tự thỏa thích kỹ lưỡng, tất cả chẳng bày một lời dạy. Người sau làm sao mò phỏng? Chớ quá lạ sơn Tăng chẳng hiểu nói Thiền. Chỉ phải tu tạp cửa viện, một bữa cháo một bữa cơm tiếp đãi người qua lại. Nếu phải nói thiền nói đạo tự có các phương”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 25
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 26

MỤC LỤC

2. Thiền sư Nguyên Tín ở Đại tùy
3. Thiền sư Liễu Oai ở Tịnh quang (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cảo ở Pháp vân, có ba vị:
1. Thiền sư Biện ở Động sơn
2. Thiền sư Nghi ở Tuệ Hải
3. Thiền sư Loan ở Tây thục (ba vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Anh ở Hoa dược, có một vị:
1. Thiền sư Đạo Ninh ở Thê hiền (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Năng ở Văn Thù, có một vị:
1. Thiền sư Quỳnh ở Thiên ninh (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiêm ở Pháp luân, có hai vị:
1. Thiền sư Đức Tông ở Linh trúc
2. Thiền sư Nhuận ở Phụng thê (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tỉnh Hiển ở Cốc ẩn, có bốn vị:
1. Thiền sư Chánh ở Thạch môn
2. Thiền sư Tông Nguyệt ở Bạch thủy
3. Thiền sư Hạo ở Hưng dương
4. Thiền sư Ngân ở Cốc ấn (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tân ở Quy sơn, có hai vị:
1. Thiền sư Tề ở Phổ chiếu
2. Thiền sư Tổ Đàm ở Nhạc lộc (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Gian ở Ngưỡng sơn, có hai vị:
1. Thiền sư Phổ ở Ngưỡng sơn
2. Thiền sư Uẩn ở Thiên ninh (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thuần Bạch ở Chiêu giác, có bốn vị:
1. Thiền sư Tông Hiển ở Tín tướng (hiện có ghi lục)

2. Thiền sư Tung ở Thiết tượng
3. Thiền sư An Tượng ở Thành đô
4. Thiền sư Hoài Tông ở Long khoảnh (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dị ở Quảng lợi, có một vị:
1. Thiền sư Thuận ở Long hưng (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Am chủ Nghiểm ở Mã tổ, có một vị:
1. Thiền sư Hy Tắc ở Tư giáo (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Xuân ở Đại quy, có năm vị:
1. Thiền sư Uẩn Năng ở Trung nham
2. Thiền sư Tông Ấn ở Vân đảnh (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Hy Thức ở Càn nguyên
4. Thiền sư Liễu Chân ở Linh phong
5. Thiền sư Pháp Không ở Thiên chân (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Anh ở Tiến phước, có năm vị:
1. Thiền sư Phổ Minh ở Đẳng giác (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Đức Viên ở Diệu quả
3. Thiền sư Trí Lân ở Hạc lâm
4. Thiền sư Khánh Thư ở Sùng ninh
5. Thiền sư Thiện Trung ở Mật nghiêm (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Càn ở Lặc đàm, có mười tám vị:
1. Thiền sư Tông Mật ở Long nha
2. Thiền sư Đạo Mân ở Viên thông
3. Thiền sư Phổ Giao ở Thiên đồng
4. Thiền sư Tùng Mật ở Đông thiền
5. Thiền sư Hàm Tỉnh ở Thắng nhân
6. Am chủ Tri Hòa ở Nhị linh
7. Thiền sư Khả Đô ở Hưng hóa
8. Thiền sư Sở Phương ở Đạo ngô (tám vị có ghi lục)
9. Thiền sư Hữu Nhu ở Tuyết Phong
10. Thiền sư Úc ở Tư phước
11. Thiền sư Lương Ngọc ở Cảnh đức

12. Thiền sư Chân ở Tiến phước
13. Thiền sư Đức Quân ở Khai phước
14. Thiền sư Chiếu ở Nam cương
15. Thiền sư Như Sơn ở Vân cư
16. Thiền sư Sở Thiền ở Thạch sương
17. Thiền sư Giác Trừng ở Mộc bình
18. Thiền sư Tỉnh Ngộ ở Tư phước (mười vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Anh ở Khai tiên, có mười sáu vị
1. Thiền sư Hải Bình ở Đại quy
2. Thiền sư Thụy Tiên ở Từ thị (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Pháp Chiếu ở Đạo lâm
4. Thiền sư Văn Cảnh ở Quang hiếu
5. Thiền sư Nhữ Anh ở Du địa
6. Thiền sư Quáng Xung ở Tam thực
7. Thiền sư Dụng Hưng ở Bảo cái
8. Thiền sư Tông Thuận ở Thiên ninh
9. Thiền sư Tuệ Hạo ở Linh sơn
10. Thiền sư Hy ở Tịnh độ
11. Thiền sư Đạo Khâm ở Hoàng nghiệt
12. Thiền sư Thứ Ngạn ở Cửu tiên
13. Thiền sư Vô Chiếu ở Chánh pháp
14. Thiền sư Trí Thông ở Lô sơn
15. Thiền sư Tông Mật ở Long nha
16. Thiền sư Tuyệt ở Đức sơn (mười bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tiên ở Viên thông, có bốn vị:
1. Thiền sư Liễu Oai ở Tịnh quang
2. Thiền sư Văn Tuệ ở Minh chiêu (hai vị có ghi lục)
3. Thiền sư Lập ở Tường phù
4. Thiền sư Pháp Chân ở Phù sơn (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Xướng ở Tuệ lực, có bốn vị:
1. Thiền sư Động Nguyên ở Tuệ lực (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thường Cực ở Phước thắng
3. Thiền sư Trạch Anh ở Tuệ đăng
04. Thiền sư Văn Khánh ở Vân khê (ba vị không ghi lục).

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DUYỆT Ở ĐÂU SUẤT

1. Thiền sư Tuệ Chiếu ở Đâu suất.

Thiền sư Tuệ Chiếu ở Đâu suất tại phủ Long hưng, vốn người dòng họ Quách ở Nam an. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Dưới núi Long an đường sá ngang dọc, trong cung Đâu suất lâu các chập chùng, tuy chẳng phải trên trời, chẳng phải ở nhân gian. Người đến an tâm toàn quên các niệm, người thiện hành chẳng dời hai chân, người khéo vào chẳng động hai cánh cửa. Tự hay cười ngạo lưới khói, ai quản ngồi tuyệt năm tháng. Đã là như vậy, hãy nói hướng thượng còn có việc gì không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chớ khiến đẩy rơi đá trước hang, đánh phá phương dưới mây che mặt nhật". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây phất trần và bảo: "Tết Đoan ngọ Long an cũng lay mái chèo, núi xanh trong mây được tiêu diêu, đói ăn khát uống vui vô cùng, ai mến sao trước đoạt gấm nêu, tức hướng trên đất khô mổ thuyền, đầu núi cao dậy sóng, sáng đánh trống ngọc, tối bày cờ sắt. Một chén trà xương bờ, vài cái bánh đường cát, hãy chuyển dời lấy Bắc-uất-đơn-việt lại cùng Nam Diêm-phù-đề húc trán xem?" Sư đánh vào thiền sàn rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đâu suất đều không kỹ lưỡng, cũng sánh bàng dạng các phương, cứ năm ngày một lần lên giảng đường, khởi động lắm nhiều Long tượng. Thiện đạo Phật pháp lại không, đến đây lấy gì cúng dường? Phải biết Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại phân giao một cây gậy". Sư mới nắm cây gậy dậy, tiếp bảo: "Do đó nói ngươi có cây gậy, Ta cùng người chống gậy, Ngươi không có cây gậy, Ta đoạt cây gậy của ngươi. Hãy nói cái nào là câu thật, cái nào là câu chủ? Nếu dứt được đi tức thọ dụng trong đường, còn nếu dứt chẳng được. Vả lại, thế đế lưu bố". Sư mới ném cây gậy xuống.

2. Thiền sư Liễu Thường ở Sơ sơn.

Thiền sư Liễu Thường ở Sơ sơn tại Phủ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là câu Sơ sơn vì người?" Sư đáp: "Thước ngọc trong lòng chưa nhẹ ném, cháy vàng trong áo mổ mặt lại". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đẳng nhàn buông xuống, tay Phật bít chẳng dừng, đặt đất gom lại, đại địa tuyệt mảy trần, hướng đến các ông mà nói chớ nghi ngờ, nơi nơi mỗi mỗi thấy biện tài, dưới dùi rõ ràng như đắc ý chỉ, không hạng nhọc sống mắt tự mở".

3. Cư sĩ Thừa tướng Trương Thương Anh.

Cư sĩ Thừa tướng Trương Thương Anh, tự là Thiên giác, hiệu là Vô Tận. Năm mười chín tuổi, Cư sĩ ứng cử vào kinh đô. Đường đi thẳng đến nhà dòng họ Hướng. Hướng Dự mộng thấy Thần nhân báo là:

"Sáng mai đón tiếp Tướng Công". Vừa sáng sớm thì Cư sĩ đến, Hướng rất lấy làm lạ đó, nhọc hỏi ân cần đầy đủ, rồi mới nói: "Tú Tài chưa cưới vợ, đáng nên lấy con gái để lo việc quét rưới". Cư sĩ cố chối từ vài ba phen. Hướng nói: "Chuyến đi này nếu chẳng xong chánh đáng, Tôi cũng không vui thích với ước hẹn trước". Về sau quả nhiên đỗ đạt, Cư sĩ mới cưới đó.

Mới đầu, Cư sĩ đảm nhậm chủ bộ, nhân vào trong chùa chư Tăng, thấy kinh tạng Phạm Giáp, bản chữ vàng tề chỉnh. Cư sĩ mới uất ức bảo: "Sách của Thánh Khổng ta, chẳng như giáo điển của người Hồ, qua sự kính trọng của mọi người". Đến đêm ngồi trong thư viện, trước nghiên mực, Cư sĩ cắn bút, tựa giấy ngâm dài đến nửa đêm không ngủ. Hướng thấy vậy, hỏi: "Quan nhân cớ sao đêm đã khuya mà không ngủ?" Cư sĩ đem ý trước mà tỏ bày đó, chánh là muốn trước thuật "Luận không Phật". Hướng liền ứng tiếng bảo: "Đã là không Phật, sao lại có luận? Nên phải trước thuật "Luận có Phật" mới được. Cư sĩ nghi ngờ qua lời nói ấy, bèn ngưng dừng. Về sau, Cư sĩ phỏng thăm đồng bạn, thấy quyển kinh trước khám thờ Phật, mới hỏi: "Đó là sách gì?" Người bạn ấy đáp: "Đó là kinh Duy-ma-cật". Cư sĩ tin vậy, bèn đưa tay mở xem, đến : "Bệnh đây chẳng phải địa đại, cũng chẳng phải nơi lìa địa đại", mới thán rằng: "Lời người Hồ nói cũng hay như vậy ư?" Và mới hỏi: "Kinh này có bao nhiêu quyển?" Đồng bạn đáp: "Có ba quyển". Cư sĩ mới mượn về nhà đọc xem. Lần lượt, Hướng trông thấy, bèn hỏi: "Xem đọc sách gì vậy?" Cư sĩ đáp: "Kinh Duy-ma-cật". Hướng bảo: "Có thể đọc xong kinh ấy mới trước thuật luận không Phật". Cư sĩ kinh sợ lấy làm lạ qua lời nói ấy. Từ đó, Cư sĩ kính tin Phật thừa, lưu tâm với Tổ đạo.

Năm Nguyên Hựu thứ sáu (1091) thời Bắc Tống, Cư sĩ đến làm quan ở Giang tây, bèn tới bái yết Thiền sư Tổng ở Chiếu giác. Thiền sư Tổng cật vấn điểm thấy của Cư sĩ, thấy phù hợp với mình, mới ấn chứng và bảo: "Tôi có đệ tử đắc pháp hiện ở Ngọc khê, là gương từ xưa vậy, cũng có thể cùng đàm nói". Cư sĩ lại nhận xét bộ qua phần Ninh. Các Thiền giả cùng nhau đón rước. Cư sĩ đến, trước tiên kính lễ gương từ ở Ngọc khê, tiếp đến các bậc Thiền đức, sau cùng đến phỏng tham hỏi Thiền sư Duyệt ở Đâu suất. Thiền sư Duyệt là người thấp xấu, Cư sĩ đã từng nghe cung trang Đức nói về khả năng thông minh đáng hơn người của Thiền sư Duyệt, mới nói: "Nghe ông khéo giỏi văn chương". Thiền sư Duyệt cười lớn, bảo: "Vận Sứ mất ngay một mắt rồi vậy. Trùng Duyệt tôi là cháu đời thứ chín của Lâm Tế, đối với Vận Sứ luận bàn văn

chương, chánh như Vận Sứ đối với Trùng Duyệt tôi luận bàn về Thiền vậy". Cư sĩ mịt mờ chẳng hiểu gì lời nơi đó, mới gượng cong ngón tay hỏi: "Đây là đời thứ chín vậy". Mới hỏi: "Ngọc khê cách đây ít nhiều?" - Đáp: "Ba mươi dặm". Lại hỏi: "Đâu suất cách bao xa?" - Đáp: "Năm dặm". Đêm đó, Cư sĩ đến Đâu suất. Trước đó một đêm, Thiền sư Duyệt mộng thấy vầng nhật luân đang dần lên giữa trời bị Thiền sư Duyệt đưa tay bắt lấy, mới nói cùng Thủ tòa rằng: "Nghĩa của vầng nhật luân xoay chuyển, nghe Trương Vận Sứ không bao lâu nữa sẽ ngang qua đây, tôi sẽ dùi sâu bổ đau, nếu chịu xoay đầu thì là việc may của chùa chúng ta vậy". Thủ tòa nói: "Ngày nay các bậc tài sĩ Đại phu quen nhận người lấy sự cung phụng, sợ sẽ phát riêng sinh mọi sự". Thiền sư Duyệt bảo: "Chánh khiến phiền não vừa lùi được, viện ta cũng không việc gì". Cư sĩ cùng Thiền sư Duyệt đàm nói lần lượt tán thưởng Đông Lâm, Thiền sư Duyệt chưa chịu nói đó, Cư sĩ mới đề bài thơ phỏng bảo can ở phía sau chùa, đại khái là: "Chẳng hướng Lô sơn tìm nơi lạc, lỗ mũi tượng vương lừa trời xa". Ý chê đó chẳng chịu Đông Lâm vậy. Cư sĩ cùng Thiền sư Duyệt đàm nói đến canh khuya, luận bàn về việc tông môn. Thiền sư Duyệt bảo: "Đông Lâm đã ấn chứng cho Vận Sứ. Vận Sứ đối với ngôn giáo của Phật tổ, có ít nghi ngờ chăng?" Cư sĩ đáp: "Có". Thiền sư Duyệt bảo: "Nghi những điều gì?" Cư sĩ đáp: "Nghi bài tụng riêng cẳng chân của Hương nghiêm, nghi câu thoại Đức Sơn nâng bát". Thiền sư Duyệt bảo: "Đã có các điều nghi ấy, ngoài ra sao được không tà? Vừa như lời của Nham đầu, câu cuối cùng, là có Tà hay không Tà?" Cư sĩ đáp: "Có" Thiền sư Duyệt cười lớn, bèn trở về phương trượng đóng ngay cửa. Suốt một đêm đó Cư sĩ ngủ không yên ổn, đến canh năm xuống sàn, xúc chạm đấm vào đồ vật, mới thấu suốt, mạnh mẽ xét câu thoại trước, bèn có bài tụng rằng: "Trống lắng chuông trầm nâng bát xoay, Nham đầu một ép nói tợ sấm. Quả nhiên chỉ được ba năm sống, chẳng là gặp kia dự ghi lại". Rồi liền đến gõ cửa phương trượng và nói: "Tôi, đã bắt được giặc rồi". Thiền sư Duyệt bảo: "Đút lót ở nơi nào?" Cư sĩ im lặng không nói gì, Thiền sư Duyệt bảo: "Đô vận hãy lui đi ngày sau sẽ gặp lại". Qua ngày hôm sau, Cư sĩ bèn nêu cử bài tụng trước, Thiền sư Duyệt mới bảo: "Tham thiền chỉ vì mạng căn chẳng dứt, y cứ vào lời sinh ra nhận hiểu, ông đã tỏ ngộ sâu, nhưng đến chỗ rất mực nhỏ nhiệm, khiến người bất chợt chẳng biết rơi lạc nơi âu vũ". Và Thiền sư Duyệt làm bài kệ tụng ấn chứng cho đó là: "Nói đi của Đẳng nhàn mỗi bước đều Như, tuy ở sắc, nào trệ có không, một tâm chẳng khác, muôn pháp nào sai, thôi phân thể dụng, chớ chọn tinh thô, gặp có

chẳng ngại, ứng vật không buộc, tình phải quấy hết, phàm Thánh đều trừ, ai được ai mất, nào thân nào sơ, nắm đầu làm đuôi, chỉ thật làm hư, vụt mình cảnh ma, giẫm chân đường tà, trọn không thuận nghịch, chẳng trái công phu". Cư sĩ mời Thiền sư Duyệt đến Kiến xương, giữa đường đi mỗi mỗi đều dò xét có làm mười bài tụng thuật về việc đó, Thiền sư Duyệt cũng có mười bài tụng để cùng đáp.

Bấy giờ là tháng tám năm Nguyên Hựu thứ tám (1083) thời Bắc Tống, một ngày nọ, Cư sĩ nói với Đại tuệ rằng: "Tôi đọc xem niêm cổ của Tuyết Đậu, đến Bách Trượng lại tham cứu nhân duyên của Mã Tổ, nói là "Tinh vàng sửa đổi, nên không thay màu" bèn vất quyển sách mà than rằng: "Xét như vậy đâu có được Lâm Tế ngày nay ư?" Bèn làm bài tụng là: "Một tiếng hét của Mã Tổ như núi đại hùng, vào sâu trong đầu não ba ngày điếc tai, Hoàng Nghiệt nghe đó bèn nhả le lưỡi. Giang tây từ đó lập Tông phong". Sau đó, Thiền sư Bình gởi thư đến nói là: "Mùa hạ năm trước đọc về Tông phái của Lâm Tế, mới biết Cư sĩ có được Đại cơ đại dụng". Và lại xin bản tụng, tôi mới làm bài tụng gởi đó là: "Nhả lưỡi ta điếc Sư đã hiểu, dùi ngực vừa bị khóa trời xanh, trong hội bàn sơn phiên cân đẩu, đến đây mới biết khắp hóa điên". Mọi người ở các phương luôn luôn cho tôi là người thông minh ghi nhớ rộng, ít người biết rõ về tôi vậy. Từ từ pháp Quậc ở Giang Tây lại, hẳn hay biện rành sự hơn kém, thử vì Lão phu tôi nói đó". Đại tuệ bảo: "Chỗ thấy của Cư sĩ hợp với Chân Tịnh, Tử Tâm". Cư sĩ hỏi: "Cớ sao nói vậy?" Đại Tuệ bèn nêu cử: "Chân Tịnh có kệ tụng rằng: "Khách tình từng bước theo người chuyển, có Đại oai quang chẳng thể hiện, đột nhiên một tiếng hét hai tai điếc, nào quát mắt mở mặt Hoàng Nghiệt". Còn Tử Tâm niêm rằng: "Vân Nham cần ho Tuyết Đậu, đã là tinh vàng sửa đổi, nên không thay màu, vì gì liền ba ngày tai điếc? Mọi người cần biết chăng? Từ trước ngựa đổ mồ hôi không người hay, chỉ cần thường lại bởi thay công". Cư sĩ bèn vỗ vào ghế một cái và nói: "Nếu chẳng nhân Sư nói thì làm sao thấy được điểm dụng của Chân Tịnh và Tử Tâm! Nếu chẳng phải hai Đại lão ấy thật khó hiển bày Tuyết Đậu và Mã Tổ vậy!"

Đến một sáng sớm trong tháng mười một năm Tuyên Hòa thứ tư (1122) thời Bắc Tống, Cư sĩ làm bài Di Biểu, bảo đệ tử ghi viết đó, bỗng chốc nắm chiếc gối ném lên trên cửa sổ, có một tiếng vang như sấm động, mọi người trông nhìn lại thì Cư sĩ qua đời. Cư sĩ có các bài tụng cổ lưu hành nơi đời, nên ở đây chẳng ghi lục lại.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHUẨN Ở LẶC ĐÀM

1. Thiền sư Thiên Du ở Vân nham.

Thiền sư Thiên Du - Điển Ngu ở Vân nham tại phủ Long hưng, vốn người dòng họ Trịnh ở Thành đô. Mới đầu đến thi ở trường quận, lại đến thi ở Tử châu, cả hai nơi đều đỗ đạt cống tịch nhưng Sư chẳng dám đảm nhận, bèn trốn danh vượt ra ngoài cửa. Vừa lúc gặp Đạo nhân sơn cốc từ phương Tây trở về, nhân thấy phong cốt Đạo nhân khác thường luận bàn trổi vượt, Sư mới cùng đồng thuyền trở về. Sau cùng, đến Lô sơn cầu xin xuống tóc xuất gia nhưng chẳng đổi tên cũ. Đầu tiên, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Tử Tâm mà không khế hợp, bèn đến nương tựa Thiền sư Trạm Đường ở Lặc đàm. Một ngày nọ, Thiền sư Trạm Đường bảo chung đại chúng rằng: "Các người khổ khổ đến nơi Thượng tọa chuẩn tìm Phật pháp". Bèn vỗ vào đùi vế, tiếp bảo: "Hiểu chăng? Trên tuyết thêm sương". Lại vỗ vào đùi vế tiếp bảo: "Nếu cũng không hiểu, sao chẳng thấy Càn Phong chỉ dạy đại chúng rằng: "Nếu một chẳng được nêu hai, phóng buông một trứ rơi ở thứ hai". Sư nghe thế bỗng nhiên tỏ ngộ.

Lúc ra hoằng hóa, mới đầu ở Vân cái, tiếp dời đến ở Vân nham, Sư từng làm bài kệ tụng chăn trâu của Hòa Trung Đạo giả rằng: "Hai sừng chỉ trời, bốn chân đạp đất, kéo đứt lỗ mũi, tuông lắm phẩn giải". Trương Vô Tận trông thấy đó, rất mực kinh sợ tiết tháo của Sư. Về sau, Sư lùi khỏi Vân nham đến Lô sơn, Chư ông Thê Hiền trong ý không muốn nhận ở, mới nói: "Lão lão đại đại chánh là Điển ngưu trong chất khố". Nghe thế, Sư bèn thuật một kệ tụng để lại mà đi rằng: "Chất khố nào từng hiểu Điển ngưu, chỉ nhân giá mắc thật khó trả, Tưởng Ông vốn lãnh không lắm con, rốt cùng khó cấm một đầu ấy". Rồi bèn đến dựng am ở Võ Ninh, đề tấm biển là "Điển Ngưu", trọn đời Sư ở đó chẳng rời khỏi, Sư thọ chín mươi ba tuổi vậy.

Có lúc lên giảng đường, Sư gõ cây gậy bảo: "Mưa lâu chẳng bổ tạnh, quạ vàng bay ở góc lầu chuông". Sư lại gõ cây gậy xuống một cái, tiếp bảo: "Còn ở tại vỏ xác". Lại gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Mặc tình danh mạo của nạp Tăng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một tiếng hét của Mã Tổ, Bách Trượng ngã qua, một đứa ở của Lâm Tế quét phẩn dồn thành đống, một chiếc giày cỏ rách của Thập đắc, Hồ hét loạn hét". Sư gằng giọng hét một tiếng rồi bảo: "Gọi làm Hồ hét loạn hét có được chăng?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cốt voi trục cầu hay đã hết, Bia Nghiêu Huyền Sa khéo cũng cùng, lại có thấy biết chăng? Hỏa Tinh vào ống quần, việc ra cửa nhà gấp".

Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba trăm năm trăm đầu đồng trán sắt, sáo gỗ thổi ngang ai lại tiếp võ?" Khi ấy có vị Tăng bước ra, Sư bảo: "Cũng là sau khi giặc qua mới Trương cung". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bảo Phong có một ấn quyết đối trước chúng rành rẽ nói, đêm qua trước canh ba, quạ rùa nuốt ba ba". Nhân lệnh tiết đến mùa Đông, lên giảng đường, Sư bảo: "Tấc bóng đẩy dời Nhật nam dài đến, áo vải chẳng giặt không lại kéo chìm. Ngọc Tuyền lớn nhỏ không gió nổi sóng, đường Vân nham thấy chẳng bằng, ngay đó một dùi đánh nát". Sư bèn lớn tiếng bảo: "Nhìn dưới chân". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Lương Sơn nói người từ phương Nam đến cho ba mươi gậy, người từ phương Bắc đến cho ba mươi gậy, tuy là cho gì, vẫn chưa đáng với Tông thừa". Sau đến Hòa thượng Lan-da nói: "Lương Sơn khéo một miếng vàng thật đem luyện thành sắt chơi thì mua liền. Với Lan-da tức không như vậy, người từ phương Nam đến, cho đó ba mươi gậy. Người từ phương Bắc đến, cũng cho đó ba mươi gậy, theo giáo thiên hạ chê mổ". Còn Sư niêm rằng: "Một người hay duỗi chẳng hay cuốn, một người hay cuốn chẳng hay duỗi. Môn hạ Vân nham, mặc tình từ Bắc đến hay Nam đến, tạm nghĩ gì qua, bỗng nhiên rửa mắt mò nhầm đầu mũi đi lại cho đó ba mươi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mặt nhật có thể lạnh, mặt nguyệt có thể nóng, các ma chẳng thể phá hoại lời nói chân thật. Làm sao sống là lời nói chân thật? Đầu ba mươi mốt giữa bảy dưới chín, nếu tin chẳng kịp thì Vân Nham cùng các người nói phá, nơi muôn người đều chỉ. Một con chim nhạn lạc giữa trời lạnh". Sau khi bệnh dậy, lên giảng đường. Sư nêu cử: "Mã Đại sư, Phật Nhật diện, Phật Nguyệt diện. Sau lại Động Sơn Hòa thượng Diễn có bài tụng rằng: "Rõ ràng đứa tớ vẽ mày, trước đài loan cảnh nói tợ ngu, tự bảo dáng ngọc khó sánh đồng, đi lại trên giá mặc áo lụa". Còn Sư niêm rằng: "Đông Sơn Lão ông đầy miệng tán thán thì hẳn phải. Chấm điểm tương lai chưa khỏi có ở tình quê, Vân Nham lại tạm không vậy, đánh giết chim hoàng anh, chớ dạy hót trên cành, bao giờ kinh vọng mộng, chẳng được đến phương Tây xa".

2. Thiền sư Trí Nghiêu ở Tam giác.

Thiền sư Trí Nghiêu ở Tam giác tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nắn đất định ngàn quân, đầu cân không chấm nốt, chút việc nhỏ trong đó, chạy giết Năng (Tuệ Năng) Lãnh nam. Lại có dâng cử đến cùng chăng? Ngay như dâng cử được cũng là vầng trăng thứ hai vậy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CẢO Ở PHÁP VÂN

1. Thiền sư Biện ở Động sơn.

Thiền sư Biện ở Động sơn tại Tùy châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, khóa chim dao Thiên tử chim cốt trời xa, chẳng độ lửa, chẳng độ nước, chẳng độ lò, lìa cung tên phát chìm đường trở lại. Ngay như hiểu được mười phần đi, cười ngã Lão Hồ mắt xanh từ trời Tây lại".

2. Thiền sư Nghi ở Tuệ Hải.

Thiền sư Nghi ở Tuệ Hải tại Đông kinh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Như Lai vô tướng thị hiện thân, phá dẹp binh ma tuyệt mảy trần, thất tinh ngời ánh nơi hiện sinh, bốn biển lại về chủ nhân xưa. Các nhân giả. Tôn giả Đại Ca-diếp trên hội Linh sơn thấy Đức Phật nắm cành hoa gieo cơ mỉm cười, Tôn giả Tu Bồ-đề nghe Đức Phật nói pháp thấu hiểu nghĩa thú rơi lệ khóc ròng. Hãy nói người cười là phải hay người khóc là phải? Há chẳng thấy nói muôn phái giăng ngang dòng đều đổ về biển Đông, trội vượt tám mặt tự lung linh, muôn người mật nát trên sa trường, một mũi tên hai chim điêu rơi giữa trời xanh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Quy sơn ngồi, tiếp đến Ngưỡng Sơn hỏi: Hòa thượng, ba trăm năm sau, có người đến hỏi pháp Đạo của Tiên sư, làm sao trả lời?". Quy Sơn bảo: "Làm nhà Sư Tăng". Ngưỡng Sơn bèn lễ bái. Quy Sơn bảo: "Gặp người chẳng được lầm nêu". Sư bảo: "Từ xưa đến nay ít người mở lời nơi nghiêm mà chẳng oai, cung mà chẳng lễ, đè ngang cây gậy dựng đứng đầu nắm tay, nếu vừa nghĩ gì tức làm sao biết được nơi cha con kia cùng khế hợp? Ngày nay sơn Tăng cũng cần các người cùng biết, chớ phân biệt đây kia. Đây kia không khác, cá nhọc nghỉ ao, chim bệnh đậu lâu, chần chừ chẳng tiến giẫm trải trong bùn, sao được một quyển sách của Tiên sinh?"

3. Thiền sư Loan ở Tây thục.

Thiền sư Loan ở Tây thục, là người tinh thông cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Khi Thiền sư Phật Chiếu từ tạ mọi sự lui ở Cảnh Đức. Sư hỏi Phật Chiếu rằng: "Nhà Thiền nói nhiều chẳng cội rễ là sao vậy?" Phật Chiếu bảo: "Ông tập học kinh luận gì?" Sư đáp: "Các kinh biết sơ qua, còn chuyên thông về Bách Pháp". Phật Chiếu bảo: "Chỉ như hôm qua mưa, ngày nay tạnh, phải thâu nhặt gì ở trong pháp?" Sư bèn mịt mờ. Phật Chiếu nêu cử Dưỡng Hòa Tử đánh và bảo: "Chớ nói lời nói của nhà Thiền không cội rễ tốt lành". Sư tức giận hỏi: "Hôm qua mưa, ngày nay tạnh, rốt cùng là thâu nhặt gì trong pháp?" Phật Chiếu đáp: "Thời phần thứ! Hai mươi bốn chẳng tương ưng thâu nhặt trong pháp". Sư

bỗng nhiên tỏ ngộ, bèn lễ bái cảm tạ. Sau trở về Tây Thục, ở nơi giảng tịch, Sư đem đường thẳng chỉ dạy cho đồ chúng chẳng đấm chìm nơi danh tướng, mà chúng phần nhiều dẫn nhau bỏ đi. Sư bèn nói kệ tụng giải tán giảng hội rằng: "Chúng bán hoa chừ riêng bán tùng, xanh xanh sắc màu chẳng biết hồng, tính lại trọn chẳng cùng thời hợp, về đi lại chừ màu xanh biếc". Từ đó, Sư ẩn dật suốt hai mươi năm, các hàng Đạo tục truy tìm kính mộ thỉnh cầu Sư giảng pháp. Sư cười đáp với kệ tụng rằng: "Trốn vết ẩn non cao, non cao lại chẳng chứa, chi bằng về làng gấm, như cũ bán tùng xanh". Mọi người xếp hàng lễ bái sám hối lỗi quá. Các bậc chủ giảng ở Lưỡng Xuyên đua nhau đến nương tựa nơi Sư.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NĂNG Ở VĂN THÙ

1. Thiền sư Quỳnh ở Thiên ninh - Đức sơn.

Thiền sư Quỳnh ở Thiên ninh - Đức sơn tại phủ Thường đức. Nhân ngày nhận sự thỉnh mời lên giảng đường, Sư bảo: "Làm nhà mồ lồng chẳng chịu ở, kêu gọi chẳng xoay đầu, ví gì từ Đông qua Tây?" Sư lại tự thay thế bảo: "Năm ngày sau xem".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẦN BẠCH Ở CHIÊU GIÁC

1. Thiền sư Tông Hiển ở Tín tướng.

Thiền sư Tông Hiển - Chánh giác ở Tín tướng, tại phù Thành đô, vốn người dòng họ Vương ở Đồng xuyên. Thủa thiếu thời, Sư đỗ đạt Tiến sĩ rất có tiếng tăm, từng vẽ họa vốc nước khe để đùa vui, đến đêm lại suy nghĩ đó, bèn lấy nước lạnh bỗng nhiên đầy ngập phòng nhà, muốn múc đó mà chẳng thể được, và cảnh trần tự không, Sư tự bảo: "Lưới đời ta rách xé vậy". Sư bèn đến nương tựa Thiền sư Thuần Bạch ở Chiêu giác bèn được độ xuất gia thọ giới Cụ túc, về sau Sư theo chúng phỏng tầm dự tham. Một ngày nọ Thiền sư Thuần Bạch bảo Sư: "Đứng trên đỉnh núi cao, đi trong đáy biển sâu, ông làm sao sống hiểu?" Ngay lời nói ấy, Sư chóng tỏ ngộ bèn đáp: "Đóng đinh mu chân vậy". Thiền sư Thuần Bạch nắm cái phất trần lên và hỏi: "Cái này lại làm sao sống?" Sư cười một tiếng rồi đi ra. Sư chăm chỉ nương hầu suốt bảy năm. Sau đó, theo hướng Nam đến kinh Đô, Sư giẫm trải qua Hoài chiếc. Về sau thấy Hòa thượng Diễn ở ngũ tổ đang ở tại Hải hội, Sư ra hỏi rằng: "Chưa biết chốt cửa khó qua cầu Triệu Châu, với cầu Triệu Châu tức không hỏi, còn thế nào là chốt cửa?" Thiền sư Diễn đáp: "Ông tạm ra đứng ngoài cửa". Sư tiến tới một bước rồi đạp rút lui. Thiền sư Diễn bảo: "Đã thời gian lâu uống trà ăn cơm, xưa nay cũng có người

biết mùi vị". Ngày hôm sau vào thất, Thiền sư Diễn bảo: "Ông tiện đem câu thoại hôm qua hỏi vị Tăng nào chăng? Ta hẳn đã biết chỗ thấy của ông vậy, chỉ là chưa qua được ở cửa Bạch vân". Sư trân trọng bèn lui ra. Bấy giờ Thiền sư Viên Ngộ đang làm Thị giả. Sư bèn đem ý cửa Bạch Vân mà hỏi đó. Viên Ngộ bảo: "Ông chỉ nên ngay đó mà hiểu lấy". Sư cười bảo: "Không phải tôi không hiểu, chỉ là chưa lão luyện, đợi thấy lão tài giỏi ấy cùng lý ấy hợp một lần bày". Ngày hôm sau, Thiền sư diễn đến Thư Thành, Sư cùng Viên Ngộ tiếp cùng đi, vừa đến gặp Hưng Hóa, Thiền sư Diễn hỏi Sư: "Nhớ được từng gặp ở trong quận lại". Sư nói: "Toàn lửa vừa đợi". Thiền sư Diễn ngoảy nhìn lại Viên Ngộ và bảo: "Gã này lắm chuyện". Từ đó có duyênm cùng Khế hợp, vân du Lô sơn trở về, Sư đem ngữ cú "Đứng trên đỉnh núi cao, đi trong đáy biển sâu để thành đạt" mà hỏi Thiền sư Diễn. Thiền sư Diễn bảo: "Tôi từng đem lời ấy cật hỏi Tiên sư, Tiên sư bảo: "Ta từng hỏi Hòa thượng Viễn, Hòa thượng Viễn nói mèo có công nuốt máu, hổ có đức dựng dậy thây chết". Chẳng phải người thấu đạt cội nguồn thì không thể đến đó". Sư bèn nương hầu qua thời gian lâu. Thiền sư Diễn rất vui mừng mến quý. Sau giã từ theo hướng Tây trở về, nhân lúc Tiểu tham lại làm kệ tụng tiển đưa Sư rằng: "Xa quê hơn bốn mươi (40) năm, một lúc quên ngay tiếng Thục, Thiền nhân về đến Thành đô, rất kỵ chớ nói tiếng Lỗ. Bấy giờ Hòa thượng Giác (?) còn chưa bệnh tật gì, Sư lại đến nương hầu đó, tiếng tăm vang vọng rất lắm.

Sư bèn ra ở Trường tùng, rồi chuyển dời đến ở Bảo phước, Tín tướng. Có vị Tăng hỏi: "Chư Phật ba đời, sáu đời các Tổ tất cả ra núm chuồng ấy chẳng được. Thế nào là núm chuồng ấy?" Sư đáp: "Vành miệng giếng". Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Ngưỡng Sơn hỏi Trung Ấp "Thế nào là nghĩa của Phật tánh?" Trung Ấp đáp: "Ta cùng ông nói cái thí dụ tức ông hiểu liền vậy. Thí như trong một ngôi nhà có sáu cửa sổ, bên trong có một con khỉ, bên ngoài có khỉ từ bên phía Đông kêu tinh tinh, con khỉ liền ứng tiếng đáp lại, như vậy cả sáu cửa sổ đều có kêu đều có ứng". Ngưỡng Sơn bèn lễ bái thưa: "Vừa được Hòa thượng chỉ dạy, tôi có cái chỗ nghi ngờ?" Trung Ấp bảo: "Ông có gì nghi?" Ngưỡng Sơn hỏi: "Nếu như lúc con khỉ bên trong ngủ, khỉ bên ngoài muốn cùng trông thấy lại làm sao sống?" Trung Ấp bèn xuống khỏi tòa, nắm tay Ngưỡng Sơn mà bảo: "Tinh tinh cùng ông cùng trông thấy rồi". Sư bảo: "Các người cần thấy hai lão ấy chăng? Ta cũng vì các người nói cái thí dụ: "Trung Ấp rất tợ như người thầy giỏi biết về vàng, Ngưỡng Sơn đem lại một đống vàng khiến người thấy ấy trả giá, người

thầy ấy cũng tính hết mức giá mà trả, gần thành đổi chác, bán vàng đến cùng, lại bù đắp thêm cân, người thầy ấy tuy mờ tối vui mừng, nhưng trong tâm chưa khỏi trộm nghi ngờ. Cớ sao? Nếu chẳng tinh tế làm định là giặc đút lót”. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ XUÂN Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Uẩn Năng ở Trung nham.

Thiền sư Uẩn Năng - Tuệ Mục ở Trung nham tại My châu, vốn người dòng họ Lã ở Bản quận. Năm hai mươi hai tuổi, Sư đến một gia đình giàu có trong thôn ấp làm hiệu thư. Tình cờ đi đến chùa núi, thấy sách Thiền bèn đọc xem tợ như có điều đắc ý, bèn cởi bỏ mũ mão, xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc, ôm giữ một bình bát du phương tham phỏng. Mới đầu, Sư đến dự tham Thiền sư Trừng Phủ ở Bảo thắng, thú hướng quá khác lạ, Sư bèn đến kinh Hồ, bái yết Thiền sư Hỷ ở Vĩnh an. Thiền sư Triết ở Chân như, Thiền sư Hội ở Đức sơn, dần đến càng cao, mãi đến lúc Sư đến Đại quy, Thiền sư Xuân hỏi: “Quê hương Thượng tọa ở đâu?” Sư đáp: “Ở Tây xuyên”. Lại hỏi: “Ta nghe ở Tây xuyên có Bồ-tát Phổ Hiền thị hiện phải vậy không?” Sư đáp: “Ngày nay được chiêm ngưỡng tướng mạo từ nghiêm”. Lại hỏi: “Voi trắng ở đâu?” Sư đáp: “Móng ngà đều đã đủ”. Lại hỏi: “Lại có biết chuyển thân chăng?” Sư bèn nâng tọa cụ nhiễu quanh thiền sàn một vòng. Thiền sư Xuân bảo: “Chẳng phải cái đạo lý ấy”. Sư liền bước lui ra. Một ngày nọ Thiền sư Xuân vì đại chúng nhập thất, hỏi một vị Tăng rằng: “Sau khi Hoàng sào qua có người gan được kiếm chăng?” Vị Tăng ấy dựng đứng nắm tay. Thiền sư Xuân bảo: “Con dao cắt rau”. Vì Tăng ấy hỏi: “Vì sao thọ dụng chẳng hết?” Thiền sư Xuân bèn quát mắng đuổi ra. Tiếp đến hỏi Sư: “Sau khi Hoàng sào qua lại có người gan được kiếm chăng?” Sư cũng dựng đứng nắm tay. Thiền sư Xuân bảo: “Cũng chỉ là con dao cắt rau”. Sư nói: “Giết được người liền thôi”. Sư bèn đến gần trước lan can đưa ngực đấp và đó. Thiền sư Xuân bảo: “Suốt ba mươi năm đùa bỡn cưỡi ngựa, ngày nay bị lừa con đánh”.

Về sau, Sư trở về lại đất Thục, dựng lập am ở nơi nền móng nhà cũ. Rồi đáp lại sự thỉnh mời của bốn chúng, Sư bèn ra ở Báo ân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Long Tế có muôn pháp là tâm quang, các duyên là tâm hiểu, vốn không người mê ngộ, chỉ cần ngày nay xong”. Sư bảo: “Đã không mê ngộ, xong cái gì? Ôi!” Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: “Tuyết Phong một ngày nọ mời khắp mọi người đi chuyển củi, giữa đường thấy một vị Tăng, bèn ném xuống một bó củi

và bảo: "Một Đại tạng giáo điển chỉ nói cái ấy". Sau đến nơi Thiền sư Triết ở Chân như, nói: "Một Đại tạng giáo điển chẳng nói cái ấy". Căn cứ vào câu nói của hai bậc Lão túc ấy là đồng hay là khác? Sơn Tăng đây thì không như vậy". Sư bèn dựng đứng cây phất trần và bảo: "Nâng lên thì tôi nghe như vậy, buông xuống thì tin nhận vâng hành". Nhân ở trong thất, hỏi đầu chăn đệm Sùng Chân rằng: "Thế nào là cha mẹ của ông từ không kiếp trở về trước?" Sùng Chân lãnh hội được bèn đáp: "Hòa thượng hãy thấp lời". Bèn dâng bài tụng gieo có rằng: "Muôn năm trong kho từng đói thiếu, ở trong biển lớn khô khát dài. Ngay lúc mới tìm tìm không thấy, đến nay lúc lánh lánh chẳng được". Sư bèn ấn chứng cho đó. Một ngày nọ, Sư cùng Đề Hình Hoàng Dịch đánh cờ, Hoàng Dịch hỏi: "Trong số con cờ không một con đồng. Ngàn trứ muôn trứ thì nên vậy, thế nào là một cái trứ nào?" Sư nâng con cờ mà chỉ cho đó. Hoàng Dịch chần chừ suy nghĩ. Sư bảo: "Há chẳng thấy nói từ mười chín đường trước lầm giết bao nhiêu người".

Sư trú trì hơn ba mươi năm, phàm những lúc giảng nói pháp, chẳng cho ghi lục lời của Sư. Đến lúc sắp tịch, Sư viết kệ tụng lưu lại rồi ngồi kiết già mà tịch. Lúc trà tỳ, có gió bão mạnh dữ bỗng nhiên nổi dậy, các nơi khói tỏa tới đều mưa xá-lợi, các hàng Đạo tục đào bới chỗ đất ấy thảy đều có được, quả tim và chiếc lưỡi không rã hoại, dựng tháp tôn thờ tại bản sơn.

2. Thiền sư Tông Ấn ở Vân đảnh.

Thiền sư Tông Ấn - Bảo Giác ở Vân đảnh tại Hòa an quân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa có biết được cây cao vây quanh có thừa, lại nói biết được cây cam đất trời cách vực. Sơn Tăng tất cả chẳng nghĩ gì cây cam là gì nhà rãnh đầy đủ". Một ngày nọ giảng nói chung cả đại chúng đã xong, Sư mới bảo: "Các ông chưa cần giải tán, lại nên nghe một bài kệ tụng". Sư bèn nói: "Trong bốn mươi chín năm, một trường nóng bừng rầm rỉ, tám mươi bảy mùa xuân, Lão hán riêng lộng múa, ai ít ai nhiều, một ban làm mộng, về đi lại chừ, mai tiêu tuyết lấp". Nói xong, Sư bèn xuống khỏi tòa, tựa cây gậy mà thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ANH Ở TIẾN PHƯỚC TẠI NHIÊU CHÂU

1. Thiền sư Phổ Minh ở Đẳng giác.

Thiền sư Phổ Minh ở Đẳng giác tại Phước châu. Ngày khai đường giảng pháp, Thượng thủ Bạch Chùy xong, ngưng giây lát nhìn khắp đại chúng rồi, Sư bảo: "Kỳ thay diệu thay! Là các người lại ở nơi đây

quán được chăng? Nếu thật ở nơi đây quán được thì khắp mười phương thế giới lại không mảy may pháp gì có thể cung vì thấy vì nghe, cũng không mảy may pháp gì làm đối làm đãi, có thể gọi là bày trống trơn sạch lâu lâu. Nếu Quán không được định là căn trần bó buộc chưa mở, tình lượng Thánh phàm chẳng thoát, trọn ngày chỉ ở trong phải quấy được mất chuyển ngược, có nơi nào dùng. Trong chúng chớ có vụt nhiên riêng thoát rưới rơi đến nạp Tăng ư? Không phòng ngại ra lại cùng các người chứng minh". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đoạt người không đoạt cảnh?" Sư đáp: "Gió trong trăng sáng". Lại hỏi: "Thế nào là đoạt cảnh mà không đoạt người?" Sư đáp: "Đầu tro mặt đất". Lại hỏi: "Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt?" Sư đáp: "Biển yên sông lắng". Lại hỏi: "Thế nào là người cảnh đều đoạt?" Sư đáp: "Nước rỉ chẳng thông". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Lênh đênh lại càng khốn khổ". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong khách?" Sư đáp: "Nơi hỏi rất rõ ràng". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư đáp: "Duỗi tay vào bụi hồng". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Kiếm báu ngang ngực". Lại hỏi: "Khách chủ đã được Sư chỉ bày, còn hướng thượng Tông thừa, việc ấy như thế nào?" Sư bảo: "Tạm đợi lúc khác lại". Và Sư mới bảo: "Thôi thôi, ngay như hỏi như chuỗi châu liền nhau, đáp như rót bình, đối với Đạo, xa lại càng xa. Cớ sao vậy? Nếu luận bàn việc này thì một đại tạng giáo điển lại không thể thuyên giải. Chư Phật ba đời chỉ là tự đắc sáng xưa tỏa nay, quên thấy mất biết đầy khắp mười hư không, định có phương hướng nơi chốn, chỉ vì tình sinh trí cách tưởng biến thể khác, trong khoảng sử dụng thường ngày chẳng thể tự biết. Do đó, khó nhọc các bậc tiên đức kia, xoay đầu với bụi trần, mở cửa phương tiện, chỉ tường chân thật. Cửa phương tiện tám chữ đã đánh mở xong, lại có vào được đến cùng chăng? Nếu hướng trong đó mà vào được, bèn có thể gìn giữ ấn thật tướng, tạo pháp tràng lớn, vào ra ngang dọc cuộn duỗi tự tại, ngay như đến đó, còn là sân cửa giả tạo lập, chưa phải là một đường thẳng tắc cốt yếu của nạp Tăng. Làm sao sống là một đường thẳng tắc cốt yếu?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chịu nặng không được giữ toàn tức mới là Diệu. Trân trọng!"

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CÀN Ở LẶC ĐÀM

1. Thiền sư Tông Mật ở Long nha.

Thiền sư Tông Mật ở Long nha tại Đàm châu, vốn người ở Dự chương. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Chớ ngủ mớ". Lại hỏi: "Thế nào là Nhất thiết pháp?" Sư đáp: "Sớm rơi vào thứ hai". Có

lúc lên giảng đường, đại chúng đã nhóm tập, Sư bảo: “Đã là Đoàn loan, chẳng nhọc gọt giũa, về nhà uống trà”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thôi nắm hoa sân hoại thân này, sau khi hoa sân rơi lại gặp xuân. Thân này một lần đi biết đến nơi nào, ba cõi mênh mông buồn chết người!”.

2. Thiền sư Đạo Mân ở Viên thông.

Thiền sư Đạo Mân - Viên Cơ ở Viên thông tại Giang châu, người đời xưng gọi Sư là “Cổ Phật”. Sư vốn người dòng họ Thái ở Hưng hóa. Thân mẫu mộng thấy nuốt hạt châu ma-ni bèn mang thai, sau khi sinh Sư đã năm tuổi mà chân chẳng đi được, miệng chẳng nói. Thân mẫu bồng đến chùa Tây minh, thấy tôn tượng Phật, Sư vội bước xuống đất, chấp tay xưng niệm “Nam Mô Phật” và bèn lễ bái. Mọi người rất lấy làm lạ đó, kịp đến lúc Quan học đại lượng, Sư đến nương tựa Sa-môn Đức Tường ở chùa Cảnh đức cầu xin xuất gia, xét khảo kinh pháp mà được độ. Sư vân du khắp nơi tham vấn, đều đượm nhuần yếu chỉ, Sư thân gần Thiền sư Triết ở Đại quy rất lâu. Về sau, lại kính mộ Thiền sư Càn ở Lặc đàm nên đến bái yết. Thiền sư Càn im lặng mến quý Sư. Sư tỏ bày những điểm chứng đắc qua quá trình tham phỏng nhưng không được ấn chứng. Thiền sư Càn nêu cử Ngữ cú Đức Thế Tôn nắm cành hoa, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười để hỏi Sư. Sư đáp: Lại không khế hợp. Sau, Sư hầu Thiền sư Càn vân du lần lượt, Thiền sư Càn đưa cây gậy đặt trên vai, thở dài rồi bảo: “Hiểu chăng?” Sư phỏng nghĩ trả lời. Thiền sư Càn bèn đánh. Có lúc lại nắm cành cỏ để chỉ dạy Sư mà bảo: “Là cái gì?” Sư cũng phỏng nghĩ trả lời. Thiền sư Càn bèn quát hét. Từ đó Sư bèn chóng tỏ rành đại pháp, làm thế đang nắm cành cỏ và mới nói: “Hồi ấy lừa dối Thượng tọa Mân không được vậy”. Thiền sư Càn bèn kéo Sư và bảo: “Từng nói, từng nói”. Sư nói: “Nam sơn mây nổi, Bắc sơn mưa đổ”, và bèn lễ bái. Thiền sư Càn gật đầu chấp thuận đó.

Về sau, Sư khai đường giảng pháp tại Quán khê, tiếp theo chuyển dời đến ở Viên Thông. Vì phù hợp với lời dự ghi của Thiền sư Đạo Tế, nên các hàng học giả đều kính hưởng tìm đến. Cả triều đình nghe vang đạo phong của Sư. Gặp Tể thần lại vì đó thỉnh cầu ban tặng tích trượng để sử dụng, xưng tôn sư hiệu là “Viên Cơ”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chư Phật xuất hiện nơi đời, không một pháp cho người, chỉ là rút định nhổ chốt, trừ nghi hoặc. Những kẻ sĩ học Đạo không thể tự lừa dối. Nếu có một sự nghi ngờ chỉ như hạt cải là Thiện tri thức thật của các ông vậy”. Xong, Sư hét một tiếng, tiếp bảo: “Là gì cất? Chớ chích não vào chén xằng bậy”.

3. Thiền sư Phổ Giao ở Thiên đồng.

Thiền sư Phổ Giao ở Thiên đồng tại phủ Khánh nguyên, vốn người dòng họ Tất ở vạn lĩnh - quận Chi. Thủa bé thơ, Sư rất thông minh dĩnh ngộ, chưa đến tuổi hai mươi, Sư được độ xuất gia. Sư đến Nam bình nghe học Thai giáo, nhân vì Đàn việt phụng tu sám pháp. Có người hỏi: "Việc sám hối của Sư lạ tự sám hay tha (kẻ khác) sám? Nếu là tự sám thị tội tánh từ đâu lại. Còn nếu sám tội cho người khác thì tội nơi người khác chẳng phải ở nơi Sư, sao có thể sám trừ đó?" Sư không thể trả lời điều ấy, bèn cải trang sắc phục, du phương, đến Lặc đàm, chân vừa đạp tới cửa, Thiền sư Càn liền quát hét. Sư phỏng muốn hỏi. Thiền sư Càn bèn kéo gậy xua đuổi Sư. Một ngày nọ, bỗng nhiên Thiền sư Càn gọi Sư đến phương trượng và bảo: "Ta có một công án của người xưa nay muốn cho ông thương lượng". Sư định tiến tới mở lời. Thiền sư Càn bèn quát hét, chợt nhiên, Sư lãnh ngộ mới cười lớn. Thiền sư Càn bước xuống thẳng sàn, nắm tay Sư và bảo: "Ông hiểu Phật pháp chăng?" Sư bèn hét, lại nâng mở, Thiền sư Càn cười lớn. Từ đó tiếng tăm Sư vang vọng khắp bốn phương các hàng học giả đều cung kính quy ngưỡng. Về sau, trở về quê hương, Sư dừng ở tại Thiên đồng, đóng cửa quét tước suốt tám năm. Tại chùa chợt trống giảng tịch, các quan liêu tại quận thỉnh mời Sư khai đường giảng pháp. Vì sợ Sư lánh trốn nên đã dự phòng canh gác các lối đường đi, do đó, Sư không thể chối từ. Ngày nhận sự thỉnh mời lên giảng đường, Sư bảo: "Ôi! Lão mặt vàng, đem Phật pháp giao phó cho các Vương thần, khách vô tình dưới rừng Quan sai bức giết người, chớ có ai biết tâm đến cùng vì ta thoát khỏi được chăng? Nếu không, chẳng khỏi đem sai lầm đến sai lầm". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Phàm thấy có vị Tăng nào đến, Sư đều quát mắng rằng: "Lúc Lan Lật chưa mang vác đã vì ông nói rồi vậy. Hãy nói. Nói cái gì? Vẫy tay rửa bát, nắm quạt trương cung, hạt cây bách của Triệu Châu, Linh Vân thấy hoa đào, tạm ném bỏ một bên, sơn Tăng không nghĩ gì nơi môi mép, cho các người đánh dây leo, sao chẳng thôi nghĩ đi?" xong, Sư nắm cây gậy mà xua đuổi đó.

Đến ngày 20 tháng 03 năm Tuyên Hòa thứ sáu (1124) thời Bắc Tống, sau khi tắm rửa xong, lên giảng đường, Sư nói bài kệ tụng rồi bỗng nhiên thị tịch, hưởng thọ bảy mươi bảy tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Bài kệ tụng đó là: "Gậy báu đánh không trung chạm đâu thảy đều xuân, tin tức trong đó càng khắp cùng. Đêm qua gió động rét hang lạnh, trâu đất sợ dậy cây bạch vân".

4. Thiền sư Tùng Mật ở Đông thiền.

Thiền sư Tùng Mật - Tổ Giám ở Đông thiền tại Phước châu, vốn người ở Đinh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mở miệng chẳng phải Thiền, ngậm miệng chẳng phải đạo, đạp bước phỏng tiến tới, toàn thân lạc cỏ hoang”.

5. Thiền sư Hàm Tỉnh ở Thắng nhân.

Thiền sư Hàm Tỉnh - Hý Ngư ở Thắng nhân tại Sở châu, vốn người dòng họ Cao ở bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đi khắp thiên hạ, phải biết tấc bước chẳng từng dời, trải cùng cửa nẻo nhà nhà táo bếp thiếu khói không được, do đó, vai mang sọt cao vút, giẫm trải nhân hứng thích mà đi, chế cần câu chìm dây tơ tùy tánh mà ở. Chẳng vì quê hương đất ruộng tốt lành, nơi nhân duyên chính bèn làm nhà. Ngày nay thư tay nắm lại, từ trước nào từng tính lường, chẳng lìa lúc cũ cân , một hồi cử trữ một hồi mới, sáng mắt đến cùng liếc đất bèn trở lại. Người xưa chưa tỏ ngộ nên biết lấy mặt mắt. Hãy nói thế nào là mặt mắt xưa nay?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Trước đài hoa nở, sau đài thấy. Cõi trên khua chuông, cõi dưới nghe”. Sư nắm cây phất trần đánh vào thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Đức Thế Tôn lúc ở tại nước Ma-kiệt-đà vì đại chúng giảng nói pháp. Khi ấy sắp vào mùa hạ, Đức Phật mới bảo Tôn giả A-nan rằng: “Các đệ tử lớn, người trời bốn chúng, ta thường nói pháp mà chẳng sinh tâm kính ngưỡng. Nay ta vào trong thất Nhân-sa-cữu kiết hạ chín tuần. Nếu lúc có người đến hỏi pháp, ông nên thay thế ta nói hết thảy các pháp chẳng sinh, hết thảy các pháp chẳng diệt”. Nói xong, Đức Thế Tôn bèn đóng thất an tọa. Sư gọi đại chúng và bảo: “Thích-ca Lão tử lúc mới thành Phật Đạo, việc đại khái chẳng đặng đừng, mới lập thành cái Bảo xã, bèn sinh tâm mỏi mệt thối lùi. Lúc ấy Thắng Nhân tôi nếu thấy, đem đinh đóng bít ngay cửa thất, dạy cho kia một đời không có đường xuất thân, khỏi bị con cháu đời sau vội cùng bắt chước. Há chẳng thấy nói. Nếu chẳng truyền pháp độ chúng sinh thì chẳng gọi đó là người báo đáp ân đức”. Sư đánh cây phất trần một cái và xuống khỏi tòa. Về sau Sư về ẩn cư tại Thiên Ninh, hiện tướng cảm mắc chút bệnh, bèn viết kệ tụng là: “Thôi đùa cảnh vui, bảy mươi mốt (71) năm, lại hỏi làm sao, trở lại riêng đáp”. Xong, Sư đặt bút xuống rồi thị tịch.

6. Am chủ Tri Hòa ở Nhị linh.

Am chủ Tri Hòa ở Nhị linh tại phủ Khánh nguyên, vốn người dòng họ Trương ở Ngọc phong - Tô đài. Thủa bé thơ, Sư thường tập ngồi thùy đường, nhà ấy bị sụp đổ, trong ý song thân cho rằng Sư hẳn bị chết, nhưng Sư vẫn nhắm mắt tự nhiên. Nhân đó cho phép Sư xuất gia, đủ

tuổi, Sư được độ. Xong, Sư đến bái yết Lặc đàm. Thiền sư Càn trông thấy Sư mới hỏi làm gì? Sư phỏng định trả lời, Thiền sư Càn bèn đánh, lại quát hét mà bảo: "Ngươi gọi làm gì? Làm Thiền sư". Chợt nhiên tỉnh ngộ yếu chỉ. Sư liền nói: "Thiền không trước không sau, biển lớn sóng lắng, trời xanh trăng in". Lại hỏi: "Thế nào là Đạo?" Sư đáp: "Đạo bụi hồng mênh mông chẳng dùng an bài vấn không khuyết thiếu". Thiền sư Càn bèn nín lặng đó. Sư lại đến bái yết Thiền sư Biệt ở Hành nhạc, Thiền sư Biện rất phù hợp mến trọng Sư.

Trong khoảng niên hiệu Nguyên Phù (1098-1101) thời Bắc Tống, Sư đến nói hai am Trung phong và Thê vân tại Tuyết đậu ẩn cư suốt hai mươi năm, Sư từng có làm kệ tụng rằng: "Tre gỗ vài ba thăng nước đồng, cửa tùng năm bảy mảnh mây trôi, cách sống Đạo nhân chỉ như thế, để lại người đời làm thấy nghe". Những người có chí đối với đạo phần nhiều đều đến trông xem đó. Có vị Tăng đến lễ bái, Sư bảo: "Gần đây xa lìa xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Thiên Đồng". Sư hỏi: "Núi Thái bạch cao bao nhiêu?" Vị Tăng ấy đưa tay sờ lên trán làm thế ngóng trông. Sư bảo: "Còn có cái ở đó". Vị Tăng ấy thưa: "Tức xin am chủ nói". Sư lìa đưa tay làm thế sờ trán. Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị. Sư bèn đánh. Mới đầu, Sư hài hòa với Thiền sư Giao ở Thiên đồng hỏi Đạo, lập lời thề rằng: "Ngày sau, hai chúng ta nên ở trên tuyệt đỉnh núi cao, mắt nhìn trời xanh, làm người ngoài đời, không nên làm người khuất dục tiết tháo, ý khí thấp hèn tên tuổi trong sổ bộ Quan phủ ngày nay vậy". Về sau, Thiền sư Giao lỡ trái lời thề, đến nơi Sư nhưng Sư trọn chẳng tiếp. Chánh ngôn Trần Công dùng kế dụ Sư ra khỏi núi. Sư đến ở Nhị linh suốt thời gian ba mươi năm không nuôi dưỡng vật gì ngoài hai con hổ theo hầu bên hữu Sư. Một ngày nọ ra oai đối với mọi người, Sư dùng kệ tụng mà sai sử nó.

Đến ngày 12 tháng 04 năm Tuyên Hòa thứ bảy (1125) thời Bắc Tống, Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Chánh ngôn Trần Công tấu trình trạng văn trình bày hạnh thật của Sư. Lúc Sư thị tịch có điềm vết khác lạ rất rõ ràng bèn đắp họa tôn tượng Sư và hai con hổ theo hầu, đến nay vẫn hiện còn.

7. Thiền sư Khả Đô ở Hưng hóa.

Thiền sư Khả Đô ở Hưng hóa - Thiên vương tại phía Tây Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: "Với đại ý của Tổ sư từ Tây vức đến tức không hỏi. Còn một câu vì người, xin Sư chỉ bày?" Sư đáp: "Tảng mây về sau động, hai chim hạc múa giữa trời xanh". Lại hỏi: "Cung gì thì Hưng hóa được người, quần sinh có đội nhờ vậy?" Sư đáp: "Chim mổ cây rừng xưa,

ngày nay mây giăng ngang núi". Và Sư mới bảo: "Đại pháp của Đức Như Lai, Diệu Đạo của chư Phật, nguồn chơn lắng trong trọn không sinh diệt, giả sử ngàn Thánh xuất hiện lại, cũng là khó tìm đường vá chén bể, ùn mây nhả sương khắp cùng hà sa, ngang dọc có chuẩn mực, diệu ứng không nghi ngại, nắm định buông đi, cuội duỗi tự tại, chống mở mắt người trời, khuấy nguồn tam Phật tổ, các pháp hiện trước lại không khuyết thiếu, chỗ gọi là người người đầy đủ, mỗi mỗi đều viên thành, chẳng dùng mảy may tâm lực, tự nhiên vách đứng ngàn nhận". Ngưng giây lát, Sư hét một tiếng.

8. Thiền sư Sở Phương ở Đạo ngô.

Thiền sư Sở Phương ở Đạo ngô tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Ngày xưa Đạo Ngô nói sống cũng chẳng nói, chết cũng chẳng nói, ngày nay Hòa thượng vì gì liền nói?" Sư đáp: "Quan chẳng dung châm xe ngựa". Lại nói: "Thật cái Lặc đàm không khác nước, gió trong uyển nhã chẳng đồng thường". Sư bảo: "Nạp Tăng lanh lợi, điểm một biết hai". Và Sư mới bảo: "Trong mười hai thời khắc, các người chẳng cần cầm dùng tâm tốt lành. Trên đầu là trời, dưới chân là đất. Ban mai sáng, buổi chiều tối, nước biếc núi xanh, vật tượng rõ ràng phô xưa bày nay. Nếu cũng nghĩ gì nhận lấy đi, sớm là không việc dấy việc, nào lại cầu huyền trong lời nói, tìm diệu trong câu, chánh là chôn vùi chính mình, chẳng bằng về nhà uống trà đi".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ANH Ở KHAI TIÊN

1. Thiền sư Hải Bình ở Đại quy.

Thiền sư Hải Bình ở Đại quy tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trên lồng đèn múa vũ, trong lộ trụ ẩn thân, sâu mầu thần ác hiện, Côn lôn tớ sinh sân". Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Một câu hợp đầu nói, muôn kiếp lạc bờ mê".

2. Thiền sư Thụy Tiên ở Từ thị.

Thiền sư Thụy Tiên ở Từ thị tại phủ Thiệu Hưng, vốn người ở bản quận. Năm hai mươi tuổi, Sư giã từ gia đình thế tục, khảo xét kinh pháp, xuống tóc xuất gia, tập học Tỳ-ni, nhân thấy tánh giới như hư không, hành trì vì người mê ngược. Sư cho rằng: "Giới là pháp ràng buộc thân, cớ sao mịnh tự trói buộc ư?" Bèn tham tầm Thai giáo. Lại đọc thấy "Các pháp chẳng tự sinh cũng không từ cái khác sinh, chẳng cùng chẳng không nhân đó, nên gọi là vô sinh". Sư rất nghi ngờ đó. Lại chẳng từ cái khác chẳng cùng chẳng không nhân sinh, rốt cùng từ đâu mà sinh? Sư liền tỉnh xét ra rằng: "Do nhân duyên sinh, ba pháp Quán

không, giả, trung đè nén nâng bốc tánh hải. Tâm Phật và chúng sinh tên gọi tuy khác mà thể đồng, mười cảnh mười thừa, chuyển thức thành trí, chẳng nghĩ bàn cảnh, trí chiếu mới sáng, chẳng phải nơi ngôn ngữ thuyên giải có thể kịp. Sư bèn vất bỏ tất cả đó mà du phương phỏng tham, sau cùng đến đầu tử, Thiền sư Quảng Giám hỏi: "Ông quê ở đâu?" Sư đáp: "Ở Đông việt lưỡng chiếc". Lại hỏi: "Ở Đông việt làm việc gì để sống?" Sư đáp: "Núi Tàng, vọng cao, sông Giám hồ rộng". Lại hỏi: "Núi Tàng vọng cùng với ông là đông hay là khác?" Sư đáp: "Trời Tây tiếng Phạm, đất đây lời Đường". Lại bảo: "Đó còn là chỉ đối ở chốn tùng lâm, rốt cùng là đồng hay khác?" Sư bèn hét, Quảng giảm liền đánh. Sư nói: "Ân lớn khó đền đáp", và liền lễ bái. Sau, trở về quê hương. Sư khai đường giảng pháp trong thất Từ thị, từng hỏi các vị Tăng rằng: "Ba con lạc đà, hai con một cẳng chân, mỗi ngày đi muôn dặm, đuổi theo chẳng nhằm, mà nay thâu gom ở núi Ngọc tuyền, chẳng hứa cho người đương thời châm chước loạn bậy. Các người hướng đến nơi nào? Cho các người lên tòa cùng thấy.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TIÊN Ở VIÊN THÔNG

1. Thiền sư Liễu Oai ở Tịnh quang.

Thiền sư Liễu Oai - Phật Nhật ở Tịnh quang tại Ôn châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Một đêm hai đêm lộ bày trăng ngàn núi muôn núi". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Buổi sáng nhìn Đông nam buổi chiều nhìn Tây bắc". Lại hỏi: "Hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Tâm người khó đầy, khe hang dễ lấp". Lại hỏi: "Với thời tiết nhân duyên tức chẳng hỏi, còn tuệ vượt lời Phật, việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Ba tư dương cung mặt đổi đen sạm". Lại nói: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Xuyên qua đầu lâu cười chưa thôi". Lại nói: "Người học khéo khéo gá hỏi". Sư bảo: "Suối vàng không nơi trọ, đêm nay ngủ nhà ai!"

2. Thiền sư Văn Tuệ ở Minh chiêu.

Thiền sư Văn Tuệ ở Minh chiêu tại Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: "Đầu sào trăm thước làm sao tiến bước?" Sư đáp: "Phía Nam Thiên thai, phía Bắc Ngũ đài". Lại nói: "Nơi nơi gặp đường về, lúc lúc đạt cội nguồn". Sư bảo: "Đối mặt như không, núi xanh mây trắng. Cùng biết còn như không cùng biết". Lại hỏi: "Làm sao người học có một đường chuyển thân?" Sư bảo: "Rất kỵ tan thân mất mạng". Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Tiện cùng gì tan đi, sớm tự lạc bảy lạc tám rồi vậy, cúi làm sơ sơ chẳng khỏi lớp lớp câu thoại hiểu. Sáng nay mồng 05 tháng 05, vì các

người nêu cử cái câu lúc cha mẹ chưa sinh, sáng tỏ rực rỡ khắp đất trời. Vả lại, là không nay cũng không xưa. Chư Phật ba đời gượng thuyên giải lường, sau đời Tổ sư nhọc chỉ bày chú thích. Trên điện, Ca-diếp lừa dối chống nắm tay, ngoài cửa, Kim cang lông mày dựng đứng". Sư vỗ tay cười ha ha rồi tiếp bảo: "Cười cái gì? Cười đèn lồng vào Lộ trụ".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHẢ XƯỚNG Ở TUỆ LỰC

1. Thiền sư Động Nguyên ở Tuệ lực.

Thiền sư Động Nguyên ở Tuệ lực tại Lâm giang quân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Phật tổ chẳng đứng, mưa rơi đầu đường tự thấm ướt. Phàm Thánh nào nương, trời tạnh tự đó không đất bùn, mới biết mỗi mỗi đều là đạo, pháp pháp tự viên thành. Thôi nói áo sam bảy cân của Triệu Châu, một giọt nước của Tào khê, trên đỉnh Tu-di sóng ngập trời, đáy sâu biển cả bụi hồng nổi". Sư bèn hét một tiếng rồi bảo: "Là đạo lý gì? Tham".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 26
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 27

MỤC LỤC

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VIÊN NGỘ - KHẮC CẦN Ở CHIÊU GIÁC

1. Thiền sư Tông Cảo ở Kính sơn.

Thiền sư Tông Cảo - Đại Tuệ - Diệu Hỷ ở Kính sơn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Khê ở Ninh quốc - Tuyên châu. Năm mười ba

tuổi, Sư mới tập học vỡ lòng, chưa đầy nửa tháng, Sư bèn vất bỏ tất cả mà xuất gia. Năm mười bảy tuổi, Sư xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Tuy tuổi còn nhỏ, mà Sư đã biết có việc trong Tông phong. Đọc xem ngữ lục của chư gia, Sư ra vui thích ngữ lục của Vân Môn - Mục Châu. Sư từng nghi rằng Ngũ gia tông phái mới đầu chỉ là một Tổ sư Đạt-ma, mà lắm nơi có nhiều sân cửa. Nhưng tánh tình Sư trội vượt chẳng bó buộc, song thân khuyên bảo Sư nên du phương tham phỏng.

Bấy giờ tại Tuyên châu có Thiền sư Thiệu Trình là hàng cháu của Thiền sư Giác ở Lang da là nối dõi dòng pháp Thiền sư Thản ở Hưng hóa, Sư nghe đó đã no đủ dự tham nên bèn dốc tâm tôn thờ, Sư từng thỉnh hỏi bài tụng niêm cổ và nhân duyên xưa trước của Tuyết Đậu. Thiền sư Trình chỉ dạy chỉ cần ngay đó tự thấy tự nói, chẳng thiếu mượn ngôn ngữ đó, Sư thấu đạt ý chỉ tinh vi của các bậc tiên đức. Thiền sư Trình rất lấy làm lạ đó, từng ngợi khen là: “Tông Cảo người tái sinh vậy”. Sư lại vân du đến Dĩnh châu gặp Thủ tòa Nguyên ở Đại dương, Hòa thượng Vi và Thị giả Kiên ở Động Sơn. Lúc Thiền sư Vi làm Thủ chúng ở Phù dung, Thiền sư Kiên làm Thị giả suốt mười năm, Sư dự tham nơi ba vị đó qua thời gian rất lâu, chứng đắc thấu đạt tông chỉ của Tào Động. Một ngày nọ thấy Hương từ cánh tay truyền trao để biểu thị chẳng vọng phó chúc. Trong tâm Sư chẳng chấp thuận như vậy, cho là “Thiền có sự truyền trao, chẳng phải là pháp mà chư Phật tổ tự ngộ tự chứng”, nên Sư bèn giã từ đó, đến dự tham dưới pháp tịch của Thiền sư Triết ở Chân như vào thất của Tạng Chủ Khánh - Hiền Bồng Đầu. Lại cùng Tạng Chủ Khánh đến Hoàng lòng bái yết Hối Đường, đến Đông lâm dự tham Chiếu giác nhưng đếu không khế hợp. Sư lại đến bái yết Thiền sư Tuân ở Ấn tâm. Thiền sư Tuân là đệ tử lớn của Thiền sư Diện ở Tú Thiết, cùng Sư đàm nói rất kỳ đặc, muốn lưu giữ Sư ở lại trong chúng hội, mà Sư không vui thích. Nhân đó, Thiền sư Tuân chỉ Sư đến Bảo Phong bái yết Thiền sư Chuẩn. Thiền sư Chuẩn tức là Trạm đường. Vừa mới đến mà Sư đàm nói cơ biện tung hoành. Thiền sư Chuẩn bảo: “Vì sao lỗ mũi ông không một nửa bên?” Sư đáp: “Dưới cửa Bảo Phong”. Thiền sư Chuẩn bảo: “Đổ Tuyển Thiền Hòa”. Lại nhân thể trang thập vương lần lượt, Thiền sư Chuẩn chỉ đó mà hỏi Sư: “Quan nhân ấy dòng họ là gì?” Sư đáp: “Dòng họ Lương”. Trạm Đường = Chuẩn vốn dòng họ Lương. Thiền sư Chuẩn xoa đầu bảo: “Làm sao dòng họ Lương mà lại thiếu cái khăn trùm đầu?” Sư nói: “Đầu tuy chẳng đồng lỗ mũi lờ mờ”. Thiền sư Chuẩn bảo: “Đổ Tuyển Thiền Hòa.” Lại nhân đọc xem kinh Kim Cang, Thiền sư Chuẩn hỏi: “Các pháp bình đẳng, không có cao thấp, vì gì núi

Vân cư cao, núi Bảo phong thấp?" Sư đáp: "Các pháp bình đẳng, không có cao thấp". Thiền sư Chuẩn bảo: "Ông làm được kẻ tớ tòa chủ". Lại một ngày nọ, Thiền sư Chuẩn nói cùng Sư: "ta có cái thiền đây, ông mỗi mỗi rõ hiểu được chăng?" Sư đáp: "Rõ hiểu được". Thiền sư Chuẩn bảo: "Bảo ông nói nói cũng được, dạy ông làm cũng làm được. Niêm cổ tụng cổ, nói bày khắp cùng thảy đều được. Chỉ có một sự kiện không phải, ông có biết chăng?" Sư đáp: "Chưa xét rõ là việc gì?" Thiền sư Chuẩn bảo: "Ông chỉ khuyết thiếu hòa địa xuống một cái. Do đó, lúc nói thì có, lui chẳng nói thì không, lúc vào phương trượng thì có, lúc ra phương trượng bèn không, lúc tỉnh rõ thì có, lúc ngủ nhắm bèn không, làm sao đánh nỗi được sinh tử". Sư nói: "Đó chánh là điều nghi của Tôi." Đến lúc Thiền sư Chuẩn cảm bệnh, Sư bèn hỏi: "Tiếp vọng hưởng sau đây, tôi nên đến diện kiến người nào?" Thiền sư Chuẩn bảo: "Có Cần - Ba Tử, Ta chẳng biết hắn, ông có thể đến đó diện kiến, sẽ có thể biện rành việc của ông, nếu trọn chẳng xong thì bèn có thể tu hành đọc xem một Đại tạng kinh, đời sau sinh lại nơi đời dự tham thiền quyết là cái Thiện tri thức vậy". Đến lúc Thiền sư Chuẩn: Trạm Đường thị tịch, Sư đến bái yết thừa tướng Trương Thiên Giác cầu xin thiết đặt bia minh nơi tháp. Sân cửa Thiên Giác cao vời với hàng nạp tử ít được hứa khả, nhưng vừa gặp thấy Sư, chỉ qua một lời đàm nói bèn được khế hợp, bèn xuống khỏi giường, sớm tối cùng Sư đàm nói. Đặt tên nơi am ấy là Diệu Hỷ, tự hiệu là Đàm Hối. Thiên Giác nói: "Ông ắc muốn diện kiến xuyên cần, tôi sẽ giúp ông đến bờ bến ấy". Cần tức là Thiền sư Viên Ngộ vậy.

Bấy giờ Thiền sư Viên Ngộ (Khắc Cần) mới từ Tương sơn, vừa vâng phụng sắc chiếu đến ở Thiên ninh tại Đông kinh. Chưa đến nơi ở, Sư đã đến chùa Quải tháp, tham yết Tổ đường xong. Thiền sư Cần mới vào viện, Sư bèn sớm tối tham thỉnh. Thiền sư Cần nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Vân Môn: "Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?" Vân Môn đáp: "Động Sơn nước lên hàng". Khiến Sư mở lời, Sư tham quán đến suốt một năm, trải qua bốn mươi chín lần chuyển ngữ nhưng đều không khế hợp. Một ngày nọ, Thiền sư Cần đến nhà một vị Đạt quan, lên pháp tòa, nêu cử: Có vị Tăng hỏi Vân Môn: "Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?" Vân Môn đáp: "Động Sơn nước lên hàng". Nếu là Thiên Ninh đây tức không như vậy. Nếu có người hỏi "Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?" Thì chỉ hướng nhìn kẻ ấy mà bảo: "Gió ùn từ phương Nam lại, điện các sinh mát nhẹ". Nghe nêu cử như thế, bỗng nhiên tỉnh ngộ, bèn đem sở ngộ của mình trình bày với Thiền sư Cần. Thiền sư Cần quán sát thấy Sư tuy ở khoảng trước và sau dứt được tướng động chẳng sinh, nhưng hiện

ngồi nơi sạch làu làu, do đó bảo cùng Sư rằng: “Chưa phải vậy, ông tuy có sở đắc nhưng đại pháp chưa tỏ sáng”. Một ngày nọ vào thất, Thiền sư Cần bảo: “Cũng không dễ ông đến trong ruộng đất ấy, chỉ nên tiếc chết rồi không được sống. Chẳng nghi ngôn cú là đại lệnh. Há không thấy nói vực thẳm buông tay tự chịu nhận lấy, chết đi sống lại ngờ ông chẳng được. Phải nên biết có cái đạo lý ấy”. Sư nói: “Tôi chỉ y cứ chở được ở ngày nay, đó đã là khoái sống. Lại không thể hiểu rõ được vậy”. Thiền sư Cần không chấp nhận, nhân đó bảo Sư ở tại Liêu trạch mộc, chẳng lìa công việc Thị giả. Thường ngày các hàng đồng sĩ đại phu lúc nhàn rỗi vào thất đàm nói có đến ba bốn lược. Thiền sư Cần nhân nêu cử câu có câu không như dây leo bám tựa cây mà Cật hỏi Sư. Sư vừa mới mở miệng, Thiền sư Cần liền bảo: “Chẳng phải, chẳng phải”. Cứ như thế trải một nửa năm mà Sư chưa được thầy ấn chứng, trong mỗi niệm chẳng quên nói tự tâm. Một ngày nọ cùng các quan khách đồng ăn cơm, Sư nắm đũa trong tay mà quên cả mở miệng. Thiền sư Cần cười bảo: “Gã này tham thiền gỗ Hoàng Dương tức vẽ ngược đi vậy”. Sư bèn nói thí dụ rằng: “Cái đạo lý ấy của Hòa thượng vừa tợ như chó nhìn chỏ dầu sôi nóng, tương tợ muốn liếm lại liếm chẳng được, muốn vất bỏ lại vất bỏ chẳng được”. Thiền sư Cần bảo: “Ông thí dụ được rất hay khéo. Chỉ vì cái ấy bèn là vòng Kim cang mà gai góc phủ bọc vậy”. Một ngày khác, Sư lại hỏi rằng: “Nghe nói Hòa thượng đương lúc ở tại Ngũ tổ cũng từng hỏi câu thoại ấy, không biết Ngũ tổ đáp như thế nào, xin Hòa thượng dủ lòng chỉ bày?” Thiền sư Cần im lặng không đáp. Sư lại nói: “Bấy giờ Hòa thượng không riêng tự hỏi, phải đối trước đại chúng mà hỏi, đến nay nói, đâu có gì phải phòng ngại?” Thiền sư Cần bèn bảo: “Ta hỏi: Câu có câu không như lúc dây leo nương tựa cây thì thế nào?” Ngũ Tổ đáp: “Miêu tả đó, miêu tả không không thành, họa vẽ chẳng được”. Ta lại hỏi: “Bỗng gặp lúc cây gãy ngã dây leo khô thì thế nào?” Ngũ tổ bảo: “Cùng theo lại vậy”. Nghe nêu cử đến đó bỗng nhiên Sư đại ngộ, bèn nói: “Tôi hiểu rồi vậy”. Thiền sư Cần bảo: “Chỉ sợ ông lại thấu công án ấy chưa được”. Sư nói: “Xin Hòa thượng nêu cử”. Thiền sư Cần bèn liền nêu cử ngữ thoại lừa dối chằng chịt của tiền bối mà cật nạn, Sư đều tùy theo tiếng, đối đáp không nghe trệ ngăn ngại. Thiền sư Cần vỗ tay ngợi khen, lại đối trước đại chúng tán thưởng rằng: “Tông cảo chẳng phải một đời hai đời trở lại đây làm Thiện tri thức”. Từ đó, Sư tung hoành ngang dọc, giẫm trải khắp các pháp tứ, Sư giảng nói như dựng xây máng nước, như chuyển viên đá tròn nơi bờ sườn cao ngàn nhận. Các bạc Lão túc thảy đều kính lạy, không thêm vào sức bén nhọn

của mình vậy. Mới đầu, Sư đã triệt ngộ, trái lại đối với vài vị Thiền khách có điều nghi, Sư mới đem hỏi Thiền sư Cần. Thiền sư Cần bảo: “Ta có Đạo thiền tương tợ như biển lớn, ông đem biển lớn lại nghiêng đổ lấy đi mới được. Nếu chỉ đem cái bình bát lại đầy tràn được chút ít đi bèn thôi. Đó là khí lượng của ông chỉ như thế, bảo ta nghĩ làm sao! Người đến trong đất ruộng ông được thì xưa trước chỉ có Thượng tọa Cảnh tức cùng ông một ban nhưng đã thị tịch rồi vậy”. Sau đó không bao lâu bèn cử Sư làm thủ chúng.

Bấy giờ các hàng quan sĩ đại phu luôn luôn tranh nhau cùng Sư vân du. Nhã vì Hữu thừa Là Công Thuấn vốn mến trọng Sư nên tấu trình ban tặng Sư pháp y sắc tía và xưng hiệu là “Phật Nhật Đại Sư”. Nữ chân khó làm, Tù Trưởng muốn lấy mười vị Thiền Tăng, Sư được thoát khỏi trong số chọn lựa ấy. Bởi như có người cùng đó, bèn qua sông mà đến hướng Nam. Bấy giờ Thiền sư Khắc Cần được sắc ban tặng hiệu là Viên Ngộ và nhậm chư pháp tịch ở Vân cư, bảo Sư là Đệ nhất tòa. Một ngày nọ, vào thất bải, Sư liền thẳng đến phương trượng, cùng Thiền sư Viên Ngộ đồng ngồi. Thiền sư Viên Ngộ (Khắc Cần) bảo: “Ta có cái đạo thiền Hòa Tử được tợ Lão Tăng, ông lại làm sao phân khiến?” Sư nói: “Sao đến như vậy? Chánh như Tô Đông Pha nói làm tay chém kẻ tù, một đời được gặp gã béo phì róc thịt”. Viên Ngộ cười lớn, bảo: “Ông đẩy ngã cho ta vào thất, ép được ta lên trên tường vách”. Thiền sư Viên Ngộ thường nói: “Gần đây các phương hết lỗ hang. Dưới Ngũ tổ, ta cùng với Phật Giám và Phật Nhãn ba người kết xã tham thiền, đến nay sớm thấy lọt dừng ra lại, dưới Phật Giám có một giống làm chó con kêu làm chim bột cưu hót lấy cười người. Dưới Phật Nhãn có một giống xem nhìn đèn lồng, lộ trụ, chỉ Đông vẽ Tây, như mắt thấy Quỉ một ban. Ở trong đó, ta tạm không có hai ban bệnh khổ ấy”. Sư nói: “Rất tốt, không bệnh khổ”. Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Cớ sao nói vậy?” Sư nói: “Đánh đá, lửa chớp sáng, dẫn được vô hạn người đùa lộng nghiệp thức, cử rồi bèn hiểu rồi, há chẳng là lỗ hang lớn của Phật pháp ư?” Thiền sư Viên Ngộ bất chợt thè lưỡi, mới bảo: “Thôi quản kẻ khác, thôi quản kẻ khác. Ta chỉ đem khế chứng làm mong mỏi. Nếu chẳng khế chứng, đoán định chẳng buông qua”. Sư nói: “Nói khế chứng tức được. Lần lượt sợ sau lại chỉ nghĩ gì truyền đem đi. Cử xong bèn hiểu xong, cứng ngạnh chủ trương đánh đá lửa xoẹt sáng, nghiệp thức mịt mờ chưa có ngày rõ hiểu”. Thiền sư Viên Ngộ rất lấy làm vừa ý.

Sau đó không bao lâu Thiền sư Viên Ngộ trở về lại đất Thục, Sư mới giã từ trở về ở lại chỗ cũ tại Vân môn, các hàng học giả cùng nhau

tu tập. Lại phải lánh loạn chạy đến Hồ nam, chuyển sang Giang hữu vào đất Mân, tạo lập am ở đảo biển Trường lạc. Khi ấy đồ chúng mới chỉ có năm mươi ba vị, chưa đầy năm mươi ngày mà có được mười ba vị đắc pháp. Trước đó bởi chưa mới có vậy, sau đều đứng góc. Sư mới đáp ứng sự thỉnh mời của cấp sự Giang Công Thiếu Minh đến ở am Vân môn - Tiểu khê. Khi ấy Thừa tướng Trương Nguy Công đang ở tại đất Thục, Thiền sư Viên Ngộ vì nói bày Sư (Tông Cảo) thật là người đắp pháp tủy, kịp lúc đến triều, bèn đem Kính Sơn - Lâm An mà thỉnh mời Sư đến ở, pháp tịch đồ chúng đông đúc hơn cả ở đương thời. Trăm nhà lại nhập đến chỉ sợ về sau đó, đến nỗi không nơi dùng chứa lượng người. Sư mới xây dựng đại các để ngàn vị Tăng ở đó, tại đó thường luôn có hơn hai ngàn thính chúng.

Mới đầu, ngày khai đường giảng pháp, hỏi đáp chưa xong, bỗng có vài vị Tăng đua nhau ra tranh hỏi. Sư mới ước dừng mà bảo: "Thôi, thôi, giả sử đem cỏ cây ở khắp Đại địa đều nghiền nát làm bụi trần, mỗi bụi trần có một miệng, mỗi một miệng có đủ tướng lưỡi rộng dài vô ngại, mỗi một tướng lưỡi rộng dài phát ra vô lượng âm sai biệt, mỗi một âm phát ra vô lượng ngôn từ sai biệt, mỗi một ngôn từ có vô lượng nghĩa sai biệt. Với số bụi trần như trên nạp Tăng mỗi mỗi có đủ miệng như thế, lưỡi như thế, âm như thế, ngôn từ như thế và Diệu nghĩa như thế, đồng một lúc có đến trăm ngàn vấn nạn, mỗi mỗi vấn nạn riêng biệt chẳng tiêu một tiếng khạc nhổ của Trưởng lão Kính sơn, đồng một lúc đáp xong, nhân lúc ở trong khoảng thời gian ấy làm vô lượng vô biên Phật sự rộng lớn, mỗi một Phật sự khắp cùng pháp giới, chỗ gọi là một sợi lông hiện thần biến, hết thảy Phật đồng giảng nói kinh pháp, ở vô lượng kiếp chẳng được ngằn mé ấy, tiện nghĩ gì đi, ồn náo sân cửa tức được. Nếu dùng mắt chánh mà quán sát đó, chánh là nghiệp thức mênh mông không gốc có thể nương cứ. Dưới cửa Tổ sư một điểm dùng cũng chẳng nhằm, huống lại là móc chương ràng cú phô bày ngôn từ bén nhọn, chẳng chỉ chôn vùi mất Tông thừa từ trước, cũng mới là cười phá nát lỗ mũi nạp Tăng. Do đó nói mảy may buộc niệm, nghiệp nhân ba đường, liếc thấy đó tình sinh muôn kiếp trói buộc xích xiềng. Tên Thánh hiệu phàm đều là tiếng rỗng, tướng khác hình kém đều là sắc huyễn. Ông muốn cầu đó được không lụy ư? Đến như nhàm chán đó lại thành hoạn lớn. Nhìn các bậc tiên đức kia nghĩ gì báo cáo. Như binh khí của nước nhà bất đắc dĩ mà dùng đó, việc bổn phận trên cũng không cái tin tức ấy. Ngày nay sơn Tăng cử xướng như vậy, rất tợ như không mộng nói mộng, thịt lành khoét sẹo, kiểm điểm tương lai, hợp đáng ăn gậy.

Chỉ nay chẳng có kẻ xuống được tay độc ư? Nếu có kham nhận báo đáp ân không báo đáp, cùng hỗ trợ hóa cảm vô vi, như không ngược hành này đi vậy”. Bỗng nhiên sư nắm lấy cây gậy và tiếp bảo: “Đè ngang kiếm dài toàn chánh lệnh, hoàn vũ thái bình chém ngu si” Sư gõ xuống một cái và hét một tiếng.

Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: “Điên đảo tưởng sinh thì sinh tử tương tục, đầy đủ tưởng diệt, thì sinh tử dứt. Nơi sinh tử dứt là Niết-bàn không, nơi Niết-bàn không là mạt bụi trong mắt. Niết-bàn đã là không, gọi gì làm mạt bụi trong mắt? Mây trắng chợt có thể lại núi xanh, trăng sáng khó bảo trời biếc”. Sư lại bảo: “Nước Ma-kiệt-đề còn ở nửa đường, trước núi Thiếu thất toàn không lỗ mũi. Đàm Huyền nói diệu, thịt lành khoét vết, cử xưa rõ nay, vấy cát tung bụi, sao tợ đói ăn khát uống rảnh ngồi mệt nghĩ, theo bốn lớp giáo điển đầy dời toàn chẳng liên can đến việc ta. Tuy là như vậy, cũng phải thật đến trong ruộng đất ấy mới được. Chỉ như thật đến trong ruộng đất đến tận cùng làm sao gần gũi?” Sư hét một tiếng và bảo: “Trên vết thẹo bỏng lửa lại đặt thêm ngải cứu đốt đi vậy”. Sư lại bảo: “Tông ta không ngữ cú, thật không một pháp cho người. Sớm là thông thân trầm ẩn trong hầm phẩn rồi vậy, nào kham đạp bước hướng tới trước. Như đến làm sao hỏi hướng thượng hướng hạ Tam huyền tam yếu, trong bát đựng đầy tuyết, trong Bắc đầu ẩn tàng thân, ý chỉ ấy như thế nào? Há chẳng phải là bên cạnh hầm phẩn lại đào thêm hầm phẩn. Tuy là như vậy, nếu ở trong hầm phẩn biết được chút hơi tin, mới biết chư Phật ba đời, các đời Tổ sư, chư vị Hòa thượng trong thiên hạ xưa đi nay lại, hết thảy các Thiện tri thức đều ở tại trong hầm phẩn chuyển đại pháp luân. Nếu như chưa được vậy rất kỵ hướng đến trong hầm phẩn làm kế sống”.

Lại có lúc lên giảng đường, hỏi đáp xong, Sư mới bảo: “Hỏi được cũng tốt, không hỏi lại càng thân gần. Cớ sao trước tiếng một đường ngàn Thánh chẳng truyền, người học nhọc hình như vượn bắt bóng, trong đó có cái gã anh linh, nghĩ gì chẳng nghĩ gì, hãy nghe cử nhầm, chọn nhặt dậy tiện đi, còn tại trong lỗ hang dây leo. Ngay như được trong không sở chứng, ngoài không sở tu, tợ đất chống núi như đá ngậm ngọc, cũng chưa phải là nơi nạp Tăng buông xả thân mạng. Dám hỏi cùng đại chúng: Làm sao sống là nơi nạp Tăng buông xả thân mạng? Nếu cũng biết được, mỗi mảy trần mỗi một niệm đều không cửa không, bẻ xoay cúi ngưỡng đều ở trong đó. Chánh lúc nghĩ gì, rốt cùng là nhà ai gió trăng lại ủy thác ư? Ngàn Thánh chẳng biết nơi nào đi. Cậy trời kiếm dài ép người lạnh”. Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

Sư giảng nói pháp, chẳng lập hang lỗ, chẳng giữ khuôn vết, đại khái như vậy, không thể bao quát. Sư từng buông lời hỏi người học: "Ta ở trong đó không pháp cho người, chỉ y cứ như thực mà kết án, vừa như ông đem cái bình lưu ly giữ gìn mến tiếc, tợ như cái gì ư? Ta chỉ một lần thấy bèn cho ông đánh phá xong. Ông lại đem cái ma ni châu lại, Ta lại cho ông đoạt lấy xong. Đợi ơng chỉ nghĩ gì lại, Ta lại cùng ông hai tay cắt đứt xong. Do đó, Hòa thượng Lâm Tế nói: Gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La-hán giết La-hán. Đã xưng là Thiện tri thức, vì gì tức cần giết người đi? Hãy nói đó là đạo lý gì?" Sư lại từng nói với hàng Tăng tục rằng: "Tham được Thiền rồi, phàm đọc kinh xem văn tự, như đi từ trong nhà đi một lần gặp tương tợ, lại như người cùng quen biết từ thời xưa trước cùng thấy một ban. Nếu dùng văn tự ngữ ngôn cặn bả mà tìm cầu, tức không có điều đó".

Có người tham thiền thỉnh cầu Sư nhỏ nhiệm giảng nói về bệnh thiền. Sư bảo: "Thiền có bệnh gì có thể nói? Thiền lại chẳng từng cảm mắc bệnh đau đầu, lại chẳng từng cảm mắc bệnh đau chân, lại chẳng từng cảm mắc bệnh điếc tai, lại chẳng từng cảm mắc bệnh mờ mắt. Chỉ là bởi người tham thiền tham được khác biệt, chứng đắc khác biệt, dụng tâm khác biệt, nương tựa thầy khác biệt. Nhân các thứ khác biệt đó nên nói là bệnh, chẳng có nghĩa Thiền là bệnh vậy. Thế nào là Phật? Tức tâm là Phật. Có bệnh gì? Con chó lại có Phật tánh hay không? Không có bệnh gì, gọi làm lược tre thì xúc chạm, không gọi làm lược tre thì trái lại. Có bệnh gì? Thế nào là Phật? Ba cân gai. Có bệnh gì? Thế nào là Phật? Chuồng phẩn khô. Có gì là bệnh? Ông chẳng thấu rồi mới làm đạo lý cần thấu tiện ngàn dặm muôn dặm chìm mất giao thiệp vậy, phỏng tâm nhóm họp vào kia, phỏng tâm nghĩ lường về kia, hướng đến nơi cử dậy, hiểu nơi đánh đá xoẹt lửa, cái ấy mới bắt đầu là bệnh. Thầy thuốc thế gian khoanh tay, nhưng rốt cùng chẳng liên can đến việc Thiền. Triệu Châu bảo: "Muốn cùng làm đệ tử của Không Vương, chớ nói tâm bệnh rất khó chữa trị". Sư từng nêu cử: "Nam Viện hỏi Phong Huyệt rằng: "Một gậy phương Nam làm sao sống thương lượng?" Phong Huyệt đáp: "Làm thương lượng kỳ đặc". Và Phong Huyệt liền hỏi: "Vậy một cây gậy ở nơi này làm sao thương lượng?" Nam Viện giăng ngang cây gậy, đáp: "Dưới cây gậy, vô sinh nhẫn, vào có chẳng thấy Sư". Sư nêu cử xong, bảo: "Bấy giờ Phong Huyệt khéo bày trải tọa cụ lớn, lễ bái kia ba lạy, chẳng vậy thì cùng kia đẩy ngã thẳng sàn". Sư mới xoay lại hỏi nạp Tăng Xung Mật rằng: "Ông nói khi ấy Phong Huyệt lễ bái là phải hay đẩy ngã thẳng sàn là phải?" Xung Mật đáp: "Giặc cỏ đại bại". Sư bảo:

"Ông thấy gã mù ấy thì nên đánh". Sư lại nêu cử: "Phàm thấy có vị Tăng nào đến thờ Mục Châu bèn bảo: "Thấy thành công án thì tha cho ông ba mươi gậy". Còn Thiền sư Duyệt ở Vân phong bảo: "Làm giặc, lòng người trống rỗng. Lại nhục bị một cái đạo xong". Sư lại hỏi Xung Mất rằng: "Ông nói Ta nghĩ đạo gì lại có quá không?" Xung Mật đáp: "Làm giặc, lòng người trống rỗng". Sư bảo: "Ba cái vậy". Sư lại nêu cử có vị Tăng hỏi Đại Long: "Sắc thân bại hoại, thế nào là pháp thân kiên cố?" Đại Long đáp: "Hoa núi nở tợ gấm, nước khe lắng như lam, làm sao sống hiểu?" vì Tăng ấy đáp: "không hiểu". Sư nêu cử xong, chỉ vào chiếc chiếu bái lạy mà hỏi vị Tăng bên cạnh rằng: "Thấy chăng?" vị Tăng ấy đáp: "Thấy". Sư bảo: "Lại nói chẳng hiểu". Sư lại bảo: "Gần đây, nhân gì lại chẳng hiểu?" Vị Tăng ấy chẳng nêu bày. Sư bảo: "Chỉ vì rành rẽ hết mực vụt khiến chỗ biết chậm chạp".

Lúc ở trong thất, phần nhiều Sư hay hỏi các nạp Tử rằng: "Gọi làm lược tre tức xúc chạm, chẳng gọi làm lược tre trái lại. Chẳng được mở lời, chẳng được không mở lời, chẳng được nghĩ lường, chẳng được phỏng bàn, chẳng được nơi ý căn buông xuống bói lường, chẳng được nơi nâng dậy dựng lấy, nói nhanh, nói nhanh". Có vị Tăng định tiến tới trước mở miệng nói, Sư liền đánh và xua đuổi ra. Khi ấy hiếm ít người khéo biết được có của Sư vậy. Sư lại bảo: "Gọi làm lược tre tức xúc chạm, không gọi làm lược tre tức trái lại, không được mở lời, không được không nói, không được chần chừ lâu, không được bói lường, không được làm người nữ bái lạy nhiễu quanh thiền sàn, không được rũ tay áo bèn đi, hết thảy đều không được. Ông bèn đoạt ngay lược tre ta tạm hứa cho ông đoạt ngay. Ta gọi làm cuộn đầu thì xúc chạm, chẳng gọi làm cuộn đầu thì trái lại. Ông lại đoạt như thế nào? Càng nhiều thì ông nói xin Hòa thượng buông xuống một trứ, Ta tạm buông xuống một trứ. Ta gọi làm lộ trụ thì xúc chạm, chẳng gọi làm lộ trụ thì trái lại. Ông lại đoạt như thế nào? Ta gọi làm núi sông đại địa thì xúc chạm, chẳng gọi làm núi sông đại địa thì trái lại. Ông lại đoạt như thế nào?"

Bấy giờ có Trưởng lão Thu Phong bảo: "Tôi xem câu thoại cái lược tre của Hòa thượng, như sổ sách khỏa lấp ngay tài sản nhà người rồi lại cần người làm việc nhận nạp vật". Sư bảo: "Ông thí dụ được rất hay khéo. Ta thật muốn cần ông làm việc nhận nạp vật, ông không chỗ theo ra, bèn phải xét tính đường chết đi vậy. Hoặc ném xuống sông, hoặc lao vào lửa, lật lại được mạng mới bắt đầu chết. Được chết rồi tức vỗ về sống trở lại, gọi ông làm bố thí tức bèn hoan hỷ, gọi ông làm kẻ giặc tức liền phát ác, y như trước chỉ là người thời xưa. Do đó, người xưa

nói vực thẳm buông tay tự đương nhận lấy, chết đi sống lại khinh ông chẳng được. Đến trong ấy mới khế hợp được câu thoại cái lược tre”. Sư lại nói kệ tụng rằng:

“Một chữ Phật còn chẳng mừng
Nào có sống chết đáng liên quan
Ngay cơ xem mặt không cùng giúp
Nói lắm Lăng Nghiêm tám nghĩa rồi”.

Lúc, Sư xiển dương Tông giáo, có đồng lúc xưng gọi là Tông sư giảng pháp dùng Tịch chiếu vắng lặng làm Tông, thấy các hàng Quan sĩ đại phu bị trần lao làm chướng ngăn phân tấc chẳng an mới bèn vì nói, khiến tro lạnh cây khô đi, một cây lụa trắng đi, lò hương miếu xưa đi, đất lạnh mát rượi đi, có nghĩa là pháp môn ấy có thể thôi nghỉ thân tâm con người. Sư cho rằng kiến giải như thế tức rơi lạc trong hang Quỷ dưới Hắc sơn. Trong giáo điển gọi đó là hôn trầm, rất chẳng biết nói con khỉ chẳng chết, làm sao được dừng nghỉ? Lại làm bén nhọn trước đi, sau điện đến cùng tột chẳng chết, làm sao được dừng nghỉ? Nên Sư có bài bác đó, cho đó là Thiền tà Sư tịch chiếu, là mất tuệ mạng Phật pháp ngàn Đức Phật xuất hiện nơi đời cũng không cho sám hối.

Một ngày nọ, Sư ở trong thất, có Trịnh Ngang Thượng Minh mang một lò hương đến, khí giận có thể chết lấy, sắc đều gắng gỏi bảo: “Ngang tôi có một mảnh hương chưa đốt, muốn cùng Hòa thượng giải rõ một sự việc. Chỉ như im lặng không nói, là nơi thôi hết thứ nhất trong pháp môn. Hòa thượng tỏ ý quở trách, tâm Ngang tôi nghi rằng Hòa thượng chẳng đến ruộng đất ấy, chỗ gọi là tin không kịp. Vả lại, như Thích-ca Lão Tử ở tại nước Ma-kiệt-đề trong hai mươi mốt ngày đóng thất chẳng mở lời, đâu phải là Phật im lặng. Tại trong thành Tỳ-da-ly, ba mươi hai vị Bồ-tát mỗi mỗi giảng nói pháp môn không hai, cuối cùng Cư sĩ Duy-ma-cật không mở lời, Bồ-tát Văn Thù ngợi khen tốt lành, đâu chẳng phải Bồ-tát im lặng? Tại trong hang, Tôn giả Tu Bồ-đề ngồi yên không mở miệng nói năng, đâu chẳng phải văn im lặng? Trời Đế-thích thấy Tôn giả Tu Bồ-đề ngồi yên trong hang, mới tung mưa hoa cúng dường, cũng không nói năng gì, há chẳng phải phàm phu im lặng? Tổ sư Đạt-ma vân du đến đất Nam Lương, rảo bước vào đất Ngụy ở nơi thiếu thất ngồi lạnh chín năm, há chẳng phải là Tổ sư im lặng? Lỗ Tổ thấy vị Tăng bèn xoay mặt vào vách tường, há chẳng phải là Tông sư im lặng? Hòa thượng nhân vì gì mà bài bác Tịch Chiếu cho là tà quấy?” Sư bảo: “Ông từng đọc Trang Tử chăng?” Trịnh Ngang đáp: “Sao là không đọc?” Sư bảo: “Trang Tử nói: Nói mà đủ, trọn ngày nói mà hết đạo, nói

mà chẳng đủ, trọn ngày nói mà hết vật. Cùng cực của đạo và vật, nói nín chẳng đủ để chuyển tải. Chẳng nói chẳng nín, nghĩa có chỗ cùng cực, ta cũng chẳng từng xem Quách Tượng giải và các nhà chú giải, chỉ căn cứ vào nơi ta dứt chọn lựa mà nói phá cái im lặng ấy của ông. Há chẳng thấy Khổng Tử một ngày nọ rất kinh ngạc tiểu quái nói, tham đến Ta nói một để xâu suốt cùng đó. Tăng Tử nói “Duy”. Ông chỉ mọi người vừa mới nghe cái chữ “Duy”, bèn lại trong đó mở miệng xấu ác, tức nói một chữ “Duy” ấy cùng đất trời đồng căn, muôn vật một thể, đặt để ông ở trên Nghiêu Thuấn thành nhà lập nước ra dẫn vào cung, đến nỗi lúc mở tay chân chẳng ra một chữ “Duy” ấy. Vả lại, mừng vui không giao thiệp. Rất không biết cái đạo lý ấy, bèn là Tăng Tử nói mà đủ, Khổng Tử nói mà đủ. Các học trò chẳng hiểu tức hỏi cớ sao nói vậy? Tăng Tử thấy kia giải hiểu chẳng được, liền hướng đến đầu thứ hai đáp câu thoại ấy. Nghĩa là đạo của Phu Tử không thể không nói. Do đó nói đạo của Phu Tử trung thứ mà thôi vậy. Cốt yếu là Đạo và vật đến chỗ cùng cực chẳng ở trên ngôn ngữ, chẳng ở nơi im lặng. Nói cũng chuyển tải không được, nín cũng chuyển tải không được. Nên điều nói của ông (Trịnh Ngang) còn chẳng khế hợp ý của Trang Tử, huống gì muốn được khế hợp với ý của Thích-ca LÃo Tử, Đại sư Đạt-ma ư? Ông cần muốn giải hiểu được Trang Tử, chẳng phải nói, chẳng phải nín, nghĩa ấy có khổ cùng cực ư? Tiện là Đại sư Vân Môn nắm cây quạt lên và bảo: “Cây quạt nhảy vọt trên tầng trời thừ ba ba đấp nhằm lỗ mũi Đế-thích, biển Đông cá chép đánh một gậy tợ nghiêng chén”. Nếu ông hiểu được cái câu thoại ấy của Vân Môn, bèn là chỗ nói cùng tột của Trang Tử, chỗ nói cùng tột của Trang Tử và chỗ nói cùng tột của Khổng Tử đồng một ban”. Trịnh Ngang bèn im lặng không nói gì. Sư bảo: “Tuy ông chẳng nói gì nhưng tâm chưa chịu phục đó, nhưng người xưa quyết định chẳng ở nơi im lặng ngồi đất rõ vậy. Lúc ông vừa đến, nêu cử Đức Thích-ca đóng thất, Cư sĩ Duy-ma nín lặng. Hãy nhìn thời xưa có Tọa chủ là Pháp sư Triệu (Tăng Triệu) nắm nơi nào không nói năng, nói ra lại cho người rằng: “Đức Thích-ca đóng thất ở Ma-kiệt, Cư sĩ Tịnh Danh ngậm miệng tại Tỳ-da, Tôn giả Tu Bồ-đề xướng không nói để hiểu biết đạo, trời Đế-thích dứt tuyệt lắng nghe mà mưa hoa, đó đều là lý làm thần ngự, nên miệng lấy đó mà im lặng. Đâu thể gọi là không biện rành biện chỗ chẳng thể nói vậy. Cái ấy là lý và Thần bỗng nhiên cũng khua nhằm, chẳng thấu suốt đến nơi nói không được, tuy là không nói nhưng tiếng ấy như sấm. Nên nói “đâu thể gọi không biện rành biện chỗ chẳng thể nói vậy”. Ở trong đó, tất cả mọi người thông minh tài biện ở thế gian dùng một điểm không

được. Đến được nghĩ gì ruộng đất, mới bắt đầu là nơi buông thân xả mạng, ban cảnh giới ấy phải là người tự chứng tự ngộ mới được. Do đó, trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Cung điện của Đức Như Lai không có ngằn mé, tự nhiên người giác ngộ ở trong đó". Đó tức là pháp môn đại giải thoát của các Thánh giã từ xưa trước, vô biên vô lượng, không được không mất, không im lặng không nói năng, không đi không lại, mỗi mỗi trần như vậy, mỗi mỗi cõi như vậy, mỗi mỗi niệm như vậy, mỗi mỗi pháp như vậy, chỉ vì căn tánh chúng sinh chất hẹp yếu kém, chẳng đến nơi cảnh giới của Thánh nhân trong tam giáo. Do đó, phân đây chia kia, rất không biết cảnh giới rộng lớn như thế, tức hướng vào trong hang quỷ dưới Hắc sơn mà ngồi đất. Nên các bậc Tiên Thánh chê trách đó là hầm hố giải thoát, là nơi rất đáng kinh sợ. Dùng mắt tuệ mà quán xét đó, thì là ngồi đất trong vạc sôi lò đỏ núi đao cây kiếm ngồi một ban, chủ nhà còn chẳng kẹt ở nơi im lặng, huống gì là khách dưới cửa Tổ sư! Tức nói vừa mới mở miệng bèn rơi lạc đến thời nay, tạm vui mừng không giao thiệp". Trịnh Ngang bất chợt lễ bái. Sư bảo: "Ông tuy lễ bái nhưng có việc ở lại". Đến chiều, Trịnh Ngang lại vào thất, Sư hỏi: "Năm nay ông bao nhiêu tiểu?" Trịnh Ngang đáp: "Sáu mươi bốn tuổi". Sư lại hỏi: "Sáu mươi bốn năm trước, ông từ nơi nào đến?" Trịnh Ngang lại im lặng, không nói gì. Sư bèn nắm cái lược tre đánh Trịnh Ngang và xua đuổi ra. Ngày hôm sau, Trịnh Ngang lại vào trong thất nói: "Sáu mươi bốn năm trước, còn chưa có Ngang tôi ở đây, cớ sao Hòa thượng hỏi Ngang tôi từ xứ nào lại?" Sư bảo: "Sáu mươi bốn năm trước, ông không thể vốn ở nhà họ Trịnh tại Phước châu, chỉ đến nay nghe pháp nói pháp một rành rành riêng sáng đến cùng tận trước lúc chưa sinh rốt cùng ở nơi nào?" Trịnh Ngang đáp: "Không biết". Sư bảo: "Nếu ông không biết bèn là sinh đại đời nay tạm hạng định trăm năm. Vậy sau trăm năm ông đợi cần bay ra ngoài ba ngàn đại thiên thế giới ngồi đi, phải là cùng kẻ khác vào trong quan tài mới được. Ngay lúc đó, bốn đại năm uẩn đồng một lúc tan rã, có mắt chẳng thấy vật, có tai chẳng nghe tiếng, có con tim phân biệt chẳng được, có xác thân mà lửa thiêu đốt, dao búa chặt chém đều không biết đau. Đến trong đó rành rành riêng sáng tỏ đến cùng tận, tức hướng nơi nào đi?" Trịnh Ngang đáp: "Ngang tôi cũng không biết". Sư bảo: "Ông đã không biết bèn là chết đại, nên nói vô thường mau chóng, sống chết việc lớn, tức là cái đạo lý ấy. Ở trong đó, giả sử thông minh cũng không được, nghĩ nhớ cũng không được. Ta lại hỏi ông, lúc bình sinh ông làm việc được lắm nhiều như ấy vậy, ngày ba mươi tháng chạp lấy một câu gì đánh lại sinh tử kia? Phải là biết được

nơi sinh lại chết đi rõ ràng mới được, nếu như không biết tức là người ngu". Trịnh Ngang mới tỏ tâm phục, mới bắt đầu biết nơi không nói không năng, hết thảy phải quấy. Nhân đó, riêng tham thỉnh không bao lâu, bèn chóng có sở đắc.

Bấy giờ có Trưởng lão Đàm Ý và Thiền giả Tuân Phác ở Tường vân hai người làm đồng bạn, mới đầu theo hầu Thiền sư Viên Ngộ. Khắc Cần lúc ở Tương sơn đã có chỗ vào. Sau lại có tùy thuộc Chân Hiết Liễu an cư kết hạ, tự chỉ vào ngực mình mà cho là trong đời không ai qua mặt nỗi. Sư rõ biết Đàm Ý chưa thấu triệt về nghiệp mà đã khai đường giảng pháp, nên lo lắng hẳn lừa dối hậu học, bèn viết thư gởi đến Đàm Ý và bảo hãy tạm đến nơi Sư. Đàm Ý xấu hổ đó, chầm chậm mà đi, nhân lúc tiểu tham, Sư bèn đau xót nêu chỉ điểm quấy của Đàm Ý, và niệm yết bảng ở cửa để báo cho bốn chúng bết rõ. Đàm Ý nghe thế, bất đắc dĩ phải phá hạ mà đến dưới pháp hội của Sư. Sư cật vấn về sở chứng của Đàm Ý, mà bảo rằng: "Ông nghĩ gì kiến giải nào từng mộng thấy Lão nhân Viên Ngộ? Quả thật muốn rốt ráo việc ấy, tạm lui ngay viện con lại". Từ đó, Đàm Ý bèn trở về, đến lúc mãn Hạ, quả nhiên cùng Tuân Phác đồng đến. Hai người đồng vào trong thất, Sư hỏi Tuân Phác: "Tam Thánh nói: "Ta gặp người thì ra, ra thì chẳng vì người". Còn Hưng Hóa nói: "Ta gặp người thì chẳng ra, ra thì bèn vì người". Ông hãy nói hai Lão hán ấy có nơi xuất thân không?" Tuân Phác bèn đánh trên đầu gối Sư một đấm Sư bảo: "Một đấm ấy của ông, vì Tam Thánh ra hơi hay vì Hưng Hóa ra hơi? Nói nhanh, nói nhanh?" Tuân Phác bỗng bàn nghị, Sư chộp ngay cột sống mà đánh, và bèn vì đó bảo rằng: "Thứ nhất ông không được quên xong một gậy ấy". Bèn ra khỏi cửa, lâu sau không được vào cửa. Một ngày nọ nhân có vị Tăng khác vào thất, hai người (Đàm Ý và Tuân Phác) lắng nghe đó, Sư hỏi vị Tăng ấy: "Với Đức Sơn hễ thấy có vị Tăng vào cửa bèn đánh, với Lâm Tế thấy có vị Tăng vào cửa bèn hét. Với Tuyết Phong thấy có vị Tăng vào cửa bèn nói là gì. Với Mục Châu thấy có vị Tăng vào cửa bèn nói thấy thành Công Án tha cho ông ba mươi gậy. Vậy ông hãy nói bốn Lão hán ấy lại có nơi vì người không?" Vì Tăng ấy đáp: "Có". Sư bảo: "Tâu". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn quát hét xua đuổi ra. Tuân Phác nghe thế bỗng nhiên có tỉnh ngộ. Đàm Ý cũng lần lượt ngay dưới một lời nói bèn có sự tỉnh phát, mọi kiến giải xấu ác xưa trước đồng một lúc tiêu mất. Về sau, đều nối dõi dòng pháp của Sư.

Sư thường vì chúng nhập thất. Thấy có vị Tăng vừa mới vào cửa, Sư bèn hỏi: "Chư Phật, Bồ-tát, súc sinh lừa ngựa, cây bách trước sân, tớ

gái ba cân, chuồng phẩn khô, ông phải là một cành tướng trạng không phải kẻ giặc?" Vị Tăng ấy nói: "Từ lâu đã biết Hòa thượng có cơ yếu ấy". Sư bảo: "Ta đã không đầu mối vào cỏ hoang, là phẩn của ông mùi hôi thối cũng không biết". Vị Tăng ấy bèn rủ áo đi ra. Sư bảo: "Khổ thay Phật-đà-da!" Lại có vì Tăng khác vừa mới vào cửa, Sư bèn bảo: "Chẳng phải ra đi". Vị Tăng ấy liền đi ra, Sư bảo: "Không lường Đại nhân bị chuyển kiếp trong ngữ mạch". Tiếp theo lại có một vị Tăng khác vào. Sư bảo: "Chẳng phải ra đi". Vị Tăng ấy liền đến gần phía trước. Sư bảo: "Vừa nói với ông là chẳng phải, ông lại đến gần ở trước tìm cái gì?" Và Sư bèn đánh xua đuổi ra. Lại có một vị Tăng khác vào thưa: "Vừa rồi hai vị Tăng ấy chẳng hiểu ý Hòa thượng". Sư cúi thấp đầu thở dài một hơi. Vị Tăng ấy chẳng hiểu gì. Sư bèn đánh và bảo: "Tức là ông hiểu ý Lão Tăng?" Lại có một vị Tăng khác vừa mới vào, Sư bảo: "Ông chẳng hiểu, ra đi". Vị Tăng ấy cũng đi ra. Lại có một vị Tăng khác vào. Sư bảo: "Vừa lại hai Thượng tọa, một vị hiểu thâu không hiểu thả, một vị hiểu thả không hiểu thâu. Ông lại có biện rõ được chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Một trạng lãnh qua". Sư bảo: "Sau lãnh qua, riêng có lắm tin tức tốt lành". Vị Tăng ấy vỗ tay xuống một cái và bèn đi ra. Sư bảo: "Ba mươi năm sau tỏ ngộ đi". Sư lại hỏi một vị Tăng khác rằng: "Nói chẳng dùng tu, chỉ chớ nhiễm ô. Thế nào là nói chớ nhiễm ô?" Vị Tăng ấy đáp: "Tôi không dám nói". Sư hỏi: "Vì gì ông không dám nói?" Vị Tăng ấy đáp: "Sợ nhiễm ô". Sư bèn lớn tiếng kêu rằng: "Hành giả đem sọt phẩn chổi quét lại". Vị Tăng ấy mịt mờ, Sư bèn đánh và xua đuổi ra. Lại có vị Tăng khác vừa mới vào. Sư bảo: "Thích-ca Lão Tử lại vậy". Vị Tăng ấy đến gần phía trước, Sư bảo: "Vốn là chẳng phải", và bèn đánh. Lại Tăng khác vào, Sư cũng bảo: "Thích-ca Lão Từ lại vậy". Vị Tăng ấy thẳng mặt thăm hỏi rồi bèn đi ra. Sư bảo: "Tức tợ cái thật". Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Chẳng phải tâm, chứng pháp Phật, chứng pháp vật, ông làm sao sống?" Vị Tăng ấy đáp: "Lãnh". Sư bảo: "Lãnh trong nhà ông bảy đời tiên linh". Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: "Vừa lại thì lãnh, đến nay sao lại hét? Liên can kia chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, là việc gì?" Vị Tăng ấy im lặng không đáp. Sư bèn đánh. Sư lại hỏi một vị Tăng khác: "Lúc đi đường gặp người đạt đạo chẳng cùng nói nín đối đáp thì thế nào?" Vị Tăng ấy trân trọng bèn đi. Sư cười lớn ha ha. Tiếp có một vị Tăng khác lại. Sư bảo: "Ta vừa hỏi vị Tăng ấy lại lúc đi đường gặp người đạt đạo, chẳng cùng nói nín đối đáp thì thế nào? Vị Tăng ấy trân trọng bèn đi. Ông thử nói vị Tăng ấy hiểu hay không hiểu?" Vị Tăng ấy định

thăm hỏi, Sư bèn đánh xua đuổi ra. Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Kẻ chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Gã không mặt mắt ". Sư bảo: "Vừa rồi có Sư Tăng nói như vậy. Ta đánh đuổi ra đi vậy". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn đánh. Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Đại sư Mã nói từ sau khi Hồ loạn ba mươi năm chưa từng thiếu tương muối. Ý ấy muốn làm gì?" Vị Tăng ấy đáp: "Theo nhà đầy đủ tiết kiệm". Sư bảo: "Khéo cái theo nhà đầy đủ tiết kiệm, chỉ là ông chẳng hiểu. Vị Tăng ấy phòng bàn nghị, Sư bèn quát hét xua đuổi ra. Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Câu thoại trên cây của Hương Nghiêm, ông làm sao sống?" Vị Tăng ấy đáp: "Khéo đối gió xuân chá cô". Sư bảo: "Thượng tọa Hổ đầu nói trên cây tức chẳng hỏi, chưa lên cây xin Hòa thượng nói. Lại làm sao sống?" Vị Tăng ấy đáp: "Vừa rồi Hòa thượng nói đã xong vậy". Sư bảo: "Khéo đối phó xuân xướng chá cô, là nói trên cây hay nói dưới cây?" Vị Tăng ấy im lặng không đáp, Sư bèn đánh. Sư lại hỏi Thị giả rằng: "Có nhiều người vào thất, mấy người nói được nhằm, mấy người nói không nhằm?" Thị giả đáp: "Tôi chỉ nhìn tổng quát". Bỗng nhiên, Sư trải bàn tay và hỏi: "Tay ta sao tợ tay Phật?" Vị Thị giả đáp: "Trời lạnh, tạm xin Hòa thượng rủ suốt tay áo đi". Sư bèn đánh bằng một cái lược tre và bảo: "Hãy nói là thưởng cho ông hay phạt cho ông?" Thị giả im lặng không trả lời. Có vị Tăng vào thỉnh hỏi điều lợi ích rằng: "Không biết tôi chết rồi, hướng nơi nào đi?" Sư bảo: "Ông chỉ nay đây là sống hay là chết?" Vị Tăng ấy đáp: "Sống cũng không nói, chết cũng không nói". Sư bảo: "Ông làm được kẻ tớ Tiệm Nguyên". Vị Tăng ấy phòng bàn nghị, Sư bèn đánh xua đuổi ra. Lại có một vị Tăng khác đến. Sư bảo: "Vừa rồi vị Tăng ấy nhận lấy một trường bại quyết, ông có biết chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Biết". Sư cũng đánh và xua đuổi ra. Lại có vị Tăng khác vào thưa hỏi câu thoại về cảnh Giáp Sơn. Chưa dứt tiếng hỏi, Sư bèn quát hét, vị Tăng ấy mịt mờ, Sư bảo: "Ông hỏi gì?" Vị Tăng ấy phòng nêu cử, Sư liền đánh, quát hét xua đuổi ra. Lại có vị Tăng khác vào thưa hỏi: "Tôi tham thiền không được. Bịnh tại nơi nào?" Sư đáp: "Bệnh ở trong ấy". Lại hỏi: "Tôi vì gì tham không được?" Sư bảo: "Đồ mở mắt, giường nước tiểu, ta đánh ông đi". Sư ở trong thất, cơ duyên xoáy xoay, biện bày không thể nắm đùa. Nếu không phải hàng căn khí thượng thượng thì không thể thấu hợp.

Lúc Sư ở Kính sơn, tiếng tăm vang động một thời, như Thị Lang Trương Công, Tử Thiều Trạng Nguyên Uông Công, Thánh Tích Thiếu Khanh Phùng Công Tế Xuyên đều đến thưa hỏi đạo. Ngoài ra đều là các hàng danh sĩ đại phu một thời. Sư đều tùy cơ khai ngộ, không chỗ

hồi hổ, mà người cầm nắm cân trục đương thời cho rằng sự bàn nghị của Sư chính mình chán ghét đó, bèn hễ gặp thì nhặt nhạnh phá hủy pháp y. Sư bèn lắng đến ẩn lánh tại Hành châu suốt mười năm, lại dời chuyển đến Mai châu. Tại Mai châu gặp phải gió chướng bệnh dịch, đất lắng yên, mà trong nạp Tử thuế theo đó tuy chết chẳng hối tiếc. Lại trải qua tám năm, vua Cao Tông (Triệu Cấu 1127-1163) thời Nam Tống) ban đặc ân tha trở về. Năm sau trở lại y phục Tăng chúng, các pháp tịch trống vắng ở các nơi thỉnh mời mà Sư chẳng đến. Sau cùng vì có sắc chỉ triều đình nên Sư đến ở Dục vương, Đồ chúng nhóm tụ đông nhiều, thực phẩm không đủ tiếp tục, Sư bèn khai khẩn ruộng đất có vài mươi khoảnh, vua ban sắc trang điền đó tên là Bát-nhã. Lại trải qua hai năm sau, có sắc chiếu Sư chuyển dời đến Kính sơn. Sư trở lại ở Kính sơn, các hàng đạo tục hâm mộ như gặp thấy được thân thích. Tuy già yếu nhưng Sư dẫn dắt hàng hậu học không thiếu nhọc mệt, Sư lui ở Minh Nguyệt đường. Trước kia, lúc Hiếu Tông Hoàng đế (Triệu Thận) làm Phổ An quận vương đã từng nghe tên Sư, thường sai Nội Đô giám đến Kính sơn bái yết Sư, Sư có làm kệ tụng dâng tặng rằng:

"Căn lớn khí lớn sức lực lớn
Mang vác việc lớn chẳng tầm thường
Trên đầu mảy lông rành tin tức
Khắp nơi rành rẽ chẳng giấu che".

Hiếu Tông rất thỏa ý thích lòng. Đến lúc tới ở Kiến để lại sai phái Nội tư khách thỉnh mời Sư ở trong núi vì đại chúng giảng nói pháp, tự thân Hiếu Tông viết chữ lớn "Diệu Hỷ Am" và chế thuật chân tán ban tặng Sư rằng:

"Sinh diệt chẳng diệt
Thường trú chẳng tru
Viên giác rỗng sáng
Tùy vật hiện ở".

Sư diễn thành bốn bài kệ để dâng tặng Hiếu Tông. Hiếu Tông đọc xem rất vui thích. Lại qua hai năm nữa, Hiếu Tông lên ngôi (1163-1190) thời Nam Tống, bèn ban tặng Sư hiệu là "Đại Tuệ Thiền sư". Lại lấy đến nơi chỗ ban tặng dùng ngự bảo biết đó, ân sủng rất sâu đậm, muốn thỉnh mời cùng đối đáp mà Sư đã cảm bệnh vậy. Đến ngày mồng 10 tháng 08 năm Long hưng thứ nhất (1163) thời Nam Tống, Sư thị tịch tại Minh nguyệt đường ở Kính sơn. Vua Hiếu Tông nghe tin rất mực than tiếc không thôi, ban chiếu lấy Minh nguyệt đường làm am Diệu hỷ, phong tặng Sư húy là "Phổ Giác". Lúc sắp thị tịch tự tay Sư viết thư

để lại tấu vua, niêm phong xong, vị Tăng thị giả thỉnh cầu Sư lưu lại kệ tụng, Sư gằng tiếng bảo: “Không kệ tụng bèn chết không được vậy”. Sư đòi ấy giấy bút viết chữ lớn rằng:

“Sống cũng chỉ nghĩ gì
Chết cũng chỉ nghĩ gì
Có kệ cùng không kệ
Phải là gì nóng lớn”.

Xong, Sư buông bút mà thị tịch. Hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi tám hạ lạp. Các môn nhân đệ tử nghinh thỉnh toàn thâu Sư an táng tại phía sau am, vua ban sắc hiệu tháp là “Bảo Quang”.

Các hàng đạo tục theo Sư tham học đắc pháp triệt ngộ chẳng những vài mươi vị, đều có tiếng tăm nơi đời. Như các vị Đảnh Nhu, Âm Nhạc, Di Quang, Ngộ Bản, Thủ Tịnh, Đạo Khiêm, Tuân Phác, Tổ Nguyên, Xung Mật v.v... cả thảy chín vị đều khế ngộ rộng lớn, thị tịch trước Sư, ngoài ra mỗi vị đều hoằng hóa Đạo giáo một phương. Tông chỉ của Lâm Tế càng được phấn phát vậy.

2. Thiền sư Thiệu Long ở Hổ khâu.

Thiền sư Thiệu Long ở Hổ khâu tại phủ Bình giang, vốn người ở Hàm sơn - Hoài chi. Năm chín tuổi, Sư giã từ song thân đến ở viện Phật Tuệ, sáu năm sau, Sư được độ, thọ giới Cụ túc. Lại trải qua năm năm, Sư đến bái yết Thiền sư Tín ở Trường lô, lược đượm nhuần pháp vị. Có người trao truyền ngữ lục của Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần đến đó Sư đọc xem mà than rằng: “Tưởng rót mời sinh nước dãi, tuy chưa rót ruột tưới lòng, cốt yếu lại khiến người vui thích, Đệ hận chưa hiểu cười nói vậy”. Sư bèn từ Bảo Phong nương tựa Trạm Đường, lại làm khách Hoàng Long đến khấu tham Thiền sư Tử Tâm, tiếp đến bái yết Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần. Một ngày nọ, Sư vào thất, Thiền sư Viên Ngộ nêu cử: “Lúc tánh thấy thấy, chẳng phải là thấy. Thấy còn lìa thấy, thấy không thể kịp”. Rồi đưa nắm tay lên và hỏi: “Có thấy chăng?” Sư đáp: “Thấy”. Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Trên đầu lại gắn thêm cái đầu”. Nghe thế, bỗng nhiên Sư khế ngộ chứng đắc. Thiền sư Viên Ngộ quát hỏi: “Thấy cái gì?” Sư đáp: “re kín chẳng phòng ngại nước chảy qua”. Thiền sư Viên Ngộ chấp thuận đó, bèn bảo Sư trông coi Tạng giáo. Có người hỏi Thiền sư Viên Ngộ: “Tạng chủ Long mđềm mại dễ dàng như thế, sao có thể làm ư?” Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Hổ ngủ gật vậy”.

Về sau, Sư trở về quê hương, lúc ra hoằng hóa, Sư ở tại Khai Thánh, đến lúc gặp nạn loạn trong niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống, Sư mới lập am ở dưới Đồng phong, Quận thú Lý Công

Quang thỉnh mời Sư đến ở Chương giáo. Tiếp sau đó, sư chuyển dời đến ở Hổ khâu. Đồ chúng nhóm tụ đông nhiều, Đạo phong vang vọng. Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Bỗng mở cửa sổ, muôn dặm chẳng treo mảnh mây, mặt nhật vọt giữa không trung, bốn phía gió trong mát đầy tòa, ánh sáng Hồ mênh mông, sắc màu đồng nội lắng tỏ, muôn tượng sum-la toàn hiện Hải Ấn, ngay như được mỗi mỗi diệu dụng, vật vật thật có, tâm cảnh nhất như, mảy trần chẳng lập. Chánh nghĩ gì là muôn cơ thôi nghĩ, ngàn thành chẳng dắt, ngồi ngay trên đỉnh Tỳ-lô, chẳng bẩm nhận Thích-ca Văn, thấp hèn nhìn đứa ở văn kêu làm Bồ-tát, Đức Sơn, Lâm Tế, ngay được mắt trọn miệng cắn, có đánh có hét, một điểm cũng dùng không được. Hãy nói bỗng nhiên lúc gặp người trong đó lại, nói năng như thế nào? Nghiêng che cùng gặp vốn xưa cũ, sao phòng ngại lại uống trà Triệu Châu". Có lúc Sư lại bảo: "Trước mắt không pháp, muôn tượng tự nhiên, ý ở trước mắt, bỗng ra khó rành, chẳng phải pháp trước mắt, nơi chạm gặp hắn chẳng phải nơi đến của tai mắt, chẳng lìa thấy nghe hay biết. Tuy là như vậy, cũng phải là then chốt cửa hướng thượng kia mới được. Do đó, nói lưới lồng chẳng chịu ở, kêu réo chẳng xoay đầu, Phật tổ chẳng an bài đến nay không nơi chốn, như vậy thi chẳng nhọc kiểm niệm, cửa lầu các mở, tấc bước chẳng dời, trăm thành đều đến". Bỗng nhiên Sư nắm cây gậy họa vẽ một đường, tiếp bảo: "Đi đường gặp rắn chết chớ đánh giết, Lam Tử không đáy đầy đem về". Lại có lúc Sư bảo: "Ánh sáng chẳng phải chiếu, cảnh cảnh chẳng phải còn. Ánh sáng và cảnh đều quên, lại là vật gì? Trên đầu trăm cỏ thôi bải tức ở giáo mác thì tạm yên đặt, bỗng như tượng lớn ở Gia châu cưỡi ngược trâu sắt Thiểm phủ, năm núi Tu-di đánh một cái trăm thừ vỡ vụn, ngựa chạy trong nước Tân-la, nói Thiền ở Nam Thiệm bộ châu, lại làm sao sống? Trên núi Ngũ đài mây nấu cơm, trước thềm điện Phật chó tiểu ngày, trên đầu sát can nấu dùi con, ba con Hồ tôn đêm rây tiền". Có lúc, Sư lại bảo: "Phàm có bày gá đều rơi lạc thời nay, chẳng bày chẳng gá rơi hầm lạc hố, ngay như gió thổi chẳng vào, nước rưới chẳng dính, kiểm điểm đem lại tự cứu chẳng xong. Há chẳng thấy nói ngay tợ bóng trăng đầm lạnh, tiếng chuông đêm lắng, tùy gõ đánh mà không khuyết mất, chạm sóng xao mà không tan biến, còn là việc ở đầu bờ sinh tử. Sư nắm cây gậy họa vẽ một đường, tiếp bảo: "Cắt đứt dây leo nhiều năm của người xưa, chấm đầu đá bất chợt vỗ tay chẳng cười. Hãy nói cười cái gì? Sau đầu não thấy tai chẳng cùng qua lại".

Đến năm Bính Thìn (1136) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư hiện tướng cảm chút bệnh mà thị tịch,

dựng tháp an táng toàn thân tại góc Tây Nam của chùa.

3. Thiền sư Đoan Dụ ở Dục xương.

Thiền sư Đoan Dụ - Phật Trí ở Dục xương tại Minh châu, vốn người dòng họ Tiền ở phủ Thiệu hưng. Từ sau khi chứng đắc yếu chỉ nơi Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần, Sư vân du ở khắp các chùa lớn. Lại vâng phụng sắc chiếu thỉnh mời đến ở Kinh sơn, nhà vua ban sắc Sư hiệu là “Phật Trí Đại Sư”, sau Sư lại chuyển dời đến ở Dục vương.

Sư từng chỉ dạy đại chúng rằng: “Một pháp nếu có thì lớp lớp vách sát núi bạc, muôn pháp nếu không, nơi nơi trầm không lắng tịch. Mắt mình nếu chánh, thấy gai chích cũng trừ, một pháp chẳng rơi lạc duyên trần, muôn pháp vốn không quái ngại, núi là núi, nước là nước, tục là tục, Tăng là Tăng, chẳng khác chẳng đồng. Ngay như nghĩ gì, còn là tạo xe ở nhân môn, chưa phải là hợp vết ra cửa, lại phải biết có một trứ trên đảnh, làm sao sống rõ? Nay xưa đoàn loạn không chầm vá sứt mẽ, sức lực của Na-la-diên bổ chẳng ra”. Có lúc Sư lại bảo: “Lúc đi tuyệt vết đi, lúc nói dứt vết nói. Đi và nói nếu đến thì ùn đời sống với tên bắn, đi và nói chưa rõ thì thần bén nhọn vót dứt, bèn khiến nói không rỉ lọt, đi không hướng mê, còn dính vỏ xác rò rỉ ở, như là chim đại bàn cánh vàng vỗ cánh trăm ngàn do tuần, mười ảnh thần châu rong ruổi bốn phương tám cực, chẳng lấy lần lượt ăn mổ, chẳng theo nơi chôn vùi thân. Vả lại, tất cả chẳng nương tựa, lại có phần giẫm đạp không? Nơi nơi cõi cõi là bến bờ cốt yếu”. Lại có lúc chỉ dạy đại chúng, Sư nêu cử Nam Tuyền nói: “Lão Tăng từ mười tám tuổi trở lên bèn biết làm kế sống”. Còn Triệu Châu nói: “Mười tám tuổi trở lên, ta biết phá tán vườn nhà, phá tán vườn nhà đến tận cùng mới hiểu kế sống, giả sử dùng vàng ròng làm thành bạc trắng làm vách, Thiền Duyệt làm thức ăn, giải nghĩa làm nước tương, ban sắc nạp Tử chẳng chịu xoay đầu”. Cớ sao vậy! Há chẳng thấy nói gã sáng mắt ném vào hang lỗ, giả sử ngay như muôn dặm không xa vời, chánh khéo một dùi đều đánh nát. Hãy nói một câu chẳng rơi lạc tấn tu làm sao sống? Nói”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Xư bồ nếu biết sắc mặt gốc, hết bảo Đầu Tử đầy mâm hồng”. Xong, Sư đánh cây phất trần xuống một cái. Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Lúc chưa nghĩ gì, một câu siêu Thích-ca vượt Di-lặc, kịp đến lúc rõ phá chẳng ngay nửa phần. Cớ sao vậy? Chỉ vì thấy suốt như cắt vuông đến tròn, như đầu hổ mang sừng, lưng rồng chắp cánh, làm tốt làm lành, giường bằng lót đất, ngủ lại nhắm mắt, ăn cơm mở miệng. Hãy nói cắt vuông đến tròn tức là phải, giường bằng lót đất tức là phải, lại biện rõ ra được chăng? Ngay như biện rõ ra được cũng là chén bát khỏi gò đống”. Lại có lúc Sư chỉ dạy: “Khắp đại địa

là mắt Sa-môn, khắp đại địa là ánh sáng của chính mình. Vì gì Đông-phất-vu-đãi đánh trống, Tây-cù-da-ni chẳng nghe, Nam-thiệm-bộ-châu đốt đèn mà Bắc-uất-đơn-việt đen tối? Ngay như hướng đến trong đó nói được mười phân vẹn mười, còn là bóng ánh sáng kế sống". Sư nắm cây phất trần phẩy một cái, tiếp bảo: "Trăm thứ tạp toái làm sao sống là một đường xuất thân? Nếu quả thật không thấy thì theo đường ném tung hoa". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Một dùi bèn thành chẳng phải là tánh tháo tài giỏi, một bước nhảy ngàn dặm chưa phải là ngựa non đổ máu. Ngay phải sau khuỷu tay treo phù Dạ Minh, nơi cửa đảnh đủ mắt Kim cang, suốt đầu triệt đuôi sống chết giao nhau rong ruỗi, mặc tình kia ma Phật hiện tiền, bèn khéo dao bén cắt ngay. Hạy nói y cứ cái gì như vậy? Cần biết chăng? Chuôi ngọc nhẹ nâng núi biển tối".

4. Thiền sư Pháp Thái ở Đại quy.

Thiền sư Pháp Thái - Phật Tánh ở Đại quy tại Đàm châu. Vốn người dòng họ Lý ở đất Thục. Từ nhỏ Sư tập học theo Nho giáo làm văn chương rất có tiếng tăm, bỗng nhiên nhàm chán thế tục, Sư xuất gia được độ thọ giới Cụ túc. Vân du khắp chốn tùng lâm, thân gần các bậc Lão túc. Đối với Ngũ gia tông phái, Sư đều khéo thấu đạt gia phong đó, riêng đối với Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần, Sư chứng đắc pháp tủy. Lúc Thiền sư Viên Ngộ đang ở Đạo Lâm - Tương Sơn đều bảo Sư làm Thủ tòa. Đến lúc ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Đức Sơn.

Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Tổ sư nói muốn được hiện tiền chớ còn thuận nghịch. Thích-ca Lão Tử là gì phá rách giày cỏ, một Đại Tạng kinh giáo là giấy cũ lau chùi đồ bất tịnh. Đạt-ma suốt chín năm ngồi xoay mặt vách tường ngủ gật chưa tỉnh. Các người, dưới da không máu, trong mắt không gân, bèn hướng đến trong đó tìm cái chén gì? Xin mỗi vị nên về nhà đi". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Thôi, thôi, chẳng phải nói, pháp ta diệu khó lường, Thích-ca Lão Tử không nguyên do gì hướng đến trên đất sạch mà ỉa bừa bải, các kệ Tăng thượng mạn nghe thế thảy đều chẳng kính tin. Kia, kia là gã Trượng phu con, các người hướng đến nơi nào thấy Thích-ca Lão Tử? Nếu cũng thấy được vào cửa Đức Sơn, chưa vào được thất của Đức Sơn. Hãy nói thất của Đức Sơn làm sao vào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Ba mươi năm sau". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Mở miệng có lúc hay chẳng mở miệng có lúc phải, lời thô và lời tế đều kết quy về Đệ nhất nghĩa, Thích-ca Lão Tử chén bát phát tiếng, Đạt-ma từ Tây vức lại tỏa mùi phẩn dơ, chỉ có trâu bò nước trước núi, thân phóng ra hào quang soi chiếu Đại địa". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Pháp chẳng vậy mà vậy, tối đi sáng lại. Đạo chẳng phải vậy mà vậy,

sấm vụt mưa tuông, ngay như được ngàn sông đua nhau rót, muôn hóc tranh nhau đổ, đầu núi sóng bạc tràn ngập trời, đất bằng người cá chung ở. Chớ hỏi mầm Đạo tăng trưởng, đến nay trên đầu mênh mông, tuy là nước cừ thành, làm sao qua còn chẳng kịp? May mà mây cuộn mưa tan gió ngưng sóng dừng. Mặt nhật ngay giữa trời, muôn tượng đồng tốt mừng. Hãy nói một câu Đại Công chẳng cắt làm sao sống? Nói. Ông lão miền quê chẳng biết sức Nghiêu Thuấn, tung tung đánh trống tế thần sông". Có lúc Sư lại chỉ dạy: "Kiếm báu nắm lại bèn dùng, đâu có chậm nghi ngờ, lông mày bức dậy bèn đi, lại không xoay giúp, tất cả mọi nơi vọt nay rực xưa, hết thảy mọi nơi cắt đứt lưới lồng, chẳng phạm mũi nhọn cũng chẳng xoay lại soi xét. Riêng vượt ngoài vật thì tạm đặt đó, lúc muôn cơ tan hết thì thế nào? Tháng tám mùa thu nơi nào nóng". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Nghe tiếng ngộ đạo chưa khỏi nước dính trong lỗ tai, thấy sắc rõ tâm cũng là tung cát trong tròng mắt, ngay như được mảy may không chướng ngại, không hữu ngang bằng không bình, dưới tuyệt tự thân mình, trên không vin ngưỡng, riêng chóng chóng dứt tình trần, vút cao cao lìa phân biệt. Còn là việc bên kia, hãy nói việc bên này lại làm sao sống?" Thôi luyến đầm lạnh cây không ảnh, tạm nhìn tháng sáu hoa tuyết bay. Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Động thì ảnh hiện, giác thì băng sinh, chẳng động chẳng giác cây đất không khác. Nạp Tăng đến trong đó phải có một đường chuyển thân mới được. Nếu cũng chuyển được phân ba thành sáu, xướng chín làm mười, nhận nạp núi Tu-di nơi Hạt cải, ném Đại thiên đến phương ngoài. Còn nếu chuyển không được đến hang quỷ núi khác chẳng khỏi là tinh linh". Lại có lúc Sư chỉ dạy: "Thấu đạt nhân không pháp không, chưa xứng là gia phong Phật tổ. Hiểu được toàn dụng toàn chiếu, cũng chẳng phải yếu diệu của nạp Tăng. Ngay như phải đánh phá tù ngục, biết lấy một huyệt hướng thượng. Thế nào là một huyệt hướng thượng? Xuân lạnh lường cao lạnh cóng giết tuổi trẻ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Niết-bàn không khác lối, phương tiện có nhiều môn". Sư nắm lấy cây gậy, tiếp bảo: "Nhìn nhìn cây gậy của sơn Tăng, một miệng hớp hết nước Tây giang, biển Đông cá chép nhảy vọt lên tấng trời ba ba, Đế-thích tức giận nắm núi Tu-di đánh một cái vỡ vụn, Kiên lao Địa thần chấp tay tán thán rằng: "Trông xét kỹ pháp của Pháp vương, pháp của Pháp vương như vậy". Sư nắm cây gậy đánh vào thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc Sư bảo: "Với Đức Sơn, hễ vào cửa bèn đánh đất bằng chất đống. Với Lâm Tế, hễ vào cửa bèn quát hét, không gió nổi sóng. Câu Chi chỉ dựng một ngón tay, chưa khỏi mập mờ, Tuyết Phong trục ra ba cầu rủ mưa lành đượm khắp,

nước đủ Đông cao, lúa xanh Nam điện, Nông phủ vỗ bụng, tiều phu cao ca. Gia phong Phật xưa nghiễm nhiên như cũ, ngay đó hiểu được cùng vui bình, giả như chưa được vậy chỉ biết việc đuổi qua trước mắt, bất chợt già từ trên đầu lại".

5. Thiền sư Cảnh Nguyên ở Hộ quốc.

Thiền sư Cảnh Nguyên ở Hộ quốc tại Đài châu, vốn người dòng họ Trương ở Lạc , Ôn châu. Mới đầu xuất gia, vân du khắp chốn tùng lâm, đến Tương sơn bái yết Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần, trải qua thời gian lâu dài ở trong chúng hội. Một ngày nọ nhân có hai vị Tăng đọc xem ngữ lục của Thiền sư Tử Tâm, có viết: "Lúc đã mê phải đợi cái ngộ, đã ngộ rồi phải biết mê trong ngộ, mê và ngộ cả hai đều quên mất, tức từ nói mê ngộ kiến lập hết thảy pháp". Trong tâm Sư chẳng chấp thuận như thế, bèn rủ áo mà đứng dậy, đi được vài bước bỗng nhiên thầm khế ngộ, bèn chạy đến báo cùng Thiền sư Viên Ngộ. Thiền sư Viên Ngộ ấn chứng cho đó. Về sau, Sư giã từ, Thiền sư Viên Ngộ hỏi: "Sắp đi như có người hỏi, ông làm sao sống?" Sư bèn vỗ vào lưng vị Tăng bên cạnh và bảo: "Hòa thượng hỏi ông, sao chẳng chỉ đối?" Thiền sư Viên Ngộ cười lớn, và từng nói với mọi người rằng: "Ta có chút đạo thiền, bị huynh Nguyên đựng đầy một đãy vải mang đi". Khắp chốn tùng lâm nhân đó mà xưng gọi Sư là "Nguyên Đãy Vải". Đạo hạnh Sư khế ngộ tỏa sáng. Long Đồ nhân đó thỉnh mời Sư ra đời hoằng hóa, ở Nam minh tại Xử châu.

Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: "Thích-ca chẳng hiểu đạo, Đạt-ma chẳng hiểu thiền, các Tổ không có quan, nạp Tăng ngập lỗ mũi, phải thì phải, làm sao sống nhận lấy? Nếu hướng đến trong đó nhận lấy được đi, Phật pháp và thế gian pháp đánh thành một mảnh, trong mười hai thời khắc chẳng đổi dời mảy may. Nếu chưa được vậy chớ giữ cỏ xanh khác lạ trong hang lạnh, ngồi ngay Bạch vân tông chẳng diệu". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng, Sư nâng cây phất trần lên và bảo: "Đại chúng có thấy chăng? Đánh nát núi bạc vách sắt, nhấc nổi hang hổ cung ma, cắt đứt cô quan Phật tổ, phủi hết đường trải các phương, ngay như bị Đức Sơn liền bước, Lâm Tế nuốt tiếng, nạp Tăng trong thiên hạ chẳng dám thở gằng. Giả sử như Mục Châu thân gần tự vào cửa, đinh ninh lại cũng một tráp tâu. Hạy nói Liên Vân Tiết Giác tại nơi nào? Có biết chăng? Nếu đến các phương rất kỵ bày chọn". Lại có lúc Sư bảo: "Dã can sủa, sư tử gầm gừ, mở được mắt, trương được miệng, động Nam tinh đạp Bắc đẩu. Đại chúng lại có biết nơi rơi lạc chăng? Ngồi xổm dưới thềm Kim cang, chạy quanh trong lửa thần quy". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Lâm

Tế tông?” Sư đáp: “Giết người không nháy mắt”. Lại hỏi: “Thế nào là Vân Môn tông?” Sư đáp: “Đảnh cửa ba mắt sáng rực đất trời”. Lại hỏi: “Thế nào là Quy Ngưỡng tông?” Sư đáp: “Đẩy không tới trước, ước chẳng lui sau”. Lại hỏi: “Thế nào là Pháp nhãn Tông?” Sư đáp: “Mũi tên bén nhọn cùng đánh chẳng cùng nhiều”. Lại hỏi: “Thế nào là Tào Động tông?” Sư đáp: “Tay nắm phù Dạ Minh, mấy ai biết trời sáng”.

Sư ở tại Nam Minh được hai năm, nhàm chán sắp muốn đi, một ngày nọ Sư nêu cử bài tụng mặt sắt rằng:

“Viện là viện trong nước Đại Tống
Châu là châu trong nước Đại Tống
Trong châu có viện không dung ở
Nào phòng một bát bơi Ngũ hồ”.

Nêu cử xong rồi, Sư bảo: “Phải thì phải, đi ở tự do, sai lầm giết bày phong cốt”. Nhân đó, Sư làm bài kệ tụng rằng: “Thôi, thôi, thôi chiều tàn về Tây nước chảy về Đông, chỉ có Ngưỡng Sơn thế mây xa, đánh gió ngàn muôn qua Nam châu”. Sau đó, Sư đến ở Hộ quốc tại Đài châu, và thị tịch tại bản sơn.

6. Thiền sư Tăng Chiêu ở Huyền sa.

Thiền sư Tăng Chiêu ở Huyền sa tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trên trời không có Di-lặc, dưới đất không có Di-lặc. Hãy nói Di-lặc ở tại nơi nào?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Đi đêm chớ đạp vết trắng, nếu không phải nước cũng là đá”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 27
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 28

MỤC LỤC

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần ở Chiêu giác, có năm mươi chín vị:

26. Thiền sư Chiếu ở Trung nham
27. Thiền sư Toại ở Quảng lợi
28. Thiền sư Xu ở Quảng lợi
29. Thiền sư Thắng ở Vô vi
30. Thiền sư Ngang ở Định sơn
31. Thiền sư Nghi ở Khai phước
32. Thiền sư Chánh ở Bạch thủy
33. Thiền sư Dương ở Hiển báo
34. Thiền sư Bật ở Thúy phong
35. Thiền sư Toàn ở Vân tế
36. Thiền sư Tĩnh ở Đức sơn
37. Thiền sư Oánh ở Báo ân
38. Thiền sư Hưởng ở Tứ minh
39. Thiền sư Thông ở Tây thiền
40. Thiền sư Chiếu ở Kim văn
41. Thiền sư Phát ở Trường khê
42. Thiền sư Ngộ Minh ở phủ Giang ninh
43. Thiền sư Cần ở Bảo lâm
44. Thiền sư Tông Ngộ ở Cửu đảnh
45. Thủ tòa Trí Quân
46. Thủ tòa Đạo Thù
47. Thủ tòa Tự Trân
48. Thiền sư Diễn ở Trí độ
49. Thượng tọa Cảnh
50. Thủ tòa Sư Phạm
51. Thiền sư Hải ở Trung trúc
52. Thiền sư Hữu Chứng ở Vĩnh hoài
53. Thiền sư San ở U nham
54. Thiền sư Ấn ở Càn minh
55. Thiền sư Tổ ở Bảo ninh
56. Thiền sư Mân ở Cảnh đức
57. Cư sĩ Môn Ty Trịnh Kham
58. Thiền sư Hy Thọ ở Linh tuyền
59. Thiền sư Tông Chánh ở Vân đảnh (ba mươi bốn vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI DÒNG PHÁP THIỀN SƯ VIÊN NGỘ - KHẮC CẦN Ở CHIÊU GIÁC

1. Thiền sư Vân Biện ở Nam phong.

Thiền sư Vân Biện ở Nam phong tại phủ Bình giang, vốn người xứ Vảb quận. Mới đầu, Sư nương tựa Thiền sư Chương ở Thụy phong mà đắc độ, Sư trở về lại quê hương bái yết Thiền sư Viên - Khung Dung, bồng có điều chứng đắc, Sư bàn tỏ bày điều thấy biết. Thiền sư Viên bảo: “Ông tuy được vào mà chưa xác đáng, rất nên cắm roi”. Sư mới giã từ đến tham khấu các pháp tịch. Sau, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần, thẳng vào thất vừa mới đặt chân đến cửa, Thiền sư Viên Ngộbảo: “Nhìn dưới chân”. Sư đánh Lộ thụ một cái, Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Sao chẳng nhấm thật nói lấy một câu?” Sư đáp: “Nếu Thầy lay đầu, thì đệ tử lắc đuôi”. Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Ông thử lắc đuôi xem?” Sư gắng gân đấu mà ra. Thiền sư Viên Ngộ cười lớn, từ đó mà mọi người biết tiếng Sư.

Sư nương ở, lâu sau có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đoạt người mà không đoạt cảnh?” Sư đáp: “Bá chủ đến Ô giang”. Lại hỏi thế nào là đoạt cảnh mà không đoạt người?” Sư đáp: “Trúc đàn bái tướng”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt?” Sư đáp: “Muôn dặm núi sông được thái bình”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh đều chẳng đoạt”. Sư đáp: “Rồng ngâm mốc nỗi, Hổ gầm gió sinh”. Lại hỏi: “Hướng thượng lại còn có việc gì không?” Sư đáp: “Ngay mặt đạp qua”. Lại nói: “Thật cái làm nhà”. Sư bảo: “Giữa ban ngày quỷ mê hoặc người”. Một ngày nọ, vào thành, cùng các hàng đạo tục đi đến đường tắt Thập Lang. Có người hỏi: “Đường tắt ở trong đây, thập lang ở nơi nào?” Sư mạnh mê đưa cánh tay và bảo: “Theo ta đi”.

2. Thiền sư Kiến ở Chánh pháp.

Thiền sư Kiến ở Chánh pháp tại phủ Thành đô. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thỏ ngựa có sừng, trâu dê không sừng, tuyệt hào tuyệt ly như núi như gò, sư tử vụt thân trên kim nhọn, chim đại bàn vỗ cánh trong ngó sen, đẳng nhàn đột nhiên qua bấc câu lô, nhật nguyệt muôn sao một lúc đen.

3. Thiền sư An Dân - Mật Ấn ở Hoa tạng.

Thiền sư An Dân - Mật Ấn ở Hoa tạng tại phủ Kiến khương, vốn người dòng họ Chu ở phủ Gia định. Mới đầu, Sư giảng kinh Lăng Nghiêm ở Thành đô, là nơi các hàng nghĩa học quy tụ. Khi ấy Thiền sư Viên Ngộ - Khắc Cần đang ở tại Chiêu giác. Sư cùng Thiền sư Thắng kết bạn, nhân đi đến Chiêu giác, lúc tiểu tham, nghe Thiền

sư Viên Ngộ nêu cử nhân duyên Quốc sư ba lần gọi thị gaỉ. Thiền sư Triệu Châu niêm rằng: "Như người viết chữ trong mờ tối, chữ tuy chẳng thành nhưng văn thể đã rõ ràng". Trong nào là vân thể rõ ràng? Tâm Sư rất nghi ngờ điều đó, bèn cáo Hương vào Thất. Thiền sư Viên Ngộ hỏi: "Tọa chủ giảng kinh gì?" Sư đáp: "Kinh Lăng Nghiêm". Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Kinh Lăng Nghiêm có bảy chỗ trưng bày tâm và tám chỗ biện rành thấy rõ, rốt cùng tâm ở tại nơi nào?" Sư trình bày nhiều cánh kiến giải, nhưng Thiền sư Viên Ngộ đều không chấp thuận. Sư lại vào thỉnh hỏi điều lợi ích, Thiền sư Viên Ngộ khiến tất cả mọi nơi làm văn thể đã rõ hiểu, chợt có vị Tăng vào thưa hỏi về mười Huyền đàm, mới nêu cử tâm ấn ông làm dung mạo gì? Thiền sư Viên Ngộ gắng tiếng bảo: "Văn Thể đã rõ bày". Sư nghe thế mà có sự tỉnh ngộ, bèn lại cầu ấn chứng. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Dùng bản sắc dùi kềm". Sư thì không sai lầm. Một ngày nọ, Sư thưa cùng Thiền sư Viên Ngộ rằng: "Hòa thượng thôi nêu cử câu thoại, đợi tôi nói xem". Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Được". Sư nói: "Bình thường nắm dùi đựng phất trần, há chẳng phải là trong kinh, nói các chỗ có tướng trong hết thảy thế giới đều tức là chân tâm diệu minh của Bồ-tát". Thiền sư Viên Ngộ cười bảo: "Xưa nay ông ở trong đó làm kế sống". Sư lại nói: "Lúc quát hét đánh vào sàn tòa há chẳng phải nghe lại tánh nghe thành Vô thượng đạo?" Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Há ông chẳng thấy trong kinh nói: "Diệu tánh viên minh lìa các danh tướng". Ngay lời nói ấy, Sư bèn ró suốt. Đến lúc Thiền sư Viên Ngộ ra đất Thục ở Giáp sơn, Sư bỏ nghĩ giảng cùng đi theo hầu. Thiền sư Viên Ngộ vì đại chúng dự tham trong đêm mà nêu cử nhân duyên buồn cũ chưa treo móc. Nghe đó nhưng chưa lãnh hội, Sư bèn câu xin phán quyết. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Ông hỏi ta". Sư nêu cử câu thoại trước. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Cây bách trước sâu". Sư liền thông hiểu, bèn nói với Thiền sư Viên Ngộ rằng: "người xưa nói như một giọt ném vào hang hóc lớn, rất không biết biển lớn ném vào nới một giọt". Thiền sư Viên Ngộ cười, bảo: "Làm sao tài giỏi thế?" Sau đó không bao lâu bảo phân tòa, Thiền sư Viên Ngộ nói kệ tụng: "Thôi kheo bốn phần bỏ Lăng Nghiêm. Đè xuống đầu mây tận đáy tham, chớ học Lượng Công gần Mã Tổ, lại như Đức Kiệu hỏi Long Đàm. Bảy (07) năm qua lại đến Chiêu giác, ba 903) thu quanh liệng lên non xanh, ngày nay phiền sang ngôi thứ nhất, hoa trắng trong rừng hiện Ưu-đàm". Về sau, Sư đến bái yết Thiền sư Phật Giám ở Tương sơn. Thiền sư Phật Giám hỏi: "Phật Quả có câu chẳng từng loạn vì người nói đến cùng, từng cùng ông nói chăng?" Sư nói: "Ngậm lấy

miệng chó”. Thiền sư Phật Giám lớn tiếng bảo: “Há chẳng phải là đạo lý ấy?” Sư nói: “Không người đoạt lấy đãy trà muối ông kêu làm gì?” Thiền sư Phật Giám bảo: “Phật Quả nếu chẳng vì ông nói, ta sẽ vì ông nói”. Sư nói: “Lúc Hòa thượng nghi ngờ lui nơi viện riêng tham đi”. Thiền sư Phật Giám cười lớn ha ha.

Sau đó không bao lâu, Sư khai đường giảng pháp tại Bảo minh, rồi lại chuyển dời đến ở Hoa tạng, Sư lại trở về quê hương đảm lãnh Trung phong. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mọi người mua hoa chừ, riêng mua tùng. Nhan sắc xanh xanh chẳng như hồng, tính lại trọn chẳng cùng thời hợp, về đi lại chừ trong ùn biếc. Đáng cười người xưa nghĩ gì nói, rất tợ nhảy núi đến hang lánh chìm ném lửa, sao như tùy phần đến thước tám năm phân, bên đầu bừa xét một cái nửa cái. Tuy là như vậy, Bảo Ninh nửa cái cũng chẳng cần. Cớ sao giàu có hiềm ghét ngàn miệng thiếu, khó khổ tự hận một thân thừa?” nhân mùa Đông, lên giảng đường, Sư nêu cử: “Hòa thượng Hạo ở Ngọc tuyển bảo: “Tuyết tuyết mảnh mảnh chẳng riêng xuống. Đến tháng chạp lại theo, năm sau tháng giêng tháng hai tháng ba tháng tư tháng năm tháng sáu tháng bảy tháng tám tháng chín tháng 10, y như trước chẳng hết lạnh cóng giết chết, đói kém giết chết, khỏi bảo Hồ nói loạn nói”. Sư bảo: “Chẳng phải mắng chửi người cũng chẳng phải ngợi khen, núi cao Lâm Tế, Đức Sơn chẳng tợ Vân Cư, La-hán. Hãy nói ý của Ngọc Tuyền làm sao sống?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Chỉ được tuyết tiêu đi, tự nhiên xuân trở lại”.

Về sau, Sư thị tịch tại Bản sơn, trà tỳ có lắm nhiều xá-lợi, mọi người đào đất sâu cả thước, đều có thâu nhặt được, rất sáng sạch ánh ngời trái tim và chiếc lưỡi cũng không rã hoại.

4. Thiền sư Đạo Nguyên ở Chiêu giác.

Thiền sư Đạo Nguyên - Triệt An ở Chiêu giác tại phủ Thành đô, vốn người dòng họ Trịnh ở Niên châu. Thủa thiếu thời, Sư đến nương tựa ở chùa Giáng tịch, xuất gia, thọ giới Cụ túc, theo hướng Đông, Sư vân du đến bái yết Thiền sư Đạo - Đại Biệt, nhân đọc xem ngữ lục Khoách Nhiên Vô Thánh, bỗng nhiên nức cười, Sư bảo: “Đạt-ma xưa nay ở tại trong đó”. Nói rất vẻ vang vậy, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Phật Giám và Phật Nhãn, đều được tán thưởng nhận biết. Sư lại đến nương tựa Thiền sư Viên Ngộ đang ở Kim sơn, đem chỗ thấy biết mà tỏ bày, nhưng Thiền sư Viên Ngộ không hứa khả đó. Lúc Thiền sư Viên Ngộ có sắc chiếu thỉnh mời đến ở Vân cư, Sư cũng theo đến. Tuy có tin vào, nhưng trọn lấy vật cứng ngạnh, chưa dứt điều nghi. Nhân lúc Thiền sư Viên Ngộ hỏi đồ chúng dự tham rằng: “Lúc sinh tử đến thì như thế

nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Đài Hương cười Hòa thượng". Thiền sư Viên Ngộ tiếp hỏi qua Sư: "Ông làm sao sống?" Sư đáp: "Giặc cỏ đại bải". Thiền sư Viên Ngộ lại hỏi: "Lúc có người hỏi ông thì thế nào?" Sư phỏng định trả lời, Thiền sư Viên Ngộ lấn lướt bảo: "Giặc cỏ đại bại". Ngay đó, Sư thấu triệt chướng ngộ, Thiền sư Viên Ngộ đưa nắm tay đánh Sư, Sư vỗ tay cười lớn. Thiền sư Viên Ngộ hỏi: "Ông thấy gì bèn như thế?" Sư đáp: "Nắm tay độc chưa báo đền, trọn kiếp chẳng quên". Đến lúc về ở Chiêu giác, Thiền sư Viên Ngộ bảo Sư làm thủ chúng. Đến lúc sắp thị tịch lại bảo Sư kế thừa Pháp tịch vậy.

5. Thiền sư Trung Nhân ở Trung trúc.

Thiền sư Trung Nhân ở Trung thiên trúc huyễn đường tại phủ Lâm an, vốn người xứ Lạc dương. Thủa thiếu thời Sư đến nương tựa ở vị Phụng tiên tại Đông kinh cầu xin xuất gia. Khoảng đầu niên hiệu Tuyên Hòa (1119) thời Bắc Tống, Sư được ban sắc điệp xuống tóc tại điện Khánh cơ. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư qua lại nơi phiên dịch Tam Tạng đọc xem các kinh luận, đặc biệt đối với Tông môn, chưa lấy làm tin. Bấy giờ Thiền sư Viên Ngộ đang ở tại Thiên ninh, một ngày nọ, Sư đến bái yết. Thiền sư Viên Ngộ vì chúng vào thất, Sư thấy kính phục phần phát đến phía trước, Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Y kinh giải nghĩa, oan cả chư Phật ba đời, lìa kinh một chữ tức đồng ma nói. Hãy nói nhanh, nói nhanh". Sư phỏng nghĩ đáp, Thiền sư Viên Ngộ ngay thẳng miệng Sư đánh một cái, nhân đó gãy một chiếc răng, và Sư liền đại ngộ, bèn lưu ở Thiên ninh, từ đó thầy trò khế hợp, hỏi đáp không lúc ngưng nghỉ.

Về sau Sư khai đường giảng pháp tại Đại giác, tiếp chuyển dời đến Trung thiên trúc, lại tiếp dời đến ở Linh phong. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chín mươi xuân quang đã qua một nửa, khí trời dương hoa chánh dung hòa, trên cành hải đường chim aonh hót, nói cùng thời lại thấy được gì? Tuy là như vậy, hãy thấu thấu sắc một câu làm sao sống? Nói, vàng khắc ngựa hý đất cỏ đẹp, lầu ngọc người say trời hoa hạnh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại không có Phật tánh, và Sư mới bảo: "Mười sáu người đẹp châm thêu chậm, dưới hoa gai tía Hoàng ly ngâm, đáng mến vô hạng thương xuân ý, đều tại dừng kim lúc chẳng lời".

Đến ngày mồng 08 tháng 04 năm Giáp ngọc (1174) thuộc niên hiệu Thuần Hy (1174-1190) thời Nam Tống, Hiếu Tông Hoàng đế (Triệu Thận 1163-1190) ban sắc chiếu thỉnh mời Sư vào nội điện, mời lên tòa giảng pháp, vua nêu cử nhân duyên chẳng cùng muôn pháp làm bạn, khiến Sư niêm nêu, Sư niêm xong, bèn nói bài tụng rằng:

"Cán căn bóp ra dầu,
Lời nhàn tiếng lớn ngưng,
Hai mươi buộc mười vạn xâu,
Cưỡi hạc lên Dương châu".

Đến trong năm Quý hợi (1203) lên giảng đường, Sư chỉ dạy đại chúng xong rồi bèn thị tịch.

6. Thiền sư Viên Giác ở Tượng nhĩ.

Thiền sư Viên (?) Giác ở Tượng nhĩ tại Mỵ châu, vốn người dòng họ Viên (?) ở quận Chi. Sư xuất gia, truyền đăng thử kinh được độ. Sư vốn tên là Viên (?) Giác, mà Quận thú điền tu điệp nhầm lẫn ghi là chữ Viên (?), nghi Sư không vừa ý, mới đùa nói là: "Một chữ gọi có thể được ư?" Sư cười đáp: "Một chữ đã nhiều". Quận thú rất lấy làm lạ đó. Sau khi đã thọ giới Cụ túc, Sư ra đất Thục, bái yết khắp các bậc tôn túc dạo hạnh. Sau, Sư đến Đại quy, nương tựa Thiền sư Phật Tánh, qua thời gian, Sư vào thất, trình bày điều thấy biết. Thiền sư Phật Tánh bảo: "Ông biến đổi giết chết ở xa". Nhưng biết Sư đáng bậc Pháp khí nên bảo làm Thị giả và đàm nhận việc tiếp đãi khách. Sư mỗi lúc theo hầu Thiền sư Phật Tánh. Thiền sư Phật Tánh ắc nêu cử bốn chữ "khai thị ngộ nhập" mà bảo Sư mở lời. Lại bảo: "Ngay phải đợi lúc ta dựng chấm đầu ông mới phải vậy". Chợt nhiên, Sư bị mất các chức phận và bị ruồng đuổi, trong quy chế không còn nơi nương tựa, Sư đến ngụ ở nhà thế tục. Một ngày nọ tụng kinh Pháp Hoa, đến "Lại cùng chẳng biết thế nào là lửa, thế nào là nhà", Sư mới tỏ ngộ. Sau khi hết thời gian chế định, Sư trở về lại tỉnh, Thiền sư Phật Tánh trông thấy Sư bèn gập đầu chấp thuận đó. Đến lúc Thiền sư Viên Ngộ lại được sắc chỉ đến ở Vân cư, Sư đến đó, đem sở đắc mà tỏ bày. Thiền sư Viên Ngộ quở trách rằng: "Vốn là đất sạch, cớ sao ỉa phẩn làm gì?" Mọi điều nghi ngờ nơi Sư thảy đều tan biến cả.

Đến năm Đinh tỵ (1137) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, pháp tịch Tượng Nhĩ ở My châu bị trống vắng. Quận thú cho rằng đó là một Đạo tràng từ lâu bị sâu bọ đụa phá, nếu không phải là bậc danh lưu thắng sĩ thì chẳng thể khởi sắc. Các Thiền giả nêu cử Sư ra ứng đáp Sư thỉnh mời. Sư từng nói với khách rằng: "Đông Pha nói: "Ta mang Thạch quy, trong tay áo có Đông hải". Sơn Cốc nói: "Huệ sùng gió mưa Lô Nhạn, ta ngồi Động đỉnh Tiêu tương, muốn gọi thuyền con về đi, người bên cạnh gọi là xanh đỏ". Đó là cốt tủy của Thiền vậy". Sư lại bảo: "Lúc ta đánh vào thiền sàn hay dựng đứng phất trần, Thích-ca Lão Tử hay Khổng Phu Tử đều đứng ngay dưới gió. Có

nêu cử lời này tợ như Thiền sư Viễn - Phật Hải. Thiền sư Viễn nói “Đây là giác lão nói năng vậy”. Còn Ta ở đây tức chẳng nghĩ gì”.

7. Thiền sư Tổ Giác ở Hoa nghiêm.

Thiền sư Tổ Giác ở Hoa nghiêm - Trung nham tại My châu vốn người dòng họ Dương ở Gia châu. Từ thủa bé thơ, Sư đã thông minh mẫn tuệ, sách sử qua mắt bèn thành bài tụng, Sư soạn viết sách bài xích dòng họ Thích, cảnh xấu ác bỗng nhiên hiện khởi, Sư ăn năn hối quá cầu xin xuất gia, đến nương tựa Thiền sư Năng ở Tuệ mục. Sau đó, không bao lâu mụt nhọt ung thư phát mọc trên đầu gối, trải suốt năm năm mà các thầy thuốc chữa trị chẳng lành. Nhân viết bộ “Hoa Nghiêm Hợp Luận” vừa hoàn tất, ban đêm Sư cảm điềm mộng khác lạ, đến sáng ngày bèn vất bỏ gậy chống tự rảo bước đi. Một ngày no tụng kinh đến phẩm “hiện tướng” nói rằng: “Thân Phật không có sinh, mà hay hiện xuất sinh, pháp tánh như hư không, chư Phật trú trong đó, không ở cũng không đi, nơi nơi đều thấy Phật”, Sư bèn chứng ngộ Tông chỉ kinh Hoa Nghiêm. Kịp đến lúc lên Tăng tịch, Phủ soái thỉnh mời đến giảng ở Thiên bộ đường, Sư giảng nói ngồn từ biện giải rộng khoáng, mọi người đồng thán phục. Vừa đến Nam đường, Thiền sư Tỉnh qua cửa bảo cùng Sư rằng: “Trông thấy ông giảng nói riêng bước Tây nam, tiếc rằng chưa giải lìa tướng văn tự vậy! Thản như có người hỏi Đạo phương ngoài, tức châu Kim cang ngày nay vậy”. Sư mừng vui thôi nghỉ giảng theo hướng Nam vân du đến nương tựa Thiền sư Viên Ngộ ở chung phụ. Một ngày nọ, Sư vào thất, Thiền sư Viên Ngộ nêu cử La Sơn nói: “Lúc có nói ngồi ngay đầu hổ tóm thâu đuôi hổ, dưới câu thứ nhất rõ Tông chỉ, lúc không có nói xem cơ bày bén nhọn như đồng điện phẩy, làm sao sống hiểu?” Sư trả lời không được. Giữa lúc đêm khuya tham cứu, bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ, Sư bèn làm kệ tụng trình bày Thiền sư Viên Ngộ rằng: “Nhà ở đảnh non cao, lâu năm cài nửa cửa, tự than thân đã già, kế sống giao cháu con”. Thiền sư Viên Ngộ đọc xem đó, bèn hứa khả. Ngày hôm sau Sư vào thất, Thiền sư Viên Ngộ lại hỏi: “Công án hôm qua làm sao sống?” Sư định trả lời. Thiền sư Viên Ngộ bèn quát hét, bảo: “Phật pháp chẳng phải cái đạo lý ấy”. Sư lưu ở lại suốt năm năm mà càng thêm mê muộn. Sau, đến ở Thê Hiền tại Lô sơn. Sư đọc xem bộ “Tước Chấp Luận” của Thiền sư Viễn ở Phù sơn nói là: “Nếu nói ngộ có thân sơ, đâu có đời nay ngửi cỏ trong rừng chiên đàn?” Bỗng nhiên khế ngộ, Sư bèn làm kệ tụng gởi Thiền sư Viên Ngộ rằng:

“Ra từng như cũ vào cỏ dại
Lưới trời lồng lộng không thể trốn

Ai tin nghiệp duyên không nơi lánh
Về lại chẳng sợ nói lớn lời".

Thiền sư Viên Ngộ rất mừng vui, đem ra chỉ bảo cùng đại chúng rằng: "Giác ngộ Hoa Nghiêm đã thấu triệt vậy". Sư ở thời gian lâu sau, có vị Tăng hỏi: "Đầu tiên oai âm vương, cuối cùng Phật Lâu Chí, chưa xét rõ tham thấy người gì?" Sư đáp: "Nhà ở tại thành Đại lương, lại hỏi đường Trường an". Lại hỏi: "Chỉ như Đức Sơn vác sơ sao đi bộ, ý ở tại nơi nào?" Sư đáp: "Ép phá tròng mắt ông". Lại hỏi: "Cùng Hòa thượng tỏ ngộ Tông chỉ Hoa Nghiêm, cùng đi được bao nhiêu?" Sư đáp: "Đồng đường chẳng đồng vết". Lại nói: "Ngày xưa Đức Sơn, ngày nay Hòa thượng". Sư bảo: "Chiều tối mặt nhật ngã Tây, nước xuôi dòng phương Đông". Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Hòa thượng Thạch Sương thị tịch. Đại chúng cầu thỉnh thủ tòa nối tiếp ngôi vị trú trì, Thị giả Kiền hỏi công án". Sư bảo: "Tông sư đi ở như lửa đốt băng, thấu qua là chẳng liên quan, toàn cơ mất được vùi hết đường. Thủ tòa dính kẹt nơi một sắc, Thị giả thấy biết vượt thầy. Có thể gọi là Thể diệu mất Tông toàn mê đến trái, rất không biết Thủ tòa như cò trắng đứng trên tuyết, phẩm loại chẳng ngang bằng. Thị giả tợ chim phụng bay vút trời xanh chẳng vướng lưới vàng, một người đứng trên đỉnh núi cao vời, một người đi dưới đáy biển sâu thẳm, mỗi tự tùy phương mà lại, đồng hội trong chín lớp Thánh, mà nay cầu muốn biết hai người ấy chăng?" Sư dựng đứng cây phất trần lên và bảo: "Rồng nằm đầm biếc gió lạnh lạnh". Sư duỗi cây phất trần xuống và tiếp bảo: "Hạc về Tiêu Hán trái Ma thiên". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là một tiếng hét như kiếm báu Kim cang Vương?" Sư đáp: "Vấy máu Phạm vương". Lại hỏi: "Thế nào là một tiếng hét như sư tử ngồi soạt giữa đất?" Sư đáp: "Kinh giết dã hồ ly". Lại hỏi: "Thế nào là một tiếng hét như mò đầu ngọn cỏ?" Sư đáp: "Kiểm được cốt ông ra". Lại hỏi: "Thế nào là một tiếng hét chẳng dùng làm một tiếng hét?" Sư đáp: "Ngay phải biết lấy người nắm kim châm, chớ bảo uyên ương lông cánh đẹp".

8. Thiền sư Văn Diễn ở Phước nghiêm.

Thiền sư Văn Diễn ở Phước nghiêm tại Đàm châu, vốn người dòng họ Dương ở phủ Thành đô. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là chánh phủ Định lâm?" Sư đáp: "Ngồi ngay đầu lưỡi người trong thiên hạ". Lại hỏi: "Chưa xét rõ làm sao thân gần?" Sư đáp: "Nhìn dính thì mù lòa". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đang đương dứt hẳn, Thánh phàm tuyệt vết, tùy tay buông mở, trời xoay đất chuyển, ngay như được nhật nguyệt soi chiếu lẫn nhau, hổ gầm rồng ngâm, mỗi mỗi vật vật tai nghe mắt thấy,

an lập trên đích xác là gì? Lại có ủy thác chăng? A-tư-tra. Ôi!”

9. Thiền sư Đàm Ngoạn ở Minh nhân.

Thiền sư Đàm Ngoạn ở Minh nhân - Tây sơn, tại phủ Bình giang, vốn người dòng họ Hoàng ở Ôn châu, Sư vân du khắp chốn tùng lâm. Đến năm Canh tý (1120) thuộc niên hiệu Tuyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, Sư xoay trở lại Chung phụ, vừa lúc triều đình cải đổi Tăng sĩ thành Đức sĩ, Sư cùng vài người đồng bạn vào hang Đầu đà, ăn tùng sự sống. Lâu sau, Thiền sư Viên Ngộ có được sắc chiếu thỉnh mời đến ở núi đó, đích thân đến nơi hang đó bảo Sư cạo bỏ râu tóc, kịp đến lúc Thiền sư Viên Ngộ lại có được sắc chiếu ban bổ đến ở Thiên ninh tại Kinh đô, cho Sư đồng đến và bảo trông coi Hương thủy Hải. Sau đó không lâu nêu cử dùi đánh trống, Sư bèn chóng tỏ ngộ đại pháp. Phàm có người hỏi gì, Sư đều đáp: “Mạc Lý Hội” (không hiểu biết), nên các đồng bạn đều xưng gọi sư là “Mạc Lý Hội”. Sư ở lâu sau, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ông có một Đối nhãn, ta cũng có một Đối nhãn. Nếu ông lừa dối tự lừa dối, nếu ông thành Phật thành Tổ, Lão Tăng đây không phần của ông, nếu ông làm lừa làm ngựa, Lão Tăng cứu ông không được”. Mọi người đàn việt vào núi thỉnh mời Sư lên giảng pháp, Sư nói kệ tụng rằng: “Ta không lớn ở danh hư ra, cám ơn các người đặt đất lại, Minh nhân không pháp nham giao phó, dối nắm cửa núi vì người mở”.

10. Thiền sư Nguyên Tịnh ở Hổ khâu.

Thiền sư Nguyên Tịnh - Tuyết Đình ở Hổ khâu tại phủ Bình giang, vốn người ở Song khê. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người biết có, qua vạn năm như đồng một ngày, người không biết có qua một ngày như đồng vạn năm. Há không thấy Hòa thượng Tử Tâm nói: “Sơn Tăng hành cướu hơn ba mươi năm, lấy chín mươi ngày làm một mùa hạ, thêm một ngày cũng không được, bớt một ngày cũng không được. Lấy không được, bỏ không được. Trong không thể được chỉ gì được? Nơi Thụy nham thấy lại tạm không như vậy, sơn Tăng hành cước ba mươi năm lại, ai quản một ngày hay chín mươi ngày kia, cũng không được cũng không không được, nơi nơi đương lai thấy Di-lặc. Hãy nói Di-lặc ở nơi nào? Gió vàng thổi sông vị thủy, lá rơi đầy xá Trường an”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Nói được phải là thấy được, thấy được lại phải nói được, thấy được nói chẳng được, lạc ở ấm giới thấy hiểu khô sai, nói được thấy không được, rơi ở thời có lạc ở biển độc. Nếu là môn hạ của Thúy Phong, ngay như nói được thấy được, khéo cho ba mươi gậy. Còn nói không được thấy không được cũng khéo cho ba mươi gậy. Thúy Phong nghĩ gì, nói? Cũng khéo cho ba mươi gậy”. Sư bèn lớn

tiếng gọi đại chúng và bảo: "Nguy hiểm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thường ngày mặt nhật xuất hiện ở phương Đông, thường ngày mặt nhật trầm lắng ở phương Tây. Khi ấy, người biết có, từ xưa từ nay như vừng mè tợ thóc lúa. Bỗng nhiên xoay chuyển câu thoại đầu cũng không từ phương Đông xuất hiện, cũng chẳng theo phương Tây ẩn lặng, hãy nói từ xứ nào xuất hiện và ẩn lặng. Nếu là người thấu quan nghe được, nghĩ gì? Nói. Định biết bia năm dặm ở ngoài cửa quách, nếu là người chẳng thấu qua luôn luôn nói, nửa núi nóng đốt người mù lòa". Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là một câu đến nhà?" Sư đáp: "Ngồi nhìn thành công bại hoại". Lại hỏi: "Kẻ chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người nào?" Sư đáp: "Bà con xa chẳng như xóm giềng gần". Lại hỏi: "Đợi một miệng ông múc hết nước Tây giang, tức hướng đến ông nói, lại làm sao sống?" Sư đáp: "Xóm giềng gần, chẳng như bà con xa". Lại hỏi: "Vị Tăng thị tịch, hướng xứ nào đi?" Sư đáp: "Đầu đống phẩn". Lại hỏi: "Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Đắp nhằm dính nhằm".

11. Thiền sư Phạm Tư ở Thiên ninh.

Thiền sư Phạm Tư - Nột Đường ở Thiên ninh tại Cù châu, vốn người dòng họ Chu ở Tô đài. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rảo cùng biển sinh tử, đạp ngã bờ Niết-bàn, trên đời không người sống, suối vàng chẳng kẻ chết". Sư bèn nắm cây gậy và bảo: "Ngày nay cây gậy của Nột Đường có nơi phân giao. Lại có người nhận lấy được chăng? Thử ra lại gánh vác xem? Có chăng? Có chăng?" Ngưng giây lát, Sư ném cây gậy rồi xuống khỏi tòa". Lcll Sư bảo: "Biết có đế cùng cũng ăn cháo ăn cơm, không biết có đến cùng cũng ăn cháo ăn cơm. Làm sao ngay đó nghiệm được là có và không, là phải và quấy, là tà và chánh? Nếu nghiệm không ra thì việc tham học lớn xa vậy". Xong, Sư hét một tiếng rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sơn Tăng là cháu bốn đời của Dương Kỳ, Lão ấy có Công án lừa ba chân đùa bỡn nhảy đạp đi, tuy mọi người nêu cử được, chỉ là không biết nói rơi lạc. Sơn Tăng chẳng tiếc lông mày, vì các người đưa xuống cái cước chú". Và Sư mới bảo: "bàn mài tám góc chạy trong không".

12. Thiền sư Giác ở Quân sơn.

Thiền sư Giác - Phật Chiếu ở Quân sơn tại Nhạc châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "người xưa nói: Ngửa trông đó càng cao, đục khoan đó càng chắc, trông nhìn nó ở trước bỗng lại ở sau. Các người lại có biết được chăng? Nếu cũng không biết, sẽ vì các người mà chú phá. Ngưỡng trông đó càng cao chẳng cách mảy tơ, cốt yếu nắm dứt, Phật tổ khó trốn lánh, đục khoan đó càng chắc, thật thể tự nhiên, chim kêu hoa

nở ở trước hang biếc, trông nhìn nó ở trước chẳng chải chánh chẳng phải thiên, mười phương ngồi dứt, oai trấn Đại thiên, bỗng nhiên ở sau một trường rò rĩ, kham cười Vân Môn ẩn tàng thân Bắc đẩu. Ôi!"

13. Thiền sư Hiển ở Bảo hoa.

Thiền sư Hiển ở Bảo hoa tại phủ Bình giang. Vốn người ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ăn cháo xong cũng trên đầu gắn thêm đầu, rửa chén bát đi vì rắn vẽ chân, lại hỏi thế nào là nhận nạp bại khuyết?" Ngưng giây lát, Sư lớn tiếng gọi đại chúng, đại chúng ngẩng đầu, Sư bảo: "Về nhà uống trà". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thiền chớ tham, Đạo chớ học, hết ý quên có thường khuếch lạc, hiện thành Công án sớm ngăn khắp, chỉ cái vô tâm đã xuyên tạc. Ngay như ngồi dứt trước chưa sinh, khó thấu sơn Tăng nhầm nhầm nhầm".

14. Thiền sư Giác ở Đông sơn.

Thiền sư Giác ở Đông sơn tại phủ Thiệu Hưng. Về sau, Sư đến ở Nhân Thánh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ba hồi trống giục đã xong, các người mỗi tự đến đây, phỏng đợi hiểu rõ đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại. Lại có biết kiếm đi lâu rồi vậy chăng? Giả sử ngay đó tỏ ngộ đi, cũng là chém đầu tìm kế sống. Việc Đông Sơn chẳng được rồi, hãy hướng đến đầu thứ hai khem ép bức xem?" Sư đưa tay vỗ vào thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoa nở đỏ rực cảnh sáng tươi, thôi nói trong Hồ riêng có trời, bên đầu trăm hoa như cử được, Đông cao ba (03) trượng, Tây rộng tám (08) tấc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Xưa kia có kẻ đồ tển trán rộng một ngày nọ đến nơi Đức Phật vụt ném con dao giết hại xuống và bảo: "Ta là số một trong ngàn Đức Phật". Đức Thế Tôn bảo: "Đúng vậy, đúng vậy". Ngày nay khắp chốn tùng lâm lấy cho là kẻ trán rộng trong thời quá khứ là một Đức Phật quyền biến hiện làm đồ tể trẻ con. Thấy trán rộng như thế, hãy vui mừng không giao thiệp". Sư lại bảo: "Kẻ trán rộng chánh là gã giết người không nháy mắt, vụt quăng con dao xuống đất vụt đứng mà thành Phật, hãy mừng vui không giao thiệp". Sư lại bảo: "Kẻ trán rộng vụt quăng con dao xuống đất và bảo: "Ta là số một trong ngàn Đức Phật". Một Phật ấy ít nhiều đã rành rẽ, hãy vui mừng không giao thiệp. Cần biết kẻ trán rộng chăng? Cặp đường hoa đào sau gió mưa, ngựa chạy nơi nào lánh hồng tàn".

15. Thiền sư Giác ở Thiên phong.

Thiền sư Giác ở Thiên phong tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong nước vô sinh chưa phải là an cư. Đầu sườn muôn nhận há dung chấm gót. Vả lại, trông nhìn giữa không buông tay ngay đó vụt

thân một câu làm sao sống? Nói. Người gặp việc tốt tinh thần sản khoái, vào lửa vàng thật sắc màu đổi đẹp xinh".

16. Thủ tòa Đạo Tổ ở Chiêu giác.

Thủ tòa Đạo Tổ ở Chiêu giác tại phủ Thành đô. Mời đầu vừa thấy gặp Thiền sư Viên Ngộ, ngay lời chỉ dạy "Tức tâm là Phật", sư bèn phát minh. Lâu sau, Thiền sư Viên Ngộ bảo phân tòa, một ngày nọ vì đại chúng vào thất, có hơn hai mươi vị, bỗng nhiên Sư hỏi rằng: "Sinh tử đến, làm sao trốn lánh?" đại chúng không một ai trả lời. Sư ném cây phất trần một cái rồi an nhiên thị tịch. Đại chúng đều kinh ngạc trông nhìn thẳng, gấp báo cùng Thiền sư Viên Ngộ. Thiền sư Viên Ngộ đến nơi gọi bảo: "Thủ tòa Tổ!" Sư nhướng mày trông nhìn. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Phấn chấn tinh thần thấu quan đi". Sư gật đầu xong bèn thật sự thị tịch.

17. Thủ tòa Tông Chấn ở Vân cư.

Thủ tòa Tông Chấn ở Vân cư tại Nam khương quân, vốn người ở Đan khâu. Sư đến nương tựa Thiền sư Viên Ngộ ở Vân cư, một ngày nọ ngửa mặt trông nhìn gác chuông, bỗng nhiên khế chứng. Có người cật hỏi đó. Sư dùng ba bài kệ tụng để trả lời, sau đó bảo là: "Ta có một có ngay đây chỉ bày, trời xanh sấm sét chớp cuộn sao băng, Đức Sơn, Lâm Tế đánh hét nhọc bày, chẳng truyền kỳ diệu nơi ông nào thiếu". Thiền sư Viên Ngộ thấy vậy rất vui mừng. Cuối vùng, Sư tiết tháo tự cao, Đạo phong càng lớn, từng ghi viết trên vách tường rằng: "Ở tại tầng trên cùng Thiên phong, tuổi gần bảy mươi (70) mặc nhảy nhót, khỏi dạy danh tự treo răng người, chịu làm kẻ Tăng trăn thứ vụng về ngày nay".

18. Cư sĩ Xu Mật Từ Phủ.

Cư sĩ Xu mật Từ Phủ tự là Sư xuyên hiệu là Đông Hồ. Cư sĩ từng theo hầu Long Đồ xưa trước đến bái yết Pháp Xướng và Linh Nguyên, đàm nói trọn ngày, Cư sĩ nghe đó mà dung mạo vẫn tự nhiên. Kịp đến khi Pháp Xướng thị tịch đang trong lúc nói cười. Cư sĩ rất lấy làm lạ đó, mới bắt đầu dốc lòng kính tin. Về sau gặp phải tang thân phụ, Cư sĩ nghĩ suy không biết lấy gì để báo đáp ân đức như đất trời, mới thỉnh mời Linh Nguyên về Hiếu chỉ giảng nói pháp. Linh Nguyên lên pháp tòa, hỏi đáp xong mới bảo: "Chư vị Nhân giả! Chỉ như Long Đồ thường ngày đọc muôn quyển sách, như nước rót vào bình một giọt cũng không rỉ lọt. Hãy nói bình thường thuật trước ở nơi nào? Mà nay sau khi xả bỏ Thức, trước thuật vạn quyển sách ấy lại hướng đến nơi nào trước thuật?" Nghe thế, Cư sĩ vụt nhiên như có sở đắc, bèn nói: "Tôi không tức giận vậy".

Linh Nguyên xuống khỏi tòa, hỏi: “Học sĩ vừa lại thấy cái gì bèn nghĩ gì? Nói”. Cư sĩ đáp: “Nếu có chỗ thấy, độn đặt Hòa thượng đi”. Linh Nguyên bảo: “Nghĩ gì thì Lão Tăng chẳng như”. Cư sĩ nói: “Hòa thượng là tâm hạnh gì?” Linh Nguyên cười lớn.

Khoảng đầu niên hiệu Tĩnh Khương (1126) thời Bắc Tống, Cư sĩ làm Thượng thư ngoại lang, cùng các Triều sĩ đồng bạn chung chí ý treo bát ở Trạch mộc đường tại chùa Thiên Ninh, dốc lực tham thỉnh Thiền sư Viên Ngộ. Thiền sư Viên Ngộ cũng mừng vui với chỗ thấy của Cư sĩ vượt xa một ngày nọ, Cư sĩ đến Liêu thư kýchỉ nơi đảnh tướng Thiền sư Viên Ngộ mà nói: “Gót chân Lão tài giỏi này còn chưa chấm đất”. Thiền sư Viên Ngộ nghiêng mặt bảo: “Trong chum ba ba nào từng chạy?” Cư sĩ nói: “Tạm vui mừng Lão tài giỏi này đã chấm đất”. Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Chớ phỉ báng người khác tốt lành”. Cư sĩ bèn thôi đi.

19. Cư sĩ Quận vương Triệu Lệnh Câm.

Cư sĩ Quận vương Triệu Lệnh Câm tự là Biểu Chi, hiệu là Siêu Nhiên, lúc trấn nhậm tại Nam khương, Cư sĩ chỉnh trị mọi sự giản đơn phần nhiều hay cùng các Thiền nạp vân du, ngay nơi công đường lấy làm Duy-ma-cật trượng thất. Vừa lúc Thiền sư Viên Ngộ đang ở tại Âu phụ, Cư sĩ vui mừng tìm đến nơi lò dùi, nhưng Thiền sư Viên Ngộ ít có thời gian rảnh rỗi, Cư sĩ cố cầu thỉnh, Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Việc này muốn được tương ưng, ngay phải chết mội hồi mới được”. Cư sĩ im lặng ngầm khế hợp, thường tự soạn viết lời sớ đó, đại lược là: “Nhà nghèo gặp cướp, ai biết đến cũng chẳng còn gì. Phòng trống không người, mấy lần giặc đến cũng đánh”. Thiền sư Viên Ngộ thấy vậy dặn dò khiền gìn giữ.

Mùa Đông năm Canh thân (1140) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Cư sĩ cùng Uông Nội Hàng Tảo Lý, tham chính Bính Tăng Thị Long Khai đến Kính sơn bái yết Thiền sư Đại Tuệ. Thiền sư Đại Tuệ nghe đến bèn bảo đánh trống vào thất, Cư sĩ vui mừng rủ áo đốt hương rảo tới. Thiền sư Đại Tuệ bảo: “Câu thoại rửa chén bát của Triệu Châu, Cư sĩ làm sao sống hiểu?” Cư sĩ nói: “Xét xem chén bát gì?” Và rủ áo đi ra. Thiền sư Đại Tuệ đứng dậy vẫy khiến dừng và bảo: “Người xưa hướng đến trong đó tỏ ngộ đi, ông nhân gì mà không tỏ ngộ?” Cư sĩ nghĩ định đáp, Thiền sư Đại Tuệ phỏng định đó bào: “Xét xem chén bát gì?” Cư sĩ nói: “Lại là Lão tài giỏi ấy mới được”.

20. Cư sĩ Thị lang Lý Di Tốn.

Cư sĩ Thị lang Lý Di Tốn hiệu là Phổ Hiện. Thủa thiếu thời Cư sĩ đọc sách năm hàng xuống một lần. Năm mười tám tuổi, trong làng

đề cử Cư sĩ đến kinh đô ứng thí, xoay trải hoa yếu, đến năm hai mươi tám tuổi, Cư sĩ làm Trung thư xá nhân. Thường vào nơi thất của Thiền sư Viên Ngộ. Một ngày nọ vào triều sớm trở về ngang cầu Thiên Tân, ngựa nhảy nhót, bỗng nhiên Cư sĩ có sự tỉnh ngộ, khắp thân toát đổ mồ hôi, bèn thẳng đến Thiên ninh, vừa lúc Thiền sư Viên Ngộ ra nơi cửa, xa thấy Cư sĩ đến bàn bảo: "Cư sĩ hãy mừng vui việc lớn đã hoàn tất". Cư sĩ gằng tiếng nói: "Hòa thượng hoa mắt làm gì?" Thiền sư Viên Ngộ bèn quát hét, Cư sĩ cũng hét. Từ đó, cơ biện nhanh nhẹn. Phàm những lúc cùng Thiền sư Viên Ngộ hỏi đáp, ngang cơ chẳng nhường. Về sau, Cư sĩ đổi chuyển làm Lại bộ, xin Từ lục về Liên giang ở đất Thục dựng lập am tự vui sống. Bỗng một ngàn nọ hiện tướng có chút bệnh, vội đòi nước ấm nóng, tắm gội xong, ngồi kiết già, Cư sĩ làm kệ tụng rằng: "Dối nói theo lại chăn giúp, ngày nay rành rẽ đường đi, hư không ép ngã Tu-di, nói lắm một đường hướng thượng". Xong, Cư sĩ ném bút mà qua đời.

21. Đạo nhân Tổ Thị ở Giác am.

Đạo nhân Tổ Thị ở Giác am, là cháu gái của Kiến Ninh du sát viện, từ thủa thiếu thời có chí ý không muốn lấy chồng, lưu tâm với Tổ đạo. Ngay dưới lời chỉ dạy đại chúng của Thiền sư Viên Ngộ, tự nhiên đạo nhân thấu suốt rõ ràng. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Ngay phải vất bỏ chỗ thấy mới được tự do". Đạo nhân bèn đáp lại bằng kệ tụng rằng:

"Lộ Trụ kéo giăng cốt
Hư không đùa nanh vuốt
Ngay như huyền hội được
Còn là cát trong mắt".

22. Đạo nhân Lệnh Nhân Minh Thất.

Đạo nhân Lệnh Nhân Minh Thất vốn tên là Bản Minh. Từ khi gieo cỏ khế ngộ nơi Thiền sư Viên Ngộ. Đạo nhân vân du dự tham khắp các bậc Minh Túc và đều được ấn chứng. Ngày rằm tháng hai năm Canh thân (1140) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, tự thân Đạo nhân viết ba bài kệ tụng gởi trình Thiền sư ở Thảo đường, nêu bày ý muốn tạ thế. Đến cuối tuần, Đạo nhân giã từ thân thích xóm giềng mà qua đời. Thiền sư mới viết lời bạt dưới kệ ấy và ấn khắc lưu hành. Thiền sư Đại Tuệ cũng mở lời phát giác tán dương. Lời kệ ấy là:

"Chẳng biết phiền não là Bồ-đề
Nếu theo phiền não là ngu si
Đang lúc khởi diệt phải cần hiểu
Chim quạ Tân La người chẳng hay.

- Không biết phiền não là Bồ-đề
Hoa sạch sinh mọc nơi bùn đất
Người lại hỏi ta nếu làm gì
Ăn cháo ăn cơm rồi rửa bát.
- Chớ quản người kia, chớ quản kia
Trọn ngày ngu si đùa cát biển
Muốn biết xưa nay mặt mắt thật
Bèn là một nạn cây Tổ sư.”

Nói chẳng được đến cùng chết dưới nạn, nói được đến cùng cũng chết dưới nạn rốt cùng thì thế nào? Chẳng hứa đi đêm đến sáng phải tới”.

23. Phạm Huyện Quân ở Thành đô.

Phạm Huyện Quân ở phủ Thành đô, đến ở đất Vụ châu lâu năm, thường ngồi mà chẳng nằm. Nghe Thiền sư Viên Ngộ đang ở tại Chiêu giác, bèn đến lễ bái cầu xin chỉ dạy nhân duyên vào đạo. Thiền sư Viên Ngộ bảo khán câu “không phải tâm không phải Phật không phải vật là cái gì?” Qua thi lâu mà không khế ngộ, Phạm Huyện Quân bèn khóc bảo cùng Thiền sư Viên Ngộ rằng: “Hòa thượng có phương tiện gì khiến tôi dễ hiểu!” Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Tức là có phương tiện”. Bèn khuyên chỉ khán là “cái gì?” Sau đó, Phạm Huyện Quân có sự tỉnh ngộ bèn nói: “Xưa nay nghĩ gì đất gần...”.

24. Thiền sư Tuệ Viễn ở Linh ẩn.

Thiền sư Tuệ Viễn ở Linh ẩn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Bành sinh ở trấn Kim lưu núi Nga my. Năm mười ba tuổi, Sư đến nơi Sa-môn Tông Biện ở việc Dược sư cầu xin xuất gia. Sau khi thọ giới Cụ túc, Sư đến Thành đô tập học kinh luận, rồi trở về ở chùa Vân nham tại Nga my. Bấy giờ Thiền sư Huy đang ở tại đó. Thiền sư Huy là cháu bốn đời của Thiền sư Nam ở Hoàng Long, có khả năng thấy biết rất cao xa. Mới đầu Sư đến cửa, gặp lúc Thiền sư Huy thọ trai vừa xong đang rảo bước nơi hành lan, Sư mới tor6ng thấy bèn buông thả bao đãy đến hỏi: “Bồ-tát Văn Thù là Tổ sư của bảy Đức Phật. Chưa xét rõ người nào là thầy của Bồ-tát Văn Thù?” Thiền sư Huy đáp: “Vợ của Mã Lang ở bờ khe Kim sa”. Lúc đó có khởi thiết phất đang làm Thủ tòa, Sư cũng đến thân gần. Khởi Thiết Phất thường dẫn dụ kềm cặp, trải suốt thời gian hai năm mà sư chưa có sở đắc. Một ngày nọ đang ngồi yên tĩnh, có vị Tăng riêng vừa đi vừa tự nói rằng: “Gá bốn đại để làm lọng che, duyên sáu trần mà sinh tâm, bỗng gặp sáu trần chóng dứt, kêu gì làm tâm?” Nghe thế, bỗng nhiên Sư có chút tỉnh ngộ, bèn vội đứng dậy đến báo

trình cùng Thủ tòa. Thủ tòa liền hứa khả đó, Sư mới lên phương trượng tỏ bày cùng Thiền sư Huy. Thiền sư Huy cũng hứa khả đó.

Đến sáng hôm sau, Sư bèn giả biệt để ra đi. Các đồng bạn chung chí ý kéo giữ lại, Sư không chịu mà bảo là: "Thầy đã vì hứa khả mà tôi chọn chưa rõ ràng vậy!" Bấy giờ, Thiền sư Viên Ngộ từ Vân cư trở về đất Thục ở Chiêu giác. Sư bèn tìm đến đó, phàm mỗi lúc thưa hỏi đối đápcâu thoại, ngôn từ ý chỉ cao xa cứng chắc, Thiền sư Viên Ngộ rất mến quý Sư. Một ngày nọ, Thiền sư Viên Ngộ dạy bảo chung cả chúng, nêu cử Cư sĩ Bàng Uẩn hỏi Mã Tổ rằng: "kẻ không cùng muôn pháp làm bạn là người nào?" Mã Tổ đáp: "Đợi lúc một miệng ông hớp cạn nước Tây giang mới vì ông nói". Nghe nêu cử như thế, bỗng nhiên Sư đại ngộ, ngã té trong chúng. Đại chúng cho là Sư trúng gió, cùng nhau nâng đỡ Sư dậy. Sư bảo: "Tôi đã tỉnh mộng vậy". Đến tối nhân lúc Thiền sư Viên Ngộ vì đại chúng tiểu tham, Sư ra hỏi rằng: "Sạch làu làu trống rỗng không một vật, cốt đỏ luật nghèo không một tiền, cửa phá nhà tàn xin Sư cứu giúp". Thiền sư Viên Ngộ đáp: "Bảy trân tám báu một thời cầm lấy". Sư hỏi: "Vì sao giặc không vào cửa mà cẩn trọng?" Thiền sư Viên Ngộ đáp: "Có chẳng lìa, địa vị rơi lạc biển độc". Sư theo tiếng bèn quát hét. Thiền sư Viên Ngộ nắm cây gậy đánh vào thiền sàn một cái và tiếp bảo: "Ăn được gậy hay chưa?" Sư lại hét. Thiền sư Viên Ngộ hét liền hai tiếng, Sư bèn lễ bái. Thiền sư Viên Ngộ rất hỷ hoan, dùng kệ tụng tặng Sư rằng: "Có lưỡi sắc phấn phát chuyển lời của chốt cửa, mọi người nhìn đó cho là lưỡi sắt xa". Từ đó cơ phong trội phát, không đâu chẳng quấy đến.

Đến mùa xuân năm Ất mão (1135) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, My Thú thỉnh mời Sư đến ở núi Tượng nhĩ nhưng Sư không đến, cũng trong năm đó, Thiền sư Viên Ngộ thị tịch, Sư mới than rằng: "Triết nhân thị tịch, ai người nối tiếp pháp tịch ấy ư?" Mời dùng thuyền con xuống cặp eo biển. Mời đầu đến Hoài nam, Sư dừng ở Long bàn tám năm, xa rời Lang da lại chuyển dời đến ở Phổ Tế tại Vụ châu, đến ở Định nghiệp tại Cù châu. Sư tự phát minh tâm yếu tức được du hý như gió, Đại tự tại Tam-muội. Từng nhân lúc khai lò lên pháp tòa, Sư bảo: "Trời không cửa, đất không vách, hồ lô trên gác trồng bí đao, hai tay nâng cày nước quá gối, nhảy vòng vòng nuốt thóc chăng gai, vỗ bảng đối ông sáo không lỗ cong cong, riêng chân sơn tiêu (quái quỷ) biết nhảy nhót, năm trước giữa đông không than đốt, năm nay định là không lửa nướng. Lúc đói đói đến tròng mắt vàng, lúc khốn khốn đến cốt đỏ đứng. Cong cong. Hãy nói cong cái

gì? Không sao làm giám tự, phó tự, Duy-na, điển toà, trị tuế v.v... tức cùng tượng đất bùn thương lượng, tung ra hai đầu chim cú tai mèo cắn giết đòn giong điện Phật". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Hòa thượng chân tịnh chỉ dạy đại chúng rằng: "Đất trời cùng ta đồng căn, muôn vật cùng ta đồng thể, đầu mu chân cuối mu chân ngang ba dọc bốn, Bắc-câu-lô châu lửa nổi cháy nhằm lông mày Đế-thích, vua rồng biển Đông bỗng đau không cấm ngăn. Một tiếng sấm sét nổ đùng, ngay được khoảnh ao mát rượi, núi non đổ ngã, mây phủ tối trời. Đầu ngã tư đường xa. Hồ Tử trong cơn say bỗng tỉnh dậy lại vỗ tay cười lớn ha ha và bảo trong thành Quân Dương gần lại đây ít giặc". Sư mới nắm cây gậy và bảo: "Giặc, giặc". Sư cử xướng xong mới bảo: "Phải là một trường bán đùa vui không thiếu, làm sao lỗ mũi tròng mắt mội tự có chủ ở. Cớ sao dây leo trong đống làm kẻ trộm chưa đáng nói lấy? Trước cửa quán rượu lượm vật rơi chẳng là chánh giặc?" Khi ấy dưới hiên phía Đông vừa có tiếng chó sủa, Sư mới bảo hành giả dò xem. Trước cửa có đông nhiều quan khách, đại chúng đều xoay đầu. Sư bảo: "Muốn thấy chánh giặc ư?" Sư bèn méo miệng chỉ huýt một tiếng vẫy tay và xuống khỏi tòa. Sư cử nêu nâng bật đại khái như vậy.

Bấy giờ Thiền sư Cảo ở Diệu Hỷ bị khiển trách mai châu, có truyền kệ tụng của Sư đề xướng để đến đó, Thiền sư Cảo kinh ngờ nói: "Lão sư tuổi già mà có đệ tử như vậy ư?" Nhân gời thư thông giao thành thực và gởi tặng Sư y phó pháp của Thiền sư Viên Ngộ. Đợi đến lúc Thiền sư Cảo được sắc chỉ tha trở về, Sư mới dùng kệ tụng ra nghinh đón, gặp nhau rất mực vui mừng. Thiền sư Cảo hết lời ngợi khen Sư. Lại đề nơi chân tán rằng: "Sông ấy đất bùn không thật không giả, một cây gậy trắng Phật cũng đánh, lại có một ban nơi sinh trưởng, mở hướng ngựa chạy trong bình bát". Từ đó, mọi người càng quy hướng mến trọng. Bỗng chốc Sư chuyển dời đến ở Quang Hiếu trải qua mười năm. An Định Quận Vương Triệu Biểu đến cùng Sư kết bạn tương giao ngoài đời. Thị Lang Tăng khai nương theo Sư tham khấu. Tăng khai tuy là Quan sĩ đại phu mà no đủ dự tham nơi các bậc Lão túc, theo Thiền sư Cảo từ Diệu Hỷ vân du rất dài lâu, mà chưa được dĩnh thoát, đến lúc gặp thấy Sư mới dứt hết điều nghi. Về sau qua Nam nhạc bèn ở tại Nam đài. Bấy giờ Thiền sư Liên ở Long vương, Thiền sư Hạnh ở Phương quảng đều là đệ tử cao túc của Nguyệt am, tiếng tăm vang vọng khắp xứ Hồ tương, riêng cùng nói với nhau rằng: "Xứ này vách đứng cao ngàn muôn nhận, Tuệ Viễn sao có thể đặt chân đến ư?" Nhân đó thỉnh mời Sư lên pháp tòa, dàn bày hơn ba mươi câu hỏi đều là then chốt hiểm tiết lừa dối Phật tổ,

nơi các học giả ít người đặt để đến. Sư tùy cơ giải đáp, ngôn từ ý chỉ sâu mầu, nghị luận vượt xa, mới bắt đầu thán phục, Thiền sư Liên dẫn hết đồ chúng của mình bao quanh Sư, kính lạy mà thưa rằng: “Đầu gối này không khuất phục người khác đã lâu lắm vậy”. Sau đó không bao lâu, Sư qua Thiên thai, ở khắp ba chùa Hộ quốc, Quốc và Hồng phước.

Đến năm Đinh hợi (1167) thuộc niên hiệu Càn Đạo (1165-1174) thời Nam Tống, Thượng Thư Thẩm Công đức Hòa Thú Bình Giang cho rằng Đạo tràng lớn ở Hổ khâu từ lâu không có được người, mới dốc lòng thỉnh mời Sư đến làm chủ ở đó. Sư đến thì tiếp vật không mỏi mệt, pháp lệnh chỉnh túc. Vừa mới đến nên còn hoang tàn thiếu kém, tuy chỉ ăn cháo nhưng vẫn không được tương tục, mà ngoài cửa giày dép giẫm đạp thường đông đầy, những người vì đạo pháp quên thân mình đồng nhóm tụ, Đạo phong Sư càng vang vọng khắp xa. Sư bèn vâng phụng sắc chiếu thỉnh mời đến ở chùa Sùng tiên tại núi Cao đình. Sau đó không lâu, cùng vị chủ chùa không phù hợp, sư mới lui ở am Nghinh chiếu. Sư lại vâng phụng sắc chiếu mời đến Linh ẩn. Ngày khai đường giảng pháp, Trung sứ ban tặng hương. Sau khi cầu chúc Thánh thọ xong, Sư mới bưng lò hương: “Một nén hương này đất trời chẳng thể chở che, Phật nhãn chẳng thể trông lường, khắp nơi diệt chủng tộc Hồ, nắm lấy độn đặt giết người, phiền lụy tôi suốt ba mươi năm giăng ngang thân mình trong cỏ hoang, đến nỗi khiến một đời làm cái kẻ chẳng rên rỉ. Đại khái có chút mỉa mai lừa dối, đối chúng cũng phải nói phá. Hai mươi trước, sôn Tăng bị gió nghiệp thổi đến trong rừng gai gốc dưới núi Mân nga, khua nhằm cái dùi sắt không lỗ, bị nó đánh một cái, nửa say nửa tỉnh, sắp có thể gọi là câm ngay miệng một đời mở không được, hai mươi năm sau lại bị gió nghiệp thổi đi đến đầu sông Trạc cẩm, trong đống dây leo gặp ngay cái cháy đuôi bạc trán, lúc ấy thân gần gặp ngay một miệng, ngay không tang mật mất hồn, mở được miệng, mãi đến nay thọ dụng chẳng hết. Tạm nói nén hương này hai mươi năm trước thấy đến cùng tri thức tức phải, làm hai mươi năm sau thấy đến tri thức tức phải. Một chim hạc không đậu nghỉ ở hai cây, một người khách không làm phiền hai nhà. Há không thấy nói trước đi chẳng đến, sau cùng quá lắm, mà nay thân giặc đã lộ bày, vật đút lót hiện trước. Kính vì đại Hòa thượng Thiền sư Viên Ngộ tiên sư ở chùa Chiêu giác trước phủ Thành đô, chẳng trọng Tiên sư đối ngự đàm không đi ngang trên biển, chỉ trọng Tiên sư trong ngực không vật trong bụng không thiền, đốt nóng trong lò dùng báo đáp ân pháp nhủ!”

Bấy giờ Hiếu Tông Hoàng đế (Triệu Thận 1163-1190) thời Nam

Tống lưu ý tâm thần nói không tông, từng thỉnh mời Sư vào nội điện, ban tặng Sư hiệu là "Phật Hải Thiền sư". Mới đầu Thiền sư Cảo ở Diệu hỷ có bài tán thán chân hình Sư. Có câu "Mở hướng ngựa chạy trong bình bát". Đến lúc Sư đối đáp với nhà vua xong trở về đem kệ tụng ghi vào đó rằng: "Bình bát ngựa chạy hướng Thiên đình, đạp suốt đường trời ngựa chẳng kinh, xoay đầu bay lại trên non ngóng, mây trắng phủ cùng cảnh Đế đô". Sư giảng nói pháp nghi cách vượt ngoài tác dụng, chẳng giữ khuôn vết thoát lược hang lỗ. Đến khi ở trong thất, có duyên rất là hiểm hóc không thể ghé hợp.

Sư từng chỉ đóa hoa trước mắt mà hỏi vị Tăng rằng: "Gọi làm Phật, cỏ thuốc hiện thành, gọi làm súc sinh miệng làm tiếng người. Ngay lúc nghĩ gì, tham học mắt ở nơi nào?" Vị Tăng ấy không trả lời, Sư tự thay thế bảo: "Năm non bốn biển núi tiếng sông lớn". Sư lại hỏi một vị Tăng khác: "Trước tam quan tấc cỏ chẳng mọc, trong điện Phật làm sao được vào?" Vị Tăng ấy không trả lời, Sư tự thay thế bảo: "Ánh sáng cạo đầu, rửa sạch bát". Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Một Đại tạng kinh giáo là miệng xấu ác. Thế nào đó là bản thân Lô-xá-na?" Vị Tăng ấy không trả lời, Sư tự thay thế bảo: Hồ A-nậu-đạt sâu bốn mươi trượng rộng bốn mươi trượng". Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Từ lúc có Tổ lại nay, ít nhiều người lầm hiểu, lầm hiểu thì lầm hiểu rồi, làm sao khỏi phải lỗi quá ấy?" Vị Tăng ấy không trả lời, Sư tự thay thế bảo: "Tội không trùng thứ lớp". Sư lại hỏi vị Tăng khác: "Ông ở viện nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Là Tăng ở viện Thiên cung". Sư hỏi: "Đã là ở viện Thiên cung, vì sao hai chân đạp đất?" Vị Tăng ấy không trả lời, Sư tự thay thế bảo: "Sao quái gỡ được ta". Lại một ngày nọ lên giảng tòa, trống gióng đã xong, Sư ngồi ở trong màn, thị giả tìm Sư mà không thấy, Sư vén mở màn và bảo: "Chỉ tại trong này, nhân gì không thấy?" Thị giả không trả lời, Sư tự thay thế bảo: "Búa lớn chặt phá Tam quan". Một ngày nọ, thư ký và Duy-na cùng tranh nhau lại gieo cơ. Sư nâng cao tấm bảng và bảo: "Thư ký và Duy-na hành lệnh bất chánh, Lão Tăng phạt dầu, hành giả ăn gậy". Và Sư bảo hai người mở lời. Duy-na thưa: "Khó trốn thoát trí tuệ soi xét". Sư bảo: "Chẳng phải, chẳng phải". Còn thư ký im lặng không nói gì. Cả hai người đều bị xua đuổi ra. Lại nhân Sa-môn Tiên Trì ở Tịnh từ đến đưa thư, Sư hỏi: "Trưởng lão ông là người xứ nào?" Triên Trì đáp: "Hòa thượng rất tợ không biết". Sự lại hỏi: "Còn ông là người xứ nào?" Tiên Trì đáp: "Người ở Việt châu". Sư bảo: "Hổ dữ chẳng ăn thịt nằm". Lại nhân lúc cảm bệnh, có vị Tăng đến thăm, Sư hỏi vị Tăng ấy: "Lão Tăng hôm qua thấy sao hỏa ra cung rồi, nhân gì

đến nay ỉa phẩn chẳng ra?" Vị Tăng ấy thưa: "Lão lão đại đại hướng đến trong Đông ty làm kế sống". Sư bảo: "Nhân lời nói tuy hiểu Tông, chớ tự lập quy cũ". Đã không biết loạn khắp như thế nào, tức thời Sư xua đuổi ra, và Sư tự thay thế bảo: "Trong nước Ma-kiệt-la thân hành lệnh này". Vị Tăng ấy lấn vào thân, Sư dất thân dậy hỏi: "Lại chẳng mạc quần vải cùng thấy". Vị Tăng ấy tréo tay đến gần phía trước, nói: "Ngày nay thân gần thật hạt đường (nhà mù lòa). Sư cười lớn ha ha. Vị Tăng ấy nói: "Kỹ lưỡng đã hết". Sư vỗ tay xuống một cái.

Bấy giờ có Sa-môn Giác A vốn người nước Nhật Bản, rất thông rành giáo nghĩa tông Thiên thai và khéo viết chữ, có khả năng nói rành tiếng các nước, mới đầu đến bái yết sư rất mến quý khả năng nhạy bén, Sư từ từ đem Thiền tông giải hiểu cho đó. Giác A dừng ở ba năm chóng có sở đắc, làm năm bài kệ tụng gieo cơ mà đi, nói ở truyện Thiền sư Giác A. Ngày sau nhân có khách thương buôn biển lưu truyền đó về chùa Viên thành ở nước Nhật Bản, chủ chùa ấy là Sa-môn Giác Trung có ghi thứ gởi đến cảm tạ, nên Tông chỉ của Sư phân thành một phái tại nước Nhật Bản vậy.

Đến đầu tháng chín năm Thuần Hy thứ hai (1175) thời Nam Tống, lên giảng đường, Sư nói kệ tụng rằng: "Thuần Hy năm hai (02) nhuận, cuối thu đầu tháng chín (09), nơi ồn náo chớ ra, đất lạnh đặt mắt nhìn. Tối sáng chẳng liên can, đây kia phân một nửa, một giống làm quý nhân, bảo ai bán than củi? Hướng đến các ông nói không được hủy báng, không được tán thán, thể như hư không đấm chìm sườn bờ, cùng gọi cùng kêu về đi lại. Thượng nguyên chánh là nửa tháng giêng". Bấy giờ dưới đô thành ồn náo rao truyền, rất nghi ngờ đến ngày mười lăm tháng giêng năm sau (1175) Sư sẽ thị tịch. Bèn tấu trình lên đến nhà vua. Đến kỳ hạn, Sư không tật bệnh gì, lên pháp tòa cầu chúc Thánh thọ theo nghi như thường. Lại nhân các hàng quan tục đến chùa tu trai, Sư lại lên pháp tòa, xong bèn bảo Tri sự Thủ tòa phân bạn Quan khách, và thí chủ thiết trai, tới giờ thọ trai thị giả đồng đến trai đường. Ngày ấy dưới đô thành mọi người đua nhau nhóm tụ, nhà vua cũng kính sai Trung sứ dò xét đi ở của Sự và đều thấy Sư đi lại như thường, thường luôn thay đổi nhau về tấu trình. Sau khi thọ trai xong, thị giả cùng các quan tục đồng đến phương trượng, chỉ thấy cánh cửa đóng hơi kín. Sư vốn có nuôi một con khỉ đen rất quen thuần hay biết ý người, nhân dùng vải vụn may vá cho khỉ mặc nên gọi đó là "Viên (khỉ) hành giả". Đến khi tìm kiếm Sư không thấy, nhân lén nhìn qua lỗ hổng cửa sổ vào trong chỉ thấy con khỉ trên tay nắm một quyển sách như người đứng ở trước

sân giường, mọi người bèn vội theo lối sau vào trước sàn giường, mọi người bèn vội theo lối sau vào trước sàn giường, vén mở màn thì Sư đã thị tịch rồi vậy. Lấy quyển sách trong tay khỉ, đọc xem đó thì ra là bài tụng giã từ cuộc đời rằng: "Bẻ gãy cán cân, nhất liền bày vải, vụt ra cơ trước, chá bay chẳng lường". Lưu giữ nhục thân Sư lại mười ngày mà nhan sắc không biến đổi. Sư hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi năm mươi chín hạ lạp. Các đệ tử đắc pháp của sư như Sa-môn Liễu Thừa, Như Bản, Tề Dĩ, Tuệ Xung đều ở nơi các chùa lớn.

Đối chiếu ở "Ngự ngữ" một quyển, thì ngày hai mươi tháng giêng năm Càn Đạo thứ bảy (1171) thời Nam Tống, vua Hiếu Tông có sắc chỉ mời Trưởng lão Tuệ Viễn ở Linh ẩn vào nội điện, chiều hôm ấy mời đến nơi điện Tuyển Đức, Sư tấu trình rằng: "Thần vốn là kẻ phàm ngu sinh ở Tây thục, sớm được nghe đạo từ Thiền sư Viên Ngộ, nuôi dưỡng vụng về ở chốn núi rừng suốt bốn mươi năm, kính ngưỡng được nghe từ lúc bệ hạ lên ngôi đến nay xót thương cứu giúp muôn sinh, hộ trì Tông giáo. Điều gọi là đem tâm Phật mà trị bình thiên hạ. Thần nhờ duyên mừng vui may mắn, nương tựa gần Thiên nhan, chẳng ngăn nỗi muôn vàn cảm ân". Vua Hiếu Tông nói: "Viên Ngộ là ai?" Sư đáp: "Chính tên là Khắc Cần, khoảng đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, Thái thượng hoàng (Cao Tông - Triệu Cấu 1127-1163) dừng bước Duy Dương, mời cùng đối đáp, nhân đó ban tặng hiệu là "Viên Ngộ Thiền sư", và tức là bậc thầy của thần đây vậy". Vua Hiếu Tông nói: "Tiếc chẳng được thấy gặp đó! Còn Tông Cảo thì thế nào?" Sư đáp: "Tông Cảo cùng Thần đồng xuất thân từ của của Thiền sư Viên Ngộ". Vua lại hỏi: "Khanh đến Linh ẩn bao giờ?" Sư đáp: "Một ngày trước khánh tiết mùa Đông năm trước là vào chùa, nay được bệ hạ ban ân ra mắt, được thấy ánh sáng trong sạch, thầy trò một nhà đâu hơn vinh hạnh gặp. Thần kính cẩn đem mười thiên kệ tụng xưa trước cùng tấu dâng". Đọc xong, vua Hiếu Tông bảo Sư ngồi, sư bèn tạ ân đến tòa ngồi. Vua hỏi: "Thế nào thoát khỏi được sinh tử?" Sư đáp: "Chẳng ngộ đạo Đại thừa, trọn không thể thoát khỏi". Vua lại hỏi: "Thế nào là đắc ngộ?" Sư đáp: "Tánh ấy vốn có, nếu dùng năm tháng giũa mài đi thì không ai chẳng ngộ". Vua lại hỏi: "Sau khi đã ngộ thì thế nào?" Sư đáp: "Ngộ rồi mới biết. Điều hỏi của bệ hạ và lời đáp của thần đây thảy đều chẳng phải". Vua lại hỏi: "Tất cả các nơi chẳng phải, sau đó như thế nào?" Sư đáp: "Thoát thể hiện tiền rồi, không tướng mảy lông tóc có thể thấy". Vua Hiếu Tông gật đầu chấp thuận. Sư lại nói: "Cổ đức nói không chỗ phải là Bồ-đề". Vua lại hỏi: "Tức tâm tức Phật thì thế nào?" Sư đáp:

"Trước mắt không pháp, bệ hạ gọi gì làm tâm?" Vua lại hỏi: "Thế nào là tâm?" Sư bèn khởi thân tréo tay mà đứng, đáp: "Chỉ là vậy". Vua Hiếu Tông cười xòa. Lại hỏi: "Nhân duyên của Đức Sơn và Lâm Tế ngộ đạo, Sư đều trả lời rõ ràng các điều đó. Vua lại hỏi: "Từng gọi tiểu ngọc vốn vô sự, chỉ cầu Đàn Lang nhận được tiếng. Đó là nơi sở đắc của Thiền sư Viên Ngộ, chỉ là muốn người nhận được tiếng?" Sư đáp: "Xưa kia có Trần Độ Chi đến hỏi Đạo nơi Hòa thượng Diễn ở Ngũ tổ, Hòa thượng Diễn bảo: "Trong thơ Tiểu Diễm cũng có thiền". Khi ấy Thiền sư Viên Ngộ đang đứng hầu bên cạnh nhân đó hỏi: "Thế nào là Thiền?" Hòa thượng đáp: "Từng gọi Tiểu Ngọc vốn vô sự, chỉ cần Đàn Lang nhận được tiếng. Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại? Cây bách trước sân. Thế nào là Phật? Ba cân gai". Thiền sư Viên Ngộ bèn thở dài một tiếng, bỗng nhiên có tỏ ngộ, khi ấy vừa lúc có tiếng gà gáy. Thiền sư Viên Ngộ nói: "Mày cũng hiểu thiền". Hòa thượng Diễn hỏi: "Ông làm sao sinh hiểu?" Thiền sư Viên Ngộ đáp: "Bỏ ngay vật trong ngực cơ trước mắt". Hòa thượng Diễn bảo: "Gã này thấu triệt rồi vậy!" Khi ấy, vua Hiếu Tông bảo: "Hay, hay". Sư lại nói: "Sau khi ngộ được, ngàn câu, vạn câu, cho đến cả một Đại tạng giáo điển cũng chỉ là một câu". Vua lại hỏi: "Là một câu nơi nào?" Sư đáp: "Khéo nói chẳng ra cửa". Vua lại hỏi: "Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, có thể tham chăng?" Sư đáp: "Lão Bàng Uẩn đặt để một câu hỏi này. Ngay được kinh trời động đất, vượt xưa nay, thoát phải quấy, lìa ngôn thuyết, không nương cậy, chánh như bệ hạ là bậc chí tôn chí quý, Đại đạo vốn vậy". Vua lại nói: "Chỉ là chẳng ở có và không". Sư nói: "Lìa ngay có và không đến cùng cũng chẳng cần". Vua lại hỏi: "Khanh sao thế?" Sư đưa lên một nắm tay và theo đó nói: "Thần là kẻ chất phác ở chốn núi rừng, cử chỉ thô trái, không biết lễ độ, xin bệ hạ khoang dung tha thứ". Vua lại nói: "Chẳng phòng ngại nói Thiền". Và lại hỏi: "Người đắc đạo là ai?" Sư đáp: "Người học đạo rất đông, tùy khí lượng có cạn sâu. Vào thất ở có thể kiểm nghiệm được đến cùng, người khác cũng tự biết thời tiết. Xưa kia có Tăng Khai Thị Lang cũng gần đạo". Vua lại hỏi: "Ông ấy thế nào mà có tỉnh ngộ?" Sư đáp: "Tăng Khai từng hỏi: "Thế nào là Thiện tri thức?" Thần đáp: "Lồng đèn, lộ trụ, mèo con, chó con đều xưng là Thiện tri thức, sao lại phải hỏi". Tăng Khai nói: "Đã xưng là Thiện tri thức vì gì ngợi khen thì vui mừng, hủy báng thì tức giận?" Thần nói: "Thị Lang từng thấy Thiện tri thức chăng?" Tăng Khai đáp: "Năm ba mươi tuổi, Tăng Khai tôi tham thiền cớ sao chẳng thấy?" Thần lại hỏi: "Thấy nơi vui mừng hay thấy nơi tức giận? Tăng Khai mịt mờ,

thần gần hết một tiếng, Tăng Khai định mở miệng. Thần lại hết. Thần lại kéo dừng và bảo: "Mở miệng đến cùng chẳng phải Tăng Thị Lang. Tăng Thị Lang hướng đến nơi nào đi?" Tăng Khai bất chợt gật đầu thở dài. Thần đưa tay bái dài và nói: "Thị Lang hãy vui mừng việc lớn đã xong!" Tăng Khai bèn làm kệ tụng gieo cơ rằng: "Ôi thay lừa già, tùng lâm yêu nghiệt, rống đất một tiếng, cơ trời rò rỉ". Có người lại hỏi ý chỉ như thế nào? Nắm cây gậy cắt ngay miệng". Vua lại hỏi: "Lại có người nào?" Sư đáp: "Người học Phật đông nhiều, có duyên cũng rộng lớn rất sợ nhọc Thánh đức phải nghe, chẳng dám tâu nhiều". Và Sư mới nói: "Thần xin trở về lại chùa cùng các nạp tử truyền tâm Tông Phật ngưỡng mong báo đáp ân che trùm, mong bệ hạ sớm trở lại Trung Nguyên để an ủy sự mong đợi của bốn biển. Vua lại nói: "Sau lại càng muốn đàm nói tại đây". Sư đáp: "Kính cẩn sẽ lui nghi". Rồi Sư bèn tạ ân và xuống khỏi điện.

Đến ngày mồng 07 tháng 03 năm đó (1171), vua Hiếu Tông lại có sắc chỉ, qua giờ ngọ ngày mồng tám, hầu giá qua cung Đức thọ trở về, mời các Trưởng lão ở Kính sơn, Linh ẩn đều vào điện Tuyển đức hầu gặp. Khi đã được ban tòa ngồi, vua mới nói: "Linh ẩn và Kính sơn đều là các chùa lớn, từng bảo thần liêu chọn mời người trú trì". Sư đáp: "Đội ân bệ hạ chẳng quên Linh sơn phó chúc, chẳng vì hình phục thấy mất, người dưới rừng biết lấy gì ngửa mong báo đáp". Vua lại hỏi: "Mùa thu năm trước nước mưa ngập, còn năm nay thế nào?" Sư đáp: "Tháng chạp có tuyết ứng kỳ hạn ắc có điềm năm mới sung túc". Vua lại nói: "Trẫm rất lo sợ mọi người trong nhân gian đói kém". Sư nói: "Thần cũng sợ dân chúng vụn vặt khó được ăn, nhờ đội Thánh đức bệ hạ cảm nên, nay hai giống lúa sắp chín, giá gạo cũng hơi cân bằng, trong ngoài người đã đi cứu giúp, chi được một mùa no đủ thì việc nhà nông được tiếp nối tương tục, đó đều do bệ hạ ban tặng sinh thành". Vua lại nói: "Đến thu lại được một mùa lúa chín, khắp dân gian hơi sống lại". Sư đáp: "Bệ hạ lấy tâm của trăm họ; muôn dân làm tâm mình, Thánh lự đã bền bỉ ắc tùy theo tâm niệm". Vua lại nói: "Khắp nghe Hoàng Ngạn Tiết nêu cử xưa nói là "Tâm theo vạn cảnh chuyển, nơi chuyển thật hay sâu". Nhân được thọ dụng dùng tâm rỗng ứng vật". Kính Sơn đáp rằng: "Sáng rỗng tự chiếu chẳng nhọc tâm lực". Sư đáp: "Đây mới là "Tín tâm minh" của Đại sư Tam Tổ (Tăng Xán), chánh là người có chỗ chứng ngộ nói vậy". Vua lại hỏi: "Như thế nào?" Sư đáp: "Chí đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa, chỉ chớ thương ghét, rỗng rang sáng rỡ, mảy may có sai, đất trời cách biệt". Vua vui mừng rất lắm. Sư lại tấu

rằng: "Tha cho thần ghi một bản và thiết thiệt am ghi trước sau, tấu bày đối ghi cùng bệ hạ". Vua nói: "Rất hay!" Lại hỏi: "Một miếng hớp hết nước Tây giang, Lý hội khó ra?" Sư đáp: "Lý hội chẳng được, nơi đường vô nghĩa ngay đó bèn phải". Vua lại nói: "Lại qua vài năm tức có thể hiểu". Sư đáp: "Chỉ trong một sát-na, đạt ngộ lấy đó làm khuôn phép". Hỏi đáp đã lâu, Sư mới tâu rằng: "Thần sợ lâu nhọc Thánh đức". Xin tạ ân mà xuống điện.

Đến ngày hai mươi tám tháng giêng năm Càn Đạo thứ tám (1172) thời Nam Tống, xa giá vua Hiếu Tông đến chùa Linh ẩn, đến đình Lãnh tuyền, Sư sinh hoạt xong, Thị thần truyền sắc chỉ Trưởng lão về chùa. Vua đến Tam môn xuống ngựa. Sư lại sinh hoạt. Vua nói: "Đi thì có Sư hầu". Đến trước điện tạng, Sư tâu: "Sửa sang hành lan cao vợi, sợ khó bước chân Thánh đức". Vua nói: "Chẳng phòng ngại". Bèn đi đến trước Tăng đường, vua vào trong Tăng đường, Sư đến trước phương trượng đốt hương, vua đến nơi phương trượng Sư vẫn sinh hoạt. Thượng thủ trông nhìn xá-lợi răng Phật do Thái tổ Hoàng đế ban tặng chùa Năng nhân ở kinh đô. Vua đưa tay bưng ngang trán tỏ vẻ càng kính trọng, Sư đem sự tích răng Phật mà tấu trình. Đến Ngộ an đường, một lúc cười nói riêng. Đọc Thiền sư Tông Cảo - Đại Tuệ đến nơi Ma dương gởi pháp y và thư nói là "Cư sĩ Siêu Nhiên là người trong đó, sợ có nơi chưa đến, phải cùng thương lượng". Vua thấy vậy, bảo: "Chậm mất sáu mươi hai năm, chẳng kịp mời Tông Cảo!" Và vua lại hỏi: "Siêu Nhiên thế nào?" Sư đáp: "Cư sĩ Siêu Nhiên cùng Tiên sư Viên Ngộ và Đại Tuệ (Tông Cảo) theo nhau đi đã lâu rồi, khiến thần cùng kia đau xót xuống độc tay". Vua cười. Lại thấy ba sách ngữ lục trên bàn án nơi phương trượng cùng một trang giấy tấu đối trạng văn, vua bèn hỏi: "Đây là gì?" Sư tâu: "Trước lại xin dâng tín tâm minh của Đại sư Tam Tổ và truyện Thiết thiệt am cùng tấu đối lục trước sau". Vua liền ban sắc chỉ gom thâu vào. Tiếp đến giao lô thất, thấy tôn tượng họa của Sư, vua bèn hỏi: "Đây là ai?" Sư đáp: "Đó là do Đồ chúng đáp họa đảnh tướng của thần". Sư xin bài tán thán. Vua bảo: "Đây là đắp họa đến cùng, cái nào là chân thật đến cùng?" Sư bắt tréo tay khum mình nói: "Khí xuân hòa ám, cung kính chỉ Thánh nhân muôn phước". Vua cười lớn. Vua trông xem tôn tượng Thiền sư Viên Ngộ với bài tán thán do Sư đề rằng: "Khéo cái thoát rưới lão nạp, tả được mười phần tương tợ, tám trụ trong biển tùng lâm, gặp nhằm chỉ luận việc này, cửa biển rành vọt sóng lớn, đến rồi chẳng nói một chữ, Tuệ Viễn nắm ngay cương tông, đội mang rộng đi bước lớn. Bệ lò khoái xuống kềm dùi, kéo giữ đến đường hướng

thượng". Vua hỏi: "Đây tiện là chỗ nói đến lúc Quang Nghiêu tại Duy dương lên đối đáp đến cùng ư?" Sư đáp: "Tiện đúng vậy". Vua trông xem tướng Đức Phật Thích-ca ra núi. Sư tâu: "Đó là do Ngô Đạo tử đắp họa vậy". Và Sư cũng đọc bài tán thán ghi rằng: "Lớn thay Thích-ca Văn, biển phước nhóm vô lượng, đất đây thiếu Chu sa, đất đỏ cũng làm quý, nay con cúi đầu lễ tán dương, lưu cho người trời làm hình dạng". Vua trông xem tôn tượng Lâm Tế mới hỏi: "Đây là Lâm Tế ư?" Sư đáp: "Thiền sư Lâm Tế là người Tào châu, là Tổ sư đã mười hai đời của thần đây vậy". Vua trông nhìn khắp núi rừng rồi mới bảo: "Tưởng lúc tuyết xuống khả quan". Sư đáp: "Lại có phương trên rất đẹp". Vua xoay lại, Sư cùng theo đến trước hành lan phía Đông pháp đường. Vua trông xem vách tường đắp họa. Sư tâu: "Đó là cao Tăng qua các thời đại". Vua hỏi: "Đến nay có vị nào chăng?" Sư đáp: "Ở hành lan phía Tây thợ đã đến làm xong". Vua chỉ vào biển tướng Hoa Nghiêm, Sư tùy theo điều hỏi mà tấu đáp, ngôn từ ý tứ cùng khế hợp. Vua bèn lui xa giá, Sư cảm tạ ân mà trở về. Ngày hôm sau có sắc chỉ ban tặng Sư các thứ lụa quyến v.v...

Đến ngày mồng 06 tháng 08 năm đó (1172), vua Hiếu Tông lại có sắc chỉ tuyên mời ngày mồng bảy, Trưởng lão Linh ẩn cùng đồng các Quan viên Tăng đạo vào nội dung đến Quán đường thọ thai. Sau khi thọ trai xong đến trước Quán đường sinh hoạt, vua ban mời ngồi mới uống trà, các vị tạ ân rồi, tiếp tục có sắc chỉ riêng mời Trưởng lão Linh ẩn đến cửa phía Đông Quán đường. Sư theo vào, tâu rằng: "Ngày nay, Thần cùng các vị v.v... được bệ hạ ban tịnh cúng, cả tam giáo (Phật, Khổng, Lão) đồng nhóm tập. Đây là một việc ưu thắng, ở đời thật hiếm có, nên cảm đội Thánh ân". Vua bảo: "Có thể gọi là việc ưu thắng", bèn mời Sư ngồi, vua tiếp bảo: "Ta có một vài sự kiện muốn hỏi khanh". Sư đáp: "Thần nguyện xin nghe Thánh huấn". Vua hỏi: "Ngày trước đang lúc ngủ nằm mộng, bỗng nghe tiếng chuông bèn tỉnh giác. Chưa biết mộng và tỉnh giác như thế nào?" Sư đáp: "Bệ hạ hỏi trong mộng ư? Hay tỉnh giác đến ư? Nếu hỏi tỉnh giác đến, mà nay chánh là ngủ nói mớ, còn nếu hỏi trong mộng, thì mộng và tỉnh giác không khác, dạy bảo ai phân biệt. Mộng tức là huyễn. Biết huyễn tức lìa, lìa huyễn tức giác, tâm giác chẳng động. Do đó nói: Nếu hay chuyển vật, tức đồng Như Lai". Vua lại hỏi: "Mộng huyễn đã chẳng phải, vậy tiếng chuông từ nơi nào phát khởi?" Sư tâu: "Từ chỗ bệ hạ hỏi mà phát khởi". Vua cười, vua lại hỏi: "Ngày trước ngồi yên lắng nơi cửa này, bỗng nhiên tư duy được đến lúc nêu cử chẳng cùng muôn pháp làm bạn, chỉ chẳng cùng muôn pháp

làm bạn ấy cũng rất kỳ đặc, trẫm từ trong đó có cái chỗ thấy". Sư tâu: "Chẳng cùng muôn pháp làm bạn, bệ hạ làm sao sông hợp?" Vua nói: "Bốn biển chẳng lấy làm nhiều". Sư lại hỏi: "Một miệng hớp hết nước Tây giang thì như thế nào?" Vua bảo: "Cũng chưa từng khuyết thiếu". Sư tâu: "Mỗi lúc thần vào thất, thường hỏi các nạp Tử rằng: "Thế nào là một câu chém mới?" Nếu phỏng ban nghị thì chẳng ngay ngực mà đánh. Có lúc lại hỏi: "Thế nào là một đường hướng thượng? Chưa mở miệng đáp cũng đánh". Vua hỏi: "Nhân gì tức như thế?" Sư đáp: "Vừa mới can thiệp tư duy tức thành thừa pháp, vừa mới rơi lạc vào ấm giới tức là cội gốc sinh tử. Tham thiền như vót đẻo vành xe, phỏng nghị chớ can thiệp, như đánh vào đá lửa tợ chợt điện chớp sáng, đã là độn đặt rồi vậy. Cớ sao pháp không hai pháp, tâm không khác, giữa trời không hai mặt nhật. Do đó Đức Sơn ngộ đạo rồi bèn đóng ngay cửa điện Phật xong mời bảo: "Có mày tức không có Ta, có Ta tức không có mày, mới có thể thấy đạo". Gần đây có một sĩ nhân đến chùa thấy trên vách tường phương trượng thần có làm bài kệ tụng, mới nói là: "Hay thay kệ tụng". Thần mới hỏi: "Nghe ông học cái học của y xuyên, bài bác nhà Phật, phải vậy chăng?" Sĩ nhân không đối đáp gì, thần lại tiếp hỏi: "Chỉ như Đức Sơn dạy bảo đại chúng rằng: "Thích-ca và Di-lặc là gã gánh phẩn, Bồ-tát Thập Địa là đứa ở giữ ruộng", há chẳng phải bài bác Phật ư?" Sĩ nhân mịt mờ. Thần lại bảo: "Trong đó lại có một điều đường sống, nếu nhìn được thấy thì thọ dụng chẳng hết, còn như nhìn chẳng được thấy, chẳng chỉ vấy nhân lụy quả, lại có việc dừng ở. Trông xét chỗ thấy nơi ông chưa từng gặp người tạm ngồi uống trà". Ngày trước lại có một quan nhân hỏi: "Trưởng lão tuổi đã bao nhiêu?" Thần đáp: "Bảy mươi tuổi". Quan nhân nói: "Nuôi dưỡng được khéo tốt lành". Thần nói: "Canh rau cơm cháo Tăng nào đủ nói". Quan nhân hỏi: "Việc tánh mạng thì thế nào?" Thần đáp: "Lão Tăng không tánh mạng". Quan nhân hỏi: "Sao không?" Thần đáp: "Cũng không sao". Quan nhân bèn lắc đầu nói: "Tiếp theo sợ chưa phải nhằm". Thần nói: "Chẳng chỉ chấm ngang đầu chưa phải, ngay như chánh điểm đầu cũng chưa phải nhằm". Ngưng giây lát, Quan nhân lại hỏi: "Quan viên cùng với Thiền Tăng như thế nào?" Thần đáp: "Chỉ là một ban". Quan nhân nói: "Quan viên tiến thân trên đường Quan sĩ, còn Thiền Tăng ngồi yên tỉnh dưới rừng, sao được cùng một ban?" Thần nói: "Vừa rồi, lúc chưa gặp thấy ông cũng là một ban, mà nay cùng gặp thấy rồi cũng chỉ một ban, ngay như cùng tán thán, cùng hủy báng cũng chỉ là một ban, do đó nói "Na già thường sống ở trong định không lúc nào chẳng định". Quan

nhân nói: “Trưởng lão nói khác lạ, có thể riêng tìm một bình trà”. Thần nói: “Việc chùa lắm nhiều nên chẳng thể theo khoản”. Đại lược xưa nay ngôn cú chánh như lúc bệ hạ đến chỗ làm bái tán tán đãy vải, nó đại khái là: “Riêng riêng rành rẽ một chấm tuyết lò hồng nào dung còn dừng vậy”. Vua bảo: “Làm kệ tụng rất khó”. Sư tâu: “Xưa trước Thiền sư Tỉnh ở Diệp huyện, có một đệ tử nối dõi dòng pháp ở thiền viện Phương thủy tại huyện Thập phương, Hán châu từng làm kệ tụng chỉ dạy đại chúng rằng: “Trong đầm Phương thủy ba ba lỗ mũi rắn, phỏng tâm cùng hướng tiện Du-da, người nào nhổ được đầu rắn ra”. Vua bảo: “Lại còn một câu”. Sư đáp: “Chỉ có ba câu”. Vua hỏi: “Vì sao chỉ có ba câu?” Sư đáp: “Trong ý có chờ đợi vậy, qua hai trăm năm sau không một người mở lời, mãi đến thời Đại Tùy (581-618), Trưởng lão Nguyên Tỉnh nêu cử ba câu đầu, mới đặt lời rằng: “Trong đầm Phương thủy, ba ba lỗ mũi rắn”. Lại đến Thiền sư Viên Ngộ - Phật Quả dưới câu thứ ba cũng đặt lời rằng: “Bánh tồ Vân Môn, trà Triệu Châu”. Còn thần thì dưới câu thứ ba đặt lời rằng: “Ma-ni đát rủ Hồng Phần tra”. Vua cười, bảo: “Rất hay”. Vua lại hỏi: “Người được thọ dụng xưa nay là ai?” Sư đáp: “Thái Tông Hoàng đế (Triệu Quýnh 976-998, thời Bắc Tống) một ngày nọ đến chùa Đại tướng quốc, thấy vị Tăng đang đọc xem kinh, bèn hỏi: “Xem đọc kinh gì vậy?” Vị Tăng ấy đáp: “Kinh Nhân Vương Hộ Quốc”. Thái Tông bảo: “Đã là kinh của trẫm, vì gì lại ở trong tay khanh?” Vị Tăng ấy im lặng không trả lời. Thần cũng từng thay thế đó mà mở một chuyển ngữ”. Vua hỏi: “Khanh thay thế nói như thế nào?” Sư đáp: “Đang lúc chỉ đem dâng quyển kinh, ngang hốt bén khum mình cung kính thưa nguyện cầu bệ hạ muôn năm muôn năm muôn muôn năm”. Vua bảo: “Hay! Rất hay!” Sư lại tâu: “Thái tông Hoàng đế từng gặp thấy một vị Tăng bèn hỏi: “Khanh là người gì?” Vị Tăng ấy đáp: “Tháp chủ”. Thái tông bảo: “Đã là tháp của trẫm, nhân gì khanh làm chủ?” Vị Tăng ấy lại im lặng không trả lời. Thần cũng thay thế nói rằng: “Ân Thánh trùm khắp, Thượng thủ chấp thuận”. Lâu sau bỗng nghe ngoài cửa sổ có tiếng bảng báo đã đến giờ mùi, Sư bèn tâu: “Bệ hạ thường ngày phải ứng muôn cơ, Thần không dám dừng lại lâu, sợ nhọc Thánh đức”. Rồi sư bèn cảm tạ ân mà xuống khỏi điện.

Đến ngày mồng 02 tháng 04 năm Càn Đạo thứ chín (1173) thời Nam Tống, vua Hiếu Tông có ban sắc chỉ. Đến ngày mồng 08 tháng 04 tuyên cáo mời vào Quán đường thọ trai. Thọ trai xong, đồng chúng sinh hoạt. Vua hỏi: “Sắp đến lúc kết hạ ư?” Sư đáp: “Đó là khuôn phép của chốn tùng lâm. Tại Tây thiên đến ngày kết hạ đúc hình người bằng sáp

cất giấu trong hang đất, kết hạ chín mươi ngày, giới hạnh tinh khiết thì hình người sáp băng tiêu, còn khôn như vậy thì hình người sáp chẳng vẹn toàn, nên gọi là Tăng lạp (sáp)". Vua hỏi: "Quán hạnh như thế nào là pháp của Thiên trúc?" Sư đáp: "Ngày nay, mười sáu người vào Quán đường tu Tịnh quán ba năm". Vua lại hỏi: "Quán là Quán tưởng, vọng tưởng điên đảo cùng gìn giữ, lúc nào mới xong?" Sư đáp: "Dùng giặc bắt giặc, đem tâm tìm tâm. Nên trong kinh Lăng Nghiêm quở trách rằng "tưởng niệm không thể thoát, làm sao được viên thông?" Vua nói: "Như yếu diệu của Đại kinh Hoa Nghiêm, chỉ ở chỗ kệ tán thán, sao như Thập địa chóng vượt?" Sư đáp: "Như trong kệ tán thán của kinh Hoa Nghiêm nói: "Chỉ nghe được bốn câu thì tám mươi mốt quyển kinh Hoa Nghiêm đồng một lúc xong hết". Vua bảo: "Phải hết đến cùng, thấu được suốt thông mới được". Sư đáp: "Thiền dưới Tào động phần nhiều nói: "Ngay phải hết đến cùng đi". Thế nào được hết đến cùng đi?" Vua ném buông chiếc quạt lông xuống trước giường rồi im lặng ngồi ngay thẳng. Khi ấy mọi người đều mịt mờ cùng nhau trông nhìn không nói gì cả. Sư bèn đứng dậy đến gần phía trước tâu: "Ngày nay mới là lúc Đức Thích-ca Như Lai khánh đản. Bệ hạ làm một việc ưu thắng như vậy. Các thần v.v... đây được thấy việc chưa từng thấy, nghe điều chưa từng nghe". Khi ấy lại gặp lúc mưa lớn, Sư tiếp nói: "Ngay được trời mưa bốn thứ hoa, đất lay sáu thứ chấn động vừa rồi, Chư Sơn đều có kệ tụng, riêng thần đây không, mà nay liền có một kệ tụng". Vua hỏi: "Thế nào?" Sư đáp: "Lúc chưa đến cửa Cấm nêu cử tợ bệ hạ rồi vậy". Vua bảo: "Sao phải phòng ngại, nêu cử lại một lần xem?" Sư đáp: "Không thể trên đầu lại gắn thêm đầu". Vua bảo: "Trẫm cũng cần biết". Sư thụt lùi một bước, tâu rằng: "Thần nhận lãnh sâu mầu một lời hỏi này". Vua bảo: "Lại có hay không?" Sư đáp: "Đáng tợ ngày nay". Và Sư lại tâu rằng: "Ngày trước bị Đài Châu Thú Tông Dĩnh hỏi: "Nhân đọc xem kinh Pháp Hoa có nói thân Phật cao vô lượng trăm ngàn ức na-do-tha do-tuần. Đến đây phải là nghi nhầm". Khi ấy thần ném buông chiếc quạt xuống nơi đất và bảo: "Ông hãy nói cây quạt của Ta dài bao nhiêu? Cùng thân Phật cách xa bao nhiêu?" Hắn mịt mờ không trả lời được". Vua bảo: "Đây là nơi diệu, như bồi bếp mổ trâu". Sư đáp: "Không thấy toàn trâu có thể buông dao. Trong ánh sáng vô cấu, vốn là Tam-muội". Vua gật đầu chấp thuận đó. Sư bèn tạ ân rồi trở về vị trí cũ. Vua hỏi: "Người tu thiền định thì như thế nào?" Sư đáp: "Hàng sơ cơ nếu có chỗ thì chẳng gọi là Đại định. Đại định ngang bằng với hư không rồi, không nơi tu tập, cũng không nơi khởi diệt ra vào. Bệ hạ nhìn người hành tập

định đây đều là phàm phu chưa chứng quả vị, ngay như hành tập đến Tứ thiền, Bát định cũng chưa là rốt ráo. Nên Thiền sư Tông Mật ở Khuê phong bảo: "Sau phi tưởng định lại làm thân con phi ly". Xưa kia có vị Tăng tên là Tu Tam Giáo, từng làm kệ tụng chỉ dạy đại chúng rằng: "Tứ thiền xả niệm thường tịnh, nửa là chân như, nửa là không. Nơi đây tu hành lắm đường hiểm. Hành nhân bước đến chớ lãng xao. Một bên chóng chứng thì một niệm làm Phật, một bên sai biệt thì rơi lạc vào Nhị thừa. Cùng không chẳng về bốn sáu hai vạn mười ngàn kiếp, tu hành lại vào luân hồi". Nên nói: "Buộc nói trọn dấy Định Na-già, Na-già thường tại Định, không lúc nào chẳng Định, cho đến gió động nổi bụi mây bay mưa đổ thảy đều ở tại Định". Phó Đại sĩ nói là: "Muốn học các Tam-muội, quẩy Động chẳng tại Thiền, Tâm theo dòng cảnh giới, thế nào gọi là Định". Đây mới là Chân trí bất động vậy". Vua bảo: "Phải". Mọi người đều đứng dậy tác lễ tạ ân và xuống khỏi điện. Sư lại bước vào tâu rằng: "Ngày mồng 02 tháng 08 năm trước, thần tâu bày đối lục và kệ tụng của bảy Đức Phật. Có Pháp sư - người nước Nhật Bản hỏi Đạo Lục, ba ngày trước cùng từng kính dâng". Vua bảo: "Đã xem được vài bản còn chưa xong". Sư lại tâu: "Kệ tụng của bảy Đức Phật, mùa Đông năm trước, nhân Thẩm giới thượng thư hỏi: "Kệ tụng của Đức Phật thứ ba là Tỳ-xá-phù nói rằng: "Vay mượn bốn đại lấy làm thân, tâm vốn vô sinh, nhân cảnh có, cảnh trước nếu không, tâm cũng không, tội phước như huyễn khởi cũng diệt". Vua bảo: "Kia hỏi thế nào?" Sư tâu: Với câu "cảnh trước nếu không, tâm cũng không". Đến đó, thẩm giới bỗng sinh nghi ngờ, bèn hỏi "nghĩa là thế nào?" Thần bèn đáp: "Lúc chưa có Thượng thư gọi gì làm cảnh? Tâm cảnh đều không là cái gì?" Hắn im lặng như có khế hợp chứng đắc". Vua bảo: "Ngày gần đây đối với bốn biển, trẫm chẳng vì xử nhiều, riêng được một chuyển ngữ rằng: "Gương sáng tuyệt mảy trần". Sư tâu: "Thần cảm đội Thánh huấn". Rồi tạ ân và xuống khỏi điện.

25. Thiền sư Tử Giao (Văn?) ở Hồng phước.

Thiền sư Tử Giao (Văn?) ở Hồng phước tại Đài châu, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng mê mờ chẳng rơi lạc làm sao hiểu? Hiểu được y như trước rơi lạc Dã hồ. Một đêm gió mát sinh vẽ sừng. Đầy thuyền trăng sáng nổi sông hồ.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 28
(Hết)

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 29

MỤC LỤC

6. Thiền sư Pháp Thuận ở Bạch dương
7. Thiền sư Pháp Như ở Vân cư
8. Thiền sư Chánh Hiền ở Quy tông
9. Thiền sư Minh Biện ở Đạo tràng
10. Thiền sư Thâm ở Phương quảng
11. Thủ tòa Thế Kỳ ở Thành đô
12. Thiền sư Ni Huệ Ôn ở Tịnh cư
13. Cấp sự Phùng Tiếp (mười ba vị hiện có ghi lục)
14. Thiền sư Viên ở Vân cư
15. Thiền sư Tổ ở Vân cư
16. Thiền sư Đạo Phương ở Tam Thánh
17. Am Chủ Tịch
18. Thiền sư Cật ở Tam giác
19. Thiền sư Chân Thướng ở Tam Thánh
20. Thị giả Biện
21. Thiền sư Thế Kỳ ở Thạch Phật tại Việt châu (tám vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo Ninh ở Khai phước, có một vị:

1. Thiền sư Thiện Quả ở Đại quy (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Huy ở Tự đắc, có bốn vị:

1. Thiền sư Đức Vân ở Tuyết đậu
2. Thiền sư Sùng Kiên ở Trượng tích
3. Thiền sư Tuệ Tộ ở Hoa tạng
4. Thiền sư Hoán ở Tuyết đậu (bốn vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cung ở Thạch song - Thụy nham, có hai vị:

1. Thiền sư Trọng Kiểu ở Tịnh từ
2. Thiền sư Bích ở Tịnh Từ (hai vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trí ở Đại quy, có bốn vị:

1. Thiền sư Trừng ở Vân cái
2. Thiền sư Năng ở Thạch sương
3. Thiền sư Nhập ở Thác nhạc
4. Cư sĩ Trần Dữ Nghĩa (bốn vị hiện không ghi lục).

ĐỆ TỬ NỐI DÕI DÒNG PHÁP THIỀN SƯ CẦN Ở THÁI BÌNH

1. Thiền sư Tâm Tạo ở Văn Thù.

Thiền sư Tâm Tạo ở Văn Thù tại phủ Thường đức, vốn người dòng họ Từ ở My châu. Năm ba mươi tuổi được độ làm Tăng, Sư đến kinh đô tập học Duy thức, tự lấy làm chí quyết. Có người cùng ở chung phòng nhà cật vấn rằng: "Tam giới Duy tâm, vạn pháp Duy thức. Nay muôn tượng tung hoành trước mắt, tâm thức an đặt tại nơi nào?" Sư mịt mờ không trả lời được, bèn ra quan ải chu du khắp Giang hoài. Khi đã đến Thái bình ở Thư châu, nhân ban đêm tiểu tham, Sư nghe Thiền sư Cần - Phật Giám nêu cử câu thoại cây bách của Triệu Châu, đến Giác Công mỏ sắc bảo là "Tiên sư không nói lời này, chớ phỉ báng Tiên sư tốt lành". Nhân đó mọi mối nghi lớn dâng xốc đã lâu, chỉ một đêm tiêu mất, Sư đi thẳng đến phương trượng định thuật bày sở ngộ. Từ xa thấy Sư lại, Thiền sư Cần bèn đóng bít cửa. Sư thưa: "Hòa thượng chớ lừa dối tôi". Thiền sư Cần bảo: "Mười phương không tường vách, sao chẳng vào cửa lại". Sư đưa đấm đánh phá lá chắn cửa sổ. Thiền sư Cần liền mở cửa, kéo Sư dừng và bảo: "Nói, nói". Sư đưa hai tay bưng lấy đầu Thiền sư Cần làm tướng lỗ miệng khạc nhổ mà đi ra, và bèn trình kệ tụng rằng: "Triệu Châu có câu thoại cây bách, thiền khách cùng truyền khắp thiên hạ, phần nhiều là hái lá và tìm cành, chẳng thể hướng thẳng hiểu cội nguồn. Giác Công nói đạo không lời ấy, chính là tiếng ác chửi thẳng mặt. Thiền nhân nếu đủ mắt nhìn khắp, khéo hướng trong đây biện giả chân". Thiền sư Cần rất bằng lòng đó, thường đối trước khách ngợi khen Sư.

Về sau, bảo Sư phân tòa, Tương Thú thỉnh mời Sư khai đường giảng pháp tại Thiên ninh, sau đó không bao lâu đề cử riêng đến ở Văn Thù. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sư tử nhăn mày, tượng vương gầm hét, Vân Môn ẩn thân trong Bắc đẩu. Bạch Vân nhân gì gọi làm tay, chư Phật ba đời không thể biết. Hồ nô bạch cổ tức biết có. Hay nói làm sao sống là việc kia biết có? Mưa đánh hoa lê con bướm bay, gió thổi tông liễu lòng cầu chạy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy chỉ thẳng lên và bảo: "Nghĩ gì lúc đâm phá mu chân Kiều Thi Ca?" Sư gõ xuống một cái tiếp bảo: "Nghĩ gì lúc gõ nát đảnh cốt vua Diêm Ma?" Sư mới chỉ về bờ phía Đông tiếp bảo: "Nghĩ gì lúc xuyên qua tròng mắt cá chép ở biển Đông?" Sư lại chỉ về phía Tây, tiếp bảo: "Nghĩ gì lúc bít ngay lỗ mũi Tây vương mẫu? Hãy nói tất cả chẳng nghĩ gì, lúc ấy như thế nào? Năm nay nước mưa nhiều mỗi nên từng hong

phơi mắt".

Đến đầu niên hiệu Tuyên Hòa (1119) thời Bắc Tống, vua Huy Tông (Triệu Cát 1101-1126) ban sắc chiếu cải đổi Tăng sĩ thành Đức sĩ. Lên giảng đường, Sư bảo: "Việc ý Tổ Tây vức lại, ngày nay đặt đất mới, xưa làm tướng Tỳ-kheo, nay làm hình Lão quân, lông hạc đắp áo bạc, đầu trùm khăn lá chuối. Khách suối rừng vô sự, hai lần nhận ân vua. Do đó nói muốn biết nghĩa Phật tánh phải quán xét thời tiết nhân duyên. Hãy nói ngay nay đây là thời tiết gì? Tỳ-lô-giá-na trên đảnh đội Bảo quan vì hiển bày trong chân có tục. Lão già Văn Thù (Tâm Đạo) thân mặc áo lông hạc tạm cần cúi thuận thời nghi. Một người đã vậy, mọi người cũng vậy. Mọi người thành lập tùng lâm, mừng được các tiên tụ hội, cùng rót rượu mê tiên, đồng xướng từ Bộ Hư, hoặc xem kinh Linh Bảo độ người, hoặc nói thuốc trường sinh bất tử, khảy đàn dưới trăng, chỉ đầu mối phát âm xưa cổ, cờ bày trước hiên, khéo đặt ra ngoài Thần cơ, tiến tới một bước bèn đến trên trời Đại La, thối lùi một bước tức vào trong thành Cửu u, chỉ như một câu chẳng tiến chẳng lùi lại làm sao sống? Nói. Ngay như lông cánh hóa đường Tam, trọn là một thân giả huyễn luân hồi". Đến tháng chín năm Tuyên Hòa thứ hai (1120) thời Bắc Tống, phục hồi lại Tăng sĩ. Lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng treo áo ruộng mặc áo lông, hình tướng Lão quân hơi thích nghi, một năm rưỡi trong nhân tư tưởng, đại để Hưng suy mỗi có thời, Đức Phật Như Lai chúng ta dự ghi lời giáo pháp đến lúc có nạn, trong giáo điển ghi rõ không ai chẳng hay biết, so lường niên đại chánh tại lúc này, ma được tiện lợi hoặc loạn chánh Tông, Tăng đổi hình tục, Phật thy danh tự, vọng sinh tà giải gọt vót kinh văn. Nao Bạt ngừng âm chén bát thêm đủ, lắm ban lừa dối khinh thường Thánh quân. Nhờ Hoàng đế bệ hạ chúng ta Thánh đức Thánh minh, chẳng quên phó chúc, chẳng phế giáo pháp ấy, đặc biệt ban sắc Thần Chương phân hành thiên hạ. Bèn hứa cho Tăng Ni đổi mới lại đắp mặc pháp phục. Thật đáng gọi là tro lạnh trở lại rực cháy, cây khô lại đâm chồi tốt tươi, chẳng lìa hình tục mà làm hình Tăng, chẳng ra cõi ma mà vào cảnh Phật, khua vang lại trống pháp, chỉnh sửa mối giềng, rượu mê tiên rót biến làm Quỳnh tương cam lồ, giẫm lạm hư từ phiên lạm lại Hương khúc tử, buông câ bạc xuống nắm dậy Ni sư đàn. Hôm qua cúi đầu chống nắm tay, ngày nay quy mạng chẳng xét, chỉ đổi tướng thời xưa, không thay người thời cũ. Dám hỏi cùng đại chúng người thời xưa là một hay là hai?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Gió thu cũng hiểu ghét lộn xộn, thổi hết tro đạo giáo trong năm".

Đến mùa xuân năm Kiến Viêm thứ ba (?) thời Nam Tống, nhân chỉ dạy đại chúng, Sư nêu cử nhân duyên Lâm Tế sắp thị tịch căn dặn Tam Thánh rồi Sư bảo: “Chánh pháp nhãn tạng mù diệt, Lâm Tế nào từng có phải nói. Người thời xưa nay đều vọng truyền. Chẳng tin chỉ nhìn ba tháng sau”. Đến tháng ba nhuận, giặc chung cùng làm phản, đại chúng muốn đưa Sư chạy đến phương Nam, Sư bảo: “Học đạo do vì rõ sinh tử, sao phải trốn lánh đó?” Giặc đến, Sư bảo: “Mau được giết chết để khoái lòng các ngươi”. Giặc liền dất cây dáo dài chém giết Sư, máu đổ đều hóa thành sữa trắng, giặc kinh sợ lấy chiếu che đậy lại mà bỏ đi.

2. Thiền sư Tri Bính ở Nam hoa.

Thiền sư Tri Bính ở Nam hoa tại Thiều châu, vốn người ở Vĩnh khương đất Thục. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Việc này rất hy hữu kỳ đặc, chẳng ngại đương đầu nói, Đông gần ruộng nhà ông, theo sắp được một cọc, chẳng chỉ xỏ sắc, cũng là ứng thời tiết. Nếu hỏi là Tông gì? Tám chữ chẳng dính phết”. Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thường ngày nói, mỗi lúc cử, tợ đất chống núi là bao nhiêu, anh vũ Lũng tây được người gần, đại để chỉ vì hay biết nói, thôi nghĩ suy dính trệ bè bạn, người trí nhờ nghe mạnh dất lấy, lại có một bạn cũng rất kỳ, mèo con riêng biết bắt chuột già”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy quấy giữa khoảng không một cái, bảo: “Khuấy sông dài làm Tô lạc, tôm cua còn tự mắt trít ghèn”. Sư gõ cây gậy xuống một cái tiếp bảo: “Biến đại địa làm vàng ròng, cùng trời như trước sức cốt đỏ, vì lại tự mình không phần vì lại chẳng chịu nhận lấy. Trong đó có thể có kẻ mang đội đi được, ít nhiều người mất tiền mắc tội”. Sư lại gõ cây gậy xuống một cái tiếp bảo: “Có hiểu chăng? Đến núi báu cũng phải mở mắt, chớ khiến bộn rộn tay không về”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Sắc xuân rực rỡ hoa đua nở, Tứ Duy hót lạc trăng núi Tây, Kiều-phạm-bát-đề thè dài lưỡi, đến việc rõ ràng nói cùng ai? Sư nghẹn hơi. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mê chẳng tự mê, đối ngộ lập mê, ngộ không tự ngộ, nhân mê nói ngộ. Do đó, ngộ là thể của mê, mê là dụng của ngộ, mê ngộ cả hai đều không theo, trong ấy không riêng chung, không riêng chung đánh chẳng động. Tổ sư không đem lại. Lỗ mũi nặng ngàn cân”.

3. Thiền sư Trí Tài ở Long nha.

Thiền sư Trí Tài ở Long nha tại Đàm châu, vốn người dòng họ Thi ở Thư châu. Sư sớm nương tựa chuyên cần nơi pháp tịch của Thiền sư Cần - Phật Giám, trong mọi công việc, sư chẳng từ khó khổ, tiếng

tăm đã vang vọng khắp chốn tùng lâm, và lúc du phương, gần chiều tối, Sư mới đến Hoàng Long, vừa lúc Thiền sư Tử Tam đang đứng ở Tam môn, hỏi Sư từ đâu lại, đã vang danh thì biết Thái bình ở Thư châu là do Sư làm trang chủ vậy. Ngày hôm sau vào thất, Thiền sư Tử Tâm hỏi: "Hiểu được câu đầu tiên tức hiểu được câu cuối cùng, hiểu được câu cuối cùng tức hiểu được câu đầu tiên. Câu đầu tiên và cuối cùng nắm bỏ một bên, còn câu thoại Dã hồ của Bách Trượng, làm sao sống hiểu?" Sư đáp: "Vào cửa để biết lại thấy hiểu, sao lại phải cử đất bùn trong chẹt nghiến?" Thiền sư Tử Tâm bảo: "Tân Trưởng lão chết ở trong tay Thượng tọa vậy". Sư nói: "Ngữ ngôn tuy có khác, chỉ lý lại không sai". Thiền sư Tử Tâm hỏi: "Thế nào là việc không sai?" Sư đáp: "Chẳng gõ sừng Hoàng Long sao biết châu ngọc dưới cằm?" Thiền sư Tử Tâm bèn đánh.

Mới đầu ở Nhạc lộc, ngày khai đường giảng pháp, có vị Tăng hỏi: "Đức Sơn thì đánh gậy, Lâm Tế thì quát hét, ngày nay xin Sư vì chọn lọc lấy?" Sư đáp: "Tô rô, tô rô". Lại hỏi: "Tô rô tô rô lại có đại ý từ Tây vức lại chăng?" Sư đáp: "Tô rô, tô rô". Do đó khắp chốn tùng lâm xưng gọi Sư là Tài Tô rô. Về sau, Sư chuyển dời đến Long nha, nhân lúc Khâm Tông Hoàng đế (Triệu Hoàng) lên ngôi (1126). Các Quan liêu thỉnh mời Sư lên giảng đường, cầu chúc Thánh thọ xong, Sư đến tòa ngồi. Nắm cây gậy gõ xuống một cái Sư bảo: "Trong sớ triều tấu nói cảnh sâu xưa nay, trường diệu của chư Phật. Vừa rồi cây gậy đã vì các người nói xong vậy. Ngay đó nên tỏ ngộ đi, Lý không gì chẳng hiểu, Sư không gì chẳng khắp. Nếu chưa được vậy thì không khỏi riêng thông cái tin tức. Mắt Nhật Thuấn tỏ sáng lại, bốn biển lắng trong, khắp trời khí hòa, ca nhạc thăng bình, cây gậy Diên Tường sinh hoan hỷ, ném đất núi gọi tiếng muôn năm". Xong, Sư ném cây gậy và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư khảy móng tay một cái, bảo: "Khảy móng tay viên thành tám vạn môn, trong một sát-na tức ba A-tăng-kỳ kiếp. Nếu cũng thấy được đi được, khỏe mạnh tức kinh hành, nhọc mệt tức thôi nghĩ. Nếu cũng chẳng hiểu, lại là con lô từ khiêng con ba ba". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Nhân lúc tiểu tham, Hòa thượng Tử Tâm bảo: "Nếu luận việc này như người trong nhà có ba đứa con: Đứa thứ nhất thông minh trí tuệ, hiếu dưỡng cha mẹ, tiếp đãi mọi người qua lại, trông coi tất cả gia nghiệp. Đứa thứ nhì ngu dốt ngông cuồng, tham dâm, ham thích rượu chè, ngã lộn ngoài đường nằm lăn ngỏ hẻm, phá hoại gia nghiệp. Đứa thứ ba mù điếc câm ngọng, thóc đậu không biết phân rành, việc ấy chẳng hay, chỉ biết ăn cơm. Trong ba đứa con

ấy, Hoàng Long cần chọn lấy một để dùng. Lại có bốn câu: Trong chết có sống, trong sống có chết, trong chết thường chết, trong sống thường sống. Đem bốn câu ấy kiểm nghiệm tất cả nạp Tăng trong thiên hạ". Sư bảo: "Gọi gì làm bốn câu? Ba đứa con họ nào? Tên ai? Nếu cũng biết được cùng Hoàng Long nắm tay đều đi, lại không mảy may cách ngăn. Còn chưa được vậy thì không khỏi mượn nước dâng hoa đi vậy. Ba người chung thể, dụng chẳng phải dụng, bốn câu đồng âm, không chẳng không. Muốn biết ba người và bốn câu. Quạ vàng mới ra một đoàn hồng".

Sư ở Long nha suốt mười ba năm, lấy sự khổ mà tới với đại chúng nên các hàng nạp Tử đều kính sợ. Đại sư Tịch Công Chấn chuyển dời đến ở Vân khê trải qua bốn năm. Đến ngày 15 tháng 08 năm Mậu ngọ (1138) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tông, bỗng nhiên Sư nhóm tập đại chúng, phân giao việc chùa, và Sư bèn viết bài kệ tụng rằng: "Ngày giữa thu năm Mậu ngọ, xuất gia việc trú trì xong, sắp đi chính mình còn không. Có nào hư không tìm được". Và Sư dạy răn vẫn như thường lệ. Đến ngày hai mươi ba, Sư lại nhóm tập đại chúng và chỉ dạy, Sư hỏi: "Niết-bàn và sinh tử đều là hoa đốm giữa hư không, Phật và chúng sinh đều là lời nói thêm. Các người hợp làm gì sống?" Đại chúng, mỗi vị mở lời đều không thể hợp. Sư bèn hét một tiếng và bảo: "Khổ, khổ". Và Sư lại bảo: "Mây trắng từ đất vọt lên, trăng sáng ngay giữa trời". Nói xong, Sư an nhiên mà thị tịch, trà tỳ xong thâu nhặt xá-lợi năm sắc và linh cốt, dựng tháp an táng tại góc Tây bắc của chùa.

4. Thiền sư Khanh ở Bồng lai.

Thiền sư Khanh ở Bồng lai tại Minh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Câu có câu không như dây leo nương tựa cây, tạm mặc tình các phương chấm đầu, kịp đến lúc cây đổ ngã dây leo khô. Trên không kế xung lên trời, dưới chẳng mưu xuống đất, gã lanh lợi đến trong đó đặt dán được ngay một mắt, bèn thấy bảy ngang tám dọc". Sư nắm cây phất trần lên, tiếp bảo: "Nhìn nhìn một khúc hai khúc không người hiểu, qua đêm mưa đường mùa thu nước ngập sâu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong tiếng chim quyên sắc xuân muộn, khắp đất hoa rơi cầm chẳng dừng. Trên điện lưu ly dứt vết đi. Ai người cắm được cây không rễ?" Sư nâng cây gậy lên, tiếp bảo: "Cái này là không rễ đến cùng. Hãy nói có biết nở hoa hay không?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chỉ nhân liền đêm mưa, lại qua xuân một năm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Pháp nhãn bảo: "Biết được cái ghế vây quanh có thừa", Vân môn

nói: “Biết được cái ghế, đất trời cách biệt”. Sư bảo: “Hai Lão nhân ấy, một người hướng đến trên đảnh núi cao đứng, một người hướng đến đáy biển sâu đi. Tuy là như vậy, nhưng một chẳng phải mà hai chẳng thành. Hoa rơi trong dòng nước oanh hót, sân rỗng mưa ngưng gần nửa đêm, mảnh trăng lại từ đáy biển sinh”.

5. Thiền sư Thủ Tuân ở Hà sơn.

Thiền sư Thủ Tuân - Phật Đăng ở Hà sơn, tại An cát châu, vốn người dòng họ Thí ở quận chi. Sư đến dự tham nơi Thiền sư Anh ở Quảng giám mà không khế ngộ, bèn đến Thái bình theo chúng thỉnh hỏi, lại càng xa tít không chỗ vào. Sư mới phong gói cái chăn của mình và tự nói: “Đời này nếu chẳng thấu triệt đi thề chẳng mở ra đây”. Từ đó, ngày ngồi đêm đứng như Sư đang chịu tang cha mẹ. Qua bốn mươi chín ngày, bỗng nhiên gặp lúc Thiền sư Cần - Phật Giám lên giảng đường chỉ dạy: “Sum-la và vạn tượng, chỗ in ấn của một pháp”. Nghe thế, Sư chóng tỏ ngộ, bèn đến tỏ bày cùng Thiền sư Cần. Thiền sư Cần bảo: “Thật đáng tiếc một viên minh châu bị gã phong điên này lượm nhặt được!” Và mới cật hỏi Sư rằng: “Linh Vân nói: “Từ sau một lần thấy hoa đào, thẳng đến ngày nay trọn không nghi”. Thế nào là nơi Linh Vân không nghi?” Sư đáp: “Chớ nói Linh Vân không nghi, chỉ nay tìm cái nơi nghi trọn không thể được”. Thiền sư Cần lại hỏi: “Huyền Sa nói: “Chính xác, rất chính xác, dám bảo đảm Lão huynh chưa nơi thấu triệt”. Nào là nơi kia chưa thấu triệt?” Sư đáp: “Rất biết tâm từ của Hòa thượng rất tha thiết”. Thiền sư Cần mặc nhiên đó. Sư bèn lễ bái đứng dậy trình bày kệ tụng rằng: “Trọn ngày nhìn trời chẳng ngẩng đầu, hoa đào đỏ rực mới nâng tròng ngươi. Tha ông lại có lưới ngăn trời, thấu được Lao quan bèn nghỉ thôi”. Thiền sư Cần bèn căn dặn khuyên nên giữ gìn đó. Đêm đó, Thiền sư Cần lại gắn tiếng bảo cùng đại chúng: “Hồi nãy Thượng tọa Tuân ẩn ngủ đi vậy”. Thiền sư Viên Ngộ nghe thế, nghi ngờ Sư chưa được vậy, mới bảo: “Ta cần phải khám xét qua mới được”. Bèn sai người gọi Sư đến, nhân cùng du sơn, chợt đến một đầm nước, Thiền sư Viên Ngộ xô đẩy Sư xuống nước và vội hỏi: “Lúc Ngưu Đầu chưa thấy gặp Tứ Tổ thì như thế nào?” Sư đáp: “Đầm sâu cá nhóm tụ”. Lại hỏi: “Sau khi đã thấy gặp thì thế nào?” Sư đáp: “Cây cao vẫy gió”. Lại hỏi: “Lúc thấy cùng không thấy thì thế nào?” Sư đáp: “Duỗi cẳng chân ở trong cẳng chân thẳng”. Thiền sư Viên Ngộ rất ngợi khen đó. Lúc Thiền sư cần chuyển dời đến Tương sơn, bảo Sư phân tòa giảng pháp.

Sư ra hoằng hóa ở Hòa sơn tại Lô lăng, rồi lùi ẩn dật tại quê hương.

Các hàng đạo tục nghinh thỉnh Sư đến ở Thiên Thánh. Sau đó, Sư lại chuyển dời đến Hà sơn và Thiên ninh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chèn nghiến khóa ở núi búa, Phật tổ ra đầu chưa khinh cho. Giả sử Đề Hồ đầy thế gian, ông không bình báu làm sao lấy? A, ha, ha! Thần núi đanh lưới, Đạo ngô nhảy múa. Dưa ngọt suốt dãi đều ngọt, bầu đắng tận rễ cũng đắng". Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Bà Tử đốt am, xong Sư bảo: "Phàm phù Tông lập giáo phải là người ấy. Các ông nhìn Bà Tư kia tuy là một nữ nhân mà rất có khí phách trượng phu tác lược. Hai mươi năm hao dầu tốn dấm hẳn là khá biết, một ngày hướng đến đầu sao trăm thước làm cái thất lạc, ngay như được dùng hết khí lực đầu cổ tay lúc bình sinh, tự chẳng phải cái tài tục biết cơ, kịp chăng khéo giỏi hết vụng về ra. Tuy là như vậy, các người cần hiểu chăng? Sau tuyết phủ mới biết tiết tháo của tùng bách, việc khó mới thấy tâm Trượng phu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Như Lai thiền, Tổ sư đạo, rất kỵ đem tâm ra bên ngoài tìm xét. Từ cửa sở đắc tức chẳng phải trân quý, đặt đất chôn giấu vật báu trong áo, nhà thiền lưu truyền phải kịp đánh động then chốt cửa ải Tổ sư. Phấn phát nhiều năm áo vải, phải quấy phỉ báng ngợi khen giao đó không, dọc rộng ngang dài lẫn lộn vừa đẹp, ông không thấy lão Hàn Sơn trọn ngày vui vui năm dài cầm chổi quét, người việc trong đó như thế nào? Vào ruộng hoang chẳng chọn thư tay nắm lại cỏ. Tham".

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là khách trong khách?" Sư đáp: "Khách đường như trời xa, đợi cửa tợ biển sâu". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong khách?" Sư đáp: "Lớn nhân nơi đưa khách, nhớ được lúc xa nhà". Lại hỏi: "Thế nào là khách trong chủ?" Sư đáp: "Cùng gặp chẳng hẳn hỏi tiến trình". Lại hỏi: "Thế nào là chủ trong chủ?" Sư đáp: "Một ngày nắm Tổ lệnh, ai là người ra đầu". Lại hỏi: "Khách chủ đã được sư chỉ dạy, còn hướng thượng Tông thừa việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Hướng thượng hỏi tương lai". Lại hỏi: "Thế nào là việc hướng thượng?" Sư đáp: "Biển lớn nếu biết đủ, trăm sông nên chảy ngược dòng". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Thượng tọa Tuân ba mươi năm học được đến cùng". Sư từng bảo cùng đại chúng rằng: "Huynh đệ nếu có chỗ tỉnh ngộ, chẳng câu nệ thời tiết, xin lại nêu bày cái tin tức". Nhân đêm tuyết đổ, có vị Tăng đến gõ cửa phương trượng, Sư dậy nắm đuốc ra oai quát nạt bảo: "Tuyết sân nửa đêm mà cầu quyết trạch nghi tình, nhân gì oai nghi chẳng đầy đủ?" Vị Tăng ấy trông nhìn lại y phục ở tự thân, Sư xua đuổi ra khỏi viện. Sư từng bảo: "Tiên sư (Thiền sư Cần) chỉ năm mươi chín tuổi, tôi nay đã năm mươi sáu tuổi vậy, những ngày còn lại không

nhiều".

Đến ngày mãn hạ giải chế năm Giáp dần (1134) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư trở lui ở Thiên ninh, bảo cùng Cư sĩ Trịch Tích ở Song hòe rằng: "Ngày mồng 08 tháng 10 là ngày húy ky Tiên sư Cần - Phật Giám, và cũng chính là lúc thời hạn Tôi đã đến vậy, xin trở về Chương nam". Đến ngày mồng 04 tháng 10, Trịch Tích sai người em là Sa-môn Đạo Như đến thăm hỏi Sư. Sư bảo: "Ông đến chánh phải thời vậy. Trước một ngày không nhằm tiện, sau một ngày lầm quá lắm. Tôi tuy cùng Phật Giám đồng điều sinh mà trọn chẳng đồng điều chết. Sáng sớm mai có thể vì tôi tìm một chiếc thuyền con". Sa-môn Đạo Như hỏi: "Cần dài bao nhiêu, cao bao nhiêu?" Sư đáp: "Cao năm thước". Qua ba ngày sau, vào lúc gà gáy, Sư ngồi ngay thẳng như lúc bình thường. Thị giả xin Sư lưu lại kệ tụng. Sư bảo: "Chẳng từng làm được". Nói xong, Sư bèn thị tịch. Sau khi trà tỳ mà chiếc lưỡi không rã hoại. Có Trần Sư Nhan là người trong quận dùng hộp báu đem đựng cất giấu ở nhà. Môn nhân đệ tử nghinh phụng linh cốt Sư đến dựng tháp an táng bên cạnh viện Phổ ứng.

6. Thiền sư Trạch minh ở Lặc đàm.

Thiền sư Trạch minh ở Lặc đàm tại phủ Long hưng, có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử nhân duyên Triệu châu phỏng hỏi Thù Du tìm nước, rồi Sư bảo: "Lão Triệu mây cuộn sơn nhạc bày, Thù Du mưa qua gió trúc trong, nhà ai quán riêng trong đường Hồ, một đôi uyên ương họa chẳng thành". Sư lại nêu cử câu thoại Đức Sơn phó thác bình bát, rồi Sư bảo: "Từ trước lại nay nhà giàu trẻ con đẹp, riêng đến đầu sông đùa họa cong, dẫn được Lão Da nắm chẳng dừng. Lại đến trên thuyền giúp về ca". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vĩnh Gia nói: "Một vầng trăng hiện khắp các dòng nước, ánh trăng trong khắp các dòng nước đều nhiếp trong một vầng trăng". Sư dựng đứng phất trần và bảo: "Nhìn nhìn ngàn sông đua nhau chảy, muôn mạch tranh nhau đổ. Nếu cũng tốt lành đi thuyền bèn rõ mạch nước, có thể vui đùa tánh biển, cười nhởn khói sóng. Nếu chưa được vậy, hãy về dưới rừng ngồi yên đợi lúc trăng lên".

7. Thiền sư Bản ở Bảo tạng.

Thiền sư Bản ở Bảo tạng tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiết minh đã qua hơn mười ngày, mưa hoa lan san tấc vuông sâu, sắc xuân phiền người ngủ không được, Hoàng Ly bay qua Dương biếc râm". Rồi Sư bèn cười lớn và xuống khỏi tòa.

8. Thiền sư Hải ở Đại trung Tường phù.

Thiền sư Hải ở Đại trung Tường phù tại Cát châu. Mới đầu, Sư đến thấy gặp Thiền sư Cần - Phật Giám. Thiền sư Cần hỏi: "Chư Phật ba đời một miệng nuốt hết, nơi nào lại có chúng sinh có thể giáo hóa? Lý ấy như thế nào?" Sư định tiến tới đáp. Thiền sư Cần bèn quát hét, bỗng nhiên Sư lãnh ngộ ý chỉ, thuật kệ tụng rằng: "Thật tế xưa nay chẳng mảy trần, trong ấy không cũ cũng không mới. Núi xanh huống là vật nhà tôi, chẳng dùng tìm nhà riêng hỏi bến". Thiền sư Cần bảo: "Tha cho một trứ". Sư lễ bái mà lui ra.

9. Thiền sư Liễu Xán ở Tịnh chúng.

Thiền sư Liễu Xán - Phật Chân ở Tịnh chúng tại Chương châu, vốn người dòng họ La ở Tuyền nam. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mồng chín tháng chín hoa cúc nở, một câu rành rành bày xưa nay, lạc đà Dương Quảng không nơi tìm. Đêm lại dấu chân ở tùng lâm".

10. Thiền sư Hải ở Cốc sơn.

Thiền sư Hải ở Cốc sơn tại phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một nêu cử không nói lại đã rơi lạc vài ba, cùng thấy chẳng nhướng mày vụt thành tạo tác. Giả sử động dây đán khúc nhạc khác, báo đi biết lại, thấy bóng roi bèn đi, ngóng đầu sào về đi, dưới cẳng chân khéo cho ba mươi gậy. Nào kham lại đến trong đó, dúm mài lửa đá gom bắt chớp sáng, công phu uổng dùng lẫn lộn nhàn sự, cười đổ nhã Lão Hồ mắt biếc từ Tây vức lại". Song Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VIỄN - PHẬT NHÃN Ở LONG MÔN

1. Thiền sư Sĩ Khuê ở Long tường.

Thiền sư Sĩ Khuê ở Trúc am - Long tường tại Ôn châu, vốn người dòng họ Sử ở Thành đô. Mới đầu, Sư đến nương tựa Thiền sư Tông Nhã ở Đại từ, tâm ý say sưa với kinh Lăng Nghiêm qua hơn năm năm, rồi theo phương Nam vân du đến bái yết các bậc Tôn túc. Mới đầu, lúc đến Long môn, Sư đem sở đắc của chính mình tỏ bày cùng Thiền sư Viễn - Phật Nhãn. Thiền sư Viễn bảo: "Ông hiểu rõ tâm đã đạt cùng cực, chỉ khuyết thiếu dốc sức mở mắt vậy", bèn bảo Sư giữ chức Đường ty. Một ngày nọ đang đứng hầu, Sư hỏi: "Lúc dứt tuyệt đối đãi thì như thế nào?" Thiền sư Viễn đáp: "Như ông ở trong Tăng đường Bạch chùy tương tợ". Sư bèn mờ mịt. Tới chiều tối, Thiền sư viễn đến nơi Đường ty, Sư bèn lý giải câu thoại trước. Thiền sư Viễn bảo: "Nói năng trống rỗng". Ngay lời nói đó, bỗng nhiên Sư đại ngộ.

Khoảng cuối niên hiệu Chánh Hòa (1111) thời Bắc Tống, Sư ra hoằng hóa đến ở Thiên ninh tại Hòa châu, và luôn luôn chuyển đổi đến các chùa danh tiếng. Đến trong khoảng niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Sư vâng phụng sắc chiếu đến khai Năng nhân ở Nhạn đảng. Bấy giờ Thiền sư Chân Hiết đang ở tại Giang tâm nghe Sư đến, sợ duyên pháp chưa chín mùi, đặc biệt qua sông nghinh đón sư về nơi phương trượng, bày lớn cửu bái để dẫn dụ dân chúng ở Ôn châu. Từ đó hợp nhiên quy kính. Chưa thấy Ấn triệu nên đồ chúng ấy sợ hành quy pháp, nửa đêm khuya phóng lửa vốc làm đống ngói gạch, cuối cùng Sư đến dựng buộc thất. Có lúc lên giảng tòa, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Mến nhàn chẳng đánh trống Cổ sơn, về già lại nhìn núi Nhạn đảng, gác đẹp lầu cao lẫn chẳng thấy, bên khe am tranh vài ba gian. Lại có người nào cùng chung ra tay chăng?" Rồi Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa. Các đàn việt đến nghe pháp đều dốc sức tạo dựng, không bao lâu bèn thành một Bảo phường.

Tiếp bổ nhậm Sư đến ở Giang tâm, lên giảng đường, Sư bảo: "Muôn năm một niệm, một niệm muôn năm, nhuốm áo đất trong trục, rửa chân lên giường ngủ. Nhiều kiếp đến nay mọi việc chỉ như ở nay, biển lớn sóng cả vỗ, người nhỏ tấc vuông sâu". Sư nắm cây gậy lên, tiếp bảo: "Các người chưa được cái đầu vào, phải được cái đầu vào, đã được cái đầu vào, phải có một đường xuất thân mới được, đại chúng hãy làm sao sống là một đường xuất thân?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tuyết đè khó đẩy tùng đáy khe, gió thổi khó động trăng bên trời". Rồi, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Muôn cơ chẳng đến, mắt thấy sắc tai nghe , một câu đáng xiển dương, đầu đội trời chân đạp đất. Các người chỉ biết ngày nay là mồng 01 tháng 05, rất không biết nửa đêm quạ vàng bận rộn bay, thỏ ngọc trời sáng lên từ biển Đông". Xong, Sư nắm cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rành rành không ngộ, có pháp tức mê, các người đến trong đó lập không được. Các người đến trong đó đứng không được. Nếu lập thì hiểm nguy, nếu đứng thì mù lòa. Ngay phải ý chẳng dừng huyền, câu không dừng ý, dùng chẳng dừng có. Ba cái này đã rõ, tất cả mọi nơi chẳng phải quản trệ, tự nhiên hiện tiền, chẳng phải soi chiếu lại, tự nhiên sáng tỏ. Tuy là như vậy, lại phải có việc hướng thượng, mưa lâu chẳng tạnh. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một chiếc lá rơi thiên hạ đang vào thu, muốn mắt nhìn tận cùng ngàn dặm, lại phải lên một tầng lầu". Một mảy trần nổi, đại địa gom thâu, Gia châu đánh voi lớn, Thiểm phủ rưới trâu

sắt, gã sáng mắt hợp nên làm gì sống?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Nắng hạn lâu câu đầu rèm cầu nước chẳng chảy". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tánh thấy lúc thấy, thấy chẳng phải thấy, thấy còn lìa thấy, thấy không thể kịp. Hoa rơi có ý theo nước chảy, nước chảy vô tình mến hoa rơi. Các người có thể trở lại tự nhiên không phải là các ông. Chẳng phải các ông trở lại vậy thì ai? Hận dài xuân về không nơi tìm, chẳng biết chuyển vào lại trong đây?" Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Ba mươi năm sau chớ nói Đức Năng Nhân dạy phá hoại trai gái nhà người".

Lại có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?" Sư đáp: "Nhà Đông đốt đèn, nhà Tây ngồi tối". Lại hỏi: "Chưa xét rõ ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Ngựa tiện móc yên, lừa tiện đẩy mài". Vị Tăng ấy lễ bái. Sư bảo: "Nạp Tử lanh lợi chỉ tiêu một cái". Và Sư bèn bảo: "Ngựa móc yên, lừa đầy mài, nạp Tử lanh lợi chỉ tiêu một cái, giả sử nhà Đông đốt đèn sáng, chưa hẳn nhà Tây ngồi trong tối, ý chỉ Tổ sư từ Tây vức lại, hỏi làm gì? Lắm miệng A Sư tự rước họa". Vị Tăng ấy lại hỏi: "Thế nào là Đệ nhất nghĩa?" Sư đáp: "Ông hỏi đến cùng là Đệ nhị nghĩa". Lại hỏi: "Con chó có Phật tánh hay không? Triệu Châu nói không. Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Một lần bị rắn cắn, sợ bị đứt dây giếng". Lại hỏi: "Yến tử đàm sâu thật tướng, khéo nói pháp yếu, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Chẳng bằng nhạn ngậm lan". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Quạ rùa nơi cửa động Hoa dương". Lại hỏi: "Lỗ tổ ngồi xoay mặt vách tường, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Kim mộc thủy hỏa thổ, sao la hầu, kế đô". Lại hỏi: "Câu có câu không, như lúc dây leo bám tựa cây là thế nào?" Sư đáp: "Làm giặc tâm người trống rỗng". Lại hỏi: "Quốc sư ba lần gọi Thị giả, lại làm sao sống?" Sư đáp: "Đánh trống khỉ múa, trống hư khỉ chạy".

Đến ngày 18 tháng 07 năm Bính dần (1146), Sư vời gọi môn nhân pháp thuộc, dặn dò Trưởng lão Tông Phạm, giao phó hậu sự. Qua ngày hôm sau, tắm gội xong, đánh chuông nhóm tập đại chúng, Sư đến tòa ngồi an nhiên mà thị tịch. Ngày trà tỳ, mọi người đưa tiễn đều có được xá-lợi, nghinh phụng linh cốt đến dựng tháp an táng tại Cổ sơn.

2. Thiền sư Thiện Ngộ ở Vân cư.

Thiền sư Thiện Ngộ ở Cao am - Vân cư tại Nam khương quân, vốn người dòng họ Lý ở Dương châu. Năm mười một tuổi, Sư giã từ gia đình thế tục, chuyên tập học kinh điển mà được độ. Sư vốn có túc tuệ, nghe Thiền sư Xung nêu cử nhân duyên vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550 thời

Nam Lương) hỏi Tổ sư Đạt-ma, mà Sư như nhặt lại được vật cũ, bèn nói: “Tôi đã rõ suốt, Thánh nào có đó?” Thiền sư Xung lấy làm lạ về lời nói ấy, khuyên Sư đến phương Nam tham phỏng. Sư được dự ghi tại Long môn. Một ngày nọ, có vị Tăng bị rắn cắn nơi chân, Thiền sư Viễn - Phật Nhãn bảo: “Đã là Long môn vì gì lại bị rắn cắn?” Sư liền ứng tiếng đáp: “Quả nhiên hiện tướng Đại nhân”. Thiền sư Viễn càng mến quý Sư. Về sau lưu truyền lời ấy đến Chiêu giác. Thiền sư Viên Ngộ bảo: “Ở Long môn có vị Tăng như vậy ư? Đạo pháp ở Đông sơn chưa vắng vẻ vậy”. Sư ở đó, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: “Thiếu lâm xoay mặt vách tường, trong lòng che giấu Đông độ Tây thiên, Âu phụ lên giảng đường sung đầy bít lấp bốn góc trên dưới. Đến nỗi khiến núi cao vời mà đều như lòng bàn tay bằng phẳng, nước tối tối mà thường tự trong. Hoa chẳng đẹp mà kết quả không, gió chẳng lay mà mảnh lá lung linh, người không pháp mà được dò hỏi, Phật không tâm mà lại có thể thành. Rau đồng cơm dạt kéo dài ngày, mặc tình tùy đạo tự linh, rốt cùng như thế nào? Nửa đêm đánh hiệu báo canh ba”.

3. Thiền sư Văn Liên ở Tây thiền.

Thiền sư Văn Liên ở Tây thiền tại phủ Toại ninh, vốn người dòng họ trương ở trong quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một hướng nghĩ gì đi, thẳng được đường Thánh phàm, tuyệt nước rỉ chẳng thông, rắn sắt đục chẳng vào, dùi sắt đánh không vỡ, đến như ngàn dặm muôn dặm chim bay chẳng qua. Một hướng nghĩ gì lại, chưa khỏi đầu tro mặt đất mang nước kéo bùn, xướng chín làm mười, chỉ nai làm ngựa, chẳng chỉ cô phụ tiên Thánh, cũng là vùi lấp tánh linh của chính mình. Dám hỏi cùng đại chúng hãy nói nghĩ gì đi đến tận cùng là phải? Nghĩ gì lại tận cùng là phải? Hoa thược dược nở mặt Bồ-tát, lá Tông lư rơi đầu Dạ-xoa”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Các phương mênh mông đàm huyền, mỗi ngày khua chuông đánh trống. Tây thiền đây không pháp gì khá nói, khám phá đèn lồng Lộ trụ. Trước cửa chẳng đặt đài xuống ngựa, khỏi bị người bên cạnh lại mượn đường. Nếu mượn đường phải trông nhìn dưới chân, nếu sâm sai Hàm Đan học đường bộ”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tâm sinh các thứ pháp sinh, sum-la vạn tượng dọc ngang, thư tay mang lại tiện dùng, mặt nhật sau giờ ngọ đến canh ba. Tâm diệt các thứ pháp diệt, tứ cú Bách Phi Tuyệt Đường, ngay như Đạt-ma xuất đầu, cũng là mạt vụn dính trong mắt. Tâm sinh tâm diệt là ai? Người gỗ dắt tay đồng về, về đến ruộng vườn quê cũ, còn gặp phải một dùi trên đảnh”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tháng giêng đầu xuân còn lạnh, ngay nơi đầu mối ngữ ngôn nắm lấy

lỗ mũi nạp Tăng, xỏ xuyên qua tim gan Phật tổ. Người biết có, Đạt-ma chẳng lại Đông độ, Nhị tổ chẳng đến Tây thiên. Người chẳng biết có, ai biết ngay mặt đạp qua, xa xôi mười vạn tám ngàn. Sơn Tăng lại vì các ông nói lời kệ tụng, đại chúng chớ bảo cô phụ, đầu xuân còn lạnh". Có vị Tăng hỏi: "Sư tử lúc chưa ra khỏi hang thì thế nào?" Sư đáp: "Nanh vuốt đã bày". Lại hỏi: "Sau khi đã ra khỏi hang thì thế nào?" Sư đáp: "Đầu rồng đuôi rắn". Lại hỏi: "Lúc ra và chưa ra thì thế nào?" Sư đáp: "Chánh khéo ăn gậy". Lại hỏi: "Lấy một lớp đi một lớp thì không hỏi. Còn lúc không lấy một lớp đi một lớp thì thế nào?" Sư đáp: "Xà-lê có lắm nhiều công phu".

4. Thiền sư Pháp Trung ở Hoàng long.

Thiền sư Pháp Trung ở Mục am - Hoàng long, tại phủ Long hưng, vốn người dòng họ Diêu ở Tứ minh. Năm mươi chín tuổi, khảo xét kinh điển mà được độ, Sư tập học Thai giáo, tỏ ngộ được yếu chỉ Nhất tâm tam quán, mà chưa thể dứt hết dấu vết. Sư dự tham khắp các bậc danh túc. Khi đến Long môn, trông nhìn nước mài xoay chuyển mà phát sáng tâm yếu, mới thuật kệ tụng rằng: "Chuyển đại pháp luân, trước mắt bao chung, lại hỏi thế nào, nước đẩy đá mài". Sư đem tỏ bày cùng Thiền sư Viễn - Phật Nhãn. Thiền sư Viễn hỏi: "Việc trong ấy, làm sao sống?" Sư đáp: "Dưới khe nước chảy dài". Thiền sư Viễn bảo: "Ta có câu cuối cùng đợi phân giao cho ông". Sư liền bít lỗ tai mà đi. Sau đến Lô sơn ở Đồng an, Sư tuyệt thực ngồi tịnh trong cây khô. Đến trong khoảng niên hiệu Tuyên Hòa (1119-1126) thời Bắc Tống, ở tương châu và Đàm châu gặp phải đại hạn nắng gắt, cầu đảo mà không ứng nghiệm. Sư nhảy vào vực sâu ao rồng mà kêu rằng: "Nghiệp làm súc sinh đáng phải mưa một thước". Mưa liền theo đến. Khi ở tại Nam nhạc, mỗi lần Sư cưỡi hổ đi ra, các Sa-môn Nho sĩ trông vẫy bụi mà kính bái. Sư dừng ở, lâu sau lên giảng đường Sư bảo: "Trương Công uống rượu Lý Công say, kỹ càng nghĩ suy chẳng thể lường, Lý Công say tỉnh hỏi Trương, vừa khiến Trương Công không hơi tốt, không hơi tốt chẳng như về nhà tạm yên ngủ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sáng nay giữa tháng giêng, có việc vì ông dứt, rất kỵ hai tròng mắt, bị lửa đèn kia kéo". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ta có một câu, chẳng tiếc miệng các Thánh, chẳng động đầu lưỡi ta, chẳng phải hơi tiếng hít thở, chẳng phải tình thức phân biệt, giả sử Tịnh Danh ngậm miệng ở Tỳ-da, Thích-ca đóng thất tại Ma-kiệt, rất tợ bít tai trộm linh, chưa khỏi có trời rò rỉ. Ngay như Đức Sơn có ai vào cửa liền đánh, Lâm Tế có ai vào cửa bèn hét, nếu đến dưới cửa mục am, kiểm điểm đem lại chỉ được một cọc, ngàn thứ

lời muôn thứ nói, chỉ cần dạy ông ở nhà hết, mặc tình đại địa hư không bảy lõm tám lồi".

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Chớ hướng bên ngoài tìm". Lại hỏi: "Thế nào là tâm?" Sư đáp: "Chớ hướng bên ngoài tìm". Lại hỏi: "Thế nào là đạo?" Sư đáp: "Chớ hướng bên ngoài xét". Lại hỏi: "Thế nào là thiền?" Sư đáp: "Chớ hướng bên ngoài truyền". Lại hỏi: "Rốt cùng như thế nào?" Sư đáp: "Tỉnh xứ Tát-bà-ha". Lại hỏi: "Đại chúng đã đến Pháp diên, xin sư cử xướng". Sư bèn dựng đứng cây phất trần". Lại hỏi: "Xin Sư lại duỗi bày phương tiện". Sư bèn đánh xuống thiền sàn một cái.

Về sau, Sư thị tịch dựng tháp an táng tại động Hương nguyên.

5. Thiền sư Đạo Hạnh ở Ô cự.

Thiền sư Đạo Hạnh ở Tuyết đường - Ô cự tại Cù đàm, vốn người dòng họ Diệp ở Xử châu. Mới đầu, Sư đến nương tựa Thiền sư Anh ở Phổ chiếu tại Tứ châu mà được độ. Về sau, giã từ đó, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Viễn - Phật Nhãn. Một ngày nọ nghe nêu cử câu thoại đấp nhằm ngón chân của Huyền sa, Sư bèn đại ngộ. Ở đó lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: "Hiểu tức bèn hiểu, ngọc vốn không vết, nếu nói không hiểu, mỏ cối sinh hoa. Thử hỏi chín năm xoay mặt vách tường. Thế nào giữa hội lớn nắm cành hoa, Nam Minh nghĩ gì thương xác, cũng là thuận theo gió tung cát bụi. Tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mây phủ trùm đỉnh núi, trăm chim không tiếng hót, trăng ẩn trong đầm, châu ngọc rồng tự sáng. Chánh ngay lúc nghĩ gì mà được Thạch Lương bỗng nhiên đại ngộ. Thạch động chống nghĩ tâm ấy. Hư không mở miệng làm chứng, Thạch Tăng ở phía Bắc khe điểm đầu. Các người tất cả đều ngủ gật trong đó, cười chết trâu sắt Thiểm phủ". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Phật giảng nói ba thừa mười bộ loại đốn tiệm thiền viên. Trước mặt người ngu si chẳng được nói mộng. Tổ sư từ Tây vức lại, chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, trước mặt người ngu si không được nói mộng. Nam Minh nghĩ gì nói, lại khỏi bị gặp người kiểm tránh không? Do đó, người xưa nói có của Thạch nhân tợ ông vậy hiểu biết xướng ba ca. Nếu ông tợ Thạch nhân, khúc nhạc tuyết cũng ứng hòa. Lại có hòa khúc nhạc tuyết ư? Nếu có gọi lại cùng Lão Tăng rửa chân". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thông thân là miệng nói được một nửa, thông thân là mắt dùng được một cọc. Nơi dùng chẳng đến, nói có thừa, nơi nói chẳng đến, dùng không hết. Do đó nơi đáng dùng không nói đáng nói không dùng. Dùng và nói đồng thời, dùng và nói không đồng thời. Các người nếu cũng phỏng định bàn nghị, Tây phong tại dưới cẳng chân

ngươi”. Đến Quốc , đại chúng thỉnh mời lên giảng đường, Sư bảo: “Câu cũng cắt ý cũng cắt, tuyệt mảy tuyệt may ở như núi như non. Câu cũng đến, ý cũng đến, như núi như non ở tuyệt mảy tuyệt may, bỗng như kéo thông một đường, ý và câu đều đến, đều không đến, đều cắt, đều không cắt, ngay như được ngoài ba câu tuyệt lồng ngục, ngoài sáu câu không tiêu đích. Chánh ngay lúc nghĩ gì, một câu làm sao sống? Nói. Nghiêng che đồng đường chẳng đồng vết, cùng dẫn tay nhau lên đài cao”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Triệu Châu chỉ dạy đại chúng rằng: “Lão Tăng bỏ ngay hai bữa cơm cháo, là nói tâm dùng tạp”. Xong, Sư bảo: “Hôm nay, mồng một tháng sáu, hành giả đánh trống, Trưởng lão lên giảng đường, các người lại trong đó, tâm dùng tạp”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử có vị Tăng hỏi Vân Môn: “Thế nào là câu kinh hãi người?” Vân Môn đáp: “Hưởng”. Xong, Sư bảo: “Vân Môn đáp câu thoại của vị Tăng ấy không được bèn thôi nghỉ. Tức cổ xúy hơi cơm cháo để đáng bình sinh”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hoàng mai mưa, mạch thu lạnh, nghĩ gì hiểu rất không đầu mối, thời tiết nhân duyên nghĩa Phật tánh, tất cả phải là đầu lâu khô”. Có lúc chỉ dạy đại chúng, Sư nêu cử: Hòa thượng Ky hỏi vị Tăng: “Thiền lấy gì làm nghĩa?” Đại chúng mở lời đều không thể hợp lý. Có vị Tăng thưa hỏi Hòa thượng Ky, Hòa thượng Ky thay thế bảo: “Lấy phỉ báng làm nghĩa”. Xong Sư bảo: “Chư Phật ba đời là phỉ báng, hai mươi tám vị Tổ ở Tây thiên là phỉ báng, sáu vị Tổ ở đất nước Đường (Trung Hoa) là phỉ báng. Các vị Hòa thượng trong thiên hạ là phỉ báng, các người là phỉ báng, sơn Tăng là phỉ báng. Trong đó lại có ai là người không phỉ báng chăng? Đàm Huyền nói Diệu nhiều như số cát sông Hằng, sao tợ song phong phỉ báng được thân gần”.

Sư hiện tướng bệnh, môn nhân đệ tử, giáo thọ Uông Công Kiều Niên đến thăm hầu. Sư đem điều hậu sự mà chỉ dạy, bảo viết kệ tụng rằng: “Biết thì biết tự bản tâm, thấy thì thấy tự bản tánh, chánh là tông phong bệnh lớn”. Và ghi chú trong bùn thối có gai châm chớ nói không nghi là tốt lành”. Đến ngày hôm sau, tắm gội thay y phục xong. Sư ngồi kiết già mà thị tịch. Sau khi trà tỳ có xá-lợi năm sắc, nơi nào khói tỏa đến, thảy đều có được vậy. Răng và chiếc lưỡi không rã hoại, dựng tháp an táng tại phía Tây của chùa.

6. Thiền sư Pháp Thuận ở Bạch dương.

Thiền sư Pháp Thuận ở Bạch dương tại Phủ châu. Vốn người dòng họ Văn ở Miên châu, Sư đến nương tựa Thiền sư Viễn - Phật Nhãn, nhân lúc chỉ dạy chung cả đại chúng, nghe nêu cử “Tâm Vương Minh”

của Phó Đại sĩ rằng: “Vị mặn trong nước, keo xanh trong sắc, nhất định là có nhưng không thể thấy được hình dáng đó”. Ngay lời nói ấy, Sư bèn có sự tỉnh ngộ. Sau đó nhấn trông xem Bảo tạng chuyển đổi nhanh chóng tỏ sáng Đại pháp. Sư đến phương trượng lễ bái, trình bày kệ tụng rằng: “Đảnh có đội núi mây từ từ, nguồn không riêng mạch nước lạnh lạnh, đi núi chưa đến nơi cùng núi, trọn bị núi xanh chướng tròng mắt”. Thiền sư Viễn cười mà hứa khả đó. Ở lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: “Việc tốt đống đống chất chất lại, chẳng phải tạo tác với an bài, lá rừng vàng rơi nước đầy đi, mây trắng giăng cốc gió cuộn về, nhạn lạnh một tiếng tình niệm dứt, chuông sương vừa động núi ngã đổ. Bạch dương lại có nơi người qua, đêm tàn lò lạnh đánh tro chết, bồng có nạp Tăng ra cùng nói Trưởng lão thiếu bán vui đùa được nghĩ gì khổ khổ xin cùng, sơn Tăng chỉ hướng kia bảo tức bị ông nói nhầm”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tay ta nào tợ tay Phật, Nam tinh Bắc đẩu trên trời, chân ta sao tợ chân lừa, việc đi đều lại quên ngay, người người đều có duyên sinh, mỗi mỗi chân vuông đảnh tròn. Địa ngục đứng nơi đầu khe, trăng lẻ bóng rơi vịnh sâu, hiểu chẳng được, thấy lại khó, một khúc nhạc ngư ông ca qua khe xa”. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: “Nhiễm duyên dễ tới, Đạo nghiệp khó thành, chẳng rõ muôn duyên sai biệt trước mắt, chỉ thấy cảnh gió mênh mông, rừng công đức điêu tàn, đốt lửa tâm hừng hực, tận cùng gốc cây Bồ-đề, đạo niệm nếu đồng, tình niệm thành Phật lắm thời. Vì đại chúng chỉ tợ vì chính mình, việc đây kia rành rẽ, chẳng thấy người không phải ta là phải. Tự nhiên trên kính dưới cung, Phật pháp thường luôn hiện tiền, phiền não bụi trần giải thoát”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Gà gáy trăng sáng chó sủa thung khô. Chỉ có thể chấm hiểu, khó vào tư lương, nơi nhìn chẳng thấy, động đất phóng ánh sáng, nơi nói chẳng đến, đất trời vàng đen, phủ thành thước sáu trang giấy, xưa nay ra ở dòng trong. Đại chúng, rành rẽ nói ra người chẳng thấy, đêm qua canh ba trăng vào cửa”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Gió thổi cỏ tranh, đèn trong nhà rỉ nước đổ, tròng mắt Xà-lê thấm ướt, nghĩ gì rõ ràng tức không biết, liền lại trong đó cúi đầu đứng”. Khi ấy có Thượng tọa Thiệu Đăng nghe vậy mà có sự tỉnh ngộ.

Về sau, Sư đến ở Quảng giáo tại Vụ châu. Nhân lúc cảm bệnh, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: “Bệnh lâu chưa từng thay gối gỗ, người lại phần nhiều hỏi thế nào? Sơn Tăng theo hỏi tùy duyên đáp, ngoài cửa ly vàng lại lắm lời, chỉ như tấm thân bảy thước nhận chịu bệnh nơi nào? Trong chúng, ai người đầy đủ mắt sáng thừ vì sơn Tăng chỉ ra nguồn

bệnh xem?” Trong chúng mọi người mở lời nhưng đều không khế hợp, Sư tự vỗ tay xuống một cái và làm tiếng ói mửa, rồi Sư tiếp bảo: “Khéo cái gối gỗ”. Sư nghiêm trì giới luật tự bạch tiết khổ, ra vào chỉ gậy nón riêng đi. Sau khi Sư thị tịch, trà tỳ, thâu nhặt được xá-lợi tròng mắt, răng, chiếc lưỡi, chuỗi châu và linh cốt, đều nghinh đưa đến dựng tháp an táng tại phía Tây của chùa.

7. Thiền sư Pháp Như ở Vân cư.

Thiền sư Pháp Như ở Vân cư tại Nam khương quân, vốn người dòng họ Hồ ở Đan khâu. Mới đầu, Sư đến nương tựa Thiền sư Thụy ở Hộ quốc mà được xuống tóc xuất gia, thọ giới Cụ túc. Xong Sư vân dụ tham phỏng các bậc tôn tượng khắp xứ chế hữu. Về sau, đến Long môn, Sư đem điều sở chứng của tự thân trình bày cùng Thiền sư Viễn - Phật Nhãn. Thiền sư Viễn bảo: “Đó đều là học hiểu, chưa phải việc rốt ráo, muốn rõ suốt sinh tử, phải cầu diệu ngộ”. Nghe vậy, Sư kinh ngạc tự nhiên tin thực. Một ngày nọ, bảo Sư đến làm chủ ở Hương tích, Sư cho là đạo nghiệp chưa xong nên cố chối từ. Thiền sư Viễn khuyên răn Sư rằng: “Mới đầu đến nhậm chức, trong đó hẳn có người vì ông giảng nói pháp”. Sau đó không bao lâu, một sáng sớm, Sư hứng mở cửa khó, trông thấy vị Thánh Tăng, khế hợp với điều chưa chứng, Sư liền đem trình bạch cùng Thiền sư Viễn. Thiền sư Viễn hỏi: “Trong ấy lại có Thánh Tăng ư?” Sư lại đến gần trước thưa hỏi rồi bắt tréo tay mà đứng. Thiền sư Viễn bảo: “Trước kia đã nói hẳn có người vì ông giảng nói pháp”. Ở lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: “Một pháp nếu có, thì Tỳ-lô đọa lạc ở phàm phu. Muôn pháp nếu không, thì Phổ Hiền mất cảnh giới ấy. Đến trong đó, có và không đều dứt. Được và mất cả hai đồng mất. Ngay như được chư Phật mười phương chẳng thấy. Các người hãy nói trong mười hai thời khắc hướng đến nói nào an thân lập mạng? Mặc áo tơi đứng bên cạnh ngoài ngàn núi, kéo nước tưới rau trước ngũ lão”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trong càn khô giữa khoảng vũ trụ, trong ấy có một bảo giấu tại hình sơn. Vân cư lại tạm không như vậy, trong càn khôn giữa khoảng vũ trụ, trong ấy có một vật báu”. Sư ném cây gậy xuống một cái, tiếp bảo: “Đại chúng cũng phải biết lấy”.

8. Thiền sư Chánh Hiền ở Quy tông.

Thiền sư Chánh Hiền - Chân Mục ở Quy tông tại Nam khương quân. Vốn người dòng họ Trần ở Đồng châu. Gia đình vốn nhiều đời nối dõi danh Nho. Từ thuở bé thơ, Sư đến nương tựa Thiền sư Hải Trừng ở Tam Thánh làm Bí-sô đăng đàn thọ giới Cụ túc. Sư vân du đến Thành đô, nương tựa Tú Công ở Đại từ, tập học các kinh luận. Phàm các sách

vở qua mắt Sư đều thành bài tụng, nghĩa lý cũng chóng rõ hiểu, Tú công xưng gọi Sư là “Kinh Tạng Tử”. Sư ra đất Thục bái yết các bậc Tôn túc, sau cùng đến dự tham nơi Thiền sư Viễn - Phật Nhãn. Một ngày nọ, vào thất Thiền sư Viễn nêu cử “Ân cần ôm được cây chiên đàn”. Lời tiếng chưa dứt mà Sư chóng tỏ ngộ. Thiền sư Viễn bảo : “Kinh Tạng Tử lọt hợp rồi vậy!” Từ đó, cùng Sư thương lượng xác thực sâu mầu lớp lớp chẳng hết. Thiền sư Viễn ngợi khen Sư khéo giỏi, nhân đó tự tay viết hai chữ “Chân Mục” mà trao cho Sư.

Đến năm Kỷ tỵ (1149) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Pháp tịch ở Quy tông bị trống vắng Quận hầu đem lễ đến thỉnh mời nhưng Sư nằm yên không đáp lại. Bảo Văn Tú Công khuyên gắng đến hỏi Đạo nơi Sư. Các quan đồng cưỡng nài, Sư mới chịu đến. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Câu thứ nhất nói như thế nào? Các ông nếu hướng đến lúc thế giới chưa thành, lúc cha mẹ chưa sinh, lúc Đức Phật chưa ra đời, lúc Tổ sư chưa từ Tây vức lại, nói được đã là câu thứ hai. Vả lại câu thứ nhất nói như thế nào? Ngay như mười thành ấy nói được, chưa khỏi ở bên tả ở bên hữu”. Rồi Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, ngưng giây lát, Sư mới gọi đại chúng và bảo: “Làm sao sống? Nếu cũng phỏng bàn. Thượng tọa Hiền lừa dối các người đi vậy. Đánh đất, Hòa thượng tức giận kia che giấu Ma với Hang chúa. Chống cái nạn trẻ con Hồ nói loạn đạo, bèn đem một đánh thành mang phẩn rải tan ở mười phương thế giới”. Sư cây phất trần lên tiếp bảo: “Mà nay tức tại trên đầu cây phất trần nói Nhất thiết trí, Trí tịnh không hai không phân không biệt không . Lai có nghe chăng? Diêm Lão Tử biết được, mới bảo Thượng tọa Hiền ấy nếu cùng sẽ đi chẳng phòng ngại kỳ đặc. Nếu chẳng cùng đáng, tất cả ở tại trong tay ta. Chỉ hướng đến kia nói Diêm Lão Tử ông cũng lùi bước mò kéo lỗ mũi xem”. Sư đánh vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

Có vị Tăng hỏi: “Từ lâu, chấm cốt yếu ấy đã rò rỉ có thật. Người học từ trước lại, cầu xin Sư chỉ dạy?” Sư bảo: “Vành tai ở nơi nào?” Lại nói: “Một câu rành rẽ gồm muôn tượng”. Sư bảo: “Việc rành rẽ làm sao sống?” Lại nói: “Đài tinh soi chiếu, cây khô trở lại tốt tươi”. Sư bảo: “Móc ngay tròng mắt ngươi”.

9. Thiền sư Minh Biện ở Đạo tràng.

Thiền sư Minh Biện - Chánh Đường ở Đạo tràng tại An các châu. Vốn người dòng họ Thâu ở tại quận. Từ thuở bé thơ, Sư nương hầu Thiền sư Uẩn ở Báo bản, đến lúc đủ tuổi, Sư đăng đàn thọ giới Cụ túc,

sau đó Sư vân du bái yết các bậc danh túc, đến Thiếu lâm tại Tây kinh, nghe vị Tăng nêu cử câu thoại của Thiền sư Viễn - Phật Nhãn lấy từ thơ cổ mà phát rõ vua nước Kế Tân chém Tôn giả Sư Tử, nói rằng: "Đầu sông Dương tử Dương liễu xanh, hoa Dương buồn giết người sang sông, một tiếng sáo khương chìa lìa bến, ông đến Tiêu tương tôi đến Tầng". Sư im lặng có chút khố ngộ, bèn đến Long môn, cầu xin vào thất. Thiền sư Viễn hỏi: "Phương sách nhân duyên của Tổ sư từ xưa trước, hứa cho ông hiểu được". Bỗng nhiên đưa nắm tay lên, tiếp hỏi: "Còn cái này bởi nhân gì mà gọi là nắm tay?" Sư định trả lời. Thiền sư Viễn đấm ngay vào miệng Sư và bảo: "Không được làm đạo lý". Từ đó, Sư chóng dứt sự thấy biết.

Ở lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Nhặt được bên miệng hổ dữ, đặt để trên đầu rắn độc. Lại không đóng cọc neo thuyền, xoay đầu riêng có bờ sống. Bà Tử bị ta khám phá rồi, trong viện Đại từ có Thôn trai". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sạch ngũ nhãn vọt sắc vàng xuân muộn, được ngũ lực thổi rơi hoa đào biếc. Chỉ chứng mới biết, khó thể lường". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Một mảnh người nào được lưu truyền qua mười vạn nhà". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tam tổ (Tăng Xán) nói: "Chỉ chớ ghét thương, suốt cũng rỗng sáng". Khi ấy nếu Lão Tăng thấy tức sẽ đánh cho một cái. Hãy nói vậy là ghét hay thương? Gần đây đi qua ranh giới hơi nghiêm ngặt, chẳng hứa dối tên cặp đi săn". Nhân lúc mãn hạ, tự tứ, lên giảng đường, Sư bảo: "Từ ngày mười lăm trở về trước không được đi, một chiếc giày của Thiếu lâm không nơi cất giấu. Từ ngày mười lăm trở về sau không được ở, mùi quê hương trời lẫn mưa móc. Chánh ngay trong ngày mười lăm lại tạm như thế nào? A! Ha, ha! Phong lưu chẳng tại mặc nhiều áo. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Đầu Tử: "Lúc chết tận cùng, người liền sống thì thế nào?" Đầu Tử đáp: "Chẳng hứa đi đêm, tới sáng phải đến". Rồi Sư bảo: "Ta nghi ngờ tinh ngọc xanh ngàn năm hóa làm một mảnh cốt thu thủy. Thần biển muốn gìn giữ, gìn giữ không được. Một ngày nọ, đầu ba ba bỗng nhiên đội núi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoa nở trên gò, liễu giăng bờ đê, oanh vàng điệu thúc đàn đêm, cỏ thơm vào câu Tạ Công, nào hẳn nghe tiếng ngộ đạo, thấy sắc sáng tâm, chẳng chỉ trên mặt nước tìm bọt bóng, đã là trong mắt dính mạt bụi". Sư vạch mở ngực ra, bảo: "Các người nên Quán thân sắc màu vàng tía của ta, ngày nay thì có ngày mai thì không, rất tợ không gió nổi sóng, toàn chẳng biết xấu hổ. Hãy nói việc ngày nay làm sao sống? Khéo gã mê mờ gặp Đạt-ma, chẳng biết ai hiểu nhận lấy".

Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư mới kêu chỉ xuống ba cái. Lại hỏi: “Nói nín giao thiệp lìa nhỏ nhiệm, làm sao thông chẳng phạm?” Sư đáp: “Giăng thân ngoài ba cõi, riêng thoát nước muôn cơ”. Lại hỏi: “Chỉ như Phong Huyệt nói lớn lên nhớ Giang nam trong tháng ba, nói chim chá cô kêu hót, trăm thứ hương hoa lại làm sao sống?” Sư đáp: “Nói cái gã không rên rỉ ấy làm gì?” Lại nói: “Trúc non lay gió vàng nhè nhẹ, trăm hoa trải đất, mặt nhật lên chầm chậm”. Sư bảo: “Ông đến nơi nào mà gặp thấy Phong Huyệt?” Lại nói: “Trong mắt trong tai hết mưa rưới”. Sư bảo: “Liệu gõ không giao thiệp”. Lại hỏi: “Hoa sen lúc chưa ra khỏi nước thì như thế nào?” Sư đáp: “Chưa qua đông chí chớ nói lạnh”. Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Chưa qua hạ chỉ chớ nói nóng”. Lại hỏi: “Lúc ra và chưa ra thì thế nào?” Sư đáp: “Ba mươi năm sau chẳng cần lầm cử”. Lại hỏi: “Thế nào là Phật?” Sư đáp: “Không củi mạnh đốt lửa”. Lại hỏi: “Thế nào là pháp?” Sư đáp: “Nghèo làm giàu trang phục”. Lại hỏi: “Thế nào là Tăng?” Sư đáp: “Bán quạt, tay Lão Bà ngăn che mặt nhật”. Lại hỏi: “Thế nào là bồng gai thóc của Hòa thượng?” Sư đáp: “Không trả lời câu thoại này”. Lại hỏi: “Vì sao không trả lời?” Sư cười lớn, bảo: “Nuốt không vào, nhả chẳng ra”. Lại hỏi: “Thế nào là một tiếng hét như kiếm báu Kim cang Vương?” Sư đáp: “Mộ cổ rắn độc đầu đội sừng”. Lại hỏi: “Thế nào là một tiếng hét như sư tử ngồi giữa đất?” Sư đáp: “Hư không cười gật đầu”. Lại hỏi: “Thế nào là một tiếng hét như tìm bóng cỏ đầu sào?” Sư đáp: “Người đá vỗ tay cười ha ha”. Lại hỏi: “Thế nào là một tiếng hét không dùng làm một tiếng hét?” Sư đáp: “Đầu heo trong đãy vải”. Lại hỏi: “Với bốn tiếng hét đã được Sư chỉ bày, vậy hướng thượng còn có việc gì chăng?” Sư đáp: “Có”. Lại hỏi: “Thế nào là việc hướng thượng?” Sư đáp: “Cưa mở cán cân, tùy tiếng bèn hét. Phật Nhãn rất kỵ niêm hương, Hòa thượng Long môn xiển đề lấp ngập xô ngã, không tin Phật pháp, diệt trừ Thiền đạo, ép phá Tỳ-lô cửa hướng thượng, mèo con rửa mặt tự nói khéo, một nén hương trầm đốt trên lò, kéo tay đấm ngực không áo não”. Sư bèn vẫy tay, tiếp bảo: “Thôi áo não”. Sư lại đem tọa cụ vắt ngang trên vai làm thế người nữ bái lạy, tiếp bảo: “Chớ quái ngại xuống phòng con dâu xúc nghịch Đại nhân đẹp”. Có lúc ở trong thất, Sư duỗi hỏi rằng: “Mèo con vì gì thích bắt chuột già?” Hoặc: “Bảng đánh, vì gì mà chó sủa?”

Sư tỏ vẻ gia phong rất nghiêm lạnh, các hàng sơ cơ phần nhiều đều kính sợ. Nhân tán thán Tổ sư Đạt-ma, Sư nói: “Trước các Thăng nguyên Ma-la nơi núi Lạc dương trải trái, Da tủy truyền thành chuỗi

câu thoại, một chiếc giày không nơi chôn giấu, chẳng là một phen lạnh thấu cốt, sao được mùi thơm hoa mai ngát mũi. Tuyết đường đi một lần thấy đó ngợi khen là Tiên sư còn có người ở đây! Chỉ tiêu bài tán thán này có thể vì ngồi ngay đầu lưỡi mọi người trong thiên hạ. Do vậy mà nạp Tử đua nhau bỏ chạy".

Đến lúc sắp tịch, lên pháp tòa, Sư nắm cây gậy gõ bên tả một cái và bảo: "Trong ba mươi hai tướng tốt không có tướng này". Sư gõ bên hữu một cái và bảo: "Trong tám mươi vẻ đẹp không có vẻ đẹp này. Tăng Dao một cây bút họa thành, Chí Công bày ra cỏ khô". Sư lại gõ một cái, trông nhìn cả đại chúng và bảo: "Chớ buồn bã! Ngay đây phải nhận lấy, thôi lại xét bàn". Xong, xuống khỏi tòa trở về phương trượng, Sư ngồi kiết già nghiễm nhiên mà thị tịch. Sau khi trà tỳ, thâu nhặt linh cốt xá-lợi nghinh đưa về an táng nơi tháp đã tạo dựng đề là: "Tiên nhân sơn".

10. Thiền sư Thâm ở Phương quảng.

Thiền sư Thâm ở Phương quảng tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Một pháp nếu có thì Tỳ-lô rơi lạc nơi phàm phu, muôn pháp nếu không thì Phổ Hiền mất ngay cảnh giới ấy. Chưa xét rõ ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Giàu có hiềm ghét ngàn miệng thiếu, nghèo khó buồn hận một thân nhiều".

11. Thủ tòa Thế Kỳ.

Thủ tòa Thế Kỳ, vốn người ở Thành đô, Sư vân du nương tựa khắp các pháp tịch, sau cùng đến Long môn. Một ngày nọ đang ngồi yên mà ngủ gật, bỗng nhiên đàn ếch cất tiếng kêu, Sư nhầm nghe cho là tiếng bảng cảo đầu, bèn vội chạy đi. Có người hiểu biết sự tình nên nói cùng Sư: "Ếch kêu chứ không phải tiếng bảng". Sư hoản nhiên, đến nơi phương trượng tỏ bày cùng Thiền sư Viễn - Phật Giám. Thiền sư Viễn: "Há không phải La-hầu-la ư?" Sư vội ngăn mà nói: "Hòa thượng chẳng cần phải cử, đợi đi sẽ tự thấy". Sau đó không bao lâu, Sư có được tỉnh ngộ, bèn niêm bài kệ tụng rằng: "Trong mộng nghe tiếng bảng, tỉnh rồi là ếch kêu, tiếng ếch và tiếng bảng, núi gò một lúc bằng". Từ đó, Sư gia tâm tham cứu, thấu suốt đến huyền áo. Thiền sư Viễn bảo phân tòa, Sư cố chối từ, nói là: "Đó chẳng phải việc nhỏ nhiệm vậy, như kim châm chích mắt, nếu sai mải tóc thì tròng mắt hư phá vậy. Nguyện đời đời ở nơi Học địa mà tự rèn luyện". Thiền sư Viễn nhân đó dùng kệ tụng ngợi khen Sư rằng: "Có đạo chỉ nhân từng lùi bước, khiêm hòa vốn tự suốt hồi quang, chẳng biết mình ở trên mây xanh, còn lại đem thân vào chúng ẩn". Đến lúc tuổi già, các Học giả dốc lòng thỉnh mời, không

dung Sư chối từ. Sau cùng, Sư nhân nói kệ tụng rằng: "Các pháp không nên tâm ta không, tâm ta không nên các pháp đồng. Các pháp, tâm ta không khác thể, chỉ tại nay đây trong một niệm. Hãy nói là một niệm nào?" Đại chúng mờ mịt. Sư hét một tiếng rồi thị tịch.

12. Thiền sư Ni Huệ Ôn ở Tịnh cư.

Thiền sư Ni Huệ Ôn ở Tịnh cư tại Ôn châu. Có lúc lên giảng đường, Ni Sư nêu cử: "Pháp Nhãn chỉ dạy đại chúng rằng: "Ba hồi trống dứt xúm xít đua lại", Phật pháp nhân sự một thời hoàn tất". Xong, Ni Sư bảo: Còn sơn Tăng nói: "Ba hồi trống dứt xúm xít đua lại, cây gậy chẳng tại nơi cán chổi quét liền cho ba mươi dùi".

13. Cư sĩ Cấp sự Phùng Tiếp.

Cư sĩ Cấp sự Phùng Tiếp - Tế Xuyên. Từ thuở tráng niên, Cư sĩ đã theo dự tham nơi các bậc danh túc, sau cùng đến ở Long môn, theo Thiền sư Viễn - Phật Nhãn suốt hai năm. Một ngày nọ, cùng Thiền sư Viễn kinh hành nơi pháp đường, bỗng nghe đứa bé chạy giữa sân ngâm rằng: "Trong muôn tượng riêng lộ bày thân". Thiền sư Viễn vỗ vào lưng Cư sĩ mà bảo: "Hay không?" Ngay lời nói đó mà Cư sĩ khéo ngộ nhập.

Đến năm Đinh tỵ (1137) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống. Cư sĩ làm Cấp sự tại Trừ châu, gặp Thiền sư Đại Tuệ đến Minh khánh khai đường giảng pháp. Khi Thiền sư Đại Tuệ xuống khỏi tòa, Cư sĩ vời lại mà hỏi: "Hòa thượng từng nói trước các hàng Quan sĩ đại phu rằng: "Đời nay quyết chẳng làm con sâu mọt", vậy ngày nay nhân gì nhận bại khuyết?" Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Khắp đại địa là cái Thượng tọa Cảo, ông đến nơi nào thấy được kia?" Cư sĩ định trả lời. Thiền sư Đại Tuệ bèn chấp tay. Cư sĩ nói: "Là tôi vời rước được". Qua hơn một tháng đặc biệt xin đền thờ mà kết hạ, Kính Sơn đề trên bảng nơi phòng thất là "Hiên bất động", một ngày nọ, Thiền sư Đại Tuệ lên giảng tòa, nêu cử: "Dược Sơn hỏi Thạch Đầu rằng: "Với ba thừa, mười hai phần giáo, tôi có biết sơ qua, nhân nghe ở phương Nam chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật, thật sự chưa rõ điều đó, cúi mong dủ lòng từ bi chỉ dạy cho". Thạch đầu bảo: "Nghĩ gì cũng chẳng phải, Ông làm sao sống?" Dược Sơn mờ mịt. Thạch đầu bảo: "Duyên ông không phải ở đây, có thể đến ra mắt Đại sư Mã tổ ở Giang tây". Dược Sơn đến nơi Mã Tổ cũng nêu hỏi như trước. Đại sư Mã Tổ đáp: "Có lúc dạy người ấy nhướng mày nháy mắt, có lúc không dạy người ấy nhướng mày nháy mắt. Có lúc dạy người ấy nhướng mày nháy mắt là phải, có lúc dạy người ấy nhướng mày nháy mắt là không phải". Nghe

thế, Dược Sơn bèn đại ngộ". Đợi đến lúc Thiền sư Đại Tuệ nêu cử bãi tòa, Cư sĩ mới theo đến nơi phương trượng hỏi: "Vừa rồi Hòa thượng nêu cử nhân duyên ấy, tôi lý hội được rồi". Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Ông hiểu như thế nào?" Cư sĩ đáp: "Nghĩ gì cũng chẳng được Tô-rô Ta-bà-ha, không nghĩ gì cũng chẳng được Tất-lợi Ta-bà-ha". Thiền sư Đại Tuệ bèn ấn chứng cho, và nói kệ tụng rằng: "Tiếng Phạm lời Hoa, đánh thành một khối, ôi thay người đời, được Tam-muội này". Về sau, Cư sĩ lại đến làm Quan tri tại Ngang châu, phàm các nơi đến, Cư sĩ đều ủi an vỗ về không nhọc mệt. Cư sĩ từng ngâm vịnh rằng: "Rảnh rỗi việc công vui tọa thiền, ít hiểu đưa lưng đến giường ngủ, tuy là hiện ra tướng Tể quan. Tên gọi Trưởng giả bốn biển truyền".

Đến mùa thu năm Thiệu Hưng thứ hai mươi hai (1152) thời Nam Tống. Cư sĩ xin về thôi nghỉ, dự báo cùng thân thích là ngày mồng 03 tháng 10 là ngày ra đi. Đến ngày đó, Cư sĩ bảo thiết đặt tòa cao nơi hậu sảnh, thấy khách đến vẫn như lúc bình thường. Đến khoảng giờ thìn giờ tỵ, Cư sĩ xuống trước thềm cấp ngóng trông vào cửa không biết chỉnh túc, mời các Quan sứ tiếp nhận ngang sự, rồi Cư sĩ mặc Tăng y lên ngồi trên tòa cao, dặn dò các Quan lại và các hàng đạo tục, khuyên mỗi người nên hướng đạo hộ trì giáo môn, dựng lấp pháp tràng". Rồi Cư sĩ bèn nắm cây gậy đặt ngang trên đầu gối, an nhiên mà thâu thần. Các Quan sử cầu xin rằng: "An phủ đi ở tự do như thế, sao chẳng lưu lại một bài kệ tụng để tiêu biểu điều hiếm nghe". Cư sĩ mở mắt, đòi giấy bút viết rằng: "Mới đầu ba mươi mốt (31), đến giữa bảy (07) dưới chín (09), Lão nhân hết lời, Quy ca đỏ mắt". Xong rồi, Cư sĩ bèn vĩnh viễn qua đời.

Từ sau niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống, các chốn danh sơn chùa lớn, Đại tạng kinh giáo phần nhiều đều chẳng còn. Qua nhiều lần, Cư sĩ đem tất cả bổng lộc của mình có được mà in ấn cúng thí có được cả thảy một trăm hai mươi tám tạng. Cư sĩ dùng lấy đó cầu chúc Thánh quân vạn thọ để khương an triệu dân. Môn nhân Bồ Đại Sính từng viết Minh Chí việc đó. Cư sĩ có bộ ngữ lục tụng cổ, lưu hành nơi đời.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠO NINH Ở KHAI PHƯỚC

1. Thiền sư Thiện Quả ở Đại quy.

Thiền sư Thiện Quả - Nguyệt An ở Đại quy tại Đàm châu, vốn người dòng họ Từ ở Tín châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khê Trọng tạo xe một trăm cân, nắm ngay hai đầu trừ bỏ trục". Sư đưa cây

gậy đánh vẽ một đường vòng tròn và bảo: “Hãy chớ lầm nhận định Bàn tinh”. Rồi Sư gõ một cái và xuống khỏi tòa. Nhân tạ cúng đầu, lên giảng đường Sư bảo: “Mở linh vàng dưới cằm hổ dữ kinh đàn động chúng. Lấy minh châu trong hang rồng sinh soi trời chiếu đất. Ngày nay sơn Tăng đến đây tán thán chẳng kịp. Các người hợp nên làm gì sống?” Sư dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: “Nháy lông mày nhanh phải dâng cử lấy”. Rồi, sư ném cây phất trần và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tâm sinh pháp cũng sinh, tâm diệt pháp cũng diệt, tâm pháp cả hai đều quên mất, quạ rùa làm ba ba. Các thiền đức nói được chưa? Nếu nói được thì Đạo Lâm cho ông cây gậy, còn chưa nói được thì về nhà uống trà đi”.

Có vị Tăng hỏi: “Tổ sư Đạt-ma lúc chín năm xoay mặt vách tường thì thế nào?” Sư đáp: “Cá bơi lội nước vẩn đục”. Lại hỏi: “Nhị tổ Tuệ Khả đảnh lễ ba lạy vì gì liền được phần tủy?” Sư đáp: “Đất tốt, trái cà lớn”. Lại hỏi: “Chỉ như một hoa nở năm cành, kết quả tự nhiên thành, là sáng tỏ việc bên nào?” Sư đáp: “Giặc đã đút lót làm chứng nghiệm”. Lại nói: “Có lúc nhân trăng tỏ, bất chợt qua bể xanh”. Sư bảo: “Xà-lê không phần”. Lại hỏi: “Câu có câu không như lúc dây leo nương tựa cây thì như thế nào?” Sư đáp: “Nghiệm hết phải về nhà”. Lại hỏi: “Câu cây ngã dây leo khô về nơi nào lại làm sao sống?” Sư đáp: “Gió thổi mặt nhật đốt cháy”. Lại nói: “Quy Sơn cười ha ha”. Sư bảo: “Ba Tư đọc chữ Phạm”. Lại hỏi: “Đạo Ngô đẩy ngã trong bùn Quy Sơn chẳng quản. Ý ấy lại như thế nào?” Sư đáp: “Có ý chẳng ở lớn lời”. Lại hỏi: “La Sơn nói Đạo ngô là gã dúm phân ngựa, lại làm sao sống?” Sư đáp: “A Sư lắm lời”. Lại nói: “Ngày nay đủ thấy Đại sư bảy thông tám đạt”. Sư bảo: “Ngã mặt khóc trời xanh”. Vị Tăng ấy bèn lễ bái, Sư bảo: “Qua”. Lại hỏi: “Hoa sen lúc chưa ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Đất trời không khác sắc”. Lại hỏi: “Sau khi đã ra khỏi nước thì thế nào?” Sư đáp: “Khắp pháp giới có mùi hương tịnh”.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 29
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 30

MỤC LỤC

7. Am chủ Phủ ở Ôn châu
8. Thủ tòa Duy Biểu ở Kính sơn (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tài ở Phật Tâm, có bốn vị:
1. Thiền sư Nguyên Tố ở Phổ Hiền
2. Thiền sư Tăng Tuân ở Cổ sơn
3. Thiền sư Tổ Trân ở Cổ sơn (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Mô - Đại Tâm ở Nhân vương (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thiên Du ở Vân nham, có hai vị:
1. Thiền sư Trí Sách ở Kính sơn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Trí Nhất ở Báo đức (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Mân ở Viên thông, có bảy vị:
1. Thiền sư Thủ Tuệ ở Viên thông
2. Thiền sư Đạo Quán ở Hoàng long
3. Cư sĩ Tả Thừa Phạm Xung
4. Cư sĩ Xu Mật Ngô Cư Hậu
5. Cư sĩ Gián Nghị Bành Nhữ Lâm
6. Cư sĩ Trung Thừa Lư Hàng
7. Cư sĩ Tả Ty Đô Huống Trịnh (bảy vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhu ở Tuyết phong, có năm vị:
1. Thiền sư Tuệ Trung ở Tuyết phong (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Toàn ở Tịnh chúng
3. Thiền sư Tỉnh ở Thiên ninh
4. Cư sĩ Trần Dị Thể Thường
5. Thiền sư Tông Dịch ở Cổ sơn (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lập ở Tường phù, có một vị:
1. Thiền sư Thuần ở Báo từ (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Pháp Chân ở Phù sơn, có một vị:
1. Thiền sư Huy ở Linh nham (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiển ở Tín tướng, có ba vị:
1. Thiền sư Văn ở Kim thằng (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Sư Đán ở Vân đảnh
3. Thiền sư Tổ Nguyên ở Trung phong (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thành ở Tịnh nhân, có hai vị:
1. Thiền sư Như Thắng ở Thụy nham
2. Thiền sư Đạo Xuyên ở Dã phụ (hai vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tú ở Thượng phong, có một vị:
1. Cư sĩ Văn Định Hồ An Quốc (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phùng ở Hoàng long, có một vị:
1. Thiền sư Trạch Sùng ở Tiến phước (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chấn ở Hoàng long, có ba vị:
1. Thiền sư Tuệ Sơ ở Đức sơn (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Toại ở Thiên long
3. Thiền sư Tác ở Bắc sơn tại Chân châu (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhất ở Vạn niên, có hai vị:
1. Thiền sư Pháp Thường ở Báo ân (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tịnh ở Thạch Phật (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Am chủ Tổ ở Nhạc sơn, có một vị:
1. Thiền sư Thúc ở Diên khánh (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tỉnh ở Thắng nhân, có sáu vị:
1. Thiền sư Phổ Tín ở Vạn thọ
2. Thiền sư Hưng Đạo ở Tuệ nhật
3. Thiền sư Quả Mẫn ở Quang hiếu (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Siêu ở Sùng ninh
5. Thiền sư Ngân ở Quảng giáo
6. Thiền sư Xung ở Pháp tuệ (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giao ở Thiên đồng, có một vị:

1. Thiền sư Viên ở Bồng lai (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ ở Minh chiêu, có hai vị:

1. Thiền sư Lễ ở Tuyên mật (hiện có ghi lục)
2. Hòa thượng Tịnh Quang (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giác ở Thiên đồng, có một vị:

1. Thiền sư Trí Giám ở Tuyết đậu (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông ở Tuyết đậu, có hai vị:

1. Thiền sư Đạo Cần ở Quảng phước (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Tông Tỉnh ở Thúy nham (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trí ở Thiện quyền, có hai vị:

1. Thiền sư Tảo ở Siêu hóa (hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Siêu ở Bảo an (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cát ở Linh phong, có một vị:

1. Thiền sư Hân ở Tứ diện - tại Thư châu (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phương ở Hòa sơn, có hai vị:

1. Thiền sư Thao ở Ngưỡng sơn tại Viên châu
2. Hòa thượng Nghĩa ở Hoàng long (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Năng ở Trung nham, có một vị:

1. Hóa chủ Sùng Chân ở Chiên đầu (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thăng ở Hồng phước, có một vị:

1. Thiền sư Thường ở Cam lồ tại Thư châu (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thủ tòa Quỳnh, có một vị:

1. Thủ tòa Tuệ Sơn ở Tuyết phong (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thành ở Lang da, có một vị:

1. Thiền sư Thiện Sơ ở Bắc tháp (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thông ở Quảng tuệ, có một vị:

1. Thiền sư Giới ở Phổ chiếu tại Minh châu (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tỉnh ở Đại tùy, có mười bốn vị:

1. Thiền sư Tự Hồi ở Thạch đầu
2. Thiền sư Cư Tỉnh ở Hộ Thánh
3. Thiền sư Thắng ở Nam nham
4. Thiền sư Sư Viễn ở Lương sơn
5. Thiền sư Thiệu Ngộ ở Năng nhân
6. Am chủ Tử Ngôn
7. Thiền sư Tạo ở Nam tu - Kiếm môn
8. Cư sĩ Mạc Tướng Thượng Thư Thiếu Hư
9. Cư sĩ Vương Tiêu ở Long hồ (chín vị hiện có ghi lục)
10. Thiền sư Tịnh ở Năng nhân
11. Thiền sư Minh ở Hoàng mai
12. Thiền sư Tắc ở Diệu cao
13. Thiền sư Thuyên ở Điều đài
14. Cư sĩ Đề Hình Ngô Hân (năm vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tự ở Ngũ tổ, có một vị:

1. Thiền sư Cao ở Long hoa (hiện có ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MINH Ở TUYẾT ĐẬU

1. Thiền sư Ninh ở Kỳ sơn.

Thiền sư Ninh ở Kỳ sơn tại Ninh châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Có lúc lên trên đỉnh núi cao huyết trăng ngủ mây, có lúc vào trong bể cả vạch gợn chạy sóng, có lúc đến đầu đường ngã tư bảy xuyên tám đột. Các người lại cùng ủy thác chăng? Cây chương hoa nở đầy, lá chuối tươi tốt nhiều".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ XƯỚNG Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Ngộ ở Ngũ vân.

Thiền sư Ngộ ở Ngũ vân tại phủ Lâm an. Vốn người xứ Tiều khê. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nguyệt Đường Lão Hán nói: Đi thẳng chẳng thấy đi là cái gì? Ngồi chẳng thấy ngồi là cái gì? Lúc mặc áo chẳng thấy mặc áo là cái gì? Lúc ăn cơm chẳng thấy ăn cơm là cái gì? Sơn Tăng cùng Lão kia tuy cùng chung giường ngủ. Vả lại, mỗi tự có giấc mộng riêng. Cớ sao đi thấy đi, ngồi thấy ngồi, lúc mặc áo thấy mặc áo, lúc ăn cơm thấy ăn cơm, không đạo lý gì chẳng thấy, cũng không có phải cái gì. Các người hãy nói Lão Hán kia là phải, hay Ngũ vân ta đây là phải?" Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái, tiếp bảo: "Đồng hồng, lý trắng, tường vi tía, hỏi đến gió xuân tức chẳng biết".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ QUANG Ở LINH ẨN

1. Thiền sư Nguyên Diệu ở Trung trúc.

Thiền sư Nguyên Diệu - Si Thiền ở Trung trúc tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Vương ở Vụ châu. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là câu cắt đứt các dòng?" Sư đáp: "Phật Tổ mở miệng không phần". Lại hỏi: "Thế nào là hộp đậy càn khôn?" Sư đáp: "Quanh đất cùng trời". Lại hỏi: "Thế nào là câu theo gợn đuổi sóng?" Sư đáp: "Có lúc vào cỏ hoang, có lúc lên non cao". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoàng hôn gà gáy sáng, nửa đêm mặt nhật trên đầu, kinh dậy sư tử tuyết, mù mờ tròng mắt hồng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoa mai năm trước, liễu năm nay, đua khoe nhan sắc tỏa ngát hương". Sư hét một tiếng, ngưng giây lát, Sư bảo: "Nếu chẳng được một tiếng hét ấy, bao giờ nói đúng như cũ. Hãy nói. Sau khi nói đúng thì thế nào? Tròng mắt đột xuất".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐÀM Ở VIÊN GIÁC

1. Thiền sư Viên Nhật ở Linh nham.

Thiền sư Viên Nhật ở Linh nham tại Phủ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngộ không gì chẳng ngộ, đắc không gì chẳng đắc, chín năm xoay mặt vách tường không nhọc sức, lừa con ba cẳng nhảy lên trời trâu đất vào biển không dấu vết, vì lắm như vậy, chín lần chín là tám mươi mốt (9.9 = 81)".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HẢI Ở NHẠC LỘC

1. Thiền sư Tư Đạt ở Ngọc tuyền.

Thiền sư Tư Đạt ở Ngọc tuyền tại Kinh môn quân. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là một dấu ấn in giữa khoảng không?" Sư đáp: "Muôn tượng

gom về trong kiếng xưa". Lại hỏi: "Thế nào là một dấu ấn in trong dòng nước?" Sư đáp: "Ảnh bóng vầng nguyệt rơi lạc trong ngàn sông". Lại hỏi: "Thế nào là một dấu ấn in trên đất bùn?" Sư đáp: "Hãy trông nhìn kỹ văn thể lúc chưa sinh".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÁC Ở THIÊN NINH

1. Thiền sư Giới Kham ở Dục vương.

Thiền sư Giới Kham - Vô Thị ở Dục vương tại phủ Khánh nguyên. Vốn người dòng họ Trương ở Ôn châu. Nhân Tạ Tri sự, lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu thước có phân tấc kiếng soi còn hiếm. Đuôi cân không chấm sao hãy chớ lầm nhận. Nếu muốn xác định xưa nay nặng nhẹ, Phật tổ ngắn dài, chỉ xin đến trong đó đặt ngay một mắt. Nếu là một thước lại là mười tấc kia, tám lạng vốn là nửa cân, tự nhiên trong ngoài hòa bình, nước nhà vô sự. Ngày nay sơn Tăng đã là hai tay phân giao. Các người có chịu tin nhận vâng làm không? Thước lượng kéo dao khắp thế gian. Chí Công chẳng phải Hòa thượng rỗi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Văn Thù tiêu biểu trí, Phổ Hiền tiêu biểu hạnh, đã trải nhiều năm lắm ngày. Đức Sơn đánh gậy, Lâm Tế quát hét, anh hùng thời loạn, các người xuyên ngang Tăng đường vào điện Phật, lại có biết hiểm nguy qua cửa ải Thiết vi chăng. Bỗng nhiên đạp nhầm đảnh cốt Thích-ca, đắp ngay đầu trán Thánh Tăng. Chẳng khỏi một trường việc họa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu ta nói có vậy vì có ngại. Nếu ta nói không vậy vì không ngại. Nếu ta nói ngang vậy lại vượt chẳng qua. Nếu ta nói dọc vậy lại nhảy chẳng ra. Nếu muốn tùng lâm bình an, đại chúng vô sự, chẳng như đẩy ngã Dục Vương. Hãy nói Dục Vương làm sao đẩy ngã được đi?" Sư lại gọi đại chúng, tiếp bảo: "Dốc sức, dốc sức". Sư lại bảo: "Khổ thức, khổ thay! Dục Vương bị người đẩy ngã rồi vậy! Lại có đường thấy bất bình, rút kiếm cùng làm đến tận cùng ư? Nếu không, sơn Tăng chẳng khỏi tự ngã tự dậy". Xong, Sư chống cái phất trần rồi xuống khỏi tòa. Sư tánh khí cương nghị, đến với chúng rất có pháp xưa, người thời bấy giờ lấy "kham thiết" mà tôn xưng gọi Sư.

2. Thiền sư Tuệ Lâm ở Đạo tràng.

Thiền sư Tuệ Lâm - Phổ Minh ở Đạo tràng tại An cát châu, vốn người ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Có lọt vợt tre, không lọt chuôi gỗ, mẫu đơn trắng giữa sân, thược dược hồng nơi cửa. Nhận nghĩ người chín năm ngồi xoay mặt vách tường, đến đầu chẳng biết một trứ ấy. Hãy nói làm sao sống là một trứ ấy". Sư nắm cây gậy đánh vào thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng

đường, Sư bảo: "Một tức là nhiều, nhiều tức là một, trên đảnh Tỳ-lô sáng như mặt nhật, cũng không một cũng không nhiều, hiện thành công án không lừa dối, nắm dậy chăn giạ xưa lại gõ bảng, đến sáng cùng xướng ca Thái bình".

3. Thiền sư Cư Tuệ ở Đạo tràng.

Thiền sư Cư Tuệ - Vô Truyền ở Đạo tràng tại An cát châu, vốn người dòng họ Ngô ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chung Quỳ trong say xướng Lương châu, trước cửa em gái chỉ gật đầu. Dạ-xoa tuần biển sau khi thấy, mọi người vỗ tay lên lầu cao. Đại chúng nếu hiểu được, khóa ngay đầu lưỡi mọi người trong thiên hạ. Nếu hiểu không được, sắp gọi là Lão Tăng riêng có kỳ đặc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu sào trăm thước bóng đùa vui, chẳng chỉ dối ông lại lừa trời, tự cười bình sinh trên đường hiểm, đến già về lại không một tiền". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Lâm Tế chỉ dạy đại chúng rằng: "Một người ở đầu ngã tư đường cũng không hướng bối. Hãy nói cái nào ở trước, cái nào ở sau?" Rồi Sư bảo: "Lại có một người chẳng ở đỉnh núi cao, cũng chẳng tại đầu ngã tư đường, lão Lâm Tế tài giỏi vì gì không biết?" Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

4. Thiền sư Viên Trí ở Hiển ninh.

Thiền sư Viên Trí - Tùng Đường ở Hiển ninh tại phủ Lâm an. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hoa lan trắng, hoa liệu hồng, bên khe rễ trúc lồng khói biếc, mây nhàn ôm đá sâu, ngọc móc giọt non rậm, đêm qua quạ rùa biến làm ba ba, sáng nay trâu nước ngộ Viên Thông. Ôi!"

5. Thiền sư Lương Phạm ở Ô hồi.

Thiền sư Lương Phạm - Duy Am ở Ô hồi tại An cát châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Việc trong nhiều kiếp đã qua rành rành không mặt trái, động tĩnh chớ thể gần, cuộn buông khoái như điện, nói nói phàm không biết, Phật cũng nhìn chẳng thấy, quyết định tại nơi nào? Hợp lấy hai mảnh ấy dâng tiến không dâng tiến, lại vì các người thông một đường". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Thiên hạ thái bình, Hoàng Phong mãi quạt". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Chí Đạo không khó, chỉ hiềm chọn lựa. Người lúc bấy giờ có lỗ hổng chăng?" Triệu Châu đáp: "Từng có người hỏi Lão Tăng "ngay phải năm năm phân rành chẳng dưới". Rồi, Sư gọi đại chúng và bảo: "Triệu Châu đủ mắt sáng nơi cửa đảnh, đến đánh trong đá lửa phân trắng đen, giữa điện chớp ráng rành tung đoạt, vì gì tức năm năm phân rành chẳng dưới? Lại có ủy thác chăng? Dễ phân phấn trong tuyết, khó rành mồ hóng trong mực".

6. Thiền sư Văn Quan ở Bản tịch.

Thiền sư Văn Quan - Linh Quang ở Bản tịch tại Ôn châu, vốn người dòng họ Diệp ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Các Đức Như Lai trong thời quá khứ ở tại môn này đã thành tựu, việc tốt chẳng như không, các vị Bồ-tát trong đời hiện tại ngày nay mỗi tự vào Viên minh. Biệc tốt chẳng như không. Người tu học ở thời vị lai sẽ nương tựa như vậy mà ở, việc tốt chẳng như không. Lại có biết chăng? Trừ ngày Trần Xử Sĩ ở Hoa sơn, người nào chẳng dính phải quấy đi. Tham".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÀI Ở PHẬT TÂM - THƯỢNG PHONG

1. Thiền sư Nguyên Tố ở Phổ Hiền.

Thiền sư Nguyên Tố ở Phổ Hiền tại Phước châu. Vốn người ở Kiến ninh, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Binh lính theo ấn chuyển, ngoài ba ngàn dặm tuyệt khói bụi. Quan tướng theo phù hành, trong mười hai thời khắc sách làu làu. Chẳng dùng cờ sắt trống sắt, tự nhiên cỏ rạp gió đi, sao phải bảy vây tám bắt, phải được không nghĩ chẳng phục. Chỗ gọi là bậc Đại trượng phu cầm kiếm tuệ, Bát-nhã bén nhọn chữ Kim cang rực cháy, chẳng chỉ hay bẻ gãy tâm ngoại đạo, sớm từng bị lạc gan thiên ma. Chánh lúc nghĩ gì hãy nói chủ tướng là người nào?" Xong, Sư hét một tiếng. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nam Tuyền nói: "Từ mười tám tuổi trở lên, ta biết làm kế sống, trong đãy không sợi tơ buộc kiến, trong kho thiếu hạt gáo ruồi bu". Còn Triệu Châu nói: "Từ mười tám tuổi trở lên, Ta biết phá hoại vườn nhà, đến đầu Nam mua tiện rẽ, đến đầu Bắc bán mắc quý, kiểm điểm tương lai khéo cho ba mươi gậy". Tạm cho qua một trứ, cớ sao từng làm đãng tử riêng mến khách tự mến bát chén nghèo khổ tiếc người say". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc chưa mở miệng phân giao trước. Định nơi nghĩ lường cách ngàn núi, chớ nơi Phật pháp không nhiều con, chưa thấu ải Huyền cũng rất khó, chỉ như ải huyền làm sao sống thấu?" Xong, Sư hét một tiếng.

2. Thiền sư Tăng Tuân ở Cổ sơn.

Thiền sư Tăng Tuân ở Sơn đường - Cổ sơn tại Phước châu, vốn người dòng họ Nguyễn ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong tay Hoàng Nghiệt có sáu mươi gậy, chẳng hiểu đại ý đích xác của Phật pháp, ấn in so sánh chút ít. Dưới xương sườn đại ngu đấp ba mươi đấm, bèn nói Phật pháp Hoàng Nghiệt không lắm con, độn đặt giết chết người. Phải biết có một người mang gậy lớn bỗng thẳng ngay

đầu đánh, người ấy cũng chẳng xoay đầu lại. Nắm tay Lão thẳng mặt đấm, người ấy cũng chẳng đoái hoái. Hãy nói là ai?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió Bắc quét đất cuộn lá vàng, ngoài cửa ngàn núi sắc cóng lạnh, nửa đêm quạ rùa đeo tuyết bay, thạch nữ bên khe nhăn đôi mày". Sư gõ cây gậy một cái,tiếp bảo: "Mọi người ở trong đó, hãy nói là trời lạnh hay người lạnh". Sư lại hét một tiếng, tiếp bảo: "Về nhà đi".

3. Thiền sư Tổ Trân ở Cổ sơn.

Thiền sư Tổ Trân - Sơn Biệt ở Cổ sơn tại Phước châu, vốn người dòng họ Lâm ở Hưng hóa. Có vị Tăng hỏi: "Triệu Châu nhiễu quanh thiền sàn một vòng chuyển tạng đã xong, lý ấy như thế nào?" Sư đáp: "Vẽ rồng nhìn đầu, vẽ rắn nhìn đuôi". Lại hỏi: "Bà Tử nói: "Đến đây xin chuyển toàn tạng, vì gì chỉ chuyển được nửa tạng?" Ý ấy lại như thế nào?" Sư đáp: "Người không lo xa, hẳn có buồn gần". Lại hỏi: "Chưa xét rõ nơi nào là nơi chuyển nửa tạng?" Sư đáp: "Không phải người tri âm thì chẳng nhọc nói: "Nhân mùa Đông lạnh, lên giảng đường, Sư bảo: "Tìm trâu phải theo vết, học đạo quý vô tâm, vết còn thì trâu còn, vô tâm đạo dễ tìm". Sư dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: "Cái này là vết, vật trâu ở nơi nào? Ngay như thấy được đầu sừng rõ ràng, lỗ mũi cũng tại trong tay Pháp Thạch". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một đường hướng thượng, ngàn Thánh chẳng truyền". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Nghĩ gì hiểu được mười vạn tám ngàn, rốt cùng như thế nào? Đào hồng, lý trắng, tường vi tía, hỏi nhằm gió xuân đều không biết". Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Đại đạo chỉ tại trước mắt. Vả lại, cốt yếu trước mắt khó thấy nhìn, muốn biết thể thật của đại đạo, chẳng lìa sắc ngữ ngôn". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Cái này là ". Sư dựng đứng cây gậy, tiếp bảo: "Cái này là sắc, gọi gì làm thể thật của Đại đạo? Ngay như hướng đến trong đó thấy được, cũng là Trịnh Châu ra Tào Môn". Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng: "Nếu bàn luận việc này như ăn cơm no thì bèn thôi nghỉ, nếu cũng chẳng no hẳn có tâm nghĩ đến thức ăn. Nếu cũng quá no hẳn có thương tâm. Đến trong đó làm sao sống được vừa tốt đẹp đi?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Hãy về dưới hang nghỉ, đồng ngắm lúc trăng lên".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DU Ở VÂN NHAM

1. Thiền sư Trí Sách ở Kính sơn.

Thiền sư Trí Sách - Đồ Độc ở Kính sơn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Trần ở Thiên thai. Từ thuở bé thơ, Sư nương tựa Sa-môn Sở

Quang ở Hộ quốc cầu xin xuống tóc xuất gia. Năm mười chín tuổi, Sư đến Quốc , bái yết Thiền sư Quang - Tịch Thất, tự nhiên có chút tỉnh ngộ. Tiếp theo, Sư đến bái yết Thiền sư Đại Viên ở Vạn thọ tại Minh châu. Thiền sư Đại Viên hỏi: "Ông từ đâu đến?" Sư đáp: "Từ Thiên thai đến". Lại hỏi: "Có thấy gặp Đại sư Trí Giả chăng?" Sư đáp: "Tức nay cũng không thiếu". Lại hỏi: "Nhân gì tại dưới chân ông?" Sư đáp: "Thẳng mặt đạp qua". Thiền sư Đại Viên bảo: "Thương nhân không canh cày mà đơm bông kết trái, không chống đỡ mà thẳng ngay". Một ngày nọ, Sư giã từ ra đi, Thiền sư Đại Viên tiễn đưa ra cửa, vỗ vào lưng Sư, bảo rằng: "Bảo sở gần đây, thành này chẳng phải thật". Sư gật đầu mà đi.

Đến Dự chương, bái yết Thiền sư Điển Ngưu, đường đi do từ Vân cư nhưng bị gió tuyết ngăn bít đường, Sư bèn ngồi yên qua bốn mươi hai ngày. Ngày nọ, gần đến giờ ngọ, nghe tiếng bảng khua vang, bỗng nhiên Sư đại ngộ, kịp lúc vừa đến cửa, Điển Ngưu riêng chỉ Sư hỏi: "Từ đâu thấy Thần thấy Quỷ đến đây?" Sư đáp: "Ở Vân cư, nghe tiếng bảng mà đến". Lại hỏi: "Là gì?" Sư đáp: "Đánh phá hư không toàn không cuôi cán". Điển Ngưu bảo: "Chưa ở tại việc hướng thượng". Sư nói: "Nhà Đông ngồi tối, nhà Tây chặt chửi". Điển Ngưu bảo: "Cao ngật vượt ngoài Phật tổ, ngày khác mở nhà một con lân đủ vậy". Ở lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Trong kinh giáo nói: "Nếu cùng sắc để thấy Ta, dùng âm để tìm cầu Ta, người ấy theo đạo tà, không thể thấy Như Lai". Tuy là nghĩ gì, chánh là bắt được chuột già, đánh phá bình dầu. Thiền sư Hoài nói: "Mắt ông tại nơi nào?" Tuy là biết phá Thích-ca, Lão Tử vì sao cầm bánh mút tay? Nếu là đồ độc tức không như vậy. Sắc thấy, âm nghe cũng chẳng phòng ngại, trăm hoa trong ảnh dệt uyên ương, từ sau khi biết được kim vàng, mặc tình gió thổi đầy áo thơm".

Đến lúc sắp tịch, lên tòa cao, Sư từ biệt đại chúng, dạy bảo môn nhân dùng văn để cúng tế, Sư ngồi trên cao lắng tai nghe, đến "Thượng Hưởng", Sư cười một tiếng. Qua hai ngày sau, tắm gội thay y phục, xong, Sư nhóm tập đại chúng và nói kệ tụng rằng: "Bốn đại đã phân bay, khói mây mặc ý về, trời thu trăng đêm sương, muôn dặm chuyển ngời sáng". Xong, chỉ chốc lát Sư điềm nhiên thị tịch, dựng tháp an táng tại vườn núi Đông cương.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MÂN Ở VIÊN THÔNG

1. Thiền sư Thủ Tuệ ở Viên thông.

Thiền sư Thủ Tuệ - Xung Chân - Mật Ấn - Thông Tuệ ở Viên

thông - Lô sơn tại Giang châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chỉ biết ngày nay lại ngày mai, không biết thu trước với thu sau, bước bằng thản nhiên về quê cũ, tức cưỡi trăng sáng qua bể xanh. Ôi! Chẳng phải khổ tâm người không biết".

2. Thiền sư Đạo Quán ở Hoàng long.

Thiền sư Đạo Quán ở Hoàng long tại phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa nói mắt đối sắc, tai đối , muôn pháp thành xong. Các ông vì gì từ sáng sớm đến chiều tối các pháp chẳng cùng đến?" Sư bèn hét một tiếng và tiếp bảo: "Dẫn trâu vào lỗ mũi các người, Họa chẳng vào cửa nhà cẩn thận".

3. Cư sĩ Tả Thừa Phạm Xung.

Cư sĩ Tả Thừa Phạm Xung, tự là Trí Hư, do từ Hàng Uyển đến trấn thú Dự chương, ngang qua Viên Thông bái yết Thiền sư Mân. Tan cuộc trà, Cư sĩ nói: "Tôi tuổi sắp già nua, rơi lạc đi trong hàng vàng tía, việc này hơi xa". Thiền sư Mân bảo: "Nội Hàng!" Cư sĩ liền ứng tiếng đáp: "Dạ vâng!" Thiền sư Mân bảo: "Đâu có gì xa?" Nghe vậy, Cư sĩ mừng vui nhảy nhót thưa: "Xin Sư lại dủ lòng chỉ dạy". Thiền sư Mân bảo: "Đây cách Hồng đô có bốn trình". Cư sĩ chần chừ suy nghĩ. Thiền sư Mân bảo: "Thấy tức liền thấy, phỏng nghĩ tức sai". Cư sĩ mới bỗng nhiên tỉnh ngộ".

4. Cư sĩ Xu Mật Ngô Cư Hậu.

Cư sĩ Xu Mật Ngô Cư Hậu, giữ tiết về Chung lăng, đến bái yết Thiền sư Mân ở Viên thông, thưa rằng: "Tôi nhân đến tỉnh thử qua đây, qua ải Triệu Châu, nhân hỏi Lão Nột ở trước việc thấu cửa ải như thế nào? Lão Nột bảo: "Hãy tạm đi làm Quan", mà nay bất chợt đã hơn năm mươi năm". Thiền sư Mân bảo: "Từng thấy được việc thấu cửa ải chăng?" Cư sĩ đáp: "Đã tám lần trải qua, vẫn thường giữ niệm này, nhưng chưa nơi thoát lọt". Thiền sư Mân chuyển trao cái quạt và bảo: "Xin Sư quạt". Cư sĩ liền khua quạt. Thiền sư Mân hỏi: "Có nơi chẳng thể thoát lọt chăng?" nghe thế, bỗng nhiên Cư sĩ có sự tỉnh ngộ, thưa: "Tiện xin câu cuối cùng!" Thiền sư Mân phẩy cái quạt xuống hai lần. Cư sĩ nói: "Thân thiết, thân thiết". Thiền sư Mân bảo: "Đầu lưỡi cát lão ba ngàn dặm".

5. Cư sĩ Gián Nghị Bành Nhữ Lâm.

Cư sĩ Gián Nghị Bành Nhữ Lâm, tự tay viết kinh Quán Âm đem dâng tặng Thiền sư Mân ở Viên thông. Thiền sư Mân nắm lấy, bảo: "Cái này là kinh Quán Âm, cái nào là kinh Gián Nghị?" Cư sĩ đáp: "Đây là tự tôi biên viết". Lại hỏi: "Biên viết đến cùng là chữ, cái nào là

kinh?" Cư sĩ cười đáp: "Tức trọn không được vậy". Thiền sư Mân bảo: "Tức hiện thân Tể Quan mà vì giảng nói pháp". Cư sĩ nói: "Mỗi người đều có phần". Thiền sư Mân bảo: "Chớ phỉ báng kinh tốt lành". Cư sĩ hỏi: "Thế nào tức là phải?" Thiền sư Mân đưa quyển kinh lên mà chỉ bảo đó. Cư sĩ bèn vỗ tay cười lớn, nói: "Vậy hả?" Thiền sư Mân bảo: "Lại nói trọn chẳng được". Cư sĩ bèn lễ bái.

6. Cư sĩ Trung Thừa Lư Hàng.

Cư sĩ Trung Thừa Lư Hàng, cùng Thiền sư Mân ở Viên thông un lò lửa, lần lượt, Cư sĩ hỏi: "Nhân duyên các nhà chẳng nhọc nắm ra, một câu cắt ngay, xin sư chỉ bày?" Thiền sư Mân tiếp bái, gằn tiếng bảo: "Nhìn lửa". Cư sĩ vội đánh vạt áo, bỗng nhiên đại ngộ, cảm tạ rằng: "Rõ ràng Phật pháp không lắm con". Thiền sư Mân hét một tiếng và bảo: "Buông trứ xuống". Cư sĩ bèn ứng tiếng đáp: "Kính vâng!".

7. Cư sĩ Tả Ty Đô Huống Trịnh.

Cư sĩ Tả Ty Đô Huống Trịnh, hỏi Thiền sư Mân ở Viên thông rằng: "Pháp ấy chẳng phải chỗ nghỉ lường phân biệt có thể hiểu biết được. Vậy phải ghé hợp như thế nào?" Thiền sư Mân đáp: "Toàn thân ùn vào đống lửa". Cư sĩ lại hỏi: "Rốt cùng hiểu hợp như thế nào?" Thiền sư Mân đáp: "Lên thẳng đi". Cư sĩ trầm ngâm. Thiền sư Mân tiếp bảo: "Có thể lại uống trà chăng?" Cư sĩ đáp: "Không hẳn". Thiền sư Mân bảo: "Sao chẳng nghĩ gì hiểu?" Cư sĩ bỗng khế hợp, đáp: "Xưa nay vốn rất gần". Thiền sư Mân bảo: "Mười vạn tám ngàn. Cư sĩ bèn niêm bài kệ rằng: "Chẳng thể nghĩ bàn là đống lửa lớn, iện nghĩ gì đi, chẳng lìa đương xứ". Thiền sư Mân bảo: "Ôi! Còn có cái ở?" Cư sĩ thưa: "Xin Sư lại dủ lòng chỉ bày". Thiền sư Mân bảo: "Tiện nghĩ gì đi, nồi vốn sắt đúc". Cư sĩ liền dập đầu cảm tạ.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHU Ở TUYẾT PHONG

1. Thiền sư Tuệ Trung ở Tuyết phong.

Thiền sư Tuệ Trung - Cầu Đường ở Tuyết phong tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trọn ngày bận rộn, việc nào không phòng ngại. Làm sao sống là việc nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Tâm không phu người, mặt không sắc thẹn".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LẬP Ở TƯỜNG PHÙ

1. Thiền sư Thuần ở Báo từ.

Thiền sư Thuần ở Báo từ tại Hồ nam. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trông mắt xanh nháy một cái vàng ròng biết về, trao tay mà lại

như kiếm báu của vua, mà nay mở bày nhà cửa, mỗi tự nối khác mỗi, có thể gọi là đường xưa bình thản mà gai góc sinh, mắt pháp thẳng ngay mà lại che mờ, cô phụ tiên Thánh, vùi lấp tánh linh của chính mình. Hãy nói chẳng vùi lấp, chẳng cô phụ, chánh pháp nhãn tạng làm sao nhả bày? Lại có nhả bày được không? Ra nhả bày xem? Như không vác lấy thi thơ về ẩn nơi cũ, hoa đồng chim hót một ban xuân".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ PHÁP CHÂN Ở PHÙ SƠN

1. Thiền sư Huy ở Linh nham.

Thiền sư Huy ở Linh nham tại Nga my. Có vị Tăng hỏi: "Bồ-tát Văn Thù là thầy của bảy Đức Phật. Chưa xét rõ ai là thầy của Bồ-tát Văn Thù?" Sư đáp: "Chính là vợ của Mã Lang ở đầu khe suối Kim sa".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HIỂN Ở TÍN TƯỚNG

1. Thiền sư Văn ở Kim thằng.

Thiền sư Văn ở Kim thằng tại phủ Thành đô. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là nguồn của đại đạo?" Sư đáp: "Hoàng hà có chín khúc cong". Lại hỏi: "Thế nào là lệnh không phạm?" Sư đáp: "Rắn sắt đục không vào". Vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn đánh.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÀNH Ở TỊNH NHÂN

1. Thiền sư Như Thắng ở Thụy nham.

Thiền sư Như Thắng - Phật Đăng ở Thụy nham tại Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người người lãnh lược Thích-ca, mỗi mỗi bình khinh Đạt-ma, kịp đến lúc hỏi tới Tông cương, bó tay đều bảo "bỏ qua". Bỏ qua tức chẳng không, chỉ như con gái xả định, Triệu Châu rửa chén bát, lại làm sao sống nói hiểu? Hạc có chín cao khó vỗ cánh bay, ngựa không ngàn dặm lừa dối đuổi gió".

2. Thiền sư Đạo Xuyên ở Dã phụ.

Thiền sư Đạo Xuyên - Thật tế ở Dã phụ tại Vô vi châu, vốn người dòng họ Địch ở Côn sơn. Mới đầu làm cung cấp của huyện, nghe Thủ tòa Khiêm ở Đông trai vì các hàng đạo tục giảng nói pháp, Sư bèn đến nương theo đó tập học ngồi không biết nhọc mệt. Một ngày nọ nhân không tròn trách nhiệm, bị đánh roi, bỗng nhiên đang dưới roi gậy mà đại ngộ, Sư bèn từ chức, nương tựa theo Thủ tòa Khiêm. Thủ tòa Khiêm vì đổi tên cho Sư là Đạo Xuyên. Vả lại bảo: "Xưa trước gọi ông là "Địch Tam" nay gọi là "Đạo Xuyên". "Xuyên" tức là "Tam" vậy. Ông có thể

dựng đứng dậy rường cột, trọn rành mỗi việc. Đạo ấy như Tăng thêm của Xuyên nếu buông ngã thì y như Định Tam xưa cũ vậy”. Sư ghi khắc vào Tâm.

Khoảng đầu niên hiệu Kiến Viêm (1127) thời Nam Tống, thọ giới Cụ túc rồi, Sư du phương tham phỏng, đến Thiên phong cùng Bàn Am trò chuyện, có phong cùng Đầu Am ngợi khen, Sư trở về nghỉ ở Đông trai. Các hàng đạo tục càng kính trọng. Có người đem kinh Kim Cang Bát-nhã đến thưa hỏi, Sư vị đọc tụng đó, khiến hưng thạnh lưu truyền nơi đời. Đến đầu niên hiệu Long Hưng (1163) thời Nam Tống, Điện Tuyển Trịnh Công vì tuổi cao nên chuyển dời đến Hoài tây, vừa lúc tại Dã phụ pháp tịch trống vắng nên nghinh thỉnh Sư khai đường giảng pháp. Lên giảng đường Sư bảo: “Các âm bóc hết một dương sinh, cỏ cây vườn rừng đều phát mầm, tuy có nạp Tăng không đáy bát, y nhiên cơm đầy lại canh đầy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: “Một ngày nọ, Tuyết Phong lên tòa, nắm cây gậy, trông nhìn về phía Đông, bảo: “Bên Đông tận cùng”. Lại nhìn về phía Tây, bảo: “Bên Tây tận cùng, các người có biết chăng?” Lại ném cây gậy xuống, tiếp bảo: “Hướng đến trong đó hiểu lấy”. Xong, Sư bảo: “Bên Đông trông nhìn xong, lại bên Tây, quán xét cây gậy lớp lớp nói đông lạnh, mang mưa một cành hoa rụng hết, chẳng phiền công tử tựa lan can”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÚ Ở THƯỢNG PHONG

1. Cư sĩ Văn Định Hồ An Quốc.

Cư sĩ Văn Định Hồ An Quốc - Thảo am, tự là Khương hầu, qua thời gian lâu nương tựa Thiền sư Tú ở Thượng phong, chứng đắc yếu chỉ ngôn ngoại. Trong khoảng niên hiệu Sùng Ninh (1102-1107) thời Bắc Tống, nhên đến Dược Sơn, có thiền nhân nêu cử câu thoại Nam Tuyền chém con mèo mà hỏi. Cư sĩ bèn dùng kệ tụng đáp rằng: “Tay nắm càn khôn giết có sống, bày biện dọc ngang lúc tới thời, thỏ ngựa nhà ngọc khác voi rồng, đại dụng rành rành thảy chẳng hay”. Cư sĩ lại gởi đến Thiền sư Tú ở Thượng phong với lời: “Núi Chúc dung tợ trời đổ thành, muôn xưa núi sông ở trước mắt, phải tin Tử Tâm vốn bất tử, đêm đến trăng thu lại đồng tròn”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ PHÙNG Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Trạch Sùng ở Tiến phước.

Thiền sư Trạch Sùng - Thường Am ở Tiến phước tại Nhiêu châu, vốn người ở phủ Ninh quốc. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: “Có

vị Tăng hỏi Cổ đức: "Sinh tử đến nơi làm sao khỏi được?" Cổ đức đáp: "Củi nổ tre cháy kinh tai người". Lại hỏi: "Không hiểu". Cổ đức đáp: "Nhà tiếng chó dữ đêm chẳng ngưng". Xong, Sư bảo: "Các người cần muốn hiểu chăng? Củi nổ tre cháy kinh tai người, đáy biển rộng sâu bụi trần nổi, nhà tiếng chó dữ đêm chẳng ngưng, đất bằng đi thuyền ba muôn dặm. Kiên lao Địa thần cười ha ha, vua núi Tu-di mắt nhìn mũi, nắm tay đi Đông tức đến Tây. Tiếng ứng Nam sơn trong Bắc sơn. Ngàn tay đại bi mở mắt nhìn, vô lượng từ bi ấy là ai?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Đầu dài chân ngắn ít vui nhiều giận". Lại có lúc lên giảng đường, Sư hỏi Thị giả: "Lại có nhớ được nhân duyên ngày qua như thế nào không?" Thị giả đáp: "Ghi nhớ không được". Sư lại ngoảy nhìn đại chúng và bảo: "Vậy có ai ghi nhớ được chăng?" Trong đại chúng không ai trả lời. Sư dựng đứng cây phất trần, tiếp hỏi: "Có ghi nhớ được chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Cũng quên ngay rồi vậy. Ba nơi chẳng thành, một cũng không có. Các người chẳng hiểu phương ngôn (ngôn ngữ địa phương), Lộ trụ hãy chớ mở miệng". Xong, Sư đánh cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHẤN Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Tuệ Sơ ở Đức sơn.

Thiền sư Tuệ Sơ ở Đức sơn tại..... Thường đức. Vốn người ở phủ Tỉnh giang. Có lúc lên giảng đường, Sư ngoảy nhìn đại chúng rồi bảo: "Có thấy chăng? Ở trời thành tượng, ở đất thành hình, ở nhật nguyệt làm cuối tháng đầu tháng, ở bốn mùa làm lạnh và nóng, dùng sấm sét mà cổ xúy, dùng gió mưa mà đượm nhuần. Tạm nói ở trên phần nạp Tăng lại làm sao sống? Một lần nhảy thì nhảy vụt bốn biển lớn, một nắm đấm thì đấm ngã núi Tu-di, trong ngôi vị Phật tổ lưu dừng chẳng ở, lại thối sáo của ngư ông vịnh Mịch la". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày hai mươi lăm tháng chín, dụm đầu cùng nhau cử, lòa ngay mắt chánh pháp, nắm tức khắp Vân môn, Đức Sơn không hiểu nói Thiền, thừa được thôn ca xã múa. A, ha, ha, la la lý". Xong, Sư bèn làm thế múa vũ và xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHẤT Ở VẠN NIÊN

1. Thiền sư Thường ở Báo ân.

Thiền sư - Thủ tòa Pháp Thường ở Báo ân tại phủ Gia hưng, vốn cháu của Thừa tướng Tiết Cư Chánh, người phủ Khai phong. Năm Tuyên Hòa thứ bảy (1125) thời Bắc Tống. Sư đến nương tựa Sa-môn

Nguyên Thức ở Hoa Nghiêm - Ích Dương tại Trường sa, cầu xin xuất gia, rồi vân du tựa nương khắp các tùng lâm, đối với kinh Thủ Lăng Nghiêm, Sư vào sâu được Biến nghĩa. Từ Hồ tương đến Vạn niên bái yết Tuyết Sào, cơ năng khế hợp, bảo Sư trông coi Tiên hàng, vè sau làm Thủ chúng ở Báo ân, trong thất chỉ một chiếc giường thấp, ngoài ra không vật gì khác. Bấy giờ là ngày 21 tháng 10, đến phương trượng bái yết, dùng cơm lúc trời mờ sáng, Sư viết bài Từ Ngư Phụ nơi cửa thất, rồi đến giường nằm xếp chân mà thị tịch. Bài Từ ấy Sư viết: "Việc này Lăng nghiêm thường lộ bày, hoa mai trăng tuyết giao ngời sáng, một cười xa xăm không, muôn xưa gió âu ngữ, xa xa ngân hán giăng ngang trời, giấc mộng Nam hoa vừa hớn hở, ban ban ai vượt Hổ phong can, mà nay quên ngay đường lúc đến, non sông trời chiều bờ mắt tiễn chim hồng bay đi".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI AM CHỦ TỔ Ở NHẠC SƠN

1. Thiền sư Thúc ở Diên khánh.

Thiền sư Thúc ở Diên khánh tại Lô sơn. Có vị Tăng hỏi: "Trước tháp Đa tử cùng đàm nói việc gì?" Sư đáp: "Một hồi gặp lại một hồi già, hay được lúc nào làm anh em". Vị Tăng ấy lễ bái. Sư bảo: "Ngày nay Đường Hưng mất lợi".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỈNH Ở THẮNG NHÂN

1. Thiền sư Phổ Tín ở Vạn thọ.

Thiền sư Phổ Tín - Mộng Am ở Vạn thọ tại Liên thủy quân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tuyết thừa đã tiêu hết, sắc xuân ngày một nhiều, nếu đem thời tiết hội, Phật pháp lại thế nào? Hãy nói đạo lý thời tiết nhân duyên cùng với Phật pháp làđồng hay là khác?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Trông cây vô ảnh người không thấy, hoa nở quả kết tự tỏa hương".

2. Thiền sư Hưng Đạo ở Tuệ nhật.

Thiền sư Hưng Đạo - Mặc Am ở Tuệ nhật tại phủ Bình giang. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đồng mây muốn tuyết chưa tuyết, mến mặt nhật tợ sáng chẳng sáng. Lạnh chim sẻ tỷ ty ồn dưới nhậu, gió Bắc rét giá rung màn rèm, cần hiểu Thiều Dương câu thân thiết, sáng nay nhìn mặt nâng nhấc nhỏm". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa.

3. Thiền sư Quả Mẫn ở Quang hiếu.

Thiền sư Quả Mẫn ở Quang hiếu tại Quảng đức quân, vốn người ở

Đào nguyên, Thường đức. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử câu thoại Nam Tuyền chém mèo, rồi Sư mới bảo: "Nam Tuyền nhấc lên phóng dao chém, Tu-la sáu tay cứu được không. Giả sử hai nhà đều nói được, cũng sẽ máu đổ tràn đầy đường".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIAO Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Viên ở Bồng lai.

Thiền sư Viên ở Bồng lai tại phủ Khánh nguyên. Sư ở tại núi suốt ba mươi năm chân chẳng vượt qua ngưỡng cửa. Các hàng đạo tục rất kính ngưỡng tôn trọng Sư. Sư có bài kệ tụng rằng:

"Chằm khâu chăn đắp hong ấm lại,
Một giấc ngủ ngon đến canh năm,
Nghe được trống chuông phương trên động,
Lại thêm một ngày sống với đời".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ Ở MINH CHIÊU

1. Thiền sư Lễ ở Tuyên mật.

Thiền sư Lễ ở Tuyên mật - Thạch tháp tại Dương châu. Có vị Tăng hỏi: "Núi sông đại địa cùng với hcính mình là đồng hay là khác?" Sư đáp: "Đình rộng trăng đêm mát phần nhiều vì khách trải buông". Lại nói: "Cảm tạ Sư giải đáp câu thoại!" Sư bảo: "Lưới lớn khó làm tơ chim đông đúc mới được cá". Vị Tăng ấy làm thế múa vũ mà trở về lại chúng. Sư bảo: "Lấy sông dài làm nghiên mực, từng viết thư tuyệt giao". Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Dã hồ của Bách Trượng, xong Sư mới bảo: "Chẳng phải tay vạch sóng, nhọc khoe cá vượt biển. Do nền mới xòe mũi nhọn, trên đầu gậy đàn vượn kinh sợ". Lại có lúc lên giảng đường, đến trước tòa, Sư vẫy bảo một vị Tăng lên pháp tòa, vị Tăng ấy kinh sợ muốn chạy, Sư bèn chỉ vào tòa và bảo: "Cái gác này nếu dẫn một con lừa lên, nó cũng phải đến trên đó ỉa vậy, các ông nhân gì mà chẳng chịu?" Sư nắm cây gậy đồng một lúc xua đuổi tan cả, rồi ngoảy nhìn Thị giả, bảo: "Nguy hiểm".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ GIÁC Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Trí Giám ở Tuyết đậu.

Thiền sư Trí Giám ở Tuyết đậu tại Minh châu, vốn người dòng họ Ngô ở Trừ châu. Từ thuở bé thơ, thân mẫu rửa vết thương nơi tay cho Sư, và hỏi: "Là gì vậy?" Sư đáp: "Tay con tợ tay Phật". Lúc trưởng thành, Sư đến nương tựa Thiền sư Chân Hiết ở Trường lô. Thủ chúng

Đại hưu rất mến quý Sư. Về sau, Sư chuyển đến Tượng sơn, trăm thứ quái quỷ không thể làm loạn hoặc Sư. Giữa đêm khuya Sư được khai ngộ, bèn đến cầu Diên Thọ ấn chứng, nhưng lại thấy gặp Đại Hưu. Ở, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Đức Thế Tôn có mật ngữ, Ca-diếp chẳng giấu che, một đêm mưa hoa rơi, đầy thành nước hương chảy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TÔNG Ở TUYẾT ĐẬU

1. Thiền sư Đạo Cần ở Quảng phước.

Thiền sư Đạo Cần - Vi Am ở Quảng phước tại Thái châu, vốn người dòng họ Du ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, nêu cử có vị Tăng hỏi Đồng An: "Thế nào là gia phong của Hòa thượng?" Đồng An đáp: "Gà vàng ôm con về Tiêu hán, thỏ ngọc mang thai vào Tử vi". Lại hỏi: "Bỗng nhiên gặp khách đến thì tiếp đãi như thế nào?" Sư đáp: "Quả vàng sáng sớm vượn hái đi, hoa ngọc chiều tối phụng ngậm lại". Xong, Sư bảo: "Với Quảng phước tấc không như vậy, nếu hỏi thế nào là gia phong của Hòa thượng? Chỉ cần đáp với người ấy là trúc biếc cạnh rừng ca mới thực, non xanh non thẳm lưới mây nằm: Nếu hỏi bỗng gặp khách lại tiếp đãi như thế nào? Thì đáp không chỉ giỏ xách đầy trăng sáng, chén bát vô tâm đựng gió trong".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÍ Ở THIỆN QUYỀN

1. Thiền sư Tảo ở Siêu hóa.

Thiền sư Tảo ở Siêu hóa tại Việt châu. Nhân lúc khai lò lên giảng đường, Sư bảo: "Tuyết đầy cửa lạnh đốt hết Phật gỗ Đan hà. Băng trải đồng nội, cóng chết trâu sắt thiểm phủ. Ngay được tro lạnh nổi lửa, mảnh tuyết chẳng còn, mặc tình dọc ngang hiện thành thọ dụng. Các Thiền đức cần hiểu chăng? Khăn choàng phủ đầu ngồi lạnh ấm trọn không hay".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỈNH Ở ĐẠI TÙY

1. Thiền sư Tự Hồi ở Thạch đầu.

Thiền sư Tự Hồi ở Thạch đầu - Điếu ngư đài tại Hợp châu, vốn người ở Bản quận. Gia đình nhiều đời làm nghề thợ đục đá. Tuy không biết chữ nhưng Sư rất kính mộ Không Tông, từng cầu xin người chỉ dạy kinh Pháp Hoa bằng cách đọc miệng mà Sư trì tụng đó. Sư giã từ gia đình thế tục đến Đại tùy nương tựa, chuyên chăm công việc quét tước, trong chùa bảo sư đến lấy đá nơi sườn núi, tay Sư chẳng buông dùi đuục, mà miệng Sư đọc tụng kinh cũng không ngưng nghỉ, Thiền

sư Tỉnh thấy vậy bảo: "Ngày nay soang soảng, ngày mai soang soảng. Chết sống đến nơi làm sao bẻ hợp". Nghe thế, Sư ngạc nhiên, buông bỏ dùi đục, lễ bái cầu xin được nghe pháp rốt ráo. Nhân theo đến nơi phương trượng, Thiền sư Tỉnh bảo Sư tạm bỏ việc tụng kinh, khám xét nhân duyên Khám Bà của Triệu Châu. Sư chăm giữ từng niệm chẳng lìa khỏi tâm. Lâu sau, nhân lúc đục đá. Tảng đá hơi cứng chắc, Sư dốc hết sức đập một dùi, liếc thấy ánh lửa chớp, bỗng nhiên tỉnh ngộ thấu triệt. Sư chạy đến phương trượng, lễ bái, trình bài kệ tụng rằng: "Dùng hết công phu, đều không lỗ mũi, ánh lửa bắn xoẹt, vốn tại trong ấy". Thiền sư Tỉnh vui lòng, bảo: "Ông đã thấu triệt đó!" Sư lại dâng trình bài tụng Khám Bà của Triệu Châu rằng: "Ba quân chẳng động cờ chợt sáng, Lão Bà chánh là chân Ma vương, Triệu Châu không cầm cơm chổi sắt, quét sạch khói bụi không tịch mịch". Thiền sư Tỉnh ấn khả cho Sư và bèn trao cho Tăng phục. Nhân vì Sư làm nghề đục đá nên mọi người xưng gọi Sư là "Hồi Thạch Đầu".

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tham thiền học đạo rất tợ như ngồi đáy giếng kêu khát, rất không biết bít tai lấp mắt xoay mặt tường vách chẳng kịp. Vả lại, như trong mười hai thời khắc đi đứng ngồi nằm động chuyển thi vi, là gì, người khiến nương tựa, mắt thấy tai nghe nơi nào chẳng phải đầu đường? Nếu biết được đầu đường, bèn là đường đại giải thoát. Mới biết gã tài giỏi ấy vì ta mà chứng minh. Núi sông đại địa vì Ta mà chứng minh. Do đó nói: Một đường đến cửa Niết-bàn của các Đức Phật ở khắp mười phương. Chư nhân giả! Phàm có một vật ngay đường cần cội nguồn của một vật. Một mặt không nơi đặt để, cần thấy cội nguồn của mọi vật. Thấy được cội nguồn. Nguồn không chỗ nguồn, chỗ nguồn đã không, nơi nào chẳng tròn. Chư Thiền đức! Các người nhìn Lão tài giỏi ấy có nơi nào hơn các người? Các người có thấy nơi các người không như các Lão tài giỏi ấy. Có hiểu chăng? Thái hồ ba vạn sán ngàn khoảnh, trăng tại cõi lòng cùng ai".

2. Thiền sư Cư Tỉnh ở Hộ Thánh.

Thiền sư Cư Tỉnh - Ngu Khâu ở Hộ Thánh tại phủ Đồng châu, vốn người dòng họ Dương ở Thành đô. Năm mười bốn tuổi, Sư đến đảnh lễ Sa-môn An Tuệ ở Bạch mã, tôn xưng làm thầy. Nghe đạo phong của Nam Đường vang vọng khắp xa, Sư bèn đến nương tựa, Mã Đường nêu cử câu thoại rồng ngâm trong cây khô của Hương Nghiêm, qua lại đối đáp cật vấn. Ngay lời nói ấy, bỗng nhiên Sư đại ngộ. Một ngày nọ Nam Đường hỏi: "Chẳng giữ cỏ xanh khác lạ hang lạnh, ngồi ngay Bạch Vân Tông chẳng diệu, làm sao sống?" Sư đáp: "Ngay phải múa kiếm, nếu

không múa kiếm, ngư phụ nương đậu tổ". Nam Đường nhanh chóng bảo: "Đứa ở trẻ con này!" Sư trân trọng mà tuân hành đó.

Lúc ra hoằng hóa, Sư đến Đông nham, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vầng nguyệt sinh một, Đông nham chợt ở thêm buồn vắng, đường đời lắm mối, bún gạo ăn chứa không hạt sạch. Sườn bờ làm bạn suối làm xấp, vùn vụt gió trong lại vào nhà, Sơn vương Thổ địa bận trong tối, Vân bảng chuông mõ trộm giọt lệ, người đời chớ bảo giữ không tịch, cũng có rèm Đông đánh vách Tây". Sư từng bảo cùng đại chúng rằng: "Tham học đến cốt yếu cùng cực chẳng vượt qua trước kia Nam đường nói: "Câu đầu tiên và câu cuối cùng. Người thấu qua được thì việc của một đời hoàn tất, thản như chưa được vậy, lại cùng các người phân làm mười môn, mỗi mỗi ấn chứng, từ tâm lại được ẩn ngay chưa? Một là phải tin có giáo ngoại biệt truyền, hai là phải biết có giáo ngoại biệt truyền, ba là phải hiểu vô tình nói pháp và hữu tình nói pháp không hai, bốn là phải thấy tánh như nhìn vật trong lòng bàn tay, rõ ràng rành rẽ, mỗi một đất ruộng ẩn mật, năm là phải đủ mắt chọn lọc pháp, sáu là phải đi đường cao chim bay, bảy là phải văn võ gồm đủ để cứu giúp, tám là phải phá tà hiển Thánh, chín là phải đại cơ đại dụng, mười là phải hướng đến trong các loài khác mà hành. Phàm muốn tiếp nối làm hưng thạnh sáng rỡ giống pháp thì phải dốc hết cương yếu đây, mới có thể ngồi được nơi sàn giường khúc lục ấy, nhận được sự lễ bái của người trong thiên hạ, dám cùng Phật tổ làm thầy. Nếu chẳng đến nghĩ gì đất ruộng, chỉ một hướng đến đầu trống rỗng, ngày kia lúc khác Lão Diêm vương chẳng buông tha các người vậy". Bấy giờ các học giả, mỗi tự làm kệ tụng trình bày cùng Sư. Sư lấy kệ tụng chỉ dạy rằng: "Mười môn cương yếu bày trong tay, cơ hội đến lúc tự có làm, người làm chẳng phải bày vị thứ, đại khái đuôi đầu là căn cơ".

3. Thiền sư Thắng ở Nam nham.

Thiền sư Thắng ở Nam nham tại Giản châu. Có lúc lên giảng đường, Sư gọi đại chúng và bảo: "Hộ sinh phải là giết, giết hết mới ở yên. Hiểu được ý trong đó, rành rẽ tại nửa đường. Hãy nói một câu đến nhà lại làm sao sống? Thích-ca, Di-lặc không lượng đại, nhìn lại còn chỉ là đứa ở kia". Có vị Tăng hỏi: "Buông đi năm vị tức không hỏi, còn nắm định ba cửa của việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Đè ngang Mạc-da toàn chánh lệnh". Lại hỏi: "Nắm định ba cửa đã được chỉ bày, còn buông đi năm vị việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Hoàn vũ thái bình dứt ngu si". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì môn hạ Nam nham đất rộng người thưa?" Sư đáp: "Nạp Tăng lanh lợi chỉ tiêu một điềm". Lại hỏi: "Từ xưa đến nay lúc

đồng sinh đồng tử thì thế nào?" Sư đáp: "Giặc trong nhà khó đề phòng". Lại nói: "Ngày nay người học nhỏ ra lớn gặp đi vậy". Sư bèn đánh và bảo: "Phải là Lão Tăng đánh ông mới được". Vị Tăng ấy bèn lễ bái. Sư bảo: "Rất kỵ lừa dối người sáng tỏ".

4. Thiền sư Sư Viễn ở Lương sơn.

Thiền sư Sư Viễn - Khuếch Am ở Lương sơn tại phủ Thường đức, vốn người dòng họ Lỗ ở hợp châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại con lừa ba chân của Dương Kỳ. Xong, Sư mới gọi đại chúng và bảo: "Nhấc nước nóng ấy chẳng như đánh lửa ấy, chặng dòng chảy ấy chẳng như dứt nguồn nước ấy. Đó mới là sự soi sáng của người trí, chí luận của Phật pháp, chánh tại đó vậy. Nhân duyên đó đến nay trong tùng lâm đề xướng cũng lắm nhiều, kẻ thương lượng không ít. Có một số người chỉ nói: "Nhà Tông sư không có hẳn, phàm có điều hỏi tùy lời bèn đáp, tợ thì cũng tợ, phải tức chưa phải. Nếu nghĩ gì cái càn không việc hiểu, không thấy được chỗ dùng của Dương kỳ. Cho đến ngàn sai muôn khác sân cửa phương tiện của Tổ sư làm sao tiêu khiển? Lại có một số người chỉ hướng đến bên cạnh Phật hiểu, tức cùng với chính mình không giao thiệp gì. Người xưa nói, phàm có ngôn cú phải là mỗi mỗi tiêu về chính mình. Lại làm sao sống? Lại có một số người chỉ hướng làm hiểu ở chính mình, bỏ ngay chỗ dùng của người xưa, tức chỉ biết nói rõ việc của chính mình, thì phương tiện của người xưa làm sao tiêu khiển? Đã tiêu khiển không xuống tức tợ ôm rong rêu cột cầu mà tắm rửa, muốn tạm buông tay cũng không được. Đó cũng là một bệnh. Lại có một số người bỏ ngay cẳng chân ít nhiều hiểu, nếu nghĩ gì hiểu? Bệnh này thật khó chữa trị vậy. Do đó người khác nói có chỗ xảo diệu, người tham học rốt cùng khó phỏng mò, mới vừa định tâm thì đã sai rồi vậy. Người trước dọi đó là tông chỉ của Dương Kỳ, phải là người ở trong phòng nhà người kia đến nghĩ gì đất ruộng mới kham truyền trao. Nếu người không như vậy thì giữ lại cái gọi là chết với Thiện đạo vậy. Công án ấy ngay phải trở lại người kia thấu đảnh đầu thấu tận đáy mới có thể rõ được. Đây chẳng chỉ Thiền Hòa Tử hiểu không được, mà nay các bậc ở trong tùng lâm giữa thiên hạ vì mọi người mà xuất hiện nơi đời cũng ít có người hiểu được. Nếu cần muốn hiểu đi phải hướng đến bờ vức Oai Âm từ không kiếp trở về trước nhẹ nhẹ trông nhìn ngay nâng dậy bèn đi, đè ngang mà chuyển, tức hướng đến trước núi cao muôn nhận tiến một bước, có thể dùng lưới trùm xưa nay đặt ngay đầu lưỡi mọi người trong thiên hạ. Đến nay lại có người nào nghĩ gì chăng? Cò thì ra nói thử xem. Còn nếu không thì lại nên nghe một bài tụng: Lừa con ba cẳng đùa

nhảy đi, thẳng thấu oai âm hầm muôn trượng, mây ở đầu non trải chẳng suốt, nước chảy dưới khe bận rộn sinh, Trưởng lão Hồ Nam ai hiểu hợp, người đi lại ở ngoài núi xanh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trời lấy sự bình làm một, đát lấy sự an ninh làm một, Quân vương lấy sự trị thiên hạ làm một, nói năng như vậy chỉ là việc nhà thường ăn cơm uống trà, phải biết trong nhà của nạp Tăng riêng có một nơi kỳ đặc mới được. Hãy nói môn hạ nạp Tăng có nơi rất kỳ đặc. Trời được một, đó là các vì sao Đẩu ngưu nữ hư nguy thất bích, đất được một đó là muôn tượng sum-la và ngói gạch, quân vương được một đó là trên dưới bốn góc không xếp bằng. Hãy nói nạp Tăng lúc được một thì thế nào? Cần thấy khách từ nơi nào lại, rảnh nắm quyển kinh tựa Tùng Đứng". Lại nhân lúc tắm Phật, lên giảng đường, nêu cử câu thoại tắm Phật của Dược Sơn, xong, Sư niệm rằng: "Điều hỏi của vị Tăng ấy, Y Hy nước Việt phảng phất Dương châu, Dược Sơn đáp lại mắt tợ sao băng, có như điện chớp, kiểm điểm tương lai cả hai đều chẳng trọn. Nếu là sơn Tăng đây tức không như vậy. Phải là lúc vừa mới thấy vị Tăng ấy hỏi, chỉ men theo được cái ấy, vả lại chẳng men theo được cái nào, chỉ chuyển cái cán dáo dài trao cho vị Tăng ấy, đợi đang lúc vị Tăng ấy phỏng định bàn nghị bèn lên thẳng ngay mặt mà tát nước. Giả sử vị Tăng ấy có sức Đại thần thông có đủ Đại trí tuệ cũng không nơi trải bày. Dám hỏi cùng đại chúng, cái ấy tức tạm đặt yên đó, còn gọi gì làm cái nào? Xuống tòa vào điện Phật đốt hương vì các người nói phá". Sư có bộ "Thập Mục Mưu Đồ" và bài tụng, lưu hành ở đời.

5. Thiền sư Thiệu Ngộ ở Năng nhân.

Thiền sư Thiệu Ngộ - Mặc Đường ở Năng nhân tại Gia châu. Nhân lúc kết hạ, lên giảng đường. Sư bảo: "Một bước đầu tiên mười phương thế giới hiện toàn thân, một lời cuối cùng khóa dứt sâu trong một mảy trần, có lúc nâng dậy, như kiếm dài tựa cậy trời rực sáng càn khôn. Có lúc buông xuống, tợ lò hồng điểm tuyết, lui không ngâm cả muôn tượng, được đến nghĩ gì đất ruộng. Thiên ma ngoại đạo khoanh tay quy hàng. Chư Phật ba đời đống một lúc cúi đầu, bèn có thể lấy Đại Viên giác làm chốn già lam của ta, ở nơi một bụi nhỏ làm cõi nước của chư Phật. Như vậy thì sáng sớm đến Tây thiên, chiều tối về Đông độ cũng là cấm túc, trăm hoa trong rừng ngồi nơi phòng Dâm quán rượu thực hành cũng là cấm túc. Tuy là như vậy, chẳng từng động dính một bước trong đó, nghĩ gì thì chín tuần (03 tháng) không công luống phí, trăm kiếp có dụng của thời nay, có thể báo đáp được ân không báo đáp, để giúp cho đạo hóa của vô vi. Đây tức là Niết-bàn Diệu tâm là kiếm báu Kim cang

vương. Dám hỏi cùng đại chúng làm sao sống đến được đất ruộng đó đi? Như người leo lên núi, mỗi tự nỗ lực". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử công án của Triệu Châu phỏng hỏi hai Am chủ, tụng rằng: "Một lớp núi hết một lớp núi, ngồi ngay đỉnh núi kỹ càng nhìn, sương cuộn mây tan non núi lắng, rõ ràng một vòng lạnh giữa trời".

6. Am chủ Tử Ngôn.

Am chủ Tử Ngôn - Trí Đà ở Thổ khê tại Bành châu, vốn người ở Miên châu. Mới đầu đến Đại tùy, nghe nêu cử kệ tụng của Hòa thượng Thạch Đầu chỉ dạy đại chúng, thốt nhiên Sư lãnh hội được yếu chỉ, xong, Sư trở về ẩn dật nơi hang hóc tuyệt vắng bờ sườn ở huyện Thổ khê, ở đó có tảng đá như loài dị thú ngồi xổm, Sư bèn khoét đục lấy làm thất, đến bên trong phát hiện có dòng suối nước không khô cạn, bốn chúng rất ngờ vực đó. Sư ở suốt ba mươi năm, phong hóa hưng thạnh lan tỏa, ngày thất hoàn thành, Sư làm bài kệ tụng rằng: "Đục xong một am đá, tung hoành được tự nhiên, trong mát không khí nóng, giọt được có suối ngọt, rỗng rang gồm sa giới, vắng vẻ dứt các duyên, trong đây không hạn ý, gió trăng ngủ một giường".

7. Thiền sư Tạo ở Nam tu.

Thiền sư Tạo ở Nam tu tại Kiếm môn là một bậc sĩ thuần hậu từ một lời chỉ dạy của Thiền sư Tỉnh ở Đại tùy. Sư khế ngộ, bèn chuyên cần nương hầu không nhọc mệt. Sư lại trở về bái yết Thiền sư Vân ở sùng hóa, lần lượt nơi pháp tòa, Thiền sư Vân đam tam ấn của tông môn mà hỏi. Sư đáp: "Ấn giữa không trung, ấn in nơi đất, ấn in trong nước, đất bằng sóng lạnh tranh nhau nổi, ngay như đi đến mười phương, cũng là Linh Quy kéo đuôi".

8. Cư sĩ Mạc Tướng Thượng Thư Thiếu Hư.

Cư sĩ Mạc Tướng, tự là Thiếu Hư. Gia đình nhiều đời ở tại Phần ninh - Dự chương. Nhân làm Quan nên đến Tây thục, vào bái yết Thiền sư Tỉnh lúc đang ở Nam đường, thưa hỏi quyết trạch tâm yếu. Thiền sư Tỉnh bảo Sư đến khắp mọi nơi nhắc dậy. Vừa đến nhà xí, nghe mùi xú uế, Cư sĩ bỗng đưa tay bít lỗ mũi, bèn có sự tỉnh ngộ, liền làm kệ tụng trình bày rằng: "Xưa nay dáng vận mến phong lưu, dèm cười mọi người đến ngoài cầu, muôn sai ngàn khác không nơi kiếm, được lại vốn tại đầu mũi nhọn". Thiền sư Tỉnh đáp: "Một pháp mới thông pháp pháp cùng, tung hoành diệu dụng lại nào tìm, rắn xanh ra hộp ma quân sợ, Hồ Tăng mắt biếc cười gật đầu".

9. Cư sĩ Vương Tiêu ở Long hồ.

Cư sĩ Vương Tiêu ở Long hồ, tự là Quán Phục. Ngài dừng ở tại

Chiêu giác, nghe tiếng bảng chỉ tịnh, Cư sĩ bèn có sự tỉnh ngộ. Đem hỏi cùng Thiền sư Tỉnh rằng: "Tôi có chỗ thấy, vừa mới bị người hỏi tức mở miệng không được, chưa xét biết sai phàm tại nơi nào?" Thiền sư Tỉnh đáp: "Sai nhầm ở chỗ có cái thấy". Và Thiền sư Tỉnh liền hỏi: "Triều Bái, ông đến nhậm bao giờ?" Cư sĩ đáp: "Ngày mồng 04 tháng 08 năm trước". Lại hỏi: "Từ Án sát, ông xa lìa nha sở từ bao giờ?" Cư sĩ đáp: "Ngày hai mươi tháng trước". Lại hỏi: "Vậy, vì gì gọi là mở miệng không được?" Cư sĩ mới khế ngộ.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỰ Ở NGŨ TỔ

1. Thiền sư Cao ở Long hoa.

Thiền sư Cao ở Long hoa tại Kỳ châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tượng vương đi, sư tử đứng, Côn lôn gót đỏ mày dựng ngược, Hàn Sơn, Thập Đắc cười ha ha, chỉ điểm trước cửa cây tùng già. Hãy nói người kia chỉ điểm cái gì? Bỗng nhiên lúc gió thổi đổ ngã khéo thành một đống củi".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 30
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 31

MỤC LỤC

Đời thứ mười bảy, sau đời Thiền sư Đại giám
- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Long ở Hổ khâu, có một vị:
1. Thiền sư Đàm Hoa ở Thiên đồng (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dụ ở Dục vương, có chín vị:
1. Thiền sư Thản ở lương
2. Thiền sư Sư Nhất ở Tịnh từ
3. Thiền sư Pháp Toàn ở Đạo tràng
4. Thiền sư Tuệ Thăng ở Diên phước (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Pháp Tú ở Vân nham
6. Thiền sư Hạnh Đôn ở Liên vân
7. Thiền sư Triệu ở Thiên mục
8. Thiền sư Cổ ở An nham
9. Thiền sư Vịnh ở Thượng nham (năm vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thái ở Đại quy, có bốn vị:
1. Thiền sư Đán ở Tuệ thông
2. Thiền sư Trọng An ở Linh nham
3. Thiền sư Hạo ở Chánh pháp
4. Thiền sư Biện ở Chiêu giác (bốn vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyên ở Hộ quốc, có năm vị:
1. Thiền sư Hạnh Cơ ở Quốc
2. Thiền sư Sư Thể ở Tiêu sơn
3. Thiền sư Trí Thâm ở Hoa tạng
4. Cư sĩ Tham Chính Tiền Đoan Lễ (bốn vị hiện có ghi lục)

5. Thiền sư Viên Trí ở Thượng trúc (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viễn ở Linh ẩn, có chín vị:
1. Thiền sư Tề Vĩ ở Đông sơn
2. Thiền sư Như Bản ở Sơ sơn
3. Thượng nhân Giác A
4. Cư sĩ Nội Hàng Tăng Khai
5. Cư sĩ Tri Phủ Cát Đàm (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Thư Ký ở Tế điên
7. Thiền sư Thủ tòa Nghiêu
8. Thiền sư Liễu Thừa ở Thượng lam
9. Thiền sư Tuệ Xung ở Công an (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dân ở Hoa tạng, có một vị:
1. Thiền sư Bảo Ấn ở Kính sơn (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tộ ở Hoa tạng, có một vị:
01. Thiền sư Quang ở Đông cốc (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nguyên ở Chiêu giác, có một vị:
1. Thiền sư Tuệ Quán ở Phụng thê (hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo ở Văn Thù, có ba vị:
1. Thiền sư Tuệ phương ở Sở an
2. Thiền sư Tư Nghiệp ở Văn Thù (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Quỳnh ở Văn Thù (không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuân ở Phật Đăng, có bốn vị:
1. Thiền sư Liễu Vân ở Trù nham
2. Cư sĩ Đãi Chế Phan Lương Quý (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Đạo Như ở Thiên tỉnh
4. Cư sĩ Trịnh Tích ở Song hòe (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Minh ở Lặc đàm, có một vị:
1. Thiền sư Thủ Duyên ở Vô vi (hiện có ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LONG Ở HỔ KHÂU

1. Thiền sư Đàm Hoa ở Thiên đồng.

Thiền sư Đàm Hoa ở Ứng am - Thiên đồng tại Minh châu. Vốn người dòng họ Giang ở Kỳ châu. Lúc vừa mới sinh mà Sư đã có tướng kỳ đặc, tuấn kiệt. Năm mười bảy tuổi, Sư đến Đông thiền cầu xin xuống tóc xuất gia. Mới đầu, Sư đến bái yết Thiền sư Toại ở Thúy nam, được nhuần pháp chỉ đạo vị, nhân đó vân du khắp giang hồ, cùng các bậc Lão túc kích khơi đều khế hợp. Sư đến vân du lễ bái Thiền sư Viên Ngộ, vừa một lần thấy gặp mà Thiền sư Viên Ngộ tha thiết răn dắt Sư. Đến lúc ra đất Thục, Sư đến bái yết Thiền sư Long - lúc đang ở Phương giáo. Về sau, Thiền sư Long chuyển dời đến Hổ khâu, Sư cũng đi theo hầu. Chưa đầy nửa năm mà Sư chóng tỏ rõ đại sự. Sư giã từ đi đến Ứng am, phân tòa tại Liên vân, khai đường giảng pháp tại Diệu nghiêm, sau đó Sư lại chuyển dời đến ở các chùa lớn. Ngày ở tại Quy tông, khi ấy Thiền sư Đại Tuệ đang ở tại Mai dương, có vị Tăng rao truyền ngữ cú chỉ dạy của Sư đến đó. Thiền sư Đại Tuệ trông thấy, mà hết lời tán thán, lại dùng kệ tụng gởi đến Sư rằng: “Ngồi dứt Kim luân núi thứ nhất, ngàn yêu trăm quái, tông vết tiêu. Năm sau lại được tin tức Phật. Báo đáp Dương Kỳ chánh mạch thông”. Thiền sư Đại Tuệ mến trọng quy ngưỡng Sư đến như vậy.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chín năm ngồi xoay mặt vách tường, nát hoại cháu con ở Đông độ, một chiếc giày mang trở về Tây vức, độn đặt Lão Tử mặt vàng”. Sư nắm cây gậy, họa vẽ một đường, tiếp bảo: “Trâu đá giang ngang đường xưa, một con ngựa sinh ba con hổ”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Lão Đức Chương mù lòa hối ngốc, từ trước lại không đượm mùi vị, nắm được miệng, mất liền lỗ mũi, canh ba hai điểm xướng ba ca, không mối chống dấc Phạm vương ngủ”. Sư hét một tiếng, tiếp bảo: “Ta đi trong cỏ hoang, ông lại vào thôn sâu”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Lâm Tế ở nơi Hoàng Nghiệt, ba lần ăn gậy thấu đạt ý chỉ. Các người lại thấy được thấu chưa. Ngay như mịt lần cắn bèn đứt, cũng chưa phải là Đại trượng phu tài giỏi. Chư Phật ba đời miệng treo trên vách tường, các lão Hòa thượng trong thiên hạ lấy gì ăn cơm?” Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Từ ngày mười lăm trở về trước, nước dâng thuyền cao, từ ngày mười lăm trở về sau, đất bùn nhiều Phật lớn, ngay ngày mười lăm, các chép biển đông đánh gậy mưa tợ nghiêng đổ bồn. Ngay như được tất cả chúng sinh trong khắp tam thiên đại thiên thế giới thảy đều hoan hỷ cho đó là đánh một gậy chẳng phòng ngại ứng thời ứng tiết, báo ân bất chợt thông thân nhảy

nhót, bèn làm một bài thơ cử tợ đại chúng. Chuồn chuồn hứa phải chuồn chuồn xinh, bay đi bay lại chẳng từng dừng, bị ta bắt lại ngắt hai cánh, vừa tợ một cái đinh sắt lớn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu làm một câu thương lượng, ăn cháo ai người chẳng hiểu, chẳng làm một câu thương lượng, trùng con trong hầm phẩn cười giết chết Xà-lê". Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: "Cây gậy tội phạm quá trời, đè nén đến hai núi Thiết vi. Hãy nói Tiến phước lại có quá phạm không?" Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Chậm một khắc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sáng không thấy tối, tối không thấy sáng, sáng tối cả hai đều mất, không khác A Sư thế tục. Dã can sủa, sư tử rống. Sư tử rống, Dã can sủa ba nhà trong thôn ngửi mùi khỉ giá tăng gấp mười lần. Hạt châu minh nguyệt dưới cằm Ly long phân vằn chẳng thẳng, nếu làm lỗ mũi nạp Tăng nơi nào được lại, ba mươi năm sau kéo tay đấm ngực chưa phải là khổ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bên rá cơm trong thùng sơn, cùng khạc nhổ nhiều ông tát nước, cùng mắng chửi nhiều ông tiếp mổ, nước Hoàng hà ba ngàn năm một lần trong, Bàn đào năm trăm năm một lần nở hoa. Hạc-lặc-na cắn nhằm răng miệng, Chu Đảnh Vương cười lớn ha ha. Năm mươi năm trước, Quy Tông có một tấc công án, ngày nay nêu cử tợ các người. Hãy nói là công án gì? Vương Tiết cấp mất ngay tấm thiếp". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ăn cháo ăn cơm bất chợt cắn nhằm đầu lưỡi, máu vấy lên đến Phạm thiên, dưới bốn thiên hạ mưa dàn dụa có thừa, Ngọc hoàng đại đế phát đuổi hỏi Long vương ở Đông hải, đến trên đỉnh núi Kim luân xét hỏi. Chỉ trong khoảnh khắc truy tìm các người vì làm chứng kiến. Vả lại, mỗi mỗi xin y như thật tỏ bày, rất kỵ xoay lánh. Nếu như không thật, thì vui chôn tánh mạng các người". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Năm trăm lực sĩ nâng đá nghĩa, đầu vực muôn nhận buông tay đi, mười phương thế giới một nắm sắt, trên lưng hư không lông trắng mọc, ngay như nắm liền chức khăn phấn, buông thoát áo vải mùi chim cốt, đến dưới cửa Báo ân, chánh khéo ăn gậy. Cớ sao nửa đêm dậy lại cong gối ngồi, đầu cờ sao hiện trước nạp Tăng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong mắt chư Phật ba đời không đường gân, dưới da Tổ sư sáu đời không có máu, rõ ràng cắn nhằm môi nếu, nhạy vọt ra kia quay vọng chẳng được, cớ sao Nam Tuyền chém mèo con?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người tham thiền rất kỵ nhầm dụng tâm, tỏ ngộ kiến tánh là nhầm dụng tâm, thành Phật thành Tổ là nhầm dụng tâm, đi đứng nằm ngồi là nhầm dụng tâm, ăn cháo ăn cơm là nhầm dụng tâm, tả phẩn đái vãi là nhầm dụng tâm, một động một niệm một đi một lại là nhầm dụng tâm.

Lại có một nơi nhầm dụng tâm. Quy Tông chẳng dám cùng các người nói phá. Cớ sao một chữ vào cửa công, chín năm xe chẳng ra?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thợ tài khéo chưa ra tay, ngọc đá chẳng phân, không người giỏi đúc, vàng cát lẫn lộn. Giả sử không Thầy tự tỏ ngộ, đến dưới cửa Thiên đồng, chánh khéo sáng đánh ba ngàn gậy chiều đánh tám trăm gậy”. Chợt nhiên Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: “Gọi làm cây gậy, ngọc đá chẳng phân, không gọi làm cây gậy, vàng cát lẫn lộn. Trong đó một cái nửa cái khéo phân rành đầu mối, quản lấy bước bằng đan tiêu, hoặc chưa như vậy”. Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: “Gấp đặt mắt trông xem”.

Có vị Tăng hỏi: “Bà Tử hỏi Nham Đầu: “Với Trình mùa mái chèo cong thì chẳng hỏi, hãy nói đứa con trong tay Bà Tử từ đâu được lại?” Nham Đầu gõ vào mạn thuyền ba cái Ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Mung gặp đánh nhầm liền đáy lạnh cóng”. Lại hỏi: “Lúc ấy nếu hỏi thì Hòa thượng đối đáp như thế nào?” Sư đáp: “Một cây gậy đánh giết”. Lại nói: “Lão Hòa thượng ấy rất giống mua khăn trùm đầu”. Sư bảo: “Ông đến nơi nào mà thấy được Nham Đầu?” Vị Tăng ấy đáp: “Tráp tâu”. Sư bảo: “Đổ Tuyển Thiền Hòa”. Lại hỏi: “Bà sinh được bảy người con, sáu đứa chẳng gặp tri âm, chỉ còn một đứa ấy cũng không tiêu được, vất bỏ vào trong nước lại tạm như thế nào?” Sư đáp: “Thiếu bán đùa vui”. Lại hỏi: “Lúc ấy bất chợt Nham Đầu nhả thè lưỡi, ý làm sao sống?” Sư đáp: “An vui thì đồng hoan hỷ”. Lại hỏi: “Có vị Tăng hỏi Vân Môn: “Thế nào là tịnh pháp thân?” Vân Môn đáp: “Hành lan hoa thuốc”. Ý ấy như thế nào?” Sư đáp: “Cát sâu nỏ tròng mắt”. Lại hỏi: “Chỉ vậy là chôn vùi chính mình, chỉ vậy là cô phụ tiên Thánh, lìa hai tướng ấy nơi nào hòa bùn kéo nước, xin Sư chỉ bày?” Sư đáp: “Đũa ngọc chống miệng hổ”. Lại nói: “Một lời vàng đá đàm nói lại nặng, muôn sự lông hồng, thoát đi nhẹ nhàng”. Sư bảo: “Chớ lừa dối Lào Tăng tài khéo”. Lại hỏi: “Mọi người đều sợ lửa đốt nóng, tôi thích ngày hạ kéo dài, ùn gió từ phương Nam lại, lầu các lúc thoáng chút gió mát thì thế nào?” Sư đáp: “Dáo ngã mặc giáp”.

Nhân ngày húy kỵ tại Hổ khâu, Sư niêm hương rằng: “Bình sinh chẳng dấy khua nhầm cái không ý trí. Lão Hòa thượng làm hết kỹ lưỡng, ghé hợp không được, từ đây ngự đi can qua, tùy phần mặc áo ăn cơm, hai mươi năm lại, ngồi nơi cái sàn khúc lục, treo đầu heo bán thịt chó, biết kia có lắm chứng cứ, tuy là một năm qua một ngày đốt hương. Ngàn xưa khiến người chuyển hận thêm sâu”. Ở trong thất, Sư hay rèn luyện kỳ ngải, nên người đời xưng gọi nơi Sư và Đại Tuệ là hai môn Cam lồ.

Sư từng răn dạy đồ chúng rằng: “Nhà nạp Tăng mang giày cỏ ở tại viện, chẳng giống như rắn hổ mến nhớ hang huyệt ư?”

Đến ngày 13 tháng 06 năm Long Hưng thứ nhất (1163) thời Nam Tống, Sư an nhiên thị tịch, dựng tháp an táng toàn thân tại Bản sơn.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DỤ Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Thản ở lương.

Thiền sư Thản ở lương tại Phước châu. Có vị Tăng nêu cử câu thoại cái lược tre của Thiền sư Đại Tuệ mà thỉnh hỏi. Sư dùng bài kệ tụng chỉ dạy rằng: “Kính Sơn có cái lược tre, chỉ vậy riêng không đạo lý gì. Điện Phật nhà trù, Tam môn. Xuyên qua tai mắt nạp Tăng”. Ngay lời nói đó, vị Tăng ấy bèn có sự tỉnh ngộ.

2. Thiền sư Sư Nhất ở Tịnh từ.

Thiền sư Sư Nhất - Thủy Am ở Tịnh từ tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Mã ở Vụ châu. Năm mười sáu tuổi, Sư xuống tóc xuất gia. Mới đầu đến dự tham nơi Thiền sư Tuệ Chiếu tại Tuyết phong. Thiền sư Tuệ Chiếu nêu cử câu thoại tàng thân không dấu vết mà hỏi Sư, qua vài ngày, Sư mới tỏ rõ, bèn trình kệ tụng rằng: “Tàng thân không dấu lại không tàng, thoát thể không nương bèn ở đợ, gương xưa chẳng nhọc lại tự chiếu, lắng khói cùng sương thấm thu quang”. Thiền sư Tuệ Chiếu lại chất vấn Sư rằng: “Rốt cùng trong nào là nơi tàng thân không dấu vết? Sư đáp: “Ứa nghẹn”. Thiền sư Tuệ Chiếu lại hỏi: “Nơi không dấu vết, nơi nào chẳng ẩn tàng thân?” Sư đáp: “Hổ đá nuốt ngay con dê gỗ”. Thiền sư Tuệ Chiếu chấp thuận đó. Ở lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: “Sư ông Viên Ngộ nói: “Tham thiền tham đến nơi không tham, tham đến không tham mới suốt cùng. Với Thủy am thì không như vậy. Tham thiền, tham đến chỗ không tham. Tham đến không tham chưa suốt cùng. Nếu cùng muốn cùng ngàn dặm mắt, lại phải bước lên một tầng lầu”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mây đông muốn thành tuyết mà chưa thành, Phổ Hiền cưỡi tượng cao vợi. Lãnh mai nửa hợp nửa mở, cảnh tượng thiếu thất tiết bày, tiện nghĩ gì đi còn là nửa nâng dắc, làm gì sống là việc của toàn nâng dắc, trước người vô trí chớ nói, đánh đầu các người phá rách trán”. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử pháp nhãn chỉ dạy đại chúng: “Khắp mười phương thế giới các cõi nước sáng rực rỡ, nếu có một đầu mảy tơ tức là một đầu một đầu mảy tơ”. Sư bèn dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: “Có thấy chăng?” Xuyên qua đầu lâu còn chưa tỉnh giác. Còn Pháp Đăng nói: “Khắp mười phương thế giới các cõi nước tự nhiên sáng rực rỡ nếu có một đầu mảy tơ, chẳng phải đầu

một mảy tơ". Và Sư bảo: "Đêm lại sắc trăng mười phần đẹp, ngày nay núi thu xanh vô hạn".

3. Thiền sư Pháp Toàn ở Đạo tràng.

Thiền sư Pháp Toàn - Vô Am ở Đạo tràng tại An cát châu, vốn là người dòng họ Trần ở Cô tô. Mới đầu, Sư đến nương tựa Hòa thượng Xuyên ở Đông trai xuống tóc xuất gia. Rồi Sư đến nương tựa Thiền sư Phật Trí qua thời gian dài. Mỗi lần vào thất, Thiền sư Phật Trí đem câu thoại con chó không Phật tánh hỏi. Sư mịt mờ không trả lời được. Một ngày nọ nghe vị Tăng nêu cử bài tụng của Ngũ tổ nói là "Triệu Châu lộ bày dao kiếm". Bỗng nhiên Sư đại ngộ, có làm bài tụng rằng: "Cổ xúy ầm ầm bày nửa vai, lầu rồng hương nhả thuyền Ích châu, có lúc gót son đùa trăng sáng, đạp phá Ngũ hồ sóng gợn trời". Ở lâu sau, lên giảng đường Sư bảo: "Muốn được hiện tiền chớ còn thuận nghịch". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Đại sư Tam Tổ biến làm Dạ-xoa mặt ngựa, hướng Đông Phất-vu-đãi, Tây Cù-da-ni, Nam Thiệm-bộ, Bắc Uất-đơn-việt, tức lại trong tay sơn Tăng trình bày thân, xưa nay vốn chỉ là một cây gậy sơn đen. Lại có thấy chăng? Nếu như thấy được vào địa ngục như tên bắn". Rồi, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: "Các người mỗi mỗi đội trời đứng đất, lông may giăng ngang lang lật. Đến nơi đi chân khám nghiệm các phương. Lại đến trong đó tìm cái gì, mới nhẹ nhạ rút nhầm, bèn nói: "Thiên thai mời khắp, Nam nhạc du phương, Ta tạm hỏi ông đã từng thâu gom được bao báu trong nước Đại thực chăng?" Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Rất kỵ miệng ngậm sừng dê". Có vị Tăng hỏi: "Lúc Ngưu Đầu chưa thấy gặp Tứ Tổ thì thế nào?" Sư đáp: "Trong thiên hạ không người bần khổ". Lại hỏi: " Sau khi thấy gặp rồi thì thế nào?" Sư đáp: "Bốn biển không kẻ giàu sang".

Đến ngày 25 tháng 07 năm Kỷ sửu (1169) thuộc niên hiệu Càn Đạo (1165-1174) thời Nam Tống, lúc Sư sắp tịch, đại chúng thỉnh cầu Sư lưu lại kệ tụng, Sư trừng mắt nhìn xuống, đại chúng cố nài cầu thỉnh, Sư bèn viết hai chữ "vô vô". Xong, Sư ném bút mà thị tịch. Sau khi trà tỳ có được xá-lợi năm sắc, dựng tháp an táng tại núi Kim đẩu.

4. Thiền sư Tuệ Thăng ở Diên phước.

Thiền sư Tuệ Thăng ở Hàng nham - Diên phước tại Tuyền châu, vốn người xứ Kiến ninh. Có lúc lên giảng đường, Sư hét một tiếng rồi bảo: "Khắp mười phương thế giới hợp mười đời xưa nay thành đô nhà cửa, ở trong đó bức bức bít bít rồi vậy, nếu buông mở một kim châm bén nhọn, thì biển lớn chảy ngược dòng về phía Tây, núi lớn đổ ngã, các

loài cá rồng ngoan đà tôm cua giun dế đều lên đất bằng vọt ra sóng cả bơi lội nhảy múa. Tuy là như vậy, phải đến trên đầu sào trăm thước tiến thêm một bước, thì bước bước đạp chuyển vô tận tạng luân, mới biết nói lỗ mũi treo tại trên môi, lông mày không ở dưới mắt, lại có cùng ủy thác chăng?" Sư lại hét một tiếng và tiếp bảo: "Rất kỵ chuyển hơi xúc phạm húy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THÁI Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Đán ở Tuệ thông.

Thiền sư Đán ở Tuệ thông tại Đàm châu, vốn người dòng họ Nghiêm ở Bồng châu. Mới đầu ra quan ải, Sư thẳng đến Đức Sơn gặp ngay Thiền sư Thái đang ở tại đó lên giảng đường nêu cử "Triệu Châu bảo: "Bà Tử ở Đài sơn đã vì ông khám phá xong rồi. Hãy nói ý chỉ tại nơi nào?" Ngưng giây lát, tiếp bảo: "Đến đất gom cả lá vàng đi, vào núi đẩy ra mây trắng lại". Nghe vậy, bỗng nhiên Sư tỏ rõ. Ngày hôm sau vào thất. Thiền sư Thái hỏi: "Trước, Bách Trượng không lạc nhân quả, nhân gì rơi đọa Dã hồ? Sau, Bách Trượng chẳng mê mờ nhân quả, nhân gì thoát khỏi Dã hồ?" Sư đáp: "Khéo cùng một hố chôn lấp ngay". Ở, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Nói Phật nói Tổ chánh như thịt lành mổ thành vết sẹo, cử xưa nêu nay giống như cơm thừa canh cặn. Một lần nghe bèn ngộ đã là rơi lạc vào đầu thứ hai. Một nêu cử bèn thực hành, sớm là chẳng nhằm tiện. Phải biết mỗi việc như trời che khắp, tợ đất chở cùng. Sư tử lúc đi chẳng cần bè bạn, tráng sĩ dấc tay không nhờ sức kẻ khác. Phật tổ nhón liền chẳng dậy, nạp Tử mong thấy không đường. Mê ngộ cả hai đều mất, Thánh phàm dứt tuyệt lối. Hãy nói từ xa xưa các Thánh dùng pháp gì để chỉ dạy người". Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Chớ vọng tưởng".

Nhân ngày húy kỵ Hòa thượng Phật tánh, lên giảng đường, Sư bảo: "Lừa con ba chân đùa nhảy đi, bước bước cùng theo chẳng cùng đến. Đầu cây kinh dậy từng cặp cá, bắt lại một già một chẳng già, vì mến tùng trúc dẫn gió trong lành, kia sao ra cửa lại bèn là cỏ. Nhân gọi Đàn Lang biết được hắn, Đại cơ đại dụng đều đẩy ngã, lò hương khám chứng thấy cội nguồn, phẩn quét đầu đống lượm vật báu, tùng lâm mênh mông dối thương lường, khuyên ông chớ phỉ báng thiên sư khéo tốt".

2. Thiền sư Trọng An ở Linh nham.

Thiền sư Trọng An ở Linh nham tại Lễ châu. Từ thuở thiếu thời, Sư làm Tỳ-kheo, đến lúc tráng niên, vân du các giảng tứ. Sau đó, đến

bái yết Thiền sư Viên Ngộ ở Tương sơn. Bấy giờ Thiền sư Phật Tánh (Thái) đang là thủ tòa ở đó, Sư vào bái yết tham hỏi, bèn lãnh ngộ yếu chỉ. Đến lúc Thiền sư Thái (Phật Tánh) đến ở Đức Sơn bảo Sư đến Chung phụ, đề thông sách nối dõi. Thiền sư Viên Ngộ hỏi: "Ngàn dặm rảo bước lại chẳng nhục Tông phong, công án hiện thành làm sao thông tin?" Sư đáp: "Trông mặt cùng trình lại không đỡ giúp". Lại hỏi: "Đây là tận cùng cùa Đức Sơn, cái nào là tận cùng của Thượng tọa?" Sư đáp: "Đâu có người thứ hai?" Lại hỏi: "Sau lưng mang cái gì?" Sư bèn đưa sách ra Thiền sư Viên Ngộ cười, bảo: "Tác gia thiền khách thiên nhiên có ở". Sư thưa: "Giao cho Tương Sơn". Tiếp đến trước Tăng đường, Sư bưng sách mà thưa hỏi Thủ tòa, Thủ tòa hỏi: "Giấy trắng Huyền sa đây từ đâu lại?" Sư đáp: "Từ lâu im lặng cốt yếu này chẳng chuyên vội nói. Ngày nay bái trình, may mắn mong một lần xem". Thủ tòa bèn hét. Sư bảo: "Thủ tòa tác gia". Thủ tòa lại hét. Sư nắm sách bèn đánh, Thủ tòa định bàn nghị, Sư bảo: "Chưa rõ ba tám chín, chẳng khỏi tự trầm ngâm". Sư nắm sách lại đánh xuống một cái và nói: "Lúc tiếp Thiền sư Viên Ngộ cùng Thiền sư Thái - Phật Nhãn thấy. Thiền sư Viên Ngộ bảo: "Đánh Thủ tòa ta chết rồi vậy". Thiền sư Thái bảo: "Quan Mã Tư Tích có lắm bằng cứ". Sư nói: "Nói lắm Quan Mã Tư Tích chính là Long tượng giẫm đạp". Thiền sư Viên Ngộ gọi Sư lại bảo: "Ta có năm trăm vị Thủ tòa. Ông vì gì đánh kia?" Sư thưa: "Hòa thượng phải ăn một nhanh chóng mới được". Thiền sư Viên Ngộ ngoảy nhìn lại Thiền sư Thái - Phật Nhãn mà nhả thè lưỡi. Thiền sư Thái - Phật Nhãn bảo: "Chưa nhầm". Và liền ngoảy nhìn Sư mà bảo: "Tay không nắm đầu bừa, bước đi cưỡi trâu nước, người từ trên cầu qua, cầu trôi nước chẳng chảy, ý làm sao sống?" Sư khom mình thưa: "Mọi thứ cúng đều là đến thật". Thiền sư Thái cười, bảo: "Xưa nay là người trong phòng nhà". Lại đến ra mắt Hòa thượng Tự ở Ngũ tổ thông giao sách pháp quyến. Thiền sư Tự hỏi: "Trong sách nói cái gì?" Sư đáp: "Văn thể đã rõ bày". Lại hỏi: "Rốt cùng nói cái gì". Sư đáp: "Đang Dương khua kiếm báu". Lại hỏi: "Gần trước lại đây trong ấy không biết bao nhiêu chữ?" Sư đáp: "Chớ lừa dối bại hoại". Thiền sư Tự ngoảy nhìn Thị giả và hỏi: "Đó là vị Tăng nào vậy?" Thị giả thưa: "Thượng tọa ấy từng ở dưới tòa của Hòa thượng đi". Thiền sư Tự bảo: "Quái lạ nghĩ gì cốt đầu". Sư thưa: "Bị Hòa thượng độn đặt lại". Thiền sư Tự mới đem sách đến trên lò lửa xông, và bảo: "Nam Mô Tam mãn đà một đà nam". Sư đến gần phía trước chỉ khảy móng tay mà thôi". Thiền sư Tự bèn mở sách đọc xem. Ngày Sư trở lại Đức Sơn, Thiền sư Phật Quả, Phật Nhãn đều có

kệ tụng tiễn đưa Sư. Sau đó không bao lâu, pháp tịch của Linh nham bị trống vắng, các hàng nạp Tử dâng điệp văn thỉnh mời Sư đến trú trì. Sư bèn nối dõi dòng pháp của Thiền sư Thái ở Đại quy.

Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tham thiền chẳng cứu cùng vực sâu. Chạm đường đều vì lưu ngại. Do đó; giữ sự tỉnh lặng, lắng đọng rỗng nhàn rơi nơi biển độc, dùng yếu hơn mạnh, mình phải người khác quấy, lập lượng nhân ngã, thấy nơi sai khô, bèn khiến hơn kém chẳng phân, soi chiếu chẳng tạo dùng, dùng chẳng lìa hang tổ, đó mới là chỗ học, chẳng cao hết vì lưu tục. Đến trong đó phải biết có thấu thoát trong chết ẩn có nơi sống. Phật không thể biết, Tổ chẳng thể lừng. Do đó, người xưa nói: Có lúc trước chiếu sau dụng. Vả lại, cần cùng ông thương lượng. Có lúc trước dụng sau chiếu. Ông lại là gã tài giỏi mới được. Có lúc chiếu dụng đồng thời, ông lại làm sao sống phải đáng. Có lúc chiếu dụng chẳng đồng thời, ông lại hướng đến nơi nào ghé hợp? Lại có biết chăng? Xuyên Dương tiển cùng câu kinh ngại người chẳng phải đến lúc học được lại".

3. Thiền sư Hạo ở Chánh pháp.

Thiền sư Hạo ở Chánh pháp tại phủ Thành đô, có lúc lên giảng đường, nêu cử nhân duyên của Vĩnh gia đến Tào khê, rồi Sư bảo: "Cần biết Vĩnh gia chăng? Dấc vụt núi biển tìm tri kỷ. Cần biết Tổ sư chăng? Đánh động đất trời tạo lập thái bình. Hai lão ấy chẳng biết đi đến nơi nào". Sư gõ cây gậy một cái một cái, tiếp bảo: "Tông phong ngàn xưa lưu bá tiếng tốt lành".

4. Thiền sư Biện ở Chiêu giác.

Thiền sư Biện ở Chiêu giác tại phủ Thành đô, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mảy may có sai đất trời cách biệt, cách sông người xướng bài từ chim chá cô, lầm nhận tiếng kèm người Hồ có mười tám vỗ. Cần hiểu chăng? Muốn được hiện tiền, chớ còn thuận nghịch, khói sóng ngũ hồ có ai tranh, từ đó chẳng về, về bèn được".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYÊN Ở HỘ QUỐC

1. Thiền sư Hạnh Cơ ở Quốc.

Thiền sư Hạnh Cơ - Giản Đường ở Quốc tại Đài châu, vốn người dòng họ Dương ở Bản quận. Sư có phong thái dáng vẻ nổi trội khác thường, tài năng hơn hẳn cả rừng nho. Năm hai mươi tuổi, Sư giã từ vợ con tôi tớ tầm học pháp xuất thế, về sau đến am ấy, thầm có khế hợp nhận biết. Sư ra ở núi Ứng hoàn, dùng dao cày bổ giống lửa một mình suốt mười bảy năm. Sư từng làm kệ tụng rằng: "Đất lô không lửa đãy

khách trống, tuyết tợ trung hoa rơi cuối năm, nhặt được gai khâu áo rách, chẳng biết thân ở trong quạnh hiu. Sư từng nói với mọi người rằng: "Tôi còn chưa ẩn yên, đâu vì ở núi vui việc tôi ư?" Một ngày nọ chợt nhìn đến cây ngã nơi đất, bỗng nhiên Sư đại ngộ, bình sinh mọi điều nghi ngại trước đều tiêu mất. Sau đó không bao lâu, bèn có sắc mạng mời đến ở Viên thông tại Giang châu. Sư mới bảo: "Đạo tôi sắp hành hóa vậy". Và Sư mừng vui kéo gậy mà đi.

Lên giảng tòa, Sư giảng pháp rằng: "Viên Thông không mở bày thuốc sống, Đơn Đơn chỉ bán con mèo chết, chẳng biết cái nào không tính lường, uống nhầm khắp thân lạnh toát mồ hôi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đơn rõ tự mình vui là nhân khổ, hướng đến Tông thừa địa ngục tức ở, năm ngày một lần tham, ba tám tự nói chung cùng tự vung dơ bẩn nhà mình. Lại nếu hỏi lý hỏi sự, hỏi tâm hỏi tánh, đầy nguyên do chẳng thể được, nếu là anh tinh tài giỏi, lén nhìn bờ rào chẳng vào, y cứ đánh chẳng thường. Bèn từ khi chưa có Phật và chúng sinh trở về trước chuyển được thân, tức ở ngày nay trên đường Quan lớn nhanh đi rộng bước, trọn chẳng hướng đến hang chuột già, cỏ trong hang đầu nổi đầu chìm. Nếu cũng là căn tánh kém yếu, cần đi đến nơi có mùi vị giấm giáp, gặp ngay A Sư nghĩa học vội cùng hàn gắn, ngay như nói được mây ùn mưa đổ, cũng là ểnh ương hóa rồng được cột nêu y như cũ ăn bùn ăn, kham làm được gì?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đầu tháng tám trung thu, sân nhà vào mới mát, chẳng câu cốt gió sương, người buồn biết đêm dài". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Không cách ân xưa trước có thể tham thiền Lâm Tế, có chịu vâng theo ý khó tiếp nối Dương Kỳ, khốn khổ đứa ở nấu đốt, đói khát cùng đùa bởn nhau. Biển lớn chỉ đem bẻ gãy gân quấy rối, ông chết ta sống, lửa dữ nung đốt chỏ vạc nấu Phật lem lém, nghĩ gì tác dụng mới có thể chống cửa đỡ nhà, lại nói tiếng hòa vang thuận, hình thẳng bóng ngay, lừa ngựa cũng chưa mộng thấy".

Có vị Tăng hỏi: "Tam Thánh hỏi Tuyết Phong: "Thấu lưới vãy vàng chưa xét rõ lấy gì làm thức ăn?" Tuyết Phong đáp: "Đợi ông ra khỏi lưới lại, sẽ vì ông nói". Ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Đồng đường chẳng đồng vết". Lại hỏi: "Tam Thánh nói: "Câu thoại đầu của một ngàn năm trăm vị Thiện tri thức cũng không biết". Tuyết Phong bảo: "Việc Lão Tăng trụ trì ràng buộc". Lại làm sao sống?" Sư đáp: "Mũi tên trước còn nhẹ, mũi tên sau mới sâu". Lại hỏi: "Chỉ như Tuyết Đậu nói: "Đáng tiếc thả qua, khéo cho ba mươi gậy, gậy ấy một gậy cũng sánh không được, phải là ít gặp tác gia". Ý ấy lại làm sao sống?"

Sư đáp: "Thu trận nói binh thư ". Lại hỏi: "Cái gậy ấy là Tam Thánh đáng nên ăn hay Tuyết Phong đáng nên ăn?" Sư nắm phất trần đánh vào thiền sàn một cái và bảo: "Trong ấy, dâng cử lấy".

Có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Cây gậy của nạp Tăng chẳng dùng thì thôi, dùng thì như lông chim chẩm rơi vào nước, cá, ba ba đều chết, chánh đặt bên cạnh dấc lên gió thổi vùn vụt đất, riêng bước giữa phương lớn, chết sống đều tại nơi ta. Do đó nói: Ngàn người bày xếp cửa, chẳng một người nhổ chốt cửa, ngàn người muôn người được đến an lạc ruộng đất. Lại có biết chăng? Uyên ương thêu vẽ theo ông xem, chẳng nắm kim vàng đo cho người". Lại có lúc, Sư chỉ dạy đại chúng: "Quán sắc tức không, thành đại trí nên chẳng dừng sinh tử. Quán không tức sắc, thành đại bi nên chẳng chứng Niết-bàn. Sinh tử chẳng dừng, Niết-bàn chẳng chứng. Đất Hán chẳng gom, đất Tần chẳng Quản. Hãy nói an thân lập mạng tại nơi nào? Chớ phải rõ ràng nơi tâm mắt mà cùng chẳng thể thấy, rành rành trong sắc trần mà lý chẳng phân ư? Chớ phải dậy ngồi trấn cùng theo nói nín đồng ở dừng ư? Nếu nghĩ gì tất cả đều là đảnh xoản trước đầu lâu, phải biết quá lượng người tự có dùng quá lượng. Vả lại, làm gì sống là dùng quá lượng? Bắc đẩu ẩn tàng thân tuy có nói, tin tức ra đàn ít người hay".

2. Thiền sư Sư Thể ở Tiêu sơn.

Thiền sư Sư Thể ở Tiêu sơn - Hoặc am tại phủ Trấn giang. Vốn người dòng họ La ở Đài châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử Công án bốn câu kệ của Lâm Tế chỉ dạy đại chúng. Xong Sư mới gọi đại chúng, bảo: "Cái Công án ấy các bậc Lão túc trong thiên hạ niêm liền lắm nhiều, em sợ đều chưa hết sự hay khéo, Tiêu Sơn chẳng khỏi Tứ lăng đặt đất, nên cùng các người chú giải rõ ràng một lần. Thế nào là Sư tử ngồi nơi đất? Ôi! Thế nào là kiếm báu Kim cang vương? Ôi! Thế nào là mò tìm bóng cỏ đầu sào? Ôi! Thế nào là một tiếng hét không làm tác động của tiếng hét? Ôi! Nếu cũng chưa hiểu cây gậy cùng Tiêu Sơn nhả bày xem?" Sư gõ xuống một cái, bảo: "Trong tiếng cười có dao". Lại gõ xuống một cái, bảo: "Rắn độc không mắt". Lại gõ xuống một cái, bảo: "Tài giỏi nhẫn nhịn không cấm". Lại gõ xuống một cái, bảo: "Ra cửa là đường. Lại có một cơ nêu cử câu thoại, Trưởng lão cũng giải hiểu không được". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thường năm tấm Phật tại ngày nay, mắt trông ca Duy đường chẳng xa, nếu là đương thời từng thị hiện, nên chặng nước bẩn chợt rưới đầu?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tháng nóng phải lay quạt, lạnh phải mặc thêm áo, nếu nói ngày qua không, rất tợ không biết thời". Lại có lúc lên giảng đường,

Sư bảo: "Đạo sinh một, trâu sắt không sừng ngủ thiếu thất, một sinh hai, cha ông mở ruộng nói đại nghĩa. Hai sinh ba, sàn nhà yến tía hót nỉ non, ba sinh muôn vật, kế sống con trai lìa hang tổ, nhiều nơi thêm, ít nói bớt, trùng lớn sợ ăn mật người sống. Có như không, thật như hư, tranh bít châu ngọc minh nguyệt của ly long. Phải thì phải, chỉ như một câu Tiêu Sơn ngồi ngay đầu lưỡi các phương làm sao sống? Nói. Bụng không bệnh hẹp hòi chẳng sợ lạnh dầu dưa muối". Sư gõ vào thiền sàn một cái và xuống khỏi tòa.

Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là tức tâm tức Phật?" Sư đáp: "Đảnh châu ra thần nanh tranh". Lại hỏi: "Thế nào là phi Phật phi tâm?" Sư đáp: "Mân Thục đồng phong hóa". Lại hỏi: "Thế nào là chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật?" Sư đáp: "Tận cùng hầm hố khó đầy". Lại hỏi: "Lúc sinh diệt chẳng dừng thì như thế nào?" Sư đáp: "Cảm tạ sự cúng dường". Lại hỏi: "Ta có đàn không dây, lâu ở trong đồng trống, chẳng phải không biết đàn, vì chưa gặp tri âm, đã gặp được người tri âm, chưa xét biết tác phẩm đùa múa như thế nào?" Sư đáp: "Chuông làm tiếng chuông ngân, trống làm tiếng trống dội". Lại hỏi: "Vân Môn tha cho Động Sơn ba gậy nhanh chóng, ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Hòa thân đổ ngã, hòa thân chuyển đỡ". Lại hỏi: "Đãy cơm Giang tây Hồ nam tiện nghĩ gì đi lại làm sao sống?" Sư đáp: "Lệ đổ đau lòng". Lại nói: "Vàng thật phải là luyện lò hồng, ngọc bạch lại kia khéo tay mài". Sư bảo: "Thêm một chấm cũng khó làm". Lúc ở trong thất, Sư từng đưa cây chổi quét mà hỏi các Học giả rằng: "Cán chổi Y Hy quét, phảng phất rắn khoang đỏ". Đại chúng đều mở lời không khế hợp. Có vị Tăng hỏi: "Sư dùng kệ tụng mà chỉ dạy rằng: "Cán chổi Y Hy quét, phảng phất rắn khoang đó, dưới gậy vô sinh nhẫn, gần cơ chẳng biết cha".

Đến ngày rằm tháng tám năm Kỷ hợi (1179) thuộc niên hiệu Thuần Hy (1174-1190) thời Nam Tống, Sư hiện tướng cảm mắc chút bệnh, nhấm bút viết thư giả biệt Quận Thú Tăng Công. Đến nửa đêm, Sư viết kệ tụng giả biệt đại chúng là: "Cây sắt nở hoa, gà trống sinh trứng, bảy mươi hai năm, lay xách dây đứt". Xong, Sư ném bút mà tịch.

3. Thiền sư Trí Thâm ở Hoa tạng.

Thiền sư Trí Thâm - Trạm Đường ở Hoa tạng tại Thường châu vốn người xứ Võ lâm. Nhân ngày Đức Phật nhậm Niết-bàn, lên giảng đường, Sư bảo: "Đâu suất giáng sinh, song lâm tịch diệt, đào đất xét trời, hư không đóng cọc, suốt bốn mươi chín năm vãi đất tung bụi, hơn ba trăm hội nhận hết bại khuyết, dốc sức bủa lưới trương giềng, chưa

khỏi gọi rùa làm ba ba. Cuối cùng đến bờ thành Câu thi, từ trong hòm quách lộ bày hai bàn chân, người bên cạnh lạnh mắt nhìn lại, rất tợ như khéo múa thành vụng". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Nếu không có cái đạo lý ấy, từ ngàn xưa trong thiên hạ ai vả miệng nói. Hãy nói là đạo lý gì? Trước mặt người ngu si rất kỵ tiết lộ".

4. Cư sĩ Tham Chính Tiền Đoan Lễ.

Cư sĩ Tham Chính Tiền Đoan Lễ, tự là Xử Hòa, hiệu Tùng Song. Từ am ấy (Thiền sư Nguyên) phát minh việc của chính mình. Sau, đối với chỉ thú của Tông môn mỗi mỗi đều thấu đạt cùng cực. Mùa đông năm Bính thân (1176) thuộc niên hiệu Thuần Hy (1174-1190) thời Nam Tống. Thiền sư Giản Đường - Hạnh cơ về ở Bình điền, bèn cùng qua lại. Qua mùa thu năm Đinh dậu (1177), có mắc chút bệnh, Cư sĩ bèn viết thư mời Thiền sư giảng đường cùng hai vị Tăng chủ trì ở Quốc và Thụy nham đến, có lời giả biệt. Thiền sư Giản Đường và hai Thiền sư ấy đồng đến nơi giường chỏng viếng thăm, Cư sĩ vụt dậy, ngồi kiết già cùng trò chuyện cười nói giây lâu, Cư sĩ bèn viết lời rằng: "Cuộc đời nổi trôi hư huyễn, vốn không đi lại. Bốn đại năm uẩn hẳn không cùng tận. Tuy Phật tổ có đủ sức đại oai đức, cũng chẳng thể khỏi một trứ ấy. Các lão Hòa thượng, hết thảy các Thiện tri thức trong thiên hạ lại có nhảy qua được không? Bởi vì đất nước gió lửa khi nhân duyên hòa hợp thì tạm thời ghé hợp, không thể lầm nhận là của chính mình có. Các bậc Đại trượng phu lỗi lỗi lạc lạc phải dùng nơi nắm định, lập nơi đều thật, thuận theo gió mà căng buồm theo nước lên xuống. Đều có thể nhân trai hội mừng vui tán thán, đi ở tự tại. Đây là cửa Niết-bàn một đường giải thoát lớn mà các Thánh từ xưa lại khai mở. Xưa nay tịnh rỗng lắng, cảnh giới đại đạo vô vi. Nay tôi được như vậy há chẳng vui thích thay, tất cả trần lao ngoại duyên đồng một lúc quét hết, được chư vị đoái thương đều nguyện chứng minh. Cúi mong, trân trọng?" Cư sĩ viết xong đặt bút xuống, ngoảy nhìn Thiền sư Giản Đường mà hỏi: "Tôi ngồi mà qua đời là tốt hay nằm mà qua đời là tốt?" Thiền sư Giản Đường đáp: "Tướng Công đi tiện xong, giải hợp ngồi hay nằm làm gì ư?" Cư sĩ cười, nói: "Pháp huynh sẽ là tổ đạo tự mừng vui". Xong, Cư sĩ bèn nhắm mắt mà qua đời.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VIỄN Ở LINH ẨN

1. Thiền sư Tề Vĩ ở Đông sơn.

Thiền sư Tề Vĩ ở Đông sơn tại phủ Khánh nguyên, vốn người dòng họ Tạ ở Ngang châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử kệ tụng của

Sơn chủ Tu rằng: “Là cột trụ chẳng thấy cột trụ, không phải cột trụ chẳng thấy cột trụ, phải và không phải đã bỏ xong, hay cử tiến lấy trong phải và không phải”. Xong, Sư gọi đại chúng, bảo: “Cử tiến được phải dời hoa và bướm đến, cử tiến được chẳng vác suối mang trăng về, phải cũng tốt. Trịnh Châu có lê hơn Châu có táo, chẳng phải cũng tốt, đường Tượng sơn vào đảo Bồng lai, phải cũng không giao thiệp đạp nhằm dùi cân cứng tợ sắt. Không phải cũng không giao thiệp, kiếm báu Kim cang ngay đầu chặt. A! Ha, ha, hiểu được chăng? Ít lúc biết việc, phiền não ít, lắm nơi biết người lắm phải quấy. Nhân đạo bạn trong Liên xã thỉnh mời, lên giảng đường, Sư bảo: “Dần dần da gà tóc hạc, cha trẻ mà con già, nhìn nhìn đi bước lung tung, nghi giết Thượng tọa Mộc. Ngay như vàng ngọc đầy nhà, soi chiếu trông nhìn bạch bất, đâu khỏi suy tàn già bệnh. Chánh khéo mặc tinh thể, mặc tình các người ngàn thứ khoái lạc. Cự nông hợp tự do, vô thường trọn phải đến lại, về nhà uống trà đi. Chỉ có đường thẳng tắc tu hành, y như cũ đánh đó vòng quanh. Chỉ xưng niệm danh hiệu Phật A-di-đà, niệm được không việc cứu tế”. Sư lại bảo: “Câm cái đường sống ấy, đã bị Hòa thượng Thiện Đạo cắt thẳng chỉ ra rồi. Các người sớm tối ở trong đường thẳng tắc qua lại, nhân gì ngay mặt sai quá Phật A-di-đà? Trong ấy cử tiến được, bèn có thể trừ mê đẩy ngả chướng, nhổ mũi tên do dự, cắt đứt lưới nghi hoặc, sông si ái, chặt rừng tâm trù, tẩy tâm cấu bẩn, sửa tâm qua nịnh quanh co, dứt tuyệt tâm sinh tử. Sau đó chuyển vào bên nào? Nhấc cẳng chân lên hướng theo Phật tổ giẫm đạp nơi không đến tiến thêm một bước, mở miệng hướng đến nơi Phật tổ giải bày không tới, nói một câu, kêu lại Hòa thượng Thiện Đạo riêng tìm cầu đường thẳng tắc tu hành. Nếu chuẩn cứ theo trước bỏ cho chạy nhảy, lưu lạc quê người, khua Đông nhằm Tây, khổ thay, Phật A-di-đà!”

2. Thiền sư Như Bản ở Sơ sơn.

Thiền sư Như Bản - Quy Vân ở Sơ sơn tại Phủ châu, vốn người xứ Đài châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Mưa lâu chẳng tạnh đất trong lửa, khắp thân bùn nước bày ra tròng mắt. Hãy nói là tròng mắt gì?” Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: “Giữa rừng bùn trơn trợt, lúc gọi vài ba tiếng”.

3. Thượng nhân Giác A.

Thượng nhân Giác A vốn người dòng họ Tất ở nước Nhật Bản. Năm mười bốn tuổi, Sư được độ thọ giới Cụ túc, tập học kinh điển Đại Tiểu thừa rất có tiếng tăm. Năm hai mươi chín tuổi, gặp có thương buôn từ Trung đô đến nói bày sự hưng thạnh của Thiền tông, Sư mạnh

dạng lôi kéo Pháp đệ là Sa-môn Kim Khánh theo thuyền biển mà đến, tay bưng lò hương lễ bái Thiền sư Phật Hải (Thiền sư Viễn) ở Linh ẩn. Thiền sư Viễn - Phật Hải hỏi Sư từ đâu đến, Sư bèn viết chữ để đối đáp. Sư lại viết rằng: “Nước tôi (Nhật Bản) không có Thiền tông, chỉ giảng các kinh luận của năm Tông. Quốc chủ không có dòng họ, hiệu là Kim Luân Vương. Đến năm Gia Ứng thứ nhất (?) xả bỏ ngôi vua mà xuất gia tu học, tên là Hạnh Chân, lúc ấy vua vừa bốn mươi bốn tuổi, Vương tử vừa mới bảy tuổi, được lệnh nhận ngôi vua, đến nay đã năm năm, độ Tăng không tiến cử dâng nạp, mà chỉ là người giảng nghĩa cao sâu thì được ban cấp. Chúng tôi ngưỡng phục Thánh triều, nghe tên Thiền sư Viễn Công, nên đặc biệt đến nơi trượng thất lễ bái xin được truyền tâm ấn để độ bến mê. Vả lại, nêu tâm, Phật và chúng sinh là ba thứ không khác biệt, lìa tướng lìa ngôn, mượn ngôn từ mà hiển bày đó, thì Thiền sư khai thị như thế nào?” Thiền sư Viễn - Phật Hải đáp: “Chúng sinh hư vọng thấy Phật thấy thế giới”. Sư lại viết: “Vô minh nhân gì mà có?” Thiền sư Viễn - Phật Hải bèn đánh, Sư liền thỉnh mời Thiền sư Viễn - Phật Hải lên pháp tòa quyết nghi. Đến mùa thu năm sau, Sư giã từ đến Kim lăng. Vừa đến bờ sông Trường lô, nghe tiếng trống, bỗng nhiên đại ngộ, mới chứng biết chỉ thú dạy răn của Thiền sư Viễn - Phật Hải, bèn xoay trở lại Linh ẩn, thuật năm bài kệ tụng nói về chỗ thấy của mình rồi mới giã từ trở về Đông hải. Các bài kệ tụng đó là:

- Thuyền biển đến cầu giáo ngoại truyền
Muốn lìa thấy biết thoát lưới nôm
Các phương tham khắp giày cỏ rách
Đầm lắng nước trong trăng tại trời.
- Quét sạch dây leo và thấy biết
Thư tay mang lại toàn thể hiện
Sau đầu vừng sáng suốt Thái hư
Ngàn cơ muôn cơ một lúc chuyển.
- Điểm Diệu làm sao nói cùng người
Té đất bật dậy tự rẽ rành
Chợt nhiên đạp nhằm ruộng đất cũ
Lấy áo trùm đầu riêng bước đi.
- Câu chân diệt vọng vốn chẳng diệu
Ngay vọng rõ chân thảy đều nhầm
Đáng cười Linh sơn dù lão già
Đang Dương vất xuống nát thìa gỗ.
- Dựng tay quát hét thiếu bán đùa

Nói phải nói quấy vào sình bùn
Cắt đứt muôn sai thôi chỉ thú
Một tiếng sáo về la la ly".

Thiền sư Viễn - Phật Hải ngợi khen giỏi, viết kệ tụng tặng cho Sư đi. Về đến nước Nhật Bản, Sư ở chùa Duệ sơn, kịp đến lúc Sư gởi thư thông báo nối dõi dòng pháp đến Trung Hoa thì Thiền sư Viễn - Phật Hải đã thị tịch.

4. Cư sĩ Nội Hàng Tăng Khai.

Cư sĩ Nội Hàng Tăng Khai, tự là Thiên du, trải qua thời gian lâu dài dự tham nói Thiền sư Viên Ngộ, kịp đến lúc qua lại nơi cửa của Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo có lắm ngày tháng. Đến năm Tân mùi (1151) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Thiền sư Viễn - Phật Hải được nhậm đến ở Quang hiếu tại Tam cù. Cư sĩ bèn cùng Cư sĩ Siêu Nhiên Triệu Công đến tham phỏng hỏi rằng: "Thế nào là Thiện tri thức?" Thiền sư Tuệ Viễn đáp: "Lồng đèn, lộ trụ, con mèo, con chó". Cư sĩ lại hỏi: "Vì sao ngợi khen thì hoan hỷ, chê trách thì phiền giận?" Thiền sư Tuệ Viễn bảo: "Ông từng thấy Thiện tri thức chăng?" Cư sĩ đáp: "Tôi đã bam mươi năm tham phỏng sao nói là không thấy?" Thiền sư Tuệ Viễn lại hỏi: "Vậy ông thấy với sự hoan hỷ hay thấy với sự phiền giận?" Cư sĩ định bàn nói, Thiền sư Tuệ Viễn gằn hét một tiếng. Cư sĩ lại định bàn nói. Thiền sư Tuệ Viễn tiếp bảo: "Mở miệng tức không phải". Cư sĩ bèn mịt mờ. Thiền sư Tuệ Viễn gọi lại bảo: "Thị Lang định đi đến nơi nào vậy?" Cư sĩ mạnh mẽ tỉnh ngộ bèn gật đầu. Và nói kệ tụng rằng: "Ôi! Thay lừa mù. Tùng lâm yêu nghiệt, rống đất một tiếng, cơ trời rò rỉ. Có người lại hỏi ý như thế nào? Nắm cây phất trần dậy cắt ngang miệng". Thiền sư Tuệ Viễn - Phật Hải bảo: "Cũng chỉ được một cọc".

5. Cư sĩ Tri Phủ Cát Đàm.

Cư sĩ Tri Phủ Cát Đàm, tự là Khiêm Vấn, hiệu là Tín Trai, từ thuở thiếu thời đã vất bỏ lên trường lớp, thích ý với thiền duyệt. Mới đầu Cư sĩ đến bái yết Thiền sư Toàn - Vô Am xin cầu chỉ nam. Thiền sư Toàn bảo nghiên cứu câu thoại tức tâm tức Phật, qua thời gian lâu mà không khế ngộ, Cư sĩ mới thưa: "Sư có phương tiện gì khiến tôi được vào?" Thiền sư Toàn bảo: "Cư sĩ rất không chán sống rồi". Bấy giờ Thiền sư Tuệ Viễn - Phật Hải vừa đến Kiếm trì. Nhân đó, Cư sĩ bèn tìm đến, mới nêu cử điều dạy của Thiền sư Toàn, cầu xin vì cả đại chúng mà giảng nói. Thiền sư Tuệ Viễn - Phật Hải phát huy câu thoại ấy rằng: "Tức tâm tức Phật lông mày kéo rủ đất, phi tâm phi Phật hai tròng mắt giang

ngang, Hồ Điệm trong mộng nhà muôn dặm, trên cành Tử quy trăng canh ba”. Cư sĩ lưu ở lại mười ngày sau trở về. Một ngày nọ nêu cử chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật, bỗng nhiên Cư sĩ chóng tỏ sáng, bèn làm kệ tụng rằng: “Phi tâm phi Phật cũng phi vật, trước lầu ngũ phụng núi cao ngất, trong cảnh Diễm Dương ngã liền thân, Dã hồ nhảy vào hang Kim sư”. Thiền sư Toàn chấp thuận đó, và liền bảo Cư sĩ viết kệ tụng trình cùng Thiền sư Tuệ Viễn - Phật Hải. Thiền sư Tuệ Viễn bảo: “Việc này giấy bút không thể kịp. Nếu Cư sĩ qua đây, hẳn sẽ có điều nghe vậy”. Cư sĩ bèn lại đến Hổ khâu. Thiền sư Tuệ Viễn nghinh đón mà bảo rằng: “Chỗ thấy của Cư sĩ chỉ có thể vào cảnh giới của Phật, vào cảnh giới của Ma còn chưa nhằm”. Cư sĩ bèn lễ bái không thôi. Thiền sư Tuệ Viễn nghiêm sắc mặt bảo: “Sao không nói lông vàng nhảy vào hang Dã hồ”. Cư sĩ mới thống thiết lãnh hội. Cư sĩ từng hỏi các Thiền giả rằng: “Vợ chồng hai người đánh nhau, chung gọi đứa con ra làm chứng. Hãy nói làm chứng cho người cha là phải? Hay người mẹ là phải?” Thiền sư Thể - Hoặc Am, có nói là: “Nhỏ ra lớn gặp”.

Đến năm Thuần Hy thứ sáu (1179) thời Nam Tống, Cư sĩ đến trấn thú Lâm xuyên, qua năm Thuần Hy thứ tám (1181) thời Nam Tống, Cư sĩ cảm mắc bệnh, một đêm nọ bỗng nhiên đòi lấy giấy bút viết kệ tụng rằng: “Trong biển sâu rộng đánh trống, trên núi Tu-di nghe chuông, kiếng nghiệp bỗng nhiên đánh phá, vụt thân nhảy ra hư không”. Xong, Cư sĩ bèn gọi các Quan liêu quyến thuộc lại mà chỉ dạy rằng: Sống cùng với chết như ngày cùng với đêm, không đáng lấy làm quái lạ. Nếu lấy đạo mà luận bàn thì sao bị sống chết, nếu làm sống chết hợp thì cách đạo vời xa”. Nói xong, Cư sĩ ngồi ngay thẳng mà qua đời.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DÂN Ở HOA TẠNG

1. Thiền sư Bảo Ấn ở Kính sơn.

Thiền sư Bảo Ấn - Biệt Phong ở Kính sơn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Lý ở Gia châu. Từ thuở bé thơ, Sư đã học thông sáu kinh, mà nhàm chán việc thế tục, mới đến nương tựa Thiền sư Tố ở Đức sơn cầu xin xuất gia, đắc độ thọ giới Cụ túc, tiếp đó nghe học kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi tín đã xong hết, Sư giã từ tiếp đến nương tựa Thiền sư Mật Ấn ở Trung phong. Một ngày nọ, Thiền sư Mật Ấn nêu cử: “Có vị Tăng hỏi Nham Đầu: “Lúc khởi diệt không ngưng dứt thì thế nào?” Nham Đầu bảo: “Là ai khởi diệt?” Ngay lời nói ấy, Sư bèn mở mang tỏ ngộ liền gật đầu. Gặp lúc Thiền sư Viên Ngộ về ở Chiêu giác. Thiền sư Mật Ấn bảo Sư đến đó tỉnh xét. Sư nhân theo chúng vào thất, Thiền

sư Viên Ngộ hỏi: "Từ xưa trước các Thánh lấy gì đãi tiếp người?" Sư dựng đứng nắm tay. Thiền sư Viên Ngộ tiếp hỏi: "Đó là chỗ dùng của Lão Tăng, còn làm sao sống là chỗ dùng của các Thánh từ xưa trước?" Sư đưa nắm tay vung một cái. Thiền sư Viên Ngộ cũng đưa nắm tay lên, cùng giao nhau cười lớn mà thôi. Sau đó đến Kính sơn, Sư bái yết Thiền sư Đại Tuệ (Tông Cảo). Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Ông từ đâu đến?" Sư đáp: "Từ Tây xuyên đến". Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Chưa ra ải Kiếm môn, cho ông ba mươi gậy rồi vậy". Sư thưa: "Hòa thượng chẳng hợp khởi động". Thiền sư Đại Tuệ vui vẻ tự nhiên quét thất mời Sư vào. Sau đó, Thiền sư Đại Tuệ dời về phương Nam, Sư mới về lại phương Tây, liên tiếp làm chủ vài ngôi chùa. Sau lại ra giáp, đến ở các chùa Bảo ninh, Kim sơn, Tuyết đậu, Kính sơn.

Ngày khai đường giảng pháp, lên tòa Sư bảo: "Đức Thế Tôn lúc mới thành Đẳng Chánh giác, ở trong vườn Lộc dã chuyển pháp luân giảng pháp Tứ đế, Tỳ-kheo Kiều Trần Như ngộ đạo đầu tiên. Về sau, Thiền sư Chân Tịnh lúc mới đến ở Động Sơn, niêm rằng: "Ngày nay trong động Tân phong chỉ chuyển cái cây gậy". Bèn nắm cây gậy bên tả tiếp hỏi: "Lại có người ngộ đạo đầu tiên chăng? Nếu không thì bậc Trượng phu phải tự có chí xung thiên, chớ thực hành theo chỗ Như Lai hành". Và hét một tiếng rồi xuống khỏi tòa. Nếu là Thượng tọa Mật Ấn thì không như vậy. Ngày nay hướng đến trong núi Phụng hoàng, mới đầu không công phu chuyển pháp luân bốn đế, cũng không sức lực chuyển cây gậy, chỉ dạy các người là đi nên nước thư thả, nói phải nhỏ lời. Sao vậy? Nếu muốn chẳng vời nghiệp vô gián, thì chớ phỉ báng chánh pháp luân của Đức Như Lai". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Phật ba đời dùng một câu diễn nói trăm ngàn muôn ức câu, gom thâu trăm ngàn muôn ức câu chỉ ở tại một câu. Môn hạ Tổ sư nửa câu cũng không. Chỉ nghĩ gì đáng ăn nhiều ít cày gậy đau. Các Nhân giả! Phật là phải? Hay Tổ tư là phải? Nếu nói Phật là phải, Tổ chẳng phải. Tổ là phải, Phật chẳng phải thì lấy bỏ chưa quên mất. Nếu nói Phật và Tổ đồng một lúc là phải, Phật và Tổ đồng một lúc chẳng phải là mập mờ không ít. Hãy cắt đứt dây leo một câu làm sao sống? Nói. Trùng lớn trong khăn giấy khéo cười lại kinh người". Sư lại nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Nham Đầu: "Mênh mông giữa trần làm sao biện rành chủ?" Nham Đầu đáp: "Trong la Đồng cát đựng đầy dầu". Xong, Sư bảo: "Lớn nhỏ Nham Đầu đánh mất lỗ mũi". Bỗng có người hỏi Bảo Ninh: "Mênh mông trong Trần làm sao biện rành chủ?" Chỉ nên đáp với người đó là: "Trời lạnh chẳng kịp trùm khăn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày mồng

01 tháng 06 thiêu đốt giữa không trung đỏ rực mặt nhật. Đầu đường ngã tư tuyết sâu một thước. Quét dọn không xong, tránh né chẳng kịp. Lạnh cóng Hổ Tử trong thôn đông quạnh vắng, nửa đêm mang giày nước lên đứng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đem tâm trừ vọng, vọng khó trừ, tức vọng minh tâm đạo chuyển xa, đáy thùng vọt xuyên không húy kỵ, đẳng nhàn một bước một hoa sen".

Sư đến Kính sơn, đượm hợp khắp xa, Hiếu Tông Hoàng đế (Triệu Thận 1163-1190) thời Nam Tống, mời Sư đến điện Tuyển đức cùng đàm đạo Sư ứng sắc chỉ vào đối đáp, mỗi ngày được sắc ban kiệu khiêng đến trong cửa Đông hoa. Đến tháng hai năm (?) thứ mười, vua chú giải kinh Viên Giác, sai sứ đưa lại thỉnh mời Sư viết lời tựa. Lúc Sư tuổi tác đã già lớn càng nhàm chán việc trú trì, vào mùa đông năm (?) thứ mười lăm, Sư tấu trình xin được về am yên tỉnh. Đến tháng mười một năm Thiệu Hy thứ nhất (1190) thời Nam Tống, Sư đến thăm Thiền sư Trí Sách ở giao thừa, và cùng tỏ bày giả biệt. Thiền sư Trí Sách hỏi ngày đi. Sư đáp: "Nước đến cừ thành". Trở về, Sư đòi lấy giấy bút viết chín chữ: "Lúc gà gáy đêm mồng 07 tháng 12". Đến kỳ hạn Sư bèn thị tịch. Nghinh thỉnh di thể Ngài trở về lại pháp đường ở chùa lưu lại bảy ngày, nhan sắc Sư vẫn sáng nhuần, tóc dài ra, tên đỉnh đầu ấm nóng, qua bảy ngày bèn nghinh đưa an táng tại sườn núi phía Tây của am, tôn phong Sư thụy hiệu là "Từ Biện Thiền sư", tháp hiệu là "Trí Quang".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGUYÊN Ở CHIÊU GIÁC

1. Thiền sư Tuệ Quán ở Phụng thê.

Thiền sư Tuệ Quán ở Phụng thê. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Thôn trước lá rơi hết, sau viện hoa quế tàn, đêm nay đầu tiết đông, từ đây đặt đất lạnh. Do đó nói, muốn biết nghĩa Phật tánh, phải quán xét thời tiết nhân duyên. Thời tiết nếu đến, lý ấy tự rõ ràng". Sư hét một tiếng, tiếp bảo: "Nghĩ gì nói năng thành người ít, người thất bại lắm nhiều".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠO Ở VĂN THÙ

1. Thiền sư Tuệ phương ở Sở an.

Thiền sư Tuệ phương ở Sở an tại Đàm châu, vốn người dòng họ Hứa ở Bản quận. Sư đến dự tham nơi Thiền sư Đạo ở Đại biệt, sau đó không lâu đổi chùa làm thành cung Thần tiêu, bèn nương thuyền buôn qua Tương nam. Đang ở trong thuyền nghe tiếng người trên bờ thoát vượt quê hương, gằn tiếng gọi: "Nào?" Từ đó, có chút tỉnh ngộ, Sư liền

nói kệ tụng rằng: "Giữa sông cái thủy gọi một tiếng. Lúc này mới được hợp bình sinh, nhiều năm xa cách lại đồng thấy, ngàn Thánh chung về đi một đường". Ở, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Gần già mới xứng trú trì, toàn không chút ít Huyền cơ, mở miệng mười chữ hết chín sai. Hỏi Đông bèn mời đáp Tây. Ra đời hoằng hóa như vậy xét lắm huyền vi. Có lúc nắm ba buông hai, có lúc đến bảo mà thực hành. Tuy là như vậy, đồng đạo mới biết. Hãy nói: Biết việc làm sao sống? Phải liền đánh bay lỗ mũi mới được. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tổ sư Đạt-ma tại dưới cẳng chân, đạp chẳng nhằm chừ, nhấc chẳng dậy, kỹ càng nhận lấy buông xuống xem, bệnh tại lúc này trong tay ai? Trương Công biết xem mạch, Lý Công biết bổ thuốc. Cả hai tranh nhau trị liệu một lúc, dùng chẳng nhằm, thuộc chẳng cùng trao. Nhầm, nhầm, uống trà đi".

2. Thiền sư Tư Nghiệp ở Văn Thù.

Thiền sư Tư Nghiệp ở Văn Thù tại phủ Thường đức. Gia đình nhiều đời làm nghề đồ tể, một ngày nọ cắt giết heo, bỗng nhiên thấu suốt nguồn tâm, Sư bèn bỏ nghề nghiệp xuất gia thọ giới làm Tỳ-kheo. Sư thuận kệ tụng rằng: "Ngày qua tâm Dạ-xoa, sáng nay mặt Bồ-tát, Bồ-tát và Dạ-xoa chẳng cách một đường tơ". Sư đến bái yết Thiền sư Đạo ở Văn Thù. Thiền sư Đạo hỏi: "Lúc ông làm nghề giết heo thấy cái gì bèn bỏ mà xuống tóc hành cước?" Sư bèn làm cái thế đang bổ dao. Thiền sư Đạo hét một tiếng, bảo: "Gã mổ giết tham đường đi". Sư bènm xuống tham đường. Ngày ở Văn Thù, có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Triệu Châu Khám Bà, xong, Sư mới bảo: "Khám phá Bà Tử, mặt xanh mắt đen, Lão già Triệu Châu, dối ta không được".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUÂN Ở PHẬT ĐĂNG

1. Thiền sư Liễu Vân ở Trù nham.

Thiền sư Liễu Vân ở Trù nham - Nghĩa ô tại Vụ châu, có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại con chó không có Phật tánh của Triệu Châu, xong, Sư mới bảo: "Con chó Triệu Châu không Phật tánh, muôn lớp núi xanh che kiếng xưa, Ba Tư gót đỏ vào Đại Đường, Na-tra tám tay hành chánh lệnh. Ôi!"

2. Cư sĩ Đãi Chế Phan Lương Quý.

Cư sĩ Đãi Chế Phan Lương Quý, tự là Nghĩa Ninh. Năm bốn mươi tuổi, Cư sĩ mới xoay tâm về cửa Tổ, phàm đến đâu đều treo bát theo chúng tham khấu. Sau đó, nương tựa Thiền sư Phật Đăng qua thời gian lâu mà không khế ngộ, nhân đó, Cư sĩ mách bảo rằng: "Lúc tôi chỉ

muốn chết đi thì thế nào?" Thiền sư Phật Đăng đáp: "Khéo cái phong bì da tạm lưu đặt tiện dụng, mà nay không rõ chẳng đáng. Về sau đi bỗng bị kẻ khác kéo ngay phong bì da, rốt cùng không nơi chỉnh lý". Cư sĩ lại đem câu thoại Nam Tuyền chém mèo mà hỏi: "Tôi kháng câu thoại ấy rất lâu mà trọn chưa thấu triệt. Xin Hòa thượng rủ lòng từ bi chỉ dạy". Thiền sư Phật Đăng (Tuân) đáp: "Ông chỉ quản giải hiểu riêng con mèo nhà người, không biết chạy tức từ nhà con chó". Ngay lời nói đó, Cư sĩ như từ cơn say tỉnh lại. Thiền sư Tuân lại bảo: "Chẳng dễ ông tiến một bước này, lại phải biết có việc hướng thượng mới được. Như nay, Quan sĩ đại phu nói Thiền nói Đạo chỉ y cứ chấp trước nghĩa lý bèn khoái sống. Đại khái tợ như đem tiền mua bánh dầu, ăn xong bèn chẳng đói, ngoài ra bèn nói là lừa dối kẻ khác cũng đáng cười vậy". Cư sĩ bèn: "Duy, Duy!"

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MINH Ở LẶC ĐÀM

1. Thiền sư Thủ Duyên ở Vô vi.

Thiền sư Thủ Duyên - Tùy Am ở Vô vi tại Hán châu, vốn người dòng họ Sử ở Bản quận. Năm mười hai tuổi, bị mắc bệnh mắt, Sư bèn bỏ thế tục, đến nương tựa Thiền sư Năng - Tuệ Mục ở Thê thiền xuất gia thọ giới Cụ túc, sau đó ra giáp đến Bảo Phong. Gặp lúc Bảo Phong lên giảng đường nêu cử: "Vĩnh Gia nói: "Một vầng nguyệt hiện khắp các dòng nước. Hết thảy các dòng nước chỉ một vầng nguyệt nhiếp lấy". Nghe thế, tự nhiên Sư lãnh ngộ. Ở, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Đem một bao gồm muôn vạn, chỉ một vầng nguyệt hiện khắp tất cả các dòng sông. Hợp muôn vạn kết quy về một, tất cả các dòng sông, chỉ một vầng nguyệt thâu nhiếp. Dàn bày thì khắp cùng pháp giới, gom thâu lại thì một mảy tóc chẳng còn. Tuy là thâu hay dàn bày có khác đường, nhưng việc này vẫn không khác cùng cực. Chỉ cần có thể ngay trên căn bản dán được một tròng mắt đi, mới thấy chư Phật ba đời, các Tổ sư qua các thời đại thảy đều từ trong đó mà thị hiện. Ba tạng, mười hai bộ loại phần giáo, hết thảy kinh điển đều từ trong đó mà lưu xuất. Trời đất, nhật nguyệt, muôn tượng sum-la đều từ trong đó mà kiến lập, ba cõi, chín địa, bảy thú, bốn loài đều từ trong đó mà ra vào. Trăm ngàn pháp môn, vô lượng Diệu nghĩa. Cho đến hết thảy các kỹ nghệ khéo léo của thi đều hiện hành việc này. Do đó, Đức Thế Tôn nắm cành hoa, Tôn giả Ca-diếp bèn mỉm cười. Tổ sư Đạt-ma ngồi xoay mặt vách tường, Nhị Tổ từ đó được an tâm, hoa đào rộ nở Linh vân hết sạch nghi tình, gõ tre phát tiếng, Hương nghiêm nhân đó chóng quên điều biết.

Cho đến Bàn sơn ngay đầu bàn án thịt mà ngộ đạo, Di-lặc đến trong chợ cá mà tiếp người. Thật đáng gọi là vội văn hoạn nạn hẳn ở đó. Kinh hành tọa thiền tại trong đó, đã có kỳ đặc như vậy, lại có ngời sáng như vậy. Đã có rộng lớn như vậy, lại có khắp cùng như vậy. Các người nhân gì mà có mê có ngộ? Cần biết chăng? May không nơi riêng soi chiếu, chắc chắn có lúc không tỏ sáng.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 31
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 32

MỤC LỤC

Đời thứ mười bảy, sau đời Thiền sư Đại giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo, có chín mươi bốn vị:

25. Thị giả Cận Lễ
26. Thiền sư Ni Diệu Đạo ở Tịnh cư
27. Thiền sư Ni Diệu Tổng ở Tư thọ
28. Cư sĩ Thị Lang Trương Cửu Thành
29. Cư sĩ Tham Chánh Lý Bính
30. Cư sĩ Bảo Học Lưu Ngạn Tu
31. Cư sĩ Đề Hình Ngô Vĩ Minh
32. Cư sĩ Môn Ty Hoàng Ngạn Tiết
33. Phu nhân Kế Thị ở Tần quốc
34. Thiền sư Liễu Minh ở Kinh sơn (ba mươi bốn vị hiện có ghi lục)
35. Đạo giả Tổ Lân
36. Thiền sư Châu ở lương
37. Thiền sư Kế Minh ở Hoa dược
38. Thiền sư Dĩnh ở Đại vân
39. Thiền sư Tử Văn ở Chiêu giác
40. Thiền sư Tự Ẩn ở Long vương
41. Thiền sư Phạm ở Nhạc lộc
42. Thiền sư Nhân ở Nam hoa
43. Đạo nhân Siêu Tông
44. Thiền sư Huệ Ngưỡng ở Đại quy
45. Thiền sư Tướng ở Lạc khổ
46. Thiền sư Tổ Khánh ở Kính sơn
47. Thiền sư Xung Mật ở Y sơn
48. Thiền sư Như Bản ở Tường phù
49. Thiền sư Đức ở Tượng điền
50. Thiền sư Tín ở Tượng điền
51. Thiền sư Tín ở Long nha
52. Thị giả nhạc
53. Thiền sư Lâm ở Quang hiếu
54. Thiền sư Hiểu Oánh ở Vân ngọa
55. Thiền sư Pháp Sinh ở Cửu đảnh
56. Hoàng Văn Xướng Biên Tu
57. Cư sĩ Trịnh Ngang
58. Thiền sư Hữu Tài ở Kính sơn
59. Thiền sư Gián ở Đại bi
60. Thiền sư tuệ Nhiên ở Tuyết phong
61. Thiền sư Giác Ấn ở Hoa tạng

62. Thiền sư Liễu Hiền ở Phước nghiêm
63. Thiền sư Xung ở Khánh thành
64. Thiền sư Sùng Hải ở Báo ân
65. Thiền sư Tổ Ngạn ở Quang hiếu
66. Thiền sư Diệu Hy ở Tiến phước
67. Thiền sư Năng ở Bác sơn
68. Thiền sư Nhân ở Thạch môn
69. Thiền sư Tông Thường ở Long tường
70. Thiền sư Ân ở Tương sơn
71. Thiền sư Đẳng Thuyên ở Tương sơn
72. Thiền sư Viên ở Quang hiếu
73. Thiền sư Đàm Chấn ở Mặc thủy
74. Thiền sư Nam ở Tú phong
75. Thiền sư Tăng Ngạc ở Pháp tế
76. Thiền sư Hạnh ở Báo ân
77. Thiền sư Khánh Lão ở Chu phong
78. Thiền sư Phổ Nhân ở Tiến phước
79. Hòa thượng Dã Am ở Thủy lục
80. Thiền sư Như Hối ở Đại quy
81. Thiền sư Đạo Thành ở Ngọc tuyền
82. Thiền sư Quán ở Minh chiếu
83. Thiền sư Như Chiêu ở Hưng vương
84. Thiền sư Khánh ở Tùng khánh
85. Thủ tòa Pháp Hoằng
86. Thiền sư Vịnh ở Thạch tuyền
87. Thiền sư Lập ở Quang hiếu
88. Thiền sư Vi ở Minh chiêu
89. Thiền sư Quảng Dung ở Đại minh
90. Thiền sư Tổ Minh ở Chiêu giác
91. Thiền sư Tú ở Chánh pháp
92. Thiền sư Viên ở Ngưỡng sơn
93. Thủ tòa Chánh Hoán
94. Thiền sư Ni Chân Như ở Quan tây (sáu mươi vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠI TUỆ - TÔNG CẢO Ở KÍNH SƠN

1. Thiền sư Di Quang ở Giáo trung.

Thiền sư Di Quang - Hối Am ở Giáo trung tại Tuyền châu, vốn người dòng họ Lý ở đất Mân. Thuở bé thơ, Sư ít nói cười, nghe tiếng đọc tụng kinh thì tỏ vẻ mừng vui. Năm mười lăm tuổi, Sư đến nương tựa Thiền sư Văn Tuệ ở U nham cầu xin xuất gia, thọ giới Cụ túc, Sư còn ham thích xem đọc các thứ kinh sách. Một ngày nọ, Sư tự bảo: "Đã xuất gia xuống tóc mặc pháp y hoại sắc, phải nên mong cầu triệt ngộ, đâu nên say sưa với tục điển ư?" Sư bèn ra lãnh bái yết Thiền sư Viên Ngộ đang ở tại Vân cư. Tiếp đấn dự tham ở Hoàng Nghiệt, Tường Cao - Am Ngộ, cơ ngữ đều khế hợp, gặp lúc tại Hoài sở giặc cướp đang dấy động, Sư bèn trở về bái yết Thiền sư Phật Tâm. Gặp Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đang ngụ tại Quảng nhân, Sư bèn đến nương theo đó. Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ông đã có sở đắc từ nơi Thiền sư Phật Tâm hãy nêu cử một vài điều xem?" Sư bèn nêu cử: "Thiền sư Phật Tâm lên giảng đường, niêm Công án Phổ hóa rồi bảo: "Với Phật Tâm tức không như vậy. Lúc tất cả chẳng nghĩ gì thì thế nào? Nhằm ngay cột sống mà đánh, theo giáo phân thân khắp mọi nơi". Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Vậy ý ông như thế nào?" Sư đáp: "Tôi chẳng chịu kia, nên ở đầu sau đưa xuống một cước chú". Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Đó chính là lấy bệnh làm pháp". Sư quả quyết không tin đáng để ý. Thiền sư Đại Tuệ lại bảo: "Ông chỉ suy lường gì xem?" Sư trọn cho là không như vậy. Qua hơn mười ngày, nhân nhớ Thiền sư Tín ở Hải ấn có niêm rằng: "Tiếng sấm nổ vang, mưa lớn giọt toàn không". Mới không nghi trệ, Sư liền đến trình báo Thiền sư Đại Tuệ. Thiền sư Đại Tuệ lại nêu cử ngữ thoại Đạo giả ra mắt Lang Da và Huyền Sa chưa triệt ngộ mà cật vấn. Sư đáp rồi. Thiền sư Đại Tuệ cười bảo: "Tuy tiến được một bước, chỉ là chẳng nhằm nơi chỗ ở, như người chặt cây, chặt một dao xuống dưới gốc rễ thì mạng căn sẽ dứt mất. Ông lại lên trên cành chặt như vậy, làm sao dứt được mạng căn ư? Nay khắp các phương có lắm người mênh mông nói thiền, thất tất cả các nơi đều như vậy, đâu có việc gì ích lợi? Như chánh truyền của Dương Kỳ chỉ ba bốn người mà thôi". Sư tức giận bỏ đi. Ngày hôm sau, Thiền sư Đại Tuệ lại hỏi: "Ông có nghi ngờ chăng?" Sư đáp: "Không thể nghi ngờ đó". Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Chỉ như người xưa cùng thấy gặp, lúc chưa mở miệng đã biết hư thật. Hoặc nghe tiếng nói bèn rõ biết được cạn sâu. Lý ấy như thế nào?" Sư mịt mờ toát đổ mồ hôi, chẳng biết đến đâu. Thiền sư Đại Tuệ bèn bảo Sư tham cứu câu có câu không.

Lúc Thiền sư Đại Tuệ qua am Vân môn, Sư đi theo hầu. Một ngày nọ, Sư hỏi: "Tôi đến trong đó, trọn không thể thấu triệt, bệnh ấy tại đâu?" Thiền sư Đại Tuệ đáp: "Bệnh ông đã kết thành khối u, các thầy thuốc trong đời đều bó tay. Sao vậy? Người khác chết rồi sống lại không được. Nay ông đang sống trọn chưa từng chết, cần muốn đến trong đất ruộng đại an lạc phải là chết đi một hồi mới được". Sư nghi tình càng sâu, sau đó vào thất, Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Ăn cháo rồi cũng rửa chén bát rồi vậy, đi tức thuốc, kỵ nói đem một câu lại". Sư nói: "Phá nát". Thiền sư Đại Tuệ ra oai hét một tiếng và bảo: "Ông lại nói Thiền vậy". Sư liền đại ngộ. Thiền sư Đại Tuệ khua trống báo đại chúng rằng: "Lông rùa nắm được cười khái khái, đánh một cái muôn lớp khóa ải mở, mừng vui bình sinh tại ngày nay. Ai bảo ngàn dặm lừa dối ta lại?" Sư cũng dùng kệ tụng trình rằng: "Một ép ngang cơ giận sấm rống, kinh dậy Tu-di giấu Bắc đẩu, sóng cả mênh mông vỗ ngập trời, nắm được lỗ mũi, mất ngay miệng".

Ở lại, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Câu có câu không như dây leo nương tựa cây, buông phóng ngu si làm gì, đến lúc cây đổ ngã dây leo khô, câu về nơi nào? Tình biết các người rốt cùng mò xét đầu lỗ mũi chẳng nhầm. Vì gì như vậy? Chỉ vì phân rành cùng cực vụt khiến chỗ được chậm". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mộng huyễn như hoa đốm giữa hư không sao nhọc nắm bắt. Được mất phải quấy đồng một lúc buông ngày". Sư ném cây phất trần một cái, tiếp bảo: "Ngày nay sơn Tăng đã là buông xuống rồi vậy. Các người lại làm sao sống?" Sư lại bảo: "Thị giả nắm lấy phất trần". Có vị Tăng hỏi: "Văn Thù vì gì ra, gái trai định không được?" Sư đáp: "Ngày nay sơn Tăng rất khốn khổ". Lại hỏi: "Võng minh vì gì ra liền được?" Sư đáp: "Khiến người nghe nhầm". Lại hỏi: "Nghĩ gì thì đánh mở hoa nhạc ngàn núi đẹp? Buông ra Hoàng hà một nguồn trong?" Sư đáp: "Mặc tình bói lường".

2. Thiền sư Đạo Nhan ở Đông lâm.

Thiền sư Đạo Nhan - Vạn Am ở Đông lâm tại Giang châu, vốn người dòng họ Tiên ở Đồng xuyên. Sư đến dự tham nơi Thiền sư Viên Ngộ qua thời gian lâu hơi có chút tỉnh phát, kịp đến lúc Thiền sư Viên Ngộ trở về đất Thục dặn dò Sư đến nương tựa Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo lúc ấy đang ở Diệu hỷ mà viết thư đến Đại Tuệ rằng: "Nhan xuyên thêu vẽ đã xong, chỉ khuyết thiếu điểm nhãn. Ngày sau nối dõi tiếp theo đó rất đáng lường vậy". Đến lúc Thiền sư Đại Tuệ chuyển dời đến ở Vân môn là Dương tự, Sư đều luôn theo bên cạnh, sớm tối chất vấn điều nghi mới đại ngộ. Ở, lâu sau lên giảng đường Sư bảo: "Một chiếc

lá rơi trời xuống thu, một mảy trần nổi dậy đại địa gom thâu. Tổ chim thổi trải lông, bèn có người ngộ đi. Ngày nay các học giả vì gì không biết chính mình?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chớ lầm quái ngại người tốt lành". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Muốn biết tâm chư Phật, chỉ hướng đến trong tâm hạnh của chúng sinh mà biết lấy. Muốn biết tánh thường trú không điêu tàn, chỉ hướng đến nơi muôn vật biến đổi mà hiểu lấy. Lại có biết được không? Muốn được chẳng chiêu vời nghiệp vô gián, chớ nên phỉ báng chánh pháp luân của Đức Như Lai". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nói các người biết, Lương Toại đều biết. Nơi Lương Toại biết, các người không thể biết. Làm sao sống là nơi Lương Toại biết?" Sư mới bảo: "Cò trắng nói là chim hạc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Giữa mùa đông giá rét, ba cõi không an, người giàu khoái lạc, kẻ nghèo đói lạnh. Không biết huyền chỉ lầm nhận định bàn. Tại sao? Ngưu Đầu đặt đuôi phía trên, Bắc đẩu xoay mặt hướng Nam nhìn. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một giọt giọt nước, một giọt giọt băng, trời lạnh người lạnh, gió động phướng động, chiếc quạt Vân Môn nhảy vọt lên tầng trời ba mươi ba đấp nhằm lỗ mũi trời Đế-thích, cá chép biển Đông đánh một gậy, mưa đổ tợ bồn nghiêng. Chẳng qua trong mười hai thời khắc các người thọ dụng tầm thường". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cửa nhà Viên Thông, tám chữ đánh mở, nếu là từ cửa vào được chẳng kham cùng đàm nói. Phải là vào được cửa vô môn mới có thể ngồi lên nhà sâu. Do đó nói các Đức Như Lai ở thời quá khứ từ cửa này mà đã thành tựu, chư vị Bồ-tát trong hiện tại nay đây mỗi tự vào viên minh. Các người tham học trong thời vị lai đều sẽ y cứ pháp như vầy. Các Thánh từ xưa trước may có phong môn rộng lớn như vậy. Chẳng thể tiếp nối làm ngời sáng, cam tự bỉ lậu vất bỏ, khoét vách đào tường, khéo chẳng là Trượng phu. Dám hỏi cùng đại chúng: "Cửa vô môn làm sao sống?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chẳng chỉ Quán Thế Âm, ta cũng từ trong đó chứng đắc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiết Nguyên Tiêu (rằm tháng giêng) đã qua, hóa chủ ra cửa. Lục quân Tỳ-kheo mỗi tự theo từng loại. Trong chúng đây không còn cành lá, thuần chỉ chân thật. Các Tăng thượng mạn lui đi như vậy cũng là tốt, kỳ lân chẳng làm điềm lành, phụng hoàng không là vinh hạnh, thóc tốt hai kỳ, lúa đơm chín bông, tất cả đều chẳng tiêu được, chỉ nguyện cầu trong cung vô sự, dưới rừng an thiền, trâu thủy cổ no nằm tà dương, gã vác gậy bần an lạc lâu dài, cháo đủ cơm đủ, cúi ngưỡng tùy thời. Đũa lồng chẳng loạn quấy thìa, chuột già không ăn nồi hấp bánh, kế sống nhà chùa đạm bạc lớn tình, chẳng kính trời công

đức, không hiềm con gái mặt đen. Chủ nhân có trí cả hai đều chẳng thọ nhận". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Quân tử mến thích của cải, lấy đó làm đạo". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Năm trước sau hàn thực, năm nay trước hàn thực, mỗi ngày đều là ngày tốt, chẳng phải chánh trung thiên". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nhà khách lâu lưu luyến, quê nhà đêm soi bên, rèm treo mưa tháng ba, nước ngập hai hồ sen, vạc rĩ đốt chén đèn, củi sinh đầy khói bếp. Đã quên niệm Nam bắc, vào trông hết Bình xuyên". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rừng chiên đàn không cây tạp, rậm rạp sâu kính sư tử ở. Do đó rừng rậm chiên đàn, cây chiên đàn vây quanh, rừng gậm gai gốc, các thứ gai gốc bao quanh. Thành tựu muôn ức cõi nước, các hàng sĩ nông công thương như Da-xoa như la-sát hiện hành ma nghiệp. Dong thong thay liền vì cuối năm". Có vị Tăng hỏi: "Câu thoại Hương nghiêm leo lên cây, ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Mò phỏng chẳng thành, họa vẽ chẳng đến". Lại hỏi: "Lý Lăng tuy khéo tay, vì sau lấp Phan hà?" Sư bảo: "Từ nơi nào đi lại?" lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Ông là nguyên cũ". Vị Tăng ấy đến gần phía trước thưa: "Kính vâng!" Sư bảo: "Áo không trôn, quần không miệng". Lại hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Hòa thượng Chí Công". Lại hỏi: "Người học hỏi Phật, cớ sao lại đáp là Hòa thượng Chí Công?" Sư đáp: "Chí Công chẳng phải hỏi Hòa thượng". Lại hỏi: "Thế nào là Pháp?" Sư đáp: "Ấu phụ mặc lụa quyên vàng, cháu ngoại cõi dưa muối". Lại hỏi: "Thế nào là chương cú?" Sư đáp: "Tuyệt diệu hảo từ". Lại hỏi: "Thế nào là Tăng". Sư đáp: "Câu cá trên thuyền Tạ Tam Lang". Lại hỏi: "Sao không nói thẳng?" Sư đáp: "Hòa thượng Huyền Sa". Lại hỏi: "Với Tam bảo đã được Sư chỉ dạy, còn hướng thượng Tông thừa việc ấy như thế nào?" Sư đáp: "Vương Kiều hứa tiên đắc tiên". Vị Tăng ấy cười lớn ha ha. Sư mới nghiến răng.

3. Thiền sư Đảnh Nhu ở Tây thiền.

Thiền sư Đảnh Nhu - Lại Am ở Tây thiền tại Phước châu, vốn người dòng họ Lâm ở Bản quận. Từ thuở nhỏ, Sư đã đỗ đạt Tiến sĩ rất có tiếng tăm. Năm mười lăm tuổi, nhân đọc xem "kinh Di Giáo", bỗng nhiên Sư tự bảo: "Cớ sao làm Nho quan, sai nhầm vậy?" Muốn giả từ gia đình thế tục, thân mẫu Sư lấy làm khó đó, và tự thân gần nghinh đưa đến mong cầu thầy mới giả tuyệt, bảo là: "Yêu đào hồng hạnh một thời phân giao gió xuân, trúc biếc hoa vàng từ đây đi trọn làm bạn đạo". Cuối cùng Sư đến nương tựa Thiền sư Lạc ở Bảo thọ cầu xin xuất gia làm Tỳ-kheo. Chỉ một chiếc gậy Sư rảo bước Hồ tương, dự tham khắp các bậc danh túc, nhưng giáo pháp dạy truyền không mùi vị khác. Sư

bèn trở về lại quê nhà, dựng am ở trên tuyệt đảnh Khương phong, suốt ba năm không bước chân xuống núi. Thiền sư Tài - Phật Tâm lại ra làm thủ chúng ở Đại thừa, thường nghe nhân duyên người học tức Tâm tức Phật. Bấy giờ Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo ở am Diệu hỷ vừa đi đến Dương tự. Có Di Quang là bạn của Sư gởi cho Sư lá thư rằng: "Am chủ (Đại Tuệ) thủ giả biệt các phương. Có thể đến đây chút ít thành thật, như thế nào?" Sư không trả lời. Thiền sư Di Quang lại dùng kế mời Sư đến thọ trai, Sư bèn chịu đến, gặp lúc Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo vì các đồ chúng vào thất, Sư cũng tùy hỷ theo đó. Thiền sư Đại Tuệ nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Mã Tổ: "Thế nào là Phật?" Mã tổ đáp: "Tức tâm là Phật". Làm sao sống?" Sư mở lời. Thiền sư Đại Tuệ liền mắng: "Kiến giải ông như vậy mà dám vọng làm thầy mọi người ư?" Và liền khua trống chỉ dạy chung cả chúng, bới móc điểm mà bình sinh Sư trân trọng dốc sức, bài bác cho đó là kiến giải tà vạy. Sư lệ trào đầy gò má chẳng dám ngửa mặt trông nhìn, thầm tự nghĩ là: "Sở đắc của ta đã bị bài bác. Yếu chỉ từ Tây vức lại đây chẳng truyền, há chỉ vậy ư?" Sư bèn quy tâm xếp làm đệ tử. Một ngày nọ, Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Trong không phóng ra, ngoài không phóng vào, chánh ngay lúc nghĩ gì thì thế nào?" Sư định mở miệng đáp. Thiền sư Đại Tuệ nắm cái lược tre nhắm ngay cột sống đánh liền ba cái. Khi ấy Sư bỗng đại ngộ, bèn gắng tiếng thưa: "Hòa thượng đã nhiều rồi vậy". Thiền sư Đại Tuệ lại đánh thêm một cái. Sư bèn lễ bái. Thiền sư Đại Tuệ cười, bảo: "Ngày nay mới biết Ta không khinh dối ngươi vậy". Và bèn dùng kệ tụng ấn chứng cho Sư rằng: "Cửa đảnh đặt mắt Á-ma-hê, khuỷu tay liệu treo phù Đoạt mạng, mù tròng mắt, ngậm ngay phù, vách Đông Triệu Châu treo hồ lô". Từ đó tiếng tăm Sư vang động khắp chốn tùng lâm.

Ở lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: "Ý trong câu, câu trong ý, Tu-di cao vót cự xuyên, câu cắt ý, ý cắt câu, liệt sĩ phát ra cuồng thỉ, mặc giữ răng như kiếm, dựng miệng tợ bồn huyết, chẳng thỏa từ bén nhọn rỗng trương ý hay. Do đó Tịnh Danh ngậm miệng sớm can thiệp phồn từ, mà kiệt đóng cửa, đá tung vải dơ bẩn nhà mình. Ngoài ra, Lão già Ngỏa Quan, Đại sư Nham Đầu hướng lên trên đảnh Khương phong nắm gió quẩy sóng múa thần biến, dưới cẳng chân khéo cho ba mươi gậy. Hãy nói lỗi quá ở nơi nào?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Có quan chẳng phải Hàn Quang làm, chớ nắm cổ áo Đẳng Nhàn". Đến tiết, lên giảng đường, Sư bảo: "Từ ngày hai mươi lăm trở về trước, các âm tiêu phục cửa nhà rồng đất, từ ngày hai mươi lăm trở về sau, một Dương lại, cây sắt nở hoa, chánh ngay ngày hai mươi lăm, khách say trong tuần cười

lừa cưỡi ngựa, trước đường thông, sau đường thông vội cùng mừng việc vui, người nhàn ngoài vật khăn chăn trùm đầu ngồi quanh lò lửa, gió vù vù mưa the thé, lạnh rười rượi, ai quản Trương tiên sinh, Lý Đạo sĩ, Hồ Đạt-ma ấy vậy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lại ông, lười trong lười, rất lười, lười nói thiền, cũng chẳng tự trọng chánh mình, cũng không kính trọng tiên hiền, lại ai quản đất ấy, lại ai quản trời ấy, ngoài vật tự nhiên không một vật, mặt nhật lên ba cán sào lại còn ngủ". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Thế nào là lời người xưa?" Triệu Châu đáp: "Lắng nghe, lắng nghe". Xong, Sư bảo: "Lắng nghe tức chẳng không, rất kỵ gọi chuông làm vum". Lại có lúc ở trong thất, Sư hỏi vị Tăng: "Muôn pháp kết quy về một, một kết quy về nơi nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Trong nước Tân La". Sư bảo: "Ta ở tại Thành châu làm một chiếc áo sam nặng bảy cân". Vị Tăng ấy nói: "Ngày nay thân gần thấy Triệu Châu". Sư bảo: "Thấy trước đầu hay thấy sau đầu". Vị Tăng ấy làm thế bổ chê trán. Sư hỏi: "Thượng tọa người xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Giang tây". Sư lại hỏi: "Nhân gì đến trong áo nạp rách nát ấy?" Vị Tăng ấy định mở miệng bàn đáp. Sư bèn đánh.

4. Thiền sư Tư Nhạc ở Đông thiền.

Thiền sư Tư Nhạc - Mông Am ở Đông thiền tại Phước châu, vốn người xứ Giang châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngài, dê, kiến con nói hết thảy pháp, vách tường ngói gạch hiện vô biên thân. Nơi thấy đã tinh minh, trong nghe hẳn thấu thoát. Do đó, Hòa thượng Tuyết Phong phàm thấy có vị Tăng nào lại, ném ra ba cái cầu gỗ, như múa đùa tạp kịch tương tợ, Huyền Sa bèn làm thế chẻ bia, hèn mạt lừa dối nói tương lai, Phổ Hiền ngày nay phỉ báng người xưa, ngàn Đức Phật xuất hiện nơi đời vẫn không thông sám hối. Trong ấy có người phỉ báng Phổ Hiền định vào địa ngục kéo lưỡi. Hãy nói kẻ phỉ báng và không phỉ báng là ai? Tâm không phụ người, mặt chẳng tỏ vẻ hổ thẹn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc Tổ sư Đạt-ma đến, phương này đều biết phạm ngữ, kịp đến sau khi đi, Tây vức thảy đều biết Đường ngôn nếu bàn luận về chỉ thẳng tâm người, Thánh tánh thành Phật, rất tợ như linh dương treo sừng, chó săn tìm vết, một ý trái ngược, muôn lời không dùng. Có thể nói là lúc đến thì kia cười ta, không biết sau khi đi thì ta lại cười kia. Đường ngôn Phạm ngữ (lời Trung Hoa, tiếng Tây vức) thân gần phân giao. Từ xưa, trai Tăng sợ uống trà đêm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tháng chạp, năm mới sắp đến, Hoàng hà đống lạnh đã hợp, nơi sâu có cá vui mừng sống lao nhao nhảy chẳng thoát, lại

chẳng thể cùng khí ấm cho là ẩm thấp, cùng thấm ướt cho là nước bọt, Tàm quý Bồ-tát Ma-ha-tát. Gió xuân bao giờ lại đánh tan đống lạnh Hoàng hà đây, khiến cá hóa làm rồng, thẳng thấu sóng Hoa đào. Hiểu tức bèn hiểu, trước mặt người ngu chớ nói mộng". Lại có lúc lên giảng đường, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là lúc sớm mai dùng thân nhiều như số cát sông Hằng v.v... ra bố thí?" Sư đáp: "Theo mầm trải đất, nhân nói người biết". Lại hỏi: "Thế nào là lúc giữa ngày lại đem thân nhiều như số cát sông Hằng v.v... ra bố thí?" Sư đáp: "Dán nhầm đắp nhầm". Lại hỏi: "Thế nào là đến lúc chiều tối cũng đem thân nhiều như số cát sông Hằng v.v... ra bố thí?" Sư đáp: "Phần sau văn dài giao lại ngày khác". Sư lại bảo: "Một chuyển ngữ như trời che khắp, tợ đất đỡ cùng, một chuyển ngữ đầu lưỡi không ra khỏi miệng, một chuyển ngữ tạm mừng không giao thiệp. Cần hiểu chăng? Thế Tôn hổ thẹn mặt đỏ chẳng như nói thẳng, Đại nhạc Tiểu nhạc lên tòa, miệng tợ đá tảng. Ngày nay vì vị Tăng hỏi câu thoại ấy giảng kinh, bất chợt cùng chú cước một thời nói phá". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Câm ngay miệng ta, ngay phải nói cốt yếu, bít ngay tai ta, rất kỵ sai quá. Hôm sau có người từ Thiên thai đến, tức nói Đại Thánh ở Tư châu đang ngồi đầu ngã tư đường tại Hồng châu bán hàng hóa, là gì? Cất gót giày đỏ, rèm nhọn chiếc khăn".

5. Thiền sư Thủ Tịnh ở Tây thiền.

Thiền sư Thủ Tịnh - Thư Am ở Tây thiền tại Phước châu, vốn người ở Bản châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đàm Huyền nói Diệu vung phân vãi nước dãi, đánh gậy quát hét đem muối cầm ngăn khát, lập chủ lập khách, hoa đánh tông thừa, giả sử tất cả chẳng nghĩ gì, lại là ngồi trong hang quỷ. Đến trong đó, sơn Tăng đã là đánh trống lùi. Hãy nói các người tầm thường tâm tức giận miệng tấm tức nên làm gì sống? Chớ đem nhàn học giải, chôn mất tâm Tổ sư". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu chỉ đơn lẻ tỏ rõ chính mình, không ngộ trước mắt. Người ấy có mắt mà không chân. Nếu cũng chỉ tỏ ngộ trước mắt, mà không sáng tỏ chính mình, người ấy có chân mà không mắt. Ngay như được mắt và chân cùng đủ, như xe có đủ hai bánh, chim có hai cánh, chánh khéo khám qua rồi đánh". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chín tuần mùa hạ nóng bức hừng hực, cây cỏ con người đều toát đổ mồ hôi không thôi, đêm về chỉ một trận mưa bèn mát, chớ bảo sơn Tăng không nói". Sư nắm cây phất trần đánh xuống thiền sàn một cái rồi xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nếu muốn chân chánh đề cương, ngay phải đại địa hoang trống. Muốn lại xung

tuyết nhận, chưa khỏi bày mũi nhọn. Ngay lúc nghĩ gì, Thích-ca Lão Tử ra đầu không được, tức chẳng hỏi, các người chỉ như ẩn tàng thân trong chuồng ngựa, lại làm sao sống nói hiểu?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đạo là thường, Đạo tâm là tâm thường. Các người nghe sơn Tăng nghĩ gì nói, bèn nói ta hiểu vậy? Lớn hết ba mươi ngày, nhỏ hết hai mươi chín ngày, trên đầu là trời, dưới chân là đất, trong tai nghe tiếng, trong mũi thờ ra hơi. Bỗng nhiên, nếu nước bốn biển lớn tại trên đầu các người. Rắn độc xuyên qua tròng mắt các người, ễnh ương vào trong lỗ mũi các người, lại làm gì sống?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Văn Thù, Phổ Hiền đàm Lý Sư, Đức Sơn, Lâm Tế hành đánh hét. Đông thiền một tỉnh giác trời sáng, riêng mến gió theo nơi mát tỏa phát. Ôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Kẻ khéo đầu chẳng đoái hoài đầu mình, kẻ giỏi chiến, hẳn giữ gìn công lao. Công lao kẻ đó đã được ngồi hưởng đến lúc thái bình. Thái bình đã đạt cùng cực, gối cao không buồn lo. Bải rồi nắm kiếm dài ba thước, thôi nghỉ múa một trương cung, cưỡi ngựa về phía Nam Hoa sơn, thả trâu đến đồng trống rừng đào, gió theo thời mưa theo tiết, ngư phụ ca hát mà tiều phu nhảy múa. Tuy là như vậy, vua của Nghiêu Thuấn còn tại hóa ở, sao tợ đất trời gom thâu chẳng được. Ngưu Thuần không biết tên, nhà hỗn loạn chẳng quản hưng vong, riêng mến mây hòa chiếm ở Động đình". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bít ngay miệng thường luôn nói, cắt ngay lưỡi không thôi nghỉ, không lúc thôi nghỉ rất kỳ đặc, rất kỳ tuyệt mạt vụn trong mắt. Đã là kỳ tuyệt, vì gì liền thành mạt vụn trong mắt? Xong, xong, xong, lúc không thể xong. Huyền, huyền, huyền, xử cũng phải trách". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trên đảnh cốt Phật tổ, có đánh mở đường lớn lên trời, chưa thấu ải sinh tử, làm sao dám tiến bước? Không tiến bước, Đại thiên chẳng ngăn giữ, một câu tuyệt giải bày, Na-tra chống trụ sắt, ngày khai đường giảng pháp, niêm hương xong đến tòa ngồi, Hòa thượng Nam Đường bạch chùy rằng: "Các bậc Long tượng trong Pháp diên đáng quán Đệ nhất nghĩa đế". Theo đó Sư liền hét một tiếng, tiếp bảo: "Đây là nghĩa thứ mấy? Từ lâu dự tham nơi các bậc tiên đức đã biện rành lại đầu mối, các hàng hậu học nếu có nghi, chớ phòng ngại xin cứ hỏi". Có vị Tăng hỏi: "A-nan hỏi Ca-diếp" Đức Thế Tôn truyền pháp y kim lan, ngoài ra còn truyền vật gì không?" Ca-diếp gọi: "A-nan!" A-nan liền ứng tiếp đáp: "Kính vâng!" Chưa rõ biết ý chỉ ấy như thế nào?" Sư đáp: "Rất kỵ đả động nhầm". Lại hỏi: "Chỉ như Ca-diếp nói ngược tức sát can trước cửa nhầm, lại làm gì sống?" Sư đáp: "Trâu đá nằm giăng ngang trên đường cũ". Lại

hỏi: "Chỉ như Hòa thượng ở nơi ánh sáng Phật nhật lại có cái tin tức không?" Sư đáp: "Không có tin tức". Lại hỏi: "Vì sao Định Quang kim địa xa vẫy tay, Trí giả Giang Lăng mờ gật đầu?" Sư đáp: "Chớ đem cây bách nơi sân sánh cùng núi cao bên đường". Vị Tăng ấy lễ bái. Sư bảo: "Định Quang kim địa xa vẫy tay, Trí giả Giang Lăng mờ gật đầu, đã là mây trắng ngàn muôn dặm, nào kham ở đây chưa biết dừng. Giả sử ở đây tiện đừng đi, một trường lẫn lộn không thiếu. Lại có người kiểm điểm ra được chăng? Nếu không thì ngày nay sơn Tăng mất lợi". Lại hỏi: " Phật Phật trao tay, Tổ Tổ tương truyền, chưa rõ biết là truyền cái gì?" Sư bảo: "Nhanh lạy ba lạy". Lại hỏi: "Chẳng bày tấc mũi nhọn, xin Sư cùng trông nhìn?" Sư bảo: "Gặp mạnh dữ tức mềm yếu". Lại hỏi: "Sao được chôn vùi binh lính đánh dấu?" Sư đáp: "Chỉ vì tấc mũi nhọn Xà-lê chẳng bày". Lại hỏi: "Chưa rõ biết hướng thượng lại còn có việc gì không?" Sư đáp: "Có". Lại hỏi: "Thế nào là việc hướng thượng?" Sư đáp: "Tướng bại trận chẳng chém". Lại hỏi: "Trước Phật đường xưa, người nào đến trước?" Sư đáp: "Ông già không mắt trong thôn". Lại hỏi: "Chưa rõ biết thú hướng như thế nào?" Sư đáp: "Lang lật vác ngang".

6. Thiền sư Đạo Khiêm ở Khai thiện.

Thiền sư Đạo Khiêm ở Khai thiện tại phủ Kiến ninh, vốn người ở Bản quận. Mới đầu đến kinh đô, Sư nương tựa Thiền sư Viên Ngộ mà không tỉnh phát, sau lại theo Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đang ở tại tuyền nam. Lúc Thiền sư Đại Tuệ đến nhận lãnh Kính sơn, Sư cũng theo hầu, sau đó không lâu, bảo Sư mang thư đến Cư sĩ Tử Nham Trương Công ở Trường sa. Sư tự cho rằng: "Ta tham thiền hai mươi năm, không nơi vào đầu, lại làm việc này, hẳn là hoang phí". Nên trong ý không muốn đi. Có người đạo bạn là Sa-môn Tông Nguyên quở trách rằng: "Không thể tham thiền tại giữa đường ư? Tôi sẽ cùng ông đồng đi". Sư chẳng đặng đừng mà đi, giữa đường buồn khóc, Sư nói với Tông Nguyên rằng: "Một đời tôi theo nghiệp tham thiền không nơi đắc lực, nay lại bôn ba giữa đường, làm được tương ưng đi?" Tông Nguyên bảo: "Ông chỉ đem các phương tham được tận cùng, ngộ được tận cùng. Thiền sư Viên Ngộ và Đại Tuệ vì ông nói được tận cùng, đều chẳng cần giải hiểu, việc giữa đường có thể suy đến tận cùng, Ta sẽ thay thế ông tận cùng. Chỉ có năm sự kiện thay thế ông ông được, ông phải tự lo liệu ấy". Sư hỏi: "Năm sự kiện ấy là những việc gì, xin muốn được nghe cốt yếu?" Tông Nguyên đáp: "Mặc áo, ăn cơm, đại tiện, tiểu tiện, kéo cái thây chết đi trên đường". Ngay lời nói ấy bỗng nhiên sư lãnh

hội yếu chỉ, bất chợt tay múa chân nhảy. Tông Nguyên tiếp bảo: “Đến đây ông mới có thể tự đưa thư nên tiến bước tới, còn tôi về trước vậy”. Tông Nguyên liền trở về lại Kính Sơn, nửa năm sau, Sư mới trở về tới, Thiền sư Đại Tuệ vừa trông thấy liền mừng bảo: “Kiến Châu Tử ông ấy trở lại giả biệt vậy!” Ở, lâu sau lên giảng đường Sư bảo: “Tâm đại tiên trúc độ, Đông tây kín truyền trao. Thế nào là tâm kín truyền trao?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Tháng tám trời thu nơi nào nóng?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Vách đứng ngàn nhận, chư Phật ba đời buông chân không cửa. Phải thì phải, giết lắm chẳng gần tình người, buông một đường chỉ, mười phương các cõi nước tỏa phóng ánh sáng động địa. Phải thì phải, cớ sao hòa bùn hợp nước? Phải biết thông một đường chỉ đặt để vách đứng ngàn nhận, vách đứng ngàn nhận đặt để nơi thông một đường chỉ, ngang nắm ngã dùng, chánh tiếp, bên cạnh nhấc. Điện chớp sấm tuông, sườn đổ ngã, đá vỡ vụn. Phải thì phải, còn rơi lạc Hóa môn, đến trong đó vách đứng ngàn nhận cũng không giao thiệp, thông một đường chỉ cũng không giao thiệp, không gần người tình, hòa bùn hợp nước, tất cả không giao thiệp, chỉ không giao thiệp ấy thì cũng không giao thiệp. Phải thì phải, lại không đạo lý Phật pháp, nếu cũng ra được bốn đầu đường ấy, gồm lấy đất trời riêng bước. Vả lại, một câu riêng bước làm sao sống? Nói. Chớ quái ngại từ trước lắm ý khí, nhà kia từng đạp trên đầu cửa”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Năm trước có cái ngày 15 tháng 06, năm nay cũng có cái ngày 15 tháng 06. Năm trước ngày 15 tháng 06 thiếu tức năm nay ngày 15 tháng 06. Năm nay ngày 15 tháng 06 đủ tức ngày 15 tháng 06 năm trước. Nhiều nơi chẳng dùng bớt, ít nơi chẳng dùng thêm. Đã không dùng thêm lại không dùng bớt thì nói nhiều dùng nhiều, nói ít dùng ít”. Sư mới hét một tiếng, tiếp bảo: “là nhiều hay là ít?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Tin tức trong đó có được mấy người biết?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ba cân gai Động Sơn đem đi, cán cân không sao lên định quá. Mỗi một cân vừa có mười sáu lạng, hai trăm tiền nặng lại chẳng thiếu một ly, chánh cùng một loại trong điện Triệu Châu, chỉ không hợp bị Đại ngu cửa mở dùi cân, tức dạy người giải hiểu không được. Đến nay nếu cần giải hiểu được, chỉ hỏi lấy chuồng phân khô của Vân Môn”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Câu có câu không như dây leo nương tựa cây, khua đổ lồng đèn, đánh phá lộ trụ, điện Phật bận rộn, Tăng đường xoay nhìn lại, kỹ càng nhìn lại là lắm nhà đủ. Ôi! Chỉ kham đánh chuột già”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Các người từ trong Tăng đường nghĩ gì lên lại, ít thời gian từ đầu pháp đường nghĩ gì xuống đi. Đều chẳng từng sâm

sai một bước nhân gì tức chẳng hiểu?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Chỉ vì phân minh cùng cực, bèn khiến sở đắc chậm".

7. Thiền sư Đức Quang ở Dục vương.

Thiền sư Đức Quang - Phật Chiếu ở Dục vương tại phủ Khánh nguyên, vốn người dòng họ Bành ở Lâm giang quân. Đến tuổi có chí tập học, Sư nương tựa theo Thiền sư Cát ở chùa Quang hóa tại Đông sơn thuộc Bản quận cầu xin xuống tóc xuất gia. Một ngày nọ vào thất, Thiền sư Cát hỏi: "Chẳng phải tâm chẳng phải Phật chẳng phải vật là gì?" Sư mịt mờ, bèn nghi ngờ trọn đêm không ngủ. Ngày hôm sau đến nơi phương trượng, Sư thỉnh hỏi: "Hôm qua được Hòa thượng nhủ lòng hỏi: "Đã chẳng phải tâm lại chẳng phải Phật, lại cũng chẳng phải vật, rốt cùng là gì?" Mong Hòa thượng từ bi chỉ dạy". Thiền sư Cát tỏ vẻ ra oai hét một tiếng, bảo: "Sa-di này lại cần ta cho ngươi xuống một cước chú ư?" Bèn cầm cây gậy đánh ngay cột sống sư và đuổi ra. Khi ấy, Sư có chút tỉnh ngộ. Sau đó, Sư đến bái yết Thiền sư Quả ở Nguyệt am, Thiền sư Hoa ở Ứng am, Thiền sư Chân ở Bách Trượng, nhưng trọn chẳng tự chấp thuận. Vừa lúc Thiền sư Đại Tuệ đến lãnh nhận Dục Vương. Các bậc anh tài khắp bốn biển đều đua nhau nhóm tụ, Sư cũng tùy theo đó. Một ngày nọ trong thất, Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Nếu gọi cái lược tre thì xúc phạm, chẳng gọi cái lược tre thì trái ngược, không được mở lời, không được im lặng". Sư định trả lời. Thiền sư Đại Tuệ bèn đánh, bỗng nhiên Sư đại ngộ, mọi sở đắc từ trước đều như ngói vỡ băn tan.

Đến lúc ra hoằng hóa, mới đầu Sư ở Quang Hiếu tại Đài châu. Có vị Tăng hỏi: "Mênh mông trong trần làm sao biện rành chủ". Trên đảnh cân phong tim tháp nhọn". Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lâm Tế ba lần phải chịu ăn gậy đau đớn, Đại Ngu mở lời bèn biết lối trở về, Hưng Hóa ở ngay đầu gậy của Đại Giác tỏ rõ được ý chỉ của Hoàng Nghiệt. Nếu làm cây gậy mà hiểu thì vào địa ngục nhanh như tên bắn, nếu chẳng làm cây gậy mà hiểu thì vào địa ngục cũng nhanh như tên bắn. Trong chúng thương lượng nói hết, từng mảnh lòng son, ân lớn khó đáp, tất cả là thức tình bói thường, chưa ra khỏi ấm giới. Hãy như Lâm Tế tỏ ngộ đi, là được sức của Hoàng Nghiệt là được sức của Đại ngu. Nếu cũng thấy được, thì hứa cho trên cửa đánh ông có mắt chánh, sau khuỷu tay có phù linh. Còn nếu chưa như vậy, Hồng Phước lại vì các ông thông báo cái tin tức. Đại trượng phu khí vũ xung ngưu đấu, một đạp cửa lớn hai cánh mở". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Bảy tay tám chân, ba đầu hai mặt, tai nghe không được, mắt nhìn không thấy, khổ vui

thuận nghịch đánh thành một mảnh, hãy nói là gì? Đi đường gặp rắn chết chớ đánh giết, giỏ con không đáy đựng đầy đem về". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nghe tiếng ngộ đạo rơi hai lạc ba, thấy sắc minh tâm sai bảy nhầm tám. Một lối cơ sống còn tại nửa đường. Hãy nói đến vòng Kim cang nuốt bông cỏ gai thóc là người gì? Mặc áo choàng nghiêng đứng ngoài ngàn núi, dẫn nước lan tràn trước Ngũ hồ".

Ngày Sư ở tại Linh ẩn, Hiếu Tông Hoàng đế (Triệu Thận 1163-1190) thời Nam Tống từng ban chiếu thỉnh mời Sư đến hỏi đạo, lưu giữ ở lại tại Nội quán đường, cơ duyên đối tấu, có ghi rõ ở Bản lục. Về sau, Sư thị tịch, dựng tháp an táng toàn thân tại am phía Đông Mậu phong.

8. Thiền sư Tông Diễn ở Hoa tạng.

Thiền sư Tông Diễn - Độn Am ở Hoa tạng tại Thường châu, vốn người dòng họ Trịnh ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy và bảo: "Biết được cái ấy thì việc tham học trong một đời hoàn tất. Người xưa nghĩ gì nói". Còn Hoa tạng thì không như vậy. Biết được cái ấy lại phải mua giày cỏ đi chân. Vì sao? Đến hết đất Giang ngô, bờ sườn hiểm trở vượt nhiều núi". Nhân đầu tháng chạp, lên giảng đường Sư bảo: "Nhất cửu và Nhị cửu gặp nhau chẳng ra tay. Thế gian và xuất thế gian không thừa cũng không thiếu". Sư bèn đưa nắm tay ra và bảo: "Hoa tạng không thể iếc tánh mạng, vì các người mà ra tay vậy. Ba đấm thẳng mặt, một tay lăn má, nạp Tăng lanh lợi tự biết vết đau. Vả lại, một câu chuyển thân lại làm sao sống? Nói. Tuần Đường uống trà đi". Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử: Hòa thượng Nam Tuyền nói: "Từ mười tám tuổi trở lên, ta bèn biết làm kế sống". Hòa thượng Triệu Châu nói: "Từ mười tám trở lên ta bèn biết phá nát vườn nhà". Xong, Sư bảo: "Nam Tuyền và Triệu Châu cũng là sáu đường vác bảng chỉ thấy một bên. Hoa tạng cũng không kế sống đáng làm, cũng không vườn nhà đáng phá, gặp người bất chợt đưa ra nắm tay già. Cần muốn ấy ngay đó bèn đến. Hãy nói sau khi đến thì thế nào? Ba mươi sáu ngọn núi nhìn chẳng đủ, tức lại đất bằng ngã cưỡi lừa".

9. Thiền sư Tịnh Toàn ở Thiên đồng.

Thiền sư Tịnh Toàn - Vô Dụng ở Thiên đồng tại phủ Khánh nguyên, vốn người dòng họ Ông ở Việt châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Học Phật ngưng lời chân chẳng lập, tham thiền phần trái với đạo, quên cơ quên cảnh chóng xoay đầu, không đất không dùi chuyển bước về. Phật chẳng phải tâm cũng chẳng phải trông nhìn thể, nhận lấy hết tuyệt nơi nương tựa, muôn xưa đầm biếc trăng giữa trời, vài ba phen mò lặn mới nên biết". Lại có lúc lên giảng đường, ngưng giây

lát. Sự gọi đại chúng và bảo: "Lại có biết chăng?" Sư lại bảo: "Bại khuyết không ít". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Trường Sa chỉ dạy đại chúng: "Người ngồi nơi đầu sào trăm thước, tuy vào được nhưng chưa phải là chân. Đầu sào trăm thước phải tiến thêm bước, mười phương thế giới hiện toàn thân. Với Bảo Ninh thì không như vậy. Cần thấy gì ở Trường Sa lại lùi một bước. Rốt cùng thì thế nào? Kéo cốt rửa ruột lại chỉnh đốn, thông thân là mắt lại phải tham". Sư đến Linh ẩn, đại chúng thỉnh mời lên giảng đường, Sư bảo: "Chánh phái Linh sơn, bậc Đạt giả còn mê lầm, sáng lại tối lại ai sẽ biện rành đích xác? Cả hai đều gom cả hai đều buông. Người nào biện rõ đầu mối? Ngay như ngàn Thánh xuất hiện lại nơi đời, cũng chỉ có phần cứng lưỡi. Cớ sao người về nước lớn mới là quý? Nước đến Tiêu tương mới là trong?" Sư lại bảo: "Vừa rồi, Hòa thượng Tùng Nguyên nêu cử câu thoại cái lược tre, khiến Thiên Đồng nhận chịu bại khuyết. Các người cần biết chăng? Nên nghe lấy một bài tụng: Lược tre sơn đen kéo dậy, sấm nổ chẳng kịp bịt tai, Đức Sơn, Lâm tế mịt mờ, không rõ làm sao cắm mỏ". Thiền sư Đại Tuệ từng nêu cử Linh vân tỏ ngộ hoa đào mà hỏi Sư. Sư đáp: "Linh vân một khi đã thấy hai vết lông mày giăng ngang, dẫn được ngủ ông tìm kế sống tốt lành, sóng trắng lúc nổi ném một cần câu. Mặc bảo cho cá, ba ba đua nhau tranh lấy. Sư lại tự tán thán rằng: "Thìa khêu chẳng dậy gã trong thôn, văn mực trong ngực không một chấm, từng nắm hư không đầy ra cốt, tiếng xấu đẩy được khắp sông hồ". Về sau, Sư thị tịch, dựng tháp an táng tại Bản sơn.

10. Thiền sư Pháp Bảo ở Đại quy.

Thiền sư Pháp Bảo ở Đại quy, vốn người ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gọi làm lược tre thì xúc phạm, không gọi làm lược tre thì trái ngược. Phải là sư tử cắn người. Chớ nêu cử Hàn Lô đuổi quỷ. A ha ha, hiểu hay chẳng hiểu. Dưới cân Kỳ-xà-quật sắt côn lôn, nắm được đãy vải minh châu hám". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngàn thứ lời muôn thứ dụ, chỉ cần dạy ông sớm về đi, đêm lại một mảnh mây đen mọc, chớ bảo nhầm ngay đường trước núi. Ôi!"

11. Thiền sư Đàm Ý ở Ngọc tuyền.

Thiền sư Đàm Ý ở Ngọc tuyền tại Phước châu, vốn người dòng họ Lâm ở Bản quận. Qua thời gian lâu nương tựa nơi Thiền sư Viên Ngộ, Sư tự cho là chẳng nghi ngờ, khoảng đầu niên hiệu Thiệu Hưng (1131) thời Nam Tống, ra ở Hưng hóa, Tường vân, pháp tịch rất hưng thạnh đại chúng đông nhiều. Bấy giờ Thiền sư Đại Tuệ vào đất Mân, biết chỗ thấy của Sư chưa chắc thật, mới gởi thư gọi Sư đến, Sư vẫn chậm rãi

chần chừ, nhân lúc tiểu tham, Thiền sư Đại Tuệ thống thiết chỉ trích Sư, niêm bảng bố cáo cùng bốn chúng. Bất đắc dĩ, Sư đành phải phá hạ mà đến bái yết, Thiền sư Đại Tuệ hỏi vặn sở chứng của Sư, rồi bèn bảo: "Ông nghĩ gì đến kiến giải ấy mà dám nối dõi dòng pháp của Lão nhân Viên Ngộ ư?" Sư lui ở trong viện thân gần đó. Một ngày nọ vào thất, Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ta cần cái chẳng hiểu thiền đến tận cùng làm Quốc sư". Sư đáp: "Tôi làm Quốc sư được vậy". Thiền sư Đại Tuệ quát mắng xua đuổi ra. Cư Vô Hà nói cùng Sư rằng: "Nơi ngộ của Hương Nghiêm chẳng ở bên viên sỏi đánh tre. Chỗ sắc của câu chi chẳng ở trên đầu ngón tay". Sư mới chóng tỏ rõ.

Sau ra ở Ngọc tuyền, Sư vì Thiền sư Đại Tuệ niêm hương tiếp nối Tỉnh Tuệ ở Tiểu khê, Thiền sư Đại Tuệ lên pháp tòa nên cử: "Một ngày nọ, Vân Môn nắm cây gậy chỉ dạy đại chúng: "Phàm phu thật gọi đó là có, hàng Nhị thừa phân chiếc gọi đó là không, hàng Duyên giác gọi đó là Huyễn có, hàng Bồ-tát cho là Đương thể tức không. Với nạp Tăng thấy cây gậy chỉ gọi là cây gậy. Đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, tất cả chẳng được động nhằm". Rồi, Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ta chẳng phải là Lão nhân Vân Môn đem hư không vạch mổ đến khốn cùng". Chợt nắm cây gậy, tiếp bảo: "Cây gậy chẳng thuộc có, chẳng thuộc không, chẳng thuộc huyễn, chẳng thuộc tức không". Rồi gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Các hàng phàm phu, Nhị thừa, Duyên giác, Bồ-tát đều hướng đến trong đó, mỗi mỗi tùy theo căn tánh thảy đều được thọ dụng. Chỉ có nạp Tăng với phần trên làm hại làm oán, cần đi không được đi, cần ngồi không được ngồi, tiến tới một bước thì bị cây gậy làm mê ngay đầu đường, thụt lùi một bước thì bị cây gậy xỏ xuyên ngay lỗ mũi. Tức nay chớ có chẳng cam đến tận cùng chăng? Thử ra cùng cây gậy trông xem? Nếu không thì năm sau sẽ có rễ mới vậy, não loạn gió xuân rốt cùng chưa ngưng nghĩ. Chánh lúc nghĩ gì hợp làm gì sống?" Rồi xuống khỏi tòa, phiền Ngọc Tuyền vì chúng nắm ra. Sư lên tòa, thuật bày cảm tạ xong, bèn nêu cử câu thoại trước rằng: "Vừa rồi Hòa thượng Đường Đầu nghĩ gì bài phán, rất tợ cá mệt nhọc dừng nghỉ trên rong rêu, chim bệnh hoạn đậu trên cành lau. Nếu là Ngọc Tuyền thì không như vậy". Sư nắm cây gậy, tiếp bảo: "Cây gậy hay có, hay không, hay chuyển, hay tức không. Với các hàng phàm phu, Nhị thừa, Duyên giác, Bồ-tát "Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Hướng đến trong đó trăm thứ tạp toái, chỉ có phần trên của nạp Tăng, như rồng được nước, tợ hổ cậy núi, cần đi thì đi, cần ngồi thì ngồi, tiến một bước thì đất trời chấn động, lùi một bước thì cỏ rạp gió đi. Hãy nói một câu không tiến không lùi làm

sao sống? Nói”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Nhãn rỗi thì nắm quyển kinh tựa đứng cây tùng, cười hỏi khách từ nơi nào lại”.

12. Thiền sư Ngộ Bản ở Tiến phước.

Thiền sư Ngộ Bản ở Tiến phước tại nhiêu châu, vốn người xứ Giang châu. Từ Vân môn - Giang tây, Sư dự tham theo hầu Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đến Tiểu cốc - Tuyền nam, bấy giờ các hàng tuấn kiệt anh tài nhóm tập thọ học được ấn khả đông nhiều, Sư riêng tự cho là Thiền sư Đại Tuệ bỏ rơi mình, nên trong ý muốn ra đi. Thiền sư Đại Tuệ biết tâm niệm đó nên nói cùng Sư rằng: “Ông chỉ nên chuyên ý tham cứu, nếu có sở đắc, không đợi mở miệng, tôi đây đã biết vậy”. Thế rồi, có người nghe Sư vào thất, nên bảo cùng sư rằng: “Vốn làm Thị giả tham thiền đã nhiều năm, ngày lại qua ngày chỉ nói được cái không hiểu”. Sư bèn mắng đó rằng: “Quỷ con này, lúc ngươi chưa sinh, Ta đã ba phen rút nanh trong miếu Hoắc sơn rồi, khéo dạy ngươi biết”. Từ đó, chí khí Sư càng bén nhọn, dùng câu thoại con chó không Phật tánh và chữ “không” mà nhấc xốc. Một đêm nọ, sắp điểm trống canh ba, đang tựa nơi cột trụ chánh điện ngủ gật, bỗng nhiên chữ “không” lưu xuất nơi môi mép, bất chợt Sư chóng tỏ ngộ. Ba ngày sau, Thiền sư Đại Tuệ từ Thành đô trở về, Sư thẳng đến phương trượng, vừa bước chân vào ngạch cửa chưa kịp mở miệng, Thiền sư Đại Tuệ liền bảo: “Bản râu chòm hồi ấy mới là thấu triệt đầu vậy”.

Ở lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: “Người cao bái Thích-ca chẳng bái Di-lặc, đáng cho ba mươi gậy. Tại sao? Vì kẻ ấy chỉ biết bước bước lên cao, chẳng biết từ không trung buông xuống, kẻ nhà Đông kéo cày nhà Tây kéo bừa cũng đáng cho ba mươi gậy. Tại sao? Vì kẻ ấy chỉ biết từ không trung buông xuống chẳng biết nước bước lên cao. Sơn Tăng nghĩ gì? Nói. Lại có quá không? Trong chúng chớ có người kiểm điểm ra chăng? Nếu kiểm điểm ra được, thì tại bờ phía Nam Tu-di cùng đi tay chung đi. Nếu kiểm điểm không ra, thì chim chá cô già trong đãy vải tuy sống cũng như chết”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đức Thích-ca đóng thất ở Ma-kiệt-đà, Cư sĩ Duy-ma ngậm miệng ở Ty-da-ly. Tôn giả Tu Bồ-đề đề xướng vô thuyết mà hiển bày đạo, trời Thích phạm tuyệt thấy nghe mà mưa hoa. Đại chúng, một đội ấy tức không kẻ than thở, không đầu mối đem ruộng vườn đất riêng của cha ông kết làm khế ước, mỗi mỗi y cứ bốn góc đến phần ranh giới vuông tròn dài ngắn đồng một lúc hoa đánh xong, cũng đặt để khiến con cháu đời sau hơn ngàn năm trên không mảnh ngói che đầu, dưới không chỗ đất cắm dùi. Bấy giờ nếu Bắc sơn thấy được thì đầu ngã tư đường đào một cái hố sâu

không đáy đồng một lúc chôn lấp ngay, khỏi bị vội cùng độn đặt. Cớ sao như vậy? Há không thấy nói nhà giàu sinh côn hiếu, nước mạnh có mưu thần". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Càn-thác-bà vương từng tấu nhạc, núi sông đại địa đều nhảy múa, sao như lão Vân Môn què chân, giải đạo ngày hai mươi lăm tháng chạp. Ngày nay Bắc sơn có điều vin điều, không điều vin theo lệ, cũng cần ứng với thời tiết". Chợt nhiên Sư nắm cây gậy đè ngang trên đầu gối, làm thế như đang đánh đàn cầm và bảo: "Lại có người nào nghe đàn tiếng thường chăng?" Ngưng giây lát, Sư lại bảo: "Ngay như tiện làm phụng hoàng hót, rốt cùng có ai biết chỉ pháp?" Xong, Sư gõ xuống một cái và xuống khỏi tòa.

13. Thiền sư Tuân Phác ở Dục vương.

Thiền sư Tuân Phác - Đại Viên ở Dục vương tại phủ Khánh nguyên, vốn người xứ Phước châu. Từ thuở nhỏ, Sư cùng Thiền sư Đàm Ý ở Ngọc tuyền đồng đến tham hỏi Đạo nơi Thiền sư Viên Ngộ qua vài năm. Sau đó trở về quê hương giúp cho Thiền sư Đàm Ý đến ở Tường Vân tại Bồ điền. Năm Giáp dần (1134) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng thời Nam Tống (1131-1163), Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đến ở Dương tự, Sư sang tham hỏi. Lần lượt vào thất, Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Câu thoại Tam Thánh và Hưng Hóa ra và không ra, vì người và không vì người. Ông nói hai lão tài giỏi ấy lại có nơi xuất thân không?" Sư đấm một đấm trên đầu gối Thiền sư Đại Tuệ. Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Chỉ một đấm của ông vì Tam Thánh ra hơi hay vì Hưng Hóa ra hơi? Nói nhanh, nói nhanh". Sư định bàn nói. Thiền sư Đại Tuệ bèn đánh và bảo: "Thứ nhất là ông không được vọng rõ một gậy ấy". Lần sau trong thất, nhân Thiền sư Đại Tuệ hỏi một vị Tăng khác rằng: "Đức Sơn thấy vị Tăng nào vào cửa bèn đánh, Lâm Tế thấy vị Tăng nào vào cửa bèn hét, Tuyết Phong thấy vị Tăng nào vào cửa bèn nói là gì? Mục Châu thấy vị Tăng nào vào cửa liền bảo hiện thành Công án, tha cho người ba mươi gậy. Ông thử nói bốn Lão tài giỏi ấy có nơi vì người hay không?" Vị Tăng ấy đáp: "Có". Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Tráp tâu". Vị Tăng ấy định bàn nói. Thiền sư Đại Tuệ bèn hét, nghe thế, Sư bèn lãnh hội vi chỉ. Thiền sư Đại Tuệ vui vẻ hứa khả cho.

14. Thiền sư Tổ Nguyên ở Năng nhân.

Thiền sư Tổ Nguyên - Khô Mộc ở Năng nhân - Nhạn sơn tại Ôn châu, vốn người dòng họ Lâm ở Thất mân. Mới đầu, Sư đến bái yết Thiền sư Tuyết Phong, tiếp theo đến nương tựa Thiền sư Tài - Phật Tâm và đều đã khế cơ, kịp đến lúc Sư đến nương tựa Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đang ở tại am Vân môn. Nhân ban đêm tỉnh tọa, trông thấy vị

Tăng khơi đèn, Sư mới suốt chứng, bèn có làm kệ tụng rằng: "Khơi dậy đèn lại là lửa, nhiều kiếp vô minh chiếu phá, về nhà khua thấy Thánh Tăng, hầu như ngay mặt đạp qua. Chẳng đạp qua là gì, mười lăm năm trước kỳ đặc, y như trước chỉ là cái ấy". Thiền sư Đại Tuệ cũng dùng kệ tụng để tặng Sư rằng: "Đầu vực muôn nhận buông thả thân. Dậy lại như cũ tức kinh hoàng. Đói ăn khác uống đều vô sự, nào luận người xưa chẳng người xưa".

Đến mùa xuân năm Ất tỵ thuộc niên hiệu Thiên Hưng (1131-1163) thời Nam Tống (1) , Sư ra ở Nâng nhân. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nói có Phật chẳng được ở, đạp nhầm dùi cân cứng tợ sắt. Nơi không có Phật gấp chạy qua, dưới chân cỏ dây ba thước, ngoài ba ngàn dặm gặp người không được nhầm cử. Bắc đẩu theo đỉnh Tu Di, nghĩ gì thì chẳng đi vậy. Đầu gậy khêu nhật nguyệt, hái hoa dương, hái hoa dương, tròng trong mắt người mang giày dệt". Xong, Sư gõ cây gậy cái và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khô mộc - Nhạn sơn thật đầu Thiền, chẳng ở bên ngữ cú vót mới, trái tay bỗng nhiên mò nhầm được, Kình lớn nuốt trăng sáng ngập trời".

15. Thiền sư Liễu Tánh ở Linh nham.

Thiền sư Liễu Tánh - Đông Am ở Linh Nham tại Châu Châu: Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khám phá xong vậy, buông qua một trứ là nạp Tăng phá rách giày cỏ, hiện tướng Tu-la làm người nữ kính bái, là Tinh nụy Dã hồ. Đánh tướng vòng tròn giữa hư không bên trong chấm một chấm, là trẻ con kỹ lưỡng. Lăn má xua tay phẩy áo bèn đi, chánh là nghiệp thức mênh mang không nói có thể y cử. Ngay như hướng đến đậu đen từ lúc chưa sinh trở về trước một lúc ngồi dứt, chưa có phần ăn gậy của Linh nham. Dám hỏi cùng Đại chúng: Làm người Tiết văn ở nơi nào, lại cùng ủy thác chăng? Từ khi sắc xuân lại Tung thiếu, ba mươi sáu ngọn núi xanh đến nay". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một cành lau trên đầu sông Dương liễu xuân. Sóng tâm chẳng thấy người thời xưa, sâu tuyết cần biết bậc sĩ an tâm. Lỗ mũi như trước tháp trên môi". Sư dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: "Tổ sư đến, có thấy chăng? Nếu cũng thấy được tức nay tiến cử lấy, còn như chư được vậy thì từ đây đi Tây Thiên đường xa xăm hơn mười ngàn dặm". Có vị Tăng hỏi: "Người Trời giao tiếp làm sao chỉ bày?" Sư đáp: "Tám lăng gậy trong tay kim cang". Lại hỏi: "Bỗng lúc bị người học xuyên ngang qua, phàm Thánh đánh thấu huyền quan, lại làm gì sống?" Sư đáp: "Trụ sắt giăng ngang cửa biển". Lại hỏi: "Thế nào là thân riêng lộ bày?" Sư đáp: "Con mèo ngủ dưới hoa mẫu đơn".

16. Thiền sư Thiện Trực ở Tương sơn.

Thiền sư Thiện Trực - Nhất Am ở Tương sơn tại phủ Kiến khương. Vốn người xứ Vân mộng. Đức an. Mới đầu, Sư đến dự tham nơi Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo lúc đang ở dưới núi Hồi nhạn. Thiền sư Đại Tuệ hỏi: "Ta nghe Ông là người An Châu, vậy có lúc đánh đùa chăng?" Sư bèn thế cùng đánh. Thiền sư Đại Tuệ lại hỏi: "Người Hồ nam ăn cá, vì sao người Hồ bắc mắc xương?" Sư đánh câu đấu mà ra. Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ai biết trong tro lạnh có hạt đậu nóng đốt:" Sau ra hoằng hóa, Sư đến ở Bảo ninh, có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chư Phật chẳng từng xuất hiện nói đời. Lỗ mũi mỗi người xa cách trời. Tổ sư chưa từng từ Tây vức lại, mỗi mỗi vách đứng cao ngàn nhận. Cao kính bái tính Thích-ca chẳng bái Di-lặc lý hợp như thế. Ngồi ngay đầu đường ngàn Thánh, riêng bước Đại thiên sa giới chẳng là phận việc bên ngoài. Nếu hướng đến nơi Chư Phật xuất hiện trong đời mà hiểu được, nơi Tổ sư từ Tây vức lại mà nhận lấy, tự cứu chẳng xong, một đời chịu khuất phục. Chẳng có bậc Đại trượng phu nhận lấy việc của Đại trượng phu chăng? Ra lại cùng với Bảo Ninh giao tranh. Nếu chưa được vậy, chẳng bằng kéo phá tốt lành". Xong Sư bèn xuống khỏi tòa. Một ngày nọ, Lưu Thú Trần Thừa tướng Tuấn Khanh mời tất cả Chư sơn đến dùng trà đàm đạo, nêu cử công án câu. Có câu không như dây nương tựa cây và bảo Chư sơn bình phán. Các Thiền sư khác đều dùng kỳ đặc mà giải bày. Cuối cùng, Sư nói: "Trương đánh đầu, Lý đánh đầu, chẳng đánh đều thân, chỉ đánh đầu". Trần thừa tướng rất vui mừng.

17. Thiền sư Tự Hộ ở Vạn thọ.

Thiền sư Tự Hộ ở Vạn thọ tại Kiếm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Người xưa nói: "Nếu người biết được tâm, đại địa không tấc đất". Với Vạn thọ tức không như vậy. Nếu người biết được tâm, chưa phải là nơi rốt ráo. Vả lại trong não là nơi rốt ráo?" Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái, tiếp bảo: "Dưa ngọt thì ngọt thấu lá, bầu đắng thì đắng tận rễ".

18. Thiền sư Cảnh Vựng ở Đại quy.

Thiền sư Cảnh Vựng. Liễu Am ở Đại quy tại Đàm châu, vốn người ở Quân châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vân môn có một khúc nhạc ngày hai mươi lăm tháng chạp. Tuyết lành vụt bay giữa không trung chất đầy sông núi, gò cao non lạnh chánh lúc hoa mai nhã hương thơm, tay cầm dùi Tu-di, cười đánh trống hư không, kinh vậy Kiều-phạm-bát-đề, lạnh đổ mồ hôi thấu than như mưa. A-Tu-La tức giận đưa nắm tay ngang ngực hỏi: "Rốt cùng là Tông chỉ gì? Ôi! Trước núi Thiếu

thất cũng từng nhầm cử".

19. Thiền sư Liễu Diễu ở Linh ẩn.

Thiền sư Liễu Diễu. Thùy Am ở Linh ẩn tại Phủ Lâm an, vốn người ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cửa mặt đè phá, đất trời khác biệt, đánh thấu kiên lao mây trắng muôn dặm. Ngay như hai đầu ấy ngồi dứt, riêng có chuyển thân, ba đời sáu mươi kiếp cũng chưa mộng thấy nhầm". Xong, Sư hét một tiếng và xuống khỏi tòa.

20. Thiền sư Trí Viễn ở Quang hiếu.

Thiền sư Trí Viễn ở Quang hiếu tại Thái châu, vốn người dòng họ Hứa ở Phủ châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Nữ tử xuất định, xong Sư bảo: "Từ trước lại đánh trống múa Tỳ-bà, phải là cùng gặp hai nhà hợp. Đeo ngọc hót chim loan múa bải, trước cửa như cũ bóng xế lường".

21. Thiền sư Uẩn Văn ở Tuyết phong.

Thiền sư Uẩn Văn - Phổ Từ ở Sùng thọ - Tuyết phong tại Khước châu. Vốn người dòng họ Thẩm ở Hồng châu. Có lúc Sư chỉ dạy Đại chúng rằng: "Tùng lâm chiêu đàn, chiêu đàn bao quanh. Tùng lâm sư tử, sư tử vây quanh. Đại chúng, với bốn thứ tùng lâm ấy hợp nên hướng đến một thứ tùng lâm nào an cư tốt lành, nếu cũng rõ được trong chín mươi ngày quản lấy mối mối làm Phật làm Tổ, còn như chưa được vậy, thì tùng lâm Bát-nhã mỗi năm mỗi điêu tàn, cỏ hoang vô minh mỗi năm mỗi tươi tốt".

22. Thiền sư Đạo Năng ở Liên Vân.

Thiền sư Đạo Năng ở Liên vân tại Xử châu. Vốn người dòng họ Hà ở Hán châu. Có vị Tăng hỏi: "Gương sạch nạo sáu, ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Xuyên ngang lỗ mũi ông". Lại hỏi: "Người học có lỗ mũi tức xuyên còn không có lỗ mũi tức xuyên cái gì?" Sư đáp: "Ôm đút lót kêu khuất". Lại hỏi: "Thế nào là đến lông nạo bụi?" Sư đáp: "Quân viên kiền cát trên đầu cắm bút". Lại hỏi: "Thế nào là đến da nạo lông?" Sư đáp: " Thành đá kiền hóa nói năng đùa mắng". Lại hỏi: "Thế nào là đến thịt nạo da?" Sư đáp: "Gia my quả lãng trong ruột có tạng". Lại hỏi: "Thế nào là đếm cốt nạo thịt?" Sư đáp: "Chương tuyền khước kiến đầu dẹp như quạt". Lại hỏi: "Thế nào là đến tủy nạo cốt?" Sư đáp: "Dương Lan tả lễ không gió nổi dáng". Lại hỏi: "Tủy nạo như thế nào?" Sư đáp: "Mười tám mười chín người ngu đi đêm". Lại hỏi: "Sáu thứ nào đã được sư chỉ bày, còn một lời cắt thẳng ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Đớ lưỡi có phần".

23. Thiền sư Đạo Ấn ở Linh ẩn.

Thiền sư Đạo Ấn. Tối Am ở Linh ẩn tại phủ Lâm an. Vốn người xứ Hán châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hồ dưới núi Đại hùng, ba ba lỗ mũi rắn ở Nam sơn. Đẳng nhàn khua nhằm ân thường về nhà. Nếu cũng không tiếc, khéo tay tiện cùng nhổ ra trồng nanh. Có chăng? Có chăng?” Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Năm lần năm là hai mươi lăm, đánh nát trống hư không. Đại địa không chỗ dung chứa cây kim, mười phương chẳng một tất đất. MùaXuân sinh khởi mùa Hạ phát lớn, sao lại nói ngọt thì ngọt chừ, đắng thì đắng chừ”. Lại nhân tiết Trung thu, lên giảng đường, nêu cử công án Mã Đại sư cùng với Tây Đường, Bách Trượng, Nam Tuyền vui đùa trăng, xong Sư bảo: “ Mã Đại sư rủ tơ ngàn thước, ý ở nơi đầm sâu. Tây Đường nhấc râu, Bách Trượng bày đuôi, tuy là xung gợn khơi sóng chưa khỏi trên chỉ câu kia. Nam Tuyền tự cho là nhảy quá võ môn ai biết y như trước rơi tại trong lưới lớn. Tức nay chẳng có dứt tuyệt lưới lồng ra hang huyệt đến cùng tận chăng? Cũng khéo ra lại lộ bày cái tin tức, quý biết dưới cửa Hoa Tạng chẳng đặt để vắng vẻ cô liêu, hoặc như chưa được vậy, thì đêm nay một vầng nguyệt tròn đầy trong sáng chẳng nơi nào không”.

24. Thiền sư Tông Nguyên ở Trúc Nguyên.

Thiền sư am chủ Tông Nguyên ở Trúc nguyên tại phủ Kiến ninh. Vốn người dòng họ Liêu ở Bản quận. Sư đến nương tựa nơi Thiền sư Đại Tuệ qua thời gian lâu sau, được phân tòa ở Tây thiền. Thừa tướng Trương Công Tuấn soái Tam sơn dùng vài tự viện nghinh thỉnh nhưng Sư không đến ở, mà trở về quê cũ dựng lập am tranh lấy hiệu là “Chúng Diệu Viên”. Các hàng Nạp tử lão túc, Đại phu giao nhau thỉnh mời khai đường giảng pháp. Có lúc Sư chỉ dạy Đại chúng rằng: “Nếu nghiên cứu việc này như mất ngay lá khóa tương tợ, chỉ quản tìm lại tìm đi, bỗng nhiên khua nhằm, buồn nôn ở trong đó, mở cái khóa xong, bèn lấy kho tàng trong nhà mình, hết thảy mọi thứ thọ dụng không gì chẳng đủ, chẳng nương nhờ người khác mong cầu, riêng có việc gì?” Lại có lúc Sư chỉ dạy chúng rằng: “Các phương gì người nhổ đinh nhổ chốt, mở niêm bỏ trói. Ta ở trong đó vì người thêm đinh đóng chốt thêm dây buộc xong, đưa đến trong đầm xong, tội kia tự đi giải hiểu”. Lại có lúc Sư chỉ dạy Đại chúng rằng: “Người làm chủ pháp hơi khí nuốt cả vũ trụ làm Đại pháp Vương. Nếu là Thích-ca Lão Tử, Đại sư Đạt-ma xuất hiện lại nói đời, cũng dạy cho đó bắt tréo tay hướng đến sau lưng ta đứng nơi đất, ngay như bị lạnh dựng đứng sợi lông cũng chưa là phần việc bên ngoài”. Một ngày nọ nêu cử: “Đức Thế Tôn sinh hạ một tay chỉ trời một tay chỉ đất nói: “Trên trời dưới trời chỉ mình ta là riêng tôn quý”. Xong, Sư mới

bảo: "Thấy quái lạ không quái lạ, quái lạ ấy tự hoại". Sư lại duỗi lời bảo rằng: "Một chút ấy vừa như khua nhầm kẻ giết người tương tợ. Các ông nếu chẳng giết xong kẻ kia, kẻ kia bèn giết xong ông vậy".

25. Thị giả Cận Lễ.

Thị giả Cận Lễ, vốn người ở Tam sơn, lâu theo hầu Thiền sư Đại Tuệ, thường im lặng nghiên cứu câu thoại cái lược tre nhưng không chỗ vào. Một ngày nọ vào thất xong, Sư mới cầu xin chỉ dạy. Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ông là người xứ Phước châu. Ta nói cái thí dụ đến ông, như đem lệ chi danh phẩm hòa với da vỏ đồng một lúc bóc xong, dùng tay đưa vào miệng ông, chỉ là ông không biết nuốt". Bất chợt Sư nực cười, thưa: "Hòa thượng nuốt ngay tức việc họa". Sau đó, Thiền sư Đại Tuệ hỏi Sư rằng: "Ngày trước nuốt lệ chi xong rồi, chỉ là ông không biết mùi vị". Sư thưa: "Nếu biết mùi vị chuyên bị việc họa".

26. Thiền sư Ni Diệu Đạo ở Tịnh cư.

Ni sư Diệu Đạo ở Tịnh cư tại Ôn châu. Vốn là con gái của Thượng Thư Hoàng Công Thượng ở Diêu bình. Nhân ngày khai đường giảng pháp lên tòa, Ni sư mới bảo: "Hỏi đáp tạm ngưng ngay như có hùng biện nghiêng ao, có năng đổ núi, môn hạ nạp Tăng một điểm dùng chẳng nhằm. Vả lại, lúc Đức Phật chưa xuất hiện nơi đời một việc toàn không. Tổ sư của chúng ta từ Tây vức lại bèn có lắm nhiều kiến lập, nhiều chùa cùng trông mong, Tinh phân phái lệ, mãi đến ngày nay mới ứng lụy cháu con. Bèn khiến sơn Tăng ở trước Đại chúng trời người không gió mà nổi sóng, hướng đến Đệ nhị nghĩa môn thông bày cái tin tức, nói nín gồm không gì chẳng cùng, tràn khắp phô bày phương lớn, nơi thuyên giải chẳng kịp. Khắp cùng sa giới, thông thân là mắt trông nhìn mặt, ngang cơ điện cuốn sao băng, làm sao ghi hợp. Có lúc hét một tiếng, sống chết toàn oai, có lúc một tiếng hét Phật tổ không biện rành, có lúc một tiếng hét tám mặt nhận chịu đánh, có lúc một tiếng hét tự cứu chẳng xong. Hãy nói một tiếng hét nào là sống chết toàn oai? Một tiếng hét nào Phật tổ chẳng Biện rành? Một tiếng hét nào tám mặt nhận chịu đánh? Một tiếng hét nào tự cứu chẳng xong? Nếu hướng đến trong đó dâng cử được, thì có thể báo được ân không thể báo. Nếu như chưa được vậy, thì sơn Tăng không mộng mà nói mộng đi vậy". Ni sư nắm lấy cây phất trần tiếp bảo: "Lại có thấy chăng? Nếu thấy thì bị chướng ngại bởi cấm giữ". Ni sư đánh xuống thiền sàn một cái, tiếp bảo: "Lại có nghe chăng? Nếu nghe tức bị trần nhiễu hoặc. Ngay như lìa thấy dứt nghe, chánh là tiểu quả Nhị thừa. Nhảy ra một bước che sắc lưỡi , toàn buông toàn thâu, thủ bạn đua nhau kéo. Do đó nói muốn biết nghĩa

Phật Tánh nên guán thời tiết nhân duyên. Dám hỏi cùng các người , tức nay là thời tiết gì? Mênh mông nhân phong ủng hộ Thánh hóa, rực rỡ khí hòa giúp đỡ thăng bình”. Ni sư ném buông phất trần rồi xuống khỏi tòa. Có vị Ni hỏi: “Thế nào là Phật?” Ni sư đáp: “Chẳng Phật”. Lại hỏi: “Thế nào là đại ý của Phật pháp?” Sư đáp: “Cốt để cốt đồng”. Lại hỏi: “Lúc nói không triển bày, bàn không gieo có thì thế nào?” Sư đáp: “Trước lúc chưa ỉa rơi hầm lạc hố”.

27. Thiền sư Ni Diệu Tổng ở Tư thọ.

Ni sư Diệu Tổng - Vô Trước ở Tư thọ tại phủ Bình giang. Vốn là cháu gái của thừa tướng Tô Công Tụng. Năm ba mươi tuổi, Ni sư nhàm chán sự đời nổi trôi, bèn dừng thoát, dứt bỏ duyên tiết phù sức, đến tham học nói chư Ni, đã vào được chánh tín. Nhân đến dự khóa Hạ tại Kính sơn, nghe Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo lên giảng đường nêu cử nhân duyên Dược Sơn mới đầu đến dự tham ở Thạch Đầu, sau đến thấy gặp Mã Tổ, Ni sư bỗng nhiên được tỉnh ngộ. Khi Thiền sư Đại Tuệ xuống khỏi tòa, Cư sĩ Bất Động - Phùng Công Tiếp theo đến nơi phương trượng thưa: “Tôi hiểu được công án vừa rồi Hòa thượng nêu cử”. Thiền sư Đại Tuệ hỏi: “Cư sĩ hiểu thế nào?” Phùng Công Tiếp đáp: “Nghĩ gì cũng không được, Tô lô ta bà ha, chẳng nghĩ gì cũng không được, Tô rô tất rị ta bà ha”. Thiền sư Đại Tuệ bảo nêu cử tợ như Ni sư. Ni sư thưa: “Từng thấy Quách Tượng chú Trang Tử. Hàng Thức giả nói: “Tức là Trang Tử chú Quách Tượng”. Thiền sư Đại Tuệ nghe lời nói ấy hơi kỳ lạ, lại nêu cử câu thoại Bà Tử của Nham Đầu, mà hỏi Ni sư bèn dùng kệ tụng đáp rằng: “Một chiếc thuyền con nổi bồng bình, bày náo múa chèo khác cung thương, mây núi trăng biển đều vất bỏ, thừa được trang chu vất mộng thường”. Thiền sư Đại Tuệ nghĩ đi, Phùng Công Tiếp nghi điều tỏ ngộ ấy không chứng cứ. Sau đó qua Vô Tích mời đến trong thuyền và hỏi: “Bà Tử sinh được bảy người con mà sáu người không gặp tri âm, chỉ có một người cũng không tin tức, bèn vất bỏ trong nước. Lão sư Đại Tuệ nói là Đạo nhân giải hiểu được, vậy hiểu như thế nào?” Ni sư đáp: “Từ trước cúng thông đều là đến thật”. Phùng Công Tiếp kinh ngạc. Thiền sư Đại Tuệ treo bảng, lần lược, Ni sư vào thất. Thiền sư Đại Tuệ hỏi: “Người xưa chẳng ra phương trượng, vì gì trên trang ăn bánh dầu?” Ni sư đáp: “Hòa thượng tha qua cho Diệu Tổng, Diệu Tổng mới dám nói cái tin tức ấy”. Thiền sư Đại Tuệ bảo: “Ta tha qua cho ngươi, ngươi thử nói xem?” Ni sư thưa: “Diệu Tổng cũng tha qua cho Hòa thượng”. Thiền sư Đại Tuệ hỏi: “Lâu sao bánh dầu như thế nào?” Ni sư bèn hét một tiếng rồi đi ra. Từ đó tiếng tăm Ni sư vang khắp bốn

phương.

Đến năm Long Hưng thứ nhất (1163) thời Nam Tống. Xá nhân Trương Công Hiếu Tường đến trấn phủ quận ấy, lấy chùa Tư thọ mà thỉnh mời Ni sư đến đó ở và khai đường giảng pháp. Vào viện lên giảng đường, Ni sư bảo: "Một tiếng hét tông thừa, ba tạng giáo điển đều dứt tuyệt thuyên giải. Lệnh Tổ đang ban hành, mười phương ngồi dứt. Hàng Nhị thừa nghe đó mà kinh sợ bỏ chạy. Hàng Thập địa đến đó còn nghi ngờ. Nếu là hàng tuấn kiệt chưa nói mà dễ hiểu, giả sử dùng thủ thay đổi muôn sao, thực hành có quan kéo cờ đoạt trống, còn là nắm tay không, đâu có nghĩa thật. Một đường hướng thượng ngàn Thánh chẳng truyền, người học mệt thân như vượn bắt bóng. Linh sơn phó chúc đuổi theo thời cơ, Diễn Xướng tam thừa mỗi mỗi tùy theo căn khí. Đầu tiên tại vườn Lộc uyển, Chuyển pháp luân Tứ đế, độ ngàn muôn người. Ngày nay sơn Tăng cùng cõi nước đây và các phương khác là Phật là Tổ, núi sông Đại địa cỏ cây lùm rừng, bốn chúng hiện tiền, mỗi mỗi chuyển Đại pháp luân. Nếu có một cỏ một cây chẳng chuyển pháp luân thì không được gọi là chuyển Đại pháp luân, do đó nói nơi một hào đoan hiện cõi nước Bảo vương, ngồi trong mảy trần, chuyển Đại pháp luân. Nhân trong suốt khoảng thời gian ấy làm vô lượng vô biên Phật sự lớn lao khắp cùng pháp giới, một là vô lượng, vô lượng là một, trong nhỏ hiện lớn, trong lớn hiện nhỏ, chẳng động một bước mà đến lầu các của Di-lặc, chẳng tự nghe trở lại mà khắp cùng phổ môn của Quán Âm. Tình và vô tình tánh tướng bình đẳng. Chẳng phải thầm thông diệu dụng, cũng chẳng phải pháp nhĩ như thị, ở đây thích thản phân minh. Ân vua ân Phật, đồng một lúc báo đáp đầy đủ. Hãy nói thế nào là một câu Báo ân! Trời cao muôn trượng chánh, Biển rộng trăm sông tràn". Lại có lúc lên giảng đường, Ni sư nêu cử: "Vân Môn chỉ dạy Đại chúng: "Từ ngày mười lăm trở về trước tức không hỏi. Từ ngày mười lăm trở về sau, nói đem lại một câu xem?" Xong, Vân Môn tự thay thế bảo: "Mỗi ngày đều là ngày tốt". Ni sư bảo: "Mỗi ngày đều là ngày tốt. Phật pháp và thế gian pháp đều đầy đủ xong xuôi, chẳng phải đặt đất tìm u huyền. Chỉ quân bình bát hai lần ướt". Lại có lúc lên giảng đường, Ni sư bảo: "Lão nhân mặt vàng nói ngang nói dọc, nói quyền nói thật, nói pháp nói dụ, dựng pháp tràng, lập tông chỉ, cho người sau làm khuôn pháp, vì gì hãy nói? Mới đầu tại vườn Lộc uyển, sau cùng đến sông Bạt-đề, ở trong hai khoảng thời gian ấy chư từng nói một chữ, kiểm điểm tương lai rất tợ như của đút lót kêu khuất phục. Ngày nay sơn Tăng đối với việc bộn rộn, hãy buông qua một trứ". Xong, Ni sư bèn xuống khỏi tòa.

Có vị Ni hỏi: “Thế nào là đoạt người mà không đoạt cảnh?” Sư đáp: “Hoa đồng nội nở đầy đường, khắp đất là hương thơm trong lành”. Lại hỏi: “Thế nào là đoạt cảnh mà không đoạt người?” Sư đáp: “Vũ trụ mênh mông người vô số, có mấy nam nhi là trượng phu”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều chẳng đoạt?” Sư đáp: “Nơi nơi Dương biếc đều có thể buộc ngựa, nhà nhà đều cửa thấu Trường an”. Lại hỏi: “Thế nào là người và cảnh cả hai đều đoạt?” Sư đáp: “Tuyết phủ hoa lau, thuyền giăng chật bến”. Lại hỏi: “Người và cảnh được sư chỉ bày, còn hướng thượng tông thừa việc ấy như thế nào?” Ni sư bèn đánh.

28. Cư sĩ Thị Lang Trương Cửu Thành.

Cư sĩ Thị Lang Vô Cấu - Trương Cửu Thành. Lúc chưa đỗ đạt, nhân cùng khách đàm nói các bậc danh nho như Dương Văn Công, Lã Vi Trọng đạt được sự tinh diệu đều do từ Thiện học mà nên. Từ đó trong tâm Cư sĩ phát sinh kính mộ. Nghe Thiền sư Sở Minh - Bảo Ấn tiếng tăm lan truyền, đang ở tại Tịnh từ, Cư sĩ bèn đến đó thỉnh hỏi điểm cốt yếu vào đạo. Thiền sư Sở Minh bảo: “Việc này phải là từng niệm chẳng luống qua, lâu dần thuần tục, thời tiết đều nơi tự nhiên chứng nhập”. Và lại nêu cử câu thoại cây bách của Triệu Châu, khiến bảo Cư sĩ thường luôn cất nhắc. Trải qua thời gian lâu dài mà Cư sĩ không được tỉnh phát, bèn giã từ đến bái yết Thiền sư - Thiện Quyền, và hỏi: “Việc này mọi người đều có phần, mỗi mỗi đều viên thành, có phải vậy chăng?” Thiền sư đáp: “Đúng Vậy”. Cư sĩ lại hỏi: “Vì gì tôi không có nơi vào?” Thiền sư lấy chuỗi hạt trong tay áo ra chỉ cho thấy và bảo: “Đây là của ai?” Cư sĩ cứ cuối ngưỡng không trả lời. Thiền sư bỏ lại trong tay áo, tiếp bảo: “Nếu là của ông thì nắm lấy đi. Vừa mới giẫm trải tư duy tức là chẳng phải của ông”. Cư sĩ mịt mờ. Sau đó không bao lâu, lưu ở lại nơi quán nhà họ Tô, một đêm nọ đi đến nhà xí, đang giữ câu thoại cây bách mà nghiên cứu nghe tiếng cóc kêu bỗng nhiên Cư sĩ ngộ nhập, bèn có bài kệ tụng rằng:

“Trời xuân đêm trăng một tiếng cóc,
Đánh nát càn khôn chung một nhà.
Chánh lúc nghĩ gì ai hiểu được,
Đầu non chân đau có huyền sa”.

Đến sáng sớm, Cư sĩ đến bái yết Thiền sư Nhất - Pháp Ấn, cơ ngữ rất khế hợp. Vừa riêng kỵ đến am Minh tịnh cúng Tăng chủ Vân Thủy. Thiền sư Duy Thượng vừa thấy Cư sĩ đến mới chìa tay ra. Cư sĩ bèn hét. Thiền sư Duy Thượng đánh tát một cái vào má Cư sĩ. Cư sĩ bước tới phía trước. Thiền sư Duy Thượng bảo: “Trương Học Lục sao được phỉ

báng Bát-nhã". Cư sĩ đáp: "Chớ thấy của tôi chỉ như vậy. Hòa thượng lại làm sao sống?" Thiền sư Duy Thượng nêu cử câu thoại Mã Tổ lên giảng đường Bách Trượng cuốn chiếu mà cật nạn, nói chưa xong, Cư sĩ đẩy ngã chiếc án. Thiền sư Duy Thượng kêu lớn: "Trương Học Lục giết người". Cư sĩ nhảy vọt dậy hỏi vị Tăng bên cạnh rằng: "Ông lại làm sao sống?" Vị Tăng ấy mịt mờ không trả lời. Cư sĩ bèn đánh vị Tăng ấy và ngó ngoáy lại Thiền sư Duy Thượng, bảo: "Tổ uế chẳng rõ ương lụy đến cháu con". Thiền sư Duy Thượng cười lớn. Cư sĩ liền dâng bài kệ tụng rằng: "Nhân duyên cuốn chiếu cũng đại kỳ. Các khương nghe cử đều nhíu mày. Đài bàn nhảy dậy, người sao tan, ngay kẻ đến sau chẳng chịu khinh". Thiền sư Duy Thượng đáp: "Từ trước cao giá chẳng như vầy, trong trường trăm chiến đoạt hai mày. Đoạt góc xung ải ông hiểu đó, tùng lâu ai dám lại cùng khinh".

Đến năm Quý sửu (1133) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, Khôi đa sĩ lại đến bái yết Thiền sư Duy Thượng ở Đông am. Thiền sư Duy Thượng bảo: "Viên giám ở Phù sơn nói". Nếu Ông vào được thất Phần dương, mới đến cửa Phù sơn, cũng chưa thấy lão Tăng ở. Ông làm sao sống?" Cư sĩ quát mắng vị Tăng thị giả rằng: "Sao không trả lời?" Vị Tăng ấy mịt mờ. Cư sĩ đánh vị Tăng ấy một tát tai và bảo: "Ễnh ương trong hang quả nhiên chẳng biết giao long".

Đến mùa Thu năm Đinh Tỵ (1137) Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo đang đảm nhậm ở Kính sơn. Các hàng học giả kính ngưỡng như tinh đẩu. Cư sĩ đọc xem ngữ yếu của Thiền sư Đại Tuệ mới tán thán rằng: "Thật là có người biết Tông môn". Bèn mang đến trình với Thiền sư Duy Thượng, và nói là hận chưa được thấy gặp! Đến lúc làm lễ Bộ thị lang, tình cờ Tham chính Lưu Công thỉnh mời Thiền sư Đại Tuệ đến giảng pháp tại Thiên trúc, Cư sĩ tìm đến ba lần nhưng chẳng gặp. Kịp đến lúc Thiền sư Đại Tuệ báo cho Cư sĩ vào bái yết nhưng chỉ hàn huyên mà thôi. Thiền sư Đại Tuệ cũng thầm nhận biết về Cư sĩ. Sau đó vâng phụng từ về quê hương, đến Kính sơn cùng Phùng Cấp Sự và các Quan công bàn nghị cách vật Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Ông chỉ biết cách vật mà không biết có vật cách". Cư sĩ bèn mịt mờ. Thiền sư Đại Tuệ cười lớn. Cư sĩ hỏi: "Sư có khả năng mở dụ ư?" Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Há không thấy tiểu thuyết ghi, người thời nhà Đường có kẻ cùng An Lục Sơn mưu phản ư? Người đó trước làm Lang thú có tượng hoạvẫn hiện còn, Minh Hoàng đến đất Thục trông thấy đó mà tức giận, bảo Thị Thần rút kiếm đánh vào Đầu tượng đó. Bấy giờ, Lang thú ở Thiểm tây, bỗng nhiên mà đầu rơi nơi đất". Nghe thế Cư sĩ bèn lãnh hội yếu chỉ sâu

mầu. Bèn viết bên vách hiên Bất động rằng: “Con rành cách vật, Diệu Hỷ (Đại Tuệ) vật cách, muốn biết nhất quán, hai cái Ngũ Bá”. Thiền sư Đại Tuệ mới ấn khả đó.

Về sau, Cư sĩ đến trấn thú tại Thiệu dương, gặp lúc chịu tang thân phụ nên qua Kính sơn cúng dường Phạm tăng. Người cầm cân trong ý cho là Thiền sư Đại Tuệ bàn nghị đến triều chánh, bèn đuổi Thiền sư Đại Tuệ đến ở Hành Dương và ban lệnh bảo Cư sĩ về ở nhà mà thú nhận mình có tội và chịu hình phạt, khi hết hình phạt được an đặt ở Nam an, mùa Xuân năm Bính tý (1156), bèn được ân ban tha từ Bắc trở về, mà Thiền sư Đại Tuệ cũng vừa đến, bèn cùng chung thuyền đàm luận Tông yếu, chẳng từng đề cập đến việc đã qua. Theo trang “Tâm truyện lục” của người dòng họ Vu nói là: “(Vu) Hiến từ Lãnh hạ theo hầu đưa Cậu (Trương Cửu Thành) trở về Tân Cam, nhân gặp Thiền sư Đại Tuệ. Cậu bảo Hiến lễ bái, Hiến trả lời: “Vốn không kính bái Chư Tăng”. Cậu bảo: “Cô của ngươi khấu đó”. Hiến biết Thiền sư Đại Tuệ thường luôn cầm đọc kinh sách, bèn nêu cử ba câu “Thiên mạng gọi là tánh, suất tánh gọi là Đạo, tu đạo gọi là giáo” trong “Trung Dung” của Tử Tư mà hỏi. Thiền sư Đại Tuệ đáp: “Phàm người đã không biết bản mạng vốn Thần lạc xứ, lại muốn lôi kéo người tốt vào hầm lửa. Cớ sao Thánh hiền đối với một trứ đánh đầu không đục phá?” Hiến hỏi: “Thầy của tôi có thể về Thánh hiền đục phá chăng?” Thiền sư Đại Tuệ bảo: “Thiên mạng gọi là Tánh, tiện là tịnh pháp thân, suất tánh gọi là Đạo, tiện là viên mãn Báo thân, tu đạo gọi là giáo, tiện là thiền bách ức hóa thân”. Nghe được vậy, Hiến bèn đem báo cùng cậu là: “Con kính bái, sao chối từ tiếp nối trấn?”. Đến mùa Thu năm Đinh sửu (1157) Cái Từ uổng phỏng hỏi Đạo nơi Thiền sư Đại Tuệ đang ở tại Dục vương. Qua năm sau, Thiền sư Đại Tuệ có được sắc chỉ trở lại đảm nhận Kính sơn, ra mắt Cư sĩ tại viện Khánh thiện. Cư sĩ hỏi: “Trong mộng tôi thường đọc tụng nói mạnh là thế nào?” Thiền sư Đại Tuệ nêu cử Viên Giác nói là: “Do ở nơi tĩnh lắng, nên tâm các Đức Như Lai ở khắp mười phương thế giới hiểu hiện trong đó như ánh tượng trong gương” Cư sĩ nói: “Nếu chẳng phải Lão sư thì không sao nghe được điều luận này”. Và về bài tụng Tam quan của Hoàng Long là: “Tay ta sao tợ tay Phật. Nạp Tăng trong thiên hạ không miệng. Giả sử chọc dậy bèn đi, cũng là chạy trong hang quỹ, huý kỵ không được. Chân ta sao tợ chân Lừa, lại bị keo nhựa dính chắc, vụt thân nhảy lên trời đâu mất. Đã là gặp gã chuột già kia vui thú như chẳng ra, người người có cái Duyên sinh, ở dưới núi Thiết vi mấy ngàn năm, tam tai thẳng đến trời Tứ thiền, con lừa ấy còn tự tại ở

bên cạnh giết được công phu". Cư sĩ luôn đặt để tâm với Lục độ, chẳng vì con cháu chấp lường, nhân lấy Thiện tri thức Hoa nghiêm, thường ngày cúng dường hai lần, dùng ăn cơm trung lưu. Lại từng cung dường mười sáu trời lớn, mà chén trà của các vị đều biến thành sữa. Viết kệ tụng rằng: "Kính lạy mười phương Phật pháp Tăng, cúi lạy hết thảy trời Hộ pháp. Con nay cúng dường Tam bảo và trời, như một giọt nước biển một sợi lông trâu. Có diệu thuật gì hay cảm cách thử mượn ý thức vì ông nói, tâm ta cùng Phật, trời không khác, một mảy trần mới nối đất trời cách biệt, thân như mây trần tiêu tánh giác viên tịnh, cho nên Phật trời đều giáng lâm. Ta muốn cúng Phật, Phật bèn hiện, Ta muốn cúng trời trời cũng hiện, Phật tử nếu hoặc sinh riêng nghi, thử hỏi sữa này từ đâu lại? Riêng nghi tức bụi trần, bụi trần tức nghi, trọn cùng Phật trời chẳng tương tợ. Nay ta cùng người quét riêng nghi, như nước sôi làm tan tuyết tợ lửa làm tiêu băng. Ngày nay người hơi có nghi và hoặc. Chim dao bèn đến nước Tân La".

29. Cư sĩ Tham Chánh Lý Bính.

Cư sĩ Tham Chánh Lý Bính tự là Lão Hán. Say tâm với Tổ Đạo có mấy năm. Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo bài xích điểm chiếu cho là tà Thiền, nghi ngờ tức giận gần một nữa, đến lúc thấy Thiền sư Đại Tuệ chỉ dạy Đại chúng, nêu cử câu thoại cây bách trước sân của Triệu Châu mà bảo rằng: "Cây bách trước sân ngày nay mới nêu cử lại, đánh phá ải Triệu Châu, đặt đất tìm ngôn ngữ. Dám hỏi cùng Đại chúng tức là đánh phá ải Triệu Châu, vì gì tức đặt đất tìm ngôn ngữ?" Ngưng giây lát, tiếp bảo: "Ngay lúc mới đầu đường cỏ cao thấp, đốt xong mới biết đất chẳng phẳng bằng". Cư sĩ bèn lãnh ngộ, thưa Thiền sư Đại Tuệ rằng: "Nếu không có Lão sư, sao lời nói biết bao người sai quá". Về sau, Cư sĩ lại viết thư thưa hỏi quyết nghi rằng: "Gần đây tôi đến nhà bếp nhân đánh phát, mọi mịt mờ ngưng trệ bỗng nhiên có tỉnh vào. Ngoảy nhìn lại chỉ là căn thức ám độn, bình sinh học hiểu đều rơi lạc vào tình kiến, một lấy một bỏ, như áo bông tơ rách, đi trong cỏ gai, vừa tự ràng buộc, ngày nay một nụ cười cháng tiêu điều nghi, mừng vui vô lượng, nếu chẳng nhờ bậc đại tông tượng duỗi lòng từ bi thương xót thì sao được như vầy. Tự đến trong thành mặc áo uống trà ăn cơm bồng con đùa cháu, mỗi màu sắc đều như cũ, đã không tình câu chấp, cũng chẳng làm tưởng kỳ đặc. Ngoài ra các tập khí chướng ngại xưa cũ cũng dần nhỏ nhẹ. Với lời đinh ninh lúc sắp đi chẳng dám quên vậy. Lại nghị đến mới đầu được vào cửa mà Đại pháp chưa rõ, ứng có tiếp vật, gặp phải việc chưa thể không ngại. Lại mong có được sự dạy răn khiến cuối cùng có chỗ đến, ngỏ

hầu không điểm vết nơi pháp tịch vậy!" Sau nữa, Cư sĩ lại viết rằng: "Tôi nhờ được sự dạy răn đáp chỉ nên thấy đạt ý chỉ sâu mầu. Tôi tự kiểm điểm mình có ba điều: Một là việc không thuận nghịch, tuỳ duyên tức ứng, chẳng lưu lại trong tâm; hai là các thói quen sâu cạn xưa trước chẳng gia công dứt trừ mà nó tự nhỏ nhẹ; ba là công án cũ của người xưa rất mênh mang, đến lúc liếc đất đây chẳng phải tự mờ tối vậy. Phần thư trước là nói về Đại pháp lúc chưa được rõ, bởi sợ bị thiếu không đủ, nên thêm rộng sung vào đây. Đâu phải riêng cầu thắng giải ư? Tịnh thắng hiện lưu, lý thì chẳng không , dám chẳng đeo Minh ký".

30. Cư sĩ Bảo Học Lưu Ngạn Tu.

Cư sĩ Bảo Học Lưu ngạn Tu tự là Tử Vũ, ra trấn nhậm ở Vĩnh gia, đến tham hỏi Đạo nơi Thiền sư Đại Tuệ. Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không?" Triệu Châu đáp: "Không". Chỉ nghĩ gì xem?" Về sau Cư sĩ mới tỏ sáng trên công án cây bách, bèn có làm bài tụng rằng:

"Cây bách Triệu Châu rất không mối,
Trên cảnh truy tìm cũng rất khó.
Nơi nơi dương biếc buộc ngựa được,
Nhà nhà đáy cửa thấu trường an".

31. Cư sĩ Đề hình Ngô Vĩnh Minh.

Cư sĩ Đề hình Ngô Vĩnh Minh, tự là Nguyên Chiêu. Qua thời gian lâu dự tham nơi Thiền sư Liễu - Chân Hiết, đạt được tự thọ dụng Tam muội là cùng cực, sau đến phỏng đạo nơi Thiền sư Đại Tuệ đang ở am Dương tự, theo Đại chúng lần lượt vào thất. Thiền sư Đại Tuệ nêu cử câu thoại con chó có Phật tánh hay không mà hỏi. Cư sĩ định trả lời. Thiền sư Đại Tuệ bèn nắm cái lược tre mà đánh. Cư sĩ liền không trả lời, mà lưu ở lại tham hỏi. Một ngày nọ Thiền sư Đại Tuệ bảo: "Chẳng phải trình kỹ lưỡng, ngay phải khạc nhổ đất, bẽ gãy sưởi ấm đất dứt mới đánh được sinh tử. Nếu chỉ trình kỹ lưỡng có lắm liễu kỳ". Cư sĩ bèn giã từ ra đi, vừa đến Diên an chợt nhiên khế ngộ, liền viết vài bài tụng gởi về Thiền sư Đại Tuệ, đều là những điều hỏi trong thất. Có nói: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, thông thân đầy đủ một cốt khoá vàng, Triệu Châu đích thân thấy gặp lão Nam Tuyền, hiểu đạo ở Trấn châu ra hoằng hóa tại La-bặc". Thiền sư Đại Tuệ bèn nói kệ ấn chứng cho Cư sĩ rằng:

"Thông thân đủ một cốt khóa vàng,
Kham cùng trời người làm khuyên phép,
Muốn biết đứa của Lâm Tế,

Bèn là ngay năm thưa bắt giặc".

32. Cư sĩ Môn Ty Hoàng Ngạn Tiết.

Cư sĩ Môn Ty Hoàng Ngạn Tiết, tự là Tiết Khu, hiệu là Diệu Đức. Ngay dưới một tiếng hét của Thiền sư Đại Tuệ mà nghi tình trong cư sự tự chóng tiêu tan, Thiền sư Đại Tuệ đem y áo mà trao cho, Cư sĩ thường nêu cử cái lược tre của Thủ Sơn đến gần trước Huyện Diệp đoạt được móc bẻ ném xuống dưới thềm cấp, bảo: "Ấy là gì?" Thủ Sơn bảo: "Mù mắt". Cư sĩ nói với Diệu Đức vào trong đó, trăm thứ màu sắc cũng không thể. Chỉ ghi nhớ được từng làm tuyệt cú hoa mai tháng chạp rằng:

"Phỏng trùng gặm đầu cành,
Chợt mùi tức tiếu lan,
Thôn trước trong tuyết sâu,
Chớ làm lãnh mai xem."

33. Phu Nhân Kế Thị ở Tần quốc.

Phu nhân Pháp Châu. Vốn là dòng họ Kế ở Tần quốc tự ở thủ tiết góa bụa, bỏ hẳn mọi thứ phấn hoa, thường ăn chay, tập học thực hành pháp Hữu vi. Nhân Thiền sư Đại Tuệ sai bảo Thiền giả Khiêm đến thăm hỏi con của phu nhân là Ngụy Công, Ngụy Công lưu giữ Khiêm ở lại dùng Tổ đạo mà dẫn dụ. Một ngày nọ, phu nhân hỏi Khiêm rằng: "Hòa thượng Kính Sơn thường ngày vì người chỉ dạy gì?" Khiêm đáp: "Hòa thượng chỉ khuyên dạy người khán câu thoại con chó có Phật tánh hay không, và khán cái lược tre. Chỉ là chẳng được mở lời, chẳng được nghĩ lường, chẳng được hướng đến nơi nêu cử mà hiểu, chẳng được hướng đến nơi mở miệng mà nhận lấy. Con chó lại có Phật tánh hay không? Không, chỉ nghĩ gì dạy người xem?" Phu nhân bèn tin chắc. Từ đó hằng đem tĩnh tọa dốc sức nhiều nghiên cứu câu thoại trước. Bỗng nhiên thấu suốt không ngưng trệ. Đến lúc Khiêm giã từ trở về, phu nhân tự viết khái lược về sự vào đạo và làm vài bài kệ tụng, gởi trình Thiền sư Đại Tuệ, sau cùng nói rằng:

"Lắm ngày đọc xem kinh,
Như gặp người biết cũ,
Chớ nói từng có ngại,
Một cử một hồi mới".

34. Thiền sư Liễu Minh ở Kính sơn.

Thiền sư Liễu Minh ở Kính sơn tại Lâm an, là bậc Long tượng ở trong chúng hội của Thiền sư Diệu Hỷ - Đại Tuệ - Tông Cảo, khắp chốn tùng lâm đều tôn xưng là Minh Đại Thiền. Thân cao tám thước,

bụng lớn mười vi. Phàm đi đến đâu, mọi người đều nhóm tụ trông xem. Mới đầu, Thiền sư Đại Tuệ bị sai phạt đến ở Mai châu. Châu huyện canh phòng rất nghiêm minh, hoặc cho là họa không thể lường, Sư bèn mang gông mà đi, trải qua các ải, khó khổ vô vàn nhưng chưa từng có chút thời gian biếng trễ. Đã đến nơi đầy ải, các hàng nạp Tử dò tìm theo, các người đến hỏi Đạo đông người không dưới hai trăm - ba trăm người. Thiền sư Đại Tuệ vì trai phạm chẳng chu cấp đủ, lại do nghĩ điều họa nên luôn khuyên Sư đi nơi khác, Sư chẳng chịu nghe, mặc tình tự thân thường ngày ăn tháo luôn tự mang giỏ đi xin. Đến chiều tức có vài mươi người giúp Sư mang các thứ gạo bún rau quả các vật thực đầy đủ đem về, nên các hàng nạp Tử tuy đông nhiều nhưng không gì chẳng đủ. Suốt mười bảy năm như thế mà chỉ như một ngày. Sự hưng thạnh nối dài dòng pháp của Thiền sư Đại Tuệ, tiếp nhận người ở nơi chỗ bị đày ải có đến một nữa. Đó là do sức của Sư mà có nên vậy. Đến lúc Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo có được sắc chỉ vận mặc lại tăng phục, rồi tiếp có sắc chỉ mời đến ở Dục Vương, Sư thường luôn theo ở dưới tòa. Sư là người hào phú xa xăm, nhạy bén nhanh nhẹn. Thường trong thất, Thiền sư Đại Tuệ không hứa cho các nạp Tử mở miệng hét, nhưng mỗi lúc vào thất, Sư đều gằn giọng hét một tiếng mà lui ra. Một ngày nọ, Thiền sư Đại Tuệ đề nói bảng trước phương trượng rằng: "Ai hét một tiếng, phạt một quan tiền". Thấy thế Sư mới kín cất sẵn trong tay áo ngàn quan tiền, đến trong thất trước tiên cúi mình xuống đất, lớn giọng hét một tiếng rồi đi ra, cứ như vậy qua vài lần, Thiền sư Đại Tuệ chẳng biết làm sao, lại viết nói bảng: "Ai hét một tiếng thì phạt cúng dường cúng trăng một bữa trưa". Sư thấy thế, liền vội đến nơi người trông coi kho mà bảo: "Hòa thượng cần mười lượng vàng". Vị chủ sự bèn đưa cho Sư, và sai người cùng theo đến nơi phương trượng. Sư cất vàng trong tay áo mà bước vào, cũng cái đầu nói đất gằn giọng hét lớn một tiếng, khiến Thiền sư Đại Tuệ cũng kinh hãi. Nhập thất xong, mới từ từ hỏi biết ấy vậy, Sư chỉ vì thế cười một tiếng. Thiền sư Đại Tuệ từng bảo cùng Sư rằng: "Gã béo phì này như là hiểu thiền. Lừa trâu cũng chưa từng mộng thấy nhằm". Nhưng nghĩ nhớ Sư có thời gian lâu dài chuyên cần, nên đề cử Sư ra hoằng hóa đến ở Đầu Tử tại Thư châu. Trước đó, các trâu mạnh khỏe ở Đầu Tử mắc dịch bệnh chết gần hết, nên năm đó mùa màng thất bại, Sư bèn phát Đại nguyện hóa làm hai trăm con để bồi thường đó. Nên liên tiếp mấy năm sau rất được mùa gấp bội khác thường, lại có các điềm vết khác lạ. Sư lại chuyển dời đến ở Trường lô, các hàng nạp Tử đua nhau kéo đến, tùng lâm lại bị đổi làm thành quán.

Rồi Thiền sư Đại Tuệ lại đến ở Kính sơn, Sư lại đến cúng thí và chu cấp cơm gạo cho Đại chúng, khi trở về lại Trường lô, bèn dùng kệ tụng để tiễn đưa Sư rằng:

"Người nói đầu gậy sinh hiếu tử.
Ta nói thương trẻ chẳng biết hôi.
Trưởng lão Trường lô nghĩ gì lại,
Diệu Hỷ (Đại Tuệ) không phí một trướng mầm,
Từ khi bốn biển vọng truyền giáo.
Dã can hay làm sư tử gầm.
Ai bảo không vật tăng ấy đi,
Dưới tiếng hét núi Thiết vi đổ chạy".

Về sau Sư vâng phụng sắc chiếu mời đến ở Minh sơn. Đạo phong càng vang vọng khắp xa. Trước đó, Dương Hòa Vương mộng thấy một vị dị Tăng trương bụng béo lớn thong thả đi đến nói là: "Muốn hóa một trang điền ở Tô châu". Sau khi tỉnh giấc lấy làm lạ nhưng chưa nói cùng ai. Ngày hôm sau, bỗng nhiên Sư chống gậy mang giày đi không đến, người giữ cửa cản ngăn mà Sư chẳng dừng nên và báo cùng Hòa Vương, Hòa Vương ra trông xem, xa thấy Sư kỳ đặc hùng vĩ cùng với người thấy trông mộng không khác, bèn vội gọi cả quyến thuộc ra trông xem, mọi người trông quyến thuộc đồng đất hương ra lễ bái. Sau khi dùng trà xong, Sư mở miệng nói trước: "Đại vương trang điền có lắm nhiều. Có thể cúng dường một trang điền ở Tô châu để làm cúng Phật và trai Tăng ở Kính sơn thì ích lợi đô chẳng cùng". Hòa Vương chưa có lời hứa khả được không, mà nhân đó bảo người nhà thiết trai cúng dường, thọ trai xong, Sư lui ra trọn không nói lời gì khác. Bấy giờ trong ngoài rầm rĩ truyền miệng nhau là: "Hòa Vương đem trang điền Tô châu cúng thí Trưởng lão Kính sơn". Bèn tấu đạt lên Hiếu Tông Hoàng Đế (Triệu Thận 1163-1190 thời Nam Tống). Vua bèn vời gọi Hòa Vương vào triều, vua hỏi: "Nghe khanh xả bớt một trang Điền ở Tô châu để cúng thí Kính sơn, trẫm sẽ vì giúp khanh khỏi phải chịu thuế khóa". Hòa Vương cảm tạ ân vua mà trở về, ngày hôm sau gởi thư đến Kính sơn mời Sư vào thành, mà Sư đã thị tịch trước đó hai ngày rồi vậy. Từ đó Hòa Vương mỗi khi ngủ nghỉ, hoặc khoảnh khắc ngắn mỏi mệt mà nhắm mắt đều thấy Sư trước mặt mình, bảo rằng: "Đại thí độ là đứng đầu trang sáu độ, tốt lành đầu tốt lành cuối đó là rốt ráo". Hòa Vương bèn đem trang điền giao thuộc của Bản sơn. Trang điền phía Bắc mỗi năm sản sinh ra mười vạn trâu cày xe thuyền. Mở kho sử dụng trăm thứ đều có đủ. Lại có được ân miễn thuế khóa, đến nay vẫn còn được lợi

ấy. Sư có nhân duyên rất lớn đối với kẻ Tăng người tục. Hiện tại mọi sự cúng thí lắm nhiều, các nạp Tử nhóm tụ đông đúc, mọi Phật sự ưu thắng kỳ đặc. Khắp hai Hồ Giang Chế đều xưng gọi Sư là Bố Đại Hòa thượng tái sinh vậy!

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 32
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 33

MỤC LỤC

Đời thứ 17, Sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nói dõi dòng pháp Thiền sư Khuê ở Long tường, có hai vị:

1. Thiền sư Đức Thăng ở Vân cư.
2. Thiền sư Tuệ Ôn ở Lang sơn (hai vị hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ngộ ở Vân cư, có chín vị:

1. Thiền sư Đức Dụng ở Song lâm
2. Thiền sư Đạo Nhạn ở Vạn niên
3. Thiền sư Thiện Năng ở Trung tế
4. Thiền sư Tự Viên ở Vân cư (bốn vị hiện có ghi lục)
5. Thiền sư Quảng ở Linh thuỵ
6. Thiền sư Kiên ở Hoài ngọc tại Tín châu
7. Thiền sư Long ở Đồng an tại Hồng châu
8. Thiền sư Nghi Phương ở Linh nham
9. Thiền sư Ấn - Huyền Trú ở Hoàng nghiệt (năm vị không ghi chép)

- Đệ tử nối dối dòng pháp Thiền sư Hạnh ở Ô cự, có sáu vị:

1. Thiền sư Hưu ở Tiến phước
2. Thiền sư Tuệ Quang ở Quy phong
3. Thiền sư Thử Nhân ở Trường lô (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Trung ở Tiến phước
5. Thiền sư Ký ở Thiên ninh
6. Thiền sư Tu ở Trí giả (ba vị không có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng Pháp Thiền sư Thuận ở Bạch dương, có hai

vị:

1. Thiền sư Như ở nguyên (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Nham Như ở Nam an (Không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Như ở Vân cư, có hai vị:
1. Thiền sư Ngạn Sầm ở Ẩn tỉnh
2. Thiền sư Thành ở Báo ân (hai vị hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Biện ở Đạo tràng, có sáu vị:
1. Thiền sư ở Giác báo
2. Thủ tòa Nhiên ở Hà sơn (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Tế ở Chánh pháp
4. Thiền sư Bằng ở Năng nhân
5. Thiền sư Cần ở Kim thằng
6. Thiền sư Ngôn ở Đạo tràng (bốn không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trung ở Hoàng long, có bốn vị:

1. Thiền sư giới Tu ở Tín tướng (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Ấn Túc ở Từ hóa
3. Thiền sư Đạo Huy ở Vô vi
4. Thiền sư Đạo Vân ở Sùng hóa (03 vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng Pháp Thiền sư Liên ở Tây thiền, có 01 vị:
1. Thiền sư Hy Tú ở Tây thiền (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ni Uẩn ở Tịnh cư, có 01 vị:
1. Thiền sư Ni Pháp Đăng ở Tịnh cư (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quả ở Đại quy, có mười lăm vị:

1. Thiền sư Tông Liên ở Ngọc tuyền
2. Thiền sư Hạnh ở Đại quy
3. Thiền sư Uyên ở Đạo lâm
4. Thiền sư Tổ Chứng ở Đại hồng
5. Thiền sư Đức Thuần ở Lặc đàm
6. Thiền sư Khả Phong ở Bảo an
7. Thiền sư Tổ Tuyền ở Thạch đình

8. Thiền sư Tông Giám ở Thạch sương (tám vị có ghi lục)
9. Thiền sư Xán ở Cát tường
10. Thiền sư Lập ở Thạch môn
11. Thiền sư Viễn ở Song lâm
12. Thiền sư Giác Văn ở Phung lung
13. Thiền sư Xiêm ở Hòa sơn
14. Thiền sư Tư ở Pháp luân
15. Thiền sư Nhất ở Tuyết phong (bảy vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hồi ở Thạch đầu, có một vị:
1. Thiền sư Đức Hội ở Vân Cư (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Kham ở Dục Vương, có bảy vị:
1. Thiền sư Đàm Bí ở Vạn niên
2. Thiền sư Liễu Phác ở Thiên đồng
3. Thiền sư Tông Hồi ở Tây nham
4. Thiền sư Thản Nhiên ở Cao ly
5. Thiền sư Bản ở Long hoa (năm vị hiện có ghi lục)
6. Thiền sư Tiên ở Hoa tạng
7. Thiền sư Diệu Trạm ở Tuyết đậu (hai vị không có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Lâm ở Đạo tràng, có ba vị:
1. Thiền sư Cát ở Đông sơn (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Ngô ở Lang sơn
3. Thiền sư Liễu Túy ở Kính sơn (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ ở Đạo tràng, có một vị:
1. Thiền sư Đạo Xu ở Linh ẩn (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Mẫn ở Quang hiếu, có hai vị:
1. Thủ tòa Ngộ Sơ ở Quang hiếu (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Thiện Hạnh ở Sùng thắng (Không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Diệu ở Trung trúc, có hai vị:
1. Thiền sư Thâm ở Quang hiếu (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Uẩn Chung ở Linh ẩn (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bính ở Nam hoa, có bốn vị:
1. Thiền sư Tông Triệu ở Tứ tổ
2. Thiền sư Pháp ở Thiên ninh
3. Thiền sư Nguyệt ở Chánh pháp
4. Thiền sư Minh ở Nam hoa (bốn vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tịnh ở Tuyết đình, có một vị:
1. Thiền sư Tăng Giới ở Thúy vân (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tư ở Nột đường, có ba vị:
1. Thiền sư Hạnh Tề ở Trừng chiếu
2. Thiền sư Lập ở nguyên
3. Thủ tòa Trí (ba vị hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hải ở Đại trung, có một vị:
1. Thiền sư Pháp Chu ở Báo ân (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khanh ở Bồng lai, có một vị:
1. Thiền sư Quảng ở Diệu phước (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hiền ở Chân mục, có hai vị:
1. Thiền sư Tự Hành ở Vĩnh phước
2. Thiền sư Liễu Ngộ ở Vô vi (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Viễn ở Khuếch am, có một vị:
1. Thiền sư Nghi ở Tín tướng (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phạm ở Cổ phật, có một vị:
1. Thiền sư Hy ở Ô hồi (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trung ở Cầu đường, có một vị:
1. Thiền sư Hoằng - Độc Tú ở Thượng lam (Không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tín ở Mộng am, có bốn vị:
1. Thiền sư Trác ở Năng nhân
2. Thiền sư Diệu ở Hạc lâm

3. Thiền sư Tủng ở Hiếu cảm
4. Thiền sư Đạo Toàn ở Vĩnh ninh (bốn vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Giám ở Trúc Am, có một vị:
1. Thiền sư Như Tịnh ở Thiên đồng (Hiện không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI DÒNG THIỀN SƯ KHUÊ Ở LONG TUYỀN

1. Thiền sư Đức Thăng ở Vân cư.

Thiền sư Đức Thăng - Ngoan Am ở Vân cư tại Nam khương quán, vốn người dòng họ Hà ở Hán châu. Năm hai mươi tuổi được độ, Sư tập học các giảng tứ, lâu sau giã từ, đến bái yết Thiền sư Đạo ở Văn Thù, thưa hỏi tỉnh yếu Phật pháp. Thiền sư Đạo chỉ dạy với Kệ tụng rằng:

"Khiết Đan đánh phá trại Ba-tư,
Đoạt được châu báu trong thôn.
Đầu đường ngả tư trẻ khốn cùng
Co lưng mang cái đãy phong lưu".

Sư định đối đáp. Thiện sư Đạo bảo: "Chớ sai nhầm". Sư trở lui tham cứu suốt ba năm mới được chỉ thú, rồi đến bái kiến Thiền sư Phật Tánh nhưng cơ chẳng gieo, Sư lại vào đất Mân đến lễ cận ở Bành sơn, bèn hỏi: "Một câu Quốc Sư chẳng vượt Thạch môn, ý chỉ như thế nào?" Trúc Am (Thiền sư Khuê) hét một tiếng, bảo: "Nói rỗng rang". Liền đó Sư bèn lãnh hội. Ở lâu sau, có vị tăng hỏi: "Với Ứng châu (A-la-hán) chẳng gá ba cõi, vượt cao xa tức chẳng hỏi. Còn thế nào là Vô vị Chân nhân?" Sư đáp: "Lúc nghe thì giàu sang, nhưng sau khi thấy lại nghèo túng". Lại nói: "Lắc đầu phải bít tai, nghiêng tay liền vụt thân". Sư bảo: "Vô vị Chân nhân ở phương nào?" Vị tăng ấy đáp: "Lão Đại Tông sư thoại đâu cũng chẳng biết". Sư bảo: "Tha cho ông ba mươi gậy".

2. Thiền sư Tuệ ôn ở Lang sơn.

Thiền sư Tuệ Ôn - La Am ở Lang sơn tại Thông châu, vốn người dòng họ Trịnh ở Phước châu. Sư vân du dự tham khắp các bậc lão túc, sau cùng, đến nương tựa Trúc Am (Thiền sư Khuê) ở Đông lâm. Sau đó không lâu, Thiền sư Khuê từ tạ mọi sự. Sư lại đến bái yết Thiền sư Ngộ - Cao Am, Thiền sư Bính ở Nam hoa, Thiền sư ở Thảo đường và đều được thưởng thức. Gặp lúc Thiền sư Khuê chuyển lời đến ở Càn nguyên tại đất Mân. Sư bèn trở về tỉnh xét, Thiền sư Khuê hỏi: "Tình sinh thì trí cách, tương biến thì thể khác, chẳng dùng đình dừng tù trưởng, trí đạo

đem một câu lại". Sư mới tỏ sáng, bèn thuật kệ tụng rằng:

"Ép ra thông thân là miệng,
Nào phòng mắng mưa trách gió,
Đêm qua Hổ dữ trước thôn,
Cắn chết Đại Phong Nam sơn".

Thiền sư Khuê gật đầu chấp thuận. Ở lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: "Thích-ca Lão Tử suốt bốn mươi chín năm ngồi tích màn che, Di-lặc Đại sĩ chín mươi mốt kiếp mang nước kéo bùn, phàm tình Thánh lượng chẳng thể vạch trừ, lý chiếu thấy biết còn ở trải đường, ý Phật ý Tổ như đem mắt cá làm minh châu, Đại thừa Tiểu thừa tợ nhận võ quýt làm lửa dữ. Các người phải là mở mang kho báu trong cõi lòng mình, chuyển ra nhà quý của chính mình, đến đầu ngả tư đường, ban cấp cho người nghèo khổ. Trong chúng nếu có gã nào lanh lợi hãy ra nói xem. Vật thực ngon chẳng trúng người no ăn. Sơn Tăng chỉ hưởng đến người ấy nói U châu còn tự có khả năng, rất khổ là Tân-la".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NGỘ Ở VÂN CƯ

1. Thiền sư Đức Dụng ở Song lâm.

Thiền sư Đức Dụng ở Song lâm tại Vụ châu, vốn người dòng họ Đái ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nắm dùi, dựng đứng phất trần, môn hạ Tổ sư dùng lá vàng để ngăn kêu khóc, nói diệu nói huyền, trước mặt nạp Tăng trông nhìn rừng mai mà bớt khát. Ngày nay Tế Sơn đi tức chi hồ giả dã, lại chẳng chỉ đông họa tây, hướng đến trong mạng mạch của chư Phật ba đời, trong cốt tủy của sáu đời Tổ sư, hết tình dốc đổ vì các người nói phá". Ngưng giây lát, Sư bảo: "Khóc được máu chảy không nơi dùng, chẳng bằng ngậm miệng qua xuân tàn".

2. Thiền sư Đạo Nhàn ở Vạn niên.

Thiền sư Đạo Nhàn - Vô Trước ở Vạn niên tại Đài châu, vốn người dòng họ Hồng ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Toàn có đánh thắng còn tại nửa đường, gặm giấm đồng thời mây trắng muôn dặm, mới sinh điềm hiện đã lạc hai ba, chẳng bày mũi nhọn thành đạo lý gì? Hãy nói từ xưa trước lại, sự cấp làm sao sống? Tội của người lừa dối đem tội gán thêm đó". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Càn Phong chỉ dạy Đại chúng: "Nêu cử một chẳng được nêu cử hai, tha qua một trứ rơi lạc tại thứ hai". Còn Vân Môn ra giữa Đại chúng bảo: "Đêm qua có người từ Thiên thai lại, tức theo hướng Kính sơn mà đi". Tuyết Phong bảo: "Ngày điển tòa lại, không được thỉnh mời khắp cùng". Xong, Sư bảo: "Cùng thấy chẳng phải sân, ông khổ ta cũng nghèo. Nghĩa là nói

xâm lấn sớm dậy, lại có người đi đêm".

3. Thiền sư Thiện Năng ở Trung tế.

Thiền sư Thiện Năng ở Trung tế tại Phước châu. Vốn người Nghiêm lăng. Qua lại nơi Hoàng long, Vân môn cả mấy năm nhưng chưa sở chứng. Một ngày nọ bảo khắp cả Đại chúng hái rau, Cao Am (Thiền sư Ngộ) bỗng nhiên đem con mèo ném vào bụng Sư, Sư định bàn nói. Thiền sư Ngộ lại cản ngăn ngay ngực đạp ngã té. Từ đó, Sư thấu suốt đại sự. Có lúc lên giảng đường, sư bảo: "Không trung muôn xưa một mai trăng gió, không thể đem một mai trăng gió làm khuất mờ ngày không trung muôn xưa, không thể vì không trung muôn xưa mà chẳng tỏa sáng trăng gió một mai. Hãy nói thế nào là một mai trăng gió? Mọi người sợ nóng đốt, ta thích ngày Hạ dài, gió ùa từ Nam lại, điện các sinh mát dịu. Hiểu cùng chẳng hiểu rất kỵ nhận lấy".

4. Thiền sư Tự Viên ở Vân cư.

Thiền sư Tự Viên - Phổ Vân ở Vân cư tại Nam khương quán. Vốn người dòng họ Ung ở Miên châu. Năm mười chín tuổi, thi khảo kinh mà được độ, Sư ở lại trong Giáo uyển năm năm. Sau đó ra ải theo hướng Nam đi xuống tham vấn khắp các bậc Đại tôn túc. Mới đầu đến Hoàng long, một ngày nọ đến nơi hành lan, thấy tôn tượng vẽ họa người Hồ, mà có chút tỉnh ngộ, đêm đến bèn đem trình với Cao Am (Thiền sư Ngộ). Thiền sư Ngộ nêu cử bài kệ tụng của pháp nhãn rằng:

"Đầu trùm khăn chuột lớn,
Eo đeo dùi sừng dê,
Nói chẳng khiến người hiểu,
Phải được người chuyển dịch".

Và lại gấp lửa chỉ cho Sư thấy mà bảo: "Ta đã vì ông mà chuyển dịch xong rồi vậy". Từ đó Sư rõ suốt đại pháp, trình bài kệ tụng rằng:

"Lời tiếng nước ngoài chẳng thể cùng,
Mây nổi dưới sân một thời thông
Cửa miệng rộng lớn không ngằn mé,
Nuốt hết bông gai thóc Dương kỳ".

Thiền sư Ngộ bảo Sư đến nương tựa Thiền sư Phật Nhãn. Thiền sư Phật Nhãn nói cùng Sư: "Đạo ta lưu truyền về phương Đông vậy!" Có lúc lên giảng đường nêu cử, có vị tăng hỏi Vân Môn: "Thế nào là câu thấu suốt pháp thân?" Vân Môn đáp: "Trong Bắc đẩu ẩn tàng thân". Sư nói: "Nam bắc đông tây muôn muôn ngàn, càn khôn trên dưới không hai bên. Cung gặp cùng thấy ha ha cười, cụp tay lắc đầu, trăng nửa trời".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HẠNH Ở Ô CỰ

1. Thiền sư Hưu ở Tiến phước.

Thiền sư Hưu - Thối Am ở Tiến phước tại Nhiêu châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Gió động ư hay phướng động ư? Gió kêu ư hay linh kêu ư? Chẳng phải gió linh kêu, chẳng phải gió phương động, xứ này cùng Tây vức, một đội thùng sơn đen, lừa dối người thế gian. Nhìn nhìn diệt giống Hồ, sơn Tăng biết làm sao. Lui sau cũng đánh cửa, trái bầu eo cong cong, bí đao thẳng thẳng mực". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc kết hạ mất trái nửa cân, lúc giải hạ mất phải tám lạng. Dối bảo chín mươi ngày an cư, thừa được một da bụng vọng tưởng, ngay như bảy huyệt tám xuyên, chưa khỏi cây gậy của sơn Tăng. Tuy là như vậy. Chiếc nỏ ngàn cân chẳng vì con chuột nhắt mà bắn". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiên sư bình thường dùng một dùi sau đầu não, cắm ngay trong ngực người học lắm nhiều co quắp, ngay năm ấy, Khắc Tân Duy-na từng trúng phải độc ấy hưng hóa, luôn luôn các tùng lâm trong thiên hạ gọi làm mắt lạ vượt tông. Chẳng chỉ cô phụ Hưng hóa. Cũng là Khắc Tân nhận chịu nhục. Nếu là con cháu Lâm Tế trọn chẳng nương cỏ gá cây. Tư Phước mừng thấy đồng tham, ngày nay nghiêng lòng đổ bụng". Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Lại có biết nơi rơi lạc của tiên sư chăng? Khéo chết Thiền Hòa như vừng tợ khóc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mở lời chẳng phải tiếng là cái gì? Trước sắc chẳng phải vật chớ loạn dùi châm, thấu qua muôn cửa sóng gió lại càng hiểm nguy. Ôi!".

2. Thiền sư Tuệ Quang ở Quy phong.

Thiền sư Tuệ Quang - Hối Am ở Quy phong, tại Tín châu, vốn người xứ Kiến ninh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Vài ngày khí nóng như đốt, một cái thân vẻn vẹn không nơi an đặt. Nghĩ lường được cũng là người phiền não. Cái ấy chưa là phiền não cũng có cái chính tự mình xuống việc chưa rành rẽ, bèn là phiền não. Do đó phiền não của Đại sư Đạt-ma cần vì các người nuốt ngay, lại bị nghẹn bởi cổ họng bé nhỏ, cần vì các người nhả ra, lại bị răng năng làm ngăn ngại. Lấy không được, bỏ không được, não phiền mất chín năm. Nếu không có Nhị tổ chẳng tiếc thân mạng, luôn luôn chuyển thân không đường, phiền não lạy chết. Đó gọi là Tổ uể chẳng rõ ương lụy đến cháu con. Sau lại am chủ núi Liên hoa đến trong đó, phiền não chẳng chịu ở, Tư Đại Nam Nhạc đến trong đó, phiền não chẳng chịu xuống núi. Lại có Đức Sơn, Lâm Tế dùng hết quả tra lê của chính mình, phiền não chịu bát không cán. Ngày nay Quy Phong vì nhân sự ấy thêm lớn vô minh, vì các người

từ đầu điểm phá". Sư gõ cây gậy xuống một cái, tiếp bảo: "Một người sau đầu não lộ bày gò má, một người ngay cửa miệng không răng lại có vài người lỗ mũi chìm nửa bên chẳng nhọc khám xét lại. Các người thổi hướng đến trong đó đứng đất ngủ gật. Rất không biết trong nhà nồi cơm nấm mật lúc mất rồi. Nếu không tin, chỉ về nhà xét lại xem".

3. Thiền sư Thủ Nhân ở Trường lô.

Thiền sư Thủ Nhân - Thủ Am ở Trường lô tại Chân châu, vốn người ở Thượng ngô - Việt châu. Sư đến nương tựa Thiền sư Hạnh - Tuyết Đường ở Ô cự. Nghe chỉ dạy chung cả Đại chúng rằng: "Công phu ngày nay anh em làm chánh như tập bắn. Trước đặt vững chân mình, sau mới tập pháp ấy, về sau tuy vô tâm nhưng vì quen tập đã lâu nên mũi tên bắn ra đều trúng". Thiền sư Hạnh hét một tiếng, tiếp bảo: "Chỉ mũi tên bắn ra ngày nay cũng phãi xem xem". Bất chợt Sư ngã thân mình làm thế tránh né mũi tên, bỗng nhiên đại ngộ. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trăm ngàn Tam muội, vô lượng diệu môn ngày nay Thủ Am - Thủ Nhân chẳng tiếc thân mạng, chỉ làm một câu nói cùng các người". Xong, Sư gõ cây gậy một cái và xuống khỏi tòa. Sư thường tụng câu thoại Bà của Đài Sơn rằng: "Mở cái đèn tâm sừng đen bày, ngày cầu thăng cấp qua sớm tối, chỉ nhân mưa gió mãi dài lâu. Bản lợi một không sầu tựa cửa".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THUẬN Ở BẠCH DƯƠNG

1. Thiền sư Như ở nguyên.

Thiền sư Như ở nguyên tại Cát châu, có vị Tăng hỏi: "Lúc Tổ sư Đạt-ma chưa lại thì thế nào?" Sư đáp: "Sinh sắt đúc Côn lôn". Lại hỏi: "Sau khi đã lại thì thế nào?" Sư đáp: "Năm sắc họa cửa Thần".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHƯ Ở VÂN CƯ

1. Thiền sư Ngạn Sầm ở Ẩn tỉnh.

Thiền sư Ngạn Sầm - Viên Cực ở Ẩn tỉnh tại Thái bình châu, vốn người xứ Đài thành. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hàn Tín đánh cửa chưa khỏi tổn thương mũi nhọn phạm vào tay. Trương Lương đốt cầu rất tợ là đuôi linh quy. Đã vậy, cuốn chiếu ba tần, cốt yết vả lại trong đầy da cung tên, khói bụi tự lắng. Nước ta an nhiên, bốn biển chín châu đều kết quy về sự cảm hóa của Hoàng vương, tự nhiên trâu rảnh ngựa buông, gió theo thời mưa theo tiết. Ngụ cốc được mùa muôn dân an ổn, mọi người đều xướng khúc nhạc ruộng thôn, trăng rơi giăng ngang đêm đến nơi hành lan". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ngày nay

mồng 05 tháng 08, việc tốt rõ ràng vì nêu cử, đầu non mênh ông mây thu, cây rít gió chim cưu gọi mưa. Đêm qua ở biển đông cá chép nuốt ngay hổ dữ Nam sơn. Tuy là có chiếu, có dụng, rốt cùng không khác không chủ, chỉ có Phổ Hiền, Văn Thù đến ở. Ta biết được vậy". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử Hòa thượng Biện ở Chánh đường đang lúc trong thất hỏi Học giả rằng: "Con giun vì gì hóa làm trăm hợp?" Xong, Sư bảo: "Nhà khách Tinh châu đã mười nương, Quy tâm đêm ngày nhớ Hàm dương, không mối lại qua sông Tang càn, tức ngóng Tinh châu là quê cũ".

2. Thiền sư Thành ở Báo ân.

Thiền sư Thành ở Báo ân tại Ngọc châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mưa thu chợt lạnh. Các người ở châu mặc áo sam bằng vải đã thành tựu chưa?" Ngưng giây lát, Sư hét một tiếng, tiếp bảo: "Ngày nay nơi Vân khê lạnh đặt một bó lửa đốt". Xong, Sư bèn xuống khỏi tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BIỆN Ở ĐẠO TRÀNG

1. Thiền sư ở Giác báo.

Thiền sư ở Giác báo tại phủ Bình giang. Có lúc lên giảng đường, nêu cử, có vị Tăng hỏi Vân Môn: "Thế nào là nơi chư Phật xuất thân?" Vân Môn đáp: "Đông sơn nước lớn thì đi". Xong Sư bảo: "Nơi chư Phật xuất thân, Đông sơn nước lớn thì đi. Đá đè măng tre liệu ra, sườn treo hoa mọc ngược".

2. Thủ tòa Nhiên ở Hà sơn.

Thủ tòa Nhiên ở Hà sơn tại An cát châu, vốn người xứ Cô tô. Theo hầu Thiền ni Biện - Chánh Đường qua thời gian lâu. Có lần vào thất, Thiền sư Biện hỏi: "Con mèo vì gì riêng thích bắt chuột già?" Sư đáp: "Vật thấy chủ mắt dựng đứng". Thiền sư Biện vui mừng, nhân đó bảo Sư phân tòa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRUNG Ở HOÀNG LONG

1. Thiền sư Giới Tu ở Tín tướng.

Thiền sư Giới Tu ở Tín tướng tại phủ Thành đô. Có lúc lên giảng đường, nêu cử công án Mã Tổ bất an, xong Sư mới bảo: "Hai vòng cử xử khói mây nổi, điện chớp sao băng phỏng đâu dừng. Trước mắt không ngại có qua lại, chánh lệnh toàn bày chẳng trong ngoài. Ý khí trượng phu tự xung trời, ta là ta chừ, ngươi là ngươi".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LIÊU Ở TÂY THIỀN

1. Thiền sư Hy Tú ở Tây thiền.

Thiền sư Hy Tú - Đệ Nhị Tổ ở Tây thiền tại phủ Toại ninh. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khí thu qua nữa, hơi nắng dần tiêu, hồng nhạn bay ngang giữa không trung, điểm phá trời xanh tợ nước. Khỉ vượn treo cây, lay vút ngọc bày như châu. Ngay như đối đây rõ cơ, chưa khỏi nhận lầm rùa làm ba ba. Hãy nói một câu ứng thời ứng tiết làm sao sống? Nói. Sắc đồng nội lắng lại trăng ba đảo, ánh ngồi khe suối phân phá tiết thu Ngũ hồ".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NI UẨN (ÔN?) Ở TỊNH CƯ

1. Thiền sư Ni Pháp Đăng ở Tịnh cư.

Thiền sư Ni Pháp Đăng - Vô Tướng ở Tịnh cư tại Ôn châu. Có lúc lên giảng đường, nắm cây gậy gõ xuống một cái, Ni sư bảo: "Quán Âm ra Phổ Hiền vào, Văn Thù trên nước mang giày đứng. Lắc đầu chim dao qua Tân-la, điện chớp lửa đá đuổi chẳng kịp. Ôi!".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ QUẢ Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Tông Liêu ở Ngọc tuyền.

Thiền sư Tông Liêu - Cùng Cốc ở Ngọc tuyền tại Kinh môn quân, vốn người dòng họ Đổng ở Hợp châu. Nhân ngày khai đường giảng pháp. Hỏi đáp đã xong Sư mới bảo: "Nạp Tăng hướng đến chúng trời người, một hỏi một đáp, một bắt một thả, một cuốn một buông, một đẩy một ép, phải là có đủ tròng mắt Kim cang mới được. Nếu là hàng nghỉ nhớ câu thoại, thì ông đến Tây Tần, ta đến Đông Lỗ, ở trong Tông môn không ích lợi gì. Một việc ấy không Hữu ngôn chẳng ở Vô ngôn, chẳng ngại Hữu ngôn chẳng ngại Vô ngôn. Người xưa duỗi bảo một lời nửa câu, chánh như binh khí của Quốc gia chẳng đặng đừng mà sử dụng đó. Nói ngang nói dọc, chỉ cầu khống chế nơi người vào. Kỳ thật chẳng ở trên ngôn cú. Người thời nay không thể một đường thẳng tắt thấu triệt chứng đắc cội nguồn. Chỉ dùng ngữ ngôn văn tự mà làm chí Đạo. Một câu lại một câu đi kêu làm Thiền đạo, kêu làm hướng thượng hướng hạ. Gọi đó là Bồ-đề Niết-bàn, gọi đó là lỗ mũi Tổ sư. Chánh tợ như Trịnh Châu ra tào môn. Từ xưa trước Tông sư trong hội hiện luôn dùng cái hành cước thật làm việc đến cùng, mới có điều nghi bèn đối trước Đại chúng quyết trạch chỉ dưới một câu kiến đế rõ ràng, tạo tông của Phật tổ chẳng truyền, cùng các loài hữu tình suốt tận ngằn mé trong tương lai đồng đắc đồng chứng, còn chưa là nơi ghé đầu. Đâu phải không mở môi da lời Hồ tiếng Hán lại. Do đó Nam Viện chỉ dạy Đại chúng rằng: "Các

phương chỉ đủ mắt đồng thời gặm giấm không đủ mắt đồng thời dùng gặm giấm. Khi ấy có vị Tăng hỏi: “Thế nào là mắt đồng thời dùng gặm giấm?”. Nam Viện đáp: “Tác gia không gặm giấm. Gặm giấm đồng thời mất”. Lại hỏi: “Vậy còn nơi người học hỏi?” Nam Viện bảo: “Thế nào là nói ông hỏi?” Vị tăng ấy đáp: “Mất”. Nam Viện bèn đánh. Vị tăng ấy không khế ngộ, sau đó đến trong pháp hội của Vân môn. Nhân có hai vị tăng nêu cử câu thoại ấy, một vị bảo: “Bấy giờ cây gậy của Nam Viện bị gãy ư?” Vị tăng ấy bỗng nhiên tỏ ngộ, liền trở về Nam Viện, khi đó Nam Viện đã thị tịch, mà Phong Huyệt đang làm Duy-na hỏi vị tăng ấy rằng: “Có phải ông là người hỏi tiên sư về câu thoại gặm giấm đồng thời chăng?” Vị Tăng ấy đáp: “Phải”. Phong Huyệt hỏi: “Lúc ấy ông như thế nào?” Vị tăng đáp: “Lúc đó tôi như trong bóng đen”. Phong Huyệt bảo: “Ông đã hiểu vậy”. Xong, Sư mới gọi Đại chúng mà bảo: “Tối xâu chỉ ngọc, kím luồn kim vàng, như nước vào nước, tợ vàng đánh vàng. Dám hỏi cùng Đại chúng: Gặm giấm đồng thời là nơi thân thiết, nhân gì bèn mất? Nếu hiểu được thì có khả năng báo được ân không thể báo đáp, cùng giúp cảm hóa vô vi, bèn có thể giăng ngang thân giữa vũ trụ riêng bước phương lớn, nếu nhảy chẳng ra tức y như trước chỉ ở dưới cái giá”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư gõ cây gậy một cái mới bảo: “Phá tối vô minh cắt dòng sinh tử, vượt thành Tam hữu, lướt biển vô vi, phải là biết cái ấy mới được”. Sư mới gọi Đại chúng và tiếp bảo: “Kêu làm cây gậy thì xúc chạm, không kêu làm cây gậy thì trái ngược, nếu cũng biết được thì buông tay trong rừng gai góc, giăng ngang thân trong biển phải quấy. Nếu chưa như vậy thì Phổ Hiền cưỡi Bạch tượng, Thổ Tú vượt trâu đất. Tham”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Hết thảy số câu chẳng rõ câu, cùng với Linh giác tôi sao có giao thiệp?” Xong, Sư tiếp bảo: “Vĩnh Gia nghĩ gì nói? Rất sợ như trên điện Hàm nguyên lại tìm kiếm Trường an, rất không biết các nơi có nước đều ngậm trăng. Không núi chẳng trệ bởi mây. Tuy là như vậy, ba mươi năm sau Triệu Bà bán rượu giấm”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tông thừa một lúc xướng, đường khác dứt tuyệt, muôn sai ngàn khác đều hết sạch, thông thân là miệng khó phân tuyết, sau đầu não kim cang ba cân sắt. Khéo thay Đại ca!” Có vị Tăng hỏi: “Lúc Bảo Thọ khai đường giảng pháp, Tam Thánh đưa đẩy ra một vị Tăng, Bảo Thọ bèn đánh ý chỉ ấy như thế nào?” Sư đáp: “Quân tử lợi động”. Lại hỏi: “Làm lại đầu gậy có mắt, hay làm lại thấy có mà làm?” Sư đáp: “Con khỉ buộc nơi Lộ trụ”. Lại hỏi: “Chỉ như Tam Thánh nói: Ông nghĩ gì vì người, mù tức mắt người một thành Trấn châu”. Lại làm sao sống?” Sư

đáp: "Trên gấm thêu hoa thêm một lớp". Lại hỏi: "Lúc hành cước gặp người thì thế nào?" Sư đáp: "Một chẳng thành hai chẳng phải". Lại hỏi: "Lúc hành cước không gặp người thì thế nào?" Sư đáp: "Hổ cắn trùng lớn". Lại hỏi: "Chỉ như Từ Minh nói "Dây tơ cần câu vắt nước", ý làm sao sống?" Sư đáp: "Nước xâm lấn trứng sắt đá". Lại hỏi: "Tam Thánh nói: "Ta gặp người thì ra, ra thì chẳng vì người", ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Binh lính đi trác đường". Lại hỏi: "Hưng Hóa nói: "Ta gặp người thì chẳng ra, ra thì bèn vì người", lại làm sao sống?" Sư đáp: "Dùi cân trong gấm". Lại hỏi: "Chẳng lạc nhân quả, vì gì đoạ làm thân Dã hồ". Sư đáp: "Lô sơn năm núi già". Lại hỏi: "Chẳng mê mờ nhân quả, vì gì thoát khỏi thân Dã hồ?" Sư đáp: "Nam nhạc ba sinh tàng". Lại hỏi: "Chỉ như chẳng rơi lạc chẳng mê mồ, chưa xét rõ là đồng hay khác?" Sư đáp: "Kiếm dài tựa trời bức ép người lạnh". Lại hỏi: "Chỉ như ngày xưa Hòa thượng Dương Kỳ nhân có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật ?" Hòa thượng đáp: "Con lừa ba chân đùa nhảy đi". Ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Qua Bồng Châu rồi tiện đến Ba Châu". Ôi thôi! Sư đàm nói tâm yếu, chánh như dấu chim bay giữa không trung, tăm có bơi lội đáy nước, đâu dễ ghi hợp thay!

2. Thiền sư Hạnh ở Đại quy.

Thiền sư Hạnh ở Đại quy tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư cầm ngang cây gậy và bảo: "Các người hướng đến trong ấy hiểu đi, như Kỷ Tín lên kiệu chín rồng, chẳng hướng đến trong đó hiểu đi, tợ Hạng Vũ mất ngựa ô ngàn dặm. Ngay như các ông chẳng nghĩ gì, rơi lạc trong áo giáp vô sự. Nếu hướng đến trong đó đánh mở được một đường, chuyển được thân, nhả được khí. Sơn tăng cho các người cây gậy". Xong, Sư bèn tựa cây gậy và xuống khỏi tòa. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật , chẳng phải vật. Hãy nói là cái gì? Chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở khoảng giữa, rốt cùng ở nơi nào? Khổ! Khổ! Có miệng nói không được. Không nhà về nơi nào".

3. Thiền sư Uyên ở Đạo lâm.

Thiền sư Uyên ở Đạo lâm tại Đàm châu. Có vị Tăng hỏi: "Chuông chưa khua, trống chưa giáng, nâng Bát hướng nơi nào đi? Đức sơn bèn cuối đầu về phương trượng, ý chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Sấm xẹt lửa tuông". Lại hỏi: "Nham đầu nói: Lão này chưa hiểu ở câu cuối cùng, lại làm sao sống". Sư đáp: "Cùng theo lại vậy". Lại hỏi: "Nham đầu kín mở ý ấy, chưa xét rõ trong nào là nơi kia kín mở?" Sư đáp: "Tùng muôn năm ở núi Chúc dung". Lại hỏi: "Tuy là như vậy, chỉ được ba

năm, sau ba quả nhiên sẽ chết, lại có đích xác không?" Sư đáp: "Ma ni đát ri Hồng phấn tra". Đến lúc sắp tịch, lên giảng đường, nắm cây gậy, Sư chỉ dạy Đại chúng: "Lìa ngay sắc ngôn ngữ, nói đem lại một câu?" Trong Đại chúng không ai trả lời. Sư tiếp bảo: "Động tĩnh ngoài sắc, người lúc này chẳng chịu đáp, thế gian và xuất thế gian, rốt cùng khiến ai hiểu". Nói xong, sư tựa cây gậy mà tịch.

4. Thiền sư Tổ Chứng ở Đại hồng.

Thiền sư Tổ Chứng - Lão Nạp ở Đại hồng tại Tùy châu, vốn người dòng họ Phan ở Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong vạn tượng, riêng lộ bày thân. Thế nào nói cái đạo lý riêng lộ bày?" Sư dựng đứng cây phất trần tiếp bảo: "Đến cùng tận đất Giang ngô, cách bờ vượt nhiều núi". Có vị Tăng hỏi: "Vân Môn hỏi một vị Tăng: "Quang Minh tịch chiếu khắp hà sa, há chẳng phải tú tài Trương Chuyết nói ư?" vị Tăng ấy đáp : "Phải!" Vân Môn bảo: "Nói rơi lạc vậy". Chưa xét rõ trong não là nơi vị Tăng ấy nói rơi lạc". Sư đáp: "Cá niêm trên cán tre". Lại hỏi: "Lìa ngay ngôn cú, xin Sư chỉ thẳng?" Sư dựng đứng cây phất trần. Vị Tăng ấy lại hỏi: "Lại có việc hướng thượng không?" Sư đáp: "Có". Lại hỏi: "Thế nào là việc hướng thượng?" Sư bảo: "Lạy nhanh ba lạy".

5. Thiền sư Đức Đức Thuần ở Lặc đàm.

Thiền sư Đức Thuần - Sơn Đường ở Lặc đàm tại phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư Bảo: "Câu-chi một chỉ đầu, một sợi lông nhổ chín năm. Hoa nhạc liền trời biếc, Hoàng hà suốt đáy chảy. Cắt ngay chỉ gấp tròng ngươi xoay chuyển, trước nón lá xanh việc vô hạn, đáy áo tơi biếc một thời nghĩ".

6. Thiền sư Khả Phong ở Bảo an.

Thiền sư Khả Phong - Phục Am ở Bảo an - Nghi hưng tại Thường châu. Vốn người dòng họ Lâm ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Trời cao đất rộng gió mát trăng . Đây là thời tiết Hải vũ bình. Đẳng nhàn nhà nạp Tăng hỏi nhầm, mười cái có năm đôi biết có. Chỉ như nửa đêm ao Hoa nghiêm nuốt ngay sông Dương tử. Cầu Khai minh khua đổ ngã tháp Bình sơn, là các người có biết chăng? Nếu cũng biết thì hưởng đến trời khi phi tưởng nói đem lại một câu. Còn như chưa biết. "Sư ném cây phất trần xuống một cái tiếp bảo:" Phải là cái phất trần của sơn Tăng mới được".

7. Thiền sư Tổ Tuyền ở Thạch đình.

Thiền sư Tổ Tuyền - Dã Am ở Thạch đình tại phủ Long hưng. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Ăn cháo xong hay chưa? Triệu Châu

không húy kỵ, lại bảo rửa chén bát, rất giết ngập lỗ mũi. Ngộ đi nguyên do chẳng trượng phu. Các vị Tăng ấy nào khỏi chịu bôi xoa hồ. Có chỉ bày hay không chỉ bày, thiều thạch bốn lăng đều, đất trũng vào địa ngục, như mũi tên bắn mây vút cao, gió trong lành sinh toả nơi đại hạ, cùng gặp nắm tay lên núi cao. Tác giả nêu phải biện rành thật giả, thật giả phân rành, nếu vì luận bàn, đêm bò lạnh con cóc ra cửa biển".

8. Thiền sư Tông Giám ở Thạch sương.

Thiền sư Tông Giám ở Thạch sương tại Đàm châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tiễn đưa năm cũ nghinh đón năm mới, động dụng chẳng lìa trong sắc thái ánh sáng, lắng trong ngời sáng đêm nhà lạnh. Nhờ hỏi các người hiểu hay không? Nếu cũng hiểu thêm vết loại, nếu chẳng hiểu y như trước mịt mờ. Cho ông chỉ cái máy cắt dông, mây trắng lại tại ngoài núi xanh".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HỒI Ở THẠCH ĐẦU

1. Thiền sư Đức Hội ở Vân cư.

Thiền sư Đức Hội - Bồng Am ở Vân cư tại Nam khương luân. Vốn người dòng họ Hà ở phủ Trùng khánh. Có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Trong giáo điển nói: "Nếu thấy các tướng phi tướng tức thấy Như Lai". Làm sao sống là đạo lý phi tướng? Giả vờ chạy dối thẹn trộm mắt nhìn, cửa tre liệu đóng nữa cành hoa".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHAM Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Đàm Bí ở Vạn niên.

Thiền sư Đàm Bí - Tâm Văn ở Vạn niên tại Đài châu. Vốn người xứ Vĩnh nga. Ở tại Giang tâm, cảm bệnh dậy, lên giảng đường Sư bảo: "Duy-ma bệnh nói hết đạo lý, Long Tường bệnh khạc nhổ không thôi. Khạc nhổ không thôi nói hết đạo lý, nói hết đạo lý, khạc nhổ không thôi. Các người có biết ý chỉ trong đó hay chưa? Vốn là Trường giang nhóm gió lạnh tức khiến Lộ trụ cảm mắc gió đầu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một thấy bèn thấy, tám góc bàn mài chuyển trong không, một được trọn được, trải gấm châu sa như mực đen, gió thu thổi Vị thủy, đã rơi lạc trong ba câu Vân môn, lá vàng rơi đầy Trường an mấy cái mà nay bị mắt lừa dối:" Sư dựng đứng cây phất trần, tiếp bảo: "Lừa dối được hay lừa dối không được tất cả đều ở trong tay Vạn niên. Lại có thấy chăng? Hoa đảnh trăng lồng vẩy tay đá, cắt cầu nước lạc bỏ thân hang". Có vị Tăng hỏi: "Bách trượng cuốn chiếu, chỉ chỉ như thế nào?" Sư đáp: "Sau khi giặc qua mới trượng cung". Tứ minh Thái

thú lấy Tuyết đậu thỉnh mời Sư đến ở, Sư viết kệ tụng mà chối từ rằng: "Chợ náo mới mừng được rút đầu, lui trống mà nay đánh chưa thôi, chớ vỗ nhũ phong tuyết ngàn trượng, trở lại kéo ta đôi tròng ngươi".

2. Thiền sư Liễu Phác ở Thiên đồng.

Thiền sư Liễu Phác - Từ Hàng ở Thiên đồng tại phủ Khánh nguyên. Vốn người xứ Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Nắng gắt như thêu đốt chẳng dễ cấm, rực rực rỡ rỡ muốn cháy vàng, đêm sáng ngoài rèm không người đến, gỗ linh xa vời chuyển xanh râm". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Mưa lâu chẳng tạnh nữa ngủ nữa tỉnh, có thể gọi là đất trời hợp cái đức, nhật nguyệt hợp cái sáng, bốn mùa hợp cái thứ tự, quỷ thần hợp cái tất xấu". Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Dừng, dừng. Trong quẻ đã thành lại cầu ngoài tượng". Sư lại gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Vừa rồi ném được sấm trời lớn mạnh, mà nay biến làm lửa đất sáng cùng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Da trâu căng lộ trụ, lộ trụ kêu ti tỉ, lồng đèn vờ không biết, rỗng sáng lại tự chiếu. Cột điện mọt già gặm, nghe được cười ha ha. Tam môn nghiêng tai nghe, đến trên đánh chạy quanh, thí như cúc mồng mười, nở hết nào ai cần. A ha, ha, chưa hẳn hương thu một đêm tàn, chồm đấu nối trà chẳng đồng niêu". Có lúc ở trong thất, Sư hỏi một vị Tăng: "Giặc lại phải đánh, khách lại phải trông, chỉ như nữa đêm canh ba, mặt người tợ giặc, mặt giặc tợ người, lại làm sao sống biện rành?". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Hang Quán Âm linh linh lung lung. Đá Thái Bạch đinh đinh đông đông. Vườn tây rau sâu tợ chẳng kham ăn, cúc đông hoa nở tức không nhờ hồng. Hãy nói là ý Tổ hay ý kinh giáo? Giữa đường thọ dụng, thế đế lưu bố, nếu biện không ra thì Tuyết phong che phủ ngay thùng cơm, nếu biện ra được thì chịu dâng lễ bái đốt lồng tham". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đức Sơn có người vào cửa liền đánh, Lâm Tế có người vào cửa liền hét. Nói Lâm Tế hét, đầu gậy của Đức Sơn điếc tai, lúc Đức Sơn đánh dưới tiếng hét cửa Lâm Tế mù mắt. Tuy là một bóp một lay, trong đó gần cả toàn sống toàn chết". Sư bèn hét một tiếng, gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: "Dám hỏi cùng các người: Là sống hay là chết?" Ngưng giây lác Sư bảo: "Quân tử đáng tám".

3. Thiền sư Tông Hồi ở Tây nham.

Thiền sư Tông Hồi ở Tây nham tại Nam Kiếm châu. Vốn người xứ Vụ châu. Qua thời gian lâu nương tựa mà không chỉ bày, chứng đáp nhẫn sâu xa. Nhân trong chùa có vị Tăng dùng trà cấm nghe câu có, kẻ lại bắt lên Tri sự. Sư nói cùng Đại chúng: "Việc này chẳng ngay đó thì

tội bị nơi tôi. Nếu tự ngay kia bị tội, chẳng nhẫn làm vậy" và Sư bảo đánh trống, lên toà Sư nói kệ tụng rằng: "Huyện lại đuổi kêu chẳng tạm dừng, sao như đi vài việc rẽ rành, từ trước có khúc nhạc vô sinh, tạm mừng ngày nay điệu đã thành". Nói xong Sư bèn thị tịch.

4. Thiền sư Thản Nhiên ở Cao ly.

Thiền sư Thản Nhiên là Quốc sư nước Cao Ly. Từ thủa thiếu thời kế thừa vương vị, do khâm trọng khát ngưỡng tông thừa, nhân khách buôn đường biển phương cảnh nhân đến Tứ Minh, ghi lục lời dạy của Vô Thị (Thiền sư Kham?) đem về, Sư đọc xem đó mà mở ngộ, liền bỏ ngôi vị cho Viên Lô, viết thư nói lời cốt yếu và kệ tụng "Tứ oai nghi" bảo Cảnh Nhân đưa sang trình cùng Vô Thị. Vô Thị đáp: "Phật tổ xuất hiện nơi đời, không một pháp trao cho người , thật khiến mọi người tự tin tự ngộ tự chứng tự đến, đầy đủ Đại tri kiến, như chỗ thấy mà nói, như điều nói mà thực hành, núi sông Đại địa. Cây cỏ tùng lâm cùng vì chứng minh cho từ lâu vậy". Về sau Sư lại gởi thư bảo lại và nói dối dòng pháp; đại khái là: "Biển sinh tử nhiều kiếp hết khắp cùng, được gặp bản phần Tông sư dùng Ấn tam yếu kiểm định pháp ấy, thật đáng gọi là rùa mù nổi thẳng lên ngay bộng cây nổi vậy".

5. Thiền sư Bản ở Long hoa.

Thiền sư Bản-vô trú ở Long hoa tại phủ Lâm an, vốn người ở Quảng phước. Có lúc lên giảng đường, nêu cử: "Đại sư Vân Môn nắm cái bánh hồ lên và bảo: "Ta chỉ cúng dường người Lưỡng chế, chẳng cúng dường người hướng Bắc". Trong chúng im lặng, Vân Môn tự thay thế, tiếp bảo: "Trời lạnh ngày ngắn, hai người cùng chung một chén". Xong, Sư bảo: "Trong lời nói của lão Thiều Dương có vọng hưởng, nơi đau nhức nhằm dùi. Kiểm điểm đem lại vụt thành thuốc độc. Các người cần hiểu chăng? Một nửa tại Hà nam, một nửa tại Hà bắc. Một mảnh rỗng ngưng tợ mực đen, đất lạnh nghĩ lường buồn chết người. Không thể chịu nỗi lão giặc Vân Môn! Giặc! Giặc". Xuống tòa lại chẳng tuần đường.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ LÂM Ở ĐẠO TRÀNG

1. Thiền sư Cát ở Đông sơn.

Thiền sư Cát ở Đông sơn tại Lâm giang quân. Nhân Lý Triều thỉnh mời cùng người cậu là Cư sĩ Hương Lâm Hướng công tử Nhân đến bái yết, bèn hỏi: "Lúc giặc nhà làm não hại người thì thế nào?" Sư bảo: "Ai là giặc nhà?" Lý Triều dựng đứng nắm tay. Sư bảo: "Thân giặc đã lộ bày". Lý Triều nói: "Chớ bôi hồ người tốt" Sư đáp: "Bằng chứng đúc

lót đang thấy rõ”. Lý Triều im lặng không nói gì. Sư bèn dùng kệ tụng chỉ dạy rằng: “Giặc nhà hại người ai làm sao, ngàn Thánh xoay có chì vì kia. Khắp cùng mọi nơi không dấu vết, không nương không ở tuyệt lưới lồng. Giặc, giặc. Tướng dữ binh hùng gom chẳng được, nghi giết lão Thiền trong thiên hạ, cười ngã chợ náo Di-lặc xưa. Dưng, dừng, chớ dùng đun tâm hướng ngoài tìm, xoay đầu nhìn đó thân giặc bày. Đút lót bắt được, đời không bạn. Đời không bạn đảng đáng kính ngưỡng. Từ đây chẳng lại khoe kỹ lưỡng. Cậy nhờ nhà an lúc lạc nghiệp, muôn tượng sum-la đồng vỗ tay”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TUỆ Ở ĐẠO TRÀNG

1. Thiền sư Đạo Xu ở Linh ẩn.

Thiền sư Đạo Xu - Lại Am ở Linh ẩn tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Từ ở Tứ an - Ngô hưng. Mới đầu, Sư ở Hà sơn, sau chuyển dời đến Hoa tạng. Khoảng đầu niên hiệu Long Hưng (1163), Sư có được sắc chiếu mời đến ở Linh ẩn. Hiếu Tông Hoàng đế (Thiệu Thuận 1163-1190 thời Nam Tống) mời Sư vào nội điện thưa hỏi cốt yếu của Thiền đạo. Sư đáp: “Đem việc này ở nơi bệ hạ rành rẽ thường ngày sử dụng ứng cơ. Vốn không rối bang thấy biết khởi diệt, không riêng các phàm Thánh mê ngộ. Thứ lớp hộ trì chánh niệm thì cùng đạo tương ưng, tình tức vật thì nghiệp chẳng thể buộc, dứt hết bệnh trầm trác, tự quên ý hỏi đáp. Huống gì nay bổ xứ hiện trong ánh sáng Bát-nhã của Phật, việc gì chẳng thành hiện ư?”. Vua nghe thế gật đầu vài ba phen. Có lúc Sư chỉ dạy Đại chúng rằng: “Tiên nhân Trương Quả Lão, cưỡi lừa xuyên qua chợ, chỉ nghe đạp đánh gai, ai biết là giấy làm”.

Về sau Sư lui ở Lan nhã Vĩnh an - Minh giáo, tiêu dao tự tại, có đề bài tụng nói vách tường rằng:

“Hoa mai trong tuyết tin tức xuân,
Ánh trăng giữa hồ đêm tinh thần
Năm lại có thể không chim thú,
Chớ nắm gia phong cử tợ người”.

Đến tháng 08 năm Bính Thân (1176) thuộc niên hiệu Thuần Hy (1174-1190) thời Nam Tống, Sư hiện tướng cảm chút bệnh, viết kệ lưu lại mà thị tịch. An táng dựng tháp tại Vĩnh An.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ MẪN Ở QUANG HIẾU

1. Thủ Toà Ngộ Sơ ở Quang hiếu.

Thủ Toà Ngộ Sơ ở Quang hiếu tại Quảng đức quân. Ngày phân

toà giảng pháp, Sư nêu cử câu thoại gió và phướng chỉ Đại chúng, đến : "Tâm nhân giả động". Sư mới bảo: "Tổ sư nghĩ gì, nói? Dối giết một số người , ngày nay nạp Tăng cũng không thể nghĩ gì hiểu. Đã chẳng nghĩ gì hiểu, lại làm sao sống?" ngưng giây lát Sư bảo: "Tháng sáu khéo hợp tương, rất kỵ thân nhiều muối".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DIỆU Ở TRUNG TRÚC

1. Thiền sư Thâm ở Quang hiếu.

Thiền sư Thâm - Kỷ Am ở Quang hiếu tại Ôn châu, vốn người ở Bản quận. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Rồng sinh rồng, phụng sinh phụng, chuột già nuôi con men theo xà nhà. Đại sư Đạt-ma chẳng hiểu Thiền, giẫm trải qua đất Nguỵ đến Nam Lương, còn đánh cửa". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Một lần chín, hai lần chín cùng gặp chẳng ra tay, ba lần chín là hai mươi bảy đầu tháng nhậu thổi kèn lá, chợt nhớ tiểu Thích-ca hai tay ôm cụm đầu gối. Biết là không biết, thật là không thật, Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Duy-ma im lặng, Phổ Hiền rộng nói, nhiều đời Thánh nhân cùng trình xấu vụng. Há ông không thấy tháng ba hoa rơi con nhìn khóc, một tiếng, tiếng là một chấm máu". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Giò vùn vụt, lá lay lay, mây từng mảnh, nước mênh mông giang can riêng đứng nhìn ai nói, ngoài trời chim hồng bay vài ba hàng".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 33
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 34

MỤC LỤC

1-Thiền sư Tông Đãi ở Cổ sơn (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Đức Tiềm ở Kính sơn
3. Thiền sư Sư Chiểu ở Bạch vân
4. Thiền sư Tri Thiều ở Cổ sơn (ba vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tịnh ở Tây thiền, có ba vị:
1. Thiền sư Tông Dĩnh ở Càn nguyên (Hiện có ghi lục)
2. Hòa thượng Vân ở Hoa nghiêm
3. Thiền sư Lập Tài ở Trung tế (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Khiêm ở Khai thiện, có một vị:
1. Đạo nhân Ngô Thập Tam (Hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Diễn ở Độn am, có bốn vị:
1. Thiền sư Pháp Minh ở Dục vương
2. Thiền sư Tuệ ở Hà sơn
3. Thiền sư Đại Dụng ở Nam thiền
4. Thiền sư Đắc Nhất ở Di trung (bốn vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Toàn. Vô dụng, có bảy vị:
1. Thiền sư Kham - Tiếu Ông (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Hy Di ở Linh ẩn
3. Thiền sư Duẫn Thiền ở Thừa thiên
4. Thiền sư Liễu Tông ở Tuyết phong
5. Thiền sư Xử Nam ở Tuyết đậu
6. Hòa thượng Tư Trác ở Bàn sơn
7. Cư sĩ Tiền Tượng Tổ Chỉ Am (sáu vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hoa - Ứng Am ở Thiên đồng, có tám vị:
1. Thiền sư Hàm Kiệt ở Thiên đồng
2. Thư ký Nam
3. Cư sĩ Thị lang Lý Hạo (ba vị hiện có ghi lục)
4. Thiền sư Thuyên ở Phụng sơn.
5. Thiền sư Thiện Đăng ở Tường phù.
6. Thiền sư Tâm Giám ở Hòa sơn.
7. Thiền sư Mãn ở Trí giả.
8. Giáo Thọ Khương ở Nghiêm triều (năm vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư ở Đạo tràng, có một vị:
1. Thiền sư Hữu Quyền ở Hoa tạng (Hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dụng ở Song lâm, có một vị:
1. Thiền sư Ấn ở Tam phong (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hạnh ở Đại quy, có hai vị:
1. Thiền sư Tử Quyên ở Đức sơn (Hiện có ghi lục).
2. Thiền sư Bản ở Đức sơn (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhất - Thuỷ Am ở Tịnh từ, có bốn vị:
1. Thiền sư Đạt Quán ở Tức am.
2. Thiền sư Tự ở Ngưỡng sơn.
3. Hòa thượng Thuận ở Thuỵ nham.
4. Hòa thượng Trạm ở Thừa thiên (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Ấn ở Kính sơn, có hai vị:
1. Thiền sư Đạo Kỳ ở Kim sơn.
2. Thiền sư Vĩnh Thông ở Kim sơn (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông Liên ở Ngọc tuyền, có một vị:
1. Thiền sư Hy .... ở Ngọc tuyền (Hiện không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bí ở Vạn niên, có bốn vị:
1. Thiền sư Hiền ở Long minh.
2. Thiền sư Giám ở Đại quy (hai vị hiện có ghi lục).
3. Thiền sư Tùng Cần ở Thiên đồng.
4. Thiền sư Thuần ở Đầu Tử (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chứng ở Đại hồng, có bốn vị:
1. Thiền sư Ân ở Ngọc tuyền.
2. Thiền sư Sư Quán ở Vạn thọ.
3. Thừa tướng Ích Quốc Chu Công.
4. Giám thừa Thành Thừa Chu Công (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phương ở Sở am, có hai vị:

1. Thiền sư Nhã ở Hòa am.
2. Thiền sư Tuấn ở Nột am (hai vị không ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tịnh ở Thiên đồng, có hai vị:
1. Thiền sư Tú ở Thạch lâm.
2. Thiền sư Oánh ở Cô thiềm (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Túc ở Phổ am, có hai vị.
1. Thiền sư ở Phật tuệ.
2. Thiền sư Lễ ở Thiết ngưu (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quang ở Đông cốc, có một vị:
1. Thiền sư Cử ở Trực ông (hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thể - Hoặc Am, có ba vị:
1. Thiền sư Trí Dĩnh ở Thiên đồng.
2. Thiền sư Liễu Tu ở Vạn thọ.
3. Thiền sư Vân ở Tuyết phong (ba vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quang ở Hối am, có bốn vị:
1. Thiền sư Nguyên Triệu ở Tuyết phong.
2. Thiền sư Nguyên Thông ở Kính sơn.
3. Thiền sư Trí Nhân ở Báo ân.
4. Cư sĩ Tiều ẩn Trần An Tiết (bốn vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Dã Am ở Thuỷ lục, có một vị:
1. Am Chủ Tứ Ân (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phác ở Đại viên, có một vị:
1. Am Chủ Nhiên (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhiên ở Khả am, có một vị:
1. Cư sĩ Như Như Nhan Công (Hiện không ghi lục).
- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Bản ở Tiến phước, có một vị:
1. Thủ tòa Pháp Đăng (Hiện không ghi lục).
- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quảng ở Linh thuỵ, có một vị:
1. Thiền sư Kiệt ở Phước nghiêm (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Hội ở Phùng am, có một vị:
1. Thiền sư Đại Liên ở Vạn tùng (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phác ở Từ hàng, có hai vị:
1. Thiền sư Tăng Ngạn ở Tuyết đậu.
2. Hòa thượng Chiếu ở Thái bình (hai vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI DÒNG PHÁP THIỀN SƯ NHAN Ở ĐÔNG LÂM

1. Thiền sư Tổ Châu ở Công an.

Thiền sư Tổ Châu - Độn Am ở Công an tại phủ Kinh nam, vốn người ở Nam bình. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật, chẳng phải vật, lọc hết nước dãi Dã hồ, nhảy vượt hang quỷ núi, đất phẳng bằng trong cỏ cạn, bày ra cháy đuôi trùng lớn, Thái hư trông rộng xa, phóng ra chim cốt nhanh nhẹn bay vút trời. A, ha, ha lộ bày phong cốt. Đẳng nhàn nắm ra trước mọi người. Rốt cùng rõ ràng là vật gì? Ôi lôi!" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Sương ngọc rủ cỏ xanh, gió vàng động cỏ trắng, một tiếng nhạn kêu lạnh, gọi người chưa tỉnh dậy".

2. Thiền sư Pháp Diễn ở Báo ân.

Thiền sư Pháp Diễn ở Báo ân tại Đinh châu, vốn người xứ Quả châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử nhân duyên câu-chi dựng đứng ngón tay, rồi Sư bảo: "Người đẹp ngủ dậy lười chải đầu, nắm được kim vàng cắm rồi thôi, đại để người ấy da cốt đẹp, chẳng xoa phấn hồng cũng phong lưu".

3. Thiền sư Ngạn Sung ở Tịnh từ.

Thiền sư Ngạn Sung - Khẳng Đường ở Tịnh từ tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Thạnh ở Ư tiềm. Thủa bé thơ, Sư nương tựa Sa-môn Nghĩa Kham ở viện Minh thông, tôn thờ làm thầy. Mới đầu Sư dự tham nói Thiền sư Hoằng Trí - Chánh Đường - Đại Viên ở Đại ngu. Về sau nghe Thiền sư Nhan ở Đông lâm chỉ dạy Đại chúng rằng: "Ta ở lúc này, riêng không gì Huyền Diệu, chỉ có cái thẻ gỗ nấu canh sắt bày xếp cơm, mặc tình các ông ăn dùng gặm giấm". Sư tự mừng trộm, bèn thẳng đến bái yết, tỏ bày chỗ thấy biết của mình. Thiền sư Nhan bảo: "Cứ theo chỗ thấy của ông, chánh là nhận biết trong gương". Sư nghi ngờ không thôi. Tất cả mọi sở đắc từ trước đồng một lúc, buông xả hết. Một ngày

nọ, nghe một vị Tăng nêu cử: “Nam Tuyền nói: “Lúc người thấy hoa một gốc cây đây như mộng tương tợ”. Sư chấm có chút tỉnh giác, nói: “Đánh cỏ chỉ cần rắn kinh sợ”. Ngày hôm sau vào thất, Thiền sư Nhan hỏi: “Trong nào là nơi Nham đầu kín mở ý ấy?” Sư đáp: “Ngày nay bắt lão giặc thua bại”. Thiền sư Nhan bảo: “Tánh mạng của Đại sư Đạt-ma tại trong tay ông”. Sư định mở miệng, bỗng nhiên bị đánh vào ngực, bèn đại ngộ, khi đó mồ hôi đổ ướt đẫm cả lưng. Cúi đầu tự bảo”. Lâm Tế nói: “Phật pháp Hoàng nghiệt không nhiều con”. Đâu phải lời nói hư dối ư?” Và bèn trình bày kệ tụng rằng:

“Vì người phải thấu triệt,
Giết người phải thấy máu,
Đức Sơn và Nham Đầu,
Muôn dặm một cành sắt”.

Thiền sư Nhan chấp thuận cho đó.

Ở, lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: “Đức Thế Tôn nói chẳng nói, Ca-diếp nghe chẳng nghe”. Gõ cây gậy xuống một cái, Sư tiếp bảo: “Nước chảy lá vàng đến từ đâu, trâu đeo quạ lạnh qua thôn xa”. Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử: “Tuyết Phong chỉ dạy Đại chúng rằng: “Khắp đại địa là cái giải thoát môn, nhân gì nắm tay kéo không vào”. Xong, Sư bảo: “Câu thoại đại tiểu Tuyết Phong làm hai cọc. Đã khắp đại địa là cái giải thoát môn, dụng kéo làm gì?”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Một hướng cho gì đi, trước pháp đường cỏ dày một trượng, một hướng cho gì lại, dưới chân bàn sâu ba thước. Hãy nói thế nào tức là phải? Cứ ba năm gặp một lần nhuận, gà đến canh năm thì gáy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Tiên sư Vạn Am (Thiền sư Nham) nói: “Ngồi sàng giường Phật, bẻ cẳng chân Phật, chẳng kính nhà Đông – Khổng Phu Tử, tức hướng quê người học lỗ nhạc”. Xong, Sư bảo: “Vào bùn vào nước tức không đâu chẳng Tiên Sư. Vì sao ve lạnh ôm cây khô, khóc hết chẳng xoay đầu?” Sư gõ cây gậy một cái, tiếp bảo: “Đốt cháy có chẳng xoay đầu đến tận cùng, Tịnh Từ sẽ hướng đến trong Thăng Tử, lễ bái ngươi ba lạy”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Chư Phật ba đời nói: “Có” trong “Không”. Lãng đãng nhặt hoa châm, sáu đời Tổ sư tìm “Không” trong “Có”, khỉ vượn mò trăng đáy nước. Vất bỏ hai đường ấy đi, làm sao nói năng hợp? Nhà nông chẳng quản việc hưng vong, trọn ngày cuộn mây chiếm Động đình”. Lúc Thiền sư Nguyên Am (Châm Từ) đến nhận lãnh Trí giả, thỉnh mời dẫn lên tòa, Sư bảo: “Nam sơn có cái Lão ma vương, hừng hực hai tròng ngươi phóng điện sáng, miệng tợ bồn máu mắng Phật tổ, nanh như cây

kiếm chưởi các phương, mấy độ gió nghiệp chẳng lay, thổi lay được, mây vàng bờ núi, cho Tung-đầu-đà, Phó Đại sĩ một ngọn lửa phá rơi lạc nhà, y như cũ Mạnh Bát Lang, lừa dối kẻ kia vô hạn Sư mê nam nữ, mở mắt rành rành vào vạc sôi, bỗng có một nạp Tăng ra lại nói: “Đã là Thiền sư tri thức vì gì lừa dối người vào vạc sôi?” Chỉ hướng về vị ấy bảo: “Đây chẳng phải cảnh giới của Ông”. Về sau Sư thị tịch, an táng dựng tháp tại Nam am của chùa.

4. Thiền sư Chân từ ở Trí giả.

Thiền sư Chân từ - Nguyên Am ở Trí Giả tại Vụ châu. Vốn người dòng họ Lý ở Đồng xuyên. Mới đầu, Sư đến nương tựa ở Chánh pháp tại Thành đô, xuất gia thọ giới Cụ túc. Sau vân dụ các pháp tịch, nghe giảng kinh Viên Giác, đến “Tứ đại mỗi tự chia lìa, hiện tại thân vọng sẽ tại nơi nào, rốt cùng không có thật thể, đồng giới huyễn hóa”. Nhân đó mà có chút tỉnh ngộ, Sư làm bài tụng rằng: “Một hạt Minh châu, ở tại trong ta, đánh nhằm động nhằm, phóng quang động địa”. Đem trình các giảng Sư mà không ai hiểu được, Sư trở về trình với thầy mình. Thầy của Sư bèn nêu cử câu thoại con chó có Phật tánh hay không để cật vấn lại. Sư đáp: “Tuy trăm ngàn vạn ức công án chẳng vượt ra ngoài bài tụng ấy”. Thầy của Sư cho là không khiêm tốn, mới quát mắng và đuổi ra. Nhân đó theo hướng Nam đi đến Lô sơn, Sư treo đãy tạm dừng ở Viên thông. Bấy giờ Thiền sư Nhan – Vạn Am đang ở Tây đường vì chúng vào thất, nêu cử:” có vị Tăng hỏi Vân Môn: “Lúc tung bụi thấy Phật thì thế nào?” Vôn Môn đáp: “Phật cũng là bụi”. Theo tiếng nói ấy Sư bèn hét một tiếng, đưa tay chỉ vào ngực mình, bảo: “Phật cũng là bụi, hỏi xong đáp xong, ngay đó vụt thân. Khuyên Ông lại hết một chén rượu, theo hướng Tây ra Dưống quan không người cũ”. Sư lại lam bài tụng “Trần trần tam muội” rằng: “Cơm trong bát nước trong thùng, riêng báu Côn lôn ngồi đáy đầm, trần trên một trần chạy Tu-di, mắt sáng Ba Tư cười khảy móng tay, cười khảy móng tay, trên cành san hô gió trong lành nổi”. Thiền sư Nhan rất chấp thuận đó.

5. Thiền sư Thiệu Uyên ở Chiêu Giác.

Thiền sư Thiệu Uyên ở Chiêu giác tại phủ Thành đô. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đúc bình mâm xoa xuyến làm một vàng. Khuấy tô lạc đề hồ thành một vị. Như vậy khách chủ đạo hợp, trong ngoài an hòa. Năm vị quân thần đều thấu, bốn giống liệu chọn một duyên, buông đi thì mưa nhỏ dây dây, gió thu vụt vụt, nắm dừng thì không không như vậy. Ai dám thẳng mắt trông nhìn. Hãy nói buông đi vì người tốt hay nắm dừng vì người tốt?” Sư lại bảo: “Đẳng nhàn một tợ gió thu đến,

không ý kiến mát người mà người tự mát”. Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử: “Có vị Tăng hỏi Vân môn: “Lúc cây điêu tàn, lá rơi rụng thì như thế nào?” Vân môn đáp: “Thể bày gió vàng”. Xong Sư bảo: “Muốn rõ cơ, hãm hổ phải là bản sắc nạp Tử mới được. Đại sư Vân Môn đủ vượt qua các Tam muội, đánh tiết gõ ải, ở trong ánh điện chớp sáng đưa ra một cánh tay. Cho người mở dáng bứt trói nhổ chốt rút đinh chẳng ngại khéo tay. Kỹ càng kiểm điểm đem lại, rất tợ như cho giặc qua cái thang. Với Chiêu Giác tức không như vậy. Chợt như có vị Tăng nào hỏi: “Lúc cây điêu tàn lá rơi rụng thì thế nào?” Chỉ đáp với vị ấy là: “Ráng rơi với chim thứu lẽ đều bay, nước thu cùng với trời cao một màu sắc”. Hãy nói cùng với Vân Môn là đồng hay là khác?” Sư lại hỏi: “Thôi, thôi khỏi phải nói, đạo ta diệu khó lường”. Sư lại nêu cử: “Mới đầu Triệu Châu đến thấy gặp Nam Tuyền, hỏi rằng: “Thế nào là Đạo?” Nam Tuyền đáp: “Tâm bình thường là Đạo?” Triệu Châu hỏi: “Lại có nương gá thú hướng hay không?” Nam Tuyền đáp: “Phỏng định hướng tức là trái”. Triệu Châu hỏi: “Chẳng Phỏng định làm sao biết là đạo?” Nam truyền đáp: “Đạo chẳng thuộc biết, chẳng thuộc không biết, biết là vọng giác, không biết là vô ký. Nếu thật đạt thì không nghi ngờ đến đạo. Rỗng rang như thái hư, chẳng bị “Có” và “Không” làm chướng ngại”. Xong, Sư niêm rằng: “Kỳ quái các Thiền đức, tuy là Sa-di mới vào đạo, một cái đánh tát bèn chuyển, há chẳng là người lanh lợi? Nam Tuyền như Thiện Tài bắn tên, mỗi mũi tên bắn trúng tim hồng, nếu chẳng phải Triệu Châu thì rất khó mà nhận lấy, bèn hướng đến nơi tâm bình thường là đạo, động nhầm then chốt cửa, tức vất bỏ vật trong lòng ngực, tan mất cơ trước mắt, trên mỗi đầu sáng tỏ, trên mỗi vật hiểu bày, bèn có thể tin chân đi tin miệng nói. Đẳng nhàn nắm ra nhằm, nhằm có đường xuất thân. Lấy gì làm chứng nghiệm? Há không thấy? Có vị Tăng hỏi: “Thế nào là đại ý của Tổ sư Đạt-ma từ Tây vức lại?” Đáp: “Cây bách trước sân”. Lại hỏi: “Muôn pháp kết quy về một, một quy về đâu?” đáp: “Ta ở châu làm chiếc cáo sam vải nặng bảy cân”. Lại hỏi: “Thế nào là Triệu Châu?” đáp: “Cửa đông cửa tây cửa nam cửa bắc. Cho người mở dán bứt trói rút đinh nhổ chốt, ngồi ngay đầu lưỡi mọi người trong thiên hạ, xuyên qua lỗ mũi mọi người trong thiên hạ. Há chẳng phải then chốt của tâm bình thường là đạo ư? Vả lại, chẳng phải bày soạn nói năng tranh đấu, chương cú chất chồng, đẩy người đến chết trong nước đó cũng là một dạng của Sa Vi vậy. Cần phải học làm sao sống nhận lấy”. Xong, Sư mới bảo: “Muốn đi ngàn dặm, phải lấy một bước làm đầu, ban ngày trời đẹp, khoái mặc tinh thể”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHU Ở TÂY THIỀN

1. Thiền sư An Vĩnh ở Cổ sơn.

Thiền sư An Vĩnh - Mộc Am ở Cổ sơn tại Phước châu, vốn người dòng họ Ngô ở Huyện mân. Đến tuổi mươi hai, Sư xuất gia làm Tăng, sau đó không lâu Sư đến bái yết Thiền sư Lại Am (Thiền sư Nhu) đang ở Vân môn. Một ngày nọ vào thất, Thiền sư Nhu bảo: “Chẳng hỏi có nói chẳng bảo không nói Đức Thế Tôn lâu dài. Không được hướng đến nơi Đức Thế Tôn lâu dài hiểu”. Theo sau đó, hét một tiếng. Chợt nhiên khế ngộ, bèn lễ bái, Sư thưa rằng: “Chẳng nhân ngài nay hỏi, sao tang mất có trước mắt”. Thiền sư Nhu hứa khả cho đó. ở lâu sau lên giảng đường, Sư bảo: “Cần rõ cái việc thì phải đầy đủ thủ đánh đá xoẹt lửa mới được. Mới có thể trên đỉnh núi cao vợi toàn thân buông xả, mây trắng nơi sâu được đại an cư. Như người trông nhìn đất tìm kim vàng, ngay dưới cửa nào phải rách loạn. Đến trong đó, ngay như thấy có mà biến, chẳng phạm mũi nhọn, toàn thân riêng thoát, còn giẫm trải đất bùn, chỉ như bản luận toàn đề xướng một câu lại làm sao sống? Nói”. Sư đánh cây phất trần một cái, tiếp bảo: “Rèn ra thất tinh sáng rực rỡ, mở niêm thiên hạ mặc tình đi ngang”. Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử: “Mục Châu chỉ dạy đại chúng rằng: “Các người chưa được cái nói vào phải được cái nói vào, đã được cái nói vào không được quên ngay lão Tăng”. Xong, Sư bảo: “Nghĩ gì nói câu thoại da mặt dày bao nhiêu? Với Mộc Am thì không như vậy: Các người chưa được cái nói vào, phải được cái nói vào, đã được cái nói vào, phải vụt nói vào xuống mới được”. Lại có lúc lên giảng đường, cầm cây gậy, Sư bảo: “Đứa ở của Lâm Tế chưa từng đương đầu nói nhằm, ngày nay toàn thân phóng buông quả quyết, cũng cần các người biết có”. Xong, Sư ném cây gậy và xuống khỏi tòa. Có vị Tăng hỏi: “Lúc trên đảnh núi Tu-di vụt thân đổ ngã thì thế nào?” Sư đáp: “Chưa từng thấy đầu sợi lông sao hiện”. Lại hỏi: “Nghĩ gì thì nghiêng trũng đổ núi đi?” Sư bảo: “Chớ làm loạn. Vị Tăng ấy bèn hét. Sư bảo: “Tiếng sấm mênh mông mưa lớn giọt toàn không”.

2. Thiền sư Nam Nhã ở Long tường.

Thiền sư Nam Nhã - Bách Đường ở Long tường tại Ôn châu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Trên đảnh Thuỵ phong bên đình Thê phụng, một chén cháo loãn cũng nương tựa, áo bá nạp che đầu đả toạ. Nhị tổ đảnh lễ ba lại y theo vị trí cũ mà đứng, đã là khắp cùng ngăn cách. Lão Đạt-ma Thị Hồ phân hết tủy da, một trường lộn lạo, ngoài ra các bạn khác sao đủ nói ư? Bách Đường nghĩ gì nói? Lại khỏi các sức lực kiểm trách không?” Sư vỗ vào thiền sàn một cái, tiếp bảo: “Kịp hợp

dừng trí tù trưởng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Đại cơ quý cắt thẳng, đại dụng quý chóng phát. Giả sử có máy tiện cắn, một dùi phải đánh giết. Cớ sao trong kho của nhà vua ta không có con dao như vậy?" Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Tử Quyết bày nắm tay, măng tre phá ngọn, hoa dương bay hết, râm biết giao nhau, rành rẽ câu Tứ tổ riêng truyền, lúa vàng lưu lại, chim yến nói hót trên tổ. Trong đó thấy được chắc thật, tin được kịp, nếu ước về các phương, quyết định an bài dưới cửa sổ sáng, môn hạ Long tường ngay phải một dùi đánh giết, cớ sao chẳng là cho người khó cùng ở? Đại để đen trắng phải rẽ rành".

3. Thiền sư Chí ở Thiên vương.

Thiền sư Chí ở Thiên vương tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường, Sư dựng đứng cây phất trần và bảo: "Chỉ cái ấy trời chẳng thể che, đất chẳng thể chở, khắp các cõi, khắp hư không thành đoàn thành khối. Đến trong đó, chư Phật ba đời hướng đến nơi nào mà phỏng, sáu đời Tổ sư hướng đến nơi nào mà vọng danh? Trừ khi những bậc tự đắc tự chứng, bèn mới có thể đánh xướng song hành. Tuy là như vậy, cũng chưa là nơi Nạp tăng đi lại. Làm sao sống mà nói nạp Tăng đi lại? Trong biển phải quấy giăng ngang thân vào, giữa rừng hổ soái bước dọc đi".

4. Am Chủ An Phần ở Kiếm môn.

Am chủ An Phần ở Kiếm môn, tại Nam kiếm châu. Thủa thiếu thời, Sư cùng Thiền sư Mộc Am - An Vĩnh đồng tập học tại An quốc, về sau, đến nương tựa Thiền sư Nhu - Lại Am mà chưa được sở chứng sâu xa, bèn giã từ đến bái yết Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo ở Kính sơn. Vừa đến Giang can, ngửa mắt trông nhìn cung quyết, nghe quan ty canh đường xướng "Thị lang đến", bỗng nhiên đại ngộ, Sư bèn làm kệ tụng rằng: "Mấy năm cái việc đeo trong lòng, hỏi hết các phương mắt chẳng mở, gan mật lúc này đều rách nát, một tiếng trên sông Thị lang đến" và Sư thẳng trở về Tây thiền. Thiền sư Nhu đón tiếp và trao cho sư pháp y tăng già lê. Từ đó Sư chẳng lo liệu chỗ ở, về sau đến lập am ở Kiếm môn, cảm hóa khắp xứ lãnh biểu, các hàng học giả đến nương theo. Sư làm kệ tụng tay chạy ma thành, có hơn ngàn bài hưng thạnh lưu truyền nói đời. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: "Một mảnh đất ruộng ấy, các người hãy nói, khi đất trời chưa phân trở về trước ở nơi nào? Ngay đó thấu triệt đi, đã là độn đặt. Phần ấy trên chẳng thiếu rồi vậy. Nếu lại phỏng bàn nghĩ lường, sao chẳng những mây trắng ngàn dặm". Chợt nhiên, Sư nắm cây gậy đánh tan đại chúng. Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: "Trên đến chư Phật, dưới khắp cùng chúng sinh, tánh mạng tất cả tại trong tay sơn Tăng. Kiểm điểm tương lai có vô lượng tội quá. Lại

có người kiểm điểm ra được chăng?” Sư gõ cây gậy xuống một cái, tiếp bảo: “Oán có đầu, trái có chỉ”. Rồi Sư bèn trông nhìn hai bên tả hữu và tiếp bảo: “Từ lúc ra động lại nay không tay đánh, được nhiều người xử tạm nhiều người”. Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: “Từ ngày mười lăm trở về trước, trên trời có sao đều xoay chầu hướng bắc, từ ngày mười lăm trở về sau, trong nhân gian không dòng nước nào chẳng trào về hướng đông. Trở về trước, trở về sau đều nắm ngay, đến xứ quê hương, đàm nói một chẳng đồng”. Sư mới cong ngón tay bảo: “Một, hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười, mười một, mười hai, mười ba, mười bốn. Các anh em, ngày nay là bao nhiêu?” Ngưng giây lát Sư bảo: “Vốn quán buôn bán, phân văn chẳng thừa”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ DI QUANG Ở GIÁO TRUNG

1. Thiền sư Đàm Mật ở Tịnh từ.

Thiền sư Đàm Mật - Hỗn Nguyên ở Tịnh từ tại phủ Lâm an, vốn người dòng họ Lư ở Thiên thai. Mới đầu Sư đến nương tựa Thiền sư Đạo Vinh ở Tứ phước, cầu xin xuất gia. Năm mười sáu tuổi, Sư thọ giới Cụ túc, tập học Thai giarõ ràng. Sau, giã từ đến dự tham nói Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo ở Kính sơn, đến bái yết Thiền sư Nhất Nguyên - Thử Am ở Tuyết sào vào đất Mân, lưu ở tại hai chùa Đông thiền mà không được tỉnh phát. Sư lại đến Giáo trung tại Tuyền nam, Thiền sư Di Quang bảo Sư làm duyệt chúng, Sư mở chức trở về làm học trò như trước, chợt nêu cử nhân duyên hương nghiêm chọi đá vào góc tre, bỗng nhiên khế ngộ, Sư mới thuật kệ tụng trình Thiền sư Duy Quang. Thiền sư Duy Quang lại cử ngữ thoại huyền sa chưa triệt ngộ để vặn hỏi Sư, nhưng Sư đối đáp không ngưng trệ. Thiền sư Duy Quang bảo: “Ông mới có thể thấy được Diệu Hỷ - Đại Tuệ - Tông Cảo vậy”. Sư bèn giã từ, đến ở Mai dương, chăm chỉ nương hầu suốt bốn năm. Ở lâu sau lại lên giảng đường, Sư bảo: “Chư Phật xuất hiện nói đời, đánh cướp giết người. Tổ sư từ Tây vức lại thổi gió phóng lửa, các Thiện tri thức xưa nay đều là miệng Phật tâm rắn, các nạp Tăng trong thiên hạ tự ném vào chuồng lồng. Chẳng có người khí khái thiên nhiên trượng phu đặc đạt vì tông môn đưa ra một tay chủ trương Phật pháp ư?” Ngưng giây lát, Sư bảo: “Lúc Tiểu Tham, Đức Sơn chẳng đáp câu thoại. Ngàn xưa Tùng Lâm thành Thoại Bá, người hỏi câu thoại, cho ba mươi gậy, quen hay nói mắng nói chửi. Khi ấy có vị Tăng bước ra đích thực có khả năng phá đúng, Đức Sơn bèn đánh. Phong lưu nho nhã, câu thoại tôi cũng chưa hỏi, trên đầu mang gông, dưới chân mang vòng, các người là người

trong nào, một hồi cùng gặp một thương thần người Tân La vỗ tay cười vui vẻ, chưa vượt qua thuyền, khéo cho ba mươi gậy. Y như trước cùng đùa lừa dối Hổn Nguyên, ngày nay nghĩ gì bài phán, trách tình khéo cho ba mươi gậy. Hãy nói là thưởng hay là phạt. Người đủ mắt tham học thử biện nói xem?" lại có lúc lên giảng đường nêu cử: "Vân Môn hỏi vị Tăng về nhân duyên Quang minh tịch chiếu biến hà sa". Xong, Sư bảo: "Đất bằng mò cua cá, trời cao bắn chim bay, lão Vân Môn què chân, ngàn sai với muôn sai".

2. Thiền sư Tuệ không ở Pháp Thạch.

Thiền sư Tuệ Không - Trung Am ở pháp Thạch tại Tuyền châu. Vốn người dòng họ Thái ở Cảm châu. Nhân ngày xuân, lên giảng đường, Sư nắm cây gậy gõ xuống một cái và bảo: "Trước đánh đầu trâu xuân". Lại gõ xuống một cái tiếp bảo: "Sau đánh đuôi trâu xuân". Kinh sợ dậy hư không vào trong ngó sen. Thích-ca không đường ẩn vết. Di-lặc gấp chạy ngàn dặm. Văn Thù tức nói rơi lạc, vỗ tay cười lớn hỷ hoan. Hãy nói hỷ hoan cái gì? Gió xuân đêm qua vào cửa lại, bèn thấy ngàn hoa sinh mỏm cối". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lầu các ngàn nhà chợt một thoáng gió thu, chỉ như cổ áo mát xanh. Bất giác vườn rừng lá rơi. Ngay đó tiến cử được xúc xứ toàn chân. Hoặc như chưa được vậy, tạm làm ấm lạnh cùng gặp". Lại có lúc lên giảng đường nêu cử: "Trong kinh kim cang nói: "Phật bảo Tu-bồ-đề! Trong các cõi nước nói có chúng sinh có bao nhiêu khí tâm, Đức Như Lai thảy đều biết cả, tại sao? Đức Như Lai nói các thứ tâm đều là phi tâm, nên gọi là tâm". Xong, Sư bảo: "Các người cần hiểu ư? Gió xuân đắc ý ngựa chạy nhanh, một ngày đem hết hoa Trường an". Có vị Tăng hỏi: "Đức Phật xưa trước chỉ dạy khuôn phép cấm túc an cư, chưa xét rõ là thuộc tông chỉ gì?" Sư đáp: "Trong Bát lưu ly nâng Tu-di". Vị Tăng ấy bèn hét. Sư liền đánh.

ĐỆ TỬ NỐI DÒNG THIỀN SƯ NHẠC Ở ĐÔNG THIỀN

1. Thiền sư Tông Đãi ở Cổ sơn.

Thiền sư Tông Đãi ở Cổ sơn tại Phước châu. Có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Đức Thế Tôn dạy: "Nên biết như vậy, thấy như vậy, tin hiểu như vậy, pháp tướng chẳng sinh". Sư bèn hét một tiếng, tiếp bảo: "Ngọc vốn không vết tức có tức".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỊNH Ở TÂY THIỀN

1. Thiền sư Tông Dĩnh ở Càn nguyên.

Thiền sư Tông Dĩnh ở Càn Nguyên tại Phước châu. Có lúc lên

giảng đường, Sư gõ cây gậy một cái và bảo: "Gã tánh nóng nãy chỉ tại một dùi". Sư lại tựa cây gậy tiếp bảo: "Người lanh lợi chẳng nhọc nêu cử lại. Mà nay chẳng có lanh lợi chăng?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Sánh phỏng Trương Lân Thố cũng chẳng gặp".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KHIÊM Ở KHAI THIỆN

1. Đạo Nhân Ngô Thập Tam.

Đạo nhân Ngô Thập Tam ở núi Tiên châu tại phủ Kiến ninh. Từng đem việc của chính mình đến thưa hỏi các Thiền giả, và cả Thiền sư Khiêm ở Khai thiện. Và bèn về dựng lập am tranh ở tả đó, thương luôn theo cấp nương hầu. Vào đêm mồng 08 tháng 03 năm canh thân (1140) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131 – 1163) thời Nam Tống, chợt nhiên khế ngộ. Bèn niêm kệ tụng trình bày Thiền sư Khiêm rằng: "Xưa nay không nức vá, chạm nhằm bèn tỏa sáng, đã là ngàn vàng báu, sao lại bắn chim con". Thiền sư Khiêm đáp: "Nếm đất lúc bẻ thật khoái vui, sống chết Thánh phàm đều phẳng chìm, dưới núi tiên châu cười ha hả, chẳng phụ cùng mong tâm xưa trước".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TOÀN - VÔ DỤNG

1. Thiền sư Tiểu Ông ở Dục Vương.

Thiền sư Tiểu Ông, tự là Diệu Trạm ở Dục vương, vốn người dòng họ Mao ở Tứ minh. Sư có dáng vóc trán rộng đảnh bằng, cốt khí hào. Năm mười tuổi, Sư theo Thiền sư Đạo Khâm - Dã Am thọ học Phật pháp đến dự tham nơi Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên ở Linh ẩn mà không khế ngộ, bèn đến Thiên đồng dư tham ở Thiền sư Toàn - Vô Dụng. Thiền sư Toàn hỏi: "Ông là Tăng hành cước hay là Tăng du sơn?" Sư đáp: "Tăng hành cước". Lại hỏi: "Thế nào là việc hành cước? "Sư bèn đưa tọa cụ lên rủ một cái. Thiền sư Toàn bảo: "Ông Tăng này dám đến trong đây vu râu hổ. Tham đường đi". Ở trong thất Thiền sư Toàn thường đem câu thoại con chó không có Phật tánh chỉ dạy cho đại chúng. Một ngày nọ Sư định mở miệng nói. Thiền sư Toàn đưa cái lược tre thẳng ngay miệng Sư đánh một cái. Sư ứng tiếng trình kệ tụng rằng: "Trà lớn trống độc, trời gầm đất rống, chuyển não xong đầu, giăng trãi thây chết muôn dặm". Thiền sư Toàn gật đầu ấn khả đó. Qua thời gian lâu ở Hầu hương, rồi Sư giã từ theo hướng tây, giẫm trãi đến các Lão môn, lúc ra hoằng hóa, Sư đến ở Diệu thắng, nối dõi dòng pháp Thiền sư Toàn - Vô Dụng. Sư chuyển đến Kim văn rồi dời sang Quang hiếu.

Năm Ất hợi (1155-?) gặp đại hạn, cầu mưa, Châu Trị quận tướng

vì đạo mà đến ở bên tả, Sư vì giải thích bên tả, nói bày bên hữu, từ xưa đã có thành pháp. Sức tranh không nỗi bèn rút lui ở Tuyết đậu, tâu rõ lên triều đinh, bèn có được sắc chỉ có lại như cũ mà thôi. Sư Vệ Vương đề cử Sư đến nhận lãnh báo ân tại Thiên thai. Thiên thai xưa trước không có luật tông, Sư bàn nghĩ hợp mười chùa thành một chùa lớn, thiết lập đàn tràng xiển dương luật tạng. Triều đình lại ban lệnh Sư chuyển dời đến Hổ khâu nhận lãnh Tuyết phong ba năm, rồi lên ở Linh ẩn. Vệ Vương tạo dựng đại từ hoàn tất, thỉnh mời Sư làm người khai sơn. Sư xét pháp lập vượt đi chuyển ước nổi trôi, tuy là bậc đại trí lại làm không dễ đó. Đến lúc Vệ Vương qua đời, Sư rút lui ở Thượng bách. Đài châu xứ quân Trần Công sai sứ lấy Thuỵ nham để thỉnh mời Sư đến giảng đạo. Sư gắng nhận lãnh việc chùa qua hơn một tháng bèn đi. Tự nhiên Giang Tâm gởi điệp văn tới, Giám thừa sứ công cưỡng ép, Sư mới dậy gắng gói đến tuyệt giang. Năm sau triều đình có thần tấu khiến Tăng đạo mua áo sắc tín hiệu Sư, khiến đem áo hiệu trú trì. Sư lấy làm xét như vậy, nên tấu sớ lên cùng điện thượng thư miếu đường. Kia bàn nghị bèn thôi nghỉ. Sư lại có chiếu chuyển dời đến ở Dục vương, trở lại tạo dựng ở Đông nhiều, thế rồi từ Thiên đồng có thư của Trừ gởi tới nhưng Sư không ứng đối. Qua mùa xuân năm Mậu thân (1188), Sư cảm bệnh. Thông thú Vĩnh Gia, Tào Công.v.v... vào núi thăm bệnh, Sư thong dong đàm nói mọi việc trong đời rất khế hợp. Khoảnh khắc bảo lấy giấy bút viết Di biểu làm chùa, Thừa Trương Công Thủ nhờ Sơn cốc Hối Đường cùng hàng mời làm chủ hậu sự. Sư viết bốn câu kệ giã biệt đại chúng rằng:

"Gương nghiệp cao vời,
Bảy mươi hai tuổi,
Một dùi đánh nát,
Đại đạo thản nhiên".

Xong, đặt bút xuống, Sư giả biệt Tào Công v.v... rồi nằm nghiêng phía hữu mà thị tịch.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ HÓA Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Hàn Kiệt ở Thiên đồng.

Thiền sư Hàn Kiệt - Mật Am ở Thiên đồng tại phủ Khánh nguyên vốn người dòng họ Trịnh ở Phước châu. Thân mẫu Sư mộng thấy vị Lão Tăng ở Lô sơn vào nhà, bèn sinh Sư. Từ thủa nhỏ, Sư thông minh dĩnh ngộ, xuất gia làm Tăng, chẳng ngại sợ du hành, dự tham khắp các Thiện tri thức. Về sau, Sư đến bái yết Thiền sư Hoa - Ứng Am đang ở tại Minh quả thuộc Cù châu, nhưng vì cứng ngạnh khó vào thường gặp

phải mắng trách. Một ngày nọ, Thiền sư Hoa hỏi: “Thế nào là chánh pháp nhãn”. Sư vội đáp: “Phá bồn cát”. Thiền sư Hoa gật đầu ấn khả đó. Sau đó không lâu, Sư giã từ về thăm thân thuộc. Thiền sư Hoa dùng bài tụng tiễn đưa Sư rằng:

“Thấu triệt câu gieo có.
Đang dương rỗng Đảnh môn,
Cùng theo nay bốn năm,
Nêu hỏi suốt không vết,
Tuy chưa trao đảy bát,
Khí vũ nuốt càn khôn,
Tức nắm chánh pháp nhãn,
Gọi làm phá bồn cát,
Đây sắp về thăm quê,
Rất kỵ tiện gót đi,
Tôi có câu cuối cùng,
Đợi về muốn ông theo”.

Sau ra hoằng hóa, Sư đến ở Ô cự tại Cù châu, tiếp chuyển dời đến ở các nơi Tường phù, Tương sơn, Hoa tạng. Sau đó không lâu lại có sắc chiếu thỉnh mời Sư đến ở Kính sơn, Linh ẩn, sau cùng Sư đến ở Thái bạch. Có vị Tăng hỏi: “Lúc hư không tiêu hết thì thế nào?” Sư đáp: “Tôi chẳng trùng khoa”. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngưu đầu nói ngang nói dọc, chẳng biết có chốt cửa hướng thượng, có một số thêm thùng, đông tây chẳng rành nam bắc chẳng phân” Xong, Sư bèn hỏi: “Thế nào là chốt cửa hướng thượng? Nào khác mở mắt tiểu trên sàng. Hoa tạng đây có một chuyển ngữ, chẳng tại hướng thượng hướng hạ. Đại bi ngàn tay mò đói chẳng nhằm, mưa lạnh không nơi hang sưởi ấm. Ngày nay thỉnh mời khắp tất cả, bố thí cùng đại chúng”. Ngưng giây lát, Sư bảo: “Đại sư Đạt-ma không đáng môi răng”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Đức Thế Tôn nói chẳng nói, kéo cong làm thẳng. Ca-diếp nghe chẳng nghe. Ngước nhìn giữa không trung khải cáo, Mã Tổ tức tâm tức Phật, treo đầu dê bán thịt chó, Triệu Châu khám am chủ, quý mua tiện bán phân văn chẳng thẳng, chỉ như Văn Thù là thầy của bảy Đức Phật, nhân gì xuất định con gái không được? Sông trời trăng sáng cá phân con, lá hộc gió nhẹ nai ăn nấm”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư gõ cây gậy một cái, bảo: “Lúc mê chỉ mê cái ấy”. Lại gõ cây gậy một cái tiếp bảo: “Lúc ngộ chỉ ngộ cái ấy, mê ngộ cả hai đều quên mất, quét phấn đầu đống, nặng thêm sứt mẻ. Chớ có hướng về phía đông tuôn vọt phía tây ẩn chìm nơi toàn cơ riêng thoát

nói được một câu chăng? Nếu nói không được thì Hoa Tạng tự nói đi". Sư ném cây gậy rồi tiếp bảo: "Ba mươi năm sau". Lại Có lúc lên giảng đường, nêu cử Hòa thượng Kim Phong chỉ dạy đại chúng: "Hai mươi năm trước lão Tăng có tâm từ bi, hai mươi năm sau, lão Tăng không có tâm từ bi?" Khi ấy có vị Tăng hỏi: "Thế nào là hai mươi năm trước Hòa thượng có tâm từ bi?" Hòa thượng đáp: "Hỏi phàm đáp phàm hỏi Thánh đáp Thánh". Lại hỏi: "Thế nào là hai mươi năm sau Hòa thượng không có tâm từ bi?" Hòa thượng đáp: "Hỏi phàm không đáp phàm, hỏi Thánh không đáp Thánh". Xong, Sư bảo: "Nếu lúc ấy Ô cự đây thấy được thì chỉ cười lạnh hai tiếng, Lão ấy bỗng nếu liếc đất tự nhiên rơi lạc vào hang huyệt Thánh phàm". Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Bà Tử thiêu đốt am, xong, Sư bảo: "Cái công án ấy trong tùng lâm ít có người nêu niêm, thượng tọa kiệt phá rách da mặt, chẳng khỏi nhận lên một bại hoại, cũng cần các phương kiểm điểm". Sư mới gọi đại chúng và bảo: "Động phòng Bà Tử ấy sâu ẩn, nước rỉ chẳng lọt, riêng hướng lên cây khô hái hoa, trong hang lạnh phát cháy, riêng thân vị Tăng ấy nhanh chóng mất vào sóng cả, Đẳng nhàn ngồi dứt vọt thiên trào, đến tận cùng, thân không nước giỏ giọt, kỹ càng kiểm điểm đem lại thì phá gông đánh phá chẳng không. Hai người nếu chưa từng mộng thấy Phật pháp. Ô cự cho gì để xướng gìn giữ, rốt cùng kết quy về nơi nào?" Ngưng giây lát Sư bảo: "Một nắm tơ hiểu gom không được, cuộn khói lấp ở lan can ngọc". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Động dây đàn khác khúc nhạc, lá rơi biết trời thu, cử một rõ ba, máy mắt cân lạng, như vua cầm kiếm, sống chết đến thời, còn là không gió, sóng vòng vòng, một đường hướng thượng, ngàn Thánh nắm tay cùng đi, hợp vào địa ngục Nê-lê. Chánh ngay cho lúc nào hợp làm gì sống? Giang nam lưỡng chiếc, xuân lạnh thu nóng". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Khắp càn khôn đại địa gọi làm một câu mang gông đeo khóa, chẳng gọi làm một câu nghiệp thức mênh mang, hai lần đều thấu thoát, sạch làu làu, hết bó buộc, không thể nắm bắt. Một tông Đạt-ma quét đất mà hết. Do đó Đại Sư Vân Môn nói, khắp càn khôn đại địa, không một mảy may quá loạn, còn là chuyển cú. Chẳng thấy một pháp, mới là nửa đề, lại phải biết có thời tiết toàn đề, Vân môn lớn nhỏ kiếm đi lâu vậy mới khắc mạn thuyền" về sau Sư thị tịch, an táng dựng tháp tại Trung phong của chùa.

2. Thư ký Na.

Thư ký Nam vốn người ở Phước châu, qua thời gian lâu nương tựa ở Thiền sư Hoa - Ứng Am. Ngay nói câu thoại con chó không có Phật

tánh, bỗng nhiên khế ngộ, Sư có làm bài kệ tụng rằng.

"Con chó không Phật tánh,
Sao La-hầu vào mạng,
Chẳng phải đánh chết người,
Bị người định đánh chết".

Thiền sư Hoa nghe thế rất vui mừng bởi Sư chóng thoát lược. Về sau khoảng cuối niên hiệu Thiệu Hưng (1163) thời Nam Tống, Sư thị tịch tại Quy tông.

3. Cư sĩ Thị Lang Lý Hạ.

Cư sĩ Thị lang Lý Hạo, tự là Đức Viễn, hiệu Chánh Tín. Thủa bé nhỏ, Cư sĩ nghe kinh Lăng Nghiêm, như đi trong nước nhà quê cũ, quyết chí chẳng quên trì mang theo trong túi. Về sau đến Minh quả, Chí thành vào thất, Thiền sư Hoa - Ứng Am, đấm vào ngực Cư sĩ bảo: "Thị lang sau khi chết sẽ hướng đến nơi nào đi?" Cư sĩ kinh ngạc toát mồ hôi. Thiền sư Hoa quát hét xua đuổi ra, Cư sĩ rút lui, quyết tham chưa đầy mười ngày, cuối cùng leo lên nhà sâu xa, dùng kệ tụng gởi bạn đồng tham là Nghiêm Khương Triều rằng:

"Cửa có Tôn Tẩn bày,
Nhà còn chịu dâng vợ,
Đêm ngũ lại dậy sớm.
Ai ngộ lại ai mê".

Thiền sư Hoa nghe thế, khen khéo có người bán phấn sáp. Cư sĩ cũng lâu dự tham nơi Thiền sư Hoa, lại hơi tự phụ Cư sĩ có bài kệ tụng rằng:

"Chẳng xoa phấn hồng tự phong lưu,
Thiền đồ thường luôn đến đây thôi,
Thấu đạo xưa nay sau vòng áo,
Tức lại trong ấy ăn nắm tay".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TOÀN Ở ĐẠO TRÀNG

1. Thiền sư Hữu Quyền ở Hoa tạng.

Thiền sư Hữu Quyền - Y Am ở Hoa tạng tại Thường châu. Vốn người dòng họ kỳ ở Xương hóa - Lâm an. Năm mười bốn tuổi, Sư được độ xuất gia. Năm mười tám tuổi, Sư đến lễ bái Thiền sư Dụ - Phật Trí đang ở tại Linh ẩn. Bấy giờ Thiền sư Toàn - Vô Am đang ở Đệ nhất tòa. Lúc trong thất, Thiền sư Toàn dùng câu từ gốc vô trú, kiến lập hết thảy các pháp mà hỏi, lâu sau, Sư có được tĩnh ngộ, bèn đáp rằng: "Trong tối xâu kim châm, trong lỗ mũi thổi ra hơi". Thiền sư Toàn ấn khả cho

đó và bèn kín trao truyền tâm ấn. Thường đêm, Sư ngồi đến sáng, đi ăn cháo Sư quên cả triển bát, vị Tăng bên cạnh đưa tay xúc chạm, Sư chợt cảm ngộ bèn làm kệ tụng rằng:

“Sơn đen Côn lôn nắm cần câu.
Buồn xưa treo cao dưới nước cuốn,
Hoa lau trong ảnh đùa trăng sáng,
Dẫn được rùa mù lên cần câu”.

Thiền sư Dụ - Phật Trí từng hỏi: “Lúc tâm bao gồm thái hư, lượng phủ trùm sa giới thì như thế nào?” Sư đáp: “Biển lớn chẳng dung thứ tử thi”. Thiền sư Dụ vỗ tay xuống tòa, bảo: “Ông này ngày sau sẽ ngồi nơi tòa này mà trách Phật mắng Tổ”. Từ đó Sư lánh ẩn mặt mày, càng tự vùi mình, rảo bước khắp hồ Tương giang chế có hơn mười năm. Đến nương tựa Thiền sư Hoa – Ứng Am đang ở tại Quy tông, đến dự tham nơi Thiền sư Đại Tuệ – Tông Cảo ở Kính sơn. Đến lúc Thiền sư Toàn – Vô Am đến ở Đạo tràng, gọi Sư đến phân tòa giảng pháp. Khi ấy tiếng tâm Sư vẫn yên ổn. Ở lâu sau, lên giảng đường, Sư bảo: “Ngày nay buộc ngay miệng đáy vải. Nạp Tử sáng mắt chớ chạy loạn, nơi tâm hành diệt mở vụt thân, phun hơi cũng thành sư tử rống, giữa rừng chiên đàn mặc tình rảo chạy, xé dậy lông mày mọc trên đảnh, mổ thịt thành vết bày nhà xấu”. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Thiền thiền không đõng không thiên, lúc mê cánh ngàn dặm, khi ngộ bên da miệng. Do đó có vị tăng hỏi Thạch Sương: “Thế nào là Thiền?” Thạch Sương đáp: “Viên gạch to”. Lại có vị Tăng hỏi Mục Châu: “Thế nào là thiền?” Mục Châu đáp: “Lữa dữ dính đốt dầu”. Lại có vị Tăng hỏi Thủ Sơn: “Thế nào là Thiền?” Thủ sơn đáp: “ Con khỉ trên cây, đuôi liền đảnh đầu”. Đại chúng! Đạo không thẳng ngang, đứng nơi cao nguy, tiếng bước ba đại lão ấy đi, đường sống không cướp ngoài linh cơ. Nếu cùng mắt chánh của nạp Tăng kiểm điểm đem lại không gì chẳng hơn kém. Một người như Trương Lương vào trận, một người như Hạng Võ dụng binh, một người như Khổng Minh lường địch. Nêu người biện bạch tức có thể cùng Phật tổ ngang vai. Tuy là như vậy, nhưng bỗng có nạp Tăng ra nói trưởng lão nói làm hai cọc, cũng vừa rồi nói đạo không thẳng ngay, không đãng không thiên, mà nay lại phân lắm nhiều hơn kém. Vã lại làm gì sống chỉ đối đáp, lại có uỷ thác chăng? Nắm tay lên núi đều gắng sức, cổ họng ra hơi tự nhà biết”.

Đến năm Canh tý (1180) thuộc niên hiệu Thuần Hy (1174-1190) thời Nam Tống, Sư hiện tướng cảm chút bệnh, viết kệ tụng lưu lại rồi ngồi kiết-già mà thị tịch. Sau khi trà tỳ, răng và chiếc lưỡi không rã

hoại, có xá lợi năm sắc nhiều vô số, tôn trí tại pháp của Hoành sơn, phân cốt thỉnh đưa về an táng tại phía tả chùa Vạn niên.

ĐỆ TỬ NÓI DÕI THIỀN SƯ DỤNG Ở SONG LÂM

1. Thiền sư Ấn ở Tam Phong.

Thiền sư Ấn ở Tam phong tại Vụ châu. có lúc lên giảng đường, nêu cử: "Câu thoại Dã Hồ, rồi Sư bảo: "Chẳng rơi lạc, chẳng mê mờ là tội lừa dối người. Chẳng mê mờ chẳng rơi lạc là không dây dự trói buộc. Đáng thương tơ liễu theo gió xuân, có lúc đến tây lại đến đông".

ĐỆ TỬ NÓI DÕI THIỀN SƯ HẠNH Ở ĐẠI QUY

1. Thiền sư Tử Quyên ở Đức sơn.

Thiền sư Tử Quyên ở Đức sơn tại phủ Thường đức, vốn người ở Đồng xuyên. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lúc tánh thấy thấy, thấy chẳng phải thấy, thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thể kịp". Xong, Sư hét một tiếng, tiếp bảo: "Cá kình mất hết nước biển, lộ bày cánh san hô. Trong chúng như có nạp Tăng ra nói: "Trưởng Lão thôi nói mở" liền cho vị ấy đủ một mắt". Lại có lúc lên giảng đường, Sư đè ngang cây gậy và bảo: "Một hai ba bốn năm sáu bảy, bảy sáu năm bốn ba hai một, tuần hoàn thuận nghịch đếm đem lại, tính đến vị lai không hết ngày. Nhân bảy thấy một, nhân một quên bảy, đạp phá thái hư trống không, trâu sắt cũng đổ mồ hôi ra, dứt hơi thở không dấu vết". Sư ném cây gậy, tiếp bảo: "Lại phải buông cái ấy xuống mới được việc tham học hoàn tất". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nắm cây gậy, bảo: "Có lúc đoạt người không đoạt cảnh, cây gậy bảy tung tám hoành có lúc đoạt cảnh chẳng đoạt người, sơn Tăng bảy điên tám đảo. Có lúc người và cảnh đều đoạt cây gậy và sơn Tăng mòn vết nuốt tiếng, có lúc người và cảnh đều chẳng đoạt". Sư gõ cây gậy một cái tiếp bảo: "Bạn ta đi ngàn dặm, dẫn Ông qua muôn núi. Bỗng nhiên lúc khuya nhằm đại Sư Lâm Tế thì thế nào?" Sư hét một tiếng tiếp bảo: "Chưa rõ ấn tâm địa, khó thấu ải Tổ sư".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BÍ Ở VẠN NIÊN

1. Thiền sư Hiền ở Long minh.

Thiền sư Hiền - Tại Am ở Long minh tại Ôn châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử: "Sùng Thọ chỉ dạy đại chúng rằng: "Biết được cái ghế vây quanh có thừa". Còn Vân môn nói: "Biết được cái ghế, đất trời khác biệt". Xong, Sư bảo: "Lão Sùng Thọ ngồi giết chết người

trong thiên hạ, Đại sư Vân Môn chạy chết người trong thiên hạ, với Long Minh đây thì không như vậy, biết được cái ghế bốn chân đặt nơi đất, cần ngồi bèn ngồi, cần dậy bèn dậy". Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Khám Bà của Triệu Châu, xong, Sư đọc kệ tụng rằng: "Băng tuyết người đẹp dáng rất kỳ, thường đem sáo ngọc thổi người nghe, trong nhạc vô hạn hoa tâm động, riêng Hứa Đông Quân cành thứ nhất".

2. Thiền sư Giám ở Đại Quy.

Thiền sư Giám - Di Am ở Đại quy tại Đàm châu, vốn người xứ Cối kê. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Cây rơi sương trống trời rét nước lạnh, Thích-ca Lão Tử không nơi ẩn thân, bẻ nhậu phía đông bày vách phía tây, khua nhầm Bồ-tát bất không kiến, xin chỉ niệm Phật Tam muội, cũng rất kỳ quái, tức liền hướng nói sắc vàng ánh sáng mây, tham lui uống trà đi". Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Lão Hồ mở một dãy đường rất là ngay thẳng, chỉ nói hết tức Bồ-đề, tánh tịnh minh tâm chẳng từ người mà được, người đời sau không được môn ấy, một hướng rong ruổi nam bắc qua lại đông tây, cùng năm tận tháng, không cái nói hết. Các người lại hết được chăng? Thôi, thôi!". Lại có lúc lên giảng đường, Sư nêu cử: "Một ngày nọ, Hòa thượng Hối Đường, hỏi một vị Tăng: "Ông từ xứ nào lại?" Vị Tăng ấy đáp: "Phỏng tìm tôn túc". Hối Đường bảo: "Chẳng bằng trở về quê hương là tốt lành". Vị Tăng ấy hỏi: "Chưa xét rõ Hòa thượng bảo tôi trở về quê, ý chỉ ấy như thế nào?" Hối Đường đáp: "Miền quê chỉ ba tiền mua được miếng cá hộp lớn bằng bàn tay". Xong, Sư bảo: "Thà có thể nghiền nát thân hình thành bụi nhỏ, trọn chẳng mù lòa, con mắt sư Tăng. Hối Đường so sánh chút ít, có một số gã bèn nói, nơi chín khó quên, có lắm nơi cũng nói". Lại có lúc lên giảng đường, nêu cử: Vua nước Kế Tân hỏi Tôn giả sư tử về công án uẩn không, xong, Sư đọc bài tụng rằng: "Tôn giả nào từng được uẩn không , Kế Tân nhọc tự chém gió xuân, hoa đào sau mưa đã rơi rụng, nhuộm được một khe dòng nước hồng".

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 34
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 35

MỤC LỤC

Đời thứ mười tám, sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quang ở Dục Vương, có mười bốn vị:

1. Thiền sư Chi Thiện ở Linh ẩn.
2. Thiền sư Cư Giản ở Tịnh từ.
3. Thiền sư Như Diễm ở Kính sơn.
4. Thiền sư Thái ở Thiên đồng.
5. Thiền sư Quán ở Đông thiền.
6. Thiền sư Tiền ở Thượng phương (sáu vị hiện có ghi lục).
7. Thiền sư Tông Ấn ở Dục vương.
8. Thiền sư Nghĩa Vân ở Tịnh từ.
9. Thiền sư Diệu Cao ở Kính sơn.
10. Thiền sư Thuỵ ở Dục vương.
11. Thiền sư Quyền ở Dục vương.
12. Thiền sư Tề ở Thiên đồng.
13. Hòa thượng Phạm Tông ở Vân cư.
14. Thiền sư Ấn ở Thiết ngưu (tám vị không ghi lục).

Đời thứ mười chín, sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Kiệt ở Thiên đồng, có chín vị:

1. Thiền sư Sùng Nhạc ở Linh ẩn.
2. Thiền sư Tổ Tiên ở Ngoạ long.
3. Thiền sư Đạo Sinh ở Tiến phước.
4. Thiền sư Tự Cảnh ở Thiên đồng.
5. Thiền sư Tuệ Quang ở Tịnh từ.
6. Thiền sư Trí Nhu ở Ẩn tỉnh (sáu vị hiện có ghi lục)

7. Thiền sư Khánh Như ở Tương sơn.
8. Thiền sư Liễu Ngộ ở Linh ẩn.
9. Cư sĩ Thị lang Trương tư (ba vị hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Quán ở Thiên Đồng, có bốn vị:

1. Thiền sư Thiện Tế ở Hổ khâu (Hiện có ghi lục).
2. Thiền sư Thiện Tịnh ở Hoa tạng.
3. Thiền sư Văn Uý ở Thiên y.
4. Hòa thượng Ngưng ở Bích nham (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Như Diễm ở Kính sơn, có bảy vị:

1. Thiền sư Phổ Tế ở Linh ẩn.
2. Thiền sư Văn ở Tịnh từ.
3. Thiền sư Triệu ở Kính sơn.
4. Thiền sư Bằng ở Song lâm (bốn vị hiện có ghi lục).
5. Thiền sư Đàm ở Khô thông.
6. Thiền sư Thiên ở Biện sơn.
7. Thiền sư Nguyên ở Đông sơn.

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sùng Quán ở Vạn thọ, có bốn vị:

1. Thiền sư Tuệ Khai ở Hoàng long.
2. Thiền sư Diệu Ấn ở Thạch sương (hai vị không ghi lục)
3. Thiền sư Đức Tú ở Cô phong.
4. Thiền sư Quang ở Hồng phước (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Thuỵ ở Dục vương, có một vị:

1. Thiền sư Sùng Thọ ở Thuỵ nham (Hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Chi Thiện ở Linh ẩn, có bốn vị:

1. Thiền sư Thiện Trân ở Kính sơn (Hiện có ghi lục)
2. Thiền sư Trọng Dĩnh ở Tịnh từ.
3. Thiền sư An ở Vô phương.
4. Thiền sư Quả ở Sương lâm (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Trí Dĩnh ở Thiên đồng, có ba vị:

1. Thiền sư Như Giác ở Kính sơn (Hiện có ghi luc).
2. Thiền sư Vụ Bản ở Hổ Khâu.
3. Thiền sư Đức Nhãn ở Tuyết phong (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cư Giản ở Tịnh từ, có hai vị:

1. Thiền sư Đại Quán ở Dục vương (Hiện có ghi lục).
2. Thiền sư Minh ở Thạch Lâu (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư An Vĩnh ở Cổ sơn, có hai vị:

1. Thiền sư Ngộ Minh ở Tịnh từ (Hiện có ghi lục).
2. Thiền sư Pháp Kiên ở Thừa thiên (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Cử - Trực Ông, có một vị:

1. Thiền sư Tụ ở Thiên đồng (Hiện có ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Diệu Kham ở Dục vương, có một vị:

1. Thiền sư Tường ở Đông hồ (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông Ấn ở Dục vương, có một vị.

1. Thiền sư Pháp Chu ở Đạo tràng (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tông Dĩnh ở Càn nguyên, có hai vị.

1. Thiền sư Tông Giám ở Cổ sơn.
2. Thiền sư Nhãn ở Bạch vân (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Đạo Kỳ ở Kim sơn, có một vị.

1. Thiền sư Tổ Truyền ở Linh ẩn (Hiện không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phái ở Thiên đồng, có một vị.

1. Thiền sư Triệt - Vô Giám (Hiện không ghi lục)

Đời thứ hai mươi, sau đời Thiền sư Đại Giám

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tổ Tiên ở Ngọa long, có bốn vị.

1. Thiền sư Phạm ở Kính sơn.
2. Thiền sư Pháp Huân ở Linh ẩn (hai vị hiện có ghi lục)
3. Thiền sư Từ Giác ở Vân cư.
4. Thiền sư Đạo Trù ở Đại từ (hai vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI DÒNG PHÁP THIỀN SƯ Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Chi Thiện ở Linh ẩn.

Thiền sư Chi Thiện - Diệu Phong ở Linh ẩn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Lưu ở Ngô hưng. Xưa trước tiên tổ của Sư ở Bành thành sau mới dời đến ở Ngô hưng. Cha, ông, cố, sơ đều làm quan lớn, Sư sống trong the lụa, dáng vóc tánh tình cao khiết. Năm mười ba tuổi, giã từ thân thích, Sư xuống tóc xuất gia, thọ học tại Đức Tề chánh viện. Thầy Sư chỉ dạy kinh luận, chỉ một lần thấy qua, Sư liền rõ biết đại ý. Sau đó Sư mới đến dự tham nơi các bậc Sư lão. Bấy giờ Thiền sư Quang - Phật Chiếu đang xướng đạo tại Mậu sơn, Sư bèn đến tham lễ, đem ngữ thoại gió phướng bấn thẳng mũi tên bén nhọn nên liền được ấn khả. Thiền sư Quang tặng Sư bài kệ tụng rằng: "Ngày nay cho ông thông một đường, chặt đinh cắt sắt dấy tông da". Từ đó, Sư có được biện tuệ quang thông tỏa phát, nhưng Sư chẳng lấy tự làm đủ, Vân du khắp xứ Hành tương, trở lại vào Khương Lô. Chống gậy đến núi Diệu cao, ngồi xoay mặt vách tường mười năm. một thời các học giả tôn xưng Sư là "Diệu Phong Thiền sư". Sư phân toà giảng pháp tại Nhạn sơn, Năng nhân, ra đời hoằng hoá ở các chùa Tuệ Nhân, Hồng Phước, Vạn Niên. Sư lại lui ở chùa lưu tại Cao đình hơn mười năm. Đại khái như lúc ở chùa Diệu phong, đồ chúng thúc giục bức hối không thôi. Sau Sư ra nhận lãnh Thuỵ Nham ở Minh châu, Vạn thọ ở Tô châu, Hoa tạng tại Thường châu, sau cùng đến ở Linh ẩn cũng không an lạc. Linh ẩn xa kín, mà đường đi vết xe tấp nập, Sư kéo cửa bít đông như không nghe, nên không một ai nghinh thỉnh Sư được. Các hàng công khanh quý nhân hoặc chỉ thấy đồ ấm lạnh mà thôi. Gặp lúc tại Thiên đồng, pháp tịch trống vắng, bấy giờ Trịnh đang giữ côn trục tại đó, riêng tự nghĩ nếu chẳng phải Sư thì chẳng ai thích nghi ở đó. Nhân vậy cố gắng thỉnh mời Sư đến, Sư đáp rằng: "Lão tăng tuổi tác già suy mà còn phải đi đêm chẳng được nghĩ

ư?" Sư cố chối từ, thì các hàng Công khanh càng cao ép nài. Lên giảng đường Sư bảo: "Ứng vật hiện hình như trăng trong nước, thư tay mang lại một thời tiết lộ". Sư nắm cây phất trần đánh vào bên tả thiền sàn một cái, tiếp bảo: "Trong đó là cây dao núi kiếm, mặt trước là Quán Âm, Thế Chí, mặt sau là Văn Thù, Phổ Hiền, khoảng giữa một trứ lại biết nơi rơi lạc chăng? Sư lại đánh một cái và bảo: "Phật Tỳ-bà-thi sớm lưu tâm, thẳng đến nay đây chẳng được diệu". Lại có lúc Sư chỉ dạy đại chúng: "Lâu tham đại sĩ, mắt không bốn biển, lỗ mũi xa trời, thấy cũng thấy được gần, nói cũng nói được gần, đi cũng đi được gần, dùng cũng dùng được gần, chỉ là chưa biết cây gậy của Lão Tăng. Cớ sao? Sắp thành núi chín nhận, chẳng dâng đất một sọt, bình sinh khéo dụ chúng ấy chưa từng giữa sắc, nhưng một kinh chỉ trao, liền thần dung ý ngộ, tâm vui vẽ thật nhuần, đều tự nhiên có được". Đến lúc sắp thị tịch, Sư tắm gội xong, ngồi kiết-già, viết kệ tụng rằng: "Đến cũng như vậy, đi cũng như vậy, đến đi nhất như, gió trong muôn dặm". Lúc đó là ngày 28 tháng 09 năm Đoan Bình thứ hai (1235) thời Nam Tống, Sư hưởng thọ tám mươi bốn tuổi, bảu mươi mốt hạ lập, sau khi trà tỳ có được xá lợi nhiều vô số, dựng tháp an táng tại sườn núi phía tây chùa Linh ẩn. Trịnh Công viết bài minh tại tháp đó.

2. Thiền sư Cư Giản ở Tịnh từ.

Thiền sư Cư (Bắc?) Giản ở Tịnh từ tại phủ Hàng châu, vốn tên là Cư Giản tự là Kính Sưu, người dòng họ Vương ở Đồng xuyên tại đất Thục. Vì có tháng ngày lâu dài Sư ngụ ở Bắc giản, nên có người chẳng gọi tên tự của Sư (Cư Giản) mà chỉ xưng là Bắc Giản. Đầu tiên ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Báo ân, Quang hiếu tại Thiên thai, rồi lui ở phía Bắc núi Phi lai tại Hàng châu. Con của Trương Công Thành cùng với Cán Giang thứ sử chạy thư lấy nơi Sa-môn Thiệu Long - người thời nhà Đường – khai sơn, thỉnh mời Sư đến ở, Sư cố nằm yên không nhận, mà Giang Đông bộ sứ lại lấy Đông lâm – Vân cư, dốc sức thỉnh mời, nhưng Sư cũng chẳng đến, về sau, Sư chuyển dời đến Tịnh Từ. Sư có bài tụng nói về lúc Đức Thế Tôn sơ sinh rằng:

"Một tiếng khạc đất bèn tra lý,
Đột xuất như thế đại xiển đề,
Phương này trời tây dấy ương hại,
Rành rành rửa đất chẳng thành bùn".

Sư lại có bài tụng về kinh Lăng Nghiêm nói sáu giải một vong rằng: "Sáu dụng không công tin chẳng thông, một thời phân giao cho gió xuân, khó triện một lũ giữa ngày trong, trăm chim chẳng lại hoa

tự hồng". Sư từng mở một ngôi thất để ở đề tên là "Giới thất" (phòng nhà chật hẹp), làm bài phú để tự thấy, đại khái là: "Tiến tới thì mặt tường, thối lùi thì bị giếng, trụ chống bỗng chăng cành vách tường chợt đổ ngã, rỗng suốt mà hư trống, lặng yên mà sáng suốt, như che trùm như nâng đỡ, như chấn động như cảnh tỉnh". Lại có bài viết là: "Như kho tàn vô tận, như kiếng sáng tròn lớn, trước núi đưa xanh như tráng sĩ mở cửa, sau núi xoay lối tợ Lương Công cưỡi ngựa, vỗ hồng Hộc mà ngắm chiều, vào mồ tối mà dẫn xa, cười mây khói trôi nhẹ đi, mênh mang dằn dặt mà vô định, dừng xẩm tối nơi núi tây, vén rèm sớm ở non đông, đều là trông chỗ được vậy". Sư có bộ "Bắc giản tập" mười chín quyển, lưu hành ở đời. Cán Giang và con Trương Công Thành viết bài tựa đó là: "Đọc văn Sư, tông mật chưa bá trọng đó". Tụng thơ Sư hợp tham xa Giác Phạm làm một, người chẳng thể cán đáng vậy. Bắc Giản đối với người chẳng cẩu thả hợp, hợp cũng chẳng cẩu thả trái ngược, giữa khoảng lấy bỏ đi lại, khiết như vậy "Thủy Tâm - Diệp Công ở Long Tuyền có đáp tặng lại Sư bài thơ rằng: "Thơ ngữ Giản Công đặc kinh người, sáu phản bẻ vọt chẳng động thân, nói cùng con gái nhỏ nhà đông, xoa xanh nhuộm biếc chưa cấm xuân". Sư ở ủy vũ tại Thiên thai, có hai nhà tranh giành trúc núi sản sinh chẳng chịu ngưng dứt. Tiên cư thừa thiên quân dịch đến dặn dò, Sư nói sang chuyện khác, và làm một bài phú trống trúc, chỉ bảo cho cả hai nhà, đọc xong bèn dứt hẳn.

3. Thiền sư Như Diễm ở Kính sơn.

Thiền sư Như Diễm tự là Chiếc Ông ở Kính sơn tại Hành châu, vốn người dòng họ Chu ở Đài châu, Sư thông minh dĩnh ngộ, khác thường, có làm bài kệ tụng tán thán duy ma rằng: "Tỳ-da hiện bệnh buông ngu, lúc si thêm được người đầy bụng nghi, chẳng là văn thì lại khám phá chút lông ấy bệnh có ai hay".

4. Thiền sư Phái ở Thiên đồng.

Thiền sư Phái, tự là Vô Tế ở Thiên đồng tại Minh châu. Sư có đề bài kệ nói về tượng Chủ úc sơn rằng: "Đánh ngựa cầu khe lúc sẩy chân, nhầm đem đậu oản làm chân châu, bọn trẻ chẳng biết giấu nhà hỏi, cười té Dương Kỳ làm dùi xưa".

5. Thiền sư Quán ở Đông thiền.

Thiền sư Quán, tự là Tánh Không ở Đông thiền, có lúc lên giảng đường, nêu cử: "Quốc sư Diêm Quan nhân có vị Tăng hỏi: "Thế nào là bản thân Lô-xá-na?" Quốc sư đáp: "Cho lão Tăng qua tịnh bình lại". Vị Tăng ấy đem tịnh bình lại, Quốc sư bảo: "Tức đặt để lại nói cũ". Vị Tăng ấy lại hỏi. Quốc sư đáp: "Phật xưa qua đi đã lâu vậy". Xong, Sư

bảo: "Người mù khó đem văn thể mà cho thấy, người điếc khó đem âm để cho nghe, vị Tăng ấy đã không tiến cử có lại được, Quốc sư cũng chỉ thành hư thiết dối bày. Vân Môn nói "Không điềm vết" nâng đỡ Quốc sư chẳng dậy, Tuyết Đậu nói: "Một tay chỉ trời một tay chỉ đất tranh giành được không cũng nâng đỡ Quốc sư chẳng dậy". Sư nắm cây phất trần họa vẽ, một đường tiếp bảo: "Từ trước đến nay dây leo họa vẽ đứt. Hãy nói rốt cùng thế nào là bản thân Lô-xá-na?" Xong, Sư ném cây phất trần và xuống khỏi tòa. Lại có lúc, nêu cử: Công án nhân ngày Hòa thượng Bảo Thọ khai đường giảng pháp, Tam Thánh đẩy một vị Tăng ra. Xong, Sư bảo: "Trong đại chúng hãy thương lượng nói. Tam Thánh có cái động tác vượt dùng vọt nhận hướng đến trên đất bằng tuôn vỗ sóng cả. Bảo Thọ có cái cơ năng vụt lửa qua gió hướng đến giữa hư không, sấm sét nổ đùng. Hai đại lão ấy một người đưa ra một cánh tay dựng đỡ chánh pháp nhãn tạng của Lâm Tế, cùng gì nói năng cần làm con cháu của Lâm Tế, hãy nên từ từ. Với Đông Thiền đây nói con muỗi làm sao chống trụ lớn, ngó sen sau chống núi Tu Di? Nếu là chánh pháp nhãn tạng của Lâm Tế, đích xác hướng đến bên hai người ấy diệt ngay".

6. Thiền sư Tiêm ở Thượng phương.

Thiền sư Tiêm - Phác Ông ở Thượng phương. Sư vốn có thiên tư kỳ đặc vượt xa, biện bác vô ngại. Có làm bài kệ tụng tán thán Đạt-ma rằng: "Một lời đã nói, bốn ngựa khó đuổi kịp, nhờ được Quân vương tha qua đó, giữa sông Dương tử thuyền bẻ trúc, đầu sống sao tợ hỏi đầu nguy".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ KIỆT Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Sùng Nhạc ở Linh ẩn.

Thiền sư Sùng Nhạc - Tùng Nguyên ở Linh ẩn tại phủ Hàng châu. Vốn người dòng họ Ngô ở Long tuyền tại Xứ châu. Sư vốn bẩm tánh thuần thành cai nghi đoan chánh chân thực. Từ tuổi bé thơ đã sớm mến mộ pháp xuất thế, vừa hơi lớn Sư bỏ áo thế tục mặc y phục quét tháp. Phát tâm thọ trì năm giới tại chùa Đại minh. Mới đầu Sư đến nương tựa Diệu Công ở Linh thạch, tiếp đến bái yết Thiền sư Đại Tuệ - Tông Cảo ở Kính sơn. Thiền sư Đại Tuệ lên giảng đường ngợi khen Thiền sư Hoa - Ứng Am ở Tương sơn là người bén nhạy. Nghe thế, Sư chẳng đợi đến sáng ngày mà đã đi. Khi đến nơi, vào thất mà chưa khế ngộ, Sư lui ra mà càng tự cố gắng, sớm tối thưa hỏi. Thiền sư Hoa nêu cử: "Đức Thế Tôn có mật ngữ, Tôn giả Ca-diếp chẳng che giấu". Sư nói: "Hòa thượng

đọn đặt". Thiền sư Hoa gằn giọng hét một tiếng, Sư bèn có chút tỉnh ngộ, Thiền sư Hoa rất vui mừng cho rằng Sư đáng là Pháp khí, nói cho Sư bài kệ tụng, khuyên xuống tóc xuất gia.

Khoảng đầu niên hiệu Long Hưng (1163) thời Nam Tống, Sư mới được độ xuất gia, bèn đến ở tinh xá Bạch liên tại Tây hồ, Lâm an. Từ đó, Sư vân du tham phỏng khắp các bậc Lão túc, hiếm có vị xứng hợp ý Sư, Sư mới vào đất Mân, đến bái yết Thiền sư Vĩnh - Mộc Am ở Càn nguyên. Một ngày nọ giã từ ra đi, Thiền sư Vĩnh bảo: "Lang Da khéo nói một đống củi cháy". Sư nói: "Trên đầu cái tên thêm nhọn". Cứ như thế ứng đối vài lần. Thiền sư Vĩnh bảo: "Anh tôi mở lời, lão Tăng chẳng thể qua, đó như chưa nhằm, ngày sau nắm cán trong tay, vì người chẳng được nghiệm người không được". Sư thưa: "Vì người lấy đất phàm phu một lúc vượt vào cảnh vức Thánh hiền nên khó vậy. Nghiệm người là đánh qua trước mặt không đợi mở miệng. Đã biết hắn cốt tủy có gì khó". Thiền sư Vĩnh đưa nắm tay lên bảo: "Rõ, rõ hướng đến Ông nói, mở miệng chẳng ở trên đầu lưỡi, sau sẽ tự biết". Qua năm sau, Sư thấy gặp Thiền sư Hàm Kiệt - Mật Am ở Tây sơn tại Cù châu, theo điều hỏi mà đáp. Thiền sư Hàm Kiệt chỉ mỉm cười mà thôi. Sư rất tha thiết đến rốt ráo đến nổi quên cả ăn ngủ. Lúc Thiền sư Hàm Kiệt chuyển dời đến các nơi Tương sơn, Hoa tạng, Kính sơn, Sư đều theo hầu. Gặp lúc Thiền sư Hàm Kiệt vào thất hỏi vị Tăng bên cạnh về: "Chẳng phải tâm, chẳng phải Phật , chẳng phải vật". Sư đang đứng hầu bên cạnh bỗng nhiên đại ngộ, Sư nói: "Ngày nay mới hiểu Thiền sư Vĩnh - Mộc Am nói mở miệng tại trên đầu lưỡi". Từ đó có biện Sư tỏa phát tung hoành.

Đến lúc Thiền sư Hàm Kiệt - Mật Am chuyển dời đến Linh ẩn, bèn phân tòa, Sư trở lại ra đời hoằng hóa ở Trừng chiếu tại Bình giang, vì nối dõi dòng pháp từ Thiền sư Hàm Kiệt, Sư chuyển dời đến Quang hiếu tại Giang âm, đến Dã phụ tại Vô vi, Tiến phước ở Nhiêu châu, Hương sơn ở Minh châu, Hổ khâu ở Bình giang. Đến năm Khánh Nguyên thứ hai (1196) thời Nam Tống, pháp tịch Linh ẩn bị trống vắng, Sư bèn có sắc chỉ bộ đến đảm nhận đó. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Phàm phu đỡ dựng tông thừa, phải có đủ chánh nhãn, nơi đảnh môn, sau khuỷu tay, đeo linh phù, chỉ như ngài Bảo Thọ khai đường giảng pháp Tam Thánh đưa đẩy một vị Tăng ra, Bảo Thọ bèn đánh. Tam Thánh nói: "Cùng ai vì người, khiến ngay người một thành trấn châu mù mắt?" Bảo Thọ bèn ném cây gậy xuống và trở về phương trượng. Hai bậc tôn túc đẳng nhàn một đẩy một ép, bèn mới phát minh tâm tủy của Lâm Tế chỉ không biết tánh mạng tất cả đều ở trong tay vị Tăng ấy. Lại có người kiểm điểm ra

được chăng? Năm xưa tìm lửa cuộn khói được, ngày nay vác núi mang trăng về". Lại nhân đầu năm, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Đầu năm ngày mới muôn sự hiện thành, có lúc phóng đi, có lúc ngồi dứt, chẳng tiếc hai cọng lông mày cùng ngồi mâm nâng chuyển. Phật pháp và thế gian pháp thế nào được thành một mảnh? Chỉ tâm chịu biện rành hẳn chẳng cùng lừa dối".

Sư ở tại Linh ẩn sáu năm, hoằng pháp rất hưng thạnh, đệ tử đắc pháp không nhiều. Sau đó Sư lui ở Đông am, bỗng nhiên cảm mắc chút bệnh nhưng xướng đạo vẫn không phế bỏ. Tự nhiên Sư viết thư giã biệt các bậc Công khanh. Lại lập hai tắc để kiểm nghiệm người đến học là: "Người có sức lực, nhân gì mắc chân không lên, mở miệng chẳng tại trên đầu lưỡi? Và viết thư đem đại pháp dặn dò cho Hương Sơn, Quang Mục, Vân Cư, Thiện Khai nối dõi dòng pháp. Nhân đó Sư viết kệ rằng

"Đến không nơi đến,
Đi chẳng nơi đi,
Liếc chuyển Huyền quan,
Phật tổ bày bậy".

Xong, Sư ngồi kiết-già mà thị tịch. Lúc đó là ngày mồng 04 tháng 08 năm Gia Thái thứ hai (1202) thời Nam Tống. Sư hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi, bốn mươi hạ lạp, nghinh thỉnh toàn thân an táng tại gò phía bắc Cao phong.

2. Thiền sư Tổ Tiên ở Ngọa long.

Thiền sư Tổ Tiên - Pha Am ở Ngọa long tại Quỳ châu, vốn người dòng họ Vương ở Quảng an. Sư công phu rất ẩn thật, kiến địa rõ ràng, từng phân tòa ở Linh ẩn tại Hàng châu. Có vị đạo giả đến thưa hỏi: "Hồ Tôn Tử bắt chẳng dừng, xinh rủ lòng chỉ dạy?" Sư bảo: "Dùng bắt kia làm gì? Như gió thổi nước tự nhiên thành lằn sóng". Khi ấy Thiền sư Vô Chuẩn đứng hầu bên cạnh bèn tỏ ngộ. Sư có chỉ dạy bài kệ tọa chủ Lăng Nghiêm rằng:

"Thấy còn lìa thấy, thấy chẳng thật thấy,
Trả lại tám trả không thể trả,
Cây đổ trời thu cốt núi bày,
Không biết ai hay lão Cù-đàm".

3. Thiền sư Đạo Sinh ở Tiến phước.

Thiền sư Đạo Sinh - Tào Nguyên ở Tiến phước tại Nhiêu châu, vốn người xứ Nam kiếm. Sư phân tòa tại Vân cư, ra đời hoằng hóa ở Diệu quả rồi chuyển dời đến Quy phong, về sau đến ở Tiến phước hơn một tháng thì Sư thị tịch. Vịnh về Linh vân, Sư có bài kệ tụng rằng:

"Mây đi mây lại không có ý,
Mây lại mây đi cũng không tâm,
Có không cắt dứt Linh ở đâu,
Đột ngột một núi xanh đến nay".

4. Thiền sư Tự Cảnh ở Thiên đồng.

Thiền sư Tự Cảnh - Khô Thiền ở Thiên đồng, vốn người dòng họ Cao ở Phước châu. Sư có làm bài kệ tụng lên đánh chuông là:

"Một mô thoát đến chuyển phong lưu,
Đất bằng bảo kia chẳng tự thôi,
Cần được tiếng lớn ồn vũ trụ,
Lại phải lên ngay một tầng lầu".

5. Thiền sư Tuệ Quang ở Tịnh từ.

Thiền sư Tuệ Quang, tự là Tiềm Am ở Tịnh từ. Sư có làm bài kệ tụng hóa muối rằng:

"Hợp nước hòa bùn nấu một nơi,
Nước khô bùn hết hoa tuyết đơm,
Nhân thời đòi dậy giá xa trời,
Ông nghiệm phân minh ai dám giành".

6. Thiền sư Trí Nhu ở Ẩn tỉnh.

Thiền sư Trí Nhu - Vạn Am ở Ẩn tỉnh tại phủ Thái bình, vốn người dòng họ Trần ở Hồ châu. Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Nhạn bay ngang trời bóng chìm đáy nước của Thiền sư Hoài ở Thiên y, nhân đó Sư làm bài kệ tụng là:

"Giữa trời nhạn lẽ một tiếng thu,
Dâng báu Ba Tư mũi tợ câu,
Gió cuốn mây trắng về núi khác,
Hoàng hôn trăng treo đầu liễu xanh".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠT QUÁN Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Thiện Tế ở Hổ khâu.

Thiền sư Thiện Tế - Ảo Đường ở Hổ khâu tại Tô châu, Sư có bài kệ tụng tán thán tôn tượng Quán Thế Âm xách giỏ cá rằng:

"Mây phủ nông trang đáng mặt khổ,
Vì kia rối việc vào bụi hồng,
Đem lại còn sống chẳng người mua,
Chỉ làm tầm thường của chết xem".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ NHƯ DIỄM Ở KÍNH SƠN

1. Thiền sư Phổ Tế ở Linh ẩn.

Thiền sư Phổ tế - Đại Xuyên ở Linh ẩn, vốn người xứ Phùng hóa tại Minh châu. Sư có tán lược chỉnh sửa "Ngũ Đăng Hội Nguyên". Đề kệ tụng Đức Thế Tôn ra núi là:

"Chương rồng chất phụng ra cung vua,
Tay bày qua áo dưới núi tuyết,
Trí nguyện hẳn không các cõi có,
Chẳng biết các có bao giờ không".

2. Thiền sư Văn ở Tịnh từ.

Thiền sư Văn - Yển Khê ở Tịnh từ (Kính sơn tại Hàng châu?), vốn người ở đất Mân. Nhân lúc khai lò lên giảng đường, nêu cử: "Ba mươi năm trước, lão Tăng ở tại đầu lò lửa phương nam, có cái câu thoại không khách chủ. Mãi đến ngày nay không người nào nêu cử nhầm". Xong, Sư niệm: "Sum-la vạn tượng tối sáng, sắc không, đêm ngày cử xướng tuyên dương, Triệu Châu Phật xưa không phải không biết, chỉ vì tham trình bày quá xa".

3. Thiền sư Triệu ở Kính sơn.

Thiền sư Triệu - Hoài Hải ở Kính sơn, vốn người ở Thái châu, Sư có bài kệ tán thán Tổ sư Đạt-ma rằng:

"Đạp ngang trục đất với cửa trời,
Người cả một nước đuổi tìm không trở lại,
Đi đi một thân nhẹ tợ lá,
Trường giang ngàn xưa sống như núi".

4. Thiền sư Bằng ở Song lâm.

Thiền sư Bằng (Minh?) - Giới Thạch ở Song lâm tại Vụ châu, nhân thấy Tôn tượng Sơn Chủ Úc bên cạnh có treo bài tán thán của vị Tăng sư bèn nắm bút viết:

"Nhặt được Minh Châu cười mắt mở,
Vì nói trần hết chuyển sinh ai,
Nếu không người nhận ngay đó,
Cô phụ xà lê một đánh lại".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ SÙNG QUÁN Ở VẠN THỌ

1. Thiền sư Tuệ Khai ở Hoàng long.

Thiền sư Tuệ Khai, tự là Vô Môn ở Hoàng long, vốn người xứ Hàng châu, Sư có làm bài kệ tụng Triều Dương bổ nạp rằng:

"Vật lúc lạnh gấp dùng,
Đến ấm đặt chút kim chỉ,

Bỗng nhiên tháng chạp đến,
Khỏi phải chân bận tay loạn".

2. Thiền sư Diệu Ấn ở Thạch sương.

Thiền sư Diệu Ấn - Trúc Nham ở Thạch sương tại Đàm châu. Sư có bài kệ tụng xem kinh dưới ánh trăng rằng:

"Chưa động đầu lưới văn thể bày,
Hơn năm ngàn quyển một lúc xong,
Nếu nói đợi trăng lại mở quyển,
Dám bảo năm lừa chưa suốt đầu".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THỤY Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Sùng Thọ ở Thuỵ nham.

Thiền sư Sùng Thọ ở Thuỵ nham tại Minh châu, tự là vô lượng. Nhân có vị Tăng hỏi: "Đêm trước ngày mồng tám tháng chạp, tại núi Chánh giác, Đức Thế Tôn trông thấy sao mai mà ngộ đạo, ý chỉ như thế nào?" Sư dùng kệ tụng đáp rằng:

"Nơi sao mai hiện mắt xuyên da,
Tiếng Hán lời Hồ muôn muôn ngàn,
Giàu sang nghèo khổ thôi nói mộng,
Nhà ai trong bếp lửa không khói".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CHI THIỆN Ở LINH ẨN

1. Thiền sư Thiện Trân ở Kính sơn.

Thiền sư Thiện Trân - Tạng Sưu ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Lã ở An huyện, Tuyền nam. Năm mười ba tuổi, Sư đến nương tựa Hòa thượng Nam ở chùa Sùng phước tại trong quận cầu xin xuống tóc xuất gia. Năm mười sáu tuổi, Sư du phương đến Hàng châu thọ giới Cụ túc, xong đến bái yết Thiền sư Chi Thiện - Diệu Cao đang ở tại Linh ẩn, vào thất mà Sư tỏ ngộ yếu chỉ. Sau ra hoằng pháp Sư trở về Quang hiếu lên Thừa thiên tại quê hương, rồi tiếp chuyển dời đến ở Tư khê, Viên giác tại An cát châu, ở Tuyết phong tại Phước châu, lại nhân có sắc lệnh của triều đình, Sư dời đến ở Dục vương tại Tứ minh, Kính sơn tại Lâm an. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Người xưa nói: "Biết một chữ đó, cửa của các diệu. Lại có người nói, biết một chử đó, cửa của các họa, chỉ hai cửa đó vào được, lại phải ra được, chư Phật ba đời ra không được, sáu đời Tổ sư ra không được, các lão Hòa thượng trong thiên hạ ra không được. Cớ sao biến sắt thành vàng dễ, biến vàng thành sắt khó". Sư lại chỉ cử nói thất bảo: "Trong đây thăm hỏi đốt

hương xong, lại bên thân lão Tăng đứng đất tại nơi nào?, cây hạnh ấy độn đặt còn có thể, chớ lại độn đặt lại nơi Tăng". Sư từng tự đề nơi hình tượng mình rằng: "Tham thiền không ngộ biết chữ có số, mắt ba góc tợ yến núi sầu hồ, mặt trăm lần như Triệu Bà rên chua, một trứ cao ra các phương, dám nói cơm là do gạo làm thành". Sư sinh ngày 12 tháng 10 năm Giáp dần (1134) thuộc niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, thị tịch ngày 21 tháng 05 năm đinh sửu (1217) hưởng thọ tám mươi ba tuổi, dựng tháp an táng toàn thân tại Kính sơn.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRÍ DĨNH Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Như Giác ở Kính sơn.

Thiền sư Như Giác - Kinh Sưu ở Kính sơn tại phủ Lâm an. Nhân trong thất, có vị Tăng hỏi: "Thế nào là Phật?" Sư đáp: "Bí đao rang:" Xong, Sư mới đọc bài tụng rằng:

"Thế nào là Phật? Bí đao rang,
Cắn nhằm băng sương thấu nanh răng,
Rễ lá tuy là không hầm hố,
Một năm một độ một nở hoa".

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CƯ GIẢN Ở TỊNH TƯ

1. Thiền sư Đại Quán ở Dục vương.

Thiền sư Đại Quán ở Dục vương tại Minh châu, tự là Vật Sơ, vốn người dòng họ Lục ở Hoành khê - Cần huyện. Sư sớm đến dự tham nơi Thiền sư Cư - Bắc Giản ở Tịnh từ mà tỏ ngộ yếu chỉ, phép tắc văn từ bút mực tiếng tăm Sư vang vọng rất lắm. Về sau, Sư đến ở Dục vương, dưới tòa, các bậc danh tăng đến nương tựa đông nhiều. Có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Chánh tông của Đạt-ma, lỗ mũi của nạp Tăng sung đầy cả hư không, chẳng có nơi lánh né, thật đáng cười các hàng mê muội giữa ban ngày trời trong mát mở tròng mắt mà chỉ quản ngủ gật, lại có lão nhân mặt vàng không biết tốt xấu, vào bùn vào nước, tức nói Đức Phật Nhiên Đăng của ta nơi không một pháp có thể chứng đắc mà vì thọ ký cho ta, nào khác gì thịt da tốt lành rạch mổ thành vết sẹo, hoa đốm giữa hư không mà tìm cầu để đeo mang, rốt cùng như thế nào? Tất rị, tất rị". Sau khi Sư thị tịch, dựng tháp an táng tại am phía Tây của chùa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ AN VĨNH Ở CỔ SƠN

1. Thiền sư Ngộ Minh ở Tịnh từ.

Thiền sư Ngộ Minh - Hối Ông ở Tịnh từ tại Hàng châu, vốn người

ở Phước châu. Có lúc lên giảng đường nêu cử: "Trong pháp hội của Giáp Sơn có một vị Tăng đến Cao Đình, vừa mới lễ bái, Cao Đình bèn đánh. Vị Tăng ấy thưa: "Đặc biệt lại đây lễ bái, vì sao Sư đánh?" và lại lễ bái, Cao Đình tiếp đánh và đuổi ra. Vị Tăng ấy trở về nêu cử hỏi Giáp Sơn. Giáp Sơn bảo: "May nhờ ông không hiểu, nếu ông hiểu thì Giáp Sơn đây câm miệng ngay". Thiền sư Hoa - Ứng Am lại niệm rằng: "Cao Đình một thời kỳ nhấn kiệt chẳng cấm, cớ sao cây gậy buông đi rất nhanh? Vị Tăng ấy lúc đó nếu là bậc tài giỏi thì chớ nói Cao Đình và Giáp Sơn là phải. Đại sư Đạt-ma có xuất hiện lại nói đời cũng chặt làm ba . Cớ sao nhà giàu sang sinh con hiếu, nước lớn mạnh có mưu thần?" Sư niêm rằng: "Sân cửa Cao Đình, Giáp Sơn thiết bày mỗi tự có tiện nghi riêng, chỉ giữa đó một người so sánh chút ít. Thiền sư Hoa - Ứng Am cho gì nói cũng là bình trà Huyện Củng". Sư từng chỉnh sửa bộ: "Liên Đăng Hội Yếu", lưu truyền nơi chốn tùng lâm.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ CỬ - TRỰC ÔNG

1. Thiền sư Tụ ở Thiên đồng.

Thiền sư Tụ, Tự là Vân Ngoại ở Thiên đồng tại Minh châu, vốn người dòng họ Mổ, thuộc chủng tộc Xương Quốc, Sư thân hình tài tướng tinh vi, tinh thần hùng mạnh có thừa. Sư tôn thờ Thiền sư Cử - Trực Ông mà cầu xin xuống tóc xuất gia, nghiên cứu rỏ suốt yết chỉ tông tào động, thông rành cội nguồn. Đến lúc ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Từ Khuê - Thạch môn, đến trí môn tượng sơn, chuyển dời đến Thiên minh thuộc trong Quận, dùng tam Tông tiếp nối, bổn chúng suy cử thỉnh mời Sư lên ở Thiên đồng, khắp chốn tùng lâm không ai chẳng cúi đầu kính trọng, Sư giảng pháp hay khéo, thí dụ dẫn nêu nương theo, quý muốn các học giả đến nương tựa mà luyện thành đó, đến nỗi phóng vượt tuyệt trần. Tuy là mắt chim cốt tròng ngươi rồng cũng không dám lén dòm. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: "Trong bụi hồng phố chợ ồn náo có Phật pháp của rừng sâu hang núi. Hôm qua sơn Tăng ra cửa thành, Phật pháp trong bụi hồng ồn náo một lúc quên mất rồi vậy, đi hai mươi dặm đến Tùng vân, bèn thấy Phật pháp trong rừng sâu hang núi. Đại chúng hãy nói, thế nào là Phật pháp trong rừng sâu hang núi?" Ngưng giây lát, Sư bảo: "Mây trắng dạc rừng ra vào trong thái hư, nắm xanh đút lót thẳng lên trên đảnh tùng lạnh". Lại nhân lúc tạ thư ký thủ tòa tạng chủ, lên giảng đường, Sư nắm cây phất trần đánh vẽ một tướng vòng tròn, bảo: "Giáo pháp đại thừa lìa tứ cú tuyệt bách phi". Lại đánh vẽ một tướng vòng tròn, tiếp bảo: "Lễ bái đó dùng hòa làm quý, đạo ấy của Tiên Vương

là tốt đẹp”. Lại đánh vẽ một tướng vòng tròn, Sư tiếp bảo: “Châu ngọc ma-ni, người không biết, trong như lai tạng gồm thâu được, các người có thấy chăng? Chỗ thấy chẳng đồng, nên có được mất. Mẹ Thiên Đồng trong đó có mẹ hẳn”.

Sư chẳng cao ngạo, chẳng tham tiếc, không ăn riêng, mọi thứ lợi lộc có được đều tùy đó mà cho người. Thấy các hàng hậu sinh, Sư rất kính mến lại càng cẩn trọng. Thường ngày hai bữa cơm cháo, Sư thảy cùng đồng đại chúng lên trai đường. Đến lúc Sư thị tịch, không còn của cải gì, các thiền giả cùng nhau gom góp tiền bạc chung lo hậu sự, dựng tháp an táng tại bản sơn. Sư có các đệ tử tìm tới phương lớn riêng lên Độc mộ, Tỉnh ngu, Am chứng và Vô ấn, bốn vị đủ làm lớn tông ấy. Chỉ bởi ngôi vị không xứng đức nên hiếm ít người nối dõi dòng pháp của Sư vậy.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TỔ TIÊN Ở NGỌA LONG

1. Thiền sư Sư Phạm ở Kính sơn.

Thiền sư Sư Phạm - Vô Chuẩn ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Ung ở Tử đồng tại đất Thục, năm chín tuổi, Sư đến nương tựa Thiền sư Khâm Đạo ở núi Âm bình cầu xin xuất gia, với các thứ kinh sách qua mắt Sư, đều thành bài tụng. Mùa đông năm Thiệu Hưng thứ năm (1194) thời Nam Tống, Sư đăng đàn thọ giới Cụ túc. Qua năm sau, đến thành đô an cư biết hạ tại chánh pháp, gặp một bậc lão túc tên là Nghiêu, Sư bèn thưa phương pháp tọa thiền. Lão túc Nghiêu bảo: “Thiền là vật gì, tọa là ai?” Sư vâng nhận lời ấy đêm ngày tham cứu. Một ngày nọ đến nhà xí Sư đề khởi câu thoại ấy bèn có sự tỉnh ngộ. Qua năm sau, Sư bèn giã từ mà đến bái yết Thiền sư Phật Chiếu đang ở tại Dục vương. Thiền sư Phật Chiếu hỏi: “Ông người xứ nào?” Sư đáp: “Người xứ Kiếm châu”. Lại hỏi: “Mang kiếm lại được chăng?” Theo tiếng hỏi ấy Sư bèn hét. Thiền sư Phật Chiếu cười bảo: “Ông đậu quạ làm loạn. Nghèo quá không tiền cắt tóc nên vậy”. Ở trong thất, Thiền sư Phật Chiếu luôn gọi Sư là “Ông đầu quạ”. Lâu sau Sư trở về Linh ẩn, khi ấy Thiền sư Tổ Tiên - Phá Am đang ở đệ nhất tòa tại đó, sau khi thọ trai đồng đến am Thạch tuân. Các đạo giả đến thưa hỏi Thiền sư Phá Am - Tổ Tiên về câu thoại Hồ Tôn Tử - Thiền sư Tổ Tiên trả lời đã nói ở trong truyện Thiền sư Tổ Tiên - Phá Am, Sư đứng hầu bên cạnh bỗng có sự tĩnh ngộ. Khi Thiền sư Tổ Tiên đến quét tháp Thiền sư Mật Am - Hàn Kiệt, Sư cũng đều theo đi. Mãi đến lúc Thiền sư Tiên Tổ vào Khung lung. Sau đó không bao lâu vì đài nhạn chưa đến lôi kéo Nguyệt

Thạch Khê đồng đến Thụy nham. Bấy giờ Vân Sào đang nhận lãnh việc trú trì tại đó, bèn lưu lại phân tòa. Bỗng nhiên ban đêm, Sư mộng thấy có một người thân hình to lớn mặc áo đội mão đem đến trao cho một ôm cỏ mao (tranh). Qua ngày hôm sau, Lương chuyên sứ ở Minh châu đến, Sư nhận sự thỉnh mời vào viện, thấy nơi gọi là chốn Già-lam thần, "Mao" là chữ dòng họ của vị đó, áo mão và trù tích đều như trong giấc mộng không khác, lên giảng tòa khai đường giảng pháp Sư đốt nén hương cúng dường Thiền sư Tổ Tiên - Phá Am đã ba chuyển dời đến Tiều sơn. Năm đó Sư lại chuyển dời đến ở Tuyết đậu, ba năm sau, Sư lại có sắc chỉ chuyển dời đến ở Dục vương. Lại qua ba năm sau, pháp tịch Thiếu lâm tại Tung sơn bị tống phế, Kính Sơn tấu trình triều đình ban sắc bổ nhận Sư đến đó. Qua năm sau chùa bị thiêu cháy, Sư tính ngược lại, biết rõ số phận ấy nên tâm ý vẫn tự nhiên sắc mặt không biến đổi. Tháng mười năm đó (?) có sắc chỉ mời Sư vào nội điện. Nhà vua đang ở tại điện tu chánh cùng ra mắt, Sư tâu trình đối đáp rành mạch, nhà vua vì thế đổi sắc mặt, ban tặng Sư pháp y Tăng-già-lê và áo nạp kim lan, và tuyên sắc chỉ mời Sư lên pháp tòa tại điện từ Minh giảng pháp, nhà vua rủ rèm ngồi nghe, xong bèn ban tặng Sư hiệu là "Phật Giám Thiền sư". Ba năm sau chùa tạo dựng được hoàn thành. Trải qua sáu năm lại bị cháy một lần nữa, Sư cũng chẳng kinh ngạc cũng chẳng đổi thay, mọi người đến hỗ trợ giúp đỡ đông nhiều, chưa đầy vài năm mà chùa mới lại hoàn thành to lớn rất mực hưng thạnh. Cách khoảng bốn mươi dặm Sư xây dựng phòng thất vài trăm gian, tiếp đãi mây nước, trên biển ngạch đề là "Vạn niên chánh tục". Từ "Chánh tục" về phía tây vài trăm bộ. Sư dựng một ngôi am làm nơi về ẩn tàng. Phía trên xây dựng tùng các, kín cất giữ các vật ngự hàn ban tặng, cả trước lẫn sau, che dựng hai phía đông và tây của thất để tôn thờ Tổ sư và lo việc hương hoả đối với Tiên thế. Nhân kỷ niệm ngày mới sinh, Sư thiết trai cúng Phật và chúng tăng để hồi hướng minh phước, bởi vì từ khi tại đất Thục loạn lạc, Tiên Tổ của Sư bèn bị dứt tuyệt sự phụng thờ, nên nay đây Sư phụng thờ để biểu thị tâm thành hiếu hạnh kính mộ. Nhà vua nghe thế lại rất mừng vui tán thán, ban tặng bức hoành đề là "Viên Chiếu".

Mùa thu năm Mậu thân (1248) thuộc niên hiệu Thuần Hựu (1241-1253) thời Nam Tống, Sư lại xây dựng ngôi thất tại trên hồ Minh nguyệt, đề bảng hiệu là "Thối Canh". Xin triều đình vì có tuổi già và bệnh xưa tái phát nên trở về đó. Đến sáng mồng một tháng ba (Năm?), lên giảng đường, Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Nay sơn Tăng đã già lại bệnh, không còn sức lực để cùng các người nói đông nói tây, ngày nay gắng

gượng ra đây, những điều cũng nói từ trước chưa đến tận cùng, tận tình hướng đến trước mặt các người mà phấn chấn vậy". Sư bèn đứng dậy, rủ chiếc áo và bảo: "Là ít hay nhiều?" Đến ngày mười lăm, Sư nhóm tập phân thành hai ban, phát họa hậu sự, tự thân Sư viết vi biểu và Di thư có hơn mười bản, nói cười đùa vui như lúc bình thường. Đồ chúng thỉnh cầu Sư lưu lại kệ tụng, Sư mới nắm bút viết nhanh rằng: "Lúc đến không phép tắc, khi đi chẳng thứ tự, lại cầu hỏi đích xác. Thiên thai có cầu đá". Xong, chỉ khoảnh khắc, Sư bèn tịch. Lưu để khám lại mười bốn ngày, Di biểu của Sư tấu trình lên đến triều đình. Nhà vua bèn sai trung sứ ban gián hương và tiền bạc đến cúng. Nghinh phụng toàn thân đến an táng dựng tháp tại am Viên chiếu. Các đệ tử bẩm thọ giáo phát từ Sư mà phân tòa giảng pháp giáo hóa các nơi như Thiền sư Khâm ở Tuyết nham, Thiền sư Luân ở kiều, Thiền sư Huệ ở Tây nham v.v...

2. Thiền sư Pháp Huân ở Linh ẩn.

Thiền sư Pháp Huân hiệu là Thạch Điền ở Linh ẩn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Bành ở My sơn. Lúc vừa mới sinh mà Sư sớm tỏ vẽ thông minh mẫn tuệ, khoảng ba - bốn tuổi, hể thấy tôn tượng Phật hoặc chư Tăng tức biết lễ kính. Năm mười sáu tuổi, Sư đến nương tựa Sa-môn Trí Minh ở viện Pháp bảo tại núi Thạch long, Đan lăng cầu xin xuất gia. Năm hai mươi hai tuổi xuống tóc thọ giới Cụ túc. Bèn du phương đến lễ bái Tháp Lôi Thiên ở Thạch sương, mà thuật kệ tụng rằng:

"Nhất niệm từ dung vốn chẳng cách,
Nào phải đặt đất bày trương trái,
Sang cao đến thấp tâm từ bi,
Hại được Lôi Công một đêm bận".

Tên Sư nhân đó mà vang vọng. Nghe Thiền sư Tổ Tiên - Phá Am đang ở Khung lung tại Ngô môn đạo phong vang vọng. Sư bèn đến nương tựa, chỉ qua một lần gặp thấy, liền biết Sư là bậc pháp khí, do đó, ở trong thất, Thiền sư Tổ Tiên nêu cử: "Đức Thế Tôn niêm hoa, Tôn giả Ca-diếp mỉm cười". Sư liền nói: "Gạch nung đánh nhầm lạnh tới đáy, mắt đỏ khua nhầm lửa đầu củi". Thiền sư Tổ Tiên ngầm lấy làm lạ đó, thường trong hằng ngày, sử dụng luôn khơi dậy điều nghi. Từ đó, Sư quyết chí nương theo tùy thời thưa hỏi. Một ngày nọ cùng Thiền sư Sư Phạm. Vô Chuẩn khêu khích, Sư bèn giã từ ra đi, vân du khắp các sân cửa của các bậc Lão túc. Sư đến ra mắt Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên ở Linh ẩn, Thiền sư Sung - Khẳng Đường ở Tịnh từ, Thiền sư Diễn - Độn Am ở Hoa tạng, mà đều cho đó là các vị ấy đều từ trong lò bệ của tác gia ra, nên chẳng tự đồng với Sư. Bỗng chốc ra đời hoằng hóa, Sư đến

ở Cao phong tại Tô châu, Cao phong là một ngôi chùa nhỏ hẹp, khổ cực, lại bị cấm ngăn, thiếu thốn, Sư dốc sức lực tự thân để đốc suất đó. Chưa đầy ba năm lại bị đổi chùa làm đạo Quán, tiếp theo Sư chuyển dời đến ở Phong kiều, đồ chúng lại đoanh vây chần chịt. Tại chung sơn, pháp tịch bị tống phế, miếu đường tinh liệu tuyển chọn, mới đề cử bổ nhậm Sư đến ở đó. Khoảng đầu niên hiệu Bảo Khánh (1225) thời Nam Tống. Sư chuyển dời đến ở Tịnh từ. Đến năm Đoan Bính thứ hai (1235) thời Nam Tống. Sư lại chuyển dời đến ở Linh ẩn. Đến ngày rằm tháng ba năm Giáp thìn (1244) thuộc niên hiệu Thuần Hựu thời Nam Tống (1241-1253), Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Chỉ được gốc chớ buồn ngọn, gọi nghĩ gì làm gốc? Gọi nghĩ gì làm ngọn? Tùng bách ngàn năm xanh, chẳng vào ý người đương thời, mẫu đơn một ngày hồng, đầy thành công tử say, sơn Tăng nghĩ gì nói, nếu có chẳng chịu đến là ta đồng tham". Có đệ tử là Thiền sư Sư Tuấn đắp họa hình tượng của Sư, cầu xin Sư cho bài tán thán, Sư bèn cho, và trong đó có câu Sư viết: "Một câu cuối cùng phân giao Trù sơn", đại chúng rất lấy làm ngờ lạ về câu ấy. Qua ngày hôm sau, bỗng nhiên, Sư hiện tướng bệnh, lại qua một ngày sau nữa, Sư lui về ở Bảo thọ, Sư bày rõ tính liệu việc hậu sự, là an táng toàn thân tại núi ở sau viện. Xong Sư thị tịch, đại chúng không dám làm trái ý Sư - Sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, ba mươii lăm hạ lạp, Sư có dáng mạo người xưa tánh tình thẳng thắng, nói năng ngôn từ hùng mạnh, qua năm lần đổi dời ở các chùa lớn, suốt ba mươi hai năm rảo theo lễ phép mà đủ dùng, xét lượng mà tính công. Tuy có tạo dựng những công việc lớn, nhưng một mảy may chẳng can phạm đến của người - thấy người từ xứ khác mang sớ lộ đứng đợi nơi cửa thì thầm vì mong cầu thí cho, Sư thẳng thắng xem thường mà cười đó, mà đất cây vàng ngọc tại nơi tự nhiên thành tựu vậy.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 35
(Hết)

■

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC

QUYỂN 36

MỤC LỤC

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Vân Tụ ở Thiên đồng, có một vị:

1. Thiền sư Đại Chứng ở Tuyết đậu (Hiện có ghi lục)

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tú ở Cô phong, có hai vị:

1. Thiền sư Ngưng - Hoàn Sơn ở Cổ sơn.
2. Thiền sư Giới - Nhất Nạp ở Song lâm (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Phổ Tế ở Linh ẩn, có 03 vị:

1. Thiền sư Khải. Đông Sưu ở Tương sơn.
2. Thiền sư Đồng - Dã Ông ở Tuyết đậu.
3. Thiền sư Lai - Thạnh Môn ở Thiên đồng (ba vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tự Cảnh ở Thiên đồng, có hai vị:

1. Thiền sư Chiếu ở Tùng song
2. Thiền sư Viên Nguyệt Phong (hai vị không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Như Giác ở Tuyết sơn, có một vị:

1. Thiền sư Hữu - Không Nham ở Trung trúc (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Nhân - Đại Mộng ở Tuyết đậu, có một vị:

1. Thiền sư Trung - Không sơn ở Phụng phan (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tuệ Khai ở Hoàng long, có một vị:

1. Hòa thượng Kiến - Hạt Lư (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Tịnh - Thuần Am, có một vị:

1. Thiền sư Mưu ở Tây giang - Thiên đồng (Không ghi lục).

- Đệ tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Sùng Nhạc ở Linh ẩn, có mười hai vị:

1. Thiền sư Thiện Khai ở Kim sơn.
2. Thiền sư Phổ Nham ở Đạo tràng.
3. Thiền sư Giác Thông ở Hoa tạng.

4. Thiền sư Hy Liên ở Long tường.
5. Thiền sư Quang Mục ở Thuỵ nham.
6. Thiền sư Văn Lễ - Thiên Mục (hai vị không ghi lục)
7. Thiền sư Khiêm - Đại Hiết ở Tuyết đậu.
8. Thiền sư Đạo - Cốc Nguyên ở Tịnh từ.
9. Thiền sư Nham - Vân Sào ở Thuỵ nham.
10. Thiền sư Đàm - Tật Lê ở Hổ khâu.
11-Thiền sư Tâm ở Bắc hải.
12. Thiền sư Triệu ở Nặc am (sáu vị không ghi lục).

*****

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ ĐẠO SINH Ở TIẾN PHƯỚC

1. Thiền sư Đạo Xung ở Kính sơn.

Thiền sư Đạo Xung - Si Tuyệt ở Kính sơn, vốn người dòng họ Tuân ở Trường giang, Võ tín. Thân mẫu Sư vốn người dòng họ Quách. Sư vừa mới sinh mà trên sung túc dưới ngắn gọn, từ lúc thiếu thời lớn dần Sư đã cho là học hành đỗ đạt tiến sĩ ứng chiếu làm quan không lợi, bèn thọ học Phật pháp, đến lễ ái Sa-môn Tu Chứng ở viện Diệu quả tại tử châu cầu xin xuất gia. Xong, Sư vân du đến thành đô tập học kinh luận. Năm Nhâm tý (1192) thuộc niên hiệu Thiệu Hy (1190-1195) thời Nam Tống, ra khỏi hạp, Sư xoay quanh khắp xứ kinh sở. Bấy giờ, Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên đang xướng đạo của Thiền sư Hàm Kiệt - Mật Am ở Tiến phước tại Nhiêu châu, Sư bèn thẳng đến đó cầu xin nương tựa, nhưng gặp phải năm đói kém nên không nhận, lại nhân gặp Thiền sư Đạo Sinh - Tào Nguyên ra đời hoằng hóa đang ở tại Diệu quả, nghe thế, Sư bèn vào cửa thưa hỏi đàm nói mà có sự tỉnh ngộ. Vào tham đường, bảo Sư hầu hương, Sư bèn sớm tối cùng theo đi, nắm đấm tay già vết đau cây gậy chẳng thiếu mượn vay, mọi thấy biết của thủa bình sinh đến đó phần nhiều đều không ảnh hưởng. Khi Thiền sư đạo sinh, chuyên dời đến Quy phong, Sư cũng theo hầu. Qua ba năm sau, viết kệ tụng giã từ đến đất chiếc, trong đó có lời nói là: “Còn thừa cùng cho một đôi tay, cần đến các phương gãi nơi ngứa”. Khi Sư đến kinh đô thì Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên lại đang chủ sự ở Linh ẩn, Sư bèn vào nương tựa. Đến năm Kỷ mão (1219) thuộc niên hiệu Gia Định (1208-1225) thời Nam Tống, đang là ở đệ nhất tòa tại Kính sơn, Sư ứng đáp sự thỉnh mời đến ở Quang hiếu - Gia hòa hoằng hóa, nối dõi dòng pháp của Thiền sư Đạo Sinh - Tào Nguyên. Bấy giờ Am Nguyên, Giác Am, Tức Thiền

sư Nguyên - Phùng Am, Thiền sư Phạm. Vô Tướng, Thiền sư Nguyệt - Thạch Khê đều ở trong hội, đạo phong vang vọng đến triều đình. Trung hiếu Vệ vương dùng Đường thiếp bái trừ Tương sơn, gần sông dễ ngâm nước nên phần nhiều ruộng dưới không được mùa, Sư nhẫn chịu đói kém, đi khất thực để nuôi dưỡng các bậc hiền sĩ, ở suốt mười ba năm mà không tỏ vẻ mệt nhọc. Đến năm Kỷ hợi (1239) thuộc niên hiệu Gia Hy (1237-1241) thời Nam Tống, Thị lang Đông Quyến Tào Công Bân Thống suất mâm châu, nghe đạo phong Sư vang vọng nên đem cổ sơn để mời đón Sư , chưa đi đến đó thì Từ Tuyết Phong có điệp văn đưa đến thỉnh mời. Sư đến nhận lãnh việc được nữa năm thì lại có chiếu ban mời đến ở Thiên đồng, chúng Tăng nhóm tụ như biển, pháp độ tu chỉnh tỏa sáng, tuy các bậc trí lớn hưng thạnh ở đương thời chẳng ai hơn được. Lại nữa tại Dục vương, pháp tịch bị trống phế, Sư phải nhận nhiếp việc trú trì, qua lai giảng pháp cả hai nơi. Có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Thiên Đồng dùng đến tận cùng, lại Dục vương dùng chẳng nhằm, tại Dục vương dùng đến tận cùng, trở về Dục vương dùng chẳng nhằm, tuy là như vậy, nơi dùng chẳng nhằm, nơi dùng có thừa, một mũi tên bắn cả hai con chim điêu tùy theo tay mà rơi lạc". Lại nhân ngày kết hạ, lên giảng đường Sư bảo: "Già-lam Viên giác, mỗi mảy trần đều có đường, ngồi đứt đến đi, chóng trắng xưa nay, nơi nào mười ba, nơi này mười lăm, sau trước chẳng sai một mảy tóc. Đáng cười Lão Cù-đàm mặt vàng, đến nay chẳng biết nói lạc. Đến năm Giáp thìn (1244) tức năm Thuần Hựu thứ hai (1), lại có sắc chỉ dời đến ở Linh ẩn, mà ở đời hẳn có người không vừa ý đối với Sư, Sư bèn giống trống báo cùng đại chúng về ẩn náo tại Kim lăng, Kinh Triệu Duẫn sai quan thuộc theo tìm lôi kéo Sư đến ở Tô đài nhưng không thể được, triều đình lại ban lệnh lấy Hổ khâu làm nơi để Sư dưỡng Lão nhưng Sư cũng không đến. Lưu Thú Hư Trai Triệu Công lấy Tương sơn để thỉnh mời nhưng Sư cũng không đến. Mùa xuân năm Mậu thân (1248), tại Dục vương, Thiền sư Kham - Tiếu Ông tán phải pháp tịch, triều luận lấy nhà cũ đại giác chẳng khinh ban cho mời Sư đến ở ẩn tại đó, sai sứ đến ba lần nhưng đều trở về không, cuối cùng Sư chẳng vâng phụng sắc chiếu. Năm sau lên Kính sơn, chưa bao lâu nơi mạng ngực Sư cảm phát bệnh mãi qua mùa xuân năm sau không lành khỏi, nhưng Sư vẫn lên pháp tòa giảng pháp không phế bỏ, đến cuối tháng hai Sư mới không ra nhưng nói kệ tụng viết văn tán thán, vui cười nói bàn v ẫn như lúc bình thường. Vị Tăng hầu Sư cầu xin Sư lưu lại kệ tụng, Sư phẩy xua chẳng đoái hoài, thế rồi, Sư cười bảo vị Tăng ấy là: "Một câu cuối cùng, không thể thương lượng, chỉ cần mỗi người,

ngay đó nhận lấy”. Từ đó, Sư vắng bặt thuốc thang, tuyệt dứt mọi việc bên ngoài, đến nữa đêm mười bốn (?), Sư ngồi dậy, khoảnh khắc bèn thị tịch - Đồ chúng nghinh đưa về an táng tại trong núi Kim lăng”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VĂN Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Diệu Cao ở Kính sơn.

Thiền sư Diệu Cao - Vân Phong ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người xứ Trường khê, Phước châu. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo. Thân mẫu Sư là người dòng họ Nguyễn mộng thấy trên ao có một trẻ nhỏ chấp tay ngồi giữa nhuỵ hoa sen, đưa tay bưng đổ lấy, bỗng tỉnh giấc mà sinh Sư, nhân đó đặt tên Sư là “Mộng Trì” Sư dáng vẽ thần sắc tuấn tú ham thích sách vở, rất ham thích kinh sách Phật giáo, cố cầu xin học pháp xuất thế, đến nương tựa Thiền sư Trạch - Vân Mộng ở Ngô trung cầu thọ giới Cụ túc. Sư ý chí bén nhạy cầu đạo tham đầu dứt tuyệt si ám. Tiếp theo, Sư đến bái yết Thiền sư Vô Chuẩn rất mến quý Sư. Sư lại đến Dục vương bái yết Thiền sư Văn - Yển Khê. Vào thất Sư trông giữ chìa kho kho tạng. Một ngày nọ, Thiền sư Văn nêu cử: “Thí như trâu đi qua lá chắn cửa sang, đều, sừng và bốn châu đều qua xong nhân gì cái đuôi không qua được?” Vụt nhiên, Sư có sự tỉnh ngộ liền đáp rằng: “Cá kình nuốt hết nước biển, bày ra cành san hô”. Thiền sư Văn ấn khả cho Sư - Gặp lúc Thiền sư Văn chuyển dời đến phương Nam tĩnh lắng, Sư cũng cùng theo đi. Về sau, ra đời hoằng hóa, Sư đến ở Đại lô, Tuyên hưng, làm đích tử nối dõi dòng pháp Thiền sư Văn. Sư lại chuyển dời đến Khuyến trung, Tráp xuyên, Hà sơn, Vân nạp, lui tới bốn nơi. Gặp lúc tại Tương sơn pháp tịch bị trống phế, Sư vân phụng sắc chỉ thỉnh mời đến ở đó. Qua mười ba năm mà Tăng chúng có hơn 5000 vị. Đến năm Ất hợi (1275) thuộc niên hiệu Đức Hựu (1275 - 1276) thời Nam Tống. Chùa bị quân sĩ phá hoại, có người cưỡng ép Sư muốn đòi kiếm vàng, bỗng dùng mũi nhọn áp đảo Sư, Sư đưa dài cổ bảo: “Muốn giết thì cứ giết, đầu tôi không thể chết bởi dao nhọn của ông vậy”. Ngôn từ nhan sắc Sư không tỏ vẻ khiếp sợ, các quân sĩ cảm động ném bỏ mũi nhọn mà đi. Thừa tướng Bá Nhan Công gặp thấy Sư cũng thêm kính trọng, bèn cúng thí trăm con trâu, thiết trai lương thực cúng dường có đến năm trăm. Chùa nhờ đó mà cấp giúp. Đến năm Canh thìn (1280) thuộc niên hiệu Chí Nguyên (1264 - 1295) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Kính sơn, chùa gặp phải hồi lụt. Mới tạo dựng lại, mười phần chỉ được một, Sư dốc tâm xây dựng, chưa đầy mười năm thảy đều hoàn tất như Cựu Quán. Đến mùa xuân năm Mậu tý (1288), ma sự bỗng nhiên dấy

loạn, có người sàm tấu muốn phá hủy Thiền tông. Sư than rằng: "Đây là việc lớn của Tông môn. Ta phải nhận chịu nhận lấy cái chết mà tranh đấu!" Bèn đến kinh đô. Triều đình có sắc chỉ nhóm tập các tông đồ đến cùng biện luận. Vua (Thế Tổ - Hốt Tất Liệt) hỏi: "Thiền lấy gì làm Tông?" Sư đáp: "Tịnh trí diệu viên, thể vốn không tịch, chẳng phải nói mà thấy nghe hay biết nghĩ lường phân biệt có thể thấu đạt". Tuyên hỏi vài ba phen Sư đều lần lược nêu cử chư Tổ từ Tây vức cho đến thần Trung Hoa và cả nhân duyên đánh gậy, quát hét của Đức Sơn, Lâm Tế, đại khái thiền là chánh pháp nhãn tạng, Niết bàn diệu tâm, vượt tối thượng thừa chẳng có ai hơn được thiền". Ngôn từ ý chỉ rõ bày có hơn hai ngàn (2.000) lời. Vua lại tuyên bảo: "Đến trước giường cùng người sàm tấu phản phúc luận nạn. Kẻ sàm tấu ấy bị bẻ gãy cụt lời. Nhà vua rất vui vẻ, Thiền tông trở lại an bình như mới đầu. Xong, đến trước thềm giã từ trở về phương Nam. Có lúc Sư chỉ dạy đại chúng rằng: "Ta vốn ẩn trốn sâu xa nơi hang hốc, lánh né qua thời gian, chẳng thể gọi là mặt nhật soi chiếu đất trời quan lâm, khó ẩn trốn đến đất bắc". Sư lại bảo: "Vá choàng che đầu muôn sự nghĩ, thời này sơn Tăng đều chẳng hiểu". Kính sơn lại bị tay biến một lần nữa, Sư bảo cùng đại chúng rằng: "Xưa trước ta cô phụ nên núi này trách vậy". Và bèn dốc sức tạo dựng lại, xây quanh bờ điện làm hồ, phòng ốc khác lần lược lạc thành. Đến ngày 17 tháng 06 năm Quý tỵ (1293), Sư viết kệ tụng lưu lại mà thị tịch. Sư sinh ngày 17 tháng 02 năm Kỷ mão (1219) thuộc niên hiệu Gia Định (1208 - 1225) thời Nam Tống, hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi chín hạ lạp, an táng tại sườn núi phía Tây của chùa.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ QUÁN Ở DỤC VƯƠNG

1. Thiền sư Nguyên Hy ở Kính sơn

Thiền sư Nguyên Hy - Hối Cơ - Phật Trí ở Kính sơn, vốn người dòng họ Đường ở Dự chương. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo, Sa-môn Minh ở viện Minh giác tại Tây sơn là người chú cùng họ của Sư - Thân phụ Sư nhóm tập con em trong tông tộc để chỉ dạy học tập theo sách vở thế gian. Sư cùng người anh là Nguyên Linh đều theo nghiệp tiến sĩ, Nguyên Linh đã đỗ đạt, khi ấy Sư vừa mười chín tuổi bèn theo Sa-môn Minh mà cầu xin xuất gia. Lúc sắp du phương thân mẫu Sư rất mến thương, riêng lấy bạch kim làm trang sức Sư cho là của cải đầy đủ là táng mất, bèn khéo từ chối giả biệt thân mẫu ra đi chẳng theo một tiền. Đến đất Ngô, một thời các bậc danh túc đều muốn ra. Sư ở dưới tòa chẳng hề đoái hoài. Nghe Thiền sư Quán - Vật sơ đang xiển hóa

tại Ngọc kỷ, Sư bèn đến nương tựa. Thiền sư Quán cũng đàm nói, rất kinh ngạc về Sư - Sư ở lại theo hầu gần gũi, sớm tối thưa hỏi, mở hết ẩn bí. Thiền sư Quán bèn đặt tên tự cho Sư là "Hối Cơ" và khuyên răn Sư bằng bài kệ tụng. Về sau đến Tiền đường bái yết Thiền sư Dĩnh - Đông Sưu ở Nam bình, bèn mời Sư trông coi chuyên việc thư ký. Trong khoảng niên hiệu Chí Trung (1264 - 1295) thời nhà Nguyên, tổng thống Dương Liên Chân vâng phụng sắc chỉ đi thỉnh lấy xá lợi từ tháp vua A Dục cúng tạo đưa vào cúng dường mới đến thỉnh cầu Sư ghi thuật về đầu đuôi sự tích Xá-lợi như thế nào, nhân đó thỉnh mời Sư đồng đi, Sư chối từ và bảo: "Tôi có mẹ già sau chiến trận còn mất như thế nào chưa rõ biết". Rồi Sư bèn trở về Giang tây thì Nguyên Linh trước vì làm Lâm giang thông thán nên theo Văn thừa tướng dấy binh mà qua đời, riêng còn thân mẫu Sư ở tại nhà. Sư dốc lòng phụng dưỡng, do tâm hiếu hạnh mà tiếng tăm vang vọng. Sư ẩn cư tại Tiềm sơn trong quê nhà. Đến năm Nguyên Trinh thứ hai (1296) thời nhà Nguyên, ra đời hoằng hóa. Sư đáp ứng sự thỉnh mời đến ở Bách trượng. Ở đó mười hai năm mà pháp tịch hưng thạnh đồ chúng đông nhiều. Đến đầu niên hiệu Chí Đại (1308) thời nhà Nguyên, Sư lại ứng đáp sự thỉnh mời đến ở Tịnh từ. Ngày nhập tự, Hàng trung - thư - tỉnh, hàng - tuyên - chánh - viện cùng các quan thuộc đồng phủ phục nghinh thỉnh Sư phát dương Tông chỉ. Các bậc nạp Tăng anh kiệt ở bốn phương đồng nhóm tập. Lên giảng đường Sư bảo: "Vân Môn nói:" Cái chữ "Phổ" khắp đại địa mọi người chẳng biết làm sao". Rất không biết Vân Môn, tứ lăn xả bỏ đất, lúc ấy nếu có người gằn giọng hét một tiếng, đợi lão ấy phát tuôn xấu ác, từ từ mà đánh cái thăm hỏi đạo, chớ quái ngại xúc nghịch tốt lành, chẳng chỉ nâng đỡ dạy lão ấy, quản lấy câu thoại lưu hành khắp thiên hạ". Sư ở đó bảy năm, lại trở về Kính sơn, ở qua ba tháng, Sư lại cụ bị trượng sách về ở dưới Nam sơn. Lại thỉnh mời Sư nhưng Sư chẳng đến. Các bậc học giả ở Giang tây nghe Sư rút lui nhàn tỉnh đều nhóc lòng Chí thành thỉnh cầu pháp vị. Đồ chúng Đại ngưỡng - Bách trượng tranh nhau lại thỉnh mời Sư, Sư chối từ không được bèn trở lại ở Ngưỡng sơn. Ở đó ba năm, đến lúc sắp tịch, Sư viết thư tay trao truyền qua lại, viết kệ tụng chỉ dạy đại chúng, xong Sư buông bút mà tịch. Lúc đó là ngày 17 tháng 08 nhuần năm Diên Hựu thứ sáu (1319) thời nhà Nguyên, Sư hưởng thọ tám mươi hai tuổi. Dưới Đại ngưỡng có tảng đá kim kê, theo Đại sư ứng mã huyền sấm, nên an táng nhục thân Sư tại đó, mà đồ chúng của Sư ở tại Hàng châu lại dựng tháp vọng thờ tại Tây ẩn của Tịnh Từ để lưu tồn nơi tôn kính. Đệ tử nối dõi dòng pháp của Sư có Thiền sư Ân ở Tiếu ẩn, Thiền

sư Anh ở Thạch thất, Thiền sư Luân ở Trọng phương, v.v...

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ THIỆN TRÂN Ở KÍNH SƠN

1. Thiền sư Hạnh Đoan ở Kính sơn.

Thiền sư Hạnh Đoan - Nguyên Sưu ở Kính sơn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Hà ở Lâm hải. Gia đình nhiều đời nối nghiệp Nho giáo. Sư vừa mới sinh đã tỏ vẻ thông minh tú phát, từ bé thơ đã không ăn dùng các thứ tanh nồng. Năm mười hai tuổi, Sư theo người chú trong họ là Sa-môn Mậu cầu xin xuất gia, bèn được độ ở viện Hóa thành tại Dư hàng. Năm mười tám tuổi, Sư thọ giới Cụ túc. Tất cả mọi thứ văn tự chẳng do thầy chỉ dạy mà tự nhiên Sư có khả năng thông rành. Mới đầu đến dự tham nơi Hòa thượng Tạng Sưu ở Kính sơn. Hòa thượng Tạng Sưu - Thiện Trân hỏi: "Ông là người xứ nào?" Sư đáp: "Người xứ Đài châu". Hòa thượng Thiện Trân hét một tiếng, Sư trải toạ cụ ra. Lại hét một tiếng, Sư gấp toạ cụ lại, Hòa thượng Thiện Trân bảo: "Tha cho ông ba mươi gậy, tham đường đi". Ngay lời nói ấy bỗng nhiên Sư chóng ngộ, Thiền sư Thiện Trân liền mời Sư vào hầu ty. Đến lúc Thiền sư Thiện Trân thị tịch, Sư đến tịnh từ nương tựa Củng Công - Thạch Lâm, liền bảo Sư làm ký thất. Sau đó Sư cho Linh ẩn là nơi non nước tú ưu thắng, bèn đến treo tích trượng tại đó. Sư từng tự xưng là "Hàn Thập" có Củng Công - Hoành Xuyên, người ở trong làng quê đang ở tại Dục vương, viết kệ tụng thỉnh mời Sư là:

"Xa xa khoản đất trời,
Riêng có Hàn sơn tử".

Sư trọn chẳng qua sông, mà đến bái yết Chân Công - Giác Am đang ở Thừa thiên, lại đến tham yết Khâm Công - Tuyết Nham tại Ngưỡng sơn, Khâm Công hỏi: "Ông từ xứ nào lại?" Sư đáp: "Hợp lấy ngưỡng miệng". Khâm Công bảo: "Cầu lại kính cao, núi tập vân vút, chưa biết thư ký ở tại đâu?" Sư vỗ tay đáp: "Vịt nuốt con ốc trồng mắt chợt lồi ra". Khâm Công cười xoay lại bảo Thị giả: "Khéo rót trà mang lại". Sư nói: "Cũng chẳng tiêu được". Sư ở đó ba năm thì Khâm Công thị tịch. Sư mới trở về ở Chế hữu, Kính sơn thỉnh mời Sư đến ở Đệ nhất tòa.

Đến năm Canh tý (1300) thuộc niên hiệu Đại Đức (1297 - 1308) thời nhà Nguyên, ra đời hoằng hóa Sư đến ở Tư phước tại Hồ châu, học chúng đua nhau kéo đến, tiếng tăm vang vọng đến tận kinh đô. Nhà vua đặc biệt ban sắc tặng Sư hiệu là "Tuệ Văn Chánh Biện Thiền sư ". Trung - thư - bình - chương - sự - Trương Lư Công đang nhậm giữ Hành

tuyên chánh xứ, mới đầu đề cử thỉnh mời Sư đến làm chủ Trung thiên trúc. Ngày khai đường giảng pháp, các hàng công suất liêu thuộc đều đến dự tham dưới tòa. Đến năm Nhâm tý (1312) thuộc niên hiệu Hoằng Khánh (1312 -1314) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Linh ẩn. Lại có sắc chỉ thiết lập đại hội Thủy lục tại Kim sơn. Thỉnh mời Sư lên tòa giảng pháp, xong việc Sư lại vào thăm hầu, vua lại ban tăng Sư hiệu là "Phật Nhật Phổ Chiếu". Sư giã từ theo hướng Nam trở về dưỡng cao tại am ở phía tây Lương chữ, đến năm Nhâm tuất (1322) thuộc niên hiệu Chí Trị (1321 - 1324) thời nhà Nguyên, tại Kính sơn pháp tịch trống vắng, Tuyên chánh hàng viện thỉnh mời bổ nhậm Sư đến ở đó. Sư đến nói là có ba lần ban tặng pháp y ca-sa kim lan. Suốt hai mươi năm, chân Sư chẳng bước ra khỏi ngạch cửa, mà các hàng kính mộ đạo phong của Sư nhóm tụ đến không nơi dung chứa. Có vị Tăng hỏi: "Thế nào là chánh pháp nhãn tạng?" Sư đáp: "Đầu ngả tư đường, đá dám cản chận". Lại hỏi: "Chẳng chỉ dừng ấy bèn là phải?" Sư đáp: "Vầng nguyệt tợ cung cong, ít mưa nhiều gió". Có lúc lên giảng đường, nêu cử: "Có vị Tăng hỏi Triệu Châu: "Con chó có Phật tánh không ?" Triệu Châu đáp: "Không". Lại có vị Tăng khác hỏi: "Con chó có Phật tánh hay không?" Triệu Châu đáp: "Có". Xong, Sư bảo: "Nếu lấy "Không" làm rốt ráo, sau lại nhân gì nói là "Có"? Nếu lấy "Có" làm đích xác, trước mặt nhân gì mà nói "Không"? Ở trong đây bắt giặc Triệu Châu, hứa cho các người trên trời dưới trời". Lại có lúc lên giảng đường Sư bảo: "Gió thu mát, đêm thu dài, khách chưa về, nghĩ nhớ quê hương". Sư vỗ xuống thiền sàn một cái tiếp bảo: "Tự là chẳng về, về bèn được, cảnh khói Ngũ hồ có ai tranh". Sư từng khám xét hỏi vị Tăng mới đến: "Thánh giả ở phương nào, Linh kỳ ở xứ nào?" Vị Tăng ấy đáp: "Lâm trẫm châm". Sư bảo: "Dứt chọn thiền hòa như vừng tợ thóc, tham đường đi". Sư lại khám một vị Tăng khác: "Bàn thờ đá chẻ phá cửa ngực ông, bồn chén ao ngâm nát bảng chân ông". Vị Tăng ấy định mở miệng đáp. Sư liền quát hét. Sư lại khám xét một vị Tăng khác: "Đánh mở hoa nhạc liền trời xinh, phóng ra Hoàng hà suốt đáy trong, tức tạm để đó, còn trên thật địa nói đem lại một câu xem?" Vị Tăng ấy định mở miệng đáp, Sư bèn đánh, Sư dùng mắng chửi quát hét vì môn nhân đệ tử mà tha thiết dạy răn, vì chẳng gần tình người thực hành đạo đại công trong thiên hạ. Việc lợi tha của Sư đều ngầm mà làm đó, không rằng chẳng nói. Sư sinh năm Ất mão (1255) thuộc niên hiệu Bảo Hựu thời Nam Tống (1255 - 1259), đến ngày mồng 04 tháng 08 năm Tân Tỵ (1341) thuộc niên hiệu Chí Chánh (1341 -1368) thời nhà Nguyên, Sư viết kệ tụng giã biệt đại

chúng rằng:

"Vốn không sinh diệt,
Sao có đến đi.
Sông băng phát lửa,
Cây sắt nở hoa".

Xong, Sư buông bút, duỗi một chân mà thị tịch, hưởng thọ tám mươi tám tuổi, bảy mươi sáu hạ lạp. Đến ngày 11 tháng đó, nghinh đưa toàn thân Sư an táng tại viện Tháp tịch chiếu. Sư có các đệ tử như Trúc Tuyền, Lâm Cổ, Đảnh Minh, Mộng Đường, Ngạc Sở, Thạch Kỳ, Dùng Trung Cập v.v... đều đủ để làm cao lớn Tông ấy.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ TRỌNG DĨNH Ở TỊNH TỪ

1. Thiền sư Liễu Vạn ở Giang tâm.

Thiền sư Liễu Vạn - Nhất Sơn ở Giang tâm tại Ôn châu, vốn người dòng họ Kim ở Lâm xuyên. Sư dáng mạo gầy ốm. Năm mười lăm tuổi, Sư học nghiệp trình văn rất có tiếng tăm, nhưng chí khí muốn xuất gia, chẳng đoạt, bèn đến nương tựa Sa-môn Tư ở viện Thường lạc tại Kim khê mà cầu xin xuất gia, bỗng nhiên có Linh Chi Sản Hộ Xu chiêm đoán, Sư bảo là điềm tốt. Đến lúc du phương, Sư vào bái yết Thiền sư Văn - Yển Khê, Thiền sư Giác - Kinh Sưu, Thiền sư Kính - Giản ông đều cùng hợp ngữ. Khi Thiền sư Trọng Dĩnh - Đông Sưu nhận lãnh Nam bình, chọn Sư làm chưởng ký. Chợt đi qua đền thờ thần Sư thấy tro giấy theo gió xoay nổi bỗng nhiên quên bậc sở chứng, bèn trình bày cùng Thiền sư Trọng Dĩnh. Thiền sư Trọng Dĩnh hỏi vặn lại Sư trọn không ngưng trệ. Nhân đó mà Sư ấn chứng. Sau, Sư vân du đến Thiên thai, và cảnh chúng thỉnh mời khai đường giảng pháp tại Hàn nham. Sư trọn nối dõi dòng pháp của Thiền sư Trọng Dĩnh - Đông Sưu. Qua ba năm sau, Sư chuyển đến ở Tiên cư, Tử trạch. Lại qua mười năm sau, Sư chuyển đến ở Sơ sơn đang lúc bàn nghị nếu chẳng hợp tức liền đánh lui. Sau đó không bao lâu, Giảng Hoài tổng thống nhóm tập Chư sơn đến Trực chỉ đường ở Linh ẩn cùng bàn luận lấy Khai tiên để thỉnh mời Sư đến ở. Sư đến chăm việc tùng lâm đảnh tân. Lại trải qua mười năm lên ở Giang tâm, hơi có việc chẳng vừa ý Sư bèn bỏ đi. Chúng Tăng trong chùa có vài trăm vị khẩn cầu lưu lại, cùng theo Sư đến nơi của Bằng Công nhưng Sư vẫn không chấp thuận, mỗi tự khóc than giả biệt tan về mà Sư vẫn tự nhiên như thoát được gông cùm. Gặp lúc Thiền sư Minh - Nguyệt Giản ở Đông khê đưa thuyền đến thỉnh đón Sư về ở đó. Đến lúc Thiền sư Minh thị tịch, đại chúng ở Khai tiên lại đến cầu thỉnh Sư

trở về. Sư quyết sức chối từ. Đại chúng khẩn thiết bức bách vài ba phen, nguyện chẳng vì việc chùa phiền lụy đến Sư, chỉ xin Sư dạy răn đồ chúng mà thôi vậy. Đến ngày 26 tháng 11 năm Hoàng Khánh thứ nhất (1312) thời nhà Nguyên, Sư cảm mắc bệnh, ngồi nơi tòa cao, chẳng cần thuốc thang. Qua bảy ngày, đòi tắm gội thay y phục rồi ra ngồi nơi án sách viết lời giã biệt đại chúng. Xong, Sư ngồi mà thị tịch. Sau khi trà tỳ gom nhặc được Xá-lợi năm sắc bằng hạt đậu nhiều vô số, hai tròng mắt không tiêu hoại, lại nung đốt lửa mạnh, thì càng sáng rỡ hơn, răng và đảnh cốt cứng chắc va chạm nhau có tiếng leng keng. Bấy giờ cải đổi làm tháp Ô-già ở Dự chương. Giang tây hàng tỉnh thừa tướng Cán Xích bảo lấy nơi tôn trí Xá-lợi của Đức Thế Tôn xưa cũ mà tôn trí Xá-lợi của Sư vào đó, đồng thời bảo kẻ sứ phân chia tròng mắt, Xá-lợi của Nhất Sơn tôn trí trong hợp bạc mà an táng, ngoài ra các cốc Xá-lợi còn lại thì an táng tại Đông khê.

2. Thiền sư Ích ở Nhạc lâm.

Thiền sư Ích - Úc Đường ở Nhạc lâm tại Phụng hóa, vốn người xứ Ôn châu. Sư khai đường giảng pháp ở Thiên ninh tại Vụ châu, rồi lên Chương Thánh, đến Nhạc lâm. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Người xưa nói: “Trong ta không có pháp cho người, chỉ là y cứ như thực mà kết án”. Trong Chương Thánh cũng không có pháp cho người, cũng chẳng y cứ như thực mà kết án”. Sư nắm cây gậy tiếp bảo: “Thế nào là chân không của Phật đạp trên hoa sen? Thế nào là việc Phật hướng thượng? Khắc hoạ cột xà”. Sư ném cây gậy xuống rồi trở về phương trượng. Nhân ngày 15 tháng 02, lên giảng đường, Sư đánh cây phất trần xuống một cái, bảo: “Ngày nay Chương Thánh gần ba mươi năm trước, trong tro lạnh nướng rang ra một hạt đậu đen, kéo tròng mắt lão hồ đi”. Sư hét một tiếng tiếp bảo: “Giả sử có một pháp quá hơn Niết bàn thì một tiếng hét của ta đây chẳng làm dụng của một tiếng hét vậy”.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ BẰNG Ở SONG LÂM

1. Thiền sư Tổ Ngân ở Linh ẩn.

Thiền sư Tổ Ngân - Duyệt Đường ở Linh ẩn tại Hàng châu, vốn người dòng họ Chu ở Nam khương, Sư ra đời ngày mồng 01 tháng 08 năm Đoan Bính thứ nhất (1234) thời Nam Tống. Năm mười tuổi tuổi, Sư vâng lời chỉ dạy của song thân, đến nương tựa chùa Gia Thuỵ mà cầu xin xuất gia. Sư lễ bái một mình Thiền sư Yển mà xuống tóc thọ giới Cụ túc. Một ngày nọ đọc xem kinh Hoa Nghiêm đến “Chỉ một thân kính chắc hiện trong hết thảy mảy trần”, bỗng nhiên có sự tỉnh ngộ. Sư đến

bái yết Trí Công - Biệt Sơn ở tại Tương sơn. Trí Công hỏi: “Ông vừa rời nơi nào đến đây?” Sư đáp: “Từ Giang tây”. Trí Công tiếp bảo: “Mã Đại sư có an lạc chăng?” Sư kéo tay bước tới gần đáp: “Hòa thượng dậy đi” Trí Công bèn bảo Sư hầu hương. Sau đó không bao lâu, Sư đến Hàng châu bái yết Luân Công - Kiều đang ở tại Tịnh từ, Luân Công hỏi: “Lâm Tế ba lần gặp Hoàng Nghiệt đau cây gậy, phải vậy chăng?” Sư đáp: “Được của người một trâu, trả cho người một ngựa”. Luân Công gật đầu chấp thuận. Luân Công thị tịch thì Thiền sư Bằng - Giới Thạch - Bách Sơn vừa được bổ nhậm đến đó. Một ngày nọ trong thất, nêu cử câu thoại cây bách, Sư định mở miệng bàn nghị thì Thiền sư Bằng gằn giọng bảo: “Sao chẳng nói Hoàng hạc lâu trước Oanh vũ châu?” ngay lời nói đó, Sư chóng tỏ ngộ. Thiền sư Bằng liền bảo Sư hầu hương. Lâu sau, Sư trở về Đông nham tại Lô sơn, Nhật Công ở Viên thông thỉnh mời Sư đến phân tòa. Cửu giang thú tiền châu tôn thỉnh mời Sư ra đời hoằng hóa, đến ở Tây lâm nối dõi dòng pháp của Thiền sư Bằng - Giới Thạch.

Năm Chí Nguyên thứ hai mươi lăm (1288) thời nhà Nguyên, Sư chuyển dời đến ở Khai tiên, lại tuyển chọn đến ở Đông lâm. Đến đầu niên hiệu Nguyên Trinh (1295) thời nhà Nguyên. Sư vân phụng sắc chiếu vào nội cung, bàn luận đối đáp, xứng hợp Thánh chỉ, được ban tặng ấn thư đề hiệu Sư là “Thông Tuệ Thiền sư” và pháp y bằng kim lan. Đến năm đại đức thứ chín (1305) thời nhà Nguyên, Sư lên ở Linh ẩn. Sư từng khám xét một vị Tăng rằng: “Chư Phật như số vi trần tại trên đầu lưỡi ông, ba tạng Thánh giáo tại dưới cẳng chân Ông, vì sao chẳng liếc đất?” vị Tăng ấy mịt mờ, Sư bèn hét. Lại khám xét một vị Tăng khác: “Thích-ca, Di-lặc là đứa ở của người kia, vậy người kia ấy là ai?” vị Tăng ấy định trả lời, Sư bèn đánh. Có vị Tăng mới đến, Sư hỏi: “Ông ở xứ nào lại?” vị Tăng ấy đáp: “Ở đất Mân”. Sư hỏi: “Xứ đó Phật pháp trú trì như thế nào?” Vị Tăng ấy đáp: “Đói thì ăn cơm, nhọc thì nằm ngủ”. Sư bảo: “Sai nhầm” Vị Tăng ấy thưa: “Chưa xét rõ Hòa thượng ở nơi đây trú trì như thế nào?” Sư bèn phủi tay áo trở về phương trượng, vị Tăng ấy bèn thôi đi. Sư ở đó bốn năm thì thị tịch, lưu lại kệ tụng giã biệt đại chúng rằng:

“Duyên hợp thì lại,
Duyên tan thì đi,
Khua ngả Tu-di,
Hư không riêng bày”.

Sư hưởng thọ bảy mươi lăm tuổi, năm mươi hai hạ lạp.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ VÂN NGOẠI Ở THIÊN ĐỒNG

1. Thiền sư Đại Chứng ở Tuyết đậu.

Thiền sư Đại Chứng - Vô Ấn ở Tuyết đậu tại Minh châu Sư ở Phan dương, Sư ra đời ngày hai mươi bốn tháng giêng Đinh dậu (1297) thuộc niên hiệu Đại Đức (1297 - 1308) thời nhà Nguyên. Từ thủa bé thơ Sư đã dĩnh ngộ khác thường, song thân biết không thể lưu giữ ở đời được, nên bảo Sư nương Thiền sư Trí Tiết ở chùa Xướng quốc tại trong châu mà học pháp xuất thế. Năm mười bốn tuổi, Sư xuống tóc, thọ giới Cụ túc. Sau ra bái yết Thiền sư Uyển - Kinh Thạch ở Viên thông tại Lô châu, có duyên đàm nói không khế hợp. Bấy giờ Thiền sư Tuyền - Tư Am ở phòng bên cạnh, thường ngày Sư sang thân gần rèn luyện. Gặp lúc Thiền sư Tụ - Vân Ngoại vừa mới xướng đạo của Tào Động ở Thiên đồng. Sư bèn đến nương tựa đó. Một ngày nọ vào trong thất, Thiền sư Tụ hỏi: "Ngày nay Thiên Đồng gặp nạn chết lớn, các ngươi làm sao cứu?" Sư đáp: "Xin Hòa thượng ăn cơm". Lại hỏi: "Ngày nay Thiên đồng gặp nạn chết lớn, chẳng cần các ngươi cùng vì cứu giúp". Sư thưa: "Cứu kẻ khác làm gì?" Lại hỏi: "Ngày nay Thiên đồng gặp nạn chết lớn, ai là người cùng ta đồng đi?" Sư đáp: "Hòa thượng đi trước tôi sẽ đi theo sau". Thiền sư Tụ cười lớn ha ha. Từ đó tình đồng như cá với nước. Như Quy sơn cùng với Tịch tử vậy, bèn bảo Sư trông giữ giáo tạng. Thế rồi Sư đến bái yết Thiền sư Bản - Trung Phong ở núi Thiên mục, Thiền sư Bản nhã cùng mến quý. Đến trong khoảng niên hiệu Chí Trị (1321 -1324) thời nhà Nguyên, triều đình ban chiếu nhóm tập mọi người khéo giỏi viết chữ trong thiên hạ để cùng viết tạng kinh bản chữ vàng. Sư cùng Diệu Công Quốc sư đồng đến phương Bắc lên vào hầu. Sau khi công việc hoàn tất, ban tặng Sư áo rủ che mắt dệt bằng vàng. Khoảng đầu niên hiệu Thái Định (1324) thời nhà Nguyên, theo hướng nam Sư trở về lại Giang chế. Thừa tướng Thoát Hoan đang đảm lãnh Hành tuyên chánh viện sự, bèn thỉnh mời Sư đến làm chủ ở Nam thiền, giảng đạo nối dõi dòng pháp, từ Thiền sư Tụ - Vân Ngoại. Thiền sư Tụ là nối dõi từ Thiền sư Cử - Trực Ông, Thiền sư Cử nối dõi Thiền sư Quang - Đông Cốc, Thiền sư Quang nối dõi Thiền sư Tộ - Minh Cực, Thiền sư Tộ nối dõi Thiền sư Vựng - Tự Đắc, đó là sáu đời của cổ Phật tại Tháp châu. Tiếp theo, Sư đến nhận lãnh Quang hiếu, lại chuyển dời đến ở Tường phù tại Tín châu, rồi sang Thúy Nham ở Hồng châu, Chi sơn ở Nhiêu châu đều lấy Hành viện mà thỉnh mời. Sư lấy cớ bệnh mà cố chối từ. Đến năm Chí Chánh thứ bảy (1347) thời nhà Nguyên, Sư đến làm chủ ở Định thủy, tại Khánh nguyên. Qua chín năm, Sư lại dời

lên ở Tuyết đậu. Có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Ngàn nói muôn nói chẳng như thăm mặt một lần thấy, hôm qua là hai mươi chín, ngày nay là mồng 01 tháng 07, báo cùng các người tham huyền nhân, thời gian như tên bay, mẹ sinh hai tròng mắt, mỗi một đen như sơn. Gấp, gấp, gấp xoay đầu nhìn lấy Phật Thiên Chân lâu nay là mặt mắt gì? Xong, Sư xuống khỏi tòa, tuần đường và uống trà. Lại có lúc lên giảng đường, Sư bảo: “Diệu chẳng diệu, mũi nạp Tăng phần nhiều không lỗ huyền chẳng huyền trên đầu sát can không trời xanh. Hàng Chí sĩ sao dung dễ xủ tay áo, ngựa khéo tốt, há đợi vút roi, siêu nhiên đánh gậy quát hét chẳng rơi lạc nơm lưới. Trăm chim chẳng đến mùa xuân lại đi. Hang phòng đầy được mặt nhật ngủ cao”. Ở đó bốn năm rồi lui ở am viên Minh tại Định thủy. Qua năm sau, ngày 21 tháng 09 Tân sửu (1361) Sư thị tịch, hưởng thọ sáu mươi lăm tuổi. Nghinh thỉnh khám trà tỳ, lửa tàn, răng ngà chuỗi hạt không cháy rã, có Xá-lợi ánh ngời. Môn nhân đệ tử như Sa-môn Cảnh Vân v.v... gom nhặc di cốt không rã hoại, dựng tháp an táng tại sau am Viên minh.

ĐỆ TỬ NỐI DÕI THIỀN SƯ SÙNG NHẠC Ở LINH ẨN

1. Thiền sư Thiện Khai ở Kim sơn.

Thiền sư Thiện Khai, tự là Yểm Thất ở Kim sơn tại Trấn giang. Có lúc lên giảng đường, nêu cử câu thoại Mật am phá bể chậu cát, xong Sư đọc bài tụng rằngrằng

“Pháp nhãn nắm lại sớm có thừa,
Tự nhiên bày đáp phá chậu cát,
Mà nay khắp nơi khó ngăn bít,
Ương lại tùng lâm, lụy cháu con.”

2. Thiền sư Phổ Nham ở Đạo tràng.

Thiền sư Phổ Nham - Vận Am ở Đạo tràng tại Hồ châu. Sư có đề bài kệ nói tôn tượng Triệu Châu larõ ràng

“Không đâu dất lại áo bảy cân,
Ít nhiều Thiền nhân chú ý tham,
Đến tận châu làm hang ổ,
Chẳng biết sắc xuân tại Nam giang”.

Sư có các đệ tử nối dõi như Thiền sư Ngu - Hư Không, Thiền sư Diễn - Thạch Phàn v.v...

3. Thiền sư Giác Thông ở Hoa Tạng.

Thiền sư Giác Thông, tự là Vô Đắc ở Hoa tạng. Nhân ngày hội miêu (Mầm xanh) lên giảng đường Sư bảo: “Phá một mảy trần ra Đại

kinh, chim bay cá nhảy lại phân minh, chẳng đem mắt xem dùng tâm ngắm, đã là lớp đánh băng trong lửa, ngâm đậu đen mê mờ bình sinh, ngày phải ngoài kiếp nói được mùa, dệt thành mây trắng dâu lại biếc, cắt hết mây vàng lúa chánh xanh" Sư có đệ tử là Thiền sư Độ - Hư Chu nối dõi dòng pháp v.v...

4. Thiền sư Hy Liên ở Long tường.

Thiền sư Hy Liên - Thạch Nham ở Long tường tại Ôn châu, vốn người dòng họ Mã ở Triều dương. Nhân trong thất, có vị Tăng hỏi: "Ngày xưa Thiền sư Quang - Phật Chiếu, nhân vua Hiếu Tông (Triệu Thận 1163 - 1190) thời Nam Tống tuyên hỏi: "Đức Phật Thích-ca vào núi sáu năm, thành đạt việc gì?" Thiền sư Quang đáp: "Sắp gọi là bệ hạ quên mất", là thế nào?" Sư dùng kệ tụng đáp:

"Căn lớn khí lớn huân tu lớn,
Liếc chuyển xoay có hướng lên đầu,
Muôn đức năm nay chỉ một Phật,
Núi Tuyết chẳng cách lầu rồng".

5. Thiền sư Quang Mục ở Thụy nham.

Thiền sư Quang Mục - Thiếu Thất ở Thụy Nham. Có lúc lên giảng đường nêu cử: "Thiền sư Hà - Tào Sơn nhân có vị Tăng đứng hầu bên cạnh, bèn hỏi: "Đạo giả có thể giết nóng chăng?" Vị Tăng ấy đáp: "Phải". Lại hỏi: "Chỉ như nóng hướng đến nơi nào lánh né?" Vị Tăng ấy đáp: "Lánh né trong vạc sôi là đỏ". Lại hỏi: "Chỉ như vạc sôi lò đỏ lại làm sau sóng lánh né?" Vị Tăng ấy đáp: "Các khổ không thể đến". Xong, Sư nói bài tụng rằng:

"Mù ngay ba mắt ở Đảnh môn,
Ưu du trong vạc sôi lò đỏ,
Nếu nói các khổ chẳng thể đến,
Đích xác nào từng có địa đầu".

6. Thiền sư Văn Lễ - Thiên Mục.

Thiền sư Văn Lễ - Thiên Mục ở Thiên đồng tại Minh châu, hiệu là Diệt Ông, vốn người dòng họ Nguyễn ở Lâm an tại Hàng châu, gia đình Sư ở sườn núi Thiên mục, nhân đó mà xưng gọi Sư là: "Thiền mục". Lúc vừa mới sáu tuổi, Sư xách giỏ theo mẹ đi hái dâu, bỗng nhiên tỉnh ngộ, nghĩ tưởng, người dẫn dắt mình là ai? Bèn có chí ý muốn xuất gia. Năm mười sáu tuổi Sư đến nương tựa Sa-môn Trí Nguyệt ở chùa Chân tướng tại trong làng quê mà cầu xin xuống tóc. Sau đó, Sư đến Tịnh từ dự tham nơi Thiền sư Hỗn Nguyên, Thiền sư Hỗn Nguyên nêu cử câu thoại. Hiện thành công án, tha cho ngươi ba mươi gậy, nhưng Sư chẳng

khế ngộ, bèn đến bái yết Thiền sư Quang - Phật Chiếu ở Dục vương. Thiền sư Quang hỏi: “Nghĩ gì lại, cái gì là chư nhân ông của ngươi?” Bỗng nhiên Sư lãnh ngộ ý chỉ. Ngày khác, Thiền sư Quang lại hỏi: “Là gió động, hay là phướng động, vị Tăng ấy như thế nào?” Sư đáp: “Vật hiện trông mắt dựng đứng”. Lại hỏi: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướng động, nơi nào thấy được Tổ sư?” Sư đáp: “Dựng liền não che”. Thiền sư Quang vui mừng Sư nhạy bén vượt qua của Sư , bèn kéo làm thư ký. Lâu sau, Sư trở về lại Chế tây, nghe yếu chỉ “Nhất tâm tam quán ở Thượng Thiên trúc. Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên trong xứ đạo ở Tiến phước tại Nhiêu châu, trong thất hỏi một vị Tăng rằng: “Chẳng phải gió động, chẳng phải phướng động, phỏng định bàn luận, tức cây gậy gậy ra”. Nghe thế Sư chóng quên ngay mọi sự hiểu biết, mới đến dự tham và được ấn khả chứng đắc rốt ráo yếu chỉ đó. Xong, Sư giã từ Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên, vân du tham lễ các tháp Tổ ở xứ Giang hoài. Bấy giờ Thiền sư Diễm - Chế Công đang làm chủ tại Tương sơn, kéo mời Sư đến mong làm vị Tăng thủ tòa. Tấn Lăng Vưu Công Dục vài lần đến núi, đọc lời Sư đề xướng, bèn rất vui thích đượm nhuần. Đến năm Gia Định thứ năm (1212) thời Nam Tống, Ước trai Cư sĩ Triệu Công Tư thỉnh mời Sư khai đường giải pháp tại Tuệ vân ở Lâm an. Một nén hương làm nối dõi dòng pháp từ Thiền sư Nhạc - Tùng Nguyên. Thế rồi Sư chuyển dời đến ở Năng nhân tại Ôn châu, sau đó không lâu, Sư lại giã từ về ở Tây khâu, bấy giờ Tiết trai Triệu Công rất mến mộ hạnh cao của Sư, dần đượm nhuần qua đến ở Tây khâu. Sư chẳng hỏi về họ tên chỉ cùng nhau đàm nói trọn ngày mà thôi. Ngày hôm sau, Triệu Công tấu trình thỉnh mời Sư đến ở Tịnh từ. Ở trong thất, mỗi lần nêu cử câu thoại măng tre Nam sơn, cá mực Đông hải, các học giả phỏng định bàn nghị, Sư liền thúc ngà xuống ba cái. Chẳng có ai ghé họp được. Sau đó Sư lại chuyển dời về ở Phước tuyền lên ở Thiên đồng.

Nhân lên giảng đường, nêu cử: “Trong kinh Lăng Nghiêm nói: “Các người có thể lại chẳng phải là ngươi - Chẳng phải ngươi ở lại, chẳng phải ngươi thì ai?” Xong, Sư đọc bài tụng rằng:

“Chẳng phải ngươi trở lại là ai?
Hồng dạc chảy ở đá câu cá,
Mặt nhật lường gió định không người quét,
Chim yến ngậm đen khoảng nước bay”.

Nhân ngày đông chí, lên giảng đường Sư bảo: “Chuông vàng lúc mới dậy, chín số theo đầu đếm, cùng dẫn cốc sâu oanh hót, lần lược xà sườn yến ca, điền phụ tế cứu mang, tùng từ đánh trống xả. Nông phụ

quen Ngưu lang. Gái thôn dạy kén tằm, thời gian già hết người trong đời. Đông chí hàn thực một trăm năm”. Lại nhân ngày húy kỵ Thiền sư Hoằng Trí, lên giảng đường, Sư bảo: “Đêm sáng ngoài rèm, kiếng bán trước nhà, vốn không gồm mang, đâu có thiên viên, chánh lúc nghĩ gì rốt cùng ai ở chánh vị. Xưa trước không người sương trăng lạnh. Hoa lau gió lắng cò trắng ngủ”. Có Thượng tọa đến, vào thẳng nơi phương trượng thưa: “Tôi có cáo trạng, xin báo cùng Hòa thượng”. Sư bảo: “Đối đầu tại nơi nào?” Thượng tọa ấy thưa: “Hòa thượng bên phải”. Sư bảo: “Lão tăng cùng ông có oán thù gì?” Thượng tọa ấy im lặng. Sư bèn bắt dừng lại và bảo: “Oan gia, oan gia, mới đến cùng xem”. Sư hỏi: “Ông tên là gì?” Thượng tọa ấy đáp: “Tên là Trí Hổ”. Sư rút lùi thân mình làm thế sợ hãi, vị Tăng ấy phỏng bàn nghị, Sư bèn trở về phương trượng. Lại có Thiền sư Pháp Chiếu - Phật Quang, mới đầu đến nương tựa nơi Sư lúc ở Lương chữ, Sư bảo đến Hạ trúc mà dự tham nơi Thiền sư Ấn - Bắc Phong. Và Sư làm hai bài kệ tụng tiển đưa Pháp Chiếu rằng: “Đưa ông tham tìm có Thứu sơn, các phương lắm phải lạc trước ba, từ sau mở khác đồng về lại, viên chỉ đến nay cũng nhọc bàn, chọn cảnh rõ ràng phương thuốc khéo, ngoài ra phân biệt lại phải quên. Gió chiều thổi rơi mảnh hồng tàn, thôi hướng đầu rừng tìm hương cũ”. Khắp chốn tùng lâm đến nay vẫn lưu truyền đọc tụng không ngưng dứt. Sư rất thấu hiểu sâu sắc về dịch học. Trong niên hiệu Càn Thuần (?), các nho sĩ mạnh dạng xiển dương đạo học. Sư cùng họ đem tâm pháp mà chỉ thẳng, chẳng gì quên ngữ thế gian theo vui vậy. Chu Hối Am hỏi về chớ bất kính, Sư bắt tréo tay mà chỉ bày đó. Dương Từ Hồ hỏi về sức chẳng lừa dối:” Sư dùng kệ tụng mà trả lời rằng:

“Sức này rõ ràng là chẳng dối,
Chẳng dối có được mấy người hay,
Muốn rõ voi thỏ câu toàn đề,
Nhìn lấy Chánh Hốt lúc lên thềm”.

Sư thấu hiểu nhân loại như thế đó. Sư giẫm trải qua năm ngôi chùa nhưng chẳng quá chín năm, mà năm tháng được nhàn rỗi, phần nhiều Sư tiêu dao tại Tây khâu, Lương chữ. Các nạp Tăng đến tham khấu đông nhiều không khác lúc Sư đang lãnh chúng. Sư là người cao đơn giản kiệm ước, chẳng bó buộc bởi nói cười. Lúc sắp thị tịch đang trong cơn bệnh, Sư hỏi thị giả rằng: “Ai có thể cùng ta đến tháp Vô Phùng?” Thị giả thưa: “Xin Sư cho biết dạng tháp?” Sư bảo: “Dốc sức họa vẽ chẳng ra”. Xong, Sư bèn điềm nhiên thị tịch. Sau khi trà tỳ, các đệ tử gom nhặc Xá-lợi và di cốt Tôn Trí an táng tại bên tả tháp của

Thiền sư Ứng Am. Sư hưởng thọ tám mươi bốn tuổi, sáu mươi tám hạ lạp, đệ tử nối dõi hoằng triền dòng pháp của Sư có Thiền sư Củng (????) - Hoành Xuyên, và Thiền sư Củng (????) Thạch Lâm, được tôn xưng là hai cam lồ môn.

TỤC TRUYỀN ĐĂNG LỤC
Quyển 36
(Hết)

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 189

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

SỐ 2078
(QUYỂN 1 → 9)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2078

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

THƯ DÂNG TẤU HOÀNG ĐẾ

Tháng 12, ngày......

Khế Tung tôi làm Sa-môn được truyền pháp, được ban tặng từ y ở Lam nhã, Vĩnh an tại Linh ẩn, Hàng châu. Kính cẩn mạo muội như dám phạm tội chết dám dâng tấu trình thư.

Hoàng đế bệ hạ!

Khế Tung tôi nghe: Người thờ phụng trời hẳn nhân ở núi, người phụng thờ đất hẳn nhân ở đầm. Nhưng chỗ nhân có cao và sâu thì điểm phụng thờ dễ đến vậy. Nếu nơi tôn sùng của bệ hạ có cao sâu rõ ràng thì cùng với núi và đầm cùng cách cả muôn vạn. Chỉ bởi người có điểm phụng thờ của mình, bỏ bệ hạ mà chẳng cầu ngay đó, tuy người ấy có vẻ tự đắc trọn đời cùng kiếp, sao có thể thành đạt ý chí ấy ư? Ước lại nghe trong kinh Phật nói là “Pháp của Ta hẳn đã giao phó cho các bậc Quốc vương đại thần”. Đó chánh có nghĩa là một mặt buông ra tổn ích của Phật giáo, tại nơi minh Thánh của bệ hạ vậy. Như vậy thì đồ chúng của Phật vì pháp ấy muốn có chỗ đáng thi hành đâu nên chẳng nhờ bệ hạ mà tự vất bỏ cỏ hoang dại ư? Khế Tung tôi một kẻ hèn mọn trong đồ chúng của Phật, thật muốn phù trì đạo pháp, nay từ chốn hang hốc nổi dậy cách xa ngàn dặm ân thư này đến dưới cửa quyết, nguyện mong bệ hạ dủ lòng ban ân để thành tựu chí nguyện!

Khế Tung tôi từng nghĩ rằng Đức Thích-ca nhủ lòng Từ bi thuyết giáo, hẳn lấy Thiền làm Tông, lấy Phật làm Tổ. Tổ là Đại phạm (khuôn phép lớn) của giáo ấy, Tông là Đại thống (bao gồm tất cả) của giáo ấy.

Đại thống bất minh thì tất cả học giả trong thiên hạ chẳng được đồng nhất nơi đến. Đại phạm bất chánh, thì sở chương không được chất thật, phàm, các hàng Tâm học xưa nay đua nhau lấy cái sở học ưu thắng, là do Tông bất minh Tổ bất chánh mà khiến có hoạn nạn ấy. Nhưng chẳng phải Tổ tông ấy vốn bất minh bất chánh vậy. Lại thêm, bởi sự sai nhầm của người làm sách đời sau lưu truyền nên vậy. Lại nữa, những người học Phật đời sau chẳng có khả năng khảo cứu kinh luận mà hiệu chánh đó, mới có người chuyên bó buộc nơi giáo chẳng tin yếu chỉ vi mầu của Phật ở tại ngôn ngoại, người nói Thiền lại không lường được điều năng thuyên của Phật còn lưu lại nơi nội giáo. (Mới đầu, trong bản thảo tức gọi là Sở thuyên của Phật đại khái có thể thấy ở nội giáo. Đến lúc biên chép tấu trình mới sửa đổi là "Năng thuyên của Phật còn lưu lại nơi nội giáo". Có ý là sự phương tiện khéo léo của Phật qua ngôn ngữ thuyên phát pháp này ở tại trong giáo bộ. Vì đồ chúng tập học đem bản thảo mới đầu lưu truyền ra bèn có khác so với bản tấu trình như vậy. Hai thuyết ấy, ý nghĩa đều có thể sử dụng. Ngoài ra, còn có bản khác hoặc nói là "Sở thuyên khái quát thấy ở giáo nội", là bởi từ hai bản lưu xuất nên vậy). Tuy đồng nhất đều thuộc đầu tròn áo vuông mà sư phân vân lẫn lộn tự cùng quấy lẫn nhau. Cứ như vậy xưa nay nào từng tạm dứt. Khế Tung tôi chẳng tự biết lượng mình, trọn đời bình sinh trộm muốn thôi thúc đồng nhất về Tông tổ ấy và tất cả người học Phật trong thiên hạ dứt sự tranh cãi, giải thích điều nghi. Khiến cho cả trăm đời biết được điểm mình học có sự nhất thống vậy.

Ở trong núi, Khế Tung tôi thường dốc sức lực tham cứu Đại tạng, hoặc kinh hoặc truyện, kiểm hiệu điểm được gọi là Thiền tông, suy lường chánh chỗ gọi là Phật tổ, thì các sách đã thấy được quả thật có sự sai nhầm. Tuy sách xưa hẳn bài xích, nhưng các đã thấy được quả nhiên thật rõ ràng, như bộ "Truyện đăng lục" cùng đồng loại ấy, đều vì các nhà ghi chép lưu truyền, cũng bởi trải qua nhiều đời, nên kiểm hiệu đó, tu chỉnh đó, biên thành một bộ sách có hơn mười vạn lời, với tên gọi là "Truyền Pháp Chánh Tông Ký", còn loại bày trí họa vẽ tôn tượng Phật tổ tương thừa thì gọi là "Truyền Pháp Chánh Tông Định Tổ Đồ", còn loại sắp xếp hợp thành ngọn nguồn của Tổ tông thì gọi là "Truyền Pháp Chánh Tông Luận". Cả thảy có mười hai quyển. Lại đem các bức họa vẽ trên lụa, cái gọi là "Định Tổ Đồ", một mặt bởi sự ngu cạn của Khế Tung tôi tự cho là Đức Phật của chúng ta thuyết giáo chỉ mới hai ngàn năm, giáo pháp ấy lưu truyền đến Trung Hoa đã một ngàn năm, Thiền tông lưu truyền đến nước ta chỉ mới năm trăm năm, mà Tông và Tổ sự

tích ngọn nguồn ở đây hơi rõ ràng, có thể lưu truyền để bù đắp giáo pháp tiên Thánh một trong muôn phần vậy. Vừa thích đáng với bệ hạ, đem đến đạo từ trị thiên hạ, đất trời muôn vật hòa bình an lạc, mà giáo pháp của Phật của Lão được tán dương đại hóa. Bệ hạ lại lưu thần vui thiền càng vào đạo diệu ấy, tuy các bậc đến vương xưa trước đã có cả trăm đời chưa có ai cùng lý tân tánh như bệ hạ vậy! Cũng là đồ chúng của Phật giáo khoảnh khắc gặp được bệ hạ là một thời của cả muôn đời. Do đó, Khế Tung tôi gấp gáp chẳng lánh né đáng tội, muốn mong bệ hạ đặc biệt ban sắc đưa vào Đại tạng cùng các kinh luật đồng được lưu truyền Khế Tung tôi cuộc đời như loài kiến hôi đã chậm trễ, đối với đời hẳn không chờ đợi, chỉ một lòng khư khư muốn giáo pháp chẳng rã hoại chẳng mờ dạt mà mãi lưu bố truyền bá không cùng, mọi người nhờ được đó mà chuyên việc đạo làm điều tốt lành. Nên ngày Khế Tung tôi chết cũng như năm sống vậy. Chẳng dám kiêu ngạo muốn làm nhục ân đượm nhuần mưa móc của bệ hạ. Với điểm chứng cứ minh văn đều rút ra từ đại kinh đại luận, rất rõ ở chỗ gọi là "Truyền Pháp Chánh Tông Luận", cùng với bộ "Định Tổ Đồ". Ví thản bệ hạ, đất trời rủ lòng quán xét khiến được cùng thỏa sướng, nguyện được sắp xếp như "Cảnh Đức Truyền Đăng Lục", "Ngọc Anh Tập", ban chiếu đến viện Truyền pháp, biên ghi đưa vào Đại tạng, tức là may mắn lớn sự sống chết nơi Khế Tung tôi vậy, ước cũng là may mắn lớn của giáo môn trong thiên hạ vậy. Nếu bệ hạ thấu hiểu xác thực hứa khả sự cầu mong của Khế Tung tôi thì xin đem sách này gồm mười hai quyển, đặc biệt ban bản Trung Thư thi hành "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" và "Định Tổ Đồ", và gồm tập "Phụ Giáo Biên Ấn Bản", cả thảy là một bộ ba sách. Sách ấy cũng suy hợp nhị giáo, đạo của Thánh nhân, đồng với ích đời lợi người vậy. Cẩn tụng theo sách kính tấu dâng, cố kêu nài tua mũ miện. Khế Tung tôi chẳng mặc y tha thiết với chí tạo nên, thật rất lo rất sợ kính lời.

TẬP SỚ TẤU TRÌNH CỦA VƯƠNG THỊ ĐỘC TRI PHỦ KHAI PHONG

Ngày nay có Sa-môn Khế Tung ở chùa Linh Ẩn đến nơi phủ tôi tấu trình trạng văn, xưng là Tổ tông truyền pháp ở Thiền tông chưa lắm rõ ràng, giáo môn cạn cợt, mỗi người tự thấp riêng ở truyện ký, xưa nay có lắm sự đua tranh, nhưng khảo xét luận bàn về Đại tạng kinh luận, đầy đủ được ngọn nguồn của Tổ tông từ Thiền môn, nhân đó san lược rườm ra rút nhặt cốt yếu, chọn làm thành bộ "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" gồm mười hai quyển, và một mặt họa vẽ chư Tổ để chỉnh sửa các

sai nhầm ở truyện ký, gồm xưa trước có biên thuật tập "Phụ Giáo Biên Ấn Bản" một bộ ba sách, một phong thư dâng tâu trình bệ hạ, đều chẳng liên can mong cầu ân trạch, xin thần nộp dâng. Đối với Phật giáo, thần cũng từng lưu tâm, xem qua bút viết trước thuật, hẳn chẳng phải ước đoán tự nói, mà lại rất mực tinh vi. Bệ hạ nhân những lúc nhàn rỗi muôn duyên, rất đượm nhuần thấu đạt pháp lạc, cúi mong ban ân Thánh giám. Nếu có thể đáng tham khảo xin ban giao cho Trung Thư xem xét rõ, đặc biệt cho biên đưa vào mục lục Đại tạng, lấy làm tiến chỉ.

TẬP SỚ CỦA TRUNG THƯ HỨA THÂU VÀO ĐẠI TẠNG

Quyền Tri phủ Khai phong tấu trình có Sa-môn Khế Tung ở chùa Linh Ẩn soạn thành "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" và họa đồ, xin biên ghi vào mục Đại tạng, lấy làm tiến chỉ.

"Phụ Giáo Biên" ba sách (đây là do Trung Thư phê lại, bởi sau vài ngày ban tập sớ, lại vâng phụng Thánh chỉ, lại cho "Phụ Giáo Biên" đều đưa vào Đại tạng nên phê ở đây vậy).

Kính vâng phụng Thánh chỉ, "Chánh Tông Ký" một bộ mười hai quyển, nên ban lệnh viện Truyền pháp gom đưa vào trong Đại tạng kinh. Phụ sớ giao cho viện Truyền pháp chuẩn cứ theo đây.

Ngày 17 tháng 03 năm Gia Hựu thứ bảy (1062) thời Bắc Tống.

Tể tướng ký tên.

TẬP SỚ CỦA TRUNG THƯ CHẲNG HỨA TỪ NHƯỢNG SƯ HIỆU

Sa-môn Khế Tung được ban tặng tử y ở Lan nhã, Vĩnh an chùa Linh Ẩn tại Hàng châu tấu trạng văn, nay là ngày 22 tháng nay (??) cúi được ban tặng hiệu là "Minh Giáo Đại sư"; một bức sắc điệp. Cúi nghĩ: Khế nùng tôi so với Tổ tông bản giáo chưa rõ pháp đạo mi vi, chẳng tự lường sức mình, nên trước thuật "Truyền Pháp Chánh Tông Ký", "Phụ Giáo Biên" v.v... kính dâng tấu trình, xin được gội đượm Thánh triều, đặc biệt được ban tặng biểu dương này, chẳng chỉ không phải điều vốn mong muốn mà cũng là đạo đức rộng tỏa, thật chẳng dằn nỗi sự mặc tình, chẳng dám đương đầu nhận một bức hoàng điệp ấy, tùy theo trạng văn nộp trình rõ việc.

Kính tráp sớ trao giao tả nhai Tăng lục ty cáo thị chẳng hứa lại từ nhượng, chuẩn cứ theo đây.

Ngày mồng năm tháng tư năm Gia Hựu thứ bảy (1062) thời Nam Tống

Tể tướng ký tên.

"Ngày mông sáu tháng mười hai năm Tân sửu (1061) thuộc niên hiệu Gia Hựu (1056 -1064) thời Bắc Tống, Sa-môn Khế Tung đem bộ "Chánh Tông Ký", "Phụ Giáo Biên" dân tấu trình. Đến ngày 17 tháng 03 năm sau (1062), Tiên hoàng đế (Nhân Tông - Triệu Trinh 1023-1064 thời Bắc Tống) ban sắc đưa vào Đại tạng khiến cùng các kinh luật đều lưu truyền, bởi lưu lại tại chánh phủ bảy mươi mốt ngày, thừa tướng Gia Cự Công tự đọc xem xét duyệt, Phật giáo rực rỡ chấn phát từ xưa mà chưa có như vậy. Nên lấy gì để báo đáp ân ban đặc như vậy? Trở lại đất Ngô ba năm, có Khể Trọng Di là em của Tào Trọng Ngôn - người xứ đất Ngô rất vui thích nghe việc ưu thắng ấy, mới tìm mời các tay thợ khéo giỏi đến thiền viện Vạn thọ thuộc trong châu đó, cúng thí tài vật để khắc bản in, kính ngưỡng tán thán tốt lành lớn của nước nhà, và do các Sa-môn được truyền pháp như Giác sơ, Thủ kiên, Tri nhất tường tăng, Thiện tuệ, Tông ngộ hiệu xét.

Kính đề, ngày 11 tháng 04 năm Giáp thìn (1064) tức năm Trị Bình thứ nhất thời Bắc Tống".

Mở lớn như trên, Sa-môn Thích Khế Tung, tự là Trọng Linh ở Đằng châu, thủa thiếu thời tập học Nho giáo, vân du vào đất Ngô, biên viết sách vở ở Tây hồ – Tiền đường. Trong khoảng niên hiệu Gia Hựu (1056-1064) thời Bắc Tống, đem các bộ "Truyền Pháp Chánh Tông Ký", "Định Tổ Đồ", "Phụ Giáo Biên" do chính khả năng tập học mà trước thuật nên đến cửa khuyết, văn từ sáng rỡ thấy như Hàn Ngụy Vương Âu Dương Văn Trung Công Vương Ký Công, các bậc cự công đương thời rất cùng chấp thuận. Lại dâng biểu văn tấu trình cùng Nhân Tông hoàng đế (Triệu Trinh 1023-1064) đọc xem, đến câu "Vì đạo chẳng vì danh, vì pháp chẳng vì thân", vua rất mừng vui khen ngợi, lưu lại trong cung cấm qua thời gian lâu, và có ban sắc chỉ đưa vào Đại tạng. Đến trong khoảng niên hiệu Kiến Viêm (1127-1131) thời Nam Tống, bởi binh lửa nên thất lạc tan mất. Đến mùa thu năm Canh thìn (1160) thuộc trong niên hiệu Thiệu Hưng (1131-1163) thời Nam Tống, có trưởng lão Chánh Ngôn ở chùa Thái Bình tại Phước châu, nhân vân du đến khe Long thủ tại Đông sơn, gặp được bộ "Chánh Tông Ký" mười hai quyển, bèn đem "Phụ Giáo Biên" ba sách them vào, và kiểm xét mới lại, cho rằng, Thiền sư Minh -Giải Không, ở chùa Khai Nguyên

nói là: “Sa-môn Khế Tung phụ giáo trong Phật giáo chúng ta là bậc Định tuệ kiêm tu, Đông hạ quanh năm chỉ mặc một áo nạp, thường ngồi chẳng nằm, mỗi ngày chỉ ăn một bữa, ban đêm trên đỉnh đầu mang đội tôn tượng Quán Thế Âm Bồ-tát mà hành đạo, trì tụng danh hiệu Bồ-tát mười vạn biến - lấy làm lệ thường, các bậc cao Tăng trong thời nhà Tống từ Bắc đẩu đến Nam chỉ một người mà thôi, tuy đem hết tre lụa cũng không thể biên ghi hết đạo hạnh ấy vậy”. Từ đó đốc suất các Thiền giả đồn sức khắc bản đưa vào Đại tạng ở chùa Khai Nguyên tại Phước châu để lưu truyền làm lợi ích vô cùng. Đại sư Phật Đăng - người nối dõi dòng pháp Tổ sư ở chùa Quảng Ứng tạo Thọ sơn san định và ghi bạc, Tỳ-kheo Đạo Ấn - người nối dõi dòng pháp Tổ sư trú trì chùa Sùng Báo - Giáo Trung hiệu chánh.

Sa-môn Khế Tung - Minh Giáo ở trong dòng họ Thích phù trì Chánh tông, bài xích dị thuyết, chỉ trách mà mở mang đó đều có viện cứ, chỗ gọi là chương ngăn trăm dòng mà chảy về Đông, xoay sóng cả nơi đã đổ ngã vậy. Các bậc lão túc dốc sức cùng mở rộng sách ấy, đều là hàng thấu suổ tận đáy sách vở dụng tâm vậy. Duyên tùy hỷ có lớn đến như vậy ư?”

Ngày rằm (15) tháng 11 năm Giáp thân (1164) thuộc niên hiệu Long Hưng (1163-1165) thời Nam Tống, Tả phụng nghi lang đem đến Phước kiến bằng đường chợ thuyền buông, thành sách kỳ đặc ở An lâm tại Tấn châu.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

- Sa-môn Thích Khế Tung ở đông sơn
- Đằng châu thời Bắc Tống biên tu.

QUYỂN 1

DẤU HIỆU CỦA THỦY TỔ THÍCH-CA NHƯ LAI

Đất trời đổi mới, và châu Diêm-phù mới có vương giải xuất hiện, gọi là Đại nhân. Đại nhân ẩn một, thì vua sau nhân đó tiếp nối làm theo chẳng thôi, xưa nay hầu như chẳng thể tính kể, nhưng bậc Thánh thần mà có đức khác lạ thì xưng gọi đó là Chuyển luân vương, còn bậc đạo đức chẳng đạt cùng thì gọi đó là Lật tán vương. Đức đã có lớn nhỏ, mà chỗ trị vì cũng theo đó mà giáng sát, từ bốn thiên hạ giảm dần xuống ba, hai rồi đến một thiên hạ. Cho đến các nước, người được xưng gọi là vua tuy có cả muôn ức đời, mà chỉ một dòng họ Thích-ca tiếp nối nhau chẳng dứt. Mãi đến về sau có một vị vua tên là Đại Thiện Sinh. Đại Thiện Sinh, sinh ra Ý-sư-ma, Ý-sư-ma sinh ra Ưu-la-đà, Ưu-la-đa sinh ra Cù-la, Cù-la sinh ra Ni-phù-la, Ni-phù-la sinh ra Sư-tử-giáp, Sư-tử-giáp sinh ra Tịnh Phạn (cũng còn gọi là Phù Phạn), bảy đời này đều là vua nhưng chỉ có Ý-sư-ma và Tịnh Phạn là Thánh vương. Đức Thích-ca Như Lai sinh ra từ vua Tịnh Phạn, sống tại nước Trung Thiên Trúc. Thích-ca là dòng họ Mâu-ni là danh xưng.

Mới đầu, Đức Như Lai trong đời kiếp xưa trước gặp Phật Nhiên Đăng ở Đại thành Liên hoa, nhân trải tóc phủ đất để Phật giẫm bước qua. Vì sự rất mực chí kích Đức Phật Nhiên Đăng như thế nên bèn được dự ghi là: “Đời sau ông sẽ thành Phật như Ta, hiệu là Thích-ca Mâu-ni”. Sau đó, kiếp khác đổi mới, có vô số Thánh nhân đều tích tu thắng đức, mãi đến đời Đức Phật Ca-diếp, mới làm Bồ-tát thành đạo sinh lên cung trời Đổ-sử-đà, ứng sự bổ xứ, hiệu là Hộ Minh Đại Sĩ, giảng pháp trên trời để độ chúng trời. Đến lúc ứng vận vừa tới, Đại Sĩ mới nhóm hội chúng người trời cùng bàn nghị nơi hạ sinh. Chúng trời chưa có chỗ định, Đại Sĩ mới lấy nước Ca-tỳ-la trong Diêm-phù-đề. Gia đình vua Bạch

Tịnh Phạn nhiều đời làm bậc đến vương, Thánh đức chí chân, chủng tộc Chuyển luân, nên nhân đó mà đến sinh. Khi ấy Đại Sĩ hiện tướng trời suy hao, sắp muốn hạ hóa, nhưng chúng trời đều khóc mang lưu ở lại. Đại Sĩ mới nói ý vãng sinh thành Phật đó để giải mở phan duyên ấy. Xong, Đại Sĩ bèn dứt tuyệt thọ mạng cõi trời, hiện tướng cưỡi bạch tượng từ trong mặt nhật giáng thần đến bên hữu hông Thánh Mẫu, Hoàng hậu của vua Tịnh Phạn hiệu là Ma-da. Đêm ấy vội tâu cùng vua "Nay tôi nghiêm khiết thân tâm kính phụng pháp bát quan trai". vua Tịnh Phạn chấp thuận đó. Sau đó, Hoàng hậu mộng thấy Đại Sĩ cưỡi bạch tượng vào bên hông phía hữu mà dừng, các trời kính mộ uyến thuộc đó đồng thời anh xuống nơi nhân gian nhiều vô số. Mới đầu Đại Sĩ ứng hiện trong thai, thân thể Thánh Mẫu rất khinh an, tự được Thiền lạc. Đến lúc sắp sinh hạ, hoàng hậu Ma-da mới có ý đến trong vườn uyển, như cung giám đều nghiêm trang kiệu báu. vua lại ban chiếu các thị vệ cùng theo hầu đông nhiều. Đến dưới cây vô ưu ở trong vườn, hoa vừa mới nở, Hoàng hậu muốn hái hoa, vừa đưa tay vin lấy thì Thánh tử hiền từ hông phía hữu đản sinh. Có rồng thần liền phun nước tắm gội thân thể, từ đất, sen vàng mọc nở tiếp đỡ. Thánh tử mới lần lượt xoay bốn phương, mỗi phương bước bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, miệng nói: "Tứ duy thiên hạ chỉ có Ta là tôn quý". Đến lúc nội yết vui mừng vào tấu trình. Nghe thế, vua Tịnh Phạn đem theo vô số quý thuộc đều đến trông xem, mới chẳng dằn nỗi vui mừng lớn. Khi ấy thiên thần địa kỳ đều trông thây mà chúc tụng rằng: "Cầu mong Đại Sĩ chóng thành Chánh giác". Sau đó, vua đưa Thánh tử đến bái yết Thiên miếu, tôn tượng trời tự nhiên đứng dậy kính lễ Thánh tử. Trở về cung, vua Tịnh Phạn mời các bậc Hiền giả vì đặt tến cho Thánh tử, mọi người mới tâu nên xưng Thánh tử với hiệu là "Tát-bà-tất-đạt". Đến lúc vua Tịnh Phạn mới các thầy đoán tướng, tiên nhân A-tư-đà liền ứng chiếu, vừa đến trông thấy Thánh tử, A-tư-đà liền đảnh lễ sát chân Thánh tử mà khóc nói rằng: "Đây là bậc chí tôn của cả ba cõi, năm 19 tuổi sẽ làm Chuyển luân vương, nếu không như vậy thì sẽ xuất gia thành Phật, cứu độ người đông nhiều vô lượng. Chỉ hận tôi nay đã quá già yếu, chẳng thể gặp thấy đó!" vua Tịnh Phạn vì lời nói của tiên nhân A-tư-đà nên rất lo toan đó, càng cẩn mật nghiêm giữ quý báu. Lúc Thánh tử dần lớn, vua Tịnh Phạn mời thầy chỉ dạy cho Thánh tử tập học sách vở thế tục. Thánh tử mới đem pháp ấy thưa hỏi mà các thầy đều không thể trả lời. Ở đời có các sự việc kỹ nghệ, thiên văn, địa lý, bắn tên cưỡi ngựa trăm thứ nghề nghiệp, đều không đợi chỉ dạy mà Thánh tử đều có thể thực hành đó. Sau đó không lâu, lập làm

Thái tử và ban giao cho Quốc bảo. Nhưng Thánh tử nhân đã rất khiết tịnh thanh bạch, tuy hiện tướng đồng lấy vợ như người đời mà chẳng có ý thức của phàm tục. Vì duyên nghiệp xưa trước, tức chỉ vào bụng của Hậu phi (cung của chúa Da-du-đà-la) và bảo: "Sáu năm sau ngươi sẽ sinh một năm tử".

Một sáng nọ, Thái tử bảo chuẩn bị xa giá muốn dạo chơi, tuy đi ra bốn cửa thành mà đều có chỗ gặp, cuối cùng vì các cảnh người già, người bệnh, thây chết và vị Sa-môn gợi cảm, mà chí ý xuất gia của Thái tử càng phát mạnh khi đã trở về trong cung, Thái tử đem chí ý mình tâu cùng phụ vương. vua Tịnh Phạn vì quốc gia không có Thánh tử nối dõi, mới nắm tay Thái tửm khóc và bảo: muốn cản trở tâm chí Thái tử. Lại gặp người trời Tịnh Cư từ cung trời đến, đảnh lễ sát chân Thái tử mà thưa: "Đại Sĩ xưa trước chuyên tích tập thắng đức, nay xuất gia đúng phải thời vậy. Xin nên chóng đi!" Thái tử bảo: "Như lời các ông nói, nhưng ban đêm canh phòng rất nghiêm mật, muốn làm sao để đi?" Người trời mới dùng thân thông che mờ các người canh giữ, khiến đều say ngủ không ai cảnh tỉnh. Thái tử bèn kín bảo kẻ tớ Xa-nặc. Xa-nặc dẫn ngựa thần kiến trắc đến trước,nhưng ngựa tỏ vẻ u buồn, Xa-nặc than khóc, Thái tử phải an ủi đó. Khinh tướng chóng tỏ, đuốc sáng cùng cả Đại thiên. Thái tử bảo: "Chư Phật ở thời quá khứ lúc xuất gia cũng vậy". Khi ấy các trời bưng đỡ chân ngựa và tiếp Xa-nặc từ cửa phía Bắc thành nhảy vọt giữa không trung mà đi. Thái tử lại bảo: "Nếu chẳng dứt tám thứ khổ thì chẳng Chuyển pháp luân, nếu không thành tựu Vô thượng Bồ-đề thì trọn chẳng trở về". Chúng người, trời đều tán thán "Tốt lành thay! Vì đó xin ghi nhận lấy". Kịp lúc đến núi tên là Đàn-đặc, mới đầu dừng nghỉ chốc lát nơi cạnh rừng. Xong, Thái tử cởi bỏ áo mão, tự lấy kiếm báu có mang theo cắt bỏ mái tóc, phát thề rằng: "Nguyện cùng tất cả đoạn dứt phiền não này". Và liền trao tóc đó cho vua trời. Khi ấy trời Tịnh Cư hóa làm người mặc y Tăng-già-lê băng da nai đến xin hỏi áo bái của Thái tử. Nhân đó được pháp phục, mặc vào càng thêm tăng tấn. Nơi tốt lành của úi đó có tên gọi là núi báu Di lâu tiên nhân ẩn cư xưa trước tại Già-lam A-lam trong thấy Thái tử, đều cung kính nhường, đồng ngồi cùng luận bàn pháp. Đến lúc sai Xa-nặc trở về, phụ vương lo buồn nghĩ ngợi rất lắm, thảy đều muốn Thái tử trởvề. Tuy nhiều lời can ngăn, nhưng Thái tử trọn chẳng nghe theo. Cuối cùng vua Tịnh Phạn ban sắc chiếu sai phái người đến nghinh đón Thái tử. Các quan đến nghinh thỉnh có cả muôn kế, tuy dụ dỗ khẩn thiết khuyên mời, mà Thái tử vẫn tự nhiên chẳng xoay đổi ý chí, mới để Kiều Trần Như v.v...

năm người ở lại để sung lo theo hầu Thái tử. Từ đó Thánh nhân mới tập thực hành "Định Bất dụng xứ" trải qua ba năm, mà pháp ấy không thấu đạt rốt ráo, Thánh nhân bèn xả bỏ. Lại đi đến nơi Uất-đầu-lam-phất tập hành định phi phi tưởng, cũng trải qua ba năm (tức là nơi của hai tiên nhân Điều-phục, A-la-la-ca-lan). Lại vì pháp ấy không thấu đạt rốt ráo, Thánh nhân lại đến nơi đồng bạn ngoại đạo xen tạp, tập hành khổ hạnh, mỗi ngày chỉ ăn một hạt gạo hạt mè. Ở đó sáu năm rồi vị ngoại đạo ấy cũng qua đời. Thánh nhân mới tự suy nghĩ rằng: "Nay pháp tu khổ hạnh này chẳng phải giải thoát chân chánh. Ta phải nên thọ thực lại, và sau mới thành Phật". xong, Thánh nhân bèn đến tắm gội nơi sông Ni-liên-thuyền, chư Thiên uốn nghiêng cành cây để Thánh nhân vin đó mà ra, và thọ nhận bát cháo sữa của nàng chăn bò dâng cúng. Sau đó, Thánh nhân đến dưới gốc cây tất-bát-la. vua trời hóa làm người ôm bó cỏ tốt lành (cát tường) đến dâng cúng để trải làm chiếu ngồi. Mây cảnh gió lành chen nhau đưa đến, thiên ma kinh sợ đốc suất binh chúng đến để náo loạn. Thánh nhân đưa ngón tay ấn xuống đất, quả đất rung động ma quân thảy đều té ngã, từ đó bèn chịu đầu hàng.

Sau đó, đến đêm mồng bảy tháng hai, Thánh nhân nhập Chánh Tam-muội, lúc sao mai sáng mồng tám sắp ló dạng, Thánh nhân hiện bày tự nhiên đại ngộ, mới thành Đẳng chánh giác. Bấy giờ, đại địa rống động lay chuyển, mọi sự tốt lành trong đất trời thảy đều xuất hiện mà ứng nhận đó. Hoặc là trời, là ma, là người, là thần đều nhóm tụ rất mực chí kính. Đến lúc Như Lai lên tòa Kim cang, vua trời cùng theo đó và cầu thỉnh Chuyển pháp luân. Mới đầu, Kiều Trần Như v.v... năm anh em hầu Thánh nhân ở trong rừng, đến nay trước tiên nên độ cho họ, nên Đức Như Lai vào vườn Lộc uyển đàm giảng pháp Tứ đế. Nhân dó mà chứng đắc đạo quả có đến muôn ức người. Thế rồi, Đức Như Lai bảo cùng các Tỳ-kheo rằng: "Các vị đều có thể làm ruộng phước cho người đời, mỗi vị hãy tùy duyên mà đến cảm hóa mọi vật". Xong, Đức Như Lai bèn riêng một mình đến nước Ma-kiệt-đề nguyên nước ấy trước đó có người kỳ đặc tên là Ưu-lâu-ca-diếp, anh em cả thảy có ba bị đều chứng đắc tiên thuật, rất ỷ lại đạo ấy mà tự cao, họ có đồ chúng khoảng vài ngàn người. Khrằng Đức Như Lai đến, tự nhiên đều theo sự cảm hóa của Như Lai, cùng cả đồ chúng đó thảy đều chứng đắc đạo quả.

Mới đầu, vua Bình Sa có khu vườn Trúc lâm, được xưng gọi đó là một cảnh xinh đẹp, vua luôn tâm niệm nghĩ suy "Nếu Đức Như Lai trước đến nơi đây, ta sẽ cúng thí khu vườn này". Đức Như Lai rõ biết tâm niệm đó, bèn đến dừng nghỉ trong vườn. Nghe thế vua vui mừng

mở lớn dẫn theo, chẳng những vậy mà có đến ngàn muôn người đồng đến nơi Như Lai. Đã thấy gặp mà trong chúng hoặc có người nghi ngờ, Đức Như Lai liền bảo Tôn giả Ca-diếp vì họ giảng nói pháp để giải mở mọi nghi hoặc. vua cùng tất cả các chúng trời, người bèn chứng đắc pháp nhãn, vua mới cúng thí khu vườn ấy làm thành tinh xá, thỉnh mời Đức Như Lai chừng ở tại đó. Sau đó không bao lâu, trong chúng hội có vị Tỳ-kheo đến khất thực tại thành Vương xá, mà Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nghe pháp từ vị đó, nhân đó bèn được khai ngộ, bèn cùng vị Tỳ-kheo ấy trờ về nơi Đức Như Lai. Đức Như Lai bảo: "Hai người vừa lại đây, sẽ là đệ tử thượng túc của Ta". Nên bèn vì hóa độ cho.

Đại Ca-diếp mới đầu tự cắt bỏ râu tóc, vào núi tập hành thiền định, một ngày nọ, giữa không trung có vị thần bảo: "Nay, Đức Phật đã xuất hiện nơi đời, đó là bậc thầy của ngươi". Vì vậy, Đại Ca-diếp cũng đến nơi tinh xá Trúc lâm. Khi đã đến nơi, Đức Như Lai đứng dậy tiếp đón và ngoảy lại bảo cùng Đại chúng". Sau khi Ta diệt độ, giáo pháp vẫn còn lưu truyền lan tỏa ngoài sáu vạn năm, chính là do sức lực của người này vậy".

Từ khi chứng đắc đạo quả đến đây đã sáu năm mà đối với phụ vương, Đức Như Lai chưa từng trở về thấy gặp, nên vua Tịnh Phạn rất nhớ trông, thị thần Ưu-đà-di xin đến thưa Đức Như Lai về ý của vua trông nhớ bởi lâu ngày cách biệt, nhân đó thỉnh mời Đức Như Lai về nước. Ưu-đà-di đã đến nơi, Đức Như Lai vì an ủi chỉ dạy, sau đó Ưu-đà-di cũng chứng đắc đạo quả A-la-hán. Và Đức Như Lai liền sai bảo trở về nước thưa cùng phụ vương là: "Bảy ngày sau Đức Như Lai sẽ về đến". Đến kỳ hẹn, vua Tịnh Phạn ra khỏi nước cách bốn mươi dặm thiết bày nghi trượng để nghinh đón Đức Như Lai, nỗi mừng vui cảm động cả đất trời, vua cùng trông thấy rất mực vui mừng. Nhân đó ban chiếu cho năm trăm quý tử trong vương tộc đồng theo Đức Như Lai xuất gia tu đạo. Khi Đức Như Lai về lại trong cung, La-hầu-la ra kính lễ, mang áo của Thánh nhân ra mà bảo: "Đây chánh là của Như Lai vậy". Với ý dụng vì mẹ mà giải thích mọi sự nghi ngờ, nhờ vậy mà phước trùm khắp chẳng cùng, tất cả sinh linh đều đội nhờ, đất nước bèn lớn mạnh, đượm hưởng cảm hóa của Đức Như Lai.

Từ đó, Đức Như Lai tùy cơ duyên giảng nói pháp, trên các cõi trời cho đến trong nhân gian, nơi long cung cho đến các phương khác, phàm nơi nào Đức Như Lai đến, đều vì làm lợi ích lớn. Nhưng việc làm của Thánh nhân, không thể ghi đầy đủ lại tất cả. Về sau, thời gian giáo hóa sắp gần hết, Đức Như Lai mới bảo Ma-ha Ca-diếp rằng: "Ta đem pháp

nhãn thanh tịnh Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng, Chánh pháp vi diệu, nay đây giao phó cho ông, ông phải hộ trì. Và bảo A-nan kế tiếp thứ hai hoằng truyền giáo hóa chớ khiến dứt mất". Và Đức Như Lai nói kệ tụng rằng:

"Pháp vốn pháp vô pháp
Pháp vô pháp cũng pháp
Nay lúc trao vô pháp
Pháp pháp nào từng pháp"

Nói kệ tụng rồi, Đức Như Lai lại bảo Đại Ca-diếp rằng: "Ta đem pháp y Tăng-già-lê rằng lụa vàng cũng giao phó cho ông, ông nên chuyển trao đến Phật Từ Thị (cũng gọi là Phật Di-lặc) bổ xứ, đợi vị ấy xuất hiện nơi đời, nên cẩn mật gìn giữ đó". Đại Ca-diếp bèn vâng lời, đảnh lễ sát chân tán thán tốt lành kính phụng lời Phật chỉ dạy. Một sáng nọ, quả nhiên, Đức Như Lai đến thành Câu-thi-na giữa khoảng hai cây sa-la, bảo cùng Đại chúng: "Ta nay muốn nhập Niết-bàn!" Trong chúng hội, có trưởng giả Thuần-đà khẩn thiết xin được cúng dường xin được cúng dường, Đức Như Lai nhân đó lại giảng nói pháp, và sau cùng là hóa độ Tu-bạt-đà-la, rồi Đức Như Lai trải qua các định Tam-muội và đứng dậy nơi tòa, vén pháp y Tăng-già-lê để lộ bày thể tướng sáng ngời sắc màu vàng tía, chúc lụy cùng Đại chúng rồi, Đức Như Lai nghiêng phía hữu mà nằm, điềm nhiên thị tịch. Khi ấy bốn chúng đệ tử có đến muôn ức, trời, người buồn khóc, luyến mộ chuyển động cả Đại thiên thế giới, trời rải mưa hoa quả đất rung động. Và lúc tôn trí kim thân Như Lai vào trong kim quan đợi chờ Đại Ca-diếp, mà lửa thế gian không thể đốt cháy. Khi Đại Ca-diếp vừa đến, hai bàn chân Đức Như Lai từ trong kim quan đưa ra. Đại Ca-diếp nâng vuốt kính mộ buồn khóc. Thế rồi kim quan tự dất bổng lên bay quanh thành Câu-thi-na, xong rồi hạ xuống, dùng lửa Tam-muội tự đốt cháy đó. Đốt cháy rồi mà xá-lợi tỏa sáng cả đại đại. Trong chúng hội hoặc là trời là người là thần là rồng đều cùng phân chia nghinh thỉnh về tạo tháp tôn trí cúng dường!

*** Thử xét:**

Đức Như Lai xuất hiện nơi đời ngày mồng tám tháng tư năm Giáp dần tức năm thứ chín thời vua Chiêu Vương nhà Chu. Đức Như Lai xuất gia ngày mồng tám tháng hai năm Nhâm thân tức năm thứ hai mươi bảy thời vua Chiêu Vương nhà Chu. Đức Như Lai thành đạo năm Mậu dần, tức năm thứ ba mươi ba cũng thời vua Chiêu Vương nhà Chu. Đức Như Lai diệt độ ngày 15 tháng 02 năm Nhân thân tức năm thứ ba mươi sáu thời vua Mục Vương. Đức Như Lai thị tịch đã qua một ngàn không trăm

mười bảy (1017) năm, đến năm đinh mão (67) tức năm Vĩnh Bình thứ mười, thời vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76 thời Đông Hán), giáo pháp mới lưu truyền đến Trung Hoa. Than ôi! Đức Như Lai hiện tướng tuổi thọ đồng như người đời, chỉ 79 tuổi, đêm Chánh pháp truyền hóa nơi đời chỉ bốn mươi chín năm (theo Cựu Phả (Phả ký xưa trước) nói là Đức Như Lai năm 19 tuổi xuất gia, sáu năm tu hành tại núi Tuyết, năm 30 tuổi thành đạo, giảng pháp nơi đời bốn mươi chín năm, năm 79 tuổi diệt độ. Nay nếu đem số năm mà so sánh, nếu chỉ có sáu năm tu hành, tức thành đạo lúc 25 tuổi. Nếu nói năm 30 tuổi, Đức Như Lai mới thành đạo, thì phải có thêm sáu năm ở nơi hai tiên nhân tập học giáo pháp, mới hợp với số nguyên), mà hóa độ các loài hữu tình số đó không thể tính kể. Pháp Đức Như Lai giảng nói gồm có Kinh, Luật và Luận mênh mông như trăm ngàn biển lớn. Người tham cầu tùy sức cạn sâu mà đều chứng đạt. Nhưng nếu suy xét đến lâu xa thì cùng đồng với thủy chung của đất trời, nếu chỉ ở sự thân gần thì tận cùng sự thành hoại của da và tóc, sâu mầu thì cùng tận quỷ thần, huyền diệu thì thông cả biến hóa, lớn hẳn khắp cả trời, người, nhỏ thì chẳng để sót lọt một côn trùng. Đó là đầu mối của họa phước trong thiên hạ, là cội gốc của tánh mạng, đều ở trong đó. Ấy là đạo của Đức Như Lai lớn như thế, giáo pháp của Như Lai trùm rộng như vậy. Tự xét thấy mình là phàm phu bỉ lậu chẳng đủ biết đó mà dám tán thán. Nghĩ rằng từ khi có nhân sinh đến nay, chưa có tôn quý nào lớn sánh cùng Thánh nhân, từ khi có Thánh nhân đến nay chưa có ai thấu đạt rốt ráo như Đức Như Lai vậy. Xưa kia, Liệt Ngự Khấu từng nói là: “Khổng Tử từng nói cùng Thương Thái Tể: “Người phương Tây có Thánh nhân, không trị vì mà chẳng loạn, không giảng nói mà tự tin, không cảm hóa mà tự thực hành, mênh mông thay, dân không thể xưng gọi vậy! Khâu tôi nghi đó là Thánh, chẳng biết thật là Thánh hay thật chẳng phải Thánh ư?” Thái Tể im lặng mà tâm ý tự nghĩ: “Khổng Khâu khinh thường ta thay!” Lấy đó mà xét nghiệm, thì lời nói của Liệt Ngự Khấu chẳng là hư dối vậy. Những sự kiện xuất hiện đến diệt độ nơi đời, và đến cả sự kiện xuất gia thành đạo của Đức Như Lai, hoặc nhằm trong niên đại thời vua Chiêu Vương và Mục Vương. Nhưng trong thời nhà Chu từ đời vua Võ Vương đến thời vua Lệ Vương đều không có niên số. Đến thời vua Tuyên Vương mới có niên số. Ở Cựu Phả mới nói là năm thứ chín, năm thứ hai mươi bảy, năm thứ ba mươi ba thời vua Chiêu Vương, và năm thứ ba mươi sáu thời vua Mục Vương. Hoặc giả rất chẳng lấy làm vậy. Tôi từng biện giải đó, nên xét khảo “Tam đại thế biểu” của Thái Sử Công, thấy lời tựa trong đó nói:

"Tôi đọc Điệp ký Hoàng đế trở lại nay đều có niên số, xét về thủy chung của Lịch, Phả và Điệp, truyện của Ngũ Đức, văn xưa hoặc chẳng đồng, trái khác với Phu tử chẳng luận về thứ tự năm tháng ấy, đâu hư dối ư?" Lấy đó mà nghiệm thì từ Tam đại trở về trước chẳng phải thật không có niên số. Bởi vì Thái Sử Công dùng Khổng Tử làm chỉ của thượng thư nên chẳng ghi về niên số mới làm "thế biểu". Nghi thì lưu truyền nghi, mãi đến các bậc Hiền – Học giả đời sau, như đồng bạn Hoàng Phụ mật lại suy lường mà cải chánh đó, nên làm thành Cựu Phả của dòng họ Thích, nhân đó lấy làm sách. Đó là có thể rõ ràng vậy, ai cho là không như thế!

*** Thử bàn luận:**

Đức Như Lai phó pháp cho Đại Ca-diếp, sự kiện ấy ở thời gian nào? Hẳn lấy gì để làm rõ ư? Xin đáp là: Xưa kia, mới đầu trong pháp hội Niết-bàn, Đức Như Lai bảo cùng Đại chúng Tỳ-kheo rằng: "Các người không nên nói như thế. Nay Ta có Chánh pháp Vô thượng hẳn đã phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp. Là Đại Ca-diếp sẽ vì các người làm nơi nương tựa lớn". Đó là rõ ràng vậy (xem kinh Niết-bàn quyển hai). Nhưng về Chánh tông là, bởi vì mật tướng trao truyền và thọ nhận của Thánh nhân, hẳn không thể biết ở nơi nào và lúc nào vậy. Lấy theo kinh mà châm chước thì kinh Pháp Hoa giảng nói trước, kinh Niết-bàn giảng nói sau. Lúc Đức Như Lai mới giảng nói kinh Pháp Hoa thì Đại Ca-diếp đã dự lãnh vậy, đến lúc giảng nói kinh Niết-bàn, Đại Ca-diếp không ở trong chúng hội. Tôi cho rằng thời gian Đức Như Lai trao truyền Chánh pháp là tại trong hai kinh ấy.

Hoặc lại cho là: Tại trong pháp hội trên núi Linh thứu, Đức Như Lai nứm cành hoa chỉ bày, khi ấy Đại Ca-diếp mỉm cười, đó tức là lúc phó pháp. Hoặc lại cho là: Đức Như Lai phó pháp cho Đại Ca-diếp ở trước tháp Đa tử, mà ở đời cho là đó là sự thật của việc trao truyền và thọ nhận. Nhưng chưa thấy nơi lưu xuất điều ấy. Tôi tuy hơi chấp lấy cũng chẳng dám quả quyết nhất định hẳn vậy. Hoặc lại có người cho là ở đầu các sách khác, hẳn đều có nêu bày bảy Đức Phật, mà sách này thì không. Há kệ tụng của bảy được Phật, chẳng phải là cựu dịch ư? Xin đáp là: Không như vậy. Phàm là Chánh tông, hẳn lấy thân gần cùng thầy truyền thừa, vì hiệu nghiệm ấy, nên đây cắt từ Đức Thích-ca Như Lai đã xuất hiện nơi đời, do đó, tôi không nêu bày lại ấy vậy. Tôi xét thấy Bảo Lâm truyền đăng, truyện ký của các nhà đều tố thuật từ Chi-cương-lương-lâu ở thời Tiền Ngụy và từ Na-liên-da-xá ở thời Đông Ngụy, trong các bản dịch của hai vị Phạm Tăng ấy. Hoặc các bản ấy ở

đầu nêu bày kệ tụng của bảy Đức Phật, bởi cũng xuất phát từ bản dịch của hai vị Chi-cương-lương-lâu và Na-liên-da-xá vậy, đâu cho là không phải bản cựu dịch ư? Nhưng truyện Bảo Lâm ở phần đầu không nêu bày bảy Đức Phật, như là ý trong sách tôi (Khế Tung) đây vậy.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 1
- (HẾT) -

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 2

*****

1. TRUYỆN TÔN GIẢ MA-HA CA-DIẾP, TỔ THỨ NHẤT Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, người nước Ma-kiệt-đà, vốn chủng tộc Bà-la-môn. Thân phụ Tôn giả hiệu là Ẩm Trạch, thân mẫu hiệu là Hương Chí. Vừa mới sinh, mà Tôn giả sớm hiện bày tư chất đẹp xinh, thân hình sắc màu vàng ròng và tỏa chiếu soi sáng rất xa. Có vị thầy đoán tướng, bảo: “Đứa trẻ này đời trước vốn có tu tạo phước đức thù thắng thanh tịnh, theo tướng pháp hẳn sẽ xuất gia”. Song thân của Tôn giả rất lấy làm lo buồn,, mới cùng nhau bàn tính là “nên cưới vợ đẹp may ra có thể ràng buộc tâm ý Tôn giả”. Vừa hơi lớn, liền bị khổ bởi buộc phải lấy vợ, mà Tôn giả nhất định chối từ, bất đắc dĩ mới lừa dối nói: “Nếu không chọn được người nữ nào sắc màu vàng ròng như con, thì hẳn không cưới vợ”. Song thân mới dùng kế của các Bà-la-môn đúc

một hình tượng người vàng để trên giá kiệu đưa đi khắp nước, nhân mọi người trông nhìn đó mà tìm cầu kết hôn cho Tôn giả, quả nhiên có được một người nữ sắc màu vàng ròng như Tôn giả, bèn cưới lấy làm vợ cho Tôn giả.

Nhân thời xưa trước, sau khi Đức Phật Tỳ-bà-thi nhập Niết-bàn, mọi người đem xá-lợi của Đức Phật xây dựng tháp để cúng dường, mà khuôn mặt tôn tượng nơi tháp ấy bằng vàng ròng, có bị khuyết hư. Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp là một người thợ đúc vàng, gặp có một người nữ nghèo đem đến một tiền vàng, cầu xin vì sơn thếp lại tôn tượng Phật, muốn đến tu bổ sửa sang đó. Nghe thế, Tôn giả Ca-diếp vui vẻ vì giúp tu bổ, xong rồi, nhân đó cùng nhau thề nguyền đời đời cùng kết vợ chồng. Vì quả báo ấy nên trải qua chín mươi mốt kiếp, thân thể của hai người đều sắc màu vàng ròng. Sau đó, sinh lên cõi trời Phạm thiên, khi thọ mạng ở cõi trời đã hết, Tôn giả mới sinh ra trong gia đình giàu quý thuộc chủng tộc Bà-la-môn. Đến lúc đã sánh đôi vợ chồng mà hình thể vẫn tự nhiên như xưa cũ, nên mới đầu Tôn giả có tên gọi là "Ca-diếp-ba", tiếng Trung Hoa dịch nghĩa là "Ẩm Quang", bởi do lấy các nghĩa sắc màu vàng ròng vậy. (Trong bản ghi phiên âm Phạm ngữ thông cùng Hoa ngôn như thế. Ca-diếp-ba có nhiều loại, hoặc ghi lục các bản trước trong nước nhà đã lưu truyền, ở đây không dám lấy khả năng Phạm học mà so sánh đó). Nhưng cả hai người đều thanh tịnh, tuy sánh đôi nhưng trọn không có ý của tâm tình trai gái, cuối cùng cũng khẩn cầu xin được xuất gia. Song thân bèn phải thuận theo ý Tôn giả.

Khi đã làm vị Sa-môn, Tôn giả vào núi lấy hạnh Đầu-đà mà tự tu. Nhân nghe giữa hư không có tiếng bảo: "Đức Phật đã xuất hiện nơi đời, xin nên đến theo đó mà tu hành". Tôn giả bèn đến tinh xá Trúc lâm, đầu thành kính cẩn đảnh lễ. Đức Như Lai mới phân tòa, bảo Tôn giả ngồi, cả Đại chúng đều rất kinh ngạc cho rằng: "Người này cớ sao được như vậy?" Đức Như Lai biết tâm niệm đó, mới giảng nói nhân duyên xưa trước của Tôn giả để dứt trừ tâm nghi ngờ trong Đại chúng. Sau đó, Đức Như Lai bèn vì giảng pháp, và Tôn giả ngay nơi tòa ngồi mà thành đạt đạo quả. Và nhân Tôn giả chưa nhóm công đức tu hành ưu thắng và trí tuệ cao xa, nên Đức Như Lai từng bảo: "Nay Ta có được các pháp Đại từ Đại bi, Tứ thiền Tam-muội, vô lượng công đức để tự trang nghiêm, mà Tỳ-kheo Ca-diếp cũng được như vậy!" Một ngày nọ, Đức Như Lai đem Chánh pháp phó chúc cho Tôn giả, dặn Đại sư Tôn giả lưu truyền khiến chớ đoạn tuyệt, sau đó, lại trao cho Tôn giả pháp y ca-sa dệt bằng vàng, bảo Tôn giả truyền trao đến Đức Phật Di-lặc. Đến lúc Đức Như

Lai nhập Niết-bàn, thì Tôn giả đang ở tại núi Kỳ-đà-quật. Khi ấy quả đất lay động, ánh sáng tỏa chiếu khắp nơi, Tôn giả dùng thiên nhãn soi xét mới nhận biết, bèn bảo cùng đồ chúng đang theo mình rằng: "Đức Phật đã nhập Niết-bàn rồi! Than ôi! Mắt Chánh pháp tắt lịm, thế gian trống không". Xong, Tôn giả liền dẫn đồ chúng đồng đến thành Câu-thi-na. Khi đến nơi hai cây sa-la thì Đức Như Lai đã thị tịch và kim thân đã tôn trí trong kim quan. Tôn giả rất xúc động, bèn cảm hai bàn chân của Đức Như Lai hiện bày ra ngoài kim quan để an ủi sự buồn cảm của Tôn giả. Sau đó, Tôn giả dùng bông tơ trắng chiên-đàn để cúng dường mà trà-tỳ. Xong rồi, Tôn giả bảo: "Kim cương xá-lợi nên để cho người trời lấy làm ruộng phước, còn chư vị Tỳ-kheo chúng ta nên chuyên việc kết tập giáo pháp để lại cho đời sau có được ánh sáng lớn ấy". Và Tôn giả liền thần thông tự bay lên đỉnh núi Tu-di mà nói kệ tụng rằng:

"Là đệ tử Như Lai
Hãy chớ vội tịch diệt
Những vị đạt thần thông
Nên cùng đến kết tập".

Tôn giả bèn khua chuông vàng, lời kệ tụng ấy nhân tiếng chuông mà vang xa khắp cùng nghe, nên có năm trăm vị ứng chân (A-la-hán), (có thuyết nơi là một ngàn vị) đều nhóm tập đến hang tất-bát-đa. Chỉ có Tôn giả A-nan nghiệp lậu chưa hết nên chẳng được vào dự tham, dừng nghỉ ngoài cửa hang trọn đêm tư duy, đến lúc mờ sáng liền được đạt ngộ, bèn gõ cửa thưa bào. Tôn giả bảo: "Nếu đã đạt ngộ thì ông có khả năng vận bụng sức thần vượt qua khe khóa cửa mà vào". Tôn giả A-nan bèn theo lời bảo đó mà cùng đến dự hội kết tập. Khi ấy, Đại chúng đều bàn nghị: "Với Tam tạng Thánh giáo thì nên làm gì trước?" Tôn giả bảo: "Trước tiên nên kết tập tạng Tu-đa-la (kinh tạng)". Và nhân đó, bảo cùng các Thánh giả rằng: "Tỳ-kheo A-nan đây là bậc tổng trì đệ nhất, vả lại thường luôn theo hầu Đức Như Lai, giáo pháp đã nghe được tợ như nước rót vào bình, không có rơi lọt", nên mời Tôn giả A-nan kết tập tạng Tu-đa-la. Tiếp đến, mời Tôn giả Ưu-ba-ly kết tập tạng Tỳ-ni (luật tạng), (các bộ khác hoặc cho là mời Tôn giả Ca-chiên-diên). Xong rồi, Tôn giả (Ca-diếp) bèn nhập định nguyện trí Tam-muội quán sát các tạng đã kết tập quả thật không có sai nhầm. Nhưng Tôn giả ở nơi đời đã bốn mươi lăm năm, cuối cùng, việc kết tập pháp bảo đã hoàn tất, và việc thuyết pháp độ người cũng đông nhiều vô lượng. Tôn giả tự nghĩ mình đã già suy, nên đến nhập định tại núi Kê túc đợi chờ Đức Di-lặc ra đời, nên bảo cùng Tôn giả A-nan rằng: "Xưa trước, lúc sắp nhập Niết-

bàn, Đức Như Lai đem Chánh pháp nhãn giao phó cho ta, nay ta sắp ẩn một, nên lại giao phó cho ông. Ông hãy khéo gìn giữ trao truyền, khiến chớ dứt mất". Và Tôn giả bèn nói kệ tụng rằng:

"Các pháp, pháp xưa nay
Không pháp, không phi pháp
Tại sao trong một pháp
Có pháp, có phi pháp."

Khi ấy, Tôn giả A-nan đảnh lễ kính vâng. Tôn giả lại nghĩ suy rằng: "Xá-lợi của Đức Như Lai đều ở trên các cõi trời, nên muốn đến giả từ", bèn dùng sắc thần bay đến khắp các pháp miếu tôn thờ xá-lợi, lễ bái xong rồi trở về, Tôn giả nhân trước kia có ước hẹn là hẳn đến giả biệt cùng vua A-xà-thế. Khi Tôn giả đến cửa thì A-xà-thế vừa mới ngủ, nên bảo tên lính canh cửa rằng: "Ta là Ma-ha Ca-diếp sắp nhập định tại núi Kê túc, nên đến cùng giả biệt nhà vua. vua thứa dậy, nên tâu trình như thế". Lúc ấy nhằm trong đời vua Hiếu Vương (Cơ Trích Phương 884-869 trước Tây lịch) thời Tây Chu ở Trung hoa.

Tôn giả vào sâu thẳm trong núi đó, trải cỏ mà ngồi, lại tự tư duy rằng: "Nay ta đắp mặc pháp y phấn tảo, gìn giữ pháp y Tăng-già lê của Đức Phật, hẳn phải trải qua năm mươi bảy câu-chi sáu mươi trăm ngàn năm, đến lúc Đức Di-lặc xuất hiện nơi đời trọn không rã hoại". Mới bảo cùng thần núi: "Nếu vua A-xà-thế và Tôn giả A-nan đều lại đây, ông nên vì mở cửa ra rồi khép đóng lại". Xong, Tôn giả vắng lặng mà nhập diệt tận định. Khi ấy đại địa chấn động, và vua A-xà-thế cũng tự mộng thấy đòn xà nơi cung điện gãy đổ, sau khi tỉnh giấc bèn hỏi kẻ canh cửa, thì quả nhiên đem lời Tôn giả bảo mà tấu trình. Nghe thế, vua buồn khóc và than thở, liền đến tinh xá Trúc lâm, lễ bái Tôn giả A-nan và mời cùng đồng đến núi Kê túc. Khi đến nơi, quả nhiên núi mở bày, Tôn giả an trú trong định, thân thể vẫn nghiễm nhiên như lúc ở tại thế gian, vua A-xà-thế vừa buồn khóc vừa lễ bái, bảo lấy củi thơm muốn vì trà-tỳ. Tôn giả A-nan bảo vua rằng: "Chưa thể thiêu đốt, Đại Ca-diếp đây mới dùng sức thiền định giữ gìn tự thân mà chờ đợi Đức Di-lặc hạ sinh để trao pháp y Tăng-già-lê của Đức Phật, xong, mới nhập Niết-bàn". Nghe vậy, vua A-xà-thế kính ngưỡng và càng cảm động. Sau khi vua và Tôn giả A-nan rời khỏi đó, núi tự nhiên đóng lại như cũ.

2. TRUYỆN TÔN GIẢ A-NAN, TỔ THỨ NHÌ Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả A-nan vốn người chủng tộc Sát-đế-lợi, ở thành Vương xá,

là con của vua Hộc Phạn, là anh em chú bác với Đức Thích-ca Như Lai. Mới đầu, Tôn giả có tên gọi là A-nan-đà, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Khánh Hỷ", cũng còn gọi là "Hoan Hỷ", bởi vì ngay trong đêm Đức Như Lai thành đạo thì Tôn giả mới ra đời, cả gia đình vương tộc đều rất mừng lại vui, vì thế nên đặt tên Tôn giả như vậy. Tôn giả có tướng kỳ đặc và rất thông minh duệ trí chẳng đồng như phàm tình.

Thủa thiếu thời, nghe Đức Như Lai xuất hiện nơi đời, mới dùng thế huyễn mà tự cảm. Vì Đức Như Lai mới đầu từ dfong họ Thích xuất gia thành tựu Đại Thánh đạo, nhân đó, Tôn giả đến cầu xin xuất gia. Đức Như Lai hứa thuận và vì giảng pháp, Tôn giả bèn thành đạt quả vị Tu-đà-hoàn. Vừa lúc Như Lai muốn có người theo hầu, mà Tôn giả riêng vì Đại chúng suy cử là bậc có trí tuệ thiện xảo và rất biết thời gian thích nghi, rất hợp với Thánh ý. Nhưng Tôn giả ở trong đời kiếp thời quá khứ đối với chư Phật có công đức rất lớn, nên với các pháp được nghe thảy đều ghi nhớ tất cả, như nước rót vào bình không bị sót lọt. Vì vậy, Đức Như Lai thường xưng gọi Tôn giả là bậc "Tổng trì đệ nhất". Đến lúc Đức Như Lai sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả vừa ra ngoài rừng Bà-la và bị ma nhiễu loạn, Đức Như Lai bèn bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đem thần chú đến giải cứu. Nhân đó, Tôn giả cùng Bồ-tát đồng trở về mà đảnh lễ kính hầu Đức Như Lai.

Sau khi Đức Như Lai đã nhập Niết-bàn, Tôn giả Đại Ca-diếp nhóm tập chư vị A-la-hán đến nơi hang Tất-bát-la kết tập pháp tạng, riêng vì Tôn giả là bậc đại trí đa văn và thường theo hầu Đức Như Lai, giáo pháp được nghe rất rõ ràng, nên mới bạch chúng thỉnh mời Tôn giả vì trùng tuyên kết tập tạng Tu-đa-la và tạng A-tỳ-đàm-đạt-ma. Tôn giả bèn vâng nhận sự chỉ bảo của Tôn giả Đại Ca-diếp, và liền nói kệ rằng:

"Các quyến thuộc Tỳ-kheo
Vắng Phật chẳng trang nghiêm
Thí như trong không trung
Lắm sao mà không trăng".

Sau đó, Tôn giả đảnh lễ Đại chúng rồi lên pháp tòa, tuyên đọc: "Tôi nghe như vậy, một thủa nọ, Đức Phật ở tại...... giảng nói kinh giáo... cho đến trời, người tin nhận vâng làm". Khí đó, Tôn giả Đại Ca-diếp lại hỏi Đại chúng: "Những A-nan vừa nói có sai nhầm chăng?" Cả Đại chúng đều đáp: "Không khác lời Đức Thế Tôn trước kia đã giảng nói".

Đến lúc Tôn giả Đại Ca-diếp sắp đến nhập định tại núi Kê túc,

mới đem Chánh pháp nhãn do Đức Như Lai trao truyền mà giáo phó cho Tôn giả, và dặn Đại sư Tôn giả lưu truyền chớ để dứt tuyệt. Từ đó, Tôn giả đem giáo pháp du hóa khắp các phương. Một ngày nọ, Tôn giả đến nơi một rừng trúc, mới đầu nghe vị Tỳ-kheo nhầm đọc bài kệ tụng là:

"Nếu người sống trăm năm,
Chẳng thấy hạc nước già,
Chẳng bằng sống một ngày,
Mà được trông thấy đó".

Nhân thế, Tôn giả than thở mà tự bảo rằng: "Đức Như Lai là mắt Chánh pháp trong đời, sao vội nhập Niết-bàn khiến quần sinh đây mất chỗ nương tựa, mà sai nhầm về Thánh giáo?" Tôn giả mới bảo vị Tỳ-kheo ấy rằng: "Đó không phải ý của Phật, không thể nương tựa theo đó, ông nên nghe tôi nói lại bài kệ chính xác là:

"Nếu người sống trăm năm,
Chẳng hiểu pháp sinh diệt,
Không bằng sống một ngày,
Mà thấu hiểu được đó".

Vị Tỳ-kheo ấy đem lời đó về thưa với thầy của mình, vị thầy đó lại bảo: "A-nan già suy, ông ấy nói sai nhầm, há đáng tin ư? Ông nên y như trước mà đọc tụng". Ngay sau, Tôn giả lại nghe vị Tỳ-kheo ấy đọc tụng bài kệ trước, mới hỏi: "Cớ sao như vậy? Mà không theo lời tôi chỉ dạy chỉnh sửa". Vị Tỳ-kheo ấy mới nói đó là ý của thầy của mình vậy. Tôn giả cho đó là không tôn trọng lời của mình, mà càng cảm thương xót xa, nhân đó, bèn nhập Tam-muội, muốn cầu chư vị Tôn Thánh vì hiện làm chứng, nhưng trọn không thể được, khi ấy Tôn giả lại suy niệm là "Phật và Thánh chúng đều đã nhập Niết-bàn, biết theo đâu mà vì chứng minh đây?" Đang lúc như vậy, quả đất đột nhiên lay động, chỉ khoảnh khắc ánh sáng tỏa phát, và trong chốc lát, có bậc Đại sĩ Thánh túc ứng hiện, vị Tỳ-kheo ấy mà nói kệ tụng, và vì chứng minh cho đó là:

"Kệ của kia đọc tụng
Thật không phải lời Phật
Nay gặp Đức Hoan Hỷ
Rất đáng nương rõ đó".

Thầy trò vị Tỳ-kheo ấy trông thấy Đại sĩ thần kỳ mới bẩm thọ lời dạy đó và liền đọc tụng bài kệ mà Tôn giả tuyên nói, bèn vì thế mà chứng đắc Đệ nhị quả (Tư-đà-hàm). Tôn giả đã được thấy chứng minh lại càng tự cảnh tỉnh, cho rằng: "Thân không an giống như bọt nước, huống gì già suy sao kham lâu bền ư?" Và bèn muốn nhập Niết-bàn.

Lại vì vua A-xà-thế thường luôn đau xót bùi ngùi không được thấy gặp Đức Như Lai và Tôn giả Đại Ca-diếp hai bậc Tôn Thánh nhập Niết-bàn, nhân thế mà ước hẹn với Tôn giả (A-nan) là nếu đến lúc tịch diệt xin được nói cho biết kỳ hạn đó. Vì vậy, Tôn giả đến báo cùng vua. Khi đến nơi cửa nhà vua thì tên lính canh gác chối từ không cho vào, vì vua vừa mới ngủ không dám tâu trình. Cũng trong lúc ấy, vua A-xà-thế đang trong giấc mộng vừa thấy một cái phan lọng được chiêm ngưỡng, bỗng chốc có gió mưa bão lớn ập đến bèn thổi gãy cán cây ấy, các vật báu vung vãi nơi đất. vua rất kinh hãi, lúc tỉnh giấc, kẻ lính canh cửa đem sự việc Tôn giả đến mà tâu trình, nghe thế, vua bèn ngất tiếng gào khóc, buồn thương cảm động cả đất trời, bèn vội tìm đến thành Tỳ-xá-ly, mới thấy Tôn giả an tọa giữa dòng sông Hăng, vua liền lễ bái mà nói kệ tụng rằng:

"Kính lạy thầy ba cõi
Bỏ con mà đến đây
Tạm nương sức từ nguyện
Hãy chớ nhập Niết-bàn".

Khi ấy, vua Tỳ-xá-ly cũng ở bên cạnh bờ sông, lại nói kệ tụng rằng:

"Tôn giả sao gấp vội
Mà về trường tịch diệt
nguyện lưu lại chốc lát
Chứng nhận sự cúng dường".

Tôn giả, thấy vua của hai nước đều lại cầu thỉnh, nên cũng nói kệ tụng rằng:

"Hai vua khéo nghiêm sống
Chớ vì khổ buồn thương
Niết-bàn sẽ ngã tịnh
Mà không có các hữu (cõi)".

Khi ấy Tôn giả mới tự tư duy: "Nếu ta thiên lệnh ở nơi một đất nước mà diệt độ thì các nước khác hẳn tranh giành nhau, đó là điều không đáng làm, nay đây nên lấy sự bình đẳng mà độ loài hữu tình". Bèn liền đến giữa dòng sông Hằng mà muốn nhập Niết-bàn. Khi đó, quả đất có sáu thứ chấn động. Nguyên trước đó có năm trăm nhân nương náu ở núi Tuyết, lúc cùng nhau đồng bay giữa hư không mà đến lễ bái Tôn giả và thưa rằng: "Nay chúng tôi định ở nơi trưởng lão thì sẽ chứng đắc Phật pháp. Nguyện xin xót thương vì cứu độ". Tôn giả bèn im lặng mà hứa thuận cho. Và liền biến hóa sông Hằng thảy đều

thành đất vàng ròng, đồng thời vì tiên chúng mà giảng Đại pháp yếu. Tôn giả lại tự nghĩ: "Các đệ tử ta đã hóa độ từ trước, nay nên nhóm tập lại". Chỉ chốc lát liền có năm trăm vị A-la-hán từ trên không trung mà xuống, vì họ mà cho xuất gia thọ giới, tiên nhân sau đó đều chứng đắc Đệ tứ quả A-la-hán. Và trong tiên chúng có hai vị A-la-hán, một vị tên là Thương-na-hòa-tu, một vị tên là Mạt-điền-để-ca (cũng còn gọi là Mạt-điền-địa). Tôn giả biết hai vị ấy đều là Đại pháp khí, nên bảo đó rằng: "Xưa kia Đức Như Lai đem Chánh pháp nhãn phó chúc cho Đại Ca-diếp, đến lúc Đại Ca-diếp sắp nhập định lại phó chúc cho ta. Nay ta sắp tịch diệt nên truyền trao lại cho hai ông, hai ông nhận lời ta chỉ dạy, nên nghe bài kệ tụng đây:

"Xưa nay trao có pháp
Trao rồi nói không pháp
Mỗi mỗi phải tự ngộ
Ngộ rồi không không pháp".

Tôn giả lại bảo Thương-na-hòa-tu: "Ông khéo nên hành hóa và hộ trì Chánh pháp chớ khiến dứt tuyệt". Và bảo Mạt-điền-để-ca rằng: "Xưa kia Đức Phật có dự ghi là sau khi Phật diệt độ trong khoảng năm trăm năm sẽ có ông ở nước Kế Tân mà hoằng tuyên Đại pháp. Sau này ông nên đến đó để giáo hóa quần sinh". Xong rồi, Tôn giả bay bổng thân mình lên giữa hư không làm thành mười tám thứ biến hiện, nhập phong luôn phấn tấn Tam-muội, mới phân thân thành bốn phần: Một phần ban cho cung trời Đao-lợi; một phần ban cho cũng rồng Ta-kiệt-la; một phần bao cho vua A-xà-thế và một phần ban cho vua Tỳ-xá-ly. Mỗi nơi có được đều tạo dựng bảo tháp mà cúng dường. Lúc ấy tương đương với đời vua Di Vương (Cơ Tiệp 869-857 trước Tây lịch) thời Tây Chu ở Trung hoa vậy.

3. TRUYỆN TÔN GIẢ THƯƠNG-NA-HÒA-TU, TỔ THỨ BA Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Thương-na-hòa-tu, người nước Ma-đột-la, còn có tên gọi là Xá-na-bà-tư, thuộc chủng tộc Tỳ-xá-đa. Thân phụ Tôn giả tên là Lâm Thắng, thân mẫu hiệu là Kiều-xà-la. Tôn giả ở trong thai mẹ suốt sáu năm mới chào đời, mà trên thân Tôn giả tự có y phục theo hình thể mà lớn dần, tiếng Phạm gọi là Thương-nặc-ca, theo Trung hoa dịch nghĩa là "tự nhiên phục" (y phục vận mặc tự nhiên). Tại Tây vức xưa trước có giống cỏ tốt lành thường sinh mọc nơi chốn đất ưu thắng, nếu gặp người chứng đạt Thánh đạo xuất hiện nơi đời thì cỏ ấy hóa đâm

chín cành để ứng điềm đó. Khi Tôn giả ra đời quả nhiên giống cỏ ấy có hóa như vậy.

Mới đầu, Tôn giả phụng thờ tiên nhân ở núi Tuyết, gặp lúc tiên nhân ấy theo Tôn giả A-nan cầu xin hóa độ, nhân đó mà Tôn giả cũng được dự phần xuất gia, sau đó thành đạo chứng quả A-la-hán, đến lúc ấy thì chiếc áo của Tôn giả có từ trong thai mẹ bèn biến làm pháp y chín điều. Xưa trước Đức Như Lai trên bước đường hành hóa từng đến nước Ma-đột-la, thấy một khoảnh rừng tươi tốt, mới ngoảy lại bảo Tôn giả A-nan: "Rừng này có địa danh là Ưu-lưu-trà, sau khi ta diệt độ gần một trăm năm, sẽ có vị Tỳ-kheo tên là Thương-na-hòa-tu đến ở đây giảng nói pháp độ người". sau khi Tôn giả A-nan diệt độ thì Tôn giả (Thương-na-hòa-tu) đem giáo pháp vân du giáo hóa đến nơi xứ ấy, bèn có ý muốn dừng ở, gặp có hai con rồng lửa đều cùng muốn chiếm đất đó bèn phát hung bạo làm gió làm mưa để trương bày uy lực, Tôn giả mới nhập từ Tam-muội để nhiếp phục, và nhân đó bảo cùng rồng rằng: "Xưa kia Đức Phật dự ghi nơi đây sẽ làm thành chốn Già-lam, các người nên xả thí vậy". Vì nghe nói là Đức Phật có dự ghi nên rồng vui vẻ mà xả thí. Tôn giả bèn lập thành ngôi tinh xá và giảng nói pháp, rộng hóa độ các hàng trời, người, quả thật phù hợp với lời Phật dạy.

Lâu sau, Tôn giả nghĩ muốn phó pháp, nhân nhập Tam-muội quán xét ai là bậc Thánh sĩ do Phật dự ghi và người ấy hiện ở tại nước nào? Sau khi xuất định mới dùng sức thần thông riêng đến nước Tra-lợi phỏng tìm nhà của trưởng giả Thủ Đà Thiện Ý. Thiện Ý cùng gặp kính lễ Tôn giả xong mới hỏi nguyên do đến có việc gì? Tôn giả đáp: "Tôi sống đơn côi như thế này nên muốn cùng ông làm bạn". Thiện Ý bảo: "Tôi đang ham thích dục lạc thế gian, do đó, không rảnh để cùng theo ông, đợi sau này có con, tôi sẽ cho nó kính phụng giáo pháp". Tôn giả ngợi khen tốt lành thay rồi ra đi. Về sau, Thiện Ý quả thật có con người thứ nhất tên là Ưu-ba-cát-la, người thứ nhì tên là Ưu-ba-diệm-ma, đến lúc sinh dưỡng người con thứ ba tên là Ưu-ba-cúc-đa, Tôn giả biết hẳn đó là bậc pháp khí, nên lại đến nhà Thiện Ý, bảo: "Ưu-ba-cúc-đa, người con thứ ba đây vừa hợp lời dự ghi của Phật, sẽ theo tập học hoằng truyền giáo pháp của ta, ông nên cho phép". Vì nghe nói là có lời dự ghi của Đức Phật nên trưởng giả Thiện Ý không dám chống trái. Khi ấy Ưu-ba-cúc-đa bèn nương theo xuất gia. Nhân đó, Tôn giả hỏi: "Ông nay bao nhiêu tuổi?" Ưu-ba-cúc-đa đáp: "Tôi mười bảy tuổi". Tôn giả lại hỏi: "Thân ông mười bảy, hay tánh ông mười bảy ư?" Ưu-ba-cúc-đa ngược hỏi lại: "Tóc sư đã bạc là tóc bạc hay là tâm bạc ư?" Tôn giả bảo: "Tôi chỉ tóc

bạc, chẳng phải tâm bạc". Nhân vậy, Ưu-ba-cúc-đa thưa: "Tôi mười bảy tuổi, không phải tánh mười bảy vậy". Tôn giả càng rất quý lạ. Mãi đến lúc Ưu-ba-cúc-đa đắc đạo, Tôn giả mới bảo là: "Xưa kia Đức Như Lai đem Đại pháp nhãn trao truyền cho Đại Ca-diếp, lúc Đại Ca-diếp nhập định lại trao truyền cho thầy ta là Tôn giả Khánh Hỷ, rồi lại trao truyền đến ta, nay ta đem trao cho ông, ông khéo lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt, nghe ta nói kệ đây:

"Phi pháp cũng phi tâm
Không tâm cũng không pháp
Lúc nói tâm pháp ấy
Pháp ấy phi tâm pháp".

Xong rồi, Tôn giả đến ẩn cư ở núi Tượng bạch tại Kế Tân, muốn dùng Thiền định mà tịch diệt, tự sống một mình không bao lâu, gặp lúc trong định mới thấy năm trăm đệ tử của Ưu-ba-cúc-đa kiêu mạn không cung kính, Tôn giả bèn đến để chỉnh sửa. Đã đến nơi thì Ưu-ba-cúc-đa không có mặt trong chúng hội, Tôn giả thẳng lên ngồi trên tòa của Ưu-ba-cúc-đa, học trò của Ưu-ba-cúc-đa không lường biết Tôn giả là người nào nên đều rất tức giận không kính phục, và liền vội đi báo cùng Ưu-ba-cúc-đa. Ưu-ba-cúc-đa trở về thấy là thầy mình bèn lễ bái cung kính mà đồ chúng ấy tâm ý kiêu mạn vẫn hiện còn, Tôn giả mới đưa cánh tay phải chỉ thẳng lên, liền có sữa thơm từ giữa không trung giọt đổ xuống. Tôn giả bèn hỏi Ưu-ba-cúc-đa: "Ông biết gì đó không?" Ưu-ba-cúc-đa đáp: "Không biết". Và liền nhập Tam-muội quán sát đó cũng không thể biết, nên bèn thưa hỏi: "Đó là kết quả của việc tốt lành gì hay là pháp Tam-muội gì?" Tôn giả bảo: "Đó là Long phấn tấn Tam-muội, có năm trăm pháp Tam-muội như vậy mà ông đều chưa thể biết". Tôn giả lại bảo Ưu-ba-cúc-đa rằng: "Pháp Tam-muội của Đức Như Lai, hàng Bích chi không biết được. Pháp Tam-muội của hàng Bích chi, hàng La-hán không biết được. Pháp Tam-muội của thầy ta là Tôn giả A-nan, ta đây không biết được. Nay đây pháp Tam-muội của ta, ông sao biết được ư? Người thành đạt pháp Tam-muội ấy, tâm không sinh diệt, trú trong Đại từ, lần lượt cùng cung kính người thấu đạt như thế mới có thể biết được". Khi ấy Ưu-ba-cúc-đa và cả đồ chúng đệ tử đã thấy được sức thần kỳ của Tôn giả nên đều kính phục mà hối tạ lỗi quá. Tôn giả lại vì nói bài kệ tụng mà chỉ dạy rằng:

"Thông đạt không đây kia
Chí Thánh chẳng hay dở
Ngươi trừ tâm khinh mạn

Chóng chứng quả La-hán".

Khi ấy, Ưu-ba-cúc-đa cùng cả đồ chúng đệ tử do đó mà đều chứng đắc Đệ tứ quả A-la-hán. Về sau, Tôn giả vụt thân bay lên giữa hư không, làm thành mười tám thứ biến hóa, xong, dùng lửa Tam-muội mà tự thiêu đốt thân. Bấy giờ tương đương với đời vua Tuyên Vương (Cơ Tĩnh 827-781 trước Tây lịch) thời Tây Chu ở Trung Hoa. Ưu-ba-cúc-đa mới đem xá-lợi của Tôn giả về tạo dựng tháp báu nơi chỗ đất ưu thắng tại núi Ca-la mà tôn trí, cùng các hàng trời, người chung cúng dường.

4. TRUYỆN TÔN GIẢ ƯU-BA-CÚC-ĐA, TỔ THỨ TƯ Ở THIÊN TRÚC

Ưu-ba-cúc-đa vốn người nước Tra-lợi, còn có tên gọi là Ưu-ba-quậc-đa, hoặc là Ổ-ba-cúc-đa, thuộc dòng họ Thủ Đà. Thân phụ của Tôn giả tên là Thiện Ý. Năm 17 tuổi, gặp Tôn giả Thương-na-hòa-tu đến nhà Tôn giả mà hóa đạo dẫn dắt, nhân đó Tôn giả bèn nương theo mà xuất gia. Đến năm 20 tuổi Tôn giả mới chứng đạo, thành đạt quả vị A-la-hán. Rồi Tôn giả vân du giáo hóa khắp nơi. Mới đầu, đến nước Ma-đột-la giảng pháp, đồ chúng nhóm tập đông nhiều, và những người nghe pháp đều đắc chứng đạo. Vừa lúc Tôn giả giảng nói pháp, các trời mưa hoa, thần đất đều hiện, tuy là cung điện của ma cũng vì đó mà lay động, nên ma Ba-tuần rất lấy làm buồn lo bèn đến gây sự chướng nạn, dùng ma lực thường biến hóa ra hoa và Ngọc Nữ, muốn nhiễu loạn mọi người nghe pháp, Tôn giả liền nhập Tam-muội quán sát về nguyên nhân, ma nhân lúc Tôn giả đang an trú trong định, mang châu anh lạc đến buộc nơi cổ Tôn giả. Sau khi xuất định, Tôn giả biết đó là do ma gây ra, mới lấy thây chết của người, chó và rắn ba thứ hóa làm thành tràng hoa, và gọi ma Ba-tuần lại nhỏ nhẹ ủi an, đồng thời bảo là: "Ông cho ta chuỗi anh lạc thật đáng là ban tặng quý báu, ta có tràng hoa đây nên cùng đáp trả lại ông". Ma Ba-tuần rất vui mừng, mới ngẩng cổ nhận lấy. Tràng hoa liền trở thành lại thây chết ba vật ấy, máu thịt thối rữa hôi hám, ma rất tức giận gìn nhím chối từ Tôn giả, và nói là: "Sao dùng thây chết mà cho ta như vậy?" Tôn giả bao: "Ngươi dùng vật phi pháp muốn nhiễu loạn đạo chúng của ta, ta dùng vật ấy trả lại ứng xứng ý của ngươi, sao lại chán gớm ư?" Khi ấy, tự nhiên ma mất hẳn sức thần của tự thân và không thể bỏ trừ được, liền thẳng bay lên sáu tầng trời cõi dục báo cùng các Thiên chủ, lại đến nơi trời Phạm vương cầu xin giải cứu, các trời đều bảo với ma rằng: "Các thứ thần biến của người đệ tử đấng đầy đủ thập lực tạo ra, chẳng thuộc khả năng các trời chúng

tôi có thể giải trừ được". Ma Ba-tuần mới nói: "Vậy biết làm sao đây?" Trời Phạm vương bảo: "Ông có thể quy tâm hướng nương Tôn giả, hẳn được giải trừ đó". Mới vì nói kệ tụng chỉ bảo cho ma Ba-tuần hồi hướng rằng: "Nếu nhân đất ngã, phải nhờ đất dậy, lìa đất cầu dậy, lý ấy đâu có". Ma Ba-tuần vâng nhận lời ấy, xuống khỏi các tầng trời, lại đến nơi Tôn giả, lễ bái sám hối chí thành khẩn thiết. Tôn giả bảo rằng: "Tiên Thánh bảo ta nhiếp phục ngươi. Tuy nhiên, ngươi vì vậy mà chuyển đổi tu thiện phụng thờ Phật mới không đọa lạc vào đường ác". Nghe thế, ma Ba-tuần mừng vui thưa rằng: "Tôn giả đã vì tôi mà đem lại lợi ích lớn, vậy xin dứt bỏ thịt thối này đi". Tôn giả bảo: "Đối với Chánh pháp, người còn vui thích nhiễu hại chăng?" Ma Ba-tuần đáp: "Kính xin vâng theo sự chỉ dạy, không còn dám như vậy". Tôn giả bèn vì cởi bỏ đi, và nhân đó bảo cùng ma Ba-tuần rằng: "Ông đừng trông thấy Đức Như Lai lúc còn tại thế, vậy nay thử ứng hiện cho ta chiêm ngưỡng xem". Ma Ba-tuần thưa: "Ứng hiện hẳn không gì đáng ngại sợ, chỉ xin Tôn giả chớ nên kính lễ". Liền đó, ma Ba-tuần vào giữa khoảng rừng làm Đức Như Lai, tướng tốt kỳ đặc nghiễm nhiên cùng cả đồ chúng dẫn theo từ rừng đi ra. Thoáng thấy qua, tâm Tôn giả phát sinh vui mừng như thật được chiêm ngưỡng Đấng đại Thánh, bất chợt gieo mình xuống đất mà kính lễ đó. Ma Ba-tuần không ngăn cản được sự lễ bái ấy, bỗng nhiên ẩn mất, đến lúc Tôn giả ngẩng đầu dậy, không còn trông thấy tôn nghi. Song, ma Ba-tuần bèn lễ bái sát chân Tôn giả mà nói kệ tụng rằng:

"Kính lạy Đấng Tam-muội
Đủ mười lực Đại từ
Nay con xin hồi hướng
Chớ còn bị yếu hèn".

Qua sau bốn ngày, ma Ba-tuần lại dẫn cả chúng trời đông đảo đến lễ bái tán thán Tôn giả xong rồi đi. Tôn giả hóa đạo dẫn dắt, các hàng hậu Thánh nhân đó mà chứng đắc đạo quả rất đông nhiều. Mới đầu mỗi lúc hóa độ được một người thì Tôn giả đem một cái thẻ để vào trong thạch thất. Thất đó dài mười tám khuỷu tay, rộng mười hai khuỷu tay, mà thẻ chất đầy. Xưa kia, Đức Như Lai từng dự ghi Tôn giả sẽ là vị Tổ thứ tư hoằng truyền giáo pháp, từng bảo là Tôn giả tuy không có tướng hảo, mà sự hóa độ so với Đức Như Lai lúc còn tại thế thì không khác. Đến đó mới thấy lời nói của Đấng Đại Thánh rất ứng nghiệm vậy.

Sau cùng, có Hương Chúng - con của một trưởng giả đến nương theo Tôn giả cố cầu xin xuất gia. Tôn giả hỏi: "Thân ông xuất gia hay tâm ông xuất gia ư?" Hương Chúng đáp: "Tôi đến cầu xin xuất gia

chẳng phải vì thân và tâm". Tôn giả lại hỏi: "Chẳng vì thân tâm, vậy thì ai xuất gia?" Hương Chúng đáp: "Phàm là người xuất gia vô ngã ngã cố, vô ngã ngã cố tức tâm không sinh diệt, tâm không sinh diệt tức là đạo thường, chư Phật cũng thường. Tâm không hình tướng, thể ấy cũng vậy". Tôn giả bảo: "Ông sẽ đại ngộ, tâm tự thông đạt, nên nương theo Phật, Pháp, Tăng, tiếp nối làm lớn mạnh giống Thánh". Và liền vì cho xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc. Tôn giả bảo với Hương Chúng rằng: "Thân phụ ông từng mộng thấy mặt nhật vàng ròng mà sinh ông, vì thế ông có thể được gọi tên là Đề-đa-ca". Về sau, Tôn giả lại bảo Hương Chúng rằng: "Đức Như Lai đem Đại pháp nhãn tạng lần lượt truyền trao nhận thọ mãi đến ngày nay. Nay ta lại giao phó cho ông, nên nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Tâm tự tâm xưa nay
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp".

Thế rồi, Tôn giả vụt bay lên giữa hư không, thị hiện mười tám thứ biến hóa, rồi trở lại ngồi kiết già mà thị tịch. Lúc đó tương đương đời vua Bình Vương (Cơ Nghi Cửu 770-719 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa, Hương Chúng dùng thẻ trong thạch thất ấy mà trà-tỳ, gom thâu xá-lợi của Tôn giả, dựng tháp cúng dường.

*** Thử bàn luận:**

Các sách khác nêu bày sự tích của Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa rất nhiều, cớ sao ở đây lại ước lược? Xin đáp là: "Ở đây chỉ chuyên việc gốc ngọn trong việc trao nhận của Tôn giả đó thôi. Phàm, sau khi Đức Như Lai diệt độ, hóa đạo dắt được người chỉ có Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa là đông nhiều hơn cả, nhưng về sự tích lắm nhiều đó, tôi (Khế Tung) sợ tuy dùng hết tre lụa cũng không thể ghi chép đủ cả. Và ai có thể viết đủ hết được ư? Đến như thẻ trong thạch thất cũng là ghi chép về các vị chứng đắc Thánh quả ấy, chưa hẳn đã cùng tột sự giáo hóa của Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa vậy".

5. TRUYỆN TÔN GIẢ ĐỀ-ĐA-CA, TỔ THỨ NĂM Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Đề-đa-ca, vốn người nước Ma-già-đà, về dòng họ của Tôn giả thì chưa rõ biết được. Mới đầu, Tôn giả có tên gọi là Hương Chúng. Thủa thiếu thời, được gặp Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa đang hưng

thạnh hoằng hóa tại nước Ma-đột-la, nhân đó, Tôn giả cầu xin nương tựa xuất gia, vì Tôn giả ứng đối rất thấu đạt chí lý nên rất được Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa mến quý mà cho xuống tóc xuất gia thọ giới Cụ túc.

Mới đầu, lúc Tôn giả vừa chào đời, thân phụ của Tôn giả từng mộng thấy vầng mặt nhật vàng ròng từ trong nhà lưu xuất ra soi sáng tỏa chiếu khắp đất trời, lại có núi báu cùng mặt nhật tương đối, trên đỉnh núi ấy lại có dòng suối tuôn chảy. Đến đó Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa mới vì giải thích cùng Tôn giả rằng: "Núi báu tức là thân ta (Ưu-ba-cúc-đa) dòng suối, tức là dòng giáo pháp vô tận. Mặt nhật từ trong nhà lưu xuất là tướng của ông vào đạo, tỏa chiếu khắp đất trời tức là sự phát huy trí tuệ ở nơi ông vậy". Nhân đó mà cải đổi tên như hiện nay. Tiếng Phạm gọi là Đề-đa-ca, Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Thông chân lượng", bởi lấy theo nghĩa của điềm mộng ấy vậy. Nhưng xưa kia, Đức Như Lai từng dự ghi điều đó, đến đây đều ứng nghiệm. Tôn giả được nghe thầy mình nói lại như thế, vui mừng kính vâng, bèn lễ bái nói kệ tụng tán thán rằng:

"Cao vợi núi bảy báu
Thường trông mối trí tuệ
Chuyển làm pháp vị thật
Hay độ người có duyên".

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa cũng dùng kệ tụng mà đáp là:

"Pháp ta truyền cho ông
Sẽ hiện trí tuệ lớn
Vầng nhật từ nhà ra
Chiếu soi cùng đất trời".

Thế rồi, Tôn giả đem giáo pháp tự chuyên việc hoằng hóa. Về sau đến xứ Trung Ấn Độ, gặp trong nước ấy có tám ngàn vị Đại tiên, vị đứng đầu chúng tiên tên là Di-già-ca. nghe có Tôn giả đến hoằng hóa, bèn dẫn cả thảy tiên chúng đến nơi Tôn giả, kính lễ mà thưa rằng: "Nghĩ nhớ xưa kia cùng Tôn giả đồng sinh sống ở Phạm thiên, ta gặp tiên nhân A-tư-đà trao cho tiên thuật, mà Tôn giả thì chứng quả mới thành đạt ứng thân (A-la-hán), từ đó đến nay xa cách nhau đã trải qua sáu kiếp". Tôn giả bảo: "Điều tiên nhân chỉ, thật đúng như lời nói ấy vậy. Nhưng chuyên việc tiên thuật của các ngươi, rốt cùng chứng đạt đến đâu?" Di-già-ca đáp: "Tôi tuy chưa gặp bậc chí Thánh, nhưng Tôn tiên A-tư-đà từng dự ghi là "qua sáu đời kiếp sẽ nhân gặp được bạn đồng học chứng đắc quả vị vô lậu". Nay cùng gặp gỡ đây há chẳng đáng vậy ư?" Tôn giả bảo: "Các ngươi đã biết vậy, đáng nên xuất gia,

tiên pháp thuộc tiểu đạo, chẳng thể khiến người thành đạt giải thoát. Từ lâu, tôi du phương giáo hóa cũng muốn dừng nghĩ rồi, nếu các người hướng đến Đại pháp, đâu nên tự chậm trễ". Di-già-ca nghe thế rất vui mừng, liền xin cầu xuất gia. Khi ấy đồ chúng của Di-già-ca thấy Tôn tiên của mình như vậy đều rất bùi ngùi, nói cùng Di-già-ca rằng: "Đề-đa-ca đâu đủ đáng làm thầy mà theo xuất gia như vậy?" Tôn giả rõ biết tâm niệm không đồng nhất của tiên chúng, muốn khiến họ kính tin, liền tỏa phóng ánh sáng, vượt bước lên giữa hư không mà như đi trên đất bằng. Lại biến hóa làm thành chiếc lọng báu che phủ tiên chúng, lại có sữa thơm từ đầu ngón tay rơi giọt xuống, giữa giọt sữa ấy hóa hiện thành hoa, trên hoa lại có hóa Phật. Tiên chúng trông thấy sự thần biến phi thường như thế, bền đốc suất nhau kính phục và đều cầu xin xuất gia, Tôn giả liền chấp thuận cho. Nhân đó bảo tiên chúng rằng: "Tuy vậy các người rất nên chánh niệm nương tựa Phật, khiến oai nghi của Tăng tướng tự nhiên mà thành khỏi phải dụng công". Tiên chúng y như lời nói ấy quả nhiên râu tóc tự rơi rụng, pháp phục ca-sa tự hiện trên thân thể, sau đó đắc giới thành Thánh nhân chứng đắc tứ quả A-la-hán.

Về sau, Tôn giả riêng bảo Di-già-ca rằng: "Xưa kia Đức Như Lai đem đại pháp nhãn vi mật truyền trao cho Đại Ca-diếp, lần lượt trao truyền đến ta. Nay ta lại trao truyền cho ông, ông phải gìn giữ truyền trao chớ khiến dứt tuyệt. Nghe ta nói kệ tụng đây:

"Thông đạt pháp bản tâm
Không pháp không chẳng pháp
Ngộ rồi đồng chưa ngộ
Không tâm cũng không pháp".

Nói kệ tụng rồi, Tôn giả liền khởi thân bay lên giữa hư không bày hiện mười tám thứ biến hóa, xong, dùng Hoả quang Tam-muội mà tự thiêu đốt thân. Lúc đó tương đương với đời vua Trang Vương (Cơ Đà 696-681 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Di-già-ca cùng Đại chúng gom thâu xá-lợi của Tôn giả, tạo dựng bảo tháp tại núi Ban trà mà tôn trí cúng dường.

6. TRUYỆN TÔN GIẢ DI-GIÀ-LA, TỔ THỨ SÁU Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Di-già-ca vốn người xứ Trung Ấn Độ, chưa rõ dòng họ là gì. Đã cùng với chúng thần tiên đồng xuất gia nơi Tôn giả Đề-đa-ca. Sau khi đắc độ, thành đạt Thánh quả, Tôn giả bèn đem pháp sở đắc ấy mà vân du giáo hóa các nơi. Một ngày nọ, đến một đất nước ở Bắc

Thiên Trúc, bỗng thấy trên thành lũy có mây lành sắc màu như vàng ròng, Tôn giả mới ngoảy lại bảo cùng mọi người chung quanh: "Đây là hơi khí Đại thừa vậy. Tại thành này sẽ có bậc chí nhân cùng ta nối dõi dòng pháp". Đến lúc vào nơi chợ trong nước đó, quả nhiên có một người mang bình rượu đi ngược đến nơi Tôn giả mà hỏi: "Tôn giả từ phương nào đến và muốn đi đến nơi nào?" Tôn giả đáp: "Ta từ tự tâm đến, muốn đến lại không nơi". Lại hỏi: "Có biết vật hiện trong tay tôi chăng?" Tôn giả đáp: "Đó là đồ đựng vật không thanh tịnh". Lại hỏi: "Tôn giả có biết tôi chăng?" Tôn giả đáp: "Ta tức không biết, biết tức không phải ta". Tôn giả lại bảo người ấy: "Ngươi có thể nói rõ tên họ thì ta sẽ chỉ bày rõ bản nhân". Người ấy bèn nói bài kệ tụng để trả lời rằng:

"Nay tôi sinh nước này
Lại nhớ ngày xưa trước
Vốn họ Phả-la-đọa
Tên là Bà-tu-mật".

Nghe thế, Tôn giả nhớ lại duyên xưa, mới bảo Bà-tu-mật rằng: "Thầy của ta là Tôn giả Đề-đa-ca từng nói: "Xưa kia Đức Phật vân du đến Bắc Thiên Trúc, bảo cùng Tôn giả A-nan là: "Sau khi ta diệt độ hơn ba trăm năm, sẽ có bậc Thánh nhân thuộc dòng họ Phả-la-đọa, tên là Bà-tu-mật ra đời làm Tổ sư thiền đời thứ bảy". Đó chính là Đức Như Lai đã dự ghi cho ông, nay ông nên xuất gia". Người ấy bèn đặt để bình rượu xuống, kính lễ Tôn giả rồi đứng qua bên cạnh mà thưa rằng: "Tôi nhớ đời kiếp trước đã từng làm người cúng thí, dâng cúng Đức Như Lai một tòa báu. Đức Như Lai đó dự ghi cho tôi rằng: "Đến trong thời Hiền kiếp ông sẽ chứng đạt Phật pháp làm vị Tổ thứ bảy. Nay gặp gỡ đây là duyên ấy vậy. Xin Tôn giả nhủ lòng từ bi, tôi mong được độ thoát". Tôn giả bèn vị người ấy mà xuống tóc và thọ lãnh giới pháp đầy đủ. Về sau, Tôn giả bảo Bà-tu-mật rằng: "Ta nay già suy sắp nhập Niết-bàn, Chánh pháp nhãn tạng của Đức Như Lai nay đem giao phó cho ông, ông phải lưu truyền chớ để tuyệt mất. Nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Không tâm không thể được
Nói được chẳng gọi pháp
Nếu rõ tâm phi tâm
Mới hiểu tâm, tâm pháp".

Nói kệ tụng rồi, Tôn giả bèn nhập sư tử phấn tấn Tam-muội, vụt thân bay lên giữa hư không cao bằng bảy cây đa-la rồi trở lại nơi tòa ngồi, hóa lửa tự thiêu đốt. Người, trời đều buồn xót cảm động cả đất

trời. Lúc đó tương đương với đời vua Tương Vương (Cơ Trịnh 651-618 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Bà-tu-mật bèn gom thâu xá-lợi của Tôn giả dùng hộp bằng bảy báu mà tôn trí, dựng tạo tháp mà tôn thờ trên tầng cao tột để cúng dường.

7. TRUYỆN TÔN GIẢ BÀ-TU-MẬT, TỔ THỨ BẢY Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Bà-tu-mật, người nước Bắc Thiên Trúc, vốn dòng họ Phả-la-đọa thường mặc y phục sạch sẽ mang bình rượu rảo bước khắp xóm thôn mà ngâm vịnh tự vui, mọi người đều không lường biết, hoặc có người cho Tôn giả là kẻ điên cuồng. Đến lúc gặp Tôn giả Di-già-ca, rõ được nhân duyên xưa trước, Tôn giả mới ném bỏ bình rượu, nương theo đó, cầu xin xuất gia, về sau được truyền trao Chánh pháp. Đến lúc Tôn giả Di-già-ca thị tịch rồi, Tôn giả mới rộng xiển dương giáo pháp đó. Khi đến nước Ca-ma-la mới lớn làm việc ưu thắng, bỗng có một bậc trí sĩ đến trước pháp tòa của Tôn giả mà tự xưng là: "Tôi tên là Phật-đà-nan-đề nay muốn cùng Tôn giả luận nghĩa". Tôn giả bảo: "Nhân giả luận tức chẳng phải nghĩa, nghĩa tức Chánh pháp luận. Nếu phỏng định luận nghĩa, trọn chẳng phải luận nghĩa". Phật-đà-nan-đề dự biết Tôn giả là bậc có nghĩa lý ưu thắng, nên cam tâm chịu phục, bèn thưa rằng: "Tôi mong muốn cầu đạo, muốn thưởng vị cam lồ". Tôn giả bèn độ cho, đặc biệt bảo các Thánh nhân đã chứng đắc tứ quả A-la-hán vì cho Phật-đà-nan-đề thọ giới. Sau đó không bao lâu, Tôn giả mới bảo Phật-đà-nan-đề rằng: "Chánh pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, nay ta giao phó cho ông, ông phải lưu truyền cẩn mật, chớ khiến dứt tuyệt, hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Tâm đồng như hư không
Dạy pháp bằng hư không
Lúc chứng đắc hư không
Không pháp phải, pháp quấy".

Nói kệ tụng xong, Tôn giả vụt thân bay lên hiện bày mười tám thứ biến hóa, rồi mới nhập từ Tam-muội để thẳng đến tịch định. Khi ấy trời Thích phạm cùng các chúng trời đều đến kính lễ mà nói kệ tán thán rằng:

"Thánh tổ trong Hiền kiếp
Đang là vị thứ bảy
Tôn giả xót thương con
Xin vì giảng Phật địa".

Tôn giả nhập định đã qua bảy ngày, sau đó xuất định, chỉ dạy Đại chúng rằng: “Pháp ta thành đạt là không phải có. Nếu biết Phật địa thì lìa có và không vậy”. Nói xong, Tôn giả lại nhập tịch định thị hiên tướng Niết-bàn, chúng trời được nghe pháp đều vui mừng kính lễ, bèn tung rải hoa trời để cúng dường. Lúc đó tương đương với đời vua Định Vương (Cơ Du 606-585 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Phật-đà-nan-đề bèn xây dựng bảo tháp nơi pháp tòa Tôn giả đang an tọa mà bao bọc toàn thể đó.

8. TRUYỆN TÔN GIẢ PHẬT-ĐÀ-NAN-ĐỀ, TỔ THỨ TÁM Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Phật-đà-nan-đề, vốn người thuộc dòng họ Cù-đàm-ba ở nước Ca-ma-la. Lúc vừa mới sinh trên đỉnh đầu đã có nhục kế ánh sáng tỏa phát ra ngoài. Tôn giả có bẩm tánh rất thông minh, văn tự chỏ một lần xem qua tức có thể ghi nhớ tất cả. Năm 14 tuổi, Tôn giả mới kính mộ xuất gia, chuyên lấy phạm hạnh để tự tu. Mãi tới lúc Tôn giả Bà-tu-mật đến nước đó, thì Tôn giả chỉ một lần đến phỏng hỏi, bèn kính phục nghĩa lý ưu thắng của Tôn giả Bà-tu-mật nên liền nương theo tôn xưng làm thầy. Về sau được truyền trao Chánh pháp nhãn tạng, Tôn giả bèn dẫn đồ chúng đi khắp nơi giáo hóa. Mới đầu, Tôn giả đến nước Đề-già, trước đó trong nước ấy có gia đình tỳ-xá-la sinh được một người con tên là Phục-đà-mật-đa, tuổi đã năm mươi mà miệng chưa từng nói một lời, chân không hề giẫm một bước, song thân không lường biết bởi duyên gì vậy đều rất lo buồn, đã từng đem hỏi các bậc chuyên tập hành thiền định ở nước ấy nhưng các bậc đó đều không quyết định rõ ràng, chỉ bảo là “Sắp có vị Đại sĩ truyền Phật tâm ấn không bao lâu nữa sẽ đến đây, ông có thể thưa hỏi vị đó”. Đến lúc Tôn giả vào nước ấy, đi ngang qua cửa tỳ-xá-la bỗng nhiên thấy có ánh sáng sắc trắng phát ra từ trên nóc nhà, Tôn giả chỉ đó mà bảo Đại chúng: “Nhà này đang có bậc Thánh nhân chưa từng mở miệng nói một lời, thật là bậc pháp khí Đại thừa, không bước đến đầu ngã tư đường cái mà biết nơi xúc uế. Đó hẳn sẽ nối dõi theo ta làm rạng ngời pháp hóa. Thánh nhân ấy sẽ hóa dộ có năm trăm vị chứng đắc Thánh quả”. Tôn giả lại bảo: “Ánh sáng ấy soi suốt phía trên là tiêu biểu Thánh nhân ấy nương theo ta mà đắc pháp. Và ánh sáng ấy soi cùng phía dưới là tiêu biểu Thánh nhân ấy hóa độ lưu xuất được người, và người được hóa độ lưu xuất đó tên là Tỳ-kheo Hiếp, tâm rộng lớn như đất, sẽ tiếp theo ta làm đời thứ ba”. Khi ấy chủ nhà tỳ-xá-la bèn ra hỏi nguyên nhân Tôn giả đến muốn cần vật gì? Tôn

giả đáp: “Ta đến đây chỉ cần tìm người chẳng phải cần vật”. Chủ nhà đáp: “Nhà tôi đâu có người nào kỳ đặc mà đáng tìm kiếm ư? Chỉ có một đứa con không biết nói không biết đi, tuổi đã năm mươi. Nếu Tôn giả muốn cần nó, hẳn tôi đây cũng không lận tiếc”. Tôn giả bảo: “Theo lời ông nói, đúng là tôi muốn tìm người ấy vậy”. Song thân bèn đưa Phục-đà-mật-đa trao cho Tôn giả. Đến lúc Tôn giả dẫn đưa về tới tinh xá, bỗng nhiên Phục-đà-mật-đa mở miệng nói, chân giẫm đi bảy bước, chấp tay nói bài kệ tụng mà cùng hỏi rằng:

“Cha mẹ chẳng phải thân
Ai là người chí thân?
Chư Phật phi đạo ta
Ai là bậc tột đạo?”

Tôn giả liền dùng kệ tụng mà đáp rằng:

“Lời ông cùng tâm thân
Cha mẹ chẳng sánh bằng
Hạnh ông cùng đạo hợp
Chư Phật tức là tâm
Ngoài cầu Phật có tướng
Cùng ông không giống gì
Nếu biết bản tâm ông
Chẳng hợp cũng chẳng lìa”.

Phục-đà-mật-đa được nghe pháp rất vui mừng, mới ân cần kính lễ, Tôn giả bèn cho phép xuất gia, mời các bậc Hiền Thánh vì cho thọ giới. Về sau Tôn giả mới bảo Phục-đà-mật-đa rằng: “Pháp nhãn của Đức Như Lai kín trao truyền đến ta, nay ta lại đem giao phó cho ông, ông nên gìn giữ lưu truyền, chớ khiến dứt tuyệt, nghe ta nói bài kệ tụng đây:

“Hư không chẳng trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu hiểu rõ hư không
Là đạt lý chân như”.

Phục-đà-mật-đa hân hạnh được kệ tụng truyền pháp, liền vụt thân bay lên giữa hư không, tung rải các thứ hoa báu, nói bài kệ tụng mà tán thán rằng:

“Thầy tôi, Tổ trong thiền
Đang là vị thứ tám
Hóa độ chúng đông nhiều
Đều thành A-la-hán”.

Tôn giả truyền trao pháp nhãn rồi, từ nơi pháp tòa đứng dậy nghiễm nhiên cao vợi, hiện sức đại thần biến, từ nơi bụng Tôn giả phát ra tám luồng ánh sáng khác lạ soi chiếu cả Đại chúng. Số người được soi chiếu đó chỉ có năm trăm vị, chứng đắc Thánh đạo đệ nhị quả Tư-đà-hàm. Xong, Tôn giả mới nhập Niết-bàn. Lúc đó tương đương với đời vua Cảnh Vương (Cơ Quý 544-520 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Đại chúng bèn tạo dựng tháp báu phủ bao cả toàn thể Tôn giả.

9. TRUYỆN TÔN GIẢ BẠT-ĐÀ-MẬT-ĐA, TỔ THỨ CHÍN Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Phục-đà-mật-đa, vốn người thuộc dòng họ Tỳ-xá-la ở nước Đề-già. Song thân của Tôn giả đã nghi ngờ về bình sinh. Đến lúc gặp được Tôn giả Phật-đà-mật-đa nói về nhân duyên xưa trước, và bảo: “Người con này đời trước là bậc minh đạt, ở trong Phật pháp muốn làm lợi ích lớn từ bi cứu tế quần sinh, nên từng tự phát nguyện: “Nếu ta sinh bất cứ nơi nào sẽ không vì ân ái của cha mẹ ràng buộc, tùy theo duyên lành mà được giải thoát”. Miệng không mở lời nói là tiêu biểu cho đạo lý không tịch, chân chẳng giẫm bước là tiêu biểu cho pháp vốn không đến đi”. Khi ấy mối nghi sâu xa nơi song thân Tôn giả tự nhiên tan biến, bèn vui mừng đem Tôn giả trao cho Tôn giả Phật-đà-nan-đề.

Sau khi được trao truyền Chánh pháp, Tôn giả mới du phương giáo hóa, đến Trung Ấn Độ. Nguyên trước, ở nước đó có vị trưởng giả tên là Hương Cái. Hương Cái có người con tên là Nan Sinh. Nan Sinh tuy ăn dùng ngũ cốc mà tuyệt không bẩn dơ. Đến lúc Hương Cái dẫn Nan Sinh đến lễ bái Tôn giả, và thưa: “Đứa con này ở trong thai mẹ suốt mười sáu năm, đến lúc nó chào đời, tôi lại có điềm mộng kỳ đặc. Tôi từng mời các tiên nhân đoán tướng của nó, họ bảo đứa con này không phải là phàm tình, sẽ gặp bậc Bồ-tát hóa độ cho nó. Vừa gặp Tôn giả đây là bởi duyên ấy, nên tôi xin cho nó xuất gia”. Và Hương Cái lại bảo Nan Sinh là: “Ông đã xuất gia, không vì ta ở từ mà tâm vui vẻ, ta trở về nhà mà sinh buồn não”. Nan Sinh thưa: “Nay con hiện ở đâu có đây kia, các lậu đã hết sao sinh được phiền não”. Tôn giả vì thế nên hóa độ đó. Về sau, không bao lâu, Tôn giả bèn đem pháp nhãn trao truyền cho Nan Sinh mà bảo: “Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, nay đem giáo phó cho ông, ông nên lưu truyền chớ khiến dứt tuyệt. Ông nhận sự chỉ bảo của ta, nghe ta nói kệ tụng đây:

“Chân lý vốn không tên
Nhân tên bày chân lý

Nhận được pháp chân lý
Chẳng chân cũng chẳng ngụy".

Trao truyền pháp nhãn rồi, Tôn giả tự tư duy đã lâu giáo hóa dẫn dắt, việc giáo hóa đã hoàn tất, sẽ dùng diệt tận Tam-muội mà tự ngưng nghỉ. Khi ấy Tôn giả bèn nhập Niết-bàn, các trời đều tấu nhạc cúng dường, tuôn vọt giữa hư không. Lúc đó tương đương với đời Kính Vương (Cơ Cái 519-476 trước Tây lịch) thời Đông Chu ở Trung Hoa. Tỳ-kheo Hiếp bèn dùng củi gỗ thơm mà trà-tỳ, gom thâu xá-lợi, dựng tháp báu nơi chùa Na-lan-đà mà cúng dường.

10. TRUYỆN TÔN GIẢ HIẾP, TỔ THỨ MƯỜI Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Hiếp, vốn người nước Trung Thiên Trúc, về dòng họ chưa rõ biết. Tôn giả vốn tên là Nan Sinh, vì ở trong bào thai mẹ qua thời gian rất lâu, nên đạt tên như vậy. Đến lúc sắp sinh Tôn giả thì thân phụ tên là Hương Cái cảm mộng có một con voi trăng trên lưng chở một tòa báu, trên tòa báu ấy lại đặt một hạt minh châu từ nơi cửa nhà mình đi ra đến nơi một pháp hội, có ánh sáng tỏa chiếu cả Đại chúng, thế rồi bỗng nhiên không còn thấy. Vừa lúc Tôn giả chào đời quả nhiên có ánh sáng tỏa chiếu cả phòng nhà, thân thể Tôn giả có mùi thơm kỳ đặc, thân phụ rất lấy làm lạ. Lớn lên vừa độ tuổi nhi đồng, gặp lúc Tôn giả Phục-đà-mật-đa đến hoằng hóa tại nước đó, Hương Cái bèn dẫn đến nơi nói về sự khác lạ lúc sinh Tôn giả, và cầu xin cho Tôn giả xuất gia. Tôn giả Phục-đà-mật-đa liền hứa nhận, đồng thời thỉnh mời bảy vị A-la-hán chứng minh cho Tôn giả thọ giới. Vừa lúc nhận thọ giới pháp, trên đàn tràng hiện tướng tốt lành, giữa hư không lại đổ mưa xuống hai mươi viên xá-lợi. Nhưng Tôn giả tu hành tinh nghiêm khổ hạnh, thường chẳng nằm ngủ, tuy trọn đêm ngày mà hông chẳng dính chiếu, vì thế nên được xưng gọi là Tôn giả Hiếp. Mãi đến lúc đã dự phần được phó pháp, Tôn giả mới du phương hoằng hóa. Sau đó, đến nước Hoa Thị, Tôn giả dừng nghỉ dưới gốc cây, đưa cánh tay phải chỉ xuống đất và bảo Đại chúng rằng: "Đất đay biến thành vàng ròng hẳn sẽ có bậc Thánh giả vào dự pháp hội". Chỉ chốc lát, đất ấy bỗng nhiên thành vàng ròng, khoảnh sau có một người con trưởng giả tên là Phú-na-dạ-xa đến trước Tôn giả chấp tay mà đứng. Tôn giả bèn hỏi: "Ông từ đâu lại?" Phú-na-dạ-xa đáp: "Tâm tôi chẳng đi". Tôn giả lại hỏi: "Ông ở nơi nào?" Phú-na-dạ-xa đáp: "Tâm tôi chẳng dừng". Tôn giả lại hỏi: "Ông là người bất định ư?" Phú-na-dạ-xa đáp: "Chư Phật cũng vậy". Tôn giả bảo:

"Ông không phải chư Phật". Phú-na-dạ-xa đáp: "Chư Phật cũng chẳng phải". Nhân đó, Tôn giả nói kệ tụng rằng:

"Đất này hóa vàng ròng
Biết có Thánh nhân đến
Ngồi dưới cây Bồ-đề
Hoa giác nở hoàn toàn".

Phú-na-dạ-xa cũng nói bài kệ tụng mà đáp lời rằng:

"Thầy ngồi đất vàng ròng
Thường nói nghĩa chân thật
Chuyển ánh sáng soi con
Khiến được nhập Chánh định".

Và nhân đó thưa rằng: "Nay con nguyện xin theo Tôn giả, mong cho con được xuất gia". Tôn giả bèn chấp nhận và liền vì xuống tóc, mời các Thánh giả đã chứng đắc tứ quả chứng minh cho Phú-na-dạ-xa thọ giới. Về sau, Tôn giả bảo Phú-na-dạ-xa rằng: "Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai nay đem giao phó cho ông, ông phải gìn giữ lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói kệ tụng đây:

"Thể thật tự nhiên thật
Nhân thật nói có lý
Lãnh được phát thật thật
Không đi cũng không dừng".

Đã trao truyền giáo pháp xong, ngay nơi tòa ngồi, Tôn giả vụt thân bay lên giữa hư không mà nhập Niết-bàn, dùng lửa Tam-muội mà tự thiêu đốt. Xá-lợi của Tôn giả từ giữa hư không rơi xuống nhiều vô số kể, Đại chúng dùng vạt áo mà hứng lấy. Lúc ấy tương đương với đời vua Định Vương (??) thời nhà Chu ở Trung Hoa. Sau đó, Đại chúng tạo dựng tháp miếu để tôn thờ xá-lợi, và chư Thiên trải lọng báu che phủ phía trên.

11. TRUYỆN TÔN GIẢ PHÚ-NA-DẠ-XA, TỔ THỨ MƯỜI MỘT Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Phú-na-dạ-xa, vốn người dòng họ Cù-đàm ở nước Hoa Thị. Thân phụ Tôn giả tên là Bảo Thân, hiệu là Trưởng Giả. Mới đầu, Bảo Thân có bảy người con, mỗi người tự có điều mến thích riêng. Người thứ nhất tên là Phú-na-bàn-đa ham thích tập học tiên thuật, người thứ nhì tên là Phú-na-kim tử, khéo thường vắnglặng, người thứ ba tên là Phú-na-nguyệt-quang, ham thích dốc sức đánh đấu, người thứ tư tên là Phú-na-thắng-đồng ham thích bố thí niệm Phật, người thứ năm tên

là Phú-na-ba-đậu ham thích sự giết hại uống rượu, người thứ sáu tên là Phú-na-cát-đan đam mê đắm thích dục lạc, người thứ bảy tên là Phú-na-dạ-xa điềm nhiên không tốt xấu, tâm tư không tịnh không loạn, chẳng phàm chẳng Thánh. Tôn giả từng nói: "Nếu gặp có bậc Đại sĩ ngồi nơi đạo tràng, ta sẽ đến đó thân gần tùy hỷ". Đến lúc Tôn giả Hiếp đến nước đó vừa mới xiển dương Phật sự, Tôn giả bèn đến nơi pháp hội, ứng đối rất nhạy bén, ngôn từ đều chí lý, quả nhiên sau đó được Tôn giả Hiếp trao truyền Chánh pháp nhãn tạng. Tôn giả bèn gìn giữ đó mà du phương giáo hóa, tiếng tăm vang vọng khắp xa, chẳng những đồ chúng có đến ngàn muôn, nhưng chứng đắc Thánh quả chỉ có năm trăm vị.

Về sau, Tôn giả đến nước Ba-la-nại, có một vị trưởng giả đến trong pháp hội, Tôn giả mới chỉ vị ấy mà bảo cùng Đại chúng rằng: "Các ngươi có biết người mới đến đây chăng? Xưa kia Đức Phật có dự ghi là: "Sau khi ta diệt độ gần sáu trăm năm sẽ có một vị Thánh giả tên là Mã Minh xuất hiện nơi nước Ba-la-nại, giảng pháp ở thành Hoa thị, nhiếp phục các hàng dị đạo, độ người nhiều vô lượng". Nay chánh người này đây, và ban đêm ta cũng mộng thấy biển lớn dâng tràn cả một góc, mới muốn quyết định đó. Dòng nước ấy bèn chảy sầm sập đượm nhuần các cõi. Nay người này lại đây là biển lớn ấy vậy, sắp theo ta xuất gia, đem giáo pháp cứu độ người, là dòng nước đượm nhuần vậy". Khi ấy Ma Minh kính lễ Tôn giả trước mà hỏi rằng: "Tôi muốn biết Phật, thế nào tức là phải?" Tôn giả đáp: "Ông muốn biết Phật, chẳng biết tức là phải". Mã Minh lại hỏi: "Đã không biết Phật, sao biết là phải?" Tôn giả đáp: "Ông đã không biết Phật, sao biết là không phải?" Mã Minh nói: "Đây thật là nghĩa cưa". Tôn giả bảo: "Đó là nghĩa vậy". Và liền hỏi: "Ông nói nghĩa cưa là thế nào?" Mã Minh đáp: "Tôi cùng thầy phân ra bằng nhau" và cũng liền hỏi: "Còn thầy nói nghĩa cây là thế nào?" Tôn giả bảo: "Ông bị ta cắt xẻ". Mã Minh bèn tỏ ngộ thắng nghĩa của Tôn giả, tự nhiên vui mừng, liền cầu xin xuất gia. Tôn giả mới vì hóa độ, cho thọ giới Cụ túc. Và trong chúng hội nhân đó mà chứng đắc Đệ tứ quả A-la-hán có đến hai trăm vị.

Về sau, Tôn giả bảo Mã Minh rằng: "Ông sẽ Chuyển pháp luân, làm Tổ đời thứ mười hai. Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai xưa kia, nay ta giao phó cho ông, ông nên gìn giữ lưu truyền. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng:

"Mê ngộ như ẩn hiển
Tối sáng chẳng rời nhau
Nay trao pháp ẩn hiển

Chẳng một cũng chẳng hai".

Trao truyền pháp nhãn rồi, Tôn giả liền hiện bày thần thông, làm thành mười tám thứ biến hóa, xong trở lại nơi pháp tòa, an nhiên mà thị tịch. Lúc đó tương đương với đời vua An Vương (??) thời nhà Chu ở Trung hoa. Đại chúng bèn tạo dựng bảo tháp che phủ toàn thể.

*** Thử bàn luận:**

Trong thời Tiền Đường, có cao Tăng Thần Thanh không vui thích thiền giả, tự đề cao tông của mình, mơi soạn viết sách để đè ép đó rằng: "Các Hiền Thánh trao truyền pháp tức lấy theo Thanh văn, như Đại Ca-diếp v.v... tuy là hồi tâm nhưng vẫn là tiểu trí, đâu có thể truyền được Phật tâm ấn ư?" Tức Thần Thanh trích dẫn trong truyện "Phó pháp tạng" nói: "Xưa kia Tôn giả Thương-na-hòa-tu bảo cùng Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa rằng: "Tam-muội của chư Phật, hàng Bích chi không thể biết, Tam-muội Bích chi, Thanh văn không thể biết, Tam-muội của các vị Đại Thanh văn thì các Thanh văn khác không thể biết, Tam-muội của Tôn giả A-nan, ta nay không thể biết, Tam-muội của ta nay, ông cũng không thể biết. Các pháp Tam-muội như thế đều theo ta ẩn diệt. Lại có bảy vạn bảy ngàn kinh bản sinh, một vạn A-tỳ-đàm, tám vạn Tỳ-ni thanh tịnh, cũng tùy theo ta ẩn diệt mất". Ôi thôi! Thần Thanh nhọc bày sự mến ghét của chính mình, mà lại rất không biết khuất nhục tiên Thánh. Mới đầu, tôi (Khế Tung) đọc sách của Thần Thanh thấy so sánh luận bàn về Tam giáo, tuy văn từ không tốt lành, bởi vì ông ta khéo ghi kinh sách cũng riêng việc khinh trọng, không hẳn chẳng vậy, đến khi khảo xét điều ông nói gièm pha về Thiền giả, hỏi nạn có vài mươi điều đều tham tâm lấy từ sự ưa chuộng của các hàng thế tục và viện dẫn các sách truyện, lại chẳng được rõ ràng đó. Mới đầu, tôi cho đó không phải là chí luận nên không đáng đủ chú ý quan tâm. từ từ nghĩ suy điều ông nói là: "Đại Ca-diếp v.v... đâu có thể truyền Phật tâm ấn", rất là lời nói điên cuồng, sợ đó dối hoặc người đời vằtng thêm sự rỉa rói của hàng hậu sinh chưa học mà thôi, mới cùng cải chánh đó, chứ không phải ưa thích biện luận vậy. Đại khái, phàm là muôn sự, lý là cội gốc đó, mà vết tích là cành ngọn đó. Người thông đạt được gốc thì có lắm nhiều thành đạt, người bó buộc cành ngọn hẳn mất mát đó lắm nhiều. Như trong Truyền pháp chỉ có vài mươi vị Hiền Thánh, tuy thị hiện đồng là Thanh văn, mà đâu nên vì Thanh văn hết cả đó ư? Trong kinh nói: "Nay Ta có Chánh pháp Vô thượng đều đã giao phó cho Ma-ha Ca-diếp". Trong truyện lại nói: "Nay Ta có các pháp Đại từ, Đại bi, Tứ thiền, Tam-muội, Vô

lượng công đức mà tự trang nghiêm, mà Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại như vậy". Và lại cho rằng: "Ưu-ba-cúc-Đa-la không có tướng tốt như Phật". Lại bảo là "Tôn giả Phật-đà-nan-đề là đứa Bà-la-vương Như Lai ở thời quá khứ giáng hiện dấu vết làm Tổ". Đồng loại như thế có lắm nhiều. Ấy há chẳng phải Thánh nhân muốn phù trì Chánh pháp cùng nhau tôn kính mà thị hiện làm lớn làm nhỏ ư? Theo trong kinh Lăng-già nói có ba thứ A-la-hán: Một là La-hán đắc quyết định Thanh văn; hai là La-hán từng tu hành hạnh Bồ-tát; ba là La-hán ứng hóa điều chư Phật ứng hóa". Vậy, La-hán đây là dùng sức bản nguyện thiện căn, phương tiện, hiện sinh nơi cõi nước của chư Phật, trong các Đại chúng trang nghiêm Đại chúng hội của chư Phật, nên như Đại Ca-diếp truyền pháp vài mươi vị Hiền Thánh, há chẳng là La-hán ứng hóa điều Phật ứng hóa ư? Điều Phật ứng hóa, đáng ở điểm có các pháp Tứ thiền Tam-muội vô lượng công đức cùng các Đức Như Lai không khác vậy. Chẳng khác với Đức Như Lai mà truyền Phật tâm ấn, ai gọi đó chẳng phải vậy ư? Như Tôn giả Thương-na-hòa-tu bảo: "Tam-muội của Tôn giả A-nan mà ta không biết. Tam-muội của ta nay mà các ngươi không biết". Tôi cho là: Đó là có sự đè ép và nâng bốc, chưa thể gọi ấy hẳn là như vậy. Trong kinh nói: "Người tu hành chứng đạt vào Viễn hành địa đã được vô lượng Tam-muội. Phàm người đã vào Viễn hành địa tức là che trùm Bồ-tát ở ngôi vị thất địa. Bồ-tát thất địa còn có thể được vô lượng Tam-muội, mà hóa Phật há lại không có được ư? Nhưng tâm ấn Phật truyền và các Tam-muội có nên để lại ngày khác sẽ nói thay? Phàm là tâm ấn tức là diệu bản chủng trí của Đại Thánh nhân, ngoài ra, các Tam-muội là trí tuệ phát sinh của diệu bản, đều lấy Tam-muội mà xưng đó vậy. Tâm ấn tức trong kinh gọi là Tam-muội của Tam-muội vương ấy vậy. Đức Như Lai lưu truyền Tam-muội đó vậy. Chỗ gọi là bảy vạn bảy ngàn kinh Bản Sinh, một vạn A-tỳ-đàm, tám vạn Tỳ-ni thanh tịnh cũng theo ta mà diệt mất. Điều nói ấy, tôi đây chưa từng thấy ở các sách khác. Riêng chỉ trong truyện "Phó pháp tạng" nói vậy. Nên còn nghi ngờ đó. Giả sử khiến sách ấy không sai nhầm, vẫn sợ chẳng phải là Hiền Thánh truyền pháp không thể mặc thời gìn giữ như ấy vậy. Đó hẳn vì quần sinh ở đời sau cơ duyên Phật Đà càng yếu kém không hơn nỗi giáo pháp đó vì thế nên diệt mất. Mới chính là sự còn mất của ba thời Chánh pháp, Tượng pháp và Mạt pháp, đều cũng theo sự đời mà ô nhiễm hay sáng sạch, đâu từng vì Hiền Thánh hoằng pháp mà thiết đặt ra Chánh pháp, Mạt pháp đó ư? Than ôi! Người học không nghiên cứu kinh, không thấu đạt lý, máy đồng lầm sai ý của Thánh nhân mà nói đó. Tuy có thể biên chép

liền việc cả muôn đời cũng đâu có ích lợi gì ư? Trong sách nói: “Học của nhớ tụng chẳng đủ làm thầy của người”. Như Thần Thanh chính là ấy vậy!

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 2
- (HẾT) -

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 3

*****

1. TRUYỆN ĐẠI SĨ MÃ MINH, TỔ THỨ MƯỜI HAI Ở THIÊN TRÚC.

Đại sĩ Mã Minh, người nước Ba-la-nại, chưa rõ biết dòng họ là gì. Tôn giả còn có tên gọi là Công Thắng, bởi vì xưa trước Tôn giả có công đức thù thắng nên xưng gọi vậy. Nhưng mới đầu, đến nơi Tôn giả Phú-na-dạ-xa, vì hỏi đáp có điều hợp, nên mến kính đạo đó, Tôn giả bèn nương theo mà xuất gia thọ giới. Nhân đó, thế gian Phú-na-dạ-xa bảo: “đời trước ông có ưa thích nhiếp phục Phạm thiên sống ở nước Tỳ-xá-ly, nhưng vì nước ấy có ba hạng người thượng, trung, hạ. Hạng bậc thượng, thân có ánh sáng, họ ăn mặc tự nhiên, theo ý muốn mà có được. Hạng bậc trung, thân không có ánh sáng, ăn mực phải mong cầu mới có được. Hàng bậc hạ, thân thể trần truồng như ngựa. Ông xót thương hạng ấy, thường dùng sức thần phân thân làm tằm, hạng người ấy có được, dùng làm y phục, do công đức ấy, đời nay ông lại được sinh trong nước ấy. Lúc ông xả bỏ nước đó, thì chúng người ngựa ấy cảm mộ công đức của ông nên đều cùng kêu hý, ông cũng dùng kệ tụng để an ủi đó là:

“Xưa ta sống Phạm thiên

Vì có chút mến thương
Mà vào Tỳ-da-ly
Cùng người đồng ưu khổ
Ta thấy ngươi không áo
Tâm ta muốn cứu giúp
Hiện hóa nơi hang vườn
Sẽ được các cứu độ".

Nói kệ tụng ấy xong, ông liền sinh đến đời nay, vì thế nên có được tên gọi là "Mã Minh (Ngựa hý). Nhưng ông sẽ Chuyển Đại pháp luân làm Tổ đời thứ mười hai vậy". Sau đó, Tôn giả Phú-na-dạ-xa, đem Đại pháp nhãn tạng trao truyền cho Tôn giả. Thế rồi, Tôn giả đem giáo pháp ấy du phương giáo hóa đến nước Hoa Thị, mới làm Phật sự lớn, tuy đối với người học pháp Tam thừa nhưng đều có thể độ cả. Một sáng nọ, bỗng có một ông già gầy ốm đến nơi pháp hội của Tôn giả đang ngồi tự nhiên ngã té. Nhân đó, Tôn giả bảo: "Đây là việc phi thường, sẽ có tướng khác lạ". Bỗng chốc ông già ấy bèn ẩn mất, chợt nhiên từ đất vọt lên một người con gái dáng dấp đẹp xinh, sắc màu vàng ròng, đưa tay chỉ vào Tôn giả mà nói kệ tụng rằng:

"Cúi đầu lễ trưởng lão.
Hiện nhân Phật dự ghi,
Nay ở tại xứ này,
Độ chúng khỏi sinh tử".

Nói kệ tụng ấy xong, chỉ trong chớp mắt tự nhiên không thấy người nữ ấy đâu nữa. Tôn giả bảo: "Đây là ma lại, muốn cùng ta so sánh". Quả nhiên, chỉ khoảnh khắc, gió mưa bão bùng ập đến, đất trời bỗng tối sầm. Tôn giả lại bảo: "Đó là điềm tin ma đến vậy, ta sẽ diệt trừ nó". Và Tôn giả liền đưa tay khua giữa khoảng không, bèn hóa làm con rồng vàng ngàn thước, oai thần mạnh mẻ, tuy núi gò cũng vì thế mà chấn động, và ma sự tự ngưng dứt. Sau đó bảy ngày lại có một con trùng nhỏ tướng trạng khép nép ngầm ẩn dưới pháp tòa, Tôn giả bắt đưa ra chỉ bảo cùng Đại chúng: "Đây là ma biến hiện đến lén trộm nghe pháp của ta". Sau đó, Tôn giả thả nó và bảo: "Hãy tự đi nơi khác". Nhưng con sâu ấy khiếp sợ mà không thể cử động, Tôn giả lại an ủi nó rằng: "Ta không giết hại ngươi, ngươi chỉ nên hiện lại nguyên hình". Ma mới hiện rõ nguyên hình thể của nó, đảnh lễ Tôn giả mà sám hối. Nhân đó, Tôn giả hỏi: "Ngươi tên là gì? Quyến thuộc có bao nhiêu?" Ma đáp: "Tôi tên là Ca-tỳ-ma-la, có ba ngàn quyến thuộc". Tôn giả lại hỏi: "Sức thần tận cùng của ngươi có thể biến hóa được gì?" Ma đáp: "Tôi có thể biến hóa

biển lớn, việc ấy không khó". Tôn giả lại hỏi: "Ngươi biến hóa tánh biển được chăng?" Ma mịt mờ, mới đáp: "Lời nói ấy chẳng phải chỗ biết của tôi". Tôn giả bèn vì giảng nói pháp, xong mới bảo: "Đó là tánh biển, núi sông đại địa đều nương theo đó mà dựng lập nên, Tam-muội lục thông cũng do đó mà phát hiện". Ma nghe giảng pháp rồi bèn phát khởi tín tâm, dẫn cùng ba ngàn quyến thuộc đều theo cầu xin xuất gia. Tôn giả bèn vì hóa độ, cho xuống tóc, thỉnh mời năm trăm vị A-la-hán chứng minh cho thọ giới. Tôn giả lại bảo Ca-tỳ-ma-la rằng: "Ông hướng đến Bồ-đề, tức sẽ thành Thánh đạo". Ca-tỳ-ma-la quả nhiên đắc giới thể phát ánh sáng và có mùi thơm khác lạ tỏa khắp. Tôn giả nhân đó mới tạo các luận nghị lớn. Về sau, Tôn giả bảo Ca-tỳ-ma-la rằng: "Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, nay ta giao phó cho ông, ông phải lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói kệ tụng đây:

Ẩn hiện vốn pháp này
Tối sáng nguyên không hai
Nay trao pháp liễu ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng bỏ".

Trao truyền Chánh pháp xong, Tôn giả bèn nhập Long phấn tân Tam-muội, chuyển thân bay lên giữa không trung như tướng Nhật Luân,au đó bèn vào đại tịch diệt. Lúc đó tương đương đời vua Hiển-Thánh Vương (??) thời nhà Chu ở Trung Hoa. Bốn chúng bèn nghinh thỉnh thân thể tôn trí nơi Long khám.

2. TRUYỆN ĐẠI SĨ CA-TỲ-MA-LA, TỔ THỨ MƯỜI BA Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Ca-tỳ-ma-la vốn người ở nước Hoa Thị, chưa rõ biết thuộc dòng họ nào. Mới đầu, Tôn giả là một ngoại đạo có khả năng huyễn thuật lớn, nhân đến nơi Tôn giả Mã Minh, sánh tài đấu pháp nhưng không thắng nỗi, bèn cùng cả đồ chúng quyến thuộc cầu xin xuất gia. Sau khi đã chứng Thánh đạo, Tôn giả Mã Minh truyền trao cho Đại pháp nhãn tạng, Tôn giả bèn du phương giáo hóa, đến xứ Tây Thiên Trúc, gặp Thái tử nước đó tên là Vân Tự Tại, kính trọng đức hạnh của Tôn giả mới muốn thỉnh mời vào trong cung để cúng dường, Tôn giả chối từ mà bảo: "Phật dạy Sa-môn không được thân gần các bậc vua tôi, nhà có thế lực quyền hào, nên tôi đây không dám vâng nhận sự thỉnh mời". Thái tử thưa: "Ở phía Bắc thành nước tôi có một núi lớn, núi đó có hang đá, thanh tịnh tuyệt tục, cũng có thể tọa thiền, tuy do các loài rồng rắn vật khác gìn giữ, mà Tôn giả là bậc chí đức, hẳn nó

cũng thuận theo sự giáo hóa của Tôn giả”. Tôn giả bèn bảo: “Vâng, vậy thì được”. Xong bèn theo Thái tử mà đi. Vừa đến núi đó, quả nhiên có một con trăn lớn thân hình dài cả một dặm, trợn mắt trông nhìn. Tôn giả cứ thẳng bước mà đi chẳng ngó lại nó. Đến phía Nam núi đó, Tôn giả ngồi nơi chỗ đất bằng phẳng, con trăn ấy lại cuộc qaunh thân Tôn giả, Tôn giả cũng chẳng đoái hoài đối với nó. Chốc lát, con trăn ấy bèn bỏ đi. Tôn giả trông nhìn lại đồ chúng theo mình thì đều bấn loạn chạy trốn không còn một ai. sau đó, một mình Tôn giả riêng đến nơi hang đá, bỗng chốc có một ông già vận mặc y phục sắc trắng mà ra, chấp tay kính lễ. Tôn giả hỏi: “Ông ở xứ nào?” Người ấy đáp: “Xưa trước tôi từng làm vị Tỳ-kheo, rất ưa thích sự vắng lặng, rất phiền nhọc các điều thưa hỏi của hàng Sơ học, nhân đó mà nỗi tâm sân, đến lúc mạng chung, đọa làm thân rắn, ở tại hang này đã ngàn năm, vừa may gặp Tôn giả là bậc Thánh đức, nên lại kính lễ”. Nhân đó, Tôn giả lại hỏi: “Vậy núi này còn có người nào ở nữa chăng? Và họ chuyên việc đạo gì, ông chỉ cho ta biết”. Ông già ấy đáp: “Từ đây về phía Bắc cách khoảng mười dặm, có một cây lớn, có thể che phủ năm trăm rồng lớn. vua cây đó tên là Long Thọ, thường vì chúng rồng giảng nói pháp, mà tôi cũng có đến dự nghe ở đó”. Tôn giả lại nhóm tập tất cả đồ chúng lại cùng tiến tới trước. Khi đến cây lớn, quả nhiên Long Thọ ra nghinh đón, vui mừng lễ kính mà thưa hỏi Tôn giả rằng: “Nơi rừng sâu vắng vẻ, chốn ròng rắn nương ở, Đại đức chí tôn có duyên sự gì đến đây?” Tôn giả đáp: “Tôi chẳng phải là chí tôn đến phỏng hỏi Hiền giả”. Long Thọ bèn im lặng mà nghĩ tính, tự bảo: “Tôn giả này là bậc chứng đắc quyết định tánh minh đạo nhãn ư? Hay là Đại Thánh nhân kế thừa chân tông?” Tôn giả bảo: “Tuy ngươi chỉ tâm niệm mà ta đã biết ý, chỉ nên xuất gia, sao lo ngại ta không phải Thánh”. Khi ấy, Long Thọ bèn sám tạ, Tôn giả liền vì độ cho. Sau đó không bao lâu, Tôn giả bảo Long Thọ rằng: “Nay ta đem Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai trao lại cho ông, ông nên trao truyền đó. Hãy nghe ta nói kệ tụng đây:

Pháp không ẩn không hiển
Nói là lạnh chân thật
Ngộ pháp ẩn hiển ấy
Chẳng ngu cũng chẳng trí”.

Trao truyền Chánh pháp xong, Tôn giả bèn vụt thân bay lên giữa hư không hiện bày các thứ thần biến, xong mới vào tịch diệt, dùng hóa lửa mà tự thiêu đốt. Lúc đó tương đương đời vua Noãn Vương (??) thời nhà Chú ở Trung Hoa. Long Thọ bèn gom thâu xá-lợi năm sắc, xây

dựng bảo tháp mà tôn trí cúng dường.

*** Thử bàn luận:**

Ở trong hai bộ sách Bảo Lâm và Truyền Đăng đều có ghi chép về thời gian thị tịch của chư vị Tổ sư ở Thiên Trúc đều hợp với năm tháng với thời nhà Chu, nhà Tần ở Hoa hạ - Trung Hoa. Nhưng từ đời vua Tuyên Vương thời nhà Chu trở về trước chưa có niên số. Thêm nữa, Trung Hoa và Thiên Trúc cách xa nhau hơn vài vạn dặm, chư Tổ sư hóa đạo diệt độ hoặc có vị đã hơn ngàn năm, việc ấy mịt mờ vượt xa cách biệt, tôi sợ đem dịch lại mà so sánh chưa dễ được sự thật, nên lược bỏ về niên số, tạm lưu lại tên đời vua thôi vậy. Chỉ có Đức Phật Thích-ca Văn, Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma đến Trung Hoa, và sáu đời Tổ sư ở Trung Hoa về năm tháng tịch diệt, hơi có thể suy tính mới biên ghi đầy đủ.

3. TRUYỆN ĐẠI SĨ LONG THỌ, TỔ THỨ MƯỜI BỐN Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Long Thọ, người nước xứ Tây Thiên Trúc, chưa rõ biết thuộc dòng họ nào. Có thuyết nói Tôn giả xuất phát từ chủng tộc Phạm Chí, Tôn giả bẩm tánh rất thông minh dĩnh ngộ, tài năng trí tuệ trác việt khác hẳn phàm khí. Thủa thiếu thời đã hay đọc tụng bốn bộ Vệ Đà, các kinh điển hơi trưởng thành bèn khéo biết thiên văn, địa lý, thông rành trăm thứ nghệ thuật, vốn là nơi giống rồng nương ở, và núi ấy có cây lớn có thể che phủ chúng rồng. Đến lú Tôn giả có sự cảm ngộ, tỏ ý muốn xuất gia bèn vào núi đó tu hành, mới nương tựa nơi cây đó. Và đối với Tam tạng áo nghĩa, Tôn giả cũng tự thấu hiểu. Xong rồi, Tôn giả hay vì chúng rồng ấy giảng nói pháp, vì thế nên Tôn giả được xưng gọi là Long Thọ. Đến lúc Tôn giả Ca-tỳ-ma-la đến núi đó, cùng gặp rất tốt lành, Tôn giả mới cùng tất cả chúng rồng kính lễ tôn xưng làm thầy. Lúc được hóa độ xuống tóc, vua nước đó cùng các trời Đế-thích, Phạm vương đều đến dự pháp hội thù thắng đó. Tôn giả được thọ giới từ các bậc Đại A-la-hán. Tôn giả thành đạt Thánh đạo, chứng đắc sáu pháp thần thông. Sau đó Tôn giả Ca-tỳ-ma-la đem Đại pháp nhãn tạng trao truyền cho Tôn giả.

Thế rồi, Tôn giả du phương giáo hóa, đến nước xứ Nam Thiên Trúc. Trước kia, người nước đó thích tu phước nghiệp, kịp lúc Tôn giả đến đó giảng nói cốt yếu Chánh pháp, họ mới cùng nhau bàn luận là "Nếu chỉ chuyên tu phước nghiệp lấy làm việc ưu thắng, thì với điều giảng nói về Phật tánh, sao có thể thấy được ư?" Nhân đó, Tôn giả bảo họ rằng: "Các ngươi muốn thấy được Phật tánh, hẳn phải dứt trừ

ngã mạn, mới có thể thành đạt đó”. Các người ấy hỏi: “Phật tánh lớn hay nhỏ?” Tôn giả đáp: “Chẳng lớn chẳng nhỏ, chẳng rộgn chẳng hẹp, không phước không báo, chẳng chết chẳng sống”. Các người ấy cho là điều nói của Tôn giả thấu đạt chí lý, nên đều rất vui mừng cầu xin học pháp ấy. Tôn giả bèn ngay trên tòa hóa hiện thân tướng như một vầng nguyệt luân. Khi ấy Đại chúng tuy nghe giảng nói pháp mà không thấy hình tướng. Vừa lúc đó có một người con ông trưởng giả tên là Ca-na-đề-bà, ở trong các người ấy được trông thấy như vậy, riêng tự khế ngộ, bèn bảo cùng các người ấy rằng: “Có biết tướng này chăng?” Mọi người đều đáp: “Chúng tôi không thể nào biết được”. Ca-na-đề-bà bảo: “Đó là do Tôn giả hiện bày để biểu thị Phật tánh, muốn cho chúng ta rõ biết đó vậy. Phàm là vô tướng Tam-muội, hình như trăng tròn đầy, nghĩa của Phật tánh rỗng rang sáng sạch”. Nói lời ấy vừa xong, bỗng nhiên vầng nguyệt luân cũng ẩn mất. Tôn giả lại nghiễm nhiên ngồi nơi pháp tòa, mà nói bài kệ tụng rằng:

“Thân hiện tướng trăng tròn
Để bày thể chư Phật
Giảng pháp không hình tướng
Dùng rõ chẳng thanh sắc”.

Khi ấy các người ấy thảy đều cảm ngộ, liền thỉnh cầu Tôn giả làm thầy. Và Tôn giả đều độ cho tất cả, nhóm tập các Thánh giả chứng minh cho họ thọ giới. Và Ca-na-đề-bà dẫn làm thượng thủ. Lại nhân có năm ngàn ngoại đạo nguyên trước ở trong nước đó hiện bày các thứ huyễn thuật. vua và dân chúng trong nước thảy đều nương theo đó, mà Phật đạo sắp bị khuyết lấp, khi ấy Tôn giả rất cảm xót bùi ngùi bèn đổi dạng oai nghi, làm người cư sĩ mặc áo trắng cầm nắm phan phướn, Đại sư xét mỗi lúc nhà vua xuất hành, thì rảo bước đi trước mặt, hoặc ẩn hoặc hiện, cứ như vậy suốt bảy năm. Một ngày nọ, vua rrát lấy làm lạ, dùng ngôn từ hiền lành bảo gọi (Tôn giả) đến mà hỏi: “Ông quả thật là người gì mà thường đi trước ta? Ta đuổi theo mà không được, xua đuổi cũng không đi?” Tôn giả đáp: “Ta là người trí, biết rõ tất cả mọi việc”. vua lại lấy làm lạ bởi lời nói ấy, liền muốn xét nghiệm nên hỏi: “Nay các trời đang làm gì?” Tôn giả đáp: “Nay các trời đang cùng A-tu-la đánh nhau”. vua lại hỏi: “Việc trời đâu dễ rõ vậy ư?” Tôn giả bảo: “Hãy đợi chốc lát hẳn có ứng nghiệm”. Chỉ chốc lát bỗng nhiên có giáo mác, tay chân người lẫn lộn từ giữa hư không rơi rớt xuống. vua thấy vậy mới tin, lại càng kính phục ngợi khen, bảo các hàng ngoại đạo đều quy hướng kính lễ Đại sĩ. Nhưng các ngoại đạo đều cầu xin muốn được chánh mắt

họ thấy, Tôn giả bèn nhân dó mà tạo thuật các luận nghị, như luận Đại Trí Độ, luận Trung Quán, luận Thập Nhị Môn, chẳng những có cả ngàn muôn kệ tụng, thảy đều là phương tiện mở mang giải thích Chánh pháp để ứng đáp thích nghi căn cơ họ.

Về sau, Tôn giả mới bảo Ca-na-đề-bà rằng: "Đức Như Lai đem Đại pháp nhãn tạng trao truyền cho Tôn giả Đại Ca-diếp, lần lượt chư Tổ sư trao truyền đến ta. Nay ta lại giao phó cho ông, ông khéo nên gìn giữ lưu truyền, hãy nghe ta nói kệ tụng đây:

"Để rõ pháp ẩn hiển
Mới nói lý giải thoát
Với pháp, tâm không chứng
Không mừng cũng không sân".

Tôn giả lại bảo Ca-na-đề-bà rằng: "Ông khéo nên lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt, sẽ ở trong tương lai làm nên những Phật sự lớn". Xong rồi, Tôn giả bay thân lên giữa hư không, nhập nguyệt Luân Tam-muội, hiện bày các thứ thần biến, rồi trở lại nơi pháp tòa mà nhập tịch định. Qua sau bảy ngày trời mưa xá-lợi, Tôn giả lại từ định xuất đưa tay chỉ giữa hư không mà bảo Đại chúng rằng: "Xá-lợi đây là của Tôn giả Ma-ha-ca; đệ tử Đức Phật Câu-na-hàm ở thời quá khứ, từng phát ba lời đại nguyện mà cảm nên, đó là: Một là nguyện ta lúc thành Phật, nếu có bậc Thánh sĩ hóa độ nơi đời, gặp được trời mưa đổ xuống nơi thân tức làm thành xá-lợi; hai là nguyện tất cả mọi vật từ đại địa sinh ra đều có thể làm thành thuốc thang để trị bệnh tất cho chúng sinh; ba là nguyện phàm có bậc Trí giả đều biết chỗ vi diệu để thông rành túc mạng". Nói xong, Tôn giả bèn an nhiên tịch diệt. Lúc đó tương đương với Thỉ Hoàng Đế (Doanh Chính 246-209 trước Tây lịch) thời nhà Tần ở Trung Hoa. Ca-na-đề-bà cùng bốn chúng đệ tử đồng dựng tháp để tôn thờ.

*** Thử luận bàn:**

"Chánh tông quý trọng điểm đơn giản tinh diệu. Vậy mà Tôn giả Long Thọ tạo thuật Quảng luận để phát huy điều gì ư?" Xin đáp: "Phàm là giản đơn tinh diệu, mọi người khó thấu đạt đến đó. Bởi vì căn cơ tánh khí mọi người có thượng hạ khác nhau, nếu chẳng dùng phương tiện dẫn đạo ấy thì hàng có tín tâm cạn cợt sao có thể tiến tới ảnh hưởng đượm nhuần? Vì thế nên Tôn giả mới tạo thuật luận chuyên vì phát huy một hạng căn cơ ấy vậy. Đâu phải trong kinh Niết-bàn chẳng nói ư: "Các ông phải cẩn trọng, vì hạng người lợi căn mà rộng giảng nói các pháp lớn. Vì hạng người căn cơ ám độn mà lược giảng pháp nhơ. Phàm là đơn giản tinh diệu cốt yếu đối với tâm có điểm thấu đạt. Chẳng hẳn vì lời

ấy chẳng nói, vì đó xác đáng chăng? Cho nên, người chứng nơi đơn giản tinh diệu, càng nơi càng thấu đạt đến cùng, người chẳng chứng nơi đơn giản tinh diệu, càng cách xa".

4. TRUYỆN ĐẠI SĨ CA-NA-ĐỀ-BÀ, TỔ THỨ MƯỜI LĂM Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Ca-na-đề-bà, vốn người thuộc dòng họ Tỳ-xá-la ở nước xứ Nam Thiên Trúc, Tôn giả có sẵn bẩm tánh tài biện. Thủa bé thơ, tập theo phong tục nước ấy, vui thích tu tạo phước nghiệp. Mãi tới lúc Tôn giả Long Thọ đến nơi cửa nhà, muốn xét thử đó, Tôn giả Long Thọ bảo đem đến một bát nước đầy đặt để trước mặt. Tôn giả bèn nắm cây kim vào trong bát nước, cùng bưới tới trong xem, mừng vui khế hợp. Tôn giả Long Thọ hiện bày tướng nguyệt lâm biểu thị cho Phật tánh, cả Đại chúng đều mịt mờ, riêng một mình Tôn giả nhận biết đó, bèn vì dẫn dụ mọi người. Về sau đồng nương theo Tôn giả Long Thọ mà cầu xin xuất gia, và quả nhiên Ca-na-đề-bà làm đệ tử cao túc. Đến lúc Tôn giả Long Thọ sắp nhập Niết-bàn, đem Đại pháp nhãn tạng trao truyền cho Tôn giả. Sau đó, Tôn giả bèn đem pháp mình chứng đắc mà du phương giáo hóa.

Nguyên trước đó, ở nước Ca-tỳ-la có một nhà giàu có tên là Phạm Ma Tịnh Đức, mọi người trong nước đó tôn xưng là trưởng giả. Ông có hai người con, người lớn tên là La-hầu-la-diệm, người nhỏ tên là La-hầu-la-đa. Tịnh Đức có tay khéo sửa sang vườn rừng trồng tỉa cây cối. Một ngày nọ, cây trong vườn tự nhiên bỗng sinh mọc tai như nấm lớn tợ bánh xe, mùi vị ngon lành có thể ăn dùng. Như thế trọn năm, chỉ cung cấp chi Tịnh Đức và La-hầu-la-đa ăn dùng, ngoài ra mọi người trong nhà muốn hái ăn thì nấm ấy tự nhiên ẩn mất. Nhưng Tịnh Đức rất nghi ngờ đó, tứng nói với La-hầu-la-đa rằng: "Tai của cây đây chỉ có ta và ngươi được ăn, hẳn là việc khác thường, người nào có thể làm sáng tỏ điều này đây?" La-hầu-la-đa liền nói bài kệ tụng muốn nhờ người khác bảo cho rằng:

"Cây đây mọc tai lạ
Ta ăn chẳng khô khao
Trí giả giải nhân này
Ta hồi hướng Phật đạo".

Vừa lúc gặp Tôn giả đến nước đó, vào nơi nhà, cha con Tịnh Đức mừng vui cùng kính lễ, bèn đem sự việc ấy mà thưa hỏi, Tôn giả mới vì giải thích cho rằng: "Xưa trước, lúc ông hai mươi tuổi, thường mời một

vị Tỳ-kheo đến nơi nhà để cúng dường. Vị Tỳ-kheo ấy tuy có chút giới hạnh mà pháp nhãn chưa tỏ sang, tâm không thấu đạt lý, ngồi không mà thọ nhận sự cúng thí của ông, nhưng vị ấy hay có chút ít tu hành nên không đọa lạc đường ác, do đó trở lại quả báo làm nấm tại cây ấy để bồi thường cho ông. Mới đầu, vị Tỳ-kheo ấy ở trong nhà ông, các người trong nhà ông đều không vui thích, chỉ riêng mình ông với người con kế hay lấy lòng thành thật mà tiếp đãi, nên nay tai nấm chỉ riêng cho cha con ông được ăn dùng". Tôn giả lại hỏi Tịnh Đức rằng: "Ông nay bao nhiêu tuổi?" Tịnh Đức đáp: "Tôi đã bảy mươi chín tuổi". Nhân đó, Tôn giả nói bài kệ tụng rằng:

"Học đạo chẳng thông lý
Làm thân đều tín thí
Ông năm tuổi tám mốt
Cây ấy cũng hết mầm".

Nghe nói vậy, tâm ý Tịnh Đức bèn rỗng rang, càng ân cần thán phục, vả lại nói: "Nay tôi hổ thẹn tuổi đã già suy, tuy muốn xuất gia, đâu kham tôn thờ thầy. Nay có đứa con thứ đây vốn ưa thích vào đạo, tôi xin cho nó theo nương hầu hạ, xin Tôn giả nhủ lòng nhận cho". Tôn giả bảo: "Xưa kia Đức Như Lai đã dự ghi về đứa con này là: Sau khi Phật diệt độ trong khoảng năm trăm năm, có vị Đại Bồ-tát tên là La-hầu-la-đa, nhân ăn nấm tai cây mà xuất gia thành đạo". Và Tôn giả bèn hỏi người con ấy: "Ông tên là gì?" Người con ấy đáp: "Tôi tên là La-hầu-la-đa". Tôn giả tiếp bảo: "Đây quả thật hợp điều dự ghi của Đức Phật. Ông nay nen xuất gia sẽ thành đạo quả lớn". Sau đó Tôn giả bèn độ cho xuống tóc xuất gia, thỉnh mời các Thánh giả chứng minh cho thọ giới Cụ túc. Từ đó, bèn chuyên nương theo du hóa. Một ngày nọ, Tôn giả đến thành Ba-liên-phất, bỗng chốc nghe các ngoại đạo cùng tính muốn chèn ép Phật pháp, Tôn giả mới tự mang cây phan dài lớn đến đứng nơi chúng hội. Ngoại đạo bèn hỏi: "Sao ông chẳng tới trước?" Tôn giả đáp: "Sao ngươi chẳng lui sau". Lại hỏi: "Ông tợ người giặc". Tôn giả đáp: "Ngươi tợ người tốt lành". Lại hỏi: "Ông hiểu được pháp gì?" Tôn giả đáp: "Trăm thứ ngươi chẳng biết". Lại hỏi: "Ta muốn đắc Phật". Tôn giả đáp: "Ta đốt cháy được". Lại hỏi: "Ông không hợp được". Tôn giả đáp: "Vốn đạo ta đắc, ngươi thật chẳng được". Lại hỏi: "Ông đã chẳng đắc, sao bảo là đắc?" Tôn giả đáp: "Vì ngươi có ngã, do đó không đắc, ta đây không ngã, nên ta tự đắc". Khi ấy, ngoại đạo tiếp nối tắt nghẽn, tự cùng bảo nhau rằng: "Đây hẳn là bậc Đại Thánh, nên đều quy hướng". Bèn hỏi Tôn giả rằng: "Ông tên gì?" Tôn giả đáp: "Ta tên là Ca-na-đề-

bà”. Các ngoại đạo do từ trước đã từng nghe Tôn giả, khi ấy bèn cùng nhau phục ứng sám hối lỗi quá. Có một số chưa chịu cảm hóa, lại bày ra trăm ngàn thứ cật nạn, mà Tôn giả lần lượt dùng biện tài vô ngại vì giải thích, nên đều bẻ gãy tất cả. Do đó, Tôn giả tạo thuật nhiều bộ luận nghị, như bộ Bách luận v.v..., và Pháp sư ưu thắng đã hoàn tất, cuối cùng, Tôn giả gọi La-hầu-la-đa mà trao truyền pháp nhãn. Với bài kệ tụng rằng:

“Trước đối người Truyền pháp
Vì nói lý giải thoát
Với pháp, thật không chứng
Không chung cũng không thủy”.

Thế rồi, Tôn giả nhập phấn tấn Tam-muội, trên tự thể tỏa phóng tám luồng ánh sáng, mà tự vào tịch diệt. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Văn Đế (Lưu Hằng 179-156 trước Tây lịch) thời Tây Hán ở Trung Hoa. Bốn chúng cùng nhau tạo dựng bảo tháp, trời Phạm thiên hỗ trợ nghiêm sức chung cúng dường.

5. TRUYỆN ĐẠI SĨ LA-HẦU-LA-ĐA, TỔ THỨ MƯỜI SÁU Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả La-hầu-la-đa, vốn người thuộc dòng họ Phạm Ma ở nước Ca-tỳ-la. Sau khi đã tỏ rõ nhân duyên nấm tai cây nơi nhà mình, Tôn giả bèn nương tựa Tôn giả Ca-na-đề-bà mà cầu xin xuất gia, theo hầu đến thành Ba-liên-phất. Về sau thọ nhận trao truyền pháp nhãn tại thành ấy. Xong rồi, Tôn giả cũng thống lãnh đồ chúng vân du hành hóa khắp nơi. Sau đó không lâu, đến phía Nam thành Thất-la-phiệt, gần sông Kim thủy, bỗng nhiên Tôn giả bảo cùng Đại chúng rằng: “Các người có biết chăng? Vừa rồi hình ảnh của năm Đức Phật hiện trong dòng nước, ta vốc nước ấy lên liền có mùi vị khác lạ. Đầu nguồn sông này cách năm trăm dặm, đang có bậc chí nhân ở đó. Xưa kia, Đức Như Lai từng dự ghi rằng: “Sau khi Phật diệt độ, trong khoảng năm trăm năm, sẽ có bậc Thánh giả tên là Tăng-già-nan-đề xuất hiện nơi xứ này kế thừa tiếp nối làm Tổ đời thứ mười bảy”. Xong, Tôn giả bèn dẫn đồ chúng theo ngược dòng sông đi lên. Đã đến nơi quả nhiên thấy Tăng-già-nan-đề đang thiền định trong một hang đá. Dò hỏi đó đã hai mươi mốt ngày. Đến lúc Tăng-già-nan-đề xuất định, Tôn giả hỏi: “Thân ông nhập định hay tâm ông nhập định ư?” Tăng-già-nan-đề đáp: “Thân tâm tôi đều an định”. Tôn giả lại hỏi: “Thân tâm đều an định, sao lại có xuất nhập?” Tăng-già-nan-đề đáp: “Tuy có xuất nhập nhưng không mất tướng định. Thí như vàng ở trong đáy giếng, thể vàng thường vắng

lặng". Tôn giả lại hỏi: "Nếu vàng ở trong đáy giếng, và vàng ra khỏi giếng, vàng vẫn không động tĩnh, vậy vật gì vào ra?" Tăng-già-nan-đề đáp: "Nói vàng động tĩnh, vật nào vào ra, hứa cho vàng vào ra mà vàng chẳng động tĩnh". Tôn giả lại hỏi: "Nếu vàng từ đáy giếng đưa ra là vật gì?" Tăng-già-nan-đề đáp: "Nếu vàng từ đáy giếng đưa ra chẳng phải là vàng thì vàng từ đáy giếng đưa ra chẳng phải vật". Tôn giả bảo: "Nghĩa ấy không như vậy". Tăng-già-nan-đề đáp: "Lý kia cũng chẳng nhằm". Tôn giả lại bảo: "Nghĩa đây đáng rơi lạc". Tăng-già-nan-đề đáp: "Nghĩa kia cũng chẳng thành". Tôn giả bảo: "Nghĩa kia chẳng thành thì nghĩa ta đây thành vậy". Tăng-già-nan-đề đáp: "Nghĩa ta đây tuy thành, nhưng pháp chẳng phải ngã vậy". Tôn giả bảo: "Nghĩa ta đã thành, ta không ngã vậy". Tăng-già-nan-đề bèn hỏi: "Ta không ngã, lại thành nghĩa gì?" Tôn giả đáp: "Ta không ngã, nên thành nghĩa ngươi". Tăng-già-nan-đề mới hỏi: "Thầy của Nhân giả là Thánh nào mà chứng đắc không ngã ấy?" Tôn giả đáp: "Thầy ta là Tôn giả Ca-na-đề-bà chứng pháp không ngã ấy". Tăng-già-nan-đề thưa: "Cúi đầu kính lễ bậc thầy Ca-na-đề-bà lưu xuất ra Nhân giả. Nhân giả chứng đắc pháp Không ngã. Nay tôi muốn nương theo Nhân giả". Tôn giả bảo: "Ta đã là Không ngã, ngươi cần thấy ngã nơi ta. Nếu ngươi muốn theo ta phải biết ta chẳng có ngã nơi ta". Tăng-già-nan-đề bỗng nhiên tâm ý rỗng rang, bèn cúi đầu mà nói kệ tụng rằng:

"Ba cõi một ngọn đèn
Tỏa sáng soi chiếu tôi
Mười phương đồng xán lạn
Như mặt nhật giữa không".

Nói kệ tụng xong, lại đảnh lễ cầu xin được độ, Tôn giả bảo: "Tâm ông tự tại, chẳng bó buộc nơi ngã, sao phải nương gá nơi khác mà cầu xin giải thoát?" Tôn giả lại liền dùng tay phải gõ bình bát vàng nâng lên trời Phạm thiên, lấy cơm thơm cõi trời về bảo Đại chúng cùng ăn, mà Đại chúng ấy bỗng sinh chán ghét, đều chẳng thể ăn. Tôn giả bảo: "Nhường nhịn mà chẳng thể ăn, chẳng phải bởi ta tiếc lận, mà bởi nghiệp các người tự nhiên như vậy". Tôn giả mới bảo Tăng-già-nan-đề phân tòa đồng ăn. Đại chúng lại sinh nghi hoặc đó, cho rằng thầy trò lẫn lộn không có phẩm trật. Tôn giả biết vậy, bèn bảo: "Các người ăn không được là bởi như vầy. Nay, người cùng ta phân tòa vốn là Đức Ba-la-nương Như Lai ở thời quá khứ, ứng đối với vật tình nên giáng hiện dấu vết sẽ làm Tổ sư đời thứ mười bảy. Ở trong đời kiếp trang nghiêm, các người cũng đã từng đắc chứng đến đệ tam quả A-na-hàm, mà chưa thuần vô lậu, vừa rồi

tuy thân gần ta mà đâu được thấy tánh, chánh nên chuyên ý quy hướng nhân giả đây. Sau khi ta diệt độ sẽ là bậc thượng thủ của Đại chúng. Lại xuất sinh ra một Tổ sư kế tiếp tên là Già-da-xá-đa, các người cũng nên biết đó”. Đại chúng đều thưa: “Đại sư là bậc đại thần lực, chúng tôi không dám chẳng tin. Với người kia, nói là vốn Phật ở đời quá khứ, hoặc còn có người nghi ngờ”. Tăng-già-nan-đề vì tâm ý Đại chúng chưa thuần phục như thế, mới nói cùng Tôn giả rằng: “Ngày Đức Thế Tôn còn ở nơi đời, thế giới bằng phẳng ngay ngắn, không có gò đồi, suối sông ngòi rạch, nước đều mát ngọt, cỏ cây đượm nhuận, nước nhà giàu mạnh, mọi người không bị tám thứ khổ bức bách mà chuyên thực hành mười thiện pháp. Đến lúc Đức Như Lai tịch diệt tại rừng Ta-la song thọ mãi tới nay đã gần ngàn năm, mà thế giới biến thành gò nủng, cây cối khô gầy. Con người ít tâm kính tin, chánh niệm cạn cợt, chẳng chuyên tu diệu ngộ chỉ vui thích thần lực. Nhưng tôi tự chẳng thi vi hành động, giả sử có hành động cũng không lấy làm khó”. Bèn đưa cánh tay phải nhí xuống đất đến tận ngằn mé Kim cang luân, lấy nước cam lồ để trong bình lưu ly, đêm đến trong chúng hội, phân chia cho Đại chúng, mọi người uống đó tâm y bèn khinh an. Khi ấy Đại chúng đều suy phục kính lễ sám hối lỗi quá.

Về sau, Tôn giả mới bảo Tăng-già-nan-đề rằng: “Nay tôi già suy còn sống ở đời không baolâu nữa, Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai nay tôi giao phó cho ông. Hãy nghe tôi nói bài kệ tụng đây:

“Nơi pháp thật không chứng
Chẳng lấy cũng chẳng lìa
Pháp chẳng tướng có - không
Trong ngoài do đâu khởi”.

Tăng-già-nan-đề nghe kệ tụng truyền pháp xong, càng thêm cung kính, lại nói bài kệ tụng mà tán thán rằng:

“Lành thay bậc Đại Thánh!
Tâm sáng như nhật nguyệt
Ánh sáng soi thế giới
Ma tối đều lui tan”.

Tôn giả liền ngay nơi pháp tòa mà nhập tịch diệt. Lúc đó tương đương đời vua Võ Đế (Lưu Triệt 140-86 trước Tây lịch) thời Tây Hán ở Trung Hoa. Bốn chúng cùng tạo dựng bảo tháp để tôn trí toàn thân Tôn giả.

6. TRUYỆN ĐẠI SĨ TĂNG-GIÀ-NAN-ĐỀ, TỔ THỨ MƯỜI BẢY Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Tăng-già-nan-đề, vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, ở nước Thất-la-phiệt. Thân phụ của Tôn giả tên là Bảo Trang Nghiêm, thật là vua nước đó. Lúc vừa mới sinh Tôn giả liền biết nói, từng cùng thân mẫu nói năng, Tôn giả chỉ chuyên nói chuyện Phật pháp. Song thân rất lấy làm lạ đó, ban chiếu mời vị Quốc sư hỏi nguyên nhân cớ sao đứa con như vậy? Vị Quốc sư ấy là người khác thường có khả năng nhận biết mọi việc đã qua, tâu cùng vua rằng: "Đứa con này chính là Đức Phật Bà-la-vương ở thời quá khứ, vì muốn thị hiện để hóa độ nên sinh vào trong nhà vua. Năm bảy tuổi sẽ lại vào đạo, ra ở nơi hang đá tại sông Kim thủy". Song thân Tôn giả rất lấy làm lo buồn, thường luôn nghĩ sợ điều nói đó đúng như thật. Đến lúc bảy tuổi, quả nhiên Tôn giả nói bài kệ tụng báo cùng song thân tỏ ý muốn cầu xin xuất gia rằng:

"Cúi đầu lạy cha lành
Nghiêng mình kính mẹ hiền
Nay con muốn xuất gia
Xin thương chấp thuận cho".

Mới đầu, song thân không chấp thuận, Tôn giả khổ thiết cầu xin mới được toại ý. vua bảo trang nghiêm mới thỉnh mời Sa-môn Thiền-lợi-đa vì Tôn giả mà xuống tóc. Tôn giả lưu ở lại trong cung, qua chín năm mới gặp vị Thắng Tăng chứng minh cho Tôn giả thọ giới. Một đêm nọ, Tôn giả mới phát thệ nguyện rằng: "Ta đã thọ giới Cụ túc mà ở nhà thế tục, nay lại đã 26 tuổi, làm sao được gặp Thánh giả mà được nghe đạo ư?" Bèn cảm trời tỏa phóng ánh sáng soi chiếu xuống, bỗng chốc thấy phía trước có một con đường phẳng bằng, vàphía trước lại có một núi lớn. Tôn giả bèn rảo bước tới để đến núi đó, và sắc trời cũng tỏ sáng, Tôn giả tự thấy thân mình đã ngồi nơi một hang đá. Đến sáng ngày, vua Bảo Trang Nghiêm bị mất con tìm kiếm không được, bèn xua đuổi Sa-môn Thiền-lợi-đa đi. Thế rồi, Tôn giả ở tại đó tu thiền vừa mới mười năm mà mọi người quy hướng nhóm tụ. Một ngày nọ, nhân thấy hơi khí tốt lành, bỗng nhiên Tôn giả bảo: "Sắp có bậc Thánh nhân vì ta mà lại đây. Các người hãy chóng quét trước phía trước hang để chờ đợi tiếp đón". Sau đó không bao lâu, quả nhiên Tôn giả La-hầu-la-đa đến đó. Khi ấy Tôn giả đang nhập định. Đợi qua bảy ngày, Tôn giả xuất định rồi mới hỏi đáp qua lại có vài trăm lời, mà nghĩa lý của Tôn giả La-hầu-la-đa vượt thắng, Tôn giả liền kính phục bèn xin theo cầu đạo. Tôn giả La-hầu-la-đa bảo: "Đức Như Lai xưa kia đã dự ghi ông sẽ làm

Tổ đời thứ mười bảy”. Về sau, Tôn giả La-hầu-la-đa lại gọi Tôn giả mà trao truyền Đại pháp nhãn tạng.

Một ngày nọ, Tôn giả bảo Đại chúng rằng: “Đại sư La-hầu-la-đa từng nói: “Tại nước Ma-đề sẽ có bậc Thánh giả xuất hiện, tên là Già-da-xá-đa, tiếp nối dòng pháp do ta trao truyền”. Nay ta cùng các người đồng nên đi tìm người ấy”. Trên bước đường đi tự nhiên có gió tốt lành từ phía Tây thổi lại thoáng mát tất cả mọi người, Tôn giả bảo: “Đây là luồng gió đạo đức vậy, theo hướng Tây đi khoảng ba ngàn dặm hẳn sẽ gặp được Thánh giả ấy. Gió này không thuộc loại gió bình thường của trời, rồng, quỷ, thần, A-tu-la, tuy có thổi động, nhưng không tổn hại muôn vật. người bệnh tật gặp được thì sẽ lành mạnh, người tập học gặp được thì tỏ thông, người có ác nghiệp gặp được thì thành sạch không”. Khi ấy Tôn giả dùng sức thần mà thu nhiếp Đại chúng cùng nhau đồng đi trong chốc lát, bèn đến một quả núi, Tôn giả bảo Đại chúng: “Trên đỉnh núi này có mây tía như lọng, hẳn là Thành nhân ở tại đâu đây”. Đại chúng ngó nhìn bốn phía quả nhiên có một núi nhà. Dần bước tời, vừa đến nơi cửa, bỗng nhiên thấy một trẻ nhỏ bưng tâm gương bước ra nghinh đón ở phía trước. Tôn giả liền hỏi: “Ông đbao nhiêu tuổi?” Trẻ nhỏ ấy đáp: “Tôi đã trăm tuổi”. Tôn giả lại hỏi: “Ông còn trẻ nhỏ sao nói là đã trăm tuổi?” Trẻ nhỏ ấy tiếp đáp: “Tôi chẳng hiểu tạo sao, nhưng chánh đúng đã trăm tuổi”. Tôn giả lại hỏi: “Ông có thiên cơ chăng?” Trẻ nhỏ ấy đáp: “Trong kinh kệ há Phật đã từng bảo là: Nếu người sống trăm chẳng hiểu cơ chư Phật, chẳng bằng sống một ngày, mà được quyết định đó”. Tôn giả lại hỏi: “Ông bưng gương tròn, ý muốn làm gì?” Trẻ nhỏ ấy mới dùng bài kệ tụng mà đáp đó là:

“Chư Phật gương tròn lớn
Trong ngoài không vết che
Hai người đồng được thấy
Tâm mắt đồng tương tợ”.

Song thân của trẻ nhỏ ấy thấy nó cùng Tôn giả đối đáp có lắm kỳ đặc, bèn cho trẻ nhỏ ấy xuất gia. Tôn giả liền chấp thuận đó, dẫn đưa về nơi tinh xá, thỉnh mời các Thánh giả chứng minh cho thọ giới. Tôn giả bèn đặt gọi tên trẻ nhỏ ấy là Già-da-xá-đa. Một ngày nọ, có gió lay động chiếc linh đồng nơi chánh điện tự nhiên phát tiếng, Tôn giả lại hỏi Già-da-xá-đa: “đó là linh kêu hay là gió kêu?” Già-da-xá-đa đáp: “Chẳng phải linh chẳng phải gió. Chánh tâm ta kêu vậy”. Tôn giả lại hỏi: “Tâm ta là ai ư?” Già-da-xá-đa đáp: “Thảy đều tĩnh lắng”. Tôn giả bảo: “Lành thay khéo hợp Phật lý, nên giảng nói pháp yếu. Người nối

dõi đạo ta nếu không phải ông thì ai nữa?" Về sau Tôn giả trao truyền Đại pháp nhãn tạng cho Già-da-xá-đa, mới nói bài kệ tụng rằng:

"Đất tâm vốn không sinh
Nhân đất theo duyên khởi
Giống duyên chẳng ngại nhau
Hoa quả cũng như thế".

Thế rồi, Tôn giả đưa tay phải vin cành cây mà thị tịch. Lúc đó tương đương với đời vua Hiếu chiêu Đế (Lưu Phật Lăng 86-73 trước Tây lịch) thời Tây Hán ở Trung Hoa. Đồ chúng của Tôn giả cùng nhau bàn nghị là: "Tôn giả thị tịch dưới rừng cây tươi tốt. Đó cũng là rủ che cho con cháu về sau ư?" Hoặc có người muốn nghinh thỉnh đến nơi gò đồi cao mà trà-tỳ, tuy dốc hết sức lực nâng lên mà trọn không lay động, bèn trà-tỳ ngay đó rồi gom thâu xá-lợi đến dựng tháp tôn thờ nơi cao kia.

7. TRUYỆN ĐẠI SĨ GIÀ-DA-XÁ-ĐA, TỔ THỨ MƯỜI TÁM Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Già-da-xá-đa, vốn người thuộc dòng họ Uất-đầu-lam ở nước Ma-đề. Thân phụ của Tôn giả tên là Thiên Cái, thân mẫu tên là Phương Thánh. Mới đầu, lúc Phương Thánh mang thai, mộng thấy có một người bưng đến tấm gương báu trao cho mà nói là: "Tôi lại đây vậy". Đến lúc tỉnh giấc trong thân mình sản khoái như lúc bình thường, nhưng nơi phòng thất có mùi hương thơm khác lạ, có ánh sáng tốt lành có vài lần xuất hiện. Mới trải qua bảy ngày mà sinh hạ Tôn giả, thân hình Tôn giả sáng sạch như lưu ly. Năm 12 tuổi, Tôn giả không tắm rửa mà thường sạch sẽ. Tôn giả thường lấy sự nhàn tỉnh tự sống. Hoặc có lúc cùng người đàm nói thì ngôn ngữ hẳn cao thắng. Gia đình vốn ở tại núi Bảo-lạc-ca, đến;úc hạ sinh Tôn giả mới có mây tía che phủ như lọng ở phía trên. Mới đầu, Tôn giả Tăng-già-nan-đề đến nơi nhà tìm kiếm. Tôn giả nhân đó xin nương theo. Về sau được trao truyền Đại pháp nhãn tạng, Tôn giả bèn đến hoằng hóa tại nước Nguyệt Chi.

Trước đó, nước ấy có vị Bà-la-môn tên là Cưu-ma-la-đa, trong nhà có một con chó mà chuyên ở dưới rèm trước nhà kể cả lúc ăn ngủ. Có những lúc mưa dầm thấm ướt thân mình, nó vẫn không tạm lìa xa nơi đó, cứ như thế trải suốt mười năm, tuy khổ công xua đuổi, nó cũng chẳng chịu chuyển dời ăn ngủ nơi khác. Cưu-ma-la-đa rất lấy làm ngờ vực đó. Muốn được tỏ rõ sự tình. Bấy giờ Cưu-ma-la-đa tuổi vừa mới ba mươi, ý khí mạnh mẻ, chẳng đoái hoài có quả báo, chỉ chuyên theo

thuyết tự nhiên của ngoại đạo, vui thích nghe mà bắt chước theo đó. Sau đó đem hỏi bậc thầy của mình là một vị Phạm chí rằng: “Con chó ấy cớ sao mà như vậy?” vị Phạm chí ấy đáp: “Tâm chó tự ưa thích mà như thế, chẳng phải do nhân duyên vậy”. Cưu-ma-la-đa lại hỏi: “Ban đêm tôi từng mộng thấy một vầng nhật vàng ròng, ánh sáng tỏa chiếu khắp cả đất trời, mà tôi cùng Phạm chí đồng ở nơi phòng thất tăm tối. Ánh sáng vầng nhật ấy bỗng nhiên chiếu đốt lại, thân tôi liền như lưu ly, từ từ có vô số trùng kiến nhóm bu gặm giấm, còn trên tự thân của thầy thì tẩy sạch không vật gì. Đó sao tự mà nhiên? Mong thầy vì giải thích nguyên do”. Phạm chí ấy cũng dùng thuyết tự nhiên mà đáp đó. Đầu không ứng nghiệm gì. Nỗi nghi ngờ của Cưu-ma-la-đa đã không được quyết trạch, bèn nói: “Chẳng vừa hợp ý người, đều cho là tự nhiên, đâu khác gì trong mộng mà nói mộng. Nếu riêng gặp bậc trí giả khác có thể vì giải thích, thì ta nguyện sẽ học theo đó”. Và bèn giã từ vị Phạm chí ấy mà trở về. Ngay lúc đó, Tôn giả bỗng thấy có hơi khí tốt lành nổi dậy, bèn từ nơi pháp tòa, bảo cùng Đại chúng rằng: “Điều trông thấy nay đây chính là hơi khí Đại thừa”. Tôn giả lại giải thích: “Hơi khí như vàng ròng thì sự việc ấy hẳn viên thành, hơi khí như ngọc đang, tức Bồ-tát ở bên cạnh, nay hơi khí tợ như ngọc đang, phía dưới ấy hẳn là có Thánh nhân, nhưng, xưa trước Đức Phật cũng từng dự ghi sau khi ta diệt độ trong khoảng năm trăm năm sau sẽ có vị Bồ-tát xuất hiện ở nước Nguyệt Chi, sau đó lại có một Đại sĩ khác xuất hiện tại nước Thiên Trúc, tiếp nối làm Tổ đời thứ hai mươi. Điềm khi tốt lành nay đây chánh ứng nghiệm ấy vậy”. Sau đó, Tôn giả dẫn Đại chúng đến nơi xuất phát hơi khí. Vừa đến đó chốc lát, quả nhiên có vị Bà-la-môn tướng trạng khoảng 30 tuổi đến hỏi vị Thị giả theo hầu Tôn giả: “Thầy này là người gì?” Thị giả đáp: “Đây là đệ tử của Đức Phật vậy”. Bà-la-môn ấy bèn xoay trở về đóng bít cửa. Tôn giả bảo: “Vậy người đáp không có đó là ai?” Cưu-ma-la-đa cho là tiếng nói bên ngoài có khác lạ, nghi đó ắt là bậc Trí giả, nghĩ muốn cầu xin quyết trạch việc trước, mới mở cửa mời vào, mời Tôn giả ngồi nơi chiếc giường chủ, bày biện các thứ cúng dường. Nhân đó đem sự việc con chó mà thưa và nói: “Nếu Trí giả giảng nói mở được tâm nghi ngờ của tôi, tức tôi sẽ theo tôn thờ”. Tôn giả bảo: “Nếu ta nói có ứng nghiệm, ông thật giữ đúng lời ấy ư?” Cưu-ma-la-đa đáp: “Thật không lừa dối”. Tôn giả bèn vì giải thích đó rằng: “Co chó ấy là cha của ông, vì có chút nghiệp nhỏ nhiệm nên đọa trong loài súc sinh. Xưa kia, cha ông có cả ngàn đỉnh vàng ròng cất giấu trong đồ vật mà trộm chôn lấp dưới rèm nhà. Đến lúc sắp chết, thì ông không có ở nhà nên chưa giao phó được,

nên nay mến tiếc vàng đó mà như vậy. Nếu ông lấy vàng ấy lên thì con chó hẳn đi nơi khác". Cưu-ma-la-đa bảo thợ moi đào, quả nhiên có được vàng, và con chó ấy cũng đi nơi khác. Cưu-ma-la-đa tin đó mới kính mộ Phật pháp. Lại đem điềm mộng ngày trước mà thưa hỏi, Tôn giả cũng vì giải thích nguyên do đó là: "Ông mộng thấy vầng mặt nhật đó tức là Phật nhật, soi chiếu khắp đất trời, đó là độ cả hai chúng, hai người ở nơi phòng nhà tăm tối tức là tâm chưa tỏa sáng. Vầng nhật soi chiếu đến nơi thân tức là ra khỏi vườn nhà vô minh. Thân như lưu ly tức sự thanh tịnh của ông, thân thể của Phạm chí kia không vật gì, đó tức là chỉ tự lợi một thân mình chẳng hay cứu độ người khác. Trùng kiến gặm giấm trên thân ông tức là nơi mọi người đồng nhận biết mà ghé hợp ăn hưởng pháp vị từ nơi ông vậy". Vì hai việc trên đều được giải quyết rõ ràng nên tâm ý Cưu-ma-la-đa tự nhiên rỗng rang, và càng thêm thán phục, bèn cầu xin xuất gia chuyên theo hầu hạ. Nhưng do đạo lực đời trước sung mãn nên tuy thuộc hàng đệ tử mà Tôn giả cũng rất mến quý đó, thỉnh mời Thánh chúng chứng minh cho thọ giới Cụ túc, muốn chóng thành đạt chứng quả.

Về sau, quả nhiên Tôn giả bảo Cưu-ma-la-đa rằng: "Xưa kia Đức Như Lai đem Đại pháp nhãn tạng trao truyền cho Tôn giả Đại Ca-diếp rồi lần lượt chư Tổ sư trao truyền đến ta. Nay ta trao lại cho ông, ông vâng nhận ta chỉ dạy, hãy nghe bài kệ tụng đây:

"Có giống, có đất tâm
Do duyên hay nẩy mầm
Với duyên, không ngăn ngại
Đáng sinh, sinh chẳng sinh".

Cưu-ma-la-đa kính vâng sự chỉ giáo, lễ bái thọ nhận ân cần. Tôn giả bèn từ pháp tòa vụt bay thân mình làm thành mười tám thứ biến hóa, xong mới thị tịch, dùng lửa Tam-muội ở giữa hư không mà tự thiêu đốt, tuôn mưa xá-lợi lộn xộn đổ xuống. Bốn chúng hứng nhận, tùy nơi mỗi một tạo dựng bảo tháp mà cúng dường. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Chiêu Đế (Lưu Ngao 32-06 trước Tây lịch) thời Tây Hán ở Trung Hoa.

8. TRUYỆN ĐẠI SĨ CƯU-MA-LA-ĐA, TỔ THỨ MƯỜI CHÍN Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Cưu-ma-la-đa, vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước Nguyệt Chi. Đời trước từng sống ở Phạm thiên, đến lúc tham thích chuỗi châu anh lạc của Bồ-tát mới bị sa đọa vào cõi trời khác ở Dục

giới. Ở đó vì một người trời mà giảng nói tri kiến của Phật, vị trời ấy nhân đó mà chứng thành Sơ quả, vì thế mà Tôn giả được chúng trời tôn xưng là bậc Đạo sư. Bấy giờ có một ngọc nữ cõi trời đến lễ bái nơi pháp hội, trong chúng hội có một ngàn hai trăm vị chưa chứng đắc quả, liền khởi tình ái nên cùng phiền lụy, cũng nối tiếp minh số Tổ ấy vừa đến, lại chỉ bày chỗ sinh ở đời nay, nhưng ngọc nữ ấy cũng đọa lạc đồng sinh đến nước đó làm chủng tộc Phạm chí. Mới đầu, nhà Tôn giả rất giàu có, vàng báu chẳng thể tính lường, mà thân phụ của Tôn giả tham tiếc keo lận không cùng. Gặp trong nước đó có vị A-la-hán tên là Hải Thắng đến nơi trời ấy được nghe Tôn giả giảng nói pháp mới chứng quả như hiện nay, đến đây nghĩ muốn báo đáp ân đức xưa trước, sợ Tôn giả đắm chìm nơi giàu sang của thế tục, nên theo đó mà cầu xin vàng với ý muốn dẫn dắt ra khỏi, bèn đến nơi nhà Tôn giả. Khi ấy Tôn giả đang là trẻ nhỏ, liền bảo cùng Tôn giả rằng: “Ông có thể bố thí vàng cho ta thì sẽ có được phước lợi”. Tôn giả thưa: “Tôi nay mới mười lăm tuổi chưa chuyên trông coi việc nhà, thân phụ tôi không có ở nhà, xin đợi tôi thưa trình với mẹ”. Và Tôn giả bèn báo với mẹ, nghe thế, mẹ Tôn giả chấp thuận, Tôn giả liền đem một cân vàng mà cúng thí. Sau đó, vị La-hán ấy dự ghi rằng: “Mười lăm năm sau ông sẽ gặp được Bồ-tát chứng đắc Thánh đạo, nhưng có chút nạn nhỏ, cũng chiết phục nghiệp lớn”. Đến lúc thân phụ trở về, Tôn giả đem việc ấy mà thưa trình, thân phụ tức giận đánh Tôn giả trăm gậy. Sau khi thân phụ đã qua đời, Tôn giả cũng giải quyết được điều nghi từ Tôn giả Già-da-xá-đa, bèn kính phục tôn xưng làm thầy, sau đó Tôn giả lại được Tôn giả Già-da-xá-đa trao truyền Đại pháp nhãn tạng.

Về sau, Tôn giả du phương hoằng hóa, đến nước xứ Trung Thiên Trúc, gặp một vị Trí sĩ tên là Xà-dạ-đa, nguyên trước là du khách, nên lại kính lễ mà thưa hỏi Tôn giả rằng: “Song thân nhà tôi vốn kính tin Tam bảo, đúng như pháp mà tu hành, nhưng lại mắc phải các thứ tật bệnh, mọi ước muốn không được toại ý. Trái lại ở gần nhà tôi có người hung bạo giết hại, thường ngày tạo ác lắm nhiều mà thân thể khỏe mạnh, mọi sự mong cầu đều như ý muốn. Vậy, thiện ác báo ứng há chẳng luống dối ư? Tôi rất nghi hoặc điều đó. Cúi xin Nhân giả vì tôi mà quyết trạch cho”. Tôn giả bảo: “Đức Phật chỉ dạy, nghiệp quả thông cả ba đời. Do đời trước tu tạo thiện nghiệp nên được hưởng quả báo ở đời nay, giả sử đời nay tạo tác những điều bất thiện thì kết quả sẽ ứng ở đời sau. Nên có người trong đời nay tuy làm việc thiện mà ở đời không được hưởng phước là bởi quả báo nghiệp ác trong đời trước mạnh hơn. Giả sử đời nay đã không được phước

báo, lại chuyên tạo ác thì đời sau càng đọa lạc trong đường xấu ác. Giả sử người ở đời nay đã được quả báo phước thiện mà lại chuyên làm việc thiện thì đời sau càng được sinh đến cõi tốt lành hơn. Lại có người đời trước tạo thiện, phước đức ấy chỉ mới một nửa mà đổi ý chí tạo điều xấu ác, đến đời nay hẳn trước được phước mà sau chịu họa. Đời nay tạo ác, việc ấy mới một nửa mà cải đổi tu tạo việc lành, đến đời sau thì trước mắc họa mà sau lại được phước. Như nay, song thân của ông và người ở gần nhà ông có sự báo ứng về thiện ác cũng thuộc loại như thế bởi hạnh nghiệp đời trước mà cảm nên vậy. Đâu có thể lấy việc trong một đời mà cầu mong rõ biết được ư?" Nghe giảng như thế, Xà-dạ-đa bèn chóng tiêu tan điều nghi ngờ. Tôn giả lại bảo: "Ông tuy đã tin nghiệp báo ba đời, nhưng chưa rõ biết nghiệp ấy từ mê hoặc sinh ra. Mê hoặc ấy nhân nơi thức mà có. Thức nương tựa từ bất giác, bất giác lại y cứ từ tâm, mà tâm vốn thanh tịnh, không sinh diệt, không tạo tác, không báo ứng, chẳng hơn kém, vắng lặng vậy, linh linh vậy. Nếu ông vào được pháp môn này thì có thể đồng với chư Phật, tất cả mọi thứ thiện ác, hữu vi, vô vi đồng như mộng huyễn". Xà-dạ-đa tiếp nhận lời chỉ dạy ấy, liền phát túc tuệ, bèn cầu xin xuất gia. Tôn giả hỏi: "Ông là người xứ nào? Cha mẹ còn chăng? Nếu ông thật tâm muốn vào đạo thì nên trở về nước mình trình cùng song thân, được thỏa ý chí thì lại đây cũng không muộn". Xà-dạ-đa thưa: "Tôi ở nước thuộc xứ Bắc Ấn Độ, cách đây hơn ba ngàn dặm, đâu tiện đi lại, cúi xin Nhân giả đến đó cho gia đình tôi tiện cúng dường và nhân đó mà tôi được độ thoát". Tôn giả bảo: "Ta đi tuy xa nhưng không lấy làm khó, còn ông dùng gì để đi?" Xà-dạ-đa đáp: "Tôi có chú thuật nhỏ, cũng có thể cùng theo, chỉ khoảnh khắc bèn đến". Tôn giả: "Thuật gì?" Xà-dạ-đa đáp: "Anh tôi là Xà-dạ-ma nguyên trước là vị Tỳ-kheo ở tại nước nhà thường chuyên chủ giữ tháp Phật Câu-na-hàm, có được hạt cây mạt-ha ở trước tháp, dùng vật thần ấy bôi xoa vào chân, chỉ chốc lát bèn có thể đi đến nơi xa, nếu muốn dừng thì vất bỏ lau chùi sạch dầu ấy chân mới dừng bước". Tôn giả bèn thử dùng thuật pháp ấy cùng Xà-dạ-đa đồng đi, đế lễ bái tháp ấy. Phật liền tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp Đại chúng. Xà-dạ-đa đã thưa trình song thân, rồi đến xuống tóc xuất gia ngay trước tháp Phật ấy, thỉnh mời các Thánh chứng minh cho thọ giới. Tôn giả mới vì nói bài kệ tụng rằng:

"Phật đây phóng ánh sáng
Hiện tướng độ cho ông
Ông đã được giải thoát

Các chúng cũng như vậy”.

Về sau, Tôn giả gọi Xà-dạ-đa mà bảo: “Xưa kia Đức Như Lai từng dự ghi ông sẽ làm Tổ đời thứ hai mươi, Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, ta mới giao phó cho ông, ông khéo gìn giữ lưu truyền. Hãy nghe bài kệ tụng đây:

“Trên tánh vốn không sinh
Vì đối người cầu nói
Với pháp đã không sắc
Sao người quyết chẳng quyết”.

Tôn giả lại bảo: “Kệ tụng đây là do Đức Như Lai Diệu Âm thấy tánh thanh tịnh nên giảng nói vậy, ông nên thọ trì”. Xà-dạ-đa lại kính lễ vâng theo Tôn giả liền ngay trên pháp tòa đưa móng tay rạch mặt như thế sen hồng nở tỏa phóng ánh sáng lớn soi chiếu khắp bốn chúng, rồi mới thị tịch. Lúc đó tương đương với đời Vương Tân Thất (09-23 sau Tây lịch) thời Tây Hán ở Trung Hoa. Xà-dạ-đa bèn tạo dựng bảo tháp tôn trí mà cúng dường.

9. TRUYỆN ĐẠI SĨ XÀ-DẠ-ĐA, TỔ THỨ HAI MƯƠI Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Xà-dạ-đa, vốn người ở nước xứ Bắc Thiên Trúc, chưa rõ biết thuộc dòng họ gì. Tôn giả vốn có nhận biết đạo, kính mộ thông hiểu diệu lý. Mới đầu làm khách du phương đến xứ Trung Ấn Độ, gặp lúc Tôn giả Cưu-ma-la-đa đang hoằng hóa tại nước đó, Tôn giả đem điều nghi ngờ về báo ứng mà thưa hỏi, được Tôn giả Cưu-ma-la-đa giảng nói nghiệp báo thông cả ba đời. Việc ấy được tỏ rõ. Nhân đó, Tôn giả cầu xin xuất gia. Tôn giả Cưu-ma-la-đa chẳng liền hứa khả, cùng Tôn giả đồng trở về lại nước mình, thưa cùng song thân, xong mới độ cho làm Tỳ-kheo. Tôn giả Cưu-ma-la-đa biết Tôn giả thật là bậc Pháp khí. Lại nhân sự dự ghi của Đức Phật xưa trước bèn đem Đại pháp nhãn tạng mà trao truyền cho.

Thế rồi, Tôn giả du phương đến các nước giáo hóa, đến thành La-duyệt. Nước đó vốn có nhiều đạo chúng, nghe Tôn giả đến, bèn cùng nhau nương theo. Nguyên trước trong chúng đó có vị thượng thủ tên là Bà-tu-bàn-đầu, tu hành tinh mật, trọn đêm ngày chẳng nằm, suốt sáu thời lễ Phật bái sám, mặc y phấn tảo, ngày ăn một bữa mà đạm bạc chẳng tham cầu gì. Thế gian hỏi Đại chúng ấy rằng: “Các ngươi tu hạnh Đầu-đà khổ hạnh, phạm hạnh như thế có thể chứng đắc Phật đạo chăng?” Đại chúng ấy đáp: “Thượng nhân đây tinh tấn như vậy,

há chẳng đắc đạo?” Tôn giả bảo: “Người ấy cách đạo xa vời, giả sử tu hành khổ hạnh trải qua nhiều kiếp chỉ giúp cho gốc vọng đâu thể chứng đắc ư?” Đại chúng ấy hỏi: “Nhân giả tích chứa thứ gì mà khinh thường thầy tôi?” Tôn giả bảo: “Ta chẳng cầu đạo, cũng chẳng điên đảo, ta chẳng lễ Phật cũng chẳng khinh mạn, ta không ngồi mãi cũng chẳng biếng lười, ta không ngày ăn một bữa cũng chẳng ăn tạp, ta không biết đủ mà cũng chẳng tham dục”. Bà-tu-bàn-đầu nghe nói như thế, vô cùng mừng vui mới thuật kệ tụng mà tán thán rằng:

“Kính lạy Đấng Tam-muội
Chẳng cầu được Phật đạo
Chẳng lễ cũng chẳng mạn
Tâm chẳng sinh điên đảo
Chẳng ngồi chẳng biếng lười
Chỉ ăn không đắm vị
Tuy hoãn mà không chậm
Tuy gấp mà chẳng thô
Nay tôi gặp chí tôn
Kính lễ vâng Phật dạy”.

Tôn giả lại bảo Đại chúng: “Vị tu Đầu Đà này chẳng đồng như các ông. Ông này trong đời kiếp trước thường tu hạnh chẳng khinh nên mới được như vậy. Vừa rồi ta chê trách, bởi vì ông hướng đạo tâm rất tha thiết, sợ đó như sợi dây đàn căng quá ắt sẽ đứt, nên ta chẳng ngợi khen liền, vì muốn ông thú hướng đến nơi không chỗ được mà dừng đứng nơi chỗ đất An lạc”. Sau đó, Tôn giả lại gọi Bà-tu-bàn-đầu và bảo: “Ta nói trái ngược ý, ông có được chẳng động tâm chăng?” Bà-tu-bàn-đầu đáp: “Đâu dám máy động. Tôi nhớ bảy đời về trước, sống ở cõi An lạc, vì mến mộ đạo nên chuyên thờ trí giả Nguyệt Tịnh, mà người ấy bảo tôi: “Không bao lâu nữa ngươi sẽ chứng quả Tư-đà-hàm, phải nên chuyên cần tinh tấn. Phàm người tu hành thí như leo lên trời cao, hẳn phải cố gắng dần lên không được trụt lùi, giả sử có bị rơi lạc xuống mà lên lại càng khó”. Khi ấy tôi tuổi đã tám mươi, chống gậy mà chẳng thể lê bước, vừa gặp lúc có Bồ-tát Đại Quang Minh xuất hiện nơi đời, tôi muốn được kính lễ mới đến nơi tinh xá đó, lễ bái xong trở về, bỗng chốc, Nguyệt Tịnh đến mà quở trách tôi rằng: “Ôi thôi! Sao ông khinh cha mà trọng con. Hôm qua ta thấy ông sắp được chứng quả, nay lại mất rồi”. Khi ấy tôi tự cho không có lỗi quá, nên chẳng kính phục lời nói đó, bèn hỏi cùng Nguyệt Tịnh chỉ cho thấy lỗi quá. Nguyệt Tịnh bảo: “Ông đến lễ bái Đại Quang Minh, sao lại đem cây gậy tựa vào nơi

mặt tôn tượng đắp họa". Vì ông bị như thế nên quả vị thối lùi". Tôi suy nghĩ chín chắn lại, quả thật đúng như lời nói đó. Từ đóvề sau, phàm có nghe gì cũng không dám không tin. Dẫu những lời xấu ác kia cũng xem như gió thoảng qua tai, huống gì nay Tôn giả dùng Chánh pháp mà chỉ dạy, thì đâu dám buồn phiền.

Về sau, Tôn giả gọi Bà-tu-bàn-đầu mà bảo: "Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, nay ta giao phó cho ông, ông nên lưu truyền chớ khiến dứt mất. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

Nói bày hợp không sinh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hay hiểu như thế
Thông đạt lý sự xong".

Bà-tu-bàn-đầu bèn lễ bái mà vâng nhận. Tôn giả bèn nơi pháp tòa liền chúi đầu trồng ngược tượng cành cây sa-la, an nhiên mà thị tịch, Đại chúng muốn thỉnh sửa lại trước lúc trà-tỳ, nhưng tuy cả trăm ngàn người đồng nâng dất mà trọn không lay động, chư vị La-hán lại đồng dùng thân lực nâng dất cũng chẳng thể động. Đại chúng bèn đốt hương khẩn cầu, di thể Tôn giả mới tự nghiêng rủ xuống. Trà-tỳ xong gom thâu xá-lợi, Đại chúng xây dựng bảo tháp để cúng dường. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Minh Đế (Lưu Trang 58-76) thời Đông Hán ở Trung Hoa.

*** Thử luận bàn:**

Là đại sĩ, trồng ngược thân mình mà thị tịch đâu có gì khác lạ? Đáp: Thánh nhân thuận nghịch đều được, bởi sắc sức thần mà thi vi vậy, không thể dùng đạo thường mà cầu đó.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 3
- (HẾT) -

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 4

*****

1. TRUYỆN ĐẠI SĨ BÀ-TU-BÀN-ĐẦU, TỔ THỨ HAI MƯƠI MỐT Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu vốn người thuộc dòng họ Tỳ-xá-khư ở nước La-duyệt. Thân phụ tên là Quang Cái, thân mẫu tên là Nghiêm Nhất. Tôn giả cùng một người em đồng sinh, đều có việc tốt lành, mà riêng Tôn giả rất ưu thắng. Mới đầu, Quang Cái vì gia đình rất giàu sang mà chưa có con nối dõi, bèn cùng vợ là Nghiêm Nhất bàn tính đồng đến cầu con nơi tháp Phật ở phía Bắc thành. Sau khi đã cầu đảo, đêm đó quả nhiên Nghiêm Nhất mộng thấy có hai hạt châu: một hạt lớn mà sống, còn một hạt vừa sáng vừa tối, mà đều nuốt cả hai, lúc tỉnh giấc thì đã mang thai. Sau đó bảy ngày có vị Tỳ-kheo La-hán tên là Hiền Chúng đến nơi nhà mà bảo: "Tôi từ nơi nước khác tìm theo hơi khí khác lạ mà đến đây. Nhà các ngươi là ai?" Quang Cái liền thỉnh mời vào, cùng vợ đồng ra kính bái. Hiền Chúng riêng lánh Nghiêm Nhất mà chẳng đáng nhận lễ. Quang Cái lấy làm quái lạ, tự bảo: "Xấu thay Tỳ-kheo này nhận lễ, chẳng kính nhượng trượng phu mà cung kính người nữ", bèn giả vờ đem châu báu cúng thí nhưng trong ý muốn thử thức lượng. Hiền Chúng đều nhận mà chẳng từ nhượng. Quang Cái thấy Hiền Chúng chẳng động như trước, bèn đem sự thật mà hỏi: "Tôn giả chẳng nhường lễ của tôi là bậc trượng phu, cớ sao lại lánh mặt người nữ kính lễ?" Hiền Chúng

đáp: “Ta cho rằng ông là phàm phu nên đáng nhận ông kính lễ, nhận sự cúng thí của ông là muốn ông thêm lớn phước đức. Còn vợ ông vừa mới mang thai Bồ-tát, là pháp thí thượng thừa, thai nhi ấy sắp xuất hiện nơi đời tên là Bà-tu-bàn-đầu. Hạng người như tôi được vị đó hóa độ đông nhiều vô lượng, nên tôi cố lánh đó, chẳng phải tôi kính trọng người nữ đâu”. Quang Cái liền cảm tạ đó mà nói: “Tôn giả là bậc Thánh nhân, có khả năng nhận biết sự việc chưa xảy ra”. Hiền Chúng lại bảo: “Lại còn có một người con cùng đồng bào thai đó, xưa trước tên là Sô-ni, từng làm chim thước ở đồng hoang bay đến núi Tuyết làm ổ trên đỉnh đầu Đức Như Lai. Sau đó bởi duyên gặp Phật nên sinh làm vua nước Na-đề. Khi Đức Như Lai đến nước đó vì giảng nói nhân xưa trước. Lại dự ghi rằng: “Sau khi ta diệt độ ngoài năm trăm năm, ông sẽ sinh vào trong gia đình thuộc dòng tộc Tỳ-xá-khư ở thành La-duyệt, cùng Thánh giả Bà-tu-bàn-đầu đồng một bào thai. Thánh giả kia là Tổ sư đời thứ hai mươi mốt trong thời Hiền kiếp. Thánh giả ấy lại xuất sinh một Thánh đệ tử, tên là Đại Lực Tôn giả”. vua Na-đề xưng tán may thay, bèn đem lọng báu mà dâng cúng. Đức Phật lại dự ghi rằng: “Về sau vì gặp được Bồ-tát ấy, ông sẽ sinh lên cõi trời Đao-lợi vậy”. vua mới dùng kệ tụng tán thán. Sau đó quả nhiên Nghiêm Nhất sinh một lúc hai người con mà Tôn giả sinh trước. Lúc còn trong tả lót mà đã hiền lành dễ nuôi, chẳng đồng như các trẻ nhỏ bình thường. Vừa hơi lớn, Tôn giả bèn có chí khí vượt cao ưu thắng. Năm 15 tuổi, Tôn giả cầu xin theo La-hán Quang Độ mà xuất gia, Bồ-tát Tỳ-bà-ha vì chứng minh cho thọ giới. Tôn giả mới kính mộ hạnh tu của Ẩm Quang, nên chuyên lấy hạnh Đầu-đà mà tự tu, người thời bấy giờ kính trọng cao quý, đều tôn xưng Tôn giả là “Biến Hạnh Đầu-đà”. Sau đó gặp được Tôn giả Xà-dạ-đa khơi phát đại tuệ, mới được trao truyền Đại pháp nhãn tạng.

Nhân đó, Tôn giả vân du giáo hóa các phương, đến nước Na-đề. Nguyên trước nước đó vốn có nhiều voi hung dữ làm hại, mọi vật không nơi nương sống. Mãi đến lúc vua nước đó tên là Thường-tự-tại sinh hai người con. Người lớn tên là Ma-ha-la tuổi đã bốn mươi, người em kế tên là Ma-noa-la tuổi vừa ba mươi. Ngay lúc Ma-noa-la đúng tuổi ba mươi, voi hung dữ làm hại ở nước đó bèn chấm dứt, dân chúng trong nước đó được an ổn, nhưng đều không biết nhờ đâu mf được vậy. Đến lúc Tôn giả vào nước đó, vua Thường-tự-tại thỉnh mời vào nội cung để cúng dường. Nhân đó thưa hỏi rằng: “Phong tục nước xấu tệ tôi đây chắc không bằng thuần phong mỹ tục ở thành La-duyệt vậy?” Tôn giả bảo: “Thành La-duyệt xưa trước nhờ được của ba Đức Phật che chở, mà

nước này vừa có hai bậc Hiền giả hiện làm cội phước vậy”. vua hỏi: “Hai Hiền giả ấy là ai ư?” Tôn giả đáp: “Xưa kia Đức Phật từng dự ghi là: Sau khi Ta diệt độ sau năm trăm năm, vua nước Na-đề vốn chủng tộc Sát-đế-lợi tên là Đa-mãn có người con tên là Ma-noa-la có được sức thần hơn mười Na-la-diên. Đó là thứ nhất, còn thứ hai là ta đây cũng cùng vậy”. Sau đó không lâu, bỗng chốc có sứ vào tâu có muôn voi lớn sắp bức thành nước. vua lấy làm lo đó, đem hỏi Tôn giả: “Sự tình như thế làm sao cản ngăn?” Tôn giả bảo: “Chẳng cần phải dùng binh lính, chỉ cần bảo Vương tử Ma-noa-la đương đầu đó thì nạn ấy tự giải”. vua hỏi: “Có được chăng?” Tôn giả bảo: “Vương tử đây chẳng thẳng oai chống voi địch muôn tướng, mà càng nhiều càng có thể”. Bèn bảo Ma-noa-la ra phía Nam thành đó. Ma-noa-la mới dẫn dụ voi vỗ vào bụng nó, phát tiếng hét lớn, tuy thành lô cũng vì đó mà lay động, đàn voi ngã té nơi đất chẳng thể đứng dậy, chỉ thời gian ngắn đều cùng bỏ chạy đi. Đến đó dân chúng trong nước mới biết sự an ổn ba mươi năm qua là nhờ từ đó. vua cho rằng Vương tử có đạo hạnh ưu thắng bèn rất lấy làm kỳ lạ, mới thưa cùng Tôn giả rằng: “Người con nay xưa trước Đức Phật đã từng dự ghi. Và nó cũng có sức thần thông không nên lưu giữ lại nơi thế tục, xin Tôn giả nhân cho nó được xuất gia”. Tôn giả cũng bảo rằng: “Đây chẳng phải ta làm thầy thì về sau không ai có khả năng độ được”. Bèn thỉnh mời Thánh chúng đến nơi vương cung chứng minh cho Ma-noa-la được xuống tóc thọ giới. Được độ, Ma-noa-la bèn rất mừng vui, mới dùng kệ tụng tán thán rằng:

“Vì đuổi trăm muôn voi
Vỗ bụng làm thần thông
Hết thảy các cung điện
Không đâu chẳng chấn động
Gặp thầy, sức phương tiện
Mà tôi được độ thoát
Xin lạy từ song thân
Mà ra khỏi lửa ái”.

Đến lúc Tôn giả sắp đi đến nước khác, mới bảo cùng vua Thường-tự-tại rằng: “Ta đến đây để tìm cầu pháp khí, nay đã độ được chí nhân, tức ta đi nơi khác, vua chẳng phải lưu giữ”. Bèn cùng Ma-noa-la đồng đi.

Về sau, Tôn giả bảo Ma-noa-la rằng: “Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai, nay ta giáo phó cho ông, ông nên lưu truyền đó. Hãy nghe ta nói kệ tụng đây:

"Bọt huyễn đồng không ngại
Cớ sao chẳng liễu ngộ
Đạt pháp tại trong đó
Chẳng nay cũng chẳng xưa".

Trao truyền đại pháp xong, Tôn giả liền ngay pháp tòa vượt thân lên cao nửa do-tuần lắng yên mà dừng. Bốn chúng vọi cùng thưa: "Chúng tôi muốn phụng thờ xá-lợi, xin Tôn giả thần hóa vô vi". Tôn giả mới trờ lại nơi tòa ngồi mà thị tịch. Sau khi trà-tỳ, Đại chúng gom thâu xá-lợi, tạo dựng bảo tháp mà cúng dường. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu An Đế (Lưu Hổ 107-126) thời Đông Hán ở Trung Hoa.

2. TRUYỆN ĐẠI SĨ MA-NOA-LA, TỔ THỨ HAI MƯƠI HAI Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Ma-noa-la vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước Na-đề. Thân phụ tên là Thường-tự-tại là vua nước đó. Tôn giả là con thứ, lúc vừa mới sinh đã có điềm vết khác lạ, thân phụ không dám ràng buộc ở thế tục, nên bảo nương theo Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu mà xuất gia thọ giới.

Sau khi được trao truyền Đại pháp nhãn tạng, Tôn giả bèn du phương giáo hóa. Mới đầu, đến nước xứ Tây Ấn Độ, vua nước đó tên là Cù-đàm-đắc-độ rất sùng kính Phật pháp, thường tự dâng hoa sen vàng ròng mà cúng dường. Cầu mong được gặp bậc Thánh giả để thưa hỏi cho biết mọi việc đời trước đời sau của chính mình. Tôn giả suốt bảy năm hành đạo tại trong cung vua. Một ngày nọ, bỗng có một tháp Phật cao một thước bốn tấc xuất hiện nơi chỗ thường hành đạo, sắc màu xanh bóng, bốn mặt đều có tôn tượng, tợ như phía trước nêu bày vua Thi-tỳ cắp bắp vẽ để cứu chim cáp, phía sau nêu bày vua Từ Lực khoét lỗ trên thân mình để đốt đèn, bên tả nêu bày Thái tử Tát-đỏa gieo mình xuống vực để cứu hổ đói, bên hữu nêu bày vua Nguyệt Quang xả thí đầu báu. vua Cù-đàm-đắc-độ rất lấy làm lạ đó, liền muốn nâng dất chuyển dời mf không lay động, mọi người chung quanh cùng phụ giúp, đến nỗi bảo các lực sĩ cùng nâng, đều không thể được. Sau đó mời các vị Trí giả trong nước đó cùng bàn tính muốn chuyển dời, khi ấy Tôn giả cũng có tham dự hội thảo, nhưng khước nhường cho một vị khéo giải chú thuật ở nước đó thực hiện công việc. Trước tiên vị chú thuật ấy tác pháp tức có khả năng chuyển nổi núi bạc trấn điện vua, tiếp theo muốn dùng pháp thuật để chuyển dời tháp. Vị ấy mới hét ba tiếng, tháp chưa hề lay động mà nội thể vị ấy đã tổn hại, phát cuồng chạy loạn, tuy các lực sĩ chung

sức cản ngăn nhưng không thể dừng đứng. Tôn giả bèn ra giữa chúng tâu cùng vua rằng: “Việc này không có gì đáng phải kinh ngạc”. Rồi, Tôn giả dần bước đến nơi hành lan cung điện, gọi vị chú thuật đang chạy cuồng kia rằng: “Ngươi dừng lại”. Vị ấy liền bước đến nơi Tôn giả mà sám hối lỗi quá. vua thấy Tôn giả bảo vị kia dừng được, bèn hỏi: “Tôn giả có pháp thuật gì mà có khả năng như vậy?” Tôn giả đáp: “Phật pháp”. vua nói: “Xin nghe Phật pháp ấy có thể học được chăng?” Tôn giả bảo: “Với Phật pháp, phải đầy đủ bảy việc dứt bỏ ba vật mới có thể học”. vua hỏi: “Bảy việc và ba vật đó là gì?” Tôn giả bảo: “Ba vật bỏ đó là: một, bỏ tham; hai, bỏ ái; ba, bỏ si. Bảy việc là: một, có đủ Đại từ; hai, có đủ hoan hỷ; ba, có đủ Vô ngã; bốn, có đủ dõng mãnh; năm, có đủ nhiêu ích; sáu, có đủ hàng ma; bảy, có đủ vo chứng. Sở dĩ người có được sáng tỏ hay bị không sáng tỏ đều do có hay không về ba vật và bảy việc ấy vậy. Nếu nay vua có khả năng dứt bỏ ba vật ấy và đầy đủ bảy việc ấy tức đối với mọi sự trước sau chỉ như xem vật trong lòng bàn tay. Thành đạt Bồ-đề chứng đắc Phật quả, đâu có gì xa vời ư?” vua ngợi khen tốt lành thay và xin được nghe về nguyên do của tháp Phật. Tôn giả lại nhường cho Đại chúng nói. Đại chúng đồng thưa: “Chỉ Tôn giả nên nói đó, khỏi phải khiêm nhường”. Tôn giả mới bảo: “Tháp ấy vốn xưa kia vua A-dục tạo dựng tám vạn bốn ngàn tháp bằng bảy vật báu để tôn thờ xá-lợi của Đức Thích-ca Như Lai, mà đây là một trong số tháp đó”. Và Tôn giả nêu dẫn việc ngày xưa của vua A-dục tạo dựng bảo tháp v.v... đầy đủ như các kinh nêu tả. Xong, Tôn giả lại bảo cùng vua rằng: “Mới đầu, tôn trí mỗi một ngôi tháp thì địa điểm đó hẳn là nơi Hiền Thánh thành đạo nhập diệt v.v.... Nay nơi cung điện ngự uyển đây bởi xưa kia có Tỳ-kheo Bà-la-ca chứng quả tại đây, nên bảo tháp xuất hiện. Và cũng bởi do vua tu đức nên được cảm như thế”. vua Cù-đàm-đắc-độ nghe việc ấy rồi bèn rất cảm ngộ tự xót thương mình nghe đạo muộn màng, bèn liền gọi Thái tử mà truyền trao ngôi vị và việc ban giao nước nhà. Xong, vua mới cầu xin Tôn giả cho phép xuất gia. Với tình thế không thể ngăn cản, Tôn giả bèn phải độ cho. Đốt hương cầu chúc rằng: “Nay có Thiên tử ở nước Tây Ấn Độ theo Phật xuất gia, nguyện xin các Thánh trầm lắng hỗ trợ khiến vua chóng đạt Thánh đạo”. Chỉ chốc lát giữa không trung có tiếng báo rằng: “Ông độ vua ấy, chẳng hẳn phải lo, bảy ngày sau sẽ chứng đắc Đệ tứ quả”. Đúng như kỳ hạn, mới đầu gió mưa bão bùng ập đến, cung điện vắng tiu, mọi người đều lo sợ dẫn nhau bỏ đi, vua an nhiên đến giữa trưa ngày thứ bảy, rỗng rang như mộng, chốc lát thấy có người đưa cánh tay rất dài, trao cho một

quả khác lạ. vua bèn ăn, đến lúc tỉnh ra, tâm trí tỏ sáng, đã thành đạo quả A-la-hán. vua liền dùng Tam-muội sắp bỏ cung điện đó, mới nói cùng Tôn giả rằng: "Lúc tôi chưa chứng quả, tự lấy nước mình đây làm lớn, đâu tin có cõi nước Phật rộng lớn. Nay được quán sát rộng khắp tức thấy đất xưa đâu khác gì đống đất ổ kiến bé nhỏ. Nhưng ở Diêm-phù-đề đây cũng như khoảng đồ một bữa ăn, tuy có hơn ba ngàn đất nước mà phẩm lượng chẳng đồng, nước lớn bao nhiêu, nước vừa bao nhiêu, nước nhỏ bao nhiêu. Nhưng trong nước lớn ấy lại có ba phẩm lượng, nước vừa nước nhỏ cũng lại như vậy. Nếu người thật sự tu hành thì tất cả đều hay tùy tâm mà hiện sinh". Khi ấy, Tôn giả cáo biệt, nói cùng vua Cù-đàm-đấc-độ rằng: "Ta sắp đi đến xứ khác để phỏng tìm bậc Đại pháp khí". Cù-đàm-đắc-độ thưa: "Tôn giả là bậc thần thông chẳng thể lường, ở lại nơi đây tự có thể tiếp độ, sao hẳn phải nhọc thân đi?" Tôn giả liền đốt hương báu mà nói lời huyền ngữ rằng: "Hạc-lặc-na ngươi sẽ chứng quả. Thời gian ấy vừa đến, ngươi có biết chăng?"

Mới đầu, Tỳ-kheo Hạc-lặc-na ở nơi một khoảnh rừng có chín hạc trăng nương náu tại nước Nguyệt Chi, trì tụng kinh Đại Phẩm Bát Nhã, lấy đó làm hạnh nghiệp chính, cảm đàn chim hạc cùng đến nương tựa, vừa gặp lúc vua nước đó tên là Bảo Ấn thỉnh mời thiết trai cúng dường trong cung. Vừa mới ngồi bỗng nghe mùi khói hương phảng phất đến phía trước, Hạc-lặc-na hỏi vua: "Có biết chăng?" vua Bảo Ấn nói: "Đó là mùi hương trời ư?" Hạc-lặc-na bảo: "Không phải vậy. Đó là do Tôn giả Ma-noa-la hiện ở tại nước xứ Tây Ấn Độ chỉ bày tin vậy. Tôn giả ấy vốn là Vương tử nước Na-đề, là Đức Phật Ta-la-thọ-vương xưa trước, theo sự dự ghi của Đức Thích-ca Như Lai tức đang làm Tổ sư nối dõi dòng pháp đời thứ hai mươi hai, Tôn giả hóa độ mọi người đông nhiều vô lượng. vua nên cùng hướng về phía Tây mà kính lễ đó". Khi ấy Tôn giả đưa tay gõ xuống đất ba cái, các vị A-la-hán hỏi: "Cớ sao như vậy?" Tôn giả bảo: "Vừa rồi Hạc-lặc-na ở nơi cung vua Nguyệt Chi kính lễ nên ta đây đáp lại vậy". Và Tôn giả bèn bảo Đại chúng rằng: "Ta muốn đến xứ ấy, các ngươi ai đã chứng đắc thần thông nên cùng theo đến đó". Rồi, Tôn giả dẫn đồ chúng bay lên hư không mà đến nước Nguyệt Chi. Khi đó, Hạc-lặc-na dẫn vua Bảo Ấn mỗi mỗi giá ngự voi báu xếp hàng nghi trượng ra ngoài xa để nghinh đón. Sau đó, Tôn giả cùng tất cả mọi người đồng vào nơi cung vua. Hạc-lặc-na đem việc đệ tử của mình trước đó là Long Tử màhỏi Tôn giả rằng: "Vị đệ tử này có tài biện hơn hẳn trong đời, tôi từng dùng Tam-muội để quán sát xưa trước đã từng hành tập gì, mà trọn không thể biết được. Vậy theo ý Tôn giả gọi đó như

thế nào?" Tôn giả hỏi: "Ông dùng Tam-muội quán sát được mấy đời kiếp?" Hạc-lặc-na đáp: "Tôi chỉ biết được ba đời". Tôn giả bảo: "Công đức của vị đệ tử ấy không chỉ trong ba đời, mà trong đời thứ năm ở kiếp giảm đã sinh trong gia đình Bà-la-môn ở nước Diệu Hỷ. Gặp lúc trong nước đó có một ngôi chùa vừa đúc xong một quả Đại Hồng chung, vị đệ tử ấy từng dùng gỗ chiên-đàn để làm dùi đóng chuông đó. Người kia tạo chuông đó đã chứng đắc Bồ-đề, mà vị đệ tử ấy ở đây được quả báo thông minh". Hạc-lặc-na nghe thế liền muốn tôn thờ. Nhân đó lại hỏi: "Tôi tuy có cảm được đàn chim hạc cùng nương theo nhưng chưa biết đó là bởi duyên gì?" Tôn giả bảo" Xưa kia cách đây bốn đời kiếp ông từng làm vị Tỳ-kheo, đạo đức mang mãn, có năm trăm vị đệ tử. Mỗi lúc Long cung thỉnh mời để cúng dường, ông tự xét chúng đệ tử đó chưa đủ phước đức đáng để nhận sự cúng dường của Long cung, nên chẳng cho cùng theo dự. Chúng đệ tử ấy lấy làm quái lạ nói: "Mỗi lúc thầy giảng pháp thì bảo: "Đối với sự ăn dùng thì bình đẳng, đối với giáo pháp cũng như vậy. Nay sao lại riêng đi thọ trai một mình?" Về sau, ông đều bảo cúng đệ tử ấy đồng dự thọ trai. Bấy giờ vì ông có đạo đức đượm nhuần nên không hoạn nạn. Sau khi ông thị tịch chúng đệ tử ấy cũng lần lượt qua đời, bởi do lạm thực nên đều bị quả báo sinh làm loài chim, nhưng đã năm kiếp mới chuyển thọ sinh thân hạc đời nay. Bởi nhân duyên thầy trò xưa kia nên lại gặp như vậy". Hạc-lặc-na rất cảm động, bèn hỏi: "Vậy nay nên tu pháp gì để giúp cho chúng nó trở lại làm người ư?" Nhân đó, Tôn giả bảo: "Ta có pháp bảo vô thượng đó là Như Lai Tạng, xưa kia Đức Thế Tôn trao truyền cho Tôn giả Đại Ca-diếp, lần lượt trao truyền đến ta, nay ta giao phó cho ông, ông hãy hoằng truyền đó chớ để dứt tuyệt, và đàn chim hạc kia cũng nhờ đó mà được giải thoát. Ông nhận sự chỉ dạy của ta, hãy nghe bài kệ tụng đây:

"Tâm theo muôn cảnh chuyển
Nơi chuyển thật sâu mầu,
Theo dòng nhận được tánh
Không ngừng cũng không lo".

Hạc-lặc-na vui mừng kính vâng hoằng truyền pháp. Tôn giả bèn vụt thân bay lên giữa hư không hiện bày mười tám thứ biến hóa rồi trở lại nơi pháp tòa, đưa tay chỉ xuống đất phát ra dòng suối thần. Và lại nói bài kệ rằng:

"Đất tâm mối trong sạch
Hay đượm nhuần hết thảy
Từ đất tuôn vọt ra

Lợi ích khắp mười phương".

Xong rồi, Tôn giả an nhiên thị tịch. Bốn chúng trà-tỳ, gom thâu xá-lợi, xây dựng tháp mà cúng dường. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Hoàng Đế (Lưu Chi 147-168) thời Đông Hán ở Trung Hoa.

3. TRUYỆN ĐẠI SĨ HẠC-LẶC-NA, TỔ THỨ HAI MƯƠI BA Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Hạc-lặc-na vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước Nguyệt Chi. Thân phụ tên là Thiên Thắng, thân mẫu tên là Kim Quang. Mới đầu, vì chưa có con nối dõi, Thiên Thắng đến nơi tràng phan tôn thờ bảy Đức Phật ở nước đó, rồi trở về báo cùng vợ rằng: "Ta đã cầu xin con nơi tràng phan tôn thờ bảy Đức Phật". Đêm đó, Kim Quang bèn mộng thấy có một Đồng tử ở gần núi Tu-di, tay mang vàng ròng đến nói cùng Kim Quang rằng: "Ta lại đây vậy". Đến lúc tỉnh giấc, Kim Quang bèn mang thai. Ngày khác có một vị Tăng khác lạ đến nơi nhà, bảo Kim Quang rằng: "Hãy giữ gìn bào thai trong người, cẩn thận chớ khiến ô uế". Kim Quang thưa: "Tôi nghiêm khiết tự thân đã mười tháng vậy". Và nhân đó hỏi: "Tôi đây nếu sinh con có phước đức chăng?" Vị Tăng ấy bảo: "Ngươi sẽ sinh con trai. Trước đây bốn đời đứa con đó đã từ vì Long cung mà giảng pháp. Nên xưa kia Đức Phật từng dự ghi là nó sẽ làm Tổ sư Đại pháp". Đến lúc sinh Tôn giả, trời liền mưa hoa, đất hiện tiền vàng. Dân chúng trong nước cho đó là điềm tốt lành, tấu trình lên nhà vua. vua mới lấy đem về làm con, khiến dưỡng nuôi trong cung. Cung tần có cả trăm ngàn người đua nhau muốn nuôi dưỡng. Đứa con ấy (Tôn giả) liền vì phân thân, khiến mỗi người có được một con. Nhà vua cho đó là thần biến nhưng chẳng biện rành đâu là con chánh, bèn bảo rằng: "Ta vốn không có con nối dõi, nuôi dưỡng ngươi, muốn dùng làm Thái tử, vừa rồi ngươi biến hóa lắm thân, ta rất mờ hoặc đó. Nếu ngươi quả đắc thần thông nên lại thần hóa, không vậy thì trọn là có cả ngàn con"'. vua nói vừa xong, đứa con ấy liền tỏa phóng ánh sáng, rồi bỗng nhiên ẩn mất, sau đó tìm thấy ở nơi nhà cha mẹ ruột. Lên bảy tuổi, gặp thấy dân chúng trong nước đó cúng tế thần Câu-la nơi Dâm từ, vì vậy Tôn giả than rằng: "Ba cõi yếu kém, hiếm ít người đắc Chánh pháp, mà tà ngụy phóng túng đua nhau tạo tác". Nhân đó, Tôn giả đến nơi Dâm từ, miếu mạo ấy bèn liền sụp đổ. Năm 20 tuổi, Tôn giả nương theo vị Tỳ-kheo La-hán, cầu xin xuất gia, thọ giới tại núi đó. Mới đầu, vị thầy ấy bảo Tôn giả chuyên trì tụng kinh Đại Phẩm Bát Nhã, cứ như thế suốt ba mươi năm. Về sau, Tôn giả đến ẩn náu nơi một khoảnh rừng tại nước

Nguyệt Chi, cảm có đàn chim hạc đến nương tựa, vì thế mà có tên hiệu như hiện nay. Sau nữa, gặp Tôn giả Ma-noa-la đến nơi cung vua, nhân đó mà Tôn giả được trao truyền Đại pháp nhãn tạng.

Mới đầu, Tôn giả du phương giáo hóa, đến lúc đến nước xứ Trung Thiên Trúc gặp vua nước đó tên là Vô-úy-hải, trước đó mộng thấy có vầng nguyệt soi chiếu đến thân. Các bề tôi đoán nguyên nhân tâu là: "Chẳng bao lâu nữa sẽ có bậc Hiền Thánh đến ứng mộng ấy". vua bèn nêu báo khắp bốn cửa thành. Tới lúc Tôn giả đến, lính canh gác cửa vào tâu, vua liền vội đem pháp trượng v.v... ra nghinh đón vào nơi vương cung, kính lễ tại chánh điện. Vừa mới ngồi, bỗng có hai người mặc áo lụa trắng đến trước lễ bái Tôn giả. vua im lặng lấy làm kinh lạ: "Đó là người nào mà chẳng vái chào người chủ đây". Nhận biết tâm ý đó, Tôn giả bảo vua rằng: "Đó là Thiên tử Nhật Nguyệt, chẳng phải là người phàm. Vì tôi đến đây nên lại cùng kính lễ". vua hỏi: "cớ sao biết vậy?" Tôn giả bảo: 'Đời kiếp trước tôi từng vì giảng nói pháp cho đó, nhân vậy mà được sinh đến nơi cung Nhật nguyệt". Chỉ khoảnh khắc, người ấy bỗng ẩn mất, chỉ còn lại mùi hương thơm thoảng còn thời gian lâu. Nhân đó, vua hỏi: "Nhật nguyệt như vậy có bao nhiêu cõi nước rốt ráo". Tôn giả bảo: "Ở cõi Ta-bà thì Nhật nguyệt sơn vương có đến trăm ức, mà dưới Tứ thiên, ước có bốn ngàn không trăm lẻ tam (4008) nước, nhưng lớn nhỏ chẳng đều nhau". vua lại hỏi: "Các cõi nước ấy đồng một lúc mà có hay là có trước có sau?" Tôn giả đáp: "Tùy trước sau ba đời mà có hay không vậy". vua hỏi: "Ba đời nương đâu mà có?" Tôn giả đáp: "Ba đời y cứ sáu tăm tối mà có". vua hỏi: "Những gì là sáu tăm tối?" Tôn giả đáp: "Hai khí trên dưới và bốn góc cùng hợp, gọi đó là sáu tăm tối. Giữa khoảng sáu tăm tối, ba đời cùng cách nhau. Mới đầu là có chủ, người đó tên là Điền Chủ. Sau Điền Chủ, cõi nước đó lại cùng phân chia nhưng đồng sinh sống giữa khoảng sau tăm tối. Và tuổi thọ cũng có phẩm hạn khác nhau, có người sống muôn tuổi, có người sống ngàn tuổi, có người sống trăm tuổi, có người chết yểu, có người không chết yểu. Quả báo đã chẳng ngang bằng nhau mà hình loại cũng có khác biệt. tuy là hai vị Bồ-tát Nhu Đồng và Ca-diếp cũng không thể rõ biệt. vừa rồi tôi chỉ nói ước mà thôi, như hạt cải đầy cả thành mà chỉ mới nhặt lượm một hạt". vua nghe thế càng tự cảm nhận khả năng mình thấy biết bé nhỏ.

Sau đó, Tôn giả ra khỏi cung vua. Mới đầu, Tôn giả có vị đệ tử tên là Long Tử qua đời sớm, song thân và anh của Long Tử là Tỳ-kheo Sư Tử đều tìm đến, sắp chuyển dời tẩn táng di thể Long Tử, cá Đại

chúng nâng lên không lay động. Tỳ-kheo Sư Tử lấy làm quái lạ hỏi Tôn giả rằng: “Cả Đại chúng đồng dốc sức nâng lên, cớ sao mà không lay động?” Tôn giả bảo: “Lỗi ấy là bởi do ông”. Sư Tử hỏi: “Tôi có lỗi quá gì? Xin được biết nguyên do”. Tôn giả bảo: “Mới đầu ông theo vị Tăng Bà-la-môn mà xuất gia. Em ông suốt hai năm trọn đêm ngày nghĩ nhớ, mới muốn tạp phước để giúp ông, bèn nhờ thầy ông đắp họa một tôn tượng Phật, qua thời gian lâu mang thợ làm chưa hoàn tất, ông chán ghét nên ném tượng ấy nơi đất. Mà lại vì vậy, nay ông chỉ nên đi gom nhặt tôn tượng ông ném vất đó lại thì việc an táng đây hẳn được vậy”. Sư Tử bèn y theo lời Tôn giả mà làm, quả nhiên việc an táng người em được hoàn tất. Mãi đến lúc vị thầy Bà-la-môn kia qua đời, Sư Tử cho rằng lời Tôn giả nói có ứng nghiệm, nên trở lại nói Tôn giả nương tựa tôn thờ làm thầy. Mới đầu, Sư Tử hỏi: “Tôi muốn cầu đạo, nên dùng tâm gì?” Tôn giả đáp: “Nếu ông cầu đạo, không cần có chỗ dụng tâm”. sư Tử lại hỏi: “Đã không dụng tâm, sao làm Phật sự”. Tôn giả bảo: “Nếu ông có dụng tâm tức chẳng có công đức. Nếu ông làm mà không dụng tâm tức là việc Phật. Nên trong kinh Phật dạy các công đức ta tạo tác mà không có cái ta tạo tác vậy”. Nghe giảng như thế, Sư Tử bèn giải ngộ mới chịu sắp xếp theo trong hàng đệ tử. khi ấy đồ chúng đệ tử hoặc các người nương theo mà hỏi rằng: “Sư dùng Vô ngã để tu hành mà biết được túc mạng đây, hẳn là biết được mỗi người trong Đại chúng có phước nghiệp hay không? Xin được nghe biết điều đó”. Tôn giả đưa tay chỉ về hướng Đông bắc mà bảo: “Các người có thấy đó chăng?” Đại chúng đáp: “Không thấy”. Tôn giả bảo: “Đó là tướng con nai còn không thể thấy, huống gì là công đức vi diệu ư?” Tôn giả bước tới phía trước thưa: “Vừa rồi tôi có thấy”. Tôn giả hỏi: “Ông thấy gì?” Sư Tử đáp: “Tôi thấy hơi khí khác lạ như cầu vồng sắc trắng bao quanh đất trời, lại có hơi khí sắc đen năm đường giăng xẹt ngang, phía trước tương tợ như cầu thang lên cung trời Đao-lợi”. Tôn giả bảo: “Ông thấy hơi khí ấy mà có biết điềm ứng gì chăng?” Sư Tử đáp: “Điềm ứng thì hẳn là chưa biết, chỉ thấy mới nói được đó”. Tôn giả bảo: “Sau khi ta qua đời khoảng cuối năm mươi năm, tai nạn sẽ phát khởi tại Bắc Ấn Độ. Ông phải nên biết đó”. Nhân đó, Sư Tử hỏi: “Tôi sắp muốn du phương, xin Tôn giả chỉ dạy”. Tôn giả bảo: “Nay ta đã già suy, giờ phút nhập Niết-bàn sắp đến. Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai nay đây hẳn giao phó cho ông. Ông đi đến một khác để hóa độ, nhưng ở nước đó có tai nạn hẳn ương lụy đến ông. Ông phải cẩn trọng sớm nên trao truyền chớ khiến dứt tuyệt. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Lúc nhận được tâm tánh
Mới nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không chỗ được
Lúc được không nói biết".

Trao truyền Đại pháp xong, Tôn giả vụt thân bay lên giữa hư không, bày hiện mười tám thứ biến hóa, xong trở lại nơi pháp tòa an nhiên mà thị tịch. Bốn chúng trà-tỳ rồi, sắp phân chia xá-lợi tùy theo mỗi nơi mà dựng tháp cúng dường. Tôn giả lại ứng hiện mà nói kệ tụng rằng:

"Một pháp tất cả pháp
Một pháp nhiếp hết thảy
Thân ta chẳng có không
Sao chia hết thảy tháp".

Đại chúng bèn gom lại tôn trí trong bảo tháp thanh tịnh mà cúng dường. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220) thời Đông Hán ở Trung Hoa vậy.

4. TRUYỆN ĐẠI SĨ SƯ-TỬ, TỔ THỨ HAI MƯƠI BỐN Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Sư Tử vốn người thụoc chủng tộc Bà-la-môn ở nước xứ Trung Thiên Trúc, vốn rất thông minh dĩnh ngộ, có trí tuệ biện tài xuất thế. Thủa thiếu thời, nương tựa một vị Tăng Bà-la-môn xuất gia mà hành tập thiền định. Về sau lại đến nương tựa Tôn giả Hạc-lặc-na. Sau đó lại được trao truyền Đại pháp nhãn tạng, Tôn giả bèn du phương giáo hóa, đến nước Kế Tân.

Mới đầu, tại nước đó có vị Sa-môn tên là Bà-lợi-ca chuyên tu tập pháp Thiền quán Tiểu thừa. Về sau đệ tử của Bà-lợi-ca nương theo pháp ấy bèn phân làm thành năm học gia, đó là: Một là Thiền định; hai là Tri kiến; ba là Chấp tướng; bốn là Xả tướng; năm là Hành trì tịnh khẩu, đua nhau tranh giành phần thắng. Tôn giả đều đến chỉnh định lại đó. Mới đầu đến bảo vị chuyên Hành trì tịnh khẩu rằng: "Phật giáo cần giảng diễn Bát Nhã, cớ sao không nói mà phản trái lời Phật chỉ dạy ư?" tiếp đến bảo vị Xả tướng rằng: "Phật dạy oai nghi đầy đủ, phạm hạnh thanh tịnh, đâu bảo xả tướng ư?" Tiếp lại bảo vị Chấp tướng rằng: "Cõi Phật thanh tịnh, tự tại vô trước, sao chấp tướng ư?" Tiếp lại bảo vị Tri kiến rằng: "Tri kiến của chư Phật không chỗ được, nên pháp vi diệu ấy, nghe biết không thể kịp, vô vi không hình tướng, vậy sao là tri kiến ư?" Và đồ chúng của cả bốn vị ấy đều đượm phục sự chỉ giáo của Tôn

giả. Tiếp đến trong đồ chúng của học gia thiền định, vị dẫn đầu tên là Đạt-ma-đạt, là bậc được tôn xưng là có tri thức các chúng đều tôn kính, vì bốn chúng trước đều khuất phục Tôn giả, nghe thế, Đạt-ma-đạt tức giận không cam lòng, bèn đến nói Tôn giả muốn cùng cật nạn. Vừa đến, Tôn giả liền hỏi: "Nhân giả hành tập định, sao lại đến đây? Nếu đã đến đây thì nào thường hành tập định?" Đạt-ma-đạt đáp: "Tôi đến nơi đây nhưng tâm vẫn không tán loạn, định theo ngươi hành tập, đâu phải tại nơi chỗ". Tôn giả lại hỏi: "Nhân giả đến đây thì hành tập kia cũng đến. Đã không nơi chỗ thì đâu ở người hành tập". Đạt-ma-đạt đáp: "Định hành tập người, chẳng phải người hành tập định". Tuy tôi có đi lại nhưng định ấy thường hành tập". Tôn giả lại hỏi: "Người chẳng hành tập định, định hành tập người, đang tự đi lại thì định ấy tập ai?" Đạt-ma-đạt đáp: "Như minh châu sáng sạch trong ngoài không ngăn che. Định nếu được thông đạt cũng lại như thế". Tôn giả bảo: "Định nếu thông đạt hẳn tợ như minh châu, nhưng nay thấy Nhân giả chẳng thể sánh như minh châu". Đạt-ma-đạt đáp: "Minh châu kia sáng suốt, trong ngoài đều định, tâm tôi không loạn ví như minh châu ấy". Tôn giả lại hỏi: "Minh châu không có trong ngoài, Nhân giả sao hay định uế? Vật chẳng lay động, định đây chẳng phải sạch". Biết nghĩa lý mình bị bẻ gãy, Đạt-ma-đạt bèn kính lễ Tôn giả và thưa: "Tôi học đạo nhọc nhằn trống rỗng, nếu không được nghe sự chỉ dạy của Tôn giả, làm sao biết được thấu đáo. Xin Tôn giả nhủ lòng thâu nhận tôi làm học trò". Tôn giả cố nhường từ, nhưng Đạt-ma-đạt vẫn cầu xin không thôi. Tôn giả mới bảo: "Thiền định của chư Phật, không có chỗ được. Giáo đạo của chư Phật không có chỗ chứng, không chỗ được, không chỗ chứng là giải thoát chân thật. Đền nhân đáp quả, nghiệp báo ở đời, ở trong pháp đây hẳn không như thế. Nếu ông hành tập định, nên hành tập như thế". Đạt-ma-đạt vui vẻ vâng theo.

Sau đó không bao lâu, trong nước đó có người con của trưởng giả tên là Tư-đa, tuổi đã hai mươi mà bàn tay trái thường như có nắm vật gì, chưa từng mở ra. Một đêm nọ, người cha mộng thấy có vị thần nhân bảo đưa đến Tôn giả chữa trị cho. Đến sáng ngày, ông bèn dẫn con tìm theo Tôn giả muốn để xét nghiệm giấc mộng ấy mà trong tâm trước đã nghĩ tính, nếu quả lành được bệnh ấy thì sẽ cho nó xuất gia. Tôn giả mắc hoạn nạn lâu ở nước đó mà giáo pháp chưa được hoằng truyền. Một sáng nọ, cha con ông trưởng giả dẫn nhau đến, đem sự việc giấc mộng và căn bệnh bàn tay ấy thưa cùng Tôn giả. Kính lễ xin Tôn giả nhận cho nó xuất gia. Tôn giả mới bảo mọi người rằng: "Vật trong tay

người con này nắm, các người có biết là gì chăng?" Mọi người đều mờ mịt không biết là gì. Tôn giả lại bảo: "Vật người con này nắm là một hạt châu báu. Bởi đời trước ở nơi một nước nọ, ta là vị Tỳ-kheo, chuyên trì tụng một ngày nọ, gặp lúc Long cung thỉnh mời ta đến thọ trai, đem châu báu mà dâng cúng. Khi ấy người con này cùng theo hầu, nhân đó mà ta trao vào tay nó. Đến lúc ta qua đời lại sinh đến nước này, vì duyên nghiệp thầy trò chưa dứt, do đó, lại có sự gặp gỡ nay đây". Và Tôn giả bèn bảo Tư-đa mở tây ra, quả nhiên có hạt châu báu ngời sáng trong bàn tay. Khi ấy Tôn giả bèn vì xuống tóc cho xuất gia, thỉnh mời chúng Thánh cho thọ giới Cụ túc, Tôn giả lại bảo: "Đời trước ông xuất gia đã có tôn là Bà-xá, mà nay lại như vậy, nên đem gộp chung lại tức tên là Bà-xá-tư-đa. Ta vừa quán sát tại nước này, sắp có hoạn nạn đưa đến nơi ta, nhưng ta già suy đâu lại thoát khỏi. Nên Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai do ta hoằng truyền, nay đem giao phó cho ông, ông nên phụng hành theo đó tức từ nay trở đi tự chuyên hoằng truyền giáo hóa, nếu gặp người nào nghi ngờ nên đưa pháp y Tăng-già-lê của ta để làm ứng nghiệm. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Ngay lúc nói Trị kiến
Tri kiến đều là tâm
Chánh tâm tức Tri kiến
Tri kiến tức hiện nay".

Bà-xá-tư-đa vâng phụng sự chỉ dạy ngay ngày ấy liền ra đi, hoằng hóa tự nhiên không việc gì. Tại nước đó, tự nhiên có hai anh em, người anh tên là Ma-mục-đa, người em tên là Đô-lạc-già cùng nhau ẩn cư trong núi học pháp ngoại đạo. Một ngày nọ Đô-lạc-già học hành thành đạt trước, nói cùng anh rằng: "Tôi sắp lén vào vương cung làm phép giết vua để đoạt lấy đất nước". Ma-mục-đa bảo: "Ông không nhầm việc, hẳn ương lụy đến dòng tộc của ta". Đến lúc Đô-lạc-già vào trong cung bèn cải đổi đồ chúng của mình đều thành hình tướng Sa-môn, tính sự việc tập thành thì tự hiện bày, còn không như vậy thì quy tội thuộc do các Sa-môn. Đã làm phép ấy không hiệu nghiệm, bị nước đó bắt giam, quả nhiên binh lính đem Sa-môn mà tấu trình. vua rất tức giận bảo: "Ta vốn rất kính trọng Phật pháp, cớ sao người ấy lại làm nghịch như vậy?" Bèn phá diệt Phật pháp giết hại các hàng Sa-môn. Tôn giả bèn bảo đồ chúng rằng: "Ngày nay nhà vua đem điều chẳng lợi đến với chúng ta. Các người cần nên trốn lánh xa". Đồ chúng ấy muốn đưa Tôn giả cùng đi ẩn lánh. Tôn giả bảo: "Ta thấy các uẩn là không, vậy có gì phải trốn lánh ư?" vua Di-la-quật quả nhiên mang theo kiếm gậy hung dữ đến nơi

Tôn giả mà hỏi: "Sư được pháp Vô tướng chăng?" Tôn giả đáp: "Đã được". vua lại bảo: "Đã được, vậy với sinh tử có còn sợ chăng?" Tôn giả đáp: "Đã lìa sinh tử, có gì phải sợ vậy". vua lại hỏi: "Chẳng sợ, vậy có thể thí cho ta cái đầu chăng?" Tôn giả đáp: "Thân đã chẳng phải của ta có huống gì là cái đầu". vua liền chém, đầu Tôn giả rơi xuống, có dòng sữa trắng tuôn vọt cao một trượng, nhưng cánh tay phải của cũng liền tự lìa đứt, sau đó mắc bệnh bảy ngày mà băng hà. Trong lúc vua mắc bệnh, có Thái tử tên là Quang Thủ rất lo buồn đó, thỉnh mời các bậc phương sĩ bàn tính vì vua cha mà sám tạ lỗi quá. Bỗng chốc có vị tiên ở núi Tượng bạch đến, báo cùng Quang Thủ rằng: "Đây là oán đối xưa trước, không có gì phải lấy làm lo buồn". Thái tử Quang Thủ đến trước vị tiên ấy thưa hỏi muốn được nghe biết duyên việc xưa trước. Vị tiên ấy bảo: "Cách trước đây vài đời, phụ vương ông từng sinh ở nước này làm người cư sĩ, mà rất hiền thiện, khéo kính trọng Phật đạo. Một ngày nọ, kết chúng cùng thiết trai hội vô già. Bấy giờ thân trước của Tôn giả Sư Tử cũng làm người cư sĩ, lại cùng dự pháp hội ấy, mà Tôn giả Sư Tử lại là người thông mẫn, biện bác khéo giới, phàm cùng người đàm luận chưa bao giờ bị khuất nhục. Ngày đó mới đem Phật pháp cật vấn nhau, phụ vương ông tuy ứng đối trúng lý, mà tâm ý Tôn giả Sư Tử muốn dành phần thắng, liền tung hoành vặn hỏi. Thế đã lộn xộn, nghĩa bèn cứng gãy, do đó phụ vương ông tức giận, sau đó lén bảo lấy độc dược mà tự giết hại thân mạng phụ vương ông, tuy trước đã trải qua nhiều đời, mà minh số chưa đến nên việc cũ chưa làm được, nay duyên nghiệp cùng gặp gỡ, do đó, phụ vương ông giết hại Tôn giả Sư Tử! Thái tử Quang Thủ nghe thế, mới cởi mở chút lo buồn. Sau đó mới dựng tháp an táng di cốt của Tôn giả. Lúc Tôn giả bị hại tương đương với đời vua Phế Đế Tề Vương (Tào Phương 240-254) thời Tiền Ngụy ở Trung Hoa vậy.

*** Thử luận bàn:**

Dự phần phó pháp, lấy gù làm ứng nghiệm ư? Đáp: Lấy Thánh nhân làm ứng nghiệm. Chỉ có Thánh nhân mới hay dự biết huyền vi. Nay, Tôn giả Sư Tử đức hạnh đủ khả năng làm Tổ, tự có nghĩa là đã được các uẩn đều không. Đó là Thánh nhân cũng đã thấu đạt rốt ráo vậy, há chẳng phải là dự biết huyền vi ư? Lại nữa, Tôn giả Hạc-lặc-na thường dùng cật nạn, khuyên Tôn giả gắng truyền đạo. Đó có thể chẳng phải dự phần phó pháp ư? Ở truyện khác (Phó pháp tạng truyện) hay biết lúc Tôn giả mắc phải hình nạn có sữa trắng tuôn trào mới bảo: "Người tương truyền pháp đến đây bèn dứt tuyệt". Sao chẳng tư duy mà

vọng viết vậy ư? (Đó do bởi vọng nghiệm nơi kinh thiền).

5. TRUYỆN ĐẠI SĨ BÀ-XÁ-TƯ-ĐA, TỔ THỨ HAI MƯƠI LĂM Ở THIÊN TRÚC

Tôn giả Bà-xá-tư-đa vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước Kế Tân, cũng còn có tên gọi là Bà-la-đa-la, hay là Bà-la-đa-na. Thân phụ tên là Tịch Hạnh, thân mẫu tên là Thường An Lạc. Mới đầu, Thường An Lạc mộng thấy có người trao cho kiếm báu, nhân đố mà mang thai. Từ đó về sau trong phòng nhà thường có mùi thơm khác lạ, trời có vài lần mưa hoa nơi nhà. Đến lúc sinh Tôn giả, bàn tay trái thường như có nắm vật gì. Đến năm Tôn giả 11 tuổi, có vị dị Tăng đến nơi nhà, bảo cùng Tịch Hạnh rằng: "Đứa con này đến năm 20 tuổi sẽ thành đại Đại pháp bảo, vật trong tay nó hiện nắm cũng được phát sáng". Nói xong, vị Tăng ấy bèn ẩn mất. Năm Tôn giả đủ 20 tuổi, thân phụ Tịch Hạnh bèn dẫn đến nơi Tôn giả Sư Tử, giải bày duyên xưa trước, bèn vui vẻ cho Tôn giả nương theo Tôn giả Sư Tử mà xuất gia. Và Tôn giả Sư Tử cũng đã đến lúc già suy, lại thêm vì ương lụy xưa trước ẩn kín sâu xa, mới đem Đại pháp nhãn tạng truyền trao cho Tôn giả, khổ thiết khuyên Tôn giả nên đi xa cách khỏi nước đó. Tôn giả liền vâng sự chỉ dạy, ngay trong ngày đó cất bước ra đi.

Mới đầu, Tôn giả đến nước xứ Trung Thiên Trúc. vua nước đó tên là Ca Thắng đi ngược lại mà tiếp đón Tôn giả, bởi vì trước đó tại nước ấy có bị vị ngoại đạo tên là Vô Ngã, ỷ cậy pháp thuật khinh miệt Phật pháp, vua thường luôn bất bình, đến đây mới bảo Tôn giả đè ép đó. Đến lúc nhóm hội, ngoại đạo yêu cầu mặc luận (luận tranh trong nín thinh), muốn không dùng lời nói. Tôn giả chống đối lại, bảo: "Nếu chẳng dùng lời nói, sao biện rành được hơn kém?" Ngoại đạo bảo: "Chẳng tranh hơn kém, chỉ lấy nghĩa lý". Tôn giả hỏi: "Thế nào là nghĩa?" Ngoại đạo đáp: "Vô tâm là nghĩa". Tôn giả hỏi: "Ông đã vô tâm, sao được nghĩa ư?" Ngoại đạo đáp: "Tôi nói vô tâm, chính danh chẳng phải nghĩa". Tôn giả hỏi: "Ông nói vô tâm, chính danh chẳng phải nghĩa, ta nói chẳng phải tâm, nghĩa thường chẳng phải danh". Ngoại đạo lại nói: "Nghĩa thường chẳng phải danh, ai hay biện rành nghĩa?" Tôn giả bảo: "Ông nói chánh danh chẳng phải nghĩa, vậy danh này là danh gì?" ngoại đạo đáp: "Vì biện rành chẳng phải nghĩa nên không danh mà đặt danh". Tôn giả bảo: "Danh đã chẳng phải danh, nghĩa cũng chẳng phải nghĩa, vậy người biện rành là ai và đang biện rành vật gì?" Ai luận bàn như thế qua hơn năm mươi lần. Ngoại đạo đuối từ cứng lý bèn kính phục, khi ấy nơi cung

điện nhà vua bỗng chốc có mùi hương thơm khác lạ nồng nhiệt. Tôn giả chỉnh túc bảo rằng: “Đây là điềm thầy ta vừa thị tịch vậy”. Và tin ấy cũng vừa đưa đến, Tôn giả bèn xoay mặt về phương Bắc mà kính lễ. Sau đó, Tôn giả bảo nhà vua rằng: “Mới đầu giã từ thầy ta, nghĩ tính muốn đến xứ Nam Ấn Độ, nay dừng ở lại đây đã qua thời gian lâu, đâu thể chối từ ý của thầy ư?” Bèn vội từ giã nhà vua mà đi. vua bảo: “Tôn giả lưu lại thời gian ngắn, hỷ thứ cho có điều muốn thưa hỏi. Nay trong vườn uyển của tôi có dòng suối nóng chẳng thể Đại sư, bên bờ có tảng đá, ban đêm thì phát sáng. Tuy rất lấy làm quái lạ đó nhưng trọn không thể biết. Nguyện xin Tôn giả vì xét quyết cho?” Tôn giả bảo: “Đó là dòng suối nóng, bởi ba duyên mà cảm nên vậy: Một là thần nghiệp; hai là quỷ nghiệp; ba là đá nóng. Đá nóng sắc màu như vàng ròng, tánh thường bốc cháy nên xuất sinh ra dòng suối như nước sôi nóng. Quỷ nghiệp nghĩa là nơi quỷ vừa ra khỏi tội đến nơi cõi người nhưng vì nghiệp lực dư thừa thiêu đốt nơi dòng suối ấy để đền thưởng oan trái xưa trước. Thần nghiệp tức là thần chẳng giữ đạo ấy, vọng làm điều họa phước để hưởng nhận lấy sự cúng tế, ác nghiệp xâu đầy, ngầm phạt sai sử, cũng khiến đốt cháy noi dòng suối ấy để đền thưởng lạm tế”. vua lại hỏi: “Mong Tôn giả nghiệm xét qua ba duyên ấy thì đây quả bởi duyên gì cảm nên?” Tôn giả bảo: “Đây là thần nghiệp cảm nên vậy”. Và liền bảo đốt hương đến nơi suối ấy vì thần mà sám hối. Bỗng chốc từ giữa dòng suối trong veo hiện ra một người lớn đến trước mặt Tôn giả mà thưa: “Tôi nhờ có chút phước mạng được gặp Tôn giả, tức sinh đến trong cõi người, nên lại cùng giã biệt Tôn giả”. Nói xong, liền ẩn mất. Qua sau bảy ngày dòng suối đó quả nhiên trong mát như suối thường. Bấy giờ, mọi người ở xứ Trung Ấn Độ cho rằng lời Tôn giả nói có hiệu nghiệm, mới tôn xưng Tôn giả là Bà-la-đa-na. Đến lúc ở nước xứ Bắc Thiên Trúc nghe việc ấy cũng tôn xưng Tôn giả tên là Bà-la-đa-la. Nhưng sự tôn xưng của hai nước ấy, như ở Trung Hoa gọi là “Biệt nghiệp truyền chúng”. Cuối cùng, Tôn giả cáo từ, đến nước xứ Nam Thiên Trúc, nhà vua đích thân thiết bày nghi trượng tiễn đưa Tôn giả. Và vua ở nước xứ Nam Thiên Trúc cũng đi ngược lại nghinh đón Tôn giả.

Mới đầu, vua ấy có người con kính thờ Phật rất đúng như pháp, tu tạo mọi thứ công đức. Nhưng cảm mắc bệnh tật trải qua nhiều năm. Nhân đó vua hỏi Tôn giả: “Con tôi kính thờ Phật làm lành mà lại mắc bệnh lâu ngày. Thiện ác báo ứng ấy như thế nào?” Tôn giả bảo vua rằng: “Bệnh của Vương tử thật cảm phát do bởi công đức, nhưng nghĩa

lý sâu xa, vua hãy khéo lắng nghe đó. Phật dạy người có nghiệp nặng nơi thân, như bệnh bên trong đã lâu, thuốc thang không thể chữa trị. Đến lúc sắp chết bệnh ấy càng nặng dữ.

Còn bệnh cạn nhẹ gặp thuốc thang liền chuyển động, chuyển động dần dần có hiệu ứng lành mạnh. Người có nghiệp nặng cũng như vậy. Tuy có công đức không sao bằng đó, kịp đến lúc chết, nghiệp báo càng hiện rõ. Với người nghiệp nhẹ, nhờ có công đức nghiệp báo liền hiện, sau mới thanh tịnh. Nay con của vua tu tạo việc lành mà cảm mắc bênh lâu dài, ấy hẳn do công đức tu tạo đó hiện phát nghiệp nhẹ ấy. Vừa rồi tuy có ít nhọc khổ nhưng sau sẽ mạnh khỏe vĩnh viễn. Há trong kinh chẳng nói điều ấy ư? Với trong ba đường xấu ác nếu đáng sẽ nhận chịu nghiệp báo, nguyện được đền thưởng ngay thân này, chẳng phải vào đường xấu ác nhận chịu. Sao vua nghi ngờ ư?" vua bèn kính tin theo lời Tôn giả bảo, lại vì tu tạo phước thiện, và Thái tử mắc bệnh quả nhiên lành mạnh. Nhưng trong nước đó từ trước có vị chú sư tên là Linh Thông rất được vua tin trọng đến lúc ấy mới ganh ghét Tôn giả, mưu tính dùng độc dược để thuốc Tôn giả, nhưng thuốc không thể hại. Lại dùng phép thuật để so sánh, phép thuật lại không thắng nổi. Do đó, ngậm hận càng sâu nặng. Khi ấy, Tôn giả rời khỏi cung vua đến hoằng hóa nơi bộ khác, qua mười sáu năm sau, vua Thiên Đức băng hà, vua sau tên là Đức Thắng lên nối ngôi vị, rất thích chuộng thuyết chú thuật. Các vị chú sư nhân đó mới sàm tấu với vua Đức Thắng rằng: "Bà-xá-tư-đa không phải đệ tử của Tôn giả Sư Tử, đâu có đạo gì ư? Xin vua nên thử nghiệm đó". vua tin nghe theo lời đó. Khi ấy có Thái tử tên là Bất-như-mật-đa biết đó là dàn dựng gây tạo điều xấu ác đối với Tôn giả, mới cản ngăn vua Thắng Đức rằng: "Bà-xá-tư-đa rất được Tổ vương (ông nội – Thiện Đức) kính trọng. Vị chú sư xưa trước không thể làm hại nên sau đó cũng tự chết mất. Đạo hạnh của Bà-xá-tư-đa rất thấu đạt, nước nhà khỏi phải thử nghiệm đó". vua Thắng Đức tức giận cho rằng Thái tử đồng đảng với Bà-xá-tư-đa nên bèn bắt giam tù. Một ngày nọ, quả nhiên mời Tôn giả đến nơi vua đang ở chánh điện mà hỏi: "Nước ta không chứa tà pháp. Điều học của sư vốn thuộc tông nào?" Tôn giả đáp: "Điều tôi học là chánh tông của Phật pháp". vua hỏi: "Đức Phật diệt độ đã hơn ngàn năm, mà sao ông được đó?" Tôn giả đáp: "Từ khi Đức Thích-ca Như Lai truyền pháp, mãi đến đời thứ hai mươi bốn là thầy tôi tức Tôn giả Sư Tử. Pháp mà tôi vừa đạt được chánh là tiếp nối từ Tỳ-kheo Sư Tử vậy". Vua lại hỏi: "Sư tử bị giết chết, sao được đem pháp tương truyền? Nếu quả thật có vậy thì lấy gì làm tin?"

Tôn giả đáp: "Thầy tôi có trao truyền pháp y Tăng-già-lê cho tôi nay vẫn hiện còn". Và Tôn giả đưa dâng trình vua. Mới đầu, vua không tin, bèn bảo thiêu đốt để làm chứng nghiệm, lửa vừa phực cháy, bèn có ánh sáng khác lạ phát ra từ y Tăng-già-lê ấy phủ bít lửa thế tục, mây lành tỏa phủ, hương trời phảng phất, mãi đến lúc lửa tàn mà y Tăng-già-lê vẫn như cũ. vua rất kính tin mới kính lễ Tôn giả và cầu xin y Tăng-già-lê ấy. Bèn ban sắc chiếu phóng thả Thái tử. Mới đầu, Thái tử Bất-như-mật-đa bị giam tù, mọi người chung quanh bất đắc dĩ theo thời dâng đưa thức ăn nên đói khát rất lắm, mới nghĩ đến sự chết chỉ trong sớm tối, bỗng nhiên có một luồn sữa trắng từ giữa không trung đưa lại rót vào trong miệng, mùi vị như cam lồ, hình sắc thần tướng của Thái tử trở lại khỏe mạnh. Nhân có điều cảm ấy, Thái tử mới trộm tự nghĩ là "nếu được thoát khỏi nạn này, thì sẽ cầu xin xuất gia". Chỉ thời gian ngắn sau, có sắc chiếu ban tha đưa đến. Thái tử đối trước vua cảm tạ xong, liền báo mắc bệnh xin khỏi nhậm giữ ngôi vị Thái tử, mà cầu xin được xuất gia. vua thấu rõ chí ý của Thái tử, không thể cản ngăn được. Thái tử bèn đến nơi Tôn giả, kính lễ xin làm đệ tử, Tôn giả bảo: "Phụ vương có chấp thuận chăng?" Thái tử đáp: "Đã bằng lòng". Tôn giả hỏi: "Ông muốn xuất gia sẽ làm việc gì?" Thái tử đáp: "Tôi sẽ làm việc Phật". Tôn giả vì sự khẩn thiết chí thành ấy bèn độ cho Thái từ xuất gia. Khi ấy quả đất chuyển động, mặt trăng xuất hiện giữa ban ngày. Cả nước đều lấy làm kinh ngạc, vua lo sợ đó là điềm không tốt lành. Tôn giả bảo: "Đó không phải điềm chẳng tốt lành, chớ nên lo sợ". vua hỏi: "Tôi nghe mặt trăng xuất hiện giữa ban ngày, mặt trời xuất hiện ban đêm, ấy là âm dương tương phản, sao được tốt lành ư?" Tôn giả bảo: "Ban ngày thấy mặt trăng là biểu thị sự gặp được Thánh nhân. Ban đêm thấy mặt trời là biểu thị rất tối tăm đều được tỏ sáng". Nỗi lo buồn của vua do nghe lời nói ấy mà liền cởi mở. Nhân đó, vua hỏi Tôn giả rằng: "Từ trước, tôi có năm điều nghi ngờ, nay gặp được Tôn giả là bậc Thánh trí, mạo muội xin đem hỏi đó: Một là trước kia thấy quả đất chuyển động, hoặc gần hoặc xa, là bởi nhân gì nên vậy. Nay đây cũng lại như thế, là đồng hay là khác? Hai là mặt trời mặt trăng muôn sao bởi nhân gì ẩn hiện chẳng đồng thời? Ba là từ đất sản sinh ra vật quái lạ là ứng với ai ư? Vầng mây khí tốt từ đất phát ra là bởi người nào chiêu vời? Bốn là các phía Đông tây xa tận cùng tầm mắt nhìn, ráng sắc chẳng định chợt phát sáng chợt ẩn mất. Năm là sắc trời xanh biếc là do bởi ai khiến nên vậy? Tôn giả không chuyên Phật pháp, chẳng nói theo Thế Đế, xin từ quyết định điều đó". Tôn giả bảo: "Ba ngàn Đại thiên trăm ức nhật

nguyệt đều là cảnh giới của Phật, mà ai có thể đàm nói ư? Đâu có Phật pháp hay Thế Đế nói và không nói ư? vua không vì lời ấy, nhưng điều nghi của vua đều có nguyên do. vua hãy nên nghe kỹ đó. Phàm, ở đời có Phật xuất hiện thì quả đất có bốn lần chuyển động, ban ngày mặt trăng xuất hiện, ban đêm mặt trời xuất hiện. Ở đời có Phật thành đạo thì quả đất có năm lần chuyển động, mặt trời mặt trăng phát sáng hơn. Ở đời có Phật nhập Niết-bàn thì quả đất có sáu lần chuyển động, mặt trời mặt trăng đều mờ tối. Ở đời có Bồ-tát xuất hiện thì quả đất có ba lần chuyển động, ban ngày mặt trăng xuất hiện. Ở đời có Bồ-tát thành đạo thì quả đất có bốn lần chuyển động, ban đêm có mặt trời xuất hiện. Ở đời có Bồ-tát diệt độ, thì quả đất có năm lần chuyển động, ánh sáng của mặt trời và muôn sao đều mờ tối. Ở đời có vị La-hán xuất hiện thì quả đất có một lần chuyển động, ban ngày có các ngôi sao xuất hiện. Ở đời có vị La-hán chứng quả thì quả đất có ba lần chuyển động, ban đêm muôn sao đều tỏa sáng. Ở đời có vị La-hán diệt độ thì quả đát có bốn lần chuyển động, ban đêm muôn sao đều mờ tối. Ở đời có vị Tỳ-kheo hai đời không thối lùi học đạo của Phật đến lúc xuất hiện nơi đời thì quả đất có một lần chuyển động, vị Tỳ-kheo ấy sắp chứng Thánh quả thì quả đất có hai lần chuyển động, lúc vị Tỳ-kheo ấy sắp diệt độ thì quả đất có ba lần chuyển động. Ở đời có vị Tỳ-kheo ba đời không thối lùi học đạo Bồ-tát đến lúc xuất hiện nơi đời thì quả đất chuyển động một nửa, vị Tỳ-kheo ấy sắp chứng quả Thánh thì qảu đất có một lần chuyển động, lúc vị Tỳ-kheo ấy muốn diệt độ thì quả đất có hai lần chuyển động. Ở đời có vị Tỳ-kheo bốn đời không thối lùi học đạo La-hán xuất hiện nơi đời thì muôn sao đều tỏa sáng, lúc vị Tỳ-kheo ấy sắp chứng Thánh quả thì quả đất chuyển động một nửa, lúc vị Tỳ-kheo ấy sắp diệt độ thì quả đất có một lần chuyển động. Ở đời có người làm việc chí hiếu thì quả đất chuyển động một nửa. Ở đời có người tạo tội ngũ nghịch, thì quả đất chuyển động một nửa. Tám sự kiện trên, công đức có lớn nhỏ, mà nghiệp có thiện ác, tùy điều cảm mà quả đất chuyển động có xa gần. Mặt trời, mặt trăng ẩn hiện, các phía Đông tây có rắng khí chẳng cố định. Về sắc màu bởi hai mặt Đông Tây của núi Tu-di tùy theo mặt trời ngăn che khuyết thiếu tạo nên vậy. Sắc màu của các vật báu tỏa sáng hay ẩn mất chẳng đồng nhất, sắc trời xanh biếc cũng do mặt phía Nam núi Tu-di thổi lưu ly mà tạo thành, đến lúc sáng ánh nên có sắc màu ấy. Phàm điềm lành của trời, đất và người mỗi tự có ba phẩm bậc thượng trung và hạ, ứng hiện chẳng đồng”. vua hỏi: “Ba phẩm bậc ấy lại như thế nào?” Tôn giả đáp: “Cảm điềm lành mặt trời thượng thượng,

cảm điềm lành mặt trăng thượng trung, cảm điềm lành muôn sao thượng hạ, là chỉ có Phật - bậc Đại Thánh nhân mới hay có đó. Cảm điềm lành thượng trung ấy, là chỉ có bậc Bồ-tát - hàng thứ Thánh nhân mới hay có đó. Cảm điềm lành thượng hạ ấy, là chỉ có bậc A-la-hán - hàng thứ Thánh nhân mới hay có đó. Mây khí cầu vồng nổi hiện nơi đất, cũng có ba phẩm bậc thượng, trung, hạ. Điềm lành hơi khí cầu vồng thượng thượng, chỉ hàng quân vương có đạo mới hay cảm đó. Điềm lành cảnh mấy năm sắc thượng trung, chỉ hành quan thần có đức mới hay cảm đó. Điềm lành sắc mây như lọng thượng hạ, chỉ có người có việc hiền thiện mới hay cảm đó. Điềm hiện của các loài cầm thú cũng có chín bậc. Phàm vật hiếm thấy nơi đời mà bỗng nhiên có hình xuất hiện chẳng phải giống cái; mái, sắc màu như ngọc bích như loại long lân, đó là điềm lành thượng thượng. Vật có vốn chẳng trắng, bỗng nhiên sắc màu tợ tuyết, như loài rùa, sư tử, đó là điềm lành thượng trung. Vật có vốn không sừng, mà bỗng nhiên có sừng, sắc màu lại như vàng, đó là điềm lành thượng hạ. Vật có vốn không lông cánh, bỗng nhiên có lông cánh sắc màu lại như bạc, đó là điềm lành trung thượng (trong đây tiếp theo có một thuyết, nguyên bản cũ rơi lạc! Vật có vốn sắc màu chẳng phải tía, bỗng nhiên có sắc tía, đó là điềm lành hạ thượng. Vật có sắc màu chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, lại chẳng phải cái; mái, đó là điềm bậc hạ trung. Vật có vốn sắc màu chẳng phải đen mà bỗng nhiên có sắc đen, chẳng hẳn là giống cái; mái, đó là điềm bậc hạ hạ. Điềm lành của cây cỏ cũng có chín phẩm bậc. Phàm cây cỏ vốn có tánh cứng chắc ngay thẳng, mà càng đẹp lạ, vốn sắc mà chẳng trắng mà bỗng nhiên ánh ngời, đó là điềm bậc thượng thượng. Cây cỏ vốn có tánh hơi cứng chắc ngay thẳng, vốn sắc màu chẳng phải tía mà bỗng nhiên sắc tía, đó là điềm bậc thượng trung. Cây cỏ vốn chẳng nêu xinh đẹp mà bỗng nhiên phát sinh xinh đẹp, đó là điềm bậc thượng hạ. Cây cỏ vốn có hoa mà chẳng thật, bỗng nhiên sinh thật, đó là điềm bậc trung thượng. Cây cỏ do gốc khác trương tiếp mà sinh, đó là điềm bậc trung trung. Cây cỏ vốn có, bỗng nhiên đổi phát sinh hoa khác, đó là điềm bậc trung hạ. Cây cỏ có, bỗng nhiên phát sinh tượng tợ như người, đó là điềm bậc hạ thượng. Cây cỏ vốn có bỗng nhiên phát sáng, đó là điềm bậc hạ trung. Cây cỏ vốn có, bỗng sinh khí tượng chạy chuyển, đó là điềm bậc hạ hạ. Phàm hóa cảnh của Đức Phật Thích-ca, điềm lành như vậy nhiều không hạn lượng, sợ chẳng thể nhớ ghi hết, nhưng đều tùy theo phước lực ở đời có lớn nhỏ mà cảm vời phát hiện ra ấy vậy”. vua được nghe điều khác lạ, bèn càng kính lễ. Tôn giả bảo cùng vua rằng: “Vương tử xuất gia

điềm cảm như vậy, thật đúng là bậc Đại sĩ, nên tiếp nối theo tôi làm lớn mạnh pháp bảo".

Sau đó, Bất-như-mật-đa cũng chứng quả, Tôn giả bèn cho Bất-như-mật-đa trở về nơi chỗ trước kia mà giáo hóa. Về sau, Tôn giả mới gọi đến và bảo: "Nay tôi đã già lắm, không bao lâu sẽ từ tạ cõi đời, Chánh pháp nhãn tạng của Đức Như Lai xưa trước, nay tôi giao phó cho ông. Hãy nghe tôi nói bài kệ tụng đây:

"Thánh nhân nói Tri kiến
Ngay cảnh không phải quấy
Nay tôi ngộ tánh ấy
Không đạo cũng không lý".

Bất-như-mật-đa đã thọ nhận phó pháp, lại thưa Tôn giả rằng: "Tôn giả đem pháp y Tăng-già-lê của Tổ sư cất kín nơi cung vua, không được truyền trao đó, cớ sao như vậy?" Tôn giả bảo: "Ngày xưa ta được trao truyền pháp y, bởi vì tiên sư mắc phải hoạn nạn, phó pháp không hiện bày, nên lấy đó làm niềm tin ứng nghiệm cho đời nay. Ông vừa tiếp theo nối dõi từ ta, cả năm xứ Thiên Trúc đều biết, đâu cần dùng pháp y làm gì, chỉ chuyên cần hoằng hóa dẫn dắt. Sau này ông sẽ độ người nhiều vô lượng". Bất-như-mật-đa im lặng vâng nhận sự chỉ dạy. Thế rồi Tôn giả vượt thân bay lên giữa hư không, làm thành mười tám thứ biến hóa, tỏa phóng ánh sáng soi chiếu khắp đất trời, rồi bèn ở giữa hư không hóa lửa tự thiêu đốt, tuy mưa xá-lợi nhưng không rơi rớt đến đất. Đại chúng mỗi người tự căng vạt áo hứng lấy, sau đó tạo dựng bảo tháp, gom lại mà tôn thờ. Lúc đó tương đương đời vua Minh Đế (Tư Mã Thiệu 323-326) thời Đông Tấn ở Trung Hoa.

*** Thử luận bàn:**

Chỗ gọi là pháp y thiêu đốt không cháy, ấy chẳng là rất thần ư? Đáp: Kiếm báu rút ra từ Lương Dã, còn có thể biến hóa chẳng lường, mà tỏa sáng trùm cả muôn sao. Phương sĩ vốn chỉ phép thuật của thế gian cũng có thể vào nước không thâm ướt, vào lửa không bị thiêu cháy, huống gì thượng y của Thánh nhân, là thắng khí của Đạp pháp đây có thể vậy ư? Hay không ngời sáng ư? Còn nói quả đất chuyển động, cho đến mây, mặt trời, cây cỏ v.v... các thứ điềm lành. Xa lấy nghiệp lý mà tìm cầu đó. Lớn thay rất khác với thuyết ngũ hành ở thế tục vậy.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 4
\- (HẾT) -

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 5

1. Truyện Tôn giả Bất-như-mật-đa, Tổ thứ hai mươi sáu ở Thiên Trúc
2. Truyện Tôn giả Bát-nhã-đa-la, Tổ thứ hai mươi bảy ở Thiên Trúc
3. Truyện Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, Tổ thứ hai mươi tám ở Thiên Trúc

*****

1. TRUYỆN TÔN GIẢ BẤT-NHƯ-MẬT-ĐA, TỔ THỨ HAI MƯƠI SÁU Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bất-như-mật-đa vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Thân phụ tên là Đức Thắng, tức là vua nước đó. Tôn giả là Thái tử của Đức Thắng. Lúc Tôn giả ra đời, trong cung có mùi hương thơm khác lạ phảng phất, gia nhân đều lấy làm kỳ lạ. Bẩm tánh Tôn giả thuần hòa sáng suốt, từ thủa thiếu thời đã sùng kính Phật sự. Mới đầu Tôn giả Bà-xá-tư-đa đến hoằng hóa tại nước đó, Tôn giả bèn lấy cớ bệnh không giữ ngôi vị Thái tử, mà nương theo cầu xin xuất gia. Được phụ vương chấp thuận, Tôn giả Bà-xá-tư-đa bèn vì độ cho xuống tóc tại trong cung, nhóm hội các thắng Tăng truyền thọ giới Cụ túc (sự việc thấy ở truyện Tôn giả Bà-xá-tư-đa). Sau đó, theo Tôn giả Bà-xá-tư-đa ra khỏi cung, Tôn giả mới được trao truyền Đại pháp nhãn tạng. Về sau, Tôn giả du phương giáo hóa, đến nước xứ Đông Ấn Độ.

Trước đó, vua nước ấy thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi tên là Kiên Cố, rất kính trọng ngoại đạo phạm chí Trường Trảo. Khi Tôn giả bào tới nước đó, đồ chúng của ngoại đạo rất lo sợ thưa cùng thấy mình rằng: “Vừa mới biết được Bất-như-mật-đa vào đất nước này, người ấy đạo phong ưu thắng, sợ rằng bọn chúng ta không thể sánh bằng. Nên trước cần tính mưu kế để dứt trừ”. Ngoại đạo bèn xin theo vua ấy đông lên

chỗ đất cao, nhân đó ngóng trông về hướng Tây, bảo cùng vua rằng: "Ở hướng Tây có yêu khí, hẳn là có ma nào vào cảnh vức này, vua có thấy chăng?" vua đáp: "Không thấy, nhưng sự việc ra làm sao?" Ngoại đạo đáp: "Nơi quân ma đến thì nước nhà sẽ suy sụp, nhưng vì vua mà bàn tính, không gì hơn giết chết nói đi". vua bảo: "Chưa thấy tội nó, đâu nhẫn làm vậy". Ngoại đạo lại đề cử một vị khéo giỏi về chú thuật ở trong đồ chúng mà tâu cùng vua: "Người nay có pháp có khả năng kinh động đất trời, có thể dùng đó để chế ngự quân ma". Nhưng Tôn giả đã dự biết các ngoại đạo dối bày trông thấy yêu khí, nên trước răn bảo đồ chúng của mình rằng: "Ta đến trong thành này hẳn có nạn nhỏ, các ngươi chớ kinh sợ". Đến lúc ra mắt vua, quả nhiên cật hỏi Tôn giả rằng: "Sư lại đây làm gì?" Tôn giả đáp: "Ta lại muốn độ chúng sinh". Lại hỏi: "Sẽ dùng lấy pháp gì và hóa độ hạng chúng sinh nào". Tôn giả đáp: "Tùy theo loại mà dùng pháp để hóa độ nó". Lại hỏi: "Với người có phép thuật, ông dám đánh chăng?" Tôn giả đáp: "Phật pháp của ta rất mực chân chánh, tuy là thiên ma cũng không đủ để nhiếp phục đó, sao có yêu thuật gì mà dám đương đầu ư?" Nghe lời nói đó, bọn ngoại đạo càng tức giận, dùng phép hóa làm một quả núi lớn ngưng dừng giữa hư không. Tôn giả đưa ngón tay ấn xuống đất, quả đất chuyển động, cả năm trăm ngoại đạo đều không thể tự đứng vững, núi chuyển dời đến trên đầu, bọn ngoại đạo vô cùng kinh sợ. Tôn giả lại đưa tay đè xuống đất, quả đất trở lại yên tĩnh, núi biến hóa kia cũng ẩn mất, bọn ngoại đạo đều xếp thành hàng kính lễ, sám hối tội quá, vua cũng kính tạ Tôn giả mà thưa rằng: "Tôi không biết Đại sĩ, mới đem ánh lửa đom đóm muốn tranh sáng với ánh sáng nhật nguyệt". Khi ấy, vua bèn chuyển dời đô thành. Ngày sau thiết bày đại trai hội để lạc thành đó, cũng ủi an ngoại đạo muốn Tôn giả cùng đến dự hội. Mới đầu Tôn giả không nhận lời, từ từ quán sát thấy đất xứ thành mới ấy sắp bị vùi lấp, bèn dùng sức thần mà đến đó, vua trông thấy Tôn giả, bèn nói: "Quả nhiên Sư lại ư?" Tôn giả bảo: "Không phải ta nhận sự cúng dường mà vì muốn cứu độ nên đến đây". vua hỏi: "Cứu gì?" Tôn giả đáp: "Đất xứ này đã là phần sở hữu của rồng, không bao lâu nữa sẽ bị vùi lấp, mọi người chuyển dời đi, hẳn sẽ bị chìm mất". vua kinh sợ, vội dậy cùng mọi người chuyển dời đi, chưa xa đến nơi cao nguyên, ngoảy trông nhìn lại thì đất nơi thành ấy quả nhiên sụp đổ thành vực sâu. vua càng kính trọng Tôn giả. Liền nghiêm sức xa giá voi ngựa thỉnh mời Tôn giả cùng trở về nơi đô thành xưa cũ. Nhân đó, vua hỏi: "Năm ngày trước tôi từng mộng thấy giữa hư không duỗi xuống một vòng vàng rủ đến nơi đất, tôi liền nâng đỡ lên,

cùng với sự việc ngày nay chẳng là điềm ứng đó ư?” Tôn giả cũng bảo vua rằng: “Xưa trước, lúc sắp đến nơi nước này, ta cũng thường mộng thấy có một trẻ nhỏ kỳ đặc mang lọng báu chạt rảo theo sau ta, đó hẳn là có bậc Thánh nhân xuất hiện nơi chốn của vua trị vì, sẽ kế thừa hoằng truyền Đại pháp”. vua hỏi: “Với nước nhỏ này há có bậc chí nhân ư?” Tôn giả bảo: “Nếu vua không khiêm nhường thì hẳn ứng đó”.

Nguyên trước tại nước đó có người con Bà-la-môn, từ thủa bé thơ đã mất hết song thân, nên sống trơ trọi phóng đạt, tự xưng tên là Anh Lạc. Khắp trong xóm làng chẳng thể lường biết là hạng người gì. Một ngày nọ Anh Lạc chợt mở lời ẩn ngữ rằng: “Chân Thánh nhân đạp đất, trong hội gặp rồng hổ”. Ngày ấy đến nơi vua lại, vua bèn tùy theo đến nơi khác. Từ đó đi ở càng chẳng thường, kịp lúc vua cùng Tôn giả cưỡi xa giá đến nơi phía Đông thành cũ. Anh Lạc đặc biệt ra nghinh đón đến kính lễ trước xa giá. Tôn giả bảo cùng vua: “Điều gọi là Thánh sĩ ở nước vua chính là người này đây vậy”. Và Tôn giả liền bảo Anh Lạc rằng: “Ngươi nhớ việc xưa trước chăng?” Anh Lạc đáp: “Tôi nhớ xưa trước đồng trong pháp hội, Tôn giả diễn giảng Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật-đa, mà tôi chuyển trai kinh giáo thâm diệu, duyên đáng gặp gỡ lại, nên cùng chờ đợi đây”. Tôn giả bảo vua rằng: “Đứa trẻ này là Bồ-tát Đại Thế Chí giáng hiện làm người nối dõi dòng pháp từ ta, say này sẽ xuất sinh hai bậc Đại sĩ, người trước đến hoằng hóa ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Người sau có duyên với xứ Chấn Đán (Trung Hoa), nhưng sau chín năm sẽ trở về nước cũ”. Tôn giả liền vì Anh Lạc mà cho xuống tóc, và bảo rằng: “Vì ngày trước tôi đàm giảng Bát Nhã còn ngươi diễn nói kinh giáo, đến nay lại gặp gỡ, tiện nên lấy chữ Bát-nhã-đa-la mà xưng gọi tên ông.

Khi ấy Tôn giả hoằng hóa ở nước xứ Đông Thiên Trúc đã hơn sáu mươi năm, một ngày nọ bèn bảo Bát-nhã-đa-la rằng: “Đại pháp nhãn tạng xưa kia Đức Như Lai trao truyền lần lượt đến đời ta. Nay ta lại trao cho ông, ông nên lưu thông hoằng truyền chớ khiến tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

“Kho tâm địa châu tánh
Không đầu cũng không đuôi
Theo duyên cảm hóa vật
Phương tiện gọi là trí”.

Trao truyền Đại pháp xong, Tôn giả bảo vua rằng: “Nhờ ân huệ thí của nước nhà, bình an chẳng thể cảm đó, chỉ vì hóa duyên đã hết, chẳng thể còn lâu quyến luyến nhân thế, tôi sắp đi đây vậy, vua khéo

gìn giữ đó”. vua khóc than như chịu tang người thân. Tôn giả bèn ngay pháp tòa nơi cung vua hóa hình như mặt nhật, chỉ chốc lát trở lại như cũ, hiện bày mười tám thứ biến hóa, dùng lửa Tam-muội tức tự thiêu đốt, mưa đổ xá-lợi sắc màu vàng ròng. vua lại làm tháp bằng vàng để tôn thờ xá-lợi. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Võ Đế (Tư Mã Xương Minh 373-397) thời Đông Tấn ở Trung Hoa.

2. TRUYỆN TÔN GIẢ BÁT-NHÃ-ĐA-LA, TỔ THỨ HAI MƯƠI BẢY Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bát-nhã-đa-la vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước xứ Đông Thiên Trúc. Từ thủa bé thơ đã mồ côi song thân, trơ trọi một mình xin ăn tự sống, rảo cùng làng xóm, người thời bấy giờ chỉ kêu gọi là đồng tử Anh Lạc. Như có người sai bảo làm lụng, Tôn giả chẳng từ nhọc mệt, không luận thẳng ngay. Hoặc có người hỏi: “Ông dòng họ gì?” (??) “Các người cùng tôi đồng dòng họ”. Hoặc có người hỏi: “Sao ông đi gấp nhanh vậy?” Tôn giả lại bảo: “Sao các người đi chậm vậy?” Mọi người đều chẳng lường biết ra làm sao. Gặp lúc vua nước đó tên là Kiên Cố cùng Tôn giả Bất-như-mật-đa đang trên xa giá trở về thành cũ, Tôn giả bèn từ phía Đông thành đi ra đến trước xa giá, tự nói bày tỏ duyên xưa trước. Từ đó vết tích Tôn giả mới hiển bày, Tôn giả Bất-như-mật-đa liền dẫn Tôn giả đến nơi cung vua, qua ngày sau vì độ cho Tôn giả xuất gia, nhóm tụ thắng Tăng truyền cho thọ giới Cụ túc. Và thể hình Tôn giả tức tỏa phát ánh sáng khác lạ. Sau đó không bao lâu, tự nhiên Tôn giả Bất-như-mật-đa đem Đại pháp nhãn tạng mà trao truyền cho, mặc tình Tôn giả du phương hoằng hóa.

Đến lúc Tôn giả đến nước xứ Nam Thiên Trúc, gặp vua nước đó tên là Hương Chí ban chiếu thiết lễ nơi nội cung, đem châu báu cúng thí Tôn giả. vua vốn có ba người con, mà chí ý mỗi người tự có pháp tu riêng. Người con cả tên là Nguyệt-tinh-đa-la khéo thích tu pháp niệm Phật Tam-muội. Người con kế tên là Công-đức-đa-la vui ưa tu phước nghiệp. Người con thứ ba tên là Bồ-đề-đa-la khéo thông hiểu Phật lý, chuyên hành pháp xuất thế. khi ấy vua Hương Chí đều bảo ra kính lễ Tôn giả. Tôn giả cho rằng cả ba người con đều khéo ưa thích Thánh thiện, trong ý muốn xét nghiệm khả năng trí tuệ xa gần ra sao, bèn đem hạt châu do vua cúng thí mà bảo mỗi người tự biện giải về đó là: “Ở đời còn có châu báu nào hơn châu báu này chăng?” Người thứ nhất, Nguyệt-tinh-đa-la đáp: “Châu báu này tối thượng, ở đời không có châu báu nào hơn châu báu này, nếu chẳng ở trong vương gia của tôi

thì không ai có được". Người thứ hai, Công-đức-đa-la cũng nói như thế. Đến người thứ ba, Bồ-đề-đa-la đáp: "Châu báu này là vật báu ở đời, chưa đủ lấy làm tối thượng. Phàm trong các vật báu thì pháp bảo là tối thượng. Đó là ánh sáng ở thế gian, trong các thứ ánh sáng thì ánh sáng trí tuệ là tối thượng. Đó là sự tỏ rõ của thế gian, trong các thứ tỏ rõ thì sự tỏ rõ của bản tâm làtối thượng. Nhưng ánh sáng tỏ rõ của châu báu này không thể tự soi chiếu, cần nhờ ánh sáng tỏ rõ của trí tuệ mới biện rành được như vầy. Đã rõ bày đó tức biết nói là châu báu. Đã biết là hạt châu tức rõ biết tầm mức quý báu của nó. Nếu rõ biết quý báu ấy, quý báu chẳng tự quý báu. Nếu biện rành hạy châu ấy, hạt châu chẳng tự là hạt châu. Hạt châu chẳng tự là hạt châu tức cần có trí châu để biện rõ hạt châu của thế gian. Quý báu chẳng tự quý tức cần có trí báu mà rõ biết được pháp bảo. Nhưng mà bậc thầy tôi có đạo thì quý báu ấy tự hiện. Chúng sinh có đạo, tâm báu cũng vậy". Tôn giả vui mừng với tài năng biện luận ấy, lại hỏi rằng: "Trong các vậy, vậy gì vô tướng?" Bồ-đề-đa-la đáp: "Ở trong các vật chẳng khởi vô tướng". Lại hỏi: "Trong các vật, vật gì tối cao?" Bồ-đề-đa-la đáp: "Trong các vật, nhân ngã là tối cao". Lại hỏi: "Trong các vật, vật gì là tối đại?" Bồ-đề-đa-la đáp: "Trong các vật, pháp tánh là tối đại". Tôn giả bèn im lặng mừng vui, tự nhủ: "Đây là Đại pháp khí, hẳn sẽ vì nối dõi theo ta". Sau đó, gặp lúc vua Hương Chí mắc bệnh quá lắm, luôn đưa tay sờ mò giữa khoảng không, mọi người không thể cản ngăn. Nhân đó Bồ-đề-đa-la hỏi Tôn giả rằng: "Cha tôi chuyên làm lành tạo phước, người bình thường chưa một ai có tâm như vậy, nay cảm mắc bệnh hoảng hốt, tay sờ mò giữa hư không, sợ sẽ qua đời trong trạng thái không tốt lành. Đó là tướng quả báo gì ư? Nay tôi rất ngờ vực. Nếu Tôn giả giải thích được điều ấy, tôi nguyện xin theo xuất gia". Tôn giả bảo: "Đó là do nghiệp cảm ứng nên vậy. Nhưng mọi vật đều có nghiệp, tuy là hàng Thánh nhân Tam thừa cũng không tránh khỏi đó, chỉ là nghiệp ấy có thiện có ác vậy. Đức Phật dạy người có làm điều thiện thấu đáo, đến lúc mạng chung sẽ theo quả báo thác sinh lên cõi trời thì ánh sáng cõi trời duỗi xuống như dẫn đường lụa. Người sắp mạng chung ấy trông nhìn đó mà thần thức tùy theo đi lên. Ánh sáng ấy hoặc có năm sắc đan xen tỏa phát, bởi tiêu biểu sự dâng hưởng ấy mới vãng sinh về cõi trời. Nay phụ thân ông đưa tay sờ mò ấy cũng là biểu thị quả báo sinh lên cõi trời, cũng là hiệu nghiệm rõ ràng của sự tu tạo hiền thiện vậy, không chỉ chẳng khiến dứt mà sẽ dần hiện lớn đó, sắp có nhạc trời, các thứ hương hoa khác lạ ứng hiện. Sau đó, mọi sự đều đúng như lời Tôn giả nói. Đến lúc Hương Chí băng

hà, hai người con lớn khóc than rất lắm, chỉ một mình Bồ-đề-đa-la riêng nơi quàng tạng im lặng tỉnh tọa trọn ngày không rời khỏi. Hai người anh lấy làm quái lạ đem thưa hỏi Tôn giả, Tôn giả bảo: "Người con ấy đang nhập định sắp có chỗ quán, bảy ngày sau sẽ tự xuất định, chớ phải kinh ngạc". Đến lúc Bồ-đề-đa-la từ thiền định dậy, nói cùng hai người anh là: "Tôi muốn quán sát phụ thân sinh về cõi nào, mà nhìn các nơi khác không trông thấy gì, chỉ thấy một mặt nhật soi chiếu khắp đất trời". Sau khi an táng thân phụ xong, Bồ-đề-đa-la quả nhiên báo cùng hai người anh cầu xin theo Tôn giả mà xuất gia. Tôn giả biết đạo duyên đã thuần thục nên không thể cản trở Bồ-đề-đa-la, bèn vì làm thầy mới đặt gọi pháp danh.

Lâu sau, Tôn giả bèn đem giáo pháp mà giao phó, bảo rằng: "Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai lần lượt trao truyền, nay ta lại giao phó cho ông, ông hãy khéo hoằng truyền chớ khiến dứt tuyệt, hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Đất tâm sinh các giống
Nhân sự lại sinh lý
Quả đầy Bồ-đề tròn
Hoa nở thế giới bày".

Truyền Đại pháp xong, bèn ngay nơi pháp tòa, Tôn giả duỗi hai tay phải trái, mỗi tự tỏa phóng ánh sáng tốt lành năm sắc có hơn bảy mươi luồng, sau đó, vụt thân bay lên cao cách đất bằng bảy cây đa-la, dùng hóa lửa mà tự thiêu đốt, mưa đổ xá-lợi nhiều vô lượng. Bốn chúng đệ tử gom thâu, cùng vua nước đó là Nguyệt Tịnh chung tao dựng bảo tháp mà tôn thờ. Lúc đó tương đương đời vua Hiếu Võ Đế (Lưu Tuấn 545-465) thời Tiền Tống ở Trung Hoa (sau đó sáu mươi bảy năm, Bồ-đề-đạt-ma mới đến Trung hoa, nên tính ra đúng là năm Hiếu Kiến thứ nhất thời Tiền Tống, tức năm Giáp ngọ - 454 vậy).

*** Thử luận bàn:**

Theo "Xuất Tam Tạng Ký" nói là Bất-như-mật-đa mà đây gọi là Bát-nhã-đa-la. Lại nói là Phất-nhã-mật-đa mà đây gọi là Bất-như-mật-đa. Sao có khác sai như vậy ư? Đáp: "Đây là từ Phạm âm phiên chuyển, bởi dịch thuật có sơ, hạ vậy. Nhưng, Bát-nhã-đa-la đối với chư Tổ riêng có nhiều lời sấm, mà sau có nhiều ứng nghiệm. Há chẳng dùng pháp từ đó về sau mà rất hưng thạnh ở Trung Quốc muốn có minh chí ư? Đem tâm chỉ bày Thánh nhân, chỗ biết ấy xa thay!

3. TRUYỆN TÔN GIẢ BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA, TỔ THỨ HAI MƯƠI TÁM Ở THIÊN TRÚC.

Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Mới đầu Tôn giả còn có tên Bồ-đề-đa-la, hay là Đạt-ma-đa-la. Thân phụ tên là Hương Chí, là vua nước đó. Tôn giả là con thứ ba của vua. Từ thủa mới sinh, Tôn giả đã tỏ vẻ bẩm tánh cao thắng trội vượt chẳng như đồng lớp trẻ. Các người con của vua Hương Chí tuy sống tại gia mà đã hay thú hướng Phật lý. Đến lúc Tôn giả Bát-nhã-đa-la vào giảng pháp nơi cung vua, Tôn giả mới được diện kiến. Sau đó trả lời câu hỏi về nghĩa của châu báu của Tôn giả Bát-nhã-đa-la, tỏ bày tài biện thanh thoát rất có lý thú, nên Tôn giả Bát-nhã-đa-la im lặng nhận cho là Đại pháp khí. Đến lúc phụ vương băng hà, Tôn giả bèn giã từ hai anh mà theo Tôn giả Bát-nhã-đa-la, cầu xin xuất gia, thưa rằng: "Tôi vốn chẳng đoái hoài ngôi vị quốc vương, muốn đem giáo pháp làm lợi ích mọi vật nên quyết chí xuất gia, nguyện xin nhủ lòng vi trí mà tiếp lấy". Tôn giả Bát-nhã-đa-la bèn nhận tâm thành kính lễ ấy mà vì độ cho xuống tóc, bảo rằng: "Ngày trước ông nhập định là "Nhật Quang Tam-muội". Ông đối với các pháp đã được thông lượng, nay nên lấy chữ "Bồ-đề-đạt-ma" mà đặt gọi tên ông". Và mời các bậc Thánh tăng chứng minh cho Tôn giả thọ giới Cụ túc. Ngay khi ấy quả đất chấn động ba lần, mặt trăng xuất hiện giữa ban ngày. Sau đó không lấu, Tôn giả cũng chứng đắc đạo quả. Từ đó, dân chúng trong nước ấy theo tập tục xưng gọi Tôn giả là "Đạt-ma-đa-la" hay là "Bồ-đề vương tử". Tôn giả bèn chuyên hầu thờ thầy suốt hơn bốn mươi năm. Sau đó Tôn giả Bát-nhã-đa-la mới đem Đại pháp nhãn tạng truyền trao mà căn dặn Tôn giả rằng: "Ông tạm hoằng hóa tại nước này. Về sau sẽ có nhân duyên lớn với nước Chấn đán (Trung Hoa) nhưng phải sau khi ta thị tịch sáu mươi bảy năm mới nên đến phương Đông hoằng hóa. Nếu ông chúng vội đến, sợ sẽ suy giảm ở ngày sau". Tôn giả vâng nhận sự chỉ dạy ấy, lại hỏi Tôn giả Bát-nhã-đa-la rằng: "Nếu tôi đến phương Đông, ngàn năm sau tại nước đó có nạn gì chăng? Có được bậc Đại pháp khí nào dõi tôi chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: "Giáo pháp truyền đến xứ đó, người thú hướng đến giáo pháp đông nhiều như lúa mà tre lau, không thể tính kể. Nhưng ở nước đó sau khi ta thị tịch hơn sáu mươi năm sẽ có nạn nhỏ làm văn số trong dòng nước, ông khéo dẹp trừ đó, và ông đến phương Nam nước ấy không nên liền ở, bởi vì thiên vương xứ ấy vừa mới ham thích hữu vi, sợ không tin ông. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Đường đi giẫm nước lại gặp dê
Nên tự ngầm ẩn tối qua sông
Giữa ngày đáng thương đôi voi ngựa
Hai gốc quế non lâu tươi tốt".

Tôn giả lại hỏi: "Qua đó đã đi có thể được nghe chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la lại đáp: "Sau khi ta thị tịch một trăm lẻ năm năm, lại có một nạn nhỏ". Và lại nói bài kệ tụng rằng:

"Trong tâm tuy tốt ngoài đầu xấu
Tăng phòng dưới dùng tên chẳng trúng
Vì gặp rồng độc sinh con võ
Chợt gặp chuột nhỏ lắng không cùng".

Tôn giả lại hỏi: "Từ đó về sau lại còn có việc gì chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: "Sau khi ta thị tịch cuối một trăm sáu mươi năm lại có nạn nhỏ bởi cha con nối nhau làm thế lực, không lâu, chỉ khoảng ba đến năm năm vậy". Lại nói bài kệ tụng rằng:

"Trên dường chợt gặp nơi nước sâu
Đẳng nhàn thấy hổ lại gặp heo
Trâu con nhỏ nhỏ tuy có sừng
Khe xanh rồng ra đều phải thua".

Tôn giả lại hỏi: "điều gọi là Bồ-tát pháp thí, sau đó còn có xuất hiện chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la lại nói bài kệ tụng rằng:

"Chấn Đán tuy rộng không khác đường
Cần mượn cháu con dưới chân đi
Gà vàng mở ngậm một hạt gạo
Cúng dường mười phương La-hán Tăng".

Và tiếp bảo: "Sau khi ta tịch diệt ba trăm năm mới ứng điều ấy vậy". Tôn giả lại hỏi: "Sau đó trong Phật pháp lại có người thấu rõ được ý ấy và khéo phân biệt chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: "Sau khi ta thị tịch khoảng ba trăm tám mươi năm, mới có vị Tỳ-kheo học mờ tối mà dụng sáng sủa". Lại nói bài kệ tụng rằng:

"Tháng tám thương tôn bay có tiếng
Phước lớn lại lành qua chẳng kinh
Rủ ôm một gà vào dự hội
Tay cầm rồng rắn tại hai gian".

Lại nói bài kệ tụng khác rằng:

"Gởi ông khăn chiếu tùy thời cởi
Ở trong văn tự tạm hình nhỏ
Đông hải voi về mặc áo phải

Hai nơi đội ân đều chẳng nhẹ”.

Lại nói bài kệ tụng khác rằng:

“Nhật nguyệt đều đi ông chẳng động
Anh không mũ mão lên núi đi
Lại cho một ngọn thêm xanh vút
vua bảo người hay mới biết tên”.

Và tiếp bảo: “Khí lớn đang hiện gặp mây tức lên, tôi nào phải lo ư?” Tôn giả lại hỏi: “Nhưng sau người đó lại có nạn gì chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta thị tịch khoảng bốn trăm sáu mươi năm, gặp có một người không mặc áo muốn làm việc ma”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

“Non cao gặp người lại cởi áo
Rắn nhỏ tuy độc chẳng thể làm
Ở trong đáy giếng thấy trời gần
Sa-di nho nhỏ khéo cơ lớn”.

Và tiếp bảo: “Ông nên ghi nhớ điều ấy sẽ nghiệm các nạn nhỏ. Có đồng tử mặc áo đen hẳn khéo giải thích đó”. Tôn giả lại hỏi: “Sau đó lại còn có nạn gì chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta diệt độ khoảng đầu sáu trăm năm, cây bất sinh sẽ làm lưu nạn, tuy là có nạn dấy khởi nhưng hai người xuất hiện mới tự yên lặng”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

“Sóng lớn tuy cao chẳng đủ biết
Trăm năm cây phàm lớn cành khô
Chim quạ bay Nam liền về Bắc
Hai người đến Đông lại về Tây”.

Và tiếp bảo: “Hòa thượng Bạch y nói pháp nhiều vô lượng, nếu thấy lời sấm này, về mà chẳng hưởng”. Tôn giả lại hỏi: “Sau đó có nạn gì chăng?” Tôn giả Bát-nhã-đa-la đáp: “Sau khi ta tịch diệt khoảng hai ngàn tám trăm năm sẽ có bốn con rồng nổi dậy một nạn, nhưng không lấy làm lớn, ông nên biết đó”. Lại nói bài kệ tụng rằng:

“Đáng thương trăng sáng riêng giữa trời
Bốn con rồng con mỗi tự dời
Đông Tây Nam Bắc quẩy sóng chạy
Mặt nhật lên thường chiếu chẳng cùng”.

Lại nói bài kệ tụng rằng:

“Sấm từ ta đây
Eo dài chân ngắn
Chấp tay hướng trời

Xoay đầu mất bạn
Thân mặc áo hồng
Lại như lụa trắng
Đứng ngay trước mắt
Lại như không thấy
Khéo khéo nghĩ lường
Nước trong trăng hiện".

Tôn giả lại hỏi: "Sau đó lại còn có nạn gì chăng?" Tôn giả Bát-nhã-đa-la lại đáp: "Sau khi ta tịch diệt khoảng ba ngàn năm, sẽ có mười hai nạn, trong đó có chín nạn lớn. Đây tổng quát dùng một kệ tụng mà ghi lấy, đó là:

"Chim lại trên nhà cao muốn nhóm
Mây trắng vào đất sắc lại trong
Trên trời rồng vàng nhật nguyệt sáng
Nước biển Đông dương trong chẳng trong
Tay bưng gốc vòng nặng lại nhẹ
Tuy không tròng mắt chuyển rành rành
Chẳng đủ tai mắt khéo nhìn nghe
Thân thể vốn không không có hình
Chẳng nói chữ họ chỉ nghiệm tên
Ý tìm sách vở bày mở kinh
Miệng nói ân hạnh tâm vô tình
Hoặc đi hoặc lại thân chẳng dừng".

Lại tiếp bảo: "Về sau có các nạn, hẳn ở trong mười hai câu đây, tuy là ghi xét việc xa, chẳng chỉ một đời ông trông thấy, nhưng thật chứng đạt thiên nhãn mới có thể thấy ngay".

Sau khi Tôn giả Bát-nhã-đa-la đã thị tịch, Tôn giả kính vâng sự chỉ dạy, tạm lưu ở nước ấy cố gắng thực hành giáo hóa. Mới đầu, Tôn giả cùng Tỳ-kheo tên là Phật Đại Tiên đều xuất sinh từ Tôn giả Bát-nhã-đa-la, nên cả hai vị mỗi tự giữ lễ Bá Trọng mà gặp gỡ, khi ấy đều hưng thạnh xiển dương giáo pháp, người thời bấy giờ rất mực tán thán xưng gọi đó là mở hai cửa cam lồ. Vừa lúc tại nước đó có vị Tăng tên là Phật Đại Thắng chia lìa pháp truyền ấy phân làm sáu tông, phân hóa đến các nơi. Trong đó: một là Hữu tướng tông; hai là Vô tướng tông; ba là Định tuệ tông; bốn là Giới hạnh tông; năm là Vô đắc tông; sáu là Tịch tĩnh tông, mà người học nương theo rất đông nhiều, đồ chúng mỗi mỗi không dưới ngàn trăm vị. Tôn giả thường vì vậy mà than thở rằng: "Trong nước nhà tuy có sáu chúng, nhưng đạo ấy đều chẳng thấu

đạt rốt ráo tinh vi. Nếu ta chỉnh sửa đó, người ấy sao được giải thoát ư?” Một ngày nọ, bèn dùng sức thần mà đến trong sáu chúng. Mới đầu, Tôn giả đến nơi chúng Hữu tướng tông, hỏi rằng: “Hết thảy các tướng sao gọi là thật tướng?” Vị đứng đầu trong chúng ấy tên là Tát-bà-la đáp rằng: “Ở trong các tướng, chẳng hỗ tương các tướng, gọi đó là thật tướng”. Tôn giả lại hỏi: “Hết thấy các tướng không hỗ tương, nếu rõ thật tướng, sẽ định thế nào?” Tát-bà-la đáp: “Ở trong các tướng, thật không có định các tướng tức gọi là thật”. Tôn giả lại hỏi: “Các tướng chẳng định tức gọi là thật tướng. Nay ông chẳng định sẽ được thế nào?” Tát-bà-la đáp: “Ta nói chẳng định, chẳng định các tướng, sẽ nói các tướng, nghĩa ấy chẳng phải vậy”. Tôn giả lại hỏi: “Ông nói chẳng định sẽ là thật tướng, định chẳng định tức không phải thật tướng”. Tát-bà-la đáp: “Định đã không định tức chẳng phải thật tướng. Biết ta chẳng phải nên không định không biến, sao gọi là thật tướng? Đã biến đã đi, nghĩa ấy cũng vậy”. Đáp rằng: “Chẳng biến ngay đây chẳng nhầm, nên biến thật tướng để định nghĩa ấy”. Tôn giả lại hỏi: “Thật tướng chẳng biến, biến tức chẳng phải tướng. Ở trong có và không sai gọi là thật tướng?” Khi ấy tâm Tát-bà-la liền mờ mịt, đưa tay chỉ giữa hư không mà hỏi Tôn giả rằng: “Ở đươi này, có tướng cũng hay không, ngay thân lực này được tợ vậy ư?” Tôn giả bảo: “Nếu hiểu được thật tướng tức thấy chẳng phải thật, nếu rõ chẳng phải nên sắc ấy cũng vậy, ngay nơi trong sắc chẳng mất thể sắc, ở trong chẳng phải tướng không ngại đến đó. Nếu hay thấu hiểu như vậy nên gọi là thật tướng”. Tiếp theo, Tôn giả đến nơi chúng Vô tướng tông mà hỏi: “Ông nói Vô tướng, sẽ chứng thế nào đó?” Người đứng đầu trong chúng ấy tên là Ba-la-đề đến trước Tôn giả đáp rằng: “Tôi rõ Vô tướng nên tâm chẳng hiện”. Tôn giả hỏi: “Tướng ông chẳng hiện, sẽ rõ thế nào đó?” Ba-la-đề đáp: “Tôi rõ Vô tướng, tâm chẳng dám xả. Ngay lúc đang rõ cũng không người ngay đó”. Tôn giả hỏi: “Đối với có và không, tâm chẳng lấy hay bỏ, lại không người ngay đó, vậy ai rõ được không?” Ba-la-đề đáp: “Phật nhập Tam-muội còn không chỗ được, huống gì vô tướng mà cố biết đó”. Tôn giả hỏi: “Tướng đã không biết, ai bảo là có hay không? Còn không chỗ được, sai gọi là Tam-muội?” Ba-la-đề đáp: “Tôi nói chẳng chứng, chứng không chỗ được, chẳng phải Tam-muội nên tôi nói là Tam-muội”. Tôn giả hỏi: “Chẳng phải Tam-muội sẽ rõ như thế nào đó? Ông đã chẳng chứng, chẳng phải chứng chứng gì?” Khi ấy, Ba-la-đề thấu đạt diệu ngộ, vội đứng dậy kính tạ. Tôn giả liền vì dự ghi rằng: “Ông sẽ chứng quả không lâu xa nữa, nhưng trong nước nhà có ma dấy khởi, cũng do ông nhiếp

nhục đó”. Tiếp theo Tôn giả đến nơi thứ ba là Định tuệ tông mà hỏi: “Ông học Định tuệ là một hay là hai?” Người đứng đầu chúng đó tên là Bà-lan-đà đến trước Tôn giả mà đáp: “Định tuệ tôi học đây chẳng phải một chẳng phải hai”. Tôn giả hỏi: “Định tuệ của ông đã chẳng phải một hoặc hai, vì sao nhắm vào đó mà gọi là Định tuệ?” Bà-lan-đà đáp: “Tại định chẳng phải định ở tuệ chẳng phải tuệ, một tức chẳng phải một, hai tức chẳng hai”. Tôn giả hỏi: “Ngay một chẳng phải một, ngay hai chẳng phải hai. Đã chẳng phải định tuệ vậy ước định tuệ gì?” Ba-la-đề đáp: “Chẳng phải một, chẳng phải hai, định tuệ hay biết. Chẳng phải định, chẳng phải tuệ cũng có thể như vậy”. Tôn giả hỏi: “Tuệ chẳng phải định nên vậy có thể biết thay! Còn chẳng phải một, chẳng phải hai thì ai định ai tuệ ư?” Bà-lan-đà bỗng nhiên khai ngộ, kính lễ ứng phục. Tiếp theo Tôn giả đến nơi thứ tư là Giới hạnh tông mà hỏi: “Ông lấy gì làm giới, gọi là gì hạnh? Và giới hạnh ấy là một hay là hai?” Vị đứng đầu chúng ấy (mất tên) ra trước Tôn giả đáp rằng: “Một hay hai, hai hay một đều do kia sinh ra, y theo giáo mà không nhiễm, đó gọi là giới hạnh”. Tôn giả hỏi: “Ông nói “y theo giáo” tức là có nhiễm. Một hay hai đều là ở đây, sao nói là y theo giáo? Hai điều ấy trái ngược chẳng kịp đến hạnh. Trong ngoài không rõ sao gọi là giới?” Vị ấy đáp: “Ta có trong ngoài, kia vì biết hết, đã được thông đạt tức là giới hạnh, nếu nói trái ngược điều phải điều quấy. Nói hoặc tức giới tức hạnh”. Tôn giả hỏi: “Điều phải điều quấy sao gọi là thanh tịnh? Đã được thông đạt sao đàm trong ngoài?” Vị ấy bèn tự tĩnh rõ điều quấy nơi mình, kính bái sám tạ, tôn xưng may thay. Tiếp theo, Tôn giả đến nơi thứ năm là Vô đắc tông mà hỏi: “Ông nói vô đắc, không được gì được? Đã không chỗ được cũng không được được?” Người đứng đầu chúng đó tên là Bảo Tịnh đến trước Tôn giả mà đáp: “Tôi nói vô đắc, chẳng phải không được được. Đang nói được được, vô đắc cũng được”. Tôn giả hỏi: “Đã được chẳng được được cũng chẳng phải được. Đã nói được được được, được được gì?” Bảo Tịnh đáp: “Thấy được chẳng phải được, chẳng phải được là được. Nếu thấy chẳng được gọi là được được”. Tôn giả hỏi: “Được chẳng phải được, chẳng phải được không được. Đã không chỗ được, sẽ được được gì?” Khi ấy Bảo Tịnh mơi tỏ rõ phát ngộ. Tiếp theo Tôn giả đến nói thứ sáu là Tịch tĩnh tông mà hỏi: “Ông lấy gì gọi là tịch, gọi là là tĩnh?” Người đứng đầu trong chúng đó (mất tên) đến trước Tôn giả đáp rằng: “Tâm đây chẳng động thì gọi là tịch, ở nơi không nhiễm gọi đó là tĩnh”. Tôn giả hỏi: “Bản tâm chẳng tịch cần mượn tịch tịch. Nay đã được tịch sao dùng tịch tĩnh?” Vị ấy đáp: “Các pháp vốn không,

vì không không nên ở nơi không không ấy gọi tên là tịch tĩnh". Tôn giả hỏi: "Không không vì không, các pháp cũng vậy, tịch tĩnh không tướng, gì tịch gì tĩnh?" Vị ấy cụt nghĩa, bèn cảm kính Tôn giả. Từ đó cả sáu chúng đều quy hướng tôn xưng Tôn giả làm thầy, tiếng tăm đạo phong của Tôn giả càng vang vọng khắp xa. Các hàng học giả khắp năm xứ Ấn Độ không ai chẳng ghé đến nương theo.

Sau đó gặp lúc vua nước đó tên là Dị Kiến là con của vua trước tức là Nguyệt-tịnh-đa-la, và cũng là cháu của Tôn giả phát tin tà kiến phá hủy Phật pháp, bảo rằng: "Tổ tiên ta đều mê hoặc với Phật pháp, chẳng thành đạt chánh chân, nay ta vì vậy đâu nên giẫm bước theo". Bèn đối với giáo pháp bày tạo hoạn nạn lớn. Tôn giả xót thương đó, bảo rằng: "Con cháu làm nhục tông xả ta mới dấy ác ý. Đây đâu phải phước nước nhà, nên vì chỉ dạy đó". Nhân nghĩ trước kia trong Vô tướng tông có hai Hiền giả có thể bảo đến chuyển hóa vua Dị Kiến, người thứ nhất tên là Ba-la-đề, đạo lực sắp sung mãn, lại có duyên với vua. Vị thứ hai tên là Tông Thắng, tuy hay biện bác, mà đức nghiệp chưa đến mới tự cắt sự sai phái, và cả sáu chúng bỗng nhiên mỗi tự nghĩ rằng: "Đại sư Đạt-ma vốn đắc Thánh trí, nay giáo pháp có mắc nạn, nên cứu đó ư?" Tôn giả liền biết mới khảy móng tay ứng đáp lại đó. Các chúng đều kinh ngạc bảo: "Đây là tin của Đại sư ta vậy". Đang cùng đến đó, các vị đã chứng đắc thần thông mỗi vị tự dẫn nhiếp đồ chúng của mình. Chỉ khoảnh khắc đều đến xếp hàng kính lễ dưới tòa. Tôn giả bảo: "Nay vua gây nạn đến chúng ta, tuy chỉ như một mảy bụi nổi lên ngăn che cõi Phật, nhưng trong các ông ai có thể quét trừ đi?" Bỗng chốc Tông Thắng ra trước thưa: "Tôi tuy đức kém nhưng nguyện xin đến giải trừ đó". Tôn giả bảo: "Ông tuy biện bác nhanh nhẹn nhưng đạo lực chưa thắng, sợ không thể nhiếp phục được vua". Tông Thắng không nghe theo lời dạy ấy, hẳn tự đến ra mắt vua. Mới đầu lấy hai đế chân tục cùng biện luận, lời qua tiếng lại đều không khuất phục, đến lúc vua hỏi: "Điều giải của ông hiện nay, pháp ấy ở đâu?" Tông Thắng bảo: "Như vua trị vì cảm hóa phải hợp đạo ấy. Đạo mà vua có, đạo ấy ở đâu?" vua đáp: "Đạo ta có dùng trừ tà pháp. Còn pháp ông có sẽ nhiếp phục vật gì?" Tôn giả dự biết Tông Thắng đuối lý, bảo Ba-la-đề rằng: "Tông Thắng chẳng nghe theo lời ta, nay hẳn bị khuất phục nơi vua, ông nên nhanh đến đó để cứu giúp". Ba-la-đề vâng phụng sự chỉ dạy, dùng sức thần đi nhanh, liền đến nơi điện vua. vua cùng Tông Thắng vừa mới cật chứng lại, chợt thấy Ba-la-đề cưỡi mây mà đến, vua kinh hãi đứng dậy bèn hỏi: "Kẻ vượt giữa hư không mà đến ấy là tà hay chánh?" Ba-la-đề đáp: "Ta

chẳng phải tà chánh, mà lại chỉnh tà. Tâm vua nếu chánh, ta không tà chánh". vua tuy ngôn từ nghĩa lý cùng vụt, mà vẫn bướng ngạo không thôi, xua đuổi Tông Thắng đến ở chốn núi rừng. Ba-la-đề bảo rằng: "vua đã có đạo cớ sao xua đuổi Sa-môn? Tôi tuy không hiểu, xin vua hiện hỏi?" vua gần tiếng hỏi: "Thế nào là Phật?" Ba-la-đề đáp: "Kiến tánh là Phật". vua hỏi: "Sư đã kiến tánh chăng?" Ba-la-đề đáp: "Ta thấy Phật tánh". vua hỏi: "Tánh ở nơi nào?" Ba-la-đề đáp: "Tánh ở nơi tác dụng". vua hỏi: "Ấy là tác dụng gì? Nay ta không thấy?" Ba-la-đề đáp: "Nay hiện đang dùng, tự vua chẳng thấy". vua hỏi: "Ở nơi ta có chăng?" Ba-la-đề đáp: "Nếu tác dụng vua không có chẳng phải. Nếu vua không dùng, thể cũng khó thấy". vua hỏi: "Nếu lúc đang dùng có mấy nơi xuất hiện?" Ba-la-đề đáp: "Hiện ở trong đời thì có tám nơi". vua hỏi: "Tám nơi xuất hiện ấy, xing nên vì ta nói". Ba-la-đề liền nói bài kệ tụng rằng:

"Tại thai làm thân
Ở đời làm người
Ở mắt là thấy
Ở tai là nghe
Ở mũi ngửi hương
Ở miệng đàm luận
Ở tay cầm năm
Ở chân chuyển vận".
"Biến hiện đều gần sa giới
Thâu nhiếp tại một mảy trần
Người biết biết là Phật tánh
Không biết gọi là tinh hồn".

Qua lời nói ấy, vua tỏ ngộ, liền sám tạ lỗi quấy trước, vụt chốc đổi thay chí khí, nương theo Ba-la-đề xin được nghe pháp yếu, trải suốt ba tháng kính phụng thảo luận.

Vừa lúc Tông Thắng bị xua đuổi ở trong núi rừng mới tự cảm nghĩ rằng: "Ta tám tuổi mới đắc Cháng kiến, hai mươi năm nay lại tu hành, chỉ đến lúc gặp nạn không không thể hộ pháp, tuy nay trăm tuổi đâu làm được gì, chẳng bằng chết mất". Bèn ném mình từ trên vực cao xuống. Bỗng chốc có thần nhân đưa cánh tay dài ra nâng đỡ, đặt để trên tảng đá, thân thể không tổn hại gì. Tông Thắng lại nói: "Ta tự tủi nhục xuất gia, chẳng thể ép dẹp ý tà của vua mà hộ trì Đại pháp, chết đi hẳn là thích hợp. Thần nào lại cứu giúp khiến như thế này ư? Mong nói một lời chỉ bày nhân duyên ấy?" Thân nhân mới nói kệ tụng rằng:

"Sư thọ được trăm tuổi
Tám mươi mà làm quấy
Vì gần bậc chí tôn
Huân tu mà vào đạo
Tuy đủ ít trí tuệ
Mà có nhiều đây kia
Thấy gặp các bậc Hiền
Chưa từng sinh trân kính
Công đức hai mươi năm
Tâm ấy chưa yên tĩnh
Thông minh mà khinh mạn
Nên khiến thành như thế
Bị vua không tôn kính
Mới cảm quả như vậy
Từ nay chớ biếng trễ
Không lâu thành kỳ trí
Các Thánh ở tại tâm
Như Lai cũng lại vậy".

Tông Thắng nghe bài kệ tụng của thần, mới tự trách, càng muốn tinh tu, thề trọn đời không ra khỏi núi.

Khi ấy vua hỏi Ba-la-đề rằng: "Tôn giả làng có trí tuệ biện tài như vậy, quả thật vốn học từ người nào?" Ba-la-đề đáp: "Bậc thầy nơi tôi cầu xin xuất gia tức là Tam tạng Pháp sư Ô-sa-bà ở chùa Bà-la. Còn bậc thầy nơi tôi đắc pháp xuất thế tức là Vương thúc Bồ-đề-đạt-ma vậy". vua nghe xưng gọi Đạt-ma, vội kinh hãi bảo: "Chú của ta còn ư? Ôi! Ta chẳng ghi nhớ mong đợi, lại vọng chèn ép Thánh giáo, ương lụy đến tôn thúc". Liền ban sắc chiếu thỉnh mời Tôn giả, sau đó Tôn giả bèn cùng kẻ sứ đến nơi cung vua, vua than khóc kính lạy không đứng dậy nỗi. Tôn giả liền vì vua giảng pháp, sám hối lỗi quá. Nhân đó vua sai sứ mang chiếu đến nhanh thỉnh mời Tông Thắng. Kẻ sứ tâu: "Tông Thắng hổ thẹn bị xua đuổi nên ném mình xuống sườn núi chết đã lâu rồi". vua càng âu lo, đem hỏi Tôn giả rằng: "Cái chết của Tông Thắng là lỗi của tôi, Tôn thúc có phương thức gì khiến tôi được khỏi tội?" Tôn giả bảo: "Tông Thăng chẳng chết, vừa đang an tọa trong hang đá. Ông chỉ đến đó tìm hẳn có được lại". Kẻ sứ đến tìm, quả thấy gặp Tông Thắng, bèn tỏ bày ý vua đã nghinh thỉnh Đạt-ma, nhưng Tông Thắng chối từ không vâng mạng lệnh. Tôn giả biết thế, bảo cùng vua rằng: "Ấy chưa thể dậy, hẳn phải trởi lại nghinh thỉnh mới đến". Xong, Tôn giả từ biệt

vua trở về nơi ở trước, bảo cùng vua rằng: "vua càng nên tu tạo phước thiện, không bao lâu sợ có tật bệnh vậy". Sau khi Tôn giả rời khỏi cung vua chỉ mới bảy ngày, quả nhiên vua cảm bệnh nặng, quốc y không thể chữa trị. Các hàng thân thích cận thần cho rằng lời dự ghi của Tôn giả có ứng nghiệm, trong ý cho là Tôn giả hẳn có thể cứu chữa. vua liền sai sứ khẩn thiết đến thỉnh mời. Tôn giả lại vào cung vua. Khi ấy Tông Thắng có sắc chiếu thỉnh mời cũng vừa đến. Ba-la-đề vì bệnh tật của vua cũng đến thăm hỏi. Nhân đó, hai Sa-môn thỉnh cầu Tôn giả rằng: "vua mắc bệnh đã quá lắm, có được sống hay chết? Đại sư có phương thức gì vì cứu giúp đó". Tôn giả liền rời khỏi chỗ ngồi, đưa tay sờ thăm trên thân thể vua mà bảo cùng hai Sa-môn rằng: "Chết thì hẳn sa đọa vào đường ác". Hai Sa-môn hỏi: "Lấy gì làm ứng nghiệm đó?" Tôn giả đáp: "Ta vừa dùng pháp Đại sư xét ngũ uẩn mà thấy vậy". Hai Sa-môn lại hỏi: "Đại sư đạo lực ưu thắng khác thường có thể vù vua tạo phước nghiệp gì để thoát khỏi khổ ấy?" Tôn giả liền bảo Thái tử cùng các quan thần tạm giữa quyền đại xá cho các tù nhân, phóng thả các loài sinh linh. Tôn giả lại bảo đốt hương, vì sám hối tội quá cho vua. Khoảnh khắc thời gian ngắn, bệnh vua quả nhiên có phần thuyên giảm hơi rõ biết nhân sự, vua mới bảo mọi người chung quanh rằng: "Ta vừa mộng thấy một con trăn lớn rất dài, mới đầu phung lửa bức đốt thân ta, sau đó bị một người lớn đưa tay trái nắm bắt nó đưa đến thả nơi đất trống. Liền đó ta được mát dịu, bèn được dậy vội di ra một cửa sắt, khi ấy bèn tỉnh giấc". Bệnh vua đã trở lại bình phục là nhờ từ Vương thúc.

Đến lúc Tôn giả dẫn dắt hoằng truyền ở nước đó đã hơn sáu mươi năm, nghĩ tuân theo lời chỉ dạy của thầy xưa trước, tính muốn đến phương Đông, nên liền dùng sức thần đến bái từ tháp miếu của Tôn giả Bát-nhã-đa-la. Lại đến nơi cửa nách cung vua cáo biệt nhà vua. Sau đó biết đồ chúng của sáu tông nghĩ muốn đến giã biệt, Tôn giả mỗi tự đến nơi trong các chúng ấy hóa ngồi nơi tòa sen báu và đều vì giảng nói pháp để ủi an chúng. Tôn giả lại bảo cùng vua rằng: "Ta đối với nước Chấn Đán (Trung Hoa) duyên ấy đã chín, nay đến phương Đông vậy. Khéo giúp thân ông gìn giữ nước nhà". vua khóc than mà nói: "Trời sao chẳng giúp tôi! Khiến tôn thúc tôi đi như vậy?" vua không thể lưu giữ Tôn giả, bèn vì chuẩn bị hành trong, dùng thuyền lớn để chuyên chở, phụ nhật vương cung soái các hàng thân thích thần thuộc tiễn đưa đến bờ biển. Mọi người trong nước nhà trong xem theo đó đều buồn khóc đổ lệ!

Tôn giả đến phương Đông, trải suốt ba năm, mới đầu đến Phiêu

ngung, khi ấy là ngày 21 tháng 09 năm Canh tý (520) tức năm Phổ Thông thứ nhất trong đời vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương. Hoặc có thuyết cho là Tôn giả đến trong năm Đinh mùi (527), tức là năm Phổ Thông thứ tám. Châu thứ sử Tiêu Ngang đem tấu trình (theo "Truyền đăng lục", cựu thuyết các nhà v.v... đều nói "Đạt-ma đến đất Lương trong năm Phổ Thông thứ tám (527)". Nay xét theo sách sử thì niên hiệu Phổ Thông chỉ có bảy năm (520-527). Chỉ nay trong thường lịch của Vương Hữu nói về số năm, hoặc có tám năm. Có thể nghi ngờ, lại đều xưng Tiêu Ngang đem việc Đạt-ma mà tấu trình, nhưng xét về truyện Tiêu Ngang thì không thấy Tiêu Ngang làm Quảng châu thứ sử. Chỉ có cháu của Tiêu Ngang là Tiêu Lệ lúc bấy giờ từng làm thứ sử tại châu ấy. Sợ truyện lục xưa trước nhầm lấy Tiêu Lệ làm Tiêu Ngang, truyện lục trước là bản của quốc gia, đã là chẳng phải không hiềm tật, nay không dám chuốc vót, tạm để lại điều nghi ấy vậy) đến kinh đô. Ngày mồng 01 tháng 11 năm đó, Tôn giả đến Kiến nghiệp, pháp giá nghinh đón vào cung, nhân đó vua Võ Đế ban sắc chiếu sắp đặt tiếp Tôn giả nơi chánh điện. vua mới hỏi: "Trẫm thường tạo dựng chùa chiền, biên tả kinh điển, độ các Tăng Ni, hẳn có công đức gì?" Tôn giả đáp: "Không có công đức". vua hỏi: "Sao không công đức?" Tôn giả đáp: "Đó chỉ là nhân của tiểu quả hữu lậu trong trời người, như bóng theo hình, tuy có nhưng chẳng thật". vua hỏi: "Thế nào là công đức chân thật?" Tôn giả đáp: "Tịnh trí diệu viên, thể tự không tịch, công đức như thế, chẳng thể tìm cầu nơi đời". vua lại hỏi: "Thế nào là đệ nhất nghĩa Thánh đế?" Tôn giả đáp: "Rỗng rang không Thánh". vua hỏi: "Người đối đáp với trẫm là ai?" Tôn giả đáp: "Không biết". vua Võ Đế không tỏ ngộ, liền bãi hầu bỏ đi. Tôn giả biết cơ duyên ấy không khế hợp. Ngày mười chín tháng đó, Tôn giả ngầm bỏ đất Lương vượt qua sông. Ngày hai mươi ba theo hướng Bắc vào đất Ngụy. Sau đó đến Lạc ấp. Khi ấy là năm Chánh Quang thứ nhất (520) đời vua Hiếu Minh Đế Nguyên Hủ) thời Bắc Ngụy.

Mới đầu, Tôn giả dừng ở chùa Thiếu Lâm tại Trung sơn, trọn ngày im lặng ngồi xoay mặt vào vách tường, mọi người đều không lường biết biết cớ sao vậy, bèn cho là "Bích Quán Bà-la-môn Tăng". Sau đó không lâu, ở Lạc ấp có vị Sa-môn tên là Thần Quang là người thống thoáng lẫn lộn trong đời, người đời cũng cho đó là người không thể lường biết. Vừa lúc nghe Tôn giả là bậc đạo phong quỷ phạm tôn nghiêm, mới tự bảo: "Bậc chí nhân chánh tại ấy, ta đến mà nương tựa". Thần Quang tuy đủ lễ thỉnh thưa mà Tôn giả im lặng chưa từng cùng

nói một lời. Nhân đó, Thần Quang có cảm nghĩa rằng: "Người xưa cầu đạo bỏ quên thân mạng mình, nay ta đâu đã có được một trong muôn phần". Đêm đó gặp lúc tuyết lớn đổ xuống, Thần Quang đứng nơi thềm, mãi đến sáng sớm tuyết phủ quá đầu gối. Tôn giả ngoảy trông nhìn lại, bảo Thần Quang rằng: "Ông đứng trong tuyết muốn cầu việc gì?" Thần Quang khóc mà thưa: "cúi mong Hòa thượng dùng Đại bi trí mở cửa cam lộ độ khắp chúng con". Tôn giả bảo Thần Quang: "Đối với diệu đạo Vô thượng của chư Phật, tuy trải qua nhiều đời kiếp tinh tấn chuyên cần, hay làm những việc khó làm, hay nhẫn những việc khó nhẫn, còn không thể thấu đạt, đâu chỉ chút nhọc mệt nhỏ nhoi ấy mà liền cầu Đại pháp ư?" Thần Quang nghe dạy răn như vậy mới ngầm dùng dao chặt cánh tay trái của mình đem đặt trước mặt. Tôn giả lại bảo Thần Quang rằng: "Chư Phật mới đầu cầu đạo, vì pháp quên thân mạng mình. Nay ông chặt tay trước mặt ta, tâm cầu đạo như vậy cũng có thể được vậy". Thần Quang bèn thưa: "Tâm con chưa được an, xin thầy an cho". Tôn giả bảo: "Đem tâm lại đây, ta an cho ông". Thần Quang thưa: "Con tìm tâm mà trọn không thể được". Tôn giả bảo: "Ta đã an tâm ông xong vậy". Khi ấy Thần Quang bèn có chỗ khế ngộ. Tôn giả bèn đổi cho tên là Tuệ Khả. Về sau các hàng học giả mới itn. Các hàng Tăng tục đua nhau tìm đến nơi Tôn giả. Tiếng tăm đạo phong của Tôn giả vang vọng bèn tới tai triều đình nhà Bắc Ngụy. vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) ba lần ban sắc chiếu thỉnh mời, nhưng Tôn giả vẫn không lay động, vua càng kính trọng, liền ban sắc dâng tặng cây trích trượng hai pháp y ca-sa ma nạp, bình bát bằng vàng bạc, các vật v.v... Tôn giả đều từ chối, qua vài ba ohen nhưng vua quyết ban tặng, nên Tôn giả bèn phải nhận.

Ở tại đất Bắc Ngụy chín năm, một ngày nọ, Tôn giả chợt bảo đồ chúng rằng: "Lúc ta trở về Tây Trúc đã đến vậy. Các người hãy nói sự thấu đạt của chính mình". Khi ấy có Đạo Phó ra trước mặt Tôn giả mà thưa: "Theo chỗ con thấy thì chẳng chấp văn tự, chẳng lìa văn tự, đó là dụng của đạo". Tôn giả bảo: "Ông được phần da của ta". Tiếp có cô Ni Tổng Trì ra thưa: "Nay theo chỗ của con thì như Tổ sư A-nan trông thấy cõi nước Đức Phật A-sơ, chỉ thấy một lần không còn thấy lại". Tôn giả bảo: "Ngươi được phần thịt của ta". Tiếp có vị tên là Đạo Dục ra thưa: "Bốn đại chẳng không, năm uẩn chẳng có, theo chỗ thấy của con không một pháp có thể được, dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành". Tôn giả bảo: "Ông được phần cốt của ta". Tiếp theo, Tuệ Khả đến trước Tôn giả kính bái rồi trở về chõ cũ mà đứng. Tôn giả bèn bảo: "Ông được phần

tủy của ta". Sau đó, Tôn giả bảo: "Xưa kia Đức Như Lai đem Đại pháp nhãn tạng trao cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, lần lượt truyền trao đến ta, nay ta đem trao cho ông, ông nên lưu truyền chớ khiến tuyệt dứt. Vật trao cho ông pháp y Tăng-già-lê, bình bát báu này để làm pháp tín. Chỉ vì sợ đời sau cho rằng ông đối với ta là người khác xứ, không tin thầy trò trao truyền cho nhau, ông nên gìn giữ đó làm ứng nghiệm, để định tông thú. Nhưng sau khi ta đi rồi, hai trăm năm sau, u bát chấm dứt không lưu truyền, pháp cũng hưng thạnh mở mang. Người biết đạo đông nhiều mà người tu hành đạo thiếu ít. Người nói lý đông nhiều, người ngộ lý hiếm ít. Tuy nhiên, ngầm thông kín chứng có hơn ngàn muôn. Ông gắng phô bày xiển dương, chớ khinh người chưa ngộ. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Ta vốn đến xứ này
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa nở năm cánh
Kết quả tự nhiên thành".

Tôn giả lại bảo Tuệ Khả rằng: "Đây có bộ kinh Lăng Già bốn quyển, là pháp yếu cùng tột do Đức Phật giảng nói, cũng có thể dùng giúp cho người đời mở bày ngộ nhập, nay đều giao phó cho ông. Từ khi ta đến ở đây từng bị thuốc độc hại mà chẳng chết. Bởi vì Huyện Xích Châu Thần này tuy có khí Đại thừa mà chưa ứng hợp, nên lâu ngồi im lặng đợi chờ, nay được trao nhận tức có thủy có chung vậy". Thế rồi, Tôn giả cùng đồ chúng đồng đến chùa Thiên Thánh ở Võ môn. Dừng ở đó, tự nhiên gặp Thái thú thành ấy là Dương Huyễn Chi vốn người sùng kính Phật pháp, nghe Tôn giả đến, bèn lại kính lễ, nhân đó ông hỏi: "Ở Thiên Trúc, Sư kế thừa làm Tổ, đạo ấy như thế nào?" Tôn giả đáp: "Rõ tâm tông của Phật, không nhầm mảy may, hạnh giải tương ưng, gọi đó là Tổ". Dương Huyễn Chi tiếp hỏi: "Chỉ một nghĩa ấy hay còn có nghĩa gì khác?" Tôn giả đáp: "Phải rõ tâm người khác, biết rành xưa nay. Chẳng nhàm chán có không cũng chẳng chấp lấy. Chẳng hiền chẳng ngu, không mê không ngộ. Nếu hay rõ biết được như vậy cũng gọi là Tổ". Dương Huyễn Chi lại tiếp hỏi: "Đệ tử bị nghiệp ràng buộc ở thế tục, ít gặp được tri thức, trí kém ngăn che, không thể thấy đạo. Xin thầy chỉ dạy, con nên nương theo đạo quả gì? Dùng tâm gì để được gần với Phật tổ?" Tôn giả bèn vì nói bài kệ tụng rằng:

"Đừng nên thấy ác mà sinh chê
Cũng chớ thấy thiện mà riêng bày
Cũng đừng bỏ ngu mà gần hiền

Cũng chớ vất mê mà đến ngộ
Đạt đạo lớn chừ quá lượng
Thông tâm Phật chừ chẳng kể
Vượt thoát, gọi đó là Tổ".

Dương Huyễn Chi được chỉ dạy, vui mừng kính lễ mà thưa: "Xin thầy chớ vội rời bỏ cuộc đời để làm phước lợi cho quần sinh". Tôn giả bảo: "Đời mạt pháp, lắm kẻ tệ ác. Ta tuy ở lâu nơi đời, sợ chẳng ích lợi gì mà thêm hoạn nạn, khiến người khác thêm nhiều tội ác". Dương Huyễn Chi thưa: "Từ lúc thầy đến xứ này, ai thường làm hại, mong thầy chỉ người ấy để tiện xếp đặt". Tôn giả bảo: "Nói ra hẳn có tổn hại, ta thà im lặng mà đi, đâu nhẫn hại người mà mình vui thích". Dương Huyễn Chi càng khẩn thiết thưa: "Con không dám làm tổn hại người, chỉ muốn biết đó vậy". Chẳng đặng đừng, Tôn giả bèn nói bài kệ tụng rằng:

"Mái chèo rẽ sóng ngọc
Đuốc soi mở khóa vàng
Năm miệng đồng cùng đi
Chín mười không người ta".

Nghe bài kệ tụng rồi, Dương Huyễn Chi ghi nhớ kính lễ mà đi. Dừng ở đó không bao lâu, Tôn giả bèn an nhiên thị tịch. Lúc ấy nhằm giữa khoảng Ấu Chúa Lưu cùng Hiếu Trang Đế phế lập ở thời Hậu Ngụy. Năm đó tương đương năm Đại Thông thứ hai (528) thời Nam Lương. Sau đó an táng tại núi Hùng nhĩ. Từ đất Ngụy bèn đem việc tang lễ của Tôn giả báo cùng nhà Lương. vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương liền đưa dâng lụa báu phúng viếng, và ban sắc các hàng tông tử chư vương tế lễ mà cúng dường. Thái tử làm bài văn điếu, đại khái là: "Lớn thay! Thánh mạo Đại sư, đội trí ấn của mười lực, cưỡi sáu thông vượt biển cả, vận bi trí ở Phạm phương. Cứu điên nguy nơi Hoa độ (Trung Hoa)".

Sau đó, có lẽ sứ của Hậu Ngụy là Tống Vân từ Tây vức trở về, gặp Tôn giả tại Thông lãnh, thấy Tôn giả riêng mang chiếc giày nhanh nhẹn mà đi, Tống Vân hỏi: "Đại sư đi đâu?" Tôn giả đáp: "Trở về Thiên Trúc". Và Tôn giả liền bảo Tống Vân rằng: "Chủ của ông đã băng hà". Nghe thế, Tống Vân hoang mang cùng giả biệt. Khi trở về đến nơi quả nhiên Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ) đã băng hà, sau đó Tống Vân đem sự việc gặp gỡ Tôn giả tấu trình hậu chủ là Hiếu Trang Đế (Nguyên Tử Du), Hiếu Trang Đế bảo khai quật tháp mộ để xét xem, thì chỉ thấy một chiếc giày cỏ hiện còn thôi. Cả triều đình vì thế mà kinh

ngạc tán thán. Sau đó, vua ban chiếu lấy chiếc giày còn để lại ấy, đưa đến tôn thờ nơi chùa Thiếu Lâm. Mãi đến trong niên hiệu Khai Nguyên (713-742) thời Đường, có người khéo giỏi việc trộm lấy đưa đến Tăng xá ở Ngũ đài, về sau cũng lại bị mất.

Mới đầu, vua Võ Đế thời Nam Lương cùng gặp Tôn giả, đã là cơ duyên chẳng hợp. Về sau nghe đạo phong của Tôn giả hưng thạnh hiển bày ở đất Ngụy, bèn muốn dựng bia ký nhưng còn chưa rảnh để làm, mãi đến khi nghe việc của Tống Vân, lại càng kính mộ, liền soạn thuật thành văn, đại khái là: "Là ngọc điệp lâu vùi, lời vàng chưa bổ, thề truyền pháp ấn, hóa người Thiên Trúc. Kịp đến lúc chống tích tới đất Nam Lương, giảng nói pháp Vô thuyết, như bậc đuốc trong nhà tối, tợ trăng tỏ mở mây, tiếng tăm vang động xứ Hoa Hạ (Trung Hoa), đạo phong vượt xa xưa nay. vua cùng hoàng hậu nghe tên, khâm trọng như Hạo Nhiên". Lại có đoạn viết: "Than ôi! Thấy đó mà chẳng thấy, gặp đó mà chẳng gặp, nay đó, xưa đó, hối đó hận đó. Trẫm tuy là một kẻ phàm phu, tiến lên ở sau Sư vậy!" Tôn giả được đế vương cảm mộ như ấy vậy.

*** Thử luận bàn:**

Phật pháp lưu truyền đến Chấn Đán (Trung Hoa) đã qua bốn trăm tám mươi bốn năm mới đến thời Tôn giả Đạt-ma, mà giáo của Thánh nhân càng ứng nghiệm, đạo ấy càng tôn quý, nên nói là công đức của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma. Hay lại đến ở các Tôn giả Ca-diếp-ma-đằng, Trúc Pháp Lan thì gọi là gì ư? Đáp: "Giáo tuy mở giảng có cả muôn mối, cốt yếu điểm kết quy chỉ có một Niết-bàn diệu tâm mà thôi. Phàm là diệu tâm ở trong các kinh hẳn khiến lìa văn tự phân biệt lấy làm thấu đạt, nhưng mà đời sau chưa từng có ai có khả năng thấu đạt như thế. Mãi đến lúc Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mới bắt đầu chẳng dừng văn tự, chẳng mở cửa nẻo, thẳng lấy đó mà truyền trao, người học mới được dùng mà thấu đạt. Đó há chẳng là càng ứng nghiệm của giáo ư? Tâm ấy đã truyền, mà trong thiên hạ biết chuyên chánh tín nói đến tánh mạng đều suy tôn đó là điều nói của Đấng Năng nhân vì đó mà thấu đạt xác đáng, há cũng chẳng là càng tôn quý của đạo ấy ư? Tôi (Khế Tung) thường lấy đó mà so sánh với Hữu Đức của Phu Mạnh Tử ở trong Nho gia. Trước Phu Mạnh Tử, giáo của Nho gia há không đạo ư? Bởi vì đạo ấy tích chứa mà chưa từng hiển trước, đến lúc Mạnh Kha chuyên việc truyền đạo thì sự càng tôn quý ở Nho gia hiển bày.

Hoặc có người nói trong "Tục Cao Tăng Truyện" cho là "Bích Quán" và "Tứ Hạnh" là đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma. Ấy là phải hay

là quấy ư? Đáp: "Bích Quán Bà-la-môn (thầy Bà-la-môn ngời quán vách tường)" xuất phát từ lời nói của hàng lưu tục. Thuyết của "Tứ Hạnh" đâu phải là đạo cùng cực của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma ư? Trong đồ chúng của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma vị rất thân gần là Tuệ Khả, tiếp theo là Đạo Phó, Đạo Dục. Xưa nay các hàng Thiền giả lưu truyền lời của Tuệ Khả v.v... đều thành sách lắm nhiều. Nhưng đầy thiên hạ mà điều nói của Tứ Hạnh cũng chưa, mới đầu thấy khái quát, riêng chỉ có lời mở đầu của Sa-môn Đàm Lâm vậy, song, Sa-môn Đàm Lâm đối với thiền gia cũng vốn không xứng. Giả sử Sa-môn Đàm Lâm thật chứng đắc từ Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, cũng sợ rằng lúc bấy giờ Tổ sư tùy cơ duyên mà khéo dùng phương tiện nói vậy. Nếu thật đạo ấy thì sao chỉ lấy Tôn giả Tuệ Khả lễ bái rồi trở về đứng nơi vị trí cũ mà bảo là "Ông được phần tủy của ta". Lấy đó mà nghiệm thì lời của trong "Tứ Hạnh" chẳng phải là cùng cực của đạo ấy vậy.

Phàm đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma là thiền của Phật Như Lai trong Tứ thiền vậy. Trong kinh nói: "Người quán Như Lai thiền nghĩa là như thật vào địa vị của Như Lai vào nội thân Thánh trí cùng Tam không, Tam chủng an lạc nên thành rõ ràng chỗ làm không thể nghĩ bàn nơi chúng sinh". Nếu người Bích quán đâu có nghĩa là Truyền Phật tâm tông ư? Nhưng đạo của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến thời nhà Tùy (581-618) nhà Đường (618-907) đã rất hiển trước hưng thạnh. Vì vậy, người hoằng truyền tự có thể kiểm hiệu cái thật mà viết nên, sao được nương theo lưu tục mà chẳng tìm cầu tông của Thánh nhân ư? Đó há nghĩa là khéo hoằng truyền ư?

Hoặc có người nói: Trong truyện cho là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma có sáu lần bị hại bởi độc dược là do Bồ-đề-lưu-chi gây nên, phải vậy chăng? Đáp: Đó là do người viết "Bảo Lâm Truyện" vì chưa suy nghĩ mà nói vậy. Theo Dương Huyễn Chi cố năn nỉ hỏi Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma bất đắc dĩ mà vì nói bài kệ tụng. Sự tình đâu có trước nói rõ mà sau phát sấm ư? Vì là người nói bởi đời sau do Bồ-đề-lưu-crốt ráo thường quật luận đối với ý của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, nên nói như thế. Giả sử khiến có ít ứng nghiệm nơi lời sấm, cũng sợ là do bè đảng của Bồ-đề-lưu-chi ở đương thời lén làm thích khách xưa trước. Có như đồ chúng của Bắc Tông mà đến ám hại Lục tổ Đại Giám (Huệ Năng), đó đâu phải là ý của Tổ sư ư? Do đó, sự việc của Bồ-đề-lưu-chi há cũng chẳng rõ bày ư? Tôi (Khế Tung) hẳn là kẻ kém hèn, mà chẳng chấp lấy đó vậy.

Hoặc có người nói: Ông cho rằng điều thây của Đạt-ma tứ tổ (??)

ở nơi văn ký của Tam tạng Pháp sư Tăng Hựu. Nhưng Tăng Hựu tịch năm Thiên Giám thứ mười bảy (518) thời Nam Lương, mà Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mãi đến năm Phổ Thông thứ nhất (520) thời Nam Lương mới đến đất Lương. Há có điều người ấy chưa đến mà trước đã vì viết ư? Còn không như vậy thì sao niên kỷ trước sau có sự trái ngược vậy? Đáp: Đúng thế. Thật do Tăng Hựu trước đã vì viết nên và sau đó Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma mới đến vậy. Nếu Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đắc pháp, hoằng hóa tại Thiên Trúc trải qua sáu mươi năm mới đến phương Đông. Đến phương Đông lại mất ba năm mới tới đất Lương. Nên bởi có người từ tây trúc lưu truyền việc ấy trước khi Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến. Tăng Hựu có được lưu truyền đó bèn cho là sách. Tăng Hựu đã tiếp thừa lưu truyền ấy mà làm nên. Nên sách ấy có trước mà người đến sau vậy.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 5
- (HẾT) -

Thủa thiếu thời, Khế Tung tôi nghe các bậc kỳ túc nói là từng thấy trong "Tổ Đồ" xưa trước nêu dẫn "Tục Pháp Ký" của Bảo Xướng ở thời nhà Lương (502-557) ghi rằng: "Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến đất Lương lúc ấy là tháng chín năm Phổ Thông thứ nhất (520) thời Nam Lương". Mà theo trong "Bảo Lâm Truyện" nói là đến năm Đinh mùi tức năm Phổ Thông thứ tám (527), tức ngay năm đó qua đất Ngụy, đúng là năm Thái Hòa thứ mười thời vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ). Nhưng Thái Hòa không phải là niên hiệu của vua Hiếu Minh Đế. Lại nói là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma thị tịch cũng tại năm Thái Hòa thứ mười chín thời vua Hiếu Minh Đế, mà vua Hiếu Minh Đế ở ngôi chỉ có mười hai năm (516-528), tức không có năm thứ mười chín. Lại lấy năm Đinh mùi (527) mà suy tính, tức năm cuối của vua Hiếu Minh Đế; năm của Thần Thú (??). Năm đó vua Hiếu Minh Đế đã băng hà (???). nếu quả nhiên lấy tháng mười hai năm Đinh mùi (527) tức năm Phổ Thông thứ tám thời Nam Lương, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma qua đất Ngụy, tức Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma ở đất Ngụy suốt chín năm ngồi im lặng tại chùa Thiếu Lâm, niên số ấy không xác đáng. Nếu lấy năm Canh tý (520) tức năm Phổ Thông thứ nhất thời Nam Lương mà suy tính tức việc ấy có phần tương đương. Nên nay đây lấy năm Phổ Thông thứ nhất tức năm Canh tý (520)

để làm chuẩn cứ, còn điều thấy của các nhà về năm Phổ Thông thứ tám tức năm Đinh mùi (527), cũng không dám cắt bỏ. Tạm thời cả hai còn để đó. Các bậc thức giả rõ cho vậy. Lại về niên toán phiên dịch kinh thiền, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma lúc ấy chính là 27 tuổi. Tôn giả giảng nói kinh thiền hẳn phải từ tuổi hai mươi bảy trở về trước theo đó tính lại để hợp với các truyện ký. Điều có nghĩa là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đã xuất gia, sau khi đắc pháp còn nương theo hầu thầy (Tôn giả Bát-nhã-đa-la) suốt hơn bố mươi năm. Lại y theo lời căn dặn của thầy là tạm hành hóa tại Nam Thiên Trúc phải trải qua sáu mươi bảy năm. Lại nữa, đến phương Đông trên đường đi mất hai năm. Đã đến Trung Quốc, qua sau chín năm, Tôn giả mới thị tịch, vừa hợp là Tôn giả sống thọ một trăm năm mươi tuổi. Như vậy thì điều ghi chép về Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma của các nhà, sự tích ở hai xứ Trung Hoa và Thiên Trúc có phần chẳng sai. Còn nếu lấy năm Phổ Thông thứ tám thời Nam Lương tức năm Đinh mùi (527) Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma đến Trung Hoa, và điều ghi thuật trong “Bảo Lâm Truyện” là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma năm 40 tuổi không nhận ngôi vị Quốc vương để chờ đợi Tôn giả Bát-nhã-đa-la mà cầu xin xuất gia. Đó tức là tính Tôn giả lúc ở Tây Trúc theo hầu thầy hơn bốn mươi năm. Kịp đến lúc tới Trung Hoa là đã một trăm năm mươi tuổi. Tôn giả ở đấy Ngụy chín năm mới thị tịch, tức thành hơn một trăm sáu mươi tuổi. Nên biết theo như điều nói là Tôn giả năm bốn mươi tuổi không nhận ngôi vị Quốc vương, và năm Phổ Thông thứ tám (527) thời Nam Lương, Tôn giả đến đất Lương là rất sai nhầm, không thể lấy làm chuẩn cứ.

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 6

1. Truyện Tôn giả Tuệ Khả, Tổ thứ hai mươi chín ở Trung Hoa (Chấn đán)
2. Truyện Tôn giả Tăng Xán, Tổ thứ ba mươi ở Trung Hoa
3. Truyện Tôn giả Đạo Tín, Tổ thứ ba mươi mốt ở Trung Hoa
4. Truyện Tôn giả Hoằng Nhẫn, Tổ thứ ba mươi hai ở Trung Hoa
5. Truyện Tôn giả Tuệ Năng, Tổ thứ ba mươi ba ở Trung Hoa.

*****

1. TRUYỆN TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN Ở TRUNG HOA *(Chấn đán)*

Tôn giả Tuệ Khả vốn người thuộc dòng họ Cơ ở Võ lao. Lúc thân mẫu mới mang thai Tôn giả, trong nhà có ánh sáng khác lại tỏa phát, đến lúc sinh hạ lấy đó mà đặ tên. Thủa thiếu thời, Tôn giả ham thích tập học sách vở thế tục, không thứ gì chẳng đọc xem. Lại rất khéo nói về lão Trang. Năm 30 tuổi, Tôn giả bèn tự cảm mà than rằng: "Lão dịch, sách vở thế tục chẳng phải là đại lý cùng tột", mới tham tầm kinh Phật, bèn xa đến cầu thầy ở Lạc dương, Hương sơn. Tôn giả nương tựa Thiền sư Bảo Tịnh mà xin xuất gia, sau đó đắc giới ở chùa Vĩnh Mục. Năm 32 tuổi, Tôn giả trở về lại ở với bổn sư, ở được tám năm, một đêm nọ có vị thần nhân hiện hóa bảo Tôn giả rằng: "Sao lâu ở đây, ông sẽ đắc đạo, nên đi đến phương Nam". Tôn giả vì thần gặp bèn thêm tên mình là Thần Quang. Tiếp đêm sau, trên đầu bỗng nhiên đau nhức không thể nhẫn chịu, vị thầy muốn vì cứu cho. Bỗng chốc nghe giữa hư không có tiếng bảo: "Đây là đổi cốt, đau nhức khác thường vậy". Tôn giả đem thưa trình thầy, liền bỏ không dám chữa trị. Đén sáng sớm, trông nhìn nguyên cốt quả nhiên có năm nơi nổi cộm như núi, vị thầy ấy bảo: "Lạ thay! Ông hẳn gặp được bậc thắng hạnh, chớ để mất thời ấy". Nhưng Tôn giả là người khoáng đạt có lượng xa cao, tuy có nơi ra vào mà chưa

từng liền phát lẫn lộn tự ẩn, nên tuy ở lâu nơi Lạc kinh mà người đời không ai lường biết. Mãi đến lúc gặp được Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma trao đạo đổi tên đáng làm bậc chủ Pháp sư, các hàng học giả mới biết Tôn giả có đức lớn đua nhau về nương tựa như bãi nước trút đổ.

Một ngày nọ có một Cư sĩ tuổi khoảng bốn mươi mang tướng bệnh tật đến trước Tôn giả, chẳng xưng tên họ mà thưa Tôn giả rằng: "Đệ tử lâu nay mắc phải tật bệnh, muốn được thầy vì con mà sám tội, nguyện xin thầy nhận lời cầu thỉnh của con". Tôn giả bảo: "Đem tội lại đây, ta sẽ vì ông mà sám". Giây lâu người ấy thưa: "Con tìm tội mà không thể được". Tôn giả bảo: "Ta đã vì ông mà sám tội xong rồi vậy, nhưng ông phải nương tựa vào Phật, Pháp, Tăng". Người ấy thưa: "Hiện giờ thấy thầy thì đã biết là Tăng, còn không biết thế nào là Phật là Pháp?" Tôn giả đáp: "Tâm ấy là Phật, tâm ấy là Pháp, pháp Phật không hai, ông biết đó chưa?" Người ấy bèn thưa: "Ngày nay mới biết tội tánh chẳng ở trong chẳng ở ngoài chẳng ở trung gian, như tâm ấy vậy, thật là Phật pháp không hai". Tôn giả liền mến quý đó, liền vì cởi áo hạt, xuống tóc cho xuất gia, bảo rằng: "Đây là pháp bảo vậy, nên đặt tên ông là Tăng Xán". Sau khi Tăng Xán thọ giới Cụ túc hai năm, Tôn giả bảo: "Xưa kia Đức Như Lai trao truyền Đại pháp nhãn tạng lần lượt đến Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma trao truyền cho ta, nay ta giao phó cho ông và cả pháp y bình bát đó, ông nên chuyên cần lưu truyền chớ để tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Xưa nay duyên có đất
Nhân đất giống hoa sinh
Xưa nay không có giống
Hoa cũng chúng ta sinh".

Thế rồi, Tôn giả lại bảo Tăng Xán rằng: "Ta có ương lụy xưa trước tại đất Nghiệp sắp đến lúc đền thưởng đó, nhưng sau này tự ông cũng có hoạn nạn, rất nên ẩn lánh đó." Tăng Xán thưa: "Đây thật là bậc thầy của con có Thánh trí biết trước, nhưng xin được nghe nguyên nhân chướng nạn ấy". Tôn giả đáp: "đó không tiêng ta bảo, mà trước kia Tổ sư Bát-nhã-đa-la đã có lời sấm". Tăng Xán hỏi: "Lời sấm gì?" Tôn giả đáp: "Đó là điều nói sau khi Tổ sư thị tịch một trăm mười năm mà có nên vậy, trong kệ tụng chẳng nói "trong tâm tuy tốt ngoài đầu xấu, Tăng phòng dưới tên chẳng trúng, vì gặp rồng độc sinh con võ, chợt gặp chuột nhỏ lắng không cùng" đó ư? Theo số mà tính là đúng ở đời ông, ông càng nên dốc sức hộ pháp". Đến lúc Tôn giả tới nghiệp hạ giảng pháp, mọi người phần lớn đều được cảm hóa, trải suốt ba mươi

năm, bỗng một ngày nọ, Tôn giả đổi thay nghi tiết rảo bước dừng nghỉ, có lúc ở vùng ven có khi nơi đồng trống, cho đến tuy lò mổ quán rượu đều đồng một mực lẫn lộn vào. Có bậc thức giả hoặc lén trông bảo: "Sư là bậc cao lưu đâu nên như vậy". Tôn giả bảo: "Ta tự điều tâm, đâu liên quan gì ông". Mới đâu, tại Nghiệp hạ có vị Tăng tên là Biện hòa nhóm tập đồ chúng giảng kinh Niết-bàn ở chùa Khuôn Cứu tại huyện Quản thành, Tôn giả mỗi lần đến nơi cửa chùa cùng người giảng nói, vừa gặp chánh triều cả Đại chúng đều theo Tôn giả, đồ chúng đệ tử của Biện Hòa cũng vì vậy mà đổi thay. Biện Hòa tức giận đến tìm, và bảo cùng Trạch Trọng Khản rằng: "Tuệ Khả là kẻ cuồng tà, lại dối hoặc mọi người, rất nên trừng trị đó". Trạch Trọng Khản nghe lời nói ấy mới bắt Tôn giả xử hình ác nghiệt, nhân đó mà Tôn giả thị tịch, Tôn giả hưởng thọ một trăm lẻ bảy tuổi. Các hàng sĩ nữ buồn thương cùng nhau gom nhặt di cốt đưa về an táng ở phía Đông huyện Phủ dương thuộc Tư châu. Lúc đó là năm Quý sửu (593) tức năm tức năm Khai Hoàng thứ mười ba thời nhà Tùy. Đến thời Tiền Đường, vua Đức Tông (Lý Khoát 780-805) sắc phong Tôn giả thụy hiệu là "Đại Tổ Thiền sư". Khoảng trong niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, cao Tăng Pháp Lâm nghe đạo phong của Tôn giả có làm bài bia ký, đại khái là: "Than ôi! Thiền sư, chẳng biết cớ sao như vậy, chỉ pháp ấy hiện còn, chẳng dùng viết minh chí thì sao biết được sự tôn quý của đạo ấy thay!" Tôn giả được các hàng hậu hiền tôn quý kính mộ như thế vậy.

*** Thử luận bàn:**

Theo "Đường Cao Tăng Truyện" nói là Tuệ Khả gặp giặc mà chặt cánh tay, cùng sách ông nói sao chẳng khác ấy ư? Đáp: Tôi (Khế Tung) khảo xét bia ký của cao Tăng Pháp Lâm viết là "Tôn giả đứng dưới tuyết qua vài đêm, chặt cánh tay không đoái hoài, ném xuống đất vụn nát thân tạo lập mong cầu chỉ dạy". Nhưng vì Đường cao Tăng truyện cùng đồng thời với cao Tăng Pháp Lâm. Điều nói của cao Tăng Pháp Lâm hợp với sách của Thiền giả, mà tuyên phản đó, há chẳng bởi tham cứu nghe thấy chưa thấu đáo ư? Nên sách ấy không đủ để làm rõ ràng vậy.

2. TRUYỆN TÔN GIẢ TĂNG XÁN, TỔ THỨ BA MƯƠI Ở TRUNG HOA

Tôn giả Tăng Xán, không rõ biết vốn người ở xứ nào. Mới đầu vớ itư cách người cư sĩ đến diện kiến Tôn giả Tuệ Khả, Tôn giả không xưng họ tên, nhân qua hỏi đáp vài phen liền có sự phát ngộ, Tôn giả

bèn nương theo mà xuất gia. Tôn giả Tuệ Khả cũng rất mến trọng bảo là "được pháp bảo", nên vì đặt tên cho Tôn giả. Khoảng trong thời Bắc Chu (557-581), Tôn giả mới thọ giới Cụ túc tại chùa Quang Phước. Sau khi thọ giới vẫn trở về nương tựa thầy, lại trải qua hai năm mới được trao truyền Đại pháp nhãn tạng. Tôn giả Tuệ Khả từng xét xem mà bảo Tôn giả rằng: "Về sau hẳn có hoạn nạn, ông phải nên dẫn lánh xa". Tôn giả tuân theo lời chỉ dạy ấy bèn đi đến ẩn dật tại núi Hoàn công ở Thư châu (nay gọi đó là chùa núi Sơn cốc), suốt hơn ba mươi năm vết tích ẩn ngầm dần lọo bày, các hàng học giả nghe biết tìm đến cầu đạo. Đến trong khoảng niên hiệu Khai Hoàng (581-601) thời nhà Tùy, mới có vị Sa-di tên là Đạo Tín một ngày nọ đến lễ bái dưới tòa mà hỏi Tôn giả rằng: "Xin Đại sư ban cho con pháp môn giải thoát". Tôn giả hỏi: "Đã không người nào trói buộc tức là ông giải thoát, sao lại cần cầu giải thoát". Nghe vậy, Đạo Tín liền tỏ ngộ, mới xin làm đệ tử, nguyện kính lễ theo hầu. Lâu sau, Đạo Tín đến cầu thọ giới Cụ túc ở Lô lăng đã trở về, Tôn giả bảo: "Ông đã thọ giới, đạo cũng hoàn bị vậy. Ta sắp đi đây, Đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai xưa kia, nay ta trao truyền cho ông và cả y bát đó, ông đều nên gìn giữ đó. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Hoa trồng tuy nhân đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo trồng
Hoa đất đều không sinh".

Tôn giả lại bảo: "Ông khéo hoằng truyền đó chớ khiến dứt mất. Nay ta đến La phù, không lâu sẽ trở lại". Trải qua hai năm, Tôn giả trở về lại Sơn cốc, qua hơn một tháng dân chúng trong châu tấp nập kéo đến nghe Tôn giả giảng pháp. Thế rồi Tôn giả đứng mà thị tịch dưới gốc đại thọ. Lúc đó mà năm Bính dần (606) tức năm Đại Nghiệp thứ hai thời nhà Tùy. Khi ấy nhà Tùy mới loạn lạc, chưa thể dựng lập bảo tháp, mãi đến năm Thiên Bảo thứ năm (746) thời Tiền Đường, gặp Triệu Quận Lý Thường chuyển dời đến làm quan tại Thư châu, mới khai quật phần mộ, trà-tỳ di cốt, gom nhặt xá-lợi, dựng tạo Tốt-đổ-ba (tháp) tại nơi Tôn giả thị tịch.

Mới đầu Tôn giả vì bệnh phong mà xuất gia, mãi đến lúc vào ở Sơn cốc, chứng bệnh tuy lành nhưng đầu tóc không đen lại, nên người ở Thư châu xưng gọi Tôn giả là "Xích Đầu Xán". Nhưng Tôn giả có cái nhìn kỳ đặc, đức hạnh khác thường, thật là người không thể lường biết được. Trước kia nơi chỗ Tôn giả ở phần nhiều hay bị rắn độc các giống

thú làm hại, nhưng khi Tôn giả đến ở thì đều dứt tuyệt. Một ngày nọ chợt có ánh sáng thần tỏa phát nơi chùa ấy, cam lồ đượm nhuần cả núi rừng, người thời bấy giờ lấy làm quái lạ nên cùng thưa hỏi, Tôn giả bảo: "Đây là Phật pháp sắp hưng thạnh, xá-lợi muốn đến đó nên trước có điềm ứng vậy". Sau đó, tại kinh đô có được lắm nhiều xá-lợi bèn phân ban khắp thiên hạ, quả nhiên có dựng tạo bảo tháp tại chùa Sơn Cốc. Tôn giả có các sự cảm ứng hiệu nghiệm như vậy. vua Minh Hoàng thời Tiền Đường ban phong Tôn giả thụy hiệu là "Giám Trí Thiền sư", tháp hiệu là "Giác Tịch". Sau đó, tể tướng Phòng Quan tạo bia ấy thuật tựa rất rõ ràng.

**** Thử luận bàn:***

Mới đầu tuy Tôn giả Tăng Xán chẳng tự nói dòng tộc quê quán của chính mình, sau lại ở trong đời hơn ba mươi năm đâu ngậm miệng mà chẳng lược nói ư? Đây là điều rất đáng nghi vậy. Đáp: Tôi (Khế Tung) đọc xem văn bia do Phòng Quan dựng tạo, thấy viết: "Đại sư thường bảo Đạo Tín rằng: "Có người nhờ hỏi, chớ nói nơi ta đắc pháp". Đó đủ rõ Tôn giả tự tuyệt ẩn rất lắm, bậc chí nhân vì vết vật làm lụy đạo đạo, mới quên tâm ấy. Nay tông của Chánh pháp còn muốn bỏ sót đi, hướng gì dòng tộc quê hương nước nhà, việc của thế gian tục tình chịu lấy làm để ý ư.

3. TRUYỆN TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT Ở TRUNG HOA.

Tôn giả Đạo Tín, tổ tiên vốn ở xứ Hà nội, sau mới chuyển dời đến ở huyện Quảng tế tại Kỳ dương. Thế gian sinh tại đó bèn thành người xứ Kỳ dương. Vốn dòng họ Tư Mã. Năm nhâm tý (592) tức năm Khai Hoàng thứ mười hai thời nhà Tùy, Tôn giả là một vị Sa-di đến tham kiến Tôn giả Tăng Xán, qua một phen hỏi đáp mà ngộ đạo, Tôn giả bèn kính lễ tôn làm thầy, suốt chín năm sau mới được trao truyền Đại pháp nhãn tạng và y bát. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, Tôn giả thường theo hướng Nam đến Lô lăng, gặp bọn giặc Tào Võ Vệ đem binh lính bao vây thành ấy suốt bảy tuần không mở, nhân đó Tôn giả khuyên người trong thành đều tụng niệm "Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật". Bọn giặc bỗng thấy trên bờ thành có cả hàng ngàn người đều nắm gậy trượng dài dáng mạo sắc màu vàng ròng sáng rỡ như mặt nhật. Bọn giặc kinh sợ cùng bảo nhau rằng: "Thành này hẳn có người phước đức lớn, không thể đánh vào được vậy". Ngay trong ngày ấy liền kéo nhau bỏ đi.

Đến năm Võ Đức thứ bảy (621) thời Tiền Đường, Tôn giả trở lại hướng Bắc vân du cùng khắp rồi mới đến ở Đại dương núi Phá đầu (tức nay gọi đó là núi Song phong) tại Kỳ châu, nơi trước kia Tôn giả đắc pháp. Các hàng học sĩ khắp bốn phương về nương tựa đông như ban ngày nhóm chợ. Đến trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường, vua Thái Tông (Lý Thế Dân) nghe đạo phong của Tôn giả nên ba lần ban sắc chiếu thỉnh mời, nhưng Tôn giả chối từ chẳng đến. vua lại ban sắc chiếu thỉnh mời lần nữa và bảo cùng sứ thần rằng: "Nay nếu không theo mạng lệnh ta thì lấy đầu đem lại đây". Sắc chiếu đưa đến, quả nhiên Tôn giả trái ngược ý vua, ngẩng cổ đợi dao chém, sứ thần trở về tâu cùng vua như vậy. vua Thái Tông mừng vui cảm thán sự kiên chánh của Tôn giả, ủy dụ rất lắm. Lúc đó Tôn giả ở núi đã hai mươi năm.

Một ngày nọ đến huyện Hoàng mai, giữa đường chợt thấy một trẻ nhỏ mặt mày đẹp xinh khoảng chừng bảy tuổi, trong tâm lấy làm kỳ đặc, nhân đó, Tôn giả hỏi: "Ngươi họ gì?" Đứa trẻ đáp: "Họ thì có nhưng thuộc họ khác thường". Tôn giả hỏi: "Là họ gì?" Đứa trẻ đáp: "Là họ Phật". Tôn giả hỏi: "Ngươi không có họ ư?" Đứa trẻ đáp: "Họ ấy là không vậy". Tôn giả ngoảy nhìn lại các người cùng đi theo mà bảo: "Đứa trẻ này không phải hạng phàm tình, sau này hẳn sẽ làm hưng thạnh việc Phật". Bèn bảo dẫn đến gặp song thân đứa trẻ, Tôn giả nói lại sự ứng đối khác lạ của đứa trẻ và muốn xin cho nó xuất gia. Song thân chấp thuận. Đứa trẻ cùng chư Tăng đã trở về, Tôn giả liền vì độ cho xuống tóc xuất gia và đặt tên là Hoằng Nhẫn. Về sau Tôn giả bảo Hoằng Nhẫn rằng: "Xưa kia Đức Như Lai trao truyền Đại pháp nhãn tạng lần lượt đến ta, nay ta giao phó cho ông và y bát. Ông nên gìn giữ cố gắng hoằng truyền chớ khiến tuyệt dứt. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Giống hoa có tánh sống
Nhân đất hoa nẩy mầm
Duyên lớn cùng tín hợp
Đáng sinh, sinh chẳng sinh".

Tôn giả lại bảo Hoằng Nhẫn rằng: "Xưa trước trong khoảng niên hiệu Võ Đức (618-627) thời Tiền Đường, ta từng đến Lô phụ lên trên tuyệt đỉnh thấy núi Phá đầu, trên đó có mây sắc tía như lọng, phía dưới tỏa phát hơi khí sắc trắng giăng ngang phân ra sáu đường, ông cho đó là điềm lành gì?" Hoằng Nhẫn đáp: "đó hẳn là điềm hiện trước sau khi Hòa thượng đã thị tịch sẽ giăng ngang sinh ra một cành Phật pháp vậy".

Tôn giả bảo: "Lành thay! Ông khéo biết đó". Thế rồi Tôn giả tắm gội an nhiên tĩnh tọa mà thị tịch, hưởng thọ bảy mươi hai tuổi. Lúc đó là ngày mồng 04 tháng 09 năm Tân hợi (651) tức năm Vĩnh Huy thứ hai thời Tiền Đường. An táng, ba năm sau, cửa tháp ấy bỗng nhiên tự mở mà thân thể Tôn giả vẫn nghiễm nhiên như lúc đang sống. Đến trong niên hiệu Đại Lịch (766-780) thời Tiền Đường, vua Đại Tông (Lý Dự) ban phong Tôn giả thụy hiệu là "Đại Y Thiền sư", tháp hiệu là "Từ Vân".

4. TRUYỆN TÔN GIẢ HOẰNG NHẪN, TỔ THỨ BA MƯƠI HAI Ở TRUNG HOA.

Tôn giả Hoằng Nhẫn vốn người thuộc dòng họ chu ở xứ Hoàng mai tại Kỳ dương. Lúc thân mẫu mang thai, từng có ánh sáng tốt lành mùi hương khác lạ tỏa phát nơi phòng nhà. Đến lúc sinh, Tôn giả bẩm tánh rất thông minh, phàm có nghe thấy không gì khó dễ thảy đều hiểu cả. Phong cốt tuyệt dị, có tướng Thánh nhân. Có bậc Hiền giả từng thấy Tôn giả nơi xóm thôn, nói với mọi người rằng: "Đứa trẻ này đủ tướng đại nhân, chỉ kém thua Đức Như Lai bảy vẻ đẹp mà thôi".

Năm bảy tuổi, Tôn giả gặp Tôn giả Đạo Tín bèn được xuất gia, đắc giới. Sau đó, Tôn giả nương theo thọ pháp, tiếp đến ở núi Phá đầu, và giáo hóa càng hưng thạnh. Bấy giờ các hàng học giả trong thiên hạ kính mộ đạo phong của Tôn giả chẳng kể xa ngàn dặm đều tìm đến nương theo. Trong khoảng niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thời Tiền Đường, có vị Cư sĩ dòng họ Lô, tự xưng là Tuệ Năng đến trước pháp hội, kính lễ Tôn giả. Tôn giả hỏi: "Ông từ xứ nào lại đây?" Tuệ Năng đáp: "Từ Lãnh nam lại". Tôn giả hỏi: "Muốn cầu việc gì?" Tuệ Năng đáp: "Chỉ cầi làm Phật". Tôn giả bảo: "Người Lãnh nam không có Phật tánh, sao làm Phật được?" Tuệ Năng đáp: "Người có Nam Bắc. Phật tánh há có vậy?" Tôn giả biết Tuệ Năng là người khác thường, giả vờ quát mắng rằng: "Lui nhà sau đi". Tuệ Năng liền lui ra xin ở nơi chỗ xay giã, dốc sức chuyên việc cối chày, tuy giẫm trải qua nhiều ngày tháng mà chẳng từng bảo là nhọc mệt. Một ngày nọ đã đến lúc trao truyền Đại pháp, Tôn giả mới bảo chung cả Đại chúng rằng: "Chánh pháp khó hiểu, các ngươi mỗi nên tự làm nên tự làm một bài kệ tụng nói rõ điều thấy của mình, nếu thật có chỗ thấu đạt thì ta sẽ trao truyền Pháp y cho". Bấy giờ Tỳ-kheo Thần Tú là người được tôn xưng có sức học rộng, Đại chúng cử đứng đầu, mà chẳng dám ra trước. Thần Tú tự vì Đại chúng suy cử, một đêm nọ bèn làm bài kệ tụng đem viết nơi tường

vách hành lan rằng:

"Thân là cội Bồ-đề
Tâm là đài gương sáng
Phải thường luôn lau chùi
Chớ để dính bụi dơ".

Tôn giả thấy, ngợi khen rằng: "Người đời sau y cứ theo đây mà tu hành cũng chứng đắc thắng quả". Và khuyên Đại chúng nên trì tụng đó. Tuệ Năng vừa nghe qua mới hỏi người tụng: "Bài kệ tụng ấy do ai làm vậy?" Vị ấy đáp: "Đó là kệ tụng của thượng tọa Thần Tú, Đại sư ngợi khen, sẽ được truyền trao Đại pháp, ông không biết ư?" Tuệ Năng nói: "Lời ấy tuy hay khéo nhưng chưa liễu ngộ". Mọi người chung quanh đều cười cho rằng Huệ Năng nói lời vọng. Sau đó Tuệ Năng làm bài kệ tụng xướng hòa, đêm đó mượn bút của một đồng tử nhờ đến bên kệ tụng của Thần Tú mà viết rằng:

"Bồ-đề vốn không cội
Gương sáng cũng chẳng đài
Xưa nay không một vật
Nơi nào dính bụi dơ".

Đến lúc Tôn giả trông thấy đó, im lặng hứa khả, chẳng vội ngợi khen, sợ người ghanh ghét cùng làm hại, mới giả vờ chê trách đó, bảo rằng: "Ai làm kệ tụng này cũng chưa thấy tánh". Đại chúng nhân đó cũng chẳng ngó ngàng đến lời của Tuệ Năng. Nửa đêm Tôn giả bèn ngầm bảo Tuệ Năng vào thất mà bảo: "Chư Phật xuất hiện nơi đời chỉ vì một đại sự nhân duyên. Bởi vì căn khí của chúng sinh có lớn nhỏ khác nhau, bèn theo đó mà dẫn dắt, nên có các pháp ba thừa, mười địa, đốn, tiệm, gọi đó là giáo môn, riêng đem Đại pháp nhãn tạng chân thật vi diệu Vô thượng đầu tiên trao cho thượng thủ Ma-ha Ca-diếp, sau đó lần lượt truyền trao đến đời hai mươi tám, Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma mới đem đến phương Đông truyền trao lần lượt đến đời ta. Nay ta đem Đại pháp nhãn tạng và pháp y Tăng-già-lê, bình bát báu thọ nhận trước kia đều giao phó cho ông, ông khéo nên gìn giữ chớ khiến dòng pháp dứt tuyệt, hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Hữu tình đến gieo giống
Nhân đất quả lại sinh
Vô tình đã không giống
Vô tình cũng không sinh".

Cư sĩ Tuệ Năng đã thọ nhận Đại pháp và y bát đó, kính lễ mà hỏi Tôn giả rằng "Pháp thì đã nghe dạy, còn y bát nên truyền trao người

sau chăng?" Tôn giả bảo: "Xưa kia Tổ sư Bồ-đề-đạt-ma vì đến từ xứ khác tuy truyền pháp cho Nhị tổ – Tôn giả Tuệ Khả, nhưng sợ người đời chưa tin Nhị tổ tiếp thừa từ thầy nên đem y bát truyền trao để làm chứng nghiệm còn tông ta nay khắp thiên hạ đều nghe biết, không ai chẳng tin, nên y bát ấy có thể dừng ở ngay ông, nhưng Chánh pháp từ ông mà càng mở rộng nếu cứ truyền ấy, sợ khởi nên mối tranh giành. Ông nên đi ngay vậy. Ông nên ẩn dật qua thời gian sau mới hoằng hóa". Tuệ Năng lại hỏi: "Nay con nên đi về xứ nào?" Tôn giả đáp: "Gặp hoài thì dừng, gặp hội thì ẩn". Tuệ Năng vâng lời chỉ dạy, đêm đó liền ra đi. Sau đó ba ngày, Tôn giả chẳng ra giảng pháp, Đại chúng đều nghi ngờ, cùng nhau đồng thưa hỏi. Tôn giả bảo: "Pháp ta đã lưu truyền đến phương Nam, giờ lại nói gì?" Đại chúng lại hỏi: "Người nào đắc pháp?" Tôn giả đáp: "Ông Năng đắc đó". Đại chúng mới rõ Cư sĩ họ Lô được truyền Đại pháp, bèn cùng nhau đuổi theo, mà Tuệ Năng đã đi mất hẳn.

Sau đó bốn năm, một ngày nọ Tôn giả bỗng bảo Đại chúng: "Việc ta đã xong, đáng nên đi vậy". Bèn vào thất an tọa mà thị tịch. Lúc đó là năm Ất hợi( ) tức năm Thượng Nguyên thứ hai thời Tiền Đường. Tôn giả hưởng thọ bảy mươi bốn tuổi. Bốn chúng tạo dựng tháp an táng tại Đông sơn thuộc huyện Hoàng mai. Về sau, vua Đại Tông (Lý Dự) ban phong thụy hiệu Tôn giả là "Đại Mãn Thiền sư", tháp hiệu là "Pháp Vũ".

5. TRUYỆN TÔN GIẢ TUỆ NĂNG, TỔ THỨ BA MƯƠI BA Ở TRUNG HOA.

Tôn giả Tuệ Năng vốn dòng họ Lô. Tổ tiên vốn người xứ Phạm dương. Thân phụ tên là Hành Thao. Trong khoảng niên hiệu Vĩ Đức (618-627) thời Tiền Đường, bị giáng quan đến Tân châu, mới sinh Tôn giả, nhân dó Tôn giả bèn là người xứ Tân hưng. Tôn giả vừa mới ba tuổi thì thân phụ qua đời, thân mẫu lại không tiếp bước, riêng nuôi dưỡng Tôn giả để được trọn đời, nhưng vì nhà nghèo khó, mẹ con cực khổ khó thể tồn tại, Tôn giả bèn làm nghề bán củi để kiếm sống. Một ngày nọ đến chợ, ngược đường đi lại nghe trong khách hàng có người đọc tụng kinh, Tôn giả liền hỏi người ấy: "Đó là kinh gì?" Người ấy đáp: "Kinh Kim Cang" Tôn giả hỏi: "Ông có được kinh đó từ người nào?" Người ấy đáp: "Nay Ngũ tổ - Đại sư Hoằng Nhẫn hiện ở tại huyện Hoàng mai thường bảo mọi người: nếu trì tụng kinh ấy tức chóng được kiến tánh, nên tôi trì tụng đó". Nghe thế, Tôn giả mừng vui, bèn lo chuẩn bị lương thực cho thân mẫu một thời gian, xong, nhân đó xin đi cầu pháp. Giã

từ thân mẫu Tôn giả đi đến Thiều dương, gặp Cư sĩ Lưu Chí Lược dẫn Tôn giả kết làm bạn lành. Mới đầu, Lưu Chí Lược có người cô xuất gia làm Ni tên là Vô Tận Tạng chuyên trì tụng kinh Niết-bàn, Tôn giả đến nghe kinh ấy, sau đó không lâu muốn vì cô Ni mà giải thích. Cô Ni bèn đưa kinh cho Tôn giả, Tôn giả bảo: "Ngươi đọc kinh chứ ta không biết chữ". Cô Ni bảo: "Chữ còn không biết, làm sao giải nghĩa". Tôn giả bảo: "Diệu lý của chư Phật đâu ở nơi văn tự". Cô Ni lấy làm lạ lời nói đó, biết Tôn giả hẳn là người khác thường, bèn nói cùng mọi người trong làng xóm. Mọi người kính trọng đức hạnh của Tôn giả, sau đó tu sửa Bảo Lâm Lan Nhã mà thỉnh mời Tôn giả đến ở đó. Ở chưa bao lâu, Tôn giả bỗng nhiên tự cảm nghĩ: "Mới đầu tu vì pháp mà đi tìm thầy, sao lại lâu ở nơi đây?" Bèn giã từ Bảo Lâm, đi đến huyện Lạc dương thuộc Thiều dương gặp Tôn giả Trí Viễn là bậc Sa-môn cao hạnh. Tôn giả tạm dừng nương tựa ở đó mới chỉ hơn mười ngày, Tôn giả Trí Viễn bảo cùng Tôn giả rằng: "Tôi nhận thấy sự hiểu của ông khác với người thường, tìm đến cầu đạo nơi tôi, nhưng tôi hẳn không đủ giúp cùng. Hiện tại, Thiền sư Hoằng Nhẫn ở Hoàng mai mới đáng bậc Tổ sư Đại pháp, xứng làm thầy của ông, ông nên nhanh đến đó. Nếu đắc đạo, trở về phương Nam đừng quên độ tôi". Tôn giả bèn theo hướng Bắc đi tới, lúc đó là đã 32 tuổi.

Khi đến Đông sơn, Tôn giả Hoằng Nhẫn im lặng nhận biết Tôn giả là bậc pháp khí, mới đâu dùng lời thử hỏi, sau mới truyền trao Đại pháp nhãn tạng. Khi đã đắc pháp, Tôn giả bèn trở về phương Nam, mà đồ chúng tiên tiến ở Đông sơn đều không cam chịu bèn đuổi theo tìm, trong đó có vị tên là Tuệ Minh đuổi theo đến Sưu lãnh, Tôn giả bèn đặt đặt bình bát và pháp y trên tảng đá mà tự ẩn mình trong lùm cỏ. Tuệ Minh đến nâng dất y bát nhưng không chuyển động, mới gọi: "Tôi vì pháp mà đến chứ không phải vì y bắt, pháp huynh ẩn đâu nên ra đây". Tôn giả bèn ra cùng gặp, đàm nói giáo pháp, Tuệ Minh liền tỏ ngộ, kính lễ Tôn giả, Tuệ Minh bèn bảo: "Người đó đi đã xa lắm vậy".

Tôn giả trở về phương Nam ẩn dật tại Tứ hội, Hoài tập qua một thời gian lẫn lộn trong hàng thế tục tuy suốt bốn năm mà không ai hay biết. Mùa xuân năm Nghi Phụng thứ nhất (676) thời Tiền Đường, Tôn giả mới đến Nam hải dừng nghỉ tại chùa Pháp Tánh. Gặp Pháp sư Ấn Tông ở chùa đó giảng kinh Niết-bàn. Mới đầu Tôn giả nghỉ ở nơi hành lan phòng thất. Một đêm nọ gió nổi, cây phướn trước chùa rung bay. Chốc lát có hai vị Tăng ở ngoài phòng thất bàn luận, một vị bảo: "Gió động", một vị bảo: "Phướn động". Hỏi đáp qua lại như vậy lắm nhiều

nhưng đều không thấy đạt lý. Tôn giả nghe vậy liền ra nói cùng hai vị Tăng rằng: "Có thể cho hàng tục sĩ cùng bàn nghị chăng?" Một vị Tăng bảo: "Xin nghe ông nói". Tôn giả bảo: "Chẳng phải gió động, chẳng phải phướn động, chánh tâm của Nhân giả động vậy". Hôm sau, hai vị Tăng ấy đem lời Tôn giả nói trình cùng Pháp sư Ấn Tông. Pháp sư Ấn Tông lấy làm lạ đó, liền dẫn mời Tôn giả vào phòng thất, cật vấn rốt cùng nghĩa lý ấy. Tôn giả cùng đem đại lý mà giải đáp. Khi ấy Pháp sư Ấn Tông càng kính phục, bảo cùng Tôn giả rằng: "Cư sĩ thật không phải phải người thường phàm. Học từ ai và sao mà đắc đạo, xin chớ ẩn giấu, mong vì chỉ bày cho!" Tôn giả bèn đem đầy đuôi việc mình đắc pháp mà trình bày. Pháp sư Ấn Tông rất may mắn được gặp, liền giữ lễ làm đệ tử xin được học pháp yếu nơi Tôn giả. Và bèn bảo đồ chúng của mình rằng: "Đây là cư sĩ họ Lô, là Nhục Thân Bồ-tát, Ấn Tông tôi là kẻ phàm phu không có ý cùng được gặp gỡ mà được gặp gỡ". Rồi chọn ngày nhóm tập các vị Tỳ-kheo kỳ túc vì xuống tóc cho Tôn giả, lại chọn ngày trang nghiêm giới đàn tại chùa, mời luật sư Trí Quang vì tác pháp để Tôn giả thọ giới Cụ túc. Giới đàn đó, trước kia trong thời Tiền Tống, Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-ma mở đầu phiên dịch kinh, có dự ghi rằng: "Sau khi này sẽ có Nhục Thân Bồ-tát thọ giới tại đây". Và khoảng cuối thời nhà Lương, Tam tạng Pháp sư Chân Đế đến nơi đàn ấy tự tay trồng hai cây Bồ-đề và cũng dự ghi rằng: "Về sau bốn đời sẽ có bậc thượng thừa Bồ-tát thọ giới tại nơi đây. Vị ấy giảng pháp độ người đông nhiều vô lượng". Thọ giới xong, Đại chúng liền thỉnh cầu Tôn giả khai giảng pháp môn của Đông sơn. Điều trước kia Tam tạng Pháp sư Cầu-na-bạt-ma và Chân Đế xưng gọi là "Thánh sĩ đắc quả", đến lúc Tôn giả xuất gia mới thật ứng nghiệm.

Qua năm sau (677), Tôn giả nghĩ muốn trở về tinh xá Bảo Lâm, mới giã biệt Đại chúng ra đi. Pháp sư Ấn Tông cùng các hàng đạo tục có hơn ngàn người tiễn đưa Tôn giả đến Thiều dương. Sau đó không lâu thứ sử Thiều châu là vi cứ thỉnh mời Tôn giả đến ở chùa Đại Phạm thuộc trong châu ấy giảng nói pháp. Khi ấy các hàng huyền nho sĩ tục đến hỏi đạo đông nhiều như Khổng Tử lúc ở tại Chu tứ vậy. Đại chúng ấy biên tập lại lời Tôn giả giảng, lấy tựa đề là "Đàn Kinh (tức kinh pháp Bảo Đàn)". Và bình thường Đại chúng cùng nương tựa Tôn giả chẳng dưới ngàn vị.

Nghe đạo phong của Tôn giả, trong khoảng niên hiệu Thần Long (705-707) thời Tiền Đường, vua Trung Tông (Lý Hiến) mới ban sắc chiếu: "Trẫm thỉnh mời hai sư Tăng: An và Tú vào trong cung để hỏi đạo

nhưng hai sư Tăng ấy đều suy tôn là "Ở phương Nam có Thiền sư Năng là người đích thân thọ nhận y pháp từ Đại sư Hoằng Nhẫn, có thể đến đó để hỏi" nên nay thỉnh mời vào nội cung để cung phụng. Sai phái Tiết Giản mang sắc chiếu đến Tôn giả, nên nhớ nghĩ đến giúp ý của trẫm". Tôn giả bèn dâng thư cáo bệnh không đến. Nhân đó, Tiết Giản hỏi Tôn giả rằng: "Các bậc Thiền giả ở kinh đô thường nói: "Muốn được hợp đạo, cần phải tọa thiền, nếu chẳng nhân thiền định mà được giải thoát thì việc ấy chưa từng có", lời nói ấy như thế nào?" Tôn giả đáp: "Đạo do tâm ngộ, đâu tại ngồi ư? Trong kinh nói: "Nếu nói Như Lai có lại có đi, có ngồi có nằm thì người ấy không hiệu nghĩa ta (Phật) nói: "Vì sao? Như Lai không từ đâu lại cũng chẳng đi đâu là Như Lai. Phàm không từ đâu lại là chẳng sinh, không đi đâu là chẳng diệt. Nếu không sinh diệt tức là Như Lai thiền thanh tịnh. Các pháp không tịch tức là Như Lai tọa thanh tịnh. Rốt ráo không đắc, cũng không chỗ chứng, sao hẳn phải ngồi ư?" Tiết Giản lại hỏi: "Tiết Giản tôi trở về, Hoàng đế hẳn có điều đoái hoài han hỏi. Xin Đại sư chỉ dạy pháp yếu, ngỏ hầu đối đáp thỏa xứng để ban bố cho khắp kinh đô nước nhà, khiến người học tập tu theo đó. Tợ như đem một ngọn đuốc châm đốt đến trăm ngàn ngọn đuốc, ngỏ hầu tối tăm đều được tỏa sáng, và ánh sáng ấy sáng mãi mãi chẳng dứt". Tôn giả bảo: "Đạo không tối sáng. Tối sáng là nghĩa của đối đãi. Sáng ấy sáng mãi không dứt cũng là có chỗ hết, bởi cùng đối đãi mà lập danh. Nên trong kinh nói: "Pháp không có so sánh, không tướng đối đãi". Tiết Giản nói: "Sáng thí như trí tuệ, tối dụ như phiền não, người tu đạo nếu không dùng trí tuệ để chiếu phá phiền não thì sinh tử từ vô thỉ lại do đâu mà được thoát lìa?" Tôn giả bảo: "Nếu dùng trí tuệ để chiếu phá phiền não thì đó là căn cơ của hàng Tiểu thừa, trẻ con, nai, dê v.v... vậy. Với các bậc thượng trí đại khí đều không như vậy". Tiết Giản hỏi: "Thế nào là kiến giải Đại thừa?" Tôn giả đáp: "Minh và vô minh, tánh ấy không hai. Tánh không hai tức là thật tánh. Thật tánh ở nơi hàng phàm ngu không giảm, ở hàng Hiền Thánh không Tăng, ở phiền não mà chẳng loạn, ở thiền định mà chẳng tịch. Chẳng đoạn chẳng thường không đi không lại, chẳng ở trung gian, cũng không trong ngoài, chẳng sinh chẳng diệt, tánh tướng như như thường trú chẳng đổi thay, gọi đó là đạo". Tiết Giản hỏi: "Điều Đại sư nói chẳng sinh chẳng diệt cùng với lời ngoại đạo nào có khác gì?" Tôn giả đáp: "Ngoại đạo nói chẳng sinh chẳng diệt, tức lấy diệt để chấm dứt sinh, dùng sinh để hiển bày diệt, diệt như chẳng diệt, sinh nói không sinh, đâu thể đồng với ngoại đạo ư? Nhân giả muốn thấu rõ tâm yếu chỉ nên đối với tất cả thiện ác đều

chớ nghĩ lường, tự nhiên được vào, tâm thể trọn nhiên thường tịch, diệu dụng khắp hằng sa". Khi ấy Tiết Giản phát ngộ mà lui ra trở về triều đình, quả nhiên đem lời ấy tấu trình. vua Trung Tông rất vui mừng lại ban sắc chiếu ủi an cảm tạ, dâng tặng Tôn giả các thứ tích trượng, pháp y, gấm báu, v.v... mỗi mỗi có khác, ban sắc cải đổi tên tinh xá Bảo Lâm thành chùa Trung Hưng. Năm sau lại bảo Thiều châu thứ sử mới đến lại đổi tên là chùa Pháp Tuyền. Lấy nơi Tôn giả ở xưa trước tại Tân châu là chùa Quốc Ân.

Tôn giả từng bảo Đại chúng rằng: "Các Thiện tri thức! Các ngươi mỗi nên tịnh tâm lắng nghe ta nói pháp. Tự tâm các ngươi là Phật, chớ nên nghi ngờ, bên ngoài không một pháp nào có thể kiến lập, tất cả đều do tự tâm sinh muôn thứ pháp. Nên trong kinh nói: "Tâm sinh thì các thứ pháp sinh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt, nếu muốn thành đạt chủng trí, phải đạt "Nhất tướng Tam-muội", "Nhất hạnh Tam-muội". Nếu với tất cả các nơi mà không chấp trú tướng, đối với trong tướng ấy chẳng sinh thương ghét, chẳng lấy chẳng bỏ, chẳng nghĩ nhớ lợi ích, thành đạt hay bại hoại v.v..., các việc mà an ổn thanh tịnh. Đó gọi là "Nhất tướng Tam-muội". Nếu với tất cả các nơi đi đứng nằm ngồi thuần nhất thẳng tâm, chẳng động đạo tràng, bèn thành Tịnh độ. Đó gọi là "Nhất hạnh Tam-muội". Nếu người thành tựu hai môn Tam-muội đây, như đất có giống hay ngậm chứa nuôi lớn thành tựu thật đó. "Nhất tướng và Nhất hạnh Tam-muội" cũng lại như vậy. Nay ta giảng pháp cũng như lúc mưu đượm nhuần khắp cả đại địa, Phật tánh trong các ngươi thí như hạt giống, gặp được đượm nhuần này thảy đều phát sinh. Người giữ lấy lời ta, quyết định sẽ chứng đắc Bồ-đề, người nương theo ta mà thực hành, nhất định sẽ chứng đắc Phật quả".

Đến năm Tiên Thiên thứ nhất (712) thời Tiền Đường, một ngày nọ bỗng nhiên Tôn giả bảo Đại chúng rằng: "Ta tủi nhục ở nơi Đại sư Hoằng Nhẫn thọ pháp yếu và y bát, nay tuy giảng pháp, mà không truyền y bát, bởi vì tín tâm các ngươi thành thục không còn nghi ngờ nên không truyền đó. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

"Đất tâm ngậm các giống
Mưu khắp thảy đều sinh
Hoa đến ngộ đượm tình
Quả Bồ-đề tự thành".

Tôn giả lại bảo: "Pháp ấy không hai, tâm ấy cũng vậy, đạo ấy thanh tịnh cũng không các tướng. Các ngươi hãy cẩn trọng quán tịnh và không tâm đó, tâm đó vốn tịnh không thể lấy bỏ, mỗi người hãy tự nỗ

lực, tùy duyên khéo đi hoằng hóa”. Tôn giả giảng pháp độ người đến lúc đó đã bốn mươi năm. Trước kia, Tôn giả từng bảo tạo dựng bảo tháp tại chùa Quốc Ân ở Tân châu. Ngày mồng 06 tháng 06 năm đó (712) lại thúc giục thêm thợ làm cho chóng thành. Bởi vì chùa Quốc Ân là nền móng nhà Tôn giả sinh sống xưa trước. Ý Tôn giả tạo dựng bảo tháp là muốn báo đáp ân đức của song thân Tôn giả.

Đến ngày mồng 01 tháng 07 năm Tiên Thiên thứ 02 (713) thời Tiền Đường, Tôn giả bảo môn nhân đệ tử rằng: “Ta sắp trở về Tân châu, các người nên chuẩn bị thuyền bè”. Khi ấy Đại chúng đều buồn xót kính mộ thỉnh cầu Tôn giả lưu lại. Tôn giả bảo: “Chư Phật ra đời còn nhập Niết-bàn. Có hẳn có đi đó là lý thường vậy. Hình hài ta đây trở về vì hẳn đã có nơi”. Đại chúng lại hỏi: “Từ nay thầy đi, bao lâu nữa trở lại?” Tôn giả đáp: “Lá rụng về cội, lúc lại không thể nói”. Đại chúng hỏi: “Đại pháp nhãn tạng từ thầy truyền trao cho người nào?” Tôn giả đáp: “Người có đạo thì đắc, người vô tâm thì thông”. Đại chúng hỏi: “Sử lưu lại lời dạy về sau có nạn gì không?” Tôn giả đáp: “Sau khi ta diệt độ khoảng năm - sáu năm, hẳn có một người lại lấy đầu ta. Hãy nghe ta nói bài kệ tụng đây:

“Trên đầu nuôi (người) thân
Trong miệng phải ăn
Gặp mãn gây nạn
Dương liễu làm quan”.

Tôn giả lại bảo: “Sau khi ta thị tịch khoảng bảy mươi năm, có hai vị Bồ-tát từ phương Đông đến, một vị xuất gia và một vị tại gia cùng chung làm hưng thạnh Phật pháp, sửa sang chốn Già-lam, gìn giữ tông chỉ của thường”. Thế rồi, Tôn giả đi đến Tân châu ở chùa Quốc Ân. Sau đó tắm rửa xong, Tôn giả an tọa mà thị tịch, có mùi hương thơm khác lạ phảng phất, ráng cầu vồng giáng xuống đất. Lúc đó là ngày mồng 02 tháng 08 năm Quý sửu (713) tức năm Tiên Thiên thứ hai thời Tiền Đường. Bấy giờ ở hai quận Tân châu và Thiều châu mỗi nơi đều tạo dựng bảo tháp, muốn tranh giành nghinh thỉnh châu thể của Tôn giả qua thời gian lâu mà không thể quyết định đưa về đâu, thứ sử mới cùng mọi người ở hai quận đốt hương khấn nguyện: “Nếu khói hương đến xứ nào, tức được nghinh thỉnh đi”. Chỉ chốc lát mà khói hương chợt tỏa phát về hướng Bắc đến Thiều châu. Ngày 13 tháng 11 năm đó (713) mọi người ở Thiều châu mới được nghinh thỉnh về an táng tại khe Tào Hầu (Tào Khê), nay đó tức là chùa Nam Hòa, Tôn giả hưởng thọ 76 tuổi, Thứ sử Vi Cứ soạn thuật văn bia Tôn giả.

Mới đầu, lúc nghinh thỉnh nhục thân Tôn giả nhập tháp, đồ chúng nghĩ lời Tôn giả bảo là "sẽ có người đến lấy đầu ta", nên dùng lá sắt bền chắc bao quanh nơi cổ Tôn giả. Đến nửa đêm mống 03 tháng 08 năm Khai Nguyên thứ mười (722) thời Tiền Đường, bỗng nghe nơi tháp có tiếng như phá kéo sắt, người chủ trông giữ tháp kinh hãi dậy chợt thấy một người tướng trạng như Hiếu Tử (đó có nghĩa là ngày ấy thấy có một người vận mặc tang phục mà lẫn lộn nên nói thuộc loại như con hiếu bởi thuận theo ý của Tôn giả nói ẩn) từ nơi tháp vội chạy ra, sau đó đến trông xem quả nhiên lá sắt bao quanh gìn giữ ấy có vết sẹo, bèn cho là giặc cướp nên báo trình cùng châu ấp. Quan ban lệnh nghiêm bắt đó, ngày sau tại nơi góc đá trang ấp bên thôn quả nhiên bắt được kẻ giặc. Quan lại vặn hỏi, kẻ giặc tự khai họ tên là Trương Tịnh Mãn, vốn người xứ Huyện lương tại Nhữ châu, vừa đến ở chùa Khai Nguyên tại Hồng châu nhận sự đút lót của vị Tăng người nước Tân La tên là Kim Đại Bi khiến lấy đầu của Tổ sư đem về nước đó để tôn thờ. Quan lại muốn theo pháp luật bắt tội, nhưng thứ sử vì tình ấy không nỡ làm ác mới hỏi Thiền sư Linh Thao – đệ tử của Tôn giả. Thiền sư Linh Thao đem Phật pháp mà luận bèn muốn khiến để như nguyên. Thứ sử ngợi khen ý của Thiền sư Linh Thao và cũng theo đó mà tha cho Trương Tịnh Mãn. Khi ấy thứ sử tại châu ấy là Dương Tô Thiểm, huyện lệnh tên là Trương Khản, kẻ giặc tên là Trương Tịnh Mãn mới nghiệm chứng lời sấm của Tôn giả không sai nhầm.

Trong khoảng niên hiệu Thượng Nguyên (760-762) thời Tiền Đường, vua Túc Tông rất kính mộ đạo phong của Tôn giả, thường ban sắc chiếu thỉnh lấy pháp y bình bát của Tôn giả được trao truyền lưu vào nội cung để kính lễ. Sau khi vua Túc Tông (Lý Hanh) băng hà, vua Đại Tông (Lý Dự) tiếp kế ngôi vị. Ngày mồng 05 tháng 05 Vĩnh Thái thứ nhất (765) thời Tiền Đường bèn mộng thấy Tôn giả đến thỉnh pháp y bình bát ấy về lại, vua càng kính trọng pháp ấy, ngày mồng bảy liền ban sắc chiếu sai sứ thần thỉnh đưa về lại Tào Khê. vua Hiến Tông (Lý Truân) sắc phong thụy hiệu Tôn giả là "Đại Giám Thiền sư", tháp hiệu là "Nguyên Hòa Linh Chiếu".

Mới đầu, Tôn giả hiện tướng người nghèo hèn bán củi, lẫn lộn trong phàm tình, tự cho là không biết chữ. Đến lúc đạo pháp hơi hiển bày thì văn tự trong Tam tạng giáo điển cho đến các thứ sách truyện ở thế tục, Tôn giả đều dẫn nêu luận bàn, mỗi mỗi đều như vốn đã luyện tập, diễn giảng Thánh giáo, giải thích nghĩa kinh, đủ sức vô ngại đại biện như sông biển dâng trào, mọi người không thể thấu đạt bờ mé đó.

Xưa kia, ở thời Tiền Đường, tướng thủy hưng công Trương Cửu Linh lúc bé nhỏ người nhà dẫn đến kính lễ Tôn giả, Tôn giả dưa tay vỗ trên đỉnh đầu và bảo: "Đứa bé kỳ đặc này, sau sẽ là vật quý của nước nhà". Tôn giả có sự thấy trước biết xa, đại loại đều như vậy. Ai bảo là Tôn giả không biết văn tự trong thế tại ư?" Các bậc thức giả bảo rằng: "Tôn giả chẳng phải là người không biết chữ, chỉ hiện bày tướng không biết. Bởi vì đạo ấy không phải văn tự nghĩ ngôn của thế tục có thể dẫn kịp, bởi có chỗ nêu bày vậy. Nhưng Chánh pháp lưu truyền đến phương Đông, đến thời Tôn giả càng mở rộng, những người tiếp thừa đều là hàng đại sĩ trác tuyệt dần trăng trải khắp bốn biển. Đạo đức lợi người của Tôn giả dẫn mãi đến nay vẫn đội nhờ đó, rõ ràng Tôn giả đâu phải là người bán củi thật sự hay là kẻ mới học ư? Nên Tôn giả thật là hàng Thánh nhân giáng vết hiện bày nơi nhỏ nhiệm vậy. Tôn giả là bậc Đẳng giác hay Diệu giác ư? Không thể hẳn biết được đó vậy.

*** Thử luận bàn:**

Pháp của Thánh nhân vốn chỉ một, sao dụng có Nam Bắc phân tông ấy ư? Đáp: Chỗ về của một nước có đường gập ghềnh vậy, nếu chẳng phân, sao ngay thẳng được. Một dòng họ lưu xuất có đích có thứ vậy, chẳng phân ai thân. Trong truyện (Tống Cao Tăng truyện) dùng phương ba lực sĩ cùng bắn một lại xoa kiên cố. Một người tên là Ma-kiện-na tuy bắn trúng và phá mà không đạt. Một người tên là Na-la-diên bắn vừa trúng vừa phá vừa đạt mà lại xuyên đến vật khác. Chẳng phải lạc xoa kiên cố có mạnh có yếu, mà bởi do thế người bắn chẳng đồng. Tôn giả Tuệ Năng - Nam Tông có thể gọi là Na-la-diên đích thân được thưởng. Ấy cũng dụ cho gần ấy vậy.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 6
- (HẾT) -

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 7

LƯỢC TRUYỆN CHÁNH TÔNG PHÂN GIA

LỜI TỰA

"Chánh tông đến đời Đệ lục tổ (ở Trung Hoa) - Thiền sư Đại Giám, Tuệ Năng, pháp ấy càng mở rộng. Đệ tử của Tổ sư mỗi mỗi lại tương truyền, nên đời sau được mỗi tự lấy làm gia, nhưng tiếp thừa đạo phong của gia ấy lấy làm thành học giả, đời sau lại càng đông nhiều tỏa khắp thiên hạ, đầu đuôi sự việc đó đã rõ ở "Truyền Đăng Lục", "Quảng Đăng Lục" và "Tông Cao Tăng Truyện", tôi (Khế Tung) không xếp đặt lại ở đây mà chỉ biên ghi thế hệ lần lượt lưu xuất thôi, nên truyện phân gia phát khởi từ Thiền sư Đại Giám - Tuệ Năng và kết thúc ở Thiền sư Trí Viễn, có cả thảy một ngàn ba trăm lẻ bốn vị".

Từ Thiền sư Đại Giám - Tuệ Năng lưu xuất nối dõi dòng pháp (có bốn mươi ba vị):

1. Tam tạng Pháp sư Quật-đa người ở nước xứ Tây Ấn Độ
2. Thiền sư Pháp Hải ở Thiều dương
3. Thiền sư Chí Thành ở Lô lăng
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở núi Biển thiền
5. Thiền sư Trí Hoàng ở Hà bắc
6. Thiền sư Pháp Đạt ở Chung lăng
7. Thiền sư Trí Thông ở Thọ châu
8. Thiền sư Chí Triệt ở Giang tây
9. Thiền sư Trí Thường ở Tín châu
10. Thiền sư Chí Đạo ở Quảng châu
11. Thiền sư Ấn Tông ở Quảng châu
12. Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh nguyên
13. Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam nhạc
14. Thiền sư Huyền Giác ở Ôn châu

15. Thiền sư Bản Tịnh ở núi Tư không
16. Thiền sư Huyền Sách ở Vụ châu
17. Thiền sư Linh Thao ở Tào khê
18. Thiền sư Tuệ Trung ở Quang trạch - Tây kinh
19. Thiền sư Thần Hội ở Hà trạch
20. Thiền sư Kỳ Đà ở Thiều dương
21. Thiền sư Tịnh An ở Phủ châu
22. Thiền sư Tầm ở Tung sơn
23. Thiền sư Định Chân ở La phù
24. Thiền sư Kiên Cố ở Nam nhạc
25. Thiền sư Đạo Tấn ở núi Chế không
26. Thiền sư Thiện Khoái
27. Thiền sư Lục Tố ở Thiếu sơn
28. Thiền sư Tông Nhất
29. Thiền sư Thiện Hiện ở núi tần vọng
30. Thiền sư Phạm Hạnh ở Nam nhạc
31. Thiền sư Tự Tại ở Tinh châu
32. Thiền sư Hàm Không ở Tây kinh
33. Thiền sư Thái tường ở Giáp sơn
34. Thiền sư Pháp Tịnh ở Quang châu
35. Thiền sư Biện Tài ở núi Thanh lương
36. Thiền sư Ngô Đầu Đà ở Quảng châu
37. Thiền sư Đạo Anh
38. Thiền sư Trí Bản
39. Thiền sư Pháp Chân ở Thanh uyển
40. Thiền sư Huyền Giai
41. Thiền sư Đàm thôi
42. Thiền sư Vi Cứ ở Thiều châu
43. Bồ-tát Tôn ở Nghĩa hưng.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG.

* Thiền sư Hành Tư ở núi Thanh nguyên, vốn người ở An vức, Cát châu. Mới đầu đến nơi pháp hội của Thiền sư Đại Giám làm bậc thủ chúng. Thiền sư Đại Giám từng bảo Hành Tư rằng: “Từ xưa trước pháp y và bình bát đều lưu truyền bởi giữ lấy chứng nghiệm cho người đời sau. Nay ta là người được truyền nào lo ngại ai không tin? Từ khi ta thọ nhận y bát đến nay thường lo ngại chẳng khỏi hoạn nạn. Nay lại trao truyền y bát đó thì lo ngại khởi mối tranh giành, nên y bát đó lưu

giữ lại tại Sơn môn. Các người thì mỗi tự đem giáo pháp giáo hóa các phương chớ khiến dứt tuyệt". Sau đó, Thiền sư Hành Tư trở về quê cũ ở chùa Tỉnh Cư tại núi Thanh nguyên, nơi lắm nhiều học giả đến nương tựa. Và có được một bị nối dõi dòng pháp là Thiền sư Hy Vận - Thạc Đầu ở Nam nhạc.

* Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam nhạc, vốn người ở Kim châu. Mới đầu từ pháp hội của Quốc sư An ở Tung sơn, Hoài Nhượng đến dự tham nơi Đệ lục tổ - Thiền sư Đại Giám - Tuệ Năng. Thiền sư Đại Giám hỏi: "Ông từ xứ nào lại?" Hoài Nhượng đáp: "Từ Tung sơn lại". Thiền sư Đại Giám tiếp bảo: "Vật gì nghĩ gì lại?" Hoài Nhượng đáp: "Nói tợ một vật tức chẳng trúng". Thiền sư Đại Giám tiếp hỏi: "Lại có thể tu chứng chăng?" Hoài Nhượng đáp: "Tư chứng tức chẳng không. Ô nhiễm tức chẳng được". Thiền sư Đại Giám bảo: "Chỉ không ô nhiễm ấy là điểm gìn giữ và nghĩ nhớ của chư Phật. Ông đã như vậy, ta cũng như vậy. Lời sấm của Tôn giả Bát-nhã-đa-la xưa trước chính ngay dưới chân ông sản sinh một con ngựa non đạp giẫm giết chết người trong thiên hạ. Bệnh tại tâm ông chẳng đợi nói nhanh". Khi ấy Hoài Nhượng chợt nhiên đại ngộ, theo hầu Thiền sư Đại Giám suốt mười lăm năm. Về sau đến ở tinh xá Bát Nhã tại Nam nhạc, học giả khắp bốn phương đều về nương tựa. Nên từ Hoài Nhượng lưu xuất nối dõi dòng pháp, có được chín vị:

1. Thiền sư Đạo Nhất ở Giang tây
2. Thiền sư Thường Hoạt ở Nam nhạc
3. Thiền sư Trí Đạt
4. Thiền sư Thản Nhiên
5. Thiền sư Thần Chiếu ở Triều châu
6. Thiền sư Nghiêm Lăng ở Dương châu
7. Thiền sư Bản Như ở nước Tân La
8. Thiền sư Huyền Thịnh
9. Thiền sư Pháp Không ở Đông vụ.

* Thiền sư Định Chân ở La phù lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Linh Vân.

* Thiền sư Đại Tấn ở núi Chế không lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Huyền Giác ở Kinh châu.

* Thiền sư Thiện Khoái ở Hạ hồi tại Thiều châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Thiện Ngộ.

* Thiền sư Bản Tịnh ở núi Tư không lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Trung sứ Dương Quang Đình.

* Thiền sư Duyên Tố (??) lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó

là:

1. Tiểu Đạo Tấn ở Thiều châu

2. Thiền sư Du Tịch ở Thiều châu.

* Thiền sư Kỳ Đà lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đạo Thiếu ở Hành châu.

* Thiền sư - Quốc sư Tuệ Trung ở Nam dương. Vốn người dòng họ Nhiễm ở Gia kỵ, Việt châu. Tuệ Trung đắc pháp từ Thiền sư Đại Giám, sau đó về ẩn cư trong cốc Đảng tử tại núi Bạch nhai, Nam dương, hơn bốn mươi năm không ra khỏi núi đó. vua Túc Tông (Lý Hanh) thời Tiền Đường nghe đạo phong của Tuệ Trung nên năm Thượng Nguyên thứ hai (761) mới sai phái sứ thần tôn triều tấn mang sắc chiếu đến thỉnh mời. Đến lúc Tuệ Trung đến kinh đô, vua lại ban sắc khiên kiệu lên điện, dùng để thờ thầy mà tiếp đãi. Nhưng đạo lực của Tuệ Trung rất xung mãn, trí tuệ biện tài tuyệt thế, tuy dùng khuôn phép của đạo để chỉ dạy vua mà không tỏ vẻ khiếp sợ lo ngại. Phá dẹp bọn tà kiến tuy có cả muôn mối vạn hỏi nhưng chưa từng có chút khuất phục. Tuệ Trung lưu xuất được năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chân Ứng - Đam Nguyên ở Cát châu

2. Thiền sư Duy Giới ở Hương nghiêm tại Đặng châu

3. Tôn Tri Hữu ở Khai phủ

4. Hoàng đế Túc Tông (Lý Hanh)

5. Hoàng đế Đại Tông (Lý Dự)

* Thiền sư Thần Hội ở Hà trạch tại Lạc dương. Mới đầu là một Sa-di đến tham kiến Thiền sư Đại Giám, nhân hỏi đáp mới phát đại tuệ. Sau khi thọ giới Cụ túc, gặp lúc Thiền sư Đại Giám đã thị tịch. Giáo thuyết của Thiền sư Thần Tú - Bắc tông dần hưng thạnh, Thần Hội bèn vân du đến kinh đô. Năm Thiên Bảo thứ tư (745) thời Tiền Đường, mới riêng cắt Tổ đạo phân làm Nam tông Bắc Tông biên thuật bộ sách lấy tựa đề là “Hiển Tông Luận”, nên pháp truyền của Thiền sư Đại Giám bèn cùng được tôn quý trong thiên hạ. Thần Hội lưu xuất được mười tám vị nói dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Phước Lâm ở núi Đại thạch tại Hoàng châu

2. Thiền sư Quang Bảo ở núi Thủy mông

3. Thiền sư Pháp Như ở Từ châu

4. Thiền sư Chuẩn Bình ở núi Tây ẩn tại quận Hoài an

5. Thiền sư Tuệ Diễn ở Lễ dương

6. Thiền sư Hoài Không ở Hà thang

7. Thiền sư Viên Chấn ở Nam dương

8. Thiền sư Quảng Phu ở Nghi xuân
9. Thiền sư Hạnh Giác ở Giang lăng
10. Thiền sư Thần Anh ở núi Ngũ đài
11. Thiền sư Vô Sinh ở núi Ngũ đài
12. Thiền sư Hạo Ngọc ở Nam nhạc
13. Thiền sư Chí Mãn ở Tuyên châu
14. Thiền sư Lãng ở Phù châu
15. Thiền sư Linh Thản ở Quảng lăng
16. Thiền sư Thông Ẩn ở Ninh châu
17. Thiền sư Nam Ấn ở Ích châu
18. Hà nam duẫn Lý Thường

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG

* Thiền sư Hy Thiên - Thạch Đầu ở Nam nhạc, lưu xuất hai mươi mốt vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Ngộ ở Thiên hùng tại Kinh châu
2. Thiền sư Thi Lợi ở Kinh triệu
3. Thiền sư Thiên Nhiên ở Đơn hà
4. Thiền sư Tuệ Lãng ở Chiêu đề tại Đà châu
5. Thiền sư Chấn Lãng ở Hưng quốc tại Trường sa
6. Thiền sư Duy Nghiễm ở Dược sơn tại Lễ châu
7. Hòa thượng Đại Xuyên ở Đàm châu
8. Hòa thượng Thạch Thê ở Phần châu
9. Hòa thượng Phật Đà ở Pháp môn tại Phụng tường
10. Hòa thượng Hoa Lâm ở Đàm châu
11. Hòa thượng Đại Điên ở Triều châu
12. Thiền sư Khoáng – Trường Tỳ ở Đàm châu
13. Hòa thượng Thủy Không
14. Thiền sư Bảo Thông
15. Thiền sư Đại Biện ở Hải lăng
16. Hòa thượng Chử Kinh
17. Thiền sư Đạo Tiên ở Hành châu
18. Thiền sư Thường Thanh ở Hán châu
19. Hòa thượng Toái Thạch ở Phước châu
20. Hòa thượng Thương Lãnh ở Thương châu
21. Hòa thượng Nghĩa Hưng ở Thường châu.

* Thiền sư Đạo Nhất vốn người dòng họ Mã tại huyện Thập phương, Hán châu. Hình dáng khôi ngô rất có dị tướng. Mới đầu xuất

gia tập học luật phạm thiền định đều hay tinh chuyên, về sau đến Hành sơn gặp Đại sư Hoài Nhượng, thấu rõ được cốt yếu Đại pháp. Sau đó đem pháp ấy về cho mọi người học Phật trong thiên hạ. Các hàng Vương hầu đại nhân kính mộ đạo phong xoay mặt giữ lễ làm học trò đến dưới pháp tòa đông nhiều vô lượng. Lời sấm của Tổ sư xưa trước đến đây đều ứng nghiệm vậy. Đạo Nhất lưu xuất được một trăm ba mươi bảy vị nối dõi dòng pháp. Sau đời Thiền sư Đại Giám, đem giáo pháp hóa độ được người thì chỉ một mình Đạo Nhất hưng thạnh cả. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Hải ở Đại châu tại Việt châu
2. Thiền sư Duy Chính ở Bách trượng
3. Thiền sư Pháp Hội ở Lặc đàm
4. Thiền sư Trí Kiên ở Sam sơn
5. Thiền sư Duy Kiến ở Lặc đàm
6. Thiền sư Đạo Hạnh ở Minh khê tại Lễ châu
7. Thiền sư Tuệ Tạng ở Thạch củng
8. Thiền sư Đạo Thông ở núi Tử ngọc
9. Thiền sư Nhượng ở Bắc lan tại Giang tây
10. Thiền sư Như Mãn ở Phật quang tại Lạc kinh
11. Thiền sư Đại Minh ở Nam nguyên
12. Thiền sư Tự Mãn ở Ly thôn tại Hàng châu
13. Thiền sư Hồng Ân ở Trung ấp tại Đảnh châu
14. Thiền sư Hoài Hải ở Bách trượng
15. Thiền sư Hạo Anh
16. Thiền sư Sùng Thái
17. Thiền sư Tiêu Nhiên ở núi Ngọc mổ
18. Thiền sư Sách ở Hoa châu
19. Thiền sư Trí Thông ở Lễ châu
20. Thiền sư Thần Giám ở núi Vân tú
21. Thiền sư Trí Thông ở Dương châu
22. Thiền sư Trí Tạng ở Hàng châu
23. Thiền sư Hoài Thao ở Kinh triệu
24. Thiền sư Pháp Tạng ở Xứ châu
25. Thiền sư Hoài Tắc ở phủ Hà Trung
26. Thiền sư Minh Cán ở Thường châu
27. Thiền sư Hồng Đàm ở Ngọc châu
28. Thiền sư Hoài Thản ở Tượng nguyên
29. Thiền sư Nguyên Lễ ở Lộ phủ
30. Thiền sư Bảo Khánh ở phủ Hà Trung

31. Thiền sư Chí Hiền ở Cam tuyền
32. Thiền sư Đạo Ngộ ở núi Đại hội
33. Thiền sư Pháp Nhu ở Lộ phủ
34. Thiền sư Giác Bình ở Kinh triệu
35. Thiền sư Thắng Biện ở Nghĩa hưng
36. Thiền sư Khánh Vân ở Hải lăng
37. Thiền sư Huyền Hư ở Hồng châu
38. Thiền sư Tổng Ấn ở núi Tam giác
39. Thiền sư Bảo Vân ở núi Lỗ tổ
40. Thiền sư Thường Hưng ở núi Lặc đàm
41. Thiền sư Trí Tạng ở Tây đường tại Xứ châu
42. Thiền sư Hoài Huy ở Chương kính tại Kinh triệu
43. Thiền sư Ninh Triết ở Bách nham
44. Thiền sư Đại Nghĩa ở Nga hồ
45. Thiền sư Tự Tại ở núi Phục ngưu
46. Thiền sư Bảo Tích ở Bàn sơn
47. Thiền sư Thái Dục ở núi Phù dung
48. Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma cốc
49. Thiền sư Tề An ở Diêm quan
50. Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ tiết
51. Thiền sư Hải Thường ở núi Đại mai
52. Thiền sư Duy Khoan ở Kinh triệu
53. Thiền sư Như Hội ở Hồ nam
54. Thiền sư Vô Đẳng ở Ngọc châu
55. Thiền sư Trí Thường ở Quy tông
56. Thiền sư Thanh Hạ ở Thiều châu
57. Thiền sư Duy Kiến ở núi Tử âm
58. Thiền sư Hồng Tuấn ở Phong sơn
59. Thiền sư Thần Ngoạn ở Luyện sơn
60. Thiền sư Đạo Viên ở Quật sơn
61. Thiền sư Duy Nhiên ở Ngọc đài
62. Thiền sư Đàm Ký ở Hội sơn tại Trì châu
63. Thiền sư Bảo Tích ở Kinh châu
64. Thiền sư Pháp Tạng ở phu Hà trung
65. Thiền sư Lương tân ở Hán nam
66. Thiền sư Sùng ở Kinh triệu
67. Thiền sư Trí Châu ở Nam nhạc
68. Thiền sư Pháp Tuyên ở Bạch hổ

69. Thiền sư Duy Trực ở Kim quật
70. Thiền sư Thường Triệt ở Bách nham tại Đài châu
71. Thiền sư Huy ở Càn nguyên
72. Thiền sư Đạo Nham ở Tề châu
73. Thiền sư Thường Kiên ở Tương châu
74. Thiền sư Đạo Bản ở Bảo chánh tại Kinh nam
75. Thiền sư Tĩnh Tông ở Vân thủy
76. Thiền sư Linh Nhu ở Kinh châu
77. Thiền sư Viên Sướng ở Long nha
78. Thiền sư Đạo Phương ở Song lãnh
79. Thiền sư Tư Quảng ở núi La phù
80. Thiền sư Định Khánh ở Hiện sơn
81. Thiền sư Duy Hiến ở Việt châu
82. Thiền sư Phổ Mãn ở Quang minh
83. Thiền sư Vô Nghiệp ở Phần châu
84. Thiền sư Quảng Trừng ở Đại đồng tại Lễ châu
85. Thiền sư Phổ Nguyện ở Nam tuyền
86. Thiền sư Phong ở Đặng ẩn núi Ngũ đài
87. Hòa thượng Phật Áo
88. Hòa thượng Ô Cửu
89. Thiền sư Đại Thiện ở Thạch sương
90. Hòa thượng Thạch Cửu
91. Hòa thượng Bản Khê
92. Hòa thượng Thạch Lâm
93. Chủ tọa Lượng ở Tây sơn
94. Hòa thượng Mặc Nhãn
95. Hòa thượng Mễ Lãnh
96. Hòa thượng Tề Phong
97. Hòa thượng Đại Dương
98. Hòa thượng Sơn ở Hồng loa
99. Hòa thượng Vô Liễu ở Quy dương
100. Hòa thượng Lợi Sơn
101. Hòa thượng Nhũ Nguyên
102. Hòa thượng Tùng Sơn
103. Hòa thượng Tắc Xuyên
104. Hòa thượng Đàm Tạng ở Tây viên
105. Hòa thượng Bách Linh
106. Hòa thượng Kim Ngưu

107. Hòa thượng Động An
108. Hòa thượng Đả Địa ở Hàng châu
109. Hòa thượng Tú Khê
110. Hòa thượng Thần Tạng ở núi Mã đầu
111. Hòa thượng Thiện Giác ở Hoa lâm
112. Hòa thượng Thủy Đường
113. Hòa thượng Cổ Tự
114. Hòa thượng Bề Thọ ở Giang tây
115. Hòa thượng Thảo Đường ở Kinh châu
116. Thiền sư Chân Thúc ở Dương kỳ
117. Hòa thượng Mông Khê
118. Hòa thượng Mặc Giản
119. Hòa thượng Hưng Bình
120. Hòa thượng Tiêu Diêu
121. Hòa thượng Phước Khê
122. Hòa thượng Thủy Lão
123. Hòa thượng Phù Bôi
124. Hòa thượng Long Sơn
125. Cư sĩ Bàng Uẩn
126. Thiền sư Minh Giác ở Thiên mục
127. Thiền sư hạnh Minh ở núi Vương cốc
128. Thiền sư Trí Tạng ở Kinh Triệu
129. Thiền sư Hy Hạng ở Đại dương
130. Thiền sư Định Giác ở Côn sơn
131. Đại sư Hồng Sơn ở Tùy châu
132. Thiền sư Nguyên Đề ở Liên châu
133. Thiền sư Tuệ Trung ở Tuyền châu
134. Thiền sư Hoài Không ở núi An phong
135. Thiền sư Đạo Hạnh ở núi La phù
136. Thiền sư Pháp Tạng ở Lô sơn
137. Thiền sư Ninh Bí ở núi Lã hậu.

* Thiền sư Ngộ - Điều Thiện ở Hạ hồi lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Vô Học ỏ Đàm châu.

* Thiền sư Đại Thiến ở Hành châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Như Thật ở Hồ nam.

* Thiền sư Chân Ứng ở núi Đam nguyên lưu xuất một vị nỗi dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Chánh Thúy ở Cát châu.

* Thiền sư Pháp Như lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

Thiền sư Duy Trung ở Kinh nam.

* Thiền sư Hoài Không ở Hà dương lưu xuất một nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đạo Minh ở Thái châu.

* Thiền sư Viên Chân ở núi Ô Nha lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

01. Ngô Đầu đà

02. Thiền sư Pháp Tín ở núi Tứ diện

* Thiền sư Vô Danh ở núi Đại lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Trừng Quán ở Hoa nghiêm tại núi Ngũ đài.

* Thiền sư Nhân ở Nam ấn tại Ích châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Nghĩa Nghê.

ĐỜI THỨ TƯ SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG

* Thiền sư Thiên Nhiên ở núi Đơn hà tại Đặng châu, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Vô Học ở Thúy vi tại Kinh triệu
2. Thiền sư Nghĩa An ở Đơn hà
3. Thiền sư Tánh Không ở Cát châu
4. Hòa thượng Bản Đồng
5. Hòa thượng Mễ Thương
6. Hòa thượng Đại Ẩn ở Lục hợp tại Dương châu
7. Hòa thượng Tuệ Cần ở Đan hà.

* Thiền sư Duy Nghiễm ở Dược sơn lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Viên Trí ở Đạo ngô
2. Thiền sư Đàm Thịnh ở Vân nham
3. Thiền sư Đức Thành ở Thuyền tử, Hoa Đình
4. Thiền sư Tuệ Tĩnh ở Bề thọ tại Tuyên châu
5. Sa-di Cao ở Dược sơn
6. Nhan Minh Triết ở Ngọc châu
7. Thiền sư Quang Mật Kinh nguyên tại Dĩnh châu
8. Thiền sư Quý ở Dược sơn
9. Hòa thượng Lạc Hà ở Tuyên châu.

* Thiền sư Khoáng - Trường Tỳ ở Đàm châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Thiện Đạo ở Thạch thất tại Đàm châu.

* Hòa thượng Đại Điên ở Triều châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Nghĩa Trung ở núi Tam bình tại Chương châu

2. Hòa thượng Thù sơn.

* Thiền sư Đại Xuyên ở Đàm châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Tiên Thiên

2. Hòa thượng Phổ Quang ở Phước châu.

* Thiền sư Trí Tạng ở Tây Đường tại Kiền châu, lưu xuất bốn vị nói dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Xử Vi ở Kiền châu

2. Thiền sư Đại Nghĩa ở Kê lâm

3. Thiền sư Tuệ ở nước Tân La

4. Thiền sư Hồng Trực ở nước Tân La.

* Thiền sư Bảo Triệt ở núi Ma cốc, tại Bồ châu, lưu xuất hai vị nói dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Lương Toại ở Thọ châu

2. Thiền sư Vô Nhiễm ở nước Tân La.

* Thiền sư Như Hội ở chùa Đông tại Hồ nam, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Siêu ở núi Thù du tại Cát châu

2. Thiền sư Cảnh Gia ở Thư châu

3. Thiền sư Quang Triệu ở chùa Trang nghiêm

4. Thiền sư Chiêu ở núi Mạc phụ tại Đàm châu.

* Thiền sư Hoài Huy ở chùa Chương Kính tại Kinh triệu, lưu xuất mười sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hoằng Biện ở Kinh triệu

2. Thiền sư Trí Chân ở Quy sơn

3. Thiền sư Hoài Chính ở Đảnh châu

4. Thiền sư Tháo ở Kim châu

5. Hòa thượng Cổ Đà ở Đảnh châu

6. Hòa thượng Công Kỳ ở phủ Hà Trung

7. Thiền sư Nhân Vân ở Bách lâm

8. Thiền sư Huyền Triết ở Tuyên châu

9. Thiền sư Bảo Kiên ở phủ Hà Trung

10. Thiền sư Đạo Chí ở Tây kinh

11. Thiền sư Thần Hựu ở Ráng châu

12. Thiền sư Trí Tạng ở Tây kinh

13. Thiền sư Vô tích ở Hứa châu

14. Thiền sư Duy Túc ở Thọ sơn

15. Thiền sư Huyền Dực ở Tân La

16. Thiền sư Giác Thể ở Tân La

* Thiền sư Tề An ở Diêm quan tại Hàng châu, lưu xuất tám vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Thường ở Quan nam tại Tương châu
2. Thiền sư Huyền Chân ở Song lãnh tại Hồng châu
3. Thiền sư Giám Tông ở Kính sơn
4. Thiền sư Đàm Tĩnh ở Bạch vân
5. Thiền sư Văn Cử ở Lộ phủ
6. Thiền sư Phẩm Nhật ở Tân La
7. Thiền sư Kiến Tông ở Thọ châu
8. Hoàng đế Tuyên Tông (Lý Thầm) thời Tiền Đường.

* Thiền sư Linh Mặc ở núi Ngũ tiết tại Vụ châu, lưu xuất bốn vị nối dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chánh Nguyên ở Quy sơn tại Phước châu
2. Thiền sư Hiểu Phương ở chùa Cam Tuyền
3. Thiền sư Nguyên Toại ở chùa Cam Tuyền
4. Thiền sư Tạng Áo ở chùa Thê Tâm tại Minh châu.

* Thiền sư Như Mãn ở chùa Phật Quang tại Lạc kinh, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thành Hư ở Thượng lâm tại Hồ nam
2. Hòa thượng Bí Ma ở Ngũ đài
3. Hòa thượng Lỳ Lâm ở Hồ nam
4. Thiền sư Văn Chất ở núi Lã hậu
5. Thiền sư Pháp Hà ở Tô châu.

* Thiền sư Bảo Tích ở Bàn sơn tại U châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Phổ hóa ở Trấn phủ
2. Hòa thượng Thượng Phương ở Trấn châu.

* Thiền sư Duy Khoan ở chùa Hưng Thiện tại Kinh triệu, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Pháp Trí ở Kinh triệu
2. Thiền sư Tuệ Kiến ở Kinh triệu
3. Thiền sư Vô Biểu ở Kinh triệu
4. Thiền sư Nguyên Tịnh ở Kinh triệu
5. Thiền sư Tuệ Quang ở Kinh triệu
6. Thiền sư Nghĩa Tông ở Kinh triệu.

* Thiền sư Tĩnh Tông ở Vân thủy lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thần Chiếu ở Tiểu Mã tại Hoa châu
2. Thiền sư Đạo Viên ở Hoa châu.

* Thiền sư Viên Sướng ở núi Long nha tại Đàm châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tạng Dặc ở Gia hòa
2. Thiền sư Tạng Xu ở Dương trường.

* Quốc sư Đại Đạt - Vô Nghiệp ở Phần châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thường Chánh ở Trấn châu
2. Thiền sư Nghĩa ở Phụng tiên tại Trấn châu.

* Thiền sư Pháp Thường (hoặc là Trí Thường) ở chùa Quy Tông tại Lô sơn, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Linh Huấn ở núi Phù dung tại Phước châu
2. Hòa thượng Cao Đình ở huyện Cốc thành tại Hán nam
3. Hòa thượng Đại Ngu ở Cao An tại Hồng châu
4. Thiền sư Trí Thông ở núi Ngũ đài
5. Thiền sư Đại Ngu ở Cao an tại Hồng châu
6. Thứ sử Lý Bột.

* Thiền sư Bản Vân ở núi Lỗ tổ, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Vân Thủy.

* Thiền sư Đạo Thông ở núi Tử ngọc, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Sơn nam đạo Tiết độ sứ Can Địch.

* Thiền sư Trí Nham ở chùa Hoa Nghiêm, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Hòa thượng Tề An ở Hàng châu.

* Thiền sư Hoài Hải, vốn người ở Trường lạc tại Phước châu, mới đầu đến Nam khương, tham học ở Thiền sư Đạo Nhất. Sau khi đắc cốt yếu Đại pháp, bèn đến ở núi Bách trượng. Các hàng học sĩ ở bốn phương đều quy hướng tựa nương, Hoài Hải có sự nhận biết rất xa, từng vì các pháp hội Thiền giả từ xưa trước chưa có chế độ, bèn vì việc ấy mà nhón rút các khuôn phép điều pháp trong kinh luật mà chỉ dạy lưu lại cho đời sau. Hoài Hải lưu xuất được ba mươi vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Linh Hựu ở Quy sơn
2. Thiền sư Hy Vận ở Hoàng nghiệt
3. Thiền sư Hoàn Trung ở núi Đại từ
4. Thiền sư Phổ Ngạn ở Thiên thai
5. Thiền sư Tánh Không ở Thạch sương
6. Thiền sư Thường Quán ở Quân châu

7. Thiền sư Đại An ở Phước châu
8. Thiền sư Thần Tán ở Cổ linh
9. Thiền sư Thông ở Quảng châu
10. Thiền sư Đài ở Vân long (hoặc Long vân) tại Gaing châu
11. Thiền sư Đạo ở Vệ quốc tại Lạc kinh
12. Hòa thượng Vạn Tuế ở Trấn châu
13. Hòa thượng Đông Sơn tại Hồng châu
14. Thiền sư Vô Úy ở Cao an
15. Thiền sư Đạo Khoáng ở Đông nham
16. Thiền sư Tố ở Hình châu
17. Thiền sư Cát Bản ở núi Đại thừa tại Đường châu
18. Thiền sư Tuệ Thâm ở núi Tiểu thừa
19. Thiền sư Chiêu Nhất ở Dương châu
20. Thiền sư Giám Thâm ở La phù
21. Thiền sư Phạm Vân ở núi Cửu tiên tại Hồng châu
22. Hòa thượng Niết Bàn ở Bách trượng
23. Thiền sư Tháo ở Lô sơn
24. Thiền sư Khế Chân ở Việt châu
25. Thiền sư Thiên Tánh ở Bao sơn tại Quân châu
26. Thiền sư Bỉ Ngạn ở núi Đại mai
27. Thiền sư Tạng Thuật ở Liêu ớn
28. Thiền sư Đạo Khương ở núi Kỳ xà
29. Hòa thượng Thanh Điền
30. Hòa thượng Đại Vu.

* Thiền sư Duy Trung ở Kinh nam lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Viên
2. Thiền sư Như Nhất ở Ích châu
3. Thiền sư Nhã ở Đông lâm tại Lô sơn
4. Thiền sư Thần Chiếu ở Phụng quốc.

* Ngô Đầu Đà lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Huyền Cố.

* Thiền sư Phổ Nguyện ở Nam tuyền tại Trì châu, lưu xuất mười bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Cảnh Sầm ở Trường sa
2. Thiền sư Đàm Chiếu ở Bạch mã
3. Thiền sư Sư Tổ ở núi Chung nam
4. Thiền sư Nghĩa Đoan ở Hương nghiêm

5. Thiền sư Tùng Nẫm ở Triệu châu
6. Thiền sư Nhàn ở Linh thứu tại Trì châu
7. Hòa thượng núi Thù du
8. Thiền sư Lợi Tung ở Tử hồ
9. Hòa thượng Tung Sơn
10. Hòa thượng Nhật Tử
11. Hòa thượng Tây Thiền ở Tô châu
12. Cư sĩ Cam Chí ở Trì châu
13. Thiền sư Tồn Chế ở Tư sơn
14. Thiền sư Đạo Hoằng ở Giang lăng
15. Thiền sư Huyền Cực ở Tuyên châu
16. Thiền sư Đạo Quân ở Tân La
17. Thứ sử Lục Tuyên ở tuyên châu

* Thiền sư Đạo Ngộ ở Thiên hoàng tại Kinh châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Sùng Tín ở Long đàm tại Lễ châu.

ĐỜI THỨ NĂM SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG

* Thiền sư Sùng Tín ở Long đàm tại Lễ châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuyên Giám ở Đức sơn
2. Hòa thượng Bảo Phong ở Lặc đàm.

* Thiền sư Tùng Nẫm ở Đông viện tại Triệu châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Nghiêm Dương ở Hồng châu
2. Thiền sư Tuệ Giác ở Dương châu
3. Thiền sư Phụng ở Lũng châu
4. Thiền sư Tùng Lãng ở Vụ châu
5. Thiền sư Tân Kiến ở Vụ châu
6. Hòa thượng Đa Phước ở Hàng châu
7. Hòa thượng Tây Mục ở Ích châu
8. Hòa thượng Ma Cốc
9. Thiền sư Định Ngạc ở Quán âm
10. Hòa thượng Mính Bình ở Tuyên châu
11. Thiền sư Miễn Đạo ở Thái nguyên
12. Thiền sư Yến Vương ở U châu
13. Thiền sư Triệu Vương ở Trấn châu.

* Thiền sư Lợi Tung ở non Tử hồ tại Cù châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Thắng Quang ở Đài châu
2. Hòa thượng Phù Thạch ở Chương châu
3. Hòa thượng Tử Đồng
4. Hòa thượng Nhật dung.

* Thiền sư Thù du ở Ngạc châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Hòa thượng Thạch Thê.

* Thiền sư Cảnh Sầm ở Trường sa lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thường Thông ở Tuyết đậu
2. Thiền sư Nghiêm Linh ở Vụ châu.

* Thiền sư Đàm Chiếu ở Bạch Mã, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Vô Danh ở Hoắc sơn tại Tấn châu.

* Thiền sư Tánh Không ở Cát châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Vụ Nguyên ở Hấp châu
2. Thiền sư Quang Nhân ở Tảo sơn.

* Thiền sư Vô Học ở Thúy vi tại Kinh triệu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Linh ở Thanh bình tại Ngạc châu
2. Thiền sư Đại Đồng ở núi Đầu tử
3. Thiền sư Như Nột ở Đạo tràng tại Hồ châu
4. Thiền sư Ước ở Bạch vân tại Kiến châu
5. Thiền sư Nguyên Thông ở núi Phục ngưu.

* Thiền sư Viên Trí ở núi Đạo ngô tại Đàm châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khánh Gia ở Thạch sương
2. Thiền sư Trọng Hưng ở Tiệm nguyên
3. Hòa thượng Lục Thanh

* Thiền sư Đàm Thịnh ở Vân nham tại Đàm châu lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Lương Giới ở Động sơn tại Quân châu
2. Thiền sư Giám Hồng ở Hạnh sơn tại Trác châu
3. Thiền sư Tăng Mật ở Thần sơn tại Đàm châu
4. Hòa thượng U khê.

* Thiền sư Đức Thành ở Thuyền tử tại Hoa đình lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Thiện Hội Giáp sơn tại Lễ châu.

* Thiền sư Đạo Thường ở Quan nam tạ Tương châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Ngô ở Quan nam

2. Thiền sư La Hán ở Chương châu

* Đại sư Giám Tông ở Kính sơn tại Hàng châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hàm Khải ở Thiên đồng

2. Thiền sư Hạnh Chân ở Bội sơn

3. Thiền sư Hạnh Mãn ở núi Đại bi tại Hàng châu.

* Thiền sư Thiên Long, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Câu Chi ở Vụ châu

2. Thiền sư Ngạn Trung ở Tân La

* Thiền sư Đại Ngu ở Cao an, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Ni Liễu Nhiên ở Mạt sơn tại Quân châu.

* Thiền sư Hồng Trực ở Tân La, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Đại vương Hưng Đức

2. Thái tử Tuyên Khương.

* Thiền sư Vô Tích ở Hứa châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đạo Toại.

* Thiền sư Thần Chiếu ở Tiểu mã lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Hữu duyên ở quận Tấn vân.

* Thiền sư Đại An ở viện Trường khánh tại Phước châu, lưu xuất mười vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Pháp Chân ở Đại tùy

2. Thiền sư Như Mẫn ở Linh thọ

3. Thiền sư Sư Giải ở thọ sơn tại Phước châu

4. Hòa thượng Nghiêu Sơn ở Nhiêu châu

5. Thiền sư Tuệ Nhật ở Sùng phước tại Bồ điền

6. Hòa thượng Phù Giang ở Đài châu

7. Hòa thượng Lục thủy ở Lộ châu

8. Thiền sư Viên (hoặc là Viên Minh) ở Quảng châu

9. Thiền sư Linh Dương ở Ôn châu

10. Hòa thượng Chỉ Y ở Hồng châu.

* Thiền sư Hy Vận ở núi Hoàng nghiệt, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Nghĩa Huyền ở Lâm tế

2. Trần Tôn Túc ở Mục châu

3. Thiền sư Sở Nam ở núi thiên khoảnh tại Hàng châu

4. Thiền sư Linh Quán ở núi Ô thạch tại Phước châu

5. Thiền sư Tông Triệt ở La-hán tại Hàng châu
6. Thiền sư Đại Giác ở Ngụy phủ
7. Tướng quốc Bùi Hưu
8. Thiền sư Đức Nguyên ở Dương châu
9. Thiền sư Tán ở Thổ môn
10. Thiền sư Chính ở Tương châu
11. Thiền sư Hoằng Tuyên ở núi Ngô môn
12. Thiền sư Siêu ở U châu
13. Thiền sư Hiến ở Tô châu.

* Thiền sư Linh Hựu ở Quy sơn tại Đàm châu lưu xuất bốn mươi hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Tĩnh ở Ngưỡng sơn
2. Thiền sư Trí Nhàn ở Hương nghiêm
3. Thiền sư Pháp Đoan ở Diên khánh
4. Thiền sư Hồng Nhân ở Kính sơn
5. Thiền sư Chí Cần ở Linh vân
6. Hòa thượng Ứng Thiên ở Ích châu
7. Thiền sư Từ Tuệ ở Cửu phong
8. Hòa thượng Mễ ở Kinh triệu
9. Hòa thượng Hoắc sơn ở Tấn châu
10. Thị giả Sơ Thường ở Vương kính tại Tương châu
11. Thiền sư Viên Giám ở Trường diên
12. Thiền sư Chí Hòa
13. Thiền sư Đạo Phương ở Hồng châu
14. Thiền sư Như Chân ở Quy sơn
15. Thiền sư Nguyên Thuận ở Tinh châu
16. Thiền sư Sùng Hạo ở phủ Hưng Nguyên
17. Thiền sư Toàn Nẫm ở Ngạc châu
18. Thiền sư Thần Kiếm ở Tung sơn
19. Thiền sư Hoằng Tấn ở Hứa châu
20. Thiền sư Văn Lập ở Dư hàng
21. Thiền sư Quang Tướng ở Việt châu
22. Thiền sư Văn Ước ở Tô châu
23. Thiền sư Trí Mãn ở Thượng nguyên
24. Thiền sư Pháp Lãng ở Kim châu
25. Thiền sư Siêu Đạt ở Ngạc châu
26. Thiền sư Tùng Ước ở Bạch lộc
27. Thiền sư Phục ở Tây đường

28. Thiền sư Linh Không ở Linh châu
29. Thiền sư Giản ở Đại quy
30. Thiền sư Trí Lãng ở Kinh nam
31. Thiền sư Phổ Nhuận ở Quy sơn
32. Thiền sư Pháp Chân ở Quy sơn
33. Hòa thượng Hắc Sơn
34. Thiền sư Thần Anh ở Trừ châu
35. Hòa thượng Sơn ở Thạch sương
36. Hòa thượng Nam Nguyên
37. Thiền sư Xung Dật ở Quy sơn
38. Thiền sư Ngạn ở Quy sơn
39. Thiền sư Pháp Ngộ ở Tam giác
40. Thiền sư Chí Thuyên ở Đặng châu
41. Thiền sư Hoằng Khuê ở Kinh châu
42. Thiền sư Đạo Khoáng ở Nham bội.

* Thiền sư Đạo Viên ở Toại châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Tông Mật ở Khuê phong tại núi Chung nam.

* Thiền sư Thần Chiếu ở Phụng quốc, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thường Nhất ở Trấn châu
2. Trí Viễn ở Cốt châu
3. Thiền sư Huyền Thúy ở Lộc đài.

* Thiền sư Lương Giới ở Động sơn tại Quân châu, lưu xuất hai mươi sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Ứng ở Vân cư
2. Thiền sư Bản Tịch ở Phủ châu
3. Thiền sư Đạo Toàn ở Động sơn
4. Thiền sư Cư Độn ở Long nha
5. Thiền sư Hưu Tĩnh ở Kinh triệu
6. Hòa thượng hiện Tử ở Kinh Triệu
7. Thiền sư Phổ Mãn ở Quân châu
8. Thiền sư Đạo U ở Đài châu
9. Thiền sư Sư Khánh ở Động sơn
10. Thiền sư Tuần Nhu ở Lạc kinh
11. Hòa thượng Càn Phong ở Việt châu
12. Hòa thượng Hòa Sơn ở Cát châu
13. Thiền sư Hàm Khải ở Thiên đồng
14. Hòa thượng Sơn ở Bảo cái tại Đàm châu

15. Thiền sư Thông ở Ích châu
16. Thiền sư Bản Nhân ở Bạch thủy tại Cao an
17. Thiền sư Quang Nhân ở Sơ sơn tại Phủ châu
18. Thiền sư Văn Toại ở Khâm ớn tại Lễ châu
19. Thiền sư Nghĩa ở Thiên đồng
20. Thiền sư Phương ở Thái nguyên
21. Hòa thượng Kim Tạng ở Tân La
22. Thiền sư Bạch ở Ích châu
23. Hòa thượng Văn Thù ở Đàm châu
24. Hòa thượng Bạch Thủy ở Thư châu
25. Hòa thượng Tây Hồ ở Thiệu châu
26. Hòa thượng Thông Huyền ở Thanh dương.

* Thiền sư Tuyên Giám ở Đức sơn tại Đảnh châu, lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Toàn Khoát ở nham đầu
2. Thiền sư Nghĩa Tồn ở Tuyết phong
3. Thiền sư Tuệ Cung ở Thiên thai
4. Thiền sư Ngỏa Quang tại Tuyền châu
5. Thiền sư Cá ở Cao đình
6. Hòa thượng Tư Quốc ở Hồng châu
7. Thiền sư Thiệu Thích ở Đức sơn
8. Thiền sư Vô Cấu ở phủ Phụng Tường
9. Thiền sư Uất Trì ở Song lưu tại Ích châu.

* Tôn Túc Trần ở Mục châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thứ sử Trần Tháo ở Mục châu
2. Hòa thượng Điếu Đài ở Nghiêm lăng.

* Thiền sư Nghĩa Huyền ở Lâm tế tại Trấn châu. Vốn người dòng họ Hình ở Nam hoa tại Tào châu. Thủa thiếu thời đã có chí ý cao xa, sau khi thọ giới Cụ túc liền chuyên học tông thừa. Lúc tới nơi pháp hội Hoàng nghiệt, có Thiền sư Sơ Cần là bậc thượng tọa trong chúng. Nghĩa Huyền hỏi Hoàng Nghiệt: "Thế nào là đại ý đích xác của Tổ sư từ Tây vức lại?" Hoàng Nghiệt bèn đánh. Nghĩa Huyền ba lần hỏi, Hoàng Nghiệt đều đánh ba lần. Vì thế, Nghĩa Huyền mới cáo từ Sơ Cần muốn bỏ đi. Thiền sư Sơ Cần nói cùng Hoàng Nghiệt rằng: "Nghĩa Huyền tuy là hàng hậu học, nhưng có thể chỉ dạy. Nếu đến giã từ bỏ đi, Sư nên dùng các phương tiện mà tiếp độ nó." Sáng hôm sau, quả nhiên Nghĩa Huyền ra giã từ, Hoàng Nghiệt bèn bảo: "Ông có thể đi sang Đại Ngu". Khi đến nơi, Đại

Ngu hỏi: "Ông từ đâu lại?" Nghĩa Huyền đáp: "Từ Hoàng Nghiệt lại". Đại Ngu hỏi: "Hoàng Nghiệt có lời gì chỉ dạy chăng?" Nghĩa Huyền đáp: "Nghĩa Huyền tôi ba lần hỏi thế nào là đại ý đích xác của Tổ sư từ Tây vức lại? Hoàng Nghiệt đều đánh cả ba lần, không biết tôi có lỗi quá gì?" Đại Ngu bảo: "Hoàng Nghiệt nghĩ gì từ bi, vì ông được thấu triệt khốn cùng, còn tìm lỗi quá ở đâu". Khi ấy, Nghĩa Huyền bèn đại ngộ, nói: "Xưa nay Phật pháp không lắm con". Đại Ngu vội kéo Nghĩa Huyền và bảo: "Vừa mới lại ông nói là ta không hiểu mà nay lại nói là không lắm con. Là ít nhiều lại? Là ít nhiều lại? Nghĩa Huyền vung tay đấm ba đấm dưới xương sườn Đại Ngu. Đại Ngu buông thả Nghĩa Huyền ra và bảo: "Thầy của ông là Hoàng Nghiệt đâu liên can gì đến việc ta". Nghĩa Huyền liền trở về lại nơi Hoàng Nghiệt. Hoàng Nghiệt hỏi: "Sao ông chóng trở lại vậy?" Nghĩa Huyền đáp: "Chỉ vì tâm từ bi tha thiết". Hoàng Nghiệt bảo: "Đại Ngu gã ngăn che đợi thấy cùng đánh một dừng". Nghĩa Huyền đáp: "Nơi gì đợi thấy tức nay tiện đánh". Và đấm Hoàng Nghiệt một cái. Hoàng Nghiệt ngâm ngâm cười lớn. Sau, Nghĩa Huyền mới trở về Triệu châu. Mọi người ở Triệu châu rất kính mộ bèn mời đến ở Lâm tế. Các hàng học giả nghe đạo phong chẳng kể từ đâu xa đều đến nương tựa. Nghĩa Huyền lưu xuất được hai mươi bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chí Nhàn ở Quán khê tại Ngạc châu
2. Thiền sư Đàm Không ở U châu
3. Hòa thượng Chiểu ở Bảo thọ tại Trấn châu
4. Thiền sư Tuệ Nhiên ở Tam Thánh ở Trấn châu
5. Thiền sư Tồn Tương ở Ngụy phủ
6. Thiền sư Thiện Thôi ở Định châu
7. Hòa thượng Vạn Tuế ở Trấn châu
8. Hòa thượng Vân Sơn
9. Am chủ Đồng Phong
10. Am chủ Sam Dương
11. Hòa thượng Chỉ Y ở Trác châu
12. Am chủ Hổ Khê
13. Am chủ Phúc Bồn
14. Hòa thượng Lịch Thôn ở Tương châu
15. Hòa thượng Mễ Thương ở Thương châu
16. Thiền sư Tề Tung
17. Thiền sư Tú ở Trác châu
18. Thiền sư Triệt ở Thiện quyền

19. Thiền sư Kim Sa
20. Thiền sư Duẫn Thành
21. Thiền sư Sơn ở Trí dị tại Tân La
22. Thiền sư Đại Giác ở Ngụy phủ
23. Thượng tọa Định
24. Thượng tọa Khoát

* Thiền sư Đại Giác ở Ngụy phủ lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đại Giác ở Lô châu
2. Thiền sư Mẫn Đức ở Trừng tâm tại Lô châu
3. Hòa thượng Nam Viện ở Nhữ châu
4. Hòa thượng Pháp Hoa ở Tống châu.

* Thiền sư Tông Mật ở Khuê phong, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Ôn ở Khuê phong
2. Thiền sư Thái Cung ở Từ ân
3. Thiền sư Thái Tích ở Hưng thiện
4. Thiền sư Tông ở Vạn thừa
5. Thiền sư Giác ở Thụy Thánh
6. Thiền sư Nhân Du ở Hóa độ.

* Thiền sư Huyền Thúy ở Lộc đài lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Niệm ở Long hưng.

* Thiền sư Trí Viễn ở Cốt châu lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thẩm Dụng ở Bành môn
2. Thiền sư Viên Thiệu
3. Thiền sư Chân ở Thượng phương
4. Thiền sư Pháp Chí ở Đông kinh

* Thiền sư Tuệ Giác ở viện Quang hiếu tại Dương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đại Hiến ở Trường khánh tại Thăng châu.

* Thiền sư Tuệ Tịch ở Ngưỡng sơn tại Viên châu, lưu xuất mười vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Quang Mục ở Ngưỡng sơn
2. Thiền sư Cảnh Thông ở Tấn châu
3. Thiền sư Văn Hỷ ở Long tuyền tại Hàng châu
4. Thiền sư Thuận Chi ở Tân La
5. Thiền sư Quang Dũng ở Nam tháp tại Ngưỡng sơn

6. Hòa thượng Đông Tháp ở Ngưỡng sơn
7. Thiền sư Thường Quyên ở Quán âm tại Hồng châu
8. Thiền sư Tuệ Mậu ở Đông thiền tại Phước châu
9. Thiền sư Đạo Sùng ở núi Minh nguyệt tại Phước châu
10. Thiền sư Toại Xướng ở Xử châu.

* Thiền sư Trí Nhàn ở Hương nghiêm tại Đặng châu, lưu xuất mười hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chỉ Quán ở Cát châu
2. Thiền sư Thiệu Tông ở Thọ châu
3. Thiền sư Pháp Đoan ở Diên khánh tại Tương châu
4. Thiền sư Vô Nhiễm ở Ích châu
5. Hòa thượng Sơn ở Trường bình tại Ích châu
6. Đại sư Diễn Giáo ở Ích châu
7. Thiền sư Thanh Cán ở An châu
8. Hòa thượng chùa Phong Đức ở núi Chung nam
9. Thiền sư Huy ở núi Võ đang tại Quân châu
10. Thiền sư Điều Đạo ở Song khê tại Giang châu
11. Hòa thượng Chiếu Giác ở Ích châu
12. Hòa thượng Đông Thiền ở Mục châu.

* Thiền sư Song Phong ở Phước châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Cổ ở Song phong.

* Thiền sư Hồng Nhân ở Kính sơn tại Hàng châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Mễ Điên ở Hồng châu
2. Thiền sư Tịch ở Lô châu
3. Thiền sư Nghĩa Trực ở Lâm xuyên
4. Thiền sư Linh Đạo ở Công thần tại Hàng châu.

* Thiền sư Đại Đồng ở núi Đầu tử tại Thư châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Ôn - đời thứ hai ở Đầu tử
2. Thiền sư Vi ở Ngưu đầu tại Phước châu
3. Thiền sư Trừng Chiếu ở Hương sơn
4. Hòa thượng Thiên Phước ở Thiểm phủ
5. Thiền sư Tư Minh ở Hào châu
6. Thiền sư Chiêu Phước ở Phụng tường
7. Thiền sư Tuân Cổ ở núi Trung lương tại Hưng nguyên
8. Hòa thượng Cốc Ẩn ở Tương châu
9. Hòa thượng ở núi Cửu tung tại An châu

10. Hòa thượng đời thứ hai ở Bàn sơn tại U châu
11. Thiền sư Kính Tuệ ở núi Cửu tung
12. Thiền sư Nham Tuấn ở Quán âm tại Đông kinh
13. Thiền sư Chân ở Long phước tại Quế dương.

* Thiền sư Linh Tuân ở núi Thanh bình tại Ngạc châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Linh Khuê ở núi Tam giác tại Kỳ châu.

* Thiền sư Khánh Gia ở Thạch sướng tại Đàm châu, lưu xuất bốn mươi mốt vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tăng Nhất ở núi Nam tế
2. Thiền sư Cư Hối ở núi đại quang
3. Thiền sư Hoài Hựu ở Lô sơn
4. Thiền sư Đạo Kiền (Khánh?) ở Cửu phong
5. Thiền sư Cảnh Hân ở Dũng tuyền
6. Thiền sư Chí Nguyên ở núi Vân cái
7. Thiền sư Tạng
8. Thiền sư Hồng Tiến ở Phước châu
9. Thiền sư Tuệ Không ở Đức sơn
10. Thiền sư Sùng Ân ở Cát châu
11. Thiền sư Huy ở Thạch sương
12. Hòa thượng Ba Tiêu ở Dĩnh châu
13. Hòa thượng Phục ở Đàm châu
14. Thiền sư Huy ở Lộc uyển
15. Thiền sư Ước ở Bảo cái
16. Thiền sư Hải Mân ở Vân môn
17. Hòa thượng Văn Thù ở Hồ nam
18. Hòa thượng Thạch Trụ
19. Hòa thượng Trung Vân Cái
20. Thiền sư Tồn Thọ ở Hà trung
21. Thiền sư Huyền Thái ở Nam nhạc
22. Thiền sư Kính ở Hàng châu
23. Thiền sư Tông Hải ở Lộ phủ
24. Thiền sư Khâm Trung ở Tân La
25. Thiền sư Hạnh Tịch ở Tân La
26. Hòa thượng Lộc Nguyên ở Hồng châu
27. Hòa thượng ở núi Đại dương
28. Hòa thượng Quán Âm ở Cốt châu
29. Hòa thượng Chánh Giác ở Vận châu

30. Hòa thượng Cao Minh ở Thương châu
31. Hòa thượng Khánh Thọ ở Hứa châu
32. Hòa thượng Vạn Tuế ở Trấn châu
33. Hòa thượng Linh Thọ ở Trấn châu
34. Hòa thượng Hồng Tế ở Trấn châu
35. Thiền sư Giản Chi ở Cát châu
36. Thiền sư Hồng Phương ở Đại lương
37. Thiền sư Thủ Nhàn ở Ngang châu
38. Thiền sư Lãng ở Tân La
39. Thiền sư Thanh Linh ở Tân La
40. Thiền sư Sảng ở Phần châu
41. Thiền sư Thông ở Dư hàng

* Thiền sư Thiện Hội ở Giáp sơn tại Lễ châu, lưu xuất hai mươi hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Nguyên An ở núi Lạc phổ
2. Thiền sư Linh Siêu ở Hồng châu
3. Hòa thượng Tứ Thiền ở Vận châu
4. Thiền sư Hoài Trung ở Giang tây
5. Thiền sư Khả Văn ở Bàng long
6. Thiền sư Nguyệt Luân ở Phủ châu
7. Thiền sư Hoàn Phổ ở Lạc kinh
8. Hòa thượng Hải Hồ ở Thái nguyên
9. Hòa thượng chùa Bạch thủy ở Gia châu
10. Thiền sư U ở phủ Phụng Tường
11. Hòa thượng Đồng An ở Hồng châu
12. Thiền sư Đàm Phổ ở Thiều châu
13. Hòa thượng ở núi Tiên cư tại Cát châu
14. Thiền sư Đoan ở Thái nguyên.
15. Hòa thượng Diên Khánh ở Hồng châu
16. Hòa thượng Việt Phong ở Việt châu
17. Hòa thượng ở núi Kỳ xà tại Đảnh châu
18. Hòa thượng Thê Mục ở Ích châu
19. Thiền sư Toàn ở Tung sơn
20. Hòa thượng ở viện Giáp sơn tại Ích châu
21. Hòa thượng Vân Nham ở Tây kinh
22. Hòa thượng Hưu ở Diên khánh tại An phước.

ĐỜI THỨ BẢY SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM

* Thiền sư Chín Nhàn ở Quán khê, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Giáo ở núi Lỗ tổ tại Trì châu.

* Thiền sư Tồn Tương ở Hưng hóa tại Ngụy phủ, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Bảo Ứng ở Nhữ châu
2. Hòa thượng Thiên Bát.

* Thiền sư Chiểu ở Bảo thọ tại Trấn châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tư Minh ở Tây viện tại Nhữ châu
2. Hòa thượng Bảo Thọ đời thứ hai ở Tây viện.

* Hòa thượng Chỉ Y ở Trác châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đàm Không ở Trấn châu.

* Thiền sư Tuệ Nhân ở Tam Thánh tại Trấn châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Thiện Bản ở Tương châu.

* Thiền sư Cư Hối ở núi Đại quang tại Đàm châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hữu Duyên ở Đàm châu
2. Hòa thượng Long Hưng
3. Hòa thượng đời thứ nhất ở núi Phục long tại Đàm châu
4. Hòa thượng đời thứ hai ở núi Phục long tại Đàm châu
5. Thiền sư Thiện Tạng ở Bạch vân tại Kinh châu
6. Hòa thượng đời thứ ba ở núi Phục long tại Đàm châu
7. Hòa thượng ở núi Long lăng tại Thiểm phủ
8. Thiền sư Huyền ở núi Đại quang
9. Hòa thượng Đằng Hà ở Chương châu
10. Hòa thượng Tịnh Giác ở Tống châu
11. Hòa thượng Chứng ở Hoa châu
12. Hòa thượng Hòa ở Vĩnh thọ tại Ngạc châu
13. Hòa thượng Linh Trúc ở Ngạc châu.

* Thiền sư Đạo Kiền ở Cửu phong tại Quân châu lưu xuất mười vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Thanh Viện ở Tân La
2. Thiền sư Thần đảng ở Lặc đàm tại Hồng châu
3. Thiền sư Tu Hành ở Cát châu
4. Thiền sư Minh ở Hồng châu
5. Hòa thượng Kê ở Cát châu
6. Hòa thượng Diên Mậu ở Hồng châu

7. Thiền sư Thường Sát ở Đồng an tại Hồng châu
8. Thiền sư Ngộ ở Lặc đàm tại Hồng châu
9. Thiền sư Vô Ân ở Hòa sơn tại Cát châu
10. Hòa thượng Mâu ở Lặc đàm.

* Thiền sư Cảnh Hân ở Dũng tuyền tại Đài châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Thiệu ở Lục thông tại Đài châu.

* Thiền sư Chí Nguyên ở núi Vân cái tại Đàm châu lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chí Hãn ở núi Vân cái
2. Hòa thượng Ngọa Long ở Tân La
3. Hòa thượng Thiên Thai ở Bành châu.

* Thiền sư Tạng ở Cốc sơn tại Đàm châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Thụy Nham ở Tân La
2. Hòa thượng Bạc Nghiêm ở Tân La
3. Hòa thượng Đại Điên ở Tân La.

* Thiền sư Trung Vân Cái sơn tại Đàm châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Hòa thượng Cảnh ở núi Vân cái.

* Thiền sư Tồn Thọ ở Thê nham tại phủ Hà Trung lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Đạo Đức.

* Thiền sư Đạo Ứng ở núi Vân cư tại Hồng châu lưu xuất hai mươi tám vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Phật Nhật ở Hàng châu
2. Thiền sư Chân ở viện Vĩnh quang tại Tô châu
3. Thiền sư Phi ở Đồng an tại Hồng châu
4. Thiền sư Đam Quyền ở Quy tông
5. Hòa thượng Quảng Tế ở Trì châu
6. Hòa thượng Nam Đài ở Thủy tây tại Đàm châu
7. Thiền sư Khiêm ở Tiên khê tại Hấp châu
8. Hòa thượng Phong Hóa ở Dương châu
9. Thiền sư Đạo Giản ở núi Vân cư
10. Thiền sư Hoài Uẩn ở Quy tông
11. Thiền sư Tuệ Hải ở Đại thiện tại Hồng châu
12. Hòa thượng đời thứ bảy ở Đức sơn tại Đảnh châu
13. Hòa thượng Nam đài ở Nam nhạc
14. Thiền sư Xướng ở núi Vân cư
15. Thiền sư Chương ở Kê sơn tại Trì châu
16. Hòa thượng Đại Phạm ở Tấn châu

17. Hòa thượng Vân Trụ ở Tân La
18. Thiền sư Hoài Nhạc ở núi Vân cư
19. Hòa thượng Lĩnh Giác
20. Thiền sư Ngộ Không ở chùa Long Hưng tại Đàm châu
21. Thiền sư Giảm ở Bạch vân tại Kiến châu
22. Hòa thượng ở núi Mạc phụ tại Đàm châu
23. Thiền sư Vĩ ở núi Bạch thủy tại Đàm châu
24. Hòa thượng ở núi Dã phụ tại Lô châu
25. Hòa thượng Pháp Chí ở Nam nhạc
26. Thiền sư Khánh Du ở Tân La
27. Thiền sư Tuệ ở Tân La
28. Thiền sư Tuệ Chí ở núi Phụng thê tại Hồng châu.

* Thiền sư Bản Tịch ở Tào sơn tại phủ Châu, lưu xuất mười bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Quang Tuệ ở Hà ngọc tại phủ Châu
2. Thiền sư Đạo Diên ở Động sơn tại Quân châu
3. Thiền sư Hoằng Thông ở núi Dục vương tại Hành châu
4. Thiền sư Tùng Chí ở Kim phong tại phủ Châu
5. Thiền sư Xử Chân ở Lộc môn tại Tương châu
6. Thiền sư Tuệ Hà ở Tào sơn tại phủ Châu
7. Thiền sư Phạm ở Hoa quang tại Hành châu
8. Thiền sư Dung ở Quảng lợi tại Xử châu
9. Thiền sư Hạnh Truyền ở viện Tiểu khê tại Tuyền châu
10. Hòa thượng ở non Bố thủy tại Tây xuyên
11. Hòa thượng Tây Thiền ở Thục xuyên
12. Thiền sư Pháp Nghĩa ở Thảo am tại Hoa châu
13. Hòa thượng Hoa Nghiêm ở Thiều châu
14. Sơn chủ Trì Long ở La-hán tại Lô sơn.

* Thiền sư Cư Độn ở núi Long nha tại Đàm châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tạng Dư ở Báo từ tại Đàm châu
2. Thiền sư Thẩm Triết ở núi Hàm châu tại Tương châu
3. Thiền sư Hoằng Tịch ở Bạch mã tại Phụng tường
4. Thiền sư Bân ở viện Quán âm tại Sở châu.

* Thiền sư Thể Tịnh ở chùa Hoa Nghiêm tại Kinh triệu lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1 Thiền sư Khuông Nhất ở Tử lăng tại phủ Phụng Tường
2. Thiền sư Duy Trực ở Bắc thiền tại Nhiêu châu

3. Hòa thượng Hóa Thành ở Duy châu.

* Thiền sư Phổ Mãn ở Cửu phong tại Quân châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Oai ở Đồng an tại Hồng châu.

* Thiền sư Sư Kiến ở Thanh; âm lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Long Quang ở Thiều châu
2. Thiền sư Hiến ở chùa Thạch Môn tại Tương châu
3. Hòa thượng Quảng Đức ở Tương châu
4. Hòa thượng Ba Tiêu ở Dĩnh châu
5. Thiền sư Tuệ Cự ở Thạch long tại Định châu
6. Thiền sư Thông Tánh ở diên khánh tại Tương châu.

* Thiền sư Tuần Nhu ở Bạch mã tại Lạc kinh lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng ở núi Thanh tỏa tại phủ Hưng Nguyên
2. Hòa thượng Bảo Phước ở Kinh triệu.

* Thiền sư Thông ở Bắc việc tại Ích châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Hòa thượng Hương Thành ở Kinh Triệu.

* Thiền sư Bản Nhân ở Bạch thủy tại Cao an, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí Huy ở Trùng vân tại Kinh triệu
2. Thiền sư Ấn Chương ở Thụy long tại Hàng châu.

* Thiền sư Khương Nhân ở Sơ sơn ttại phủ Châu, lưu xuất hai mươi vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chứng đời thứ hai ở Sơ sơn
2. Thiền sư An ở bách trượng tại Hồng châu
3. Thiền sư Tuệ ở Hoàng nghiệt tại Quân châu
4. Thiền sư Thủ Trừng ở Hộ quốc tại núi Tùy thành
5. Thiền sư Quy Nhân ở Linh tuyền tại Lạc kinh
6. Thiền sư Phụng Lân ở Diên khánh tại Diên châu
7. Thiền sư Tỉnh ở núi Đại an tại An châu
8. Thiền sư Siêu ở Bách trượng tại Hồng châu
9. Hòa thượng ở viện Thiên vương tại Hồng châu
10. Thiền sư Uẩn ở viện Chánh cần tại Thường châu
11. Hòa thượng Động Sơn ở Tương châu
12. Hòa thượng Tam Tướng ở Kinh triệu
13. Thiền sư Hành Kế ở núi Ngũ phong tại Quân châu
14. Hòa thượng Cao Minh ở Thương châu
15. Thiền sư Đạo Thái ở Tây khê tại Hoa châu

16. Hòa thượng Sơ Sơn ở Phủ châu
17. Thiền sư Linh Ước ở núi Hoàng nghiệt tại Quân châu
18. Thiền sư Viễn ở Tường quang tại Dương châu.
19. Thiền sư Truyền Tánh ở núi Đại an tại An châu
20. Thiền sư Doanh ở Hoàng nghiệt tại Quân châu.

* Thiền sư Văn Thúy ở Khâm sơn tại Lễ châu lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tự Cổ ở Thượng lam tại Hồng châu
2. Thái thú Lôi Mãn ở Lễ châu.

* Thiền sư Nguyên An ở núi Lạc phổ lưu xuất mười vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thiện Tỉnh ở Vĩnh an tại Kinh triệu
2. Thiền sư Ngạn Tân ở núi Ô Nha
3. Thiền sư Truyền Sở ở Thanh phong tại phủ Phạm tường
4. Hòa thượng Trung Độ ở Ngạc châu
5. Hòa thượng Động Khê ở Gia châu
6. Hòa thượng Ngọa Long ở Kinh triệu
7. Thiền sư Tuệ Thông ở Mặc thủy tại Gia châu
8. Hòa thượng Bàn Long ở Kinh triệu
9. Hòa thượng Đông Thiền ở Đơn châu
10. Thiền sư Thiện Nhã ở Ly châu

* Thiền sư Hoài Trung ở núi Tiêu dao tại Giang tây lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Nguy ở Phước thanh tại Tuyền châu
2. Thiền sư Vô Hưu ở Bạch vân tại Kinh triệu.

* Thiền sư Khả Văn ở núi Bàn long tại Viên châu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tịnh Ngộ ở Vĩnh an, Lô sơn tại Giang châu
2. Thiền sư Thiện Đạo ở núi Mộc bình tại Viên châu
3. Hòa thượng Long Khê ở Thiểm phủ
4. Thiền sư Chí Thông ở Quế dương
5. Thiền sư Tịnh Tịch ở Thọ xương tại Lô châu.

* Thiền sư Nguyệt Luân ở Hoàng sơn tại Phủ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng ở núi Đông tuyền tại Dĩnh châu.

* Thiền sư Hoàn Phổ ở Thiền sơn tại Lạc kinh, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Văn Thù ở Đàm châu

1. Hòa thượng Bạch ở Đại nham tại Tường châu.

* Thiền sư Linh Diệu ở Thượng lam tại Hồng châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Giản ở Bắc viện tại Hà đông
2. Nam Bình Dương Chung Truyền ở Hồng châu.

* Thiền sư Quang Dũng ở Nam pháp, Ngưỡng sơn, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Toàn Phó ở Thanh hóa tại Việt châu
2. Thiền sư Tuệ Thanh ở Ba tiêu tại Dĩnh châu
3. Thiền sư Nghĩa Sơ ở núi Hoàng liên tại Thiều châu
4. Thiền sư Hồng Cứu ở Tuệ lâm tại Thiều châu
5. Hòa thượng Hoàng Long tại Hồng châu.

* Thiền sư Quang Mục ở Tây tháp, Ngưỡng sơn tại Viên châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Như Bảo ở Tư phước tại Cát châu

* Thiền sư Toàn Khoát ở Nham đầu tại Ngạc châu, lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Ngạn ở Đài châu
2. Thiền sư Ngạn ở Hoài châu
3. Thiền sư Tuệ Tông ở Cát châu
4. Thiền sư Đạo Nhàn ở Phước châu
5. Thiền sư Tùng Phạm ở Phước châu
6. Thiền sư Nghiêm ở Phước châu
7. Thiền sư Hải Nhất ở Hồng châu
8. Hòa thượng Thiều ở Tín châu
9. Hòa thượng Nột ở Hồng châu.

* Thiền sư Tư Cốc ở Cảm Đàm tại Hồng châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Chí Viên ở An châu.

* Thiền sư Đạo Hiến ở Kim lăng lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Xử Vi ở Quảng hóa tại Kim lăng.

* Thiền sư Nghĩa Tồn ở Tuyết phong tại Phước châu, lưu xuất năm mươi sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Bị ở Huyền sa
2. Thiền sư Tuệ Lăng ở Phước châu
3. Thiền sư Huyền Thông ở Phước châu
4. Thiền sư Đạo Phú ở Hàng châu
5. Thiền sư Kiểu Nhiên ở núi Trường sinh tại Phước châu
6. Thiền sư Trí Phu ở Nga hồ

7. Thiền sư Hoài Nhạc ở Báo ân tại Chương châu
8. Thiền sư Hóa Độ ở Tây Hưng tại Hàng châu
9. Thiền sư Thần Yên ở Bành sơn tại Phước châu
10. Thiền sư Thiệu Khanh ở Long thọ tại Chương châu
11. Thiền sư Hành Thao ở Tiên tông tại Phước châu
12. Thiền sư Tùng Yểm ở núi Liên hoa tại Phước châu
13. Thiền sư Linh Chiếu ở chùa Long hoa tại Hàng châu
14. Thiền sư Linh Nham ở Thúy nham tại Minh châu
15. Thiền sư Hoằng Thao tại Phước châu
16. Thiền sư Quy Bản ở núi Vân cái tại Đàm châu
17. Hòa thượng Lâm Tuyền tại Thiều châu
18. Hòa thượng Nam Viện tại Lạc kinh
19. Thiền sư Khả Hưu ở Động nham tại Việt châu
20. Thiền sư Hạnh Châu ở Pháp Hải tại Định châu
21. Thiền sư Thông ở Long tỉnh tại Hàng châu
22. Thiền sư Tùng Triển ở Bảo phước tại Chương châu
23. Thiền sư Đạo Phổ ở Thụy long tại Tuyền châu
24. Thiền sư Tông Tỉnh ở chùa Long hưng tại Hàng châu
25. Thiền sư Khế Phan ở Nam thiền tại Phước châu
26. Thiền sư Sư Đảnh ở Việt Sơn tại Việt châu
27. Thiền sư Khả Quán ở Kim luân tại Nam nhạc
28. Thiền sư Huyền Nột ở Phước thanh tại Tuyền châu
29. Thiền sư Văn Yển ở Vân môn tại Thiều châu
30. Thiền sư Nhân ở Nam đài tại Cù châu
31. Hòa thượng Đông Thiền tại Tuyền châu
32. Thiền sư Tùng Tập ở Đại tiền tại Dư hàng
33. Hòa thượng Vĩnh Thái ở Phước châu
34. Thiền sư Thủ Nột ở núi Hòa long tại Trì châu
35. Hòa thượng Mộng Bút ở Kiến châu
36. Thiền sư Duẫn Nghiễm ở viện Cực lạc, Cổ điền tại Phước châu
37. Thiền sư Như Thể ở núi Phù dung tại Phước châu
38. Hòa thượng ở núi Khế hạc tại Lạc kinh
39. Thiền sư Thê ở Quy sơn tại Đàm châu
40. Thiền sư Diên Tông ở Hồ sơn tại Cát châu
41. Thiền sư Phổ Minh ở núi Phổ thông tại Ích châu
42. Thiền sư Am Tỉnh ở Lương gia, Song tuyền tại Tùy châu
43. Thiền sư Siêu Ngộ ở Bảo phước tại Chương châu

44. Thượng tọa Phu ở Thái nguyên
45. Thiền sư Duy Kính ở Nam nhạc
46. Thiền sư Thầm Siêu ở Thập tướng tại Đài châu
47. Thiền sư Nột ở Lô sơn tại Giang châu
48. Thiền sư Đại Vô Vi ở nước Tân La
49. Thiền sư Huyền Huy ở Lộ châu
50. Hòa thượng Thanh Tịnh ở Hồ châu
51. Hòa thượng Tuyết Phong ở Vĩnh an tại Ích châu
52. Thiền sư Đức Minh ở Lô tiên
53. Thiền sư Hoài Trung ở Minh Thủy tại Phủ châu
54. Thiền sư Hoài Cảo (hoặc là Quả) ở Ích châu
55. Thiền sư Tu Hành ở Nhĩ tướng tại Hàng châu
56. Thiền sư An Đức ở Tung sơn.

* Thiền sư Nam Viện ở Nhữ châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Diên Chiểu ở Phong huyệt tại Nhữ châu.

* Thiền sư Tư Minh ở Tây viện tại Nhữ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Quy Tỉnh ở Hưng dương tại Dĩnh châu.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 7
- (HẾT) -

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 8

LƯỢC TRUYỆN CHÁNH TÔNG PHÂN GIA (Tiếp Theo)

ĐỜI THỨ TÁM SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM -TUỆ NĂNG.

* Thiền sư Văn Yển ở núi Vân môn tại Thiều châu. Vốn người dòng họ Trương ở Gia hưng tại Tô châu. Bẩm tánh thông minh dĩnh ngộ từ thuở bé thơ đã khác hẳn đồng bạn. Sau khi xuất gia đắc giới, Văn Yển tập học kinh luật luận, không bao lâu thảy đều thông rành. Đến lúc vân du dự tham các bậc Thiện tri thức, chỉ một lần thấy gặp Trần Tôn Túc bèn thấu đạt tông chỉ, sau đó được ấn chứng từ Thiền sư Tồn tại Tuyết phong. Từ đó, Văn Yển ẩn dạt tỏa sáng lẫn lộn trong Tăng chúng. Nhân theo hướng Nam đi đến trong Pháp hội của Thiền sư Mẫn ở Linh thọ tại Thiều dương. Thiền sư Mẫn là con người đặc dị được xưng gọi là bậc hay dự biết, mà trông thấy Văn Yển lại đặc biệt cũng mến trọng bèn bảo ở Đệ nhất tòa trong chúng. Đến lúc sắp thị tịch gởi thư đề bạt cùng Quảng chủ - người dòng họ Lưu bảo mời Văn Yển tiếp lãnh thọ Đạo tràng đó. Về sau Quảng chủ tu sửa Đại già lam Vân Môn mời thỉnh chuyển dời Văn Yển đến ở đó. Tiếng tăm Đạo phong Văn Yển bèn vang vọng, các học giả ở bốn phương đều quy hướng nương tựa như nước trút đổ xuống, mà phong giáo của Văn Yển cao vời, hướng đạo càng thấu đạt. Nay trong thiên hạ còn xưng gọi đó là một Tông Vân môn. Văn Yển lưu xuất tám mươi tám vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Tường ở Bạch vân tại Thiều châu
2. Thiền sư Duyên Mật ở Đức sơn
3. Thiền sư Đạo Tuân ở Nam đài tại Đàm châu
4. Thiền sư Cảnh khâm ở Song phong tại Thiều châu
5. Hòa thượng Tư Phước ở Thiều châu
6. Thiền sư Nguyên ở Quảng vân tại Quảng châu
7. Thiền sư Luân ở Long cảnh tại Quảng châu
8. Thiền sư Sảng ở Vân môn tại Thiều châu

9. Thiền sư Văn ở Bạch vân tại Thiều châu
10. Thiền sư Trí Tịch ở Phi vân tại Thiều châu
11. Hòa thượng Chương ở Tịnh pháp tại Thiều châu
12. Thiền sư Mãn ở núi Ôn môn tại Thiều châu
13. Thiền sư Hạo Giám ở Ba lăng tại Nhạc châu
14. Thiền sư Tuệ Từ ở Địa tạng tại Liên châu
15. Hòa thượng Nhân ở Đại dung tại Anh châu
16. Thiền sư Sùng ở La sơn tại Quảng châu
17. Thiền sư Bảo ở Vân môn tại Thiều châu
18. Thiền sư Cánh Thoát ở Lâm khê tại Dĩnh châu
19. Thiền sư Tuệ ở Hoa nghiêm tại Quảng châu
20. Hòa thượng Thiều ở Thuấn phong tại Thiều châu
21. Hòa thượng Quán Âm ở Anh châu
22. Hòa thượng Tuyền Lâm ở Thiều châu
23. Thiền sư Sư Khoan ở Song tuyền tại Tùy châu
24. Hòa thượng Hy ở Vân môn tại Thiều châu
25. Hòa thượng Trừng Viễn ở Hương lâm tại Ích châu
26. Thiền sư Khải Nhu ở Bát-nhã tại Nam nhạc
27. Thiền sư Pháp Tế ở Hoàng nghiệt tại Quân châu
28. Thiền sư Thủ Sơ ở Động sơn tại Tương châu
29. Hòa thượng Diệu ở Khương quốc tại Tín châu
30. Thiền sư Phong ở Sơn cốc tại Đàm châu
31. Thiền sư Khuôn Quả ở La-hán tại Dĩnh châu
32. Hòa thượng Lân ở Thương khê tại Đảnh châu
33. Thiền sư Thanh Bẩm ở Động sơn tại Quân châu
34. Hòa thượng Tịch ở Bắc thiền tại Kỳ châu
35. Thiền sư Đạo Khiêm ở Lặc đàm
36. Thiền sư Vĩnh Bình ở Nam thiên vương tại Lô châu
37. Thiền sư Lãng ở Vĩnh an tại Hồ nham
38. Hòa thượng Đàm Minh ở Hồ nam
39. Thiền sư Minh ở Thanh lương tại Kim lăng
40. Thiền sư Thâm ở Phụng tiên tại Kim lăng
41. Hòa thượng Thừa ở Thanh thành tại Tây xuyên
42. Thiền sư Trăn ở Diệu thắng tại Lộ phủ
43. Hòa thượng Phong ở Phổ thông tại Hưng nguyên
44. Thiền sư Đăng Phong ở Thiều châu
45. Hòa thượng Viên ở Đại phạm tại Thiều châu
46. Hòa thượng Viên ở Dược sơn tại Lễ châu

47. Hòa thượng Vân Chấn ở Nga hồ tại Tín châu
48. Thiền sư Thành Diệu ở Khai tiên tại Lô sơn
49. Thiền sư Thanh Hải ở Phụng quốc tại Tương châu
50. Hòa thượng Từ Quang ở tại Thiều châu
51. Thiền sư Sư Mật ở Bảo an tại Đàm châu
52. Thiền sư Dung ở núi Vân cư tại Hồng châu
53. Thiền sư Thủ Hiền ở chùa Đại Thánh tại Hành châu
54. Thiền sư Huy ở Bắc thiên vương tại Lô châu
55. Thiền sư Hoằng Nghĩa ở núi Ba Tiêu tại Dĩnh châu
56. Thiền sư Quang ở viện Phước hóa tại My châu
57. Thiền sư Quảng Từ ở Đông thiên vương tại Lô châu
58. Thiền sư Khâm ở Tây thiền tại Tín châu
59. Thiền sư Chân ở Quảng vân tại Giang châu
60. Thiền sư Tuệ Chân ở Song phong tại Thiều châu
61. Thiền sư Pháp Cầu ở núi Vân môn
62. Thiền sư Quảng Ngộ ở Thiều châu
63. Thiền sư Chính ở núi Trường lạc tại Thiều châu
64. Thiền sư Viễn ở núi Phật-đà tại Thiều châu
65. Thiền sư Thiều ở núi Linh thứu tại Thiều châu
66. Thiền sư Chân ở núi Tịnh nguyên tại Thiều châu
67. Thiền sư ở núi Nguyệt hoa tại Thiều châu
68. Thiền sư Chân ở Song phong tại Thiều châu
69. Thiền sư Úc ở núi Song tuyền tại Tùy châu
70. Thiền sư Thâm ở núi Từ vân
71. Thiền sư Giám ở Hóa thành tại Lô châu
72. Thiền sư Hộ Quốc ở Lô sơn.
73. Thiền sư Khánh Vân ở Lô sơn
74. Thiền sư Lãng ở Vĩnh Phước tại Nhạc châu
75. Thiền sư ở núi Triệu hoành tại Dĩnh châu
76. Am chủ ở núi Toản tử tại Dĩnh châu
77. Thiền sư Hải ở Nam thiên vương tại Lô châu
78. Thiền sư Phổ Chiếu ở Giác hoa tại Quế châu
79. Thiền sư Giác ở Thiết tràng tại Ích châu
80. Thiền sư ở núi Diên tường tại Tân châu
81. Thiền sư ở núi Hoàng long
82. Thiền sư Quang ở Tây thiền tại My châu
83. Thiền sư Ngộ ở Bắc thiền tại Kỳ châu
84. Thiền sư ở núi Thiên trụ tại Thư châu

85. Thiền sư ở núi Long quang tại Thiều châu

86. Thiền sư Cung ở viện Thủy tinh tại Quán châu

87. Thiền sư Pháp Cận ở núi Trí môn tại Tùy châu

88. Thượng tọa Lãng ở núi Vân môn.

* Thiền sư Bị ở Huyền sa tại Phước châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Quế Sâm ở viện La-hán tại Chương châu
2. Thiền sư Tuệ Cầu ở An quốc tại Phước châu
3. Thiền sư Trọng Có ở Thiên long tại Hàng châu
4. Thiền sư Khế Phù ở Tiên tông tại Phước châu
5. Thiền sư Thao ở Quốc thái tại Vụ châu
6. Thiền sư Thành ở Nam đài tại Hành nhạc
7. Thiền sư Đạo Hy ở Bạch long tại Phước châu
8. Thiền sư Xung Ác ở Loa phong tại Phước châu
9. Hòa thượng Mục Long ở Tuyền châu
10. Thiền sư Quang Tự ở Vân phong tại Thiên thai
11. Thiền sư Khế Như ở núi Đại chương tại Phước châu
12. Hòa thượng Vĩnh Hưng ở Phước châu
13. Thiền sư Sư Tỉnh Quốc thanh tại Thiên thai.

* Thiền sư Lăng ở Trường khánh tại Phước châu, lưu xuất hai mươi sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Khuôn ở Chiêu khánh tại Tuyền châu
2. Thiền sư Ngạn Cầu ở Long hoa tại Hàng châu
3. Thiền sư Liên ở Bảo an tại Hàng châu
4. Thiền sư Quang Vân ở Báo từ tại Phước châu
5. Thiền sư Thiệu Tông ở Khai tiên tại Lô sơn
6. Thiền sư Bảo Tư ở Báo ân tại Vụ châu
7. Thiền sư Pháp Thao ở Khuynh tâm tại Hàng châu
8. Thiền sư Cung Nghiễm ở Thủy lục tại Phước châu
9. Thiền sư Hàm Trạch ở Quảng nghiêm tại Hàng châu
10. Thiền sư Tuệ Lãng ở Báo từ tại Phước châu
11. Thiền sư Thường Tuệ ở Trường khánh tại Phước châu
12. Thiền sư Tỉnh ở Thạch Phật tại Phước châu
13. Thiền sư Trùng Hân ở Thúy phong tại Xử châu
14. Thiền sư Thanh Hoán ở Chẩm phong tại Phước châu
15. Thiền sư Khế Nột ở Đông thiền tại Phước châu
16. Thiền sư Hoằng Biện ở Trường khánh tại Phước châu
17. Thiền sư Khả Long ở Đông thiền tại Phước châu

18. Thiền sư Phủ Tần ở Tiêu tông tại Phước châu
19. Thiền sư Hoài Liệt ở Vĩnh an tại Phủ châu
20. Thiền sư Linh Hàm ở Mân sơn tại Phước châu
21. Hòa thượng Qui Sơn ở Tân La
22. Thiền sư Đạo Ân ở núi Long tu tại Cát châu
23. Thiền sư Trừng Tỉnh ở Tường quang tại Phước châu
24. Thiền sư Minh Viễn ở Thứu lãnh tại Tương châu
25. Thiền sư Tùng Khôi ở Báo từ tại Hàng châu
26. Thiền sư Khế Doanh ở Long hoa tại Hàng châu

* Thiền sư Đạo Phú ở chùa Long sách tại Hàng châu lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Nột ở núi Thanh hóa tại Việt châu
2. Thiền sư Ngộ Duyên ở Nam thiền tại Cù châu
3. Thiền sư Trí Viễn ở Tư phước tại Phục châu
4. Thiền sư Quy Đoan ở Động sơn tại Quân châu
5. Thiền sư Cảnh Phong ở Ôn châu

* Thiền sư Trí Phu ở Nga hồ tại Tín châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Pháp Tấn.

* Thiền sư Hoài Nhạc ở Báo ân tại Chương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Sư Hoạt ở Diệu tế tại Đàm châu.

* Thiền sư Thần Yến ở Cổ sơn tại Phước châu, lưu xuất mười một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tử Nghi ở Thiên trúc tại Hàng châu
2. Thiền sư Trí Tác ở Bạch vân tại Kiến châu
3. Thiền sư Trí Nghiêm ở Cổ sơn tại Phước châu
4. Thiền sư Trí Tung ở Long sơn tại Phước châu
5. Thiền sư Cường ở núi Phụng hoàng tại Tuyền châu
6. Hòa thượng Định Tuệ ở Tương châu
7. Thiền sư Thanh Ngạc ở Cổ sơn tại Phước châu
8. Thiền sư Xung Hy ở Tịnh đức tại Kim lăng
9. Thiền sư Thanh Hộ ở viện Báo ân tại Kim lăng
10.
11.

* Thiền sư Linh Chiếu ở chùa Long hoa tại Hàng châu, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Tấn ở Thụy nham tại Đài châu
2. Thiền sư Chí Cầu ở viện Lục thông tại Đài châu
3. Thiền sư Quy ở Vân long tại Hàng châu

4. Thiền sư Đạo Nhàn ở Công thần tại Hàng châu
5. Thiền sư Ngộ Duyên ở Trấn Cảnh tại Cù châu
6. Thiền sư Chiếu ở Báo quốc tại Phước châu
7. Thiền sư Nãi ở Bạch vân tại Đài châu

* Thiền sư Linh Tham ở Thúy nham tại Minh châu lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tử Hưng ở chùa Long sách tại Hàng châu
2. Thiền sư Trí Mặc ở Phật áo tại Ôn châu

* Thiền sư Hoằng Thao ở An quốc tại Phước châu lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Quý ở Bạch lộc tại Phước châu
2. Thiền sư Nghĩa Thông ở La sơn tại Phước châu
3. Thiền sư Tùng Quý ở An quốc tại Phước châu
4. Thiền sư Tạng Dụng ở Di sơn tại Phước châu
5. Thiền sư Ngạn Đoan ở Vĩnh long tại Phước châu
6. Thiền sư Chí Đoan ở Lâm dương tại Phước châu
7. Thiền sư Mãn ở Hưng Thánh tại Phước châu
8. Thiền sư Minh ở Tiên tông tại Phước châu
9. Hòa thượng Tường ở An quốc tại Phước châu.

* Thiền sư Tùng Triển ở viện Bảo phước tại Chương châu, lưu xuất hai mươi ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tỉnh Đặng ở Chiêu khánh tại Tuyền châu
2. Thiền sư Khả Trù ở Bảo phước tại Chương châu
3. Thiền sư Như Tân ở Bạch thủy tại Thư châu
4. Thiền sư Tuệ Liêm ở Chương giang tại Hồng châu
5. Thiền sư Văn Khâm ở Báo từ tại Phước châu
6. Thiền sư Thanh Vận ở Vạn an tại Tuyền châu
7. Thiền sư Hy ở Báo ân tại Phước châu
8. Thiền sư Tùng Sâm ở núi Phụng hoàng tại Tuyền châu
9. Hòa thượng Doanh ở Vĩnh long tại Phước châu
10. Thiền sư Thủ Thanh ở núi Thanh tuyền tại Hồng châu
11. Thiền sư Hạnh Sùng ở việc Báo ân tại Chương châu
12. Hòa thượng Nhạc Lộc tại Đàm châu
13. Thiền sư Đức Hải ở Đức sơn
14. Thiền sư Trừng ở Kiến sơn tại Hồng châu
15. Thiền sư Khế Ổn ở Khương sơn tại Phước châu
16. Thiền sư Tuệ Luân ở Diên thọ tại Đàm châu
17. Thiền sư Sâm ở Tây minh tại Tuyền châu

18. Thiền sư Nhu ở Thăng sơn tại Phước châu
19. Hòa thượng Chẩm Phong tại Phước châu
20. Thiền sư Pháp Tháo ở Đảnh châu
21. Hòa thượng Thứu Lãnh ở Tương châu
22. Hòa thượng Kính Liên ở Mục châu
23. Thiền sư Cú ở Cốc sơn tại Đàm châu

* Thiền sư Quán ở Kim luân tại Nam nhạc, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Hòa thượng Kim Luân sau Nam nhạc.

* Thiền sư Đạo Phổ ở núi Thùy long tại Tuyền châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Thanh Khoát ở viện Bảo phước tại Chương châu.

* Thiền sư Vĩnh ở núi Song tuyền tại Tùy châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng Đại Thông ở Quảng châu

* Thiền sư Sư Ngạn ở Thụy nham tại Đài châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Hoành Long ở Nam nhạc
2. Hòa thượng Thần Lục ở Thụy phong tại Ôn châu.

* Thiền sư Ngạn ở Huyền tuyền tại Hoài châu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hối Cơ ở Hoàng long tại Ngạc châu
2. Hòa thượng Bách Cốc tại Lạc kinh
3. Hòa thượng Hòa Long ở Trì châu
4. Hòa thượng đời thứ hai ở Huyền tuyền tại Hoài châu
5. Thiền sư Huyền Mật ở Diệu thắng tại Lộ phủ

* Thiền sư Đạo Nhàn ở La sơn tại Phước châu, lưu xuất mười chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Ẩn Vi ở Đại minh tại Hồng châu
2. Thiền sư Đức Khiêm ở Minh chiêu tại Vụ châu
3. Thiền sư Phạm ở Hoa quang tại Hành châu
4. Thiền sư Chiêu Tư ở La sơn tại Phước châu
5. Thiền sư Tuệ ở Tây xuyên
6. Thiền sư Linh Yểm ở Bạch vân tại Kiến châu
7. Thiền sư Nghĩa Chứng ở Thiên trúc tại Xử châu
8. Thiền sư Duy Khoáng ở Thanh bình tại Cát châu
9. Thiền sư Nghĩa Chiêu ở Kim trụ tại Vụ châu
10. Hòa thượng Cốc Sơn ở Đàm châu
11. Thiền sư Tùng Thịnh ở núi Đạo ngô tại Hồ nam
12. Thiền sư Nghĩa Nhân ở La sơn tại Phước châu

13. Hòa thượng Linh Nham ở Quán châu
14. Hòa thượng Khuôn Sơn ở Cát châu
15. Thiền sư Trọng Mãn ở Hưng Thánh tại Phước châu
16. Thiền sư Thanh Tấn ở Bảo ứng tại Đàm châu
17. Thiền sư Định Tuệ ở huyện Miên trúc tại Hán châu
18. Thiền sư Giám ở núi Long hội tại Đàm châu
19. Thiền sư Mục ở An châu

* Thiền sư Chí Viên ở núi Bạch triệu tại An châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí Hồng ở núi Đại long tại Đảnh châu
2. Thiền sư Hạnh Ái ở núi Bạch mã tại Tương châu
3. Thiền sư Hạnh Xung ở núi Đại dương tại Dĩnh châu
4. Thiền sư Hoài Sở ở núi Bạch triệu tại Am châu
5. Thiền sư Thanh Kiểu ở núi Tứ tổ
6. Thiền sư Chí Tháo ở núi Tam giác
7. Thiền sư Sư Phổ ở Hưng giáo tại Tấn châu
8. Thiền sư Chân giám ở núi Tam giác
9. Hòa thượng Hưng Dương ở Dĩnh châu
10. Thiền sư Huyền Giai ở Đông thiền tại Xâm châu
11. Thiền sư Tuệ Vân ở nước Tân La
12. Thiền sư Huyền Ngạc ở viện Tuệ nhật tại An châu
13. Thiền sư Ngạn Tân ở chùa Đại Tần tại Kinh triệu.

* Thiền sư Hồng Cứu ở Tuệ lâm tại Thiều châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Linh Thụy ở Thiều châu.

* Thiền sư Tuệ Thanh ở núi Ba tiêu tại Dĩnh châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thanh Nhượng ở Hưng dương tại Dĩnh châu
2. Thiền sư Pháp Mãn ở U cốc tại Hồng châu
3. Thiền sư Nghĩa Thâm ở Hưng Dương tại Dĩnh châu
4. Thiền sư Trú Ngộ, đời thứ hai ở Ba tiêu.

* Thiền sư Như Thật ở Tư phước tại Cát châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chân Thúy ở Tư phước tại Cát châu
2. Hòa thượng Phước Thọ ở Cát châu
3. Hòa thượng Lộc uyển ở Đàm châu
4. Thiền sư Đức Thiều ở Báo bi tại Đàm châu.

* Thiền sư Diên Chiểu ở Phong huyệt tại Nhữ châu lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chân ở Quảng tuệ tại Nhữ châu
2. Thiền sư Tỉnh Niệm ở Thủ sơn tại Nhữ châu
3. Hòa thượng Trường Hưng ở Phụng tường
4. Hòa thượng Linh Tuyền ở Đàm châu.

* Thiền sư Đằng Hà ở Đàm châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng đời thứ bảy ở Dược sơn tại Lễ châu
2. Hòa thượng ở núi Văn cái tại Đàm châu

* Thiền sư Thường Sát ở Đồng an núi Phụng thê tại Hồng châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Lương Cúng ở Ngưỡng sơn tại Viên châu.

* Thiền sư Vô Ân ở Hòa sơn tại Cát châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Độ ở Vĩnh an tại Lô sơn
2. Thiền sư Nghĩa Sùng ở Tào sơn tại Phủ châu
3. Thiền sư Khế Vân ở Hòa sơn tại Cát châu
4. Thiền sư Sư Âm ở Thúy nham tại Hồng châu.

* Thiền sư Cảnh ở núi Vân cái tại Đàm châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tạng ở Nam đài tại Hành nhạc
2. Thiền sư Tùng Thật ở Thác thủy tại U châu
3. Thiền sư Trừng Giác ở núi Vân cái.

* Thiền sư Đam Quyền ở chùa Quy tông tại Lô sơn, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hoằng Chương, đời thứ tư ở Quy tông
2. Thiền sư Nham Mật ở Quy tông.

* Thiền sư Chương ở Kế sơn tại Trì châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: 01. Thiền sư Đạo Kiền ở núi Song tuyền tại Tùy châu.

* Thiền sư Hoài Nhạc ở núi Vân cư tại Hồng châu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Linh Sùng ở viện Phong hóa tại Dương châu
2. Thiền sư Trung Ngạn ở Dược sơn tại Lễ châu
3. Hòa thượng Long Tuyền ở Tứ châu
4. Thiền sư Trú Duyên ở Vân cư
5. Thiền sư Trú Mãn ở Vân cư.

* Thiền sư Quang Tuệ ở núi Hà ngọc tại Phủ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Phước ở núi Hà ngọc.

* Thiền sư Đạo Diên ở Động sơn tại Quân châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khánh ở Thượng lam tại Hồng châu
2. Thiền sư Mẫn ở Động sơn.

* Thiền sư Tùng Chí ở Kim phong tại Phủ châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thần Giáng ở Đại ninh tại Hồng châu
2. Thiền sư Ngạn ở Dược sơn tại Lễ châu

* Thiền sư Xử Châu ở núi Lộc môn tại Tương châu, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sùng Châu ở Ích châu
2. Hòa thượng Đàm, đời thứ hai ở Lộc môn
3. Thiền sư Trí Tỉnh ở cốc Ẩn tại Tương châu
4. Thiền sư Hạnh Nhân ở hang Phật thủ tại Lô sơn
5. Thiền sư Minh ở núi Linh khê tại Tương châu
6. Thượng tọa Chân ở chùa Đại an tại Hồng châu

* Thiền sư Tuệ Hà ở Tào sơn tại Phủ châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Đông Đinh ở Gia châu
2. Thiền sư Chánh Tuệ ở Hoa nghiêm tại Hàng châu
3. Thượng tọa Kiên ở viện Chiêu khánh tại Tuyền châu

* Thiền sư Pháp Nghĩa ở Thảo am tại Hoa châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Tuệ Trung ở Quy dương tại Tuyền châu.

* Thiền sư Tạng Dư ở Báo từ tại Đàm châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng Tồn ở Hưng Thánh tại Ích châu.

* Thiền sư Thẩm Triết ở núi Hàm châu tại Tương châu, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng ở núi Long huyệt tại Dương châu
2. Hòa thượng ở núi Đại thừa tại Đường châu
3. Thiền sư Quy Hiểu ở Diên khánh tại Tương châu
4. Hòa thượng Chân ở núi Hàm châu tại tương châu
5. Thiền sư Chương ở núi Hàm châu
6. Thiền sư Yển ở núi Hàm châu

* Thiền sư Khuôn Nhất ở Tử lăng tại phủ Phụng tường, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Ẩn ở Khánh phước tại Tinh châu
2. Thiền sư Vi, đời thứ hai ở Tử lăng

3. Hòa thượng Đại Lãng ở phủ Hưng nguyên

* Thiền sư Oai ở Đồng an tại Hồng châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Thạch Cảnh ở Trần châu

2. Thiền sư Chí ở Đồng an.

* Thiền sư Hiến ở núi Thạch môn tại Tương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Tuệ Triệt lưu xuất từ đời thứ hai ở núi Thạch môn.

* Thiền sư Nghĩa Hòa ở Quảng đức tại Tương châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Diên đời thứ hai ở Quảng đức tại Tương châu

2. Hòa thượng Thượng Tuyền ở Kinh châu.

* Thiền sư Hương Thành ở Kinh triệu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: 01. Hòa thượng La Văn ở Đặng châu.

* Thiền sư Ấu Chương ở viện Thụy Long tại Hàng châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Đức Ngôn ở Tây xuyên.

* Thiền sư Thủ Trừng ở Hộ quốc tại Tùy châu, lưu xuất tám vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thủ Khâm ở Trí môn tại Tùy châu.

2. Thiền sư Tri Viễn đời thứ hai ở Hộ quốc

3. Hòa thượng Năng ở núi Đại an

4. Thiền sư Tư ở viện Tiến phước tại Dĩnh châu

5. Hòa thượng Diên Thọ ở Đàm châu

6. Thiền sư Chí Lãng đời thứ ba ở Hộ quốc

7. Hòa thượng Phong Quỳnh ở Hương lô tại Thư châu

8. Hòa thượng Mãn ở núi Bàn long tại Kinh triệu

* Thiền sư Thiện Tỉnh ở viện Vĩnh An tại Kinh triệu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng ở núi Đại minh

* Thiền sư Ngạn Tân ở núi Ô nha tại Kỳ châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hưng Cổ ở núi Đại an tại An châu

2. Thiền sư Hạnh Lãng ở núi Ô nha tại Kỳ châu

3. Thiền sư Thường -người dòng họ Lô ở Quắc châu.

* Thiền sư Thanh phong ở phủ Phụng tường, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Linh Kham ở Tây xuyên

2. Thiền sư Đoan Kỷ ở núi Tử các tại Kinh triệu

3. Thiền sư Hoài Trú ở Khai sơn tại Phòng châu

4. Hòa thượng Truyền Pháp ở U châu
5. Thiền sư Quy Tín ở Tịnh chúng tại Ích châu
6. Thiền sư Thanh Miễn đời thứ hai ở Thanh phong
7. Thiền sư Mãn ở núi Trường bình tại phủ Phụng tường.

* Thiền sư Bạch ở Đại nham tại Tường châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng Bích Vân ở Ngang châu.

ĐỜI THỨ CHÍN SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM -TUỆ NĂNG

* Thiền sư Tỉnh Niệm ở Thủ sơn tại Nhữ châu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thiện Chiêu ở Phần châu
2. Thiền sư Uẩn Thông ở Cốc ẩn tại Tương châu
3. Thiền sư Trí Tung ở Thừa thiên tại Tinh châu
4. Thiền sư Nguyên Liên ở Quảng tuệ tại Nhữ châu
5. Thiền sư Quy Tỉnh ở huyện Diệp tại Nhữ châu

Hòa thượng không ở Trí môn (thừa một vị).

* Thiền sư Quế Sâm ở viện La-hán tại Chương châu, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Văn Ích ở Thanh lương tại Kim lăng
2. Thiền sư Hồng Tấn ở Thanh khê tại Tương châu
3. Thiền sư Hưu Phục ở Thanh lương tại Kim lăng
4. Thiền sư Thiệu Tu ở Long tế tại Phủ châu
5. Thiền sư Tú ở chùa Thiên long tại Hàng châu
6. Thiền sư Truyền Ân ở Diên khánh tại Lộ châu
7. Thiền sư Thủ An ở Nam đài tại Hành nhạc.

* Thiền sư Khế Phù ở Tiên tông tại Phước châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Động Minh ở Tiên tông tại Phước châu
2. Thiền sư Hạnh Khâm ở Phước thanh tại Tuyền châu.

* Thiền sư Trọng Cơ ở Thiên long tại Hàng châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Linh Quang ở Vân nhạc tại Cao ly.

* Thiền sư Thái Thao ở Vụ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Bảo Thắng ở Tề vân tại Vụ châu.

* Thiền sư Đạo Hy ở Bạch long, Thăng sơn tại Phước châu, lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Huyền Chỉ ở Quảng bình tại Phước châu
2. Thiền sư Thanh Mộ ở Bạch long tại Phước châu
3. Thiền sư Chí Ân ở Linh phong tại Phước châu

4. Thiền sư Huyền Lượng ở Đông thiền tại Phước châu

5. Thiền sư Huyền Ứng ở Báo cù tại Chương châu

* Thiền sư Pháp Nhân ở Chiêu khánh tại Tuyền châu, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tông Hiển ở Báo ân tại Tuyền châu

2. Thiền sư Trừng Cải ở Long quang tại Kim lăng

3. Thiền sư Khả Hưu ở Bắc viện tại Vĩnh hưng

4. Thiền sư Thanh Hải ở Thái bình tại Xâm châu

5. Thiền sư Tuệ Thâm ở Từ vân tại Liên châu

6. Thiền sư Đạo Khâm ở Hưng dương tại Dĩnh châu

7. Thiền sư Thanh Khê ở Bảo phước tại Chương châu

* Thiền sư Bảo Tư ở Báo ân tại Vụ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng Trừng ở Phước lâm tại Xử châu.

* Thiền sư Hân ở Thúy phong tại Xử châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Thủ Chân ở Báo ân tại Xử châu.

* Thiền sư Minh Viễn ở Thứu lãnh tại Tương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng thông đời thứ hai ở Thứu lãnh.

* Thiền sư Ngạn Cầu ở Long hoa tại Hàng châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Tuần ở viện Nhân vương

* Thiền sư Khả Trù ở Bảo phước tại Chương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Vô Dật ở Long thọ tại Chương châu

* Thiền sư Tuệ Luân ở chùa Diên thọ tại Đàm châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Thuyên ở Quy tông tại Lô sơn

2. Thiền sư Dụ ở Long hưng tại Đàm châu.

* Thiền sư Bạch Vân tại Thiều châu, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Đại Lịch ở Thiều châu

2. Hòa thượng Bảo Hoa ở Liên châu

3. Hòa thượng Nguyệt Hoa ở Thiều châu

4. Hòa thượng Địa Tạng ở Nam Hùng châu

5. Thiền sư Hàm Khuôn ở Lạc tịnh tại Anh châu

6. Thiền sư Phước ở Hậu Bạch vân tại Thiều châu.

* Thiền sư Duyên Mật ở Đức sơn tại Đảnh châu, lưu xuất mười sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Văn Tập ở Lộc uyển tại Đàm châu

2. Thiền sư Khả Quỳnh ở Dược sơn tại Lễ châu

3. Thiền sư Cần ở Nam nhạc

4. Thiền sư Ứng Chân ở Văn thù
5. Thiền sư Nhu ở Đức sơn
6. Thiền sư Thiệu Yến ở Đức sơn tại Đảnh châu
7. Thiền sư Khoan ở Đảnh châu
8. Thiền sư Đạo ở Đảnh châu
9. Thiền sư Phổ ở Ba lăng
10. Thiền sư Tự Hưng ở Càn minh tại Xâm châu
11. Thiền sư ở núi Tấn vân tại Du châu
12. Thiền sư Càn Phổ ở Nhạc châu
13. Thiền sư Sùng ở phủ Hưng nguyên
14. Thiền sư Chí Nguyện ở Hoàng long tại Ngạc châu
15. Thiền sư Thừa Cảnh ở núi Nga my
16. Thiền sư Tú ở Đông thiền tại Ích châu

* Thiền sư Trừng Viễn ở Hưng lâm, Thanh thành tại Tây xuyên, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng La-hán ở Vĩnh khương quân
2. Thiền sư Quang Tộ ở Sùng thắng tại Phục châu
3. Thiền sư Tín ở Hương lâm, Thanh thành tại Vĩnh khương quân.

* Thiền sư Thủ Sơ ở Động sơn tại Tương châu, lưu xuất bảy vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Tung ở Đàm châu
2. Thiền sư Nhã ở Nam nhạc
3. Thiền sư Mục ở Nhạc khâu
4. Thiền sư Đồng ở Đặng châu
5. Thiền sư Hồng Giáo ở Đặng châu
6. Thiền sư Xử Quỳnh ở An châu
7. Thiền sư Bảo Châu ở Lộ châu

* Thiền sư Khoan ở Minh giáo núi Long cư tại Tùy châu, lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sư Giới ở Ngũ tổ
2. Thiền sư Chí Nhân ở núi Tứ tổ
3. Thiền sư Hoài Chí ở Quảng giáo tại Kỳ châu
4. Thiền sư Phụng Năng ở Hưng hóa tại Tương châu
5. Thiền sư Tuệ Mãn ở núi Thiên mục tại Đường châu
6. Thiền sư Trí Châu ở Kiến phước tại Ngạc châu
7. Thiền sư Trọng Thiện ở Phước xương phủ Giang lăng
8. Thiền sư Nhân Vĩnh ở núi Long môn tại Thư châu

9. Thiền sư Bản ở Diên khánh tại Tương châu
10. Thiền sư Huệ Tuần ở núi Phước An tại Đường châu
11. Thiền sư Bính Hiền ở núi Đại long tại Đảnh châu
12. Thiền sư Quỳnh ở núi Song tuyền
13. Thượng tọa Nhạc Tự

* Thiền sư Thiều ở núi Thuấn phong tại Thiều châu, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hy Lãng ở núi Đào viên tại Từ châu
2. Thiền sư Trí Thiện ở Pháp vân tại An châu
3. Thiền sư Thiện Chí ở Đặng lâm tại Thiều châu
4. Thiền sư Chí Thông ở Đại lịch tại Thiều châu.

* Thiền sư Úc ở núi Song tuyền tại Tùy châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Huệ Viễn ở Đức sơn tại Đảnh châu
2. Thiền sư Bân ở Hàm châu tại Tương châu.

* Thiền sư Giám ở Ba lăng tại Nhạc châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thuận ở Tương châu
2. Thượng tọa Linh Trừng.

* Thiền sư Minh ở núi Thanh lương tại Kim lăng, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Ngự ở Sùng thắng tại Lô sơn
2. Thiền sư Khoát ở Tây phong tại Cát châu.

* Thiền sư Thâm ở núi Vân cư lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Sơn chủ Hứa ở núi Liên hoa.

* Đại sư Đức Thiều ở Quy chân, Báo từ tại Đàm châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Chí Khiêm ở Tam giác tại Kỳ châu
2. Thiền sư Từ Đạt ở Hưng dương tại Dĩnh châu

* Thiền sư Hối Cơ ở Hoàng long tại Ngạc châu, lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thiện Chiểu ở Tử cái tại Lạc kinh
2. Thiền sư Kế Đạt ở Hoàng long tại My châu
3. Hòa thượng đời thứ hai ở Tảo lâm
4. Hòa thượng Trừng ở núi Huyền đô tại phủ Hưng nguyên
5. Hòa thượng Mặc Thủy ở Gia châu
6. Thiền sư Trí Ngung ở Hoàng long tại Ngạc châu
7. Hòa thượng Đạt ở Phước xướng tại My châu

8. Hòa thượng Nhiên ở Tuệ sơn tại Thường châu

9. Thiền sư Ngộ Hải ở Song lãnh tại Hồng châu.

* Thiền sư Đức Khiêm ở Minh chiêu tại Vụ châu, lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khế Tùng ở Báo ân tại Xử châu
2. Hòa thượng Du ở Phổ chiếu tại Vụ châu
3. Thiền sư Bảo Sơ ở Song khê tại Vụ châu
4. Hòa thượng Cứu ở Dũng tuyền tại Xử châu
5. Hòa thượng Nghĩa ở La-hán tại Cù châu
6. Hòa thượng Điều ở Hưng Thánh tại Phước châu.

* Thiền sư Trí Hồng ở núi Đại long tại Đảnh châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Cảnh Như ở núi Đại long
2. Thiền sư Sở Huân ở núi Đại long
3. Thiền sư Tùng Thiện ở Phổ thông tại phủ Hưng nguyên.

* Thiền sư Hạnh Ái ở Bạch mã tại Tương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Trí Luân ở Bạch mã

* Thiền sư Hoài Sở ở núi Bạch triệu tại An châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khuôn Hựu ở Bảo thọ tại Đường châu
2. Thiền sư Tự Nam ở Kỳ châu
3. Thiền sư Kế Huân ở Vĩnh khánh tại Quả châu.

* Thiền sư Trí Tĩnh ở cốc Ẩn tại Tương châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí Nghiễm ở cốc Ẩn
2. Thiền sư Pháp Hiển ở Phổ minh tại Tương châu

* Thiền sư Hoằng Chương ở Quy tông tại Lô sơn, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Thường Giác ở Phổ tịnh tại Đông kinh

* Thiền sư Vi ở Tử lăng tại phủ Phụng tường, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Hòa thượng Đại Lãng ở phủ Phụng tường
2. Hòa thượng Tân Khai ở Đàm châu.

* Thiền sư Tuệ Triệt ở núi Thạch môn tại Tương châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thiệu Đạt ở Thạch môn
2. Thiền sư Thủ Trân ở Linh trúc tại Ngạc châu.

* Thiền sư Chí ở Đồng an tại Hồng châu, lưu xuất hai vị nối dõi

dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Duyên Quán ở Lương sơn tại Đảnh châu

2. Thiền sư Linh Thông ở Trần châu

* Thiền sư Diên ở Quảng đức tại Tương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Châu ở Quảng đức

* Thiền sư Quy Tín ở chùa Tịnh chúng tại Ích châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng ở núi Linh nham tại Hán châu.

* Thiền sư Tri Viễn ở Hộ quốc tại Tùy châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Thường Phổ ở Khai bảo tại Đông kinh

* Thiền sư Duyên Quán ở Lương sơn tại Đảnh châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Cảnh Diên ở núi Đại dương tại Dĩnh châu(1).

ĐỜI THỨ MƯỜI SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM -TUỆ NĂNG

* Thiền sư Ứng Thân ở núi Văn Thù tại Đảnh châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Hiểu thông ở Động sơn tại Quân châu.

* Thiền sư Kế Đạt ở Hoàng long tại My châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng đời thứ hai ở Hoàng long.

* Thiền sư Văn Ích ở Thanh lương tại Kim lăng, vốn người dòng họ Lỗ ở Dư hàng, có ý chí rất cao xa. Sau khi thọ giới Cụ túc, tập học Tỳ-ni nói Luật sư Hy Giác, bên cạnh đó tham cứu thêm Nho thuật, mà Văn Ích có khả năng văn tài nghệ thuật rất khả quan, Luật sư Hy Giác từng bảo Văn Ích: "Ông nên từ đây đến Kinh đô tìm học chuyên về Tông thừa". Văn Ích bèn đến trong Pháp hội Trường khánh ở Phước đường. Ở đó chưa bao lâu mà dân tại đó đều suy tôn kính trọng. Về sau, Văn Ích lại du phương tham phỏng, giữa đường gặp mưa nên cùng đồng bạn tạm dừng nghỉ tại viện Địa tạng ở phía Tây châu đó. Nhân vào dự tham nơi Thiền sư Sâm mà thấu đạt pháp yếu, mới lưu ở lại am nơi Phước chi cam giá châu. Về sau lại vì đồng bạn dẫn đến Giang biểu tới Lâm xuyên bèn vì mọi người ở quận ấy mời ở tinh xá Xùng thọ. Từ đó Học chúng dần đông nhiều hưng thạnh. Giang nam Quốc chủ Lý Thị nghe đạo phong Văn Ích bèn mời vào thành đô lãnh nhận Đại già lam Thanh lương, dùng lễ nước nhà tiếp đãi vàng trọng hậu. Học chúng khắp bốn phương đến nương tựa càng đông nhiều, mãi đến nay còn xưng gọi hiếm có trong thiên hạ, được xưng hiệu là Tông Thanh Lương, Văn Ích lưu xuất sáu mươi ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Quốc sư Đức Thiều ở Thiên thai

2. Thiền sư Tuệ Minh ở chùa Báo ân tại Hàng châu
3. Thiền sư Trí Y ở La-hán tại Chương châu
4. Thiền sư Đạo Khâm ở Chương nghĩa tại Kim lăng
5. Thiền sư Khiên Dật ở Báo ân tại Kim lăng
6. Thiền sư Văn Toại ở Báo từ tại Kim lăng
7. Thiền sư Thủ Nhân ở La-hán tại Chương châu
8. Thiền sư Đạo Tiềm ở chùa Vĩnh minh tại Hàng châu
9. Thiền sư Lương Khuôn ở Hoàng sơn tại Phủ châu
10. Thiền sư Thanh Tung ở Linh ẩn tại Hàng châu
11. Thiền sư Huyền Tắc ở Báo ân tại Kim lăng
12. Thiền sư Hạnh Ngôn ở Báo từ tại Kim lăng
13. Thiền sư Trí Quân ở Tịnh Đức tại Kim lăng
14. Quốc sư Tuệ Cự ở Đạo phong tại Cao ly
15. Thiền sư Thái Khâm ở Thanh nguyên tại Kim lăng
16. Thiền sư Thiệu Nham ở chùa Bảo tháp tại Hàng châu
17. Thiền sư Pháp An ở Báo ân tại Kim lăng
18. Thiền sư Khế Điều ở Sùng thọ tại Phủ châu
19. Thiền sư Thanh Tích ở Vân cư
20. Thiền sư Đạo Thường ở Bách trượng
21. Thiền sư Kính Tuân ở Bát-nhã tại Thiên thai
22. Thiền sư Sách Chân ở Quy tông
23. Thiền sư Thiệu Hiển ở Đồng an tại Hồng châu
24. Thiền sư Tuệ Viên ở Thê hiền tại Lô sơn
25. Thiền sư Tùng Hiển ở Quán Âm tại Hồng châu
26. Thiền sư Diên Quy ở Trường an tại Lô châu
27. Thiền sư Hy Phụng ở Chánh cần tại Thường châu
28. Thiền sư Thê Luân ở Hưng thiện tại Lạc kinh
29. Thiền sư Tề ở Tây hưng tại Hồng châu
30. Thiền sư Khuân Đạt ở Từ vân tại Nhuận châu
31. Thiền sư Thiệu Minh ở Tiến phước tại Tô châu
32. Thiền sư Cẩn ở Cổ hiền tại Trạch châu
33. Thiền sư Khả Huân ở Hưng phước tại Tuyên châu
34. Thiền sư Thủ Nột ở Thượng lam tại Hồng châu
35. Hòa thượng Phúc Thuyền ở Phủ châu
36. Thiền sư Pháp Khôi ở Phụng tiên tại Hàng châu
37. Thiền sư Tuệ Lãng ở Hóa thành tại Lô sơn
38. Thiền sư Đạt Hồng ở chùa Vĩnh Minh tại Hàng châu
39. Thiền sư Linh Giám ở Cao ly

40. Hòa thượng Thượng Tuyền ở Kinh môn
41. Thiền sư Tăng Độn ở Đại lâm tại Lô sơn
42. Thiền sư Duyên Thắng ở Thiên vương tại Trì châu
43. Thiền sư Nghĩa Nhu ở Quy tông
44. Thiền sư Tuệ Anh ở Thượng phương tại Tuyền châu
45. Thiền sư Ngộ ở Hộ quốc tại Kinh châu
46. Thiền sư Chiếu ở Chi lãnh tại Nhiêu châu
47. Thiền sư Sư Tuệ ở Quy tông
48. Thiền sư Tỉnh Nhất ở Quy tông
49. Thiền sư Thông Tánh ở Diên khánh tại Tương châu
50. Thiền sư Mộng khâm ở Quy tông
51. Thiền sư Huyền Xiển ở Xá lợi tại Hồng châu
52. Thiền sư Minh ở Vĩnh an tại Hồng châu
53. Thiền sư Khả Trang ở Thiền khê tại Hồng châu
54. Thiền sư Sảng ở Thạch sương tại Đàm châu
55. Hòa thượng Linh Sơn ở Giang tây
56. Thiền sư Nhân ở hang Phật thủ
57. Hòa thượng Chỉ ở Bảo an tại Kim lăng
58. Hòa thượng U ở Hoa Nghiêm tại Thăng châu
59. Thiền sư Đạo Đạt ở Mộc bình tại Viên châu
60. Thiền sư Đạo Mại ở Đại ninh tại Hồng châu
61. Thiền sư Đức Tân ở Long hưng tại Sở châu
62. Thiền sư Nhân ở Hoàng long tại Ngạc châu
63. Thiền sư Đạo Trung ở Tây sơn tại Hồng châu.

* Thiền sư Hồng Tấn ở Thanh khê tại Tương châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tùng Y ở núi Thiên bình tại Tướng châu
2. Thiền sư Đức Duyên ở Viên thông tại Lô sơn

* Thiền sư Hưng Phục ở Thanh nguyên tại Kim lăng lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Đồng ở Phụng tiên tại Kim lăng
2. Thiền sư Đạo Tập ở am Bảo khánh tại Lô sơn.

* Thiền sư Thiệu Tu ở núi Long tế tại Phủ châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Hòa thượng Quảng Nguyên ở Hà đông

* Thiền sư Thủ An ở chùa Nam đài tại Hành nhạc lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thiện Mỹ ở Thứu lãnh tại Tương châu
2. Thiền sư Minh ở Tuệ Nhật tại An châu

* Thiền sư Huyền Ứng ở viện Báo cù tại Chương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Nhân Nghĩa đời thứ hai ở Báo cù.

* Thiền sư Vô Dật ở Long thọ tại Chương châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Pháp Khiên ở Long thọ tại Chương châu

* Thiền sư Đạo Tuyên ở Quy tông tại Lô sơn, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Thủ Thuyên ở núi Cửu phong tại Quân châu.

ĐỜI THỨ MƯỜI MỘT SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG

* Quốc sư Đức Thiền ở núi Thiên thai lưu xuất năm mươi mốt vị nối dõi dòng pháp. Đó là

1. Thiền sư Diên Thọ ở Vĩnh minh
2. Thiền sư Khả Hoằng ở Đại ninh tại Ôn châu
3. Thiền sư Bằng Ngạn ở Trường thọ tại Tô châu
4. Thiền sư Chí Phùng ở núi Ngũ vân tại Hàng châu
5. Thiền sư Pháp Đoan ở Báo ân tại Hàng châu
6. Thiền sư Thiệu An ở Báo Ân tại Hàng châu
7. Thiền sư Thủ Oai ở Quảng bình tại Phước châu
8. Thiền sư Vĩnh An ở Báo ân tại Hàng châu
9. Thiền sư Sư Hộ ở Quang Thánh tại Quảng châu
10. Thiền sư Thanh Dục ở Phụng tiên tại Hàng châu
11. Thiền sư Trí Cần ở Phổ giản tại Thiên thai
12. Thiền sư Nguyện Tề ở Nhạn Đãng tại Ôn châu
13. Thiền sư Hy Biện ở Phổ môn tại Hàng châu
14. Thiền sư Ngộ An ở Quang khánh tại Hàng châu
15. Thiền sư Hữu Thiềm ở Bát-nhã tại Thiên thai
16. Thiền sư Toàn Khẳng ở Trí giả tại Vụ châu
17. Thiền sư Nghĩa Long ở Ngọc tuyền tại Phước châu
18. Thiền sư Hiểu Vinh ở Long sách tại Hàng châu
19. Thiền sư Khánh Tiêu ở Công thần tại Hàng châu
20. Thiền sư Kính Tấn ở Xứng tâm tại Việt châu
21. Thiền sư Sư Thuật ở Nghiêm phong tại Phước châu
22. Thiền sư Tuệ Đạt ở Hoa Nghiêm tại Lộ châu
23. Thiền sư Đạo Viên ở Thanh thái tại Việt châu
24. Thiền sư Khánh Tường ở Cửu khúc tại Hàng châu

25. Thiền sư Hạnh Minh ở Khai hóa tại Hàng châu
26. Thiền sư Nghĩa Viên ở Khai thiện tại Việt châu
27. Thiền sư Ngộ An ở Thụy lộc tại Ôn châu
28. Thiền sư Tuệ Cư ở Long hoa tại Hàng châu
29. Thiền sư Ngộ Trăn ở Tề vân tại Vụ châu
30. Thiền sư Bản Tiên ở chùa Thụy lộc tại Ôn châu
31. Thiền sư Đức Khiêm ở Báo ân tại Hàng châu
32. Thiền sư Xử Tiên ở Linh ấn tại Hàng châu
33. Thiền sư Tỉnh Nghĩa ở Thiện kiến tại Thiên thai
34. Thiền sư An ở Quán âm tại Việt châu
35. Thiền sư Trạch ở Nhân thọ tại Vụ châu
36. Thiền sư Trọng Diệu ở Vân môn tại Việt châu
37. Thiền sư Vinh ở Đại võ tại Việt châu
38. Thiền sư Quỳnh ở Địa tạng tại Việt châu
39. Thiền sư Thiệu Quang ở Linh ẩn tại Hàng châu
40. Thiền sư Thiệu Loan ở Long hoa tại Hàng châu
41. Thiền sư Hạnh Tân ở Bích tuyền tại Việt châu
42. Thiền sư Hiếu ở Tượng điền tại Việt châu
43. Thiền sư Tùng Kiên ở Đăng vân tại Nhuận châu
44. Thiền sư Lãng ở Quán âm tại Việt châu
45. Hòa thượng Ngũ Phong ở Gia kỵ tại Việt châu
46. Thiền sư Đạo Tư ở Hà sơn tại Việt châu
47. Thiền sư Tự Quảng ở Đại võ tại Việt châu
48. Thiền sư Sư Dật ở Hoàng nghiệt tại Quân châu
49. Thiền sư Thanh Biểu ở Thụy quang tại Tô châu
50. Thiền sư Hồng thọ ở chùa Hưng giáo tại Hàng châu
51. Thiền sư Đạo Nguyên ở Thừa thiên tại Tô châu.

Đời thứ mười một sau đời Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng

* Thiền sư Tuệ Minh ở chùa Báo ân tại Hàng châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Đạo Thành ở Bảo minh tại Phước châu

* Thiền sư Văn Toại ở Đạo tràng Báo Từ tại Kim lăng lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ ở Tề vân tại Thường châu
2. Thiền sư Tường ở Song lãnh tại Hồng châu
3. Thiền sư Chân ở Quán âm tại Hồng châu
4. Thiền sư Mậu ở Long sa tại Hồng châu.
5. Thiền sư Tương ở Đại minh tại Hồng châu

* Thiền sư Đạo Tiềm ở Vĩnh minh tại Hàng châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khôi Tỉnh ở Thiên Quang vương tại Hàng châu
2. Thiền sư Chí Trừng ở Trấn cảnh tại Cù châu
3. Thiền sư Khánh Tường ở Sùng phước tại Minh châu

* Thiền sư Thanh Trung ở Linh ẩn tại Hàng châu lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Từ ở Công thần tại Hàng châu
2. Thiền sư Nguyện Chiêu ở La-hán tại Tú châu
3. Thiền sư Sư Trí ở Báo ân tại Xử châu
4. Thiền sư Khả Tiên ở Cốc ninh tại Cù châu
5. Thiền sư Đạo Đoan ở Quang hiếu tại Hàng châu
6. Thiền sư Ngộ Minh ở Bảo thanh tại Hàng châu
7. Thiền sư Biện Long ở Chi đề tại Phước châu
8. Thiền sư Hy Viên ở Thụy long tại Hàng châu
9. Thiền sư Đức Văn ở Quốc Thái tại Hàng châu.

* Thiền sư Đạo Thường ở núi Bách trượng tại Hồng châu, lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trừng Thị ở Thê hiền tại Lô sơn
2. Thiền sư Đức Hưng ở Vạn thọ tại Tô châu
3. Thiền sư Vĩnh ở Vân môn tại Việt châu

* Thiền sư Nghĩa Nhu ở Quy tông tại Lô sơn lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hạnh Lâm ở La-hán tại Lô sơn
2. Thiền sư Giác Kha ở Công thần tại Hàng châu

* Thiền sư Hạnh Ngôn ở Báo từ tại Kim lăng, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Nghĩa Năng ở Vân cư tại Hồng châu
2. Thiền sư Thanh Hiểu ở Bắc thiền tại Nhiêu châu

* Thiền sư Pháp An ở Báo ân tại Kim lăng lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Kiên ở Thê hiền tại Lô sơn
2. Thiền sư Tuệ Thành ở Quy tông

* Thiền sư Diên Quy ở viện Trường an tại Lô châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Biện Thật ở Trường an tại Lô châu
2. Thiền sư Dụng Thanh ở núi Vân cái.

ĐỜI THỨ MƯỜI HAI SAU ĐỜI THIỀN SƯ ĐẠI GIÁM - TUỆ NĂNG

* Thiền sư Diên Thọ ở Vĩnh minh tại Hàng châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tử Mông ở Phú dương tại Hàng châu
2. Thiền sư Tân ở viện Hồ minh tại Hàng châu.

* Thiền sư Minh Ngạn ở viện Trường Thọ tại Tô châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Pháp Tề, đời thứ hai ở Trường thọ.

* Thiền sư Hy Biện ở chùa Phổ môn tại Hàng châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Hồng ở nước Cao Ly
2. Thiền sư Hồ Trí ở Thượng lâm tại Việt châu

* Thiền sư Đạo Tề ở Chân như tại núi Vân cư, lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Khế Khôi ở Vân cư
2. Thiền sư Văn Thắng ở Linh ẩn tại Hàng châu
3. Thiền sư Nghĩa Hải ở Thụy nham tại Đài châu
4. Thiền sư Cư Hy ở Đại mai
5. Thiền sư Cư Tế ở Bảo phước tại Đại mai
6. Thiền sư Thanh ở Thanh khê tại Kinh môn
7. Thiền sư Cư Diệu ở Vân môn
8. Thiền sư Tuệ Chấn ở Vân cư
9. Thiền sư Trí Đạt ở Tuệ nhật tại Lô sơn.

Thử luận bàn: Chánh tông đến đời Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng lưu truyền đã rộng lớn, mà các học giả bèn mỗi tự chuyên theo thuyết của thầy mình. Trong thiên hạ từ đó lấy làm khác lạ, tranh nhau tự làm thành gia (chủ trương), nên có nào: Tông Qui ngưỡng, tông Tào động, tông Lâm tế, tông Vân môn, tông Pháp nhãn v.v... như thế đông nhiều không thể tính kể. Mà đồ chúng của ba tông Vân môn, Lâm tế và Pháp nhãn đến nay rất hưng thạnh. Còn tông Qui ngưỡng thì đã tiêp mất. Tông tào động chẳng qua còn nhưng dần hiếm ít dẫn đến cạn kiệt. Nhưng sự thạnh suy đó đâu phải pháp có mạnh yếu, chỉ bởi đời sau truyền thừa có được người hay không vậy. Các sách há chẳng nói ư. Giả sử không người ấy, đạo vốn chẳng trống truyền hành.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 8

- (HẾT) -

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ

QUYỂN 9

- Lược truyện lưu xuất gần kề, có hai trăm lẻ năm vị
- Lược truyện Tông chứng, có mười vị.

I. LƯỢC TRUYỆN LƯU XUẤT GẦN KỀ

LỜI TỰA

"Lưu xuất các Thiện tri thức gần kề đã ghi lục ở các sách khác. Đây lại nêu bày. Bởi vì những vị ấy đều lưu xuất từ Chánh tông. Đích hay thứ tuy có khác nhưng pháp chỉ có một. Niêm phong gồm cả đồng dòng họ nước nhà, vì quý cái Tông ấy, bởi nghĩa của thân gần, thì văn võ thành Khương an làm chánh. Mời đầu từ Tôn giả Đại Ca-diếp tương truyền tiếp thừa, điều đó cũng đã có thể rõ biết, và phát khởi lưu truyền đến Mạt-điền-để cuối cùng chấm dứt tại Thiền sư Thần Hội ở Ích châu. Có cả thảy hai trăm lẻ năm vị".

Từ Tổ sư thứ nhì:

Tôn giả A-nan lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là Tôn giả Mạt-điền-để-ca.

Từ Tổ sư thứ hai mươi bốn:

Tôn giả Sư Tử lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là Đạt-ma-đạt.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI TÔN GIẢ SƯ TỬ

Tôn giả Đạt-ma-đạt, vốn người nước Kế Tân, không rõ thuộc dòng họ nào. Mới đầu, Đạt-ma-đạt nương theo Tôn giả Ba-lê-ca ở nước Kế Tân cầu xin xuất gia, mà Đạt-ma-đạt rất thông mẫn có trí tuệ biện tài, và đức hạnh lại tỏa trùm cả các bậc A-la-hán, đến lúc dòng pháp từ Tôn giả Ba-lê-ca phân chia thành năm nhà thì Đạt-ma-đạt lại là vị dẫn đầu tông Thiền định. Về sau, cùng Tôn giả Sư Tử biện luận, bèn phục theo

đạo ấy, lại làm thầy của tông đó. Đến lúc Tôn giả Sư Tử gặp nạn hại, Đạt-ma-đạt mới cùng hai vị đệ tử ẩn dật trong núi Tượng bạch tại nước đó. Đạt-ma-đạt tuổi thọ rất cao, vượt ngoài số thường. Và Đạt-ma-đạt lợi ích hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Nhân-đà-la
2. Tôn giả Cù-la-kỵ-lợi-bà.

Thử luận bàn: Mới đầu, ngu chưa được chứng nghiệm từ "Xuất Tam Tạng Ký". Có người bảo: "Tôi nghi ngờ ngôi vị Tổ sư đến đời Tôn giả Sư Tử là tuyệt dứt, mà pháp ấy lưu truyền rộng khắp. Còn Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng Tổ thứ sáu ở Trung Hoa chẳng như vậy ư?" Nhân đó, Khế Tung tôi thường cùng người ấy luận bàn rằng: "Phàm, ngôi vị Tổ sư dứt tuyệt là việc chẳng tầm thường. Các bậc hiền Thánh trước sau cũng đang nói đó. Như số danh chư vị tổ sư ở đây dừng ở Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng, là do có Tôn giả Bát-nhã-đa-la; Tổ thứ hai mươi bảy dùng Đại sĩ Bồ-đề-đạt-ma; Tổ tứ hai mươi tám đã có ghi trước. Đến đời Tổ thứ sáu (ở Trung Hoa) Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng tuy mỗi tự truyền trao pháp ấy mà cũng có người vậy. Nếu ông cho rằng đời Tổ sư dứt tuyệt từ Tôn giả Sư Tử, Tổ thứ hai mươi bốn, hẳn lấy gì làm chứng đó? Các Tổ sư trước đó ai từng dự ghi ư? Và phân truyền pháp quả nhiên có người nào đem đến phương Đông ư? Nếu không có người nào thì pháp ấy sao truyền đến xứ Trung Hoa đây được? Tuy Tôn giả Sư Tử lưu xuất Tôn giả Đạt-ma-đạt nối dõi dòng pháp gần kề tự vì đó là chi phải. Và lưu xuất đó mỗi mỗi không quá bốn -năm vị mà thôi chẳng phải lưu truyền khắp cùng. Và cũng chưa từng nghe Đồ chúng đó đem giáo pháp đến phương Đông lưu truyền xiển hóa. Giả sử Tôn giả Đạt-ma-đạt là người lưu truyền khắp cùng, thì sao Tôn giả Đạt-ma-đạt lại riêng chỉ nêu Tổ sư đời thứ hai mươi lăm rằng: "Ta có bạn đồng học tên là Bà-xứ-tư-đa Tiên sư (Tôn giả Sư Tử) đã dự ghi trao truyền cho Đại pháp, lại trao pháp y để làm chứng tín. Và Bà-xá-tư-đa đã đến xứ Nam Thiên trúc hoằng hóa vậy". Đồng học vời Đạt-ma-đạt kia đâu bỏ mà không nói ư? Đó chẳng ấy vậy. Ông nên theo Lý mà tìm cầu đó, không thể phóng ý mà tự ức đoán". Người ấy lại hỏi: "Nếu vậy thì Tôn giả Đạt-ma-đạt đã thuộc tông từ Tôn giả Sư Tử, sao chẳng tiếp thừa làm Tổ sư chánh vị, mà lại suy tôn đến Bà-xá-tư-đa?" Đáp: "Đó bởi do các Thánh nhân tùy thích nghi cơ duyên mà trao truyền Tổ vị, lại thêm tùy sự ngộ đạt có cạn sâu mà truyền trao pháp ấn. Như Tổ thứ năm -Tôn giả Hoằng Nhẫn truyền trao đại pháp cho Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng mà chẳng truyền trao cho Tỳ-kheo Thần Tú, chẳng rõ đó thay?"

Hoặc có đồng vậy, vừa rồi có được sách của Sa-môn Tăng Hựu, mà Khế Trung tôi nói là rất chứng nghiệm, chẳng muốn vất bỏ đó. Nhân hệ thuộc được lưu truyền sau Tôn giả Đạt-ma-đạt.

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI TÔN GIẢ SƯ TỬ.

* Tôn giả Nhân-đà-la, lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Đạt-ma-thi-lợi-đế
2. Tôn giả Na-già-nan-đề
3. Tôn giả Phú-lâu-cầu-đa-la
4. Tôn giả Bà-la-bà-đề

* Tôn giả Cù-la-kỵ-lợi-bà lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Bà-la-bạt-ma
2. Tôn giả Tăng-già-la-xoa.

ĐỜI THỨ TƯ SAU ĐỜI TÔN GIẢ SƯ TỬ

* Tôn giả Đạt-ma-thi-lợi-đế lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Ma-đế-lệ-phi-la
2. Tôn giả Ha-lợi-bạt-mậu

* Tôn giả Phá-lâu-cầu-đa-la lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Hòa-tu-bàn-đầu
2. Tôn giả Đạt-ma-ha-đế
3. Tôn giả Chiên-đà-la-đa

* Tôn giả Ba-la-bạt-ma lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Lặc-na-đa-la
2. Tôn giả Bàn-đầu-đa-la
3. Tôn giả Bà-la-bà-đa

* Tôn giả Tăng-già-la-xoa lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Tôn giả Tỳ-xá-dã-đa-la
2. Tôn giả Tỳ-lâu-la-đa-ma
3. Tôn giả Tỳ-lật-sô-đa-la
4. Tôn giả Ưu-ba-thiên-đà
5. Tôn giả Bà-nan-đề-la.

TÔN GIẢ BỒ-ĐỀ-ĐẠT-MA, TỔ THỨ HAI MƯƠI TÁM

Tức Sơ tổ ở Trung Hoa lưu xuất chín vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Tôn giả Tát-bà-la đứng đầu tông Hữu tướng
2. Tôn giả Ba-la-đề đứng đầu tông Vô tướng
3. Tôn giả Bà-lan-đà đứng đầu tông Định tuệ
4. Tôn giả (mất tên) đứng đầu tông Giới hạnh
5. Tôn giả Bảo Tỉnh đứng đầu tông Vô đắc
6. Tôn giả (mất tên) đứng đầu tông Tịch tỉnh
7. Tôn giả Đạo Dục
8. Tôn giả Đạo Phó
9. Ni Sư Tổng Trì.

TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

Tức Tổ sư đời thứ nhì ở Trung Hoa lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tăng Na
2. Cư sĩ Lưu Hướng
3. Thiền sư Tuệ Mãn ở Tương châu.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Tuệ Mãn ở Tương châu lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thần Định ở núi Hiện
2. Thiền sư Bảo Nguyệt
3. Cư sĩ Hoa Nhàn
4. Đại sĩ Hóa Công
5. Hòa Công
6. Cư sĩ Liệu

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN.

* Cư sĩ Hoa Nhàn lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp, đó là Đàm Thúy

ĐỜI THỨ TƯ SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Đàm Thúy lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Giản ở Diên lăng
2. Thiền sư Tuệ Sai ở Bành thành
3. Thiền sư Tuệ Cương ở Định lâm

ĐỜI THỨ NĂM SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Tuệ Cương lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đại Giác ở Lục hợp.

ĐỜI THỨ SÁU SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Đại Giác lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đàm Ảnh ở Cao bưu.

ĐỜI THỨ BẢY SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Đàm Ảnh lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Minh Luyện ở Thái sơn.

ĐỜI THỨ TÁM SAU ĐỜI TÔN GIẢ TUỆ KHẢ, TỔ THỨ HAI MƯƠI CHÍN

* Thiền sư Minh Luyện lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tỉnh Thái ở Dương châu.

TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

Tức Tổ sư đời thứ tư ở Trung Hoa lưu xuất, vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Pháp Dung ở Ngưu đầu.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Pháp Dung ở Ngưu đầu tại Kim lăng, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí Nham

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Trí Nham lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Phương.

ĐỜI THỨ TƯ SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Tuệ Phương lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Pháp Trì.

ĐỜI THỨ NĂM SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Pháp Trì lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí Oai.

ĐỜI THỨ SÁU SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Trí Oai lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tuệ Trung.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Pháp Dung lại lưu xuất mười vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Đàm Thôi ở Chung sơn tại Kim lăng
2. Thiền sư Đại Tố ở Kinh châu
3. Thiền sư Nguyệt Không ở U thê
4. Thiền sư Đạo Diễn ở Bạch mã
5. Thiền sư Định Trang ở Tân an
6. Thiền sư Trí Sai ở Bành thành
7. Thiền sư Đạo Thọ ở Quảng châu
8. Thiền sư Trí Sảng ở Hồ châu
9. Thiền sư Đổ Mặc ở Tân châu
10. Thiền sư Trí Thành ở Thượng nguyên

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Trí Nham lại lưu xuất tám vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Cảnh Đàm ở Đông đô

2. Thiền sư Chí Trường ở Tương châu
3. Thiền sư Đoan Phục ở Ích châu
4. Thiền sư Quy Nhân ở Long quang
5. Thiền sư Biện Tài ở Tương dương
6. Thiền sư Pháp Tuấn ở Hán nam
7. Thiền sư Mẫn Cổ ở Tây xuyên.
8.

* Thiền sư Trí Thành lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Định Châu.

ĐỜI THỨ TƯ SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Định Chân lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Như Độ.

ĐỜI THỨ NĂM SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Định Chân lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Huyền Tố ở Ngưu đầu
2. Thiền sư Hoằng Nhẫn ở Thiên trụ.

ĐỜI THỨ SÁU SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Trí Oai lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Huyền Đĩnh ở An quốc tại Tuyên châu
2. Thiền sư Huyền Tố ở Hạc lâm tại Nhuận châu
3. Thiền sư Sùng Tuệ ở Thiên trụ tại Thư châu.

ĐỜI THỨ BẢY SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Tuệ Trung lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Duy Tắc ở Thiên thai.

* Thiền sư Huyền Tố lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Khâm ở Kính sơn
2. Thiền sư Đàm Ích ở Kim hoa

3. Thiền sư Viên Cảnh ở Ngô môn

ĐỜI THỨ TÁM SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Đạo Khâm -Quốc Nhất ở Kính sơn lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Lâm ở Điểu khóa
2. Thiền sư Ngộ ở núi Mộc chữ
3. Thiền sư Quảng Phu ở Thanh dương
4. Thiền sư Sùng Tuệ ở núi Cân tử tại Hàng châu.

* Thiền sư Duy Tắc ở hang Phật quật tại Thiên thai lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là Thiền sư Trí ở Vân cư tại Thiên thai.

ĐỜI THỨ CHÍN SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Đạo Lâm ở Điểu khóa tại Hàng châu, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Hội Thông ở Chiêu hiền tại Hàng châu
2. Thiền sư Bảo Quán ở Linh nham.

* Thiền sư Trí ở Vân cư tại Thiên thai lưu xuất ba mươi ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Đạo Tánh ở núi Ngưu đầu
2. Thiền sư Trí Đăng ở Giang ninh
3. Thiền sư Hoài Tín ở Giải huyền
4. Thiền sư Toàn ở Hạc lâm
5. Thiền sư Hoài Cổ ở Bắc sơn
6. Thiền sư Quán Tông ở Minh châu
7. Thiền sư Đại Trí ở Ngưu đầu
8. Thiền sư Thiện Đạo ở Bạch mã
9. Thiền sư Trí Chân ở Ngưu đầu
10. Thiền sư Đàm Ngung ở Ngưu đầu
11. Thiền sư Vân Thao ở Ngưu đầu
12. Thiền sư Ngưng ở Ngưu đầu
13. Thiền sư Pháp Lương ở Ngưu đầu
14. Thiền sư Hạnh Ứng ở Giang ninh
15. Thiền sư Huệ Lương ở núi Ngưu đầu
16. Thiền sư Đạo Dung ở Hưng thiện
17. Thiền sư Chiếu Dung ở Tương sơn

18. Thiền sư Pháp Đăng ở Ngưu đầu
19. Thiền sư Định Không ở Ngưu đầu
20. Thiền sư Tuệ Thiệp ở núi Ngưu đầu
21. Thiền sư Đạo Ngộ ở U thê
22. Thiền sư Ngưng Không núi ở Ngưu đầu
23. Thiền sư Đạo Sơ ở Tương sơn
24. Thiền sư Tạng ở U cơ (Thê?)
25. Thiền sư Linh Huy ở Ngưu đầu
26. Thiền sư Đạo Dĩnh ở U thê
27. Thiền sư Cự Anh ở Ngưu đầu
28. Thiền sư Pháp Thương ở Thích sơn
29. Thiền sư Ngưng Tịch ở Long môn
30. Thiền sư Viễn ở Trang nghiêm
31. Thiền sư Đạo Kiên ở Tương châu
32. Ni sư Minh Ngô
33. Cư sĩ Ấn Tịnh

ĐỜI THỨ MƯỜI SAU ĐỜI TÔN GIẢ ĐẠO TÍN, TỔ THỨ BA MƯƠI MỐT

* Thiền sư Tuệ Nghiệp, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thanh Nguyên ở Thê hà tại Nhuận châu

Tôn giả Hoằng Nhẫn, Tổ thứ ba mươi hai.

Tức Tổ sư đời thứ năm ở Trung Hoa lưu xuất mười ba vị nối dõi dòng pháp gần kề. Đó là:

1. Thiền sư Thần Tú Bắc Tông
2. Thiền sư Tuệ An ở Tung nhạc
3. Thiền sư Đạo Minh ở Mông sơn
4. Thiền sư Đàm Quang ở Dương châu
5. Thiền sư Thần Tháo ở Tùy châu
6. Thiền sư Pháp Trì ở Kim châu
7. Thiền sư Trí Tiên ở Tư châu
8. Thiền sư Pháp Chiếu ở Thư châu
9. Thiền sư Nghĩa Phương ở Việt châu
10. Thiền sư Đạo Tuấn ở Chi giang
11. Thiền sư Huyền Trách ở Thường châu
12. Thiền sư Tăng Đạt ở Việt châu
13. Chủ bộ dòng họ Lưu ở núi Bạch tùng.

ĐỜI THỨ HAI SAU ĐỜI TÔN GIẢ HOẰNG NHẪN, TỔ THỨ BA MƯƠI HAI.

* Thiền sư Thần Tú lưu xuất mười chín vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Cự Phương ở núi Ngũ đài
2. Thiền sư Trí Phong ở Hà trung
3. Thiền sư Tạng ở Hàng ma tại Duyên châu
4. Thiền sư Đạo Thọ ở Thọ châu
5. Thiền sư Toàn Thực ở Hoài nam
6. Thiền sư Từ Lãng ở Kinh châu
7. Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn
8. Thiền sư Hương Dục ở Đại Phật
9. Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây kinh
10. Thiền sư Trừng ở Hốt lôi
11. Thiền sư Nhật ở Đông kinh
12. Thiền sư Biến Tịnh ở Thái nguyên
13. Thiền sư Nguyên Quán ở Nam nhạc
14. Thiền sư Đỗ ở Nhữ nam
15. Thiền sư Kính ở Tung sơn
16. Thiền sư Tiểu Phước ở Kinh triệu
17. Thiền sư Quán ở Hoắc sơn tại Tấn châu
18. Thiền sư Sùng Khê ở Nhuận châu
19. Thiền sư Hoài Không ở An lục.

* Quốc sư Tuệ An ở Tung nhạc lưu xuất sáu vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Nhân Niệm ở Phước tiên ở Lạc kinh
2. Thiền sư Đọa ở Phá táo tại Tung nhạc
3. Thiền sư Nguyên Khuê ở Tung nhạc
4. Thiền sư Thản Nhiên ở Thường sơn
5. Thiền sư Viên Tịch ở Nghiệp đô
6. Thiền sư Đạo Lượng ở Tây kinh.

* Thiền sư Đạo Minh ở Mông sơn lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Sùng Tịch ở Hồng châu
2. Thiền sư Hoàng ở Giang tây
3. Thiền sư Thần Chánh ở Phủ châu

* Thiền sư Thần Tháo ở Tùy châu lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: 1. Thiền sư Chánh thọ

* Thiền sư Trí Tiên ở Tư châu, lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Xử Tịch ở Tư châu

* Thiền sư Huyền Trách, lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thần Phỉ ở Nghĩa hưng
2. Thiền sư Sướng ở Hồ châu.

ĐỜI THỨ BA SAU ĐỜI TÔN GIẢ HOẰNG NHẪN, TỔ THỨ BA MƯƠI HAI

* Thiền sư Tạng ở Hàng ma lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Tịch Mãn ở Tây kinh
2. Thiền sư Định Trang ở Tây kinh
3. Thiền sư Tuệ Ẩn ở Nam nhạc.

* Thiền sư Từ Lãng ở Kinh châu lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Huyền Tông ở Tử kim
2. Thiền sư Xa ở Đại mai
3. Thiền sư Hoài Huy ở Đoàn giới

* Thiền sư Phổ Tịch ở Tung sơn lưu xuất hai mươi bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Duy Chính ở núi Chung nam
2. Thiền sư Tuệ Không ở Quảng phước
3. Thiền sư Việt Châu
4. Thiền sư Tư ở Giáp thạch tại Tương châu
5. Thiền sư Minh Toàn
6. Thiền sư Chân ở Kính ái
7. Thiền sư Thủ Hiền ở Duyên châu
8. Thiền sư Thạch Tạng ở Định châu
9. Thiền sư Trừng Tâm ở Nam nhạc
10. Thiền sư Nhật Chiếu ở Nam nhạc
11. Thiền sư Cán ở Lạc kinh
12. Thiền sư Chân Lượng ở Tô châu
13. Thiền sư Tuyền ở Ngõa quan
14. Thiền sư Pháp Dung ở Dặc dương
15. Thiền sư Diễn ở Quảng lăng
16. Thiền sư Tuệ Không ở Thiểm châu

17. Thiền sư Chân Lượng ở Lạc kinh
18. Thiền sư Tuyên Nguyệt ở Trạch châu
19. Thiền sư Đàm Chân ở Hào châu
20. Thiền sư Sùng Diễn ở núi Đô lương
21. Thiền sư Trừng ở Kinh triệu
22. Thiền sư Nhật Hạnh ở chùa Tung dương
23. Thiền sư Dung ở Kinh triệu
24. Cư sĩ Đinh ở Định đào ở Kinh triệu

* Thiền sư Nghĩa Phước ở Tây kinh lưu xuất tám vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Mãnh ở Đại hùng
2. Thiền sư Động ở Đại chấn tại Tây kinh
3. Thiền sư Thần Phỉ
4. Thiền sư Quang ở Đại bi tại Tây kinh
5. Thiền sư Đại Ẩn ở tại Tây kinh
6. Thiền sư Định Cảnh
7. Thiền sư Đạo Bá
8. Thiền sư Huyền Chứng

* Thiền sư Nguyên Quán ở Nam nhạc lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thần Chiếu.

* Thiền sư Tiểu Phước lưu xuất ba vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Thâm Tịch ở Lam điền tại Kinh triệu
2. Thiền sư Vân ở Thái bạch
3. Thiền sư Pháp Siêu ở núi Đông bạch.

* Thiền sư Quán ở Hoắc sơn lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư U ở Hiện sơn.

* Thiền sư Đạo Lượng ở Tây kinh lưu xuất năm vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Đại Tổng Quản Lý Hiếu Dật ở Dương châu
2. Công Bộ Thượng Thư Trương Tích
3. Quốc Tử Tế Tửu Thôi Dung
4. Bí Thư Giám Hạ Tri Chương
5. Thứ Sử Khương Tiên ở Mục châu.

* Thiền sư Xử Tịch ở Tư châu lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Vô Tướng ở Ích châu

2. Thiền sư Mã ở Ích châu
3. Thiền sư Siêu
4. Thiền sư Hiểu Liễu ở Tử châu

* Thiền sư Phỉ ở Nghĩa hưng lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Trí du ở Tây kinh
2. Thiền sư Thâm Trí ở Đông đô

Đời thứ tư sau đời Tôn giả Hoằng Nhẫn, Tổ thứ ba mươi hai

* Thiền sư Duy Chính ở Hưng thiện lưu xuất hai vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

01. Thiền sư Định Tâm ở Hành châu
02. Thiền sư Chí Chân.

* Thiền sư Chí Chân ở chùa Kính ái lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Chiếu ở Tung sơn

* Thiền sư Thận Huy ở Đoàn giới lưu xuất một vị nối dõi dòng pháp. Đó là: Thiền sư Võ Giới

* Thiền sư Vô Tướng lưu xuất bốn vị nối dõi dòng pháp. Đó là:

1. Thiền sư Vô Trú ở Ích châu
2. Thiền sư Dung ở Kinh châu
3. Vương Đầu Đà ở Hán châu
4. Thiền sư Thần Hội ở Ích châu.

II. LƯỢC TRUYỆN TÔNG CHỨNG

LỜI TỰA

“Trong kinh Niết-bàn nói: “Lại đến phương khác, nơi có các thứ phiền não, tên độc, thị hiện làm Tổ mà vì trị liệu đó”. Lại nói: “Ta có Chánh pháp Vô thượng đều đã giao phó cho Ma-ha Ca-diếp. Đại Ca-diếp sẽ vì các người làm nơi nương tựa vững chắc”. Đó là đạo của chúng ta có Tổ Tông cao thượng vậy. Chỉ vì Trung Hoa và Thiên trúc các vị lưu truyền xa xăm không thật, đến nỗi kiến đức hạnh đạo phong của các bậc Thánh nhân rất không rõ ràng xác thực, lại thêm gặp phải các vị vua hung bạo ganh ghét Thánh thiện hủy phá đại giáo, mà người con Phật chẳng khéo thuộc sách, vọng cho là Tổ sư tuyệt dứt ngay đời thứ hai mươi bốn (Tôn giả Sư Tử). Mới sinh khởi điều nghi ở đời sau, khiến Thánh đức càng khuất mờ. Khế Tung tôi thường xót xa đó, nhân chỉnh sửa sử sách, mới gặp được điều nói về việc của Tổ Tông gồm có

mười vị của Sa-môn chúng hiền. Nên cùng người ấy xếp đặt làm thành truyện Tông Chứng đây vậy".

1. Sa-môn Trúc Đại Lực người nước Nguyệt Chi.

Sa-môn Trúc Pháp Lực người nước Nguyệt Chi, là đệ tử của Tôn giả Hạc-lặc-na, Tổ thứ hai mươi ba. Trúc Đại Lực bẩm tánh vốn thông mẫn rất rành hiểu các pháp Đại thừa Tiểu thừa, ở nước đó tôn xưng là Tam Tạng Pháp Sư, khoảng trong đời vua Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220) thời Đông Hán, Trúc Đại Lực đến Lạc ấp (Trung Hoa), thường cùng Sa-môn Khương Mạnh Tường phiên dịch "Chánh Nhị Bản Khởi Kinh". Một ngày nọ tại Quán bỗng có một luồn ánh sáng sắc trắng tỏa phát phía trước, Trúc Pháp Lực nghiêm nét mặt bảo: "Ánh sáng này là tướng điềm Tôn giả Hạc-lặc-na thầy của Ta thị tịch". Mọi người đếu lấy làm lạ đó bèn đem tấu trình cùng vua, vua liền bảo ghi ký lại. Lúc đó tức là năm Kỷ sửu (209). Sau đó, Trúc Đại Lực vân du đến Giang nam, vừa gặp lúc Tôn Quyền (Đại Đế 222-252 thời Đông Ngô) xưng Vương tại Kiến khương, mới quy hướng Phật pháp, tạo lập chùa. Kính lễ thỉnh mời Sa-môn Khương Tăng Hội ở nước đó. Mới đầu gặp gỡ Trúc Đại Lực, Khương Tăng Hội rất tỏ vẻ không kính đức, sau đó cùng hỏi đáp, bèn dần mến trọng. Nhân đó hỏi: "Nhân giả thọ học từ bậc thầy nào mà có được khả năng như vậy?" Trúc Đại Lực đáp: "Thầy của tôi là Tôn giả Hạc-lặc-na. Nên tôi thấu đạt diệu ngộ này, và mới thông hiểu tâm người khác". Khương Tăng Hội hỏi: "Đệ tử của Tôn giả Hạc-lặc-na có lợi trí như Nhân giả được bao nhiêu vị? Lại có ai quá vậy chăng?" Trúc Đại Lực đáp: "Đồng bạn tợ như tôi có ba ngàn (3.000) người, còn thông đạt mẫn ngộ trội vượt khác thường chỉ có một Thượng nhân tức là Tỳ-kheo Sư Tử, đã được kính thọ nhận đại pháp nối tiếp đời thấy, mới đến xiển dương hoằng hóa ở nước xứ Bắc Thiên Trúc". Khi ấy, Khương Tăng Hội bèn dẫn Trúc Đại Lực vào diện kiến Ngô chủ -Tôn Quyền, tán thán những điều kỳ đặc. Tôn Quyền mới hỏi: "Hẹp hòi ở đây có đất, vận nước ấy có gì chăng?" Trúc Đại Lực mới nói bài kệ tụng đáp rằng:

"Đêm lắng ăn cơm
Giữa mây đánh chạy
Sau mười bốn (14) năm
Hẳn gặp miệng heo".

Khi ấy, Tôn Quyền không hiểu lời nói đó, mà cũng rất kính lễ. Trúc Đại Lực lưu ở tại đất Đông Ngô rất lâu. Đến lúc Tôn Quyền băng

hà. Con là Tôn Lượng (Hầu Quan Hầu 252-258) lên nối ngôi, càng cùng thưa hỏi mà mọi lời giải đáp của Trúc Đại Lực đều có ứng nghiệm. Mãi đến năm Canh thìn (260) thuộc trong đời Tôn Hưu (Cảnh Đế 258-264 thời Đông Ngô) Trúc Đại Lực mới trở về lại Tây vức.

2. Sa-môn Đàm-ma-ca-la người xứ Trung Ấn Độ.

Sa-môn Đàm-ma-ca-la người xứ Trung Ấn Độ. Năm Nhâm dần (222) tức năm Hoàng sơ thứ ba Tiền Ngụy, đến Hứa Xương, thấy chư Tăng oai nghi không chỉnh tề, Đàm-ma-ca-la luôn than: "Đó là không biết Pháp luật!" Bấy giờ tại Hứa Xương có vị Tăng tên là Quang Xán nhọc nhằn xót thương chúng ấy, hay khéo được gặp, mới kính lễ hỏi Đàm-ma-ca-la rằng: "Sư ở nước Tây vức có thấy được người nào là bậc thầy ưu thắng chăng? Và dùng pháp gì để trú trì? Mong được nghe chỉ bày!" Đàm-ma-ca-la đáp: "Ở Tây vức có hai vị Tăng rất ưu thắng, đó là Tôn giả Ma-noa-la (Tổ thứ 22) và Tôn giả Hặc-lặc-na (Tổ thứ 23) mà tôi đã được gặp và lễ kính. Hai Đại sĩ ấy đều truyền trao chánh pháp. Dùng pháp để trú trì. Những người dự tham trong đại chúng ấy hiếm ít chẳng chỉnh trang. Hai Đại sĩ ấy đều chứng đắc Thánh đạo, và oai đức khác lạ đều không thể nghĩ lường. Tôn giả Ma-noa-la mới đầu ở tại nước Chi-đề dùng sức thần thông vỗ một cái vào bụng mình mà hay nhiếp phục được cả trăm muôn con voi hung dữ. Đến lúc xuất gia, giáo hóa ở nước xứ Tây Ấn Độ. Lúc ở nước đó biện giải về Tháp Phật, chỉ bày dòng suối đều có ứng nghiệm (các việc này nói rõ đủ trong bản truyện). Còn Tôn giả Hặc-lặc-na là đệ tử nối dõi dòng pháp từ Tôn giả Ma-noa-la đã làm hưng thạnh việc Phật ở nước xứ Trung Thiên Trúc. Đến lúc thị tịch, bốn chúng trà-tỳ nhục thân sắp phân chia xá-lợi, Tôn giả Hặc-lặc-na lại hay ứng hiện, nói kệ tụng dạy răn không cho phân chia (bài kệ ấy đã nói rõ trong bản truyện)". Sa-môn Quang Xán hỏi: "Tôn giả Hặc-lặc-na thị tịch đến nay đã bao lâu rồi?" Đàm-ma-ca-la đáp: "Đã mười hai năm". Sa-môn Quang Xán hỏi: "Niên lịch ở nước Tây Vức so với xứ đây có đồng chăng?" Đàm-ma-ca-la đáp: "Tên gọi mùa thì tuy khác nhưng khí hậu thì không sai khác". Và bèn giả nói là lịch số của năm xứ Thiên trúc v.v... Về sau, Đàm-ma-ca-la cũng trở về lại Tây vức, Sa-môn Quang Xán lưu truyền việc ấy. Về sau người làm truyện chứ Tăng có được nên biên ghi đó.

3. Sa-môn Chi-vương-lương-lâu người nước xứ Trung Ấn Độ.

Sa-môn Chi-vương-lương-lâu người nước xứ Trung Ấn Độ, thật là

người đã chứng đắc quả vị không thể lường biết. Mới đầu, khoảng trong đời Tào Hoán (Nguyên Đế 260-265) thời Tiền Ngụy. Chi-vương-lương-lâu đến Lạc kinh, mới đầu dừng ở tại chùa Bạch mã. Lúc đó là năm Tân tỵ (261) tức năm Cảnh Nguyên thứ hai thời Tiền Ngụy. Khi ấy mà Ngụy sắp đến lúc nguy ngập, Tào Hoán cùng đồng bạn rất ngại lo, nghe Chi-vương-lương-lâu là vị Tăng đặc dị nên cùng theo hỏi về sự hưng suy của nước nhà, Chi-vương-lương-lâu bèn vì Tào Hoán nói bài kệ rằng:

"Hai ông mang vị rỗng
Khỉ vượn chánh ngay đường
Năm (05) người bắt một (01) gà
Gà kêu khỉ chẳng bày".

Đến lúc Tào Hoán ra đi, Chi-vương-lương-lâu lại nói bài kệ tụng rằng:

"Hai người khéo khéo đi
Bốn (04) năm nữa bình an
Gái trai sống Hà nội
Xe son dâng lên đàn".

Bấy giờ tuy không hiểu lời nói đó, nhưng về sau đều có ứng nghiệm.

Sau đó, gặp các Sa-môn Đàm Đế, Khương Tăng Khải, Đàm Tùng Bạch thỉnh mời các Sa-môn phiên dịch chúng kinh. Một ngày nọ, Chi-vương-lương-lâu bảo cùng các Sa-môn rằng: "Lúc ở Tây Vức, tôi từng đến nước Kế Tân, vào cao nguyên thông đồ, đến núi Tượng bạch đi rất xa, bỗng thấy một am tranh. Có vị Tăng ở đó rất già, có đệ tử theo hầu, tôi mới đến lễ kính, nhân đó hỏi: "Nhân giả ở đây đã bao lâu, tên họ là gì?" vị Tăng ấy đáp: "Tôn tên là Đạt-ma-đạt, vốn người ở nước xứ Bắc Thiên Trúc. Mới đầu, tôi theo Tỳ-kheo Ba-lê-ca theo học, về sau được gặp Tôn giả Sư Tử (Tổ thứ 24) vì tôi làm thầy chỉ dạy pháp xuất thế. Đến lúc vua Di-la-quật gây nạn giết hại Tôn giả Sư Tử, tôi bèn đến ẩn tại đây. Đã lâu từ tạ tuyệt dứt mọi việc người đời, đâu có ý lại cùng gặp ông đây". Tôi nghe tên ấy lại càng kính trọng, bèn tiếp hỏi: "Tôn giả Sư Tử, theo tôi thật biết là bậc không tội mà bị hại, nhưng Đại pháp mà Tôn giả Sư Tử lưu truyền lấy gì làm Tông thừa, rất muốn phỏng hỏi đầu mối nguyên do đo mà chưa từng được, nay may gặp Tôn giả, tôi có thể được nghe nói chăng?" Đạt-ma-đạt đáp: "Xưa kia Đức Như Lai đem giáo thừa mà truyền trao cho các Thánh giả, riêng đem chánh pháp vi diệu tâm ấn tối thượng thừa phó chúc cho Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, lần lượt trao truyền đến Tôn giả Sư Tử; thầy Tôi, Tôn giả Sư Tử dự biết

chính mình không khỏi mắc hoạn nạn, nên lúc còn tại thế, đem Đại pháp truyền trao cho bạn đồng học với Tôi là Tôn giả Bà-xá-tư-đa, lại trao cho pháp y để chứng tín. Bấy giờ Tôn giả Bà-xá-tư-đa tuân theo lời bảo của Thầy bèn đến hoằng hóa ở nước xứ Nam Ấn Độ". Chi-vương-lương-lâu tiếp bảo: "Tôi cũng từng gặp Sư ấy (Tôn giả Bà-xá-tư-đa) tại nước xứ Nam Ấn Độ". Nhân đó, đem việc của các Tổ sư mà phiên dịch cùng các Sa-môn. Phàm bảy Đức Phật từ thời quá khứ cho đến Tôn giả Bà-xá-tư-đa, Tổ thứ hai mươi lăm là do Sa-môn Chi-vương-lương-lâu phiên dịch thành.

4. Sa-môn Bà-la-phân-đa người xứ Trung Thiên trúc.

Sa-môn Bà-la-phân-đa người xứ Trung Thiên trúc, cũng là người thần dị chẳng thể lường biết. Hoặc có thuyết cho là Tiền thân của Bà-la-phân-đa vốn là rồng nhân nghe giảng kinh mà được thác sinh đời nay vậy. Khoảng năm canh ngọ (250) tức năm Gia Bình thứ hai thời Tiền Ngụy, Bà-la-phân-đa đến Lạc kinh (Trung Hoa), chứ Tăng tại Lạc kinh phần nhiều đều nương theo Bà-la-phân-đa trở lại cầu thọ Đại giới. Mãi đến năm Ất dậu (265) tức năm Thái Thủy thứ nhất, đời vua Võ Đế (Tư Mã Viêm 265-290) thời Tây Tấn, gặp có vị đệ tử tên là Ma-ca-đà đến, nhân đó Bà-la-phân-đa hỏi: "Lúc ông ở tại Tây vức từng đến nước xứ Bắc Thiên trúc chăng? Có người nói Tôn giả Sư Tử (Tổ thứ 24) không tội mà bị vua giết hại, việc ấy có thật chăng? Nay lại có người truyền pháp cũng kế thừa nối tiếp từ Tôn giả Sư Tử chăng?" Ma-ca-đà đáp: "Thật đúng vậy. Tôn giả Sư Tử bị giết chết đến nay đã hai mươi ba năm. Có Sa-môn tên là Bà-xá-tư-đa vốn người nước Kế Tân, trước khi gặp nạn đã được Tôn giả Sư Tử trao truyền Đại pháp và pháp y. Và trong ngày đó liền ra đi đến xứ Trung Thiên trúc hoằng truyền hưng thạnh việc Phật. vua nước đó tên là Ca Thắng rất mến trọng. Tuy các ngoại đạo rất hùng mạnh biện luận nhưng cũng đều bị khuất phục. Sa-môn Bà-xá-tư-đa cùng vua biện giải về mối nghiệp trong ngự uyển. Dân chúng trong nước ấy rất lấy làm lạ, lại xưng gọi là Bà-la-phân-đa (sự việc xem ở Bản truyện)". Sa-môn Bà-la-phân-đa bảo cùng vị đệ tử ấy rằng: "Ta cũng biết đó, vừa xét nghiệm điều ông nói thật có chỗ hợp". Bấy giờ có người khéo việc, liền biên ghi tại chùa Bạch mã. Về sau có vị Sa-môn tức Pháp sư Hiền Lãng gặp được tại chùa ấy mới đem lưu truyền nơi đời. (Vì Sa-môn Bà-la-phân-đa đến Trung Hoa trong đời Tề Vương (Thiếu Đế -Tào Phương 240-254 thời Tiền Ngụy) tức đáng nêu bày trước truyện Sa-môn Chi-cương-lương lâu. Nhưng vì mới hiển

bày bắt đầu trong niên hiệu Thái Thủy (265-275) thời Tây Tấn nên xếp đặt lưu sau vậy).

5. Sa-môn Phật-đà-bạt-đà-la người xứ Thiên trúc.

Sa-môn Phật-đà-bạt-đà-la, tiếng Trung Hoa phiên dịch nghĩa là "Giác Hiền", người xứ Thiên trúc, vốn thuộc dòng họ Thích-ca là hậu duệ của vua Ca-lồ-phạn xuất gia từ thuở thiếu thời được độ làm Sa-di ở nước ấy. Về sau Phật-đà-bạt-đà-la đến thọ học theo đại Thiền sư Phật Đại Tiên, bẩm tánh rất thông mẫn, chỉ tập học trong một ngày đã hơn hẳn mọi người tập học cả tháng và rất chuyên về Thiền pháp, từng cùng Sa-môn Tăng-già-đạt-đa chung đi đến nước Kế Tân, mới đầu Tăng-già-đạt-đa chưa lường biết được con người Phật-đà-bạt-đà-la. Một ngày nọ Tăng-già-đạt-đa đang tọa thiền nơi thất kín, bỗng thấy Phật-đà-bạt-đà-la xuất hiện trước mắt nên kinh ngạc mà hỏi: "Từ đâu lại?" Phật-đà-bạt-đà-la đáp: "Tạm đến cung trời Đâu-suất kính lễ Bồ-tát Di-lặc", rồi liền ẩn, không còn thấy nữa, Tăng-già-đạt-đa rất lấy làm lạ đó. Ngày khác đem điều ấy mà hỏi, mới biết Phật-đà-bạt-đà-la đã chứng quả "Bất hoàn". Gặp có Sa-môn Trí Nghiêm người đất Tần đang đồng ở tại nước Kế Tân. Nhân đó, Sa-môn Trí Nghiêm khẩn thiết cầu thỉnh Phật-đà-bạt-đà-la đến Trung Hoa hoằng truyền thiền pháp. Khi ấy Đại Thiền sư Phật Đại Tiên cũng đang ở tại nước Kế Tân, nhân đó, bảo Sa-môn Trí Nghiêm rằng: "Hoằng truyền thiền pháp thì Phật-đà-bạt-đà-la thật đúng người vậy". Phật-đà-bạt-đà-la bèn cùng Sa-môn Trí Nghiêm đến phương Đông. Mới đầu đến Trường an, cùng gặp Tam Tạng Pháp sư Cưu-ma-la-thập rất lấy làm tốt lành. Phật-đà-bạt-đà-la từng bảo cùng La-thập rằng: "Ông phiên dịch chẳng vượt ngoài ý người, mà sao đặc biệt vang vọng tiếng tăm vậy?" La-thập đáp: "Tôi tuổi già nên vậy, nào hẳn ngợi xưng tốt lành đàm luận". Phật-đà-bạt-đà-la nghị luận phần nhiều cao vợi giản đơn, rất bị Đồ chúng đệ tử của La-thập chống kỵ. Về sau, nhân Phật-đà-bạt-đà-la tự nói: "Tôi dự thấy có năm chiếc thuyền từ nước ấy lại". Các đệ tử lại nói: "Tự đắc quả vị A-na-hàm." Phật-đà-bạt-đà-la chẳng hẳn nghiệm hỏi. Từ đó đưa đến sự phỉ báng, chư Tăng ở đất Tần cho rằng: "Phật-đà-bạt-đà-la dối hoặc quần chúng". Bèn tẩn đuổi không dung đồng ở. Ngay ngày ấy, Phật-đà-bạt-đà-la cùng các đệ tử như Sa-môn Tuệ Quán v.v... ra ải theo hướng Nam đi đến Lô sơn. Pháp sư Tuệ Viễn vốn nghe tiếng tăm Phật-đà-bạt-đà-la nên lúc vừa thấy đến bàn tiếp đãi rất thân thiện, nhân đó gởi thư đến Tần Vương vì giải mở việc tẩn đuổi ấy, bèn xin Phật-đà-bạt-đà-la đưa các kinh thiền

ra đồng phiên dịch. Phiên dịch xong, Pháp sư Tuệ Viện bèn vì ghi lời tựa. Nhân đó hỏi Phật-đà-bạt-đà-la rằng: "Chư Tổ ở Thiên trúc truyền pháp có được bao nhiêu vị?" Phật-đà-bạt-đà-la đáp: "Chư vị Tổ sư ở Tây vức hoằng truyền pháp, từ Tôn giả Đại Ca-diếp lần lượt tiếp thừa đến nay đã có hai mươi bảy vị, vị Tổ thứ hai mươi sáu mới thị tịch gần đây tên là Bất-như-mật-đa, lưu xuất vị đệ tử nối dõi dòng pháp tên là Bát-nhã-đa-la đang ở tại xứ Nam Thiên trúc thạnh hành giáo hóa, tôi đã từng gặp (Bát-nhã-đa-la hiện còn, khi ấy thì Đạt-ma-đa-la chưa nối dõi làm Tổ, nên chưa nêu xưng. Theo trong "Truyện Bảo Lâm" nêu cửu Phật-đà-bạt-đà-la nói về việc Tổ cùng đây tương đồng vậy). Khi Bát-nhã-đa-la đến phương Tây thì tôi đến Giang lăng". Pháp sư Tuệ Viễn chưa kịp biên ghi điều ấy. Về sau, gặp Lưu Thái Úy Dụ Thôi nghỉ trấn nhậm tại Kinh châu, Phật-đà-bạt-đà-la đồng cùng trở lại dưới thành đô, ở chùa Đạo tràng, và thị tịch tại chùa ấy. Lúc đó là năm Nguyên Gia thứ sáu (429) thời Tiền Tống. Phật-đà-bạt-đà-la hưởng thọ bảy mươi mốt tuổi.

6. Sa-môn Tăng Hựu.

Sa-môn Tăng Hựu vốn người xứ đất Tề đến ở đất Lương, trì luật rất nổi tiếng, từng trước thuật bộ: "Xuất Tam Tạng Ký". Trong mục lục truyền thừa của "Tát-bà-đa-bộ", Tăng Hựu nói: "Tôn giả Bà-la-đa-đa (Tổ thứ hai mươi lăm), Phất-nhã-mật-đa (Tổ thứ 26), Bất-như-đa-la (Tổ thứ 27) Đạt-ma-đa-la (Tổ thứ 28)". Về sau, Tăng Hựu thị tịch tại đất Lương.

7. Sa-môn Na-liên-da-xá người nước Kế Tân.

Sa-môn Na-liên-da-xá người nước Kế Tân, khoảng trong đời vua Hiếu Tỉnh Đế (Nguyên Thiện Hiện 534-550) thời Đông Ngụy, Na-liên-da-xá đến ở Nghiệp đô, chuyên việc phiên dịch. Đến lúc dòng họ Cao thay thế nhà Ngụy, xưng hiệu nhà Tề, Na-liên-da-xá càng phiên dịch ra các kinh. Mới đầu, cùng xử sĩ Vạn Thiên Ý chung phiên dịch bộ "Tôn Thắng Bồ-tát Vô Lượng Môn Đà-la-ni Kinh". Vạn Thiên Ý từng hỏi Na-liên-da-xá." Ở Tây vức có Đại sĩ nào phụng trì giáo pháp này chăng?" Na-liên-da-xá đáp: "Chư vị Tổ sư ở Tây vức cả thảy hai mươi bảy Đại sĩ. Nhưng Tổ thứ hai mươi bảy tên là Bát-nhã-đa-la lưu xuất vị đệ tử nối dõi dòng pháp tên là Đạt-ma-đa-la (Tổ thứ 28), trước kia trong năm Chánh Quang thứ nhất (520) dưới đời vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528 thời Bắc Ngụy) đã đến Lạc dương đây, vị ấy (Đạt-ma-đa-

la) cũng khéo giỏi kinh này". Vạn Thiên Ý hỏi: "Tôi nghe Đại sĩ ấy đáng là vị Tổ sư hoằng truyền chánh pháp của Phật, sau đó có người nào kế thừa nối dõi chăng?" Na-liên-da-xá bèn nói bài kệ tụng mà đáp cùng Vạn Thiên Ý rằng:

"Tôn Thắng nay Tạng xưa
Không tay lại có tay
Rồng lại mới nhận báu
Kính vật lại ghét tên".

Vạn Thiên Ý lại hỏi như trước. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Mới đầu không xưng tên
Gió cuồng lại có tiếng
Người lại chẳng thích thấy
Báu trắng mới bằng bằng".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Tự dấy cầu không ngại
Thầy trao, Ta bày đây
Trên đường gặp Tăng lễ
Dưới chân sáu chi mọc".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Ba bốn vàng không Ta
Cách nước nhận đèn tâm
Tôn hiệu quá các lượng
Không sân chẳng nổi giận".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Kính vật nào từng kính
Nói siêng lại chẳng siêng
Chỉ viết bốn câu kệ
Cùng khuyên người thụy điền".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Trong tâm hay giấu việc
Nói đến bến sông Hán
Sóng Hồ tìm vầng nguyệt
Cùng soi hai ba người".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá lại nói bài kệ tụng:

"Lãnh được báu siêng nói
Xa quê mỗi ngày bày
Thóc kê dời gần đường

Tính thừa nhọc cẳng trời".

Vạn Thiên Ý lại hỏi. Na-liên-da-xá bảo: "Theo dự ghi trước, sắp có bậc hữu đức trong nước nhà xuất hiện, Tôi không nói nữa, nhưng sự việc sau đó sẽ vì ông mà dự ghi bằng sáu bài kệ tụng mà dự ghi đó:

Bài 1:

"Đất cấn sinh Huyền chỉ
Thông Tôn đẹp cũng tôn
Sánh vai hai bảy (27) họ
Dưới chân một đống phân".

Bài 2:

"Linh nhóm thích ân trời
Sinh ngà mười hai (12) người,
Trong pháp không mùi vị
Trên đá có công huân".

Bài 3:

"Vốn là Trùng lớn mạnh
Xoay thành Sư tử đàm
Nhà quan bít phùng lãnh
Đồng rõ ba mươi ba".

Bài 4:

"Chín (09) gái sinh nhân luân
Tám người chẳng hôn nhân
Giường mục thêm sáu chân
Tâm Tổ quý trong chúng".

Bài 5:

"Chó chạy cùng gần sáng
Chim con nhẹ ra mình
Hai trời tuy có cảm
Ba hóa lắng không trần"

Bài 6:

"Nói thiếu nào từng thiếu
Nói lưu lại chẳng lưu
Cỏ như cắt bỏ đầu
Ba bốn tiếp môn tu".

Na-liên-da-xá lại bảo cùng Vạn Thiên Ý rằng: "Sau khi Tôi thị tịch hai trăm tám mươi năm (280), nước này có bậc Đại vương khéo trị vì dân chúng, phong tục an lạc. Các bậc Hiền Thánh dự ghi xưa trước lần lượt đều xuất hiện nơi đời, làm điều lợi ích cho quần sinh. Nhưng

do từ một vị Tăng ưu thắng mới bắt đầu mở môn cam lồ đó mà đến sau cùng như vậy". Vạn Thiên Ý liền theo Na-liên-da-xá phiên dịch các kệ sấm đó. Na-liên-da-xá lại nêu ra việc của Tôn giả Đạt-ma-đa-la Tổ thứ hai mươi tám đệ tử nối dõi dòng pháp từ Tôn giả Bát-nhã-đa-la cùng Vạn Thiên Ý chỉnh tu đó (mất tên sách làm ở lúc bấy giờ)". Về sau, Na-liên-da-xá bỗng nhiên riêng một mình vào Lô sơn, và bèn thị tịch trong núi. Sau đó vua Giản Văn Đến (Tiêu Cương 550-551) thời Nam Lương nghe được, nhân sai sứ thần Lưu Huyền vận sang đất Tề lấy sách đó đem về nước (Kim Lăng) và ban sắc chiếu mời Sa-môn Bảo Xướng biên ghi đưa vào "Tục Pháp Ký" (lúc vua Giản Văn Đế lên ngôi trị vì đang lúc nhà Tề có nước, mới hơn được một năm thì Giản Văn Đế băng hà, chết trong lúc giặc thần bạo loạn, đâu rãnh để mong cầu pháp sự ư? Há trước đó nhân Sứ thần nhà Bắc Tề hiến dâng lễ mà đã có sách đó ư? Lại không thấy Sa-môn Bảo Xướng trước thuật "Tục Pháp Ký", về năm tháng đó hiện còn nghi ngờ. Chỉ lấy văn tự đó từ phương Bắc truyền đến phương Nam. Việc truyện lại đó có nguyên nhân, tạm theo cựu lục mà biên ghi như vậy). Nhưng về từ bảy Đức Phật thời quá khứ đến đời Tổ thứ hai mươi tám là Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma là do Sa-môn Na-liên-da-xá.

8. Sa-môn Kiện Na người xứ Tây vức.

Sa-môn Kiện Na người xứ Tây vức, không biết quả thật là vốn người nước nào, cũng không biết đến Trung Hoa từ thời gian nào, khoảng trong niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường, gặp có Hà Nam Duẫn Lý Thường có được xá-lợi của Đại sư Tăng Xán tổ thứ ba ở Trung Hoa, bèn thỉnh mời các Sa-môn đến nhà, thiết trai cúng dường khánh lạc, mà Sa-môn Kiện Na có cùng đến dự tham. Nhân đó, Lý Thường hỏi: "Thiền tông ở Thiên trúc có bao nhiêu Tổ sư?" Sa-môn Kiện Na đáp: "Từ Tôn giả Đại Ca-diếp cho đến Tôn giả Bát-nhã-đa-la có cả thảy hai mươi bảy vị Tổ sư. Nếu bắt đầu từ Tôn giả Sư Tử (Tổ thứ 24) lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề thì đời thứ tư sau đời Tôn giả Đạt-ma-đạt có hai mươi hai vị. Như vậy, tổng cộng có cả thảy bốn mươi chín Tổ sư. Nếu từ bảy Đức Phật thời quá khứ đến đời Đâu-suất Tăng Xán đây chẳng bao quát các chi phái thì có ba mươi bảy đời. Lý Thường lại hỏi một vị Tăng Xán khác trong pháp hội rằng: "Tôi từng đọc xem Tổ đồ, hoặc nêu dẫn có hơn năm mươi tổ, cho đến chi phái thì sai sát, Tông tộc chẳng định, hoặc chỉ có tên không. Cớ sao như vậy?" Vừa lúc đó có vị đệ tử của Tổ thứ sáu tức Tôn giả Tuệ Năng là Thiền sư Trí Bản đáp

rằng: “Đó bởi do trong thời Hậu Ngụy, Phật pháp bị phế hủy. Bấy giờ có Sa-môn Đàm Diệu trong lúc vội vàng riêng biên ghi danh mục chư Tổ, chẳng rảnh biên ghi toàn bộ, nghĩ nhớ mất nơi núi đầm, mãi đến đời vua Văn Thành Đế (Thác Bạt duệ (452-466) thời Bắc Ngụy phục hưng Phật giáo, trước sau trải mất ba mươi năm. Đến đời vua Hiếu Văn đế (Thác Bạt Hoành 471-450) thời Bắc Ngụy, Sa-môn Đàm Diệu mới lên làm Tăng Thống, sau đó nêu bày việc ấy trao cho các Sa-môn, tu sửa lại đó lấy làm đề mục là “Phú Pháp Tạng Truyện”. Nên sư sai nhầm quá mất ấy, phát xuất từ Sa-môn Đàm Diệu tạo nên vậy”. Về sau, cũng không biết Sa-môn Kiện Na như thế nào.

9. Cư sĩ Bùi Hưu.

Cư sĩ Bùi Hưu, tự là Công Mỹ. Từ trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời Tiền Đường làm Binh Bộ Thị Lang Ngự Sử Đại Phu Đồng Bình Chương Sự, hiệu là Danh Tướng, soạn thuật văn bia truyền pháp của Sa-môn Tông Mật ở Khuê phong. Viết rằng: “Đức Thích-ca Như Lai sau cùng đem Đại pháp nhãn tạng truyền trao Tôn giả Đại Ca-diếp, khiến Tổ Tổ tương truyền riêng lưu hành nơi đời, chẳng riêng nơi Tôn giả Đại Ca-diếp mà ngoài từ người, trời, Thanh văn, Bồ-tát. Từ Tôn giả Đại Ca-diếp đến Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma có cả thảy hai mươi tám đời. Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma trao truyền Tôn giả Tuệ Khả, Tôn giả Tuệ Khả truyền trao Tôn giả Tăng Xán, Tôn giả Tăng Xán truyền trao Tôn giả Đạo Tín, Tôn giả Đạo Tín truyền trao Tôn giả Hoằng Nhẫn, Tôn giả Hoằng Nhẫn truyền trao Tôn giả Tuệ Năng làm Tổ sư đời thứ sáu ở Trung Hoa”.

10. Cư sĩ Lưu Húc.

Cư sĩ Lưu Húc, tự là Diệu Viễn, vốn người xứ Quy nghĩa, Trác châu. Trong khoảng niên hiệu Thiên Hựu (904-907) thời Tiền Đường, mới vì Quân sự nha suy cử làm quan. Đến đầu niên hiệu Khai Vận (944-947) thời Hậu Tấn (trong thời Ngũ đại) được trao làm Tư Không Bình Chương Sự, lại giám định chỉnh tu Quốc sư, nên soạn thuật bộ “Đường Thư Thần Tú Truyện”, viết rằng: “Xưa trước, cuối thời Hậu Ngụy, có Sa-môn Bồ-đề-đạt-ma vốn Vương tử nước Thiên Trúc, vì hộ trì nước nhà nên xuất gia vào Nam Hải mà chứng đắc Diệu pháp Thiền tông, từ Đức Thích-ca Như Lai tương truyền có pháp y bình bát làm chứng ký, đời đời truyền trao. Mới đầu, đến Nam Lương gặp vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550). vua đem các việc hữu vi mà hỏi, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma

chẳng vừa lòng, mới bỏ đến xứ Bắc ngụy ẩn tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn và thị tịch tại đó. Năm đó có Quan sứ của Bắc Ngụy là Tống Vân từ Tây vức trở về bèn gặp Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma tại Thông lãnh. Về sau môn đồ khai quật tháp mộ thì chỉ thấy áo giày mà thôi. Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma trao truyền cho Tôn giả Tuệ Khả, Tôn giả Tuệ Khả trao truyền cho Tăng Xán, Tôn giả Tăng Xán trao truyền cho Tôn giả Đạo Tín, Tôn giả Đạo Tín trao truyền cho Hoằng Nhẫn, Tôn giả Hoằng Nhẫn trao truyền cho hai Tôn giả Tuệ Năng và Thần Tú". Lưu Húc qua đời trong khoảng niên hiệu Thái Bảo (1) thời Bắc Tống.

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG KÝ
QUYỂN 9
- (HẾT) -
TRỌN BỘ

■

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 189

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG ĐỊNH TỔ ĐỒ

SỐ 2079

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2079

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG ĐỊNH TỔ ĐỒ

Thời Bắc Tống, Sa-môn Thần Tăng Khế Tung ở Đông sơn, Tầm Tân soạn

LỜI TỰA

Bồ-đề-đạt-ma thật là Tổ sư đời thứ hai mươi tám trong giáo pháp dòng họ Thích, cùng như Tôn giả Đại Ca-diếp tương thừa tiếp nối ngay từ Đức Thích-ca Văn Như Lai vậy. Đến khi lưu truyền đến Trung Hoa, trải qua các thế hệ năm tháng dần xa, Phả điệp sai lầm, mà người học ít nhận biết, chẳng thể suy tìm rõ gốc gác. Thật khiến chẳng thể lường xét, lẫn lộn với các dị luận, xưa nay từng vậy. Khế Tung tôi bấy lâu nay lấy đó làm đại hoạn. Vừa khảo xét mọi phải quấy trong đó, chỉnh định Tông tổ đó, sách ấy được lưu xuất, gặp được ban Biểu đồ của Tổ sư truyền pháp trao y trang trải trong thiên hạ, người học Phật tuy đều vinh hạnh đó, như nghe rõ suốt mà chưa hiểu ý Hoàng thượng. Khế Tung tôi rất may mắn đó, lén bảo cùng các bậc thức giả rằng: “Đức Phật chúng ta đem cốt yếu của đại pháp làm thành tông của một đại giáo, đem sự kín nhiệm trao nhận làm Tổ của một đại giáo. Tông ấy là nguồn đạo của Thánh hiền, là gốc diệu của đất trời sinh linh, Tổ ấy là khuôn mẫu của người học giới định tuệ trong muôn đời, là nghiệm thật của mười hai bộ loại giáo thuyết”. Tự sách loạn truyền, mờ mịt vỡ nát, trong thiên hạ nghi ngờ đó có cả ngàn mấy trăm năm. Nay Hoàng thượng Đại Thánh đặc ân ban truyền Biểu đồ để chỉnh định Tông tổ đó, nhưng Thánh nhân dạy đạo, thì hẳn phải là Thánh nhân mới đủ khả năng chỉnh định.

Đó đâu chỉ may mắn lớn của Đồ chúng trong dòng họ Thích, mà cũng là may mắn lớn của sinh linh trong đất trời. Khế Tung tôi nhân chẳng trốn lạnh sự giết hại của ngu vọng tiếm việt ấy, dám đương đầu chịu chết dẫn việc xưa cũ, suy diễn ý của Thượng Thánh, ngưỡng mộ sách chua Biểu đồ Tổ sư, cũng như trước nói là Tổ sư truyền pháp trao y vậy. Nhưng mới đầu làm loạn Tông tổ của chúng ta đó tợ như lửa đom đóm làm mờ hoặc người học trong thiên hạ, không gì bằng như bộ "Phú Pháp Tạng Truyện". Chỉnh định Tông tổ đó và chấm dứt sự tranh cãi của muôn đời, không gì bằng bộ "Thiền Kinh". "Thiền Kinh" có trước "Phú Pháp Tạng Truyện" trước sau sáu mươi hai hoàn bị, hai mươi tám đời Tổ sư đã thấy rõ trong đời nhà Tấn. Còn "Phú Pháp Tạng Truyện" là sau khi Chân Quân phá hủy Phật giáo, tự nhiên mẻ sứt, chỉ cho là có hai mươi bốn đời Tổ sư, mới thấy ở thời Bắc Ngụy vậy". Vừa lấy theo "Thiền Kinh" mà kiểm nghiệm, thì"Phú Pháp Tạng Truyện" quả thật là sai nhầm. Nếu Đức Như Lai riêng chỉ đem đại pháp nhãn tạng kín nhiệm truyền trao cho Tôn giả Đại Ca-diếp, thì hiện tại như trong kinh Niết-bàn, luận Đại Trí Độ, Thiền kinh cũng rõ ràng đó. Dùng ý để tìm cầu thì yếu chỉ vi mầu của Phật hiện còn vậy. Hoàng thượng thiên tánh cao diệu, riêng thấu đạt ngoài ngữ ngôn. Đó mới là Thiên Tư Phật ký vậy. Nên phát huy Thiền tổ nhã hợp cùng kinh giáo, nêu duỗi ban cho muôn đời, trọn vì định đoán Tam học, người con Phật kính tuân đó, ngưỡng mộ đó, trong thiên hạ chẳng lại còn nghi ngờ.

Sự xếp đặt trong Biểu đồ này là từ Đức Phật Thích-ca Văn, Tôn giả Đại Ca-diếp lần lượt cho đến Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng; Tổ thứ sáu ở Trung Hoa, có cả thảy ba mươi bốn vị. Lại đem các bậc Hiền sĩ trong Nho giáo Thích giáo nói đến tông tổ chúng ta, vốn có chứng cứ là mười vị xếp đặt sau chư Tổ, kính cẩn cùng theo sách "Truyền Pháp Chánh Tông Ký" đưa đến cung quyết tấu dâng, phiền cảm Thượng hoàng, chẳng mặc kinh hoàng lo sợ rất lắm.

Kính cẩn đề tựa.

1. Thủy Tổ: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni:

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện đản sinh tại nước xứ Trung Ấn Độ, làm con của vua Tịnh Phạn. Về sau, xả bỏ ngôi vị Chuyển luân Thánh vương, xuất gia, thành đạo Vô thượng, Chuyển đại pháp luân. Đến lúc bảy mươi chín tuổi, sắp nhập Niết-bàn, mới đem Đại pháp ấn giao cho đệ tử cao túc là Tôn giả Đại Ca-diếp và bảo Tôn giả A-nan làm phó thị truyền thừa hoằng hóa. Lại đem pháp y Tăng-già lê bằng kim tuyến bảo Tôn giả Đại Ca-diếp chuyển trao cho Đức Phật bổ xứ trong tương lai là Phật Di-lặc. Xong bàn nói bài kệ tụng rằng:

"Pháp vốn pháp vô pháp
Pháp vô pháp cũng pháp
Nay lúc trao vô pháp
Pháp pháp nào từng pháp".

2. Tổ thứ nhất: Tôn giả Đại Ca-diếp

Tôn giả Đại Ca-diếp vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn, ở nước Ma-kiệt-đà. Hình tướng sắc màu vàng ròng. Mới đầu, Tôn giả xả bỏ thế tục vào núi, dùng pháp Đầu đà tự tu. Đến lúc gặp Đức Phật ra đời, Tôn giả bèn quy hướng tôn làm thầy, sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, Tôn giả mới nhóm tập chúng A-la-hán cùng nhau kết tập pháp tạng. Sau đó, Tôn giả gìn giữ pháp y của Phật vào núi Kê túc nhập định để chờ đợi Đức Phật Di-lặc ra đời. Mới đem pháp ấn truyền trao cho A-nan và nói bài kệ tụng rằng:

"Các pháp, pháp xưa nay
Không pháp, không phi pháp
Tại sao trong một pháp
Có pháp, có phi pháp".

3. Tổ thứ hai: Tôn giả A-nan.

Tôn giả A-nan, vốn chủng tộc Sát-đế-lợi, con vua Hộc Phạn, là con thúc bá với Đức Thích-ca Như Lai. Do kính mộ Đức Phật nên xuất gia làm thị giả. Tôn giả là bậc được tôn xưng Tổng trì đệ nhất, truyền trao các pháp do Phật giảng nói như nước rót vào bình chưa từng quên mất sai quá. Đến lúc sắp muốn nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem Đại pháp truyền trao cho đệ tử là Thương-na-hòa-tu và dặn dò cùng Mạt-điển-để-ca. Tôn giả nói bài kệ tụng rằng:

"Xưa nay trao có pháp
Trao rồi nói không pháp

Mỗi mỗi phải tự ngộ
Ngộ rồi không không pháp".

4. Tổ thứ ba: Tôn giả Thương-na-hòa-tu

Tôn giả Thương-na-hòa-tu, cũng còn có tên gọi là Xá-na-bà-tư, vốn người thuộc chủng tộc Tỳ-xá-đa, ở nước Ma-đột-la. Tôn giả ở trong thai mẹ suốt sáu năm mới sinh, có y phục tự nhiên theo thân mình mà lớn dần. Tôn giả xuất gia làm đệ tử Tôn giả A-nan, nhận lời Phật ghi ở chùa Ưu-lưu-trà. Trước tiên nhiếp phục hai con rồng lửa tại xứ đó sau mới lãnh chúng cùng ở. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem Đại pháp truyền trao cho đệ tử là Ưu-ba-cúc-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Phi pháp cũng phi tâm
Không tâm cũng không pháp
Lúc nói tâm pháp ấy
Pháp ấy phi tâm pháp".

5. Tổ thứ tư: Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa.

Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa, vốn người thuộc chủng tộc Thủ-đà-la ở nước Tra-lợi. Tôn giả nương theo thầy là Tôn giả Thương-na-hòa-tu xuất gia đắc đạo. Do có vết tích khác thường nên được tôn xưng là Phật không tướng hảo, độ người rất đông nhiều, thẻ ghi số người ấy chất đầy cả thất đá. Đến lúc sắp nhập diệt, Tôn giả đem đại pháp truyền trao cho đệ tử là Đề-đa-ca. Nói bài kệ tụng rằng:

"Tâm tự tâm xưa nay
Bản tâm chẳng có pháp
Có pháp có bản tâm
Chẳng tâm chẳng bản pháp".

6. Tổ thứ năm: Tôn giả Đề-đa-ca.

Tôn giả Đề-đa-ca, vốn người nước Ma-già, chưa rõ thuộc dòng họ gì. Mới đầu, nương theo Tôn giả Ưu-ba-cúc-đa mà xuất gia, hành hóa đến xứ Trung Ấn Độ, gặp Đại tiên Di-giá-ca tự nói nhân duyên xưa trước cầu xin làm đệ tử. Mãi đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Di-giá-ca, và nói bài kệ tụng rằng: (1)...

7. Tổ thứ sáu: Tôn giả Di-giá-ca.

Tôn giả Di-giá-ca, vốn người xứ trung Ấn Độ, chưa rõ thuộc dòng

họ gì. Mới đầu nhàm chán tiên thuật, cầu xin theo Tôn giả Đề-đa-ca xuất gia học Phật. Sau khi đã chứng quả hành hóa đến xứ Bắc Thiên trúc, gặp được Bà-tu-mật con người kỳ đặc, bèn vì nói xưa trước Đức Phật từng dự ghi. Ông sẽ tiếp nối ngôi vị Tổ sư, và liền nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Bà-tu-mật, và nói bài kệ tụng rằng:

"Không tâm không thể được
Nói được, chẳng gọi pháp
Nếu rõ tâm phi tâm
Mới hiểu tâm, tâm pháp".

8. Tổ thứ bảy: Tôn giả Bà-tu-mật.

Tôn giả Bà-tu-mật vốn người thuộc chủng tộc Phả-la-đọa ở nước xứ Bắc Thiên trúc. Mới đầu thường mặc y phục sạch sẽ, mang theo bình rượu thần khí tự nhiên, mọi người đều không thể lường biết. Đến lúc gặp Tôn giả Di-giá-ca nêu bày nhân duyên xưa trước, Tôn giả bèn vật bỏ bình rượu, nương theo cầu xin xuất gia, chứng đạo thọ giới, hành hóa đến nước Ca-ma-la dùng luận nghị nhiếp phục Phật-đà-nan-đề nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn. Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Phật-đà-nan-đề, và nói bài kệ tụng rằng:

"Tâm đồng như hư không
Dạy pháp bằng hư không
Lúc chứng đắc hư không
Không pháp phải, pháp quấy".

9. Tổ thứ tám: Tôn giả Phật-đà-nan-đề.

Tôn giả Phật-đà-nan-đề vốn người thuộc dòng họ Cù-đàm ở nước Ca-ma-la. Vừa mới sinh mà trên đảnh đầu Tôn giả có nhục kế, bẩm tánh rất thông minh, có khả năng chỉ một lần xem qua thì ghi nhớ tất cả. Lúc Tôn giả bốn mươi tuổi, gặp Tôn giả Bà-tu-mật đến nước đó, mới kính mộ giáo pháp bèn xin nương theo xuất gia. Sau khi đã đắc đạo thọ giới, Tôn giả cũng du phương giáo hóa, đến nước Đề-già, gặp được Phục-đà-mật-đa là người kỳ đặc bèn nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Phục-đà-mật-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Hư không chẳng trong ngoài
Tâm pháp cũng như vậy
Nếu hiểu rõ hư không

Là Đạt lý chân như”.

10. Tổ thứ chín: Tôn giả Phục-đà-mật-đa

Tôn giả Phục-đà-mật-đa vốn người thuộc chủng tộc Tỳ-xá-la ở nước Đề-già. Lúc đã gần năm mươi tuổi mà Tôn giả chưa từng mở miệng nói một lời, chân chẳng giẫm một bước. Gặp lúc Tôn giả Phật-đà-nan-đề đến nơi nhà, song thân mới dẫn ra thấy gặp. Vừa trông thấy, bỗng nhiên Tôn giả mở miệng nói và rảo bước đến trước, liền xin nương theo xuất gia. Về sau cũng thành đạo, thọ giới xong, Tôn giả bèn du phương giáo hóa đến xứ Trung Ấn Độ, gặp được người con của Trưởng giả Hương Cái tức là Hiếp Tôn giả, Tôn giả bèn nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả bèn đem đại pháp truyền trao cho Hiếp Tôn giả và nói bài kệ tụng rằng:

“Chân lý vốn không tên
Nhân tên bày chân lý
Nhận được pháp chân lý
Chẳng chân chẳng chẳng ngụy”.

11. Tổ thứ mười: Tôn giả Hiếp Tôn giả

Tôn giả Hiếp Tôn giả vốn người xứ Trung Ấn Độ. Ở trong thai mẹ mười sáu năm mới sinh, nhân đó mà gọi tên Tôn giả là Nan Sinh. Tôn giả có nhiều điềm vết kỳ đặc. Gặp lúc Tôn giả Phục-đà-mật-đa đến nước đó giáo hóa thân phụ là Hương cái dẫn Tôn giả xin nhận làm đệ tử. Sau khi đã thọ giới Tỳ-kheo, Tôn giả tu hành thanh khiết tinh khổ suốt đêm ngày lưng chưa hề dính chiếu, nên được xưng gọi là Hiếp Tôn giả. Tôn giả du hóa, đến nước Hoa Thị, trước tiên hiện bày điềm tướng tốt lành, sau đó quả nhiên gặp được Phú-na-dạ-xa xin xuất gia làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Phú-na-dạ-xa, và nói bài kệ tụng rằng:

“Thể thật tự nhiên thật
Nhân thật nói có lý
Lãnh được pháp thật thật
Không đi cũng không dừng”

12. Tổ thứ mười một: Tôn giả Phú-na-dạ-xa

Tôn giả Phú-na-dạ-xa vốn người thuộc dòng họ Cù-đàm ở nước Hoa Thị. Vừa mới sinh mà đã có đạo tánh, Tôn giả tự dự biết sẽ gặp được bậc thầy Thánh nhân. Đến lúc Tôn giả Hiếp Tôn giả đến nước đó,

Tôn giả mới đến dự nơi pháp hội, mở lời luận bàn cùng khế hợp, bèn xin nương theo xuất gia. Sau khi đắc đạo, Tôn giả du phương giáo hóa, đến nước Ba-la-nại gặp được Mã Minh, bèn nhận làm đệ tử. Chánh hợp với lời dự ghi của Đức Phật xưa trước nên đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Mã Minh, và nói bài kệ tụng rằng:

"Mê ngộ như ẩn hiển
Tối sáng chẳng lìa nhau
Nay trao pháp ẩn hiển
Chẳng một cũng chẳng hai".

13. Tổ thứ mười hai: Tôn giả Mã Minh.

Tôn giả Mã Minh vốn người nước Ba-la-nại, chưa rõ dòng họ là gì? Mới đầu, nương theo Tôn giả Phú-na-dạ-xa cầu xin xuất gia, đắc giới. Tôn giả Phú-na-dạ-xa từng vì nói nhân duyên xưa trước là "xưa trước, ông từng cảm hóa người của một nước thân mình trần truồng như ngựa, và người đó buồn kêu bởi luyến mến đức hạnh của ông, nhân đó mà xưng gọi tên ông là Mã Minh vậy". Tôn giả vân du giáo hóa, đến nước Hòa Thị, bèn nhiếp hóa Đại ma Ca-tỳ-ma-la và nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Ca-tỳ-ma-la, và nói bài kệ tụng rằng:

"Ẩn hiển vốn pháp này
Tối sáng nguyên không hai
Nay trao pháp liễu ngộ
Chẳng lấy cũng chẳng bỏ".

14. Tổ thứ mười ba: Tôn giả Ca-tỳ-ma-la

Tôn giả Ca-tỳ-ma-la, người nước Hoa Thị, chưa rõ biết dòng họ là gì. Mới đầu là một ngoại đạo có sức huyễn thật lớn, nhân đến nơi Tôn giả Mã Minh đấu pháp nhưng không hơn, bèn xin làm đệ tử. Sau khi đắc đạo thọ giới rồi, Tôn giả cũng vân du giáo hóa đến xứ Tây Thiên trúc nhiếp phục rồng lửa lớn, nhân đó gặp được Long Thọ, liền nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Long Thọ, và nói bài kệ tụng rằng:

"Pháp không ẩn không hiển
Nói là cạnh chân thật
Ngộ pháp ẩn hiển ấy
Chẳng ngu cũng chẳng trí".

15. Tổ thứ mười bốn: Tôn giả Long Thọ

Tôn giả Long Thọ, vốn người nước xứ Tây Thiên trúc, chưa rõ thuộc dòng họ gì. Bẩm tánh rất tinh thông, các pháp thế học, không gì chẳng rành rẽ. Tại nước đó có núi tên là Long thắng, trước kia, núi đó có rồng thần ở nói có cây lớn có thể phủ che lắm nhiều rồng. Đến lúc Tôn giả cảm ngộ, có ý muốn xuất gia, bèn vào núi đó nương cây mà tu hành. Khi đã có khả năng vì đàn rồng giảng nói Phật pháp, Tôn giả Ca-tỳ-ma-la nghe biết tên Tôn giả, bèn đến thấy gặp. Tôn giả liền kính lễ tôn xưng làm thầy, thọ giới. Sau đó vân du giáo hóa, đến xứ Nam Thiên trúc, Tôn giả gặp được Ca-na-đề-bà nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Ca-na-đề-bà và nói bài kệ tụng rằng:

"Để rõ pháp ẩn hiển
Mới có lý giải thoát
Với pháp, tâm không chứng
Không mừng cũng không sân".

16. Tổ thứ mười lăm: Tôn giả Ca-na-đề-bà

Tôn giả Ca-na-đề-bà vốn người thuộc dòng họ Tỳ-xá-la ở nước xứ Nam Thiên trúc, gặp Tôn giả Long Thọ đến nơi cửa nhà, mới đầu bảo đem bát nước đầy để trước mặt, Ca-na-đề-bà liền đem cây kim thả vào trong nước, và bèn theo Tôn giả cầu xin xuất gia làm đệ tử cao túc. Về sau, Tôn giả hoằng hóa đến nước Ca-tỳ-la, gặp La-hầu-la-đa bèn nhận đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho La-hầu-la-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Trước đời người truyền pháp
Vì nói Lý giải thoát
Với pháp, thật không chứng
Không chung cũng không thủy".

17. Tổ thứ mười sáu: Tôn giả La-hầu-la-đa

Tôn giả La-hầu-la-đa, vốn người thuộc dòng họ Phạm-ma ở nước Ca-tỳ-la. Sau khi đã gặp Tôn giả Ca-na-đề-bà, được rõ duyên nấm cây nơi vườn nhà, bèn liền cầu xin nương theo xuất gia, tỏ ngộ chánh pháp, có điềm tích kỳ đặc. Về sau, Tôn giả thống lãnh Đồ chúng vân du giáo hóa, đến thành Thất-la-phiệt, theo lời dự ghi của Đức Phật xưa trước nêu phỏng tìm Tăng-già-nan-đề, sau đó cũng gặp được bèn nhận cho xuất gia làm đệ tử. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại

pháp truyền trao cho Tăng-già-nan-đề, và nói bài kệ tụng rằng:

"Nơi pháp, thật không chứng
Chẳng lấy cũng chẳng lìa
Pháp chẳng tưởng có -không
Trong ngoài do đâu khởi".

18. Tổ thứ mười bảy: Tôn giả Tăng-già-nan-đề

Tôn giả Tăng-già-nan-đề, vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước Thất-la-phiệt, là con của vua nước đó. Tiền thâu Tôn giả là Phật Bà-la-vương xưa trước thị hiện sinh vào trong nhà vua, bèn xuất gia xuống tóc thọ giới tại cung vua. Sau ra nơi một thạch thất ở núi có tiếng tăm tại nước đó tu tập thiền pháp, gặp Tôn giả La-hầu-la-đa đến nơi Tôn giả đang hành thiền, nhân đó, Tôn giả kính phục thỉnh cầu pháp yếu. Tôn giả La-hầu-la-đa liền đem đại pháp trao cho. Về sau, Tôn giả đến nước Ma-đề, tìm người mà Tôn giả La-hầu-la-đa dự ghi sẽ nối dõi dòng pháp, Tôn giả mới gặp được Già-da-xá-đa. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Già-da-xá-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Đất tâm vốn không sinh
Nhân đất theo duyên khởi
Giống duyên chẳng ngại nhau
Hoa quả cũng như thế".

19. Tổ thứ mười tám: Tôn giả Già-da-xá-đa.

Tôn giả Già-da-xá-đa, vốn người thuộc dòng họ Uất-đầu-lam ở nước Ma-đề. Thuở bình sinh, Tôn giả có lắm điều kỳ đặc, gặp Tôn giả Tăng-già-nan-đề đến nơi nhà tìm kiếm. Nhân đó, Tôn giả bèn xin nương theo xuất gia thọ giới. Sau khi được truyền trao đại pháp Tôn giả bèn du phương giáo hóa, đến nước Nguyệt Chi, gặp Cưu-ma-la-đa, bèn vì giảng nói về duyên rất kỳ đặc của nước đó, và nguyên nhân điềm mộng tốt lành, Cưu-ma-la-đa liền xin nương theo xuất gia. Đến lúc sắp nhập Niết-bàn, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Cưu-ma-la-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Có giống có đất tâm
Do duyên hay nẩy mầm
Với duyên không ngăn ngại
Đáng sinh, sinh chẳng sinh".

20. Tổ thứ mười chín: Tôn giả Cưu-ma-la-đa.

Tôn giả Cưu-ma-la-đa vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn, ở nước Nguyệt Chi. Xưa trước xứng là người không thể lường biết, theo duyên mà thọ sinh đến đây. Về sau được gặp Tôn giả Già-da-xá-đa, bèn cầu xin xuất gia và được truyền trao đại pháp. Tôn giả vân du hành hóa, đến nước xứ Thiên trúc, gặp Xà-dạ-đa bèn nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Xà-dạ-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Trên tánh vốn không anh
Vì đối người cầu nói
Với pháp, đã không đắc
Sao nghĩ quyết chẳng quyết".

21. Tổ thứ hai mươi: Tôn giả Xà-dạ-đa

Tôn giả Xà-dạ-đa, vốn người xứ Bắc Thiên trúc, chưa rõ biết dòng họ là gì. Gặp lúc Tôn giả Cưu-ma-la-đa đến nước đó, nhân nghe giảng nói nghiệp thông cả ba đời, bèn cảm ngộ, cầu xin xuất gia, được truyền trao đại pháp. Tôn giả mới vân du giáo hóa các nước, đến thành La-duyệt, gặp Bà-tu-bàn-đầu, bèn nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Bà-tu-bàn-đầu, và nói bài kệ tụng rằng:

"Nói bày hợp không sinh
Đồng với tánh pháp giới
Nếu hay hiểu như thế
Thông đạt lý sự xong".

22. Tổ thứ hai mươi mốt: Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu

Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu, vốn người thuộc chủng tộc Tỳ-xá-khư, ở nước La-duyệt. Lúc Tôn giả còn trong thai mẹ, từng có vị Thánh Tăng đem nhân duyên xưa trước báo cùng song thân của Tôn giả. Đến lúc sinh Tôn giả có các điềm khác lạ vừa lớn, Tôn giả bèn theo La-hán Quang Độ cầu xin xuất gia, lại kinh mộ pháp tu của Ẩn Quang nên chuyên hành hạnh Đầu-đà. Về sau, gặp Tôn giả Xà-dạ-đa và được truyền trao đại pháp Tôn giả vân du giáo hóa, đến nước Na-đề, gặp Ma-noa-la, bèn nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Ma-noa-la, và nói bài kệ tụng rằng:

"Bọt huyễn đồng không ngại
Cớ sao chẳng liễu ngộ

Đạt pháp tại trong đó
Chẳng nay cũng chẳng xưa”.

23. Tổ thứ hai mươi hai: Tôn giả Ma-noa-la.

Tôn giả Ma-noa-la, vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, ở nước Na-đề, là con vua nước đó. Tôn giả có sức Thần lớn, được Phụ vương cho nương theo Tôn giả Bà-tu-bàn-đầu xuất gia. Sau khi đã đắc giới truyền trao đại pháp, Tôn giả vân du giáo hóa. Từ xứ Tây Thiên trúc, dùng sức thần tự đến nước Nguyệt Chi, gặp Tỳ-kheo Hạc-lặc-na, Tôn giả liền nhận làm đệ tử. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem truyền trao đại pháp, và nói bài kệ tụng rằng:

“Tâm theo muôn cảnh chuyển
Nơi chuyển thật sâu mâu
Theo dòng nhận được tánh
Không mừng cũng không lo”.

24. Tổ thứ hai mươi ba: Tôn giả Hạc-lặc-na.

Tôn giả Hạc-lặc-na, vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước Nguyệt Chi. Từ khi còn ở trong thai mẹ đến lúc sinh luôn có các điềm vết khác lạ. Về sau, Tôn giả nương theo vị Tỳ-kheo La-hán cầu xin xuất gia thọ giới, thương nương náu trong rừng trì tụng kinh. Do nhân duyên xưa trước nên cảm có đàn chim hạc đến nương tựa, mới có danh xưng như vậy. Sau đó, nhân đắc pháp từ Tôn giả Ma-noa-la, Tôn giả bèn vân du giáo hóa, đến nước Trung Thiên trúc, gặp Tỳ-kheo Sư Tử, liền nhận. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Sư Tử, lại căn dặn rằng: “Ông đến nước khác giáo hóa, ở nước đó có nạn mà liên lụy đến thân ông. Ông phải cẩn trọng sớm truyền trao đại pháp chố khiến tuyệt dứt”. Và nói bài kệ tụng rằng:

“Lúc nhận được tâm tánh
Mới nói chẳng nghĩ bàn
Rõ ràng không chỗ được
Lúc được không nói biết”.

25. Tổ thứ hai mươi bốn: Tôn giả Sư Tử.

Tôn giả Sư Tử, vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn ở nước xứ Trung Thiên Trúc. Thuở thiếu thời, Tôn giả đã xuất gia tập học Thiền định, về sau lại nương theo Tôn giả Hạc-lặc-na và được truyền trao đại pháp. Tôn giả đến giáo hóa ở nước Kế Tân, mới đầu chuyển hóa chỉnh

định tông chỉ của người khác như Tỳ-kheo Đạt-ma-đạt v.v... rất đông nhiều. Về sau, gặp Tư Đa con của ông Trưởng giả, giải bày nhân duyên cầm nắm hạt châu trong tay. Tư Đa bèn xin xuất gia, vì nhân duyên đặc biệt xưa trước, nên Tôn giả mới đặt gọi thêm tên là Bá-xá-tư-đa, sau khi Bá-xá-tư-đa đã thọ giới, Tôn giả mới bảo: "Ta vừa quán xét ở nước này sắp có hoạn nạn gây đến Ta, Ta không thể miễn khỏi, mà đại pháp nhãn tạng của Đức Như Lai do ta hoằng truyền, nay giao phó cho ông, ông nên phụng trì, đi ngay đến xứ khác chuyên việc hoằng hóa. Nếu có người nghi ngờ thì đem pháp y Tăng-già-lê của Ta để làm chứng tín". Và nói bài kệ tụng rằng:

"Ngay lúc nói tri kiến
Tri kiến đều là tâm
Chánh tâm tức tri kiến
Tri kiến tức hiện nay".

26. Tổ thứ hai mươi lăm: Tôn giả Bá-xá-tư-đa.

Tôn giả Bá-xá-tư-đa, vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn, ở nước Kế Tân (vì phương ngôn chẳng đồng bản truyện, có đến ba từ nêu tên Tôn giả). Vừa mới sinh đã có các vết tích khác thường. Khi đã gặp Tôn giả Sư Tử giải bày cho rõ nhân duyên xưa trước, Tôn giả mới xin theo làm đệ tử. Tôn giả Sư Tử tự biết sắp có hoạn nạn, bèn đem đại pháp truyền trao cho Tôn giả. Ngay lúc đó, Tôn giả liền ra đi trải qua các nước xứ Trung Thiên trúc rồi đến xứ Nam Thiên trúc. Nhưng nơi Tôn giả đến giáo hóa đều có những kỳ đặc. Tôn giả gặp được con của vua nước xứ Nam Thiên trúc tên là Bất-tri (Như?)-mật-đa, bèn nhận làm đệ tử cùng dẫn đưa về nơi giáo hóa trước. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Bất-như-mật-đa, và nói bài kệ tụng rằng:

"Thánh nhân nói tri kiến
Ngay cảnh không phải quấy
Nay tôi ngộ tánh ấy
Không đạo cũng không lý".

27. Tổ thứ hai mươi sáu: Tôn giả Bất-như-mật-đa.

Tôn giả Bất-như-mật-đa, vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi, ở nước xứ Nam Thiên Trúc. Tôn giả cũng là người có nhiều điềm tích lạ thường, là vị Thái tử, nương theo Tôn giả Bá-xá-tư-đa cầu xin xuất gia tu hành đắc quả. Về sau theo Tôn giả Bá-xá-tư-đa ra khỏi cung vua và

được truyền trao đại pháp. Tôn giả vân du giáo hóa đến nước xứ Đông Thiên Trúc, gặp Thánh Đồng tử Anh Lạc liền nhận cho xuất gia làm đệ tử đổi tên là Bát-nhã-đa-la, và xưng gọi đó là Bồ-tát Đại Thế Chí ứng hiện nơi đời. Đến lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem truyền trao đại pháp cho Bát-nhã-đa-la, và nói bài kệ tụng rằng:

"Kho tâm địa chân tánh
Không đầu cũng không đuôi
Theo duyên cảm hóa vật
Phương tiện gọi là trí".

28. Tổ thứ hai mươi bảy: Tôn giả Bát-nhã-đa-la.

Tôn giả Bát-nhã-đa-la vốn người thuộc chủng tộc Bà-la-môn nước xứ Đông Thiên trúc. Mới đầu là một trẻ nhỏ, gặp Tôn giả Bất-như-mật-đa, được rõ bày Thánh tích bèn nương theo cầu xin thọ giới. Sau khi được truyền trao pháp ấn, Tôn giả du phương giáo hóa đến nước xứ Nam Thiên trúc, gặp con vua nước đó tên là Bồ-đề-đa-la bèn nhận làm đệ tử cải đổi tên là Bồ-đề-đạt-ma. Sau hơn bốn mươi năm, lúc sắp thị tịch, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Bồ-đề-đạt-ma, và nói bài kệ tụng rằng:

"Đất tâm sinh các giống
Nhân sự lại sinh lý
Quả đầy Bồ-đề tròn
Hoa nở thế giới bày".

29. Tổ thứ hai mươi tám: Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma.

Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma (về niên hiệu của Tôn giả, được xưng gọi chẳng đồng như "Đạt-ma-đa-la v.v... có đến ba - bốn tên), vốn người thuộc chủng tộc Sát-đế-lợi ở nước Nam Thiên trúc, là con vua nước đó. Nương theo Tôn giả Bát-nhã-đa-la mà xuất gia, được truyền trao đại pháp, và bảo: "Tôn giả tức là Bồ-tát Quán Thế Âm ứng hiện nơi đời". Qua sau sáu mươi bảy năm, Tôn giả mới đem đại pháp vân du theo hướng Đông đến nước Chấn Đán (Trung Hoa). Tôn giả là vị chuyên truyền pháp "chỉ thẳng tâm người, thấy tánh thành Phật, chẳng nương nhờ văn tự". Mới đầu đến Nam Lương vì có duyên ở đó không khế hợp, Tôn giả mới đến Bắc Ngụy dừng nghỉ tại Tung sơn suốt chín năm mới gặp Tuệ Khả đến nương theo cầu đạo. Về sau, Tôn giả mới đem đại pháp truyền trao cho Tuệ Khả, và trao cả pháp y bình bát để làm chứng tín. Tôn giả là vị Sơ Tổ hoằng truyền giáo pháp tại xứ này. Sau đó, Tôn

giả rời bỏ xứ Thiếu lâm mà hiện tướng thị tịch. Tôn giả truyền trao bài kệ tụng rằng:

"Ta vốn đến xứ này
Truyền pháp cứu mê tình
Một hoa nở năm cành
Kết quả tự nhiên thành".

30. Tổ thứ hai mươi chín: Tôn giả Tuệ Khả.

Tôn giả Tuệ Khả, vốn người dòng họ có ở xứ Võ Lao. Năm ba mươi tuổi mới vất bỏ sử sách thế tục, xuất gia, sau đó được thọ giới. Năm ba mươi hai tuổi, nhân cảm điềm mộng khác thường Tôn giả mới rời xa thầy mình, lẫn lộn trong trần tục đến Kinh lạc, gặp Đại sư Đạt-ma, bèn đứng dưới tuyết, chặt cánh tay khẩn cầu pháp ấn. Quả nhiên được Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma truyền trao cho. Nhân đó cải đổi tên, bèn làm nơi đại chúng quy hướng nương tựa. Về sau, gặp Tăng Xán, liền nhận làm đệ tử và trao truyền đại pháp. Tôn giả đến ở nghiệp đô, đền trả ương lụy xưa trước. Tôn giả nói bài kệ tụng truyền pháp rằng:

"Xưa nay duyên có đất
Nhân đất, giống hoa sinh
Xưa nay không có giống
Hoa cũng chẳng thể sinh".

31. Tổ thứ ba mươi: Tôn giả Tăng Xán.

Tôn giả Tăng Xán, không rõ biết vôn người xứ nào. Mới đầu là một xử sĩ thấy gặp Tôn giả Tuệ Khả, chẳng xưng họ tên. Nhân hỏi pháp mà tỏ ngộ, mới nương theo xuất gia. Tôn giả Tuệ Khả bèn đặt cho pháp danh như hiện nay và cho thọ giới. Sau khi được truyền trao đại pháp, Tôn giả đến ẩn cư tại núi Hoàn công suốt ba mươi năm, mới vì làm nơi đại chúng quy hướng nương tựa. Sau đó gặp Đạo Tín là vị Sa-di nương theo Tôn giả. Khi Đạo Tín đã thọ giới Cụ túc, Tôn giả bèn trao truyền đại pháp cho Đạo Tín. Về sau, chợt nhiên, Tôn giả đến ở núi La-phù. Tôn giả nói bài kệ tụng truyền pháp rằng:

"Hoa trồng tuy nhân đất
Từ đất giống hoa sinh
Nếu không người gieo giống
Hoa đất không sinh".

32. Tổ thứ ba mươi mốt: Tôn giả Đạo Tín.

Tôn giả Đạo Tín, vốn người thuộc dòng họ Tư Mã, ở Kỳ dương. Tôn giả là người thông minh dĩnh ngộ, đắc pháp từ Tôn giả Tăng Xán. Khoảng đầu thời Tiền Đường, Tôn giả đến ở núi Song phong thuộc Kỳ dương, giữa đường gặp một đứa trẻ kỳ đặc, bèn nhận làm đệ tử và đặt tên là Hoằng Nhẫn. Về sau, Tôn giả đem đại pháp và y bát của Tổ sư xưa trước truyền trao cho Hoằng Nhẫn, mới nhập Niết-bàn. Tôn giả nói bài kệ tụng truyền pháp rằng:

"Giống hoa có tánh sống
Nhân đất, hoa nảy mầm
Duyên lớn cùng tín hợp
Đáng sinh, sinh chẳng sinh".

33. Tổ thứ ba mươi hai: Tôn giả Hoằng Nhẫn.

Tôn giả Hoằng Nhẫn, vốn người dòng họ Chu, ở xứ Hoàng mai, Kỳ dương. Lúc vừa mới sinh, Tôn giả đã có hình tướng đặc thù. Có vị Hiền giả trông thấy mà bảo rằng: "Đứa bé này có đủ tướng Đại nhân, chỉ thua kém Đức Như Lai bảy vẽ đẹp thôi vậy". Tôn giả nương theo Tôn giả Đạo Tín xuất gia thọ giới, về sau được truyền trao đại pháp nối tiếp ở núi Phá đầu (tức núi Song phong) giáo hóa rất hưng thạnh. Khoảng trong niên hiệu Hàm Hanh (670-674) thời Tiền Đường, gặp có vị khách tức cư sĩ dòng họ Lô tự xưng tên là Tuệ Năng từ Lãnh nam đến dự trong pháp hội, Tôn giả rất mến quý, vì trình kệ tụng, nên truyền trao đại pháp và y bát cho cư sĩ Tuệ Năng, và nói bài kệ tụng rằng:

"Hữu tình đến gieo giống
Nhân đất, quả lại sinh
Vô tình đã không giống
Vô tình cũng không sinh".

34. Tổ thứ ba mươi ba: Tôn giả Tuệ Năng.

Tôn giả Tuệ Năng, vốn người dòng họ Lô, ở xứ Tân hưng, Tân châu. Mới đầu là người rất chí hiếu dưỡng nuôi thân mẫu, vì nhà nghèo khó nên phải bán củi làm kế sống. Nhân nghe có người khách buôn tụng kinh, mới biết Tôn giả Hoằng Nhẫn truyền Phật tâm ấn, Tôn giả bèn chuẩn bị đầy đủ lương thực cho thân mẫu. Xong, xin giả từ đến Hoàng Mai để cầu pháp ấy. Vừa thấy gặp Tôn giả Hoằng Nhẫn liền cùng khế hợp, Tôn giả lén giữ hình tướng cư sĩ mà lãnh thọ đại pháp, sau đó theo hướng Nam trở về Quảng châu, xuống tóc tại chùa pháp tánh. Sau khi thọ giới Cụ túc, Tôn giả đến ở khe Tào Hầu, vì bốn chúng làm nơi quy

hướng nương tựa, mới đem đại pháp truyền trao chung cả, còn pháp y bình bát của Tổ sư xưa trước thì lưu lại tại chùa nơi Tôn giả ở. Sau đó, Tôn giả nói bài kệ tụng chỉ dạy đại chúng để hiển bày pháp ấy rằng:

"Đất tâm ngậm các giống
Mưa khắp thảy đều sinh
Hoa đốn ngộ đượm tình
Quả Bồ-đề tự thành".

35. Sa-môn Trúc Đại lực.

Sa-môn Trúc Đại lực là đệ tử của Tôn giả Hạc-lặc-na tổ thứ hai mươi ba. Khoảng trong đời vua Hiến Đế (Lưu Hiệp 190-220) thời Đông Hán, Trúc Đại Lực đến Lạc ấp, sau đó vào đất Đông Ngô, gặp Sa-môn Khương Tăng Hội từng hỏi: "Thầy của Nhân giả là ai?" Trúc Đại Lực đáp: "Thầy tôi là Tôn giả Hặc-lặc-na". Khương Tăng Hội tiếp hỏi: "Đệ tử của Tôn giả Hặc-lặc-na có khả năng như nhân giả được bao nhiêu người?" Lại có người nào thành đạt quá hơn không? Trúc Đại Lực đáp: "Tương tợ như tôi, có ba ngàn vị. Còn dĩnh ngộ xuất chúng chỉ một thượng nhân tên là Tỳ-kheo Sư Tử. Vì đó kính nhận Chánh pháp nối dõi kế thế thầy tôi vừa đến xiển dương hoằng hóa tại nước xứ Bắc Thiên trúc'.

36. Sa-môn Phật-đà-bạt-đà.

Sa-môn Phật-đà-bạt-đà, người xứ Thiên trúc. Vốn thuộc dòng họ Thích-ca, là con cháu của vua Cam-lồ-phạn. Mới đầu có Sa-môn Trí Nghiêm người đất Tần đến nước Kế Tân, khẩn thiết thỉnh mời. Phật-đà-bạt-đà cùng đến Trung Hoa truyền trao thiền pháp. Lúc đầu đến ở Trường an, sau đó Phật-đà-bạt-đà mới chuyển dời đến Lô sơn, đưa ra các thiền kinh cùng Sa-môn Tuệ viễn đồng dịch, phiên dịch hoàn tất, Sa-môn Tuệ Viễn đề lời tựa. Phật-đà-bạt-đà thường nói cùng Sa-môn Tuệ Viễn rằng: "Chư vị Tổ sư truyền pháp ở Tây vức, từ Tôn giả đại Ca-diếp lần lượt kế thừa đến nay có cả thảy hai mươi bảy vị. Tổ sư thứ hai mươi sáu vừa mới viên tịch gần đây tên là Bất-như-mật-đa, vị ấy lưu xuất một người đệ tử nối dõi dòng pháp tên là Bát-nhã-đa-la, vừa đang ở tại nước xứ Tây Thiên trúc xiển dương giáo hóa". (Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma chưa nối dõi làm Tổ, nên chưa nêu xưng). Nên trong thiền kinh đề rằng: "Sau khi Đức Phật diệt độ, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan v.v... cho đến Tôn giả Bất-như-mật-đa, các người trì pháp dùng đèn tuệ này lần lượt tương truyền. Nay tôi với điều rõ biết mà nói nghĩa

ấy. Có nghe rằng Tôn giả Đạt-ma-đa-la, sau sẽ làm Tổ thứ hai mươi tám". Nên trong lời tựa, Sa-môn Tuệ Viễn đề rằng: "Đạt-ma-đa-la là người tuấn kiệt ở Tây vức, làm chỉ chỉ dạy thiền pháp". Theo trong "Truyện Bảo Lâm" nói Sa-môn Phật-đà-bạt-đà từng cùng Sa-môn Tuệ Viễn nói về số đời các tổ sư nối dõi truyền pháp xét nghiệm đồng với Thiền kinh.

Theo phàm ngu Khế Tung tôi khảo xét thời gian phiên dịch "Thiền Kinh" chỉ trước "Truyện Phú Pháp Tạng" sáu mươi hai năm mà thôi, nhưng đã có hai mươi tám đời Tổ sư phú pháp truyền trao. Còn "Phú Pháp Tạng Truyện" lưu xuất sau thời Bắc Ngụy phá hủy Phật pháp mà chỉ liệt bày hai mươi đời Tổ sư, vọng xén cắt người tương thừa phú pháp đến đó bèn dứt tuyệt. Trái với Thiền kinh. Há, đó muốn có sự khinh thường ư? Trong "Chánh Tông luận", kẻ ngu Khế Tung tôi thường nêu chỉ các điều không rõ trong truyện ấy (Phú Pháp Tạng truyện). Đó là sách sai lầm, rất đáng đốt bỏ vậy.

37. Sa-môn Đàm-ma-ca-la.

Sa-môn Đàm-ma-ca-la, người xứ Trung Ấn Độ. Khoảng năm Nhâm dần (222) tức năm Hoàng Sơ thứ ba thời Tiền Ngụy, đến Hứa Xương. Tại Hứa Xương có Sa-môn Quang Xán từng hỏi rằng: "Ở các nước Tây vức có bậc thầy ưu thắng nào chăng, và dùng pháp gì để trú trì?" Đàm-ma-ca-la đáp: "Ở Tây vức có hai vị Đại sĩ: Một vị tên là Ma-noa-la (Tổ thứ 22), một vị tên là Hạc-lặc-na (Tổ thứ 23) đều hoằng truyền chánh pháp, dùng pháp mà trú trì. Đó là một đóa hoa ở xứ Tây Ấn Độ, một đóa hoa tại Trung Ấn Độ".

38. Sa-môn Tăng Hựu.

Sa-môn Tăng Hựu vốn người xứ đất Tề, đến ở đất Lương, là bậc Trì Luật rất có tiếng tăm. Từng trước thuật bộ "Xuất Tam Tạng Ký", trong phần mục lục thừa truyền của Tát-bà-đa-bộ: "Tôn giả Bà-la-đa-la (Bà-xá-tư-đa) (Tổ thứ 25), Tôn giả Phất-nhã-mật-đa (Bất-như-mật-đa) (Tổ 26), Tôn giả Bất-nhã-đa-la (Bát-nhã-đa-la) (Tổ thứ 27), Tôn giả Đạt-ma-đa-la (Bồ-đề-đạt-ma) (Tổ thứ 28)". Về sau, Sa-môn Tăng Hựu thị tịch tại đất Lương.

39. Sa-môn Chi-cương-lương-lâu.

Sa-môn Chi-cương-lương-lâu, người xứ Trung Thiên trúc, khoảng trong Trần Lưu Vương (Nguyên Đế -Tào Hóa 260-265) thời Tiền Ngụy,

đến Lạc dương cùng các Sa-môn Đàm Đế, Khương Tăng Khải v.v... phiên dịch kinh điển. Nhân đó, Chi-cương-lương-lâu nói cùng các Sa-môn rằng: "Xưa trước, lúc ở Tây vức, tôi từng đến nước Kế Tân, tới cao nguyên Thông Đồ, vào núi Tượng bạch thấy gặp Tôn giả Đạt-ma-đạt tuổi đã rất cao, tự nói là đắc pháp từ thầy, tức Tôn giả Sư Tử (Tổ thứ 24) bị vua Di-la-quật gây nạn giết hại. Trước lúc mắc nạn đã dự biết nên Tôn giả Sư Tử đem tâm ấn diệu pháp của Phật được từ Tôn giả Đại Ca-diếp lần lượt truyền thừa mà trao cho đồng học (đồng học với Đạt-ma-đạt) tên là Bà-xá-tư-đa (Tổ thư 25), và trao cả pháp ý để làm chứng tín. Khi ấy liền bảo Bà-xá-tư-đa đến hoằng hóa ở nước xứ Nam Thiên trúc". Chi-cương-lương-lâu tự bảo: "Tôi cũng từng biết Tôn giả Bà-xá-tư-đa". Và Sư tích của chư Tổ sư từ bảy Đức Phật thời quá khứ trở lại đến Tôn giả Bà-xá-tư-đa; Tổ thứ hai mươi lăm là so Sa-môn Chi-cương-lương-lâu biên dịch thành.

40. Sa-môn Na-diên-da-xá.

Sa-môn Na-diên-da-xá, người nước Kế Tân, khoảng trong đời vua Hiếu Tỉnh Đế (Nguyên Thiện Hiện 534-550) thời Đông Ngụy, đến Nghiệp đô. Mới đầu cùng xử sĩ Vạn Thiên Ý phiên dịch "kinh Tôn Thắng Đà-la-ni ". Sau, nhân đó Na-diên-da-xá bảo cùng Vạn Thiên Ý rằng: "Chư Tổ sư ở Tây vức cả thảy hai mươi bảy vị cũng thọ trì kinh này, vị Tổ thứ hai mươi bảy tên là Bát-nhã-đa-la, lưu xuất đệ tử nối dõi dòng pháp tên là Đạt-ma-đa-la trước kia trong năm Chánh Quang thứ nhất (520) trong đời vua Hiếu Minh Đế (Nguyên Hủ 516-528) thời Bắc Ngụy, đã có đến Lạc dương, vị ấy cũng vui thích kinh này". Vạn Thiên Ý hỏi: "Với Đại sĩ ấy tôi cũng nghe đang là bậc Tổ sư hoằng truyền chánh pháp của Phật, chẳng hẳn sau đó có người nối dõi dòng pháp chăng?" Na-diên-da-xá dùng kệ tụng mà đáp, lời nói đều ngầm ẩn. Nhưng việc chư Tổ truyền nhận từ bảy Đức Phật thời quá khứ cho đến Tôn giả Bát-nhã-đa-la; tổ thứ hai mươi bảy, Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma; Tổ thứ hai mươi tám là do chính Na-diên-da-xá đây biên dịch thành.

41. Sa-môn Ba-la-phân-đa.

Sa-môn Ba-la-phân-đa, vốn người xứ Trung Thiên trúc. Khoảng năm Gia Bình thứ hai (250) trong đời vua Phế Đế thời Tiền Ngụy. Ba-la-phân-đa đến Lạc dương. Đến năm Thái Thủy thứ ba (267) thời Tây Tấn, có vị đệ tử là Ma-già-đà lại đến. Nhân đó, Ba-la-phân-đa hỏi: "Lúc ở Tây trúc, ông từng đến Bắc Thiên trúc chăng? Có người nói Tôn

giả Sư Tử không tội mà bị vua nước ấy làm hại, việc ấy có thật chăng? Nay lại có người truyền pháp cùng kế thừa nối dõi từ Tôn giả Sư Tử chăng?" Ma-già-đà đáp: "Thật đúng vậy. Tôn giả Sư Tử bị giết chết đến nay đã hai mươi ba năm. Có Sa-môn tên Bà-xá-tư-đa vốn người nước Kế Tân, trước khi hoạn nạn xảy ra, đã được Tôn giả Sư Tử truyền trao đại pháp và y bát. Và ngay ngày ấy liền ra đi, đến nước xứ Trung Ấn Độ hoằng dương hưng thạnh Phật sự". Ba-la-phân-đa bảo: "Ta cũng có nghe vậy, nhưng lấy theo lời ông nói để làm chứng nghiệm". Khi ấy có người khéo việc liền biên ghi lưu lại tại chùa Bạch mã. Về sau, có Pháp sư Huyền Lãng thấy gặp tại chùa ấy mới lưu truyền nơi đời.

42. Sa-môn Kiện Na.

Sa-môn Kiện Na, không biết vốn là người nước nào ở Tây vức, và cũng không rõ đã đến Trung Hoa từ lúc nào. Chỉ biết khoảng trong niên hiệu Thiên Bảo (742-756) thời Tiền Đường, cùng gặp Hà Nam Duẫn Lý Thường. Lý Thường hỏi: "Thiền tông ở Thiên trúc có bao nhiêu Tổ sư?" Kiện Na đáp: "Từ Tôn giả Đại Ca-diếp đến Tôn giả Bát-nhã-đa-la là có cả thảy hai mươi bảy đời Tổ sư (ở đây không nói Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, vì là làm Sơ tổ ở Trung Hoa, nếu để ở Tây vức mà nói thì có hai mươi tám đời Tổ sư). Nếu bắt đầu từ Tôn giả Sư Tử (Tổ thứ) lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề, thì trong đời thứ tư sau đời Tôn giả Đạt-ma-đạt (đệ tử Tôn giả Sư Tử), có hai mươi hai vị. Như vậy cả thảy có bốn mươi chín tổ sư. Nếu tính từ bảy Đức Phật thời quá khứ đến đời Đâu-suất Tăng Xán đây (khi ấy là trong nhịp trai hội mừng có được xá-lợi của Tôn giả Tăng Xán), không gồm các chi phái thì có ba mươi mốt đời Tổ sư". Lý Thường lại hỏi một vị Tăng khác rằng: "Tôi thấy biểu đồ chư Tổ, hoặc có thuyết nêu dẫn có hơn năm mươi đời Tổ sư, cho đến chi phái thì sai khác, Tông tộc không nhất định. Hoặc chỉ có tên không, cớ sao như thế?" Khi ấy có vị đệ tử của tổ thứ sáu ở Trung Hoa là Thiền sư Trí Bản đáp rằng: "Đó bởi trong thời Hậu (Bắc) Ngụy, Phật pháp bị phế hủy, khi ấy có Sa-môn Đàm Diệu trong lúc vội vàng chỉ riêng viết danh mục chư Tổ, không rảnh biên ghi đầy đủ toàn bộ, nghĩ nhớ mất nơi núi Cốc. Sau hơn ba mươi năm, đến thời vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-450) thời Bắc Ngụy, Sa-môn Đàm Diệu đưa ra cùng mọi người biên ghi, làm thành bộ "Phú Pháp Tạng Truyện". Sự sai lầm, mất sự thật ấy do chính Sa-môn Đàm Diệu tạo nên vậy".

Theo Khế Tung kẻ phàm ngu tôi thường khảo xét. Sa-môn Đàm Diệu cùng đồng bạn làm nên bộ "Phú Pháp Tạng Truyện", văn ấy thật

thuộc loại đơn lục. Từ Tôn giả Di-già-đa-la đến La-hán Sư Tử, cả thảy bảy đời Tổ sư rất khuyết thiếu, và không có gốc ngọn. Cũng tợ như điều mà Lý Thường nói trong biểu đồ chư Tổ, có vị chỉ có tên không thôi, tức là đây vậy.

43. Cư sĩ Bùi Hưu.

Cư sĩ Bùi Hưu, tự là Công Mỹ. Từ trong khoảng niên hiệu Hội Xương (841-847) thời Tiền Đường, làm Binh Bộ Thị Lang Ngự Sử Bình Chương Sự, hiệu là Danh Tướng, soạn thuật bia văn truyền pháp của Sa-môn Tông Mật ở Khuê phong, viết rằng: “Đức Thích-ca Như Lai sau cùng đem đại pháp nhãn tạng truyền trao cho Tôn giả Đại Ca-diếp, khiến Tổ Tổ tương truyền xếp hành nơi đời, chẳng riêng Tôn giả Đại Ca-diếp, mà ngoài có cả người, trời, Thanh văn, Bồ-tát. Từ Tôn giả Đại Ca-diếp đến Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma, có cả thảy hai mươi tám đời Tổ sư. Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma truyền trao Tuệ Khả, Tôn giả Tuệ Khả truyền trao Tôn giả Tăng Xán, Tôn giả Tăng Xán truyền trao Đạo Tín, Tôn giả Đạo Tín truyền trao Hoằng Nhẫn, Tôn giả Hoằng Nhẫn truyền trao Tôn giả Tuệ Năng làm Tổ thứ sáu ở Trung Hoa”.

44. Cư sĩ Lưu Húc.

Cư sĩ Lưu Húc, tự là Diệu Viễn, vốn người xứ Quy nghĩa, Trác châu. Trong khoảng niên hiệu Thiên Hựu (904-907) thời Tiền Đường, mới vì Quân sự nha suy cử làm quan. Đến đầu niên hiệu Khai Vận (944) thời Hậu Tấn trong thời Ngũ Đại, mới giám định chỉnh tu Quốc Sử, nên soạn thuật bộ “Đường Thư Thần Tú Truyện”. Viết rằng: “Xưa kia, cuối thời Hậu Ngụy có Sa-môn Đạt-ma, vốn con vua nước Thiên trúc, vì hộ trì nước nhà nên xuất gia, vào Nam hải, được Diệu pháp Thiền tông, từ Đức Thích-ca Như Lai tương truyền có y bát làm chứng ký, đời đời truyền trao. Mới đầu đến Nam lương, gặp vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550), vua đem các việc hữu vi thưa hỏi, Sa-môn Đạt-ma không vui thích, mới giả từ đi đến Bắc Ngụy ẩn cư tại chùa Thiếu lâm ở Tung sơn và thị tịch tự đó. Cũng trong năm đó, quan sứ Bắc Ngụy là Tống Vân lại thấy gặp Sa-môn Đạt-ma tại Thông lãnh, sau đó môn đồ khai quật tháp mộ thì chỉ thấy áo giày mà thôi. Sa-môn Bồ-đề-đạt-ma truyền trao cho Tuệ Khả, Tuệ Khả truyền trao cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền trao cho Đạo Tín, Đạo Tín truyền trao cho Hoằng Nhẫn, Hoằng Nhẫn truyền trao cho Tuệ Năng và Thần Tú”. Về sau, Lưu Húc qua đời trong khoảng niên hiệu Thái Bảo (1) thời Bắc Tống.

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 189

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG LUẬN

SỐ 2080
(QUYỂN 1 → 2)

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 2080

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG LUẬN

Thời Bắc Tống, Sa-môn Thích Khế Tung ở Đông sơn,
Đằng Châu soạn thuật

QUYỂN 1

THIÊN THỨ NHẤT

Từ thời nhà Tùy nhà Đường trở lại, tông chỉ của Đạt-ma càng được khuyến hóa mở mang lớn mạnh, mà các hàng nghĩa học lại nghi ngờ đó, lại bấm chấp "Phú Pháp Tạng Truyện" để cùng nhau phát nạn. Có nghĩa là trong truyện ấy nêu bày chỉ có hai mươi bốn đời Tổ sư, đến đời Tổ Sư Tử mà thôi. Và, sự tiếp thừa của Đạt-ma chẳng phải chánh lưu xuất từ Tôn giả Sư Tử. Trong truyện đó cho rằng: "Điều gọi là hai mươi tám đời Tổ sư là bởi do người đời sau quanh co nói thành". Có các thiền giả hoặc dẫn nêu "Bảo Lâm Truyện" để chứng minh, và "Bảo Lâm Truyện" cũng là sách của thiền giả, mà các nhà cật nạn càng chẳng lấy. Cứ rầm rĩ như thế, tuy trải qua nhiều đời rồi mà không nghiệm chính. Khế Tung tôi thường lấy làm bệnh khổ đó. Nhân tham cứu cả hai bản truyện, trộm muốn phát bày các điều phải quấy đó.

Lúc đọc xem bản "Phú Pháp Tạng Truyện" được làm ra sau lúc chân quân phá hủy Phật giáo ở thời Bắc Ngụy, do Phạm Tăng Cát-ca-dạ phiên dịch thành. Xem về phẩm mục các truyện đời Tổ, như có thứ lớp tuần tự, nhưng khảo xét vào trong phần văn, thì việc thầy trò truyền nhận, cho đến xuất phát từ dòng họ quê quán, rất không gốc ngọn, thiếu sự rõ ràng. Từ đó xoay lại tham cứu lại các bộ trong Tam Tạng thì chẳng phải vốn vậy. Phàm muốn làm sách nêu rõ trước sau số đời người, hẳn

lấy từ ông cha con thân thuộc tương thừa tiếp nối mà so sánh, lại thêm dòng tộc quê quán của người ấy cùng nguyên do việc ấy, đều không mất lạc manh mối, khiến người đời sau lấy đó làm tin, mới gọi đó là sử truyện. Nay sách ấy được gọi là truyện, mà việc ấy lại chẳng được rõ ràng. Như trong đó trình bày về Di-già-ca-đa, Phật-đà-nan-đề, Tỳ-la Trưởng giả, cho đến Bà-tu-bàn-đà, Ma-noa-la, Hạc-lặc-na, Dạ-xa cùng La-hán sư Tử; bảy vị tổ sư, đều không có cái nghĩa thầy trò thân gần tương tiếp truyền nhận, và ba Tổ sư Phật-đà-nan-đề, Hạc-lặc-na và Sư Tử rất khuyết thiếu phần trước của truyện. Đã không thấy, mà sau lại truyền đó, chỉ nói tiếp theo giao, tiếp theo đó, lại có Tỳ-kheo v.v... việc trao nhận quả thật không rõ ràng đầy đủ. Vậy sao đủ lấy làm truyện chỉ bày điều đáng tin cho đời sau ư?

Trong đó, về truyện Tỳ-kheo Sư Tử, nói rằng: "vua nước Kế Tân tin theo tà kiến, nhân dùng kiếm bén chém chặt, trong đầu Tỳ-kheo Sư Tử không có máu, chỉ có sữa chảy đổ, người cùng được trao truyền pháp bèn dứt tuyệt từ đó".

Tôi cho rằng nói vậy rất không đúng, từng thử bình luận đó. Như trong đó về truyện Đại Ca-diếp nói: "Lúc Đức Phật sắp nhập Niết-bàn, bảo Đại Ca-diếp rằng: "Ta sắp nhập Niết-bàn, đem diệu pháp sâu mầu này giao phó cho ông, sau này ông phải kính thuận theo ý ta rộng tuyên truyền lưu bố chớ khiến dứt tuyệt". Vậy thì người đời sau đã tiếp thừa Đức Phật mà vì làm Tổ, lại có thể khiến cho pháp ấy dứt tuyệt ư? Lại nữa, trong truyện Cúc-đa nói rằng: "Trong ý Cúc-đa muốn nhập Niết-bàn, nhưng vì Đề-đa-ca chưa sinh ra đời, nên chờ đợi Đề-đa-ca ra đời, trao truyền đại pháp rồi mới thị tịch". Lại nữa, trong truyện Ca-na-đề-bà nói là: "Vì dùng pháp đấu thắng ngoại đạo, bèn bị đệ tử của ngoại đạo làm hại, Ca-na-đề-bà mới nhẫn chịu chết". Nói về quả báo xưa trước, đem đại pháp truyền trao cho La-hầu-la rồi mới tuyệt dứt. Nay, Sư Tử đã như Cúc-đa, Đề-bà vì đó làm Tổ, đâu riêng tiện chết mà chẳng đoái hoài về đại pháp ư? Phàm là bậc tiếp thừa Đức Như Lai làm Đại tổ xuất thế, nếu chẳng phải là Thánh nhân thì không thể dự phần ấy. Nay Tỳ-kheo Sư Tử đã dự phần ấy, hẳn là bậc Thánh nhân. Sao có Thánh nhân mà không biết chết bởi quả báo xưa trước ư? Biết hẳn chết như thế sao chẳng chịu dự bảo mà truyền pháp ấy khiến cùng tiếp nối làm Sư tổ đời sau ư? Giả sử tuyên tương thừa truyền pháp dừng tại Thánh nhân ấy, cũng phải dự biết để báo là dứt tuyệt. Giả sử không biết chết như vậy mà mất truyền trao mất báo trước, vậy thì sao đủ đáng xếp đặt làm Tổ mà truyền đó ư? Cùng với người làm truyện hẳn nên suy nghĩ đó. Giả

sử trong Phạm bản vốn như vậy, thì tự có thể nghi ngờ, phải lưu lại sự khuyết mất đó để đợi người sau, chứ sao được tin viết, vội làm thành đầu mối tranh cãi của người đời sau lấy làm khuất phục tiên Thánh, há chẳng lo sợ ư!

Trong bộ "Truyền Đăng Lục" viết: "Xưa trước, trong thời Tiền Đường, có Hà Nam Duẫn Lý Thường từng nhân có được xá-lợi của Đại sư Tam Tổ Tăng Xán, một ngày nọ thiết trai cúng dường các Sa-môn để lưu lại đó, nhân hỏi Tam Tạng Pháp sư Kiện Na; người nước Tây vức rằng: "Thiền tông ở Thiên trúc có bao nhiêu Tổ sư?" Sa-môn Kiện Na đáp: "Từ Tôn giả Đại Ca-diếp đến Tôn giả Bát-nhã-đa-la có "cả thảy hai mươi bảy đời Tổ sư. Nếu bắt đầu từ Tôn giả Sư Tử lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề thì trong đời thứ tư sau đời Tôn giả Đạt-ma-đạt (đệ tử của Sư Tử) tự đã có hai mươi hai vị. Như vậy có cả thảy bốn mươi chín Tổ sư. Nếu từ bảy Đức Phật đời quá khứ cho đến Đại sư Tăng Xán đây, không gần các chi phái thì có cả thảy ba mươi bảy đời". Lý Thường lại hỏi: Một vị kỳ đức khác ngồi trong pháp hội rằng: "Tôi từng đọc xem Biểu Đồ Chư Tổ, hoặc có thuyết nêu dẫn có hơn năm mươi đời, cho đến các chi phái sai khác, tông tộc không nhất định, hoặc chỉ có tên không. Như vậy, lấy gì làm chứng nghiệm ư?" vừa lúc đó có vị đệ tử của Lục tổ Tuệ Năng, tức là Thiền sư Trí Bản đáp rằng: "Đó do trong thời Bắc Ngụy, phá hủy Phật giáo, khi ấy có Sa-môn Đàm diệu trong lúc vội vàng biên ghi đơn lục danh mục chư Tổ, nghĩ nhớ các vị mất nơi núi đồng hoang trống, mãi đến lúc vua Thành Đế (Thác Bạt Duệ 452-466) thời Bắc Ngụy phục hưng lại Phật giáo, trước sau mất ba mươi năm. Lại đến đời vua Hiếu Văn Đế (Thác Bạt Hoành 471-450) thời Bắc Ngụy, Sa-môn Đàm Diệu được tấn cử lên làm Tăng Thống, mới đem bản ghi lục ấy ra, các Sa-môn nhân đó làm thành sách, đề là "Phú Pháp Tạng Truyện" (trong "Phú Pháp Tạng Truyện" cũng đề là do Sa-môn Đàm Diệu soạn thuật). Nên sự sai quá chẳng hoàn bị ấy bởi từ Sa-môn Đàm Diệu chạy lánh nạn trở lại mà khiến thành như thế". Nên với điều tôi chỉ bản truyện ấy không gốc ngọn, nghiệm với lời Sa-môn Trí Bản nói đây, thật đúng loại góp nhặt rơi rớt mà làm thành sách vậy.

Lại nữa, trong phẩm mục truyện ấy nói: "Vị... trao, vị... đạt quả", chỗ gọi là Đơn lục, chẳng phải nguyên vẹn toàn bản ấy vậy. Còn như "Bảo Lâm Truyện", tuy văn tự quê kệch, trình bày phiền loạn, chẳng thuộc loại sách của học giả trước thuật, nhưng các việc trong đó có gốc ngọn, số đời họ tên, cũng có xuất xứ, tuy muốn trộm lấy đó và cả nguyên do gốc gác hoặc chỉ sách thế tục, thì điều không có ở thời nay,

hoặc chỉ về Thích bộ thì trong mục lục kinh tạng chẳng còn có, tuy có hơi hợp với điều nói của trong tạng, cũng chẳng phải do từ các Tông khác làm nên. Tôi thường nghi ngờ đó là không chứng cứ mà chẳng dám liền bàn luận. Gặp ở trong Tạng Nam Bình vừa có được bộ sách xưa cũ tên là "Xuất Tam Tạng Ký" mười lăm quyển, do Sa-môn Tăng Hựu là bậc Cao Tăng ở thời nhà Lương biên thuật. Trong đó, ở Thiên "Tát-bà-đa-bộ Tương Thừa Truyền Mục Lục Ký". Sa-môn Tăng Hựu tự trình bày về nguyên do rằng: "Chỉ Tát-bà-đa-bộ hành hóa ở đất Tề, bởi khởi nguyên từ Thiên trúc lưu truyền hoằng hóa đến nước Kế Tân, các bậc Hiền Thánh trước sau lại làm sáng tỏ thứ lớp. Từ Tôn giả Đại Ca-diếp đến Tôn giả Đạt-ma-đa-la trình bày trong hai quyển, tất cả có hơn trăm tên các tổ sư". Theo đó mà suy cứu. Có nói "Bà-la-đa-la", cùng với Bà-xá-tư-đa; Tổ thứ hai mươi lăm, tuy khác tên gọi mà đồng một vị vậy (nghĩa ấy thấy ở Bản truyện). Lại có nói: "Phất-nhã-mật-đa", cùng với Bất-như-mật-đa; Tổ thứ hai mươi sáu, tức đồng tên một vị vậy. Lại có nói "Bát-nhã-đa-la", cùng với Bát-nhã-đa-la; Tổ thứ hai mươi bảy là đồng tên một vị vậy. Lại có nói: "Đạt-ma-đa-la", cùng với Bồ-đề-đạt-ma; Tổ thứ hai mươi tám, pháp và tục hợp tên đồng vậy (nghĩa ấy thấy ở bản truyện. Ngoài ra, các Tổ sư khác cũng đồng, như nói "Cúc-đa-quật", hoặc chữ trước đồng mà chữ sau khác, hoặc chữ sau đồng mà chữ trước khác. Hoặc tên gốc thì trái mà tên riêng thì hợp. Như "thương-na-hòa-tu", hay "Xá-na-bà-tư" đồng loại ấy vậy. Đó bởi do các Phạm Tăng phiên dịch trước sau về phương ngôn mỗi mỗi có khác nên vậy. Chỉ có "Bà-xá" trở xuống bốn vị Tổ sư đồng đó rất rõ. Theo sự nêu bày trong mục lục quyển thứ nhất thì có cả thảy năm mươi ba vị, mà bốn Tổ sư này rất tương quan liên thuộc, mà Đạt-ma thì được xếp đặt cuối cùng, đây tợ như nêu bày người trao và nhận cuối cùng ở đời sau. Sự xếp đặt số lượng nhiều vị như vậy là vì Sa-môn Tăng Hựu tìm có được mục lục của các nhà cả trước lẫn sau, chẳng so sánh đồng dị mà đều biên ghi tất cả các vị đệ tử được lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề từ Tôn giả A-nan, Tôn giả Sư Tử, nên có nhiều như thế, Sa-môn Tăng Hữu trình bày rằng: "Mọi sự đồng dị ở truyện trước, đều ghi lục để mở rộng ra, các bậc Hậu hiền chưa dứt tuyệt, chế truyện để bổ khuyết". Nhưng đại khái trong đó, so với "Bảo Lâm Truyện", "Truyền Đăng Lục" đồng nhau vậy. Và, Sa-môn Tăng Hựu là bậc cao đức ở đương thời, được suy tôn là Luật sư, học mà có biết, và mãi đến người đời nay vẫn tôn xưng. Sa-môn Tăng Hựu sinh trưởng tại đất Tề, về già sống ở đất Lương, mọi điều nghe biết hẳn rõ ràng, nên nay với sách do

Sa-môn Tăng Hựu biên soạn cũng có thể đáng tin được vậy. Lấy đó để nghiệm thì Tôn giả Sư tử tuy chết, nhưng chánh pháp đó quả nhiên có lưu truyền, từ Tôn giả Bà-xá-tư-đa trở xuống, bốn đời Tổ sư tương tiếp truyền thừa không sai nhầm. Há chẳng rõ ràng ư? Điều ghi chép trong "Truyền Đăng Lục" thật có chứng cứ vậy. Than ôi! Sách của Sa-môn Tăng Hựu còn nơi Đại Tạng trải khắp thiên hạ đã mấy trăm năm, mà chưa gặp được điều phát hiện ấy, cho là người xưa không thấy ư? Và, đức của bậc chí nhân tối sáng cũng có số ư?

Nhưng, tôi khảo xét, người mở đầu phiên dịch việc ấy, trong các truyện trước đều nói: "Mới đầu có vị Sa-môn người nước xứ Trung Thiên trúc tên là Chi-cương-lương-lâu, từng đến nước Kế Tân, vào trong núi Tượng bạch của nước đó, thấy gặp Tỳ-kheo Đạt-ma-đạt, thổi tác sống thọ vượt số người thường. Đó là đệ tử được lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề từ Tôn giả Sư Tử. Nhân đó, Sa-môn Chi-cương-lương-lâu đem việc truyền pháp hưng suy như thế nào sau đời Tôn giả Sư Tử để hỏi. Tỳ-kheo Đạt-ma-đạt đáp: "Chánh pháp của Đức Như Lai truyền trao cho Đại Ca-diếp cho đến đời Tôn giả Sư Tử; bậc Đại sư của tôi, Thầy tôi tự biết hẳn sẽ mắc nạn, trước lúc chưa chết dự đem chánh pháp truyền trao cho bạn đồng học của tôi là Sa-môn Bà-xá-tư-đa người nước xứ Nam Thiên trúc, cũng còn có tên là Bà-la-đa-na (theo Bảo Lâm truyện nói: "Ở Bắc Thiên trúc thì gọi là "Bà-la-đa-la", so với "Tam Tạng Ký" thì đồng, ở đây nói là "Đa-na", do bởi phiên dịch có xứ sở và hạ vậy), lại trao pháp y để làm chứng tín và liền sai bảo đi đến nước ấy (Nam Thiên trúc) và Bà-xá-tư-đa mới làm hưng thạnh việc Phật tại nước ấy". Sa-môn Chi-cương-lương-lâu lại bảo: "Tôi cũng biết người ấy (Bà-xá-tư-đa)". Sa-môn Chi-cương-lương-lâu đến Lạc ấp trong đời Trần Lưu Vương; Tào Hoán (Nguyên đế 206-265) thời Tiền Ngụy, mới đầu dừng ở tại chùa Bạch mã, khi ấy nhà Ngụy đến lúc lâm nguy, Tào Hoán rất lo sợ, có vài lần theo hỏi sự hưng vong của nước nhà, Sa-môn Chi-cương-lương-lâu đều dùng ẩn ngữ mà đáp đó. Nhân đó nhóm tập các Sa-môn Đàm Đế, Khương Tăng Khải v.v... phiên dịch các kinh và sự tích truyền trao và thọ nhận đại pháp của chư Tổ lưu truyền tại Trung Hoa. Lấy đó mà nghiệm biết tại Trung Hoa trước kia đã có sự tích chư Tổ, chẳng phải tạm dựa vào "Phú Pháp Tạng Truyện" vậy. Nhưng, Sa-môn Chi-cương-lương-lâu phiên dịch việc ấy, đến đời Thác Bạt Đào (Thái Võ Đế 424-452) thời Bắc Ngụy giết hại Sa-môn, là đã trải qua hơn một trăm chín mươi năm vậy. Mà thuyết của Sa-môn Chi-cương-lương-lâu hẳn đã lưu truyền nơi đời. Tôi nghĩ liệu trong khoảng hơn một

trăm chín mươi năm đó, hẳn đã có người truyền việc ấy đi đến phương Đông, nên số lượng các Tổ sư càng thêm, đã không dừng nơi hai mươi lăm năm vậy, chỉ chẳng rõ lưu truyền việc ấy lại là người nào thôi. (Gần đây, tôi đem Thiên kinh nghiệm xét, số Tổ sư có thêm ở đương thời hẳn vậy). Bởi Sa-môn Cát-ca-dạ Đàm Diệu ngay sau khi Phật giáo bị phế hủy, nương vào bản xưa trước làm sách ấy, xen lẫn các kinh, lấy thế nước nhà mà xiển dương. Khi ấy giả sử có người riêng truyền việc ấy cũng không thể sánh bằng sự trước thuật hiển bày phát xuất từ Sa-môn Đàm Diệu (tức bộ "Phú Pháp Tạng Truyện"). Người sau không thể tìm cái nguyên do đó, nhọc nhìn đó không còn trong Tạng nên liền cho là nói quanh co. Lại nữa, đời sau trong thiên hạ từng trải qua một số lần trị loạn, tuy lại có người gặp được, nhưng hoặc Nam Bắc cùng tuyệt mất, năm tháng dần xa. Sách ấy đã vốn không đề mục, hoặc tên người phiên dịch cũng mất, thêm vì người làm sách sử dụng văn từ quê kệch nói bày quá đáng nên khiến các Học giả càng không tin.

Lại nữa, có Sa-môn Na-liên-da-xá người nước Kế Tân, khoảng trong đời vua Hiếu Tỉnh đế (nguyên Thiệu Hiện 534-550) thời Đông Ngụy, đến Nghiệp đô mà chuyên việc phiên dịch. Đến lúc dòng họ Cao thay ngôi nhà Ngụy xưng hiệu nhà Tề, Sa-môn Na-liên-da-xá mới càng phiên dịch các kinh. Mới đầu cùng xử sĩ Vạn Thiên Ý phiên dịch "kinh Tôn Thắng Bồ-tát Vô Lượng Môn Đà-la-ni", nhân đó, Sa-môn Na-liên-da-xá bảo Vạn Thiên Ý rằng: "Ở Tây vức hai mươi bảy đời Tổ sư cũng tôn quý kinh này". Lại chỉ việc Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma; người kế thừa dòng pháp từ Tôn giả Bát-nhã-đa-la, bảo rằng: "Xứ này (tức Trung Hoa) tiếp về sau, chánh pháp sẽ lưu truyền mở lớn". Mới dùng lời sấm dự ghi đó. Lại phiên dịch các việc của chư Tổ, cùng Vạn Thiên Ý chỉnh định đó. Và trong "danh hệ tập" của Dương Huyễn Chi cũng nói: "Sa-môn Na-liên-da-xá từng cùng Sa-môn phương Đông đây như Đàm Khải v.v... đến xứ Tây Thiên trúc cùng phiên dịch sự tích chư Tổ thành Hán văn. Phiên dịch hoàn thành, Sa-môn Na-liên-da-xá trước tiên mang đến phương Đông, và so với bản phiên dịch của Sa-môn Chi-cương-lương-lâu trước kia chưa từng có khác. Phàm, từ bảy Đức Phật ở thời quá khứ, cho đến Tôn giả Bà-xá-tư-đa; Tổ thứ hai mươi lăm, được phiên dịch ra do từ Sa-môn Chi-cương-lương-lâu. Lại thêm đến đời Tổ thứ hai mươi bảy cùng Tôn giả Đạt-ma-đa-la Tổ thứ hai mươi tám, sự tích truyền trao ở Tây vức lại do Sa-môn Na-liên-da-xá phiên dịch thành. Suy xét lại hai sách "Bảo Lâm Truyện", "Truyền Đăng Lục", cho đến bản đơn lục mới đầu của Sa-môn Đàm Diệu, bản ấy đều tiếp thừa thuật lại từ thuyết

của Sa-môn Chi-cương-lương-lâu và Na-liên-da-xá, nhưng chỉ vì đời sau người viết mỗi có chuốt gọt khác nhau vậy".

Hoặc có thuyết hỏi: "Cớ sao Sa-môn Chi-cương-lương-lâu biết được rõ ràng như vậy?" Đáp: "Sa-môn Chi-cương-lương-lâu vốn người ở nước xứ Trung Thiên trúc, sống cách đời Tôn giả Sư Tử rất gần, và cũng từng thấy gặp Tôn giả Bà-xá-tư-đa, lại được cùng Tôn giả Đạt-ma-đạt bàn luận về việc ấy, nên sự thấy biết hẳn đầy đủ hoàn bị vậy". Còn như bộ "Xuất Tam Tạng Ký" là riêng được truyện ấy ở khoảng thời nhà Tề nhà Lương, nên Sa-môn Tăng Hựu nói: "Tát-bà-đa-bộ nguyên khởi ở Thiên trúc mà lưu truyền hoằng hóa đến nước Kế Tân. Nước Kế Tân là nơi Tôn giả Sư Tử hoằng hóa và cũng là nơi Tôn giả bị hại. Lời của Sa-môn Tăng Hựu rất rõ ràng vậy. Lại nói: "Bộ ấy riêng hành hóa tại đất Tề". Sa-môn Tăng Hựu là người đất Tề, và Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma là người Tây vức đầu tiên đến phương Đông và truyền bá tại đất Tề, Sa-môn Tăng Hựu ở tại nước đó bèn có được mà làm thành sách, chỉ mất tên người phiên dịch vậy. Nếu không như vậy thì Sa-môn Tăng Hựu theo đâu mà lưu truyền ư? Giả sử cho rằng do Thiền giả ở Chấn Đán (Trung Hoa) làm nên. Mà ở thời Sa-môn Tăng Hựu nào từng hơi có đệ tử của Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma ư? Lại từ đâu lưu xuất Tát-bà-đa-bộ mà người hành trì Luật biên thuật thành đó ư? Phàm biện luận về sự, hẳn dùng lý mà suy và dùng vết tích mà nghiệm, rồi sau đó bàn bạc xem đó có xác đáng chăng. Trái lại, thì tuy có Thần minh như Kỳ quy lấy gì như vậy.

Xưa trước, Thần Thanh dèm pha Thiền giả, mời bảo rằng: "Đạt-ma nghe hai người đệ tử của mình bị người Tần xua đuổi đến Lô sơn, nên mới tự đến đất Lương, người đất Lương đã không tin, trông nhìn hơi khí bèn đi đến đất Ngụy". Nhân đó lại dẫn Tôn giả Sư Tử chết lúc ấy tương đương với thời nhà Tề. Mà Tôn giả Bồ-đề-đạt-ma sai hai vị đệ tử vừa thuộc thời nhà Tấn. Bèn vì niên đại đó trái nhau mà bẻ gãy đó. Phàm, Tôn giả Sư Tử chết, lúc đó tương đương trong đời vua Phế Đế Tề vương (Tào Phương 240-254) thời Tiền Ngụy (theo âm lịch để tính thì lúc đó là năm Đinh mão (247), mà trong Bảo Lâm truyện sai nhầm viết là năm Kỷ mão (259). Tề Vương cũng là hiệu được phong của Tào Phương. Thần Thanh lại lấy làm về sau đến thời Nam Tề (479-502) chú thích trong sách của Thần Thanh cũng viết là Nam Tề). Còn với người mà Thần Thanh cho là bị người Tần xua đuổi, đó chánh là Sa-môn Phật-đà-bạt-đà. Sa-môn Phật-đà-bạt-đà thật giống như con của pháp môn Bồ-đề-đạt-ma. Nói là "nghe đệ tử bị xua đuổi, bèn tự đến đất

Lương”. Phàm, nơi Tổ sư đến là thuận theo Đại nhân duyên để truyện Phật tâm ấn, đâu riêng vì hai đệ tử bị xua đuổi mà đến ư? Lời nói ấy rất phi lý. Thần Thanh sao có thể lại lấy để khiến cùng sai trái? Nhưng đó chẳng đủ đáng cắt bỏ. Như Thần Thanh nói: “Chỉ pháp môn của Tổ sư, thiên hạ đều quy hướng về nhân vậy. Thiền đức tự cao, sao đợi truyền pháp sau đó mới làm Tông giáo ấy ư?” Lời của Thần Thanh giả sử đơn giản vậy, xưa kia Đức Như Lai sắp thị tịch, bảo Tôn giả Đại Ca-diếp rằng: “Ta đem chánh pháp nhãn tạng giao phó cho ông, ông nên tuyên truyền đó, chớ khiến dứt tuyệt”. Sau đó các bậc Đại Thánh nhân muốn tự mình đem chánh pháp truyền thừa, tự ta là chủ (Tông) của muôn đời, vì chánh chúng đông chứng, vì riêng khác đạo. Chẳng phải là việc nhỏ vậy. Nay lại bảo “sao đợi truyền pháp để làm chủ giáo”. Đâu phải tôi nhọc bảo vậy ư? Mà hẳn bởi chấp ở “Phú Pháp Tạng Truyện” để biện minh hai mươi tám đời Tổ sư, cho là do người đời sau nói quanh co vậy. Lại không thể hiểu “Đạt-ma-đa-la” là tên hợp cả pháp lẫn tục, mà cho là chẳng phải “Bồ-đề-đạt-ma nay vậy. Sao Thần Thanh chưa suy nghĩ đó vậy?

Phàm đọc sách mà không thể biện rành sự phải quấy của Đạo ấy, nghiên cứu gốc ngọn của việc ấy, đâu khác gì người gì người bán sách ở chợ, tuy có cả vạn quyển đâu bổ ích gì với điều nhận biết. Thần Thanh tự cho là hay viết sách phát minh mà học, lại không rõ như vậy thì đâu thể gọi là nhận biết cao xa ư? Như “Bảo Lâm Truyện”, trong đó biên ghi việc trao nhận tiếp thừa, họ tên đồng dị của các Tổ sư, cùng với quê quán nước nhà nơi xuất hiện, đại thể đồng như các sách khác. Quả thật đúng vậy, và tôi có lấy theo đó, chỉ các chi tiết nhỏ nhiệm các duyên khác dàn bày quá đáng, hoặc phiền rồi lại thêm sự lý trái nhau, hoặc trình bày sai nhầm đến nỗi không thể y cứ, đó hẳn là tiếp thừa từ chư Tăng Tây vức phiếm truyền chẳng xét mà người làm truyện không thể cắt bỏ đi. Tôi vừa lược bớt mà chẳng lấy vậy. Cũng như Thiền giả chất phác đơn lược, học thức chẳng đến, mới liền xa vời sai trái với văn, phiền lụy đến vết tích chân thật của tiên Thánh, không thể tin ở đời. Đó tuy muốn dàn bày mà trái lại càng cong cụt. Phàm viết sách là vì ban trải pháp đến vô cùng, hẳn cũng là việc thạnh của Thánh hiền, đâu có thể vọng vì học trò đời sau khéo muốn tự tên mình, trộm lấy vật người xưa mà đua nhau vì nơi đó, như thế biết hạn nào, Tôi thường vì đó mà chấm dứt, tuy không khả năng viết văn cao xa khẳng khái, nhưng đều muốn cắt các phiền tạp, khiến đạo của Đại Thánh nhân mở mang. Vừa lấy theo sách của các nhàn Thiền luật, tham tầm sự thật trong đó, biên

tu chỉnh sửa, với lý không xác đáng và ngôn từ lộn xộn tà ngụy thì cắt bỏ. Với điều xưa trước tuy thấy mà không hoài bị thì tham cứu điều thiếu sót ấy để làm rộng ra. Quyết đoán thì Đức Thích-ca Như Lai cho đến Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng; Tổ thứ sáu ở Trung Hoa, có cả thảy ba mươi bốn Thánh giả. Đức Thích-ca Như Lai là tiêu biểu, tiếp đến các Thánh thì vì đó truyền thừa, mãi đến sau đời Thiền sư Đại Giám -Tuệ Năng, pháp ấy đã truyền rộng, thì vì phân gia lược truyện chư Tổ. Hoặc giăng ngang lưu xuất đồ chúng thì làm truyện lưu xuất nối dõi gần kề. Với người có luận nghị về chánh tông được sự thật thì làm thành truyện Tông Chứng, cùng với các luận được trước thuật cả trước lẫn sau hơn bốn mươi Thiên và Tổ đồ ấy, khắc thành mười hai quyển, lấy tự đề là "Truyền Pháp Chánh Tông Ký".

THIÊN THỨ HAI

(Thiên này và hai thiên ở quyển hai tiếp tục thêm)

Ngày trước, Tôi dẫn bốn Tổ sư được biên ghi trong "Xuất Tam Tạng Ký" để chỉnh định sự sai lầm trong "Phú Pháp Tạng Truyện", mãi đến nay đã bảy năm. Nhưng điều ghi chép ở "Xuất Tam Tạng Ký" chỉ là khái lược, còn sợ chưa thể chấm dứt sự tranh cãi trong thiên hạ, vừa rồi, thấy trong Thiền Kinh" và lời tự trong "Tu Hạnh Địa Bất Tịnh Quán Kinh", nói về các Thánh truyền pháp quả thật có hai mươi tám Tổ sư đầy đủ vậy. Bà-xá-tư-đa trở xuống, bốn Tổ sư, tên hiệu rõ ràng như nhật nguyệt đang lên tỏa chiếu. Điều biên ghi của Sa-môn Tăng Hựu thật có căn bản, mà truyện của Cát-ca-la biên thuật khuyết thiếu, càng không đủ để khảo cứu, học giả cùng đồng đảng nói loạn ầm ỉ cũng có thể chấm dứt vậy.

Phàm, "Thiền Kinh" được lưu xuất từ Bồ-đề-đạt-ma mà do Phật-đà-bạt-đà phiên dịch, Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn đề lời tựa (trong lời tựa bản kinh ấy hoặc mất tên Pháp sư Tuệ Viễn, nhưng đến trong "Xuất Tam Tạng Ký" thì thấy đó rất rõ ràng). Lời tựa của "Bất Tịnh Quán Kinh" cũng so Sa-môn Tuệ Quán ở thời nhà Tống trước thuật. Đạt-ma là người tiếp nối dòng pháp từ Đức Như Lai truyền thừa xuống, Phật-đà-bạt-đà là đệ tử của Phật Đại Tiên, là như con trong pháp môn Đạt-ma. Pháp sư Tuệ Quán tiếp thừa từ Phật-đà-bạt-đà, Tuệ Quán lại là đệ tử của Bạt-đà, nên điều của Tuệ Quán nói về Tổ và Tông của mình hẳn rất rõ ràng đầy đủ vậy.

Trong "Thiền Kinh" nói: "Sau khi Đức Như Lai diệt độ, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, Tôn giả Mạt-điền-địa, Tôn giả Xá-na-bà-tư (đây tức Thương-na-hòa-tu), Tôn giả Ưu-ba-quật (tức là Cúc-đa), Tôn giả Bà-tu-mật, Tôn giả Tăng-già Hựu (trong kinh tạng ở Linh ẩn, dưới "Tăng-già" biên là chữ "Hựu". Mới đầu tức là lấy nghĩa của chữ "Hựu" ấy, sau thấy ở các kinh khác, viết là "Tăng-già-la-xoa", nên lại xét chữ "Hựu" trước là sai lầm vậy. Nhưng, "Tăng-già-la-xoa" tức là Tổ được lưu xuất nối dõi dòng pháp gần kề Tôn giả Sư Tử trong chánh tông chúng ta, biện luận trong văn Tôi giải bày về sai lầm rất rõ ràng vậy), Tôn giả Ma-noa-la (Tôi thường biện giải đó đáng xưng là Bà-la-đa-la Tổ thứ hai mươi lăm. Ở đó cho là "Hựu Tôn giả", đó hẳn cho rằng Tổ thứ hai mươi lăm lại tiếp thừa từ Tôn giả Sư Tử Tổ thứ hai mươi bốn. Việc tương thừa kế tiếp ấy chưa từng dứt tuyệt vậy. Nay kinh ấy vốn hoặc nói là "Đạt-ma-đa-la" bởi đời sau truyền ghi sai lầm vậy.

Nếu Đạt-ma-đa-la tức là người nói kinh ấy, là đệ tử được Bất-như-đa-la truyền pháp. Đâu có đệ tử nói pháp mà đối trước thầy mình, tự xưng là Tôn giả ư? Biên ghi là Đạt-ma-đa-la cũng chữ cùng gần với Bà-la-đa-la vậy. Các bậc Cổ đức cũng có biện giải đó. Còn gọi là "Ma-noa-la", sợ cũng chưa phải vậy. Nay đây tạm theo Tiên đức vậy). Cho đến Tôn giả Bất-như-mật-đa-la (chỉ chữ "Đa-mật" so với "Truyền Đăng Lục" và các thuyết có khác vậy). Các vị Trì pháp dùng đèn tuệ đây lần lượt truyền trao. Nay tôi như chỗ nghe mà nói nghĩa ấy. Như trong "Thiền Kinh" xưng gọi Tôn giả Đại Ca-diếp tức là Tổ thứ nhất trong chánh tông chúng ta vậy. Trong đó (Thiền Kinh) viết: "Cho đến Tôn giả Bất-như-mật-đa-la", tức Tổ thứ hai mươi bảy trong chánh tông chúng ta vậy, cùng người đệ tử nói kinh tức là Đạt-ma-đa-la là Tổ thứ hai mươi tám trong chánh tông chúng ta vậy.

Theo các thuyết trong "Bảo Lâm Truyện", "Truyền Đăng Lục" nêu bày hai mươi tám Tổ sư, so sánh về danh số thì chưa từng sai vậy. Ở Thiền Kinh chẳng lấy theo thứ tự, mà mỗi mỗi xưng tên của chư Tổ, hẳn đương thời muốn chuyên việc thuyết pháp, lược nêu như ấy vậy. Chỉ nêu bày người đầu tiên và người cuối cùng, thì các Tổ sư khác ở khoảng giữ ấy hẳn có thể biết vậy.

Trong lời tựa của "Tu Hành Địa Bất Tịnh Quán Kinh" viết rằng: "Truyền pháp này đến Kế Tân (Kế Tân tức nước, nơi Tôn giả Sư Tử hoằng hóa) chuyển đến Phú-nhã-mật-đa (tức Bất-như-mật-đa), Phú-nhã-mật-đa cũng hết các lậu hoặc, đầy đủ Lục thông, sau đó tiếp đến đệ tử là Phú-nhã-la (tức Bát-nhã-đa-la) cũng chứng đắc ứng chân (tức A-la-hán), hai người đó ở trong nước Kế Tân làm Đệ nhất giáo chủ (căn cứ theo "Bảo Lâm Truyện" và "Truyền Đăng Lục" nói là hai Tôn giả này hưng thạnh hoằng hóa tại Đông Thiên trúc và Nam Thiên trúc. Ở đây nói là giáo chủ ở Kế Tân, hẳn là Tăng Đồ ở Kế Tân suy tôn kính ngưỡng người ấy làm Tông thủ của pháp họ tiếp nhận. Hoặc sợ rằng hai người ấy cũng thường qua lại nước Kế Tân vậy). Phú-nhã-mật-đa thị tịch đã hơn năm mươi năm, đệ tử mới vừa thị tịch hơn hai mươi năm. (Pháp sư Tuệ Quán là đệ tử của Bạt-đà, hai người ấy đồng thị tịch tại đất Tống. Nay trong lời tựa của kinh, Pháp sư Tuệ Quán suy tôn Tổ tông của mình tiếp thừa dòng pháp cùng với Bạt-đà phiên dịch tại Lô sơn đều đồng, chỉ đề mục của kinh ấy lại khác. Lại suy cứu về năm thị tịch của hai Tổ sư Phú-nhã-mật-đa và Phú-nhã-la cùng trong hai sách "Bảo Lâm Truyện" và "Truyền Đăng Lục", trước sau có sai lầm. Hoặc về sau Bạt-đà thì Pháp sư Tuệ Quán phiên dịch lại văn kinh ấy, mà tự đề

lời tựa đó, hoặc tiếp thừa từ phiếm truyền nói về Phú-nhã-la thị tịch mà bèn biên ghi đó, hoặc "Bảo Lâm Truyện" là Pháp sư Tuệ Quán nghe từ chư Tăng Tây vức. Hoặc bộ loại Tông tỉnh chẳng đồng. Hoặc phiềm truyền từ năm xứ Thiên trúc không đích xác. Hoặc truyền đến xứ này (Trung Hoa) về niên Đại thừa xa, hoặc trải qua thời gian phá hủy Phật giáo mà người truyền ghi nhầm lẫn đến nỗi sai lầm như vậy ư? Chỉ lấy về năm Tông tổ thật sự thị tịch của nơi tiếp thừa dòng pháp, tuy hơi sai nhầm cũng không lắm không ngại, như các nhà nói về ngày Phật Đản sinh cũng không đồng nhất, đâu có thể bèn cho là chẳng phải Phật của chúng ta ư? Căn cứ theo truyện Sa-môn Tuệ Kiểu nói: "Bạt-đà thị tịch năm nguyên gia thứ sáu (429) thời Tiền Tống, mà đến năm Nguyên Gia thứ mười ba (436) thời Tiền Tống, Pháp sư Tuệ Quán mời chế tác lời tựa kinh Thắng Man". Biết Tuệ Quán thị tịch sau Bạt-đà vậy. Đàm-ma-đa-la Bồ-tát (tức là Đạt-ma-đa-la) cùng Phật-đà-tư-na (tức Phật Đại Tiên) đều cùng tham học chứng đắc cao thắng, tuyên dương pháp bản. Phật-đà-tư-na hoằng hóa ở Kế Tân làm đệ tam huấn thủ (lời tựa đó cùng lời tựa của Pháp sư Tuệ Viễn đều thấy trong "Xuất Tam Tạng Ký" quyển thứ chín). Như Pháp sư Tuệ Quán nói "Phú-nhã-mật-đa" cũng là Tổ thứ hai mươi sáu trong chánh tông chúng ta, nói "Phú-nhã-la", cũng là Tổ thứ hai mươi bảy trong chánh tông chúng sinh, nói "Đàm-ma-đa-la Bồ-tát", cũng là Tổ thứ hai mươi tám trong chánh tông chúng ta, nói "Phật-đà-tư-na", tức là Phật Đại Tiên; bạn cùng bẩm học với Bồ-đề-đạt-ma. Nói "Truyền pháp này đến Kế Tân, rồi chuyển đến Phú-nhã-mật-đa" là bởi vì đầu tiên Tôn giả Sư Tử Tổ thứ hai mươi bốn truyền đến nước Kế Tân, và lại từ Tôn giả Bà-xá-tư-đa tổ thứ hai mươi lăm triển chuyển truyền đến Tổ thứ hai mươi sáu. Đó chẳng hẳn đều liệt bày ư? Tên của hai Tổ sư Sư Tử và (Bà-xá)-tư-đa trong văn muốn lược nêu. Chỉ văn tự ở hai sách hơi khác, hoặc đầy đủ hoặc lược nêu, cùng với các thuyết trong tông môn hiện nay có khác chút ít, bởi vì phiên dịch có xứ đất sở, xứ tại Trung Hoa vậy.

Căn cứ theo "Cao Tăng Truyện" của Sa-môn Tuệ Kiểu nói: "Phật-đà-bạt-đà-la thọ học từ đại Thiền sư Phật Đại Tiên (trong truyện hoặc viết là chữ "Quang" là sai nhầm vậy) mới đầu ở nước Kế Tân, do Sa-môn Trí Nghiêm thỉnh mời bèn cùng đến phương Đông. Lúc đầu đến Trường sa nơi Tam Tạng Pháp sư La-thập, từng cùng La-thập luận nghị, cùng được rất tốt lành, Phật-đà-bạt-đà-la từng bảo La-thập rằng: "Ông phiên dịch chẳng vượt ngoài ý người, mà sao danh tiếng vang cao vậy ư?" La-thập đáp: "Vì tôi tuổi già nêu vậy, nào hẳn hay xưng đàm luận

hay khéo”. Về sau, vì chư Tăng ở đất Tần lấy sự cẩu thả bài xích, Bạt-đà bèn đến nơi Pháp sư Tuệ Viễn ở Lô sơn, Pháp sư Tuệ Viễn vì gởi thư cởi mở sự xua đuổi, nhân đó cùng phiên dịch Thiền kinh”.

Trong “Truyện Bạt-đà” ở “Xuất Tam Tạng Ký” của Sa-môn Tăng Hựu, cũng nói: “Ở Lô sơn, cùng Viễn Công phiên dịch các kinh thiền số, nay triều đình nhà nước ấn bản Thiền kinh. Ở đầu đề viết là “Thời Đông Tấn, Tam Tạng Pháp Sư Phật-đà-bạt-đà-la phiên dịch”. Đó đủ rõ là Phật-đà-bạt-đà-la cùng Pháp sư Tuệ Viễn đồng phiên dịch. Nói “Bạt-đà thọ học ở Đại Thiền sư Phật Đại Tiên”, Phật Đại Tiên vốn là đệ tử thọ pháp ở Tôn giả Bát-nhã-đa-la Tổ thứ hai mươi bảy, cùng với Bồ-đề-đạt-ma Tổ thứ hai mươi tám đồng là huynh đệ nối dõi dòng pháp. Nên trong lời tựa “Thiền Kinh”, Pháp sư Tuệ Viễn viết: “Nay kinh được phiên dịch là phát xuất từ Đạt-ma-đa-la và Phật Đại Tiên, người ấy là bậc tuấn kiệt ở Tây vức làm chủ dạy răn thiền pháp”.

Theo “Bảo Lâm Truyện” nói: “Phật Đại Tiên là đệ tử của Bạt-đà, Bồ-đề-đạt-ma mới đầu cũng học Thiền quán Tiểu thừa ở Bạt-đà. Về sau, cùng Phật Đại Tiên đồng bẩm thọ Đại pháp nói Bát-nhã-đa-la. Như phàm phu Tiểu thừa thì lẫn lộn vì làm thầy trò cho nhau, tợ như Cưu-ma-la-thập cùng với Bàn-đầu-đạt-đa vậy, tại Tây vức có lắm nhiều, đâu riêng gì Đạt-ma mới đầu cũng hơi hỏi Thiền quán ở Bạt-đà, về sau Bạt-đà lại tỏ ngộ đại pháp từ Đạt-ma ư? Mà lời cả hai sách đều vậy. Nhưng đó tuy là pháp Tiểu thừa cũng sợ rằng Thánh nhân hiện bày hẳn có thầy tiếp thừa vậy. Như trong ký truyện nói là Đạt-ma tức Quán Thế Âm Bồ-tát ứng hiện, vừa mới bảy tuổi liền biết điển pháp bốn bộ Vệ Đà, Ngũ Minh Tập, kính mộ Đại pháp, bèn thông rành Tam Tạng, rất khéo giỏi Thiền định, nào phải hẳn nhờ học nơi người ư? Phàm, thuyết của “Bảo Lâm Truyện” cũng với “Thiền Kinh” thật rất gần nhau, chỉ nơi lời tựa đặt ghi tợ như trái ngược vậy. Hoặc giả “Bảo Lâm Truyện” chư Tăng Tây vức truyền đến chưa tinh tường ư? Dùng “Thiền Kinh” mà đoàn đó theo lý thì không thấy kinh ấy cho đệ tử vậy. Nay, Bạt-đà truyền dịch “Thiền Kinh” của Đạt-ma, và Bạt-đà là học trò của Đạt-ma. Tôi hẳn lấy theo lời của Pháp sư Tuệ Viễn và Sa-môn Tuệ Kiểu làm rõ ràng vậy. Suy cứu thì Bạt-đà quả thật là đệ tử của Phật Đại Tiên và là pháp diệt của Đạt-ma. Trong lời tựa kinh, Sa-môn Tuệ Quán cũng nói: “Đàm-ma-la đem pháp yếu này truyền trao cho Bà-đà-la. (Bà-đà-la tức Bạt-đà-la. Theo Bảo Lâm Truyện chỉ xưng là Bạt-đà tức chỉ Bát-nhã-đa-la, hiện ở xứ Nam Thiên trúc chưa thấy truyền pháp nên Bảo Lâm truyện cũng chưa thể lấy làm y cứ). Nay Phật-đà-bạt-đà truyền

kinh của các cha ông (thầy tổ), nêu bày tên họ của Tổ sư, hẳn cũng thân gần không sai lầm vậy".

Trong "Bảo Lâm Truyện" nói: "Phật-đà-bạt-đà từng nói cùng Pháp sư Tuệ Viễn rằng: "Ở Tây vức đã có hai mươi bảy đời Tổ sư, mà Bất-như-mật-đa mới đến hoằng hóa ở nước xứ Nam Thiên trúc". Lấy đó mà kiểm hiểu vậy, (Bất-như-mật-đa hiện còn, Đạt-ma chưa nối dõi làm Tổ nên chưa nêu xưng). Trong "Truyện Phật-đà-bạt-đà" nói: "Bạt-đà đã bị chư Tăng đất Tần xua đuổi, bèn cùng các đệ tử như Sa-môn Tuệ Quán v.v... cả thảy hơn bốn mươi vị đều ra đi, mà thần trí vẫn thong dong như mới đầu sắc mặt không đổi khác". Nghiệm đó thì trong lời tựa của Tuệ Quán thuật về Tông Tổ ước cũng thành đạt từ Phật-đà-bạt-đà vậy. Rõ ràng qua ý lời tựa đó thì "Bất Tịnh Quán Kinh" nên cùng với "Thiền Kinh" là một, chỉ vì chưa thấy được nguyên bản nên chẳng liền cắt dứt. Xét về thời gian của Bạt-đà phiên dịch kinh, tức khoảng năm Nghĩa Hy thứ bảy -tám (411-402) trong đời vua An Đế (Tư-mã-đức-tông 397-420) thời Đông Tấn, mà Bồ-đề Đạt-ma đến Nam Lương vừa khoảng đầu niên hiệu Phổ Thông (520), về số năm trước sau chẳng những cách cả trăm năm. Đó bởi vì Đạt-ma sống thọ vượt ngoài số thường nên vậy. Nên trong văn bia Đạt-ma, vua Võ Đế (Tiêu Diễn 502-550) thời Nam Lương viết rằng: "Quyết hẳn Đạt-ma sống thọ một trăm năm mươi tuổi (trong tục "Cao Tăng Truyện" cũng nói như vậy). vua Võ Đế đem việc người đời bình thường mà nói như thế, cái nếu Đạt-ma chết, đã an táng sau đó lại xách chiếc giày trở về Tây vức, thì sao có thể dùng số năm mà tính toán về tuổi thọ đó ư? Tôi thường suy tính về năm mà Bạt-đà phiên dịch kinh, mà Đạt-ma lúc ấy đang vừa hai mươi bảy tuổi. Châm chước về Đạt-ma diễn nói: "Thiền Kinh" hẳn là trước đó vậy. Trong lời tựa nói: "Tuấn Kiệt ở Tây vức, chủ giảng thiền pháp". Đó hẳn là Bạt-đà biết Thánh nhân ấy (Đạt-ma) có nhân duyên lớn với đời, sẽ tiếp nối làm Tổ thiền, dự ghi cùng Pháp sư Tuệ Viễn mà nói như vậy. Nhưng Bạt-đà tự cũng là người không thể lường biết. Nên Bạt-đà biết Đạt-ma là Thánh nhân vậy.

Nếu chẳng là Thánh chúng truyền pháp, thì sự tích ấy mới từ Sa-môn Chi-cương-lương-lâu biên dịch làm sách đề là "Tục Pháp Truyện", đến lúc Thác Bạt Đào (Thái Võ đế 424-452) thời Bắc Tống phá hủy Phật giáo, sách của Sa-môn Chi-cương-lương-lâu bèn bị ẩn mất. Sau đó có đồng bạn Sa-môn Đàm Diệu Cát-la-dạ lại biên tập thành sách, biên chép trong đó hoặc đầy đủ hoàn toàn hoặc khuyết thiếu. Về sau đến đời Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu, Võ Tông (Lý Viêm 841-

860) thời Tiền Đường, phá hủy Phật giáo, sách ấy lại mất. Đến người đời sau nữa tuy lại tham tầm gom nhặt mỗi tự lấy làm thành sách mà hoàn toàn hay khuyết thiếu càng sai. Xưa nay người biện giải việc này tuy nhiều, viện dẫn phiền tạp, đều chẳng đủ để quyết đoán, chẳng như nay lấy "Thiền Kinh", cùng với lời tựa của Tuệ Quán chứng minh đó làm rõ ràng. Nhưng điều chấp ở đời vì tranh lấy tông môn của chúng ta rất suy trọng ở "Phú Pháp Tạng Truyện" vậy. Nay khảo xét sách ấy thì được hoàn thành trong năm Diên Hưng thứ hai (472) thời Bắc Ngụy. Mà Phật-đà-bạt-đà phiên dịch "Thiền Kinh" xuất hiện khoảng năm Nghĩa Hy thứ bảy -tám (411-412) thời Đông Tấn. Và niên hiệu Nghĩa Hy so với niên hiệu Diên Hưng đã trước sáu mươi hai năm. (Phiên dịch "Thiền Kinh" khoảng năm Nghĩa Hy thứ bảy -tám (411-412) thời Đông Tấn, là căn cứ theo truyện Bạt-đà trong "Xuất Tam Tạng Ký" của Sa-môn Tăng Hựu nói: "Đến Lô sơn, từ mùa Hạ đến mùa Đông, phiên dịch Thiền kinh, tức lấy năm Nghĩa Hy thứ tám (412), xong bèn đến kinh châu". Trong "Cao Tăng Truyện" của Sa-môn Tuệ Khiểu cũng nói: "Bạt-đà đến Lô sơn dừng ở khoảng một năm, sau đó lại theo hướng Tây đến Giang lăng". Còn "Phú Pháp Tạng Truyện" sau đó xuất hiện trong năm Diên Hưng thứ hai (472) thời Bắc Ngụy, tức thấy ghi ở đầu sách ấy vậy). Như vậy thì "Thiền Kinh) thật trước đã thấy ở Nam triều, mà "Phú Pháp Tạng Truyện" sau mới xuất hiện sau khi Bắc triều phá hủy Phật pháp vậy, mà nay riêng chấp ở một phương, sau đó biên xuất sách bổ khuyết sự mất mát để chống kháng toàn bản thấy trước, có thể là xác đáng chăng?

Có thuyết nói: "Sa-môn Chi-cương-lương-lâu trước làm "Tục Pháp Truyện", nguyên có hai mươi lăm Tổ sư. Đến Tôn giả Bà-xá-tư-đa, nghĩa là người truyền pháp, đến đời Tỳ-kheo Sư Tử tức dứt tuyệt". Lại nói: "Cát-phất-yên cùng Đàm Diệu đồng thời riêng chỉnh tu đó, làm "Ngũ Minh Tập" (bởi rộng ở "Phú Pháp Tạng Truyện" vậy. Cát-phất-yên cũng là Cát-ca-dạ vậy), cũng cho là có hai mươi bảy đời Tổ sư, chẳng dừng nói. Tôn giả Sư Tử mà thôi vậy. Trong đó, điểm khuyết thiếu là bởi do Đàm Diệu mới đầu gặp nạn vua Thái Võ Đế (Thác Bạt Đào (424-452) thời Bắc Ngụy phá hủy Phật giáo, vội vàng biên ghi đơn giản (đơn lục), chạy trốn nơi núi đầm, mà mất đó vậy. Nay lấy "Thiền Kinh" và lời tựa của Tuệ Quán chỗ đầy đủ hai mươi tám đời Tổ sư để nghiệm chỗ gọi là "nguyên có đó vậy", quả nhiên tương truyền chẳng sai lầm. Lỗi quá ấy thật do Sa-môn Đàm Diệu tạo nên. "Ngũ Minh Tập lại cũng chẳng thấy, tuy có người hơi được đó, hoặc riêng đặt danh

mục đó, đồng loại như “Bảo Lâm Truyện”, “Thánh Trụ Tập” v.v... Lại không xếp đặt tên họ người phiên dịch, đời sau lại không thể khảo cứu sự thật đó, chỉ cho Đàm Diệu trước biên tập, liền cùng Cát-ca-dạ, nêu xuất tên hai người ấy. Nhưng sách của Cát-ca-dạ cũng chẳng phải chánh bản đó, hẳn có thể thấy vậy. Học giả không biết chỉ thấy sách đó nói: “Tỳ-kheo Sư Tử bị vua nước Kế Tân tin theo tà kiến, nhân dùng kiếm bèn chém chặt, trong đầu Tỳ-kheo Sư Tử không có huyết, chỉ dòng sữa trắng đổ chảy, người cùng trao truyền pháp từ đó bèn dứt tuyệt”. Mới cho là đúng vậy, rất không biết, Tông đảng bạn học xưa kia, nên vì thuyết ấy cùng khi miệt để dấy khởi sự thông tin ở đời sau. Giả sử khiến có sự thật không người cùng trao truyền pháp, mà thức giả thẳng bút chỉ không viết người tiếp thừa pháp thì mọi người cũng tự thấy khuyết mất, sao phải viết ngay bèn dứt tuyệt ư? Lời nói ấy thật quá đáng mà lại phàm tục, thật là phá diệt Phật giáo về sau chẳng thể gấp. May truyện trước mất gốc, nhân việc của Tôn giả Sư Tử mà vọng làm nối dõi đó, gá vào tên của Phạm tăng Cát-ca-dạ để lưu hành, nhưng Cát-ca-dạ cũng tức là Cát-phất-yên. Các nhà cho rằng Cát-phất-yên từng làm “Ngũ Minh Tập”, chẳng dừng ở hai mươi bốn đời Tổ sư. Lấy đó mà nghiệm thì “Phú Pháp Tạng Truyện” gá mượn Cát-ca-dạ, đó chẳng phải ư? Giả sử đương thời, Sa-môn Đàm Diệu không làm, cũng sau khi vua Võ Đế (Võ Văn Ung 561-579) thời Bắc Chu phá diệt Phật giáo, mà người ấy liền làm hẳn vậy. Không như vậy thì “Thiền Kinh” và “Xuất Tam Tạng Ký” đều đầy đủ hoàn bị, mà đây (Phú Pháp Tạng Truyện) sao đặc biệt lại không ư? Tôi thường nói sách sai lầm ấy có thể đốt bỏ vậy (tức Phú Pháp Tạng truyện).

■

TRUYỀN PHÁP CHÁNH TÔNG LUẬN

QUYỂN 2

THIÊN THỨ BA

Có người khách nói với Tôi rằng: "Chánh tông của chúng ta lấy tâm truyền tâm mà thôi. Cớ sao ông hẳn lấy "Thiền Kinh", nghĩa là thế nào?" Đáp: "Tôi lấy "Thiền Kinh", vì trong đó nêu bày danh số Tổ sư rất hoàn bị, có yếu chỉ vi diệp rất hợp với chánh tông của chúng ta. Đại sư Lô Sơn tố thuật chánh tông rất rõ ràng, mà lời tựa của Tuệ Quán cũng vậy. Sách tôi từ đó suy cứu để làm chứng cứ. Tôi chẳng phải học "Thiền Kinh" mà chuyên lấy làm ý vậy". Người khách lại hỏi: "Danh số của Tổ sư thì thấy đó vậy, mà Lô Sơn (Pháp sư Tuệ Viễn) tố thuật rất rõ ràng, nghĩa là thế nào?" Đáp: "Căn cứ theo trong "Xuất Tam Tạng Ký" của Sa-môn Tăng Hựu ghi rằng: "Tại Lô sơn, phiên dịch "Tu Hành Phương Tiện Thiền Kinh" tổng tựa do Thích Tuệ Viễn thuật", đến lúc khảo xét lời tựa ấy, tìm cầu ý đích xác, thì ở đó có nói: "Phàm dấy khởi của ba nghiệp, lấy Thiền trí làm tông". Lại có nói: "Lý Huyền, số rộng Đạo ẩn nơi văn, thì A-nan khúc thừa Âm Chiếu (trong kinh bản, hoặc viết là "Âm Chiếu", bởi bút viết người đời sau truyền ghi sai lầm vậy. Tôi khảo xét trong "khuôn sơn tập" của Viễn Công, thấy Tổng tựa của Thiền kinh, thật viết là "Chỉ Chiếu". Trong "Phổ Hiền Hạnh Nguyện Sớ" của Khuê Phong cũng xưng là "Chỉ Chiếu". Đó hẳn do Khuê Phong y cứ vào tựa kinh bản cổ đã sa thải trước thời Bắc Chu, Tiền Đường vậy, tức nói "khúc thừa chỉ chiếu". Khúc thì nghĩa là nhỏ nhiệm kín chặt, cón nói "Âm Chiếu" thì nghĩa đó đâu phải là vi mật ư? Trong lời tựa "Bất Tịnh Quán Kinh", Pháp sư Tuệ Quán cũng viết là "Khúc Phụng Thánh Chỉ". "Bất Tịnh Quán Kinh" tức là "Thiền Kinh". Mới đầu, Khế Tung kẻ phàm ngu tôi chưa dám cải đổi liền văn của Đại Tạng Quốc Bản, sau đây mới lấy lấy chỉ chiếu làm rõ. Xin vì làm chuẩn định của trăm đời vậy). Ngu chẳng phải người ấy, hẳn là Linh phủ ẩn tàng, tâm người nào không đáng khuôn phép. Nó biến hóa lắm phương, số không

định tượng, đợi cảm mà ứng cho nên hóa hành ở Thiên trúc. Ngậm đó có khéo giỏi, u quan chẳng mở, hiếm lén thấy sân nhà. Từ đó mà quán xét, thì Lý có hành tàng, đạo không hư truyền, sở dĩ có vậy, sau khi Đức Như Lai nhập Niết-bàn không bao lâu, A-nan truyền pháp ấy cùng ban hành cho đệ tử Mạt-điền-địa, Mạt-điền-địa lại truyền cho Xá-na-bà-tư. Ba vị Ứng thân (A-la-hán) ấy đều thừa chí nguyện thầm khế hợp từ xưa, công vượt ngoài lời, điều kinh không biện giải, hẳn là khuôn phép tối Nguyên tượng (Nguyên tượng dụ cho Đức Phật), yếu đuối không sai. Sau đó có Ưu-ba-quật, mềm yếu mà siêu ngộ, trí trọn làm mô phạm cho đời, tài cao ứng ít, chạm lý theo giản đơn, tám vạn pháp tạng, còn lại chỉ cốt yếu, phân chia năm bộ có bắt đầu từ đó. Nhân đó mà suy thì hẳn biết hình vận vì phế hưng từ điềm thần dụng, thì bước ngầm không vết, động khéo khó tìm, giẫm trải thô bày sinh khác. Có thể chẳng thận trọng ư? Có thể chẳng thẩm xét ư? Từ đó trở lại, cảm ở sự biến nghĩ nhớ pháp cũ. Tầm học trong ngũ bộ đều có con người ấy, đều có con người ấy, đều sợ đại pháp sắp suy đồi, Lý sâu bùi ngùi đó, bèn tự mỗi thuật tán thán "Thiền Kinh" để làm sáng lớn nghiệp ấy (tán thán thiền kinh, chẳng phải văn kinh, mà là pháp yếu của kinh đó). Có thuyết nói: "Tìm cành kiếm rễ thì đông nhiều, bao gồm gốc chuyển ngọn thì hiếm ít, hoặc sắp kịp mà chẳng thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến". Có thuyết nói: "Nguyên phàm Thánh chỉ chẳng nhọc toàn sở trường đó, cũng do vì tìm cầu sở đoản ấy. N`ếu vậy, thì ngũ bộ khác nghiệp còn ở người ấy, người chẳng nối dõi, đạo hoặc thạnh suy, hưng phế có lúc, thì lẫn lộn cùng lên xuống, mục của Đại tiểu đó có thể định ư? Lại nữa, đại tiết khéo biến, xuất xứ không ngằn, ẩn danh giấu vết không nghe không bày. Với người như thế lại không thể đem phân danh bộ. Đã không chỗ phân danh bộ, cũng chẳng vượt ra ngoài đó, riêng có Tông minh vậy". Có thuyết nói: "Kinh phiên dịch của hiện nay xuất phát từ Đạt-ma-đa-la cùng Phật Đại Tiên, người ấy là bậc tuấn kiệt ở Tây vức là chủ chốt dạy răn thiền pháp. Rút nhóm kinh cốt yếu khuyến phát Đại thừa". Có thuyết nói: "Nếu chẳng là Đạo trùm ba thừa, Trí thông mười địa, ai có thể thấu suốt huyền căn nói pháp thân, quy tông nhất nơi vô tướng, lắng mà không sót chiếu, động mà chẳng lìa tịch đó thay! Nay thuyết đầu số này, há chẳng do A-nan, Cúc-đa khúc thừa chỉ chiếu, đợi người ấy mà kín cùng trao nhận, điều gọi là công ở ngoài lời, chỗ kinh chẳng biện giải, bao gồm cả một Đại tạng giáo của Đức Phật Thích-ca văn chúng ta. Nào kinh nào luật nào luận, người học ba tạng ấy không gì chẳng do đây mà thấu đạt vậy. Điều mà Sa-môn Tăng Hựu gọi là Tổng tựa, đây

là do vì ấy vậy. Trong "Cao Tăng Truyện" của Sa-môn Tuệ Kiểu nói là Phật-đà-bạt-đà bỏ đất Tần ra đi gặp Viễn Công ở Lô sơn, phiên dịch các kinh thiền số". Truyện Bạt-đà trong "Xuất Tam Tạng Ký" của Sa-môn Tăng Hựu cũng nói: "Thường cùng Viễn Công phiên dịch "Thiền Kinh" này, mà Viễn Công là do từ Bạt-đà truyền trao pháp yếu ấy, Bạt-đà thì thọ học từ Đạt-ma". Nên trong lời tựa đó thuật là rộng lớn vi diệu bí mật như vậy, bởi phát minh kinh ấy lấy tâm làm chủ vậy. Đây đáng gọi là người biết được rõ ràng Chánh Tông chúng ta vậy. Trong khoa "Luận Thiền" ở bộ "Đại Tống Cao Tăng Truyện" nói: "Phàm, giáo pháp diễn giảng tại Sân Hán, tên của cực chứng chưa hiển bày, phong hành tại Lô phụ, học Thiền na bắt đầu nẩy mầm. Phật-đà-thập bị người đất Tần xua đuổi mà đến, Bát-nhã-đa đến từ trong thời nhà Tấn. Bấy giờ Viễn Công kín truyền tọa pháp sâu cứng huyền cơ, dần nhiễm thi hành, nương trái (y vi) tố thuật". Trong đó nói "nương" (y) tức có nghĩa nương theo pháp yếu, còn "vi (trái)" có nghĩa là trái với giáo tích, xét nghiệm đó thì Viễn Công truyền huyền yếu ở Bạt-đà, há chẳng đúng vậy ư? (Chỗ dùng "Phật-đà" và "Bát-nhã" của nhà viết truyện, tợ như hai người này đều đã đến Lô sơn, thì Viễn Công kín truyền quả được từ ai? Theo chỗ nêu bày trong hai truyện của Sa-môn Tuệ Kiểu và Tăng Hựu cũng không thấy nói có Bát-nhã đồng đến, nhưng điều nêu dẫn của nhà viết truyện ấy sợ không đầu mối thẩm xét. Ninh Công cũng thiếu suy nghĩ đó. Nay lấy phiên dịch đó mà đoán thì Viễn Công đáng truyền ở Bạt-đà, Bạt-đà thì đạt được từ Đạt-ma. Trong lời tựa của Tuệ Quán trình bày rõ ràng vậy. Nhưng "Bát-nhã-đa" đó tợ như gần giống tên Tổ thứ hai mươi bảy, song, lấy theo truyện ký để chứng minh thì Tổ thứ hai mươi bảy, chưa từng nghe có đến đất Tấn, và cũng chỉ thị tịch tại Thiên trúc. Nếu như Thánh nhân ấy chợt đến chợt đi, thì quả nhiên trước đã từng dùng sức thần thông mà lại, vì Thiền tông của Đạt-ma mà nêu bày gốc. Đối với thống nhiếp đây, thật không thể lường biết vậy. Nếu không như vậy thì thật tự có một Bát-nhã-đa, hoặc chi phái của các Tổ trước đến lộ bày thiền chỉ ấy vậy, sau hoặc có lấy sự tích này mà luận bàn, xin lấy lời ghi chú của Tôi mà chỉnh định đó. Đương thời của Viễn Công, Đạt-ma chưa đến, kín truyền thuyết cực chứng, mà người Trung Hoa chưa bắt đầu hỏi nghe. Lô Sơn tuy tự thấu đạt đó, bèn phát thì kinh hãi, chúng sinh phỉ báng, liệu không thể riêng dấy khởi, gặp lưu xuất kinh ấy (Thiền Kinh), bèn nhân đó mà phát động. Nhưng thuyết đó càng cao huyền so với văn của các kinh hoặc chẳng cùng loại. Ý ấy tại trong bí yếu của kinh đó, không nên chuyên cầu khư khư nơi khoảng ba

số muôn văn tự mà thôi vậy. Nếu đó nói A-nan khúc thừa chỉ chiếu, chẳng loại kinh ấy, mà đầu tiên xưng là đại Ca-diếp, là hẳn đặc biệt muốn rõ A-nan truyền ngoài kinh giáo của Phật mà riêng thọ huyền chỉ đây. Nếu không như vậy thì sao liền cùng với kinh tương phản ư? Lời tựa của Tuệ Quán, đại khái tuy đồng với thuyết của Lô Sơn, mà đề mục kinh ấy, cùng với người đầu tiên nói kinh, mờ mịt chẳng thể biện rành. Tôi chẳng suy tầm đến cùng lấy làm đốc luận, chỉ tán thán Tuệ Quán đặc biệt đầy đủ danh số Tổ sư cùng đồng loại như Thánh tông chúng ta. Lại lấy điều Tuệ Quán nói là: "A-nan khúc phụng Thánh chỉ lưu hành ngàn năm". Lại nói: "Đàm-ma-la đem pháp yếu này truyền cho Phù-đà-la. Phù-đà-la cùng Phật-đà-tư-na xót thương chiên đàn đây không thấy đáng tập (chân tập khả sư), bèn lưu truyền pháp này đến Đông châu". Đó tợ như gần với chánh tông của chúng ta vậy. Nhưng ngay thời của Tuệ Quán, Phật pháp lưu truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa) đã hơn ba trăm bảy mươi năm. Lưu truyền đến đó gồm cả các kinh luận lớn cũng rất hoàn bị, sao mượn một kinh "Bất Tịnh Quán" mà vì làm thầy ư? Ở đó nói: "không thầy đáng tập (vô chân tập khả sư", chánh vì ở Trung Hoa mới đầu tuy có pháp cực chứng bí mật vì làm mô phạm cho người học giáo đây vậy". Lại có người hỏi: "Sao gọi là "thiền kinh có vi chỉ hợp với chánh tông của chúng ta ư?" Đáp: "Trong "Thiền Kinh" nói: "Phật dạy, muốn cầu A-tỷ-tam-muội-da (nguyên chú nói đây là tên của kiến đạo), nên làm Đạt-ma-ma-na-tư-già-la, thường quán thật nghĩa đó, dùng dao Thánh hạnh chém trừ giặc âm, chẳng như yếu kém không thể báo thù, bị kia làm hại, cho đến hết thảy pháp lạc, vì đời sau mà làm đại minh, dứt trừ tất cả gốc khổ, làm lợi ích cho quần sinh, huống gì ở phàm phu không; vô sở đắc, mà tự buông lung chẳng siêng năng tu tập"". Phía dưới đó mới giải rằng: "Đạt-ma nói thế gian Đệ nhất pháp. Ma-na-tư-già-la nghĩa là một kinh tâm, phiên dịch là nghĩa ngôn tư duy". Phàm, "Thiền Kinh" có hai quyển, từ đầu đến cuối đều là chữ Trung Hoa, chỉ "kiến đạo" cùng "Đệ nhất pháp" và "một kinh tâm" đây, riêng dùng bằng Phạm ngữ, bí mật mà không phiên dịch. Theo ý tôi người phiên dịch kinh như thế mới hợp với vi chỉ của Phật, đặc biệt muốn dùng bì mật cảm ngộ siêu bạt. Đó nên theo đây mà tư duy Đạo ư? Nên tiếp theo lại nêu lời Phật dạy rằng: "Thường quán nghĩa chân thật". Như điều đó gọi là "dùng dao Thánh hạnh chém trừ giặc Ấn". Căn cứ theo Trí Độ luận nói: "Mười dao Thánh hạnh, nghĩa ấy chẳng lìa ba giải thoát môn". Nhưng bố thí giải thoát môn thông cả Đại thừa Tiểu thừa, chỉ vì sở duyên của nó có hơn kém vậy. Ba giải thoát môn của Đại thừa duyên

với thật tướng các pháp, của Tiểu thừa thì khác vậy. Nay đây quả thật duyên với thật nghĩa, mà khiến dùng dao Thánh hạnh nghiệm với sở quán đó thật là mật pháp vi diệu của Đại thừa vậy. Lại trong câu kết phần "Thắng đạo quyết định" của kinh đó nói: "Ta dùng sức tuệ nhỏ, lược nói các pháp tánh, như nghĩa cứu cánh đó, cảnh giới, mười trí lực". Lại nữa, ở cuối quyển Hạ kinh đó nói bài kệ tụng rằng:

"Phương tiện trị địa hạnh, cho đến nói cứu cánh, chủ thí pháp Vô thượng, thí là truyền đến nay". Và phần kết đó lại nói: "Chỉ kia đã độ rồi, sau mới là cứu cánh". Đó há không nói nơi cứu cánh ấy là tâm bí mật vi diệu giữa Phật với Phật, chẳng thể dùng tình mà biết tâm trạng, chỉ lấy chứng đây mới tương ưng vậy. Đó là hợp với chánh tông chúng ta vậy.

Xưa kia trong thời Phật giảng kinh Niết-bàn, các vị Tỳ-kheo đã nghe thuyết "xa lìa tứ đảo", bèn lại cầu thỉnh Phật sống lâu nơi đời để vì họ mà dẫn đạo, Đức Như Lai giúp chỉnh định tri kiến ấy mới bảo: "Nay ta có chánh pháp Vô thượng đều đã giao phó cho Đại Ca-diếp. Đại Ca-diếp sẽ vì các ngươi làm nơi nương tựa lớn, tợ như Đức Như Lai vì các chúng sinh mà làm nơi nương tựa vậy". Trong luận Đại Trí Độ nói: "Đức Phật lúc sắp nhập Niết-bàn xoay đầu về hướng Bắc mà nằm, trước tiên bảo cùng A-nan rằng: "Hiện tại nay đây hay sau khi ta đã thị tịch, các Tỳ-kheo phải tự nương tựa nơi pháp". Phàm người tự nương tựa nơi pháp, nghĩa là bên trong quán thân thường niệm nhất tâm trí tuệ, siêng tu tinh tấn v.v... Bởi vì, giác chẳng dư thừa nương tựa. Thứ nữa có nghĩa là dùng giới kinh làm thầy, đến lúc A-nan thực hiện việc kết tập pháp bảo tạng, phần kinh sau của Niết-bàn cũng vậy. Phàm trong Niết-bàn chỗ gọi là "Chánh pháp vô lượng", tức là chỉ thẳng pháp tánh sở chứng của Đức Như Lai, đã giao phó cho Đại Ca-diếp, muốn các người học pháp, nương tựa lấy làm nơi chân chánh của họ. Nhưng vốn liếng người làm chủ giáo pháp trong đời sau, nếu chẳng truyền trao pháp ấn khiến gìn giữ thì lấy gì để làm chủ ư? Nay trong đó cho rằng: "Đà giao phó cho Đại Ca-diếp", há chẳng khiến dùng pháp đó mà làm khuôn phép chánh ấn chứng cho người phụng trì mà tu chứng ư? Lại nữa, trong kinh đó nói: "Bốn người xã hội nơi đời hộ trì pháp phải nên chứng biết mà làm nương tựa. Người đó khéo giải hiểu tạng thâm áo vi mật của Đức Như Lai". Lại nói: "Có khả năng giải hiểu mật ngữ của Như Lai và có khả năng giảng nói". Đó há chẳng phải vậy thay! Trong Đại luận trước dạy nương tựa pháp thân, ý ấy cùng với bốn nơi nương tựa cùng gần nhau vậy. Trong "Thiền Kinh" nói: "Đại Ca-diếp

tiếp thừa từ Đức Phật chúng ta. Sau khi Đức Phật diệt độ lấy đó lần lượt truyền trao", hẳn cùng xác nghiệm vậy. Viễn Công nói "khúc thừa chỉ chiếu", cùng với điều gọi là "mật ngữ" đâu xa khác đó ư? Học giả hẳn dùng tâm thông thì đối với yếu chỉ sâu mầu trong chánh pháp Vô thượng mà Đức Như Lai giao phó, có thể cầu được vậy. Đây hẳn cùng với quyển khác trong kinh Niết-bàn Đức Như Lai đem chánh pháp giao phó cho các hàng Vương thần bốn bộ chúng, thì sự việc đồng mà ý có khác vậy. Lại nữa. Ở phẩm "chúc lụy" trong Đại luận, có lời hỏi: "Lại có pháp nào sâu mầu ưu thắng Bát-nhã chăng, mà đem Bát-nhã chúc lụy cho A-nan, mà các kinh khác thì chúc lụy cho Bồ-tát. (Kinh khác tức là văn trước trong luận đó nói: "Kinh Pháp Hoa, ngoài ra các kinh Phương Đẳng đem chúc lụy cho Hỷ Vương các Bồ-tát v.v...)?" Đáp: "Bát-nhã Ba-la-mật-đa chẳng phải là pháp Bí mật (đây há chẳng cho là pháp Bí mật mới ưu thắng hơn Bát-nhã ư? Đó là nói rõ Long Thọ lìa kinh mà lại truyền yếu chỉ bí mật ấy, hẳn vậy, sao có thể dùng giáo bộ mà luận bàn. Sau khi Tôi tấu trình bộ "Chánh Tông Ký" rồi, mới thấy ý vi diệu này chẳng dám liền cải đổi trong văn đã tấu. Lại nêu sự thật ra đây, muốn người học xét biết vậy). Mà các kinh Pháp Hoa v.v... nói A-la-hán thọ nhận quyết định làm Phật, Đại Bồ-tát hay thọ trì dùng thí như Đại Dược sư hay lấy độc làm thuốc, như luận ấy mới đầu tôn đại ư? Trong "Bát-nhã" nói: "Ma-ha-Bát-nhã-ba-la-mật kinh là lớn (Đại) đệ nhất trong các kinh". Lại nói: "Bát-nhã Ba-la-mật-đa được mệnh danh là mẹ của chư Phật ba đời, hay hiện bày thật tướng tất cả các pháp". Lại nói: "Thật tướng các pháp tức là Bát-nhã Ba-la-mật". Lại nói: "Trừ thật tướng các pháp thì tướng các pháp dư tàn đều gọi là ma". Lại nữa, trong 'kinh Niết-bàn" nói: "Ma-ha-bát-nhã thành tạng bí mật", nay ở đó sau khi chúc lụy cho các chúng Tây vức, Bồ-tát rồi mới đặc biệt bảo: "Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp Bí mật. Đó há chẳng phải Long Bản (chữ "bản" là lánh tên ma, phía dưới cũng phỏng theo đây) nương thừa Đại Ca-diếp, A-nan làm Đại tổ truyền pháp, mà ngoài kinh lại được thật tướng đó, muốn bao quát mà hỏi phát đó ư? Không như vậy, sao lại cho là Đại Bát-nhã chẳng phải pháp Bí mật ư? Tôi nghiên cứu đó hay lấy độc làm thuốc để thí dụ càng thấy huyền chỉ đó có ở đây. Lại chưa dễ dùng giáo bộ mà đoán đó (trong luận đó lại nói: "Dùng pháp vi diệu nhỏ nhiệm hết vọng mà trị đó, thí như có độc hay trị các độc". Lại nữa, các bậc Cổ đức nói: "Tứ giáo đều là quuyền xảo hóa vật", mới dẫn trong kinh nói: "Nắm tay không, lừa dối trẻ con". Vì chứng đó có thể dùng cái nghĩa kia dùng độc làm thuốc vậy). Như trong lời tựa của

Viễn Công nói: "A-nan khúc thừa chỉ chiếu, gặp chẳng phải người đó, hẳn là Linh phủ của Tạng". Lại nói: "Công ở ngoài lời, chỗ kinh chẳng phải bày". Đó cũng là ý của Long bản vậy".

Lại hỏi: "Trước ông cho rằng Niết-bàn phó chúc cho Ma-ha-ca-diếp là truyền pháp bí mật đó, cùng với chúc lụy cho A-nan này đây chẳng là cũng đồng vậy, cớ sao trong thời Niết-bàn đều chẳng nói ư?" Đáp: "A-nan là đệ tử hàng thứ, lại chuyên truyền kinh luận của Phật, giả sử có vượt thứ bậc nêu bày xưng A-nan thì chẳng riêng ngoài kinh ư? Mà khúc có chỗ truyền vậy, chỉ đến Ca-diếp là chuyên giao phó cho người Trưởng, và sở dĩ tôn xưng đó là tâm truyền bí mật vậy. Tuy có chúc lụy đến A-nan ngay đó hẳn cũng còn ở không nói vậy. Trong "Truyền Đăng Lục" nói: "Và bảo A-nan làm phó nhị lưu truyền hoằng hóa". Đó há chẳng chuyên ở Đại Ca-diếp ư? Nhưng Đại Kinh Đại Luận đây, cùng với điểm trong "Thiền Kinh" nói; "Sau khi Đức Phật diệt độ, Tôn giả Đại Ca-diếp, Tôn giả A-nan, cho đến Tôn giả Bất-như-mật-đa, các người trì pháp đều đem đèn tuệ này lần lượt truyền trao thọ nhận". Lại cùng trong hai lời tựa của Sa-môn Tuệ Viễn và Tuệ Quán nói: "A-nan khúc thừa chỉ chiếu, linh phủ của tạng, gặp người đó mà sau truyền trao". Hẳn cũng đồng vậy. Nay dùng năm thuyết đây mà nghiệm trong "Bảo Lâm Truyện" và "Truyền Đăng Lục", điều gọi là "Đức Như Lai lúc sắp thị tịch mới bảo Ma-ha-ca-diếp rằng: "Tôi đem pháp nhãn thanh tịnh Niết-bàn diệu tâm, thật tướng vô tướng chánh pháp vi diệu, nay giao phó cho ông, ông phải hộ trì, và bảo A-nan làm phó nhị lưu truyền hoằng hóa chớ khiến dứt tuyệt". Lại trong đời gần đây ở "Quảng Đăng Lục" của Lý Lệnh Công Tuân Húc nói: "Đại Ca-diếp bảo A-nan rằng: "Lúc chưa viên tịch, Đức Bà-già-bà ngay trước tháp Đa tử đem Đại pháp nhãn tạng kín trao cho tôi, nay tôi truyền trao cho ông". Mà gốc ngọn đó nào từng khác ư? Xưa nay chỗ gọi là ngoài ngôn giáo, người riêng truyền chánh pháp đó há chẳng nung đốt đến đó ư?"

Người khách lại nói: "Điều ông suy luận diễn giải rõ ràng vậy! Vả lại, như trong "Thiền Kinh", chỗ thấy chỉ Tứ niệm xứ. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, đó đều là hành tướng của Tiểu thừa, mà ông cho là được lưu xuất từ Bồ-đề-đạt-ma, há được thích nghi ư? Tôi rất ngờ vực, cớ sao như vậy?" Đáp: "Phàm, tứ niệm xứ -Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, hẳn thông cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Ông hãy lắng nghe, căn cứ theo luận "Đại Trí Độ" nói: "Phật giảng nói pháp tứ niệm xứ cho đến tám Thánh đạo phần, là Ma-ha-diễn (Đại thừa)". Trong Tam Tạng cũng chẳng nói ba mươi bảy phẩm trợ đạo, riêng là pháp Tiểu thừa. Lại nói: "Sáu pháp

Ba-la-mật, trong ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sinh ra chư Phật trong thời quá khứ, hiện tại và vị lai ở khắp mười phương. Cho nên, Tu-bồ-đề! Bồ-tát muốn chứng đắc A-nậu-đa-la-tam-miệu-tam-bồ-đề, thế giới chư Phật, thành tựu chúng sinh, phải học sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo". Lại nói: "Phật bảo Tu-bồ-đề! Bồ-tát Ma-ha-tát học như vậy là học sáu pháp Ba-la-mật, là học Tứ niệm xứ. Học như vậy là học hết các học đạo. Học như vậy là học nơi hành xử của chư Phật, học như vậy là mở môn cam lồ, học như vậy là hiện bày tánh vô vi. Tu-bồ-đề! Hạng người căn tánh hạ liệt, không thể học như vậy". Ý Phật như thế đó, ai bảo tứ niệm xứ -ba mươi bảy phẩm trợ đạo là hành tưởng của Tiểu thừa ư? Nay Bồ-đề-đạt-ma mới dùng Đại Bồ-tát Tăng truyền pháp làm Tổ, diễn nói "Thiền Kinh", hành pháp Đại thừa đó, đúng rất thích nghi vậy. Sao lại nghi ngờ ư? Mượn khiến Tứ niệm xứ chỉ là đạo của Tiểu thừa, mà trong luận đó lại nói: "Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, trong hết thảy pháp đều được thanh tịnh, chỗ gọi là tâm của hàng Thanh văn và Bích Chi Phật". Lại nói: "Bồ-tát như vậy là hay rõ biết nơi hướng thú của tâm tất cả chúng sinh". Lại nói: "Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là đạo Niết-bàn của Thanh văn và Bích Chi Phật". Phật khuyên Tu-bồ-đề nên hành đạo đó. Như vậy, thì Bồ-tát cũng được dùng pháp Thanh văn mà tiến người, rõ vậy. Nay, trong "Thiền Kinh" diễn nói đó đâu phải không vâng phụng ý Phật ư? Sao cho là không thể vậy. Huống gì đó chưa chứng quả dùng Tiểu thừa mà đợi người ư? Phàm, "Thiền Kinh" là do Tổ sư Đạt-ma mới đầu dùng phương tiện giáo hóa người tu hành Tam thừa, muốn nhân từ cạn đó mà dẫn dắt vào sâu vậy. Trong kinh đó nói: "Cảnh giới Như Lai không thể nghĩ bàn, nay đây chỉ nêu bày ấy vậy". Trong lời tựa của Sa-môn Tuệ Viễn nói: "Rút nhơn cốt yếu của các kinh mà khuyên phát Đại thừa", rõ ràng vậy. Lại hỏi: Nếu vậy thì phần đầu trong "Thiền kinh" nêu bày chư Tổ truyền pháp, há chư Tổ xưa trước cũng truyền kinh giáo ư? Đáp: Đúng vậy. Việc truyền pháp xưa trước do vì chứng hạnh giáo đó vậy, mà dùng dạy người vào đạo, hẳn lấy chỗ truyền của Tổ sư làm ấn chánh vậy. Thiền nguyên thuyên giải rằng: "Chư Tổ truyền pháp mới đầu dùng Tam Tạng giáo thừa gần thực hành. Sau đó, Tổ sư quán căn cơ mà đặc biệt hiển bày tông, phá chấp, càng lại riêng truyền tâm ấn ấy vậy'.

Người khách lại hỏi: "Tôi nghe Bát-nhã Ba-la-mật-đa chỉ đem đại pháp được giao phó cho Đạt-ma, khiến chỉ thẳng hàng thượng cơ, mới ở ngoài kinh giáo ư? Chẳng lập văn tự chỉ thẳng tâm người thành cứu cánh giác, chưa nghe Đại ma lại theo hành tướng của Đại thừa Tiểu

thừa để vì đó nói ư?" Đáp: "Đúng vậy, sự trao truyền và thọ nhận của Bát-nhã và Đạt-ma, thật đó là chánh truyền của Phật tổ. Nhưng người học cũng lại phải cầu gốc ngọc của Tiên Thánh chúc lụy, nghiên cứu ý cơ nghi hành hóa đó vậy, không nên tự chấp lời của một thời mà cùng khởi cật nạn. Phàm, dùng đại pháp được chỉ thẳng hàng thượng cơ, chẳng lập văn tự chỉ thẳng tâm người thành cứu cánh giác, đó bởi vì mới đầu, Bát-nhã-đa-la dạy răn Đạt-ma nên du phương quán xét căn cơ để thực hành chánh truyền đó, ý cho rằng sau khi Bát-nhã-đa-la diệt độ cách sáu mươi bảy năm tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) mới có bậc Thượng cơ. Nay "Thiền Kinh" đã có từ trước khi Đạt-ma đến Trung Hoa hơn cả trăm năm trước. Mới đầu tại Tây vức, vì thời điểm chánh truyền đó chưa đến, bậc thượng cơ còn thiếu, tạm thuận theo có người xứ ấy mà dùng phương tiện chỉ giáo gần kề Đại thừa Tiểu thừa, và dùng nghĩa nói đó vậy (trong "Bảo Lâm Truyện" cũng nói: "Đầu tiên, Đạt-ma ở tại Nam Thiên trúc dùng pháp Tiểu thừa hóa đạo bao nhiêu người). Đây cũng là Đạt-ma tạm hành hóa trước đó vậy. Chỗ gọi là: "Bồ-tát vì hết các học đạo, vì rõ biết nơi thú hướng của tâm hết thảy chúng sinh". Mà đạo của Tổ sư chẳng chỉ dừng tại đó mà thôi vậy. Nếu như chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, mà tiếp hàng thượng cơ, "Thiền Kinh một mai tích chứa đó mà chưa phát từ đầu, khi thời điểm đó vừa đến, Đạt-ma mới tự nhiên đến phương Đông, nhân tại nước Chấn Đán (Trung Hoa) có người căn khí Đại thừa, chỗ gọi là người chánh truyền đó, bèn phấn phát lớn ngay trong văn tự, đàm nói Tam thừa chỉ quán, liền cho rằng không phải lời của Bồ-đề-đạt-ma. Sao yên ổn vậy? Như trong "Thiền Kinh" nơi câu kết của phần "Thắng Quyết Định" nói: "Ta dùng ít sức tuệ lược nói tánh các pháp, như nghĩa cứu cánh đó, cảnh giới trí mười lực". Đó là ý Tổ sư tự khiêm nhường vậy. Kinh nay là ta hãy lược nói tánh pháp đây, nếu như theo lý cứu cánh đó thì là cảnh giới bí mật vi diệu của Phật, chẳng phải văn tự nghĩa thuyết có thể tuyên bày, hẳn là kín truyền khéo chứng mới có thể thấu đạt vậy. Lại nữa, ở cuối kinh đó nói bài kệ tụng rằng: "Phương tiện trị Hành địa, cho đến nói cứu cánh, chư thí pháp tối thượng, thí là truyền đến nay". Câu kết ở đó lại nói: "Chỉ người kia đã độ, sau đó mới cứu cánh". Trong đó nói: "Phương tiện trị địa hành" có nghĩa là đó tạm dùng nghĩa mà diễn nói Thiền kinh. Lại nói: "Cho đến nơi cứu cánh" có nghĩa là chánh truyền, Đại pháp đó thẳng tiếp hàng thượng cơ vậy. Lại nói: "Chủ thí pháp tối thượng, thí là truyền đến nay", có nghĩa là Đạt-ma tự cho rằng mình tiếp thừa sở truyền của Phật mà mãi đến ngày nay vậy. Lại nói: "Chỉ

người kia đã độ, sau đó mới cứu cánh", có nghĩa là pháp này bí mật không lời không chỉ bày. Khó tin khó thấu đạt. Chỉ phải dùng người đã chứng đây, sau mới rõ biết nguyên do cứu cánh vậy. Ý đó như vậy, đâu chẳng phải ngoài kinh mà tự có diệu chỉ ư? Đâu chẳng phải mượn văn tự mà đợi người thẳng dùng tâm chứng ư? Kịp đến lúc Viễn Công tiếp thừa từ học trò của Đạt-ma mà kín truyền đó. Là lời tựa "Thiền Kinh" nói: "A-nan khúc thừa chỉ chiếu, gặp chẳng phải người đó hẳn là Linh phủ của tạng". Lại nói: "Công ở ngoài lời, chỗ kinh không biện giải". Lại nói: "Như người ấy không nghe không chỉ bày, riêng có Tông minh vậy. Như vậy mà sở đắc của Viễn Công nào từng ở nơi kinh giáo ngữ ngôn tự ư? Than ôi người học ở đời mạt pháp ít biết, sao biết Cổ đức trước đã truyền Thiền kinh này, là trương bản của Chánh thống Đạt-ma, được lấy làm minh chứng của Chánh tông chúng ta suy vi ư? Lại có người hỏi: "Thầy của Tông khác cũng có tên là Đạt-ma-đa-la, nay ông cho rằng Đạt-ma-đa-la tức là Bồ-đề-đạt-ma của Thiền tông. Vậy lấy gì làm chánh đó ư?" Đáp: Luận trước, tôi dùng danh số hai mươi tám Tổ sư ở "Thiền Kinh" chứng minh đó đã rõ ràng. Lại nữa, trong lời tựa, Viễn Công nói: "Đạt-ma-đa-la, là bậc tuấn kiệt ở Tây vức, là chủ chốt dạy răn về thiền pháp". Đó chẳng phải là Tổ sư của chúng ta thì ai ư? Người đồng tên của tông khác, sao được thấu triệt dự ở đây ư? Nhưng mà phát huy "Thiền Kinh" đó là do Tam Tạng Pháp sư Bạt-đà cùng với Đại sư Lô Sơn, và Tuệ Quán cũng có dự tham vậy. Ba người ấy đều cho rằng đó đầy đủ ý của viên đốn Đại thừa. Lời nói đó đâu giả dối ư? Như Viễn Công là người mà trong thiên hạ xưa nay là An -Viễn (Đạo An và Tuệ Viễn) ấy vậy. Phật giáo được hưng thạnh tại Trung Hoa chúng ta, bắt đầu bởi từ hai người đó, rất Đại Pháp sư vậy! Tôi thường nói rằng Viễn Công thức rất cao, lượng rất xa, là một Thích tử có văn có chất, hình nghi Tăng bảo mà phong liệt trội vượt, là Thánh hiền của Nho giáo cảnh tạng trăm đời, với cao Tăng từ xưa đến nay thì Viễn Công là tuyệt xuất, đó là người không thể lường biết vậy. Tôn giả Bạt-đà gồm thông Tam Tạng nhớ biết rất mạnh, ở Tây vức xưng gọi là người thông rành kinh sách nội ngoại, xưng hiệu là "Dị Tăng". Sa-môn Tăng Triệu mới tôn kính xưng gọi là "Thiền sư Đại thừa". Còn Tuệ Quán là bậc nghĩa học tài tuấn, đương thời cùng ngang với các Sa-môn Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo dung, Tăng Duệ v.v... cùng là các bậc Pháp sư có tên tuổi từ xưa vậy. Mà ba người ấy như vậy đều tôn quý thiền yếu, và đạo của Đạt-ma, sợ cũng thấu đạt vậy. Tôi thường nghe trong luận Đại Trí Độ nói rằng: "Thiền, rất lớn, như vua, nói thiền thì hết thảy đều nhiếp Tam-

muội của Phật Bồ-tát và Phật đắc đạo xả bỏ thọ mạng, các thứ công đức thắng diệu như vậy đều tại trong thiền". Và Hóa Quyển lại cho rằng nghĩa đó là: "Giải thoát Thiền Tam-muội đều gọi là Định, Định gọi là tâm". Chỗ đó gọi là tâm tức là chỗ truyền của chư tổ ấy vậy. Người xưa gọi Thiền môn là Tông môn. Đó cũng là ý của Tổ sư Long Thọ vậy. Cũng gọi là Tông môn của chúng ta là Đại tông chánh thú của một Phật Thích-ca Văn chỉ dạy. Chỉ vì ý nghĩa của kinh gọi là Tông môn tan rải trong các kinh, ẩn giấu xưa nay, chưa rõ ràng thấy nơi thiên hạ vậy. Thường ngày, Tôi khảo xét đó, đoán rằng: Từ khi Đức Như Lai trao truyền đại pháp, nhập Niết-bàn đến nay, với chỗ thấy ở đại tạng, vừa tạm dùng thuyết của trong Tổng tựa của Viễn Công, cùng với Thiền kinh, luận Đại Trí Độ luận, kinh Bát-nhã, bốn nơi ấy mà suy tìm áo chỉ và nghiệm xét đó. Nhưng với Phật pháp đại dự, há tôi là hàng hạ sĩ phàm ngu mà liền ức đoán cắt dứt ư? May tạm phát hiện chỗ tích chứa của Hiền Thánh đời trước vậy. Các thức giả cho là thế nào? Như Viễn Công nói "Ba nghiệp dấy khởi, dùng Thiền trí làm tông". Đó há chẳng phải cho rằng thiền là chủ (Tông) của kinh, luật, luận tam học đó ư? Lại nói: "Mỗi lúc bùi ngùi đại giáo đây lưu truyền đến phương Đông, thiền số rất hiếm ít, ba nghiệp luôn luôn bao gồm. Đạo đầy nguy phế vậy". Đó há chẳng có nghĩa là giới định tuệ hẳn bao gồm nơi thiền yếu ư? Lại nói: "Hàng Đạt tiết khéo biến, nói xuất xứ không ngằn, ẩn danh dấu vết không nghe không bày, với người như thế, không thể đem phân theo danh bộ. Đã không chỗ phân danh bộ, cũng chẳng ra khỏi ngoài đó, riêng có Tông minh vậy". Đó há không phải nghĩa Thánh là bậc đạt tiết, biến mà thông, thường dùng mật chứng diệu dụng riêng làm chư (Tông) của các bộ ư? Lại nói: "Tám vạn pháp tạng hiện còn chỉ cốt yếu". Đó há chẳng phải cho là tuy Phật có tám vạn bốn ngàn pháp tụ nhưng không gì chẳng lấy mật truyền cực chứng đây làm cốt yếu chánh chân ư? Lại nói: "Tìm cành kiếm rễ thì đông nhiều, gồm gốc chuyển ngọn thì hiếm ít. Hoặc sắp kịp mà chưa thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến". Đó há chẳng có nghĩa là trước là ngọn, sau là gốc, ngu phu học giả ngược bày chấp phương mà không biết viên biến ư?" Lại nói: "Nguyên Thánh chỉ chẳng không toàn dở trường đó, do vậy cũng tìm cầu sở đoản vậy". Đó há chẳng phải cho là Thánh chỉ của Phật không chỉ toàn nơi sự ưu trường của diệu bản, cũng là cực cầu sự tối đoản theo ngọn đó ư?" Lại nói: "Ba ứng chân (A-la-hán) ấy đều thầm khế hợp từ xưa, công ở ngoài lời, chỗ kinh không biện giải". Đó há chẳng có nghĩa là Ca-diếp, A-nan cùng với Cúc-đa (tức lấy Ca-diếp và Cúc-đa mà xưng

là ba ứng chân, rộng ý thầm khế hợp đó vậy) khúc phụng mặc truyền đều khế hợp với Diệu tâm vi mật của Đức Phật chúng ta xưa trước mà vượt thoát ngoài kinh giáo ư? Từ "Ma-na-tư-già-la, nhất kinh tâm" trong "Thiền Kinh" bí mật mà không phiên dịch. Phía dưới đó tiếp nói: "Cho đến hết thảy Hiền Thánh đều nên siêng năng tu tập Chánh quán như vậy". Đó há không có nghĩa là phàm người dự vào trong giáo pháp của Đức Phật chúng ta đều phải dự cực chứng bí mật này mới là chánh kiến ư? Trong kinh Niết-bàn nói: "Nay ta có chánh pháp vô lượng thảy đều giao phó cho Ma-ha-ca-diếp, Ca-diếp sẽ vì các ông làm nơi nương tựa". Đó há chẳng có nghĩa là từ nay về sau đều có thể nương tựa mật pháp vi diệu vô thượng nơi Ca-diếp mà làm chánh chân ư? Lại nói: "Bốn người xuất hiện nơi đời hộ trì giáo pháp, phải nên chứng biết mà làm nương tựa. Bốn người đó tức gọi là Như Lai. Cớ sao? Vì hay giải hiểu mật ngữ của Như Lai và hay giảng nói đó". Dó há chẳng phải nghĩa là đời đời bốn người nương tựa xuất hiện nơi đời là y cứ mật ngữ diệu tâm đó lấy làm minh chứng về sau ư? Như trong luận "Đại Trí Độ" nói: Bát-nhã Ba-la-mật chẳng phải là pháp bí mật". Ý chỉ ấy cũng nghiệm ở trong thiền vậy. Vừa tạm nêu lược, chẳng phải giải lại nữa, kiểm xét đó thì ý để lại của Đại Thánh nhân đâu chẳng quả nhiên dùng mật pháp vi diệu thanh tịnh Thiền làm Đại tông của giáo đó ư? Muốn đời đời các hàng Tam học nhờ đó lấy làm ấn nghiệm tiêu chánh nhập đạo đó ư? Người xưa nói thiền môn chúng ta là tông môn và tôn ở ngoài giáo tích khác đó vậy. Nhưng thiền yếu đây đã là tông của một Phật giáo thì người hoằng truyền pháp yếu đó, ba mươi ba Tổ sư Đại Ca-diếp cho đến Tào Khê (Tuệ Năng) đều là Tổ của một Phật giáo, mà người nhận biết cạn vọng phân biệt Đạt-ma cho đến Tào Khê (Tuệ Năng) riêng làm Tổ thiền môn, cũng chẳng rất sai lầm ư? Phàm, đạo hẳn không ngoài, pháp cùng với văn tự chưa khác vậy, ai là trong hay ngoài? Chỉ tạm lược lời đó mới nói vốn mười hai bộ loại kinh giáo v.v... cắt ngay để hoàn toàn tâm tánh người, bởi đề gốc vì chỉnh định vết tích đó, hiện bày để khác với sơ đó, khiến đó tức là cực chứng nay đây, chẳng lại che khuất mảy tóc xa cong vậy. Nhưng đây chưa dễ dùng miệng lưỡi mà biện giải, chưa thể dùng trí mà hiểu thấu. Như trong Viên giác nói: "Chỉ chỗ cảnh giới tròn đầy của các Thanh văn, thân tâm ngữ ngôn thảy đều dứt tuyệt, trọn không thể đến đó thân chứng chỗ hiện Niết-bàn". Há chẳng như vậy thay!

Xưa kia, Tôn giả Mã Minh nói: "Lìa niệm cảnh giới, chỉ chứng tương ưng". Nên Tôn giả Long Thọ cũng nói: "Không thể nói đó là thật

nghĩa, có thể nói đó đều là danh tự". Đó cũng là hai vị Tổ sư tôn quý tâm chứng thân mật, vì khác với theo vết tích mà tình giải đó vậy, muốn người giới hạn đó mà chỉ chỉnh định vậy. Trong thời nhà Tùy, Đại sư Trí Giả xưng rằng: "Đức Như Lai thường bảo các đệ tử, khiến mỗi mỗi tự thuật điều mà Duy-ma-cật chê trách mình xưa trước, và Phật mới im lặng ấn chánh đó. Nhưng đó hẳn cùng Tịnh danh im lặng ấn chứng ba mươi hai Thánh Đại sĩ giảng nói pháp đồng vậy". Căn cứ theo đó thì Đại Thánh nhân quả nhiên dùng chánh tông đó mà im lặng chứng vi mật để lại đời sau làm nêu chánh ấn nghiệm đó vậy, hẳn cũng đã thấy trong thời Phật còn tại thế, người học cũng có thể tôn quý mà kính tin đó vậy. Than ôi! Hàng Tỳ-kheo chúng ta ngày nay tập học kinh luật luận, ai chẳng dự trong phần giáo của Đức Phật Thích-ca Văn ư? Với người học kinh luật luận đó, ai chẳng dự trong tám vạn bốn ngàn pháp tạng ư? Chỉ mỗi chuyên tập ở thầy riêng mà đồng học hành đó chẳng đoái hoài pháp yếu, chẳng xét cầu chánh thú đại tông đó. Trái lại chợt gọi sở truyền của Tổ sư Đạt-ma, cho đó không như đạo của thầy chúng ta. Đó không chỉ trái ngược ý Phật, mà cũng là tự mê mờ gốc đạo, thật đáng than thương ấy vậy! Như chỗ nêu bày của Thiền giả ngày nay, hoặc nói hoặc nín, hoặc động dụng, đều là diệu dụng của Phật xưa trước, chỉ không thể liền thấy, chỉ nguồn gốc đó vẫn hiện có, tôi cảm xét phiền nhiễu chẳng lại mở giải tiếp nữa. Nhưng diệu dụng đó sợ Thánh ý riêng di chúc làm chủ (Tông) của mật truyền chúng ta mới được pháp môn vậy. Sao phải dùng cùng thích nghi đó". Nếu không như vậy, sao từ Tổ sư Đạt-ma đến nay Tông phong đó phấn phát lớn ư? Trong kinh nói: "Lời nói chánh, tợ như trái ngược". Ai tin đó ư? Xưa kia, Tôn giả Long Thọ nêu bày trong luận Đại Trí Độ luận rằng: "Trì giới là da, Thiền định là thịt, Trí tuệ là cốt, vi diệu thiện tâm là tủy". Phàm, vi diệu thiện cũng là nương Phật mà kín truyền vậy, đến lúc Tổ sư Đạt-ma bình phẩm về sở chứng cạn sâu của đệ tử mới đặc biệt dẫn nêu đó mà bảo rằng: "Ngươi được phần da của ta. Ngươi được phần thịt của ta, ngươi được phần cốt của ta, ngươi được phần tủy của ta". Từ đó mà tâm ấn của Phật càng có hiệu nghiệm. Đó chẳng nói Giới, Định, Tuệ, Diệu tâm cùng nghĩa đó, nên đây lược bớt mà chỉ còn yếu chỉ vi mầu ấy vậy. Sau đó cả trăm năm, đến thời nhà Tùy, Thiền sư Trí Khải nhân giảng giải kinh mới lại dùng nghĩa mà phân biện thuyết của bốn người. Đến vi diệu thiện tâm là tủy, có nghĩa đó là hành xứ của chư Phật, dứt đường ngôn ngữ diệt chỗ tâm hành, chẳng chẳng hai, vi diệu Trung đạo. Nhưng lời nói của Tôn giả Long Thọ và Đạt-ma, đến lúc Thiền sư Trí Giả luận bàn

mà càng tôn quý và giải rõ vậy. Tâm vi mật đó thật là chỗ gọi là không thể nghĩ bàn, chẳng phải nói chẳng phải nín. Thức biết chỗ chẳng kịp, trí hay chỗ chẳng đến. Thuở thiếu thời tôi thường được truyền nghe từ các bậc thiện tri thức trước bảo rằng: “Sa-môn Đạo Dục nói: “Bốn đại vốn không, năm ấm chẳng phải có, và nơi tôi thấy không một pháp có thể chứng đắc, dứt đường ngôn ngữ, diệt chỗ tâm hành”. Và Tôn giả Đạt-ma bảo rằng: “Ngươi (Đạo Dục) được phần cốt của Ta”. Đến lúc Nhị tổ (Tuệ Khả) ra lễ bái rồi im lặng về đứng nơi cũ, Tôn giả Đạt-ma mới bảo: “Ngươi (Tuệ Khả) được phần tủy của Ta”. Yếu chỉ đó rất cùng cực thay lời nói của Tổ sư. Đó sở dĩ lấy làm Tông của Huyền học vậy.

Trong thời Tiền Đường, Sa-môn Thần Thanh dèm pha Thiền giả mà bảo rằng: “Thánh hiền truyền pháp đó, lúc ấy vì hành Thanh văn, như Đại Ca-diếp tuy tức đồng tâm mà còn là Tiểu trí, đâu có thể truyền Phật tâm ấn?” Thần Thanh sao chẳng suy nghĩ đó ư? Trong kinh Niết-bàn nói: “Nay Ta có chánh pháp Vô thượng thảy đều giao phó cho Ma-ha-ca-diếp”. Như lời nói của Thần Thanh thì Đại Thánh nhân vọng truyền trao pháp đó vậy. Trong “Chánh Tông Ký” đây, tôi chống kháng đó đã lắm rõ ràng, không cần phải nói nhiều nữa. Nghiệm rõ Thần Thanh biết cạn sai lầm, chẳng kịp bờ rào xa của Trí Giả vậy. Ở đời tôn xưng Thần Thanh là bậc khéo học, há như vậy? Học là vì cầu đại đạo, đường là vì thông thiên hạ. Đến kia mê họ mà che khuất đạo, mê đường mà quên trở lại. Phàm, học và đường cũng là hoạn nạn vậy. Nên bậc chí nhân chẳng quý học nhiều, chẳng muốn lắm đường rẽ, mà hàng hậu học ngu lậu hoặc vọng bình phán chỗ gọi là “ngươi được phần tủy của Ta” của Tổ sư Đạt-ma. Sao kẻ ấy khuấy loạn thuyết của bậc Trí giả vậy ư?.

THIÊN THỨ TƯ

Người khách hỏi: "Giáo dã chuyên chở đạo, sao chẳng ngoài giáo mà truyền đạo ư? Lại nghe, phàm, giáo viên đốn, giáo cùng với chứng là một vậy, mà nay đây giáo và Đạo cùng khác nhau, há là viên đó ư?" Đáp: "Tâm ông chưa thông, nên khéo nghe đó. Xưa trước nói với giáo và chứng là một. Bởi vì tánh của văn tự cũng có không phân, cùng với chánh lý suốt thông vậy, chẳng phải chỗ gọi là quyển vàng tập đỏ, tiếng lời sắc chữ, khua bày có hình trạng, thẳng cùng thật tướng vô tướng là một vậy. Như mười hai bộ loại kinh giáo là do bậc đại Thánh nhân khéo dùng phương tiện ứng cơ thị hiện mà dàn bày, tạm mượn ngôn ngữ văn tự của thế gian mà khai mở Lý để tiếp người tỏ ngộ vậy. Nhưng Lý diệu không chỗ giáo, tuy nói kịp mà nói chẳng cùng tột. Đó chính chỗ gọi là Truyền riêng ngoài giáo, chẳng phải quả nhiên khác biệt Phật giáo vậy, chánh chỗ giáo tích không thể thấu đạt đến đó vậy. Như trong luận Đại Trí Độ luận nói: "Nói tợ như nói kịp mà huyền chỉ sâu xa, tìm đó tuy sâu mà mất đó càng xa". Đó chánh nghĩa ấy vậy. Xưa kia trong thời nhà Tùy, Khải Công Trí giả là người rất biết giáo, há chẳng nói: "Chí lý của Phật pháp không thể dùng ngôn từ mà tuyên bày". Đâu còn nói lời mới nói vốn mười hai bộ loại kinh giáo ư? Căn cứ theo luận Đại Trí Độ nói: "Chư Phật dứt pháp ái, không lập kinh sách, cũng chẳng trang nghiêm ngôn ngữ". Như vậy, thì ý đó của đại Thánh nhân nào thường hẳn tại nói giáo ư? Trong kinh nói: "Lúc ta ngồi Đạo tràng chẳng đắc một pháp, thật không nắm tay lừa dối trẻ em, vì độ cho tất cả". Đó há chẳng phải đại Thánh nhân dùng giáo làm phương tiện mà chẳng hẳn chuyên đó ư? Lại nữa, trong kinh nói: "Tu-đa-la giáo nêu chỉ vầng nguyệt, nếu đã thấy vầng nguyệt trọn phải biết nêu ấy rốt ráo không phải vầng nguyệt". Đó đâu phải khiến người chấp chặt giáo tích ư? Lại nữa, trong kinh nói: "Mới đầu từ vườn Lộc uyển, cuối cùng đến bờ sông Bạt-đề, trong suốt khoảng thời gian năm mươi năm đó, chưa từng nói một chữ". Đó hẳn có nghĩa là ngoài giáo ấy vậy. Nhưng, cùng cực đây, sâu mầu đây tuy chuyên tải nơi kinh cũng chỉ thuyết vậy, Thánh nhân nghiệm đó nên bảo dùng tâm tương truyền, mà điều Thiền giả gọi là "Truyền riêng ngoài giáo" chánh là đó vậy. Ngay đó có thể gọi là giáo và chứng đồng nhất ư? Hay chẳng đồng nhất ư? Viên ư? Hay chẳng phải viên ư? Lại hỏi: "Mười hai bộ loại kinh giáo đều là thật ngữ của Phật há đều là phương tiện mà quả thật có thể ngoài ư? Đáp: Ông phải tỏ ngộ mới tự rõ biết đó vậy. Lại hỏi: "Như thiền đức xưa trước có hết mượn kinh tượng lại chẳng chuyên đó, cớ sao vậy? Đáp: Đó chỉ là

hủy tướng hết tâm, cũng như trong kinh nói: "Chỉ trừ người Đốn giác và pháp chẳng tùy thuận". Ở phần trước tôi có nói mới đầu chư vị Tổ sư cũng bao gồm kinh giáo mà hành hóa đó, người con Phật tự nên dùng hai mối này lường sức mà xử đó có thể được vậy. Như Tổ sư đem chánh tông mà vào Chấn Đán (Trung Hoa), cùng hàng nghĩa học, dứt tâm bén nhọn đua tranh đó. Có vậy, cùng hàng học giả chỉ thẳng tâm thọ mà khỏi phải khổ nhọc chương cú, có đó. Cùng hàng phàm phu học giả tỏ ngộ từ nơi khác mà chỉnh định, nghiệm đó có phải chăng, có đó. Cùng với hàng chuyên dùng chánh tông mà được hỷ, suốt hơn năm trăm năm, số người như thế đông nhiều không thể tính kể, mà nêu chánh ấn của Đức Như Lai để lại cho đời sau, hẳn ứng nghiệm, vi chỉ ấy cũng chẳng công hiệu ư? Đức của Tổ sư trùm khắp nơi đời. Đó cũng là thấu đạt vậy, nhưng chánh tông rất vi diệu rất bí mật, hẳn phải chứng đắc chân chánh Đạo nhãn mới thấy. Giả sử dùng ý để giải và gượng biện giải, tuy càng biện giải thì càng sai lầm vậy. Tôn giả Long Thọ nói trong luận rằng: "Nếu phân biệt ức đoán tưởng tượng tức là lưới ma, chẳng động chẳng tựa nương, đó là Pháp sư. Đợi ông đến lúc nào lắng sạch tâm phân biệt hý luận, mới có thể tin chỗ truyền ngoài giáo của tôi là thật pháp ấn của Phật vậy". Lại hỏi: "Đã nói là truyền riêng ngoài giáo thì hẳn là không liên quan với giáo, mà ông nêu dẫn lời của kinh Niết-bàn làm chứng cứ, há đó là thích nghi ư? Đáp: "Đúng vậy, ý ấy tuy truyền riêng ngoài giáo, mà việc ấy hẳn nêu chỉ trong giáo, cũng có nghĩa là diệu tâm đó, tôi đã thường truyền đó vậy. Ai cho là không liên quan với giáo ư? Và tôi nêu dẫn trong kinh Niết-bàn cũng chẳng phải vậy ư? Viễn Công nói: "Đã chẳng phải chỗ phân của danh bộ, cũng chẳng vượt thoát ra ngoài đó được, riêng có tông minh vậy". Lời nói đó có thể nghĩ suy vậy. Lại hỏi: Ông cho rằng hẳn đời đời truyền trao thọ nhận tâm ấn, trọn làm nêu nêu chánh ấn ứng nghiệm. Sao tương thừa xưa trước đến đời Tào Khê (Tuệ Năng) mà Tổ ấy bèn dứt tuyệt ư? Đáp: Tổ đâu quả thật dứt tuyệt ư? Chỉ vì chánh tông lưu truyền vào Chấn Đán (Trung Hoa), đến đời Tào Khê, trải qua thời gian đã lâu, người tập học biết pháp đó, cơ duyên thuần thục đông nhiều, chánh tông được dùng truyền rộng khắp, tuy chi phái càng phân mà lớp lớp tương thừa, cũng mỗi tự làm Tổ đó, dùng pháp mà lần lượt cùng nêu chánh ấn ứng nghiệm, nào từng khuyết mất, cũng như trăm dân trong thế tục được dòng họ mỗi tự làm nhà mình, mà con cháu tương thừa tiếp nối làm ông cha thì chưa từng không vậy. Chỉ tương thừa pháp này tuy có chi Tổ mà chẳng như sự hưng thạnh của Chánh tổ vậy. Lại hỏi: "Tôi dùng giáo mà cũng có thể thấy đạo,

sao hẳn phải chỗ truyền của Tông ông mới lấy làm thấu đạt ư? - Đáp: Ông hẳn dùng giáo mà thấy đạo, tức là Thây thuyết, chẳng phải là thấy đạo. Phàm, thật thấy đạo, chỗ gọi là cùng tột lý vậy. Cùng thì hay biến, biến thì hay thông, khéo biến thông đó mới thấy đạo vậy. Phàm Biến mà thông đó thì mới đầu phát xuất từ chánh tông của Tôi vậy. Phật tử giả sử có khả năng biến thông tức là đã dự ở Tông tôi vậy, sao cho rằng "vào hẳn phải chỗ truyền của tông ông mới là thấu đạt ư?" Huống gì bọn ông chưa biết biến, đâu thể là Thấy đạo ư? Viễn Công nói: "Hoặc sắp kịp mà chẳng thấu đạt, hoặc giữ phương mà chưa biến". Có nghĩa như ông vậy ư? Như vua trong đời đời là Thánh hiền của càng hàng Vương hầu khanh tướng sĩ phu đại nho, phục ứng mà suy kính Tông môn này, không thể ghi lại hết, đại khái như vua Thái Tông (Triệu Quýnh 976-998), vua Chân tông (Triệu Hằng 998-1023) trong thời Bắc Tống chúng ta đều duyệt ý rất sâu mầu. Và Hoàng Đế Chương Thánh có làm thơ Tu Tâm rằng:

"Sơ Tổ truyền thiền ở Thiếu lâm
Chẳng truyền kinh giáo, chỉ truyền tâm
Người sau nếu ngộ chân như tánh
Mật ấn nguyên do diệu lý mầu".

Mãi đến nay mà Hoàng thượng lưu thần, càng chuyên làm kệ làm tụng, mới lưu bố trong thiên hạ, lại làm biểu đồ của Tổ sư truyền pháp trao y, để chỉnh định Tông tổ đó vậy. Trong Đường Thư (Đường thư của Lưu Húc) nói: "Đạt-ma vốn vì hộ trì nước nhà mà xuất gia; vào Nam Hải được diệu pháp Thiền tông từ Đức Phật Thích-ca văn tương truyền có pháp y bình bát làm chứng ký, vì đời cùng truyền trao thọ nhận". Tướng Quốc Bùi Hưu làm văn bia truyền pháp của Khuê Phong (Tông Mật), viết rằng: "Đức Thích-ca Như Lai sau cùng đem chánh pháp nhãn tạng giáo phó cho Đại Ca-diếp, khiến Tổ Tổ tương truyền riêng hành hóa nơi đời chẳng riêng đối với Ca-diếp mà cả ngoài người trời, Thanh văn Bồ-tát vậy. Từ Ca-diếp đến Đạt-ma cả thảy có hai mươi tám đời Tổ sư, Đạt-ma truyền trao đó lại đến đời Tuệ Năm làm Tổ sư thứ sáu ở Trung Hoa". Xưa kia, Lại Bộ Lý Hoa thường tập học biết đến Chỉ quán của Thiên thai, đến lúc Thiền sư Phạm Nhiên cùng chư Tăng bảo Lý Hoa làm văn bia Thiền sư Lãng ở Tả Khê. Trong văn đó mở đầu dẫn nêu Bồ-đề-đạt-ma, nói rằng hai mươi chín đời Tổ sư tương thừa, Đại Ca-diếp truyền Phật tâm Phật pháp, chưa nghe có người chẳng phải đó. Và, Khải Công -Trí Gải ở thời nhà Tùy cũng thường nêu dẫn nghĩa Từ Tùy ở trong "Thiền Kinh" để chứng minh Tứ-tất-đàn của giáo đó. Như

Trí giả đặc biệt hay phân rành tứ giáo, là chẳng phải đại Pháp sư của đời vậy, giả như Đàm-ma-đa-la, Đạo đó chẳng đến, người đó chẳng phải tổ, kia đâu chịu suy lời nói đó mà làm chứng cứ ư? Đại sư Huyền Giác -Vĩnh Gia vốn học Tam quán Thiên thai, Nghĩa giải tinh tu gần như là bậc Dị Tăng (Huyền giác học sở chứng Tam quán, trông thấy ở "Thiên thai tứ giáo nghi" và "Vĩnh Gia tập"). Đến lúc trước thuật "Chứng Đạo Ca", mới nói: "Sáng ngời Phật sắc Tào Khê phải". Quốc sư Trừng Quán ở Thanh lương cũng là bậc đại Pháp sư, thường nói rằng: "Quả hải lìa niệm mà tâm truyền". Khuê Phong mới giải thích rằng: "Đó tức là ý của Đạt-ma dùng tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự vậy". Thiền Nguyên thuyên giải Tổ Đồ, nói rằng: "Quán Công thường tham hỏi Đại Thiền Đức rằng: "Phù bôi (bát nối)". Hoặc nói: "Lại học nơi Thiền sư Vong Danh (mất tên) ở Ngũ đài nên lời nói ấy mới như vậy". Đại Luật sư pháp thân ở Duy dương cũng nói: "Chỉ quán của Thiên thai (Trí Giả) bao gồm hết thảy nghĩa kinh, pháp môn Đông sơn là hết thảy Phật thừa". Nếu như Chánh tông chúng ta, Đạo đó chẳng lớn đến cùng, mà ba Đại Thánh nhân trong triều đại Bắc Tống đâu có thể chịu theo phụng sự hưng thạnh như thế ư? Từ xưa, các người dự theo đó như Tổ sư Dung ở Ngưu đầu, như An Công, Tú Công, Đại sư Nhất Hạnh, Khuê Công ở Tung sơn, như Quốc sư Nam Dương, Tha Đại Tịch ở Giang tây v.v... các vị như thế không thể tính lường hết, đều là những bậc Đạo phong thiên hạ, Đức suốt thần minh, tuy muôn thừa bái phúc tôn kính mà chẳng tự mừng vui, cao vời như trụ tản, dòng họ Phật muôn đời tỏa sáng đại giáo. Đó cũng có thể dùng bói đoán pháp ấy như thế nào vậy. Và, giả sử Đạo ấy cực huyền, các học giả kia chẳng thể thấy đó, sao chẳng xét nghĩ chút ít. Nay chí Thánh thiên tử cùng các Đại sư nghĩa học ở thời nhà Tùy nhà Đường, với ý việc làm đó dùng tự cảnh tỉnh ư?

Mới đầu, Luật sư Đạo Tuyên vì Đạt-ma, dự làm cao Tăng tập thiền, hàng phục đó đã lắm, lại chẳng liệt xếp Đạo Tuyên tiếp thừa tông Pháp sư, mịt mờ thường khổ hoạn bất công đó, đến trong thời Bắc Tống chúng ta, Sa-môn Tăng lục Tán Ninh kế thừa Đạo Tuyên, làm truyện. Tán Ninh bình phán về Tam giáo, mới nói: "Tâm giáo nghĩa thêm (có nghĩa là kinh luật luận tam thừa là hiển giáo, Du già năm bộ pháp Mạn-trà-la là Mật giáo, Thiền tông chỉ thẳng tâm người thấy tánh thành Phật là tâm giáo vậy) nhiều nên luận đó hành tập Thiền khoa". Rất tôn quý tông của Đạt-ma, nói rằng: "Tu chứng như vậy là Tối thượng thừa thiền. Thiền là vì vật vậy. Thiền đó lớn vậy thay. Chư Phật đắc đó mà lên Đẳng giác Diệu giác. Các môn dẫn dắt nhanh chóng, không gì

qua đây vậy”. Đến lúc khảo xét về “Thứu phong Thánh hiền lục” do Tán Ninh biên thuật, tuy luận về Tổ tông truyền pháp, bởi cũng nương tựa “Bảo Lâm Truyện” vá “Phú Pháp Tạng Truyện”, chẳng có khác rộng, nhưng điều quyết đoán trong đó phù phiếm, phải quấy chẳng rõ ràng, trọn chẳng thể suy tầm sâu vào đại kinh đại luận mà nghiệm thật ý Phật, khiến người học ở đời sau càng vì đó cùng nghi ngờ. Đó cũng là hai sở đoản của người xưa vậy. Mới đến nay, tông môn tuy suy. Các bậc thầy mô phạm tiêu biểu lẫn lộn, ít tìm được người đó, mà người học kia có biết tự phải tôn trọng kính phụng ý Phật Thánh xưa trước, đâu nên cầu suy đó, nhân không người chẳng đoái hoài đại tông đại tổ đó, mà khuấy loạn sự thể pháp môn ư? Đó có thể gọi là có biết ư? Sách thế tục nói rằng: “Tứ, ông mến quý dê của ông, ta mến lễ đó”. Đó cũng là người chính xác quên Đạo Thánh nhân vậy. Người học kia cũng ít nên tư duy đó.

Mới đầu, Đạo của Đạt-ma hiển bày ở Bắc Ngụy, mà vua Võ Đế (Tiêu Diễn ở Nam Lương 502-550) viết thư gởi đến Bắc ngụy rằng: “Cùng đội nhờ ân quán âm phân hóa”. Lại nói: “Đại sư Thánh Trụ”, Pháp sư Tuệ Viễn trong lời tựa “Thiền Kinh”, viết rằng: “Chẳng phải bậc Đạo suốt Tam thừa, trí thông thập địa, ai có thể Thiện Sinh huyền căn ở pháp thân, Quy tông một nơi vô tướng”. Như vậy, thì Đạt-ma quả thật Thánh nhân vì vua Võ Đế thời Nam Lương tôn quý, là Hiền Thánh của Viễn Công. Sự tôn xưng của những vị đó cũng đáng tin được vậy. Tôi thấy đó, liền lấy Đạt-ma làm đùa cười, sao đó không biết lường vậy. Như Đạt-ma xuất hiện đời sau của Đức Phật, mới xưng là Thiền kinh”. Bởi đó tham cứu các kinh, mới đầu muốn dùng lời Phật làm lượng để để khơi phát tâm tin của người sau vậy. Nên trong lời tựa của Viễn Công viết rằng: “Nhóm rút cốt yếu của các kinh, để khuyên phát Đại thừa”. Lấy đó chứng minh vậy.

■